



Tuấn, chàng trai đất Việt

Nguyễn Vỹ

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Lời Tựa](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)
[Chương 28](#)
[Chương 29](#)
[Chương 30](#)
[Chương 31](#)
[Chương 32](#)
[Chương 33](#)
[Chương 34](#)
[CHƯƠNG 35](#)
[CHƯƠNG 36](#)
[CHƯƠNG 37](#)
[CHƯƠNG 38](#)
[Chương 39](#)
[Chương 40](#)
[Chương 41](#)
[Chương 42](#)
[CHƯƠNG 43](#)
[CHƯƠNG 44](#)
[CHƯƠNG 45](#)
[CHƯƠNG 46](#)
[CHƯƠNG 47](#)
[CHƯƠNG 48](#)
[CHƯƠNG 49](#)
[CHƯƠNG 50](#)
[CHƯƠNG 51](#)
[CHƯƠNG 52](#)
[CHƯƠNG 53](#)
[CHƯƠNG 54](#)
[CHƯƠNG 55](#)
[CHƯƠNG 56](#)
[CHƯƠNG 57](#)
[CHƯƠNG 58](#)

CHƯƠNG 59

CHƯƠNG 60

CHƯƠNG 61

CHƯƠNG 62

Nguyễn Vũ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Lời Tựa



BẠN ĐỌC THÂN MẾN!

Bộ sách này không phải một tiểu thuyết.

Cũng không phải là một ký ức cá nhân.

TUẤN là một nhân vật điển hình, tiêu biểu những chàng trai Việt Nam sinh trưởng trên Đất Nước từ đầu thế kỷ. Chàng lớn lên giữa một bối cảnh lịch sử và xã hội cổ kính đang bắt đầu biến chuyển dần dần theo định mệnh do sự xâm nhập của người Pháp hoàn toàn xa lạ từ Tây phương đến đô hộ xứ ta . Họ đã đương nhiên để lại những dấu tích sâu đậm của một Văn minh mới, và tạo ra một vận mệnh mới cho Dân Tộc Việt Nam.

Với tư cách một nhân chứng vô tư của Thời Đại, TUẤN thuật lại rất khách quan và chân thật, không màu mè chải-chuốt, tất cả những biến đổi phi thường ấy, về lịch sử, xã hội, phong hóa, tập tục, kinh tế, trong đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân Việt Nam từ 1900 đến nay . Một đời sống dồi dào sinh lực, đầy thử thách và kinh nghiệm.

Những người Việt sinh trưởng vào đầu Thế kỷ có thể chứng nhận rằng những sự kiện, thấy, nghe, sống, những phong trào, nhân vật, biến cố lớn hay nhỏ, ghi lại trong tác phẩm này đều hoàn toàn xác thực. Ở đây, không có chỗ cho tưởng tượng, cũng như cho chủ quan, thành kiến.

Những thế hệ hôm nay và hậu lai sẽ tìm nơi đây những yếu tố để suy nghiệm về Lịch Sử Dân ta.

Saigòn,11-12-1969

Nguyễn Vỹ.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 1

1900 - 1910

-Chữ Hán Nôm còn rất thịnh hành, và được gọi là "chữ ta" .

-Chữ quốc ngữ được rất ít người học.

-Vì sợ Tây bỏ tù, thằng Chuột phải đi học.

-Cậu nho sĩ 19 tuổi mới bắt đầu xin vào lớp Năm, học ABC, và 24 tuổi mới đậu bằng Tiểu Học.

-Lần đầu tiên một người Việt Nam bỏ búi tóc cổ truyền, để cúp tóc theo như Tây. Làm lễ tạ tội với Ông Bà trước khi hớt tóc.

- Một đám rước học sinh đậu bằng Tiểu Học Vinh Quy Bái Tổ .

- Một đám cưới Việt Nam.

Anh Bốn nhát quá!

Ảnh lớn rồi mà thấy mấy ông Tây bà Đầm là chạy trốn vô nhà làm tội mình cũng sợ chạy ba chân bốn cẳng trốn không kịp!

Thằng Chuột và thằng Đít, hai đứa trẻ nít 9 và 10 tuổi xúm nhau ngạo cậu Bốn, 18 tuổi, chàng thanh niên đẹp trai nhất ở phố Cửa Bắc.

Sự thật thì hai đứa nó còn sợ hơn cậu Bốn nữa, cũng như hầu hết các thanh niên và thiếu niên Việt Nam thời bây giờ, hễ trông thấy Ông Tây Bà Đầm là thất kinh hồn vía. Hai đứa núp sau Miếu Cây Da, đợi ông Tây bà Đầm đi qua khỏi rồi mới thò đầu ra. Còn cậu Bốn thì ở luôn trong nhà. Thằng Chuột cười, nói với bạn nó:

- Ảnh sợ Tây vậy, chớ hôm trước gặp cô Ba Hợi con gái ông Bá Hộ đi chợ về, ảnh cứ đeo theo chọc hoài, không sợ đâu mà ỡm ờ! Cô Ba không thèm nói gì hết, để cho ảnh cứ đi theo cho tới gần ngõ cổ mới quay lại bảo ảnh: Nhà tôi có con chó dữ lắm, cậu đừng xớ rớ đây, tôi xị nó ra cắn thì chịu đấy. Vậy mà anh Bốn cũng không sợ con chó Vện của cô Ba Hợi, mà ỡm ờ!

- Ảnh cứ đứng ngoài ngõ hả?

- Ừ, mà ỡm ờ biết ảnh mê cô Ba Hợi lắm. Mẹ tao nói thế đó. Tại cô Ba Hợi có nhan sắc hơn hết thấy ở đây.

- Cô Ba Hợi có xịt chó ra cắn ảnh không?

- Không. Nhưng không biết cổ có méc với ông Bá Hộ làm sao mà ông cầm cây roi mây chạy ra ngõ... Anh Bốn thấy cái roi của ông, sợ quỳnh cầm đầu cầm cổ chạy thẳng một mạch về nhà, mầy ơi.

Thằng Đít cười như nắc nẻ.

Lúc bấy giờ là năm 1910. Cậu Bốn, tên thật là Lê Văn Thanh, là con ông Xã Quý, ở làng Chánh Lộ, ngay tỉnh lỵ. Ông Xã có ngôi nhà tranh ở Cửa Bắc, không giàu cũng không nghèo. Cậu là học trò của ông Tú Phong, một nhà nho học có tiếng tăm ở tỉnh. Tuy là sinh trưởng ở thành thị và đã 18 tuổi đầu, mà chàng thanh niên Lê Văn Thanh như hầu hết các bạn trai trẻ khác đều rủ nhau đi học chữ Hán ở nhà ông Tú, chứ ít có cậu nào chịu đi học Trường Nhà Nước Bảo Hộ

Ở xóm Cửa Bắc, chỉ có thằng Chuột là đi học trường Nhà Nước. Vì thầy giáo cứ đến nhà năn nỉ mãi với cha mẹ nó cố xin cho nó đi học. Mỗi lần thầy có đem cho nó một xấp giấy tây thật trắng, một quyển vở ngoài bìa có in bà Đầm xoè thật đẹp, một cây bút, một ngòi bút, một bình mực, một cây thước, một cây bút chì, một cục gôm .

Tuy vậy thầy giáo Năng đã dụ dỗ nó ba lần bảy lượt, mà thằng Chuột nhất định không đi học Trường Nhà Nước , nó muốn học chữ ta , tức là chữ Hán Nôm - như cậu Bốn con trai ông Xã Quý.

Sau cùng, một hôm thầy giáo đến hăm dọa cha mẹ nó: Chú thím không cho thằng Chuột đi học thì Quan Tây bỏ tù, đừng có trách tôi, nghe không? . Vì sợ Quan Tây bỏ tù, mà rồi cha mẹ thằng Chuột phải đành lòng cho Thằng Chuột đi học Trường Nhà Nước vậy. Thầy giáo cũng nói thật rằng thầy được lệnh Quan Đốc và Quan Sứ bảo phải đi kiếm con nít tới học cho đông, vì Trường Nhà Nước chưa có học trò. Thầy giáo bảo thằng Chuột đổi tên khác. Cha mẹ nó không biết đặt tên gì, nên nhờ thầy giáo. Thầy đặt tên nó là TRẦN ANH TUẤN. Nhưng mấy ngày đầu Trần Anh Tuấn chỉ muốn trốn học, vì thầy giáo bắt học chữ Quốc Ngữ A.B.C. Nó thấy kỳ cục quá không giống những chữ Thiên trời, Địa đất, Thất mất, Tồn còn, Tử con, Tôn cháu, Lục sáu, Tam ba... như thằng Đít học ở nhà ông Tú nghe dễ hơn, và hay hơn. Thầy giáo bắt nó học BA, BẢ, BẢ, BI, nó vừa học vừa tức

cười. Nó mắc cỡ, nhưng vì nó sợ ba mẹ nó bị bắt bỏ tù nên nó phải đi học Ba, Bả, Bả, Bi... đó thôi. Vả lại, trường tỉnh mà vẫn ít học trò quá. Lớp Năm mà chỉ có 7 đứa, lớp Tư cũng 7 đứa, lớp Ba 6 đứa. Lớp Nhì, lớp Nhất chưa có trò nào. Thầy giáo bảo thằng Chuột về nhà dụ dỗ những đứa trẻ khác đi học, Nhà Nước phát cho giấy bút, mực, khòì phải mua, lại còn phát cho nó một cái mũ trắng nữa. Nó rủ thằng Đít, con chú thợ mộc. Nhưng thằng Đít không chịu đi. Thằng Đít nhất định ở nhà học chữ Thánh Hiền . Cha nó, chú thợ mộc, muốn thế.

Trong tháng đầu, mỗi lần thằng Chuột đi học là nó cứ khóc thút-tha thút-thít, tuy nó đã 9 tuổi rồi, cái chòm tóc trên đỉnh đầu đã dài xuống đến ót.

Nhưng học được một năm, nó biết chút ít tiếng Tây . Nó lại hãnh diện, làm phách quá xá. Nó khoe với cậu bốn Thanh, với thằng Đít, với tất cả bà con cô bác, rằng nó là "Lắc-léo-mê-dòng-lô". Cậu Bốn hỏi nó:

- Lắc léo mê dòng lô là cái gì, mầy?

- Là chữ Tây: "L élève maison l eau".

- Là cái gì chớ?

- Là "Học Trò Nhà Nước " chớ cái gì!

Nó cười xoà, có vẻ chề mấy người không biết chữ Tây.

Từ hôm nó nói được câu tiếng Tây đầu tiên ấy, ở Cửa Bắc ai cũng phục nó sát đất. Họ đồn rùm lên là thằng Chuột giỏi tiếng Tây lắm, mới học một năm mà đã nói được chữ Tây "Lắc léo mê dòng lô". Nó vô tình quảng cáo chữ Tây và Trường Nhà Nước cho cả dãy phố Cửa Bắc. Nhờ nó, mà tháng 9 năm 1910, sau kỳ nghỉ hè trường Nhà Nước có thêm học trò khá đông.

Nhưng mà cậu Bốn nhất định chê chữ Tây không có nghĩa lý cao thâm bằng chữ ta, tức là chữ Hán Nôm. Vả lại, cậu đã 18 tuổi rồi, chữ Hán Nôm cậu đã giỏi, cậu đã thuộc hết Tứ Thư Ngũ Kinh, còn học chữ Quốc Ngữ và chữ Tây làm chi nữa?

Không dè rốt cuộc cậu cũng phải học chữ Quốc Ngữ. Nguyên do là tại cô Ba Hợi, con gái ông Bá Hộ . Ở bến Tam Thương, không biết ai bày vẽ cho cổ từ hồi nào, mà cô ở nhà đã học chữ Quốc Ngữ, thuộc vần xuôi, vần ngược, bắt đầu đánh vần và viết được rồi. Cô đi chợ, mua một đồng tiền bột phẩm tím về nhà bỏ trong một cái ve, đổ nước sôi vào, hoà thành ra mực.

Cô đến một tiệm lớn của khách trú mua một manh giấy Tây giá là một tiền, cô bọc lá chuối thật kỹ, cho khỏi nhớp. Cô cũng mua một cán bút, một ngòi bút. Những lúc rảnh, cô tập viết chữ Quốc Ngữ một mình. Kể ra ở tỉnh cô Ba Hợi là một cô gái tân tiến nhất lúc bấy giờ trong giới phụ nữ, nghĩa là chỉ có mình cô là con gái học chữ Quốc Ngữ mà thôi. Cô học lén ở nhà, sợ chúng bạn ngạo. Cái bí mật là ai dạy cô Ba Hợi học chữ Quốc Ngữ, và học hồi nào? Mãi về sau trong xóm người ta biết được, mới xầm xì là cô học thầy giáo Năng. Ông Bá Hộ chỉ có 2 người con, mà cô Ba Hợi là con gái độc nhất, và cô đã lớn, nên ông chiều cô lắm. Theo ý cô muốn, ông có mời thầy giáo Năng đến nhà dạy lén cho cô học chữ Quốc Ngữ đã ba tháng từ sau ngày hạ cây nêu Tết.

Một hôm, cô Ba đi chợ tình cờ gặp lại cậu Bốn Thanh, khăn đeo, áo dài (cậu còn giữ nguyên cái búi tóc trên đầu, cũng như hầu hết các thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ và đi chum không). Đến chỗ vắng, chàng thanh niên chặn cô Ba Hợi giữa đường, để tán tỉnh. Đây là cách tán gái của chàng thanh niên Nho học:

- Cô Ba ơi! cô nở lòng nào chê bai kẻ tiện sĩ này sao? Tôi không thấy mặt cô một ngày thì nhớ cô lòng thắt ruột đau. Sách có chữ "Nhất nhật bất kiến như tam thu hề", mà cô không thương xót tôi sao đành! Cô ơi, sách lại có chữ "Xuân bất tái lai, thì giờ chạy mau như bạch cầu quá khích", hay là cô còn chọn đá thử vàng mới kết duyên Tần Tấn?

Cô Ba đội nón, còn cúi mặt xụp xuống nữa, không dám ngó cậu Bốn, nhưng cô la lớn:

- Cậu không để tui đi, tui la làng la xóm bây giờ đây.

Cậu Bốn sợ cô Ba la làng, nên phải đứng né qua một bên để cô Ba đi, nhưng cậu cứ lẻo- đẻo theo sau nói lải-nhải hoài. Cô Ba làm thinh không trả lời một tiếng. Tối hôm ấy, dọn dẹp bếp núc xong, cô lấy một tờ giấy Tây, bình mực tím và cây viết, cố vừa đánh vần Quốc Ngữ, vừa viết thật kỹ:

CẬU BỐN

Chừng nào cậu đọc được bức thư này, thì tôi mới nói chuyện với cậu. Còn cậu không đọc được thư này, thì cậu đừng có nói chuyện với tui mất công.

Thư bất tận ngôn.

Nguyễn Thị Hợi

Hôm sau, cô Ba đi chợ dắt thằng em trai 6 tuổi đi theo. Đi khỏi nhà được một quãng, gần chỗ ngã tư rẽ ra Cửa Bắc, cô gặp cậu Bốn Thanh đứng câu cá nơi mương. Cậu giả vờ câu cá mà thực ra là mong được gặp cô Ba đi chợ như mọi ngày. Chàng thanh niên chấp tay chào cô Ba, theo lễ phép hỏi bây giờ:

- Thưa cô Ba đi chợ.

Cô cũng lễ phép trả lời rất khê:

- Dạ.

Chàng cầm cần câu lẻo- đẻo theo sau:

- Cô Ba ơi. Thầy Mạnh Tử nói: "Sĩ vi khả di ngôn nhi ngôn..." "tôi biết là tôi..."

Nhưng cô Ba không muốn nghe. Cô thò tay trong yếm (năm 1910, cô Ba mặc yếm cũng như các bạn gái ta đời nay mặc coóc-xê vậy) cô rút ra phong thư bằng giấy Tây, mà cô đã viết đêm qua, và đã gấp lại thật nhỏ. Cô đút thư trong bàn tay bé xíu của đứa em trai và nói thầm gì với nó. Cô bước đi thật nhanh, để em bé đứng lại sau, đưa thư cho cậu Bốn Thanh. Nó sợ sệt nói ấp úng:

- Chị tui đưa cho chú cái này nè.

Chàng trai vui mừng và ngạc nhiên cầm giấy thì đứa bé đã chạy thật lẹ để theo kịp chị nó gần đến Cửa Bắc.

Chàng mở thư ra coi, đứng tần ngần một lát, mắc cỡ đỏ mặt tía tai. Vì chàng không biết chữ Quốc Ngữ. Chàng không đọc được bức thư của cô Ba Hợi, tức quá, không biết là cỡ viết gì?

Chàng thanh niên về nhà xấu hổ, cuộn tờ thư đút trong một ống tre, dấu kín trên mái tranh. Rồi chàng nhất định phải tìm người dạy chữ Quốc Ngữ.

Thầy giáo chỉ cho chàng học A,B,C, Ba, Bă, Bâ... không ai xa lạ: chính là thằng Chuột "lắc léo mê dòng lô".

Thằng Chuột thật là quái ác. Thanh đã dặn nó đừng tiết lộ cho ai biết câu chuyện bức thư quốc ngữ của cô Ba Hợi gửi cho chàng, thế mà thằng nhỏ "lắc léo mê dòng lô" cứ quen tính bép-xếp, đi mách lẻo cùng cả dãy phố,

làm cho ai nấy ôm bụng cười.

Bỗng dưng cô Ba Hợi nổi danh khắp Cửa Bắc, rồi dần dần khắp tỉnh lỵ, vì mấy dòng thơ bất tận ngôn của cô viết bằng chữ Quốc Ngữ để thách đố cậu Bốn Thanh. Chàng thanh niên Nho sĩ đã nổi tiếng thuộc lầu kinh sử của Khổng Mạnh không dè lại bị con gái của ông Bá Hộ chế nhạo là không được vần A. B. C.

Từ hôm đó, cả ngày Thanh không dám bước chân ra phố. Chàng lén đưa tiền bảo thằng Chuột mua dùm cho chàng một "manh giấy Tây, một cán bút sắt", một viên phẩm tím để hoà thành mực, và nhờ thằng Chuột cứ tối tối đến dạy cho chàng học "chữ Quốc Ngữ". Thằng Chuột đâu phải giáo sư. Nhưng năm 1910, tìm đâu cho ra cả xóm Cửa Bắc một ông thầy giáo dạy chữ Quốc Ngữ! Hầu hết thanh niên trong vùng cũng như khắp nơi còn trung thành với Khổng Học, và không dám từ bỏ nề nếp Nho Phong. Chỉ có mỗi một mình thằng Chuột, con chú thợ nề là "lắc léo mê dòng lô" mà thôi. Cả xóm đều biết rằng vì vợ chồng chú nghe thầy giáo hăm dọa. Nếu không cho thằng Chuột đi học Trường Nhà Nước thì sẽ bị Quan Sứ bỏ tù nên cực chẳng đã chú thím phải cho thằng con trai đi học "chữ Quốc Ngữ" và "chữ Tây" đó thôi.

Thằng Chuột học hết vần xuôi vần ngược, và đã tập viết, tập đọc, ba tháng sau khi đến trường. Bây giờ nó dạy lại cậu Bốn Thanh ABC.

Nhưng thân sinh của chàng là ông Xã không bằng lòng. Một hôm ông rầy với giọng bực tức:

- Mầy đã 18 tuổi, thằng Chuột 9 tuổi mà nó làm Thầy mầy, thiệt ốt nhọt quá.

Chàng trả lời:

- Thưa cha, ở xóm mình không ai biết chữ Quốc Ngữ, con phải học nó.

Ông Xã ngồi trong nhà nhai trầu, đôi mắt râu-rĩ ngó ra ngoài trời, ông than thở:

- Sách Thánh Hiền có dạy: Quân, Sư, Phụ. Trên hết là Vua, rồi đến Thầy, dưới hết mới đến Cha. Mầy để cho thằng Chuột làm Thầy, chẳng khác nào mầy để nó ngồi trên đầu tao.

Chàng thanh niên Nho học nghe cha nói có lý, không dám cãi. Chàng rưng-

rưng nước mắt:

- Thừa cha, hôm nay con đã thuộc hết vần xuôi, vần ngược. Con đánh vần được rồi. Vậy con vâng lời cha, từ nay con không học thẳng Chuột nữa.

- Ủ, thôi con à. Người "An Nam" học chữ "An Nam", chứ học chữ Tây làm gì.

- Thừa cha, chữ Quốc Ngữ không phải là chữ Tây.

- Tao nghe mày học A.B.C., đó là "chữ Tây" chứ đâu phải "chữ Ta".

- Thừa cha, chữ Tây nhưng đánh vần thành ra chữ Ta . Thí dụ như con muốn viết chữ "cha", thì con đánh vần ch.a. cha. Chữ "mẹ" thì đánh vần M-e-me-nặng-mẹ.

Ông Xã lại hỏi:

- Còn "lắc léo mê dòng lô" là gì?

- Thừa cha, đó mới là chữ Tây, như thẳng Chuột học trong trường tỉnh.

Tối hôm ấy, thẳng Chuột đến như mấy đêm trước. Nhưng lần này cậu Bốn Thanh bảo nó:

- Tao đánh vần chữ Quốc Ngữ được rồi. Vậy từ nay mày đừng đến nữa.

Thằng Chuột cười hóm-hỉnh:

- Anh đánh vần chữ... Chuột cho tôi nghe có trúng không đã nào?

- Chuột, thì: ch.u.chu.uộ.t. uốt là chuốt nặng chuột.

- Chữ Mèo?

- Mèo thì M.e.meo.meo, huyền mèo.

- Bây giờ tôi đố anh ba chữ, anh đánh vần được hết ba chữ, thì anh giỏi.

- Ba chữ gì, đố đi.

- Ba chữ: cô Ba Hợi.

Thanh cười ha hả, đỏ cả mặt, tím cả tai:

- Ba chữ đó dễ ợt: C.ô . cô, B.a.ba, H.o,hơ,ợi.oi., là hơi nặng Hợi.

Thằng Chuột khoái chí, cười sặc-sụa:

- Tui cho anh đố Cử nhân đó.

Thanh vào nhà giữa xin cha một quan tiền, để trả ơn cho thẳng Chuột. Ông Xã bảo:

- Tiền, cha cất ở dưới rương, con vô lấy.

Thanh cầm một quan tiền ra để trên bàn trước mặt thẳng Chuột:

- Tao trả ơn mày dạy chữ Quốc Ngữ cho tao đó.
- Thôi, tui không lấy tiền đâu.
- Sao vậy?
- Tui dạy chơi cho vui mà anh Bốn.
- Tao đọc, tao viết được chữ Quốc Ngữ, cũng nhờ ơn mày. Tao đền ơn mày.
- Ơn với nghĩa gì, anh Bốn nói kỳ quá.
- Bậy nà! Nhất tự vi sư, bán tự vi sư, dù sao mày cũng là thầy tao.
- Nhất tự vi sư bán tự vi sư là gì, anh Bốn?
- Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy, huống chi mày dạy tao hết vần xuôi, vần ngược, rồi đánh vần, tập viết, tập đọc. Tao phải biết ơn mày chứ.
- Thôi anh Bốn, tui không lấy tiền đâu. Tui mà lấy tiền, về cha tui ổng đánh chết.

Thằng Chuột nói xong, bỏ chạy một mạch ra về.

Thanh ăn cơm tối xong, pha trà cho cha, rồi lấy sách Mạnh Tử ra đọc chương Lương Huệ Vương. Hết canh một, ông Xã ngủ, chàng mới xếp sách Mạnh Tử để trên đầu giường, và len lén lấy tờ giấy tây, cán bút sắt và bình mực tím ra ngồi bàn. Dưới ngọn đèn dầu phụng, chàng vừa đánh vần vừa viết như sau đây:

CÔ BA HỢI

Sách Thánh hiền có dạy : Quân tử chi học dã , dĩ vi kỳ thân , tiểu nhân chi học dã , dĩ vi cầm độc (#1) . Tôi phải học chữ Quốc Ngữ cũng vì cô , nói thật ra cũng nhờ cô khích lệ mà nay tôi mới khỏi thua sút một người yếu điệu thực nữ , tôi mới được dĩ vi kỳ thân , chứ không đến nỗi dĩ vi cầm độc. Thật là muốn tạ ơn cô , vạn bội , vạn bội.

Ba tháng trước đây , khi cô trao cho tôi lá thư đầu tiên bằng chữ Quốc Ngữ , nếu là người con trai nào khác thì chắc có lẽ họ giận cô lắm. Nhưng kẻ tiện sĩ này thật không dám giận cô , vì tôi trộm nghĩ : huyết khí chi nộ bất năng hữu , nghĩa lý chi nộ bất năng vô(#2) nhưng tôi không có cái huyết khí chi nộ mà cũng không có cái nghĩa lý chi nộ. Tôi cho rằng lá thư khinh thị của cô chính là một lời khích lệ , cô đã khuyến khích tôi học chữ Quốc Ngữ đó chẳng !

Cho nên tôi đã không giận cô , mà còn tuân theo tôn ý của cô nữa. Phù chí ,

khí chí súp giã , khí thể chi sung giã (#3).Thưa cô Ba , có phải vậy không ?
Chính nhờ cô , mà tôi rèn luyện được chí khí vậy.

Nay tôi tự viết thư Quốc Ngữ này , trước là để xin đền đáp ơn cô , sau là để xin hồi âm những lời vàng ngọc của cô đã dạy cho ba tháng trước đây.

Lê Văn Thanh

Chàng thanh niên viết bức thư dài hai trang giấy tây, chữ thật to (vì mới tập viết) từ đầu canh hai cho đến đầu canh ba mới rời (tức khoảng 9 giờ đến 12 giờ khuya).

Suốt ba tháng trời cậu Lê Văn Thanh không dám gặp mặt cô Nguyễn Thị Hợi. Chàng xấu hổ vì một thanh niên Nho học thuộc lòng chữ nghĩa của Thánh Hiền, đầu óc đầy những câu sách của Khổng Tử, Mạnh Tử, mà phải chịu thua một cô gái học A.B.C. Chàng lại tức giận vì cô Ba mới viết được chữ Quốc Ngữ mà đã làm phách khoe chữ Quốc Ngữ với chàng, và còn thách đố chàng nữa.

Nhưng bây giờ chàng sắp trả được mỗi hạn, quyết cưới cho được cô Ba Hợi. Nếu không lấy được cô, thì chàng sẽ "ở vậy" suốt đời. Chàng thanh niên Nho sĩ thật không dè chữ Quốc Ngữ học dễ quá, chỉ ba tháng là đọc được, viết được, trả lời được bức thư của cô con gái đẹp "chim sa cá lặn" kia.

Nhưng bức thư viết rồi mà chàng không biết làm sao gửi đến tận tay người phụ nữ.

Mãi nửa tháng sau, nhằm có lễ tế Thần hôm Rằm tháng Bảy rất long trọng ở Đình làng, và ban đêm có đốt pháo bông, chàng mới có cơ hội gặp cô Nguyễn Thị Hợi.

Trước sân đình đông nghẹt những thanh niên thiếu nữ kéo đến coi Múa Đền tương bừng rộn-rịp. Tất cả thanh niên ở hàng phố ngay tại tỉnh lỵ, cũng như ở các xóm thôn quê lân cận, đều mặc áo dài đen, đầu để búi tóc và chít khăn đen, trông chàng nào cũng đạo mạo, nho nhã. Ai nấy đều lễ phép, dạ dạ, thưa thưa. Có nghịch ngợm chằng nữa thì cũng chỉ lén lút nô đùa với nhau, dờn cợt kín đáo, không dám cười to nói lớn.

Lê Văn Thanh được cử vào đoàn Lễ Sanh , là đoàn thanh niên được chọn lựa độ 12 người, mặc áo rộng xanh, đầu đội mũ, chân mang hia, được hân

hạnh tham gia nghi lễ tế Thần. Cô Nguyễn thị Hợi đứng chen trong đám các cô gái chưa chồng hoặc có chồng, và các bà già, trẻ con, say mê coi múa đèn, 12 chàng Lễ Sanh tay cầm đèn bánh ú và đèn hoa sen phất bằng giấy mỏng đủ màu, vừa múa vừa bước đi chậm rãi, nhẹ nhàng, theo nhịp kèn nhịp trống, với những bộ điệu ly kỳ, huyền bí, học tập từ lâu, trông rất đẹp mắt.

Hết canh một (vào khoảng 8 giờ) thì xong lễ Múa Đèn, đến lượt đốt pháo bông. Lê văn Thanh đã cởi lễ phục trao trả lại làng, và được thảnh thơi ra ngoài đường, trước cổng đình, coi đốt pháo bông. Chàng len lỏi trong các đám phụ nữ đứng hoặc ngồi từng nhóm, tùm nãm tùm ba chung quanh đám đất trống. Chàng cố tìm cho được cô Ba Hợi. Cô đứng một mình bên gốc cây sầu đâu trên lễ đường, tay dắt đứa em trai của cô, 6 tuổi. Lê văn Thanh nhận được bóng dáng của cô, chàng mừng quá đổi, nhưng chưa dám đến gần. Cô Hợi vừa liếc thấy chàng, liền ngoảnh mặt ngó chỗ khác, vờ như không để ý đến "Cậu Bốn Thanh".

Nhờ có bóng tối, và cô Hợi đứng tựa vào gốc cây sầu đâu, xa chỗ không người, nên không ai trông thấy rõ. Lê văn Thanh bạo dạn, nhưng vẫn rụt rè, bước... bước... bước nhè nhẹ ... còn xa cách cô Hợi độ một khoảng dài, chàng không dám tiến tới nữa. Chàng chỉ sợ cô Ba Hợi la làng hoặc cất tiếng chửi "ông bà ông vải" thì mắc cỡ cho chàng biết bao nhiêu.

Thiếu nữ thời bấy giờ, đối với bọn con trai lân la chọc ghẹo, nhất là các cậu lì lợm, nếu được nàng ưa, thì nàng lặng lẽ nghe lời ong bướm, hoặc đối đáp dịu dàng, tình tứ. Còn nếu cô gái không ưa mà chàng cứ đeo theo gạ gẫm thì thế nào chàng cũng bị cô ấy chửi ngay cho một trận, hoặc la làng la xóm rùm lên. Chàng trai xấu hổ, chỉ có nước cút đi một mạch.

Lê văn Thanh do dự, biết cô Hợi chưa bao giờ tỏ vẻ thương yêu chàng. Nhưng chàng lấy cớ là trả lời bức thư Quốc ngữ của nàng gửi ba tháng trước, nên chàng tiến đến bóng cây sầu đâu.

Chàng lễ phép chấp hai tay, khẽ cúi đầu chào theo tục lệ xưa:

- Thưa cô Ba đứng chơi.

Nàng quay lại cũng chấp hai tay, cúi đầu đáp lễ:

- Dạ thưa cậu Bốn.

Chàng liền moi trong túi áo cụt mặc dưới chiếc áo dài đen, bức thư mà chàng định trao nàng. Đó là một tờ giấy tây gấp lại làm tám, không có phong bì, chỉ được cột lại bằng một rẻo lá chuối xanh. Chàng cầm thư trong tay nói:

- Thưa cô Ba hồi tháng tư cô Ba có gửi tôi một lá thư bằng chữ Quốc ngữ. Ngày tháng như thoi đưa, tính đi tính lại thế mà nay đã bốn tháng rồi, sắp hôm nay tôi gặp cô đây, đó cũng là cái duyên tao ngộ, xin gửi lại cô lá thư hồi âm, dám mong được cô để cặp mắt xanh đến, thì thật là vạn hạnh.

Cô Nguyễn Thị Hợi mỉm cười, làm thinh. Cô mắc cỡ, cúi đầu, không dám ngó chàng trai. Lê văn Thanh chìa thư ra:

- Xin quý nương nhận cho, tôi rất lấy làm thâm-cảm.

Cô Ba Hợi vẫn cúi mặt, bảo:

- Cậu muốn đưa cái gì thì đưa cho em tui.

Lê văn Thanh nhét gói thư vào bàn tay cậu em, tên là Tý, nhưng Tý ngó chị:

- Cái bánh hay cái gì đây, chị Ba!

Cô Hợi cười không đáp. Lê văn Thanh nói tiếp:

- Thưa cô Ba, thầy Tử Tư có nói rằng "Tự thành minh vị chí tình, tự minh thành vị chi giáo, thành tắc minh hỷ, minh tắc thành hỷ" là nhờ thành thực mà sáng tỏ, ấy là tính, nhờ sáng tỏ mà thành thực, ấy là học. Hễ thành thực là sáng tỏ, hễ sáng tỏ là thành thực. Thưa cô, tôi xin thề với thần thánh, ma quỷ, là tôi giữ một tấm lòng thành thật, tôi cũng mong cô được một niềm sáng tỏ.

Cô Nguyễn Thị Hợi chưa muốn trả lời vội, và cũng chưa muốn nói chuyện gì với cậu Bốn Thanh. Vì trước hết cô muốn xem chàng nói gì trong bức thư của chàng. Cô bảo:

- Cậu Bốn để tui về nhà coi thư thì tui trả lời cậu Bốn.

-Chờng nào cô Ba trả lời?

- Hồng biết. Tui rảnh thì tui trả lời.

- Vậy thì mỗi ngày đi chợ buổi sớm mai, có tôi chờ cô ở bụi tre thối kèn.

Cô Hợi làm thinh. Cậu Thanh cũng không dám đứng đó lâu.

Cây pháo bông "Bát Tiên" vừa nổ sáng rực nửa lưng trời, giữa tiếng reo

mừng của trẻ con. Công chúng đàn ông cũng như đàn bà, đều trầm trồ khen ngợi, nhưng không vỗ tay ầm ỹ, không hoan hô náo nhiệt như công chúng ngày nay.

Chú thích:

(1-) Người quân tử học là để làm cho thân mình. Kẻ tiểu nhân học là để làm trâu ngựa.

(2-) Cái giận vì nóng nảy không nên có , cái giận vì nghĩa lý không nên không.

(3-) Mình phải có chí , cái chí khí là đưa đường cho mình đi , có chí khí thì thể phách của mình mới nảy nở đầy đủ vậy.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 2

Cả khu phố Cửa Bắc, và cả làng Chánh Lộ, ở ngay tỉnh lỵ, không ai ngờ cậu Bốn Thanh học trò chữ Nho của ông Tú Phong, bây giờ lại cắp vở đến trường Nhà Nước học chữ Tây. Ai hỏi: tại sao? Thì cậu trả lời: Tại Nhà Nước Đại Pháp bắt buộc, không đi học thì bị tù.

Nhưng không đúng thế đâu. Trước đây, trong tỉnh ai cũng biết rằng cậu học chữ Quốc Ngữ (học lén) là tại cô Ba Hợi. Nhưng bây giờ không ai biết rằng cậu đi học chữ Tây - học công khai, làm "lắc léo mê dòng lô" cũng là tại cô Ba Hợi.

Cho cuộc tình duyên âm thầm lén lút của nàng và chàng đã khấn khít bởi một lời thề . "Thệ Hải Minh Sơn" ở bụi tre "thối kèn", cách Cửa Bắc ba trăm thước, không biết từ hồi nào. Nhưng có điều chắc chắn, là cô Ba Hợi, 16 tuổi, con gái ông Bá Hộ, một nhà giàu nhất ở Phố Cửa Bắc, không muốn cậu Bốn học chữ Nho nữa. Cô thấy thời thế đã đổi thay, có mấy người trong tỉnh đã bỏ bút lông, cầm bút sắt, mới học trường Nhà Nước không bao lâu, nay đã làm thầy giáo, làm thông ngôn, thầy Ký lục, được ăn lương Nhà Nước, được địa vị sang trọng, được chức Bát phẩm, Thất phẩm của vua ban. Cô yêu cậu Bốn Thanh, nhưng cô chỉ bằng lòng làm vợ của cậu với một điều kiện nhất định, là người yêu của cô phải đi học chữ Tây ở trường Nhà Nước, phải thi đậu làm thầy Thông, thầy Ký. Đôi trai gái thề thốt với nhau trong lúc trường Nhà Nước - gọi là trường Sơ Học Pháp Việt - đang lúc nghỉ hè niên khoá 1911-1912.

Thằng Chuột, từ nay tên chánh thức là Trần Anh Tuấn, hết kỳ nghỉ hè, đã được lên lớp Ba . Nó đi khoe với mọi người là nó học "cua ê lê măng te" (cours élémentaire) và cuối niên khoá nó sẽ đi thi bằng cấp tuyển sinh . Nó đã 11 tuổi, nói tiếng Tây "bông bốc".

Ngày nhập học, chàng thanh niên Lê văn Thanh, vẫn để búi tóc trên đầu, vẫn bịt khăn đen, mặc áo dài đen, chân mang guốc, cặp hai quyển vở và cây bút sắt, cây bút chì, thước gạch, bình mực tím, bẽn lễn đến trường. Đây là

một mái trường lợp tranh, vách tường bằng phân tre quét vôi, nền tô xi-măng. Ông Đốc, người Việt Nam, đã già, nói tiếng Hà Tĩnh bảo cậu:

- Trưa nay về nhà, cậu phải cúp tóc ca-rê, bỏ cái búi tóc kia đi và đừng bịt khăn... Chiều nay cậu cúp tóc rồi Nhà Nước sẽ cho cậu một cái mũ trắng để đội.

Chàng khúm núm, chắp hai tay cúi đầu:

- Dạ, bẩm Quan lớn, con xin tuân lệnh Quan lớn.

Quan Đốc dắt cậu xuống Lớp Năm, giao cậu cho thầy giáo. Quan Đốc và các thầy giáo đều mặc áo dài Việt Nam nhưng đầu cúp rê, chân mang giày Hạ.

Tất cả các thầy công chức làm việc cho Nhà Nước ở trong tỉnh đều mặc áo quần Việt Nam, đầu cúp ca-rê, hoặc rẽ một bên. Không có ai mặc áo Tây cả.

Trưa hôm ấy, chàng thanh niên Lê văn Thanh về nhà thưa với cha, là ông xã Quý, về việc cúp tóc. Ông Xã không chịu. Ông đập bàn, đập ghế, la hét om sòm:

- Con có cha, như cái đầu có tóc. Theo phong tục nước An-Nam, con phải để tóc, ấy là để thờ Cha Mẹ, ấy là có hiếu. Cắt tóc đi cũng như là từ bỏ cha mẹ. Tao theo sách Thánh Hiền dạy lễ giáo từ xưa đến nay của nước An Nam như thế. Tao đây đã 50 tuổi, ông Nội bà Nội mầy đã quá vãn rồi, mà tao còn búi tóc, để giữ đạo làm con cho trọn chữ Hiếu. Huống chi ngày nay tao còn sống mà mầy lại cắt cái búi tóc bỏ đi sao được! Chiều nay vô trường thưa với Quan đốc như thế.

Nói xong, ông Xã ngồi khóc ròn rã. Chàng con trai Lê văn Thanh, cũng khóc nức nở. Bà Xã, ở dưới bếp chạy lên nghe câu chuyện của chồng vừa nói, cũng ngồi xuống ngạch cửa khóc hu hu . Ông Xã nói tiếp, với giọng tức tối:

- Làm con, có cái búi tóc ở trên đầu để thờ Cha kính Mẹ mà cắt bỏ đi, thì còn gì là Cha con, Mẹ con nữa!... Mầy mà nghe lời người ta cắt bỏ cái búi tóc, thì là tao nhảy xuống giếng tao tự tử!

Ông lại khóc to lên, hu! hu! hu!

Ông Xã khóc, bà Xã khóc, chàng thanh niên Lê văn Thanh cũng khóc,

nhưng rốt cuộc rồi cái búi tóc trên đầu chàng cũng phải cắt bỏ đi, tóc phải "cúp ca-rê" (coupe carré), và Quan Đốc học trường Nhà Nước đã truyền lệnh như thế. Nhưng năm 1910, tận nơi tỉnh lỵ mà ta nói đây - cũng như các tỉnh khác ở Trung Việt, chỉ mới có một vài người làm nghề hớt tóc mà thôi. Chú Bảy theo ghe nước mướm vào Đồng Nai học nghề cúp tóc trước đó một vài năm. (Lúc bấy giờ, cho đến khoảng 1920, ở các tỉnh Trung Việt, người ta vẫn gọi Saigon là Đồng Nai. Danh từ Saigon chưa được thông dụng). Chú mua kéo, toon- đơ, dao cạo, cũng ở tại Đồng Nai, đem về mở tiệm cúp tóc ở tỉnh lỵ. Nói là mở tiệm, nhưng chú chỉ thuê một xó hè của một tiệm buôn khách trú, đặt một cái bàn con, một chiếc ghế đẩu, và treo một tấm kiếng trên vách tường, thế là đủ cho chú hành nghề. Chú treo tấm vải trắng phía ngoài đường, trên vải chú viết bằng mực Tàu, một chữ Tây COIFFEUR , và ở dưới hai chữ Hán (Thế Phát: Cắt Tóc). Chữ Quốc Ngữ vì chưa được truyền bá, ít người biết, nên chú thợ hớt tóc chỉ viết quảng cáo bằng chữ Hán và chữ Tây, mặc dầu chữ Tây cũng chưa mấy người học đến. Chú để chữ Tây cho oai, bắt chước chữ Tàu học lỏm trong Đồng Nai, và thỉnh thoảng chú nói với vài bác lính tập: " Tui làm cốp phơ cho quan Công Sứ ".

Vì vậy mà trong tỉnh, người ta gọi chú là "chú Bảy cốp phơ ".

Chiều hôm ấy, chàng thanh niên Lê văn Thanh đến tiệm hớt tóc, nét mặt rầu rĩ, nói với chú Bảy cốp phơ:

- Chú Bảy đem đồ qua nhà tôi, cúp tóc cho tôi được không chú? Vì ông già tôi còn phải cúng Ông Bà để cho tôi cắt tóc.

Chú Bảy cốp phơ gật đầu lia lịa:

- Thầy Xã nói phải. Cái búi tóc trên đầu mình là của Ông Bà cha mẹ. Cắt nó đi là có tội, cho nên phải cúng Ông Bà. Cúng một lần rồi sau khỏi cúng chớ sao.

- Quan Đốc học bắt học trò phải hớt tóc, tôi tuân lệnh Quan, chớ nói thiệt với chú, người An Nam mình có cái búi tóc để thờ Ông Bà Cha Mẹ, cắt đi phạm tội bất hiếu.

- Phải, cậu Bốn có học sách Thánh Hiền cậu nói tôi nghe được.

Chú Bảy cốp phơ gói dao, toon đơ, gương, lược vào trong một gói vải đỏ

rồi xách tòn-ten đi theo cậu Bốn Thanh đến nhà ông Xã. Trên bàn thờ Ông Bà, có bày một hộp trầu cau, một nải chuối chín và một con gà luộc. Một mâm gỗ lớn đựng mười chén cháo và mười đôi đũa, đặt trên bộ ván kê trước bàn thờ. Ông Xã thắp đèn hương, đứng khấn vái hồi lâu. Ông khấn như sau đây:

"Bữa nay, thằng con bất hiếu Lê văn Thanh, tuân lệnh Quan, phải cắt tóc để đi học trường Nhà Nước, nên có lễ vật để cáo với liệt vị tiền nhân, các bậc Cao Tăng Tổ khảo với Tổ phụ, Tổ mẫu, chứng giám. Xin vong linh liệt vị phù hộ cho con cháu, để nó học hành, công danh hiển đạt."

Khấn xong, ông lạy ba lạy. Đến lượt Lê văn Thanh áo dài, khăn đen với cái búi tóc trên đầu, cũng lạy ba lạy. Xong nghi lễ cáo với ông bà, ông Xã đưa tay vẫy gọi chú Bảy cốp phơ đứng khúm núm ngoài hè. Chú vào kéo một chiếc ghế để ngay trước bàn thờ, bảo Lê văn Thanh ngồi. Thanh gỡ cái khăn đen trên đầu ra, cung kính đặt nó trên chiếc khay bên cạnh mâm cháo gà, vái thêm ba vái nữa rồi mới ngồi ghế. Chú Bảy bảo chàng xõ búi tóc ra. Một lọn tóc đen mượt chảy lòng thòng xuống đến nửa lưng. Chú Bảy cốp phơ tự thấy mình đang đóng một vai trò trọng đại, nên chú làm ra vẻ oai vệ, lấy vạt áo lau lại hai lưỡi kéo trước khi lùa lọn tóc nằm vừa vặn trong bàn tay, rồi tay kia cầm kéo cắt sát trên đỉnh đầu. Tóc dài quá, kéo thì lứt, chú Bảy phải xấp đến bốn năm lượt búi tóc mới rơi hết xuống đất thành một đồng đen ngòm.

Bà Xã đứng gần đấy, òa lên khóc, thê thảm, quay lưng đủng đỉnh vào nhà trong. Ông Xã rưng rưng hai ngấn lệ. Trên bàn thờ, ba que nhang cùng toả ra một làn khói thơm nồng, cuồn cuộn lên cao. Ngọn đèn dầu phụng cháy tỏ như thể có vong hồn các đấng tiền nhân đang chứng minh nghi lễ "thế phát" của đứa con trưởng nam trong gia đình.

Chú Bảy cầm toon- đơ úi một đường từ ót lên tới đỉnh đầu. Một luống tóc theo lưỡi toon- đơ bị hất ra hai bên, rụng tơi bời xuống ghế. Nhiều mớ tóc còn muốn bám chặt vào cổ áo của Lê văn Thanh, chưa chịu rời xa.

Thanh cúi đầu ngồi yên lặng, không quảy cựa. Chàng có cảm tưởng đang cam chịu một thay đổi lớn lao trong đời chàng, và mỗi mớ tóc xác xơ rơi xuống đất là một chút dĩ vãng đang rời khỏi đầu óc của chàng trai nước

Việt đương buổi giao thời.

Nén nhang trên bàn thờ vừa tắt, thì tóc của Lê văn Thanh cũng vừa hót xong, theo kiểu ca-rê (vuông). Chú Bấy lấy dao, cạo tét xung quanh gọn gàng, sạch sẽ, xong đưa tấm kiếng cho Thanh coi, và cười đắc chí, bảo:

- Cậu Bốn thấy không, cái đầu của cậu cúp ca-rê như vậy có khác gì cái đầu của thầy Thông, thầy Ký đâu nè.

Lê văn Thanh soi gương, tùm tùm cười. Nghe chú Bấy cốp phơ khen cái đầu giống thầy Thông, thầy Ký, chàng khoái lắm, nhưng không dám nói ra. Chàng chỉ nghĩ rằng, mai hay một cô Ba Hợi trông thấy đầu chàng chắc sẽ mê chàng ngay.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 3

Lê văn Thanh đã cúp tóc, nhưng vẫn còn bịt khăn đen, cặp sách đi học. Đến trường, quan Đốc bảo chàng bỏ khăn ra, và quăng cho chàng chiếc mũ trắng, để đội lúc đi ngoài đường. Quan Đốc còn căn dặn cẩn thận:

- Ngồi trong lớp học hay trong nhà, không được đội mũ. Đi ngoài đường, khi gặp Quan Đốc hay thầy giáo phải dờ mũ ra để chào.

Chàng đã 18 tuổi, mới vào học lớp Năm. Nhưng chàng không nguợng, vì thời bấy giờ theo học chữ Hán học trò toàn là 17, 18 sắp lên. Cho đến 40, 50 tuổi vẫn còn có thể là học trò. Tụi con nít như thằng Chuột chưa phải là học trò chánh hiệu. Và lại, trường Nhà Nước mới mở, học trò còn hiếm lắm. Ngay ở trong tỉnh này, trong niên khoá 1911-1912, lớp Năm được mười trò, trong số có 4 trò từ 8 đến 10 tuổi, còn 6 trò trai tráng từ 18 đến 20.

Bỏ chữ Hán qua học chữ Quốc Ngữ và chữ Tây. Lê văn Thanh vẫn tỏ ra một thanh niên cần mẫn, rất thông minh và chăm học, 20 tuổi học hết lớp Ba, có một kỳ thi gọi là "Thi Tuyển Sanh". Các môn thi gồm có một bài "ám tả" Pháp ngữ, mấy bài luận Pháp văn và một bài luận Quốc Ngữ. Vào "khẩu vấn" chỉ hỏi về cửu chương. Riêng về cửu chương, thầy giáo lại cho học chữ Hán để cho dễ nhớ. Mấy ngày trước hôm thi, đêm nào Lê văn Thanh cũng đọc to bản cửu chương đại khái như sau đây:

Cửu cửu bát nhất (9,9,81)

Bát cửu thất nhị (8,9,72)

Thất cửu lục tam (7,9,63)

Lục cửu ngũ tứ (6,9,54)

Ngũ cửu tứ ngũ

Tứ cửu tam lục

Tam cửu nhị thất

Nhị cửu nhất bát

Nhất cửu như cửu

...

Cho đến khi nào chàng nhắm mắt đọc trôi chảy, thật nhanh và không vấp một chữ, từ số 9 đến số 1 chàng mới đi ngủ. Kỳ thi Tuyển Sanh, Lê văn Thanh đậu thứ nhì. Về nhà, ông Xã bà Xã vui mừng giết một con gà nấu cháo, cúng tạ Ông Bà.

Mỗi năm mỗi lên lớp, đến năm 22 tuổi Lê văn Thanh học hết lớp Nhất, được đi thi "Khoá Sanh", nói theo tiếng Pháp là thi "Ri me" (#1). Thi "Ri me" rất khó khăn, vì có ông Tây chấm thi, và hầu hết các môn thi bằng chữ Tây. Lê văn Thanh bây giờ đã hoàn toàn là một cậu học trò "Trường Pháp Việt", học chữ Tây, nói tiếng Tây, tuy chưa phải là thứ tiếng Tây đứng đắn, nhưng cũng cứ nói được, hiểu được khá nhiều, và có thể bập bẹ đối đáp với: "Ông Tây bà Đầm" được lắm.

Thí sinh vốn vẹn có 10 người, cả 10 đều thi đậu. Thí sinh trúng tuyển bằng cấp "Ri me" được gọi là "Cậu Khoá".

Để khuyến khích học trò các khoá sau đi học cho đông, "Nhà Nước Bảo Hộ" truyền lệnh các làng sở tại phải rước các "Cậu Khoá" về làng một cách long trọng, như rước các ông Nghè, ông Cống của Nho học vậy.

Một tuần lễ sau khi tuyên bố kết quả kỳ thi "Ri me" năm 1915 là ngày cậu Khoá Lê văn Thanh được rước về làng, 8 giờ sáng, cậu mặc áo dài đen mới may bằng "vải trắng đằm" mang đôi guốc cùn, đội mũ trắng, được quan Đốc học dẫn đến chào "Quan Công Sứ Pháp và Quan Tuần Vũ". Trước cổng dinh Quan Tuần, chức sắc và dân làng sở tại, quê quán của cậu Khoá đã về tụ rất đông với cờ quạt, trống chiêng, và một chiếc xe kéo gỗ, bánh bọc bằng niền sắt. Lúc bấy giờ, từ khoảng năm 1910 đến 1920, chưa có bánh cao su.

Từ trong dinh Quan Tuần Vũ, cậu Khoá Lê văn Thanh được ông Hương Cả trong làng mời lên ngồi trong xe. Trống và chiêng đánh ba hồi, thêm ba tiếng. Đám rước bắt đầu đi. Trống và chiêng đi trước, vừa đi vừa đánh ba tiếng đều đều, kể đến một người dân cầm một bức trướng thêu bốn chữ Hán "Tân Học Khoá Sanh", rồi hai dãy cờ đuôi phụng, đủ các màu rực rỡ xanh đỏ tím vàng, phất phơ trong gió. Chiếc xe "cậu Khoá" đi giữa, do một người phu kéo bước thong thả, theo một nhịp với mấy người dân cầm cờ.

Niền sắt của bánh xe lăn chậm chậm từng vòng kêu kẽo cà kẽo kẹt trên con đường tỉnh mới nện đá còn gồ ghề, chưa tráng nhựa.

Dân thành phố đứng hai bên để coi đám rước cậu Khoá nhất là đàn bà, con gái và trẻ con, đông nghẹt. Lê văn Thanh đội mũ trắng trên đầu, chân vẫn mang đôi guốc cũ đã mòn, bộ mặt hơi mắc cỡ hơn là hãnh diện. Đám rước đưa thẳng về đình làng để cậu Khoá vào tế Thần, cũng như làm lễ trình diện với vị Thành Hoàng sở tại.

Ông Xã phải giết một con bò và một con heo để đãi làng, đãi dân và từ đây, chàng thanh niên Lê văn Thanh được lên địa vị "khoá sanh" khỏi âu, khỏi thuế, lại được đứng vào hàng chức sắc Hương Cẩ.

Sáng hôm sau, Lê văn Thanh dậy thật sớm ra chỗ bụi tre Thối Kèn(#2), đón cô Ba Hợi.

Từ ngày chàng nghe lời cô Ba, bỏ học chữ Hán, học chữ Tây, hy vọng sẽ làm thầy Thông, thầy Ký để được cưới cô về làm vợ, chàng vẫn ít gặp mặt cô . Con gái ông Bá Hộ, ý mình có nhan sắc "chim sa cá lặn", lại con nhà giàu, cô tính làm cao, nhất định đóng cửa kén chồng. Đã bao chàng trai rấp ranh bản sẻ, nào ai đã được lọt vào cặp mắt xanh của cô đâu. Lê văn Thanh đã nhẫn nại may mắn trao đổi cùng cô mấy bức thư tâm tình, nhưng cô đã nói trước:" Khi nào chàng làm thầy Thông thầy Ký , thiếp sẽ xin gá nghĩa cùng chàng."

Gặp nơi hẹn hò cũ, chàng nhắc lại lời hẹn hò cũ năm xưa. Cô Ba Hợi rất duyên dáng nhưng vẫn bền-lẽn như ngày nào. Khẽ hỏi :

- Anh thi đỗ Ri me, chừng nào mới làm thầy Thông thầy Ký ?
- Quan Sứ có lòng thương tôi, nói với tôi rằng nếu tôi không muốn đi Huế học Collège de Koccoc thì Quan Sứ cho tôi làm xê-cờ-rê-te (secrétaire) ở Toà, khỏi đi đâu xa.

Cô Ba Hợi cười ngật ngoạo, hỏi:

- Cô le Cồn cốc là cái gì! Sao nghe tức cười quá vậy!

Lê văn Thanh hãnh diện muốn khoe một mớ chữ Tây với cô Ba :

- Collège de Quốc Học, Tây đọc là Collège de Koccoc, học thi đít lom (diplôme).
- Thi gì mà lại đít lom!

- Là hạng Diplôme, ta làm thầy Trợ Giáo, hay là thầy Thông thầy Ký, được ăn lương nhiều.

- Còn bằng Ri me!

- Bằng Ri me cũng được làm trợ giáo, hay là làm chức xê-cờ-rê-te (secrétaire), nhưng ăn lương ít hơn.

- Xê rê te là gì!

- Là thầy Thông thầy Ký.

Cô Ba Hợi suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Làm "xê rê te" ở tỉnh mình cũng sang trọng rồi, chớ đi Huế chi nữa!

- Tôi đi học trường Nhà Nước, cũng là chịu theo ý cô Ba, nay cô Ba muốn sao, tôi cũng chịu theo, miễn là cô ưng làm "ma phăm" (ma femme) thì cô biểu gì tôi cũng nghe hết.

Cô Ba lại cười, giọng cười của cô lần này đã có vẻ lả lơi:

- Ma phăm là ma gì? Tui sợ ma lắm, làm ma tui không chịu đâu.

- "Ma femme" là... nội trợ của tôi.

Cô Ba ửng đôi má, nhoẻn một nụ cười tình tứ, liếc chàng thanh niên. Nhưng hai người vẫn đứng cách xa hai ba thước, không dám lại gần. Lê Văn Thanh nói:

- Sách Tây có nói "vouloir, c est pouvoir..."

Cô Ba làm bộ ngạo chàng:

- Hồi học chữ Nho anh ưa nói chữ Nho, bây giờ anh lại ưa xỏ chữ Tây không nghe anh nhắc tới chữ Thánh Hiền nữa.

- Chữ Nho nghe quê mùa lắm.

- Anh mới nói câu chữ tây gì loa loa gì đó!

- "Vouloir, c est pouvoir", nghĩa là muốn thì được.

- Muốn gì?

Thanh yên lặng nhìn say mê khuôn mặt kiều diễm của con gái ông Bá Hộ... Nhưng tình yêu bỗng bật ngây ngất của chàng thanh niên thời bấy giờ chỉ đến thế thôi, không dám táo bạo hơn nữa.

Cô Nguyễn Thị Hợi cũng đã hiểu Thanh muốn gì. Cô hiểu từ lâu rồi. Cô hỏi chơi thế thôi, vì lần này cô đã tỏ ý ưng thuận. Vâng, muốn thì được. Cô muốn làm cô Thông cô Ký, thì rồi đây cô sẽ làm cô Thông cô Ký...

Hai hôm sau, vào buổi chiều chủ nhật, ông Xã đi với Lê văn Thanh, và một người dân làng gánh theo một quả nếp thật trắng và đầy vun, một thúng đựng 20 trứng gà tươi, một quả đường phèn, một thúng đường bông, hai chai mật ong, bốn chai rượu Mai-quế-lộ và hai lọ lộc bình xưa, đến dinh thự riêng của Quan Công Sứ.

Chàng thanh niên kia đi với cha đến dâng "quan sứ" mấy món lễ vật kia là để xin Quan một chức thông ngôn ở Toà.

Quan Sứ xuýt xoa, vui vẻ cảm động:

- Oh! C est trop cà! Vous êtes beaucoup gentil! Tốt! Tốt! Thanh! Viens demain à mon bureau! Tu seras secrétaire à la Résidence! Dis à ton père, Monsieur le Résidence merci! Si ton père veut du "cuu-pham". il l aura...

Ông Xã quay lại hỏi Thanh:

- Cụ lớn nói sao con?

- Cụ lớn nói cho nhiều quá. Cụ lớn khen tốt lắm. Cụ biểu con sớm mai tới Toà, cụ sẽ cho con làm thầy thông ngôn. Cụ lớn cảm ơn đồ lễ vật. Nếu cha muốn được chức Cửu-phẩm, thì sẽ có.

Ông Xã sụp xương sống cúi đầu vái ông Quan Tây ba bốn vái:

- Dạ, con xin tạ ơn cụ Lớn.

Ông Sứ bắt tay:

- Tốt! Tốt! Beaucoup tôtt!

Chú thích:

(1-) Certificat Primaires France-Indigènes (Bằng Sơ Học Pháp Việt).

(2-) Nơi bụi tre mát mẻ , lính Khố Xanh thường ra đây tập thổi kèn cho nên dân chúng gọi là bụi tre thổi kèn.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 4

Thì giờ thoáng qua rất nhanh chóng. Nhất là trong giai đoạn giao thời, bao nhiêu cái văn minh do "Nhà Nước Đại Pháp" mang sang truyền bá trong xã hội Việt Nam đang dần dần thay đổi mới, mọi sự biến chuyển xảy ra rất mau lẹ, và đa số dân chúng mặc nhiên "công nhận" và hòa theo tán thưởng. Trừ ra một số Nhân sĩ Cựu học, có đầu óc ái quốc nồng nhiệt, gọi là Văn Thân, ngấm ngầm phản đối, và tuyên truyền chống Pháp về phương diện chính trị, còn thì đa số dân chúng gần như thụ động "sợ Tây" và dần dần làm quen với tình trạng mới, ưa chuộng những thay đổi mới của "ông Tây". Nhất là giới thanh niên. Một lẽ dễ hiểu, là lớp người trai trẻ vừa mới lớn lên chưa kịp thâm nhiễm cựu học đã tiếp xúc ngay với hoàn cảnh mới và sự hiện diện chính thức của người Pháp, đại diện "Nhà Nước Bảo Hộ".

Cho nên các lớp thanh niên Việt Nam từ 1910 đến 1925 đều hòa theo phong trào "bỏ chữ Hán, học chữ Tây" để theo đòi nếp sống "văn minh tiến bộ" do người Pháp tạo ra.

Cho đến một số các ông Tú, ông Cử nhà Nho "cựu học" cũng bắt đầu nhảy qua "tân học", và "Nhà Nước Bảo Hộ" mở rộng cửa trường Quốc học Huế, trường Hậu Bô (Collège des Interprètes) Saigon, Hà Nội, để tiếp đón niềm nở các nhà Nho học trẻ tuổi ấy, cùng với các thanh niên Tây học, khởi điểm của giới "trí thức thượng lưu" sau này.

Ở các tỉnh, trừ một số rất ít thanh niên được ưu đãi, con các quan, thi đỗ bằng "ri me" rồi được ra Huế học trường Quốc Học, còn hầu hết được bổ dụng ra làm việc ngay ở các sở, làm "thầy Thông, thầy Ký".

Lê Văn Thanh, chàng thanh niên của chúng ta, con nhà bình dân, ở vào lớp này. Sau khi thi đỗ bằng "Sơ Học Pháp Việt", bằng "Ri me", và được quan Công Sứ cho vào làm Thầy Ký ở Toà Sứ, lương tháng 10 đồng, chàng đã khiêm nhiên được một địa vị sang trọng ở tỉnh nhà. Thân sinh của chàng là ông Xã Quý, bây giờ được lên chức "Hương Cả" liền giết hai con bò và năm con heo để làm tiệc ăn mừng.

Tiệc khao này kéo dài suốt ba ngày đêm, toàn thể dân phố ở Cửa Bắc và Cửa Tây, tức là dân làng sở tại ở tỉnh lỵ đều nô nức vui mừng, và khen ngợi nhà "ông Hương cả có phước". Bây giờ không ai dám gọi cậu Bốn Thanh nữa, mà cung kính cúi đầu, xá: "Thầy Ký Thanh".

Hôm đầu cuộc lễ ăn mừng, ông Hương Cả làm lễ "Tế Thần", có các hương chức trong làng tham dự, tức là lễ tạ Ông vị Thành Hoàng ở đình làng. Trong đình, có trống lớn, trống nhỏ, chiêng, phèn la, có nhạc bát âm, ngoài sân có cờ, có lọng, có dân chúng, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, bà già, con nít, tụ hợp đông đủ để coi.

Thầy Ký Thanh bây giờ không còn mang đôi guốc cùn như hồi đi học nữa. Thầy được mang đôi "giày Hạ", thứ giày bằng da đen bóng, chỉ có các quan và các thầy Thông thầy Ký, thầy giáo, mới được mang mà thôi. Giày này do người Bắc làm ở Bắc, đem vào bán tại các tỉnh. Lúc bấy giờ, giày tây chưa có ai mang.

Tính ra, từ hồi cậu Bốn Thanh còn để cái búi tóc trên đầu, trông thấy ông Tây bà Đàm đã vội chạy trốn, hoặc giả vờ đứng câu cá ở đường mương, ngoài Cửa Bắc để đợi cô Ba Hợi đi chợ mà lẻo- đẹo theo sau tán tỉnh bằng một câu chữ Nho "nhất nhật bất kiến như tam thu hề..." cho đến bây giờ là thầy Ký Thanh chân mang giày Hạ, đầu đội mũ trắng, đi làm việc trên "Toà Sứ" với chức "Thông ngôn Ký lục" cả sự biến đổi lớn lao hay mới mẻ ấy chỉ xảy ra trong khoảng 5 năm, từ 1910 đến 1915. Thực ra, sức hiểu biết chữ Pháp trong 5 năm sơ học ấy có là bao, nhưng thầy Ký Thanh bây giờ hãnh diện được "nói tiếng Tây" với tất cả mọi người. Thầy không còn xõ những câu trong sách "Thánh Hiền" của Đức Khổng, Đức Mạnh nữa. Ở nhà thầy khoe tiếng Tây với bà con hàng xóm, thiên hạ lại ủa nghe đông nghẹt. Ai cũng tò mò muốn hỏi thầy cái này cái nọ gọi bằng tiếng tây như thế nào. Nhiều chữ dễ, thầy trả lời thông suốt cả. Gặp những chữ khó, thầy chưa học tới, thì thầy nói bậy bạ, thì họ cũng nghe mê.

- Cái chén, chữ tây gọi là gì thầy Ký?
- La tách-xờ (la tasse)
- Cái bình điếu?
- La píp-pờ. (la pipe)

- Cái áo?

- La rộp-bờ. (la robe)

- Cái quần?

- Lơ Pang ta lông. (le pantalon)

Đó là những cái dễ. Đến lượt bà Xã hỏi:

- Cái yếm, tây nói sao?

Thầy Ký chưa học chữ cái yếm liền trả lời:

- Ông Tây bà Đàm có đeo yếm đâu mà thím Xã hỏi kỳ vậy?

Cả đám thính giả cười rộ lên. Thầy Ký được thể, phê bình:

- Thím Xã hỏi nhà quê quá!

Cô Hai Nghĩa, con bà Hương Kiềm em họ của thầy Ký Thanh hỏi:

- Anh Ký ơi, tây họ gọi cơm là gì?

- Lơ ri. (le riz)

- Rau muống?

Chữ này thầy Ký chưa học tới, nhưng không lẽ thầy chịu dốt nên thầy bịa đặt, nói bỗ láo:

- Rau muống, tây gọi là "légume ramper dans l'eau".

- Chữ rau muống sao mà dài thượt vậy?

- Tại rau muống nó dài, nó bò tràn lan, cho nên Tây đặt cho nó cái tên vậy chứ sao!

- Con... con bò?

- Bớp. (boeuf)

- Con heo?

- Cô son. (cochon)

- Con heo sao gọi bằng "cô" ?

- Cô son là con heo cái.

- Con heo đực?

- Heo đực là... cu son.

Cô Hai Nghĩa và mấy người đàn bà mắc cỡ, đỏ mặt.

Bọn đàn ông con trai thì cười ầm ĩ cả lên. Ông Hương Bồn nói:

- Tiếng Tây cũng có chữ "cu" he . Giống tiếng ta quá há!

Thằng Đít, con chú thợ mộc hỏi:

- Con heo kêu ụt ịt, tây nó nói sao thầy Ký!

- Lơ cu son ụt xờ, ít xờ.

Thầy Ký Thanh sợ người ta hỏi nhiều chữ khó quá, trả lời không được, thầy đứng dậy bảo:

- Thôi, đừng hỏi nữa. Muốn biết chữ Tây thì đi học trường nhà nước, đừng học sách Khổng Tử, Mạnh Tử nữa.

Ông Hương Cả quý cưng cậu con trai "Ký Lục", cũng bảo bà con hàng xóm:

- Để anh Ký nó đi nghỉ cho khoẻ, sáng mai còn đi làm việc trên Toà.

Thầy Ký Thanh vào nhà, đi ngủ. Ông Hương Cả còn nói với bà con:

- Nó giỏi chữ Tây, cho nên quan Sứ ngài thương nó lắm...

Sự thật, thì cái tiếng Tây của thầy Ký Thanh là loại "tiếng bồi", nhưng trong buổi sơ giao, người Pháp cần gấp một số thông ngôn tạm hiểu chút ít tiếng của họ, một cậu "lắc léo mê dòng lô" nói tiếng Tây "ba xí ba tú" như thầy Ký Thanh vẫn được nhà nước Bảo Hộ trọng dụng.

Nhưng Ký Thanh vào sở, chạm trán phải một "quan Phán đầu Toà" rất khó chịu. Ông này, cũng là thanh niên, chỉ lớn hơn Thanh độ 6, 7 tuổi, nhưng nguyên là con một Quan Án Sát ở Hà Tĩnh, và tốt nghiệp trường Quốc Học Huế, học giỏi hơn và được bổ làm "Thông Phán", chức vị cao nhất ở Toà Sứ.

"Quan Phán Đầu Toà" biết thầy Ký Thanh mới có bằng sơ học, tiếng Tây còn kém, nên thường tỏ vẻ khinh khi thầy. Chỉ tại thầy Ký được "cụ Sứ" thương vì thầy giỏi khoa nịnh bợ - nên Quan Phán phải nể đôi chút đó thôi. Có điều phân biệt hẳn, là Quan Phán đến sở thì đi bằng xe kéo, loại xe kéo bánh sắt do Quan Phán mua riêng một chiếc làm "xe nhà", và do một người "cu li" kéo ngày hai buổi đưa quan đi đến Toà và rước quan về. Còn thầy Ký Thanh vẫn phải đi bộ. Xe máy (xe đạp) lúc bấy giờ cũng chưa có. Bắt đầu từ 1919, mới có lứa thưa vài chiếc xe máy bánh sắt, những nhà giàu mới mua nổi. Sự thù ghét và ganh tỵ nhỏ nhen giữa hai chàng thanh niên công chức địa vị khác nhau. Quan Phán Đầu Toà và thầy Ký Thanh, chỉ ngấm ngấm mà thôi. Nhưng luôn luôn, Ký Thanh vẫn hãnh diện được "Cụ Sứ" tin cậy hơn. Quan Phán ý mình là con Quan Án và tốt nghiệp trường

Quốc Học Huế, và chút lòng tự ái không thể bắt chước nịnh nọt như thầy Ký Thanh, con nhà bình dân, mới đỗ bằng "bờ ri me".

Vì thế mà "cụ Sứ" đi đâu cũng bảo Thanh đi theo để làm thông ngôn.

Biết bao nhiêu lần Thanh thông ngôn sai lạc hẳn những lời nói của viên Công Sứ Pháp, và dịch ra tiếng Pháp sai lầm những lời của đồng bào Việt.

Có lần, vào khoảng giữa mùa hè, trời nắng bức oi ả, ông sợ có hoạ hoạn vì hầu hết các nhà quanh tỉnh đều lợp tranh, nên ông cho gọi hương chức làng sở tại đến, căn dặn phải coi chừng củi lửa để phòng nạn cháy nhà. Ông còn bảo 8 giờ sáng mai ông sẽ thân hành đi thăm các xóm để xem xét về vấn đề thiếu vệ sinh. Nhưng không rõ thầy Ký Lê văn Thanh hiểu tiếng Pháp như thế nào, mà thầy thông ngôn lại cho các vị hương chức như thế này:

- Cụ lớn bảo trời nóng nực mà các nhà An Nam không có vệ sinh nên 8 giờ sáng mai cụ Sứ sẽ thân hành đến đốt các nhà tranh trong làng cho cháy hết.

Các vị hương chức sợ hoảng, run cầm cập. Ông Xã khúm núm thưa:

- Dạ thưa thầy Ký, nhờ thầy bậm lại với cụ Lớn, cụ Lớn dạy vệ sinh như thế nào thì dân làng xin tuân lệnh làm theo, chứ cụ Lớn đốt nhà chúng tôi thì tội nghiệp quá.

Lê văn Thanh thông ngôn lại cho viên Công Sứ Pháp bằng tiếng tây đại khái ý nghĩa như thế này:

- Thưa cụ Sứ, dân làng xin tuân lệnh cụ Sứ nếu cụ Sứ biểu họ đốt nhà cho có vệ sinh họ cũng chịu.

Ông Sứ cười ha hả, rồi bảo:

- Tôi không biểu họ đốt nhà. Tôi chỉ biểu họ đề phòng mùa nắng, kéo cháy nhà. Tôi sẽ thân hành đến thăm từng xóm, và sẽ tự tôi bày cho cách thức vệ sinh.

Lê văn Thanh thông ngôn lại cho các vị hương chức như sau đây:

- Cụ Sứ nói cụ Sứ sẽ thân hành đến tận tay cụ châm lửa đốt từng xóm rồi cụ bày cho cách thức làm nhà có vệ sinh.

Sợ nói nhiều, khó thông ngôn, Lê văn Thanh liền đuổi các công làng:

- Thôi, các ông đi về, đừng xin xỏ gì nữa, cụ Lớn bỏ tù đấy.

Các ông Hương chức về làng, lập tức nổi mõ nổi trống lên vang động cả xóm, gọi dân làng đến báo tin cho biết rằng 8 giờ sáng mai, cụ Sứ về đốt

hết nhà cửa cho có vệ sinh. Dân lành không hiểu rõ lý do, nhưng ai nấy đều hoảng hốt, chạy về dọn hết đồ đạc trong nhà ra ngoài vườn, ngoài sân, ngoài đường cái. Suốt buổi chiều và đêm hôm ấy, cả làng đều rối loạn, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ nít đều lo sợ, kêu khóc âm ỉ cả lên, bên cạnh những đồng giường, phản, nôi niêu, bàn ghế, chum, vại chất đống lổn ngổn ngoài các đồng ruộng mía, chung quanh tỉnh thành... Suốt đêm đều có tiếng kêu la thảm thiết. Nhiều người bàn rằng: "Có lẽ quan Sứ đốt nhà tranh, rồi cho tiền cất nhà ngói cho có vệ sinh."

Nhưng một số khác lại quá sợ sệt nghĩ rằng: "Nhà Nước đốt nhà dân, chắc là phạt dân chuyện gì đấy". Và họ với nhau sáng ngày mai cụ Sứ đến thì họ sẽ sụp xuống lạy cụ Sứ và kêu khóc xin cụ tha tội...

8 giờ sáng mai, Quan Sứ và Quan Tuần Vũ đi bộ đến làng có thầy Ký Lê văn Thanh và Quan Phán Đầu Toà đi theo. Viên Công Sứ Pháp và cả Quan Tuần Vũ đều hết sức ngạc nhiên thấy một đám đông dân làng, cả đàn bà con nít sụp xuống lạy và kêu khóc rất thê thảm, bên cạnh những đồ đạc trong nhà dọn ra ngổn ngang ngoài đường. Nhờ Quan Phán Đầu Tỉnh hỏi kỹ mới biết có sự hiểu lầm. Ông Sứ phì cười rồi ông lắc đầu tỏ vẻ thất vọng, truyền lệnh cho mọi người dọn đồ đạc vào nhà, rồi ông buồn bực trở về toà Sứ.

Ông gọi Lê văn Thanh vào văn phòng của ông, đập bàn đập ghế, mắng một trận nên thân.

Hai hôm sau, dân làng hùn tiền mua một con bò và một con heo, cúng tạ Thành Hoàng để ăn mừng vụ "khỏi bị cụ Sứ đốt nhà" .

Thầy Ký Lê văn Thanh lại nói với làng rằng:

- Cụ Sứ có lòng nhơn đức, thấy làng khóc xin, nên cụ tha cho không đốt nhà của dân.

Dân làng biết ơn thầy Ký Lê văn Thanh nhiều lắm.

Một tháng sau. Lê văn Thanh cưới cô Nguyễn thị Hợi, con gái ông Bá Hộ.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 5

Lê văn Thanh muốn đám cưới của chàng với cô Ba Hợi phải được long trọng vì ba lý do: thứ nhất, vì cô Nguyễn thị Hợi là cô gái đẹp nhất trong tỉnh - ai ai cũng công nhận như thế - và chàng hãnh diện được cưới cô làm vợ. Cô Ba vừa đẹp, lại vừa là con một ông Bá Hộ, nhà giàu. Chàng được cả tình lẫn tiền. Thứ hai, chàng không quên rằng chính cô Ba đã xúi chàng bỏ chữ Nho, học chữ Tây, và bắt buộc chàng phải thi đỗ làm chức thầy Ký, cô mới chịu làm vợ chàng, cho nên bây giờ chàng mới thành đạt được "công danh" chàng làm một thầy Ký "văn minh", chứ không còn là anh Nho sĩ "quê mùa" nữa. Lý do thứ ba - là từ hôm làm thông ngôn dịch sai lầm cái lệnh của cụ Sứ truyền cho làng xã về việc đề phòng hoả hoạn, chàng bị cụ Sứ tức giận la mắng, không tin cậy chàng nữa, và lại bị Ông Phán đầu Toà càng chê cười, khinh bỉ, chàng muốn thừa dịp chàng cưới vợ, mời cụ Sứ dự tiệc lấy lại chút cảm tình của Quan Thầy "Đại Pháp", để làm oai với làng xã, và để rửa cái nhục với bạn đồng nghiệp "Quan Phán đầu toà".

Đám cưới đã sắp đặt từ lâu. Việc chọn "ngày lành tháng tốt" và mọi thủ tục về hôn lễ, đã có ông Hương Cả lo . Lê văn Thanh nghĩ đến việc mời các quan khách. Lúc bấy giờ, trừ ở Hà Nội và Saigon mới có 3, 4 cái nhà in - và giá in rất đắt - còn ở Huế và các tỉnh khác của Việt Nam chưa đâu có một "ấn quán".

Những đồ in, không nhiều, hầu hết là của Nhà Nước - tư nhân chưa biết sử dụng các tiện nghi của ấn loát. Như in thiệp mời, hoá đơn, danh thiếp, v.v... Lê văn Thanh ghi số quan khách phải mời dự tiệc, trên một tờ giấy sau đây:

- Quan Công Sứ và bà Đầm.
- Quan Phó Sứ và bà Đầm.
- Quan Thầy Thuốc (Bác sĩ Pháp giám đốc nhà thương tỉnh).
- Quan Tuần Vũ (Tỉnh trưởng Việt Nam).
- Quan Án Sát (Chánh Án Việt Nam).
- Quan Đốc Học.

- Bốn thầy Trợ giáo (thầy học cũ của chàng).

- Phán Bích, đầu toà.

Những thầy Thông thầy Ký làm việc tại các sở khác, tất cả chỉ độ 5 thầy. Lê văn Thanh chưa quen biết, nhưng cũng cứ mời.

Vì không có lệ gửi thiệp mời, Lê văn Thanh phải thân hành đến mời miệng từng vị quan khách một. Riêng đến "Quan Sứ" và "Quan Phó Sứ", hai vị chủ tỉnh Pháp Lang Sa thì một buổi sáng chủ nhật, được nghỉ, Lê văn Thanh đi với ông Hương Cả. Hai cha con đem theo hai chai rượu tây và hai gói trà tàu, đặt trong chiếc khay nạm xà cừ. Viên đại diện "nhà nước bảo hộ" rất đỗi ngạc nhiên, hỏi Lê văn Thanh bằng tiếng Pháp, ý nghĩa như sau đây:

- À, mà y hả Thanh! Mày đến có việc gì!

Thanh cũng trả lời bập bẹ bằng tiếng tây, thứ tiếng tây trật mọo luật và người Pháp thường ngạo là "tiếng tây của thằng mọo da đen con".

Dịch ra như sau:

- Bẩm Quan Sứ, thân phụ của con đến trình quan lớn hay rằng con sắp cưới vợ.

Ông Sứ cười đưa tay bắt tay ông Hương Cả:

- Tôi mừng cho anh và cho con trai anh. Nhưng tại sao có rượu và trà như thế này?

Ông Hương Cả khúm núm:

- Bẩm quan lớn, ngày 14 tháng chín An Nam, tôi định cưới vợ cho thằng Ký, nên xin có cặp rượu và cặp trà tới để trình cho quan lớn biết, và cúi xin quan lớn và bà lớn bữa đó dờn gót ngọc tới tộ xá uống rượu lạt mừng cho hai cha con chúng tôi.

Nói xong ông Hương Cả xá ba xá. Ông Công Sứ gật đầu hỏi Thanh:

- Cha mà y nói gì?

Lê văn Thanh thông ngôn lại, bằng mấy "câu tiếng tây ba rọi" :

- Mon père, il dit que le 14 ème jour du 9 ème mois annamite, il marie une femme pour moi. Il vous offer en cadeaux deux bouteilles d alcool et deux... thé pour vous faire connaitre respectueusement. Il vous prie de venir assister le festin, avec Madame la Résidence ce jour là pour féliciter pour

nous.

Ông Sứ vẫn hiểu được và niềm nở, nói bập bẹ vài tiếng Việt mới học, chêm với tiếng Pháp:

- Tốt lam! Tốt lam! Je viendrai. Dis à ton père, quan su cam on (tốt lắm! tốt lắm! Ta sẽ đến, nói với cha mày rằng quan Sứ cảm ơn).

Đến Viên Phó Sứ Pháp, hai cha con Lê văn Thanh cũng đóng trò lơ lửng ấy...

Ngày 14 tháng 9 âm lịch là ngày Thanh cưới vợ, trúng chủ nhật. Lúc bấy giờ đồng hồ chưa được thông dụng, chính Thanh đi làm việc nhà nước mà cũng không có đồng hồ. Người Việt Nam hãy còn theo giờ "Ta - Tý, Sửu, Dần, Mẹo..." Giờ lành đã được ông Hương Cả chọn để xuất hành rước dâu là giờ Thìn "mặt trời đã lên cao một chân đòn gánh", nghĩa là vào khoảng 9 giờ sáng.

Từ sớm, Lê văn Thanh đã thuê hết tất cả các xe kéo ở tỉnh, toàn xe bánh sắt, chỉ vồn vẹn có 5 chiếc. Thành thử, hôm ấy tại tỉnh lỵ không còn một chiếc xe nào nữa cả. 5 chiếc xe kéo đã chờ trước cổng nhà ông Hương Cả. Ông Hương, bà Hương ngồi chung một chiếc đi đầu tiên. Anh phu mặc áo cụt vá vai, quần rách ống, đầu đội chiếc nón cời (nón rách), khom lưng kéo ì ì ạch, vì ông Hương quá mập lại đeo thêm bà Hương ngồi trên một bập vế của ông. Chiếc xe thứ hai chở ông mai dong, chiếc thứ ba chở ông chú và bà thím. Chiếc thứ tư, thứ năm chở hai ông cậu và hai bà mợ. Trai chưa vợ, gái chưa chồng, dù là anh em chị em ruột cũng không được đi trong đám rước dâu. Không có tục lệ phù dâu, phù rể. Lê văn Thanh thì cưỡi ngựa đi sau cùng, con ngựa hoe, mượn của ông Chánh tổng sở tại, cậu ruột của chàng. Chàng mặc quần lụa trắng, áo gấm xanh, ở trong còn mặc lót một áo dài trắng nữa, và mang giầy Hạ. Đáng lẽ chàng phải bịt khăn đen - khăn đóng - nhưng chàng muốn làm oai, nên đội mũ trắng, vì lúc bấy giờ chỉ có mấy thầy làm việc nhà nước mới đội mũ trắng mà thôi - trừ ra học trò - toàn thể dân chúng hãy còn đội nón lá hoặc che dù đen.

Từ nhà Lê văn Thanh ở xóm Cửa Bắc đến nhà cô Ba Hợi, chỉ xa chừng một cây số. Nhờ mùa thu mát trời, năm anh "cu li kéo xe" cũng không mệt lắm, nhưng vì xe nào cũng chở hai người nên mấy anh kéo đi chậm rì chậm rịt.

Phần thì đường cái gồ ghề, đắp đất chỗ trời chỗ lũng, bánh xe niền sắt đồng lên thụt xuống, nghiêng qua ngã lại, thật hết sức nhọc nhằn. Một lần xe qua là một làn bụi bay tung mù mịt, mấy người ngồi trong xe phải đưa vạt áo lên che mặt. Gặp chỗ có đá sỏi hoặc đất cục còn cứng, hai bánh xe sắt đè nghiêng xuống, kêu kễo cà kễo kẹt. Dân chúng ở các nhà hai bên đường kéo nhau ra đầy sân chật ngõ để xem. Vì các đám cưới thường dân thường đi bộ, đây là lần đầu tiên có đám cưới sang, nhà trai đi rước dâu toàn là ngồi xe kéo. Chú rể cưỡi ngựa, đội mũ, mang giày Hạ, mặc áo gấm sang trọng là thầy Ký làm việc trên toà Sứ. Từ trước đến giờ họ chưa thấy đám cưới nào sang trọng như thế. Họ trầm trồ khen ngợi và chờ chốc nữa rước cô dâu về xem cô dâu đi bằng gì. Ai cũng biết cô dâu là cô Ba Hợi có nhan sắc nhất ở tỉnh là con gái trưởng của ông Bá Hộ Thành, giàu nhất ở đây. Người ta đồn rằng cô có học chữ Quốc Ngữ thật là một chuyện hiếm hoi, mới lạ.

Một lũ trẻ con đông chừng vài ba chục đứa, quần áo bẩn thỉu, nhiều đứa đã 7, 8 tuổi mà chưa mặc quần, rủ nhau đi coi đám cưới. Cha mẹ các em cũng cho chúng đi, chứ không rầy la ngăn cản. Sẵn dịp, mấy anh "cu li xe kéo" nhờ các em giúp sức đẩy xe dùm. Các em nô nức, cười đùa, chia ra từng đoàn theo sau hăng hái đẩy 5 chiếc xe.

Cha mẹ các em và bà con cô bác đứng đông nghẹt ngoài đường, nhìn theo cũng vui cười hoan hỉ. Duy có thầy Ký ngồi yên trên ngựa, làm nghiêm không cười. Lê văn Thanh, chàng thanh niên 22 tuổi, đã làm bậc thầy, làm thông ngôn Ký lục cho "Quan Công Sứ" trong tỉnh, tuy lúc làm việc ở toà bị Quan Sứ gọi luôn luôn bằng "mày", và bị quan la mắng hoài, nhưng chàng vẫn được dân chúng sợ hãi, kính trọng, cho nên trước mặt đồng bào Việt Nam mà chàng cho là "quê mùa", chàng rất tự cao tự đại.

Hôm nay đi cưới vợ, được sánh duyên với cô Ba Hợi, chàng thanh niên Lê văn Thanh lại càng kiêu hãnh hơn.

Họ nhà trai đã đến trước ngõ nhà gái. Năm chiếc xe ba gọng, để khách bước xuống. Lê văn Thanh cũng xuống ngựa. Trong sân ông Bá Hộ nổ liên ba tiếng pháo tre kêu chát chúa "Ầm!..Ầm!.." y như ba tiếng súng đại bác. Thời bấy giờ các phong pháo bọc bằng giấy chưa được lưu hành và thông dụng như ngày nay. Ba tiếng pháo tre chào mừng vừa dứt thì họ nhà trai

bước vào ngõ. Đàn ông đi trước, đàn bà đi sau, hàng một, theo thứ tự như đây: trước hết là ba người dân làng gánh đôi xiêng dựng các lễ vật, gọi là sính lễ, rồi đến ông mai dong, ông Hương Cả, thân sinh thầy Ký, ông chú, hai ông cậu, bà Hương Cả, bà thím, hai bà mợ. Sau cùng là Lê văn Thanh. Họ nhà gái ra sân đến mừng và mời vô nhà. Sính lễ được bày ra trên phản chiếu lác, trước bàn thờ ông bà, một cái đầu heo luộc (ngoài Bắc nhiều nơi để nguyên một con heo quay), trên hai tai heo có dán hai miếng giấy hồng đơn, đồ tươi và vuông vức, một quả đựng gạo nếp trắng tinh, một quả đựng 200 trứng vịt, 4 chai rượu tây (rượu chát đỏ), 4 chai rượu "an nam", một chục gói trà tàu, một quả đựng đậu xanh, một quả đựng 4 cục đường bông trắng mịn, một quả đựng 200 lá trà tươi, một buồng cau tươi độ 60 trái, bốn quả bánh gồm đủ các thứ bánh in, bánh dẻo, bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh hột sen, bánh thuẫn, bánh da lợn, bánh bò, bánh ít.

Đồ nữ trang thì đã trao trước, theo sự đòi hỏi của nhà gái, một chiếc kiềng, một đôi hoa tai, một đôi xuyên, tất cả đều bằng vàng y, một chuỗi ngọc và một chiếc trâm bằng bạc nạm vàng. Lúc bấy giờ phụ nữ Việt Nam chưa đeo nhẫn. Một đeo "cà rá" và nhẫn bắt chước theo Tây, mới thịnh hành từ khoảng năm 1920 - 22, trong giới trường giả, từ 1930 - 31, trong các giới bình dân. Từ 1935 - 1936 nhiều người bắt đầu đeo plaque (chiếc lắc) vàng hay bạc.

Một người trong họ nhà gái đã thắp đèn, hương, trên bàn thờ ông bà. Xong, ông Bá Hộ Nguyễn Văn Thành mặc áo rộng xanh, trịnh trọng ra trước bàn thờ khấn vái. Ông khấn lẩm nhẩm trong miệng như sau đây:

- "Bữa nay là ngày lành tháng tốt, con là Nguyễn văn Thành, xin dâng lễ mọn, cáo với vong linh Ông Bà cha mẹ, cho tiện nữ là Nguyễn thị Hợi, gả nghĩa trăm năm với Lê văn Thanh, thông ngôn ở toà Quan Công Sứ, xin lạy Ông Bà cho hai đứa nó tác thành gia thất. Xin vong linh hiền thê cũng chứng giám cho và phù hộ cho vợ chồng nó được thuận thảo, vui vầy duyên cầm sắt".

Ông bá hộ lạy bốn lạy. Xong, ông gọi con gái ở trong buồng nhà giữa:

- Con Ba đâu, ra đây con.

Trong buồng the có tiếng đáp run run, và nhỏ nhẹ:

- Dạ.

Tất cả những cặp mắt đều đổ dồn ra cửa giữa ngõ cô dâu. Cô từ trong buồng bước ra, chậm rãi và "e lệ". Cô đẹp lộng lẫy, tuy đẹp rất tự nhiên, không má phấn môi son, không kẻ lông mày, vì phụ nữ 1910 - 1920 chưa dùng son phấn và bút chì than. Cô mặc ba lớp áo lụa, dài không quá đầu gối, ngoài là hàng áo xanh lục, trong là áo màu hồng, trong hết là áo hàng màu xanh da trời. Toàn là hàng trơn, không có dệt hoa như ngày nay. Mầu vàng của Vua, ở thời đại Quân Chủ, bị cấm hẳn quan cũng như dân, đàn ông như đàn bà, không ai được dùng trong y phục. Cô mặc quần hàng vải "trắng đầm". Quần trắng lúc bấy giờ đàn bà con gái đứng đắn không được mặc. Trên búi tóc xức dầu dừa, lóng mướt và thoảng một mùi thơm mát dịu, cô Ba cài chiếc trâm bạc nạm vàng. Cô đeo chiếc kiềng vàng (các cô nhà nghèo đeo kiềng đồng hoặc bằng bạc) quanh cổ, chuỗi ngọc thông xuống đến ngực, hai cổ tay đeo hai chiếc xuyên vàng. Ngực của cô vì mang chiếc yếm bó chặt vào mình nên không phồng lên như ngực các cô thời nay. Cô nhuộm hàm răng đen nhánh như những hạt măng cầu. Cô đi chân không. Thời bấy giờ, phụ nữ ít mang giày. Năm 1924 - 1925, đa số nữ sinh đã lớn tuổi, học lớp nhất, đến trường vẫn còn đi chân không.

Nhưng cô Ba Nguyễn thị Hợi "đẹp chim sa cá lặn", "đẹp đổ nước nghiêng thành" theo lời khen ngợi của mọi người trong tỉnh. Cô thẹn thùng e lệ thong thả bước gót sen vào. Lê văn Thanh đứng vòng tay cạnh hương án, cúi đầu, không dám ngược đầu lên nhìn vợ. Ông bá hộ bảo cô chào ông cha chồng, bà mẹ chồng và hết thấy mọi người bên họ nhà chồng hiện diện. Cô cúi gục đầu xuống, chắp hai tay trước ngực, nói rất nhỏ:

- Thưa Cha... thưa Mẹ... thưa Chú...

Xong, ông bảo:

- Bây giờ con với chồng con lạy Ông Bà.

Lê văn Thanh và Nguyễn thị Hợi, cả hai đều cúi đầu, không ai dám ngó ai, cùng bẽn-lẽn, bước đến trước hương án, và cùng lạy. Trong lúc chàng phủ phục, bình thân, bốn lần như vậy, thì nàng ngồi xuống chiếu, hai chân co lại để một bên, cúi mình xuống lạy bốn lạy, đứng dậy vái bốn vái.

Rồi lễ Ông Bà, hai vợ chồng mới còn phải lạy cha mẹ vợ và cha mẹ chồng.

Ông Bá Hộ, ông Hương Cả, và bà Hương Cả, ngồi trên ba chiếc ghế kê hai bên hương án. Cô dâu và chú rể cùng lạy mỗi vị phụ mẫu ba lạy.

Lễ rước đã xong, họ nhà trai chỉ ăn bánh uống nước rồi xin rước dâu đúng giờ Mùi, lúc mặt trời vừa xế bóng.

Trong buồng, cô Ba thút thít khóc trên chiếc phản gỗ của cô nằm từ nhỏ đến giờ, cô khóc vì cô sắp từ giã nhà cô. Thằng em trai độc nhất của cô, cũng ôm chân cô khóc nức nở. Nó còn bé lắm, chẳng hiểu chuyện gì, nhưng thấy chị của nó khóc, nó cũng mũi lòng khóc theo thế thôi. Cô Ba Hợi lấy cho nó một nắm xôi vò cho nó ăn, và vuốt ve đầu nó. Nó ăn xôi ngon quá, hết khóc nhưng mũi dãi còn chảy lòng thòng...

Ngoài sân có tiếng ông Bá Hộ gọi to:

- Con Ba đâu, ra đi con.

Một bà thím chạy vào buồng, thúc giục cô:

- Ra đi con, người ta chờ ngoài ấy.

Bà dìu dắt cô đi giữa đám đông, đàn bà con gái đứng chật ních trong nhà, ngoài cửa, nói cười vui vẻ trầm trồ khen cô đẹp.

Cô vẫn mặc ba lớp hàng dài, quần "trắng đằm" đen, đi chân không, ngập ngừng mỗi bước... Ra sân, cô tiến đến trước mặt ông bá hộ. Cô vòng tay cúi đầu, nói lẩm nhẩm:

- Thưa cha... con đi...

Bỗng cô oà ra khóc. Tất cả mọi người, nhà trai lẫn nhà gái đứng xúm xít chung quanh, đều cười rồ lên. Cô bẽn-lẽn nâng vạt áo dài lên chùi nước mắt. Đôi ngấn lệ vui buồn lẫn lộn càng tô điểm thêm gương mặt kiều diễm mỹ lệ của giai nhân.

Thành thật mà nói, cô Nguyễn thị Hợi hôm nay có duyên làm sao! Mỹ miều làm sao! Cô Bốn Hiếu, con bà Hương Bộ Mẫn, nói với mấy bạn gái đứng gần:

- Cha, cô Ba xinh đẹp như vậy, lấy chồng làm thầy Ký mới xứng.

Bà Hương Chánh Bốn nổi lời:

- Chớ sao! "Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen". Tụi bay làm sao cũng lấy chồng được như nó, thì có phước.

Chị Hai Lợi, vợ anh Lợi thợ rèn, xen vô:

- Thầy Ký Thanh nhờ đi học trường Nhà Nước từ năm kia năm kia rồi thi đỗ ri me làm được thầy Ký. Chớ bốn năm về trước, hồi còn học "chữ ta", còn để búi tóc, thầy đeo đuôi cô Ba hoài, cô có thềm đâu.

Cô Bốn Hiếu nói rất khê:

- Ông bá hộ còn xịt chó ra cắn thầy nữa đó.

Cả đám phụ nữ cười rồ lên, nhưng cô Ba đã ra đến cổng, không nghe câu chuyện bông đùa lén lút sau lưng cô.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 6

Đám rước dâu đi về nhà trai lẽ phải đi theo thứ tự họ hàng, và cô dâu phải đi bộ cùng với những người khác, vì phải nhường 5 chiếc xe kéo cho các bậc lớn tuổi của hai họ. Nhưng nhà trai đã có lời xin bên nhà gái cho phép để cô dâu đi một chiếc xe kéo.

Toàn thể họ nhà gái cũng đã bằng lòng. Vì vậy, cả hai họ đều thoả thuận sắp đặt trong số 5 chiếc xe kéo, hai chiếc chở hai ông kỳ-lão họ nhà trai, 2 chiếc chở hai ông kỳ-lão họ nhà gái, 1 chiếc chở cô dâu.

Còn hết thầy đều đi bộ. Chàng rể một mình một ngựa, thong dong đi sau cùng. Về nhà chồng, cô dâu và chú rể cũng phải lạy trước bàn thờ Ông Bà, xong rồi lạy các ông bác bà bác, ông chú bà thím, và vái chào tất cả những người khác trong họ nhà chồng. Có một lễ riêng biệt để trình diện với làng. Trên một chiếc bàn, họ nhà trai đã đặt một mâm trầu độ 200 lá trầu tươi, sắp từng xấp để quay tròn một mâm, và giữa mâm để một buồng cau. Bên cạnh là một bình vôi, một khay đựng 4 chai rượu, một khay đựng 4 gói trà. Toàn thể hương chức kỳ cựu trong làng đều có mặt. Ông Hương Cả đứng trước, sau lưng là cô dâu chú rể. Ông Hương thưa cho làng biết, chính thức là ngày hôm nay ông cưới vợ cho con trai. Ông nói dứt lời, ông Xã đứng dậy đáp: - Anh em hương chức xin chúc cho hai họ, và lại chúc thầy Ký, cô Ký được bách niên giai lão. Ông Hương Cả đứng né ra một bên để thầy Ký và cô Ký vòng tay cúi đầu vái ba vái tạ ơn làng. Lễ hôn thú như thế là xong xuôi mỹ mãn. Bây giờ hương chức trong làng và hai cha con thầy Ký Thanh vội vàng sửa soạn đón tiếp "cụ Sứ". Tại vì Lê Văn Thanh đã mời "Quan Công Sứ" đến dự tiệc, và "quan lớn" cùng với "bà lớn" đã nhận lời, cho nên không những gia đình Lê Văn Thanh hãnh diện được đón tiếp vị thượng khách chủ tỉnh, mà cả làng xã cũng phải có bốn phạm tiếp rước trọng thể "Quan Cai Trị Đại Pháp" dời gót ngọc đến làng. Nào ai dám phàn nàn việc ấy? Trái lại, các ông hương chức trên dưới đều lo lắng tổ chức cuộc tiếp rước thế nào cho khỏi bị "Quan Lớn" khiển trách.

Nếu lỡ sơ sót điều gì , sợ "Quan Lớn Đại Pháp" la mắng , hoặc bỏ tù thì chết cha . Lại nghe thầy Ký cho biết rằng tối nay "Quan Lớn Công Sứ" sẽ đến với "Bà Lớn Sứ" và "Quan Lớn Phó Sứ , Bà Lớn Phó Sứ , Quan Tuần Vũ và Bà Lớn Tuần Vũ " . Quả là một biến cố thật to lớn trong làng , từ xưa đến nay chưa từng có , và cũng chưa làng nào có được "hân hạnh " to lớn ấy ! Ôi thôi , làng xã ai nấy đều lảng-xăng, lít-xít , trên từ ông Hương , ông Xã , qua chú Trùm , chú Thập , dưới đến mấy "thằng dân ngu khu đen" (danh từ thông dụng trong giới Quan lại Việt Nam chỉ người dân dưới thờ Quân chủ) rộn rịp lo xanh mặt xanh mày. Riêng Lê văn Thanh rất là hãnh diện. Mảnh bằng "bờ ri me " và chức vị " thông ngôn , ký lục " của chàng kể đã vinh quang lắm rồi, còn oai hơn cả các ông Đồ Nho thi đỗ Cử nhân , Tiến Sĩ lúc bấy giờ đã không còn được trọng dụng nữa. Nhưng đối với Thanh , sự chàng mời được "Quan Công Sứ Đại Pháp" mà chàng gọi bằng tiếng Tây là "Mơ-sừ Lơ Rê-si- đăng đờ Phờ răng xờ" đến dự tiệc của chàng đó mới là một vinh dự quý báu tuyệt trần. Ai mà dám mời quan Công Sứ ? ông Tiến sĩ , ông Phó bảng , dù có được ăn yến tiệc của nhà Vua chẳng nữa , cũng đâu có dám mời "Quan Công Sứ " ở tỉnh. Chỉ có chàng. Phải , cả tỉnh này chỉ có chàng, là Lê văn Thanh thông ngôn của "cụ Sứ " , là dám mời cụ sứ đến tận nhà chàng để ăn tiệc cưới của chàng mà thôi ! "Mơ-sừ-Lơ-rê-si- đăng" đã hoan hỉ nhận lời. Cả Bà Đầm nữa ! Cả Quan Phó Sứ và bà Đầm Phó Sứ nữa ! Hãnh diện xiết bao ! Vẻ vang xiết bao ! Cho nên chàng thông ngôn trẻ tuổi Lê văn Thanh đã gọi dân làng từ năm hôm trước , dựng lên một nhà khách , ngay trước mái hiên nhà chàng , để làm nơi tiếp đón "Quan Công Sứ Đại Pháp" , và "Quan Phó Sứ , Quan Tuần , với quý bà Đầm , quý phu nhân , quý cụ , quý quan , quý thầy..." Chàng mua chiếu hoa trải kín mặt đất nhà khách , và mua vải xanh , vải trắng , vải đỏ về mượn người may hai chục lá cờ tam tài của nước "Đại Pháp" , để cắm từ ngoài cổng vào đến khắp nhà. Vì lúc bấy giờ không có máy may (cả tỉnh không có một bàn máy may nào) cho nên chàng phải mượn năm người đàn bà trong xóm may bằng tay trong ba ngày mới xong. Làng , thì sai dân đào lỗ đóng cờ đuôi phượng loè loẹt đủ màu , hai bên lề đường từ ngoài phố vào đến cổng nhà thầy Ký Thanh.Theo lời thầy Ký Thanh cho biết thì "Quan sứ

" có nói với thầy là "Quan" sẽ đến hồi 20 giờ. Các ông làng hỏi thầy để cho rõ : - 20 giờ là mấy giờ , thầy ký ? Chính Lê Văn Thanh cũng không biết 20 giờ là mấy giờ. Từ lúc đi học đến khi đi làm việc ở toà sứ , chàng chỉ biết theo kiến thức thông thường là mặt trời mọc vào khoảng 6 giờ sáng , đúng Ngọ là 12 giờ trưa , mặt trời lặn khoảng 6 giờ chiều. Lần đầu tiên chàng nghe quan công sứ bảo quan sẽ đến dự tiệc lúc 20 giờ , chàng cũng "uỷ , uỷ , mơ-xử " mà chàng mù tịt , chẳng hiểu : 20 giờ là mấy giờ. Nhưng không lẽ chàng tỏ cho các ông làng thấy rằng chàng không hiểu "giờ tây" , nên chàng cứ trả lời ầu , ra vẻ thông thạo : - 20 giờ là vanh-tờ-rờ. - Vanh-tờ-rờ là mấy giờ an nam ? Giờ Dậu , giờ Tuất hay giờ Hợi ? thầy làm ơn cho làng chúng tôi biết để đón rước "Quan Công Sứ ". Lê Văn Thanh nổi quạu : - Vanh-tờ-rờ là giờ Dậu.

Khổ nỗi không ai có đồng hồ để coi giờ tây .

Thầy Ký Thanh làm việc nhà Nước mà còn không có đồng hồ nữa là. Đồng hồ là một vật quý chỉ các quan Tây có mà thôi. Mấy phố lớn của khách trú ở tỉnh cũng không có bán. Thầy Ký Thanh nói ầu 20 giờ là giờ Dậu , rồi ông Tú Phong , nhà Nho thông thái nhất trong làng , chỉ tính ra giờ Dậu , là lúc mặt trời vừa lặn. Cho nên từ giờ Thân , vào khoảng 4 giờ chiều , toàn thể các ông hương chức trong làng đã lo khăn đen áo dài

(riêng ông xã mặc áo rộng xanh) đã đứng chực từ ngoài đường phố. Dân đình thì kẻ khuâng trống , khiêng chuông , người cầm hèo , cầm lọng. Có hai cây hèo và sáu cây lọng hết thấy.

Nhưng mặt trời lặn đã từ lâu , trời đã tối , mà các Quan chưa đến. Ông Xã hết sức lo lắng , lật đật sai dân phải đi kiếm xác mía , hoặc rơm , bó làm hai chục cây đuốc , để thắp lên cho sáng. Hôm ấy là ngày 18 âm lịch. Các ông hương chức tính theo phong dao Việt Nam , để biết chừng nào có trăng :

17, nẩy lửa

18, nám đồng trấu

19, nín một canh

20, tuất rớt

21, nửa đêm

(đêm 17, vừa nẩy lửa , nghĩa là vừa đốt đèn thì có trăng.

đêm 18, đốt đồng trấu vừa nám thì có trăng.

đêm 19, nín một canh qua canh hai có trăng ,

đêm 20, thì cuối giờ Tuất có trăng ,

đêm 21, đến nửa đêm có trăng.)

Đêm nay 18 ư, "nám đồng trấu". Mấy ông làng căn cứ theo câu phong dao rất thông dụng ấy mà đoán chừng rằng vừa đốt đồng trấu vừa cháy nám thì sẽ có trăng. Có lẽ quan Công Sứ đợi có trăng lên thì quan sẽ tới chăng ? Nhưng quan Công Sứ bảo với thầy Ký rằng quan sẽ đến lúc 20 giờ. Thầy Ký Thanh nói lại với làng rằng 20 giờ là giờ Dậu , ông Tú Phong cho biết giờ Dậu là lúc mặt trời lặn. Thế mà bây giờ trời đã tối đen , tối thui , ông Xã lật đật chạy đi hỏi ông Tú Phong , ông bảo giờ này là giờ Tuất.

Hay là quan Công Sứ không đến ? Lê văn Thanh cũng bồn chồn lo ngại. Chàng cứ sợ rằng "Mơ-sử-lơ-Rê-di- đăng" không đến thì... chàng mắc cỡ với làng xóm biết bao.

Nhưng sự thật 20 giờ là mấy giờ ? Chàng băn khoăn suy nghĩ mãi. Trong nhà khách , đèn bánh ú phất bằng giấy ngũ sắc và các ngọn đèn "toạ đăng" , đèn "huyền đăng", cái thì thắp bằng dầu phộng , cái thì thắp bằng dầu dừa , có đến hai chục ngọn , toả ra ánh sáng vàng hoe, lúc tỏ lúc mờ. Người ta kể ra người vào đông nghẹt , ai nấy đều nóng ruột đợi chờ, bàn tán thì thầm -- không ai dám cười to nói lớn. Bỗng từ ngoài ngõ , có tiếng xôn xao :

- Cự lớn tới ! Cự lớn tới !

Rồi tiếng trống , tiếng chiêng nổi dậy : "Thùng !..thùng !... thùng !.. Boong..boong... boong". Trên hai chục bó đuốc thắp lên sáng rực cả một góc trời.

Những đám người đông nghẹt ngoài hè , ngoài sân , ngoài hàng rào , đều thấy hai ông Tây , hai bà Đầm và một ông quan An Nam đeo thẻ ngà tòn-ten trước ngực. Ông Xã và các hương chức đều sụp xuống đất lạy "Quý Quan". Chàng thanh niên Lê văn Thanh với ông Hương Cả đã chạy ra đến nơi , cúi đầu cung kính vái chào. Ông Sứ gật gật đầu... bà Đầm cũng gật đầu... Lê văn Thanh mời quý vị quan khách vào nhà. Tuy trời tối và gió mát , nhưng dân làng cũng phải theo nghi lễ , cầm sáu cây lọng che sáu vị thượng quan : "Quan Sứ và bà đầm " đi trước , kế đến là "Quan Phó Sứ và

bà đầm phó sứ ", rồi mới đến "Quan Tuần và bà lớn". Tất cả các quan khách khác đi theo sau không có lọng. Tiếng trống tiếng chiêng - Thùng ! Thùng ! Thùng ! Boong ! Boong ! Boong ! còn vang rền , cho đến khi "Quý Quan" đã an toạ trong nhà khách.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 7

Phía sau nhà , mặt trăng sáng rực từ từ trời trên mấy ngọn tre xao xác gió , dội ánh sáng mát dịu tràn ngập trên vườn cau. Mọi người đều nô nức hân hoan , nhưng vì sợ "Quý Quan" nên ai nấy đều im lặng... đi nhón gót , và nói thì thầm. Chỉ nghe tiếng nói tiếng cười xí lô xí la của "quý Quan Tây" và "quý bà đầm"...

Lê văn Thanh đứng hầu , thỉnh thoảng trả lời câu tiếng Tây "Ủy , Mơ sừ lơ rê si đăng".

Quan Công Sứ vui cười bảo Lê văn Thanh :

- Vợ mày đâu ? Mày không giới thiệu với chúng tao à !

Bà đầm cũng hỏi Thanh :

- Chắc vợ mày đẹp lắm hả ?

Thanh không biết khiêm tốn , thật thà khoe với bà đầm bằng thứ tiếng "bồi ba rợ" :

- Oui, madame , ma femme est plus jolie , elle est la première plus jolie que dans cette province.

(Dạ , thưa bà , vợ tôi là đẹp hơn , đẹp thứ nhất trong tỉnh này).

Các ông tây bà đầm đều cười rộ lên. Họ cười vì chàng nói chữ tây trật bậy , trật bạ , vì câu trả lời khoe khoang ngớ ngẩn. Nhưng Lê văn Thanh tưởng là họ khen , nên chàng tỏ vẻ hãnh diện. Chàng quay ra đăm bà con, họ hàng , làng xã , dân chúng , đứng xúm xít chung quanh , đông nghẹt cả sân , cả hè , để coi ông tây bà đầm.

Chàng nói lớn với họ :

- Vô biểu vợ tôi ra đây để ra mắt cụ Sứ , các quan lớn bà lớn.

Tức thì có hai ba người chạy vào trong nhà , nói to :

- Cô Ký đâu ? Cụ Sứ và cụ lớn , bà lớn kêu cô ra để chào các quan ! Ra mau ! ra mau !

Tò mò nhất là bà đầm vợ viên công sứ , một thiếu phụ Pháp , trẻ đẹp , trạc 30 tuổi , bà muốn thấy lần đầu tiên một cô thiếu nữ Việt Nam con gái một

nhà giàu nhất tỉnh mà bà nghe nói có học chữ Quốc Ngữ , lại là vợ một viên thư ký , nghĩa là vào hạng "văn minh" nhất thời bấy giờ, xem nhan sắc , lối ăn mặc , điểm trang , cử chỉ , ngôn ngữ của cô như thế nào.

Cô Ba Hợi từ trong nhà bước ra , cô vòng tay trước ngực , có vẻ thẹn thùng và rất sợ sệt. Cô ăn mặc ba lớp áo màu dài đến đầu gối , quần đen , đi chân không , đầu búi tóc sức dầu dừa mặt đẹp tự nhiên không son phấn.

Trình diện với các quan khách , cô vòng tay trước ngực , luôn luôn cúi mặt xuống và không cử động nào. Cô đứng yên như pho tượng. Viên Công Sứ cười bảo Thanh :

- Mày bảo nó ngược mặt lên xem nào. Nó có vẻ đẹp lắm.

Thanh quen mồm đáp cụ Sứ :

- Ủy mơ-sừ Lơ-rê si- đăng

Rồi chàng khẽ bảo vợ :

- Cụ Sứ bảo ngược mặt lên.

(Thời bấy giờ thanh niên nói với vợ mới cưới hay là nói với người yêu chưa biết gọi bằng "em" thường gọi trống không)

Cô Nguyễn thị Hợi ngượng nghịu , bẽn-lẽn , khẽ ngược mặt lên một tí thôi.

Bà đầm gật đầu , nói nhỏ với chồng :

- Nó đẹp đấy nhi?

Ông Tây cũng gật đầu :

- Không xấu.

Viên Công Sứ theo lễ độ của người Pháp , đứng dậy , nghiêm nghị nói với vợ chồng Lê văn Thanh :

- Chúng tôi thành thật cảm ơn cha mẹ anh và anh đã có lòng tốt mời chúng tôi đến dự buổi tiệc rất đẹp hôm nay , để mừng đám cưới của anh , và nhân dịp vui này chúng tôi có lời chúc anh và vợ anh một hạnh phúc lâu dài một trăm năm.

Lê văn Thanh tại vì không thông thạo chữ tây lắm , nên chỉ biết đáp lại một câu cảm ơn cụt ngủn :

- Mọc xì , Mơ-sừ Lơ-rê-si- đăng.

Xong, chàng bảo vợ vái chào "cụ Sứ" và các quan. Nàng làm theo lời của thầy Ký Thanh.

Khi cô Nguyễn thị Hợi đi rồi, bà đầm hỏi Lê văn Thanh:

- Sao coi bộ nó buồn thế? Không có một tí nụ cười nào cả.

- Dạ thưa bà nó sợ lắm.

Bà đầm hỏi “tại sao?”, Thanh không biết trả lời.

Các quan đều phì cười, nhưng cũng khen Thanh cưới được vợ đẹp lắm và có vẻ hiền lành.

Buổi tiệc vui vẻ, kéo dài đến lúc trăng lên trên nóc nhà, vào buổi giờ Hợi (11 giờ khuya). Lê văn Thanh không ngồi bàn, luôn luôn vòng tay đứng bên cạnh “ông Sứ” để “hầu hạ” và đối đáp những lúc các ông tây bà đầm hỏi chuyện về phong tục Việt Nam.

Làng xã và dân đều châu chực ngoài sân, ngoài vườn, ngoài ngõ, đông như buổi chợ. Họ phải đợi khi quan Sứ về, họ lại đánh trống, đánh chuông, và đốt ba chục bó đuốc, tiễn các quan ra đến ngoài đường. Quan Sứ, quan phó Sứ, và hai bà đầm, lên ngồi xe hơi, chiếc xe hơi độc nhất hiệu Delahaye, cao ngồng, và kêu rầm rầm, mà dân chúng không dám đến gần, sợ nó “hút chết”. Quan Tuần vũ lên xe song mã, bánh sắt, hai con ngựa kéo. Các quan tây khác đều cưỡi ngựa, mỗi con ngựa đều có đeo lục lạc quanh cổ, kêu leng keng... leng keng khi ngựa chạy. Quan Phán Bích đầu Tòa ngồi trên chiếc xe kéo nhà của ông, do một người “cu-li” kéo, và một người dân làng đẩy phía sau, cho xe chạy êm. Còn các quan khác đều đi bộ về tỉnh, nhưng có dân làng cầm đuốc hộ tống về đến Cửa Bắc.

Tính ra tiệc cưới của Lê văn Thanh tốn hơn 300 quan tiền kẽm. Đám cưới, và nhất là bữa tiệc, vì bữa tiệc này quan trọng hơn đám cưới, được dân làng, dân tỉnh, và bà con cô bác xa gần, bình phẩm cả tháng chưa hết chuyện. Đại khái họ nói về cô Nguyễn thị Hợi và Lê văn Thanh:

- Cô Ký được bà Sứ khen là xinh.

Cô Hai Nghĩa, em họ của Thanh:

- Chị Ký mặc áo đẹp quá, răng đen bóng cũng đẹp quá.

Chú Trùm Trương tắc lưỡi:

- Thầy Ký nói tiếng tây hay ghê! Mình biết vậy, hồi đó mình học tiếng tây chơi, bây giờ cũng làm thầy Ký rồi.

- Thầy xô tiếng tây đóp- đóp, quan Sứ, bà Sứ hỏi gì thầy cũng trả lời trôi

cháy hết. Thiệt là giỏi!

Mấy bà già và mấy cô gái ứa phê bình bà Sứ không ngớt:

- Nè bà đầm có hai cái vú to bằng trái bưởi lận, bà con ơi.

Cả đám đông phụ nữ cười sặc sụa. Bà Hương Bộ nói chêm vào:

- To hơn trái bưởi đó! To hơn cái đầu thằng Tý đây nè.

Bà chỉ cái đầu thằng Tý bà ẵm trong tay, con bà vừa mới thôi nôi. Máy bà mấy cô cười nghiêng ngả.

Cô Bốn Định, con gái bà xã Bảy, hỏi:

- Sao đầm họ để vú tròn vo vậy mà họ không mặc cỡ thím Hương he!

- Ở sao họ không mặc cỡ! Người An Nam mình thì lo ép cái vú cho nhỏ bớt, đầm họ cứ để vậy, vậy mà vẫn minh gì đâu?

- Họ để răng trắng nhòn, không nhuộm, coi cái miệng trơ quá há?

Bà Xã Bảy khám phá một điều ghê gớm hơn nữa, nhưng bà nói nhỏ nhỏ, sợ đàn ông nghe:

- Nè, đầm họ không mặc quần!

Cả đám phụ nữ cười lăn lộn, cô Hai Bình té ho sù sụ và cười sặc sụa. Thím Hương Kiềm vừa nhai trà vừa hỏi:

- Sao chị biết họ không mặc quần?

Câu hỏi không có câu trả lời, chỉ toàn là tiếng cười ồn ào, ầm ỹ cả nhà. Thím Hương Kiềm nhổ một bãi nước trà đỏ ngòm trên hè, lấy tay chùi miệng rồi nói tiếp:

- Tui, thì tui thấy họ không biết ăn trà. Hồi anh Ký nó bưng khay trà ra mời, bà đầm hỏi gì đó rồi bả lắc đầu. Chỉ có Quan Tuần Vũ và các quan khách An Nam ăn thôi. Tây với Đầm không ai ăn cả.

Cô Bốn Định hỏi:

- Thím xã có thấy đôi giày của bà Đầm không? Giày gì mà cái gót cao nghệu, vậy mà họ đi không té, tài thật!

Bà Xã làm ra vẻ thông thạo:

- Tại đầm họ bước đi thì hai cái mông dít lắc qua lắc lại, họ không té chớ sao!

Trong lúc phụ nữ phê bình bông lơn về y phục của bà đầm, thì đàn ông cũng phê bình ông tây. Hầu hết dư luận dân chúng, từ lão thành đến thanh

thiếu niên đều có tính cách vừa sợ sệt , vừa khôi hài. Họ sợ sệt vì ông tây to lớn , lực lưỡng "oằm xừ " và "Nhà Nước Đại Pháp văn minh ". Nhưng họ vẫn khôi hài , chế nhạo vì những cử chỉ phong tục của người tây phương không giống với người mình. Họ vẫn mỉa mai , đặt lên những câu ca dao và những bài về trào phúng để ngạo ông tây. Nhưng đó là lén lút. Chứ giữa đời sống mới của nước nhà công khai đặt dưới quyền ông tây , thì Lê văn Thanh được dịp "oai" với làng xã , và bà con cô bác. Bây giờ ai cũng sợ chàng. Cô Ba Hợi cũng được dân làng kính nể. Cô đi ra phố , ai gặp mặt cũng cúi đầu , chấp tay chào "thưa cô Ký"... "thưa chị Ký" ... "thưa dì Ký". Cho đến ông Tú Phong , nhà Nho học lão thành , và được dân chúng kính phục , thầy học cũ của Lê văn Thanh , gặp hai vợ chồng Ký Thanh cũng chào hỏi niềm nở : "Thầy Ký ở tên toà về đây à ? "... " thầy Ký lên toà đây hả ? "... "cô Ký đi chợ hay đi đâu đó ? ".

Nhất là từ năm 1915, thì tất cả kỳ thi Hương , thi Hội và Nho học ở Trung Kỳ đều bị bãi bỏ hẳn , do sắc lệnh của "Hoàng Đế An Nam" tuân theo chính sách của Nhà Nước Bảo Hộ , ông Tú Phong coi bộ buồn bã , tức giận , nhưng không thốt ra một lời.

Từ khi có sắc lệnh mới của Vua năm 1915, bãi bỏ khoa cử theo lối xưa , học trò ít đi học ông Tú Phong nữa. Một số đông thanh thiếu niên trong tỉnh bắt đầu nộp đơn xin học trường "Nhà Nước" , gọi theo danh từ là "Trường Pháp Việt " --- "Ecole Franco - Annamite , hay là Ecole Franco Indigène ". Nhưng chúng ta hãy tạm gác lại những sự kiện lịch sử này , trong một chương sau tôi sẽ nói tiếp. Bây giờ chúng ta trở lại đêm tân hôn của Lê văn Thanh , chàng thanh niên mới cưới vợ , năm 1915.

Sau khi các quan khách ra về rồi. Ông Hương Cả , thân sinh của chàng , gọi chàng vào nhà trong để nói nhỏ với chàng một giọng rất nghiêm nghị :

- Cha đã chọn giờ tốt cho con "động phòng" trong đêm tân hôn của con. Con phải đợi đúng giờ Tý , ước chừng mặt trăng lên đến giữa sân , con mới được vô buồng làm lễ "hoa chúc" với vợ con.

Lê văn Thanh hí hờn sung sướng lắm. Chàng chạy ra sân ngó lên trời , thấy trăng lơ lửng trên nóc nhà còn một xí nữa mới lên đến giữa sân. Chàng vào nhà khách chờ đợi rất ngoan ngoãn.

Một lát sau trăng lên gần giữa sân. Thanh không kịp hỏi cha , mừng quỳnh , len lén chạy trước cửa buồng của chàng và đẩy cửa bước vào. Chàng cài then lại. Cô Nguyễn thị Hợi bẽn-lẽn , đang ngồi trên một góc giường. Cô vẫn mặc y nguyên cả ba chiếc áo lụa dài , không cởi ra. Thanh thấy một chiếc bàn mà ai đã kê sẵn nơi đầu giường lúc nào chàng không được biết. Trên bàn đã để một đĩa trầu cau tằm rồi , một bình rượu với hai cái chén nhỏ. Hai cây đèn bạch lạp cháy hiu hiu... Thanh đến trước mặt cô Hợi , nhưng không đứng gần. Với một giọng run run , gần như không ra tiếng , chàng nói ấp úng , nàng ngồi cúi mặt xuống nghe :

-... Ở... Ở... làm lễ động phòng... hoa chúc...

Nói mấy lời đó , chàng cũng rụt rè e lệ. Nàng khẽ đáp :

- Thầy (#1)... Ông lạy trước Nguyệt... hai... đĩa... mình phải lạy một lượt chớ.

Nàng đứng dậy. Chàng bước đến bàn thờ Nguyệt lão (#2), lấy bình rượu rót ra hai chén , rồi thắp hai que nhang , đưa cô Hợi một que , chàng cầm một , Hai người đồng lạy. Xong chàng lấy một chén rượu đưa cô Hợi :

-... Ở... Ở... uống rượu...

Nàng đưa hai tay lễ phép nhận chén rượu , và nâng lên uống cạn một lượt với chàng. Chén rượu nhỏ thôi , chắc là uống không say lắm.

Chàng lại lấy một miếng trầu cau, trao nàng :

- Ở... Ở... ăn trầu...

Nàng cũng đưa hai tay lễ phép nhận miếng trầu tươi cau tươi và đưa vô miệng nhai. Nàng nhai nhỏ nhẹ chậm rãi , rất có duyên. Chàng vừa ăn trầu , vừa cởi chiếc áo gấm và áo dài trắng treo trên tường , chỉ còn mặc chiếc áo cụt. Chàng lên giường nằm , miệng còn nhai trầu móm mém. Cô Nguyễn thị Hợi vẫn cứ mặc nguyên ba áo hàng màu , ngồi ghé một bên mép giường , cúi mặt xuống ra chiều bối rối , hai tay mân mê tà áo.

Tuy đã lên giường , nhưng Lê văn Thanh còn mắc cỡ nằm quay mặt vào vách đất , làm thỉnh, miệng cứ nhai trầu không ngớt. Một lát khá lâu , chàng cất tiếng nói , nhưng không dám ngoảnh mặt ra ngó cô vợ mới cưới :

- Cô Ba không cởi áo đi nằm , kéo mệ ! Khuya rồi... bây giờ là giờ... Tý...

Nàng khẽ đáp : "ạ" nhưng không dám cởi áo , cứ để nguyên ba lớp áo

hàng màu , nằm ghé xuống bên lề giường.

Rồi mạnh ai nấy ngủ.

Gà gáy hết canh năm (vào khoảng 5 giờ sáng) , chàng chợt tỉnh dậy, thấy vợ nằm sát cạnh giường sắp té xuống đất , mới nằm lại gần nàng , nắm tay lung lay :

- Cô Ba... cô Ba... nằm xít vô , kéo té... nằm xít vô...

Nàng vẫn nhắm mắt như ngủ mê , nhưng cũng nghe lời chàng , nắm xít vào một tí , một tí thôi. Chàng hồi hộp sung sướng , khẽ đặt bàn tay lên cánh tay cô vợ trẻ mà chàng nhìn thấy xinh đẹp như nàng Tiên giáng thế...

Lê văn Thanh hồi hộp khẽ đặt bàn tay lên cánh tay áo hàng màu lục của cô vợ trẻ... cô Ba để yên , không nói gì nhưng khi chàng bạo tay hơn một tí , khẽ đưa bàn tay dần dần lên ngực cô , thì cô Ba hất tay ra , rồi co cánh tay của cô lên để che ngực , mặc dầu cô đã mặc ba lớp áo hàng màu , chưa kể áo cụt trắng ở trong cùng chiếc yếm đen của cô cột chặt vào cổ và lưng.

Thấy cô vợ mới cưới còn giữ gìn e lệ , Lê văn Thanh không dám làm ầu , vội vàng rút bàn tay , nằm im phăng phắc.

Gà gáy lần thứ hai... rồi lần thứ ba , vào khoảng 6 giờ sáng. Trong cảnh vật còn mơ màng lạng lẽ , mọi vật như còn ngái ngủ , tuy trời đã hừng sáng , tiếng kèn rạng đông ở trại lính khố xanh bỗng vang lên thánh thót , cả tỉnh thành đều nghe :

tò te tí tò tí te

tí tò tí te, tí tò te tí

te tò te tí , tò tí te

tí tò tí te , tí tò tò te...

Cô Nguyễn thị Hợi vội vàng ngồi dậy , không nói năng một lời , ra mờ cửa buồng , đi thẳng xuống bếp. Cô đến chum nước lạnh , lấy gáo dừa múc một gáo nước , trút nước ra bàn tay đưa lên rửa mặt. Rửa xong , cô đưa vạt áo dài lên lau. Cô hớp một hớp nước để súc miệng. Lúc bấy giờ không có thuốc đánh răng. Vả lại , răng các bà , các cô đã nhuộm đen (cả một số đàn ông theo Nho giáo cũng nhuộm răng đen) thì làm sao đánh răng được ?

Trái lại , lâu lâu cách năm bảy tháng , cô Nguyễn thị Hợi còn phải nhuộm lại hàm răng cho đen thêm , đen ánh như hột măng cầu (tiếng bắc : hạt na

). Trong mấy ngày nhuộm răng , để cho thuốc nhuộm thật khô , cô Ba Hợi phải nhịn ăn các đồ nóng và các đồ cứng rắn , chỉ ăn cơm nguội hoặc cháo nguội , và các món ăn mềm.

Cô Ba Hợi -- từ nay người ta gọi là cô Ký Thanh -- vào nhóm bếp nấu nước sôi để pha trà. Thầy Ký đã thức dậy , ngồi ghế tràng kỷ ở nhà trên , uống trà với ông Hương Cả , thân phụ của chàng.

Tội nghiệp cho chàng thanh niên mới cưới vợ ! Đêm tân hôn đáng lẽ là đêm thơ mộng xiết bao , là đêm tràn trề hạnh phúc của tình yêu son trẻ , mà sau khi làm lễ hợp cẩn với vợ , chàng vẫn chưa được gần vợ , bởi cô còn quá thẹn thùng chưa dám gần chàng ! Cho đến đêm thứ hai , nàng vẫn còn xa cách... chàng phải rủ rĩ bên tai nàng vài câu chuyện bâng quơ, gọi nói chuyện sao cho nàng mỉm cười , nàng vui vẻ , bạo dạn , hết còn bẽn-lẽn , sợ sệt như đêm đầu. Ký Thanh không quên xử dụng vài câu chữ Nho trong các sách Khổng giáo để quyến dụ người đẹp đêm tân hôn. Chống tay trên chiếc gối gỗ , nửa nằm nửa ngồi khếp nép bên lề giường , chàng run đùi khẽ nói , cố gắng giọng hùng hồ như Thầy Đồ dạy học :

- Đức Thánh , Ngài nói rằng : "Thiên hạ chi đạt đạo ngũ viết quân thần già , phụ tử già , phu phụ già , môn đệ già , bằng hữu chi giao già , ngũ già , thiên hạ chi đạt đạo già... " (ở đời có 5 đạo : đạo vua tôi , đạo cha con , đạo vợ chồng , đạo anh em , đạo bạn bè giao hảo : ấy là 5 đạo thiên hạ phải thực hành). Tôi tự xét tôi đi làm việc Nhà Nước , ấy là tôi đạt được quân thần chi đạo. Tôi ăn ở có hiếu với cha, ấy là tôi đạt được phụ tử chi đạo... Nay tôi đã gá nghĩa cùng cô Ba , thì tôi trộm xét cái thân bảy thước này không đến nỗi vô ích với đời , tôi đã thành đạt cái nam nhi chi khí. Tôi thương cô Ba bao nhiêu , tôi lại nhớ câu trong Kinh Thi bấy nhiêu : "thê tử hảo hợp , như cổ sắt sắc cầm , nghi nhĩ thất gia lạc nhĩ thê noa... Phụ mẫu kỷ thuận hỹ hồ" (vợ con hoà hợp như tiếng đàn sắt đàn cầm, nhà cửa đoàn tụ vợ con vui vẻ... cha mẹ được hoan hỷ lắm thay...)

Ký Thanh ngâm mấy câu sách Nho , khoái chí gật đầu , rồi cao hứng xô một mớ tiếng tây ba rọi :

- Tục ngữ An Nam mình nói : "Thuận vợ thuận chồng , tát biển đông cũng cạn". Tây thì nói "Unis la femme et le mari , puisser de l'eau... dans le mer

de l Est... est vidé aussi... ".

Thanh vừa nói vừa nhai trầu mồm mém , vừa cười tủm tỉm. Chàng nuốt nước trầu một cách ngon lành, trong lúc cô Ba ngồi nghe như vẹt nghe sấm , thầm phục ông chồng tài hoa của cô . Chàng khẽ bảo :

- Cô Ba nằm xuống nghỉ , kéo khuya rồi , cô Ba . Đã quá giờ Tý rồi đó.
- Dạ thầy ngủ trước đi.

Lê văn Thanh nằm xuống giả vờ ngủ và ngáy khò khò... Chàng chỉ giả vờ thôi , sự thực thì chàng vẫn thức , để rình lúc cô Ba ngủ.

Một lúc sau , cô Ba đứng dậy nhẹ nhàng , cởi áo dài ra , chỉ còn mặc áo cụt trắng. Cô nằm xuống , nhưng vẫn nằm riêng bên lề giường. Cô không dám đụng chạm vào da thịt người đàn ông , chồng của cô . Một lúc khá lâu , cô nghe ở nhà trên , nhà cầu , nhà bếp , ngoài hè toàn những tiếng ngáy của những người đã ngủ say , mệt mỏi. Trên đất , tiếng thằn lằn chạch lười. Tiếng ếch nhái kêu ột... uếch... ngoài sân..Cô nằm lim dim một lúc , không chợp quậy. Thanh tưởng cô đã ngủ rồi , mới len lén nằm kề bên cô.

Chàng khẽ đặt mũi lên đôi má ấm ấm của nàng mịn và thơm như hai cánh hoa đào , chàng say sưa hít liên tiếp hai ba hơi. Đó là những nụ hôn đầu tiên của cặp thanh niên âu yếm hồi đầu thế kỷ này. Nàng làm bộ ngủ mê để chàng muốn làm gì thì làm. Đêm nay, nàng không chống cự , từ chối một tí gì cả.

Một buổi sáng , trong lúc Ký Thanh ngồi uống nước trà trên tràng kỷ với ông Hương Cả , ông bảo chàng :

- Tiệc cưới của con , tất cả bà con cô bác trong tỉnh ai cũng có tới dự vui vẻ. Nhưng cha không thấy mặt chú thợ Ba , cha thằng Chuột. Tại sao vậy kìa ?

- Chú thợ mộc ấy không ưa nhà mình.

- Cha nghĩ chắc rằng có lẽ thằng Chuột được Nhà Nước cho học bổng đi học trường Quốc Học ở Huế , nên chi chú thợ Ba làm phách , không thèm tới dự tiệc cưới của con đó.

Ký Thanh nổi giận :

- Tiệc cưới của con , trên có cụ Sứ , cụ Phó Sứ , cụ Tuần , dưới có làng xã đông đủ hết , như vậy đã danh giá biết bao. Chú thợ Ba làm phách với ai ,

chớ làm phách với nhà mình sao được ?

- Chắc có lẽ chú ý thằng Chuột học giỏi hơn con ?

Ký Thanh làm tỉnh , ganh ghét thằng Chuột nhưng không làm sao được.

Ông Hương Cả đoán như có phần đúng hẳn. Thằng Chuột -- từ nay chúng ta gọi tên chính thức của chính nó là Trần Anh Tuấn -- đã cắp võ đi học trường Nhà Nước sớm hơn Lê văn Thanh hai năm. Các bạn còn nhớ hồi đó nó mới 8 tuổi chưa biết mặc áo quần , vì thầy giáo quen với cha nó , dọa nạt nếu nó không đi học trường Nhà Nước thì cha mẹ nó sẽ bị quan tây bỏ tù , cho nên nó phải cắp võ đi học A, B,C...

Hai năm sau , Lê văn Thanh nhờ thằng Chuột dạy lại A, B , C... cho chàng , rồi chàng xin vào học lớp Năm "Trường Nhà Nước" , thì giờ bà con trong tỉnh và ở cửa Bắc , không gọi nó là thằng Chuột nữa , mà gọi nó đố bằng "ri-me" , vì Trần Anh Tuấn là người học trò đầu tiên ở cửa Bắc học chữ tây đã thi đỗ cấp bằng ấy. Đáng lý ra , Tuấn được danh vị mới là "Tân Học Khoá Sanh ". Nhưng theo lệ làng đã có từ thời Nho học , người nào thi đỗ một cấp bằng mới , được chức mới , phải giết bò giết heo "khao làng" (đãi làng) thì dân chúng trong làng cũng như trong tỉnh , mới chính thức gọi kẻ tân khoa bằng chức vị mới. Không phải thi đỗ Tú Tài , Cử Nhân là được người ta gọi "ông Tú " , "ông Cử" đâu. Phải làm tiệc khao làng , đãi toàn thể dân làng ăn uống rồi mới được dân làng gọi "ông Tú " , "ông Cử". Tục lệ "xôi thịt" ấy có từ thời khoa cử cựu học , thời đại phong kiến của chế độ quân chủ , vẫn cứ duy trì với trào lưu tân học.

Vì Tuấn con nhà nghèo , gia đình chú thợ mộc không có tiền để khao làng xã , cho nên Trần Anh Tuấn thi đỗ "ri-me" , vẫn bị dân làng gọi là "trò Chuột" , chớ không ai gọi là "cậu Khoá". Vả lại , Tuấn, mới 12 tuổi , nên bị coi như là con nít , không được người ta trọng vọng.

Trái lại , hai năm sau Tuấn , Lê văn Thanh thi đỗ bằng "ri-me", nhờ nhà nước hạ lệnh "đón rước tân khoa" và nhờ ông Xã Quý giết bò , giết heo , để đãi làng ăn uống phủ phê suốt hai ba ngày , cho nên Thanh được dân làng tâng bốc. Kế đó , Thanh được bổ làm thông ngôn ký lục ở toà Sứ , lại khao lần nữa , mới được làng gọi là thầy "Ký".

Trần anh Tuấn , con chú thợ mộc , nghèo , không có ruộng đất , tuy học

giỏi hơn Thanh , thi đỗ sớm hơn Thanh hai năm , và được nhà nước bảo hộ cấp học bổng cho đi học trường Quốc Học ở Huế , vẫn cứ bị làng xã gọi là "trò Chuột" , cái tên ấy không vinh dự tí nào.

Chính ông Hương Cả cũng khinh miệt thằng Chuột là con nít và coi rẻ chú thợ mộc là dân nghèo. Tức giận vì sự cách biệt khinh khi ấy , nhưng hãnh diện vì con mình được đi học ở Huế , sẽ đỗ đạt cao hơn và sẽ làm chức tước lớn hơn , nên cha "trò Chuột" không thèm đến dự tiệc cưới, nhưng chú thợ mộc Ba cũng đến mừng xã giao ông Hương Cả và " thầy Ký ". Chú mặc bộ quần áo vải ta , thứ vải thô sơ rẻ tiền nhất do người trong xóm dệt bán , mà chú thường mặc thường ngày , một chiếc khăn vắt vai , chú đi lững thững đến nhà ông Hương Cả. Trong câu chuyện bãi buôi, ông Hương Cả mời chú Ba thợ mộc ăn trà , rồi hỏi :

- Thằng Chuột bây giờ học lên lớp mấy , chú Ba ?
- Dạ , thưa ông Cả , nó mới học lớp đệ nhị niên.
- Mấy năm nữa mới thi lận ?
- Dạ thưa , nó nói còn hai năm , đệ tam niên , đệ tứ niên , rồi thi đít-lôm.
- Tôi cũng muốn cho thằng Ký ra Huế học đít-lôm , nhưng cụ Sứ thương nó , biểu nó đi làm việc ở toà , nên nó vâng lệnh cụ Sứ... Thiệt cụ Sứ thương thằng Ký lắm... Cụ khen nó giỏi chữ Tây.
- Dạ , thưa ông Hương Cả , bữa trước tôi cũng tính đến mừng thầy Ký , nhưng tôi nghe nói cụ Sứ tới , tôi sợ cụ Sứ , nên tôi không dám đến.
- Cụ Sứ thương thằng Ký , cụ mới tới dự tiệc cưới của nó , chớ đời nào cụ tới nhà An Nam. Có bà lớn Sứ nữa. Cụ lớn ông và cụ lớn bà đều có bắt tay "bỏ sua" (bonjour) tôi.
- Dạ , tôi có nghe nói .
- Sao chú không cho thằng Chuột đi làm việc như thằng Ký của tôi , có phải danh giá không ! Nhà chú nghèo mà cho nó đi học Quốc Học ở Huế làm chi vậy ? Chữ tây khó lắm , thằng Chuột nó còn nhỏ nó học sao nổi ?
- Dạ thưa ông Cả , cũng vì con tôi còn nhỏ tuổi , nên ra làm việc sao được. Với lại, nó có học bổng của Nhà Nước , chớ tôi làm gì có tiền cho nó đi Huế... Ôi , thưa ông, tôi để thầy kệ nó , nó muốn học gì thì nó học. Phận tôi nghèo hèn dốt nát , tôi đâu dám nghĩ chuyện cao xa...

- Ủ , chú nói phải , châu chấu đá voi sao nổi.

Chú thợ mộc nói qua loa vài câu chuyện nữa , rồi đứng dậy lễ phép xin cáo từ. Bề ngoài , cha "trò Chuột" làm ra vẻ khiêm nhường , ti tiện trước mặt ông Hương Cả, nhưng trong thâm tâm chú cười thầm , tự bảo : "Hai năm nữa , thằng Chuột thi đậu bằng đít lôm, rồi hai cha con ông sẽ biết hai cha con tôi."

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 8

1910-1916

- Những kẻ nịnh Tây, tâng bốc "Quan Lớn Đại Pháp" .
- Trường Quốc Học Huế đến năm 1907 mới có kỳ thi Tiểu-học đầu tiên.
- Trường Nữ-học Đồng Khánh Huế mở năm 1917.
- Năm 1910, toàn xứ Trung-kỳ tổng cộng chỉ có 1595 học sinh.
- Chiếc xe hơi đầu tiên. Dân chúng hoảng sợ.
- Saigòn năm 1910 tổng cộng dân số : 70.000 người, trong đó chỉ có 40.000 người Việt.
- Có chiếc "xe máy" (xe đạp) là "văn minh" nhất.
- Saigòn năm 1910, chỉ có tất cả là 5 chiếc ô tô của Pháp.
- Thanh niên Saigòn mang giầy "ma mị"
- Vụ Vua Duy-tân, tháng 5 năm 1916, Huế.
- Ảnh hưởng của Vua Duy-tân (16 tuổi) đối với thanh niên Việt Nam hồi đó.
- Vụ giặc Đồng Bào năm 1908.

Thanh niên Việt Nam theo tân trào tây học ,vào khoảng 1910-1916, không phải tất cả đều như Lê văn Thanh. Nhưng Thanh là một nhân vật điển hình của một lớp trẻ mới tiếp xúc lần đầu tiên với uy quyền của nước Pháp bảo hộ, khiếp sợ trước binh lực hùng cường của người Pháp, và khâm phục văn minh cơ khí của Pháp, cho nên họ hòa theo đám quan lại nịnh tây mà tôn kẻ chiến thắng bằng những danh từ tâng bốc thông dụng từ Bắc đến Nam : "Quan Thầy Đại Pháp", "Nhà Nước Đại Pháp"... --"Mẫu Quốc Bảo Hộ" v.v...

Mà chính người Pháp cũng không ngờ. Những khẩu hiệu chính thức ấy không phải do người Pháp đặt ra. Phải nhìn nhận một sự thật rõ ràng là ngay từ lúc Pháp mới sang đô hộ xứ ta, họ chỉ tuyên truyền và đề cao văn minh của họ mà thôi, chớ không khi nào họ bắt buộc người Việt Nam phải suy tôn họ bằng những câu nịnh bợ như trên kia. Họ chỉ gọi xứ họ là "nước

Pháp" - La France , chớ không bao giờ tự đề cao là "Đại Pháp", là "quan thầy Đại Pháp " v.v... cũng như họ gọi Viên Toàn Quyền hoặc viên Khâm Sứ của họ là "Ông Toàn Quyền", "Ông Khâm Sứ " v.v... như người Việt Nam suy tôn họ. Cái lối tâng bốc phong kiến tạo nên là do các quan lại "An Nam " xướng ra đầu tiên, rồi các quan Pháp, các thầy Thông, thầy Ký hòa theo xưng hô thành ra thông lệ. Hạng thanh niên "An Nam" làm việc cho Nhà Nước Bảo Hộ thời bấy giờ, hầu hết là hãnh diện được làm tôi tớ cho "Quan Thầy Đại Pháp" và tranh đua nhau nịnh bợ "quan thầy" để được ban bố ân huệ, tước vị, phẩm hàm, "thăng quan tiến chức".

Đa số lớp thanh niên tây học thời bấy giờ chỉ có một mục đích duy nhất là thi đậu để làm việc cho Nhà Nước tức là "làm Quan" :bên Nam-triều từ Quan Huyện, quan Phủ, đến quan Tuần Vũ, quan Tổng Đốc, quan Thương Thư, bên chính phủ Bảo Hộ thì quan Tham, quan Phán, quan "còm mi ", quan Đốc. Dưới một bậc là thầy Trợ giáo, thầy Thông, thầy Ký cũng ao ước được làm ông quan nho nhỏ. Cho nên lúc bấy giờ người Pháp nhận xét mỉa mai rằng : "TRONG ĐẦU ÓC MỖI NGƯỜI VIỆT NAM ĐỀU CÓ MỘT ÔNG QUAN", nghĩa là người An Nam nào cũng có tham vọng "làm Quan" cả. Sự nhận xét tổng quát ấy kể ra cũng đúng một phần nào. Và lại lúc ban sơ người Pháp cần đào tạo cấp tốc một số công chức để giúp việc cho họ trong các cơ sở mới thiết lập : Tòa Sứ, Kho Bạc, nhà Giây Thép, sở Lục Lộ, nhà Thương, nha Thương Chánh ,v.v... Mà số thanh niên theo học "chữ Tây" tại các trường Pháp - Việt mới mở còn rất ít ỏi, cho nên sự học rất được khuyến khích, thi cử rất dễ dàng và học sinh đỗ bằng "tiểu học" đã được bổ dụng ngay trong các công sở, làm "thông ngôn ký lục".

Riêng ở Trung Việt chẳng hạn, (từ 1900 đến 1945, gọi là Trung Kỳ, trường Quốc Học, ở Kinh thành Huế, được mở từ năm 1896, nhưng mãi đến năm 1909 mới bắt đầu mở kỳ thi "Certificat d Etudes Primaires Franco-Indigenes ". Lúc bấy giờ bằng cấp này còn gọi là bằng Sơ Học, trong dân chúng gọi là bằng "ri-me". Trong làng dạy hai lớp Đồng Ấu và Dự Bị (lớp Năm, lớp Tư), trường Huyện, Phủ có lớp Sơ Đẳng (lớp Ba), trường Tỉnh có thêm lớp Nhì, lớp Nhất. Sau, từ 1917, các trường tỉnh đều đặt thêm lớp Nhì đệ nhị niên, và đổi là Tiểu Học Pháp Việt (École de Plein Exercise),

trường Quốc Học đổi thành trường Cao Đẳng Tiểu Học (Primaires Supérieures) Cũng năm 1917 mở thêm trường Cao Đẳng Tiểu Học Đồng Khánh, riêng cho con gái. Năm 1920, trường Cao Đẳng Tiểu Học Vinh, năm 1921, trường Cao Đẳng Tiểu Học Qui Nhơn.

Năm 1910, các "Trường Nhà Nước" cả Trung Kỳ, tổng cộng chỉ có 1595 học sinh.

1915 có 2.442 học sinh.

1920 có 30.349 học sinh.

1925 có 41.062 học sinh.

1930 có 62.558 học sinh.

Năm 1930, sự học đã phát triển mạnh mẽ khắp xứ, mà số nữ sinh toàn xứ Trung-kỳ cũng mới chỉ có 1986 người, trong số đó có 47 cô ở các lớp Sư phạm và 494 cô ở các lớp Cao đẳng tiểu học (thi bằng diplôme), tức là bằng Thành Chung., gần như Trung Học Đệ Nhất Cấp ngày nay .

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 9

Lê văn Thanh bắt đầu học ABC hồi 19 tuổi. Năm 1911, 20 tuổi cậu xin vào trường Nhà Nước, học lớp Năm, 24 tuổi chàng thi đỗ bằng "ri-me", hai tháng sau được vào làm "thầy Ký" ngay trong tòa Sứ và làm thông ngôn cho ông Công Sứ, tuy sự hiểu biết về tiếng Tây trong bốn năm sơ học chưa bao nhiêu.

Trong lúc đó, Trần anh Tuấn, thằng Chuột nhỏ hơn Thanh 10 tuổi, lại học trước hơn Thanh 2 năm. Năm 12 tuổi nó đã đỗ bằng "ri-me" và được Ông Công Sứ ở tỉnh cho học bổng đi Huế học trường Quốc Học.

Trần anh Tuấn đi Huế bằng cách nào ?

" Đường Cái Quan " đã có rồi, mới đổ đá, nền đất bằng phẳng. Hai bên đường đã bắt đầu dựng cột giây thép. Tuy đến mùa mưa, nhiều đoạn đường bị nước mưa làm trôi cả đất lẫn đá, và cầu cống chỉ được bắt qua các con sông nhỏ, các con sông lớn còn phải dùng đò, nhưng "đường cái quan" mà người Pháp gọi là "đường thuộc địa số 1" để nối liền các tỉnh, từ Saigòn ra Huế, ra đến Hà Nội. Riêng ở các tỉnh Trung Việt, đường sá đã có nhưng xe cộ chưa có. Xe ô tô (ở Nam kỳ gọi là xe hơi, ở Trung kỳ gọi là xe điện) ,ở ngay tại tỉnh lỵ chỉ có ông Công Sứ Pháp có một chiếc mà thôi, xe hiệu Delahaye, cao ngồng, máy nổ kêu rầm rầm, xịt khói phía sau, dân chúng sợ hãi không dám lại gần.

Người ta đồn rằng đứng gần "xe điện" sẽ bị nó hút vào trong bụng máy, chết liền không kịp thở. Chính thầy ký Thanh cũng chưa dám đến gần xe "cụ Sứ ". Các ông tây khác, hoặc đi ngựa, hoặc ngồi trên xe kéo bánh sắt, do một người "cu li an nam" kéo . Xe kéo chạy xa nhất chỉ trong khoảng 30 hoặc 40 cây số (kí-lô-mét) một ngày, và chỉ chạy trong giới hạn một tỉnh. Các "quan An Nam" và các bà vợ quan, đi đâu đều đi cáng và đi từng trạm, lính thay phiên nhau mỗi trạm là hai người khiêng chiếc cáng. Ông quan hay bà quan (bà lớn) nằm trong cáng như nằm trong võng có màn thêu che phủ hai bên.

Dân chúng, đi buôn bán, từ tỉnh này qua tỉnh nọ, dĩ nhiên là phải đi bộ rồi. Phần nhiều, họ rủ nhau 5, 10 người đi cho có bạn, hàng mấy trăm cây số, mất nửa tháng hoặc 20 ngày, có khi hàng tháng. Họ đi bộ như thế từ Quảng Ngãi ra "Tou-Ranh" (Tourane, Đà Nẵng) hoặc từ Hội An vô Nha Trang, Phan Thiết, Đồng Nai ,(Gia Định - Saigòn).

Vì đường sá xa xôi, xe cộ rất hiếm hoi, lại thiếu thốn tất cả những tiện nghi trong cuộc viễn hành, vượt núi băng sông dầm mưa, dãi nắng, cho nên một số người đi buôn bị đau chết dọc đường, một số khác vào đến Đồng Nai rồi ở luôn đấy sinh cơ lập nghiệp, không muốn trở về. Thỉnh thoảng đôi người đi Đồng Nai về, khoe rùm lên rằng ở Saigòn nhà cửa phố xá đông nghẹt, có nhà lầu cao ba tầng, có đường đi rộng ba thước, trên bộ xe hơi chạy "boong boong", dưới nước tàu thủy chạy "vù vù", tối đến đèn điện thấp sáng choang như ban ngày , ông Tây bà Đầm ôm nhau "đăng xê" coi vui mắt quá chừng. !

Thật là văn minh quá sức tưởng tượng của người An Nam ta !

Vì thế ở các tỉnh miền Trung, dân chúng thường ao ước được đi Đồng Nai một chuyến."Đi Đồng Nai", đó là cả một giấc mộng phiêu lưu, như thể đến một thiên đường xa lạ ...

Một số đông phụ nữ trẻ đẹp, nhưng buồn duyên tử phận, giận mẹ chồng hiếp đáp, hoặc bị chồng hắt hủi, thường "cuốn gói đi Đồng Nai - Gia Định ", mặc dầu phải đi bộ. Rồi năm bảy năm sau trở về thăm bà con cô bác, họ đeo đầy vòng vàng, hột, xuyến, chói lọi trên tay trên ngực, má phấn môi son, đầu tóc thơm ngát mùi nước hoa. Thường thường cô Hai hay cô Ba thích dắt theo về một người chồng Đồng Nai, bận quần áo bằng lãnh đen, chân đi giày Tây, đầu đội mũ Tây, miệng bịt răng vàng, và hút thuốc lá Tây...

Đàn ông đàn bà ở đất " Hòn Ngọc Viễn Đông " đi về đây trông oai như ông Hoàng bà Chúa.

Cho nên hầu hết những thanh niên buôn bán ở các tỉnh miền Trung đều đi bộ theo đường cái quan, hoặc đi ghe bầu theo đường biển, kéo nhau vào Đồng Nai Lục Tỉnh. Nhưng còn đám thanh niên học sinh, sau khi đỗ bằng Tiểu học ở tỉnh nhà, thì lại rủ nhau đi Huế, tiếp tục học trường Quốc Học ở

Kinh Đô . Số học sinh đi học trong Saigon rất ít.

Trần anh Tuấn được học bổng mỗi tháng 2 đồng bạc (cũng gần 2.000 đồng bây giờ). Tuấn có đến chào quan Công Sứ ở tỉnh. Ông cho Tuấn đi làm tiền lộ phí. Đổi ra tiền An Nam được 6 quan tiền kẽm. Tuấn xuống bến Thu Xà, chờ ba ngày có "ghe bầu" chở nước mắm và đường bông Quảng Ngãi đi Fai-Foo (Hội An). Cha của Tuấn, chú thợ Ba, có quen với ông chủ ghe, gọi Tuấn đi nhờ ghe ông.

Trước ngày Tuấn ra đi, cha mẹ Tuấn có nhờ thầy phù thủy trong tỉnh chọn được ngày lành tháng tốt, là ngày 2 tháng 8 ta , xuất hành vào giờ Mẹo. Chú thợ Ba cũng có làm thịt một con gà nấu cháo cúng Ông Bà, xin phù hộ cho thằng con trai thượng lộ bình yên. Cúng xong chú Ba chặt hai cái giò gà đưa thầy phù thủy xem.

Thầy sáu Chánh lật qua lật lại cặp giò, xem xét kỹ lưỡng rồi gặt đầu hai ba cái :

- Tốt lắm đây, chú Ba à. Trò Chuột đi Huế học chắc chắn sẽ đỗ đạt thành tài.

Chú Ba vui mừng rót rượu mời thầy sáu Chánh phù thủy. Bà con cô bác trong thân quyến chú thợ mộc, nghe tin "thằng Chuột" đi học tận ngoài Huế, đều có đến chúc mừng. Kê cho nó một quan tiền, người cho vài thước vải quuyến trắng để may quần, vài thước vải trắng đậm để may áo đen. Có người cho cả một cân đường bông, hoặc một xấp giấy tây, một vài gói bánh ít, bánh thuẫn, bánh bò. Tuấn cảm động nhận lãnh tất cả, nhét tất cả trong một khăn gói nặng trĩu trĩu (lúc bấy giờ ở tỉnh chưa có tiệm nào bán va-li). Sáng sớm hôm sau, mặt trời rạng đông, hai cha con chú Ba cột khăn gói vào một đòn gánh, rồi cha một đầu, con một đầu, lạng lẽ khiêng gói ra đi. Họ đi chầm không và đi bộ xuống tận Thu Xà để Tuấn lên "ghe bầu" theo đường biển ra Fai-Foo (Hội An). Từ Fai-Foo, Tuấn sẽ đi xe kéo ra Tu Ranh (Đà Nẵng), rồi lên xe lửa đi Huế.

Còn hai tháng nữa mới tựu trường, niên khóa 1915-16, Tuấn mới 12 tuổi.

Trong lúc Tuấn đi ghe bầu ra Huế tiếp tục học tại trường "Quốc Học", thì các lớp thanh niên các tỉnh ở "Bắc Kỳ" và "Nam Kỳ ", cùng lứa với Tuấn, cũng lục tục lên Hà Nội và Saigon, học để thi bằng "đít-lôm" . Song song

với trường Quốc Học Huế, ở Hà Nội có trường Trung Học Bảo Hộ (collège du Protectorat) ở làng Bưởi nên thường gọi là trường Bưởi. Ở Saigon có trường trung học Chasseloup-Laubat.

Chế độ cai trị của người Pháp ở Bắc Kỳ không khác ở Trung Kỳ. Bắc kỳ vẫn là đất của "Đại Nam Hoàng Đế" (Empereur d Annam) mà kinh đô chính thức là Huế, lại vừa là xứ Bảo Hộ (Protectorat du Tonkin) thuộc địa của Pháp mà thủ đô là Hà Nội. Còn Nam Kỳ thì bị tách hẳn ra làm nhượng địa của Pháp, không còn dính líu gì với ông Vua An Nam nữa, từ thời Tự Đức năm thứ 20 (1867). Tuy nhiên, về chính trị và hành chính, có sự chia xẻ ba kỳ riêng biệt như thế, nhưng đời sống xã hội, gia đình và luân lý của toàn thể nhân dân Việt Nam, từ Bắc đến Nam, xét về tổng quát vẫn không khác nhau bao nhiêu.

Riêng thành phố Saigon tiếp nhận văn minh của Pháp trước tiên. Người Pháp chiếm đóng, xây dựng thành phố, và củng cố vị trí nơi đây đã trên 40 năm về trước, và ảnh hưởng trực tiếp của họ đến các tầng lớp dân chúng được sậu rộng hơn, và đã tràn lan khắp "Đồng Nai Lục Tỉnh".

Thanh niên Việt Nam ở "Nam Kỳ" đã quen nếp sống mới của văn minh Pháp cũng sớm hơn và bông bột hơn, kể cả hai phương diện vật chất và tinh thần.

Tuy thế, trong giai đoạn thiết lập cơ sở Đông Dương, từ đầu thế kỷ đến Đệ nhất thế chiến 1914-18, trạng thái "văn minh tiến bộ" của Pháp ở ngay Saigon cũng chưa có gì đặc sắc lắm, hãy còn sơ sài, tạm bợ, không hơn bao nhiêu đối với Bắc kỳ và Trung kỳ.

Mặc dầu người Pháp hết sức khoe khoang và quảng cáo cho Saigon "Hòn Ngọc Viễn Đông" của họ "Perle d Extreme-Orient ", nhưng xét kỹ lại thì Saigon cũng chỉ có đôi phần hào nhoáng lộng lẫy ngoài mặt mà thôi, với một dân số không quá 70.000 người

(43.000 Việt nam, 20.000 ngoại kiều: Hoa, Ấn, Xiêm và 10.000 Pháp) trong năm 1910.

Thanh niên Việt Nam ở Saigon hầu hết còn mặc đồ bà ba đen và đi chun không, xe máy chưa có nhiều. Gọi là xe máy, vì lần đầu tiên vào khoảng 1908-1909 dân chúng Saigon ngạc nhiên trông thấy một chiếc xe mảnh

khánh, không có ngựa kéo, không có người đẩy, chỉ có hai bánh bánh bằng cao su đặc mà người ngồi trên xe đạp chạy vo vo . Các nhà thi sĩ thời bấy giờ thấy vậy liền đặt tên cho nó là "con ngựa sắt ", danh từ mà ngày nay thỉnh thoảng còn nhiều người dùng khôi hài.

Xe máy năm 1910 là loại xe sang trọng đắt tiền, của các hạng thanh niên giàu có, phong lưu. Một cậu công tử đạp chiếc xe máy đi ngang qua chợ Bến Thành, bao nhiêu người đứng ngó, thèm thuồng, ngơ ngác. Cậu ngừng xe nơi "bồn binh" (cũng gọi là bồn kèn), người ta xúm lại coi với cặp mắt tò mò, trầm trồ khen ngợi. Xe hơi (ô tô) thì là một sản phẩm bí mật của máy móc tân kỳ, tuyệt xảo. Năm 1910 cả thành phố Saigon mới có 5 chiếc xe hơi của các "quan Tây". Năm 1920, được 100 chiếc. "Quan Thống Soái Nam Kỳ" từ trong dinh bước ra sân, lên ngồi chiếc xe hiệu Peugeot, một người lính An Nam lật đặt cầm "ma-ni-ven" dứt vô đầu máy, khom lưng quây ba bốn vòng liên tiếp. Máy nổ ầm ầm xịt khói ra sau đít. Bác lính sộp phơ bốp cái kèn đồng kêu "toe ! toe ! " rồi chiếc xe có cặp mắt kiếng tròn vo phía trước, lù lù chạy tới. Người đi đường lo tránh ra hai bên nhưng bao nhiêu chó, heo, gà, vịt, đi lang thang trên đường Saigon, bị xe hơi cán chết ! Hôm sau, vài tờ báo tây ở Saigon đăng tai nạn ấy trên trang nhất, hai cột.

Xe kéo bánh sắt và bánh cao su đặc mới bắt đầu xuất hiện trong lúc này, do một hãng doanh nghiệp của nước Pháp chế tạo ra.

Đại đa số dân chúng đi xe ngựa, cũng gọi là "xe thổ mộ" bánh sắt, người Pháp gọi là xe hộp quẹt (boite d allumettes) hoặc là tac-à-tac. Các hạng thượng lưu và trung lưu đi xe song mã hoặc xe kiếng, sang hơn xe thổ mộ.

Đồng hồ chưa được thông dụng, nhất là đồng hồ đeo tay . Mới có một số ít các ông, các thầy, và các người giàu sang có đồng hồ trái quít (montre) bỏ vào túi áo. Thanh niên chưa được hân hạnh dùng các món quý giá ấy.

Khoảng năm 1920-25, trong số 100 thanh niên, An-nam chỉ có độ một vài người có đồng hồ mà thôi. Nhưng thanh niên Saigon, và nói chung cả Nam kỳ đã cúp tóc sớm hơn thanh niên Trung, Bắc. Khoảng năm 1920, có thể nói rằng hầu hết thanh niên Nam kỳ đã cúp tóc rồi. Trong lúc ấy ở Trung kỳ còn đang lưu hành một câu ca dao bản thiêu chế nhạo và "chửi" những chàng trai trẻ bắt đầu hớt tóc :

Cái đầu trọc lóc bình vôi

Tao ngồi tao ỉa, mày ngồi mày ăn.

Cái "đầu trọc lóc bình vôi". vì lúc bấy giờ các học sinh trường Nhà Nước thường hớt tóc theo kiểu "carré", trọc hết hai phần ba cái đầu, chỉ còn để một mái tóc ngắn vuông vức, ở phía trước.

Cùng lứa và "cùng làm việc nhà nước" như chàng Ký Thanh ở Trung Kỳ, các thầy thanh niên làm việc ở các sở tại Saigòn, Lục tỉnh, thường mặc áo xuyên đen dài không quá đầu gối, quần lụa bông, mang giầy "ma mị" (loại giầy của khách trú Chợ Lớn, cũng như giầy Hạ Ở Trung - Bắc, nhưng để lót lông đuôi ngựa), quần khăn nhiều đen, tay cầm dù đen.

Một số khá đông các công chức lương tháng 6 đồng hoặc 4 đồng, đã đua nhau diện âu phục : "áo bành tô" (Paletot - theo kiểu áo thuộc địa tây, bằng vải bố trắng, cổ đứng, một hàng nút lớn bằng xà cừ kết ở giữa, đội mũ trắng, mang dép da . Các bậc "ông" như "commis", thì mang giầy tây , do từ bên Tây gửi sang với giá đắt, thường thường là loại giầy "bottine" da đen, cao cổ.

Hầu hết thanh niên học sinh đều mặc áo quần bà ba, đi churen không, hoặc đi dép da.

Học sinh các trường lớn của nhà nước, Chasseloup Laubat, hoặc trường công giáo, như Adran, mặc âu phục do nhà trường sắm cho, mỗi cậu ba bộ. Phụ nữ bình dân và trung lưu, các lớp nữ sinh, cũng mặc quen đồ bà ba . Chỉ có các bà nhà giàu sang mới mặc áo hàng dài, và đeo vòng xuyên, chuỗi vàng, đầy tay đầy cổ. Mãi đến khoảng 1930-35, đa số nữ sinh 19-20 tuổi ở Saigon và Lục tỉnh đi học, hoặc đi dạo chơi ngoài phố, đi xem hát, vẫn còn mặc áo bà ba che dù, mang guốc rất tự nhiên.

Sự giao thiệp của phụ nữ Nam kỳ với người Pháp được tự do hơn phụ nữ Trung kỳ và Bắc kỳ. Các gia đình gọi là thượng lưu ở Saigon và Lục tỉnh tự cho là hân hạnh được gả con gái cho tây, và đồng thời cũng có rất nhiều gia đình trong giới "thượng lưu trí thức" An Nam nhập tịch vào dân Pháp.

Trái lại, ở Trung và Bắc, con gái Việt Nam lấy chồng Tây bị coi như là một cái nhục, dù là ở các giới quan lại triệt để thân Pháp. Danh từ "me Tây" ở Bắc và Trung có ý nghĩa xấu xa, khinh bỉ, không thể áp dụng cho các bà vợ

tây ở Saigon vì không đúng với hoàn cảnh thực tế, trong suốt thời kỳ Pháp đô hộ.

Hơi khác với thanh niên nam nữ ở Nam Kỳ, thanh niên ở Bắc và Trung còn chịu rất nhiều ảnh hưởng của Khổng giáo. Học sinh thiếu niên từ lớp Đồng Ấu, đã mặc áo dài đi học, con trai cũng như con gái, bất luận giàu hay nghèo. Đối với các thầy giáo, các cô giáo, học trò rất lễ phép, sợ thầy nếu thầy nghiêm khắc, quý mến và quuyến luyến thầy nếu thầy hiền lành. Tại các làng, các phủ, huyện, các tỉnh, gặp những ngày kỵ, giỗ, thường thường cha mẹ học trò hay mời thầy giáo "ăn giỗ" để tỏ tình kính mến.

Đến ngày Tết, học trò các lớp lớn, mỗi lớp vui vẻ tự động hùn tiền với nhau mua các món lễ vật, trà, rượu, đường, đậu xanh, hột gà, nếp, bưng đến nhà riêng của thầy để "Tết" thầy và đọc chúc, từ tạ ơn thầy đã hết lòng dạy dỗ quanh năm. Thầy giáo cũng cảm ơn học trò, và tặng quà bánh, với sự ân cần niềm nở. Tình quuyến luyến chân thật giữa thầy trò vô cùng cảm động.

Cho đến đổi học trò ở các lớp Cao đẳng tiểu học (trung học) đến ngày tết Tây , cũng vui vẻ kéo đến từng đoàn đông đảo tại nhà riêng các giáo sư Pháp mà họ quý mến, để chúc mừng năm mới. Dĩ nhiên, đối với các giáo sư hung dữ, kiêu căng, và các giáo sư Pháp hay "chửi người An Nam", nói xấu nước Việt Nam, thì học trò tức giận và oán ghét, không bao giờ bước chân tới nhà. Hoạc đau nằm nhà thương họ cũng không bao giờ đi thăm.

Thanh niên Hà Nội, từ 1900 đến 1925, còn chịu ảnh hưởng Khổng giáo rất nhiều.

Trừ ra học sinh phải cắt tóc theo sự bắt buộc của nhà trường, còn số đông các giới khác, nông nghiệp, thủ công, thương mãi v.v... Vẫn chưa muốn cắt tóc, vì để tóc là tượng trưng cho lòng hiếu thảo với Cha Mẹ. Ngay trong đám trí thức thời bấy giờ có ông Nguyễn Văn Tố, phó giám đốc viện bác cổ Viễn Đông, một nhà Nho, học giả uyên thâm cả Hán học lẫn Tây học, vẫn giữ cái búi tóc, mãi cho đến năm 1939, bị các báo chế nhạo quá ông mới đành lòng cắt bỏ. Cắt bỏ, nhưng ông vẫn không hết thương tiếc nó.

Nhiều nhà trí thức tây học tuy đã cắt bỏ cái búi tóc, và sống theo nếp sống mới, nhưng vẫn nhất định không chịu mặc "đồ Tây" và giữ mãi quốc phục suốt đời họ, như các ông Nguyễn Văn Tố, Phạm Quỳnh, Nguyễn đổ Mục,

Nguyễn triệu Luật, Nguyễn văn Ngọc, Nguyễn khắc Hiếu, v.v... Và một số đông các thầy giáo ở Trung và Bắc việt mãi cho đến năm 1945.

Trong các lớp thanh niên học sinh ở Trung kỳ và Bắc kỳ, đại đa số còn mặc áo dài, quần vải quynh, đội mũ, mang guốc cho đến năm 1925, sau khi cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh ở Hải ngoại về nước. Nhất là sau các phong trào bãi khóa rầm rộ khắp các trường trung học trong khoảng 1925-1927 do trào lưu cách mạng bùng nổ nổi dậy trong các lớp thanh niên học sinh ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định , Vinh, Qui Nhơn, Huế.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 10

Huế, nơi đế đô phong kiến nhất và thủ cựu nhất Việt Nam, lại chính là trung tâm điểm của các phong trào cách mạng sôi nổi nhất của thanh niên.

Trần anh Tuấn, cậu học trò con nít từ tỉnh ra học trường Quốc Học Huế, niên khóa

1915-1916, mấy tháng đầu còn ngơ ngác giữa cảnh hoa lệ hùng vĩ của đế đô, không dè rơi nhằm vào một địa điểm bí mật nhất của lịch sử. Vị chúa thượng, ngự trị trên đất này, chính là một chàng thanh niên mảnh khảnh chỉ hơn Tuấn 4 tuổi, là DUY-TÂN hoàng đế.

Ông chủ chiếc ghe bầu đưa Tuấn từ Thu Xà ra Hội An, có lòng thương mến Tuấn và viết thư gửi gắm Tuấn cho thầy thông Vinh, một người cháu gọi ông bằng cậu, làm việc ở ga xe lửa Huế.

Sự thực, với ông chủ ghe có đứa con gái 10 tuổi, vẫn đi theo ghe với. Trông thấy Tuấn là cậu học trò tuy con nhà nghèo mặt mũi khôi ngô, tính nết hiền lành, mới 12 tuổi mà học giỏi, chỉ học mấy năm nữa là đỗ đạt thành tài. Ông mong sẽ gả con gái ông cho Tuấn sau này. Ông cho Tuấn tiền và quần áo và viết một bức thư bằng chữ Nho dặn Tuấn ra đến ga xe lửa thì tìm thầy thông Vinh ở tại ga trao thư cho thầy.

Vì lời giới thiệu ấy mà thầy Thông Vinh ân cần đón tiếp Tuấn và đưa Tuấn về ở trọ nhà thầy, tại Bến Ngự, gần Ga . Tuấn có học bổng của ông Công Sứ tỉnh nhà đáng lẽ được ở nội trú, nhưng thầy Thông Vinh xin với ông Đốc học cho Tuấn ở nhà thầy để được gần gũi săn sóc cậu học trò còn niên thiếu, lại xa nhà, xa cha mẹ.

Tuấn ở nhà thầy Vinh ngày hai buổi đi bộ đến trường Quốc học, cách đây không xa . Những ngày chủ nhật, nghỉ học, Tuấn được thầy Vinh cho nghe nhiều chuyện rất hay ở Huế, nhất là những chuyện thông minh phi thường của Vua Duy Tân 16 tuổi. Thầy Vinh, cũng như hầu hết những người ở Huế, đều kính phục Vua Duy Tân như một bậc thần đồng, lại đăng ngôi Thiên tử. Mỗi lần nói chuyện là thầy thích nói chuyện vua Duy Tân, những

mẫu chuyện lật vạt trong thâm cung của Hoàng Đế, không biết do ai lén lút truyền khẩu ra ngoài, àm hầu hết người ngoài đều biết rõ, nhất là trong đám học sinh. Tất cả thanh niên ở Huế, hồi đó, đều khâm phục vị Hoàng đế trẻ tuổi, vị Hoàng đế của thanh niên.

Nghe riết chuyện vua Duy Tân, rồi cậu học sinh Trần anh Tuấn đâm ra mê vua Duy Tân, ngày đêm cứ ao ước làm sao trông thấy long nhan của Ngài... Một đêm vào khoảng 7 giờ, cung điện vua Duy Tân và tất cả Thành Nội Huế đang thắp đèn điện sáng choang, bỗng nhiên bị chìm trong bóng tối đen mò. Các ông Hoàng bà Chúa trong Cung, Thượng thư các Bộ, binh lính khố vàng, khố xanh đều hoảng hốt, lật đật thi hành những biện pháp đề phòng chuyện bất trắc. Ngoài thành phố dân chúng xôn xao lo ngại, nhưng chỉ một lúc thôi, rồi khoảng 8 giờ, đèn điện trong Nội lại bật lên sáng trưng như mọi đêm. Ai nấy đều vui mừng, yên ổn. Hai hôm sau, dư luận trong thành phố đồn đãi về vụ đèn điện tắt như sau đây.

Trong Thành Nội có một nhà máy điện nhỏ và riêng biệt để lấy điện thắp riêng trong cung cấm và hoàng thành. Nhà máy điện do kỹ sư Pháp trông nom, tên là Paul Eberhart, ông này cũng là thầy dạy Pháp văn và cách trí cho Vua Duy Tân. Vua Duy Tân lúc bấy giờ chỉ có 16 tuổi, mà tỏ ra một chàng thanh niên rất ham học, và một trí óc thông minh phi thường, lại ưa chơi nghịch.

7 Giờ tối hôm ấy, ông Eberhart đã về nhà. Vua Duy Tân ngự xuống nhà máy đèn xem chơi, rồi thừa lúc không ai để ý, Ngài lén lấy kèm tháo một chiếc bù-lon nhỏ trong guồng máy, và bỏ nó vào một thùng nước kê gần đấy. Ngài làm công việc "phá hoại" ấy rất nhẹ nhàng và mau lẹ, vài ba người lính gác và thợ thuyền không ai trông thấy. Bỗng dưng máy điện ngừng chạy và đèn điện tắt hết. Vua Duy Tân cười tủm tỉm thông thả trở về Cung. Ngài truyền gọi ông Eberhart đến gấp, để thử tài ông này một phen. Viên kỹ sư Pháp, cử nhân khoa học, vừa là thầy học của Ngài, cuống quýt, lo sợ, không hiểu vì sao máy điện trong hoàng thành đang chạy ngon trơn bỗng dưng lại hư.

Vua Duy Tân bảo : "ông phải sửa máy gấp rút lên nhé ! Đừng để cung điện của Trẫm không có ánh sáng như thế này !" Ông Eberhart chạy xuống nhà

máy điện, cầm đèn bịch lạp đi rọi xem hết các máy móc. Ông rất thắc mắc không hiểu nguyên do vì sao máy không chạy. Ông lui cui gần một tiếng đồng hồ, xem xét từng bộ phận không tìm ra máy hư chỗ nào. Bỗng nghe tiếng Vua Duy-Tân đến. Bốn tên lính cận vệ cầm bốn đèn lồng theo hầu Ngài. Vị Hoàng đế thiếu niên hỏi : "Ông Eberhart, ông không làm sao cho máy chạy được ư?... " Giáo sư lính quỳnh đáp : "Tâu Bệ Hạ... tôi chưa tìm ra... chỗ máy hỏng." Vua Duy-Tân mỉm cười : "Ông cho phép Trẫm tìm giúp với ông nhé ? " Giáo sư Eberhart kính cẩn kêu lên : "Ồ, tâu bệ hạ, ngài sẽ bị dầu mỡ dính nhớp tay Ngài... " "Không hề chi ", vua Duy-Tân đáp. Thế rồi, trước cặp mắt kinh ngạc của ông giáo sư cử nhân khoa học, cậu học trò hoàng đế 16 tuổi thò tay vào thùng nước, lấy ra một cái bù-lon, đem gắn vào buồng máy, lấy kèm vặn chặt lại. Ngài tủm tỉm cười : "Trẫm tưởng bây giờ máy có thể chạy được rồi " . Quả nhiên máy chạy... Và đèn điện sáng rực trở lại.

Giai thoại trên kia, có chỗ đáng ngờ, thực hư thế nào chúng ta không thể nào minh xác được. Nhưng chắc chắn là đúng một phần nào, vì hai hôm, sau đêm đèn điện vụt tắt trong dân chúng, khắp kinh đô Huế ai mà không biết, và không ai là không tin.

Trần anh Tuấn ở trường Quốc học đã được các bạn cùng lớp kể chuyện ấy trong giờ chơi ngoài sân trường, về nhà lại được thầy thông Vinh cũng thuật lại đầu đuôi đúng y như thế, và còn... hay hơn thế nữa. Thầy kết luận : Vua Duy-Tân thông minh lạ thường. Vua Duy-Tân học một biết mười, Ngài thông hiểu cả máy điện, Ngài hiểu còn hơn Tây nữa ! Vua Duy-Tân có kém gì Tây đâu !

Trần anh Tuấn lại lấy ra một quyển vở đưa thầy thông Vinh xem. Lần này, chính Tuấn hãnh diện, là đã chép được một bài thơ bằng chữ Pháp, mà một thầy trợ giáo ở lớp Nhất có cho học trò học, bảo tác giả chính là Vua Duy-Tân.

Bài thơ nhan đề :

" Nocturne, sur la Rivière des Parfums ". Có thể dịch là "Hương Giang dạ khúc".

Bài thơ có 20 câu, chép vừa một trang vở, tuyệt hay, tuyệt đẹp, đọc lên

nghe rất du dương, rất buồn, thích hợp với tâm hồn một thanh niên mơ mộng ở xứ Huế.

Thầy Vinh và cậu Trần anh Tuấn cùng nhau ngâm nga nhịp nhàng say sưa :

La barque obéit , endormie
Aux coups réguliers du rameur,
Mon âme tressaille , meurtrie
Au coup de la vie dans mon coeur ,
Et mon âme vogue , alanguie
Au rythme alenti de mon coeur,
Et la barque vogue , alentie
Au rythme alanguie du rameur
(Etc..)

Dịch :

Thuyền to thiu thiu ngủ , lênh đênh
Theo nhịp mái chèo bơi êm ái
Tâm hồn ta rên rỉ , buồn tênh ,
Theo cơn sóng trần duyên tê tái
Hồn ta bơi lướt qua , buồn tênh
Trên lớp sóng trần , duyên tê tái
Thuyền ta bơi lướt qua , lênh đênh
Theo nhịp mái chèo bơi êm ái.

... v.v...

Bài thơ diễm tuyệt đó , có phải thật của vua Duy-Tân làm ra không ? 16 tuổi , tâm hồn của nhà vua đã tế nhị đến thế ư ? 16 tuổi nhà vua đã giỏi Pháp văn đến thế ư ?

Tác giả bài thơ chỉ ký có ba mẫu tự F.G.H. Nhưng hầu hết các thầy trợ giáo ở trường Quốc Học Huế , và các thầy làm việc các sở nhà nước đều đồng thanh nói F.G.H chính là vua Duy-Tân. Ai nghi ngờ là không phải của vua Duy-Tân thì các thầy tức lắm , nhất định cãi lại cho kỳ được. Bởi vì vua Duy-Tân không phải là một thanh niên tầm thường như các thanh niên khác. Ngài là một vị Thiên Tử , Ngài là một vị Thần Thánh. Ngài là khí thiêng nung đúc cả giòng dõi Tiên Rồng.

Trần anh Tuấn , cậu thiếu niên 12 tuổi , năm 1915, được may mắn học tiếng Pháp từ thuở bé , đã bắt đầu ưa chuộng văn chương Pháp , thích lịch sử Pháp , phục khoa học Pháp nhưng sống giữa cố đô Huế trong không khí sùng bái vua Duy Tân , một vị Hoàng Đế thanh niên chỉ lớn hơn cậu 4 tuổi , làm cậu nhiệt liệt hoan hô vua Duy-Tân , mê vua Duy-Tân , chỉ thích nghe chuyện và nói chuyện về vua Duy-Tân... cũng như hầu hết thanh niên lúc bấy giờ , nhất là ở Trung Kỳ... Cho đến tháng năm 1916 , sắp sửa được nghỉ hè thì ngay kinh đô Huế xảy ra vụ vua Duy-Tân bỏ cung điện một đêm tối trời , thoát ly ra ngoại thành để chỉ huy cuộc khởi nghĩa đánh Tây. Trần anh Tuấn , cũng như toàn thể thanh niên học sinh trường Quốc học nghe tin ấy như một tiếng sét đánh bên tai.

Mấy ngày đầu , người Pháp ở tại Huế muốn dấu kín vụ này không cho dân chúng trong thành phố và học sinh biết. Tuy số lính khố xanh và lính sơn đá (lính sơn đá là soldat , lính Tây , phân biệt với lính Tập -khố xanh - của An Nam) được tăng cường canh gác nhiều nơi , nhưng cuộc sống hàng ngày của đế đô Huế vẫn không thay đổi , như không có gì xảy ra . Học trò vẫn đi học , và đến trường các vị giáo sư Pháp cũng như các thầy trợ giáo An Nam , vẫn dạy học như thường lệ , không ai nói gì chạm tới "quốc sự". Nhưng ngoài các giờ học , sau khi mãn lớp học , học trò về nhà lại được người nhà hoặc bà con hàng xóm , thăm thì về việc vua Duy-Tân khởi nghĩa đã bị tây bắt , giam ở đồn Mang Cá.

Thầy thông Vinh , trong lúc ngồi ăn cơm với Trần anh Tuấn trên bộ ván ngựa tong nhà , lặng lẽ trở đầu đưa viết trên chiếu "Cậu có nghe gì lạ không ? " Tuấn cũng trở đầu đưa viết đáp : " Dạ có ". Chỉ có thế thôi , rồi cả hai người ngó ra ngoài đường im lặng. Tự hôm đó , không những trong nhà thầy Vinh mà cả thành phố Huế không còn ai dám nói đến những giai thoại về vua Duy-Tân nữa. Cho đến bài thơ chữ Pháp Nocturne (Hương Giang Dạ Khúc) mà ai cũng nói là của vua Duy-Tân , bài thơ hoàn toàn mơ mộng , cũng không còn ai dám ngâm nga nữa.

Một hôm , gần ngày bãi trường nghỉ hè , chương trình niên khoá đã dạy hết rồi , một giáo sư Pháp lớp đệ Nhất niên của Tuấn lần đầu tiên đem vụ vua Duy-Tân ra nói cho học trò nghe. Ông mặt sát vị hoàng đế cách mạng , và

chửi rủa Ngài : "Thằng con nít ấy nó tự cho mình là một Đại Hoàng Đế ! Nó dám chống lại nước Pháp , thì đây , bây giờ nó đi ở tù ! " Trần anh Tuấn hằm hằm nét mặt , ngồi nghe , tức giận lắm. Đến giờ ra chơi , giáo sư và học sinh ra sân. Tuấn lén ở lại trong lớp , lấy phấn viết trên bảng đen hai câu thơ của Corneille trong kịch La Cid mà cả lớp đã học :

Je suis jeune, il est vrai , mais aux âmes bien nées,

La valeur n attend pas le nombre des années.

Dịch :

Tuổi ta trẻ nhưng hồn ta khoáng khái

Giá trị người không đợi phải nhiều năm !

Ở dưới ký : Empereur Duy Tân (Hoàng Đế Duy-Tân)

Hết giờ ra chơi , học trò vào lớp đông đủ. Viên giáo sư ban nãy cũng trở vào bàn của ông. Nhưng ông đỏ mặt , giận dữ , đọc hai câu thơ trên bảng đen , rồi hỏi :

- Ai viết đây ?

Trần anh Tuấn ngồi bàn dưới , can đảm giơ ngón tay lên. Giáo sư hằm hằm nhìn Tuấn :

- Mày ngu như con lừa , mày học trong sách nào đó rằng hai câu thơ kia của vua Duy-Tân?

Tuấn làm thinh. Viên giáo sư mắng tiếp :

- Tu es un mauvais esprit... Tu es partisan de Duy-Tân ? Attention à toi !

(Mày là một đầu óc xấu xa... Mày theo phe đảng của Duy-Tân hả ? Mày liệu hồn nhé !)

Cả lớp im lặng. Giáo sư Dubois rút tay trong túi quần đi qua đi lại trên kệ gỗ trước bảng đen. Ông đứng lại đột ngột , trừng mắt ngó Tuấn :

- Tao đi "xi-nha-lê " với ông Đốc học.

Ông chạy vụt ra cửa.

Trong giờ Sử ký Pháp , và là giờ chót của niên khoá 1915-16, chương trình học đã hết rồi , còn hai hôm nữa là nghỉ hè , học trò lớp đệ Nhất niên đang ngồi nghe một giáo sư Pháp kể chuyện Pháp- Đức chiến tranh... Ông công kích nước Đức thậm tệ , chửi nước Đức là một nước thù địch của cả Âu châu và thế giới , dân Đức là một giống người dã man , tàn bạo , cho nên

các nước văn minh không gọi là Allemands , mà gọi là Boches , một danh từ khinh miệt , nguyên rủa... Rồi ông chê quân lính Boches đánh giặc thua Pháp , bị quân đội Pháp giết chết vô số. Ông khoe dân tộc Pháp anh hùng , ái quốc , nhưng vẫn bác ái , nhân đạo v.v...

Bỗng có tiếng giày tây đi độp độp gần đến lớp Đệ Nhất niên... Giáo sư và cả học trò đã quen tiếng giầy của ông Đốc học Pháp. Đúng là của ông. Nét mặt hầm hầm , ông bước vào lớp. Giáo sư và toàn thể học trò đều đứng dậy. Ông bảo ngồi xuống. Bỗng ông lớn tiếng hỏi :

- Đứa nào là Tra-an-Tu-an ?

Trần anh Tuấn tái mặt , đứng dậy. Ông đưa một ngón tay ngoắc Tuấn lên :

- Viens ! (lên đây)

Cả lớp im phăng phắc , ai nấy đều sợ run , cúi mặt xuống bàn , không dám ngó nét mặt sắc đá của ông Directeur (Đốc học). Tuấn rụt rè dưới bàn bước lên đứng trước mặt ông. Ông trợn trắng đôi mắt dữ tợn nhìn Tuấn :

- Mày là phe đảng của Duy Tân phải không ? Hả ?

Tuấn bối rối không kịp trả lời thì bị Ông đưa bàn tay đầy lông đen xỉ đánh vào má Tuấn một cái tát nẩy lửa. Tuấn xiểng liểng muốn ngã.

Ông directeur chỉ vào mặt Tuấn :

- Mày coi chừng ! Nếu mày nghe lời dụ dỗ của tụi côn đồ , tao sẽ cho mày đi ở nhà pha

(ở tù) , mày nghe không ? Tao sẽ viết thư cho ông Công Sứ tỉnh mày để báo cho ông ấy biết rằng mày là một cái đầu óc xấu xa (un mauvais esprit - có tư tưởng chống Pháp).

Ông đuổi Trần anh Tuấn xuống chỗ ngồi. Xong ông diễn thuyết một hồi cho cả lớp nghe :

- Tụi mày biết Duy-Tân là ai không ? Nó là một thằng con nít ranh , một nhãi con kém giáo dục. Nó nhờ nước Pháp đặt nó lên chiếc ngai vàng của ông bà nó, thế mà nó không biết ơn nước Pháp , nó toan làm giặc đánh lại nước Pháp...

Ông nói nhiều lắm , nhiều lắm. Ông chửi hoàng đế Duy-Tân rồi kể công ơn nước Pháp, ông khoe nước Pháp là nhân đạo , là bác ái , là bình đẳng là một trong những nước văn minh bậc nhất trên hoàn cầu v.v...

Học trò ngồi im lặng , cúi đầu nghe. Vừa có trống trường đánh một hồi "Thùng thùng thùng thùng... " , mãn buổi học sáng ,11 giờ. Ông còn dừng lại , nói ráng thêm mấy câu hùng hổ, rồi bước ra đi. Cả lớp đứng dậy chào ông.

Ông giáo sư chỉ mặt Trần anh Tuấn :

- Mày đã hiểu bài học ấy chưa ?

Tuấn làm thinh. Ra về , có năm bảy trò cùng lớp đi theo bên cạnh Tuấn , nói nhỏ bên tai như an ủi Tuấn một phần nào :

- Mày đừng sợ. Ông directeur dọa mày đó , chứ ông không gửi thư cho ông Công sứ tỉnh mày đâu. Ông không bỏ tù mày đâu.

Nhưng đa số học sinh khác trong lớp Đệ Nhất Niên , bạn thân hay không thân của Tuấn , đều lánh xa , sợ đến nỗi không dám đi gần Tuấn , sợ ông directeur để ý , sợ nói chuyện với Tuấn sẽ bị liên can , sợ sẽ đi ở tù , sợ , sợ ... không biết sợ cái gì nữa.

Xét ra tinh thần thanh niên Việt Nam -- lấy thanh niên học sinh và trí thức làm điển hình , vì thời bấy giờ , chỉ có lớp thanh niên học sinh và trí thức là đáng chú ý hơn cả , -- thì có thể chia làm ba hạng , ở Trung Kỳ , cũng như ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Một hạng , thiểu số như Trần anh Tuấn , cũng học chữ Pháp , hấp thụ say mê văn hoá Pháp , khâm phục văn minh khoa học rất kỳ tài của Pháp , nhưng lòng ham mến và kính phục ấy không bao giờ đè át được tinh thần bất khuất truyền thống của giống nòi. Tuấn , con trai một anh dân nghèo , làm thợ mộc, được theo đòi văn hoá Pháp , nói tiếng Tây đã thông thạo , viết chữ Tây đã trôi chảy , đọc sách Tây đã nghiền ngẫm say sưa , thế mà chỉ một hình ảnh của vua Duy-Tân đã in sâu vào đầu óc , chí khí quật cường của vị hoàng đế còn nhỏ tuổi , đủ gọi dậy truyền thống Dân Tộc trong dòng máu , trong tư tưởng , thế cũng đủ thấy rằng tinh thần dân tộc là yếu tố bất diệt của Lịch sử , bất cứ ở thời đại nào.

Nhưng trong thời kỳ người Pháp mới đô hộ xứ ta , nói rõ hơn là từ năm 1900 đến 1924-1925 , hạng thanh niên ái quốc có tinh thần dân tộc , học sinh như Trần anh Tuấn , công chức như thầy thông Vinh ở sở Hoả Xa , hãy còn ít lắm , ít lắm...

Trái lại , đông nhất là hạng thanh niên ham danh vọng , ham chức tước , thích phẩm hàm , theo Tây, lạy Tây , bợ đỡ Tây , " liếm gót giày cho Tây " , suy tôn Tây là bậc "thầy Đại Pháp " , là bậc "Quý Quan" , "Quý Mẫu Quốc" -- Nước Mẹ -- Hoặc là hạng thanh niên nhút nhát , sợ chuyện "Quốc Sự" , sợ bỏ tù , chỉ lo sống yên thân , ngày hai buổi đi học hay " làm việc nhà nước " , sáng xách ô đi , tối xách về. Hai hạng thanh niên trên chiếm đại đa số trong nhân dân.

Cho nên , vụ vua Duy Tân hồi tháng 5 năm 1916, ngay thời bấy giờ không có một tiếng vang sâu rộng. Cũng như các vụ Phan đình Phùng , Hàm Nghi v.v... ngay sau thời gian đã trôi qua . Lịch sử đã lắng xuống , các nhà viết sử mới bắt đầu tham khảo biên chép , chúng ta mới đọc lại được những đoạn sử oanh liệt trước đây năm sáu chục năm. Chớ ngay hồi đó , lúc xảy ra các vụ quan trọng của Lịch Sử nào ai dám viết công khai ? Dám in thành sách ? Dám nói ? Dám bàn tán , phê bình ? Tất cả đều ngậm câm , kín mồm kín miệng , nào ai dám hở môi ? Từ trên xuống dưới , từ Triều Đình đến Hương Thôn , đều im lặng. Không khác gì dưới thời Neron của La Mã , một nhà thơ chỉ thở ra ba tiếng : "Roma Vasta Silentio ! " (La Mã mênh mông im lặng). Họ sợ gì dữ vậy ?Thì đây , vua Duy-Tân bị tây bắt , bị giam trong đồn Mang Cá , rồi bị đưa xuống tàu thủy của Pháp đi Ô Cấp (Vũng Tàu) để gặp vua Thành Thái đang bị giam lỏng tạm tại đây , rồi vua Duy-Tân bị đẩy ra đảo La Réunion , thuộc địa Pháp ở gần Madagascar, Phi Châu.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 11

Ông Vua mà còn bị Tây bắt, Tây đày đi xa, huống hồ là Dân. Họ sợ là sợ như thế đó. Đồng thời, như Lịch sử đã chép, các đảng viên trong phong trào Duy-Tân khởi nghĩa đều bị bắt, bị chém, bị đày đi Côn Lôn, bị tù ở các khám đường Quảng trị, Thừa thiên, Quảng nam, Quảng Ngãi... Nhưng Lịch sử không chép tên tuổi một số thanh niên, hầu hết là các công chức, tư chức, các Thầy giáo các trường Pháp-Việt, bị liên can vào phong trào này. Một số đông bị tù, trong đó có thầy thông Vinh làm ga xe lửa Huế, chủ nhà trọ của Trần anh Tuấn. Hình như thầy có bí mật giao thiệp với một đảng viên quan trọng ở ngay Đế Đô.

Trần anh Tuấn về quê nghỉ hè, trong lòng không yên vì những biến cố kinh khủng ấy. Tuấn đi xe lửa vào Tu-Ranh, thuê xe kéo vào Faifoo rồi theo ghe bầu đi đường biển về tỉnh nhà. Tuấn lo ngại cho thân phận mình, không dám ghé thăm ông chủ chiếc ghe bầu ở Thu Xà, quen với thân phụ Tuấn, và có con gái muốn để dành gả cho Tuấn sau này. Xuống bến Thu Xà, công việc đầu tiên của Tuấn là kiếm đi mua một chiếc đòn gánh, cột nơi hai đầu hai gói lớn đựng quần áo và các sách vở học ở trường mà Tuấn đem hết về nhà để định học ôn lại trong ba tháng nghỉ hè.

Ngủ tạm tại nhà người chủ ghe vừa đưa Tuấn từ Hội an về, sáng hôm sau, trời vừa hừng đông. Tuấn đã thức dậy đặt đòn gánh lên vai, khởi hành đi churen không về tỉnh. Cậu học trò đệ nhất niên, 13 tuổi, học ở Huế về, gánh hai gói hành lý nặng trĩu, đi đủng đỉnh trên con đường cái quan mới đắp, quanh co, gồ ghề, xa mười mấy cây số dưới ánh nắng oi ả của mùa hè. Trên quan lộ từ Thu Xà lên tỉnh, xe kéo bánh sắt cũng không có. Không có một loại xe nào cả. Tất cả mọi người đều đi bộ, nhưng họ chỉ đi từng chặng, chỉ có một vài người "các chú" đi lên tỉnh buôn hàng mà thôi.

Trời chạng vạng, Trần anh Tuấn mới về tới nhà. Chú Ba thợ mộc đang ngồi ăn cơm với thiếm Ba, mẹ Tuấn và đứa em trai của Tuấn, 5 tuổi, ở trần tròng trực, mũi dãi lòng thông, bỗng thấy Tuấn gánh hai gói hành lý trên vai đủng

đỉnh bước vào sân. Đứa em trai thấy trước reo to lên :

- Ô anh Hai về kìa, mẹ !

Tức thì thím Ba, chú Ba, và cả đứa nhỏ đều quăng đĩa bỏ cơm, chạy lẹ ra sân đón Tuấn. Trong lúc chú Ba mừng rỡ đỡ gánh cho Tuấn, thì thím nào vô ôm lấy thằng con trai, khóc nức nở... Thím mừng quỳnh lên, chỉ biết ôm đầu Tuấn và khóc, không nói được một tiếng. Tuấn cảm động quá cũng rưng rưng nước mắt. Đứa em trai 5 tuổi nắm vạt áo dài của Tuấn, âu yếm ngó Tuấn :

- Anh Hai ơi ! Anh Hai... Mẹ có để dành trái mít chín để anh về ăn.

Một vài người thân thuộc đã gặp Tuấn ban chiều gánh hành lý trên vai, uể oải đi vào tỉnh, họ đều mừng rỡ, sẵn đón hỏi han. Rồi truyền miệng từ người này qua người khác, chỉ trong buổi tối ấy cả hàng phố đều biết tin Trần anh Tuấn đi học ở Huế đã về. Gặp nhau ngoài đường, người ta bảo nhau : "Thằng hai Tuấn, con chú Ba, đã về nghỉ hè. Coi nó bây giờ trắng và mập quá chừng !" Mấy ông già bà cả bảo : "Thằng Chuột con chú Ba thợ mộc đã về, đem về một mớ sách Tây ". Bà con cô bác kéo nhau đến thăm Tuấn, vui mừng náo nhiệt, chật ních căn nhà lá lụp xụp của chú Ba.

Vợ chồng chú Ba sung sướng quá, rồi rít đi nấu nước, pha trà, tằm trà, bổ cau, mời khách. Dưới ánh sáng vàng hoe của ngọn đèn dầu phụng, chong trên chiếc bàn cũ kỹ kê giữa nhà, ai nấy đều chen chúc ngồi trên bộ ván và chõng tre chung quanh trò Tuấn, đua nhau hỏi những chuyện ở "Đế Đô". Họ tưởng tượng Huế như một cảnh ở Thiên Đình, rực rỡ oai nghiêm, xinh đẹp như ở xứ thần tiên hoa lệ. Ngồi nghe Tuấn kể chuyện, say mê nhất là đám thanh thiếu niên trong tỉnh. Vì Trần anh Tuấn là người học trò đầu tiên và duy nhất ở tỉnh nhà được đi trường Quốc Học ở Huế. Đối với các thanh niên và dân chúng ở tỉnh lúc bấy giờ, được đi học ở Huế là một vinh hạnh có lẽ còn hãnh diện hơn là sinh viên ta ngày nay được đi du học bên Anh, bên Pháp.

Tuy nhiên, đại đa số thanh niên vẫn còn theo Nho học. Họ còn do dự chưa dám hớt tóc, và chỉ một số ít mới "bắt chước" khởi sự học chữ Quốc ngữ. Những người học chữ Tây dĩ nhiên là còn ít hơn nữa. Vả lại, họ làm sao quên được phong trào lộn xộn vì vụ cắt tóc đã làm bao nhiêu người bị bắt,,

bị chém, bị tù, hồi năm Mậu Thân 1908 cách đó mới 8 năm ? Đó là một cuộc hoạt động chính trị mà người Việt gọi là "Giặc Đồng Bào", tức là vụ "xin râu".

Đề xướng và hăng hái cổ-võ phong trào lịch sử này là một nhóm thanh niên Nho học có tư tưởng trung quân ái quốc, trung thành với Hoàng Đế, và chống lại nước Pháp bảo hộ. Hầu hết nhóm thanh niên cách mạng này đều là những Nho sĩ đã thi đỗ Cử Nhân, Tú Tài. Người ta không được biết khẩu hiệu cách mạng từ đâu đưa ra, nhưng người ta thấy người vị tân khoa, đầu tóc cắt ngắn, chia hai nhóm đi rảo khắp cả làng. Một nhóm chuyên việc làm thơ và chép thơ trên những tấm giấy nhỏ để đi dán các nơi đình chùa, am miếu, hoặc các cửa ngõ tư gia. Toàn là những bài thơ cách mạng hô hào "đồng bào" rủ nhau, do đám thanh niên khoa cử nho học chỉ huy, đi ra tỉnh biểu tình xin bỏ các thứ râu thuế, vì đồng bào nghèo khổ không có tiền nộp thuế.

Một nhóm khác cũng đi khắp cả làng, chuyên việc cầm kéo cắt tóc những đồng bào tình nguyện theo phong trào. Cuộc vận động cắt tóc trong toàn tỉnh này, đa số dân chúng không dám theo, nhưng vẫn có kết quả lớn lao và kinh khủng. Một số "đồng bào" -- cũng có nghĩa là "đồng chí" -- hầu hết là thanh niên Nho học, tụ họp tại tỉnh, có trên năm trăm người, tóc cắt ngắn sát da đầu, ngồi chòm hóm chặt đường từ Cửa Tây tỉnh thành đến trước cổng Toà Sứ. Lúc bấy giờ vào khoảng giờ Thìn (8 giờ sáng) một buổi sáng đẹp trời, ánh nắng chiếu trên hai hàng cây sấu- dâu và cây dầu-lai-tây ngả rợp bóng xuống đường. Hai vị quan An nam đầu tỉnh -- Tuần vũ và Án sát - - lật đật sang hội thương với "Quan Công Sứ ", để tìm cách đối phó. Một lát sau, Quan Sứ, Quan Phó Sứ, Quan Giám Binh (chỉ huy đội lính khố xanh) và mười người lính tập (lính khố xanh) cùng với hai vị quan An Nam ra trước cổng. Viên Công Sứ truyền lệnh cho lính nạp đạn sẵn sàng và chĩa mũi súng ngay vào đám dân biểu tình ngồi lặng lẽ. Viên Công Sứ bảo Quan Tuần hỏi :

- Các chú tụ họp nơi đây để làm chi ?

Mấy người người ngồi hàng đầu đồngđạc trả lời :

- Bẩm quan lớn, đồng bào nghèo đói không có tiền nộp thuế, xin quan lớn

bấm lại với quan Pháp-lang-sa tha bớt thuế cho đồng bào.

Viên Tuần vũ dịch lại tiếng Tây cho công sứ Pháp nghe. Người ta không biết quan An Nam dịch tiếng Tây có đúng hay không, nhưng người thấy viên Công Sứ truyền lệnh cho lính khố xanh bắn ào đám biểu tình.

Một loạt súng nổ. Một số người ngã lăn ra chết, máu chảy lai láng. Tất cả những người còn sống đều hốt hoảng đứng dậy chạy tán loạn thoát ra ngoài Cửa Tây, bỏ lại trên đường gần ba chục xác chết. Quan An Nam còn muốn bảo lính đuổi theo bọn "đồng bào" và bắn nữa... bắn nữa... nhưng viên Công Sứ Pháp khoát tay, không cho. Sau đó mấy hôm, các quan Huyện, quan Phủ, được lính bắt đem nộp về tỉnh một số đồng bào các ông Cử, ông Tú, và các đồng bào có đầu tóc ngắn. Hầu hết đều bị ở tù tại nhà lao tỉnh. Một số bị đày đi Côn Lôn. Một số đồng khác nhờ vợ ở nhà bán ruộng đất đem tiền ra chuộc tội và lo lót các quan được khỏi tù.

Sự thực, đây chỉ là một cuộc biểu tình "xin xâu" của những "đồng bào" không có khí giới, không bạo động, nhưng quan An Nam gọi là "giặc đồng bào" và trong sử do người Pháp viết cũng gọi là "Giặc cắt tóc" (Guerre des Tondeux).

Biến cố xảy ra từ năm Mậu Thân, 1908, cách đây đã 8 năm rồi. Nhưng đám thanh niên Nho học kế tiếp từ 1910 đến 1918 vẫn còn ghê sợ chuyện "cắt tóc bị tù" đến nỗi họ vẫn không dám bắt chước bọn "học trò Nhà Nước" đã hót tóc "carré" theo kiểu Tây.

Trần anh Tuấn, mới hồi nào là thằng Chuột để một chỏm tóc trên đầu, ở trường cả ngày đi chơi rong ngoài đường phố, và sợ Ông Tây bà Đầm như sợ cọp, mà nay đi học ở Huế và nghỉ hè, đem về một cái đầu tóc "cúp rẽ giữa", "văn minh" quá, mới lạ quá, được bà con trong tỉnh trầm trồ ngắm nghía...

Đám học trò của thầy Tú Phong, luôn luôn giữ đúng theo nề nếp nhà Nho, và trung thành với Khổng giáo. Nhưng ông Tú cũng đã bị bắt và bị tù, nên họ phải đi học một ông thầy khác, ông này nhát gan, không dám theo phe "đồng bào" mà cũng không muốn theo phe Tây. Học trò của ông, những thanh niên từ 11,12, đến 24, 25 tuổi -- thường đến chơi với Tuấn, và cứ chê cái học của Tuấn không cao thâm như Khổng học. Nhưng, dù sao nghe

Tuấn đọc bài "récitation", thuộc lòng những bài thơ chữ Pháp và làm toán Géométrie, toán Algèbre, học bài Physique, Chimie, chứng bày những bản đồ châu Âu, châu Á, châu Mỹ vẽ đủ các màu, bà con cô bác và ngay trong đám học trò chữ Nho, vẫn có nhiều người thèm thường, và phục trò Tuấn "sát đất". Tuấn hãnh diện một phần nào. Tuấn vui vẻ tự thấy mình tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã đóng một vai trò khá đặc biệt trong đám thanh niên và được nhiều người trong tỉnh khen ngợi.

Nhưng Tuấn vẫn áy náy trong lòng. Tuấn rất lo ngại vụ Ông Đốc trường Quốc Học hăm viết thư mết với ông Sứ ở tỉnh nhà về chuyện Tuấn bị tình nghi là theo đảng Vua Duy-Tân ở Huế. Tuấn thầm mong ông Sứ không biết gì về chuyện ấy để Tuấn được tiếp tục học ở Huế. Tuấn mới có 13 "tuổi Tây", 14 "tuổi Ta", hãy còn bé quá, cho nên có lúc bông bột hăng hái, nhưng cũng có lúc lo sợ tù tội.

Theo lời nhiều người bà con khuyên bảo, Tuấn phải đến chào ông Công Sứ. Tuấn mặc áo dài bằng vải trang đằm, mang guốc đội mũ, đến toà Sứ một buổi sáng ngày thứ hai, sau khi về nhà được hơn nửa tháng. Tuấn nghĩ rằng đến đây chắc sẽ gặp thầy Ký Thanh, và sẽ truyện trò thích thú lắm. Tuấn sực nhớ chính mình đã dạy thầy Ký Thanh học ABC, hồi Thanh còn là Nho sĩ... chưa đọc được bức thư chữ Quốc ngữ của cô Ba Hợi... Nhưng bây giờ Thanh đã làm thầy Ký Toà Sứ, Tuấn còn là học trò, mặc dầu là học trò trường Quốc Học Huế. Và lại, Thanh đã 23 tuổi, Tuấn mới có 14 tuổi, hãy còn con nít quá. Tuấn thấy mình hãy còn là thằng Chuột... Tuấn thập thò ngoài cổng Toà Sứ một lúc rồi bạo dạn bước vô. Trông thấy rõ thầy Ký Thanh đang ngồi bàn giấy làm việc. Tuấn cất mũ chào và tươi cười đến gần. Nhưng Tuấn mắc cỡ và ngạc nhiên hết sức : - thầy Ký Thanh trừng mắt ngó Tuấn, với nét mặt khinh khỉnh, không thềm chào lại, không hỏi một tiếng. Lạ hơn nữa là Thanh nguýt Tuấn một cái rồi đứng dậy quay lưng đến gõ cửa văn phòng "Quan Công Sứ" có vẻ bí mật... lạ lùng. Tuấn tần ngần đứng đấy một lúc thì Thanh từ trong phòng Quan Sứ mở cửa bước ra, đi thẳng tới Tuấn, nghiêm trang bảo :

- Trò Tuấn, trò về nghỉ hè mấy bữa rồi, sao bữa nay trò mới tới chào cụ Sứ ?

Tuấn hơi luýnh quýnh trả lời đại cho êm xuôi :

- Tôi mới về mấy bữa rày anh Thanh à.

Thanh trở mặt bảo :

- Kêu tôi bằng thầy Ký chứ không được kêu tôi bằng "anh", nghe chưa ? Cự lớn truyền lệnh trò phải vô hầu cụ lớn để cụ lớn hỏi, lần này trò đi ở tù !

Tuấn hồi hộp lo sợ, đi theo sau Tuấn, Tuấn tự hỏi thầm :

- Sao lại đi ở tù ? Có điều gì nguy hiểm dữ vậy ?

Đến cửa văn phòng trước khi đẩy cửa vào, Thanh đứng lại lấy ngón tay chỉ đôi guốc Tuấn, và truyền lệnh :

- Bỏ guốc ra! Vô hầu cụ lớn Sứ mà trò dám mang guốc à ?

Tuấn nghe lời, bỏ guốc đi chân không. Thanh lại chỉ cái mũ :

- Bỏ mũ xuống đất không được cầm trong tay.

Tuấn cũng nghe lời, đặt mũ xuống một bên cánh cửa gần xó tường.

Thanh lại cho lệnh :

- Trò đứng đây, chùng nào cụ Lớn Sứ cho phép vô mới được vô.

Tuấn làm thinh đứng yên một chỗ.

Thanh khẽ gõ cửa, Tuấn nghe rõ tiếng ông Sứ nói trong văn phòng :

- Fais-l entrer (cho nó vào)

Thanh khẽ mở cửa, và dặn Tuấn :

- Đi sau tôi, nghe không ?

Thanh mang giầy Hạ, nhưng đi nhón gót, sợ sệt, từng bước một. Tuấn đi theo sau, Thanh làm cho Tuấn hoảng sợ, làm Tuấn cứ tưởng ông Sứ sẽ ăn thịt Tuấn, nếu không thì cũng sẽ đánh Tuấn mấy bạt tai nảy lửa như ông Đốc học Huế, rồi gọi lính còng tay Tuấn, bắt Tuấn đem đi bỏ tù.

Bàn giấy ông Sứ kê gần cửa sổ sơn xanh, có ánh sáng vàng và các chậu hoa tươi nở rất đẹp. Ông Sứ đang soạn hồ sơ gì trên bàn, Tuấn mới đi vào đến giữa phòng, cách bàn giấy năm sáu bước nữa thì Thanh bảo Tuấn đứng lại. Tuấn hồi hộp quá đứng vòng tay trước ngực như sắp sửa chịu tội.

Nhưng ông Sứ ngược mặt ngó Tuấn và cười nói :

- Ah ! Le voilà, mon mouton... de... Panurge . Approche-toi ! (A, nó kìa ! con cừu của Panurge. Lại gần đây !)

Tuấn khúm núm bước đến gần. Nhưng Tuấn rất không ngờ ông Sứ đưa tay

ra :

- Bonjour, mon petit ! (chào cậu bé của tôi)

Tuấn cúi đầu lễ phép đưa tay để bắt tay "ông Sứ" và lầm bầm tiếng Pháp :

- Bonjour, Monsieur le Président, ! (xin chào quan Sứ)

Thầy Ký Thanh thấy Tuấn được "cụ lớn" bắt tay chào, thầy càng tỏ vẻ thù ghét Tuấn lắm. Thầy hằm hằm nét mặt nhưng chỉ đứng vòng tay sau lưng "cụ lớn sứ", vì Tuấn có thể đối đáp bằng tiếng tây với ông Sứ, không cần phải thầy ký Thanh thông ngôn, Tuấn nói tiếng Pháp còn trôi chảy hơn Thanh nữa.

Với một giọng dịu dàng gần như thân thiết, ông Sứ hỏi Tuấn về sự học hành ở trường Quốc Học và các giáo sư như thế nào. Tuấn bình tĩnh trả lời từng câu, suông sẻ trong khi ông Sứ ngó hồ sơ trên bàn, và bảo Tuấn :

- Tao biết mày học giỏi. Tao được ông Đốc học trường mày gửi về tao các bản báo cáo tam cá nguyệt về các môn học của mày trong năm. Tao bằng lòng lắm. Mày xứng đáng với học bổng của tao cho . Nhưng có một điều tao rất không bằng lòng, là cuối niên học, mày đã bị Ông Đốc học cho "nốt" xấu trong học ba... Theo công văn của ông Đốc vừa gửi cho tao thì mày là một "đầu óc xấu ", mày nghe lời người ta dụ dỗ theo đảng vua Duy-Tân... phải không ?

Nghe đến đây, Tuấn tái mặt, nhưng ông Sứ nhìn Tuấn với cặp mắt khoan hồng :

- Mày dựa vào chuyện đó làm chi thế, hả Trần anh Tuấn ? Mày còn bé quá... Mày phải chăm học. Mày không thể bắt chước vua Duy-Tân được. Ông Đốc học cho tao biết về trường hợp của mày, nên tiếp tục cho mày học bổng, hay bắt bỏ tù mày ? Nhưng tao thương mày là con nít, vì mày học giỏi. Và mày là đứa học trò đầu tiên của tỉnh này được học trường Quốc Học. Tao muốn giữ danh dự cho tỉnh nhà. Vậy mày phải hứa danh dự với tao rằng từ nay mày đừng làm chuyện bậy bạ nữa thì tao không bỏ tù mày, và tao tiếp tục cho mày học bổng để mày học cho đến thi đỗ bằng Thành Chung. Mày có hứa với tao không ?

- Dạ, thưa quan lớn, con xin hứa.

- Chắc không ?

- Thưa chắc.

- Được rồi, nếu mây không giữ lời hứa, thì không những mây không được học nữa mà mây còn sẽ bị ... bỏ vào nhà pha !

Ông Sứ nói tiếp :

- Thôi bây giờ chúc mây nghỉ hè vui vẻ, và nhất là không được dự vào những việc quốc sự. Mây nghe không ?

- Dạ nghe.

Ông Sứ đưa tay bắt tay Tuấn. Tuấn cúi đầu lễ phép bắt tay từ già ông tỉnh trưởng Pháp.

Thanh đưa Tuấn ra cửa, rồi khép cửa trở vào bàn giấy, ông Sứ bảo Thanh :

- Mây thấy không ! Thăng học trò trẻ tuổi ấy biết nghe những lời khuyên bảo khôn ngoan của tao. Sao hôm nọ mây lại xin tao bỏ tù một đứa con nít ngây thơ hiền lành ?

- Bẩm cụ Sứ, nó là một đầu óc xấu xa . Nó dám chống lại nước Đại Pháp.

- Chưa chắc. Dù nó có đầu óc xấu xa như ông đốc trường Quốc Học đã phê trong học bạ và viết trong công văn, nó cũng có thể hối cải được nếu người ta biết khuyên răn nó. Như tao đã làm lúc nãy.

- Bẩm cụ Sứ, cha thằng Tuấn là chú thợ mộc dốt nát mà có con học ở Huế... Nó không đáng được học bổng của cụ lớn...

- Mây ganh ghét với nó hả ? Thế sao mây không đi Huế học như nó ? Cha mây làm lý trưởng có nhiều tiền bạc cơ mà !

Ký Thanh ngậm cằm. Ông Sứ cầm xấp hồ sơ của Trần anh Tuấn, bảo chàng đem cất lại trong tủ.

Tuấn ngồi bàn, coi theo sách Địa Dư bằng chữ Pháp, vẽ một bản đồ Ngũ đại châu, trên một tờ giấy tây lớn, rồi tô màu. Một đám thanh niên Nho học năm sáu anh đứng chung quanh coi. Dụng cụ học sinh chưa có đâu bán nhiều, nhất là bút chì màu mực màu, chưa có. Tuấn mài củ nghệ làm màu vàng, hái một nắm lá ớt xanh đâm thật nhuyễn trong chén rồi nhỏ vào vài ba giọt nước lạnh để làm màu xanh lục, lấy năm sáu bao nhang ngâm nước rồi vắt ra làm màu đỏ. Tuấn đã biết trộn màu xanh và màu đỏ làm màu tím và mài son làm màu gạch. Tuấn lấy bút nho tô lên bản đồ Thế giới có đủ châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Úc, thành ngũ đại dương rục rờ

năm màu.

Nhiều người trông thấy đẹp, tuy không hiểu gì cả, nhưng cũng bảo Tuấn vẽ cho mỗi người một bản, tô màu, đề chữ Quốc ngữ, và họ ghi chữ Hán một bên, đem về nhà dán trên vách tường để coi chơi. Như một thầy giáo, trò Tuấn giảng cho mọi người nghe : trên hoàn cầu có năm châu, và nước "An Nam" ở về châu Á... Ai nấy nghe mê.

Mực viết, mà mọi người gọi là "mực tây" cũng rất hiếm. Chỉ có vài nhà hàng "các chú" bán nhưng giá rất mắc, và chỉ có mỗi một thứ mực tím mà thôi. Không hiểu tại sao mực xanh và mực đỏ không có. Mực tím nước mỗi ve (mỗi bình) vuông vức và nhỏ, một bề độ ba phân, giá bán 3 tiền một ve, mực bột, (chưa có mực viên) thì 1 tiền một gói nhỏ đủ hoà ra được một bình.

Nhà Tuấn nghèo, không có tiền mua mực, Tuấn đi dạo khắp trong tỉnh thành, xem những nhà nào có trồng bông bụt (tiếng Bắc gọi là hoa dâm-bụt), lén hái hoặc xin, đầy một thúng. Về nhà, Tuấn ngắt cuống, bỏ bông vào một nồi nước đun trên bếp lửa.

Mẹ Tuấn hỏi :

- Nấu bông bụt làm chi vậy con ?

- Dạ, thưa mẹ, con bắt chước học trò ở Huế nấu mực tím, khỏi tốn tiền mua mực tây.

Tội nghiệp Tuấn. Mùa nắng nực, buổi trưa oi ả mà Tuấn cứ phải ngồi chụm lửa, và cầm ống dang thổi mãi cho lửa cháy phừng phực để nước mau sôi. Tuấn mình mẩy ướt đẫm mồ hôi như tắm mà cứ ngồi lì bên bếp lửa, tay cầm đôi đũa xáo trộn không ngớt những cánh bông bụt cho chín đều, cho thật nhuyễn... Nước sôi sùng-sục, khói toả nghi ngút làm cay mắt Tuấn, nước mắt nước mũi chảy lòng thòng. Một lúc lâu, nước cạn còn độ một tô Tuấn mới bắt nồi xuống, đem ra ngoài cửa có gió mát, ngồi chờ cho nước nguội. Tuấn lấy đũa vớt xác bông bụt bỏ đi, rồi nghiêng nồi nước đổ ra tô . Tuấn vui mừng, reo lên :

- Mẹ ơi, mẹ. Ra coi con nấu được mực rồi đây nè !

Thím Ba ở nhà trên đang gọt khoai lang, liền bỏ dao trong thúng chạy xuống cửa bếp để mà coi. Thím cũng vui sướng và ngạc nhiên thấy một tô

mực tím, màu tím-rìm đẹp quá ! Một hơi khói nhẹ còn bay lên từ tô mực phảng phất một mùi thơm. Tuấn cười bảo :

- Mẹ Oi, màu tím này giống như màu áo của các cô gái Huế !

Thím Ba cười, nhổ một phẹt nước trà ngoài sân rồi co ngón tay chọi trên đầu thằng con trai một cú, nói đùa với nó :

- Mẹ... .. mầy ! Coi chừng chớ làm như câu hát hò : "Học trò trong Quảng ra thi, thấy cô gái Huế mà đi không đành", thì chết đó, không nghe con !

Tuấn tùm tùm cười, đưa bàn tay lên xoa trên đầu chỗ mẹ mới cú chọi mà đau điếng. Rồi Tuấn bảo :

- Mẹ ơi, con gái Huế, họ mê con chớ con không mê họ đâu.

- Thiệt không !

- Dạ thiệt.

- Ủ, được đó. Con học sao cho đỗ Trạng Nguyên, Tiến Sĩ, rồi cưới con gái Vua . Chớ ở tỉnh mình đây, thằng Ký Thanh đỗ bằng ri-me lên làm được chức thầy Ký ở Toà Ông Sứ, rồi lấy cô Ba Hợi, con ông Bá Hộ, mà hai vợ chồng nó làm phách quá, nội cả tỉnh với làng phố này ai cũng sợ, mà ai cũng ghét ! Mầy cưới công chúa ở Huế về đây thì nó mới hết hồn.

Tuấn khẽ trút tô mực tím vào một chai không, độ một lít, còn dư một chút đủ rót vào bình mực nhỏ. Tuấn vừa làm vừa nói với mẹ :

- Mẹ muốn con cưới công chúa, thì con sẽ cưới con gái vua Duy-Tân.

Thím Ba hốt hoảng, liền bỏ nhỏ trong tai con :

- Con đừng nói tới vua Duy-Tân, bị bò tù chết cha !

Mẹ Tuấn trở lên nhà trên. Tuấn ngồi gạch cửa bếp lặng lẽ nhìn mây gió, và nghĩ đến vụ Hoàng Đế Duy-Tân... Mặt Tuấn bỗng xám lại, Tuấn hãy còn nhỏ tuổi, thế mà đa cảm, đa sầu. Nhớ vua Duy-Tân bị bắt đi đày. Tuấn rưng rưng hai ngón lệ ...

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 12

1916

- Người Pháp mộ lính sang Pháp đánh giặc Đức.
- Áp-phích Rồng Nam phun bạc của Phạm Quỳnh
- Một vụ ăn hối lộ đầu tiên của công chức làm việc cho Tây
- Có người ăn hối lộ và người bị hối lộ đều làm tiệc ăn mừng
- Ba chàng trai tráng tình nguyện đi lính qua Tây, kỳ Đệ Nhất Thế Chiến 1914-1918
- Ông Ách đi Tây về
- Đồng tiền kẽm của Vua An Nam. Đồng xu và đồng bạc của Bảo Hộ Pháp .
- Lính "Phú lít" An Nam. (Cảnh sát)

Tuấn đang học lại bài , nằm trên chiếc chiếu trải ngoài vườn , bên gốc cây mít. Lá mít rụng đầy chung quanh , lá úa đỏ. Trời vừa chạng vạng. Một con chim chìa vôi bay đậu trên sân , nhảy hai ba bước , đuôi dựng lên , y như chiếc chìa vôi cắm trong miệng bình vôi. Gió mát. Tuy là cảnh phố phường , ở ngay tỉnh lỵ , nhưng yên lặng , vì không có tiếng xe , ít có tiếng người , không ồn ào náo nhiệt. Bỗng con chó Vện nằm cạnh chân Tuấn sủa lên mấy tiếng. Tuấn ngó ra cổng. Chú Thập Điều từ ngoài bước vào , vừa đi vừa hỏi to :

- Có cậu Khoá ở nhà hông ?

Tuấn ngồi dậy lên tiếng :

- Gì đó chú Thập ?

- Chú với dượng gì ! Làng mời cậu ra đình , coi dùm tờ giấy của cụ Lớn trên tỉnh gửi về , bằng chữ Quốc ngữ. Không ai đọc được hết trọn hết trơn... Thầy Xã nói hoạ may có trò Chuột hiểu được cái thứ chữ đó , chớ ai mà hiểu. Thầy Xã sai tui vô mời trò ra coi giùm , gấp gấp !

Thím Ba từ trong nhà , bước ra sân , hỏi :

- Gì đó chú Thập ? Sao hồng vô nhà uống nước , ăn trà đã ?

- Dạ thôi , thím Ba... Có việc gấp , thầy Xã biểu mời cậu Chuột ra đình coi

giùm cái tờ giấy gì đó của tỉnh gửi về. Một tờ giấy in chữ Quốc ngữ thiệt lớn , có vẽ con Rồng...

Thím Ba gọi Tuấn :

- Con vô mặc áo dài , đi con.

- Dạ.

Đến đình làng , Tuấn được mấy ông Hương chức niêm nở mời ngồi trên ghế tràng kỷ , và đưa "cậu Khoá" xem hai tờ giấy in to tướng. Một tờ in chữ quốc ngữ dày đặc , có một tựa thật lớn và một giòng chữ Hán bên cạnh , nhan đề : "Trung Kỳ Bảo Hộ công báo" .

Một tờ in hình một con Rồng vàng phun những đồng bạc trắng , trên đầu bức vẽ có in hai giòng chữ quốc ngữ nét đậm màu đỏ : "Rồng Nam phun bạc , đánh đuổi Đức tặc".

(hai câu này của Phạm Quỳnh ở Hà Nội đặt ra .)

Tuấn đọc to lên cho cả làng nghe. Tờ "Trung Kỳ Bảo Hộ công báo " là một tờ báo của Toà Khâm Sứ ở Huế gửi đi các tỉnh , tỉnh gửi về Huyện , Huyện gửi về các làng. Tờ báo đăng tin Nhà nước bảo hộ Pháp-lang-sa đang đánh giặc với Đức , tức là nước Phổ-lô-si

(phiên âm chữ Prusse, Đức phiên âm chữ Deutsch). Đức là một nước "dã man, tàn bạo", bị Pháp-lang-sa đánh thua liểng-xiểng , binh lính Đức chết vô số , có cả hàng ngàn , hàng vạn, v.v... Nhưng trận giặc còn lâu dài , cho nên "dân An Nam nhờ nước Pháp-lang-sa bảo hộ , phải quyên tiền và đem binh lính sang Pháp để đánh lũ giặc Đức mọi rợ... v.v... Quyên tiền bạc bằng cách mua "Phiếu Quốc Trái " , nghĩa là dân bỏ tiền ra mua Phiếu quốc trái , cũng như cho Nhà Nước Bảo Hộ vay , mỗi năm tính lời , v...v... Bức vẽ "Rồng Nam phun bạc" cổ động cho phiếu quốc trái , con Rồng "An Nam" phun bạc ra như thế để "đánh đuổi giặc Đức. Lúc bấy giờ Đức chiếm cứ cả miền Đông nước Pháp , gồm hai tỉnh Alsace - Lorraine , và hăm dọa tiến vào kinh đô Paris.

Dân làng, bất luận giàu , nghèo , đều phải góp tiền để mua Phiếu Quốc Trái. Hơn nữa , làng phải mộ dân tình nguyện đi lính sang Pháp để "đánh đuổi giặc Đức " .

Sự thật , không có dân nào tình nguyện cả. Sau cùng làng xã phải bắt ép hai

cậu thanh niên khoẻ mạnh , gọi là tráng đinh. Một người tên là Năm Xin , con Bà Trác goá chồng , nhà nghèo xác nghèo xơ , "không có miếng đất để cắm dùi". Người nữa là chàng nho sĩ , học trò cũ của ông Tú Phong , bấy giờ thôi học , lo làm ruộng.

Hầu hết lớp "lính tình nguyện" này ở khắp xứ Trung Kỳ , cũng như ở Bắc Kỳ , Nam Kỳ đều là thanh niên nho học từ 21, 22 đến 24, 25 tuổi.

Phong trào mộ thanh niên đi tòng chinh sang "Mẫu Quốc" là một dịp cho các quan An Nam từ quan tỉnh xuống quan huyện , cho đến các ông hương , ông xã trong làng , đòi ăn hối lộ. Một số đông các ông này chơi ác , cứ nhè bắt bọn thanh niên trai tráng con nhà giàu , đi tòng chinh. Thế là các bậc cha mẹ phú hộ phải đem của tiền lo lót , cho con khỏi đi. Phải lo lót Xã một phần , lên lo lót Huyện một phần , rồi lo lót các cụ lớn trên tỉnh nữa. Về thực tế , phải nhìn nhận rằng các quan lại người Pháp không bao giờ ăn hối lộ trong vụ này , và họ hoàn toàn không biết một tí gì về cái thói hối lộ của quan An Nam.

Hối lộ gần như công khai. Nhà giàu đua nhau nhờ cậy chỗ này chỗ nọ , chạy chọt ông này ông kia , bán cả ruộng đất , nhất là con trai trưởng trong gia đình , khỏi bị bắt "tình nguyện" đi lính sang Pháp.

Thầy Ký Thanh nhờ làm thư ký Toà Sứ , cũng biết chụp cơ hội để làm giàu một vốn lớn. Thầy biết trong xóm Cửa Bắc , có một ông nhà giàu , chủ một chiếc ghe bầu thường đậu ở bến Tầm Thương , và tháng nào cũng đi buôn nước mắm và muối ở miệt Phan Thiết. Ông này có ba con trai , mà người con trưởng đã có vợ , lại đỡ đần hết mọi việc gia đình cho ông , vì ông đã già yếu. Ký Thanh cho người mời ông đến nhà , để bảo với ông :

- Cụ Lớn Công Sứ biết ông có ba người con , nên cụ lớn biểu tôi làm giấy bắt cậu Hai đi lính sang Mẫu Quốc đánh giặc.

Chỉ một câu thế thôi. Thế là ông chủ ghe bầu thì-thầm , thì-thụt , khóc lóc năn nỉ thầy Ký, "tay chừa của cụ Sứ ". Suốt nửa tháng trời , hai cha con điều đình , vận động với thầy Ký. Rồi cuộc có kết quả mỹ-mãn : - sẽ không có giấy của "cụ Sứ " bắt cậu Hai đi lính. Một buổi tối ông chủ ghe bầu và con trai của ông , khăn đen áo dài , bưng đến nhà thầy con gà mái tơ , một con gà chai rượu , một cặp trà , hai chục trứng vịt , một quả nếp , một trăm

quan tiền , và một nén vàng !

Ký Thanh khoe với vợ --Ba Hợi phu nhân , -- vợ nhoẻn miệng cười duyên :

- Đó là Thầy làm ơn làm phước cho người ta . Người ta đền ơn Thầy như vậy là ít đó.

Hôm chủ nhật , hai vợ chồng làm tiệc mời các bạn đồng liêu trong Toà Sứ đến ăn một bữa no say , nói là ngày giỗ ông Nội.

Hai cha con ông chủ ghe bầu hú hồn hú vía ! Cha khỏi bị lìa con , con khỏi bị xa nhà , xa vợ , cũng lật đật làm bữa tiệc cúng Ông Bà và cúng cô hồn. Làng xã được mời đến dự tiệc, được một bữa say tuý-luý. Rốt cuộc ai cũng vui vẻ cả ! Chỉ có ông Sứ - cụ Lớn Sứ - hoàn toàn không biết một tí gì về vụ này , và không được ai mời uống rượu !

Trong làng sở tại của Trần anh Tuấn , lúc đầu tiên có hai người thanh niên khoẻ mạnh , gọi là tráng đinh , bị bắt "tình nguyện" tòng chinh sang Pháp. Sau, quan binh buộc làng phải bắt thêm một người nữa. Cả thầy là 3 người :

- Năm Xin , con bà Trác.

- Hai Ngoạn , con chú Đẹp.

- Hai Tạ , con ông Bằng.

Cả ba đều là nhà nghèo , nghèo rớt mồng tơi , nghèo sát đất , nghèo mặt tẻ. Vì lớp thanh niên nhà giàu , hoặc nhà khá giả , hoặc con trai các vị hương chức , đều nhờ hối lộ , và nhờ có quyền thế , đã được miễn tòng chinh. Sót lại ba anh chàng này không có miếng đất cắm dùi , cho nên phải đi lính "tình nguyện" qua "mẫu quốc" đánh giặc "Phổ Lỗ Sĩ ".

Nói là qua "mẫu quốc" đánh giặc , nhưng sự thật thì qua bên đó nhập vào một đơn vị gọi là "đoàn quân thuộc địa" chỉ dùng riêng vào việc vận tải lương thực ở hậu tuyến mà thôi. Một số bị bắt ra mặt trận , nhưng cũng chỉ là khiêng vác các khẩu súng lớn , đẩy các cỗ đại bác và đào hầm trú ẩn. Chẳng có một người "lính thuộc địa" nào, nhất là lính "Tirailleurs Annamites" được cầm súng đánh giặc cả.

Gia đình của ba chàng thanh niên trong làng sở tại của Tuấn bị bắt đi tòng chinh bên Pháp đều có làm cơm cúng ông bà , và cúng ông Thần làng , trước hôm họ từ giã ra đi. Tội nghiệp nhưt là bà Trác. Bà khóc nức nở vì bà đã goá bụa , mà Năm Xin lại là con một của bà , "như hũ mắm treo giàn

bí". Mấy ông hương chức bắt cậu đi tùng chinh qua Tây kể cũng thật là ác ! Họ chẳng thương hại cho hoàn cảnh của bà Trác một chút nào ! Nhưng Năm Xin nói với mẹ : "Mẹ đừng có lo , Nhờ Trời che chở cho con được bình an vô sự , con đi lính sẽ đóng lon Cai , lon Đội , con được hàm Bát Phẩm , Cửu Phẩm , rồi con về làng con được ăn trên ngồi trước , con sẽ bỏ tù hết cả làng cho mẹ coi ! "

Năm Xin không có học chữ Nho , dốt đặc như cán cuốc , cho nên chàng nói nôm na mánh qué như thế , vậy mà mấy ông làng nghe cũng hơi ớn ớn.

Hôm bà Trác mua một con gà giò về làm thịt nấu cháo để cúng ông bà , cậu Năm Xin có năn -nì mẹ mua cho cậu một tiền rượu , trước là để cúng sau là để cậu uống một bữa cho thoả thích. Uống rượu say , cậu la hét một mình , cả làng xóm đều nghe : "Rồi coi chừng thằng Năm này , nghe không. Tao đi đánh giặc cho Vua nước Đại Pháp , biết đâu chừng Vua Đại Pháp thăng cho tao chức Lãnh binh , Thống chế , rồi tao sẽ cho bà con giòng họ tụi bay đi ở tù hết ! Nghe chưa tụi bay ? Đó là tao nhờn đức đó , không thì tao giết hết không còn một mạng à ! "

Năm Xin mượn hơi rượu để hăm dọa các ông Hương Xã , trước hôm y ra đi tùng chinh , thế mà đã có kết quả ngay ngày hôm sau . Lúc giờ Mẹo , chàng xách gói ra đi , cả làng cả xóm đều đến vuốt ve , đua nịnh , sốt sắng chúc chàng : "thượng lộ bình an ". Ai nấy cũng nghĩ thầm : "biết đâu chừng sau này hết giặc , nó sẽ trở về làm tới Lãnh binh , Thống chế !"

Hai vợ chồng ông Bằng , thì bà khóc nhưng ông không khóc. Vì Hai Tạ tuy cũng là con một trong gia đình , nhưng cậu ngỗ nghịch quá xá , lại cờ bạc rượu chè , bỏ nhà đi chơi luôn. Ông ghét nó lắm. Ông muốn thằng con ông đi lính qua Tây cho khuất mắt ông. Qua bên đó đánh giặc thế nào nó cũng chết , ông nghĩ thế. Ông sẽ cưới bà vợ bé , sanh thằng con trai khác để nối giòng nối dõi.

Trong ba chàng thanh niên tùng chinh , chỉ có Hai Ngoạn là có chút ít học thức. Chàng là học trò của ông Tú Phong , dôi mài kinh sử đã lâu , nhưng số phận hẩm hiu, đi thi kỳ nào cũng hỏng , hoặc phạm trường quy bị đánh rớt. Sức học của cậu có kém gì mấy ông Tú Tài , Cử Nhân , nhưng lều chõng mấy phen mà bạch thủ vẫn hoàn bạch thủ , đành cu rú ở nhà , vô tích

sự. Chàng có hơi thất chí , nhưng vẫn kiên cường tự đắc , lúc nào cũng cho mình là một sĩ phu chưa gặp thời đó thôi. Bị làng bắt đi lính sang Pháp-lang-sa , Hai Ngoạn nghĩ rằng thời của chàng đã đến. Đây là cơ hội để chàng tiến thân. Chàng xoắn một mớ chữ Nho , nhớ câu trong sách :

- "Đại trượng phu xử thế đương tảo trừ thiên hạ , an sự nhất thất ? " (Người trai ở đời phải quét sạch cả thiên hạ , há lẽ chỉ quét một cái nhà thôi ư !)

Kể ra chàng cũng có cái khí khái của con nhà Nho dở mùa , nhưng chàng rêu rao có hơi sớm.

Ba nhân vật trên đây có thể nói là điển hình. Họ tiêu biểu ba hiện tượng tâm lý của lớp thanh niên An Nam từng chinh sang Pháp trong trận Đệ nhất Thế chiến , 1914-1918.

Một hạng có mộng làm lớn để trở về hách dịch với đồng bào , và một hạng ưa phiêu lưu , cả hai đều là những kẻ ít học. Hạng thứ ba nuôi đầy triết lý Nho giáo nhưng áp dụng không đúng với tư tưởng , làm nô lệ cho người mà vẫn hãnh diện tưởng đóng vai trò anh hùng của thời thế.

Tất cả thanh niên từng chinh ở Trung Kỳ, 21 đến 24 tuổi , đều được lệnh đến trình diện tại đồn lính Khố xanh ở các tỉnh , rồi từ tỉnh họ được chở đi tập trung tại Huế , đợi tàu sang Pháp. Đã có một lớp lính mới được đưa ra Huế đầu tiên , mấy tháng trước , và được huấn luyện rồi. Nhưng phần đông số lính này lại được nhà cách mạng Trần cao Vân tuyên truyền bí mật theo phong trào khởi nghĩa của Vua Duy-Tân , và đã sẵn sàng làm nội ứng. Cuộc khởi nghĩa Duy-Tân thất bại , các đoàn lính tình nguyện kế tiếp đều bị kiểm soát thật chặt chẽ , và bị đề phòng gắt gao.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 13

Sau bốn năm liên tục học ở Huế , và thi đỗ bằng Thành Chung, tháng 6 năm 1918, Trần anh Tuấn về tỉnh nhà được đặc biệt bổ làm thông ngôn ở Toà Sứ. Năm sau, 1919, ba chàng thanh niên đi tòng chinh kia cũng được từ Pháp hồi hương , bình yên vô sự.

Cả ba đều vui mừng và hãnh diện. Tính tình cử chỉ ngôn ngữ của họ đều có nhiều sự thay đổi. Nhưng ba giấc mộng tang bồng hồ thĩ đều không thành đạt như sở nguyện.

Năm Xin không được làm quan Lãnh binh , quan Thống Chế , mà chỉ là chú lính binh nhì. Đàn bà con nít trong xóm làng và trong thành phố nghe chú nói tiếng Tây rằng chú là lính "đơ đèm cờ-lát" (2è classe) họ cười rộ lên , và gọi ngạo chú là đơ đèm cùi bấp". Bọn con nít gọi chú là "đơ đèm cù-léc". Nhưng chú vẫn khoe khoang suốt ngày mang

"đôi giầy lính tây" đi vênh vang ngoài phố nện gót giầy đập đập... Ba tháng sau , chú xin vô làm "bồi" cho ông Giám binh và nói rặc "tiếng bồi". Bà đầm sai chú ra chợ mua đồ, chú cũng nói " tiếng Tây " với mấy bà bán ngoài chợ :

- Bán cho tui "cách ớp- đờ-cà -na" (4 trứng vịt). Tiếng Pháp canard là con vịt đực , cane là con vịt cái , nhưng chú bồi Năm Xin chỉ biết ca-na là con vịt , thành ra chú vẫn quen miệng nói : "ốp- đờ-cà-na" , 4 cái trứng vịt.

Mấy ông làng sở tại thấy Năm Xin đi lính bên Tây chỉ là tên lính "đơ đèm cùi-bấp" nên họ vững lòng khỏi sợ y thù oán. Nhưng Năm Xin vẫn hách dịch như thường. Mỗi khi làng có cúng tế ở Đình , Năm Xin diện bộ đồ "Sơn đá" cũ mèm , đến Đình ngồi ngang hàng với các vị hương chức. Họ vẫn sợ chú , vì chú là " bồi " của quan Giám binh. Chú có thể dựa thế quan Tây để bắt nạt làng xóm.

Hai Tạ , con ông Bằng , thì được đóng lon cai. Chàng đã 23 tuổi và được ông Công Sứ cho làm cai "Phú-lít " (Police) lính cảnh sát. Cả ngày chàng cầm cái roi mây đi các đường phố trong tỉnh , ghé vô chợ , vô các tiệm , nạt

nộ người này , hăm dọa người kia, và mua hàng hoá không trả tiền. Nhưng không một chủ tiệm nào dám đòi , kể các tiệm "các chú" và tiệm An Nam . Thường dân trong thanh phố hay bị chàng đánh hoài , ít người dám kêu-rêu.

Chàng sả roi mây vào đầu người ta , quất vào vai , vào hông đít , ít người dám kêu-rêu. Vì tội người ta không đỡ nón chào "thầy Cai" hoặc lỡ miệng gọi chàng là "chú Cái" .

Hai Ngoạn , bậc "đại trưởng phu" môn đệ của Khổng giáo , đi lính cho Tây được đóng lon Ông Ách (Adjutant) , tức là ông Quản. Nhưng chàng ta bị điên , vì có lần chỉ huy một đoàn quân An-Nam-mít vận tải ra mặt trận bị một trái phá đại bác của Đức rơi nổ bên cạnh , chàng xiêu hồn lạc phách rồi từ đó trở thành điên luôn. Về tỉnh nhà , chàng vẫn còn loạn óc , tuy trai trẻ , mạnh khoẻ , và khá đẹp trai. Chàng mới có 24 tuổi. Người ta thường gặp ông Ách vác một cây gậy trên vai , giả làm như cây súng , đi lang thang trong tỉnh , trong làng ,vừa đi vừa hô lên một mình : Ấc, đơ... Ấc , đơ !... Ấc, đơ !... (một, hai ! một , hai !). Có khi chàng cột một tấm giẻ rách , màu xanh , hoặc màu đỏ trên đầu cây gậy , làm như lá cờ. Tụi con nít sợ "ông Ách" lắm. Chàng đi tới đâu , tụi nó trốn tới đó , không một đứa nào dám lộ mặt ra. Ông Ách không hề sợ một ai hết thấy. Ông chỉ sợ mỗi một thứ mà thôi - ông sợ tiếng nổ. Mấy ngày Tết , nhiều nhà đốt pháo , Ông Ách nghe tiếng pháo nổ , vội vàng chạy trốn , tìm chỗ chui núp , bất cứ đang ở đâu. Ông Ách thường ưa gặp Trần anh Tuấn , bấy giờ đã thành ra thầy Phán Tuấn. Hễ gặp , là ông Ách xõ tiếng bồi :

- Me xừ Phán Tuấn ơi , nè lữ , tòm-bê côm xà : Bùm ! Bùm !

Tuấn cười hỏi :

- Cái gì bùm , bùm ?

- Cái ô-buýt đại cà-nông lữ kêu Bùm ! Bùm ! Chớ cái phuy đi thì lữ kêu : păng ! păng !

Rồi ông Ách cười :

- Vậy mà moã ya-na-pa-pơ ! (tui không sợ !)

Ông Ách lại cười ha hả , đưa tay lên chào Phán Tuấn theo kiểu nhà binh , rồi đi. Chàng thanh niên loạn óc này cứ đi lang thang như thế suốt ngày ,

ban đêm bạ đâu ngủ đó...

Ông Ách tuy vậy vẫn không làm hại ai. Chỉ có tụi trẻ nít là sợ ông , sợ ông ghê lắm , nhưng sợ vì thấy ông điên điên khùng khùng chứ sự thật ông đâu có dọa nạt con nít. Ông chỉ cầm gậy đuổi đánh đứa nào chọc ghẹo ông.

Chúng nó sợ Ông Ách đến nỗi mỗi một khi có đứa nhỏ nào khóc , người lớn chỉ dọa nó một câu : "Nín đi , ông Ách đến kia-kìa !" là nó nín ngay tức khắc , mắt ngơ ngác nhìn xem ông Ách ở đâu... Hoặc chúng nó đang chơi ngoài đường , vui vẻ , bỗng có đứa nào nói gạt : " Ông Ách kia , tụi bay ơi ! " thế là cả bọn chạy biến đi mất tiêu , đứa vọt vào nhà đóng cửa lại , đứa trốn ngoài bụi , đứa chui xuống gầm giường, đứa nấp sau gốc cây.

Người lớn thì trái lại , thích gặp ông Ách để gợi chuyện cho ông nói nghe chơi. Ông nói cả chữ Tây lẫn chữ Nho . Vì ông xuất thân là con nhà Nho , lại sang Pháp học lõm được một mớ tiếng Tây ba-rơi đem về làm quà cho bà con trong tỉnh. Điên thì điên , nhưng mỗi tháng đúng ngày , ông Ách vẫn nhớ lên Toà Kho Bạc để lãnh tiền cấp dưỡng của Nhà nước , hình như được đâu một đồng bạc.

Thời bấy giờ , trong nước ta thông dụng hai thứ tiền tệ : của "chính phủ bảo hộ" , thì bạc đồng , bạc cắc , và xu (chưa có giấy bạc). Đồng bạc tròn , dày độ 1 millimètre, đúc bằng bạc thật 9 phần 10 , nặng trên 27 grammes , ở giữa có hình nổi một bà Đầm Marianne , tượng trưng cho nước Pháp , trên đầu bà có một vòng tủa ra nhiều tia nhọn. Không hiểu sao dân chúng thường gọi "Đồng Bạc Bà Đầm Xoè". Đồng xu thì bằng đồng , ở giữa có lỗ nhỏ để xuyên , chung quanh cũng có in chữ nổi : "Indochine Francaise" (Đông Dương của Pháp) như đồng bạc.

Vua ta thì có tiền . Tiền của Vua có hai loại : "Tiền ăn sáu" và "Tiền ăn ba". Một đồng tiền ăn ba cũng được gọi là "đồng điếu" là đơn vị tối thiểu của đơn vị tiền tệ thời bấy giờ. (Nghèo không có đồng điếu , nghĩa là nghèo xơ nghèo xác , nghèo mặt tệ). Mười đồng tiền ăn sáu hay là 20 đồng tiền ăn ba , tức là một tiền. 10 tiền ăn sáu hay là 20 tiền ăn ba cột lại với một lật tre , thành một quan tiền. Hầu hết trong dân chúng đều dùng : Loại Tiền ấy. Tiền đúc niên hiệu Gia Long thông bảo , Minh Mạng thông bảo , Thiệu Trị thông bảo , Tự Đức thông bảo v...v...

Chỉ có một số ít nhà giàu , hoặc khá giả , mới có bạc đồng. Buôn bán tại các chợ , hoặc trong các tiệm , hầu hết là bằng tiền.

Ông Ách lãnh lương của Nhà nước Bảo-hộ cấp dưỡng bằng bạc đồng. Ông đem bạc ra tiệm "các chú" đổi thành tiền. Ông cất tiền trong một cái gói vải nhuộm màu đỏ , mà ông thường đeo lưng lẳng trên vai. Không ai biết số tiền ấy ông đem cho ai , hay ông làm gì , mà tháng nào cũng vậy , cứ vài ba ngày sau hôm lãnh tiền là ông không còn một đồng điều. Rồi ông cứ đi ăn xin của người ta.

Thầy cai phú-lít Hai Tạ , con ông Bằng , ăn lương cũng một đồng , nhưng chàng ta nhờ tiền hối lộ , và các của phi nghĩa giành giật của thường dân , nhất là của những người buôn bán nên chàng có rất nhiều tiền.

Cả tỉnh chỉ có hai thầy cai phú-lít. Gọi là thầy cai cho oai , chớ sự thực là lính , tức là lính cảnh sát. Chân đi đất , mặc áo cụt trắng hoặc đen , quần vải ta , thắt dây lưng đỏ tòn-ten dưới bụng. Y-phục của người lính phú-lít An Nam năm 1900-1924 cũng y như của thường dân. Chỉ khác hai món để phân biệt : người lính có nón gù đội trên đầu và chiếc roi mây luôn luôn cầm nơi tay . Không có súng lục. Cũng không có dùi-cui. Chỉ có cây roi bốn mạng , dùng để đánh đập người ta . Chú nông dân nghèo và không có học , trước đó hai năm chỉ đi vác cờ , đánh trống , chạy hiệu cho làng , bây giờ đi "tùng chinh" bên nước Đại Pháp trở về được "quan thầy Đại Pháp" cho làm lính "phú-lít", cả làng cả tỉnh đều sợ hãi như sợ cọp. Ông Làng , ông Xã đều gọi hắn bằng "Thầy Đội", "Thầy Cai". Hắn vào nhà ai , chủ nhân phải mời hắn ngồi trên ghế tràng kỷ , mời trà , mời nước , dạ dạ , thưa thưa. Hắn, cũng như chàng Năm Xin "đơ-đèm-cùi-bấp" đi lính bên Tây về làm bồi cho ông Giám binh , đều hách dịch như nhau cả. Hai người đều nói tiếng bồi để loè với dân chúng à các cô thôn nữ. Họ chường "địa vị" bồi Tây và lính Cò để hiếp đáp bà con hàng phố , nạt nộ dân làng dân tỉnh. Ở trong đồn Lính Tập , bà Đầm và ông Giám binh sai Năm Xin giặt quần , giặt váy ; ở Sở Cò thì ông Cò Tây chửi Hai Tạ là cu-son, con heo , mợc, xà-lù , con bò... Thế mà về làng , hai chàng thanh niên này nịt bộ đồ lính Tây rách vá , mang đôi giày lính Tây há mồm , ung dung đến Đình làng vẫn muốn ăn trên ngồi trước , ngang hàng với các cụ bô lão , rồi uống rượu say

sửa , xô tiếng bồi làm ngơ ngác cả làng...

Đây là thành tích của số đông các chàng trai "An Nam" đã từng chinh bên Pháp được trở về quê nhà sau trận giặc Pháp - Đức , 1914-1918.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 14

1916-1920

- Học trò các trường Nhà Nước đã đông
- Chữ Quốc-ngữ đã thông dụng. Chữ Hán đã bắt đầu bị chữ Quốc-ngữ và chữ Pháp thay thế .
- 1919, Sắc chỉ của Vua bãi bỏ các kỳ Thi Hương, Thi Hội (Hán-học)
- "Đèn Huê-kỳ"
- Đèn đá ngoài đường.
- Xe kéo của Quan Tuần-Vũ
- Học trò đi dự lễ tế Đức Khổng-Tư?
- Dân chúng rủ nhau đi xem chiếc máy bay đầu tiên của Pháp xuất hiện trên vòm trời Việt-Nam .

Trần anh Tuấn đỗ bằng Thành Chung trường Quốc Học Huế tháng sáu năm 1918. Chàng mới có 16 tuổi. Kể từ lúc 8 tuổi cắp sách đến trường tỉnh học lớp Năm, cho đến bây giờ thi đỗ "diplôme", chàng đã học được chín năm, và sức học Pháp ngữ của chàng cũng đã khá vững rồi. Tuấn chưa đến tuổi trưởng thành, nhưng lúc bấy giờ Tuấn thuộc vào lớp "trí thức" do học trường Pháp mới đào tạo để làm việc cho Nhà nước Bảo-hộ. Riêng ở tỉnh nhà, Tuấn là người đầu tiên thi đỗ bằng "Diplôme" ở trường Quốc học Huế. Cho nên Tuấn được tiếng tăm là một tay "học thức cừ khôi" nhất trong tỉnh, và được ông Công Sứ Pháp, chủ tỉnh, rất thương mến.

Bạn học cũ của Tuấn ở trường tỉnh, thi đỗ bằng sơ học đều được bổ dụng làm việc ngay tại các Sở : Lục lộ, Kiểm lâm, Giây thép, nhà thương, kho bạc, v.v... Với sức học còn ít ỏi, tiếng Pháp viết chưa đúng meo, nói chưa đúng câu, hiểu chưa hết lời, các bạn thiếu niên ấy vẫn được tạm bổ dụng tại các cơ sở mới vừa thiết lập, và vẫn làm được những công việc thường, do các "quan tây" chỉ bảo lần hồi. Riêng Trần anh Tuấn được ưu đãi, nhờ học lực của chàng. Chàng được ông Sứ tin dùng, cho lên ngay địa vị "Thông Phán hạng nhứt", còn Ký Thanh trước kia là người thân tín của "cụ Lớn

Công Sứ", bây giờ chỉ còn làm thơ ký thường thôi.

Tuấn và Thanh, tiêu biểu cho hai hạng thanh niên "trí thức" Việt Nam thời bấy giờ, tuy cũng là những phần tử trước tiên do học đường Pháp đào tạo, cũng bỏ Hán-học nhảy qua Tây-học, cũng ra làm việc cho "nhà nước bảo hộ", cũng dần dần theo nếp sống của "văn minh Pháp", nhưng "đầu óc" của hai người vẫn khác nhau như mặt trời mặt trăng. Lê văn Thanh, thì các bạn đã biết rồi. Từ tư cách, cử chỉ, hành vi,, ngôn ngữ, chàng đã tỏ ra là một kẻ hoàn toàn xu phụ theo Tây, dựa vào thế lực của Tây để hiếp đáp đồng bào, để ăn hối lộ và hách dịch với mọi người. Cả thành phố, và cả tỉnh, ai cũng sợ, nhưng ai cũng ghét.

Trần anh Tuấn thì khác hẳn. Tuy là con nhà nghèo - cha làm nghề thợ mộc - và tuy được "quan Sứ" tin cậy và thương mến vì học lực của chàng tương đối khá hơn cả trong tỉnh, thông thạo tiếng Pháp hơn, và có nhiều khả năng hơn, nhưng chàng không vì thế mà hãnh diện. Trái lại, Trần anh Tuấn luôn luôn vui vẻ, nhã nhặn với mọi người, làm việc rất thanh liêm, hành vi và ngôn ngữ lúc nào cũng trung thực và sẵn sàng chỉ bảo, giúp đỡ, bao bọc cho dân chúng mỗi khi họ có việc phải đến "hầu Toà".

Về bề ngoài, ai cũng phải công nhận "thầy thông Phán Tuấn" là một người rất hiền lành, tử tế. Từ "quan Công Sứ", quan Phó Sứ, các quan An Nam cho đến cả ông Hương, ông Xã khắp các phủ huyện trong tỉnh, và những anh "dân quê", tất cả đều có cảm tình với Trần anh Tuấn. Được người trên thương, kẻ dưới trọng. Thấy Phán Tuấn vẫn không bao giờ lấy đó làm hiêu-hiêu tự đắc đối với các bạn đồng nghiệp trong Toà, hay là bất cứ với ai.

Hơn nữa, trong đầu óc Trần anh Tuấn, có những ý nghĩ thầm kín mà không mấy khi Tuấn muốn thổ lộ ra ngoài. Nhờ có đi học ở Huế, và nghe biết rõ nhiều chuyện về Vua Hàm-Nghi, và Vua Duy-Tân, cả hai bậc Minh quân còn trẻ tuổi, hai đấng thanh niên anh dũng của nước nhà, Trần anh Tuấn được thấm nhuần tư tưởng "ái quốc" của hai nhà Vua ấy. Có những đêm vắng vẻ, một mình một bóng, dưới túp nhà tranh của chàng ở Cửa Bắc, Tuấn nhớ đến vụ Hoàng đế Duy-Tân và nghe người ta kể lại vụ Hoàng đế Thành Thái, Hoàng đế Hàm Nghi, cả ba đều chống lại Tây, rồi bị bắt, bị đày xa quê hương. Tuấn suy nghĩ, xúc cảm, buồn rầu rồi tự nhiên nằm khóc

âm thầm trong đêm tối...

Lúc bấy giờ không ai hiểu được Tuấn. Chung quanh toàn là thế lực và uy quyền của người Pháp, nịnh Pháp sợ Pháp, đa số coi người Pháp như thần thánh, Tuấn vẫn lặng yên, âm thầm nhẫn nại, ngày hai buổi đi làm việc của mình, không tỏ ra một dấu hiệu gì bất mãn cả. Chàng được các quan tin cậy lắm, và các quan "An Nam" kính nể, tuy chàng còn trẻ tuổi quá, mới 17 tuổi, một thiếu niên vừa tốt nghiệp trường Quốc Học ở Kinh đô . Thời kỳ Trần anh Tuấn là một "quan Phán đầu toà" ngoan ngoãn hiền lành, chính là thời kỳ chàng im lặng, âm thầm, chưa tiết lộ tâm chí của chàng còn bao nhiêu bí ẩn...

Nói đúng ra, từ ngày Trần anh Tuấn vào làm việc trong toà Sứ, hoàn cảnh của gia đình Tuấn đã thay đổi khá nhiều. Dĩ nhiên, hoàn cảnh mới cần phải thích hợp với địa vị mới của chàng và chàng đã được công nhận là một thanh niên trí thức Tây học, đứng đầu trong toà Sứ, cũng như đứng đầu trong cả tỉnh, chưa ai so sánh kịp. Chiều theo lời cầu khẩn của Tuấn, chú Ba thân sinh của chàng, không làm nghề thợ mộc nữa.

Không phải Tuấn chê cái nghề ấy là hèn hạ. Tuấn không bao giờ có ý nghĩ trượng giả như thế. Trái lại, sinh trưởng trong gia đình bình dân. Tuấn luôn luôn có tư tưởng bình dân, và thích thân cận với giới bình dân hơn là giới thượng lưu phong kiến. Nhưng số lương bổng mỗi tháng của Tuấn có thể cung cấp đầy đủ cho gia đình mức sống hàng ngày có thể tăng lên phần nào, khỏi cần phải ra sức làm việc lao động của người cha già như trước nữa. Tuy đã được thấm nhuần sớm hơn và sâu đậm hơn cái phong trào văn minh tinh thần và vật chất của người Pháp đang lan tràn các tầng lớp xã hội Việt Nam, Tuấn vẫn giữ được căn bản tinh hoa của giống nòi mà lúc bấy giờ người ta thường gọi là "Quốc Hồn Quốc Túy" của dân tộc Việt Nam.

Tuấn thường nói với cha : "Thưa cha, hồi con còn nhỏ dại, cha phải làm việc cực nhọc để nuôi sống gia đình, nay con đã đi làm có tiền, con có thể phụng dưỡng Cha Mẹ và nuôi em con. Cha mẹ cứ nghỉ ngơi cho khoẻ, để dưỡng tuổi già".

Bà con hàng xóm và trong làng, trong tỉnh, đều khen Tuấn là có hiếu. Họ rất tán thưởng ý nghĩ của Tuấn, và cũng khuyên chú Ba nên nghỉ nghề thợ

mộc. Chú Ba nề lời (anh Phán nó) - chú thường gọi Tuấn như thế - và cũng nghe lời bà con lối xóm làng, không còn xách cái giỗ dựng cửa, bào, chàng, đục, ống mực, cây thước, đi làm thuê và cửa cây đóng bàn cho thiên hạ, để kiếm vài trăm quan tiền như trước nữa.

Nhưng bây giờ, nhờ lương bổng của Tuấn , có dư dả ít nhiều, và tiện tặn góp-nhóp được vài ba chục đồng bạc, chú Ba đem khả năng nghề nghiệp của mình điều khiển một số thợ mộc em út để xây cất một căn nhà mới cho gia đình của chú, và tự chú đóng thêm bàn, ghế, tủ, giường, toàn mới cả.

Nhà mới vẫn phải lợp tranh, vì giá gạch, ngói còn đắt, nhưng gian nhà mới bằng gỗ đã được rộng lớn hơn túp nhà lợp-xộp thuở trước, sáng sủa hơn, sang trọng hơn.

Và đôi liễn thiên hạ đi mừng tân gia, mừng thầy Thông Phán đầu toà, toàn bằng chữ Nho, treo la liệt kín hết các vách tường bằng ván.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 15

Chú Ba và thím Ba chỉ có hai con trai , Tuấn và đứa em của Tuấn. Cậu bé này từ khi sinh ra vẫn chưa có tên.

Thời bấy giờ không có Hộ-tịch, lấy chồng lấy vợ khỏi cần làm giấy hôn thú , miễn có mời làng xã đến ăn uống , chứng nhận cho thế là được rồi. Sinh con cũng khỏi có giấy khai sinh. Chính tên "Trần anh Tuấn" cũng do thầy giáo đặt cho thằng Chuột hời nó bắt đầu bị nhà nước bắt phải đi học.

Vì chú Ba thím Ba hiếm con , sợ đặt tên tốt đẹp cho con sẽ bị ma quỷ bắt mất , nên chú thím theo tục lệ thông thường lúc bấy giờ , tục lệ này được áp dụng không phải riêng trong giới dân nghèo , mà cả trong gia đình quan lại , quý phái nữa -- cứ tìm những tên rất xấu-xí , để ma chê quỷ hờn , không thèm đụng chạm tới đứa nhỏ.

Em của Tuấn , được đặt tên lúc ra đời là thằng Bọ Hung. Nhưng bây giờ nó đã được 9 tuổi. Tuấn muốn cho nó đi học trường Nhà nước ở tỉnh , và bàn với cha mẹ , đặt tên chữ cho nó. Chú Ba bảo Tuấn : "Hai anh em mày mặt mũi giống nhau như đúc. Vậy tên mày là Tuấn , thì tao cũng đặt cho nó tên Tuấn."

Thím Ba cũng gật đầu. Thím vừa nhai trầu bồm bẻm vừa cười : "Ừ , sao mà thằng Bọ Hung nó giống mày như hai cái bánh in chung một khuôn vậy đó ! Nó giống từ cái mặt , cái tay , cái chũn , cho tới bộ đi , bộ đứng , giọng nói , giọng cười , giống hệt vậy hè ! Nhờ thầy giáo đã đặt tên cho mày là Trần anh Tuấn , mày mới làm nên danh giá , vậy thì cũng đặt tên cho em mày là Trần anh Tuấn , để nó hưởng cái lộc của mày."

Tuấn cười bảo : "Thưa mẹ , như thế trùng tên sao được ?"

Chú Ba bảo : "Sợ trùng tên , thì mày là Trần anh Tuấn , nó là Trần em Tuấn."

Thím Ba lại vồn vã tán thành ngay :

- Mày là anh , thì tên mày là Anh-Tuấn, nó là em thì tên nó là Em-Tuấn , phải đó.

Bọ Hung ngồi ngạch cửa , ở trường trông trực , với chòm tóc trên đầu , cũng nhe răng cười :

- Con cũng muốn tên của con giống như tên anh Hai. Cái gì của con cũng giống anh Hai con mới chịu.

Cả nhà cười rộ lên. Trần anh Tuấn thấy thế , đành chịu theo ý muốn chung của cha mẹ và em.

Thế là thằng Bọ Hung từ đây được đặt tên chữ là Trần Tuấn. Nhưng về thực tế , người ta gọi nó là Tuấn-em.

Sáng hôm sau là ngày nhập học khởi đầu niên khoá 1919-1920, Phán Tuấn dắt Tuấn-em đến trường Pháp-Việt (Ecole de Plein Exercice) xin cho Tuấn-em vào lớp Năm.

Cũng kỳ nhận học này thầy ký Lê văn Thanh xin cho đưa em út của thầy vào học cùng lớp với Tuấn-em. Tên nó là Lê văn Lục , 7 tuổi , nhỏ hơn Tuấn em hai tuổi.

Trường Nhà Nước bây giờ đã đông học trò hơn mấy năm trước nhiều. Dân thành phố ở tỉnh , cũng như dân quê ở các phủ , huyện , các làng , đã lần lượt cho con đi học chữ Quốc ngữ và chữ Tây. Lý do thực tế là họ thấy uy quyền của chính phủ Bảo-hộ đã vững , cho con đi học , thi đỗ , làm việc ở các Toà , các sở , như Ký Thanh , Phán Tuấn ,v.v... vừa được tiền lương nhiều , lại vừa được danh vọng. Trái lại, họ cũng thấy rằng cựu-học đã tàn , chữ Hán đã bắt đầu bị chữ quốc ngữ và chữ Pháp thay thế.

Các ông Tú , ông Cử , ông Nghè , không được trọng dụng nữa.

Cùng năm 1919 , nhà Vua đã ban sắc-chỉ bãi bỏ các kỳ thi Hương , thi Hội (Hán-học) trong toàn cõi Trung Bắc kỳ. Hán học đã chính thức bị đào thải. Chính các quan Phủ , quan Huyện của cựu trào trước kia vẫn phản đối chữ Quốc-ngữ , chê nó không phải là chữ của Thánh-hiền , bây giờ cũng phải kiếm mời thầy giáo về nhà dạy cho các quan học A.B.C. Quan Huyện không những tự mình đi tỉnh mua bút , mực , giấy tây , để về nhà học và tập viết chữ quốc ngữ , mà quan còn bắt bà Huyện và các cậu con trai , các cô con gái của nhà Quan cũng phải học vắn xuôi , vắn ngược. Buổi sáng và buổi chiều , các Quan làm việc ở công đường , còn tiếp tục phê các đơn trương, giấy tờ bằng chữ Hán , nhưng buổi trưa , buổi tối , trong tư thất các

quan phủ , quan huyện, vang lên tiếng bập bẹ đồng thanh , ồn ào , vui vẻ của các Quan và cả gia đình những chữ "dị kỳ" : Ba , bã , bà , be, bê... ác , át , an, ang, áp , am...

Quan ông , quan bà , các cô ,các cậu , vừa tập đọc vừa cười rần-rộ. Các chú lính lệ đứng quạt hầu cho Quan Lớn và Bà Lớn , hoặc vòng tay đứng chờ lệnh Quan sai những công việc lật-vật , đều cười khúc-khích với nhau , ngơ ngơ ngác ngác chẳng hiểu chi cả.

Trong thời gian ấy , học trò lớp Năm các trường nhà nước đã thuộc vần chữ Quốc ngữ trong một tháng khai giảng đầu tiên , rồi tiếp đến học cửu chương bằng chữ Hán , để làm toán cộng , toán trừ , và học... "vocabulaire" tiếng Pháp !

Lên lớp Tư (lớp Dự Bị) đã học chữ Pháp nhiều hơn , ở lớp Ba (Sơ Đẳng) , học chữ Pháp nhiều hơn nữa , lên đến lớp Nhì và lớp Nhất thì các môn học hoàn toàn bằng Pháp ngữ.

Song-song với phong trào học chữ quốc ngữ và chữ tây được thịnh hành và truyền bá rất nhanh chóng trong các tầng lớp dân chúng , đời sống vật chất của xã hội Việt Nam , từ năm 1919 cũng đã thay đổi rất nhiều và rất mau lẹ.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 16

Tuy ở các tỉnh đèn điện chưa có , nhưng dầu hoả đã được bán khắp các phố , các chợ , trong những thùng thiết lớn từ Huê-Kỳ chở qua . "Đèn Huê-Kỳ", một loại đèn bằng thuỷ tinh , để thắp với dầu hoả, cũng được bán trong các tiệm buôn Tàu và AnNam từ tỉnh đến thôn quố . Chỉ nhà nghèo mới tiếp tục thắp đèn dầu phọng , hoặc dầu dừa , mỡ heo.

Tại tỉnh , hai bên đường phố , ban đêm chưa có đèn. Nhưng ở các ngã tư đã có những trụ đèn bằng sắt , đúc và chạm rất đẹp , ở bên Tây đem qua , trên ngọn có một thứ đèn chung quanh lồng kiếng , và thắp bằng hơi acétylène . Người ta thường gọi là đèn hơi đá , hay là đèn carbure . Cứ vào khoảng 7 giờ chiều , có một người lính vác chiếc thang trên vai , tay xách một cái đèn carbure, đi đến từng ngã tư thành phố , nơi có trụ đèn. Anh dựng thang vào trụ , rồi cầm một chiếc đèn leo lên thang. Gần đến ngọn , anh đưa tay lên mở một cửa kiếng , đặt đèn vào trong. Trong đèn đã có sẵn bốn năm cục đá carbure và nước. Anh đánh một que diêm (loại diêm Hoa-Sen rất thông dụng , do một hãng Pháp sản xuất tại Hàm Rồng - Thanh Hoá). Anh châm lửa kề miệng vòi của chiếc đèn , tự nhiên lửa phức cháy , do hơi acetylène trong đèn phụt ra.

Đèn carbure chiếu một ánh sáng xanh dịu , mát mẻ và soi xa một vùng chu-vi bốn năm thước. Xong rồi , anh lính trèo xuống , vác thang lên vai , tay còn xách năm , sáu chiếc đèn nữa , đi lần lượt đến những trụ đèn khác. Cứ cách bốn năm chục thước , nơi các con đường lớn , mới có một trụ đèn carbure.

Tất cả các đường khác đều tối om- Om.

Thường thường một chiếc đèn carbure ngoài đường cho cháy lâu được 4 tiếng đồng hồ thôi. Thành thử , chú lính coi về việc thắp đèn phải đi thay carbure mỗi đêm 3 lần , bất kể mưa gió , vào khoảng 7 giờ tối , 11 giờ khuya và 3 giờ sáng. Mỗi lần , anh phải vác cái thang đi và xách theo một thùng đá carbure, và một thùng nước lã. Lương của anh mỗi tháng 2 đồng

bạc.

Riêng trong vườn Toà Sứ và chung quanh dinh thự Ông Sứ , treo các loại đèn bằng đồng , bóng đèn thấp gọi là đèn tempête giống như loại đèn của thợ mỏ.

Các nhà giàu sang , đều thấp đèn dầu hoả. Nhưng thấp rất là hà tiện , vì giá dầu đắt lắm - nó gần như là xa xỉ phẩm hồi 1910. Trong các gia đình người Pháp cũng thấp đèn dầu hoả.

Xe máy (xe đạp) chưa có ở các tỉnh. Nhưng xe kéo đã có nhiều hơn trước, hầu hết là xe bánh sắt. Đầu năm 1920, mới bắt đầu xuất hiện vài ba chiếc xe kéo bánh cao su Người dùng xe này trước nhất là Quan Tuần-Vũ , rồi đến các "Quan Tây". Chỉ có mỗi một mình quan Công Sứ là có chiếc xe hơi (auto) mà thôi , xe kiểu Delahaye . Xe kéo của Quan Tuần-Vũ do một chú lính kéo , chú mặc áo "kẹp nẹp", đội "nón gù", đi chửi không. Mỗi lần ông Tuần đi đâu , chú lính kéo xe coi bộ cũng hãnh diện , không kém gì Quan , ra vẻ "ta đây là người tay chửi của cụ Lớn".

Lê văn Thanh đã sắm được chiếc xe bánh sắt. Kể ra , thầy Ký có dư tiền sắm được chiếc xe bánh cao su , nhưng lúc đầu chàng còn e dè vì ngồi xe bánh cao su , giống như quan Tuần-Vũ , sợ vô lễ với quan Tuần chăng ? Nhưng đi làm việc ở Toà Sứ , ngồi trên xe kéo bánh sắt cũng đã được hãnh diện lắm rồi. Chàng vẫn muốn làm cao hơn Trần anh Tuấn , thầy Phán đầu toà mà ngày hai buổi vẫn lóc-cóc đi bộ , mang đôi giày Hạ xập-xệ cũ mèm. Ngoài xe kéo ra , không còn phương tiện lưu thông hoặc chuyên chở nào khác. Thường dân đi xe kéo bánh sắt , các Quan Lớn đi xe kéo bánh cao su . Tuy nói là thường dân , nhưng cũng chỉ có hạng thường dân khá giả , nhà giàu hoặc các thầy Thông , thầy Ký , mới có tiền đi xe kéo bánh sắt. Còn hầu hết nhân dân đại chúng đều đi bộ. Họ đi bộ từ làng này sang làng khác , từ huyện này sang huyện kia , từ tỉnh này sang tỉnh nọ. Họ leo đèo vượt núi, lội bến băng sông , đầu đội nón lá, chửi đi không , dưới trời nắng chang-chang , hoặc trong đêm khuya mờ-mịt.

Mỗi kỳ nghỉ hè , người ta thấy những đám thanh thiếu niên học sinh trọ học ở tỉnh trở về quê nhà cách xa hàng 40,50 cây số.

Vài ba ngày sau buổi học cuối cùng , thường là những đêm rằm , trăng sáng

vắng-vặc, các em rủ nhau từng đám độ 5, 10 trò từ chín mười đến mười hai, mười ba tuổi quê quán cùng một huyện hay một phủ. Chúng hẹn gặp nhau tại một nhà trọ nào đó , sau khi cơm nước no-nê , và khởi hành lúc thành phố bắt đầu "đỏ đèn". Mỗi trò xách một va ly áo quần sách vở. Muốn tiện lợi , đỡ mỗi tay xách , vài ba trò rủ nhau mượn một đòn gánh khá dài , cột chung "va ly" thành một chùm đeo lưng lẳng ở giữa , và vài trò thay phiên nhau khiêng trên vai , đi từng chặng đường. Dưới ánh trăng xanh , trên đường cái quan dài thăm thẳm , hai bên là đồng ruộng mênh-mông nhái kêu ột-ệch, các em thiếu niên vừa đùa nghịch , chuyện trò cười rờn để quên bớt nỗi đường xa vạn dặm.

Đường quan-lộ vắng tanh vắng teo , không một bóng người lai vãng. Đêm đã gần khuya , các em đi hơn mười cây số , đã mệt mỏi , tiếng cười tiếng nói thưa dần , và bắt đầu hoang mang sợ sệt... Tất cả đều lặng lẽ , âm thầm... Một vài trò mang quốc , cũng sợ cả tiếng quốc , nên xách quốc trên tay.

Theo lời các bậc cha mẹ đã từng căn dặn trước , mỗi trò đều có đem theo trong mình một con dao bằng sắt , hoặc cầm một nhánh dâu (loại dâu cho tầm ăn) , để tự vệ trong lúc đi ngang qua nhiều nơi có "ma". Những khu rừng rậm , những khóm cây , những gò hoang có nhiều mồ mả , những cầu cống... đã nổi tiếng là có nhiều "ma quái" , "yêu tinh". Cha mẹ thường dặn các trò : "Hễ gặp ma hiện hình ra , thì con lấy "roi dâu" quất nó , nó sẽ chạy mất ! Không , thì con đá ra quần, lấy nước đá lau trên mặt , thì Ma , Yêu, không dám hớp hồn con... Con có dao bằng sắt , Ma không dám tới gần con... "

Đó là những phương pháp trừ ma rất thông dụng mà em bé học trò nào cũng biết , và cũng phòng thủ sẵn sàng trong khi đi học xa , hoặc đi về nghỉ hè , và toàn là đi bộ.

Thời kỳ ấy , "ma quỷ" nhiều lắm. Ở khắp các nẻo đường , các gốc cây, các nghĩa địa , các bến sông , các am miếu , ở ngay trong tỉnh thành đều có vô số những chỗ có ma . Nhưng sự thực , nghe đồn đãi về ma thì nhiều , mà chưa ai gặp một con ma , hay trông thấy một con ma lần nào.

Các em học sinh đi bộ suốt đêm như thế , cho nên lúc "gà gáy sáng" , hoặc hừng đông thì vừa đến huyện , rồi chia tay ai về nhà nấy. Có kẻ còn đi năm

, bảy cây số nữa.

Học trò nhà nước từ khoảng 1910 đến 1920 , là con cháu các ông Hương , ông Xã , một số ít nhà giàu , và các quan ở Phủ Huyện và ở tỉnh. Thanh niên nhà nghèo hầu hết đều lo làm ruộng , hoặc các nghề thợ thuyền , chài lưới.

Ngay ở trường làng , học hành không tốn kém chi cả , cũng thường chỉ là con các nhà khá giả mới cập vớ đến trường học ABC. Con nhà giàu và con cháu các ông Tú , ông Cử , ông Nghè , còn trung thành với đạo lý Khổng-Mạnh , vẫn chưa theo phong trào Tây-học. Phần đông ở nhà hưởng thú "điền viên": đá gà , uống rượu , đi bẫy chim , câu cá , đánh cờ... Một số xoay sang học nghề thuốc Bắc và xem số Tử Vi.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 17

Ban ngày đường quan lộ cũng rất vắng người. Vì xe cộ không có, trừ thỉnh thoảng một vài chiếc xe kéo bánh sắt uế- oải, chậm chạp còn tệ hơn xe ngựa ngày nay . Xe hơi thì mỗi ngày chỉ có một chiếc từ trong Nam chạy ra, một chiếc từ "miệt ngoài" chạy vào : đó là hai chiếc "xe thơ" của một hãng Pháp, tên là S.T.A.C.A, chở hành khách sang, và chở thư bưu điện. Chiếc xe hơi chạy vùn vụt trên quan lộ, kêu như sấm dậy, mỗi ngày một lần, là cả một biến cố quan trọng hàng ngày. Hai bên đường dân chúng sợ sệt, lật đật tránh xa, hai bên đồng ruộng trâu bò hoảng kinh chạy tán loạn.

Ông Tuần Vũ (tỉnh nhỏ) hay là ông Thống Đốc (tỉnh lớn) là vị "Quan Lớn An Nam" đầu tỉnh, mỗi lần ngồi trên chiếc xe kéo bánh cao su, đi đâu xa ngoài tỉnh, cũng là cả một biến cố lớn lao vậy. Có lính lệ (lính hầu trong dinh quan) đi trước dẹp đường. Tay luôn luôn cầm chiếc roi mây, và thái độ hung hăng, hãnh rất hách dịch, đối với hết thảy mọi người hai bên hàng phố.

Những người đi đường đều phải né tránh ra hai bên đường, để trống cả một quãng đường dài trước mặt Quan Lớn, không được có một người qua lại. Người lính kéo xe quan, bước chậm chậm ; như chở Quan đi dạo mát. Một người lính theo sau, giương cao một cái lọng che trên đầu Quan, mặc dầu trời đã gần tối.

Năm 1920, nhân dịp ngày giỗ đức Khổng-tử, Quan Tuần có gửi giấy mời Quan Đốc học trường tỉnh và lần đầu tiên Quan yêu cầu cho học trò trường Nhà Nước đi dự lễ.

Tuấn-em về nhà thưa lại với anh Hai và cha mẹ, để được tụ họp với học trò cùng lớp tại nhà thầy giáo lớp Năm, đúng 7 giờ tối, theo lệnh của quan Đốc học. Học trò lớp nào phải tụ họp tại nhà thầy giáo lớp ấy. Tuấn-em ăn cơm vội vàng, rồi được mẹ thay cho quần trắng mới, áo dài đen mới, để đi dự lễ Đức Thánh Khổng.

Đến nhà thầy Trợ giáo, gặp đông đủ bạn bè, đợi thầy giáo ăn cơm xong rồi

thầy dẫn học trò đi bộ đến Văn Miếu (đền thờ đức Khổng Tử), cách tỉnh lỵ 3 cây số. Phải đi dò qua con sông lớn. Sông thì rộng, nước chảy mạnh, trời thì tối, con dò thì nhỏ, mà học trò thì đông, phải qua dò một lượt với thầy, nên các em sợ té la khóc om sòm ! Thầy giáo rầy la bằng tiếng Tây : "Silence! "(im) . Qua bên kia sông, còn phải đi bộ hơn hai cây số nữa mới tới Đền thờ Đức Khổng Tử. Đến đây, toàn thể học trò Nhà nước tụ họp lại 200 cậu và năm thầy Trợ giáo... Không có chỗ ngủ, tất cả phải nằm hai bên lề đường, và trong các đám mía kế cận, đợi đến 5 giờ sáng mới bắt đầu tế lễ.

Gà lồi xóm mới gáy một hồi, trời còn tối mù tối mịt, nhưng nghe chuông trống nổi lên, các thầy giáo vội vàng thức dậy gọi học trò tụ họp trước cổng Đền. Lớp nào đứng sắp hàng riêng lớp ấy, dưới sự chỉ dẫn của giáo viên. Hầu hết học sinh còn buồn ngủ, vì không có nước rửa mặt nên nhiều cậu chưa tỉnh hẳn, vừa đứng vừa ngủ gật.

Riêng lớp của Tuấn em, thầy giáo cầm cây đèn bạch lạp nhìn vào tờ giấy danh sách để gọi tên, thì thiếu mất bốn trò. Bốn em này còn ngủ trong đám mía, thầy bảo Tuấn em và hai trò nữa kiếm nhưng trời tối quá, không tìm thấy. Vừa có lệnh quan Đốc học truyền cho các thầy dẫn học trò sắp hàng hai đi vào trước đền. Chiêng trống lại nổi dậy, đèn đuốc sáng trưng. Cuộc tế lễ bắt đầu.

Các quan Tỉnh, quan Phủ, quan Huyện, các thầy Đền lại, tất cả các công chức Nam triều mặc triều phục đứng cúng, kẻ hàng trước, người hàng sau, tùy theo trật tự phẩm hàm của mỗi quan. Sau cùng đến các thầy giáo và học trò. Theo lời thầy dặn, hễ nghe tiếng hô : "Cúc cung hưng... bái" và tiếng chuông trống đệm theo, các quan đứng trước lạy, thì học trò cũng phải bắt chước sụp xuống lạy. Nghe tiếng hô : "Hưng thì đứng dậy, "Bái" thì sụp xuống lạy v.v... đến khi "Hưng bình thân", thì đứng thẳng người hết lạy.

Tuấn em còn đang giấc ngủ, chưa tỉnh hẳn, khi sụp xuống lạy lần đầu, Tuấn ngủ luôn. Mãi đến khi tế xong, thầy giáo lấy chân đá mạnh vào hông đít Tuấn, Tuấn mới giật mình, lớp ngóp bò dậy, theo đám đông ra về.

Thầy giáo và học trò lại kéo nhau đi bộ 3 cây số về tỉnh và đi dò sang sông. Đến ngã tư cửa Tây, mặt trời đã lên cao "nửa chận đòn gánh "(7 giờ sáng

).Học trò nghe phía sau lưng có tiếng lính la hét dẹp đường và tiếng chuông, tiếng trống, tiếng kèn bát âm, liền đứng lại để coi "quan Tuần-Vũ". "Quan Lớn" chủ tế lễ Đức Khổng Tử, trở về tỉnh, cũng đã gần đến ngã tư. Đường cái quan đã được hai chú "lính lệ" tiên phong xua đuổi, dọn dẹp trống rỗng, không có một người dân qua lại. Vài ba chú cu li xe kéo bánh sắt đã lật đật kéo xe chạy sang các ngã đường khác. Những người đàn bà đi chợ, đàn ông làm thợ, đi buôn bán, đi "làm việc" các sở, đều phải tránh sang một bên, để đường cho "Quan Lớn" đi.

Trước tiên là sáu người lính bận áo kẹp nẹp, cầm cờ đuôi nheo đi hai bên, rồi đến lính khiêng chuông, lính khiêng trống lớn, lính cầm trống nhỏ, tám người lính thổi nhạc bát âm... Quan lớn ngồi trên chiếc xe kéo bánh cao su, có lính che lọng, lính che tàn, lính cầm cờ, lính bưng hộp trà (vì quan lớn nhuộm răng đen và ăn trà), lính bưng điều thuốc trà v.v... (thuốc lào - tiếng Bắc, ở Huế và Trung gọi là thuốc trà).

Thình thoảng quan lớn truyền lệnh đem hộp trà cau đã tiêm sẵn, hoặc đem bình điều trà đến, để quan lớn ăn trà hút thuốc, thì cả đoàn lính hầu hạ tùy tùng đều phải đứng lại một lát. Quan lớn ăn hút xong truyền lệnh đi, mới lại tiếp tục đi.

Xe kéo quan lớn đi qua các đường phố, hai dãy tiệm buôn "các chú" ở hai bên đường đều thi nhau đốt pháo mừng quan, và mặc áo rộng đứng trước cửa cúi đầu cung kính chào quan. Quan lớn ngồi trong xe kéo, làm nghiêm không chào lại.

Lúc xe quan Tuần vũ đi ngang qua mặt Tuấn em và một lũ học trò đứng xem trên lề đường. Tuấn chỉ vào mặt quan và nói to với mấy đứa bạn nó :

- Mặt ông lớn cũng có ghen, tị bây ời !

Ông lớn quay lại trừng mắt ngó Tuấn, Tuấn và mấy đứa bạn sợ ông Lớn sai lính bắt, lật đật chạy biến mất trong đám đông người đứng coi chật ních trước các hè phố...

Chúng chạy về nhà lấy sách vở đến trường... Hôm ấy học trò đi trễ khỏi bị phạt.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 18

Một buổi sáng thứ ba, Tuấn-em đang ngồi chăm chỉ nghe thầy giáo lớp Năm giảng bài Địa dư, bỗng có tiếng giầy tây của quan Đốc học đi lộp độp ngoài hiên rồi bước vội vàng vào lớp, học trò đứng dậy. Quan Đốc (người tỉnh Nghệ-an) nói tiếng tây trọ-trẹ với thầy giáo vài ba câu gì đó, rồi quay lại nói tiếng Việt với học trò :

- 5 giờ chiều nay có máy bay tới tỉnh, vậy chiều nay cho nghỉ học để các trò đi coi máy bay . Tất cả học trò đều phải đến trường hồi 3 giờ để thầy giáo dẫn đi. Nghe không ?

Cả lớp đều đồng thanh dạ rân một tiếng. Quan Đốc lại nói tiếng Tây với thầy giáo vài ba câu rồi ra đi. Thầy bảo học trò :

- Asseyez-vous ! (các trò, hãy ngồi xuống)

Học trò ngồi xuống, rồi thầy tiếp tục giảng bài. Dạy xong, gần mãn giờ, thầy mới bảo :

- Các trò nghe quan Đốc dặn lúc nãy, phải nhớ đấy ! Chiều nay nghỉ học nhưng 3 giờ các trò phải đến trường để thầy dẫn đi coi máy bay... Các trò có biết máy bay là cái gì không ?

Cả lớp đồng thanh trả lời :

- Thưa thầy, các con không biết.

Thầy giáo giảng :

- Máy bay là cái máy biết bay . Nó bay như con chim bay vậy, nhưng nó là con chim thật to, trong ruột nó có cái máy, nó ở ngoài Tourane bay vô, nó sẽ đậu gần chợ Ông BỐ, cách xa tỉnh 4 cây số.

Tuấn-em ngồi bàn đầu, dơ ngón tay lên. Thầy hỏi :

- Trò Tuấn hỏi gì ?

Tuấn đứng dậy, vòng tay lễ phép :

- Thưa thầy, máy bay nó đậu trên ngọn cây hay nó đậu trên nóc chợ ?

Thầy cười :

- Nó đậu trên đám đất trống phía sau chợ.

Một trò khác dơ ngón tay lên hỏi :

- Thưa thầy, máy bay nó đậu trên đám đất, nhưng chiều nay nó thấy mình tới coi đông quá, nó sợ nó bay mất thì làm sao coi được ?

Thầy trả lời :

- Máy bay có ông quan Ba Tây lái ổng cho nó đậu đấy để người ta tới xem. Sáng mai nó mới bay vô Qui-nhơn.

Tuấn-em lại dơ tay lên hỏi :

- Thưa thầy, thầy đã thấy cái máy bay chưa ? Mình đứng coi, nó có hít mình vô trong bụng nó như xe điện không ?

- Thầy thấy hình vẽ cái máy bay trong tự điển Larousse chớ chưa thấy cái máy bay ở ngoài. Chiều nay thầy dắt các trò đi coi, thầy cũng coi. Từ trước tới giờ, đâu có máy bay mà coi. Bây giờ nhà nước bảo hộ mới đem một chiếc máy bay từ bên nước Pháp qua cho người An Nam xem. Quan Công Sứ tư giấy cho quan Đốc học, để cho học trò đi coi. Vậy chiều nay tới chỗ nó đậu, các trò phải đứng với tôi, tôi đi đâu các trò đi theo đấy, chớ đừng chạy bậy bạ, đừng có lại gần nó mà chết đấy, nghe không ?

- Dạ (cả lớp đều dạ một cách hồi hộp lo sợ)

Tuấn em về nhà thưa lại với anh Hai nó và cha mẹ nó..Cứ mỗi lần thăng con trai út sắp đi lễ hay đi đâu như thế, là thím Ba, mẹ Tuấn, lo cho Tuấn rất tươm tất, không để thiếu sót một tý gì. Thím mặc áo quần sạch sẽ cho nó (áo dài đen bằng vải trang đầm, quần vải quynh trắng), thím lấy chổi lông gà quét bụi trên chiếc mũ trắng của nó, cho nó một tiền (60 đồng tiền ăn ba) để nó đi xa có tiền ăn bánh uống nước. Luôn luôn thím căn dặn nó "Con nắm áo thầy giáo đi theo sát bên cạnh thầy, chớ đừng nô dờn với bạn bè chạy nhảy tung tăng, cái máy bay nó hít chết nghe không con ! ".

Tuấn-em ngoan ngoãn dạ.

4 giờ chiều, 5 ông thầy giáo dẫn 5 lớp học trò đến đám đất trống sau chợ Ông Bó, thì thiên hạ đã tụ tập nơi đây như một buổi chợ. Nghe đồn có máy bay đến, hầu hết người lớn trẻ nhỏ trong thành phố đều nao nức đến xem. Người ta kéo nhau lũ la lũ lượt đi chật đường chật xá, dân chúng khắp nơi đổ dồn về đông nghẹt. Tất cả sở nhà nước đều nghỉ việc, để cho các thầy Thông thầy Ký, dắt vợ dắt con đi xem máy bay . Con đường hương lộ từ

tỉnh lên chợ Ông Bó, ngày thường chỉ lưa thưa vài ba bóng người, nông dân đi cày bừa, thôn nữ đi chợ, hôm nay có hàng muôn nghìn người chen chúc nhau đi, như một ngày đại hội. Đường đắp đất ruộng, bụi bay lên mù mịt... Trừ ra những người giàu sang có tiền đi xe kéo, còn toàn thể đều đi bộ trên đường quanh co giữa thôn quê dài trên bốn cây số. Xe kéo có đeo trái lạc, chiếc xe chở hai ba người, anh phu xe khom lưng kéo, tay rung chiếc lạc kêu leng-keng... leng-keng... người bộ hành phải bước xuống ruộng để cho xe đi vì con đường chật hẹp. Nhiều người bực mình, cứ đi giữa đường, không chịu né một bên, anh phu xe phải năn nỉ : "Bà con làm phước tránh chỗ cho xe đi chớ, bà con. ! " Tránh chỗ thì tránh, nhưng không tránh khỏi cãi nhau vì tranh giành nhau đi trước, vì ai cũng sợ tới trễ. Rốt cuộc, tất cả mọi người đều vui vẻ, đến đám đất chợ Ông Bó chờ, mà máy bay chưa tới. Nếu đếm số người đi đón xem máy bay hôm ấy có lẽ hơn vài ngàn người. Đây là lần đầu tiên người ta nói đến máy bay.

4giờ rưỡi, ai nấy xôn xao. Quan Sứ đi "xe điện" đến. Lính tập đã sắp hàng đứng đón, thổi kèn lên và bồng súng chào. Dưới ánh nắng chiều, hai dãy lưỡi lê cắm trên miệng súng, sáng quắt nom thật là oai hùng...

Các quan tây cũng lục tục kéo tới, người đi ngựa, kẻ đi xe kéo bánh sắt, hay bánh cao su . Một lúc sau, quan Tuần phủ mới đến, có lính lệ cầm trống tiêu-cổ đi trước báo hiệu, đánh trống tum ! tum ! Nhưng quan Tuần có vẻ sợ sệt khi thấy Quan Sứ đã đến trước rồi, quan Tuần vội-vàng xuống xe kéo cao su, đi thẳng đến Quan Sứ, cúi đầu vái... vái...

Người ta thấy Quan Sứ vui vẻ nhã nhặn bắt tay Quan Tuần. Quan tây nói chuyện với quan ta, có thầy phán Tuấn đứng bên cạnh làm thông ngôn.

Quan Tây móc "đồng hồ trái quít" ở trong túi ra xem "đã 5 giờ kém 15". Ông liền truyền lính đốt rơm và bã mía đã chất sẵn thành một đồng to tướng nơi góc ruộng kế đấy. Tuấn-em không hiểu đốt rơm làm gì, hỏi thầy giáo, thầy giáo không hiểu chạy đi hỏi quan Đốc, quan Đốc cũng không hiểu chạy đến hỏi Phán Tuấn. Tuấn bảo : "Dạ thưa quan lớn, đốt để khói lên làm dấu hiệu cho máy bay thấy chỗ đáp xuống, vì máy bay sắp đến".

Tiếng xì xầm truyền từ miệng này sang miệng khác : "Máy bay sắp đến ! Máy bay sắp đến !".

Và không ai bảo ai, muôn nghìn cái đầu ngược lên vòm trời xanh thẳm... Muôn nghìn cặp mắt lục lọi, nhìn đăm đăm tận các làn mây xa... xa tít ngoài hướng Bắc... tìm kiếm bóng dáng chiếc máy bay mà chưa ai biết như thế nào.

Làn khói trắng từ nơi đồng rơm và bã mía ngùn-ngụt cháy, vươn mình lên không trung như một nàng Tiên uốn lượn thân hình mảnh khảnh, như say sưa một vũ điệu mê ly, đón chờ con Chim Thần của Khoa Học Tây Phương.

5 giờ... 5 giờ 15, 5 giờ 30... Nhiều người bắt đầu nói bông lơn. Nói bông lơn, vẫn là đặc tính của người dân quê ta . Kẻ thì tùm tùm cười, bảo : "Chắc chim bay xa, gãy cánh rớt xuống biển rồi !". Kẻ đáp lại với giọng mỉa mai khác : "Chú mày nói bá láp nè ! Chim Thần Điểu của nước Đại Pháp thì có phép lớn, đâu như chim sẻ của An Nam !"

Các Quan Tây coi bộ sốt ruột lắm. Trời đã chạng vạng. Nắng chiều đã tắt sau các lũy tre xanh xào-xạc gió. Làn khói rơm duyên dáng cũng đã mờ mịt, chỉ còn như một hơi thở yếu dần... Một con quạ bay tít nơi xa... hàng trăm ngón tay chỉ chỗ... và bao nhiêu người reo lên : "Máy bay tới kìa". Các quan Tây, quan An Nam cũng tưởng thật, tất cả những con mắt đều ngó theo con quạ đen... Rốt cuộc con quạ đáp xuống một cành tre . Có lẽ nó mắc cỡ, không dám bay xuống phi trường. Thiên hạ chăm chú ngó con quạ, trong lúc một người lính Tây và một ông tập phi ngựa từ dưới tỉnh lên, lính cỡi ngựa ô chạy trước, ông Tây cỡi ngựa kim chạy theo sau, tức tốc đến "phi trường" mà không ai trông thấy...

Ông Tây phi ngựa thẳng tới chỗ quan Sứ rồi hai người bắt tay nhau nói chuyện xí lô xí la, xem giấy tờ nhau, rồi cười âm âm.

Thiên hạ không ai chờ đón máy bay nữa, nhưng lại tò mò muốn biết ông Tây nào lạ mới đến đây vội vã bất ngờ như thế, có chuyện chi ? Người ta xôn xao, hay có biến loạn ở đâu ? Bỗng từ chỗ ông Sứ đứng, quan Đốc học đi nhanh đến các thầy giáo, vừa nói vừa cười :

- Sáng nay Quan Sứ ở Tourane đánh giầy thép vào cho Quan Sứ ta, bảo là : "Commandant avion arrivera ce soir" (Quan Ba máy bay sẽ đến chiều nay).

Ông Tây lạ mới đến kia chính là quan Ba phi công ở ngoài Tourane vào để quan sát phi trường đã, xem diện tích có rộng lớn và bằng phẳng cho máy bay đáp xuống được không, nếu được thì sáng mai ông trở ra Tourane rồi ba hôm sau máy bay mới đến.

Nên kể thêm rằng, ba hôm sau, cũng khoảng 5 giờ chiều máy bay có đến. Một chiếc máy bay lớn sơn màu trắng, bốn cánh hình chữ nhật cũng màu trắng, hai cánh trên, hai cánh dưới. Phi cơ bay lượn ba vòng trên đám đất trống khá rộng và đã được dọn dẹp sạch sẽ không có một bụi cỏ. Nhưng nó bay tít vào hướng Nam, một cái chấm đen rồi biến mất làm cho khán giả lại thất vọng, tưởng nó bay luôn. Nhưng một lát sau, nghe tiếng ầm ầm trên trời, mà không thấy nó đâu... bỗng từ trong làn mây trên rừng tre xanh, nó xuất hiện ra đột ngột, to lớn như một con chim kỳ quặc kinh khủng, bay lượn mấy vòng nữa, tiếng nó vang động cả vòm trời. Rồi nó lù lù hạ thấp xuống tận nơi xa và chạy thẳng đến giữa phi trường, ngừng lại. Một cái chong chóng còn quay tít, gây ra một làn gió mạnh, làm bay nón, bay khăn của đám khán giả ngơ ngác. Ai nấy hoảng sợ, cả đám học trò, chạy lui xa năm, sáu bước. Người ta thấy rõ mặt ông Quan Ba hôm trước từ trong phi cơ bước ra tươi cười bắt tay Quan Sứ...

Đó là năm 1920. Cũng như tất cả mọi người trong tỉnh, hai anh em Tuấn được trông thấy chiếc máy bay lần đầu tiên.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 19

1921

-Ông Tú nhà Nho bị tù đày ở Côn-lôn lúc được trả tự do về nhà mở trường dạy chữ Quốc Ngữ, chữ Tây và Toán.

-Sữa hộp con chim (Nestlé) là món xa xỉ phẩm chỉ để các quan dùng.

-Học trò "đi Tết" Thầy, và đọc "đít cua" (discours) mừng tuổi Thầy.

-Tình hình các trường Nhà Nước khắp ba kỳ Trung Nam Bắc.

-Một bộ đồ Tây gởi vô Saigon may.

-Một ông Đốc học nịnh "Mẫu quốc".

-Một ngày lễ Quốc Khánh Pháp. Và những trò giải trí nhục nhả cho người An-Nam.

Chiếc máy bay lần đầu tiên kiểu Farman 1915, đáp xuống một khu đất hoang gần tỉnh lỵ, một buổi chiều thứ sáu năm 1920, trước một công chúng vài ngàn người đã gây được một uy tín lớn lao cho người Pháp và thêm được một yếu tố tâm lý vững chắc cho chính sách chinh phục mà họ gọi là "Bảo Hộ". Thời kỳ này các nhà Văn Thân có đầu óc ái quốc đã hoạt động chống Pháp từ 1906-1908, theo phong trào Duy-Tân, phong trào xin râu "giặc đồng bào", hầu hết đã bị đày đi Côn Lôn, Lao Bảo đều đã lần lượt trở về, và sống yên thường thủ phận. Các ông không hoạt động chính trị nữa, chỉ mở trường tư tại nhà dạy học trò. Ông Tú Phong thầy học cũ của Ký Thanh và của Phán Tuấn, sau khi bị đi tù ở Côn Lôn về, liền mở trường dạy chữ quốc ngữ và bỏ hẳn chữ Nho . Người ta ngạc nhiên thấy ông Tú sau chín năm đi tù về, đã cúp tóc carré và cách thức ăn ở đã tiêm nhiễm văn minh Âu Tây". Ông viết chữ quốc ngữ rất thạo, và có đem về một quyển tập dày khoảng 200 trang chép bằng mực tím tất cả những gì ông học được trong nhà lao Côn Lôn. Ông đem quyển tập ấy dạy lại cho đám học trò của ông, độ vài ba chục thanh thiếu niên, con những nhà khá giả nhưng không thích đi học "trường nhà nước". Nhiều cậu đã lớn tuổi sắp làm ông Hương, ông Xã . Đại khái về Toán thì ông Tú dạy cách đo bóng cây để biết cây cao

mấy thước, đo ngọn núi cao, và diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình chữ nhật lệch, hình thoi, v.v...

Ông cho học trò làm những bài toán bằng thơ, thí dụ như sau :

Vừa gà vừa chó

Bó một bó cho tròn

36 con

100 cái cẳng

Hỏi mấy gà, mấy chó ?

v.v..

Về địa dư, ông dạy vẽ địa đồ "ngũ đại châu" và bồi đủ các thứ màu, vẽ bậy bạ không trúng vào đâu cả, nhưng đại khái cũng phân biệt châu Âu, châu Á, châu Mỹ, vv... Về Lịch sử, ông viết ra một quyển sách quốc ngữ nhan đề "Nam Quốc Sử diễn ca" bằng thơ lục bát. Ông cho học trò học thuộc lòng quyển sử của ông, một bản duy nhất, chép bằng tay, thay vì học "Tứ Thư Ngũ kinh" như ông đã dạy trước kia. Quyển "Nam Quốc Sử diễn ca" của ông Tú mở đầu như sau đây :

Nước ta đã bốn ngàn niên

Hồng Bàng lập quốc con Tiên cháu Rồng

Âu Cơ kết với Lạc Long

Sanh ra trăm trứng, chuyện không hoang đường

Mới nghe thì khó tỏ tường

Nhưng dòng Lạc Việt hùng cường biết bao !

Đất nhiều, sông rộng, núi cao,

Dân hăm lăm triệu, dễ đâu thua người !

v.v...

Tuy thế, ông Tú cũng thích chữ Tây lắm. Thỉnh thoảng ông dạy học trò của ông học chơi cho vui vài ba câu tiếng Pháp mà ông đã học lỏm được ở Côn Lôn, thí dụ như "Bông-xua Bà Đầm, Bông-xua Mông xừ, v.v..."

Mồng một Tết, ông Tú đến nhà ông Cử Phạm, chúc mừng bằng một câu tiếng Tây : "Bon-an-nê !" điếm theo một nụ cười bông đùa rất có duyên. Đó là triệu chứng chữ Pháp đã bắt đầu thịnh hành vào khoảng năm 1920 trong dân gian vậy.

Ông Tú cũng dạy học trò của ông học chữ số của Tây theo giọng ta :

- "On, đơ, toa, cách, xanh, xít, nóp, đít, ông, đui..." Hơn nữa, ông Tú đặt tên cho đứa cháu ngoại đầu lòng của ông là Lê văn On (theo chữ Un của Pháp), và đứa cháu nội thứ ba là Trần văn Toa (theo chữ Trois).

Ông Tú dạy cả khoa vệ sinh nữa, một môn học mà trước kia chính ông cũng chưa biết. Thí dụ, ông dạy rằng sáng dậy phải lấy cục than đen trong bếp, chà trên răng rồi súc miệng, cho sạch miệng và sạch răng. Tất cả học trò ông đều làm đúng theo lời ông dạy.

Ký Thanh là học trò cũ của ông Tú, trước kia rất kính trọng thầy, nhưng từ ngày ông bị bắt vì quốc sự và bị đày đi Côn Lôn, chàng không dám nhắc đến tên thầy nữa. Hôm ông Tú ở tù về, bà con trông phố và trong tỉnh mừng rỡ đến thăm tấp nập, chật nhà cửa, và tỏ lòng quyến luyến cảm phục ông Tú. Duy có Ký Thanh là không dám bước chân đến hỏi thăm thầy một câu. Chàng sợ "liên lụy" đến bốn thân, tìm cách tránh thầy cũ như tránh người cù.

Phán Tuấn, trái lại, thường đến thăm thầy luôn, tuy rằng hồi nhỏ "thằng Chuột" mới được ông Tú dạy cho học bập bễ vài chữ "thiên trời, địa đất" mà thôi, vì nhà nghèo nó đâu có đi học được thường xuyên. Nhớ tình thầy trò cũ, Trần anh Tuấn thường "đem kính" ông Tú một gói trà hoặc một cân đường, một chai rượu hổ cốt, một hộp sữa bò. Thời buổi ấy chỉ có một thứ sữa hộp duy nhất là sữa con chim và là một món xa xỉ. Ai có tiền mới mua được một hộp về nhà để dành pha uống cả nửa tháng mới hết. Trong tỉnh chỉ có các nhà quan và các thầy làm việc Nhà-nước, có lương bổng nhiều mới dám uống sữa bò. Cho nên lâu lâu Phán Tuấn đem biếu ông Tú một hộp sữa Nestlé, ông quý lắm, vui mừng cảm ơn "thầy Phán". Mỗi lần Tuấn đến thăm, chàng thích hỏi ông Tú về đời sống của tù ở Côn Lôn. Chàng thích nghe ông Tú kể chuyện các bạn đồng lao của ông như ông Nghè Huỳnh thúc Kháng, ông Nghè Ngô đức Kế, ông Tây Hồ Phan châu Trinh, ông Tú Tân Hội, vv...

Tuấn nghe say mê . Có lần Tuấn khẽ hỏi :

- Thưa thầy, vua Duy-Tân có ở Côn Lôn không ?

- Không. Nghe nói Tây đày Ngài qua đâu tận bên Phi châu lận.

- Thưa thầy còn vua Thành Thái ?
- Ngài, thì hình như cũng bị lưu đày qua bên đó.
- Vua Hàm Nghi ?
- Vua Hàm Nghi cũng bị đày qua Phi châu.

Tuấn hỏi cho biết thôi, chứ Tuấn không dám thổ lộ tâm sự riêng tư gì của chàng. Chàng biết chàng đang bị Ký Thanh "dòm ngó" và tìm đủ các cách để làm hại chàng. Tuấn đến thăm ông Tú Phong, đã là một hành động táo bạo và liều lĩnh lắm rồi.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 20

Gần Tết , Tuấn-em xin mẹ một đồng bạc , góp với học trò trong lớp mua các món lễ vật để "Tết" thầy lớp Năm. Lớp nào và trường nào học trò cũng tự động làm việc ấy, để tỏ lòng biết ơn thầy dạy dỗ. Chính cha mẹ học trò cũng rất sốt sắng về việc ấy nữa. Thầy giáo lúc bấy giờ được học sinh kính mến và trọng vọng lắm.

Vì học giỏi nhất lớp , lại hạnh kiểm tốt , nên Tuấn được bạn bè trao tiền nhờ mẹ mua các đồ vật tết thầy : một quả nệp , hai chai rượu , một cân đường bông , và một cân đường phèn. Mấy lớp lớn (lớp Ba, lớp Nhì , lớp Nhất), học trò còn đọc "đít cua" để "mừng tuổi" thầy giáo. Học trò lớp Năm còn nhỏ tuổi quá , chưa làm được "đít cua" , nhưng cha mẹ cũng dạy cho một vài câu lễ phép mà các em học thuộc lòng ở nhà rồi đến đọc cho thầy nghe. Chiều 27 hay 28 tháng chạp , thầy giáo vừa ăn cơm xong , thấy cả lớp học trò của mình toàn tụi con nít 9, 10 tuổi , mặc áo đen dài , quần trắng , đi chun không , rụt rè tiến vô nhà. Mấy em đi đầu bưng mấy quả "lễ vật" tức là quà Tết, cung kính đặt giữa bàn nơi thầy ngồi uống nước trà. Tất cả đều khúm núm , sợ sệt. Thầy giáo đang mặc áo cụt , cũng vội vàng vào buồng mặc áo xuyên dài ra tiếp học trò.

Các em đứng vòng tay rất lễ phép , rồi một đứa được các em đề cử trước - chính là Tuấn-em - cúi đầu xá thầy ba xá , bập bẹ nói một câu mà em đã được cha mẹ ở nhà dạy học thuộc lòng :

- Dạ bẩm Thầy , năm hết Tết đến , chúng con xin kính lời mừng tuổi Thầy Cô cùng quý quyến và chúng em kính chúc Thầy Cô sang Năm Mới được Phật Trời phò hộ an khang.

Tuấn nói trôi chảy gọn gàng không vấp một chữ , xong cúi đầu xá thầy ba xá. Toàn thể các em đều cung kính cúi đầu xá thầy ba xá.

Thầy giáo ngồi bàn , rưng rưng nước mắt. Thầy cảm động quá không nói sao được , liền đưa tay kéo Tuấn vào lòng thầy và kéo hết cả ba chục em vào đứng lại hết cạnh thầy. Thầy lấy tay âu yếm vuốt đầu tóc các em.

Thầy giáo hồi xưa nghèo lắm. Lương tháng chỉ được 5 đồng bạc chứ đâu có nhiều. Thầy không có gì đãi các em , chỉ bưng trên bàn thờ xuống một quả bánh in của cô giáo vừa làm để cúng. Thầy gọi cô lấy thêm ra ít bánh cúng cho đủ 30 cái bánh để làm quà cho 30 em học trò.

Mỗi em đưa hai bàn tay non nớt ra lễ phép nhận lãnh quà của thầy.

Nhưng tội nghiệp không em nào ăn cả, bỏ túi để đem về khoe với cha mẹ. Các em học trò năm 1920 đã biết quý cái bánh của thầy giáo cho Tết , không phải bởi nó là cái bánh , mà bởi nó là món quà Tết của thầy. Thầy nói mấy lời cảm ơn các em, cảm ơn cha mẹ các em , và gởi lời về "mừng tuổi" các bậc cha mẹ. Cô giáo cũng vui vẻ tươi cười , âu yêm hỏi chuyện từng em.

Cũng buổi tối ấy , học trò lớp nào cũng đi Tết thầy giáo của mình.

Riêng ở lớp Nhất , trò Hường được toàn thể các bạn cùng lớp cử ra đọc bài "đít cua" bằng chữ Pháp để chúc mừng thầy. Bài tự trò làm lấy , vì trò giỏi chữ Pháp nhất lớp. Trò đã làm xong trước đó mười ngày , và chuyên tay nhau cả lớp cùng xem. Xong , trò Liên , con thầy Thông Lễ làm y tá ở tỉnh , nhờ cha đem vào nhà thương đánh máy giùm trên một tờ giấy thật trắng. Trò Quít , đứng đầu về môn vẽ , được các bạn giao cho công việc vẽ một bó hoa thật đẹp , đủ màu , trên đầu tờ "đít cua".

Tối hôm ấy , cơm nước xong , vào khoảng 7 giờ , 40 học trò lớp Nhất quần áo tề chỉnh , tụ họp tại nhà cậu Hường. Nơi đây , với tiền đóng góp của tất cả lớp , mẹ cậu Hường đã mua sẵn các món lễ vật đựng trong 5 quả lớn. Năm cậu tình nguyện bưng 5 quả , rồi tất cả cùng đi đến nhà thầy ở một đường hẻm tối om trong thành. Chó sủa vang dậy cả xóm. Thầy giáo lớp Nhất đang nằm võng ru con ngủ , nghiêng mình ngó ra sân thấy lỗ nhố những bóng đen. Cô giáo cầm chiếc đèn Huê-kỳ đứng cửa rọi ra , quay vào nói với chồng "Học Trò !". Cô ôm con ra để cho Thầy được rảnh. Thầy vào nhà trong , mặc áo lương dài kết nút xương , ra ngồi ghế tràng kỷ để tiếp học trò của thầy.

Sau khi 5 cậu đặt 5 quả lễ vật trên bàn , ai nấy đều im lặng vòng tay đứng sau Hường. Cậu Hường cầm tờ giấy đánh máy có vẽ bó hoa vạn thọ , xá thầy ba xá , rồi cung kính đọc. Giọng cậu run run như sợ sệt. Xin chép

nguyên văn một bài Pháp-ngữ của học trò lớp Nhất tự làm ra để chúc mừng năm mới thầy giáo , ngày Tết năm 1921 : (tài liệu của ông Trần văn Tính , thân phụ một học sinh trường Pháp-Việt , năm 1921)

Monsieur et Cher Maître,

A l occasion du Nouvel An qui va venir , nous, vos petits élèves respectueux et obéissants, avons l honneur de vous adresser, ainsi qu à votre honorable famille, nos vœux les plus fervents de Bonheur, de Richesse et de Longévité.

Monsieur et Cher Maître,

Vos bienfaits sont comparables à la montagne Thái Sơn , vos Vertus sont immenses comme la Mer de l Est. Vous êtes au-dessous du Roi mais au-dessus de nos parents que nous aimons et respectons également. C est pourquoi nous ne pouvons pas vous exprimer toute l instruction que vous nous donnez.

Nous vous prions de vouloir bien pardonner notre langage maladroit. Mais notre respect est grand à votre égard, notre gratitude est profonde . Dans notre vie nous ne pourrions jamais oublier notre Maître bien-aimé.

Veillez agréer , Monsieur et Cher Maître, l expression de notre très humble reconnaissance.

Vos élèves très dévoués du Cours Supérieur.

Tết , 1921.

Lời văn quả thật còn ngây ngô , nhưng cách đặt câu đã khá vững , văn phạm đã đúng đắn , diễn tả không đến nỗi vụng về lắm.

Xin dịch nguyên văn.

Thưa thầy kính yêu ,

Nhân dịp năm mới sắp đến , chúng con, bọn học trò của Thầy , cung kính và biết nghe lời , hân hạnh dâng lên Thầy cùng tôn quý , những lời nồng nhiệt kính chúc Thầy : Phước , Lộc, Thọ.

Thưa thầy kính yêu ,

Ơn của Thầy như núi Thái Sơn , đức của Thầy rộng mênh mông như biển Đông. Thầy ở bậc dưới Vua , nhưng ở bậc trên cha mẹ chúng con , mà chúng con cũng yêu kính vậy. Cho nên chúng con không thể nào diễn tả hết

được tất cả những sự biết ơn mà chúng con cảm từ trong đáy lòng vì nền giáo dục mà Thầy đã ban cho chúng con. Chúng con xin thầy tha thứ cho lời vụng về. Nhưng sự kính trọng của chúng con rất là sâu xa . Trong đời chúng con sẽ không thể nào quên được bậc Hiền sư yêu dấu.

Kính xin Thầy nhận nơi đây lòng tri-ân hèn mọn của chúng con.

Học trò rất tận tâm trung thành với Thầy ở lớp Nhất.

Tết 1921

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 21

Lúc bấy giờ các trường nghỉ Tết được nửa tháng , từ 22 tháng chạp ta đến mồng tám , hoặc mồng mười tháng Giêng. Trong mấy ngày nghỉ Tết , đa số học trò bị nhiễm một tật thông thường của đa số các bậc phụ huynh, là cờ bạc. Ở tỉnh nào và Phủ , Huyện nào cũng thế cả.

Có năm loại cờ bạc trong mấy ngày xuân :

- 1) giới quý phái , quan liêu , các quan lớn , quan nhỏ , thì đánh tổ tôm , tài bàn (nhất văn , nhị văn , tam văn... chi chi , cửu vạn , bát sách) v.v...
- 2) giới bình dân phong lưu thì đánh Kiệu (thất kiệu , tam kiệu).
- 3) giới bình dân đại chúng , nhất là phụ nữ , thì đánh Tứ sắc (tướng xanh , tướng đỏ , tướng vàng , tướng trắng , tốt xanh, tốt vàng v.v...) hoặc bài Tam cúc (ông Âm , ba Tiền , tám Tiền , v.v...).
- 4) giới cờ bạc chuyên môn thì Hốt Me , Xóc đĩa , Bài cào , Xì lác , các tê.
- 5) sau cùng là học trò và con nít thì đánh lú : Tam Túc Lượng Yêu (tam là ba đồng tiền , túc bốn đồng , lượng hai đồng , yêu một đồng).

Trong mấy ngày Tết , hầu hết các gia đình đều tổ chức đánh bài như thế , tuy là để " tiêu khiển" trong mấy ngày Xuân , nhưng cũng ăn thua tiền bạc quá nhiều và rất ham mê.

Cờ bạc công cộng thì có bài chòi , do làng xóm tổ chức. Lối chơi bài chòi công cộng này rất vui , rất dễ quyến rũ người ta. Thường thường một nơi xa kéo đến , có khi từ Huyện nọ sang Huyện kia , đến vài chục cây số. Hội Bài Chòi thường khai mạc sáng Mồng Một Tết và kéo dài đến Rằm tháng Giêng. Lối chơi này riêng biệt ở Trung Kỳ , rất thông dụng. Ở miền Bắc và miền Nam không có.

Đám thanh niên và học sinh vui đầu vui cổ trong các canh bài , đêm nào cũng thức thật khuya , có đêm thức tới sáng. Vì học trò có ít tiền nên mần canh bạc , ăn thua chỉ trong vòng năm bảy tiền , hay một quan là nhiều.

Phải nhận xét vô tư và xác thực rằng tất cả những cuộc cờ bạc trên kia chỉ thịnh hành trong mấy ngày xuân thôi. Trừ ra một vài gia đình tiếp tục chơi

đến hết tháng Giêng , còn hầu khắp các nơi hết Tết là hết cờ bạc. Các bộ bài được gói cất kỹ lưỡng trong tủ , và ai nấy lo làm ăn.

Học trò cũng thế. Hết nghỉ Tết , bắt đầu học trở lại , phần nhiều học sinh lo học , không đánh bài nữa. Dù có muốn chơi cũng không dám chơi, vì bài học và bài làm rất nhiều , đâu có thì giờ rảnh rang nữa.

Trừ một thiểu số lười biếng , phần nhiều là con nhà giàu , được cha mẹ cưng , còn hầu hết học sinh thời trước đều chăm chỉ học tập , sợ thầy phạt , và lo tranh đua với chúng bạn. Học không thuộc bài , bị thầy cho zéro trong số điểm , là một cái nhục lớn cho người học trò , đối với bạn bè trong lớp. Học trò thườ trước biết tự trọng , do đó mà biết cố gắng.

Xã hội Việt Nam từ 1910 đến 1950 không có hạng thanh niên lêu lổng , truy lạc , quá nhiều như ngày nay. Chính ở hai đô thị xa hoa rộn rịp nhất là Saigon , Hà Nội , số thanh niên trác táng cũng không có bao nhiêu. Họ chẳng chỉ là một thiểu số con nhà giàu , mà cha mẹ để cho ăn chơi tự do ; bọn công tử , công tôn xài phí hoang đường , cậy quyền , ý thế , có những hành động ngang tàng mất dạy. Còn hầu hết thanh niên đều cố gắng học hành thi cử , để kiếm công ăn việc làm. Tùy theo khả năng của mình , tất cả đều được tiếp nhận trong các công sở , tư sở , nhà buôn , nhà máy , và các ngành hoạt động khác trong xứ. Luân lý gia đình chặt chẽ , kỷ luật học đường nghiêm khắc , chương trình học vấn điều hoà , có căn bản , và phong độ chung của xã hội Việt Nam được lành mạnh , tốt đẹp , để bảo đảm cho thanh thiếu niên Tiền-chiến một đời sống tinh thần và vật chất thăng bằng , không bê bối , không hỗn loạn.

Thanh niên 1920-1940, có lễ độ , không hỗn láo , không xác-xược. Đối với thầy họ không lỗ mãng , đối với bạn không lơ là , với mọi người trong xã hội họ giữ được tư cách đứng đắn , gương mẫu của người học trò. Tuy học chữ Tây , nhiệm văn minh vật chất của Âu Tây nhưng họ vẫn điều hoà được cả hai tinh thần đông phương và tây phương. Nhờ đó họ đã xây dựng một thể hệ trung bình , phần chẵn , không rụt rè thoái bộ , mà cũng không hời-hợt , lãng nhãng.

Tuấn-em lớn lên giữa một xã hội mới đang phôi thai trong tiến bộ , hấp thụ một dưỡng khí học đường lành mạnh , tinh khiết và mát dịu. Tinh thần

chúng tộc càng nảy nở mạnh mẽ trong tâm khảm nó. Bao nhiêu những rực rỡ tân kỳ của văn minh Pháp quốc , như tàu bay , xe hơi , giầy điện , giầy thép , đồng hồ và trăm ngàn máy móc mới lạ , tuy khiến cho nó kính phục , nhưng không sao biến đổi được tính chất thuần túy của giống nòi đã khấn khít như keo sơn , như cội rễ , trong giòng máu Việt Nam của nó.

Những kẻ "phục Tây sát đất ", và nịnh Tây theo Tây - tôn người Pháp là "quan Thầy", tôn nước Pháp là "mẫu quốc". Chỉ có một số rất ít thôi. Đó là những kẻ muốn tăng cường địa vị cá nhân, muốn khuếch trương quyền lợi riêng , muốn dựa thế người Pháp để xây dựng danh vọng , vinh hoa , phú quý cho họ và cho gia đình họ. Những kẻ ấy không ảnh hưởng chút nào đối với đại đa số thanh thiếu niên , nhất là thanh thiếu niên học sinh ở các trường Pháp-Việt.

Nhân vật điển hình của hạng nịnh Tây , năm 1920 ở tỉnh Q. , thuộc về giới "thượng lưu trí thức" lại chính là ông đốc học Phạm văn Mỗ. Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương ở Hà Nội , ông là người Nghệ An được bổ nhiệm vào tỉnh Q. thay thế cho ông đốc học Pháp đi nơi khác. Ông là một trong số người Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm (trường này mới được chính phủ thuộc địa thành lập tại Hà Nội , năm 1914) , và cũng là người Việt Nam đầu tiên được bổ nhiệm làm Đốc học tại trường Tiểu học Pháp Việt ở tỉnh (Ecole de Plein Exercice). Ông độ 30 tuổi , người thấp và nhỏ , luôn luôn nói tiếng Pháp , ít khi nói tiếng Việt. Năm 1920, ở các tỉnh toàn xứ hãy còn ít người An-Nam mặc Âu phục. Các thầy Thông, thầy Phán làm việc các Toà , các sở , các thầy giáo , đều mặc áo dài đen dài , mang giầy Hạ , đội mũ , hoặc chít khăn đen. Ở tỉnh Q. Quan Đốc học Phạm văn Mỗ là người đầu tiên mặc âu phục và "quan" chỉ mặc đồ tây , không bao giờ mặc đồ An-nam cả.

Ấy thế mà một năm sau , một thầy giáo lớp Tư cũng bắt chước mặc âu phục như quan Đốc thì quan Đốc không bằng lòng và thù ghét tìm cách đuổi thầy đi khỏi trường. Nghe nói thầy đi vô Đồng Nai , Gia Định !

Chỉ tội nghiệp cho thầy giáo lớp Ba. Cũng như thầy lớp Tư , thầy này cũng bắt chước may một bộ đồ tây , sắp sửa mặc đi dạy học. Học trò đến nhà thầy , thầy lấy bộ áo tây mới may đem ra khoe , có vẻ hạnh diện và vui

sương lẩm. Học trò cũng thích thầy mặc đồ tây cho oai. Nhưng thấy cái gương thầy lớp Tư như thế , thầy lớp Ba vội-vàng xếp bộ đồ tây cất vô tủ , không dám lấy ra mặc nữa. Đến đôi chủ nhật thầy đi dạo chơi ngoài phố , hoặc đến chơi nhà các thầy khác , thầy cũng không dám mặc đồ tây , sợ có ai mét lại với quan Đốc thì nguy !

Mỗi buổi chiều thứ Năm nghỉ học , Tuấn-em đến thăm thầy , thầy than thở với Tuấn :

- Ở tỉnh mình không có thợ may đồ tây , và cũng không có tiệm nào bán vải may đồ tây , sẵn có người bà con đi Đồng Nai buôn bán , thầy gửi tiền nhờ họ vô Đồng Nai mua vải và mượn thợ may cho thầy một bộ. Không dè ông Đốc không muốn cho thầy giáo mặc đồ tây , thành thử thầy phải bỏ. Thầy tiếc quá !

Tuấn hỏi :

- Thưa thầy , thầy thuê thợ Đồng Nai may hết bao nhiêu tiền ?

- Thầy để dành nửa tháng tiền lương mới đủ mua hàng tissu và may được bộ đồ complet đó.

Tuấn-em nghe thầy nói , thương thầy lắm. Học trò cả lớp đều thương thầy không đứa nào dám chế nhạo về vụ đó. Đối với ông Đốc , các thầy giáo và học trò cả trường đều sợ.

Buổi học cuối niên khoá , trước kỳ nghỉ hè 3 tháng , từ đầu tháng 7 dương lịch , ông Đốc vào từng lớp căn dặn học trò. Dĩ nhiên ông nói tiếng Pháp. Học trò lớp Năm và lớp Tư không hiểu nổi , các thầy giáo dịch lại tiếng An-nam :

- Ngày mai 1 tháng 7 , bắt đầu nghỉ Hè. Nhưng các trò ở xa không được về quê vội. Vì ngày 14 tháng 7 là ngày lễ Quốc-khánh của nước Đại Pháp , có quan Công Sứ chủ tọa, cuộc diễn binh long trọng. Tôi muốn toàn thể học trò trường tỉnh phải đến đông đủ dự buổi lễ ấy. Vậy sáng ngày mai , và liên tiếp trong 7 ngày , học trò lớp Nhất , lớp Nhì và lớp Ba , phải tới trường để tập hát bài quốc ca Pháp , là bài La Marseillaise. Phải tới đông đủ , học trò nào vắng mặt sẽ bị phạt consigne. Ngoài ra , tất cả học trò các lớp phải nói với cha mẹ mua vải xanh vải đỏ may cho mỗi trò một lá cờ Tam Tài , xanh-trắng- đỏ , lá cờ của Mẫu quốc , để ngày 14 Juillet cầm đi dự lễ. Sáng 14-7,

đúng 6 giờ các trò và các thầy giáo phải tề tựu đông đủ tại sân trường , mặc áo dài trắng sạch sẽ , và mỗi trò cầm một cây cờ Tam Tài lớn bằng một tờ giấy tây , sắp hàng tề chỉnh , để các thầy giáo dẫn đi dự lễ Quốc-khánh , và chào mừng quan Công Sứ. Trò nào khiếm diện hôm đó , sẽ bị đuổi luôn. Ông Đốc học Phạm văn Mỗ truyền huấn lệnh rõ ràng , và nghiêm khắc như thế , rồi ra về.

Tuấn-em về nhà nói chuyện lại cho anh và cha mẹ nghe lời căn dặn của ông Đốc. Thím Ba , mẹ Tuấn , nói :

- Không lẽ may một lá cờ tam sắc nhỏ bằng tờ giấy tây mà phải đi mua ba thứ vải ba màu sao ! Mẹ cắt một tấm vải trắng ra thành ba , mẹ mua phẩm xanh, phẩm đỏ về nhuộm hai miếng , rồi mẹ may lại , được không ?

-Thưa mẹ , không được đâu. Ông Đốc bảo phải mua vải xanh, vải đỏ.

Nhưng Phán Tuấn ngắt lời em :

- Ông Đốc bảo thế , kệ ông. Mẹ cứ nhuộm vải trắng rồi may. Miễn có cờ ba sắc là được... Nhưng Ông Đốc này làm lố quá. Nghỉ hè , không cho học trò về quê thăm cha mẹ , bắt ở lại đến 14-7 để đi chào mừng ông Sứ là nghĩa lý gì ? Lễ Quốc-khánh của Tây , chớ của An-nam sao ? Nếu muốn dẫn học trò đi chào ông Sứ , thì học trò ở tỉnh được hơn trăm đứa cũng đủ rồi , cần gì phải bắt học trò quê ở các Phủ huyện xa phải ở lại ? Ông Sứ có bắt buộc như thế đâu ?

Tuấn-em hỏi anh :

- Lễ 14-7 là lễ gì , anh Hai ?

Phán Tuấn lấy sách Sử Ký Pháp ra giảng cho em hiểu :

- Đây là một ngày lễ kỷ niệm cuộc Cách mạng Pháp. Dân chúng Pháp uất ức vì bị nhà Vua hà hiếp , thuế má nặng nề , nên họ nổi dậy phá tan ngục Bastille , và đòi bắt chém vua...

Tuấn kể dài nữa , thật dài và thật rõ ràng đầu đủ về cuộc Cách mạng nổi dậy ngày 14 tháng 7 năm 1789 , ở Paris...

Tuấn-em nghe say mê lời anh thuật chuyện và sáng hôm sau cũng phải đến trường tập hát bài quốc Pháp , La Marseillaise, theo lệnh của ông Đốc.

Sáng ngày 14-7, Tuấn-em phải cầm lá cờ Tam tài đến trường đúng 6 giờ. Học trò và các thầy giáo đều đến đông đủ , đếm tất cả trường được 415 trò

dưới sự chỉ dẫn của 10 thầy giáo. Học trò sắp hàng hai trước sân trường đúng 7 giờ , ông Đốc Phạm văn Mỗ đến. Ông mặc bộ đồ tây mới , toàn màu trắng , mang giày trắng , đội mũ trắng. Ông bảo học trò lớp Nhất , lớp Nhì , lớp Ba hát bài quốc ca Pháp cho ông nghe. Trò nào hát sai giọng , hoặc sai một chữ , bị ông đánh một tát tai nẩy lửa. Nét mặt giận dữ , ông la hét om sòm làm cho các thầy và toàn thể học sinh hoảng sợ. Đúng 7 giờ 30 phút , ông ngồi trên chiếc xe kéo nhà sơn đen , bánh cao su , do một người cu-li mặc quần áo mới kéo ra Sở Cò , trên đường Cửa Tây , là nơi hành lễ. Các thầy dẫn học trò sắp ngay hàng thẳng lối , mỗi trò cầm một cây cờ Tam tài , lặng lẽ đi sau xe ông Đốc. Học trò sắp hàng trên lề đường phố , đối diện khán đài.

Linh khố xanh (lính Tập) độ trăm người , mặc lễ phục oai vệ , cầm súng cầm lưỡi lê sáng quắc , đứng sắp hàng trên lề đường bên kia , hai bên khán đài. Dân chúng đứng xem đông nghẹt , chung quanh khán đài và trên các đường phố , chen lấn nhau chật ních , không còn một chỗ hở.

Sau khi ông Công Sứ và các quan khách đến đúng 8 giờ 30 , và lính thổi kèn , bồng súng chào , ông Đốc học Phạm văn Mỗ bước ra trước mặt ông Sứ , đọc bài diễn văn bằng tiếng Pháp. Bài diễn văn rất dài , đại khái có một đoạn hùng hồn như sau đây :

Oh France magnanime ! Oh France Bienfaitrice de l Humanité ! Oh Mère Patrie ! Combien, nous, les Annamites, vos fils adoptifs, vos fidèles protégés, nous sommes fiers ce jour glorieux qui porte la marque sublime de la grandeur française !...

Ông Đốc bảo một thầy giáo đọc bản dịch quốc ngữ cho mọi người nghe :
Hỡi nước Đại Pháp khoan hồng đại lượng ! Hỡi nước Đại Pháp ân nhân của nhân loại ! Hỡi Mẫu quốc ! Chúng tôi , người An-na-mít , là những đứa con nuôi của nước Pháp , những con trung thành được nước Pháp bảo hộ , chúng tôi hãnh diện xiết bao trong ngày hôm nay , ngày vinh quang của nước Pháp vĩ đại !...

Các quan Tây-Nam vỗ tay như sấm dậy. Theo huấn lệnh của ông Đốc dặn trước , ông đọc xong bài diễn văn , lúc học trò phải phất cờ tam tài của Pháp và hát lên bài quốc ca La Marseillaise...

Ông Công Sứ cảm động quá , đứng dậy gắn một chiếc mề đay trên ngực ông Đốc học Phạm văn Mỗ , và ôm hôn ông...

Lễ Quốc-khánh của nước Pháp , ngày 14 tháng 7 dương lịch , được gọi là "lễ Chánh-chung". Không biết ông quan nào của Nam-triều , hay thầy Thông , thầy Phán nào của chính phủ Bảo hộ , đã đặt ra danh từ lạ lùng ấy mà không ai hiểu ý nghĩa đích xác là gì cả. Có nhiều ông Tú , ông Cử nhà Nho nói rằng đúng chữ là Chánh - Trung" , nghĩa là ngày lễ đúng vào giữa năm. Ngoài ra , còn có một danh từ khác thông dụng hơn , là lễ "cách -tốt-duy-dê" , phiên âm theo tiếng Pháp.

Trừ ngày Tết Việt-Nam có tính cách nghi lễ gia đình nhiều hơn , người ta có thể nói rằng lễ "cách -tốt-duy-dê" là một ngày đại hội toàn quốc tương bừng náo nhiệt nhất trong năm, dưới thời đô hộ Pháp ở xứ ta.

Sáng sớm tinh sương Tuấn-em vừa thức dậy đã nghe tiếng kèn lính tập thổi một bài quân nhạc đặc biệt vang lừng khắp tỉnh. Ngoài đường phố đã thấy lính khố xanh rộn-rịp , mặc toàn quân phục trắng của những ngày đại lễ. Sau nghi lễ chính thức có ông Đốc học Phạm văn Mỗ đọc diễn văn suy tôn ông Công Sứ , và tặng bốc nước Đại Pháp , và sau một cuộc "diễn binh" có hai anh lính khố xanh thổi kèn đi đầu , Toà Sứ có tổ chức những cuộc vui công cộng mà dân chúng nô nức từ các làng kéo về tỉnh để xem.

Trước sân chợ , có một môn giải trí do Quan Tuần Phủ bày ra. Trên khán đài đông đủ mặt các quan Tây , quan An-nam , và các bà Đầm ngồi hàng ghế danh dự , một thiếu phụ Pháp cầm một cần câu treo một cái chảo dính đầy lọ nghe. Dưới đít chảo có dán một đồng bạc trắng. Quan Tuần giảng nghĩa trò chơi cho công chúng nghe ": "Ai muốn lấy đồng bạc kia , thì phải lấy khăn cột hai tay sau lưng , đứng dưới cần câu , ngược mặt lên đít chảo và đưa miệng lên cắn lấy đồng bạc ". Nếu cần câu để yên một chỗ thì trò chơi không khó khăn gì , nhưng cô Đầm quái ác ngồi trên khán đài cố ý cầm cần câu như mời như cầm cục xương đưa cao lên để như con chó vạy. Cô hạ cần câu xuống gần miệng người ham đồng bạc đang dùng mọi cử chỉ lanh lợi để đưa miệng lên tấp vào đít chảo sắp sửa thành công , thì cô Đầm lại dựng cần câu lên , cái chảo cũng lắc lư ra xa. Người ham đồng bạc đã không cắn được đồng bạc mà mặt mũi lại bị dính đầy lọ nghe.

Các quan Tây , quan An-nam , và các bà Đầm , cô Đầm đều cười rũ rượi , khoái chí lắm. Khán giả "An Nam" cũng cười rùm lên. Người ham đồng bạc vẫn không thất vọng , cứ chườn cái mặt lộ lem kia ra , cố há miệng cho to tấp vào đít chảo , mong tấp trúng đồng bạc...

Tuấn-em đứng xem cũng tức cười như mọi người. Nhưng anh nó , thầy Phán Tuấn , sa sầm nét mặt , bảo nó :

- Em muốn xem nữa , cứ đứng đây xem , hay là xem các trò khác. Anh đi về.

Tuấn-em còn con nít , ham vui , đi coi khắp các trò chơi công cộng , như leo cột mỡ , bịt mắt bắt vịt , đua xe kéo , kéo thùng nước dùng cho đổ ra ngoài , v.v...

Phán Tuấn về nhà , nghĩ lại cuộc chơi của "người An-nam liếm đít chảo" trong ngày lễ Quốc Khánh Pháp , cho rằng đây là một trò chơi nhục nhã cho người Việt. Nhưng còn biết bao nhiêu cái nhục nhã nữa kể sao cho hết ? Kể cho ai nghe ? Mà ai dám nghe ? Tuấn làm thông phán đầu toà , hàng ngày gần gũi với các ông Công Sứ Pháp và các quan Tây , các quan ta , các ông tổng , ông xã , đã mắt thấy tai nghe biết bao nhiêu những chuyện nhục nhã , đê tiện , khốn nạn , bỉ ổi , do chính hạng "An-nam nịnh Tây" nêu gương ra. Họ tưởng làm vui ông Tây , nhưng chính ông Tây chê cười, khinh bỉ.

Gặp những viên quan cai trị Pháp biết tôn trọng dân tộc Việt Nam , thì mình xấu hổ , vì họ vẫn theo thành kiến dân chủ và tinh thần bình đẳng. Nhưng một số đông người Pháp đã có kỳ thị chủng tộc , nhiễm thói tự cao tự đại với dân thuộc địa, lại gặp những "người an nam mít" tâng bốc họ một cách đê tiện , vô liêm sỉ thì họ càng lên mặt vênh-váo , khinh khi cả giống người Việt và chà đạp lên dân ta như loài trùn dế vậy thôi.

Cuộc vui liếm đít chảo để lấy một đồng bạc , tự nó có thể được coi như một trò chơi bình dân , thật ra không đến nỗi xúc phạm đến quốc thể của một nước , nhưng chính vì do các "quan Đại Pháp - chủ trương , do các "quan An nam" bày đặt , và cả một công chúng "An Nam" đông đảo đứng xem và vỗ tay cười trước mặt Tây và Đầm , cho nên Tuấn thấy thương tổn đến phẩm giá của người Việt , và chạm đến lòng tự ái dân tộc của chàng.

Mặc dầu Trần anh Tuấn đương là một kẻ giúp việc cho Tây , ăn lương của "Nhà Nước Bảo Hộ" nhưng Tuấn đã được thắm nhuần tư tưởng ái quốc của vua Duy-Tân , vua Thành-Thái , lúc Tuấn còn là học sinh trường Quốc Học Huế. Cho nên một cuộc chơi liếm đít cháo bày ra mà đa số đồng bào chỉ biết hòa nhau vỗ tay cười , Tuấn lại cho là nhục nhã. Tuấn bùi-ngùi đau xót , tức giận , mà âm thầm không dám nói với ai.

Năm 1923, ở tỉnh có một đám rước "thầy Tú vinh qui" thật là vui. Người ta nô nức đi xem đông vô số kể. Đối với đám rước của Lê văn Thanh hồi chàng mới thi đỗ bằng tiểu học "ri-me" ở tỉnh thì đám rước này còn linh đình hơn nhiều.

Thầy Tú tân khoa là con một ông bá hộ có theo đạo Thiên Chúa. Cậu cũng học trường Quốc Học Huế , thi đậu bằng Thành Chung, lúc bấy giờ có một số người gọi là "Tân khoa Tú Tài". Cũng như Trần anh Tuấn vậy. Kể ra năm 1923, lớp học sinh thi đỗ bằng Thành Chung ở Huế , Vinh, cũng như ở Hà Nội , Nam Định ,Saigòn , Cần Thơ v.v... đã nhiều rồi , không phải hiếm hoi như ba , bốn năm về trước , nhưng ở tỉnh Q., toàn tỉnh chỉ có chừng năm người. Hầu hết chỉ học đến lớp đệ nhị niên , đệ tam niên., (2è Année ,3è Année Primarie Supérieur) đã thi ra làm thầy Thông ở các công sở như Thương chánh , Kho bạc , Bưu điện , Kiểm lâm , hoặc làm trợ giáo.

Một số ít con nhà khá giả mới học thi bằng Thành Chung (cũng gọi tắt là thi Diplôme).

Lúc mới mở các học đường thì chính người Pháp bày ra việc rước các cậu tuyển sanh và tú tài tân khoa , sau đó vài ba năm họ bỏ lệ ấy. Nhưng ông Bá hộ muốn khoe khoang, nên tự ý tổ chức riêng việc rước con trai của ông mới thi đỗ ở Huế. Cậu Tú mặc áo gấm , mang giày hạ , đội mũ trắng , ngồi trong chiếc cáng. Có phường nhạc bát-âm và cờ xí loè-loẹt , chuông trống vang lừng. Đám rước phải đi gần mười cây số và đi thật chậm , để cho dân chúng các làng, các tổng ở khắp nơi kéo nhau đi coi mặt "thầy Tú vinh qui".

Về nhà , ông bá hộ tổ chức một buổi tạ ơn Chúa và tạ ơn Đức Mẹ tại nhà thờ Đạo trong tổng. Các cha sở và gần trăm bà con họ Đạo tham gia. Xong rồi ông giết ba con bò và năm con heo khao đãi dân làng và quan khách

liên tiếp ba ngày đêm.

Tiếng đồn gần đồn xa , đến đôi bọn ăn mày ở khắp tỉnh có đến năm, sáu chục người , già trẻ ,lớn bé , đàn ông đàn bà xách bị , chống gậy , bưng nồi , bưng thúng , tổ chức thành một đoàn kéo đến ngồi chật cả sân ông bá hộ để xin một bữa ăn khao mừng thầy Tú tân khoa.

Còn những bà con của thầy Tú , họ nội , họ ngoại , xa lắc xa lơ từ mấy đời cũng lần lượt về mừng "cậu Tú nó" , "anh Tú nó"... Kẻ vuốt ve , người ngấm nghĩa , trầm trồ khen ngợi không hết lời. Thi đỗ bằng Trung học về làng , chàng thanh niên 1923 vẫn còn được trọng vọng như một vị anh hùng của xóm làng , huyện , tổng.

Quan Tuần , quan Phủ, có con gái lớn 15 , 16 tuổi , cũng lăm le muốn gả con cho thầy Tú tân khoa. Thôi thì mai mối tấp nập. Nhiều cô gái trong tỉnh hồi hộp ước muốn làm cô Tú.

Tết năm ấy, làng sở tại có tổ chức một cuộc chơi Bài Chòi , sáng Mồng Một thầy Tú được mời đến ngồi ghế tràng kỷ với các vị bô lão.

Tuấn-em đi xem về , thèm thường , hỏi anh nó :

- Anh Hai , anh cũng đỗ thành chung trước người ta sao anh không làm lễ rước tân khoa ?

Phán Tuấn mỉm cười :

- Ở đời , có người thích thể này , có người thích thể khác. Chừng nào em học giỏi , thi đỗ , em có muốn được đón rước như thế không ?

- Không , em bắt chước anh Hai. Anh Hai làm sao, em làm theo vậy.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 22

1923

- Hội "Như Tây du học" của các quan
- Thanh niên Nam-Trung-Bắc du học ngoại quốc từ năm 1900 đến 1930
- Con gái Quan Thượng Thư đi du học ở Paris về, lấy tên Tây, ghê tởm nước mắt, và không biết cầm đũa ăn cơm.
- Con vua bằng đồng, mừng lễ Tứ-tuần Vua Khải Định "Đại Nam Hoàng Đế"
- 20 thanh niên khiêng con voi ra Huế
- Cả tỉnh chỉ có 4 cô nữ sinh lớp Nhất, học chung với con trai.
- Cô học trò 16 tuổi, xưng "con" với Thầy giáo 20 tuổi.
- Phụ nữ đứng đắn ở Bắc chỉ mặc quần đen để phân biệt với bọn gái điếm quần trắng
- Y phục phụ nữ Bắc - Trung - Nam.

Các quan Thượng Thư của triều đình Huế nhận thấy rằng các trường Sơ học, Tiểu học và Cao đẳng tiểu học (#1) ở khắp ba kỳ, và ngay đến cả trường Cao đẳng Đông Dương ở Hà Nội, chỉ đào tạo các thanh niên trí thức vừa đủ khả năng làm việc cho nha hành chánh thuộc địa trong xứ, chứ không thể học lên cao được nữa, bèn lập ra một hội tên là "Như Tây Du Học Hội" để tuyển lựa một số thanh niên học sinh, cấp học bổng cho đi du học bên Tây. Cũng như ngày nay chính phủ cấp học bổng cho một số học sinh du học hải ngoại vậy.

Dưới thời thực dân phong kiến, những thanh niên được may mắn xuất ngoại đều là con cháu của các cụ Thượng Thư các Bộ, hoặc trong gia đình bên nội hay bên ngoại. Hoặc là con của các Quan Tổng Đốc, Tuần Phủ, có thân thế "có chươn trong chươn ngoài", nhờ các cụ Thượng-thơ và các quan Tây gửi gắm, hoạ may mới được đi Tây học. Các "ông lớn" đã giàu có, phần nhiều con cháu của các ông lại học kém thua con nhà bình dân, trung lưu, nhưng họ vẫn được cấp học bổng đầy đủ, có khi dư dả, để sang Pháp

học.

Họ học về văn minh tiến bộ thì ít mà học cách ăn chơi xa xỉ thì nhiều. Ấy là nguyên nhân cho ta hiểu vì sao cùng một lúc thanh niên Nhật và Ấn Độ du học bên Âu-Tây mà khi thành tài sau mấy năm chuyên cần học hỏi, họ đem về tất cả những khả năng kỹ thuật mới lạ, những bí quyết văn minh khoa học để mở mang kinh tế, kỹ thuật của xứ sở họ, không kém thua các nước Tây phương bao nhiêu. Còn du học sinh An-Nam đi Tây năm sáu năm trời, chỉ đem về một mớ kiến thức đủ làm công cho người Pháp ở thuộc địa mà thôi.

Người ta có thể đếm trên đốt ngón tay số thanh niên An-Nam đi du học bên Pháp "thành tài" trở về quê hương trong thời gian từ 1900 đến 1930, cả ba kỳ, Nam, Trung, Bắc. Vài ba ông kỹ sư Cầu Cống, kỹ sư Canh Nông, theo dân Tây, lấy vợ Đầm, hoặc chủ trương một đường lối chính trị úp mở, vì quyền lợi cá nhân hơn là quyền lợi Tổ Quốc, Dân Tộc. Một số Bác sĩ Y-khoa, năm bảy ông Tiến sĩ Luật-khoa, vài ba ông Cử nhân, Tiến sĩ văn chương.

Người ta không thấy những ông ấy làm được một việc gì ích quốc lợi dân cả. Họ không để lại được một thành tích gì vẻ vang cho xứ sở. Trừ ra một nhóm vài ba sinh viên ở Nam kỳ đi Tây về hoạt động Cách Mạng, gây ra phong trào sôi nổi, chứng tỏ tinh thần quật khởi của Dân Tộc, còn thì bao nhiêu sinh viên khác chỉ lo Vinh Thân Phì Gia, chẳng góp được một phần xây dựng nào cho xã hội đang vươn lên với văn minh thế giới. Hầu hết thế hệ thanh niên "Như Tây Du Học" của thời Pháp-thuộc, chẳng đem về cho Đất Nước một tiến bộ nào xứng đáng.

Trái lại, người ta đã thấy biết bao nhiêu những điều lố lăng nhục nhã cho đám thanh niên du học ở Pháp về nước, phần nhiều là VONG BỔN.

Một buổi sáng thứ Hai, niên khoá 1924-24, Tuấn-em ngồi học trong lớp Nhất, giờ luận Pháp văn, do chính ông Đốc học Phạm văn Mỗ dạy. Bỗng anh cai trường đứng ngoài cửa lớp, lễ phép nói với ông Đốc :

- Dạ bẩm quan, có cậu Ấm con trai cụ Tuần-vũ, đi Tây về, đến thăm quan . Ông Đốc học ý mình là cựu sinh viên trường Cao đẳng Đông Dương Hà Nội, và hiện làm quan Đốc học tại tỉnh, một bậc thượng lưu trí thức nào có

kém ai, nên ông tỏ vẻ ganh ghét cậu Ấm, con quan Tuần-vũ, học bên Tây về đã chắc gì hơn ông. Nhưng không lẽ không tiếp, ông bảo người cai trường :

- Cho người ta vào.

Trò Tuấn thấy một chàng thanh niên mặc đồ Tây, tóc chải láng mượt, mang giày tây đen bóng, không kém gì ông Đốc đeo nơ đen dính vào cổ áo sơ mi dài kín cổ, còn cậu Ấm đi Tây về lại mặc áo sơ mi hở cổ và đeo chiếc cà-vạt (cravate) nơi giữa ngực.

Ông Đốc chào bằng tiếng Tây :

- Bonjour !

Cậu Ấm mỉm cười vồn vã chào lại cũng bằng tiếng Tây :

- Bonjour, Monsieur le Directeur... Je suis enchanté de faire votre connaissance...

(Tôi hân hạnh được làm quen với ông)

Ông Đốc gật đầu vài cái :

- Moi aussi (tôi cũng thế). Qu est ce-que vous avez fait en France ? (anh đã làm gì ở bên Pháp?)

Hình như câu hỏi này làm chột dạ cậu Ấm con quan Tuần, nhưng cậu cũng loè lại ông Đốc :

- J ai été dans une Ecole Supérieure à Paris.

(Tôi đã học trong một trường Cao đẳng ở Ba-Lê)

- Oui, mais... qu avez-vous comme diplôme ?

(Ừ, nhưng mà... anh đã đỗ bằng cấp gì ?)

- Je suis ingénieur de canne à sucre.

(Tôi là kỹ sư mía).

Ông Đốc cười ngạo nghễ. "Kỹ sư Mía" là kỹ sư quái gì ? Làm gì có trường Cao Đẳng Kỹ Sư Mía ở Paris ?

Thế rồi ông Đốc cắt ngang câu chuyện :

- Bon, je vous remercie de votre visite . Je n ai pas le temps de vous recevoir plus longuement, je regrette.

(Thôi, được rồi, tôi cảm ơn cậu đến thăm tôi. Tôi không có thì giờ tiếp chuyện lâu, tôi rất tiếc).

Hai người gật đầu chào nhau, rồi cậu Ấm Kỹ sư Mía cầm ba-toong đi ra. Cậu vừa ra đến sân, thì ông Đốc nói với học trò :

- Cái thằng ấy đeo cravate theo kiểu lãng mạn Pháp hồi thế kỷ mười chín. Nó nói nó đỗ kỹ sư Mía là nó nói láo. Tao nghe quan Công Sứ nói rằng cha nó là quan Tuần-vũ đang xin xỏ với Triều đình An-nam cho nó làm Tri-huyện.

Tuấn về nhà học lại với anh nó câu chuyện cậu Ấm con quan Tuần đến lớp học thăm quan Đốc. Phán Tuấn cười bảo :

- Anh chàng ấy có đến thăm ông Sứ, và nhờ ông Sứ tiến cử cho một chỗ làm. Ông Tuần cũng có "vận động" với ông Sứ và ông Phó Sứ nhưng ông Sứ bảo anh rằng cậu ta không đỗ bằng cấp gì cả, chỉ biết nhảy đầm là giỏi. Có lẽ ông Sứ sẽ viết thư ra toà Khâm, đề cử cậu Ấm làm sở Mật-thám ở Huế.

Cũng năm ấy, trò Tuấn nghe người ta đồn có cô con gái lớn của một quan Thượng-thư ở Huế, nhưng quê quán tỉnh nhà, đi du học bên Tây cũng vừa về. Ở Pháp, cô đã nhập tịch dân Tây, 22 tuổi chưa có chồng, và lấy tên tây là Anna.

Vì ở cùng làng, nên trò Tuấn tò mò muốn đến xem mặt. Trưa, tối, hoặc chủ nhật và thứ năm, nghỉ học, Tuấn thường chạy tới dinh cụ Thượng-thư xen lẫn với đám con nít kéo vào nhà bếp cụ Thượng để xem mặt cô Anna . Tuấn thấy sao, về học lại hết cho cha mẹ và anh Hai của nó nghe.

Nó bảo :

- Cô Tỳ-Tỳ (tên hồi còn ở nhà) mới qua Tây có ba năm mà bây giờ về nhà, cô ăn cơm không được. Mẹ ơi, bà cụ phải mua bánh tây cho cô ăn. Cô cầm đũa theo kiểu An-nam mình cũng không được nữa, anh Hai à !

Thím Ba vừa nhai trà, vừa cười, hỏi :

- Con thấy cô ăn bằng gì ?

- Cô cầm cái gì mà Tây gọi là cái fourchette đó, với con dao tây. Cô cắt bánh tây theo kiểu tây mẹ à !

- Bánh tây là bánh gì ? Nó ra sao ?

- Là bánh mì đó. Tây gọi là pain.

- À, "panh" là bánh đó hả ? Cô cắt bánh theo kiểu tây là cắt cách sao ?

- Cỗ cầm con dao cắt ngược từ ngoài cắt vô, từ dưới cắt lên, chứ không phải như An-nam mình từ trong cắt ra, từ trên cắt xuống dưới.

- Cỗ ăn bánh tây với gì ?

- Bà vú Hai dọn cơm có chén nước mắt, cỗ la om sòm, cỗ bịt mũi, nói cái này thú vị, cỗ không chịu được, cỗ hất chén nước mắt ra ngoài sân. Cỗ ăn toàn đồ tây, mua tận ngoài Huế, đem về mẹ ơi !

Ông Ba, (tức là chú Ba thợ mộc) hỏi Phán Tuấn còn đi học, hỏi Phán Tuấn :

- Cô Hai đi Tây học đỗ tiến sĩ chưa con ?

- Con có xem hồ sơ của cỗ ở toà Sứ, cỗ thi đậu Brevet Supérieur. Bằng cấp ấy ở bên ta không có. Đỗ bằng ấy sẽ được làm giáo sư dạy trường Quốc Học Huế.

- Nếu con đi tây, thì con cũng đỗ bằng ấy chứ gì ?

- Dạ, nhưng nhà mình nghèo, mình chịu thấp kém hơn họ. Nhờ cỗ là con quan thượng thư, nên cỗ là người con gái đầu tiên được nhà nước cho học bổng du học bên Pháp, đỗ bằng Brevet Supérieur, và làm giáo sư dạy collège . Nhưng bây giờ cỗ là dân tây, chứ không phải An-nam nữa, cho nên cỗ theo nếp sống của người Tây...

Nghe người ta đồn cô Anna, con gái quan Thượng thư đi du học ở bên Pháp có 3 năm mà về nước đã quên hết "tiếng An-nam", Phán Tuấn không tin. Nhưng hàng ngày, Phán Tuấn được bà con trong tỉnh nói lại - những người đã được nghe rõ ràng cô Hai "nói tiếng Tây như Đằm" và quên hết "tiếng An-nam" - Tuấn định chờ một cơ hội gặp cô Anna để xem lời đồn đãi của thiên hạ đúng thật hay không ?

Một buổi sáng thứ hai, Tuấn đang ngồi làm việc nơi bàn giấy toà Sứ, thì cô Anna bước vào. Tuấn lễ phép đứng dậy :

- Chào cô, cô đến có chuyện chi ?

Cô Đằm An-nam trở mắt ngó Tuấn, hỏi lại bằng tiếng tây :

- Qu est ce-que vous dites ?

(Anh nói cái gì ?)

Tuấn điềm nhiên hỏi :

- Thưa cô, cô muốn gặp ai ?

- Voulez-vous parler Francais ? Je ne comprend pas l Annamite.
(Anh hãy nói tiếng Tây cho tôi nghe. Tôi không hiểu tiếng An Nam).

Tuấn cười :

- Ah ! Pardon ! Vous êtes Francaise ?

(À!..xin lỗi cô, cô là người Pháp ?)

- Oui, je veux voir monsieur le Resident.

(Phải, và tôi muốn gặp Quan Sứ).

Một giờ sau, cô Anna ra về, ông Sứ gọi Phán Tuấn vào văn phòng của ông, và khen cô Anna nói tiếng Pháp y như giọng một cô Đầm ở Paris ông thuật lại cho Tuấn nghe lời cô Anna vừa mét với ông rằng lúc nãy cô mới đến nghe Tuấn nói "tiếng An-nam" , cô không hiểu gì cả... Rồi ông Sứ hỏi Tuấn :

- Quả thật cô Anna quên hết tiếng An Nam rồi sau ?

- Dạ, chính cô ấy cũng vừa nói với tôi như thế.

Ông Sứ ngồi trầm ngâm một lát, rồi nhún vai, nhìn Tuấn :

- Tôi không hiểu cô gái Annam sinh trưởng ở đất Annam từ nhỏ cho đến 19 tuổi, sang Pháp chỉ ở có ba năm, lúc trở về không nói được tiếng mẹ đẻ của nó nữa, chuyện ấy làm cho tôi ngạc nhiên lắm. Anh có hiểu ra làm sao không ?

- Dạ không.

- Có hai lẽ, một là tiếng an-na-mít là một thứ tiếng rất tồi, hai là cô Anna là một người An-na-mít rất tồi.

Để kết luận, ông Sứ cười hỏi Tuấn :

- Còn anh Tuấn, khi anh nói tiếng Pháp với tôi, anh có quên tiếng an-na-mít không ?

Tuấn mỉm cười, xấu hổ, không trả lời.

Năm 1923, các quan Annam ở tỉnh Q. điều khiển một con voi bằng đồng, để gửi ra Huế dâng lên vua Khải- Định trong dịp Tứ-tuần của ông vua này. Nơi đúc là khu vườn hoang của Kho tỉnh, ngay trước trường học, phía bên kia đường cái, sau một bức tường dài vuông vức bao bọc chung quanh Kho. Tuấn-em, cũng như số đông học trò, mê xem công việc này lắm. Buổi sáng, buổi chiều, Tuấn-em thường đến thật sớm trước giờ học, và trong các giờ

chơi, Tuấn rủ một bọn học trò cùng lớp, chạy qua Kho để xem đúc tượng voi.

Không biết các đồ đồng lấy ở đâu mà nhiều thế ! Nồi đồng, mâm đồng, chảo đồng, lư đồng, bỏ vào bốn năm cái chảo lớn, nấu thường xuyên trên một đồng củi cháy hùng-hực, suốt mười ngày đêm, cho đến khi đồng chảy ra để đổ vào khuôn. Khuôn voi bằng đất sét, do một người thợ hồ Việt Nam xây lên, giống hình con voi, nhưng không đẹp tí nào cả : chân cẳng, thân hình, đầu và đuôi, đều thẳng cứng, cái vòi cũng chia ra ngay đơ, hai tai thì nhỏ, cái bụng thì bự. Tuấn-em tò mò hỏi mấy người thợ đúc, mới biết rằng các đồ đồng dùng nấu để đúc tượng voi là do các làng xã thôn nhặt của dân chúng, theo lệnh quan tỉnh và các quan phủ, huyện. Sự thực thì các quan thôn góp của dân nhiều đồ đồng lắm, nhiều gấp ba, gấp bốn số đồng để đúc tượng voi, nhưng các quan lớn lấy bớt một phần, các quan nhỏ lấy một phần. Còn lại bao nhiêu đúc trong kho để đúc tượng, có lính lệ canh giữ. Một đêm tối trời, một chị đàn bà ăn ở gần đây len lách lấy trộm được một chiếc nồi đồng bị bắt quả tang. Lính dẫn chị qua dinh Quan Án, quan truyền lệnh đánh chị mười roi, rồi đem giam bên nhà Lao.

Tượng voi đúc một tháng mới xong, và phải đúc đi đúc lại ba lần, vì hai lần bị hỏng . Lần thứ nhất con voi không có vòi, vì đồng chảy không đều . Lần thứ hai có vòi, hai ngà, bốn chân, có cả đuôi lớn bằng chiếc đũa, nhưng trên đầu con voi bị sứt một cái tai, nên quan Tuần truyền lệnh đúc lại . Lần thứ ba này, các người thợ phải nấu một nồi xôi, mua một nải chuối, một bình rượu và đèn hương, cùng cái miếu thờ Thổ thần nơi góc vườn Kho.

Tuấn-em có tính tò mò,cái gì cũng muốn coi, chuyện gì cũng muốn biết, cho nên nó chạy theo ông thợ Cả cúng thần . Nó lễ phép vòng tay đứng dựa vào cột miếu,nghe ông thợ cả khấn vái như sau đây :

- Con được lệnh của quan Tuần-vũ khuya nay phải đúc cho xong tượng voi đồng để kịp ngày đưa ra Huế dâng lên Đức Đại Nam Hoàng Đế, để mừng lễ khánh thọ Tứ-tuần của Hoàng đế . Vậy con lại xin Thổ- địa linh thần gia hộ cho con đúc tượng voi được hoàn thành, viên mãn, kéo có tội với Đại Nam Hoàng đế .

Cúng lạy xong, ông thợ lấy hai đồng tiền kẽm, một mặt tiền bôi vôi, một

mặt không, khẻ thả rơi hai đồng tiền xuống mặt đĩa sành để gieo quẻ, xem Thổ-thần có ứng thuận và chứng minh cho không ? Nếu tiền rơi xuống đĩa một đồng giữa (có bôi vôi) và một đồng xấp (không có vôi) tức là Thần bằng lòng . Nếu trái lại cả hai đồng tiền đều giữa hết hoặc sấp hết, tức là Thần nhất định phá phách việc đúc tượng voi đồng dâng lên vua Khải-định.

Chẳng may, khi ông thợ cả gieo quẻ thì cả hai đồng tiền đều nằm sấp.

Gieo lại lần thứ hai, hai đồng tiền đều giữa . Gieo lần thứ ba, hai đồng tiền nhảy tung ra ngoài đĩa, rớt xuống đất.

Ông thợ cả rầu -rĩ muốn khóc lên được . Theo lệ gieo quẻ, quá lắm là ba lần, được hay không cũng thôi, chứ không ai gieo lần thứ tư . Ông thợ Cả nhất định xin quẻ lần thứ tư và lạy lục Thổ thần thiếu điều gãy xương sống . Lạy xong, ông cầm cây đèn nện, cúi xuống soi kiểm hai đồng tiền, nhưng chúng văng vào khe tường nào, hay nấp trốn trong bụi cỏ, lùm cây nào, ông và bốn người thợ đúc lụi cụi tìm mãi không ra . Các ông thợ đành bưng xôi, chuối và cầm bình rượu đi.

Ông thợ Cả lẩm bẩm nói với bốn anh thợ phụ của ông :

- Cái ông Thần Thổ- địa này cứng đầu cứng cổ thật . Tượng voi đúc để dâng lên vua, mà ông cứ theo phá phách mãi, đó là phạm tội khi quân, chứ không phải giỡn à !

Rốt cuộc cái tượng voi cũng đúc xong nội trong đêm ấy . Con voi không đẹp, nhưng cũng may không bị sứt vôi, sứt tai chi cả, xem cũng ra vẻ con voi !

Rồi các bạn có biết, con voi đồng ấy phải chở đi bằng cách nào không từ tỉnh ra Huế ? Quan An-nam truyền lệnh thợ mộc đóng một cái củi to tướng bằng gỗ, kín mít chung quanh, để đựng con voi . Rồi các làng sở tại phải bắt 40 thanh niên, họp thành hai đoàn, mỗi đoàn 20 thanh niên thay phiên nhau mà khiêng món quà kết -xù ấy đi bộ ra đến Huế !

Hôm lễ Tứ-tuần của Khải Định, ông vua chê cái tượng voi xấu-ỉnh . Xấu là tại nó bằng đồng . Giả sử nó bằng vàng thì dù cho nó sứt đuôi mẻ vôi, chắc "Đức Đại Nam Hoàng đế" cũng khoái chí tử !

Tuy vậy, các quan An-nam chủ tỉnh cũng được vua ban cho một số tiền để

thưởng cho mấy "thằng thợ đúc".

Nhưng mấy "thằng thợ đúc" có được hưởng đồng tiền của vua hay không . Tuấn-em không biết . Còn 40 cậu thanh niên lực lưỡng khiêng con voi đồng từ tỉnh ra đến kinh đô để mừng vua hưởng thọ 40 tuổi, thì phải đem tiền nhà theo để xài . Hết tiền, bốn cậu ở lại đất thần kinh làm nghề cu-li xe kéo cho các quan, còn 36 cậu được đi xe lừa về đến Tou-Ranh (Đà Nẵng), rồi từ Tou-ranh đi bộ về tỉnh, trên mấy trăm cây số.

Niên khóa 1923-1924, Tuấn -em đã học lớp Nhất . Trường nữ học chỉ có đến lớp Nhì, và ở cách biệt trường Nam . Cả tỉnh, lần đầu tiên mới có 4 cô nữ sinh học lớp Nhất, cho nên phải học chung với tụi con trai ở trường Nam . Bốn cô cùng dãy ghế đầu trong lớp, ngay nơi cửa vào : cô Dư, cô Ánh-Tuyệt, cô Yến-Tuyệt, cô Tỷ . Tuấn-em ngồi dãy ghế thứ hai, sau lưng cô Nguyễn thị Dư . Cùng một dãy ghế với Tuấn, có Hường, Ái, Tế . Tế là con một quan Phủ nên có vẻ làm nghiêm, còn Hường, Ái, Tuấn, thì chính ba cậu không ngồi dãy ghế này, vì họ thích ngồi ở phía sau, ở cuối lớp, để thỉnh thoảng lén thầy, ăn kẹo hay lán mặt trong những hôm không thuộc bài . Nhưng tại vì hôm nhập học trong lớp Nhất có 40 trò con trai, trò nào cũng mắc cỡ không chịu ngồi gần các cô con gái, thành ra dãy sau lưng 4 cô gái bị bỏ trống.

Thấy thế, thầy giáo bèn lôi cổ ba thằng tinh-nghịch nhất chui trốn ở cuối lớp, đem chúng nó lên ngồi dãy ghế thứ hai, sau lưng mấy cô . Tuấn-em, Hường, Ái ngoan ngoãn tuân lệnh thầy, nhưng trò nào cũng mắc cỡ, đỏ mặt tía tai.

Tuổi trung bình của học trò lớp Nhất năm ấy là 14 đến 15 tuổi ta . Đây là lứa học sinh lớn nhất trong tỉnh . Thế hệ mới, có nhiều triển vọng nhất . Về việc học, có thể nói rằng tất cả đều chăm chỉ, và học trò cũng học thuộc bài, và cố gắng làm bài để khỏi bị thầy cho zéro . Đối với toàn thể học sinh, sự lười biếng, không thuộc bài bị thầy phạt là một cái nhục lớn . Nói đúng ra, bạn bè không ai chê cười mình nếu thầy gọi lên bảng đen, mình trả bài không xuôi, bị ăn trứng gà, nhưng mình tự xấu hổ với lương tâm của mình vì cả lớp đều học thuộc bài.

Về hạnh kiểm, thí dụ có tiếng là tinh nghịch nhất như Tuấn-em, Hường, Ái,

cũng chỉ là tinh nghịch đùa dỡn với bạn bè mà thôi, chứ đối với thầy giáo, cả với thầy giáo lớp khác, học trò không bao giờ dám vô lễ, hỗn láo, xấu xược . Có thể nói rằng, học sinh của thế hệ 1920-1940 còn giữ được nề nếp nho phong của học trò chữ Hán, theo đúng phương châm "Tiên Học Lễ nhi Hậu Học Văn".

Có điểm đáng chú trọng, là học sinh lớp Nhất vẫn chưa biết gì về chuyện "yêu đương" như một số thanh niên ngày nay . Trái lại, hầu hết hình như là "sợ" con gái , và học trò trai ở lớp Nhất vẫn gọi 4 cô nữ sinh cùng lớp bằng "chị" mặc dầu cùng lứa tuổi.

Gần Tết bỗng dưng có một thầy giáo mới đổi tới dạy riêng về Pháp-văn cho lớp Nhất . Thầy này người Huế, vừa mới đỗ "diplôme", còn trẻ măng, tuổi chừng 18, 19 . Thầy đẹp trai, thường mặc áo xuyên đen, quần thật trắng, và ủi thật phẳng nếp, có vẻ bảnh bao lắm . Thầy hiền lành nhưng Tuấn-em để ý thầy không bao giờ dám ngó bốn cô nữ sinh, và thầy không khi nào gọi bốn cô nữ sinh lên bảng trả bài . Mỗi lần thầy vào lớp, mặt thầy tự nhiên đỏ bừng . Thầy bẽn-lẽn ra chiều bối rối . Để giữ uy quyền của nhà mô phạm, thầy làm nghiêm với học trò con trai, không bao giờ thầy cười hay nói đùa một câu với học trò . Ấy thế mà 4 cô nữ sinh lại sợ thầy như sợ cọp ! Một lần, trong kỳ thi lục cá nguyệt, buộc lòng thầy gọi các cô lên bảng để thi bài khẩu vấn . Cô Dư bối rối không trả lời được.

Thầy nghiêm trang hỏi :

- Cô không học bài ?

Cô vừa run vừa đáp :

- Dạ thưa thầy, con có học, nhưng tự nhiên con quên.

Học trò trai bụm miệng, không dám cười to, học trò gái cúi đầu lấy quyền vở che mặt . Thầy giáo không hề nhếch môi . Thầy nói tiếng Pháp đuổi cô Dư về chỗ vì cô không thuộc bài văn phạm :

- Allez-vous-en ! Vous ne savez pas votre leçon de grammaire.

(Không thuộc bài . Về chỗ)

Rồi thầy tặng cô con zéro tròn vo trong sổ điểm .

Lúc ra về, Tuấn-em theo sau cô Dư, nghe cô thút-thít.

Mặc dầu có nghiêng chiếc nón bài thơ để che mặt . Tuấn cũng thấy cô thỉnh

thoảng lấy tà áo dài trắng đưa lên lau mấy giòng nước mắt lặng lẽ tuôn trên đôi má hồng đào...

Các cô đều 16 tuổi, nhưng xác đã lớn, và vẫn xưng "con" với thầy giáo 18,19 tuổi, vì kính trọng thầy . Nói cho công bằng, không phải riêng thầy giáo trẻ này là làm nghiêm với các cô học trò lớp Nhất, mà tất cả các thầy giáo đều nghiêm . Tất cả bốn cô sợ thầy, chính vì thầy là Thầy Giáo.

Có điều nên nói để khen tặng các cô nữ sinh thuở ấy : "tuy là sợ thầy nhưng các cô vẫn kính mến thầy, chứ không phải thù ghét ." Trước khi nghỉ hè, thầy giáo trai trẻ được lệnh đổi đi tỉnh khác, học trò lớp Nhất kéo nhau đến nhà thăm thầy để chào tiễn biệt . Bốn cô cùng đến với đám học trò trai . Thầy tiếp niềm nở, hôm ấy thầy rất dễ thương - và khi thầy nói mấy lời từ giã, bốn cô đều cảm động, rưng rưng hai ngấn lệ . Chính cô Dư đại diện cho ba cô bạn, thưa với thầy :

- Thưa thầy, chúng con xin kính chúc thầy lên đường bình an mạnh giỏi...

Thầy khẽ cúi đầu đáp lễ . Hôm ấy, lần đầu tiên Tuấn-em cảm thấy quý mến bốn cô bạn gái cùng lớp .Tuấn hối hận vì suốt cả năm Tuấn chuyên môn phá phách các cô . Nào là trong giờ chơi, Tuấn ra sân trường tìm bắt những con cóc, con nhái, con trùn, để lên vào lớp bỏ trong cạt-táp các cô . Nào là bỏ cục phấn trong bình mực tím của cô Dư hay cô Ánh Tuyết.

Ba đứa học trò nghịch nhất trong lớp, lại là ba đứa vào hạng học khá nhất, Hường vẫn đứng đầu, hoặc đứng thứ hai, thứ ba, trong bảng sắp hạng hàng tháng . Ái và Tuấn cũng thế . Có lẽ nhờ học khá, nên mấy trò trai tinh nghịch này vẫn được mấy cô bạn gái mến hơn cả . Tình bạn ngây thơ, vô tội, của đám học sinh thời bấy giờ không có hậu ý gì vẫn vợ, bậy bạ .

Tôi đã nói tuổi 16, 17 của thế hệ 1920-1924, chưa biết tí gì về "yêu đương" , "mơ mộng" . Tâm hồn thanh thiếu niên hãy còn trong sạch, chưa bị tiêm nhiễm, chưa bị cám dỗ, chưa bệnh hoạn, suy đồi .

Chỉ có một lần, một câu chuyện "traoi gái" của học trò bị đổ bể, làm xôn xao cả trường . Thủ phạm chính là trò A . ở lớp Nhất . Nữ đồng lõa là cô H. con một nhà buôn bán ở phố cửa Tây, mới 16 tuổi . Nhà hai cô cậu này gần nhau . Không biết hai đứa làm quen với nhau hồi nào, mà một đêm, mẹ cô H., vô tình bắt gặp con gái của mình trò chuyện nhỏ to với cậu học trò . Bà

lôi cổ con gái về nhà, đánh một trận nhừ tử . Bà lại sang mét với gia đình trò A . Trò A cũng bị một trận đòn nên thân . Hôm sau cả trường đều biết vụ ấy . Toàn thể học sinh đều coi A là một đứa "học trò xấu-xa" và chế nhạo nó . A lại bị thầy giáo mắng, và bị Ông Đốc trường phạt gặt gao .

Thế là câu chuyện "traoi gái" của cặp thiếu niên chưa đâu vào đâu đã bị chấm dứt ngay sau khi chàng bị phạt quỳ gối trong hai tiếng đồng hồ trong cửa lớp học .

Thế hệ thanh niên 1920-1925 không chú trọng đến vấn đề tình ái cá nhân và không dùng những danh từ "yêu đương", "ái tình", "tình yêu" . Ở miền Trung và miền Nam chỉ gọi là "traoi gái" với nhau, hay là "phải lòng nhau", thường bị coi như làm một việc tội lỗi, không tốt đẹp, và bị chê cười.

Một thanh niên Việt Nam trong những năm 1920-1925 không bao giờ viết thư cho con gái với những câu "anh yêu em " . Họ chỉ viết lén lút "tôi thương cô", đã là quá lắm rồi . Ba chữ rất tầm thường đó đã đã chứa đựng bao nhiêu... mê ly !

Tìm trên các tờ báo văn nghệ cách đây 35 năm, chưa hề thấy đăng những bài thơ loại "anh yêu em ", "em yêu anh", "nhớ nhung", "nhung nhớ" tràn ngập như ngày nay.

Nhưng nói rằng thời bấy giờ thanh niên không biết yêu, lại cũng không đúng, thanh niên nào mà không biết yêu ? Chỉ có khác là tình yêu kín đáo, dè dặt, nghĩa là tế nhị hơn . Không bông bột sôi nổi, không bộc lộ công khai và không trơ-trẽn .

Tình yêu trước đây 30 năm, cũng được gìn giữ kín nhem như y phục của thiếu nữ không bộc lộ ranh mãnh, không nửa kín nửa hở, và cũng không khiêu khích . Con gái ở các đô thị xa-hoa Saigon, Hà Nội, Huế... may mặc bằng hàng lụa sang đẹp, nhưng vẫn kín đáo, e-ấp như các cô thôn nữ .

Cô Dư, cô Ánh-Tuyết, cô Tạ thị Tỷ, đều là con nhà giàu hoặc con nhà quan . Các cô thuộc giới "văn minh" nhất trong tỉnh và trong xứ . Đến trường, các cô mặc y phục trắng, đen hoặc tím . Chỉ những ngày chủ nhật, hoặc đi đâu, các cô mới mặc màu xanh, màu hồng .Tuần không thấy bao giờ các cô mặc áo đỏ chói, hay màu vàng . Ngày Tết hay các ngày lễ các cô mặc áo gấm, quần sa-tanh mang giầy thêu cườm.

Ở Bắc Việt, phụ nữ mới bắt đầu mặc quần trắng vào khoảng năm 1930 trở về sau . Trước 1930, các bà, các cô đứng đắn mặc toàn quần đen.

Về nữ trang, các cô thường đeo kiềng vàng trơn (đi học cũng đeo kiềng) và hoa tai vàng. Không bao giờ đeo nhẫn, trừ khi đã có chồng . Các cô đã để răng trắng và tóc quấn trần theo kiểu Huế . Ở Bắc, vấn tóc trong khăn nhung đen, Ở Nam, để búi tóc sau ót.

Cổ áo cao một phân, tà áo dài xuống vừa đến đầu gối (ở Trung) ; hoặc trên đầu gối 1 phân (ở Nam) : hoặc dưới đầu gối 1 phân (ở Bắc), các cô Hà nội mặc quần ống rộng, ở Huế và các tỉnh miền Trung ống vừa, ở Saigon và Lục tỉnh ống chật hơn, độ hai phân tây . Giày cao gót xuất hiện tại Hà nội và Saigon khoảng năm 1935, nhưng để riêng cho các thiếu nữ đã trưởng thành, theo phép xã giao tân tiến của Âu Mỹ . Nữ sinh các trường và các thiếu nữ dưới 21 tuổi không bao giờ mang giày cao gót.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 23

1924

-Một ông Quan tỉnh tặng ông Sứ Tây sấp về nghỉ phép ở Pháp một chiếc xe kéo và cả người cu-li để về Pháp ông sử dụng.

-Vua Khải Định có ý đem theo một chiếc xe kéo sơn son thếp vàng qua Pháp để Vua ngự du trong kỳ Hội Chợ Thuộc địa ở Marseilles.

-Công chức dùng "đồng hồ trái quít" đeo trên túi áo. Chưa có đồng hồ đeo tay.

-Phong trào đi xe máy bắt đầu thịnh hành. Lần đầu tiên thanh niên tập đi xe máy

-Một bài "Dictée" (chánh tả) thi Tiểu-học Pháp-Việt.

-Một kỳ thi vấn đáp : 100 quan tiền 6 cô (San Francisco)

-Bức trưởng tặng Thầy trước khi từ giã mái trường, và 10 năm sau.

-Tình bạn giữa đôi nam nữ học sinh.

Năm 1924, ở các thủ đô các tỉnh An Nam đã bắt đầu xuất hiện khá nhiều những món nhật dụng mà trước đây một vài năm còn rất hiếm hoi. Các thầy Thông, thầy Ký đã sắm xe máy (ngoài Bắc :xe đạp), mà hầu hết là xe hiệu Hironnelle (chim én) do hãng Manufactures d Armes et de Cycles de Saint Etienne ở Pháp sản xuất.

Saint Etienne là tỉnh lỵ của tỉnh Loire, ở phía Nam thành phố Lyon cách không xa, là nơi sản xuất nhiều nhất các dụng cụ máy móc về sắt và thép, Tuấn-em để ý thấy hầu hết các đồ dùng văn minh mới lạ, đẹp và bền của người An nam lúc bấy giờ đều có ghi sản xuất là Saint Etienne . Cho đến nổi dụng cụ học sinh : bút chì, ngòi bút, quyển vở, tẩy, compas, équerre, double décimètre v.v... Cũng đều gởi mua tận bên Pháp, ở Saint Etienne . Cách gởi duy nhất là bằng tàu thủy, ba tháng hàng mới về. Lúc bấy giờ chưa có đường hàng không nào nối liền các xứ Đông Dương và Pháp.

Xe đạp do Pháp quốc gởi qua đã nhiều, và luôn luôn là các thầy Thông, thầy Ký có trước. Tuy nhiên, vì mới lạ nên nó vẫn được người chủ nó quý

chuộng, nâng niu săn sóc, lắm khi còn hơn đứa con cưng.

Thầy Thông Hồ ở cạnh nhà Tuấn, làm việc ở sở Kiểm Lâm, bắt chước các thầy khác thuê thợ mộc đóng một cái kệ để gác chiếc xe đạp của thầy. Đường đi từ nhà thầy đến sở, quanh co, gồ ghề (đường phố trong tỉnh chưa tráng nhựa) thầy đạp đi rất chậm, sợ hư bánh xe. Đi làm về thầy xuống xe nhè-nhe, rồi hai tay nâng chiếc xe lên kệ gỗ. Nghe thầy bấm chuông leng-keng, tức thì vợ thầy, cô Thông Hồ, còn trẻ và đẹp, cầm một nùi giẻ ra lau chùi chiếc xe, từ cặp niềng cho đến bàn đạp. Nhờ hai vợ chồng gìn giữ chiếc xe cẩn thận như thế, mà bốn năm sau, Tuấn thấy chiếc xe của thầy vẫn láng mượt, còn mới tinh như lúc mới mua. Thời bấy giờ không có nạn ăn cắp xe nên xe không khóa, và không cần khóa. Đa số các thầy Ký đều có đóng kệ để gác xe như thầy Hồ, và gia đình nào sắm được chiếc xe máy cũng hãnh diện đôi chút, như ngày nay những người làm việc ít tiền ráng dành dụm sắm chiếc deux - chevaux...

Nhất là ở thôn quê, xe đạp được coi như là biểu hiện của văn minh tiến bộ. Các nhà thi sĩ ở Trung và Nam kỳ đã đặt cho nó biệt hiệu vinh dự là "con ngựa Sắt" cũng như bên Pháp lúc chiếc xe đạp mới ra đời được công chúng suy tôn là "La petite Reine" (Tiểu Hoàng Hậu). Một người đạp xe máy chạy trên đường làng, bóp chuông leng-keng... leng-keng, thế là con nít từ dưới các mái nhà tranh chạy nhao nháo ra ngõ đứng xem.

Mấy cậu học trò đi coi mắt vợ ở làng xa, cứ đi xe đạp đến nhà gái là được các cô thôn nữ ửng ý liền. Trai trong làng không biết đi xe máy, và biết bao giờ họ mới sắm được chiếc xe máy ? Các cậu học trò ở tỉnh, ở huyện, ngồi trên yên xe còn oai hơn là ông Nghè ngồi trên yên ngựa vinh quy bái tổ hồi xưa, nghĩa là cách đây chưa quá 30 năm.

Tuy nhiên, chỉ có thầy Thông, thầy Ký làm việc được ít lương, các nhà buôn bán, tư chức, và học trò là thích đi xe đạp.

Hầu hết các thầy Phán làm được lương cao, và các thầy Trợ giáo lại thích đi bộ. Vì theo quan niệm của các thầy lúc bấy giờ ngồi trên yên xe máy và khom lưng đạp lia lia cho xe chạy, là mất vẻ đạo mạo, đứng đắn. Cho nên nếu dư tiền, thì các thầy sắm xe kéo nhà, ngồi bệ vệ trong xe để cho người "cu-li" kéo. Nếu ít tiền (như đa số) thì đi bộ, với một lũ học trò năm bảy

đưa cung kính đi theo sau, còn oai hơn, và thanh nhã hơn.

Xe đạp, tuy là văn minh, là tiện lợi, nhưng ngay từ lúc mới nhập cảng sang xứ ta, nó đã bị coi như là một loại xe bình dân, mà những người trưởng giả không thích dùng. Và lại mấy thầy mặc toàn là quốc phục, áo dài đen quần vải quynh hoặc lụa trắng, chũn mang giày Hạ, mà đi xe đạp thật là bất tiện. Phải kẹp ống quần để nó khỏi vướng vào giầy chaine, phải kéo tà áo ra phía trước và nhét nó vào lưng quần để nó khỏi thòng xuống garde-boue, phải kéo cả tà áo trước lên cao quá đầu gối, để nó khỏi bị dính dầu mỡ nơi giầy chaine, tất cả ngần ấy chuyện đã là rắc rối, mà xem bộ tịch của thầy như thế kia lại không còn vẻ gì oai vệ như nhà mô phạm nữa. Trông chẳng hơn nào chú lính lệ cho quan Tuần, quan Án.

Chính vì những lý do danh dự ấy mà đa số các thầy Trợ giáo cũng như các thầy Thông, thầy Phán làm việc ở các sở các tòa đều không ưa đi xe đạp.

Riêng Phán Tuấn lại nghĩ khác. Tuấn là "quan Phán đầu tòa", cao nhất trong các ngạch công-chức An-nam toàn tỉnh, và là quan Phán được cụ Sứ tin cậy nhất, nên uy tín còn có khi hơn cả các quan An-nam, nhưng Tuấn lại ghét những gì quan cách, những "trưởng giả học làm sang". Tuấn đã nhất định không sắm xe kéo nhà. Có lần ông già của Tuấn hỏi tại sao, Tuấn bảo :

- Con là thanh niên, con ngồi trên xe để cho một người già cả khom lưng kéo như trâu, như ngựa, con không đành lòng.

-Mấy thầy vẫn ngồi xe kéo đó thì sao ?

- Tại mấy thầy không nghe ông Sứ nói...

- Ông Sứ nói sao ?

- Một hôm con hỏi ông bên Pháp có xe kéo không, ông Sứ trả lời rằng : "Người Pháp đã văn minh lắm, ở Pháp một con người là một con người, chứ không phải là một con ngựa". Nghe thế là con hiểu ý ông chê người "An-nam" mình còn dã man, con người mà đi kéo xe như con ngựa. Cho nên con nhất định không đi xe kéo.

- Vậy sao ông Sứ vẫn thường ngồi xe kéo, do người lính An-nam kéo !

- Ông Tây thấy người cu-li An-nam kéo xe như ngựa thì ông ngại gì mà không ngồi xe cho An-nam kéo, như mấy ông quan An-nam và những người An-nam khác.

Một lần trước, ông Tuần-vũ nghe tin ông Sứ sắp về Pháp nghỉ 6 tháng, ông Tuần đến thăm, và nói muốn tặng quan lớn một chiếc xe kéo mới tinh, và cho một người lính lệ theo hầu Quan Lớn để về Paris thẳng lính nó kéo xe cho quan lớn đi chơi, thì ông Sứ cười sặc sụa và cảm ơn ông Tuần : "Quan Lớn có lòng tốt, tôi rất cảm động nhưng nếu dân chúng ở Paris thấy một người ngồi trên xe do một người khác kéo, thì họ sẽ cho rằng cả hai người là hai thằng điên... Vì thế nên khi Hoàng Đế Khải Định sắp sang Pháp dự cuộc đấu xảo ở Marseilles, Ngài tỏ ý với quan Khâm Sứ rằng Ngài muốn đem theo một chiếc xe kéo của Ngài, sơn son thếp vàng thật đẹp, để lúc sang bên Pháp, lính An-nam sẽ kéo Ngài đi xem thành phố, thì quan Khâm Sứ liền kính cẩn khuyên Ngài đừng nên thực hiện ý định ấy... "

Năm 1924, tại các tỉnh miền Trung, xe kéo bánh sắt vẫn còn. Nhưng bánh cao su đã thay thế bánh sắt khá nhiều. Xe bánh sắt chỉ có hạng ít tiền đi thôi. Ở các tỉnh thành lớn cứ độ 10 xe kéo bánh cao su cũng còn 2,3 xe bánh sắt.

Đồng hồ, thì tất cả các thầy Thông, thầy Ký, thầy Giáo đều có. Vì sự bắt buộc phải có đồng hồ để làm việc đúng giờ, nên mặc dầu đắt giá, các thầy cũng ráng sắm mỗi người một chiếc. Nhưng năm 1924, đồng hồ đeo tay chưa có nhiều. Chỉ được thông dụng loại đồng hồ bỏ túi, gọi là "đồng hồ trái quít ", tuy hình thức nó không phải tròn vo như trái quít, mà tròn dẹp, có sợi giây và cái khoen để đeo vào khuy áo.

Tuấn-em, cũng như tất cả học trò lớn ở trường tỉnh, đều ao ước được xe máy. Phán Tuấn có mua một chiếc, ngày hai buổi đạp đi đạp về, rất tiện lợi. Buổi tối chàng tập cho Tuấn-em đi. Hai đêm đầu, Tuấn-em cứ ngã luôn, có lần té vấp một bụi duối bị gai cào trầy cả mặt mũi. Nhưng đêm thứ ba, trò Tuấn đã đi được một mình, khỏi phải nhờ anh đỡ cái yên chạy theo sau. Từ đây, cứ buổi trưa, mặc dầu nóng oi-ả, trò Tuấn cứ lấy xe máy của anh đạp chạy một vòng quanh các phố. Buổi trưa, các thành phố đều im lặng, không náo nhiệt như ngày nay . Trừ tiếng chuông xe máy và "lục lục" xe kéo, không có tiếng ồn ào khác. Xe hơi vẫn còn ít, ít lắm. Trừ đôi ba chiếc của quan Tây, còn thì quan An-nam vẫn thích ngồi xe nhà, thường thường là xe sơn đen, bóng loáng, hoặc sơn đỏ sẫm, màu rượu bordeaux. Cũng còn

nhiều ông quan An-nam đi xe song mã.

Tư gia không ai dùng xe hơi. Nhà giàu không dám sắm, sợ các quan ghen ghét. Nhất là Hoa-kiều, vì hầu hết các nhà buôn lớn nhất ở các tỉnh đều là của "các chú", họ dư sức sắm xe hơi, nhưng họ sợ các "quan An-nam" ghét nên họ cứ đi xe đạp, hay là xe kéo. Đi xa thì họ đi xe đò STACA.

STACA là "Société des Transports Automobiles de Centre Annam ", một hãng chuyên chở bằng xe hơi của người Pháp, mà ta có thể nói là hãng xe đò độc quyền lúc bấy giờ chạy từ Tourane (Đà Nẵng) vào Nha Trang và ngược lại.

Mỗi ngày chỉ có một chuyến duy nhất từ Tourane vào và một chuyến từ Nha Trang ra, gặp nhau khoảng 12 giờ trưa trước cổng nhà giầy thép Quảng Ngãi.

Xe chở thư tín giao thông hàng ngày, một loại xe "car" không quá 10 chỗ ngồi. Nghĩa là mỗi ngày từ miền ngoài vào miền trong, hay từ miền trong ra ngoài không quá 10 hành khách, hầu hết là khách sang, hoặc nhà buôn lớn.

Trò Tuấn cứ khoảng 12 giờ trưa là thích đến vườn hoa trước cổng nhà giầy thép để coi hai chiếc xe thơ staca gặp nhau tại đây. Ngừng độ một tiếng đồng hồ, rồi bỗng nhiên một chiếc rồ máy, xịt khói, bay hơi, chạy vùn vụt ra miền Bắc. Chiếc thứ hai cũng rồ máy, xịt khói, bay hơi, chạy bon bon vào hướng Nam, bụi và khói tỏa mịt mù hai bên hàng phố. Trò Tuấn xem mê và cứ nghĩ thầm : "Biết bao giờ mình mới được đi trên chiếc xe điện này xem ra sao nhỉ ? Ồ... biết bao giờ ? ".

Riêng gì trò Tuấn ! Hầu hết người "Annam" ở các tỉnh đã mấy ai được đi xe hơi. Mặc dầu là xe thơ (người ta vẫn bảo là xe chở thơ của nhà nước), nó vẫn còn hiếm hoi, mỗi ngày chỉ một chuyến chạy ra, một chuyến chạy vào, ngoài ra không còn xe hơi nào khác nữa.

Nhưng đến năm 1924, đã bắt đầu có vài ba chiếc xe khác, gọi là xe "cam nhông"

(camions) của người An -nam làm chủ. Các loại xe đò này không phải là xe Thơ, chỉ chuyên chở hành khách và hàng hóa tư nhân. Xe cam nhông chạy không có giờ phút nhất định, muốn ngừng đâu thì ngừng, hành khách đông nghẹt, ngồi ép với nhau chật ních, không có trật tự đàng hoàng như

trong xe thơ Staca.

Lần này, Tuấn-em được miễn nguyện. Cậu học trò tinh nghịch và tò mò hạng nhất, đã biết đi xe máy, muốn trèo lên xe hơi, thì bây giờ đã có dịp được lần đầu tiên ngồi trên xe hơi... Dịp ấy, là cuối tháng năm 1924, sắp sửa nhập học niên khóa 1924-1925 tại Qui-nhơn. Trò Tuấn đã thi đỗ bằng "Ri-me" cuối niên khóa 1923-1924 ở Quảng - Ngãi.

Hãy xin nói trước về kỳ thi Tiểu học của Tuấn, thiếu niên nước Việt, năm 1924.

Tuấn thuộc hạng học giỏi nhất lớp. Kỳ thi cuối niên khóa trong lớp Tuấn đứng hạng thứ 2, và được phần thưởng danh dự, thế mà thi bằng "Ri-me" cậu lại đỗ hạng bét. Và đỗ được là nhờ thầy trợ-giáo đứng ngoài "thối" dùm cho.

Bài Dictée (chánh tả), Tuấn còn nhớ vài đoạn đầu như sau đây :

Les Norias de Quảng-Ngãi,

Aucun spectacle de la province ne renseigne mieux sur l'esprit ingénieux du paysan d'Annam, et ne cause pareille surprise aux yeux curieux du voyageur,

Accouplées par demi douzaines, elles atteignent parfaites, ces norias géantes, une hauteur de dix mètres...

v.v...

Bài dài hơn nửa trang giấy thi, đầy những mẹo văn phạm lắt-léo khó khăn đại khái như đoạn trên, nhưng Tuấn chỉ bị 2 lỗi.

Hết giờ ra về, Tuấn đọc lại nguyên vẹn bài dictée cho thầy giáo nghe, thầy mừng rỡ khen Tuấn rồi-rít, nhưng thầy căn dặn Tuấn về môn thi Toán, Thầy chỉ sợ Tuấn hỏng Toán, vì Tuấn dở Toán nhất lớp. Quả nhiên, hôm thi Toán, chép xong hai đề toán trên giấy thi, Tuấn ngồi rưng rưng nước mắt, sắp khóc to lên. Toán thế này thì có nước trừ chữ "T" ra, còn lại chữ "oán", cộng với chữ "ai" ở trước là tìm ra lời giải? !

Mà ai- oán thật ! Hai đề thi toán "Problèmes d'Arithmétique", đọc đi đọc lại ba bốn lượt, Tuấn vẫn thấy bí kinh khủng ! Liếc mắt nhìn qua những dãy bàn kế cận, Tuấn thấy hầu hết các trò khác đều đã bắt đầu làm bài ngay trong giấy thi, không cần làm nháp ở ngoài. Sao tụi nó làm dễ dàng, mau lẹ

thế nhỉ ? Sao tụi nó giỏi toán thế nhỉ ? Trò Tuấn tệ quá, chỉ một mình trò là cùi, cùi thật là cùi, ngồi ngó hai đề toán mà mồ hôi chảy toát ra cả người, mặt mày choáng váng. Tuấn muốn té xỉu xuống, chết giấc luôn.

Nhưng ông Trời thương hại mấy học trò dốt toán, nên bỗng dưng lúc bấy giờ có một người chết ở nhà thương gần trường học, và đám ma từ trong bệnh viện đi ra, tiến thẳng Cửa Đông, theo con đường dài ngay sau sân trường... Tiếng ai kêu khóc thật là ai oán thê lương !... Ông giám khảo đứng đình bước ra đứng nơi cửa sổ, nhìn xem đám ma, quay lưng vào lớp thí sinh. Thừa dịp tốt hiếm có, trò Tuấn lẹ làng nghiêng đầu ...thằng bạn giỏi toán ngồi nơi mút bàn (mỗi bàn chỉ có 3 thí sinh, Tuấn ngồi ngay giữa). Tuấn nói thầm với bạn : "tao không làm được một bài nào cả, mầy ơi ! ". Thằng bạn thật quả có lòng tốt. Lạy trời, ban phước đức cho nó. Nó nháp lia lịa bài toán thứ nhất và lời giải đáp trên một mảnh giấy, rồi lén lút đút ngay dưới bàn cho Tuấn. Trò Tuấn mừng như thể chết đi sống lại, vồ lấy miếng giấy nhanh như chớp, và chỉ có việc chép lại sạch sẽ vào trang giấy thi bài nháp làm phước của thằng bạn giàu lòng bác ái.

Tuấn chép xong, vồ viên mảnh giấy bỏ vào miệng nhai rồi nuốt cái "ực" vào trong bao tử. Đám ma phía sau trường cũng vừa qua khỏi. Tuấn vái thầm : "Xin cầu chúc cho hương hồn ông bà nào chết đó được tiêu diêu miền Cực Lạc ! ". Nhưng ông giám khảo cũng vừa quay mặt vào và đi thẳng đến bàn Tuấn. Ông đứng ngay đối diện Tuấn, nghiêm khắc chỉ vào mặt trò : "Mầy vừa bỏ cái gì vào mồm ?"

- Dạ thưa thầy, con không có gì bỏ vào mồm cả.
- Tao đứng nơi cửa sổ, tuy tao quay lưng vô lớp nhưng tao nhìn trong cửa kiếng, thấy rõ ràng hết, mầy đừng chối.

Tuấn gần luýnh huýnh, nhưng cố cứu vãn tình hình :

- Thưa thầy... con xin... há miệng cho thầy coi.

Nói xong nó làm liền. Tuấn há miệng ra, cái miệng còn hôi sặc mùi cháo lòng mà nó đã ăn vội vàng hồi sáng sớm trước khi đến trường, chưa kịp uống nước.

Ông giám khảo phì cười, nhưng xách tai nó đau điếng :

- Attention à toi, hein ! (mầy liệu hồn nhé !)

Từ phút đó, ông giám khảo cứ liếc mắt nhìn mò trò Tuấn, Tuấn cảm đầu xuống bàn, giả vờ chăm chỉ làm bài Toán thứ hai. Nhưng chốc chốc trò lại gãi đầu (sao hôm nay cái đầu nó hay ngứa thế ?) Rồi rốt cuộc trống trường đánh ba tiếng, hết giờ thi Toán.

Tuấn nhanh nhẩu nộp bài trước hết thấy mọi người, nhưng trò chỉ "làm" được một bài thứ nhất thôi. Bài thứ hai, Tuấn chịu "forfait", bỏ giấy trắng. Nhờ đám ma đi qua, Tuấn làm trúng một bài, nhưng không biết trong lúc vội vàng Tuấn chép sai lời giải thế nào mà chỉ được 1/2 điểm. Tuy thế, nhờ các môn Việt văn và Pháp văn cứu vớt, Tuấn vẫn đậu "écrit " (thi viết), được vào "oral" (thi vấn đáp).

Trước giờ thi vấn đáp, thầy trợ giáo gặp Tuấn trên sân trường, hỏi Tuấn :

- Con đã thuộc hết các bài Sử Ký, Địa Dư chưa ?

Tuấn trả lời ấp úng :

- Dạ, thưa thầy, con thuộc hết... Nhưng lỡ họ hỏi con câu nào con "bí" thì con phải làm sao ?

- Thì ăn trứng vịt, chớ sao !

- Thầy làm cách nào "thối" cho con... ?

Thầy trợ giáo cười :

- Tuấn muốn thầy ở tù hả ?

Thầy trợ giáo hồi hộp lo ngại, khi Tuấn vào lớp thi vấn đáp. Ông giám khảo là người Tây, tên là Paul Rivière . Ông này dữ lắm, hay bắt bí học trò, hỏi những câu tẹo hòng.

Nhờ ông có giọng nói ồ ồ, vang cả lớp, nên thầy trợ giáo đứng ngoài sân trường nghe rõ các câu hỏi. Ông hỏi trò Tuấn hai câu rồi, Tuấn trả lời trôi chảy, đến câu thứ ba về Địa Dư :

- Trò hãy kể tên 5 thành phố lớn nhất của nước Huê-Kỳ ?

Ở nhà Tuấn đã học thuộc lòng 5 tên thành phố ấy rồi, nhưng vào đây Tuấn chỉ kể được 4 :

- Washington, New York, Chicago, Philadelphia...

Còn một thành phố nữa, Tuấn quên mất. Bỗng Tuấn nghe ngoài sân tiếng một đứa học trò la lớn :

- "Một trăm quan tiền, sáu cô", mầy ơi !

Tuấn sực nhớ ngay vừa lúc ông giám khảo lặp lại câu hỏi :

- Còn một thành phố nữa tên gì ?

- San Francisco . (San Francisco có thể phiên âm ra tiếng Pháp là cent franc six...)

- Giỏi !

Ông Tây cho Tuấn 10 điểm.

Ra sân trường, thầy Trợ giáo cười, cho Tuấn biết là thầy phải bảo một đứa học trò lớp Ba reo lên câu nói mánh lới trên kia để giúp trí nhớ của Tuấn.

Thế là Tuấn đập bằng "Ri-me" năm ấy, nhờ tiếng kèn ai oán thê lương đưa một vong linh về thế giới của Phật A-di- đà... và nhờ một trăm quan tiền sáu cô của thầy Trợ giáo đứng mặc cả ngoài sân trường.

Phải nói rằng câu "học tài thi phận" họa chăng có áp dụng được hồi thi chữ Nho, chứ trong thời kỳ thi chữ Tây chỉ có thể là một lời an ủi tạm bợ mà thôi.

Vì theo thời ấy, hễ học giỏi, thông suốt hết chương trình thì tất nhiên đi thi phải đậu. Thi hỏng, là tại học không thuộc bài. Học trò dở, nếu không có môn nào trội hơn để cứu vớt các môn kém, thì nhất định là "trọt vỏ chuối".

Đây là không kể một vài trường hợp hy hữu mà học trò thừa lúc giám khảo vô ý, lén lút "gà " cho nhau, như trường hợp trò Tuấn. Ngoại giả, việc thi cử thời Tây rất nghiêm ngặt. Không bao giờ các đề thi bị tiết lộ ra ngoài dù là thi Tiểu -học, Trung-học hay Tú-tài. Chưa bao giờ xảy ra một vụ bán đề thi, từ 30, 40 nghìn đồng đến 100,200 nghìn đồng.

Không có sự gian lận của các thí sinh thi mướn với sự đồng lõa im lặng của giám khảo. Không có những vụ con em của một số hiệu trưởng, giám khảo, giáo học, học dốt mà thi đậu - nhiều khi đậu cao - còn học trò ngoài học giỏi hơn, trội hẳn mà lại thi rớt.

Trong các kỳ thi thời trước, bất cứ là thi gì, sự may rủi đã là ít có rồi, sự gian lận lại còn khó khăn hơn. Nói chi đến chuyện ăn tiền, “đút lót, “ nhờ cậy “,” gởi gắm “, thật hoàn toàn không có, và không thể có.

Dù là con em ông giám khảo, ông Đốc học hay là con cháu ông Tổng Đốc, ông Thượng Thư, ông Sứ, ông Khâm, hễ học giỏi là nhất định đỗ, học kém là phải rớt, không có đút lót được ai cả, không gởi gắm cách nào được cả.

Bạn của Tuấn-em, sau này cùng Tuấn đi thi Tú-tài ở Hà Nội, có một số đông là con cháu của các vị quan to lớn có uy quyền, và thế lực biết bao. Họ quen thân với các ông giám sự, ăn uống tiệc tùng với các vị giám khảo, thế mà con cháu của họ thi hai ba lần đều hỏng cả, chỉ vì quanh năm chúng ăn chơi phè phỡn, nhây đằm, nghiện rượu, say mê tình ái, không lo học hành.

Tuấn thi Tú-tài cũng hỏng hai khóa, vì một lần làm sai bài toán Hình-học, một lần không thuộc bài Vật-lý học, chứ không phải vì “ học tài thi phận “. Những bạn của Tuấn đỗ trước Tuấn một hai năm, đều là học giỏi hơn Tuấn về các môn đó, chứ không phải nhờ đút lót tiền cho các ông giám khảo, hoặc nhờ gởi gắm cho ai.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 24

Năm 1924, cả tỉnh chỉ có một trường Tiểu học duy nhất của Nhà Nước , không có một tư thực nào . Cả trường Tiểu học , chỉ có một lớp Nhất . Trong lớp chỉ có 40 học trò , thi đậu được 21 , rớt 19 . Riêng trong số 4 chị ngồi bàn đầu , có hai chị thi trượt vở dĩa . Kết quả ấy chứng tỏ rằng thi cử đã bắt đầu gặt gao , và thí sinh cần phải có một căn bản vững chắc mới hy vọng có tên trên "bảng vàng".

Đậu hay rớt , thi xong rồi toàn thể học sinh đều phải đi học một tuần lễ nữa , vì còn một tuần lễ nữa mới thật là mãn niên khóa . Phát phần thưởng cuối năm học , xong rồi mới chính thức bắt đầu nghỉ Hè.

Những học trò thi "Primaires" rớt , dù có hơi mắc cỡ với bạn bè , cũng ráng tiếp tục đi học cho hết mấy ngày cuối niên khóa , vì còn hy vọng được ông Đốc cho học lại một năm nữa . Trừ vài ba trò , vì lý do gia đình , hoặc vì lớn tuổi phải thôi học , buồn rầu từ giã mái học đường để về quê làm ruộng , hoặc đi buôn bán . Mấy trò thi đậu đáng lẽ được nghỉ chơi thỏa thích , nhưng ông Đốc vẫn bắt buộc phải cấp vở đến trường như thường lệ , tuy chỉ còn 7 ngày nữa là nghỉ hè . Tất cả đều phải tuân lệnh , vì tụi thi đỗ sợ rằng nếu khiếm diện mấy ngày ấy sẽ bị Ông Đốc cho chứng chỉ xấu rồi không được thi vào trường "Collège Quốc Học" ở Huế hoặc "Collège Complémentaire" ở Qui-nhơn.

Nói đúng ra, mấy ngày cuối năm, có học hành gì nữa đâu ! Các học trò thi rớt thì vô lớp ngồi rầu-rĩ tí tê, chán cho đến nỗi một con ruồi bay đậu trên chóp mũi các trò cũng không buồn lấy tay xua đuổi. Ngày trước thi rớt không có nạn tự tử . Chỉ có sự cố gắng thêm để thi đậu khóa sau. Nhưng trông thấy một chị thi rớt ngồi trong lớp khóc sụt sùi vì bị bài Dictée 7 lỗi. Tuấn trong lòng nao nao , thấy lòng rung cảm, thương xót người bạn gái đau khổ . Buổi trưa Tuấn đến nhà bạn an ủi "Đừng khóc nữa chị Tuyết . Chị giỏi Toán , sang năm chị ráng học thêm các môn thể nào chị cũng đậu." . Tuyết đã 17 tuổi , sợ cha mẹ không cho đi học nữa . Nhưng năm sau Tuyết

thi đỗ hạng ba , và được học trường Nữ Trung Học Đồng Khánh - Huế.
Các trò thi đậu thì dĩ nhiên sung sướng , vui vẻ , bàn tán không ngớt chuyện đi Qui-nhơn hay đi Huế . Trò nào trò nấy mặt tươi rói , miệng cười không ngớt . Phần thì được các Thầy khen ngợi , các bạn thèm thường , trù mến , phần thì được cha mẹ cưng , muốn ăn gì cha mẹ cũng mua cho ăn, muốn mặc áo quần đẹp cha mẹ cũng sắm cho, lại được họ hàng , làng xóm o bế , nâng niu ...

Câu chuyện thằng Tuấn-em đã thi đỗ "Ri-me" chỉ trong một buổi sớm cả tỉnh cả làng đều biết.

Mấy ngày cuối niên học , thầy giáo dạy ít mà nói chuyện nhiều . Lớp học tạm vui không đến nỗi buồn tẻ lắm.

Nhưng khổ nhất là giờ tập thể thao (gymnastique).

Huấn luyện viên là một ông đội và ba người lính Khố xanh do bên đồn Lính Tập đưa sang . Họ tập thể thao cho học trò mà gắt gao không khác nào tập lính . Họ lại hô toàn những tiếng " bồi " khiến học trò không thể nào nín cười được.

Họ hét thật to , bảo :

-Đứng ngay thẳng : Ga-ra-vu !

Bảo :

-Bước đi , một hai ...một hai...một hai ...

-An-na-văng mạc ! ...Ấc đơ...ắc đơ ...ắc đơ ...

-Xoay bên phải : a oách ...oách ...

Trò Bông nghe "a oách ...oách ..." liền cười to lên , bị thầy đội đến đánh một bạt tay nảy lửa . Các trò khác liền chạy lại níu thầy đội và sùng sộ hỏi : "Sao thầy đánh nó" .

Một trò lớn nhất toan đánh lại thầy đội để trả thù cho bạn , nhưng cả lớp cùng bảo nhau : "Đừng đánh ông , mà cũng đừng thèm tập nữa . Tụi mình vào thưa với Quan Đốc. Mấy lớp dưới , từ lớp Nhì A, Nhì B đến lớp Năm , đều một loạt bắt chước lớp Nhất , tức giận không tập thể thao nữa mặc dầu không có ai xúi giục cả . Ông Đốc đã về nhà , chỉ còn lại một thầy trợ và anh tùy phái.

Thầy trợ vội vàng chạy đến nhà quan Đốc học để tường trình mọi việc .

Một lát sau, quan Đốc đi xe kéo nhà đến , nét mặt hăm hăm , gọi trò B, người gây chuyện , đến trước mặt ông . Ông đã không bênh vực danh dự học đường lại còn đánh B một bạt tay nữa . Toàn thể học sinh đều uất ức , nhưng không dám nói gì , oai danh hung hăng của quan Đốc học đã từng làm đám học trò và cả thầy giáo khiếp đờm nhiều phen.

Nhưng đây là buổi tập thể thao cuối cùng trong niên khóa . Năm sau môn thể dục do chính các thầy phụ trách huấn luyện học trò.

21 trò đậu “ Ri-me ” tự ý rủ nhau hùn tiền thuê thợ thuê một bức trướng tặng thầy làm kỷ niệm trước khi vĩnh biệt nhà trường .

Bức trướng thuê bằng kim tuyến bốn chữ Nho "Ngưỡng Chi Như Sơn" (ngược lên nhìn Thầy ơn cao như núi) . Bốn chữ này do ông Tú Phong đặt giùm cho và chính tay ông Tú viết , nét chữ tuyệt đẹp . Tại tỉnh không có thợ thuê , nên học trò phải xuống tận Thu-xà , nơi đây có mấy tiệm thuê của người Bắc Kỳ . Bên trái 4 chữ lớn , có giòng chữ nhỏ : " Quảng Ngãi tỉnh , Pháp-Việt học đường , sĩ tử Nguyễn ...Lê ...Trần ...(vv... tên họ của 21 học trò thi đậu) đồng bái tặng "

Thầy cảm động nhận bức trướng long lanh các mặt kiếng nhỏ , rực rỡ các sắc màu , và thầy treo ngay tại phòng khách của thầy.

Nhưng cảm động hơn nữa là 10 năm sau , Tuấn-em trở lại thăm thầy , vẫn còn thấy nơi phòng khách gió phất phơ trều mền bức trướng xưa , tuy hàng vải đã nhạt màu , các viền trướng đã rách xác xơ , màu kim tuyến đã đen , mấy mặt kiếng đã vỡ nát hoặc đã rơi mất cả.

Toàn thể học trò lớp Nhất cũng chung tiền nhau lại mỗi trò góp 5 xu , để thuê thợ ảnh đến chụp với Thầy một bức ảnh lớn , ngoài sân trường để làm kỷ niệm . Thầy ngồi ghế giữa , hàng đầu , mặc áo xuyến đen , đầu chít khăn đen , chân mang giày bột tin , trông thầy thật đạo mạo . Trò Tuấn cặp vào nách một chiếc mũ trắng , tay cầm mấy quyển sách , mặc áo dài đen , mang guốc , đứng tít ngoài bìa , vì tuy nghịch ngợm nhất lớp , nhưng lại phải cái tính nhút nhát , vào chỗ đông người thì ưa đứng ngoài xa.

Cuộc chụp hình này đánh dấu buổi học cuối cùng niên khóa , thầy trò đều vui vẻ.

Sáng hôm sau, bắt đầu nghỉ hè , Tuấn được cha mẹ cho phép tắm sông với

một lũ bạn gần mười đứa đến nhà Tuấn rủ đi . Đứa nào cũng ôm theo một gói quần áo bẩn để ra song giặt , và một cục xà bông Marseilles là loại xà bông duy nhất được thông dụng lúc bấy giờ khắp từ tỉnh đến quê.

Mẹ Tuấn căn dặn :

- Con tắm trong cạn , đừng ra ngoài chỗ sông sâu , nghe con ? Con coi chừng kéo ma-da níu căng chết đấy !

Cũng như hầu hết con nít lúc bấy giờ -- cả người lớn nữa -- nghe nói đến” ma-da “ là Tuấn sợ hết hồn . Lúc tắm sông , Tuấn vẫn nhớ lời mẹ dặn , chỉ lội quanh quần trong cạn , chỗ nước trong , nhìn thấy rõ lớp cát và sỏi dưới đáy sông . Tuấn theo bắt một bầy cá lia thia con , đưa hai tai hứng bầy cá đang bơi tung tăng trong nước , nhưng hễ sắp bắt được cá thì cá lại thoát ra ngoài , rất nhanh . Tuấn đuổi theo ra xa xa một chút . Cứ như thế , Tuấn vô ý đi từ trong cạn ra đến chỗ sông sâu , mực nước lên đến gần cổ . Bỗng Tuấn dẫm dưới chân một vật gì nhờn nhớt , hoảng hốt la lên :

- Ma da níu tao ! Ma da níu tao ! Cứu tao với , tụi bây ơi !

Tuấn sụp xuống chỗ nước hơi sâu , bị giòng nước cuốn mạnh , Tuấn la khóc ần ỉ :” Ma da bắt tao ! “ . Trò Diễm , lớn tuổi và biết bơi , vội vàng bơi ra kịp , nắm tay Tuấn ì-ạch lôi vào . Diễm kéo Tuấn chạy lẽ lên bờ , cùng lúc tất cả mấy đứa học trò đang tắm đều hoảng hốt chạy toán loạn . Tuấn nín khóc , lượm ba bốn cục đá quăng mạng xuống sông , và la lên với vẻ mặt giận dữ :” Mẹ cha con ma da , tao ném cho mày bể đầu . Mày giỏi lên đây bắt tao ? “ Con ma-da biến đâu mất , không thấy nó thó đầu lên . Nhưng tụi học trò vẫn còn hơi sợ sợ , ôm áo quần còn ướt kéo nhau đi về hết.

Tuấn-em bị mẹ rầy một mẻ nên thân . Buổi trưa , đi làm ở Toà Sứ về, Phán Tuấn nghe Tuấn-em mét :” Anh Hai ơi , sáng nay em đi tắm sông , suýt bị con ma-da bắt . Nó níu chân em rồi , nhưng có trò Diễm bơi ra kéo em thoát chết.

Phán Tuấn cười bảo :” Không có ma-da đâu em” .Phán Tuấn giảng cho em nghe . Dù sao, mẹ Tuấn cũng vội vàng đi thắp hương đèn trên bàn thờ ông bà và cúng vái tạ ơn ông bà đã cứu cho thằng Tuấn vừa thi đỗ “ Ri-me “ , khỏi bị chết đuối.

Chiều tối , Tuấn đến nhà Tuyết , thấy Tuyết nằm võng , mặc áo cụt , gác tay trên mặt, khóc thút-thít. Tuấn đến gần võng . Tuyết nghe tiếng guốc bước nhẹ nhẹ , lấy tay ra , trông thấy Tuấn . Tuấn bảo :

- Sao chị khóc hoài vậy , chị Tuyết ? Sang năm chắc chắn chị đậu mà . Chị cứ vui đi !

Tuyết lau nước mắt , ngồi dậy , đứng dựa vào cột nhà :

- Anh thi đỗ , sung sướng , tôi đâu có đỗ mà tôi vui ?

- Tôi thấy chị rớt , tôi cũng buồn chứ tôi vui gì ? Tôi đến để chào chị , sáng mai tôi về thăm bà ngoại tôi và ở nghỉ Hè trong làng bà ngoại.

Tuyết không nói gì , nhưng òa ra khóc . Nghĩ cũng kỳ ! Tuấn-em 16 tuổi và Tuyết 17 tuổi chỉ là đôi bạn cùng lớp . Trong lớp , Tuấn ngồi bàn thứ nhì , ngay sau lưng Tuyết , và thỉnh thoảng Tuyết xoay lại mượn Tuấn một cục tẩy , hoặc cây bút chì màu , hoặc hỏi bài toán , hay một vài chữ Tây khó hiểu . Thế thôi .

Có lần trong giờ chơi , Tuấn lại ra sân bắt một con cóc , rồi thừa lúc bốn chị đi uống nước , Tuấn lén vào lớp bỏ con cóc trong cạc-táp của Tuyết , làm trò tinh nghịch để cười chơi . Ấy thế mà không hiểu sao từ hôm Tuyết thi hỏng , ngồi khóc trong lớp , Tuấn tự nhiên thương xót , cứ theo an ủi Tuyết mãi . Còn Tuyết có mến Tuấn hay không , Tuấn đâu có biết ? Nhưng thấy Tuấn đến thăm và từ giã Tuyết để hôm sau đi về quê ngoại . Tuyết lại tí-tê, nỉ-non , buồn rười-rượi . Tình bạn giữa đôi trai gái học sinh cũng có khi thật cảm động ! Tuyết nhìn Tuấn với đôi mắt hiền lành :

- Sao anh không ở tỉnh cho vui ?

- Mẹ tôi bảo về nghỉ hè ở nhà bà ngoại cho khỏe-khoăn , để rồi tháng 8 về đây sửa soạn đi Qui-nhơn thi vô Collège.

- Anh ở tỉnh , mỗi buổi sáng anh tới đọc dictée cho tôi viết ...

- Mẹ tôi không cho ... Hay là để tôi xin anh Hai tôi ...Tôi cũng muốn ở tỉnh chứ không muốn về bà ngoại tôi . Tôi nghe mẹ tôi nói ở gần nhà bà ngoại tôi, có nhà ông Hương Cảnh có con gái học lớp Ba trường Huyện , ông Hương muốn gả cô đó cho tôi , nhưng tôi mắc cỡ , tôi đâu có chịu.

Tuyết cúi mặt xuống , hỏi khẻ :

- Sao anh không chịu ?

- Tôi muốn ở tỉnh , mỗi buổi sáng đến đọc dictée cho chị viết.

Tuyết bỗng dừng vui cười , chạy vào nhà lấy một trái mãng cầu chín đem ra cho Tuấn . Vừa lúc mẹ Tuyết trong nhà đi ra . Tuyết giới thiệu :

- Thưa mẹ , anh Tuấn , học trò lớp con, ảnh mới thi đỗ Primaire đấy.

Mẹ Tuyết cười :

- Mày học giỏi quá vậy ? Con Tuyết , nó thi rớt mấy bữa rày , nó khóc hoài , nó không ăn uống gì hết trọn.

Tuyết khẽ đánh yêu cánh tay mẹ :

- Mẹ cứ nói !

Bà hỏi Tuấn :

- Mày năm nay mấy tuổi ?

- Dạ thưa bác , con 14 tuổi.

- Chu-cha giỏi quá , 14 tuổi mà đỗ “ri-me” rồi hả !

- Dạ thưa bác , con nhớ lộn , chớ tuổi thiệt của con là 15.

Mẹ Tuyết và Tuyết cười rùm lên . Mẹ Tuyết hỏi :

- Chớ tuổi thiệt của mày là bao nhiêu mà mày nhớ lộn ?

- Dạ tuổi con 16 , mà hồi xin vô học , anh Hai con biểu làm giấy khai sinh rút xuống hai tuổi? , thành ra trong giấy khai sinh con mới 14.

- Mày con ai ?

- Dạ ...bẩm bác , cha con làm thợ mộc . Anh Hai của con đi làm việc nhà nước.

- Anh mày làm gì ?

- Dạ , bẩm bác , anh Hai con là thầy Phán Tuấn làm trong Tòa Sứ.

- Ủa , vậy he ? Mày là em thầy Phán Tuấn he ?

- Dạ.

- Hèn chi mày học giỏi . Ở nhà có thầy Phán dạy thêm cho mày . Chớ con Tuyết , ông làm quan Kinh lịch không biết chữ Tây , tao cũng không biết chữ , có ai dạy thêm cho con Tuyết đâu , hèn chi nó thi rớt.

Tuyết quay sang thưa mẹ :

- Con nhờ anh Tuấn mấy tháng nghỉ hè , mỗi buổi đến đọc dictée cho con viết để con tập cho quen , sang năm con thi chắc đỗ.

Mẹ của Tuyết gật đầu , bảo Tuấn :

- Ừ ...Mây tới đọc đít-tê cho nó viết rồi tao may cho mày cái áo cụt để thưởng công cho mày . Mày chịu không ?

Tuyết vội ngắt lời :

- Ảnh tới đọc dictée dùm cho con , chớ đâu phải ảnh đi làm thuê mà mẹ may áo để trả công cho ảnh ?

Nhưng Tuấn cũng vui vẻ đáp :

- Dạ , thưa bác , để con về xin phép cha mẹ của con và anh Hai con...

Kỳ nghỉ hè ấy , Tuấn được gia đình cho ở lại tỉnh , và mỗi sáng , đến giờ ông Kinh-lịch đi làm việc trong dinh cụ Tuần , bà Kinh-lịch đi chợ , hoặc đi đánh bài tứ-sắc , thì Tuấn đội mũ trắng , mang đôi guốc cùn , đến nhà cô Ánh-Tuyết đọc dictée ...

Đôi bạn trẻ học chung với nhau , viết dictée , làm toán , vẽ bản đồ Địa dư v.v... và trao đổi cùng nhau những chuyện ngây thơ êm đẹp . Mãi đến 11 giờ Tuấn mới về nhà.

2 tháng rưỡi sau , trước hôm Tuấn lên xe đi Qui-nhơn thi vào Trung học , Tuyết trao tặng Tuấn 10 chiếc khăn “mu-soa” do tự tay Tuyết thêu mỗi góc một chữ T và Tuyết khóc sụt sướt tiễn Tuấn lên đường...

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 25

1920 – 1924

-Tình hình chính trị tổng quát ở toàn xứ , sau những vụ Phan-xích-Long ở Saigon (1916), vụ Duy-Tân ở Huế (1916) , vụ Đội Cấn ở Thái Nguyên (1917) và Phạm Hồng Thái ở Sa Diện (1923)

-Những ngày tàn của Nho học.

-Một lớp học chữ Hán sáng thứ Năm.

-Các cụ nhà Nho còn tôn kính " Hoàng - Thượng ".

-Một lễ "Bái mạng" trước Hành Cung , có sự chứng kiến của các ông Tây bà Đầm.

-"Văn minh khắp cả hoàn cầu , ông sư cũng cúp cái đầu 3 xu ".

-Sinh viên Cao Đăng Hà Nội đã bắt đầu mặc đồ Tây trước tiên.

- Đá kiện , trò chơi phổ thông nhất của học sinh

Từ 1920 đến 1924, tình hình chính trị tổng quát ở toàn cõi An-nam có thể gọi là yên ổn . Từ thành thị đến thôn quê , uy quyền của nước Pháp đã được triệt để tôn trọng , địa vị của chính phủ thuộc địa đã vững chắc , không có gì làm lay chuyển được.

Tất cả các cuộc vận động cách mạng trong nước hoặc âm mưu khởi nghĩa , đều đã bị thất bại . Ở Saigon , vụ Phan xích Long đánh phá Khám lớn năm 1916, ở Bắc Kỳ , vụ Đội Cấn và đảng Việt Nam Quang Phục đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên năm 1917 , cho đến cả ở Quảng Châu , bên Tàu , vụ Phạm Hồng Thái ném bom ở tô giới Sa Diện toan giết viên Toàn quyền Merlin năm 1923 – không một cuộc hoạt động nào trên kia thành công , và tất cả những nhà ái quốc khởi xướng đều bị đàn áp , bị bắt , bị giết , hoặc bị đày đi xa . Trong toàn xứ An-nam , hình như không còn ai dám rục rịch nổi dậy đánh Tây , hoặc hô hào cách mạng nữa.

Nước Pháp lại vừa thắng nước Đức trong cuộc Thế giới Đại chiến 1914-1918 , và cứ hàng năm , đến ngày 11 tháng 11 dương lịch là chính phủ

thuộc địa ở Đông Dương tổ chức ngày lễ Chiến Thắng (họ gọi là “ Fête de la Victorie”) rất long trọng , uy nghi , hùng hổ , vừa để mừng một ngày kỷ niệm vẻ vang nhất của họ , vừa để nhắc nhở cho dân An-nam rằng nước Pháp rất hùng cường , vĩ đại , "văn minh bậc nhất trên toàn cầu " . Người dân An-nam lúc bấy giờ cũng nhìn nhận rằng nước Pháp thật là văn minh , hùng cường hơn nước ta trên rất nhiều phương diện.

Phái nhà Nho "từ Tú-tài lên đến Tiến sĩ , Phó Bảng " mà có tinh thần chống Pháp , đã tham gia trực tiếp các phong trào cách mạng từ 1916 , thì đã bị giết chết hoặc đi Hải ngoại , phần đông sang Nhật , sang Tàu . Một số bị đày ra Côn Lôn , nhưng lúc mãn hạn tù trở về làng xã , hầu hết là trước 1924, đều lo an-thường thủ phận , không hoạt động gì nữa cả . Một số đông các cụ mở trường tư ngay tại nhà dạy chữ Nho và chữ Quốc-ngữ cho một ít học trò nhỏ để vui qua ngày tháng , hoặc làm nghề Đông-Y , xem mạch , bốc thuốc , hoặc chuyên về khoa bói , quẻ Dịch , quẻ Lục-nhâm , tử-vi , tướng-số , v.v...theo các sách Tàu.

Còn phái nhà Nho thụ động , không có tham gia một cuộc hoạt động chính trị nào cả , thì hoàn toàn ngưỡng mộ người Pháp và triệt để ủng hộ chính sách thuộc địa , triệt để trung thành với Hoàng Đế An-nam . Những ông Tú-tài có đôi chút thế lực , đem tiền lo lót -- không có tiền thì bán đất bán ruộng -- để được làm một chức quan nho nhỏ như Đề-lại , Thư-lại . Mấy ông Cử nhân thì được bổ đi Tri Phủ , Tri Huyện , Tri Châu . Một số Tú-tài , Cử Nhân khác ở nhà làm ruộng , tham gia vào việc làng xã , hoặc sống một cuộc đời nhàn hạ , uống rượu , ngâm thơ , làm đối, làm liễn dùm cho các người ít học , và được dân làng trọng vọng như một bậc danh nhân ở địa phương.

Tuy từ năm 1919 không còn Thi Hương, Thi Hội nữa , và Nho-học đã chính thức bãi bỏ ở toàn xứ An Nam , bị chữ Pháp và chữ Quốc-ngữ hoàn toàn thay thế , nhưng chính phủ Nam triều vẫn còn dùng chữ Hán một cách mặc nhiên , người Pháp không ngăn cản . Chữ Nho bị bỏ , chứ không bị cấm . Cho nên, bên Hành Chính Thuộc Địa , các quan Tây thì dùng chữ Pháp ; còn bên Hành Chính Nam Triều các quan An-nam vẫn dung toàn chữ Nho . Các giấy tờ , công văn , từ Bộ về Tỉnh , từ Tỉnh về Phủ , Huyện ,

từ Phủ , Huyện về làng , đến năm 1924 vẫn còn áp dụng chữ Nho . Ngay ở các trường Tiểu học Pháp Việt, mỗi tuần vẫn còn 2 giờ học chữ Nho buổi sáng thứ Năm.

Theo chương trình tiểu học , lớp Nhất cũng như lớp Nhì A, Nhì B, và lớp Ba , đều phải học hai giờ chữ Hán sáng thứ Năm . Thầy dạy chữ Hán cho lớp Nhất của Tuấn học là một ông Tú-Tài , tên là ông Tú Cẩn . Một hôm đang học , bỗng có thanh tra người Pháp , tên là Délétie, ở Huế đi thanh tra các trường đột ngột bước vào lớp học , không báo tin trước cho thầy giáo và học trò biết trước . Ông Tú , khăn đen áo dài đen như thường lệ , đang đứng nơi bảng đen giảng nghĩa bài học về con Hoàng-ngưu (con bò) . Ông dạy theo nghĩa từng tiếng một theo lối nhà Nho :

- "Kỳ nhục sở thực , Kỳ nhũ sử ẩm", nghĩa là "Sữa thịt khá ăn, sữa sữa khá uống".

Ông Délétie mà ai cũng biết là giỏi chữ Nho, trở mắt hỏi học trò :

- Các anh có hiểu lời giảng của ông Thầy không ?

Dĩ nhiên , học trò chẳng ai hiểu cả . Ông Tây hỏi ông Tú :

- “ Sữa thịt khá ăn , sữa sữa khá uống “ là nghĩa làm sao ?

- Dạ bẩm quan lớn , kỳ là sữa , nhục là thịt , khả là khá , thực là ăn ... kỳ là sữa , nhũ là sữa ... ông Tây cười xòa , rồi bỏ lớp đi ra.

Tuy nhiên , các ông Tú , ông Cử cuối cùng của mùa Hán-học đã suy tàn , còn có thể hãnh diện là đã có lần được lĩnh áo mão của Vua ban hồi các ông mới thi đậu , mặc dầu những ngày vinh quang ấy đã khá xa rồi.

Họ còn tôn kính Vua , thờ Vua , và luôn luôn , dù ở trong hương thôn , mỗi khi có dịp gì nói đến Vua , họ đều cung kính suy tôn Hoàng Thượng, hay là “Đức Hoàng Thượng”.

Năm 1924, những ngày mừng vua Khải- Định được 40 tuổi (lễ Tứ-tuần) . Tuấn-em có chứng kiến một buổi lễ phi thường , tại "Hành Cung" ở tỉnh . Lễ này được tổ chức khắp tất cả các tỉnh Trung-kỳ và Bắc-kỳ , trừ ra Nam-kỳ là "nhượng địa" của Pháp , không có . Tỉnh nào cũng có một Hành-Cung , là một gian nhà kiến trúc như một Cung điện nhà Vua , phía trước có sân Rộng lát gạch , và một cổng lớn có chạm rồng gọi là "Ngọ Môn".

Theo nguyên tắc , Hành Cung là tượng trưng Cung Điện của Hoàng Đế ,

khi nào vua đi kinh lý đến tỉnh , sẽ "ngự" nơi đây . Nhưng ít khi Vua đến . Vua ngự trị ở Huế , không bao giờ "Ngự du" đi đâu xa.

Cho nên Hành cung vẫn bỏ trống luôn luôn giữa ba bức thành bao bọc , cỏ mọc đầy sân , không có ai gìn giữ quét dọn , tuy là ở đối diện ngay trước dinh quan Tuần-vũ , hay quan Tổng Đốc , hai bên con đường chính nối dài từ Cửa Đông đến Cửa Tây . Chủ nhật , thứ Năm , bọn học trò tinh nghịch như Tuấn-em , thường rủ nhau đến đây chơi . Bởi không có lính canh gác , nên tui. con nít này tha hồ "ngự trị" trong Hành cung đào lỗ đánh bi , đánh đáo , và lấy gạch , lấy phấn viết , vẽ bậy bạ khắp các vách tường.

Thỉnh thoảng có trò đau bụng , ngồi làm bậy ngay một nơi góc tường của Hành cung , mấy trò khác bịt mũi cười la rất là náo động . Các chú lính lệ bên dinh quan Tuần bận uống rượu và đánh bài tứ sắc , và quan Tuần chằm chệ hút thuốc lòn trong văn phòng có một chú lính đứng quạt hầu , không một ai hay biết lũ ôn con làm gì bên Hành cung.

Thế rồi , một buổi sáng Chủ nhật , Tuấn với mấy đứa bạn rủ nhau đến Hành cung để đánh bi , bỗng thấy cờ xí treo chung quanh , và lính Khố Vàng (của quan An-nam) , lính Khố Xanh (của quan Tây) mặc lễ phục toàn màu trắng sấp hàng đứng chật ních hai bên sân rộng . Chiếu hoa trải kín hết sân , và Cung điện quét dọn sạch sẽ , kết hoa lá , treo cờ Pháp , cờ An-Nam , giữa cung có đặt một "ngai vàng" . Đó là một cái ghế fauteuil bằng mây , sơn màu vàng – kê trên một bục gỗ sơn màu đỏ.

Dân chúng không được vào trong , đứng đông nghẹt phía ngoài thành (thành chỉ cao độ 1 thước) chen lấn nhau để xem chốc nữa các quan lạy Hành cung , mừng lễ Tứ-tuần của Hoàng đế Khải- Định . Người ta đã cấm con nít không được vào trong , nhưng Tuấn cũng len lỏi thế nào để vào cho được , nhờ nó bé nhỏ và nó đứng nấp sau lưng một người lính khố xanh , cậu của nó.

Các quan An Nam đã lần lượt kéo đến rất đông và đã sấp hạng trên sân , tùy theo phẩm trật . Các quan nhỏ từ Thất phẩm , Lục phẩm , các thầy đờ lại , các ông tú-tài , cử nhân đều mặc áo rộng xanh , đứng phía sau cùng , gần cửa Ngọ môn . Các quan Huyện , quan Phủ , đứng mấy hàng trước . Phía trước hết , các quan Án sát , Lãnh binh , cả các quan đã về hưu râu tóc

bạc phơ , và riêng hang đầu là quan Tuần-vũ hay quan Tổng đốc . Mấy ông quan từ Ngũ phẩm trở lên đều mặc triều phục , mang hia , đội mũ cánh chuồn.

Đúng 9 giờ , các "quan Bảo Hộ" từ bên tòa Sứ đi xe hơi đến trước cổng Ngọ môn , được quan Tuần vũ đón chào và mời vào Hành cung . Tuấn nhận thấy có ông Sứ , ông Phó Sứ , ông Tây Kho bạc (ông này bị một chân thọt , thay bằng chân gỗ , học trò đặt cho ông biệt hiệu là “ông Tây Point-Virgule” , vì mỗi khi ông đi , chân thật bước một bước thì chân gỗ hất tới , y như thể một dấu chấm và một dấu phết). Ngoài ra , còn có ông Giám binh đồn lính Khố xanh , ông Tây Lục-lộ, ông Tây Giây thép , ông Tây Thương chánh, ông Kiểm lâm , ông Đốc-tờ , ông Cò , với mấy bà Đầm . Tất cả đều được quan Tuần vũ , chủ tỉnh An Nam , mời vào Hành cung . Họ đứng một dãy cách "ngai vàng" độ ba, bốn bước.

Chuông trống nổi lên , có một ông quan làm xướng ngôn viên , hô lên từng tiếng , nhịp với tiếng kèn trống theo trong nghi lễ . Các quan An-nam sụp xuống lạy . Nói là lạy Vua để mừng "Thánh Thọ" 40 tuổi , nhưng kỳ thực là lạy mấy ông Tây bà Đầm đứng trong Hành cung nhìn ra , chứ cái ngai vàng để trống có Hoàng Thượng nào “Ngự Tọa" đấy đâu . Các quan An Nam cúi lạy liên tục bốn lạy , đồng một loạt với nhau , trong lúc lính Khố xanh , Khố vàng bồng sung chào . Các “Quan Bảo hộ " và các bà Đầm đứng gần bên chiếc ngai vàng nhìn ra với cặp mắt tò mò , ngạc nhiên . Tuy họ vẫn giữ lễ độ đứng đảnh nhưng không phải là họ không lộ ra đôi chút kiêu hãnh , khinh khi.

Tuấn-em nhìn thấy trong đám các ông Cử , ông Tú sụp lạy ở đằng sau cùng , có cả ông Tú Cẩn , là thầy dạy chữ Nho của Tuấn mỗi buổi sáng thứ Năm . Ông mặc chiếc quần trắng dơ bẩn và chít áo rộng xanh bạc màu , rách một miếng to tướng nơi cùi chỏ.

Trước khi đi Qui-nhơn để thi lên các lớp Trung-học Pháp-Việt (Collège Complémentaire française-indigène). Tuấn-em muốn hưởng cho hết thời niên thiếu trong ba tháng nghỉ Hè trong năm 1924. Vì bằng Tiểu học “ Primaire” có thể được coi như gần dứt thời kỳ niên thiếu của chàng trai đất Việt , thời kỳ mà Tuấn-em đã sống đầy đủ , hăng hái , đôi mắt mở to, hai tai

vênh rộng , để nhìn thấy và nghe ngóng bao nhiêu những mới lạ , trong lúc giao thời của Đất Nước đang nô nức ùa theo phong trào mới của “Văn minh tiến bộ”.

Như các bạn đã biết , phong trào ấy đã bùng nổ từ 1910, thế hệ của Trần anh Tuấn – bây giờ là Phan Tuấn – cho đến 1924. Một thời đại mà ngày nay chúng ta có thể gọi là thời kỳ thiếu niên của một nước An Nam mới , đang dần dần cởi bỏ những lối cũ kỹ nghìn xưa.

Tuấn-em sung sướng và có thể có đôi chút hãnh diện là đã được may mắn sinh nhằm thế hệ này . Chàng khôn lớn cùng một lượt với xứ sở đang vươn lên song song với những tiến triển nhanh chóng của dân tộc mà nếp sống vật chất và tinh thần đã khác nhiều so với thời kỳ trước Thế giới Đại chiến thứ Nhất , mở đầu Thế kỷ.

Nhận xét thật đứng đắn , ta thấy rằng tất cả mọi biến đổi trong thời kỳ ấy đều xảy ra một cách tuần tự lặng lẽ , gần như tự nhiên , không có một áp lực nào thúc đẩy , và cũng không có một trở ngại nào . Không phải một cuộc cách mạng xã hội , mà chỉ là một định mệnh , một sự kiện dĩ nhiên của Lịch sử mà chính những nhân vật đương thời , dù muốn dù không , cũng mặc nhiên công nhận , sẵn sàng để bị lôi cuốn theo.

Có điều nên lưu ý , là nếu “Đông và Tây không gặp nhau được” như lời của nhà văn Anh-quốc , Rudyard Kipling – và điều đó cũng đúng một phần nào , -- thì ta ngạc nhiên thấy rằng sự tiếp xúc đột ngột giữa hai văn hóa Pháp và Việt . Hai văn hóa cổ truyền của Tây phương và Đông phương cách biệt hẳn nhau , và trái ngược hẳn nhau , vẫn không gây ra một cuộc chống chọi nào cả . Xin nhắc rằng đây tôi không nói về phương diện chính trị và tôn giáo , mà nói tổng quát về văn hóa mà thôi . Trái lại , đã có nhiều cuộc phối hợp ngẫu nhiên và thuận lợi. , nếu không thì cũng có sự dung túng và thông cảm với tinh thần hiểu biết rộng rãi , không nề hà câu chấp.

Nhiều biến đổi trái hẳn với nguyên tắc Khổng – giáo , như dân chúng xem thường ông Vua , trai gái học chung một trường , đàn ông đàn bà giao thiệp thân mật , đàn ông hớt tóc v.v...đã được mặc nhiên công nhận , không bị phản ứng nào mãnh liệt .

Hơn nữa , chính các ông Tú , ông Cử Nho học , cũng đã bắt chước cắt bỏ

búi tóc tượng trưng cho lòng Hiếu đến với Cha Mẹ , và đã đua nhau “cúp đầu carré” , phong trào đang lan tràn mau chóng nhất lúc bấy giờ .

Dân chúng ở hương thôn , thường là thủ cựu 100 phần 100, cũng đã rủ nhau ra huyện, ra tỉnh , để hớt tóc . Nghề hớt tóc đã thịnh hành , thợ hớt tóc đã mở tiệm khắp cả từ thành thị đến thôn quê .

Một câu ca dao xuất hiện thời bấy giờ , diễn tả rất vui vẻ và hóm hỉnh sự kiện thực tế ấy :

"Văn minh khắp cả hoàn cầu ,
Ông Sư cũng cúp cái đầu 3 xu ! "

Năm 1924, cúp cái đầu đã được coi là "bắt chước theo văn minh". Sự phối hợp giữa

“mới” và “ cũ ” được biểu hiện rõ rệt ngay trên tấm quảng cáo bằng ba thứ chữ treo trước các tiệm hớt tóc An nam từ năm 1924 như sau đây :

(COIFFEUR -- HÓT TÓC -- TIẾN PHÁT)

Tuy nhiên , đến năm 1921, đại đa số thanh niên An nam vẫn chưa mặc âu phục , và chưa chào nhau bằng cách bắt tay . Ngay ở Hà Nội và Huế (Saigon có khác hơn vì gần gũi với Tây lâu hơn) , chỉ có một thiểu số công chức , tư chức , làm việc trực tiếp với người Pháp -- nhưng cũng chỉ mới có một thiểu số thôi – là mặc âu phục gặp nhau bắt tay bonjour" và dờ mũ . Sinh viên trường Cao đẳng Đông Dương ở Hà nội cũng đã bắt đầu “mặc đồ Tây” theo các giáo sư Pháp.

Phụ nữ , dĩ nhiên chưa có một người nào uốn tóc , độn ngực , đeo xu-chiên (Soutien-gorge) , -- kể cả các Bà , các Cô “ tân thời ” nhất . Hầu hết nữ sinh đều đi chun không , các cô Trợ giáo mang guốc , đội nón .

Ở Nam Kỳ , đàn bà thành thị phần đông che dù , ngoài Bắc Kỳ che ô , ở Trung Kỳ đội nón gò găng , hoặc nón lá , thứ đẹp cho các bà các cô nhà giàu , thứ xấu cho phụ nữ bình dân.

Năm 1924, thiếu nữ miền Trung không ăn trầu nữa , nhưng một số đông còn nhuộm răng đen , và chưa dám mặc quần trắng (thời bấy giờ chỉ có con gái “ nhà thổ , gái điếm , mới mặc quần trắng) . Ở Nam Kỳ thì đã để răng trắng từ lâu , và mặc áo quần “bà ba” bằng hàng lụa ngoại quốc.

Về Thể thao, học trò lớn đã chơi ballon (Foot-ball, đá bóng) . Tennis là

môn chơi dành riêng cho hạng trí thức sang trọng và quý phái , phần nhiều chỉ chơi với Tây Đầm . Bóng rổ và bóng bàn chưa được thông dụng trong đám thanh niên và học sinh.

Bọn học trò nhỏ , 15, 16 tuổi như Tuấn-em , chưa ham chuộng các môn Thể thao và cũng rất ít khi đi chơi lang thang ngoài phố . Môn chơi thịnh hành nhất trong đám học trò Tiểu học là “Đá Kiện” . Có nhiều trò đá giỏi , đến 200 cái một lượt . Có khi bốn trò đứng bốn góc sân đá chuyên cho nhau một trái “kiện”, hàng nửa tiếng đồng hồ mà trái "kiện" vẫn chưa rơi xuống đất . Tuấn-em môn nào cũng khoái chơi , đá kiện , đánh bi , đánh đáo , xích đu , bắt cóc , bắt thằn lằn , bắt dế.

Mấy thầy Trợ giáo và thầy Thông làm việc các sở , ngoài những buổi sáng xách ô đi tối xách về , thường tiêu khiển bằng âm nhạc An Nam (các cây đàn cổ điển) hoặc trồng bông , đánh cờ tướng , đi bẫy chim . Ít có ai đi câu cá hoặc đánh Tennis.

Có những thầy dùng cả những sáng Chủ nhật để lau chùi chiếc xe máy , là món đồ được đa số công chức tâm tưu nhất.

Trừ Hà Nội , Huế , Saigon , còn toàn xứ An nam chưa có tỉnh nào có rạp chiếu bóng . Mỗi tỉnh chỉ có một rạp : ở Nam Kỳ là hát cải lương (còn sơ khai) , ở Trung Kỳ hát bội , ở Bắc hát chèo . Tất cả những tuồng hát đều có tính chất Khổng giáo , Phật giáo , nêu gương đạo đức , luân lý , và luôn luôn đến đoạn kết là kẻ hiền tài được thành đạt vẻ vang , được khán giả khâm phục , còn kẻ dữ , kẻ bất lương thì không tránh khỏi bị Trời phạt đích đáng và khán giả phê bình , nguyên rủa.

Nếu thỉnh thoảng một vài cô thiếu nữ đa cảm và nhẹ dạ mê kép hát đến nổi trốn nhà đi theo chàng , thì toàn là những anh kép đóng vai oai hùng , hiệp sĩ . Những vai độc ác , bất nhân , bọn nịnh thần , quân phản chúa , dù cho hát hay thế mấy , cũng không bao giờ được ai khen ngợi , không đời nào được các cô gái say mê.

Đây , tình hình tổng quát về tinh thần và vật chất của xã hội An Nam từ năm 1910 đến năm 1924 , dưới cặp mắt quan sát tò mò của Tuấn-em , một thiếu niên nước Việt.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 26

1924

-*Một cuộc viễn hành xe đò từ sáng sớm đến khuya trên đường cái quan dài 150 cây số.*

-*Ông Tú-tài nhà nho , đầu “ cúp carré “ đội mũ trắng làm thơ ca-ngợi chiếc xe hơi .*

-*Cuộc chiến tranh cân-não giữa chiếc xe đò và con cạp ngòi giữa đèo .*

-*Cách biệt giữa Tây và Ta trong xã hội .*

-*Giáo sư Pháp với học trò Việt .*

-*Hai tờ báo “ Việt-Nam Hồn “ và “ Le Paria “ lén lút đầu tiên đến tay học sinh 14 tuổi .*

-*Một bài thơ trong “ Việt Nam Hồn “ .*

-*Ảnh hưởng của tờ báo “ Việt Nam Hồn “ trong đầu óc học sinh .*

-*Lưu-cầu Huyết-Lệ Thơ, Việt Nam Vong Quốc Sử , Hải Ngoại Huyết-Thư (từ Nhật Bản đưa về , tới tay học sinh) .*

-*Học trò tổ chức đánh phá một tiệm Hoa-kiều bốc lột.*

Giấy xe “ cam nhông “ ghi bảy giờ sáng khởi hành đi Qui-nhơn . Thím Ba , mẹ của Tuấn , đã lo dậy từ hồi gà gáy đầu , để làm thịt hai con gà nấu cháo. Tuấn-em cũng giật mình tỉnh dậy , coi lại mấy bộ quần áo , toàn là mới may , và các dụng cụ học sinh , sắp xếp thứ tự trong chiếc “ va-li “ mây . Lần lượt Phán Tuấn và chú Ba cũng thức dậy , thắp đèn trong nhà sáng trưng , và dặn dò Tuấn-em cẩn kẽ từng mỗi chi tiết về mọi sự . Tuấn-em chăm chỉ ngồi nghe , ghi nhớ những lời chỉ bảo và hồi hộp lo sợ , vì là lần đầu tiên Tuấn sẽ lìa cha mẹ , lìa anh , từ biệt quê nhà , để một mình đi học tỉnh xa , bơ vơ còn nhỏ dại .

Thím Ba dọn mâm cháo gà lên cúng Ông Bà . Phán Tuấn thắp đèn , đốt nhang trên bàn thờ . Chú Ba , khăn đen áo dài , khăn vải cho Tuấn-em đi đường bình an vô sự , và được thi đậu vào lớp Đệ Nhất niên trường Qui-nhơn. Chú cúng xong , Tuấn-em cũng mặc áo dài , cúng kính lạy bốn lạy để

xin Ông Bà chứng giám , phù hộ cho đứa cháu út trong gia đình được mạnh khỏe và đi học được đỗ đạt thành tài . Trước khi dọn cháo xuống , chú Ba còn lấy giò gà xem quẻ có tốt không . Chú ngồi ghế tràng kỷ , long trọng đưa hai giò gà dưới ánh sáng đèn dầu hỏa , xem xét tỉ mỉ mỗi móng chân đã luộc chín quặp lại như thế nào , lớp da teo lại như thế nào , và những đường gân nhỏ trên cẳng , móng cẳng , được sắp xếp như thế nào . Chú Ba trở qua trở lại xem xét hai giò gà , và mỉm cười bảo :

- Quẻ tốt quá ! ông bà phù hộ cho con ra đi được gặp toàn điều đại cát (rất tốt , rất hay) . Con thi vào trường thế nào cũng đậu .

Xong ông trao cho Tuấn-em cả hai giò gà để ăn lấy hên . Tuấn-em cười chỉ lấy một cái . Nhưng thím Ba rầy con :

- Con phải ăn hết một cặp giò . Ăn một cái không nên .

- Sao thế , mẹ ?

Chú Ba bảo:

- Ăn một cái , sẽ bị “ quáng gà “ con à .

- Quáng gà là sao , cha ?

Chú Ba tùm tùm cười , bảo :

- Theo tục lệ của ông bà truyền lại từ xưa , hễ ăn giò gà phải ăn hết đủ cặp , ăn một cái thì buổi chiều tối , sẽ bị lòa mắt , không thấy rõ đường đi , cũng như gà vậy .

Tuấn-em sợ hãi , liền gắp hết hai cái giò gà .

Xong bữa cháo tiễn biệt , xem đồng hồ đã 6 giờ hơn , Phán Tuấn giục em ra đi . Nhưng Tuấn-em còn bịn-rịn đứng khóc thút-thít một lúc lâu , tay nắm chặt lấy tà áo của mẹ .

Thím Ba cũng khóc . Thím vừa khóc vừa nói , tiếng nói ảm ức lẫn với tiếng khóc :

- Thôi...con đi mạnh giỏi ...Nhờ trời phù hộ cho con...Vô tới trong ấy , con viết thư về , kéo mẹ trông mong ...nghe con ?

Phán Tuấn giục mãi , Tuấn-em mới chịu đi . Nó chấp hai tay trước ngực , cúi đầu chào mẹ chào cha :

- Thưa cha con đi ..., thưa mẹ con đi ..., thưa anh Hai em đi...

Nó vẫn còn khóc thút -thít , Phán Tuấn bảo :

- Anh Hai đi với em...Thôi nín đi . Ra đường khóc , người ta cười đấy .

Phán Tuấn xách va li cho em , tiễn em ra đến bến xe .

Chiếc xe “ cam nhông “đi Qui-nhơn lớn bằng chiếc xe thơ “ Staca “ nhưng hành khách đã ngồi chật ních cả .Muốn cho em có chỗ ngồi được thong thả một chút , Phán Tuấn đã mua vé hạng nhất là được chỗ ngồi ưu tiên trên ghế trước , cạnh “chauffeur “ (lúc bấy giờ chưa có danh từ “ tài xế “ , chỉ có tiếng “sộp phơ “ là thông dụng khắp nơi) . Không dè trên ghế trước trừ anh “ sộp phơ “đã có hai người khách ngồi đầy rồi , nhét Tuấn-em ngồi kẹt ở giữa . Phán Tuấn than phiền :

- Chà ! Chật quá , em tôi ngồi ép thế này , làm sao quấy cựa được ?

Sộp phơ cười đáp :

- Hễ xe chạy , lắc qua lắc lại một lát là rộng chỗ liền , thầy Phán đừng lo .

Trên cửa xe , có ghi mấy giòng chữ trắng 21 places (21 chỗ ngồi) , nhưng Phán Tuấn đếm trong xe đã 27 người , dồn ép vào nhau như trong hộp cá mòi . Trên mui xe cột đồ hành lý cao chát ngất , lại còn có ba người ngồi ngất ngheo , kẻ đội nón , người che dù . 8 giờ rồi , trời đã nắng , mà xe vẫn chưa chạy . Phán Tuấn hỏi :

- Sao trong giấy ghi 7 giờ khởi hành ?

Sộp phơ bảo :

- Thừa thầy , còn chờ hai người khách nữa , rồi chạy liền .

Mãi đến 8 giờ 30 , mới thấy hai người “ các chú “ (Hoa-kiều , cũng gọi là “ khách trú “) đi xe kéo tới , chở hai chiếc va li to tướng và hai giỏ hàng hóa . 3 người ngồi trên mui phải leo xuống đất để người ta chắt thêm bốn món hành ký kia rồi mới leo trở lên . Nhưng cả ba người đều nói cười vui vẻ . Coi bộ họ thích được ngồi trên mui hơn là ngồi trong xe . Một ông , có lẽ là ông Tú hay ông Cử gì đấy , đầu cúp “ carré “ , đội mũ trắng , tay cầm dù , miệng nhai trầu , đứng trên bàn đạp phía sau , ngâm bốn câu thơ mà ông vừa cao hứng đặt ra , cho tất cả bà con cô bác nghe chơi . Tuấn-em còn nhớ rõ bài thơ như sau đây :

Gặp hội long vân chuyển viễn hành

Ngồi cao ngất ngưỡng tận trời xanh

Văn minh rầm rộ thu đường đất

Tiến bộ còi vang khắp thị thành .

Ông cười ha hả , phệt một bãi nước trầu đỏ ngòm xuống đất , rồi còn giảng cho người ta nghe , sợ người ta không hiểu hết ý nghĩa hay ho của bài thơ tứ-tuyệt mà ông vừa “ xuất khẩu” đã thành :

- Gặp hội Long vân , vì chiếc xe cam nhông này tên là “ Long Vân “ là Rồng Mây , xe hơi của nhà nước Đại Pháp sáng chế ra có khác nào rồng bay trong mây , cho nên tôi muốn ngồi trên mui xe , cao ngất ngưỡng như ngồi trong mây xanh vậy đó ! Ha ! .Ha! ...Câu thứ ba Văn minh rầm rộ là chiếc xe văn minh kêu rầm rầm rộ rộ , thu đường đất xa hóa gần . Tiến bộ còi vang , là xe hơi tiến bộ bóp còi kêu vang khắp cả thành thị thôn quê . Có phải bài thơ này tuyệt không bà con ? Ha ! Ha !

Có mấy người thành thật khen hay , rồi ông Tú mới vúi hai tay vào thành xe leo lên mui . Miệng ông vẫn cười đắc chí . Ông nghiêng mình xuống đất nhổ một phệt nước trầu rồi giương cây dù lên che nắng , cười với tất cả những người đứng dưới ngược lên ngó ông .

9 giờ hơn 10 phút , chiếc “ xe văn minh “ nổ rầm rầm , xịt khói ra đen ngịt phía sau . Giờ phút long trọng . “ Tiếng còi tiến bộ “ reo vang lên “ oa ...oaoa...” như gào thét cho những kẻ tò mò đứng chật bên đường phải vội vàng chạy tránh ra hai bên lề . Xe chuyển bánh rồi vọt chạy âm âm .

Ông Tú “ gặp hội Long vân “ ngồi trên mui cao , bị lắc qua lắc lại , vẫn còn nghiêng mình xuống đường cái , cười nói thật to để từ giã đám đông :

- Bà con ở lại mạnh giỏi nghe !

Xe đã vọt chạy xa , người ta còn trông thấy tay ông ngoắc ngoắc ...

Xe đã biến trong một vùng khói bụi mù cuộn lên như một trận cuồng phong .

Vào gần đến Bồng Sơn thì xe hỏng máy . Phải ngưng để xếp phơ sửa chữa ba tiếng đồng hồ mới chạy được . Sông Bồng Sơn rộng lớn , chưa có cầu , phải qua “ phà “ . Tất cả hành khách đều xuống , đi một chuyến phà sang trước chờ đợi bên kia sông . Chiếc xe cam nhông được chở trong một chiếc phà riêng , đi sau . Nhưng qua bên kia , xe bò chậm chậm lên bờ , chạy được gần 100 thước rồi lại chết máy .

Sắp phơ chui xuống dưới gầm xe , nằm ngửa mặt lên tay cầm các thứ dụng

cụ để sửa máy , trong lúc trên 30 hành khách nhẩn nại ngồi chờ hai bên đường , ÔNG Tú (hay ông Cử gì đấy) vừa học lỏm được của sếp phơ vài ba danh từ và vài tiếng Pháp mới lạ , liền cao hứng làm một bài thơ nữa để ngâm lên cho bà con nghe chơi. Tuấn em nhớ hết bài thơ như sau đây :

Máy móc văn minh thật khó bì

Hư đâu sửa đó chẳng hề chi

Tắt bình chứa điện , xe ngừng chạy

Nghẹt ống bơm xăng khói hết xì

Kỹ nghệ khéo bày môn tuyệt xảo

Ô tô nào phải vật vô tri

Ni-hoen(manivelle) quay tính kêu như sấm ,

Bốn bánh bon bon vụt tốc kỳ .

Ông Tú nhà nho hãnh diện vuốt râu , nhai trầu , đội mũ trắng ngồi trên lề đường , ngâm nga và giảng 8 câu thơ tuyệt bút của ông . Hành khách và thiên hạ chung quanh xúm lại nghe , đều gật đầu , tấm tắc khen ngợi ... Tuấn-em nghe cũng mê ...

Lúc bấy giờ , không biết là mấy giờ , nhưng đã khuya lắm , chiếc xe ì ạch , nặng nề , leo lên một cái đèo cao , quanhco trên một sườn núi . Hai ngọn đèn pha chiếu hai vệt ánh sáng vàng khè trên mặt đường . Bỗng mấy người ngồi băng ghế đầu , trông thấy hai con mắt sáng ngời đăm đăm nhìn chiếc xe . Người sếp phơ run cầm cập , quay lại nói với hành khách :

- Có “ông “ ngồi ở đằng trước kia kìa ! Bà con cô bác coi chừng . Đừng thò đầu , thò tay , ra ngoài nghe !

Đồng thời mấy người ngồi trên mui cũng la lên thật to :

- Cọp ! Cọp ! Ê bà con coi chừng ! Có con cọp to lắm đang ngồi nhóc mỏ bên lề đường kìa .

Tất cả đều nhôn nhao , sợ hãi . Tuấn-em nghĩ thầm :” Mình ngồi kẹt ở giữa , không sợ . Nếu cọp có chụp thì chụp cái ông Ba Tàu ngồi ngoài , sát cửa xe .

Chỉ có một con cọp ngồi ngoài đường mà 30 người ngồi trong xe đều hết hồn hết vía .

Tuấn-em tuy ngồi kẹt trong một vị trí tương đối yên ổn hơn , nhưng vẫn hồi

hộp run sợ , vì biết đâu ! ... Lần này là lần đi xe hơi đầu tiên , lại đi xa , và ban đêm gặp cốp trên đèo , thì làm sao biết trước được sẽ xảy ra chuyện gì ?

Anh sếp phơ chắc đã chạy quen trên đường quan lộ , sao anh cũng sợ quỳnh lên thế ! Xem chừng ảnh mất cả bình tĩnh rồi và hai tay anh run run nắm cái tay lái coi bộ không vững . Anh lâm râm khẩn vái :” Lạy ông , ông đi chỗ khác để cho xe tôi chạy , ông ơi “ .

Con cốp cứ ngồi miết một chỗ . Hai con mắt sáng quắc và đỏ lòm , cứ nhìn chòng chọc lên chiếc xe đang rờ máy ầm ầm . Mấy ông ngồi phía sau thúc dục anh sếp phơ :

- Cứ chạy chứ sợ gì , chú ? Bóp kèn cho vang lên , rồi “ phóng nước đại “ , ông không dám làm gì đâu .

Anh sếp phơ nói :

- Bữa trước , đã có một chuyến xe lên đèo ban đêm cũng gặp ông rồi , ông rượt theo xe, vồ một thằng “ét” ngồi phía sau .

Mấy người ngồi sau , nghe nói hoảng hốt , ngồi ép dòn vào trong hết . Mọi người la lên :

- Sao xe không có cửa sau đóng lại vậy nè ?

- Có cửa , mà bị cốp vồ chuyến trước , thành nó sút ra đành phải bỏ lại Qui-nhơn để sửa , chuyến này vô mới lắp lại được .

Trong xe bàn tán xôn xao , nhưng không ai dám lớn tiếng , vì ai nấy đều lo sợ cốp nhảy tới . Chiếc xe vẫn cứ rờ máy và rung động , hình như chính nó cũng sợ run lên . Có người bảo sếp phơ :

- Chú cứ đạp mạnh ga cho xe vọt mau lên , không được sao ?

- Được làm sao được ? Đèo thì cao , xe vừa sửa máy phải chạy chậm , chứ chạy mau lỡ hư máy nữa thì chết . Nếu xuống dốc thì còn nói gì .

- Thế thì làm thế nào ? Không lẽ đứng mãi đây à ?

Sau cùng sếp phơ bảo :

- Tôi cho xe chạy nghe ! Bà con la hét rùm lên thật to nghe ! Lạy trời , ông sợ không dám rượt theo thì mình thoát nạn .

- Ủ , cứ chạy đi . Tụi tui la làng xóm lên , không sao đâu .

Anh sếp phơ sang số xe , cho xe từ từ tiến tới , rồi cố vọt lên đèo . Toàn thể

hành khách la hét um sùm , lẫn lộn đủ các tiếng :” Ồi làng xóm ơi ! Hù , hù , hù , hù , hù . Cọp , cọp , cọp . Ồi làng xóm ơi , Cọp ! Cọp ! “

Xe gần đến cọp , cọp cứ ngồi yên không nhúc nhích , nhưng cặp mắt cọp sáng ngời cứ đăm đăm nhìn theo xe ...Xe càng đến gần cọp , tiếng kêu la hò hét càng to lên , càng ồn ào náo nhiệt . Bỗng cọp “ gầm “ lên một tiếng vang dậy cả núi rừng khiến cho tất cả mọi người đều khiếp đảm , im lặng hết . Chỉ còn tiếng xe kêu rầm rầm , khói xịt ra mù mịt đen ngòm và tiếng còi xe kêu điếc óc điếc tai .

Xe chạy ngay đến chỗ cọp , cọp nhồm dậy toan vồ xe , bỗng từ trên mui xe hai cái thùng rớt mạnh xuống kêu “ Phèng ! phèng ! choảng choảng “ ngay trước mũi cọp rồi lăn ra đường cái . Cọp hoảng hốt chạy vọt vào rừng , hành khách chưa kịp hiểu tiếng gì cũng hoảng hốt ôm chầm lấy nhau , dồn ép nhau thành một đống . Xe cứ bò từ từ lên đèo , rầm rầm rộ rộ , còi xe cứ bóp oa , oa , oa ! Vài ba bà hành khách chưa hoàn hồn còn há to mồm la hét :

- Ồi làng xóm ơi . Ồi làng xóm ơi !

- Cọp , Cọp , cọp !

Lên đèo khoảng 100 thước , xe bắt đầu xuống dốc , chạy êm ru không còn tiếng ồn ào xáo động nữa .

Chạy một khoảng xa , đến đồng bằng , vừa thấy vài chục nóc nhà và các lều tranh ở hai bên lề đường , đèn đuốc , sáng trưng , người ta đông đúc , vui vẻ . Một trại của “ cu-li lục-lộ “ ở chung với xóm làng dân địa phương . Xe ngừng lại , để nghỉ . Đến đây , toàn thể hành khách xuống xe , mới bu lại ba ông trên mui cũng vừa leo xuống , kể lại câu chuyện thùng thiết . Đây là hai thùng thiết đựng đường cát của ông Tú đem vào Qui-nhơn để bán . Trong lúc xe ngừng trên đèo và hành khách bàn tán những biện pháp lo đối phó với cọp , ông Tú lặng lẽ cùng hai bạn đồng hành đi hết đường ra một tấm vải bố lớn của chủ xe ddùng để che đậy hang hóa . Ông nhất định hy sinh hai thùng thiết ấy để đánh một đòn “ chiến tranh cân não “ lên đầu cổ “ông cọp “ và ông tin chắc chắn sẽ thắng lợi .

Ông Tú nghĩ đúng . Cọp sợ hoảng vọt chạy vào rừng , chính vì bị cái võ hai thùng thiết bất ngờ ấy rơi ngay trước mũi ông với một tiếng phèng la kinh

khủng , chứ đâu phải vì những tiếng kêu :” ối làng xóm ơi ! Hù . Hù ! “
“Cọp ! Cọp “ , và tiếng còi oa , oa ... của chiếc xe ho lao không đủ sức bò
lênm đèo !

Câu chuyện gặp cọp trên đèo thành ra một đề tài vô cùng hào hứng cho các
anh “ cu li lục lộ “ và đàn ông đàn bà trong xóm hai bên đường cùng xúm
lại bàn tán , vui cười rất là náo nhiệt .

Tuấn chen vào các đám đông góp câu chuyện bi-hài kích thích thú vị ấy .
Nhưng một lúc , Tuấn không thấy ông Tú đâu . Đi ngang qua các căn nhà
mở cửa , Tuấn muốn tìm ông Tú . Ông đang ngồi trong một căn nhà chong
đèn dầu hỏa . Chung quanh ông có sáu , bảy người , nét mặt vui cười nghe
ông ngâm thơ . Tuấn bước vào . Ông Tú vẫn đội mũ chiếc mũ trắng trên
đầu (tóc cúp carré) , tay vẫn cầm cây dù đen , miệng vẫn nhai trầu mỏm-
mẻm, nói rất có duyên . Ông đang ngâm và giảng bài thơ ông vừa làm ra
như sau đây , cho bà con cô bác nghe chơi :

ĐI XE GẶP CỌP

Một chiếc xe xanh , một cọp vàng
Nhìn nhau bốn mắt sáng choang choang
Cọp gầm vang động , ôi hồn vía !
Xe hoảng kêu lên , ối xóm làng !
Máy bết , người run , vô diệu kế
Đèo cao , đêm vắng , thậm nguy-nan !
Kìa đôi thùng thiếc ai quăng đấy !
Cọp nháy co giò , tưởng sét vang .

Tuấn ngồi nghe , và thuộc lòng mấy bài thơ của ông Tú làm dọc đường , để
kỷ niệm cuộc viễn hành đầu tiên của Tuấn giữa buổi giao thời của Lịch sử ,
nửa tân nửa cựu .

Đường cái quan người Pháp gọi là “đường thuộc địa số một “ (Route
Coloniale N. 1) qua các vùng hiểm trở của miền Trung , nhất là từ Bình
Định vào Bình Thuận , đã có tiếng rất là nhiều cọp . Xe hơi đi ban đêm
thường gặp cọp luôn , và bởi cọp thời bấy giờ chưa từng thấy xe hơi nên ứa
ra ngồi bên lề đường để rình chụp , và hăm he khiêu khích . Cọp ngày nay
đã vắng minh rồi , nên trông thấy xe hơi thì mau mau lẩn tránh vô rùng .

Dọc đường , thỉnh thoảng có một vài cái “ Miếu cô hồn “ hoặc “ Am bà Thánh Mẫu – không ai biết bà Thánh Mẫu nào ? -- Ở các khúc đường quẹo nguy hiểm.

Nhiều khi ở dưới chân đèo , giữa rừng núi âm u . Đến gần đấy , xe hơi nào cũng đậu lại . Sếp phơ đốt giấy vàng bạc và đèn hương cúng lại vị Thần linh . Các anh sếp phơ đã truyền miệng cho nhau rằng phai cúng lạy nơi các am ấy để các “ ngài “ phù hộ cho xe tránh khỏi tai nạn dọc đường , như xe rớt xuống hố , xe hư giữa đèo , hành khách bị cọp chụp v.v...

Hình như (theo lời họ nói) đã có những chiếc xe hơi qua đấy không chịu cúng kiến à dâng hoa quả , lên đèo bị tai nạn luôn .

Văn minh khoa học và mê tín dị đoan vẫn dung hòa với nhau trong các chuyến xe vận tải và xe đò dọc theo quan lộ ...

Trước cặp mắt tò mò và ngỡ ngác của Tuấn , thiếu niên 14 tuổi của nước Việt năm 1924, thành phố mà cậu đến lần đầu tiên để tiếp tục việc học , cách xa tỉnh nhà trên 150 cây số , thật là hoàn toàn mới lạ .

Mới lạ , vì đây là một thành phố rộng lớn , ở ngay trên bãi biển . Mới lạ , vì ở đây nhà cửa cao đẹp , đường phố rộng rãi , người qua lại đông đúc , xe hơi chạy rần rần “ văn minh tiến bộ “ hơn ở tỉnh của cậu nhiều . Mới lạ , vì ở đây cậu thấy đủ các hạng Tây Đầm : Tây quan , Tây nhà buôn , Tây “ cò “ , Tây “ cố đạo “ , Tây “ giáo sư “ , có đến ba bốn chục ông , chớ không như ở tỉnh nhỏ của cậu chỉ có bốn năm ông quan Tây và vài ba bà Đầm mà thôi .

Dĩ nhiên , Tuấn còn là cậu học trò con nít , vẫn còn “ sợ “ các ông Tây , cũng như hầu hết học trò lúc bấy giờ . Cho đến đổi , trong năm đầu , học Đệ-Nhất niên , thường gặp các ông Tây” cố đạo “ (danh từ thông dụng thời bấy giờ , để gọi các vị linh mục Gia Tô Giáo) , Tuấn cũng không dám đến gần .

Có thể nói rằng hầu hết thiếu niên Việt-Nam thế hệ 1924-25 , cùng lứa với Tuấn đều có mặc cảm rằng người “ Tây “ khác hẳn người “ Ta “ về mọi phương diện . Tuy đang học chữ Tây , nói tiếng tây đã khá thạo , viết chữ tây đã hơi thông , các cậu học trò thời buổi ấy vẫn coi Tây là một giống người xa lạ , mà các cậu còn e ngại , ngỡ vực , chưa khứng làm quen.

Tuấn lại nhận thấy rằng người Tây ở một khu riêng biệt , nhà cửa cao ráo , sang trọng , có vườn hoa đẹp , có xe hơi , có xấp giữ con , có bồi , có bếp , có chó “ berger” . Đi ngoài đường ngó vào thấy có vẻ oai nghiêm lạ . Cả thành phố lớn như thế , Tuấn không thấy được một nhà An-nam nào sang trọng như nhà Tây .

Kể ra người Pháp sang xâm chiếm và cai trị xứ ta đã gần 40 năm rồi mà sự cách biệt giữa Tây và Ta vẫn còn xa lắc xa lơ : cách biệt trong đời sống hàng ngày , cách biệt trong các công cuộc hoạt động hành chánh , xã hội , kinh tế , thương mại . Cách biệt cả trong phạm vi giáo dục nữa .

Tuấn để ý thấy rằng trường Tây để cho con Tây học riêng , và xây cất đẹp hơn , một tòa nhà đồ sộ , kiến trúc nguy nga , giữa một khu vườn rộng , có bồn cỏ , khóm hoa , ngay trên bãi biển . Trường An-Nam thì sơ sài , thấp lè tè , xây trên một động cát khô khan gần chụm núi . Không những thế , ở trường An-nam -- một trường duy nhất học đến cấp bậc Cao Đẳng Tiểu Học (Enseignement Primaire Supérieur) – có 5 giáo sư An-nam tốt nghiệp trường Cao đẳng Hà Nội và 5 giáo sư Pháp tốt nghiệp tương đương , bằng Brevet Supérieur ở Pháp , mà sự giao thiệp Pháp-Việt hàng ngày vẫn lơ là gượng gạo . Giáo sư Pháp ít nói chuyện và ít giao du thân mật với giáo sư Nam , trừ một đôi trường hợp hiếm hoi . Quen tính tò mò , Tuấn hay để ý thấy trong các giờ chơi , thỉnh thoảng hai ba giáo sư Pháp đứng nói chuyện với một vài giáo sư Nam độ 5, 10 phút , rồi Pháp lại cặp kè với Pháp , An-nam bị bỏ rơi đi thơ thẩn trên hành lang , mỗi người một ngã không ai để ý đến .

Tuy nhiên , nói như thế không phải là quả quyết rằng giáo sư Pháp kiêu căng , phách lối . Trái lại hầu hết giáo sư Pháp đều rất thương mến học trò , và rất vui vẻ với học trò hơn các giáo sư An-nam nữa !

Trừ một giáo sư Toán đáng ghét , còn bốn ông khác đều gây được lòng cảm mến của toàn thể học sinh , Nhất là giáo sư Sử-Ký , mỗi khi ông giảng sử Pháp là học trò nghe mê . Ông là người có chân trong hội Nhân quyền và Dân quyền ở Paris , cho nên trong lúc giảng bài ông luôn luôn công kích kịch liệt chế độ quân chủ thời Louis XIV và không ngần ngại tuyên truyền cho đám thiếu niên học sinh An Nam những tư tưởng của Cách mạng Pháp

1789 Tự Do , Bình Đẳng , Bác Ái .

Ông đả kích bọn cầm quyền độc tài , áp chế , ông hô hào tự do, dân chủ , đề cao các nhà Cách mạng Pháp như Jean Jaurès, ông đề cao cả cụ Phan Chu Trinh , mà học trò ngơ ngác chưa biết là ai . Cứ đến giờ Sử ký Pháp , ông giáo Mariani vào lớp là y như thể sắp có cuộc diễn thuyết cổ động chống “ chính sách thuộc địa “ . Ông lật sách ra , giảng sơ sơ năm mười giòng rồi bỏ sách xuống , nói huyên thuyên , la ãm ã , hét thật to , đập bàn , đập ghế, đứng dậy , xắn tay áo , phùng mang , trợn mắt , mặt đỏ như quả gấc , ông nói , ông nói...” Dân là Vua ! Dân là Chúa Trời ! Vâng , đúng thế ! Dân là tất cả ! Dân là Chúa Tể trong nước ! Kẻ nào đè nén Dân , bóc lột Dân , hãy coi chừng ! ...v.v...

Tuấn ngồi há miệng nghe ,như uống ngon lành , say sưa những lời nói ào-ạt , ngào-ngạt , của vị giáo sư Sử ký Pháp . Đến khi hết giờ giáo sư còn nói ... nói “ cách mạng là cuộc vùng dậy , cuộc quật khởi của những kẻ yếu , chống lại kẻ bạo tàn . Và luôn luôn kẻ yếu sẽ thắng ! Công lý sẽ thắng ! Tự Do sẽ thắng ! Cường quyền và áp chế sẽ sụp đổ như những tượng ác thần luôn luôn bị ngã gục , đổ nát tan tành dưới lưỡi búa tầm sét của Lịch sử ! ...” Xong ông đứng dậy ôm cặp đi ra ...Tuấn muốn chạy theo ôm lấy chân ông , muốn hôn bàn tay ông , muốn níu ông trở lại , thì vừa ông Gabriel giáo sư Toán bước vào .

Ông này có nụ cười láu cá , đôi mắt ranh mãnh , nét mặt độc ác , trái hẳn với ông Mariani . Ông giảng toán một lúc rồi gọi Tuấn lên bảng :

- Bây hãy vẽ một hình tam giác hai cạnh đều nhau .

Tuấn cầm phấn vẽ hình tam giác hai cạnh đều nhau .

Ông Gabriel mặt đỏ bừng hỏi Tuấn :

- Xong chưa ?

- Thưa ông , xong rồi .

- Đi xuống , zéro !

Ông cho Tuấn trong số điểm một con số không tròn vo thật đậm . Tuấn không hiểu sao cả . Ông gọi người học trò khác lên bảng . Anh này giỏi toán nhất lớp , và được ông Gabriel cưng nhất . Ông hỏi :

- Thăng Tuấn nó vẽ hình tam giác đấy có đúng không ?

- Dạ, thưa không .

- Thiếu cái gì ?

Trò kia cầm phấn đề 3 chữ A, B, C nơi ba góc . Ông Gabriel gật đầu :

- Giỏi ! Đi xuống .

Ông cho trò ấy 19 điểm . Tuấn ngồi làm thình . Ông Gabriel nhìn nó và mắng nó :

- Mày là thằng ngốc ! Thằng ngu ! Crétin, va !

Tuấn đứng dậy :

- Thưa ông giáo sư ...

- Im cái mồm và ngồi xuống ! Đồ mọi rợ ! Cả giòng giống An-nam của mày là đồ mọi rợ . Giòng giống An-nam bán thiu (sale race annamite) .

Cả lớp ngồi gục đầu , cắn răng , làm thình , Tuấn cũng làm thình . Bốn chục chàng thiếu niên âm thầm nuốt hận .

Lớp học lại tiếp tục trong bầu không khí nặng nề . Có lần cũng trong lớp học , ông Gabriel chửi ĐỀ THÁM là” tướng cướp “ , chửi vua Duy Tân là “ thằng nhãi con “ và có lần ông lấy một bài của Phạm Quỳnh đăng trong báo France Indochine ở Hà nội , đọc cho học trò nghe , và khen tặng Phạm Quỳnh một câu :” Đây là một người An nam thông minh “ (voilà un Annamite intelligent) .

Các ông giáo sư “An Nam “ có lẽ không thông minh chẳng , vì học trò mét lại cho các ông nghe những lời của giáo sư Pháp kia chửi rủa giòng giống An Nam như thế , mà các ông Giáo Sư An Nam vẫn điềm nhiên . Có ông lại còn cười , cho là những lời nói đùa . Một ông giáo sư Luân Lý lại còn điềm một câu phê bình :” Người mạnh bạo bao giờ cũng có lý . Các cậu không nên phàn nàn “.

Tuấn chia giáo sư Pháp ra làm ba hạng :

giáo sư Toán Gabriel, đáng ghét ,

giáo sư Sử Ký Pháp : Mariani, đáng kính phục .

Hai giáo sư Pháp văn và giáo sư Địa dư : đáng mến .

Tuấn cũng chia giáo sư An nam làm 4 hạng :

Ông Tr. Giáo sư Lý-Hóa : đáng sợ (ông này nghiêm quá)

Ông Th. Giáo sư Luân-Lý : đáng ghét (vừa làm phách , vừa dạy dở, lại hay

gắt gỏng và ưả nịnh Tây)

Ông V. Giáo sư Quốc-Văn : đáng ghét (vừa làm tàng , vừa kém Việt văn , cũng nịnh Tây đôi chút)

Ông B. Giáo sư Sử-Ký An-nam : đáng mến , dạy giỏi .

Ông D. giáo sư vẽ và viết tập : đáng mến và hiền lành .

Dần dần , quen với giáo sư Pháp , Tuấn thích lân la nói chuyện với họ và bắt đầu có những ngạc nhiên mới lạ . Như thấy có 3 ông trong số 5 ông , sáng chủ nhật không đi nhà thờ , đêm Noel không đi lễ , Tuấn đánh bạo hỏi . Ông Mariani cũng như hai ông giáo sư Pháp văn bảo :” Tôi không tin có Chúa “ . Trái lại ông Gabriel là một tín đồ nồng nhiệt , ông giáo sư địa dư cũng là một con chiên trung thành , sáng chủ nhật nào cũng gặo ông đi nhà thờ rất sớm , Tuấn liền có ý nghĩ :

“À , thế ra không phải tất cả người Pháp đều theo đạo Gia-tô ”.

Sau này có ông Martin và cô vợ trẻ đẹp của ông là con gái ông Đốc học , cả hai đều là giáo sư Pháp văn và Văn phạm , cũng không khi nào đi nhà thờ . Hơn nữa , ông M. thường công kích đạo Gia-tô kịch liệt , Ông công kích cả đạo Phật cho là tất cả các tôn giáo đều là mê tín . Còn giáo sư An Nam thì không ai theo đạo Gia-tô cũng không ai theo đạo Phật : các ông theo đạo ... cờ bạc . Đêm nào các ông cũng đánh tứ-sắc , hoặc xõ tam-hường . Tuấn biết hết các nơi hội họp đồ bác của các ông , chỉ trừ ông giáo sư Sử ký An – nam , người Bắc , góa vợ , ông này có một đời sống thanh bần giản dị , có hơi “ phi-lô-dốp “ một chút .

Tuấn ở trọ một thầy Thông Kho Bạc , người Hoàng phái , họ Bửu . Một đêm thứ bảy , có bốn thầy tụ họp trên gác nhà thầy Bửu Vinh để đánh tổ tôm . Tuấn ngồi ngoài hè , chăm chú ngó con thằn-lằn bò trên mặt kiến đèn “carbure” dựng bên lề đường . Bóng nó nằm dài thườn thượt xuống đường cái như bóng ma , lúc biến lúc hiện , lẫn với bóng lá bóng cây run run trong gió lạnh .

Bỗng có một thầy cùng sở với thầy Bửu Vinh tên là H. đi xe máy đến . Thầy xuống xe , móc trong túi lấy ra một tờ giấy in gấp lại đầy mo , nhét vào tay Tuấn và khẽ bảo :

- Đi vào nhà , đọc đi , đừng cho ai thấy . Đọc lẹ , rồi 10 giờ tôi lấy lại .

Nói xong , thầy dắt xe máy vào nhà thầy Bửu Vinh , đóng cửa lại , rồi trèo thang lên gác , nhập vào sòng bài tổ tôm . Còn một mình Tuấn ở nhà dưới . Tuấn hết sức ngạc nhiên , mở xấp giấy in ra thấy ba chữ to tướng in màu đỏ : “ Việt Nam Hồn “ .

Lần đầu tiên , cậu thiếu niên Trần Tuấn , cầm trong tay một tờ báo . Cậu ngó kỹ thấy trên đầu trang dưới giòng chữ :” Việt Nam Hồn “ , một câu cũng in màu đỏ đại khái như sau đây :” Cơ quan tranh đấu cho nền Độc Lập của nước Việt Nam “ , dưới có giòng in đen :” Trụ sở Trung Ương ở Marseille, Pháp quốc “ .

Tuấn vừa sợ vừa mừng run lên , Cậu lên giường nằm trùm chiếc chiếu , để ló đầu ra và đặt cái đèn dầu lửa gần đầu giường . Cậu xem tờ báo , say mê , như muốn nuốt vào bụng những cột báo đầy rẫy những chữ hô hào Ái quốc , cổ động cách mạng chống Pháp , tranh đấu giành Độc Lập , Tự Do .

Những bài thơ in trong báo”Việt Nam Hồn “ mà Tuấn còn nhớ sau đây :

Hăm lăm triệu đồng bào nổi dậy

Đuổi quân thù ra khỏi giang sơn

Chớ sao ngậm oán nuốt hờn

Để mang tủi nhục cho Hồn Việt Nam

Bẻ xiềng xích , phá vòng nô lệ

Đem máu đào rửa hận Non Sông

Hỡi đàn con cháu Lạc Hồng

Chớ mê giấc ngủ còn hòng việc chi !

Bài thơ còn dài lắm ...Tuấn nhắm mắt đọc ôn lại hai ba lần cho nhớ từng chữ , từng câu , chớ không dám chép ra giấy , để còn những bài khác , những trang khác , tất cả bốn trang giấy lớn in đầy những lời xúi dục khởi nghĩa , thức tỉnh đồng bào .

“ Việt Nam Hồn “ là tờ báo bí mật đầu tiên lọt vào tay chàng thiếu niên nước An Nam năm 1924, tuy lúc bấy giờ Tuấn mới 14 tuổi . Tuấn hết sức ngạc nhiên , sau khi đọc hết tờ báo , coi lại thật kỹ nơi trang đầu , thấy có chua một giòng chữ đen mà Tuấn không hiểu :” Chủ nhiệm : Nguyễn thế Truyền “ .

Tuấn cứ thắc mắc :” Chủ nhiệm là gì ? Một danh từ mới lạ mà Tuấn không

biết rõ nghĩa , và sau đó hỏi một ông giáo sư Quốc-văn , ông giảng giải :” Chủ nhiệm là một ông chịu trách nhiệm “ Còn Nguyễn thế Truyền là ai ? Cậu học sinh 14 tuổi tưởng tượng ông là nhân vật ghê gớm lắm. 10 giờ 30 , thầy H. , từ trên lầu xuống , đến gầnm Tuấn . Tuấn để ý thấy thái độ thầy H. cũng bí mật lạ lùng . Thầy hỏi rất khẻ :” cậu đọc rồi chưa ? “ Tuấn cũng trả lời rất khẻ :

- Dạ rồi ... Thầy ơi , tờ báo này ở đâu vậy , thầy ?

- Có người ở bên Tây đem về . Bí mật đấy nhé .Tôi thấy cậu Tuấn có “đầu óc “ , tôi mới cho mượn xem . Xem xong , đừng nói cho ai biết . Nói tùm lum sẽ bị bắt bỏ tù , hay là bị chết chém đấy.

- Dạ , tôi không nói gì đâu .

- Giữ bí mật , rồi tôi sẽ cho mượn tờ khác để coi .

- Dạ ...nhưng thầy à , ai gửi Báo cho thầy vậy ? Sao họ đem lén đem về được , thầy ?

- Có anh bồi tàu , cứ mỗi chuyến tàu ở bên Tây về thì anh đem báo này về cho tụi mình . Cậu Tuấn nhớ là đừng để lộ bí mật , nghe ? Người nào đáng tin cậy , cậu hãy nói chuyện m và đọc vài câu thơ trong này cho họ nghe . Cậu chỉ nói là cậu nghe lỏm đâu đó , chứ đừng nói là cậu có thấy tờ báo : "Việt Nam Hồn “ . Nghe không ?

- Dạ .

- Cậu có thích đọc tờ này không ?

- Dạ, thích lắm . Tôi đọc say mê , thầy ơi ! Hay quá thầy ơi ! Ồ , nếu Tây họ biết được , chắc họ bỏ tù tụi mình

- Ừ , vì thế nên tôi dặn cậu là phải kín mồm kín miệng.

- Thầy có đưa cho thầy Vinh đọc không ?

- Có , thầy Vinh cũng thích lắm . Chính thầy hiểu cậu , biết cậu là học trò có “đầu óc “ , nên thầy dặn tôi đưa cho cậu xem .

- Cảm ơn thầy lắm . Hễ chừng nào có “ Việt Nam Hồn “ thì thầy nhớ cho tôi mượn coi với nhé . Chu cha ! coi sướng quá thầy ơi ! Thơ hay quá thầy ơi ! Họ chửi Tây , mình đọc thấy lạnh xương sống . Sướng mê !

Thầy Hồ tùm tùm cười , gấp tờ báo “ Việt Nam Hồn “ làm bốn , rồi đút trong lưng quần , giấu kín sát bụng , dưới hai lớp áo cụt và áo đen . Thầy ra

về .

Tuấn tắt đèn , nằm đọc thầm lại bài thơ lúc này :

Hăm lăm triệu đồng bào ! Nổi dậy !

Đuổi quân thù a khỏi giang sơn

Chớ sao ngậm oán nuốt hờn

Để mang tủi nhục cho hồn Việt Nam ?

Đây là đêm thứ Bảy . Cả ngày Chủ nhật Tuấn cứ đọc thầm bài thơ trên 70 câu . Tội nghiệp Tuấn-em ! Mới 14 tuổi , chưa hiểu quốc sự là gì cả , lần đầu tiên được xem lén một tờ báo “ ghê gớm “ in từ bên Tây , gửi lén về An Nam , làm xáo trộn cả tâm hồn còn ngây thơ của cậu . Cậu bỗng nhớ lại nét mặt nhăn nhó và những lời quyền rũ của ông giáo sư Toán , Gabriel , mà Tuấn thường gọi với các bạn là “ Người Mặt Khi “

Tại sao ông dám chửi mình là “ nòi giống dã man “ “ Sale race Annmite “ ? Trong đêm tối , nằm đắp chiếc chiếu (vì không có tiền mua mùng và mền) , Tuấn âm thầm tức giận ông Tây Gabriel , rồi cảm xúc vì bài thơ trong “ Việt Nam Hồn “ , bỗng dưng Tuấn khóc ...Nhưng Tuấn khóc thút thít , không dám khóc to ...

Cô Vinh , vợ thầy Bửu Vinh , từ nhà trên cầm cây đèn đi ra sau bếp , chợt đi ngang qua chỗ Tuấn nằm , nghe Tuấn khóc . Cô cười , hỏi với giọng Huế :

- Cậu Tuấn dợ dà hi (nhớ nhà , nói theo giọng Huế) ?

Tuấn nằm im thin thít giả vờ ngủ , không dám lên tiếng .

Sáng thứ Hai , Tuấn đi học , tìm ngay một người bạn cùng tỉnh mà cậu thân nhất , kéo ra phía sau trường nói thầm :

-Quỳnh ơi , mày có thấy tờ báo “ Việt Nam Hồn “ không ?

-Tờ gì ?

- Việt Nam Hồn .

- Ở đâu ?

- Tao có đọc lén được một tờ , mày ơi . Có bài thơ hay lắm , tao đọc cho nghe ...

Thế là Tuấn đọc hết cả bài thơ “ Hăm lăm triệu đồng bào , nổi dậy “...

Trò Quỳnh kéo trò Tuấn ngồi xuống cát , dựa lưng vào vách tường , bảo

Tuấn đọc lại một lần nữa . Rồi Quỳnh căn dặn Tuấn làm sao hỏi mượn tờ “ Việt Nam Hồn “ cho Quỳnh xem .

Từ hôm ấy , trong trường Cao đẳng Tiểu Học Qui-nhơn lớp Đệ Nhất Niên (1ère Année) tương đương với lớp Đệ Thất bây giờ , có một nhóm học sinh năm đứa , cứ trao lén cho nhau xem tờ Việt Nam Hồn đã rách nhều nát hết và dán lại từng mảnh .

Mỗi khi cho mượn , hoặc trao trả lại , các trò gấp làm tư , dúi trong lưng quần , giấu sát bụng , dưới hai lớp áo cụt và áo dài đen . Lúc bấy giờ học trò chưa dám mặc “ đồ Tây “ , tất cả đều mặc áo dài ta , đội mũ , mang quốc

Phải nói rõ rằng , nhóm học sinh ấy chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện “ cách mạng “ hay là “ làm hội kín đánh Tây “ . Nhưng cái mầm ái quốc đã bắt đầu nảy nở dẹt dẹt và kín đáo trong tâm hồn ngây thơ của tuổi trẻ . Và không riêng gì ở trường Qui-nhơn , mà khắp các trường Cao đẳng Tiểu học trong nước như trường Quốc học và Đồng Khánh ở Huế , trường Trung học Bưởi , và Cao đẳng Đại học ở Hà Nội , các trường “ college “ khác ở Hải Phòng , Nam Định , Vinh, Saigon, Mỹ Tho , Cần Thơ , v.v...Ấy là do ảnh hưởng đầu tiên của những tờ báo bí mật từ bên Tây gửi lén về do đường tàu thủy trong đó có hai tờ được phổ biến lén lút sâu rộng hơn cả là Việt Nam Hồn bằng Việt ngữ xuất bản ở Marseille , và tờ Le Paria bằng Pháp ngữ xuất bản ở Paris .

(Le Paria , tiếng Pháp gốc tiếng Ấn Độ , là kẻ thuộc về giai cấp bần cùng , không có quyền gì cả , bị coi như là lớp người ti tiện , và bị kẻ giàu mạnh chà đạp , khinh khi , hất hủi)

Đó là tờ báo cách mạng đầu tiên mà Tuấn và nhiều thiếu niên khác cùng thế hệ đã được đọc lén lút từ năm 1924.

Cùng một lúc , một số sách báo , cũng bí mật từ bên Tây và bên Nhật được gửi lén về Việt-Nam , do tàu thủy , nhất là do chiếc tàu S/S Canton , chạy đường Saigon – Tourane (Đà Nẵng) -- Hải Phòng -- Hồng Kông . Trong số các sách báo ấy rất tiếc là chỉ một số rất ít viết bằng Việt-ngữ , còn đa số là bằng chữ Nho . Tuấn được thất bốn “ Việt Nam vong quốc sử , Lưu cầu huyết lệ thư , Hải ngoại huyết thư “ . Nhưng lúc bấy giờ Tuấn chỉ được đọc

các bản chép lại bằng tay , không có tên tác giả . Mãi bốn năm năm sau , Tuấn đã ra Hà Nội tìm tài học hỏi , mới biết là những sách ấy của cụ Phan Bội Châu . Tuấn trao các sách1 “ cấm “ấy cho Quỳnh và các trò khác cùng một chí hướng , nhưng ai cũng phải tự tay mình chép lại , để xem lén , rồi giấu kín dưới va li quần áo .

Một hôm , lần đầu tiên Tuấn đưa một bài thơ chép trong “ Việt Nam Hồn “ trên một mảnh giấy , trao cho H.X.T., con một quan Tri phủ đang nhậm chức ở Bình Định , học cùng lớp với Tuấn . Trò T. , người Huế , xem xong hoảng hốt xé phăng ngay mảnh giấy . Hấn hỏi Tuấn :

- Mi lấy cái đồ bậy bạ ni ở mô rứa ?

Tuấn cười đáp :

- Tối hôm qua , tao đi bắt còng (con còng giống như con cua , nhưng nhỏ hơn và chạy rất nhanh , có trên nhiều trên bờ biển , trốn giỏi lắm , nhất là ban đêm) ngoài bờ biển , lượm được bài thơ đó trong một cái hang còng , mây ơi !

T. làm thầy khôn , dặn Tuấn :

- Sau , mày đừng có lượm những cái giấy như ri , lỡ mà ông Directeur thấy được thì ông đánh mi chết .

- Tao đưa cho mày coi chơi , chớ tao đâu dám coi .

Trò T. sợ quá , còn lấy tay moi một lỗ khá sâu trên bãi cát sau sân trường , để chon dấu bài thơ ghê gớm mà hấn đã xé vụn ra từng mảnh nhỏ .

Tuấn cười bảo :

- Mi dấu bài thơ nớ còn hơn con còng dấu trứng nó trong hang ! Mi coi chừng chớ tao sợ bài thơ nó sẽ nở ra thành một bầy còng chạy lung tung trong trường mình , thời mặc sức ông Địa-réc-tua chạy theo bắt . Ha ! Ha!

Trò T. con trai cứng của quan Phủ Bồng Sơn không hiểu ý Tuấn , nhưng cũng cười hì hì .

Tưởng cần nhắc lại rằng , trong lúc nhiều phần tử trí thức Nho học , lẫn Tây học , ở Bắc , Trung , Nam vẫn tiếp tục hoạt động bí mật , hô hào Nhân quyền , Dân quyền, cổ xúy Tự Do , Độc Lập , thì trái lại , một số thanh niên hầu như hoàn toàn lãnh đạm , chỉ ham mê học hành tranh đua trên con đường công danh sự nghiệp mà thôi . Tâm trạng ấy không phải là không có

nguyên nhân . Một là vì chưa có điều kiện tổng quát để kích thích sự phát huy tư tưởng ái quốc , hai là chưa có một mãnh lực đủ uy tín để giác ngộ tinh thần quốc gia chủng tộc của lớp trẻ ấy . Và lại phải nhìn nhận rằng thời bấy giờ người ta chưa chú trọng đến thanh thiếu niên cho lắm.

Các sách báo cách mạng từ Hải ngoại gửi về lén lút do các đường tàu thủy , chỉ được lưu hành trong các tầng lớp trung lưu trí thức , nhất là trong giáo giới và một số ít công tư chức có tư tưởng độc lập .

Một vài tờ báo lọt đến tay các bạn thanh niên , là một việc hi hữu và trong những trường hợp vô cùng dè dặt và thận trọng . Chưa có một phong trào chính trị , hoặc xã hội để kích động tuổi trẻ , tuổi trẻ bỗng bột hăng hái , mà một việc tức giận nho nhỏ cũng có thể bùng lên thành một việc to lớn .

Một vụ “ xung đột “ sôi nổi như sau đây , giữa học trò và một bọn “ các chú “ trong thành phố , có thể biểu hiện tinh thần chủng tộc đang tiềm tàng trong đám thiếu niên thời bấy giờ .

Sau một kỳ nghỉ Hè , học sinh tấp nập đến các tiệm “ các chú “ mua giấy bút , mực v.v... Hầu hết các tiệm buôn lớn có đủ dụng cụ học sinh , cũng như các tạp hóa khác , đều là của “ khách trú “ . Người An Nam ít vốn chỉ buôn bán nhỏ thôi . Vì thế , có vài tiệm “ các chú “ thường hách dịch với khách hàng , và hay ăn hiếp học sinh . Một em bé lớp tiểu học , độ 10 tuổi , đến tiệm Diêu Ký mua hai cuốn vở 100 trang . Người các chú có lẽ đông khách nên vội vàng lấy trao cho em hai quyển vở 50 trang . Em khờ khạo không xem kỹ , nhưng về nhà cha mẹ thấy sự lầm lẫn liền bảo con đến tiệm đổi lại . Người “ các chú “ không đổi , lại còn la mắng cậu học trò . Đứa con nít sợ về nhà sẽ bị cha mẹ đánh , nên nhất định đòi cho được vở 100 trang , vì quả thật nó đã trả tiền theo giá vở 100 trang . Người “ các chú “ mắng nó là “ ăn gian “ và đánh nó một bạt tai . Nó khóc thét lên . Vài cậu học trò lớn đứng chứng kiến sự cộc cằn hỗn láo của người Hoa-kiều , và lên tiếng bênh vực đứa nhỏ , liền bị tụi “ các chú “ chửi :” Người An lam ăn cắp à ! “ Chỉ một câu nói vô ý thức kia đã gây lên sự công phẫn của mấy cậu học trò và được truyền miệng đi khắp hết các đám học sinh trong thành phố . Thế rồi , do một nhóm bốn người học trò lớn xúi dục 7 giờ tối đêm hôm ấy trên 500 học trò cầm đá và củi , kéo đến ném tung các món ấy vào

trong tiệm Diêu Ký , làm bể hết các tủ hang và gây thương tích cho tất cả trên 10 người các chú và á xấm trong tiệm . Tuấn-em cũng có dự vào cuộc “ khích động “ này . Năm giờ chiều nó đang chơi bắt còng ngoài bãi biển , bỗng có một đứa bạn đi xe đạp ngang qua , bảo nó :” Mấy thằng các chú ở tiệm Diêu Ký chửi An nam là dân ăn cắp , tối nay tụi mình cầm củi và đá đi đánh cho chết cha tụi nó , mầy đi không ? “

Tuấn đang chơi , tức giận chạy ngay về nhà trọ . Dọc đường , nó hốt hai ba chục hòn đá xám của sở Lục-lộ dùng để lót đường , bỏ đầy nhóc hai túi áo cụt . Nó ra sau nhà bếp lấy ba thanh củi thật to , đem để sẵn dưới bàn học với đồng đá của nó . Bà chủ nhà trọ thấy thái độ khả nghi của Tuấn , hỏi :” Trò Tuấn làm chi mà lấy củi và đá bỏ một đồng rứa ? “ Tuấn nói rõ cho cô chủ nghe , và tỏ vẻ tức giận mấy người khách trú lăm . Cô chủ la rầy Tuấn , nhưng chồng cô , thầy Thông Vinh Kho bạc , bảo :” Học trò , họ muốn đánh lộn với các chú thì mặc họ . Can cứ chi đến mình mà mình ngăn cản , hi ? “ . Trong thâm tâm , thầy Vinh cũng tán thành cuộc đả kích kẻ ngoại kiều dám xấc xược với người An Nam , tuy thầy không phải học trò nên không tham gia .

Còn bọn học trò , thì chỉ truyền miệng với nhau , chứ sự thật không có trò nào dám ra mặt chỉ huy trận “ chiến tranh đá “ này và không ai nghĩ đến hậu quả . Chỉ lo trả thù câu chửi rủa hỗn láo của mấy người khách trú ở tiệm Diêu Ký thế thôi . Chỉ nghĩ đến việc ném đá và quăng củi vào tiệm , cho “ chết cha tụi nó “ , để hả cơn tức vì câu nói “ người An lam ăn cắp “ . Có thể gọi là sự bộc lộ “ tinh thần dân tộc “ , nhưng thật ra chỉ là sự bộc lộ cá tính bùng bột tự nhiên của tuổi trẻ, chứ chưa phải là một cuộc “ biểu tình “ có tổ chức , có kẻ chỉ huy , vì không có ai chỉ huy cả . Trò Tuấn , cũng như mấy trò khác , chạy đi đến các nhà trọ có bạn bè trú ngụ , kể chuyện mấy người khách trú đánh đứa học trò nhỏ lúc 12 giờ trưa , rồi rủ 7 giờ tối đi ném đá . Trong số 600 học trò của nhà trường , có độ 100 trò không dám làm việc ấy , còn thì trò nào cũng tức tốc chạy đi kiếm đá , củi để đến 7 giờ tối đem quăng vào tiệm Diêu Ký cho hả cơn giận .

Chưa đến 7 giờ , Tuấn đã cầm ba thanh củi , và bỏ đầy đá xám trong hai túi áo cụt , đi tới tiệm Diêu Ký , ngay trước cổng chùa Quảng Đông , và đã

thấy có sáu bảy chục học trò tụ họp ngay đấy rồi . Một trò tự động đầu tiên ném vào tiệm hai, ba cục đá to bằng trái cà và hai thanh củi . Mấy trò khác bắt chước ném theo, đá và củi tới tấp bay vào tiệm Diêu Ký như mưa , rồi tất cả bỏ chạy . Tuấn ném sau cùng trong lúc trong tiệm tụi “ khách trú “ chạy ừa ra rất đông , cầm củi và dao , quyết trả thù lại . Tuấn bỏ chạy trong lúc một bọn học trò trên vài chục đứa khác từ ngoài bờ sông kéo vào tiếp tục xung kích vào mục tiêu “ địch “ . Bọn học trò càng đông , tụi đã chạy rồi còn quay trở lại nữa với các cục đá và các cây củi xin ở các nhà An nam kế cận . Cuộc loạn đã kéo dài cho đến 10 giờ . Đến 11,12 giờ , tiệm đã đóng cửa mà thỉnh thoảng cũng còn những cục đá to tướng ném chan chát vào hai cánh cửa , và trên mái ngói .

Cảnh sát ở đâu ? Cả thành phố to lớn như thế chỉ có 6 người “ lính phú lít “ , toàn là người An nam . Họ thay phiên nhau ba người ở sở để hầu hạ ông “ Cò “ Pháp , và túc trực ở văn phòng . Còn 3 người được nghỉ ở nhà đi uống rượu đánh bạc . Thành phố rất yên ổn , không cần có “ phú lít “ . Bị học trò đánh và đánh nhau với học trò , mấy người “ khách trú “ không dám đi thưa “ bót phú lít “ vì ban đêm họ không dám đến phá rầy quan Tây . Mãi 8 giờ sáng hôm sau , chủ tiệm Diêu Ký cùng cả gia đình khách trú trên 10 người bị u đầu , lỗ trán , chảy máu mắt , sưng mặt , sưng mũi , gãy răng , rách áo , rách quần , kéo đến sở Cò . Họ còn khệ nệ bưng theo bốn chai rượu chat đỏ , một bịch thuốc Méllia và 20 hộp sữa Nestlé để “ kính quan lớn “ nhờ quan lớn xử giùm , mong “ đèn trời soi sáng “ cho họ được nhờ vì họ bị bọn “ học trò nhà nước đánh phá tan hoang hết cửa tiệm .

Ông Cò nhận các đồ lễ , rồi điềm nhiên bảo họ cứ đi về buôn bán , ông sẽ xử cho . Tất cả đều cúi khòm lưng vái chào cảm ơn quan lớn . Ông Cò làm bản tường trình đem lên ông Sứ (chính thức là quan Công Sứ) ông Sứ chuyển giấy sang ông Đốc học , cũng người Pháp .

Ông Đốc cho gọi vài cậu học trò lớn lên phòng giấy , để hỏi về cụ đánh các chú đêm vừa qua . Các trò đồng thanh trả lời :

-Monsieur le Directeur, ces Chinois sont des voleurs. (Thưa ông Đốc , mấy người Hoa kiêu ấy là bọn ăn cắp) . Ils volent les élèves (chúng nó cướp tiền của học trò) .

Ông Đốc cũng tường trình lên ông Sứ :

- Monsieur le Résident , les Chinois sont des voleurs , Ils volent mes élèves .(Thừa Quan Công Sứ , Hoa kiều là tụi ăn cắp . Chúng nó cướp tiền học trò tôi) .

Bảy hôm sau , ông Cò gửi trát đòi chủ tiệm Diêu Ký lên hầu . Ông thân ái khuyên bảo người Hoa-kiều :

- Từ nay không nên ăn cướp tiền của học trò . Chúng nó sẽ không phá phách cửa tiệm của mày nữa đâu (người Pháp thời bấy giờ vẫn khinh khi người Hoa-kiều , và gọi họ bằng “ mày “ , ít khi họ gọi “ anh “ hay “ ông “ . Quả thật , vụ “ chiến tranh đá và củi “ năm 1924 không tái diễn nữa .

Sau vụ này , Tuấn –em sung sướng khoe với các bạn là nó đã ném một cục đá trúng kê cái “đóp “ vào đầu một chị xãm , tại chị này đứng trước cửa xổ quần lên đến đầu gối , chửi lũ học trò :” Mẹ tổ cha mấy đứa học trò A lam à ! “ .

Ngoài vụ đánh phá tiệm Diêu Ký , bình nhật “ học trò An-nam “ vẫn hiền lành như đất cục , ngày tháng chăm lo học hành .

Thiếu số dăm bảy cậu thỉnh thoảng được đọc thường xuyên và không dám nói lại cho nhiều người nghe những bài văn thơ “ kinh thiên động địa “ mà các cậu đã được đọc , từ nghìn xa lén lút trao về .

Nhưng đó là những món ăn tinh thần nghiền ngẫm mãi trong tiềm thức , thấm nhuần trong đầu óc , bổ dưỡng cho suy tư , để rồi có cơ hội thuận tiện là bộc phát lên như dậy men , như bùng lửa , như sôi máu , sôi gan...

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 27

1920 - 1924

- Trước 1925 danh từ “ Việt-Nam “ chưa được thông dụng trong dân chúng.
- Nước gọi là An Nam, Dân gọi là người An Nam, hoặc là Annamite (theo tiếng Pháp) .
- Đa số "Thượng lưu trí thức Nam kỳ “ nhập tịch dân Pháp, theo đạo Thiên Chúa, và sống theo Tây.
- Hoàng thân Lào, Sinh Viên Cao Đẳng Công chính Hà Nội, tên là Souphanouvong, lấy vợ An-Nam ở Nha Trang (Nay là lãnh tụ Pathet Lào).
- Nhiều tỉnh Bắc, Trung Kỳ chưa có đèn điện .
- Dự luận xôn xao về vụ một ông Quan Ba tàu thủy Pháp cho học trò nhiều tiền để đánh ông trên đường đèo, đêm vắng.
- Một ông Giám-binh Tây, đi kinh lý, ở ngủ lại ban đêm trong làng .

Trước 1925, hay nói cho đúng là trước tháng 7-1925, hồi cụ Phan bội Châu chưa bị Tây bắt tại Thượng Hải đưa về Hà Nội, danh từ "Việt Nam" chưa được phổ thông trong dân chúng, và chưa được chính thức áp dụng ở xứ ta . Trên các công văn, báo chí, sách vở bằng chữ Pháp cũng như chữ Quốc-ngữ không mấy khi dùng đến hai tiếng "Việt-Nam".

Bên Nam triều, theo quốc hiệu đã được sửa đổi từ thời vua Minh-Mạng, các giới quan trường và trên các giấy tờ chính thức, đều dùng hai chữ “Đại-Nam “. Vua An-Nam được xưng hô là Đại Nam Hoàng Đế.

Các nhà trí thức, khiêm nhường hơn, thường viết là “ Nước Nam “, hoặc “ Nam Quốc “, còn dân chúng, từ Nam chí Bắc, lại quen dùng danh từ đã có sẵn từ nghìn xưa, do chính người Tàu ban bố cho, là “ nước An-Nam “ . Người Tàu gọi người Việt là Ố-nàm-dàn(An nam nhân) . Ở Hà Nội, nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu, chủ trương một tờ báo văn nghệ, lấy tên là An Nam Tạp Chí . Ở Saigon, ký giả tài ba xuất chúng là Nguyễn Phan Long điều khiển một tờ báo viết bằng Pháp-ngữ, lấy tên là Echo Annamite.

Riêng ở Nam kỳ, phần đông các giới “ thượng lưu trí thức “, và các nhà kỹ nghệ, thương mại, đại điền chủ ở Saigon và Lục tỉnh, lại không thích người ta gọi mình là "Annamites” . Đa số đã xin vô "dân Tây “, sống theo lối Tây, và hãnh diện được gọi là "Citoyens Français “ (công dân Pháp) . Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, trái lại, hạng “An Nam dân Tây “ rất hiếm . Ngay những người thân Pháp nhất, triệt để trung thành với Pháp, nhà văn như Phạm Quỳnh, quan lại cao cấp như Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định, Tôn-Thất Hân, Thái văn Toàn, v.v...đều giữ nguyên quốc tịch An-Nam .

Về tiếng xưng hô địa danh của ba miền, tuy người Pháp đã đặt riêng ra ba tên khác nhau : le Tonkin (Bắc-Kỳ) -- người là les Tonkinois ; L'Annam (Trung Kỳ), người là les Annamites du Centre; la Cochinchine (Nam Kỳ), người là les Cochinchinois, nhưng tiếng An – nam và Annamites vẫn thông dụng hơn, từ Nam chí Bắc . Ở Hà nội, Hải phòng, cũng như ở Huế, Qui nhơn, Saigon, Cần thơ, Châu đốc dân chúng vẫn quen gọi với nhau là “ người An-nam “ và nói : hàng hóa Annam, ngày An-nam, các quan An-nam, tiệm buôn An-nam, ngày Tết An-nam, v.v...

Chính những người có học thức cũng quen nói như thế trừ những nhà làm cách mạng mà thôi . Những người bình dân ở Saigon và Lục tỉnh, không học Địa dư, thường gọi từ Nha Trang trở ra là “ xứ Bắc “, hoặc là “ xứ Huế “,” xứ Nghệ “ . Ít khi họ phân biệt là miền Bắc, miền Trung . Thỉnh thoảng họ gọi bằng một danh từ châm biếm và khôi hài là “ dân trọ trọ “ . Tại vì tiếng nói từ Nha Trang trở vào Phan Thiết, cũng na-ná như tiếng miền Nam, còn từ Qui-nhơn trở ra Nghệ An, Hà Nội, giọng nói hơi nặng, người miền Nam nghe khó hiểu.

Người miền Trung lại gọi Nam Kỳ là đất "Đồng Nai Gia Định “ . Người bình dân miền Bắc thỉnh thoảng lại gọi Nam Kỳ là “ xứ ở gần mặt trời".

Cho đến năm 1932, đường hỏa xa từ Hà nội vào Trung Kỳ chỉ mới tới Tourane, mà người Việt gọi là Cửa Hàn (nay là Đà Nẵng) . Đường xe lửa từ Saigon ra, cũng chỉ đến Nha Trang, nơi đây là ga cuối .

Tại Nha Trang năm 1924, có một khách sạn khá lớn ở ngay trước ga xe lửa, mà chủ nhân người An-nam, đặt tên là Hotel Terminus (Khách sạn Cuối) . Ông chủ Hotel, có một cô con gái khá đẹp và rất lãng mạn, tên là Kỳ Nam .

Vào khoảng 1937, có một cậu sinh viên trường Cao Đẳng Công Chính Hà Nội là một Hoàng tử Lào, nhân dịp nghỉ hè, đi nghỉ mát ở Nha Trang . Cậu sinh viên Hoàng tử đến trọ tại "Khách sạn Cuối " và được dịp làm quen với cô Kỳ Nam, con gái ông chủ . Đối với cậu Hoàng tử Lào lúc bấy giờ, lấy được một " tiểu thư Annam " làm vợ là cả một vinh dự lớn lao .

Đối với cô thiếu nữ lãng mạn ở Nha Trang, lấy một người chồng là Hoàng tử, mặc dầu là Hoàng tử Lào, và không đẹp trai, cũng là một hạnh phúc thần tiên . Thế là cuộc tình duyên thơ mộng đã kết cuộc bằng một đám cưới vô cùng long trọng . Đôi vợ chồng Việt – Lào đó hiện nay vẫn còn sống và cậu sinh viên Hoàng Tử Lào lúc bấy giờ chính là Souvanna Souphanouvong, lãnh tụ Pathet Lào hiện nay .

1924, nhiều tỉnh chưa có đèn điện, tuy là những thành phố lớn vào hạng ba, hạng tư, ở toàn xứ An nam . Đường phố vẫn còn thấp đèn acétylène cháy nhờ hơi đá carbure, đựng trong một bình bằng đồng, lồng trong bốn mặt kính, trên cột sắt sơn đen và chạm trổ rất đẹp . Thường có những con thằn lằn to lớn không biết từ đâu bò lên trên mặt kính để đớp những con thiêu thân . Hình bóng những con thằn lằn ấy ngã xiêng xuống mặt đường, lúc hiện ra nằm dài trên đường lộ, lúc rút lại trong bóng tối, như những bóng ma . Nhất là trong những đêm mưa gió và ở các ngã tư vắng vẻ những "bóng ma" ấy thường làm cho những học trò nhút nhát ghê rợn không dám đi qua.

Trừ ba thủ đô Saigon, Huế, Hà Nội, và các thị trấn quan trọng như Nam Định, Hải Phòng, Vinh, Tourane, Cần Thơ, v.v..., còn hầu hết ở các thành thị khác, đường phố không có tên, và không có số nhà . Dân chúng thường gọi theo những tên địa phương mà không ai đặt ra nhưng mọi người đều biết, như : đường Lò Heo, đường Lò Vôi, đường Bờ Sông, đường Cống Kiêu, đường Nhà Thờ, đường Miếu Cô hồn v.v...

Tuy thế, trong mỗi tỉnh, đường nào ở đâu, nhà nào ở đâu, nhà ai, ở xóm nào, mấy anh cu li xe kéo đều biết hết . Vì đường phố hãy còn ít, nhà cửa chưa đông đúc, đất trống còn nhiều, kỹ nghệ chưa thành hình, thương mãi của người An nam gần như không đáng kể .

Hầu hết các hiệu buôn bán lớn là của "các chú ", của " Chà và " của " Ma la

bà “ (Chà và là Java – Nam Dương ; Malabar : gốc Ấn Độ) . Các hãng xuất nhập cảng là của người Tàu, hoặc Pháp, An nam chỉ dành phần bé nhỏ, nghèo hèn, với những tiệm cúp tóc đơn sơ, tiệm thợ may (hai ngành này phát triển nhất) thuộc Nam, thuộc Bắc, hoặc tạp hóa nhỏ nhỏ . Thịnh thoảng xen vào một vài tiệm người Bắc, chuyên môn bán đồ đồng (mâm, lư, đèn) và một ít lụa Hà Đông .

Trừ một vài đại lộ đã trải nhựa goudron để cho xe hơi chạy, nhất là xe các quan, còn thì hầu hết các đường phố đều lồi lõm, chỗ u, chỗ đột, sạn đá gồ ghề, mỗi lần mưa to là nước chảy như đường mương, khe suối .

Cứ chiều chiều, tan giờ học, Tuấn thường ưa đi dạo xem các dãy phố, các tiệm buôn, các nhà cửa vườn tược, chùa miếu ở khắp hang cùng ngõ hẻm . Tính tò mò, chỗ nào cũng muốn đến, việc gì cũng muốn thấy, chuyện gì cũng muốn nghe, cậu học trò 15 tuổi mặc áo dài đen vá nơi cùi chỏ, mang đôi guốc cùn ba xu, đi lang thang khắp phố, khắp phường .

Gặp các ông giáo, nhất là ông giáo sư Vật Lý học và Hóa Học, cậu vội vàng chạy trốn . Ông này người Huế, mặt nhiều mụn, cái miệng hay dô ra, cặp mắt sáng quắc, thường đi xe máy . Tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Hà nội, ông rất giỏi về Lý-Hóa, nhưng cũng rất nghiêm khắc với học trò . Đã ba lần rồi, buổi chiều gặp Tuấn đi chơi ngoài phố, là sáng hôm sau giờ Vật lý hay Hóa, ông gọi Tuấn lên trả bài . Luôn luôn ông cho Tuấn ăn hột vịt . Một buổi chiều chủ nhật, ông trông thấy Tuấn nằm chơi một mình trên bãi biển Gành Ráng, sáng thứ hai ông kêu Tuấn lên trả bài . Trò Tuấn ở nhà học thuộc bài vanh vách, nhưng không biết tại sao khi vào lớp, đứng trước mặt giáo sư trò quên tất cả . Ông giáo thưởng cho trò một con zéro bự rồi trừng mắt nói với cả lớp :

-Ce cancre ne sait jamais ses leçons, parce qu'il s' amuse tout le temps avec les cancre (Thăng học trò lười biếng ấy không bao giờ thuộc bài bởi vì nó chơi cả ngày với mấy con cua biển) .

Do lỗi “ chơi chữ “ của ông Giáo sư, vì chữ cancre có hai nghĩa, mà bạn bè trong lớp gọi đùa Tuấn là “ con cua biển “ (hay là thằng lười biếng, theo nghĩa thứ hai) .

Một buổi tối, Tuấn nằm trên bãi cát, nghe tiếng sóng hòa nhịp với tiếng reo

vi vu của rặng cây phi lao trên Cầu Tàu . Ngoài khơi, có chiếc tàu Orénoque của Tây đậu cạnh hải đăng . Ông quan Ba với mấy người thủy thủ chèo chiếc tam bản (tây gọi là sampan) vào cặp bến . Mấy người thủy thủ lên bờ, đi bách bộ vào thành phố, vừa đi vừa hát om sòm . Bãi bể tối om, xa xa có một ánh đèn đá lắt leo trong gió lộng . Tuấn ngạc nhiên thấy ông quan Ba đến gần cậu . Tuấn không lo sợ gì, vì cậu đã biết nói tiếng Tây, sẵn sàng đối đáp. Ông quan Ba vuốt tóc cậu . Và khẽ nói với giọng rất hiền hòa :

- Bonsoir, mon enfant

Tuấn bạo dạn đáp lại, với giọng con nít :

- Bonsoir, monsieur...

Ông quan Ba lấy trong túi ra một gói sô-cô-la cho Tuấn, và bảo Tuấn đưa ông đi dạo phố . Lần đầu tiên Tuấn được đi chơi với ông Tây, -- lại là ông quan Ba tàu thủy, -- nói chuyện với ông thân ái và tin cậy như một người bạn lớn tuổi . Dọc đường, ông bảo Tuấn rủ thêm bốn đứa bạn nữa cùng đi cho vui . Ông nói : "Tôi rất yêu thanh niên An nam ". Tất cả có bốn đứa bu theo bên ông đều là bạn học của Tuấn, được ông cho kẹo, cho thuốc hút, cho nhiều tấm hình cartes postales in các thắng cảnh bên Tây rất đẹp . Rồi ông đề nghị : " các em đưa tôi đến một nơi nào thật hoang vắng, ngoài châu thành, nơi không có người qua lại . Ngồi chỗ vắng như thế, chúng ta sẽ xem trăng, xem sao, và nói chuyện thú hơn " . Tuấn và bốn đứa bạn hăng hái đưa ông lên chân núi Xuân Quang, nơi đây không một bóng người, không một túp nhà, cách xa thành phố 2 kí lô mét .

Sau khi tất cả đều ngồi xung quanh ông, trên một bãi cỏ, nghe ông kể chuyện bên Tây, một lúc thật vui, ông quan Ba cười bảo: "Bây giờ các em sẽ xem tôi bày ra một trò chơi rất lý thú nhé " . Cả bọn nôn nao vui mừng . Ông lấy một đồng bạc đưa Tuấn, bảo:"Em xuống phố mua chừng 5 thước dây dừa thứ lớn và thật chắc, 9 hoặc 10 cây roi mây, hoặc roi tre, hay là những khúc củi dài cũng được, và 100grammes ớt thứ thật cay, với 100 grammes muối " . Tuấn hơi lo ngại hỏi : " Trò chơi gì mà phải dùng các món đó ? " Ông quan Ba cười, nụ cười hiền lành đáng tin cậy :

- Em cứ đi tìm các món đó về đây, rồi các em xem tôi làm trò chơi này hấp

dẫn lãm .

Tuấn và một đứa bạn theo lệnh ông vội vàng chạy về phố tìm mua một bọc ớt, một gói muối, và năm cuộn dây dừa . Còn roi thì các trò không biết mua ở đâu, bèn bảo nhau nhổ đại mấy cây tre cắm hàng rào của một căn nhà trống ngoại ô .

Khi Tuấn trở lại núi Xuân Quang với đủ các đồ "chơi" kia, ông quan Ba vui vẻ bảo :” Các em lột hết quần áo của tôi ra, lấy dây dừa cột hai tay hai chân của tôi lại, và trói chặt nhé, và đè tôi nằm xuống đất, đừng cho tôi quấy cựa . Rồi các em thay phiên nhau mỗi người cầm một cây roi tre đánh vào mông đít tôi . Phải đánh thật dữ tợn . Các em đánh tôi như đánh một kẻ thù, vừa đánh vừa chửi, và đánh thật mạnh, đừng sợ tôi đau . Đánh mãi chừng nào gãy nát hết mấy cây roi, và đánh sao cho nổi lằn trên đít tôi, cho rôm rớm máu ... Nhưng các em nhớ rằng chỉ đánh trên mông đít, đừng đánh trên lưng hay trên đầu, hay các chỗ khác trên thân thể tôi . Đánh trên mông cho chảy máu rồi gĩa muối ớt cho thật nhỏ, chà xát trên những chỗ lằn roi rôm máu ấy . Xong rồi tôi sẽ thưởng cho mỗi em mỗi đứa 2 đồng bạc .

Hai đồng bạc thời bấy giờ giá trị hơn 200 đồng ngày nay . Tuấn và bốn đứa bạn do dự, không đứa nào dám làm công việc lạ lùng ấy mà các trò không hiểu tại sao . Nhưng ông Tây quan Ba cứ năn nỉ, van lơn, và đưa trước cho mỗi trò hai đồng bạc . Sau cùng, Tuấn bảo các bạn :” Tụi mình cứ làm như lời ông dặn, nếu có xảy ra việc gì thì chạy trốn . Trời tối, đêm vắng, núi hoang, sợ cóc gì, hè ! “

Nhưng Tuấn hỏi ông quan Ba :

- Chơi trò chơi chi mà kỳ cục thế hả ông ?

Ông Quan Ba mỉm cười đáp :

- Các em làm cái việc ấy xong, rồi tôi kể chuyện cho nghe . Chuyện hay lắm .

- Tụi tôi đánh ông, rồi ông có đánh lại tụi tui không ?

Ông quan Ba cười :

- Không, tôi là Quan Ba Tàu Thủy, tôi không phỉnh gạt các em đâu .

- Lỡ đánh ông rồi tui tui bị lính bắt bỏ tù thì sao ?

- Nơi đây vắng vẻ, có ai biết đâu ? Chính tôi đề nghị cái trò chơi ấy cơ mà !

Nào ! Bây giờ các em xúm lại lột quần áo của tôi ra đi . Chúng ta bắt đầu cuộc chơi rất hấp dẫn say mê này . Nào ! Các em ra tay đi !

Tuấn cười bảo mấy đứa bạn cùng xáp vào thi hành “ trò chơi “ ly kỳ, bí mật, mặc dầu chưa biết kết cuộc sẽ như thế nào .

Để kích thích sự can đảm của năm thiếu niên Annam, ông Quan Ba tự cởi hết áo quần ra .

Tuấn lấy sợi giây dứa, cùng bốn đứa bạn bắt đầu trói tay trói chun ông Tây ...Nói đúng ra năm cậu con nít này đều có cảm tưởng đang làm một việc động trời, cho nên trò nào cùng còn sợ sệt ngại ngùng . Ai mà khi không dám cầm roi quất vào mông đít một ông Tây ? Lại là ông Tây quan Ba ? Nhưng ngẫu nhiên được cơ hội đánh Tây, Tuấn tỏ ra háng hái nhất . Tuy rằng cậu không có thù oán gì ông Tây quan Ba này, trái lại, từ lúc mới gặp cho đến bây giờ, cậu và bốn đứa bạn đều kính mến ông và được hân hạnh chơi thân với ông, nhưng sẵn “ trò chơi “ kỳ quái và nguy hiểm này chính ông Tây bày đặt ra, và chính ông van lơn, năn nỉ các trò đánh đập ông. Tuấn bỗng nhiên cảm thấy từ trong thâm tâm nổi dậy sự vui thích dã man được đánh một ông Tây cho thỏa lòng “ái quốc hận thù “ . Đó là ảnh hưởng đột ngột và đầu tiên của những bài thơ ái quốc mà cậu đã đọc lén trong hai tờ báo bí mật “ Việt Nam Hồn “ và “ Le Paria “ .

Sự “ căm thù “ hoàn toàn vô ý thức, vì không lý do gì cả đối với cá nhân ông Tây Quan Ba rất hiền lành tử tế kia nhưng Tuấn sung sướng được dịp cầm roi quất trót, trót ! ... thật mạnh, thật đau, trên hai mông đít trần truồng của ông Tây, vừa chửi đã đời, vừa đánh đã đời :” Tổ cha thằng Tây ! Tao oánh cho chết mày ! Sao mày qua lấy nước tao ?... Sao mày bắt bỏ tù vua Duy-Tân của nước An Nam ?...Mẹ cha mày !... ”

Thật là một cơ hội hy hữu, vừa là một dịp đầu tiên trong đời trẻ con của các cậu học trò trường Tây được đánh một ông Tây ! Tuấn đánh nhiều hơn cả, liên tiếp ba cây roi tre đều đập nát hết . Rồi đến phiên ba trò kia cũng thi nhau mà đánh, mà chửi, một trò không dám đánh mạnh, một trò vừa đánh vừa cười . Ông Tây vẫn nằm yên, sấp mặt xuống đất, tay chân bị trói chặt bằng mấy vòng dây dứa to bằng ngón chân cái . Theo đúng lời căn dặn của “ khổ chủ “ năm trò đánh nát cả chục cây roi tre, để trên hai mông của ông

chẳng chịt những lần roi rướm máu, rồi gĩa muối thật cay để xát vào những lần máu kia . Quái lạ làm sao ! Ông Tây vẫn nằm yên, không hề tỏ vẻ gì đau đớn cả, và không kêu la một tiếng . Nhưng khi năm bàn tay học trò xát mạnh muối ớt lên những lần roi ứa máu, thì tụi này nghe ông bắt đầu rên rĩ ... Ông rên rĩ một giọng khoái trá, một giọng đê mê ...như tiếng mèo đực ôm ghì lấy mèo cái trong đêm khuya trên mái nhà .

Năm đứa học trò An nam không hiểu cái lối “ chơi “ gì lạ lùng quái gở của ông Tây .

Nửa giờ sau, “ cuộc chơi “ chấm dứt. Mười cây roi tre đã đập gãy xác xơ, năm muối ớt chà xát trên mông ông Tây cũng đã hết rồi . Ông nằm rên một lúc khá lâu, mắt nhắm riết gần mười phút đồng hồ, không quấy cựa .Năm cậu học trò ngồi xuống đất, hồi hộp đợi xem .

Tuấn khẽ bảo mấy đứa bạn :

- Nè, nếu ông ngồi dậy la làng xóm, thì tụi mình chạy trốn hết nhé . Đứa nào đứa nấy lên về nhà năm . Sáng mai đừng đi ra phố mà cũng đừng nói gì cho ai biết chuyện này, tụi bay nghe ?

Tất cả đều bản khoăn lo sợ . Trò Tuấn sợ nhất, vì chính trò cầm đầu vụ này và trò đánh ông Tây hăng hái nhất .

Ông Tây mở mắt mỉm cười, tuy nụ cười hơi mệt nhọc . Ông nói chậm rãi, uể oải, nhưng giọng nói thoải mái :

-Ah, mes enfants ! C'est bien ! C'est très bien ! Merci ! Merci ! (À, các con ơi, Giỏi lắm ! Giỏi tuyệt ! Cảm ơn ...cảm ơn ...)

Ông bảo tiếp :

-Maintenant, délivrez-moi de cette corde de coco .(Nào, bây giờ các con hãy cởi hộ cái dây dừa ra cho ta) .

Năm đứa học trò xúm lại mở dây trói ra cho ông rồi ông lấy áo quần mặc vào . Ông móc túi áo lấy cho thêm mỗi đứa 2 đồng bạc, vừa nói lâm râm trong miệng :

- Merci ! Merci ! (Cảm ơn ! Cảm ơn !)

Ông và lũ học trò kéo nhau xuống thành phố . Dọc đường, Tuấn hỏi cuộc “ chơi “ lạ ấy có ý nghĩa gì, và ở bên nước Tây người ta thích chơi kiểu đó làm sao?

Ông Tây mỉm cười đáp :

- Đó là một lối chơi riêng của người Âu-châu, nhưng chỉ có số ít người thôi, nhất là những người ở Hải quân, vì họ đi ngoài biển tháng này qua tháng nọ ít được tiếp xúc với đàn bà ...nhưng các con đừng nói lại chuyện này cho ai biết nhé !

Mấy cậu học trò vẫn chưa hiểu gì cả, và ông Quan Ba thuyền trưởng chiếc tàu Orénoque, cũng không nói thêm câu nào nữa . Hình như ông mắc cỡ, cho nên gập chiếc xe kéo bánh cao su đáng đi lang thang kiếm khách, rung lạch leng keng ...leng keng, ông Quan Ba vội vàng nhảy lên xe bảo chạy ra bãi biển .

Mấy hôm sau, chiếc Orénoque đã rời bến đi mất rồi . Tuấn mới dám đem chuyện đánh ông Tây Quan Ba ra thuật lại cho một vài vị giáo sư nghe và nhờ quý vị giải thích dùm cho ...Nhưng tất cả các giáo sư Tây và Nam và mấy thầy làm việc gần Tây đều không ai tin câu chuyện của Tuấn . Họ còn cho rằng Tuấn đặt chuyện nói láo .

Câu chuyện thắc mắc “đánh ông Tây “ vẫn còn in đậm trong đầu óc Tuấn mười mấy năm sau. Một hôm, ngẫu nhiên ở thư viện Hà Nội Tuấn đọc một quyển sách Pháp nói đến các chứng bệnh về tình dục (maladies sexuelles), có tả một câu chuyện giống hệt chuyện Tuấn đánh ông Quan Ba . Trong sách bảo lối “ chơi “ bệnh hoạn ấy gọi là Flagellation (đánh roi) . Nhưng vị bác sĩ, tác giả quyển sách cũng không giảng giải rõ ràng, chỉ phân tích một vài triệu chứng đau thần kinh mà thôi .

Vụ quan Ba tàu Orénoque do Tuấn và bốn đứa bạn nói cho nhiều người nghe, vài hôm sau cả thành phố đều biết . Và sau đó tám tháng, chiếc Orénoque trở lại cập bến, nhưng viên Công Sứ Pháp cai trị thành phố ra lệnh cấm ông Quan Ba lên bờ .

Có lẽ để giữ thể diện và uy tín chung cho người Pháp ở An nam chẳng ?

Tuấn và bốn đứa bạn vẫn khoe với mọi người rằng chúng đánh Tây mà được Tây thưởng tiền ! Lời khoe khoang của con nít còn khờ khạo, nhưng sự ngẫu nhiên được đánh Tây tuy là một hành động máy móc do chính ông Tây kia xúi dục để thỏa mãn một chứng bệnh tình dục của ông, nhưng không dè cũng chính là khởi điểm một thỏa mãn thầm lén được “đánh Tây

“ và “ chữ Tây “ của mấy học trò An nam 14, 15 tuổi đã đọc “ Việt Nam Hồn “ .

Tôi muốn đề nghị với bạn đọc, ta nán lại hơi lâu một tí trong năm 1924 này . Tôi muốn phác họa bức tranh sinh hoạt của xã hội Việt Nam, và riêng của thanh niên trong năm này đối với nhiều chi tiết nữa, về các phương diện tinh thần và vật chất, để rồi sang năm 1925 chúng ta sẽ chứng kiến một cuộc thay đổi toàn diện, do một vài yếu tố chính trị gây ra một cách bất ngờ . Các bạn sẽ thấy năm 1924 chấm dứt một giai đoạn của Lịch sử Việt Nam và đồng thời cũng chấm dứt một thời niên thiếu của chàng trai đất Việt mà sau này người ta sẽ gọi là Thế hệ thanh niên 1925.

Thế hệ này sẽ đóng góp một vai trò rất quan trọng trong Lịch sử Dân Tộc cho đến năm 1945...

1924, sự tiếp xúc với người Pháp ở toàn cõi Việt Nam, trên phương diện chính trị cũng như xã hội, đã được bình thường, sau tám năm thái bình an lạc, kể từ cuộc thất bại gần như âm thầm của phong trào Duy-Tân tháng 5 năm 1916.

Thời kỳ 1918-1924 là thời kỳ an ninh nhất trong Lịch sử đô hộ của Pháp ở khắp ba cõi Nam-Trung-Bắc kỳ, và người Pháp thường hãnh diện cho là thời kỳ “ Thái bình của Pháp “, nhờ nước Pháp tạo nên, họ gọi là "La Paix Francaise “.

Năm xứ Đông Dương do họ cai trị, gồm có Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao, Cao Miên, họ gọi là Indochine Francaise và được dịch ra danh từ chính thức là Đông Pháp . Uy tín của người Pháp ở đây lúc bấy giờ thật là lớn lao, địa vị của họ thật là bền vững, xét bề ngoài hình như không có sức mạnh nào làm lung lay nổi uy quyền của họ .

Lá cờ Pháp với ba màu nổi bật, bay rục rờ một mình trên ngai bá chủ, ngự trị khắp cõi bờ thuộc địa, uy nghi trên các thành quách lâu đài, phát phối trên mái nhà tranh nhà ngói ...

Việt Nam không có cờ, bởi lẽ rất giản dị là không có nước Việt Nam ! Chỉ riêng xứ Trung kỳ có lá cờ của Nam triều, nền vàng với một miếng cờ Pháp chiếm một góc trên bên trái, nhưng cờ này chỉ treo nơi cửa Ngọ Môn ở Huế và tại các tỉnh đường mà thôi . Dân chúng không ai treo cờ Nam triều (

cũng có chỗ gọi là cờ An Nam, có nơi gọi là cờ Khải Định . Từ 1932, cờ này đổi lại cờ mới, kiểu khác, dân chúng gọi là cờ Bảo Đại .) Và lại không ai bắt buộc phải treo “ cờ An Nam “ cho nên không ai may cờ ấy làm chi cho tốn vải, vô ích !

Ở Nam Kỳ chỉ treo cờ Pháp, mà dân chúng gọi là “ cờ Tam Sắc “ . Ở Trung Kỳ và Bắc kỳ gọi là “ cờ Tam Tài” . Trò Tuấn có hỏi vài ông Tú nhà Nho tại sao cờ Pháp (xanh trắng đỏ) lại gọi là cờ tam tài, các cụ giảng nghĩa :” cờ Đại Pháp gồm có Thiên Tài, Địa Tài, Nhân Tài, nên gọi là cờ Tam Tài “, Tuấn lại hỏi ai đặt ra danh từ ấy ? thì các cụ chịu thua . Một cụ Cử trả lời bông lông :” Chắc là có một ông Quan An Nam nào đặt ra như thế, để quan Tây vui lòng “. Một vài ông giáo sư Tây học trả lời cho Tuấn như sau đây :” Mầu xanh là tượng trưng nền da trời, cao siêu tốt bụng . Mầu trắng là trong sạch tinh khiết, quảng đại vô biên . Mầu đỏ là rực rỡ như vầng thái dương rọi khắp hoàn cầu .” Nhưng Tuấn tò mò, ham học hỏi, muốn biết đến nơi đến chốn, bèn hỏi thẳng một người Pháp, ông Charol, giáo sư Sử ký . Ông này giảng rõ ràng cho Tuấn nghe : "Lá cờ ba sắc của Pháp hồi khởi cuộc cách mạng 1789. Lúc bấy giờ nước Pháp còn là một nước quân chủ chuyên chế, lá cờ của nhà vua là màu trắng, dân chúng Paris nổi dậy đòi nhà vua phải chia sẻ quyền hành cho dân, và sau khi phá ngục Bastille, đòi vua phải triệu tập một hội nghị nhân dân . Chính trong hội nghị ấy, nhà lãnh tụ La Fayette đề nghị bỏ lá cờ trắng có hoa huệ (drapeau blanc fleur de lys) của vua, mà thay vào cờ của dân chúng thủ đô Paris, kèm hai bên màu trắng của vua . Lá cờ tam sắc được dân chúng hoan hô nhiệt liệt và từ đấy được coi là cờ cách mạng . Đến khi tòa án nhân dân diệt Vua Louis XVI và Hoàng Hậu Marie Antoinette để thành lập chính phủ Cộng Hòa, lá cờ tam sắc vẫn được chính thức nhìn nhận là lá cờ của Cộng Hòa Pháp quốc, lá cờ của nhân dân Pháp .

Tuấn nghe ông Giáo sư Pháp giảng rõ lịch sử lá cờ tam sắc, liền nhớ lại những lời giảng qua văn chương triết lý của mấy cụ nhà Nho và mấy vị giáo sư “ An nam “ . Tuấn nghĩ rằng các ông ấy chỉ muốn đề cao nước Pháp, và những kẻ nào đã đặt ra danh từ “cờ Tam Tài “ cũng chỉ có mục đích nịnh bợ người Pháp, không cần căn cứ đúng trên ý nghĩa lịch sử chân

chính của nó .

Trừ các nhà Cách mạng An nam đã đi ở tù, hoặc bị đày nơi xa (như đã nói ở một chương trên) còn hết thảy những người trí thức Nho học và Tây học mà trò Tuấn được dịp tiếp xúc, đều khen Tây và phụng Tây sát đất .

Như thế, xét về tình hình toàn diện đến cuối năm 1924, thì quyền bá chủ của người Pháp ở Đông dương đã được mặc nhiên công nhận . Không ai chối cãi rằng nước Pháp quả thật văn minh tiến bộ về khoa học hơn nước ta nhiều .

Một số trí thức Tây-học đã không ngần ngại, trong sách báo cũng như trong các bài diễn thuyết trước công chúng, tán dương vai trò lãnh đạo của nước Pháp, mà họ hãnh diện suy tôn là bậc nhất hoàn cầu .

Nhiều nhà báo kỳ cựu ở Nam kỳ thuộc vào hạng thượng lưu và trung lưu vẫn thường nói :” Thầy Đại Pháp của chúng ta “ . Các nhà Nho-học và Tây-học ở “ Trung, Bắc lưỡng kỳ “ lại ưa dùng những danh từ mới, mới đặt ra trong thời kỳ ấy, -- những danh từ rất thịnh hành mà người ta thường gặp luôn trong các sách, báo do các nhà “ Trí Thức An nam viết, và các bài diễn văn, như : Khai hóa, đốc văn minh, mẫu quốc, nhà nước bảo hộ, quan thầy Đại Pháp v.v... và những câu đại khái như :” Nhà nước Đại Pháp đến khai hóa cho dân An Nam ta “, “ dân An Nam ngày nay đã văn minh tiến bộ, ta phải nhớ đến công ơn Quan Thầy Đại Pháp “v.v... và v.v...

Nhiều người ưa lý sự nhất trong tỉnh, những tay ăn nói cừ nhất, thuộc về hạng trung lưu, nếu không đũa nịnh người Pháp, thì cũng cho rằng người Pháp cai trị xứ An Nam là một việc dĩ nhiên, không đem ra làm một đề tài mổ xẻ chỉ trích phê bình gì nữa cả.

Duy có tụi thiếu niên học sinh là ngây thơ chưa biết gì . Chính là học trò trường Nhà Nước, học chữ Tây đã khá, nói tiếng Tây đã trôi chảy, viết chữ Tây đã thông thạo văn phạm, đã biết diễn tả những câu văn bóng bẩy, chính bọn trai trẻ An Nam ấy đang được thấm nhuần văn học và khoa học tiến bộ của Pháp lại có những nhận xét hơn người lớn . Một vài việc mà Tuấn cũng như các bạn cùng thế hệ thanh niên, được mắt thấy tai nghe rõ ràng, đã gieo trong đầu óc của các trò một ý nghĩ không tốt đẹp gì cho người Pháp cả . Như việc ông Gabriel, giáo sư Toán, đã chửi người An Nam là “ giống dân

bản thủ “ – Sale race – là “ bọn dã man “ , -- sauvages, -- đã gây trong tâm trí các trò một mối căm hờn ngấm ngấm không dám thổ lộ . Hoặc giả như vụ ông Quan Ba tàu Orénoque đã bày ra trước mắt Tuấn và mấy đứa bạn, một “ trò chơi “ kỳ quái, ngoài sự tưởng tượng của tụi thiếu niên học sinh. Một buổi chiều ngồi hóng gió trên bãi biển Qui-nhơn . Tuấn nhắc lại vụ kia với mấy đứa bạn, rồi phê bình:” Thế thì người Pháp rất văn minh cũng có những cái rất dã man đấy ! Những kẻ nịnh Tây bợ Tây, có lẽ chỉ thấy bề mặt của Tây mà không thấy bề trái của Tây ...”

Đó là một vài ý nghĩ rất giản dị của các cậu học trò đã được tiếp xúc gần gũi với Tây .

Biết bao nhiêu người Pháp đã làm cho Tuấn thán phục văn chương, tư tưởng, triết lý, khoa học của Pháp . Tuấn đã nghiên ngấm say mê những tiểu thuyết hấp dẫn của Bernardin de Saint Pierre, của Lamartine, Chateaubriand, Alphonse Daudet, những bài thơ bất hủ của Victor Hugo, Théophile Gautier, André Chénier, Alfred de Musset, những bản kịch thâm thúy, cao siêu, xúc động của Corneille, Racine, những thuyết minh khoa học, y học của Lavoisier, Pasteur..., những cử chỉ anh hùng, những danh ngôn thâm thúy của Danton, Mirabeau, La Fayette, Napoléon...

Còn biết bao nhiêu những danh nhân khác nữa, mà Tuấn đã học hỏi say mê trong các sách giáo khoa Pháp của lớp Đệ Nhất niên!

Ấy thế mà chỉ có vài người Pháp, một giáo sư Toán chửi Tuấn là “ giống An Nam bản thủ “,” người An Nam mọi rợ “, và một viên Quan Ba tàu thủy cời trần truồng bảo mấy đứa học trò cầm roi đánh vào mông đít và xoa muối ớt lên những lằn roi rướm máu, hai người Tây điển hình ấy đã làm cho Tuấn tự nhiên mất hết nhiều lòng yêu chuộng say mê của Tuấn đối với cả một nước Pháp đầy rẫy những danh nhân vĩ đại !!

Tuấn, thiếu niên nước Việt, tâm hồn còn ngây thơ, trong trắng, đã bắt đầu nhìn thấy một vài khía cạnh thực tế khả ố, khả bỉ của nước “Đại Pháp “ văn minh oai vệ kia .

Tuy thế, tụi “ lăc-léo-me-dòng-lô”, vẫn lo học hành yên ổn, tính nết vẫn ngoan ngoãn giữa một xã hội đầy ngập ảnh hưởng Pháp, mà từ quan đến dân đều một loạt cúi đầu tuân theo Nhà Nước Bảo Hộ . Từ Bắc chí Nam,

tuy ba miền sống trong ba chế độ và hoàn cảnh chính trị khác nhau, nhưng trên bình diện tâm lý xã hội, đại để vẫn là một xã hội trường giả, nửa tân nửa cựu, nửa An Nam, nửa Tây, riêng biệt hẳn, dưới một tầng thấp kém đối với các lớp “ trường giả thuộc địa “ của người Tây .

Mọi người dân đều an tường thủ phận, hầu như thỏa mãn trong cảnh sống thái bình, mà các cụ nhà Nho gọi là “quốc thái dân an “ dưới quyền đô hộ của “ Quan Thầy Đại Pháp “.

Kỳ nghỉ hè năm 1925, trò Tuấn về ở chơi nhà bà ngoại trong một làng ở gần giã Trường Sơn . Một buổi chiều, mặt trời gần lặn, bỗng có một ông Tây đóng lon Quan Một cỡi con ngựa ô, với bốn người “ Lính Tập “ đi bộ, từ ở đồn Huyện cách đó 10 cây số, đi thanh tra các làng gần núi . Quan Một ghé ở đêm tại nhà ông Xã . Nửa giờ sau cả làng đều biết tin .

Trẻ con hàng xóm chạy trốn hết . Vài ba đứa ẵm em, thân thể trần truồng, bần thiêu, mũi dãi lòng thòng, còn chơi ngoài đường, cha mẹ chúng nó liền gọi chúng vào nhà và rầy la, không cho chúng bước ra khỏi ngõ . Họ sợ ông Quan Tây . Trò Tuấn quen tánh tò mò, mặc áo cụt, mang guốc, đến nhà ông Xã để xem ông Tây làm gì . Các ông Hương chức đều đến đông đủ để chào Quan Một . Ông Quan ăn bánh mì và cá mèi hộp của ông đem trong một cái "sac", rồi uống một tô nước trà tươi do dân làng nấu . Bà Xã và cô con gái nhỏ của bà thì vội vã làm thịt ba con gà mái và dọn một bữa cơm như mâm giỗ có hai đĩa cá, ba đĩa thịt, một bánh tráng, với hai chai rượu, đãi bốn “ bác lính “ . Họ ăn uống say sưa, ở nhà giữa, đòi hỏi đủ thứ, trong lúc ông xã khăn đen áo dài, trải chiếc chiếu hoa trên tấm ván gỗ trước bàn thờ ông bà, để mời Quan Lớn nằm nghỉ . Đêm ấy, ông Xã và cả gia đình nằm ngủ trên đất nhà bếp, nhường mấy tấm phản và chiếc giường tre kê ngoài hè cho bốn bác lính Tập nằm .

Vào khoảng 9 giờ đêm, có lẽ tại trời nóng nực quá ông Tây ngủ không được, ông cưỡi ngựa ô đi lang thang trên các đường làng . Ông đi một mình, không có lính nào đi theo hộ vệ cả . Trời sáng trăng, ông đi quanh khắp các xóm, dưới bóng các bụi tre . Ông đi tới đâu, chó sủa tới đó, rồi dần dần tiếng chó sủa vang dậy khắp cả xóm trên, xóm dưới . Chó An nam cũng biết đánh hơi người ngoại quốc hay sau mà Tuấn ngồi ngoài ngõ hóng

gió, nghe tiếng chó sủa náo động nhất ở xóm nào thì biết ông Tây cỡi ngựa đi qua xóm ấy . Khi ông cỡi ngựa ngang qua ngõ nhà bà ngoại của Tuấn, con chó Vện trong sân nhảy vồ ra sủa, bị ông Tây cầm roi cá đuối quất một cú thật mạnh trúng ngay lưng nó . Con Vện kêu ăng ăng mấy tiếng, vừa chạy vô bụi sủa ra càng giận dữ hơn . Tuấn cũng phẫn uất đứng dậy nói một câu tiếng Pháp :

- Vous avez fait du mal à mon chien, monsieur . (ông đánh con chó của tôi đau điếng đấy, thưa ông) .

Viên quan Một quay lại ngó Tuấn, rồi gò cương ngựa hỏi cậu bé :

- Tiens ! Tu parles francais ? (À, mà nói tiếng Pháp ?)

Tuấn đáp :

-J ' en sais à peine quelques mots . (Tôi chỉ biết qua loa đôi ba tiếng)

Ông Tây xuống ngựa, cột ngựa vào một gốc cây rồi đến gần Tuấn . Tuấn nhìn kỹ thấy khuôn mặt của ông Tây còn trẻ và na ná giống An nam . Tuy nước da trắng, tóc quăn, nhưng đặc biệt cái mũi không cao, tròng con mắt đen và tóc cũng hơi đen . Tuấn ngạc nhiên, vì tất cả những người Pháp mà Tuấn biết được chực người, kể cả các giáo sư đều mũi cao tóc hoe, mắt thau, hoặc xanh, hoặc đục ngầu . Và lại giọng nói của ông Tây Quan Một cũng không thật là Tây lắm .

Ông hỏi, Tuấn trả lời bằng tiếng Pháp . Một lúc sau, có lẽ ông thích nói chuyện với một thằng học trò ở nhà quê nói được tiếng Tây chút ít, ông cao hứng bảo nó (dĩ nhiên là ông nói tiếng Pháp), nhưng đây xin chép lại bằng tiếng Việt :

- Mẹ tao cũng là người An na mít, nhưng bà không phải là một nhaque. Tuấn không hiểu hai chữ "nhaque ", và hơi thắc mắc sao tiếng Pháp lại có một chữ lạ lùng như thế . Thấy Tuấn trố mắt ngó, ông cười hỏi :

- Mà hiểu một " nhaque " là gì không ?

- Thưa không, tôi chưa thấy chữ ấy bao giờ cả .

- Mà có một quyển tự điển Larousse ?

- Thưa có .

- Thế thì mà thử tra trong đó xem . Mà có tìm hết cả quyển Larousse cũng sẽ không thấy chữ ấy đâu ? Nhaque là nhà quê .

Ông Quan Một nói tiếp :

- Tao, tao cũng nói tiếng an-na-mít giỏi lắm, nhưng tao không nói, bởi vì đó là tiếng nói của những người nhaque . (Ông đọc theo giọng Tây là gnak!)

Trong lúc ông nói chuyện với Tuấn, con chó Vện cứ chạy ra chạy vào sủa mãi . Nó sủa oang oang lên, hình như muốn đuổi ông Tây đi phứt cho rảnh . Ông Quan Một cười, chỉ nó :

- Ngay như con chó của mày, nó cũng là một con chó nhaque. Chó Tây đẹp hơn, và ...lễ phép hơn (les chiens Francais sont plus jolis et plus...polis).

Tuấn mắc cỡ, hết muốn nói chuyện với ông Quan Một . Bây giờ Tuấn đã biết rõ ông là Tây lai, cha Pháp mẹ An nam, nhưng ông lại khinh miệt người An nam quá . Ông cho tất cả người An nam đều là “gnak” chỉ trừ ra mẹ ông .

Tuấn hỏi lại, cũng bằng tiếng Pháp :

- Thưa ông, mẹ ông là người An-na-mít, mà bà có ghét người “ nhaque “ không ?

- Mẹ tao không phải là nhaque. Bà là con gái một vị đại thần ở triều đình An nam . Nếu tao muốn, tao có thể làm một ông Quan Lớn An-na-mít, nhưng tao thích làm ông Quan Tây hơn . Mày cũng vậy, mày đi học, sau này mày thi đỗ, mày cũng sẽ là một ông quan nho nhỏ của nhà nước Đại Pháp Bảo Hộ .

Tuấn cười bảo :

- Nếu tôi thi đỗ sau này, tôi sẽ không làm quan .

- Vậy thì mày sẽ làm gì ?

- Tôi sẽ làm thằng nhà quê.

Ông Quan Một nghiêm nét mặt, tỏ vẻ giận, và mắng Tuấn :

- Imbécile ! (Mày ngốc !) .

Tuấn trả lời :

- Que voulez-vous ? Mon père est nhaque, ma mère est nhaque, j aimerais rester nhaque même quand je serais un licencié ou un docteur-ès-Lettres ...

(Ông nghĩ coi, cha tôi là nhà quê, mẹ tôi là nhà quê thì tôi cũng sẽ thích là nhà quê, mặc dầu chừng đó tôi sẽ là Cử nhân hay Tiến sĩ Văn chương Pháp ...)

- Mày còn nhỏ quá, mày chưa biết gì hết . Nhưng mày nên biết rằng ở Nam kỳ tất cả những người An-na-mites học ở Paris về, đỗ các bằng cấp Đại học Pháp vô dân Tây hết .

- Mỗi người có một ý thích riêng . Tôi còn nhỏ tuổi, tôi thích học chữ Pháp, tôi rất yêu các Thi sĩ, Văn sĩ Pháp, các nhà Bác học Pháp, các bậc anh hùng Pháp, nhưng tôi vẫn yêu nước An-nam hơn, tôi thích người An-na-mít hơn, mặc dầu họ là nhà quê .

Tuấn bực mình vì con Vện nó cứ sửa hoài . Bây giờ nó lại đến đứng dựa vào chân Tuấn và nhìn ông Tây Quan Một mà sửa mãi, sửa mãi . Tuấn cười nói với ông Tây Quan Một :

- Thưa Quan Một, xin ông cho phép tôi đem con chó vào nhà cho nó ngủ, kéo nó cứ sửa hoài. Kính chào ông .

Khi ông Quan Một lên ngựa đi và trò Tuấn cũng quay trở về nhà, đã 11 giờ khuya, thì Tuấn thấy bà ngoại ngồi nấp sau hàng rào nghe lỏm chuyện của cháu mình đối đáp với Quan Một . Nhưng không phải một mình bà ngoại Tuấn, còn lù lù sau các bụi rậm đứng lên chín mười người đàn ông đàn bà lối xóm đi ngả sau đến đấy rình nghe tạt hôi nào .

Tất cả đều trầm trồ khen Tuấn :

- Chà ! Thằng Tuấn nói tiếng Tây với ông Quan Một nghe hay quá, hỉ !

Rồi họ xúm lại hỏi :

- Ông Tây nói chuyện gì vậy, Tuấn ?

Tuấn cười đáp :

- Ông nói chuyện ba-lãng-nhăng chơi cho vui, chớ có gì đâu .

Ba tháng sau, đúng một tháng sau ngày nhập trường, một buổi sáng thứ Hai, hồi 10 giờ, anh cai trường vào lớp đưa một tờ giấy cho ông giáo sư, ông giáo xem xong bảo Tuấn lên văn phòng quan Đốc.

Ông Đốc trừng mắt ngó Tuấn :

-Mày là một thằng có đầu óc xấu (un mauvais esprit) .

Tuấn ngỡ ngác chưa hiểu gì, thì ông “Đià-réch-tơ “, một nhà mô phạm Pháp rất nghiêm khắc, nói tiếp :

-Trong kỳ nghỉ hè, mày nói chuyện gì với ông F. trong khi ông đi kinh lý trong làng mày ?

Tuấn sợ hãi, ấp úng không trả lời được . Vì Tuấn không ngờ câu chuyện phiếm đối đáp với ông Tây-lai Quan Một trong đêm hè trước cổng nhà bà ngoại, đã lọt đến tai ông “Đìa-réch-tơ “ . Chắc là ông Quan Một không bằng lòng một vài lời nói của Tuấn, và viết thư mết ông Đốc chẳng ?

Ông Xã trong làng đã cho Tuấn biết trước rằng, sáng hôm sau ông Quan Một có hỏi ông Xã về “đứa học trò nói được tiếng Tây đó là ai ? “. Ông Xã có nói rõ cả tên họ, học trường nào, và ông Quan Một có ghi trong một quyển sổ mà ông đem theo để biên chép những điều ông nghe thấy trong các hương thôn .

Tuấn bị ông “Đìa" mắng cho một trận nên thân .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 28

1920 - 1924

- *Thầy giáo " trai gái với học trò " là một việc " động trời " ! Bị hội đồng Kỷ-luật nhà trường khiển trách và đổi đi nơi khác.*

- *Thanh niên và học sinh nam-nữ không bao giờ biết dùng câu " anh yêu em " , "em yêu anh " và ít dám chơi thân với nhau.*

- *Một thầy giáo " Cộng sản " bị các đồng chí bóc-lột lấy luôn cả vợ thầy làm "của chung ".*

1924, thầy giáo mà yêu học trò là một điều hy hữu , một việc “động trời” không những gây ra dư luận xôn xao ở trong học đường mà “ tai tiếng “ còn tràn lan cả thành phố . Không riêng gì ở Qui-nhơn nơi Tuấn đang trọ học , mà ở khắp các trường học trong nước , ở Trung kỳ cũng như ở Bắc kỳ , Nam kỳ , mặc dù Nam kỳ là thuộc địa của Tây , sống dưới một luật pháp tự do rộng rãi hơn . Tiếng thông thường chưa gọi là "yêu". Người ta bảo :

* Thầy giáo “ trai gái “ với học trò -- tiếng miền Trung

* Thầy giáo " phải lòng " cô học trò -- tiếng miền Bắc.

*Thầy giáo "mèo " với học trò -- tiếng miền Nam.

Mối tình ấy bị coi là “ vô luân thường “ , “ vô đạo đức “ , bị dư luận của các gia đình phụ huynh học sinh , dư luận của toàn thể xã hội , phê bình nghiêm khắc . Không một ai bênh vực che chở cho cuộc "tình duyên tội lỗi “ ấy .

Tuấn còn nhớ hồi học lớp Nhất ở tỉnh nhà , một thầy trợ giáo độ 20 tuổi ở Huế mới đổi tới , dạy học suốt một niên khóa mà không bao giờ dám nói một câu bông đùa với bốn cô học trò , 16, 17 tuổi trong lớp . Nữ sinh và thầy giáo không hề trao đổi một nụ cười , một tia mắt , hoặc hỏi han một câu gì ngoài những bài học trong chương trình . Các cô đề xưng với thầy một tiếng “ con “ rất cung kính .

Ấy thế , mà khi Tuấn vào học trường Trung-học Qui Nhơn lúc gần mãn niên khóa , bỗng dưng nghe xảy ra một chuyện thầy giáo “ trai gái “ với

học trò . Không phải ở lớp Tuấn , vì từ lớp Đệ nhất niên (1ère Année) trở lên , không có nữ sinh . Những cô thi đỗ bằng "Primaire “ ở các tỉnh đều ra Huế học trường Đồng-Khánh , trường Nữ Trung học duy nhất , lừng lẫy tiếng tăm ở Trung kỳ .

Lớp Nhất trường Qui Nhơn có 6 cô nữ sinh : Yến , Nhạn , Lại , Thục , Trâm , Anh . Trò Tuấn nhớ tên sáu cô là nhờ một đêm trời mưa , trò có đến chơi nhà trọ của bốn cô sau , và làm một bài thơ đùa nghịch tặng các cô :

Yến , Nhạn đa tình ,

Trâm , Anh : duyên trinh

Thục : lưng quần đỏ ,

Lại , nhỏ xinh xinh .

Yến và Nhạn là hai chị em ruột , con gái một bà Quan Lớn , góa chồng mà học trò đồn là tình nhân của ông “Đià-réc-tơ “ và cả của ông Gabriel , giáo sư Toán . Bà rất đẹp , và hai cô cũng rất đẹp , có vẻ quý phái , trông đa tình ghê . Trâm và Anh độ 15, 16 tuổi , duyên dáng mặn mà , lại hay bẽn-lẽn , đi học cứ che nghiêng cái nón gò-găng , sợ học trò con trai nhìn mặt . Thục , nước da ngăm ngăm đen , đi rất chững chạc , và chuyên môn mặc quần trắng đầm đen mà lưng quần thì may bằng vải cầu-kiều đỏ loét . Trò Tuấn cứ chế nhạo cái màu đỏ ấy hoài , nhưng Thục không bao giờ thay lưng quần màu khác . Cô Lại , con gái bà chủ trọ của các cô , người nhỏ bé xinh xắn , và rất vui tính , cứ theo chọc trò Tuấn hoài . Nói đúng ra , thì cô nào cũng ưa “phá rầy “ trò Tuấn , và những đêm trời mưa . Chủ Nhật , thứ Năm , Tuấn thường đến nhà trò chuyện với bốn cô . Tuấn nói chuyện đời xưa đời xưa , chuyện tam hoàng ngũ đế , chuyện rồi ngâm thơ đánh đàn , hoặc chỉ dùm các cô về Pháp-văn , vì cô nào cũng ngán văn phạm . Bốn cô cứ ra phố mua kẹo thèo lèo , một xu được một gói , về lo lót cho Tuấn , để nhờ Tuấn “gà“ cho bài Luận Pháp văn.

Lần nào thầy giáo chấm bài luận của bốn cô cũng cho nhiều điểm . Tụi học trò con trai lớp Nhất cứ thua điểm bốn cô con gái , và bị thầy la rầy , tức mình đi rình các cô , nhưng không bao giờ bắt gặp các cô mua kẹo thèo lèo để hồi lộ cho Tuấn . Mãi sau này , ba bốn chục tuổi , Tuấn vẫn ghiền kẹo thèo lèo , nguyên do cũng tại các cô ấy . Tuấn đánh đàn không hay , chỉ

từng -từng –từng một đôi bản hành vân , lưu thủy , thơ thì tập tễnh năm ba vắn cóc nhái , nói chuyện thì lung tung thiên địa , nhưng bốn cô học trò lớp Nhất lại thích chơi với Tuấn . Có lẽ vì Tuấn học lớp trên , và chỉ có Tuấn là thường đến nói chuyện vui với các cô trong những đêm mưa buồn , ớn-ớn lạnh ...

Các trò khác mắc cỡ , đâu dám bước chân đến căn nhà trọ mỹ miều nghiêm trang ấy . Nhiều đêm trời mưa tầm tã , các cô muốn Tuấn ở lại , Tuấn kể những chuyện tình Tây phương rất cảm động , mà Tuấn đã đọc trong các bộ tiểu thuyết Pháp , Graziella chẳng hạn , hoặc Andromaque, Télémaque, La Dame aux Camélias, bốn cô hồi hộp ngồi nghe , bốn cặp mắt huyền mở cùng uống trên môi Tuấn những lời ngây ngô thơ mộng . Cho đến hai ba giờ khuya , nghe dứt chuyện , bốn cô say sưa lăn ra ngủ trên giường , trong chiếc mùng trắng xóa . Trò Tuấn cũng buồn ngủ quá rồi , nằm chèo queo trên chiếc ghế dài , lạnh ngắt . mưa dầm dề , gió rít hiu hiu . Trò thiu thiu ngủ , nhưng vẫn cảm thấy như có mấy bàn tay dịu dàng khẽ đắp lên cho trò hai chiếc chiếu hoa . Lúc bấy giờ chưa có mền . Ngọn đèn Huê-kỳ hết dầu đã tắt ngấm từ bao giờ .

Một số đông học trò lớp Nhất và lớp Đệ Nhất niên đồn đãi rằng trò Tuấn “ trai gái “ với bốn cô học lớp Nhất , ở trọ nhà bà Mười . Nhưng đấy chỉ là lời đồn xuyên tạc , hoàn toàn “ vô căn cứ “ . Chứ “ trai gái “ làm sao được với bốn cô một lúc , và trò Tuấn mới có 16 tuổi , các cô học lớp Nhất cũng mới có 14, 15 tuổi thì biết gì mà trai gái ?

Nói có Trời làm chứng , trò Tuấn với bốn cô bạn gái có giao du thân mật với nhau thật sự , nhưng chỉ thân mật trong cái vòng lẩn quẩn loanh quanh của tình học trò , chứ chưa bao giờ họ trao đổi với nhau một lời hứa hẹn “ tư-lơ-mơ “ , hoặc một câu tâm tình say mê rạo rức ...

Năm 1924 , trong đám học sinh “ An nam “ , chưa ai được nghe văng vẳng câu :” anh yêu em “ hay “ em yêu anh “ . Mặc dầu là những học trò đã to đầu , lớn xác , học ở các lớp Đệ Nhị , Đệ Tam niên , cũng chưa ai biết hôn môi , hôn má là gì . Không bao giờ người ta thấy bóng một cặp thanh niên , thiếu niên nam nữ , đi chung với nhau ngoài phố , hay bất cứ ở đâu . Con gái riêng phần con gái , con trai riêng phía con trai , gặp nhau trước cổng

trường , cũng đi né sang bên , trông thấy nhau ngoài đường phố cũng không đứng lại ngó nhau cười , hay nói vài ba câu chuyện .

Chuyện “ trai gái “ không phải là không có . Ở thời nào , nơi nào mà không có “ trai gái “ Nhưng “ trai gái “ chỉ viết một vài lá thư kín đáo gửi lén cho nhau , thêu cho một vài chiếc khăn , gửi cho một vài chiếc bánh ... Thế thôi .

Dù có thể non hẹn bẽ cũng chỉ trên giấy mực, tuyệt nhiên không có cô cậu nào dám cặp tay nhau đi nhớn nhợ ngoài phố , hay đem nhau ra ngồi ngoài bãi biển , hay trên động cát mênh mông .

Ấy thế mà bỗng nhiên xảy ra vụ thầy giáo lớp Nhì “ trai gái “ với cô học trò trong lớp , làm câu chuyện đầu môi cho toàn thể mấy trăm học trò cả trường .

Thầy còn trẻ , người Huế , vào khoảng 20,21 tuổi , chưa có vợ . Cô học trò cũng người Huế , độ 14, 15 tuổi . Một buổi tối , khoảng 8 giờ , trò Tuấn đi lang thang hóng gió trên con đường vắng vẻ trước trường . Tình cờ trò thấy hai bóng trắng trong một xó tối gần một ngôi mộ vôi . Đường này xưa có tiếng là có nhiều ma , vì trước kia là một nghĩa địa , mồ mả ngổn ngang trên một động cát hoang vắng .

Tưởng hai bóng trắng là hai con ma , Tuấn vụt chạy . Một lúc sau , một cậu học trò khác đi xe đạp ngang qua đấy , trông thấy hai bóng trắng cũng tưởng là ma , cũng cầm đầu khom lưng đạp xe thật nhanh . Hai trò gặp nhau ở trước cửa nhà Lao , cậu nào cũng hớt hơ hớt hải nói chuyện với một người lính tập :” có hai con ma mặc toàn đồ trắng hiện lên ở chỗ Mả Vôi ngoài gốc sân trường” . Người lính tập bảo :” Ma đâu nào ? Các cậu chỉ tôi xem , tôi oánh nó chết ngay bây giờ “ . Người lính mang súng đi với hai cậu học trò trở lại chỗ Mả Vôi . Hai bóng trắng đứng sát gần nhau , và yên lặng , không nhúc nhích . Người lính nạp đạn vào súng rồi hô lớn :” Có phải ma không ? Tôi bắn chết chịu đấy nhé “ . Bỗng “ ma “ cất giọng run run :” Không phải ma . Đừng bắn tui tui “ . Ma nói giọng Huế . Người lính lại bảo :

- Không phải ma , thì ai ? Xưng tên lên , không thì tôi bắn .

Ma tự giới thiệu :

- Tôi là thầy giáo.

Ma đùng đĩnh đi ra ...

Tuấn vẫn còn lạnh xương sống , vì trò nghe người ta nói rằng ma thường giả dạng làm người . Bóng ma mỗi lúc mỗi hiện ra rõ rệt với chiếc áo dài trắng , quần trắng , tà áo phất phơ trong gió . Tuấn chăm chú nhìn dưới chân ma , nếu phải là ma thì chân đi lơ lửng trên không khí , còn trái lại nếu chân đạp trên đất thì đúng là người . Tuấn vô cùng ngạc nhiên thấy bóng trắng bước đến gần trò chính là thầy giáo lớp Nhì , thầy L.

Lễ phép , Tuấn và người học trò kia đều khẽ cúi đầu :” Thưa chào thầy “ .

Câu chuyện tò mò của bác lính tập và hai cậu học trò đáng lẽ đến đây có thể chấm dứt được rồi . Không dè bác lính tập quái ác , lấy tay chỉ một bóng trắng còn đứng yên bên Mả Vôì trong bóng tối lờ mờ ghê rợn , vì đường phố không có đèn . Y hỏi :

- Còn con ma nào kia nữa ?

Thầy giáo lớp Nhì lính ...quỳnh , bập bẹ trả lời :

- Cô em ...em của tôi đấy.

- Kêu em thầy ra đây . Sao lại đứng đó ?

Bóng trắng cứ đứng yên một chỗ . Người lính hăm dọa :

- Không ra đây , tui bắn chết chịu à !

Bây giờ trò Tuấn mới nhận thấy là người lính tập hơi say rượu , giọng nói của y hơi lè nhè . Thầy giáo L. lên tiếng gọi :

- Đi ra , em !

Bóng trắng đùng đĩnh bước ra . Trời tối , Tuấn chưa trông rõ mặt , chỉ thấy thoáng qua hình dáng thiếu nữ , Người lính say rượu hỏi :

- Cô làm gì chỗ cái Mả Vôì đó ?

Giọng cô thiếu nữ Huế trả lời rất nhỏ :

- Dạ ...có làm chi mô ...

Tuấn bước kề lại xem , bỗng reo to lên :

- Tưởng ai , cô Hoa học trò lớp Nhì đây mà !

Người lính tập say , tay cầm súng lại ngó thầy giáo và tiếp tục hỏi :

- Thầy làm chi trong nớ với cô học trò nhỏ ni ?

- Nó là ...em ...của tôi ...Nó đi tiêu ...nó sợ ma ..tôi phải đi với nó ...

Người lính phá lên một trận cười làm tan vỡ cả bầu trời vắng lặng . Anh ta quay lại ngó thầy giáo :

- Thôi , xin chào thầy , hi !

Giọng nói khô hài , mỉa mai , cay đắng , điếm theo một tràng cười kế tiếp , sặc sụa , vang cả động cát và khu Học đường . Người lính đi xa xa ...biến hẳn nơi mút đường tối om , nhưng tiếng cười của anh cứ còn văng vẳngHả ! ...hả ! ...hả ! ...hả ! ...

Hai cậu học trò cũng vụt chạy mất , để lại cho hai bóng trắng còn tần ngần giữa đường , một chuỗi cười hăng hắc ...

Sáng hôm sau hai cậu phao ra cái tin “động trời “ cho cả trường và cả thành phố Qui-nhơn hay : thầy giáo với cô học trò .

Mấy hôm sau , cô Hoa , học trò lớp Nhì không đi học nữa , và anh “ planton “ (tùy phái) , nhà trường có thóc mách cho học trò biết rằng thầy Trợ giáo lớp Nhì bị Conseil de Discipline (Hội đồng kỷ luật) của các giáo sư và ông Đốc khiển trách nặng nề . Ít lâu sau thầy bị đổi đi tỉnh khác . Theo mấy cậu học trò ở Huế cho biết thì thầy giáo và cô học trò cả hai đều quê quán ở Đế Đô , đã về làm đám cưới tại Huế trong kỳ nghỉ hè năm ấy . Thà như thế còn hơn ! Vì giá như trò Tuấn không trông thấy hai bóng ma ở Mã vô trong một đêm tối trời , thì biết đâu cuộc tình duyên vụng trộm của thầy giáo và cô học trò lớp Nhì sẽ có thể đổ bể tùm lum ra nữa mà hậu quả sẽ tai hại biết bao nhiêu .

Vụ Thầy giáo trai gái với học trò làm xôn xao dư luận ở học đường và cả thành phố suốt một tháng trời . Thỉnh thoảng về sau , người ta vẫn còn ưa nhắc lại . Nhưng riêng trong đám nữ sinh , không hề có một lời bình phẩm . Các cô mặc cỡ . Không ai bảo ai , tất cả các cô đều giữ thái độ hoàn toàn im lặng trước tai tiếng ấy . Có lần Tuấn dựa hơi quen thân với bốn cô lớp Nhất , Trâm , Anh , Lại , Thực , đánh bạo hỏi các cô :

- Sao , các cô có bệnh vục con nhỏ học trò lớp Nhì với thầy trợ giáo Liên không ?

Tức thì cô Anh đánh vào cánh tay Tuấn một cái đau điếng :

- Anh Tuấn kỳ quá ! Hỏi chi chuyện nớ ?

- Hỏi cho biết chơi !

Nhưng không một cô nào muốn trả lời , Tuấn mới kể lại câu chuyện gặp ma (kể lần thứ ba , thứ tư ...) và cười giỡn , cố ý tạo ra không khí thân mật hơn để các cô thoải vài câu tâm sự . Mãi khuya gần đi ngủ , cô Trâm mới vừa ngáp vừa nói :

- Có con Hoa nó thành yêu , thành tinh như vậy , chớ con gái gì mà lẳng nhăng thế bao giờ .

Cô Lại cắt ngang :

- Ối ! Nói làm chi chuyện xấu xa nó mà nói hoài !

Tuấn lại hỏi cô Thục , cô lưng quần đỏ và giày lưng đỏ . Cô này theo đạo Thiên Chúa .

- Còn cô Thục , cô nghĩ sao ?

Thục đỏ mặt tía tía , hai mí mắt cứ chớp lia lịa . Cô mặc cờ không nói , hỏi mãi cô mới trả lời :

- Chúa không tha cho những tội lỗi như vậy đâu .

Tóm lại , thân lắm mới được nghe các cô nữ sinh tỏ bày “ quan điểm “ và tất cả đều cương quyết kết tội thầy trợ Liên và cô học trò lớp Nhì .

Cả thành phố không có được một người đàn ông nào lên tiếng bào chữa cho thầy trợ giáo , hoặc một người đàn bà , một cô gái , bênh vực cho cô học trò lớp Nhì .

Trong hoàn cảnh “ thuần phong mỹ tục “ của xã hội An nam 1924 như vừa phác họa , thật không có chỗ nào cho một tình duyên tự do lẳng mạn . Tôi đã nói “ thế hệ ấy chưa dám dùng chữ “ yêu “ và chưa có ai dám thực hiện “ tình yêu “ số sàng công khai .

Đôi “ trai gái “ chỉ nói “ thương “ nhau . Chữ “ thương “ ấy có thể chứa đựng một cảm tình rất thiết tha , nhưng vẫn lén lút , gìn giữ , sợ sệt . Cho nên có câu thông dụng “ thương vụng nhớ thầm “ và truyền thống tình cảm vẫn chặt chẽ ở Trung kỳ cũng như ở Bắc kỳ và Nam kỳ , ở thành thị trong đám trí thức và thanh niên Tây-học cũng như ở hương thôn .

Bây giờ tôi xin kể chuyện một thầy Trợ giáo lớp Năm , thật là buồn cười . Không phải là một vụ trai gái , mà là một vụ “ cộng sản “ . Năm 1924, Cộng sản đã bắt đầu tuyên truyền bí mật trong các giới gọi là “ trí thức “ nhất là giáo giới . Dĩ nhiên là “ Quan Tây “ và “ Quan An nam “ không hề

biết một tí gì về các sự kiện ấy , cũng như họ chẳng biết gì về hai tờ báo Le Paria và Việt Nam Hồn (của Đảng Độc Lập Việt Nam ở Pháp hoàn toàn không có dính líu gì với cộng sản cả) .

Trong toàn thể đám Đốc học (Giáo sư tốt nghiệp Cao đẳng đại học Hà nội) và Trợ giáo ở Qui-nhơn , chỉ có mỗi một thầy trợ giáo lớp Năm là theo lý thuyết Cộng sản , và thầy hiểu Cộng sản với ý nghĩa tuyệt đối giản dị là tất cả của cải đều là của chung . Chính trò Tuấn cũng được thầy Trợ giáo lớp Năm rủ đến nhà thầy chơi , và tuyên truyền . Hình như không những riêng ở nhà trường , mà kể cả thành phố Qui-nhơn , chỉ có mỗi một thầy Trợ giáo lớp Năm là theo Cộng sản , nghĩa là theo chủ trương như thầy thường tuyên bố :”ở đời muôn sự của chung . Không có vật gì là riêng của ai cả “ .

Thế rồi một hôm có một anh thợ chụp hình (tuy là người thợ chụp hình duy nhất trong thành phố , nhưng tiệm anh vẫn nghèo nàn) đến xin vô đảng , và nói :” Tôi cũng xin theo làm cộng sản đệ tử của thầy “ .

Thầy mừng quá , và khi anh thợ chụp hình đã biết trước rằng thầy có một cái máy chụp hình mới mua , anh hỏi :

- Thưa thầy Trợ , thầy đưa cho em cái máy đó để em dùng được hông ?

Trung thành theo thuyết cộng sản của thầy , thầy Trợ vui vẻ đưa máy cho anh thợ chụp hình . Hai hôm sau , một thầy Thông làm việc ở sở Thương chánh đến nói với thầy Trợ :

- Tôi đến đây xin làm đệ tử Cộng sản của thầy đây .

Thầy Trợ vui mừng nhận người đệ tử mới . Nhưng thầy Thông Thương chánh biết nhà thầy Trợ có một máy hát và 20 đĩa cải lương , liền bảo :” Thầy cho tôi cái phonographe và 20 cái Disques đó về vắn nghe hỉ ? “

Thầy trợ rất sốt sắng trao máy hát và 20 đĩa hát cho người đệ tử Cộng sản mới của thầy , cũng như thầy đã trao máy chụp hình cho anh “đồng chí “ thứ nhất .

Dần dần , trong 3 tháng , số người xin “ làm cộng sản “ với thầy Trợ rất đông . Mỗi người đệ tử mới đến đều xin của thầy một món đồ : từ cái đồng hồ trái quít treo tòn ten trên vách tường , đến cái đồng hồ báo thức đặt trên bàn thờ Ông Bà . Các đảng viên cộng sản của thầy lấy mà không đem trả lại , và họ cũng không đưa cho các đồng chí khác để thay phiên nhau dùng

theo thầy trợ căn dặn .

Thầy trợ Tố (tên thầy) rất hãnh diện đã kết nạp được một số “đồng chí cộng sản “ khá đông . Thầy rất vui vẻ , sốt sắng , thực hành đúng theo đường lối chủ trương cộng sản của thầy , là trao hết các đồ dùng trong nhà cho các đồng chí sử dụng . Thầy thường ưa thuyết cho Tuấn và các trò khác nghe rằng : Cộng sản là như vậy đó , nếu trên đời này ai cũng chia của đồng đều cho nhau , đừng ai tham lam dành giữ làm của riêng mình thì sẽ có “ thế giới đại đồng “ .

Một hôm , cô Trợ than phiền rằng tất cả quần áo , chén đĩa , nồi đồng , mâm thau , thầy đã chia hết cho hàng xóm mỗi người một mớ , để họ đem về nhà làm “ của chung “ , đến nỗi bây giờ ở nhà chỉ còn mỗi một nồi đất mà thôi .

Thầy Trợ Tố thường giảng dạy :

- Cộng là chung , sản là của . Cộng sản là của chung . Của mình tức là của chung hết thiên hạ . Vợ của tôi , ai xin tôi cũng cho .

Cô Trợ tức mình và xấu hổ , ôm mặt khóc hu hu cả một buổi chiều . Thế rồi có một anh chàng đẹp trai , con thứ bảy của một ông thầy thuốc Nam , anh ta đang soạn tuồng cải lương và định lập một gánh hát Bình Định -- buổi chiều đó lò dò đến nhà thầy Trợ , xin vào đảng Cộng sản . Thầy mừng rỡ đón tiếp và nhận anh làm đồng chí , bảo cô Trợ pha trà đãi người đảng viên mới . Uống xong một tách trà nóng , đồng chí cải lương tùm tùm cười bảo :

- Thưa thầy , thầy cho em mượn cô Trợ về ở chung với em có được không ?

Thầy Trợ cười hãnh diện :

- Được chứ . Của đời muôn sự của chung . Của tôi , tôi phải chia cho người khác dùng . Của anh cũng vậy . Mình là cộng sản , phải thực hành lý thuyết đó chứ ...Nhưng anh mượn vợ tôi rồi phải trả lại cho tôi nghe không ?

Đồng chí cải lương cứ tùm tùm cười :

- Dạ

- Chừng nào trả ?

- Dạ , chỉ vài ba tháng , cô Trợ giúp tôi lập gánh cải lương xong rồi tôi trả lại thầy , vì nghe nói cô Trợ có giọng ca tứ-đại-oán nghe mê .

- Ủ' phải , vợ tôi ca tứ-đại-oán thì hay kinh hồn . Anh muốn mượn vợ tôi thì

tôi sẵn sàng cho mượn , nhưng ba tháng anh phải trả lại tôi nghe không ?

- Dạ , Thầy Trợ nói đúng quá . Vậy mới là Cộng sản chứ hỉ !

Cô Trợ nằm trong buồng nghe rõ câu chuyện , khóc thút thít , nhưng không biết nghĩ sao , cô vùng đứng dậy , xách nón ra bảo chồng :

- Cơm chưa nấu , nghe ! Cái nồi đất bể rồi . Thầy chịu khó đi ra chợ mua cái nồi khác về nấu cơm . Tôi đi với anh này .

Nói xong , người đồng chí mới của thầy Tổ chào thầy rồi cùng với vợ thầy ra đi .

Nhưng câu chuyện đến đây chưa chấm dứt . Vì sáng hôm sau thầy Trợ Tổ đến nhà người đệ tử để bắt vợ về . Thế là có cuộc cãi lộn rồi đánh lộn . Vợ thầy trợ Tổ lại xách nón ra đi , và lần này cô đi mất biệt , không ở với anh bầu cải lương , mà cũng không trở về nhà ông chồng “ Cộng sản “ .

Kể đó , phong trào cộng sản của thầy Trợ Tổ tự nhiên giải tán . Thầy Tổ cũng bị đổi đi tỉnh khác .

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Chương 29

- Thuốc hút “ Mélia “ , sản xuất tại Saigon , được thông dụng nhất trong nước , có hình Tây Đầm hun nhau.
- Phong trào ca cải-lương bắt đầu thịnh hành
- Một bài ca Hành vân bằng tiếng Pháp, được học sinh hoan nghênh nhất
- Chưa có “ Báo Xuân “ , Báo Saigon, Hà Nội , không có báo ở miền Trung và các tỉnh xa.
- Một ông Chủ-bút ở Saigon đến tỉnh , là cả một thần tượng đối với thanh niên , học sinh
- Một nhóm “ học trò lớn “ dự định hùn tiền vô Saigon lập một tòa báo
- Lần đầu tiên một cậu học trò tập-tĩnh “viết báo .

Cuối năm 1924 cũng là gần hết năm Giáp Tý . Đâu đây đều bắt đầu sửa soạn “ăn Tết “ . Học trò các trường đều được nghỉ trước ngày 23 tháng Chạp năm ấy là ngày 17 tháng giêng 1925 , và nghỉ Tết được một tháng . Nửa tháng trước , hầu hết học sinh quê quán ở tỉnh xa đều nhận được “mandat“ của cha mẹ gửi vào cho để mua vé xe hơi về “ăn Tết “ở tỉnh nhà . Trước khi tạm biệt thành phố , học trò mỗi lớp tự động rủ nhau đi chúc Tết các vị giáo sư . Tuấn bây giờ thuộc về lớp lớn , không như hồi năm trước còn đem quà bánh đến Tết thầy , và đọc diễn văn mừng tuổi thầy . Chỉ học trò các lớp Tiểu học , từ lớp Nhất xuống lớp Ba , vẫn còn giữ tục lệ tốt đẹp ấy . Học trò lớp lớn từ Đệ Nhất niên Trung học trở lên , không đọc chúc từ và cũng không dâng Thầy các lễ vật nữa . Không phải vì không có lòng kính Thầy như xưa , nhưng vì một lý do rất dễ hiểu là hồi ở lớp Nhất chỉ có một hai giáo sư , mà bây giờ mỗi lớp có đến 4, 5 vị Giáo sư . Học trò làm gì có nhiều tiền mua sắm lễ vật đầy đủ để đi Tết tất cả ngần ấy ông giáo . Sau khi bàn tính kỹ lưỡng , trò nào cũng muốn để dành tiền mua quà và chơi Xuân , toàn thể đều đồng ý đi tay không đến mừng tuổi sưng 5 vị Đốc học (giáo sư) An nam . Đối với ông Hiệu Trưởng và các giáo sư Pháp thì đã có một số đại diện đi chúc Tết hôm đầu năm Tây rồi (Tết Tây) .

Riêng trò Tuấn được bốn cô lớp Nhất để dành cho một món quà không ngờ . Trước hôm xách va li lên xe hơi về quê nhà ăn Tết , Tuấn đến thăm một buổi tất niên tại nhà trọ các cô . Ngồi uống trà và nói chuyện vui đùa với nhau một lúc , cô Anh mở rương lấy ra một gói thuốc hút Méliá . Lúc bấy giờ ở Trung kỳ chỉ có mỗi một thứ thuốc gói Méliá đó mà thôi (Bastos cũng chưa có) . Trong mỗi gói thuốc Méliá đều có một tấm hình chụp một cặp Tây Đầm hôn nhau rất tình tứ -- và nhiều kiểu Tây Đầm khác nhau , tất cả đều say mê âu yếm , chụp ở Paris và in màu tuyệt đẹp . Học trò thích gói Méliá lắm nhưng không có tiền mua vì bán đắt đến năm cắc bạc một gói , chỉ có các ông Giáo sư và các thầy Thông , thầy Phán có tiền xài bảnh mới hút được thứ thuốc đó . Thịnh thoảng trò nào xin được của ai một tấm hình Méliá đem khoe , cả lớp xúm lại coi coi vẻ thèm thuồng lắm . Thuốc Méliá lúc bấy giờ hút đẳng ghét , còn tệ hơn các loại thuốc bình dân hiện nay , nhưng nó quý là vì có tấm hình in Tây Đầm hôn nhau , kèm trong bao thuốc bọc giấy bóng , và nó lại là loại thuốc gói đầu tiên quán bằng máy từ Saigon gửi ra bán mắc tiền , chỉ những người giàu sang mới mua nổi . Kể ra , nó còn quý hơn thuốc thơm Craven A hay 555 hiện nay .

Hôm Tuấn đến nhà trọ bốn cô Anh, Trâm , Thục , Lại để thăm tất niên trước hôm về quê ăn Tết , cô Anh đưa cho Tuấn gói thuốc Méliá , và cười bảo :” Tụi em biếu anh gói thuốc để Tết anh hút chơi “ . Tuấn ngạc nhiên và cảm động ngời làm thình một lúc Tuấn ngắm nghía tấm hình đôi trai gái Tây Đầm hôn nhau say mê , với một câu thơ Pháp in dưới bức hình :

Bonne année , parfait amour,

A Toi seul, à Toi pour toujours.

Loại thơ rẻ tiền , nhưng đối với tuổi trẻ thời bấy giờ thật là đầy ý nghĩa thơ mộng :

Chúc mừng năm mới , tình yêu diễm tuyệt,

Chỉ tặng Anh thôi , của Anh mãi mãi .

Tuấn ghen ngào nói không ra lời , nhưng cố nghĩ ra được vài câu thơ , rồi mượn bút viết trên một mảnh giấy :

Một món quà Xuân , cảm xiết bao !

Lấy chi đền đáp nghĩa thanh cao !

Vái trời phù hộ cùng thi đậu

Lài , Thục , Trâm , Anh , thỏa ước ao !

Thơ học trò chỉ làm được thế thôi , và không biết nói gì hơn nữa . Bốn cô Lài, Thục , Trâm , Anh , cũng sung sướng ngâm thơ , reo cười rộn rã . Tuần để dành gói thuốc Mélia để Tết hút lén , vì học trò thời bấy giờ không dám hút thuốc . Nhất là để khoe với bạn bè tấm hình Mélia hiếm có .

1924, phong trào hát cải lương ở Nam kỳ mời tràn lan ra các tỉnh miền Trung , được dân chúng hoan hô niềm nở. Tất cả học trò Trung học , Tiểu học , và nhiều vị Giáo sư đều thuộc lòng một bài "Hành Vân “ bằng tiếng Pháp , trích trong một tuồng Cải lương của một đoàn hát Cải lương Saigon đem ra diễn tại rạp Qui-nhơn trước hôm Tết , như sau đây :

Tiếng Pháp :

Chers enfants...

Vous êtes de jeunes gens

Travaillez

Et rappelez-vous

Que le temps qui passe

Marche vite..

Et ne se retrouve jamais

Quand on veut qu'il se rattrape.

Arbres qui poussent,

Sources qui coulent,

Pierres qui roulent

Marquent le temps qui s'écoule,

S'écoule

Un jour fuit ,

Une bourse pleine d'or

De notre trésor

Finira alors, alors,

Tout autre bien ira encore

Nous ne devons pas

Perdre ce riche trésor.

Phiên âm ra tiếng An nam thành điệu “ Hành Vân “ trong tuồng cải lương như sau đây :

Là sẹ cái dâng phần
Vu-dét đờ jờ-nơ-jâng,
trờ ra ...mà ra vây đẽ
Ê-ráp-cái-pờ-lê-vu
Cờ lơ tân ki pạt
Mạc-sờ sờ vít .
Ê nơ xơ rờ-tờ-ru-vờ jă-me
Cân tong vờ kin sơ rất tờ -ráp ,
Ác-bờ-rờ-ki-pút
Xuộc-sờ ki cun
Pi-ẹ cái ki-ràn
Mạc-cờ lơ tang ki sẹ cun , sẹ cun ,
Ừn jua fúy
Uyn-buộc-sơ-plen-dò
đờ-nốt-tờ-rê-dò
phi-ni-ra ạ-lo ạ-lo ,
tú tốt tờ rờ-biễn la-ra ân cò
nú nơ... mà đờ-vông-pá
pec đờ-rờ xơ-rít trề-do .

Lấy đờn nguyệt đánh bài Hành Vân chữ Tây này nhịp với lời ca nghe vui tai lắm .

Mấy cô học trò con gái cũng đều thuộc lòng , và một buổi trưa thanh vắng Tuấn đã được nghe cô Lại ở lớp Nhất năm võng ru em bài Hành vân “ là sẹ cái dâng phần “ ...

Tết về tỉnh nhà , Tuấn lại được nghe một bạn đồng hương học ở Quốc học Huế về hát bài “ Hò Sông Hương “ như sau đây:

"Tiếng Pháp bồi" :

Depuis que je te connais,
Jusqu'ici six sept années
ở chàng , chàng ơi ! ở chàng ! chàng ơi !

v.v...

Phiên âm ra tiếng Huế :

Đờ-puy-cờ-jờ-tờ-cò nét

juít-ki-xì xịt-xệt tan-nê,

ớ chàng ! chàng ơi ! ...ớ chàng , chàng ơi ...

v.v...

Thế là mấy ngày Tết , Tuấn và mấy bạn học ở Huế về , cùng nhau đánh đàn và hát toàn những bài hò và bản cải lương trên kia , coi bộ khoái lắm . Bà con cô bác trong tỉnh , trong làng , cũng nghe say mê .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 30

1925

- *Cụ Phan Bội Châu bị bắt giam ở ngục Hoả-Lò , Hà nội , và bài thơ của cụ Phan Chu Trinh làm xáo động tinh thần Nam-Nữ học sinh toàn quốc.*
- *Đổng-sĩ-Bình , một ông Phán Toà , làm cách mạng.*
- *Thư cách mạng trao đổi giữa học sinh các trường*
- *Điện tín của học sinh các trường gửi Toàn Quyền Varenne xin ân xá cụ Phan.*
- *"Hiệp -định 1925 " giữa Pháp và Triều Đình Huế*
- *Quyển "Đông Dương Hôm Qua và Hôm Nay " phát không cho học sinh Trung-Nam-Bắc.*

Toàn thể thanh niên trong nước, đến năm 1924, đang sống cuộc đời học sinh yên tĩnh , vô tư, chỉ lo ăn học, và vui chơi trong ngày Chủ nhật với những cuộc giải trí thông thường. Kẻ rủ nhau đi dạo về quê bằng xe đạp , người ở lại thành phố thì đá banh , tụ họp bạn bè trò chuyện , đi tắm sông , giặt áo quần , đi xem các thắng cảnh , viết thư về xin tiền cha mẹ v.v...

Hầu hết tất cả học trò sau ba tháng nghỉ hè , đều được lên lớp . Năm này Tuấn lên Đệ Nhị Niên và đã thấy mình thành một học trò lớn , đã học được nhiều môn Giáo Khoa mới , hấp thụ được khá nhiều những tinh hoa văn học Âu tây. Học sinh đa số đều quen nói tiếng Pháp , vì bắt buộc phải nói tiếng Pháp với giáo sư Pháp , cả với giáo sư An nam , vì tất cả các môn học đều bằng tiếng Pháp chỉ trừ mỗi tuần 2 giờ Việt-văn , môn này được coi chính thức trong chương trình là “ Quốc văn “.

Ngoài học đường , tình trạng chung của xã hội An nam ở Bắc kỳ cũng như ở Trung kỳ và đời sống hàng ngày dưới chế độ của người Pháp , đã thành ra một sự kiện hiển nhiên , đã được chịu đựng một cách thụ động êm thấm . Không có sự chống đối Nhà nước Bảo Hộ . Ở Nam kỳ , giai cấp gọi là thượng lưu trí thức và tư bản ở Saigon và Lục tỉnh , hầu hết đều nhập tịch dân Pháp , sống theo phong tục của Pháp , tiếp xúc thường xuyên với các

Quan Cai trị Pháp và các nhà tư bản Pháp .

Quảng đại quần chúng ở thành thị và thôn quê , thì vẫn có thái độ thụ động , lo an cư lạc nghiệp , cũng như ở Trung kỳ và Bắc kỳ . Không ai thù ghét Tây , nhưng cũng không sợ Tây như hồi vài mươi năm về trước.

Nhưng phải khách quan nhìn nhận rằng người Pháp đã gây được một uy tín lớn lao vô cùng và thật sâu rộng , là nhờ họ có một văn minh khoa học tân tiến và cao kỳ mà không một người “ An nam “ nào chối cãi được .

Sở dĩ họ nắm vững được guồng máy cai trị 25 triệu dân An nam và thao túng được Triều Đình Vua An nam ở Huế là nhờ uy tín một cường quốc văn minh đứng vào bậc nhất nhì trên thế giới .

Bỗng dưng tháng Bảy dương lịch năm 1925, gần nghỉ hè , giữa tình thế đang yên tĩnh và bình thường ấy, một cái tin rất mới lạ, kinh dị , như một tiếng sấm sét giữa vòm trời quang đãng , nổ bùng và không biết từ đâu , và loan truyền khắp nước An nam : "Cụ Phan Bội Châu , bị Tây bắt ở Thượng Hải đem về giam tại nhà Lao Hỏa Lò , Hà Nội."

Cụ Phan Bội Châu là ai ?

Lúc bấy giờ chẳng ai biết cả . Cái tên nghe thật kêu nhưng là một cái tên rất mới , lạ, từ trước đến nay chưa hề nghe nói đến bao giờ .

Một buổi chiều thứ bảy , trò Tuấn đi học về , thấy không khí của thành phố hơi khác hơn mọi hôm . Có nhiều nơi tụ họp năm ba người nói chuyện xầm xì với nhau , trong các tiệm người An nam .

Trò Tuấn cắp sách về để nhà trọ -- nhà thầy Bửu Vinh Thông Phán sở Kho Bạc -- thầy cũng vừa ở sở đạp xe máy về .

Thầy gác xe máy lên cái kệ gỗ sơn xanh xong rồi đi vô buồng thay áo . Nét mặt của thầy xem khác hơn mọi hôm . Lần nào ở sở về , trông thấy Tuấn , thầy cũng mỉm cười thay thế cho tiếng chào . Nhưng lần này , thầy Bửu Vinh không cười .

Tuấn nghĩ thầm thầy giận mình vì một chuyện chi đó chẳng , hay thầy bị một chuyện gì không vui ở sở ? Thầy đi tắm , vào sửa soạn ăn cơm . Tuyệt nhiên thầy không nói một câu , nét mặt thiếu não khác thường.

Cơm xong , 7 giờ tối , một bạn đồng nghiệp của thầy đi xe máy đến , coi bộ vội vàng , khẩn khoản . Thầy ngoắc nhỏ thầy Bửu Vinh ra nhà sau , chỗ bàn

học của Tuấn, gần bếp , và thầy đưa tay ngoắc trò Tuấn , Tuấn chạy theo . Ra nhà sau , thầy kia rút trong lưng quần ra một tờ nhật báo tên là “ Thực Nghiệp Dân Báo “ ở Hà nội . Giữa trang báo có in hình một ông già râu xồm xoàm , mặc áo xuyên đen , đội khăn đen , đeo kính trắng . Gương mặt của ông thật là oai nghiêm . Ngay trên hàng đầu , in hai hàng chữ thật đậm , chiếm 6 cột , hết cả bề ngang của tờ báo . Tuấn trở mắt đọc :

"Hội đồng đề hình sắp đem vụ án cụ Phan Bội Châu ra xử . Hai vị trạng sư Bona và Larre sẽ bào chữa cho Cụ".

Thoạt tiên , trò Tuấn không hiểu gì cả . Cụ Phan Bội Châu là ai ? Tại sao ông già này lại bị Tây bắt và đem ra xử tội ? Tại sao có hai vị trạng sư Tây ra bào chữa cho cụ ? Trạng sư là gì ?

Thầy Bửu Vinh giảng giải cho Tuấn hiểu . Chính thầy và bạn đồng liêu của thầy cũng nhờ coi được tờ Thực Nghiệp Dân Báo ở nhà một người nào đó mới hiểu rõ vụ Phan Bội Châu , và nói cho Tuấn nghe . Tờ Thực Nghiệp Dân Báo ở Hà nội , không biết ai đem vào tỉnh này ? và đem vào hồi nào ? Ai mua ? Khắp cả thành phố không đâu thấy bán , thế mà một tuần lễ sau , Tuấn trông thấy nhiều nhà có tờ Thực Nghiệp Dân Báo và hãnh diện cho bà con chuyen nhau mượn coi. Coi xong phải trả lại liền cho đến khi tờ báo rách nát vẫn còn người mượn . Sau cùng , người có báo phải đem giấu tờ báo trong rương , trong tủ, như một vật quý giá vô ngần , sợ ai lấy mất .

Cả thành phố xôn xao , nhưng vẫn lo sợ , chỉ xầm xì trong nhà , không dám nói lớn , không bàn tán công khai . Nhất là bức ảnh của cụ Phan Bội Châu , không dám để cho người lạ trông thấy .

Từ đêm đầu tiên – đêm thứ Bảy gần ngày nghỉ Hè—thấy ảnh cụ Phan Bội Châu trên tờ Thực Nghiệp Dân Báo và nghe rõ chuyện Cụ Phan Bội Châu , do hai thầy thông phán sờ kho bạc kể lại , trò Tuấn như bị một sức mạnh gì huyền bí , làm xáo trộn tinh thần . Suốt đêm , Tuấn cũng không ngủ được . "Chân dung Sào Nam Phan Bội Châu tiên sinh “ , theo đúng dòng chữ in của tờ báo dưới ảnh cụ Phan , cứ ám ảnh tâm hồn còn ngây thơ non nớt của cậu học trò 16 tuổi .

Sáng chủ nhật dậy thật sớm , Tuấn ăn vội vàng tô cháo gà , rồi chạy đến các nhà bạn bè , nói chuyện cụ Phan Bội Châu . Có vài trò sợ sệt bảo Tuấn :”

Mày đừng nói chuyện đó , bị ở tù chết cha !” Nhưng phần đông đều bàn tán say sưa về chuyện cụ Phan Bội Châu , một bậc anh hùng ái quốc bị Tây bắt bên Tàu sắp đem ra xử tử . Vì mọi người đều nghĩ rằng thế nào cụ Phan Bội Châu cũng sẽ bị Tây xử “ chết chém “.

Kỳ nghỉ Hè ấy , Tuấn không về quê , viết thư xin phép cha mẹ ở lại học tư lớp Hè .

Sự thực , Tuấn muốn ở lại để được coi tờ Thực Nghiệp Dân Báo Hà nội cho biết chuyện cụ Phan Bội Châu . Về tỉnh nhà làm gì có báo mà coi . Mấy người đi buôn ở Đồng Nai , cũng có đem về mấy tờ Sài Thành Nhật Báo ở Saigon , nói chuyện một bậc chí sĩ khác tên là Phan Chu Trinh , ở bên Tây mới về . Người ta đồn rằng ông này giỏi lắm , người Tây ở Saigon cũng phải sợ ông . Ông đi đâu cũng có hàng ngàn người An nam bu theo ông để nghe ông diễn thuyết chửi Tây , chửi vua An nam , mà Tây không dám bắt bỏ tù ông .

Tuấn đã viết thư về nói dối với cha mẹ là ở lại Qui-nhơn để học tư , nhưng sự thực là suốt ba tháng nghỉ Hè , Tuấn ưa lai vãng đến nhà mấy đứa bạn để đọc lén tờ Thực Nghiệp Dân Báo . Sau có thêm tờ Khai Hóa Nhật Báo , tờ Trung Bắc Tân Văn cả ba từ Hà Nội gửi vào . Từ Saigon gửi ra có tờ Sài Thành Nhật Báo , Đông Pháp Thời Báo , một tờ Báo Tây Echo Annamite của một người An nam làm chủ bút , tên là Nguyễn Phan Long , và tờ La Cloche Félée cũng của một người An nam tên là Nguyễn An Ninh .

Tuấn không biết những tờ báo này do ai ở Saigon gửi ra , và ai ở Qui-nhơn gửi mua ? Chỉ biết rằng cả Qui-nhơn chỉ vài ba người có mà thôi và được chuyền nhau mượn coi lén lút trong một nhóm học trò Đệ Nhị và Đệ Tam Niên .

Giáo sư An nam không dám coi báo , trừ một ông giáo người Bắc dạy Quốc văn mà học trò thường gọi là ông Đốc Bình và thầy trợ Tổ dạy lớp Năm mà trong thành phố người ta gọi là “ thầy Cộng sản “ để ngạo cái chủ trương của thầy là "của đời muôn sự của chung “ . Nhưng ông Đốc Bình thường dặn dò Tuấn đừng chơi thân với thầy Tổ vì thầy này là một con "mouton “ (con cừu) tiếng Pháp có nghĩa là kẻ làm do thám .

Do đó , học trò bảo nhau là thầy Tổ làm mật thám cho Tây . Ở các sở Nhà

Nước , hầu hết các thầy Thông , thầy Phán đều không dám coi báo công khai , trừ hai thầy Kho bạc , và một thầy ở Toà Sứ . Thầy này hăng hái nhất và còn trẻ , lối 23, 24 tuổi , quê quán ở Huế , và chưa có vợ , tên là Đồng Sĩ Bình . Mặt thầy nhiều mụn , và lúc nào thầy cũng nói tiếng Tây để chửi Tây . Tuấn mê nghe thầy giảng hay , và lạ nhất là Tuấn ít khi nghe thầy nói tiếng An nam . Có lẽ tiếng An nam dùng để chửi Tây không hay bằng tiếng Tây ? Tuấn nghĩ thế nhưng không dám hỏi . Cũng có lẽ nói tiếng Tây đã thành ra thói quen của những người học tiếng Tây đã giỏi . Có lần Tuấn được dự một cuộc hội họp bí mật tại nhà ông Đốc Bính . Suốt mấy tiếng đồng hồ , ông Toàn và thầy Đồng sĩ Bình đều nói toàn tiếng Tây để chửi Tây kịch liệt , và hô hào học trò nên có tinh thần ái quốc và đừng làm nô lệ cho Tây .

Lúc bấy giờ những danh từ “đả đảo “ , “ thực dân “ “đế quốc “ v.v...chưa thông dụng . Người ta chỉ dùng một chữ thông thường nhất là “ cách mạng “ .

Đêm nhóm họp đầu tiên do thầy Thông phán Đồng sĩ Bình tổ chức , thầy bảo Tuấn chạy đi rủ thêm trò Quỳnh , trò Tố và trò Thu đến nhà ông Đốc Bính . Lần đầu tiên Tuấn được nghe hai chữ “ cách mạng “ do thầy Bình lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần . Nhóm họp , để thầy và ông Đốc Bính giảng báo cách mạng cho tụi này nghe .

Ba tờ báo Hà nội thuật chuyện cụ Phan Bội Châu . Báo Quốc ngữ Saigon thuật chuyện cụ Phan Chu Trinh . Tờ báo Pháp ngữ La Cloche Félée của Nguyễn An Ninh thì chửi Tây và hô hào “ cách mạng “ hăng hái nhất . Mỗi lần thầy Bính trao cho Tuấn một tờ báo mới thầy đều căn dặn xem xong phải chuyển cho mấy trò khác xem . Nhưng Tuấn không bao giờ dám đem báo vào lớp học . Mỗi lần xem xong , trò rút nó dưới lớp áo dài đen , à chạy đến nhà trò Quỳnh đưa lên cho trò này xem .

Một buổi tối , Tuấn đến nhà thầy Đồng sĩ Bình , thầy ở một mình một căn nhà mướn trong một ngõ hẻm gần bờ sông . Thầy chỉ cho Tuấn một bài thơ bằng chữ Nho ký tên Phan Chu Trinh , do tự tay thầy chép ra bằng nét chữ đậm và thật đẹp , lồng khung kiến treo trên tường . Tuấn không biết bài thơ này do thầy chép ở đâu ra , nhưng Tuấn học thuộc lòng ngay :

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không
Giang san hòa lụy khắp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ
Bát cổ văn chương túy mộng trung
Trường thử bách niên cam thóa mạ ,
Bất trí hà nhứt xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Thích bả tư văn khán nhất thông .

Tuấn đã được học chút ít chữ Hán , nhưng lần đầu tiên nghe nhiều tiếng mới lạ : anh hùng , nô lệ , cường quyền , lao lung , tâm huyết . Tuấn chưa hiểu rõ nghĩa cho lắm . Thầy Bình ngâm từng câu , giảng từng ý , rồi thầy ngâm đi ngâm lại nhiều lần . Thầy giảng rộng ra nữa , và nói :

“ Nước An nam đã mất ,

nhà An nam đã tan ,

dân An nam bị làm nô lệ .

Đồng bào như người mê ngủ

chưa tỉnh ngộ để cho Tây nó đè đầu , đè cổ , nó áp chế ...

Một trăm năm nữa cũng đành chịu hay sao? “

Thầy nói bằng tiếng Tây , rất hăng hái , rất say mê. Thầy đập tay xuống bàn , thầy dậm chân xuống đất , thầy hét lên :” Trời ơi ! Trời ơi ! Nước An nam là con Rồng cháu Tiên , mà dân An nam ngày nay là tôi , là tớ , là mọi , là rợ , bị xiềng xích , gông cùm , áp chế ! Thế có tui nhục cho Hồn Thiêng của Đất Nước hay không ?”

Bỗng thầy oà ra khóc , thầy gục đầu xuống bàn khóc nức nở ...Tuấn bị quá cảm xúc , cũng rưng rưng nước mắt ngồi khóc ngây ngô . Tuấn nhìn lên bài thơ đóng khung treo trên tường , càng nhìn càng khóc .

Mỗi câu thơ như:

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ

Bát cổ văn chương túy mộng trung

Mà thầy Bình đọc đi đọc lại , kêu gào lên , rồi khóc , làm trò Tuấn có cảm tưởng như đây chính là tiếng nói đau khổ , tiếng rên xiết bi thương của một Hồn thiêng hiện về kêu gọi con cháu bằng giọng ai oán lâm ly .

Không khí bi thảm ấy kéo dài một lúc lâu . Rồi thầy Đồng sĩ Bình ngược đầu dậy , mắt còn dầm lệ, bảo trò Tuấn :

-Tuấn ơi ! Chúng ta là con cháu của Hùng Vương , của Lạc Long Quân , ta phải làm thế nào chứ ! Làm thế nào để phá tan cái xiềng xích nô lệ , để đòi lấy Độc Lập Tự Do , để...

Tuấn chỉ biết ngồi cúi đầu , nghe và khóc .

Thầy Đồng sĩ Bình đứng dậy , đôi mắt thầy đỏ ngầu , tay thầy run lên , thầy chỉ ngón tay lên bài thơ chữ Nho của cụ Phan Chu Trinh , và nói bằng tiếng Pháp có vẻ căm hận , oán than , nhấn mạnh từng câu :

- Notre grand Patriote Phan chu Trinh a dit : "nous sommes des esclaves !... Nous sommes des esclaves !"

(Nhà đại ái quốc của chúng ta là cụ Phan chu Trinh đã nói đấy : chúng ta là những kẻ nô lệ)

Rồi thầy nói liên tiếp bằng tiếng Pháp ,thầy nói thao thao bất tuyệt , thầy nói đến trào nước miếng hai bên mép , đổ mồ hôi trên trán , trên má , thầy hô hào : Cách mạng ! Phải làm Cách mạng ! Il faut faire la Révolution ! Il faut faire la Révolution ! Pour que les Annamites ne soient plus des esclaves, pour que les Francais ne soient plus des oppresseurs, ...des tyrans... , il faut faire la Révolution !

Tuấn đã hoàn toàn bị thôi miên bởi giọng diễn thuyết hùng hồn ai oán của thầy Đồng sĩ Bình , Thông phán đầu tòa của quan Công Sứ Pháp , chủ tỉnh Qui-nhơn ...

Đêm hôm đó , Tuấn đến nhà trọ của mấy cô học trò lớp Nhất . Năm nay , cô Thục lương quần đỏ đã thi đỗ primaire về nhà lấy chồng làm Chánh tổng , cô Lài cũng đã thi đỗ được mẹ cho ra Huế học trường Đồng Khánh . Chỉ còn cô Trâm , cô Anh thi rớt phải học lớp Nhất trở lại một năm nữa . Tuấn đem bài thơ đã học thuộc lòng ở nhà thầy Bình đọc cho Trâm và Anh nghe . Tuấn lặp lại những lời hô hào cách mạng của thầy Đồng sĩ Bình , và Tuấn cũng đã được tiêm nhiễm những giọng say mê ai oán của thầy , nói hùng hồn như thầy , đến nỗi một lúc sau Tuấn cũng bị xúc động gục xuống bàn khóc ...Trâm và Anh cũng rưng rưng khóc theo .

Đêm ấy , Tuấn nói hết những gì Tuấn biết về hai cụ Phan bội Châu và Phan

chu Trinh , cho Trâm và Anh nghe say sưa , mãi đến gà gáy sáng .

Sau kỳ nghỉ Hè năm ấy , một số đông học trò ở toàn xứ An nam khắp ba Kỳ , đều thuộc lòng bài thơ của cụ Phan Chu Trinh , bài thơ cách mạng đầu tiên đã vang dội trong đầu óc thanh niên thế hệ 1925.

Trong nhiều trường hợp , đại khái như trường hợp của Tuấn , việc cụ Phan Bội Châu bị bắt giam ở nhà lao Hà Nội , việc cụ Phan Chu Trinh về Saigon diễn thuyết cách mạng , và bài thơ của cụ “Thế sự hồi đầu dĩ nhất không ...” được truyền khẩu bí mật đi khắp nước , từ Bắc chí Nam .

Học trò con gái phần đông là nghe theo học trò con trai , cũng được tiêm nhiễm tinh thần cách mạng , và sau này cũng hăng hái , cùng với bạn trai tham gia tất cả các cuộc hoạt động bí mật và công khai làm "phá rối cuộc trị an của Nhà Nước Bảo Hộ" .

Tuấn viết bức thư đầu tiên cho Lài ở Huế , như sau đây (Lài ở “ Internat “ (ký túc xá) , trường Đồng Khánh) . Thư phải để gửi cho một cô bạn cùng lớp Đệ Nhất Niên với Lài , nhưng ở trọ nhà bà cô trong Thành Nội , nhờ cô bạn trao lại cho Lài) .

Le 6 Octorbre 1925

Cô Lài ơi ,

Cô ở Huế , mà việc cụ Phan Bội Châu , một bậc anh hùng ái quốc bị Tây bắt ở bên Thương Hải giải về giam trong nhà tù Hà Nội ngoài Bắc kỳ , cô có nghe tin không ? Việc cụ Phan Chu Trinh , bậc anh hùng chí sĩ ở Tây về Nam kỳ , cô có biết không ?

Bài thơ của cụ Phan Chu Trinh :

"Thế sự hồi đầu dĩ nhất không ,
giang san hòa lụy khắp anh hùng .

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ ,
bát cổ văn chương túy mộng trung .

Trường thử bách niên cam thóa mạ ,
bất tri hà nhựt xuất lao lung .

Chư quân vị tất vô tâm huyết ,
thỉnh bá tư văn khan nhất thông "

Cô có thuộc không ?

Cô trả lời cho tôi mừng kẻo tôi nóng lòng lắm . Còn cô Thục thi đỗ rồi mà không ra Đồng Khánh tiếp tục học như cô , lại ở nhà lấy chồng , lão Chánh tổng nhà giàu , góa vợ . Tui tui tức giận lắm đó . Tết này cô có về Qui-nhơn ăn Tết không ? Nếu cô về thì tui ở lại chơi trong mấy ngày Tết . Tui mình đến nghe thầy Bình giảng Les Droits de l Homme et du Citoyen (Nhân quyền và Dân quyền) . Tôi có cái hình cụ Phan Bội Châu đẹp lắm , nếu cô không có thì tôi gửi ra cho cô .

Tôi với Anh và Trâm nhắc đến cô hoài . Cô đau mắt hột , đã bớt chưa ? Tôi chúc cô học tiến bộ nhiều .

Thơ bất tận ngôn .

Au revoir , mademoiselle.

Votre ami dévoué :

Tuấn .

Hơn mười ngày sau , Tuấn được thư Lại trả lời như sau :

Huế le 18 Octobre 1925

Anh Tuấn ơi ,

Em bắt được thư anh sáng thứ tư , chị Tuyền đưa vô cho em mà Tuyền đã xé coi trước . Em giận lắm . Ở Huế , mấy cô trợ giáo và học trò Đồng Khánh cũng bàn tán lao xao việc cụ Phan Bội Châu bị bắt bỏ tù ở Hà Nội . Mấy bữa ni đang làm đơn gửi Quan Toàn Quyền để xin tha cho cụ . Tui em theo mấy anh học trò trường Quốc Học và cũng hăng hái vận động đánh giầy thép ra Bắc kỳ để xin ân xá cụ Phan Bội Châu . Còn trường Qui-nhơn của mình ? Không lẽ mấy anh làm thỉnh để cụ Phan Bội Châu bị tù sao ? Anh nghĩ sao , cho em biết , em mong tin anh lắm . Cụ Phan chu Trình diễn thuyết ở Nam kỳ , hô hào lập “dân chủ” đánh đổ “quân chủ” .Em có một cuốn sách in bài diễn thuyết đó . Anh có không ? Nếu không , thì em gửi vô cho anh.. Hay hạng nhứt . Anh Tuấn ơi em đọc say mê . Làm sao em gửi lén vô cho anh ? Nhưng có một trò trai bị lính của Vua bắt , vì đang ngồi dưới cầu Trường Tiền đọc bài đó . Bài thơ anh chép cho em , em cũng có rồi. Ở Huế , ai cũng thuộc lòng .

Tết , em phải về Qui-nhơn thăm mẹ em . Anh Tuấn ở lại ăn Tết với em hi ? Em không có ảnh của cụ Phan Bội Châu nhưng em thấy trong báo “Khai

Hóa“ ở Hà nội gửi vô cho cô giáo , cô giáo có đưa cho tụi em coi . Cụ đẹp quá , oai quá , anh hỉ . Anh ơi , dân nước An nam mình bị làm nô lệ cho cường quyền , anh có buồn không ? Nghe tin cụ Phan bội Châu bị tù , tụi em khóc hết .

Tụi em nhứt định xin tha cho cụ . Em đã thuộc lòng bài thơ anh làm tiễn em đi Huế , và thuộc lòng cả bài thơ của cụ Phan chu Trinh , với bài “ Huyết lệ thơ “ của cụ Phan bội Châu nữa . Tết em về , em đưa cho anh coi bài “ Huyết lệ thơ “ em không dám viết vô đây , bài đó ghê lắm , anh à .

Em nhớ mẹ em , em khóc hoài .

Em cũng nhớ anh , em gửi lời thăm chị Trâm , chị Anh và chúc hai chị sang năm thi đỗ để ra Huế học với em .

Tết anh ở lại đừng về Quảng Ngãi , anh hỉ . Ông docteur chữa bệnh trachoma cho em đã gần bớt .

Votre affectueuse amie qui pense à vous.

Lài

Tái bút - Nếu chưa lo việc làm đơn xin tha cụ Phan bội Châu thì anh làm thiệt gấp . Ngoài Huế này , mấy chị lớp trên nói : nếu nhà nước kết tội chém cụ Phan bội Châu thì cả trường Đồng Khánh sẽ làm lễ để tang cho cụ . Em viết tới đây em khóc vì em sợ họ không tha cho cụ đâu . Anh Tuấn ơi nếu cụ Phan bị chết chém thì anh cũng để tang nghe không anh ? Anh cố động mấy anh học trò trường mình cho đông thì sợ gì . Anh làm đơn gửi đi thật gấp . Nghe nói quan Toàn Quyền mới tên là Alexandre Varenne , gần sang An nam rồi , để xử cụ Phan Bội Châu . Chúng ta làm đơn xin ân xá cho kịp ngày , nếu để trễ thì nguy tính mạng bậc chí sĩ anh hùng của nước ta . Tụi em ngoài này mấy tuần chỉ lo có một việc đó thôi . Em chờ thư anh . Au revoir anh..

Votre amie fidèle : Lài

Đọc thư cô nữ sinh Đồng Khánh bị xúc động về cụ Phan Bội Châu có thể bị chết chém, Tuấn vụt chạy ra sau nhà bếp ngồi khóc một mình . Cũng như những đám học trò con trai con gái khác đã bị ảnh hưởng về vụ Phan Bội Châu , ảnh hưởng tự nhiên , ngấm ngấm nhưng vô cùng mãnh liệt , Tuấn sùng bái cụ Phan bội Châu không xiết kể và cứ hồi hộp lo sợ cụ bị chết

chém .

Tuấn chạy đến nhà thầy Đồng sĩ Bình , và rưng rưng nước mắt nói thầm với thầy :

” Thầy ơi , tôi nói đại dột nếu lỡ mà cụ Phan bội Châu bị chết chém thì làm sao ? “.

Thầy Bình đang ngồi ăn cơm tối , vụt ném chén cơm và đôi đũa xuống đất , tiếng kêu choảng choảng ...Thầy đập bàn tay thật mạnh trên bàn và la lên giận dữ , bằng tiếng Tây : “Jamais ! Jamais ! Jamais les Annamites laisseront mourir ainsi le Grand Patriote Phan Sao Nam ! “ (Không đời nào ! Không đời nào người An nam để cho nhà đại chí sĩ Phan Sào Nam chết như thế !)

Nhưng rồi như điên như cuồng , thầy gục đầu xuống bàn khóc , vừa lẩm bẩm như cầu nguyện : "cụ Phan không chết ! cụ Phan không chết !..."

Thầy Đồng sĩ Bình , Thông Phán tòa sứ Qui-nhơn , cùng một lý tưởng và một chí hướng với Bửu Đình ở Huế , Nguyễn An Ninh ở Saigon , Nguyễn Thái Học ở Hà nội , là những nhân vật điển hình của thế hệ thanh niên trí thức cách mạng năm 1925. Một số rất đông học trò các trường Trung học Pháp-Việt , Nam và Nữ , ở ba Kỳ , và sinh viên Cao đẳng ở Hà nội đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của mấy bậc đàn anh kia . Chính họ đã truyền cảm cho lớp thiếu niên 1925, tinh thần ái quốc , tư tưởng cách mạng , mà hai cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh ở hải ngoại mới về , là hai thần tượng tuyệt đối để họ sung bái , tôn thờ , tha thiết thương yêu .

Tôi nói “ thương yêu “ , vâng ! Vì lớp trai trẻ có gái lẫn trai của thế hệ 1925, đã để trái tim của họ rung cảm mãnh liệt lần đầu tiên bởi tình yêu Nước mà cả hai nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là hai hình ảnh thiêng liêng rực rỡ . Những mối tình khác chỉ đều phụ thuộc mà thôi . Lòng ái quốc bộc phát sôi nổi , đột ngột và hăng hái cho đến nỗi họ đã tự động để tang cho cụ Phan Chu Trinh khi cụ chết ở Saigon năm 1926 , họ lập bàn thờ ở khắp nơi để tế vong linh của cụ, và họ có thể tình nguyện chết theo nếu cụ Phan Bội Châu bị án tử hình năm 1925 .

Chính trong làn gió cách mạng nồng nhiệt lôi cuốn ấy, trong tình yêu nước thiết tha đầm ấm ấy , đã nảy nở ra tinh thần hy sinh dũng cảm của cô

Nguyễn thị Giang , Nguyễn thị Bắc, và trăm nghìn cô Bắc, cô Giang khác , và trăm nghìn Nguyễn Thái Học khác , trong đám thanh thiếu niên nam nữ học sinh .

Không phải riêng một thầy Đồng Sĩ Bình điên cuồng , kêu thét vì quốc hận , không phải riêng một cậu học trò 16 tuổi như Tuấn cũng đau đớn khóc than cho “ Vong Hồn Tổ Quốc “ , mà hầu hết thanh thiếu niên nam nữ toàn nước “An Nam” đều bùng bật sôi nổi với tinh thần cách mạng tuy hãy còn ngấm ngấm e dè , chưa bùng ra quyết liệt .

Có điều làm vinh dự nhất cho các cô giáo và nữ sinh trường Đồng Khánh Huế , là trường Nữ Trung Học độc nhất của xứ Trung kỳ , đã hăng hái hơn tất cả các trường khác ở toàn xứ An nam trong việc ân xá cho cụ Phan bội Châu .

Một buổi sáng thứ hai , trong giờ chơi , Tuấn được anh cai trường kêu xuống văn phòng nhận một thư bảo đảm. Tuấn mừng quỳnh tưởng là thư nhà gửi mặng-đa vô cho . Ra khỏi văn phòng , Tuấn xem nét chữ trên phong bì và dấu bưu điện đóng trên con tem , biết ngay là thư của cô Nguyễn thị Lại , học sinh trường Đồng Khánh Huế , bạn thân của Tuấn . Tuấn chạy ra phía sau trường , ngồi một mình trên bãi cát , mở thư ra xem . Nét chữ của cô Lại đều đặn , tế nhị , rất dễ thương . Lại viết :

Huế ngày 14-12-1925 tức là ngày 29 tháng 10 năm Ất Sửu ,

Mon cher ami Tuấn !

Em muốn viết thư này thiệt gấp gửi vô cho anh , để anh biết rằng ngày 9 tháng 12 vừa qua , các cô trợ giáo trường Đồng Khánh và học trò tụi em, có đồng ký một giấy phép như sau đây gửi ra Quan Toàn Quyền Alexandre Varenne ở Hà Nội Bắc kỳ: Gougal Hanoi – Nous institutrices et élèves collègue Đồng Khánh , avons honneur demander à votre bienveillance grace pour patriot Phan Bội Châu .

Nhưng giấy thép đó không gửi đi được , anh biết tại sao không ? Tại ông Chánh sở Giấy thép không dám gửi đi và đưa trình lên ông Khâm Sứ Pierre Pasquier .

Ông Khâm sứ liền sai một ông thanh tra mật thám tới trường Đồng Khánh ở Huế , kêu hết tất cả các cô trợ giáo và học trò tụ lại trước mặt bà Đốc (

bà Đầm) và hỏi : "Ai viết cái giấy thép này ?" Tức thì có cô trợ giáo Mân bước ra đọc cho ông thanh tra mật thám nghe bản chữ Tây như sau :

Je déclare être de celles qui ont décidé l'envoi du télégramme à M. le gouverneur général Varenne , et je vous présente mon amie, Mlle...qui est décidée à supporter avec moi les conséquences de notre acte collectif. Nous n'avons pas à consulter notre Directrice pour une faveur que nous demandions au Chef de la Colonie en dehors du domicile administrative. Nous protestons contre le fonctionnaire de Postes qui s'est permis, après avoir reçu notre argent, de détourner le télégramme remis à son guichet. Et ceci est d' autant plus grave que ce télégramme était adressé à Monsieur le Gouverneur Général. Nous n' avons pas à rougir de notre acte et n'avons que suivi l'exemple de nos soeurs de Hanoi qui ont arrêté la voiture du gouverneur général pour lui remettre une supplique en faveur de notre héros national et n' avons reçu aucune suggestion du dehors. Nous avons agi en femmes annamites et non comme institutrices et élèves du collège.

(Tôi xin nhận là có cùng với các bạn gái quyết định gửi giấy thép ra quan Toàn Quyền Varenne, và tôi xin giới thiệu ông đây là cô X. bạn tôi , đã cùng nhau quyết định chịu hết cả những hậu quả của hành động tập thể này . Chúng tôi vì một ân huệ mà chúng tôi gửi xin quan Toàn Quyền ở ngoài phạm vi nhà trường . Chúng tôi phản đối ông chánh sở Bưu điện đã nhận tiền của chúng tôi để đánh điện tín , mà lại không gửi điện tín ấy đi . Càng trầm trọng hơn nữa , là chính điện tín ấy chúng tôi gửi ra quan Toàn quyền . Chúng tôi không hối hận tí gì về hành động của chúng tôi , chúng tôi chỉ theo gương của các bà chị của chúng tôi ở Hà nội đã chặn xe hơi của quan Toàn quyền để đưa lên ngài một bản thỉnh nguyện ân xá cho vị anh hùng dân tộc của chúng tôi . Chúng tôi không bị ai xúi giục cả. Chúng tôi hành động với tư cách là phụ nữ An nam chứ không phải với tư cách là các cô trợ giáo và các học trò trường Đồng Khánh.)

Anh à , tụi em đều lo sợ cho hai cô trợ sẽ bị bắt bỏ tù nhưng may quá , ông thanh tra đứng im lặng nghe , nghe rồi xin cái tờ khai kia để đem về trình với quan Khâm sứ . Sáng ngày hôm qua , là ngày 13.12.1925 , bà Đốc kêu cô trợ Mân bảo rằng ông chánh sở Giấy thép mời cô trợ ra tòa giấy thép để

lấy lại số tiền gửi điện tín , mà điện tín bị giữ lại , không gửi .

Anh Tuấn à, mấy bữa rày ở Huế xôn xao lắm . Ngày vua Khải Định chết (các quan nói là vua băng hà) là ngày 6.11.1925, dân đế đô Huế chỉ nô nức chờ coi đám tang mà thôi . Đám tang của nhà vua thì lớn lắm nhưng học trò và các cô trợ giáo không có chút gì cảm động , vậy mà việc cụ Phan bội Châu thì lại làm cho cả trường mất ăn mất ngủ , ngày đêm lo sợ , buồn rầu lạy Trời làm sao cứu cho nhà chí sĩ An nam khỏi chết .

Còn học trò trường Qui-nhơn mình có làm gì không anh Tuấn ? Bữa trước anh có được thư của em chứ ? Rồi anh có nói chuyện với mấy ảnh , có rục rịch gì không ? Em chờ thư anh quá chùng mà không thấy anh trả lời . Sao vậy ? Chúc anh bình yên mạnh giỏi .

Votre amie qui pense toujours à vous

Nguyễn thị Lại

Tuấn đọc đi đọc lại thư của Lại hai ba , bốn lần . Rồi Tuấn mắc cỡ cầm thư chạy đến nhà mấy đứa bạn Quỳnh , Thu , Tố . Tuấn hỏi :

- Học trò Qui-nhơn mình dở quá ! Thua xa học trò con gái trường Đồng Khánh . Tao xấu hổ lắm , tao không dám viết thư trả lời cho Lại .

Quỳnh bảo :

-Tụi Đồng Khánh nhờ có mấy cô trợ giáo có đầu óc . Còn mấy ông thầy giáo của trường mình ông nào ông nấy sợ Tây như sợ cọp , tối chỉ lo xô tam hường và đánh tứ sắc , còn làm khi gì được .

Tố nói thêm :

-Phải có mấy ông cầm đầu thì tụi học trò mới dám làm chớ ! Mày coi , ông T., thì lo xô tam hường , ông Thy thì ở nhà ôm vợ , ông V. thì đánh tứ sắc , chỉ còn ông đốc Bình thì không nghe ông nói gì hết .

-Tụi mình chạy lại thầy Đồng sĩ Bình , hỏi ý thầy xem . Học trò Huế cũng có làm đơn xin ân xá cho cụ Phan . Qui-nhơn mình ngủ gục hết trơn , hết trội , thế này sao ?

Đêm ấy , bốn trò liền kéo nhau đến nhà thầy Đồng sĩ Bình . Thầy Bình nói :

- Tôi đã gửi bài đăng trong báo Saigon để kêu ân xá cho cụ Phan Sào Nam . Còn về phần các học trò , phải tự làm lấy chứ ! Cũng như ở Huế , trường nào làm riêng trường đó mới được .

9 giờ khuya , về nhà Quỳnh , trò Tuấn hăng hái lấy bút viết nháp giấy thép để gửi ra Quan Toàn Quyền . Tổ , Quỳnh , Thu , chuyền nhau xem . Điện tín viết bằng Pháp văn như sau đây :

Gougal Hanoi – Nous , élèves collègue Qui-nhon , vous serions reconnaissants accorder grâce à notre Grand Patriote Phan Bội Châu .

Quỳnh bỏ chữ collègue , Tổ thêm mấy chữ “ vouloir bien “ Thu thêm "très" trong câu "notre Grand Patriote" . Nhưng rồi không lẽ chỉ bốn đứa ký tên ? Phải có cả trường ký chớ ? Làm sao lấy chữ ký cả trường ? Lỡ ông Đốc biết thì sao ?

Bốn đứa bàn đi bàn lại suốt đêm . Đến gà gáy sáng Tuấn đề nghị đừng ký tên gì cả , cứ đánh đại giấy thép mệnh danh là toàn thể học trò trường Qui-nhon , rồi lỡ xảy ra chuyện gì thì bốn đứa mình cùng chịu tội . Nhưng giấu kín đừng cho học trò trong trường biết . Vì đa số học trò trường Qui-nhon hồi đó còn sợ . Chính bốn đứa này tuy hăng hái làm nhưng vẫn còn ngại ... vì không có người lớn đỡ đầu . Dù sao cũng nhất định gởi cái giấy thép nhưng lại không có tiền . Bốn đứa đều không có một xu , chưa nào được măng-đa ở nhà . Sáng tinh sương , thành phố còn ngủ , Quỳnh và Tuấn chạy đến ngõ cửa thầy Đồng sĩ Bình , đưa thầy xem cái giấy thép . Thầy gật đầu khen :

-C est très bien ! C est très bien ! (Giỏi lắm ! giỏi lắm !)

Xong thầy móc túi áo ra cho 1 đồng bạc mới tinh . Đồng bạc tròn chung quanh có răng cửa , trong có khắc hình “bà Đầm xoè“ và có vòng chữ République Française (cộng hòa Pháp) . Để đồng bạc trên đầu ngón tay , cầm cán bút bằng sắt gõ vào , nó kêu “ keng ! “ rất thanh .

Hai đứa học trò mừng quýnh, cầm đồng bạc chạy về đưa cho hai đứa bạn năm nhà chờ kết quả , 8 giờ sáng Quỳnh và Tuấn làm đơn khai đối là “ malade “ xin phép Giáo sư cho nghỉ một buổi .

Hai đứa rủ nhau đi ra nhà Giấy Thép . Tòa bưu điện đông người ra vào . Tuấn gấp tờ giấy điện tín bỏ trong túi áo , không dám lấy ra vội . Đợi lúc vắng người , hai trò đến đưa cho thầy Thông giấy thép coi , và trao luôn đồng bạc mới tinh . Nhưng thầy thông giấy thép xem xong , trợn mắt lấy tay làm dấu cho hai trò đi vòng sau tòa bưu điện . Hai đứa ra đến đây thì

thầy thông đã đứng đấy rồi , tay còn cầm tờ giấy của Tuấn . Thầy trợn mắt ngó Quỳnh và Tuấn và nói khẻ :

- Các trò muốn ở tù phải không ? Ai bảo các trò gởi cái giây thép này ?

Tuấn nhe răng cười (Tuấn có tật nhe răng cười mỗi khi lính quỳnh khó trả lời) .

Quỳnh bảo :

- Hết thầy học trò trường Qui-nhơn

Thầy thông bảo :

- Các trò đừng có làm bậy ! Đã có lệnh của quan Sứ dặn quan Rờ-xơ-vơ hễ có ai đánh giây thép xin ân xá cụ Phan Bội Châu thì đừng gửi , và đưa giây thép lên cho Quan Sứ coi .

Hai trò nhìn nhau , Quỳnh hỏi Tuấn :

-Sao mầy ?

Tuấn nhe răng cười :

- Sao là sao ?

Thầy thông bảo tiếp :

- Tôi thương hai cậu . Con tôi cũng có học trong trường , nếu có chuyện gì nó cũng bị đuổi như các cậu vậy . Thôi tôi can hai cậu , xé bỏ cái giầy này đi . Nguy hiểm lắm . Nên kín mồm , kín miệng , tôi không có trình lên ông Rờ-xơ-vơ đâu .

Quỳnh lại hỏi Tuấn :

-Sao mầy ?

Tuấn chỉ biết nhe răng cười :

- Sao thì sao , chớ sao ! Thầy thông không cho gửi thì đành vậy .

Thầy thông trao tờ giấy “nguy hiểm“ lại cho Tuấn . Hai trò ra bờ biển ngồi , xé vụn từng mảnh giấy nhỏ , và vò cục lại quăng ra đọt sóng. Hai đứa vội vàng về nhà Quỳnh . Tuấn và Quỳnh đều mặc cỡ và buồn , làm thinh không nói gì với nhau . Một lúc sau , Tuấn nằm sấp xuống chiếu , khóc thút thít một mình ...

Vụ án Phan Bội Châu đang sôi nổi , thì một buổi sáng sau khi vua Khải Định chết được chừng sáu bảy hôm , ông Daydier, đốc học trường Qui-nhơn , cầm một tờ giấy in , vào các lớp đọc cho học trò nghe . Lớp Tuấn

đang học giờ Sử Ký Pháp . Giáo sư Mariani giảng về cuộc Cách mạng năm 1848. Với giọng hùng hồn như diễn thuyết , ông đang kể lại những sự kiện xảy ra ở Paris , lúc thi sĩ Lamartine cầm cây cờ Tam-tài đứng trước tòa Đô Chánh hô hào dân chúng , thì ông Đốc học Daydier đi giầy cộp cộp ...từ ngoài mở cửa bước vào . Ông giáo sư ngừng nói . Ông Đốc đứng ngay giữ lớp , với vẻ mặt trịnh trọng khác hơn mọi ngày , nhìn chăm chăm vào mặt học trò, nói chậm rãi nhấn mạnh từng câu , từng chữ để cho học trò chú ý :

- J ai une nouvelle importante à vous annoncer. ..(tôi có một tin quan trọng báo cho các trò biết ...)

Ông ngừng một phút , rút trong túi áo ra một cặp kiếng lấy gấn vào sống mũi (ông đeo một loại kiếng trắng gấn vào sống mũi chứ không có gọng) rồi nói tiếp , đại khái , ý nghĩa như sau đây :

- Trước hết tôi báo tin cho các trò biết rằng Hoàng Đế Khải Định mới chết , cách đây một tuần lễ ...Cái chết ấy thật là một việc đau buồn cho nước An nam và nước Pháp , bởi vì hoàng đế Khải Định là một người bạn lớn của nước Pháp (un grand ami de la France) . Con trai của Ngài là hoàng tử Vĩnh Thụy , du học ở Paris , hãy còn nhỏ tuổi quá không thể nào thay thế Vua Cha để cai trị dân . Tuy vậy nước Pháp có bổn phận bảo vệ nước An nam không thể để trống cái ngai vàng ở Huế , vậy nên nước Pháp đã mời hoàng tử Vĩnh Thụy về để kế vị Vua cha . Ngài sẽ nối ngôi nhà Nguyễn với niên hiệu là Hoàng đế Bảo Đại . Nhưng vì Hoàng đế còn nhỏ tuổi muốn tiếp tục việc học ở Pháp , ngài là cậu học trò rất thông minh ...

Ông Daydier tùm tùm cười với ông giáo sư Mariani , rồi quay lại nói tiếp với học trò :

-... và rất chăm chỉ , đáng làm gương cho học trò ...ngài về nước để tang cho Phụ Hoàng của Ngài , rồi sẽ trở qua Pháp để tiếp tục việc học . Vì thế, Hội Đồng Cơ Mật ở Huế mới thỏa thuận ký với nước Pháp một bản thỏa ước , gọi là “ bản thỏa ước năm 1925 “ (La Convention de 1925) để cải tổ việc cai trị nước An nam cho mỗi ngày mỗi mở mang tiến bộ . Đây để tôi đọc xho các trò nghe nguyên văn bản “ hòa ước“ đã ký kết giữa viện Cơ Mật Huế , đại diện cho Hoàng Đế Bảo Đại, và quan Khâm Sứ Trung kỳ đại diện Quan Toàn Quyền Đông dương .

Dĩ nhiên bản Thỏa ước 1925 làm bằng tiếng Pháp và có những điều khoản rõ ràng . Ông Daydier đọc hết từ đầu đến cuối trên tờ giấy in dài độ 1 trang rưỡi . Đây là vài chi tiết quan trọng nhất mà trò Tuấn nhớ rõ :

1. Trong thời gian vắng mặt Hoàng đế Bảo Đại du học ở Pháp , triều đình Huế sẽ do một hội đồng Nhiếp chính (Conseil de Régence) điều khiển .
 2. Hội đồng Nhiếp chính gồm các quan Cơ Mật Đại thần , đại diện Triều đình , vị Chủ tịch Tôn nhưn Phủ đại diện Hoàng Phái , và quan Khâm Sứ Trung Kỳ , đại diện Nhà Nước Bảo Hộ .
 3. Hội đồng Nhiếp chính do quan Khâm sứ Trung kỳ chủ tọa
 4. Các việc hành chính quan trọng đều do tòa Khâm sứ trực tiếp điều khiển với sự thỏa thuận của Hội đồng Nhiếp chính .
 5. Hội đồng Nhiếp chính đảm nhiệm về việc cúng tế , việc quản trị các cung điện Hoàng gia , việc cấp phát các sắc Thần ,v.v...
- Và các chi tiết khác không quan trọng .

Đọc hết bản Thỏa ước , ông Đốc học bảo :

- Các trò về nhà nói lại cho cha mẹ của các trò rõ về sự nước Pháp lúc nào cũng chăm lo mở mang và dìu dắt nước An nam trên con đường văn minh tiến bộ . Chỉ những kẻ ngu xuẩn và những kẻ bạc nghĩa vong ơn mới không biết những ân huệ của nước Pháp . Các trò về hỏi lại cha mẹ của các trò về tình hình của nước An nam trước khi nước Pháp đem văn minh qua đây , trước đây chừng mười năm thôi , rồi các trò so sánh với nước An nam ngày nay thì các trò sẽ biết người An nam mang ơn nước Pháp những gì .

Ông Daydier nói đến đây thì vừa trống đánh ra chơi , ông chào ông giáo . Học trò đều đứng dậy , đợi ông đi ra rồi mới ùa ra sân chơi . Chỉ tội cho lớp Đệ Tam Niên , cạnh lớp của Tuấn , đến phiên phải ở lại để nghe ông Đốc . Học trò ra chơi , không còn nhớ ông Đốc đã nói những gì . Bản “ Convention de 1925 “ bằng tiếng Pháp , họ hiểu hết nhưng rốt cuộc không hiểu gì cả . Hiểu nghĩa những câu những chữ , nhưng nào có hiểu được tại sao có cái “ Convention “ ấy , và tại sao ông Đốc đem nó đến từng lớp đọc cho học trò nghe ? Chuyện đầu đầu ở Huế , chuyện Vua với Tây , có ăn thua gì đến học trò ?

Ngay như vua Khải Định chết , trước đó 6,7 hôm mà hầu hết học trò cũng

không hay biết gì cả , mấy anh lớn ở lớp Đệ Tam Niên cũng vậy. Họ còn vui cười hỏi nhau :

- Ủa vua Khải Định chết hồi nào mà không nghe ai nói he ? Ông Daydier không xuống lớp nói thì tụi mình cũng tưởng ông còn sống chứ .

Rồi tất cả đều cười , như là câu chuyện đùa . Toàn thể học sinh rất là thờ ơ , không có một xôn xao nho nhỏ , cũng không có lời bàn tán về cái “ Convention 1925 “ --- một danh từ thật mới lạ mà không ai tìm hiểu cho rõ ý nghĩa và công dụng như thế nào . Không có ai nhắc lại những lời của ông Đốc học Daydier. Nhiều trò chỉ thích thú được ngồi chơi trong lớp hơn nửa tiếng đồng hồ , khởi học bài Sử ký . Các trò khác bu lại từng nhóm như thường lệ , để hỏi nhau về bài toán Géométrie hay Physique mà chốc nữa vào lớp phải nộp lên cho giáo sư Gabriel .

Mấy ông giáo sư An nam đi qua đi lại ngoài hành lang với các giáo sư Pháp , nói chuyện với nhau với vẻ mặt vui thích lắm . Cái tin Vua Khải Định chết do ông Đốc Daydier long trọng tuyên bố thành ra gần như một tin mừng , hay là một biến cố vui vẻ cho cả nhà trường . Còn bản “Convention “ thì tuyệt nhiên không ai nhắc đến .

Kể đến vài tháng sau , cũng trong một buổi học , tự nhiên ông Tổng giám thị An nam

(Surveillant général) đến từng lớp , theo sau là anh cai trường ôm một gói sách . Ông nói với giáo sư vài lời rồi quay lại bảo với học trò một quyển sách mới tinh .

- Quan Đốc vừa nhận được của quan Khâm sứ ở Huế gởi vô cho mỗi trò một quyển sách này . Quan Đốc khuyên các trò không những là nên đọc hết quyển sách , rất bổ ích , mà về nhà còn phải đọc lại cho cha mẹ nghe nữa.

Nói xong , ông Tổng giám thị đi ra , anh cai trường theo sau còn mang mấy gói sách nặng trĩu để phát cho các lớp khác . Cửa khép lại , ông giáo Gabriel tiếp tục giảng bài Géométrie plane . Học trò không kịp xem quyển sách nói những gì , Ông giáo sư cũng không để ý đến .

Về nhà, trò Tuấn rút sách trong cặp ra xem . Tên sách là L' Indochine d'hier et d'aujourd'hui (Đông dương ngày xưa và ngày nay) . Tác giả là Cucherousset, chủ báo Eveil Économique ở Hải Phòng , Bắc kỳ . Sách dày

, in thật đẹp , chữ in màu sepia , mỗi trang bên trái bằng Pháp ngữ đối chiếu với trang Quốc ngữ bên phải . Người dịch Pháp ngữ ra Quốc ngữ là một nhà Nho An nam , ở Hà nội tên là Vũ Công Nghi .

Ngay nơi trang đầu quyển sách có hình ông Toàn quyền Alexandre Veranne ở giữa , phía bên tay trái là ông phó Toàn quyền Pierre Pasquier, tay mặt là “ vua Bảo Đại “ , Hoàng đế Annam “ phía dưới tay trái là Vua Sisowath-Monivong , Quốc vương Cao Miên , tay mặt là Vua Sisavangvong , Quốc trưởng Ai Lao . Trang trong có hình vợ góa của của Khải Định , dưới đề Pháp ngữ là “ S.M La Reine Douairière “ (Bà Hoàng Thái Hậu) một thiếu phụ Huế , trạc 24 tuổi , nét mặt ngây ngô ,tóc quăn , đeo kiềng vàng , mặc áo gấm thêu hoa .

Trong sách còn in nhiều thắng cảnh Đông dương như Angkor Watt, Angkor Thom ở Cao Miên , Tháp Chàm ở Qui nhơn , cửa Ngọ Môn Huế , Hồ Hoàn Kiếm Hà nội , nhà Hộ sinh Quảng Ngãi v.v...

Có điều lạ , là tuyệt nhiên không có một phong cảnh nào của Nam Kỳ và không có hình của một nhân vật nào của Nam kỳ .

Trò Tuấn đọc hết cả quyển sách . Sách chia ra nhiều chương , tóm tắt lại là nói về Đông dương trước hồi Tây qua , so sánh với xứ Đông dương năm 1925 , với tất cả những cái mà tác giả cho là “ văn minh tiến bộ” về các phương diện học đường , y tế, canh nông . hỏa xa , công chánh , kỹ nghệ , thương mại v.v...Và chương cuối , kể công ơn của nước Pháp với các xứ Đông dương là vô lượng vô biên như trời như bể .

Mãi 10 năm sau , Tuấn ở Hà nội , được giao thiệp nhiều với các giới trí thức và được dịp điều tra , mới biết rằng quyển L’Indochine d’hier et d’aujourd’hui (Đông dương ngày xưa và ngày nay) của Cucherousset và Vũ Công Nghi xuất bản năm 1925 do Phủ Toàn Quyền đặt mua trên 200.000 quyển để phát không cho tất cả các trường Trung học Đông dương , trường Cao đẳng Hà nội và các trại lính khố xanh , các Thầy Thông , Thầy Phán các sở Nhà nước . Đó là phương pháp tuyên truyền của Nhà Nước Bảo Hộ để chống lại phong trào Ái quốc và Cách mạng do hai cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh ở Hải ngoại về đã gây ra trong toàn thể quốc dân . Quyển sách kia có mục đích gián tiếp nhắc nhở cho dân An nam những

“công ơn của nước Đại Pháp“ đã gây dựng xứ Đông dương và nhất là xứ Trung kỳ trong thời gian nước Pháp cai trị . Ảnh hưởng của quyển sách L Indochine d’hier et d’ aujourd’hui đối với học trò hình như cũng có hiệu nghiệm một phần nào , vì có một số ca tụng nước Pháp ghê lắm .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 31

1926

- Lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh do học sinh tổ chức lên trên núi .
- Các giáo sư diễn tuồng cải lương mừng lễ “ Hưng Quốc Khánh niệm “ của Gia Long
- Truyền đơn của “ Dân Việt Cách Mạng Đảng “
- Đấu khẩu giữa một nhóm Nam Nữ học sinh chống Pháp và một ông Lý trưởng nịnh Pháp .

Mấy tháng sau, tháng 3 năm 1926 tin cụ Phan Chu Trinh tạ thế ở Saigon bay ra khắp nước, mãnh liệt như một làn thuốc súng . Đám táng của cụ ở Saigon thành ra một đám tang chung cho toàn quốc . Một số học trò Trường Trung học Qui-nhơn nghe tin ấy một buổi tối thứ sáu, do một người từ Saigon đem về . Tức thì đêm ấy một nhóm độ 10 trò rủ nhau đến nhà thầy Đồng sĩ Bình để hỏi xem tin kia có đúng không, và phải làm thế nào ? Thầy Bình đang gục đầu khóc nức nở trước một hương án, trên đó thầy đã treo một bức ảnh của cụ Phan Chu Trinh đặt một lư trầm khói bay nghi ngút, một bình hương, một cặp đèn nến cháy đỏ bừng, với một bình hoa phượng . Tụi trò Tuấn bỏ cả quốc ngoài hè, đứng vòng tay lễ phép một bên . Nhìn lên ảnh cụ Phan, trò nào cũng rưng rưng nước mắt . Bỗng dưng không ai bảo ai, các trò đến quỳ sụp xuống hết trước bàn thờ, sau lưng thầy Đồng sĩ Bình, và khóc cả lên một lượt, âm ỉ cả nhà .

Sau đó, thầy Bình cho mấy cậu học trò biết rằng chính thầy cũng mới nhận được giấy thép báo tin buổi chiều trong lúc thầy đang làm việc trong Toà Sứ . Đợi mãi giờ làm việc, thầy vội vàng đạp xe máy về nhà thiết hương án để vọng bái cụ .

Hôm ấy là 26 tháng 3, Cụ Phan Chu Trinh tạ thế tại Saigon lúc 9 giờ rưỡi đêm 24.

Gần 2 giờ khuya các trò ra về, mang nặng trong lòng một mối tang chung, và thầm thì với nhau sắp đặt lễ truy điệu cho toàn thể nhà trường .

Lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh do một nhóm học trò trường trung học Qui-nhơn tổ chức lén lút trong đêm thứ Bảy 27-3 và sáng Chủ Nhật 28-3-1926 có thể coi như là một chứng dẫn cảm động nhất của lòng yêu nước nhiệt thành của thế hệ thanh niên Việt Nam thời bấy giờ.

Tôi nói : Nhiệt thành, vì lòng sùng bái đối với cụ Phan Chu Trinh xui họ tự động tổ chức lấy, do một nhóm 10 cậu học trò hăng hái vận động từ hai hôm trước và đa số tán thành . Nhưng họ không dám tổ chức công khai trong thành phố .

Nhóm 10 cậu cầm đầu có 5 cậu ở lớp Đệ Tam niên và năm cậu ở lớp Đệ Nhị niên, trong đó có các trò Quỳnh, Tố, Thu, Hào, Tuấn . Trong số 5 anh lớn ở Đệ Tam niên có anh Trọng, người đeo kính cận thị, cao lớn nhất và học lười nhất, chỉ thích vô Saigon mở tòa báo để mời ông Hồng Tiêu làm chủ bút .

Sau một buổi nhóm âm thầm bí mật ở nhà trọ anh Trọng hồi 7 giờ tối thứ Bảy, mỗi trò phải lập tức chạy đi từng nhà trọ rủ anh em góp tiền và hẹn sáng sớm hôm sau là Chủ Nhật phải đi lên núi Xuân Quang làm lễ . Căn dặn với nhau đi bằng xe máy hay đi bộ như đi chơi thường đừng để người ta chú ý, và không được đi chung đông người . Tiền góp mỗi trò 5 xu, để mua nhang đèn và nếu có thể được thì mỗi trò sẽ đem theo một miếng vải đen để tang .

Ở trong buổi nhóm ra, Tuấn chạy đến nhà trọ của hai cô bạn gái lớp Nhất, Trâm và Anh . Hai cô rất sốt sắng tán thành ngay. Vì giờ đó không thể mua vải ở đâu được . Anh vội vàng đi lấy chiếc áo dài đen còn mới của cô bằng vải trắng đầm và không do dự lấy kéo cắt phăng một cánh tay áo, làm được ba cái băng tang, cho Tuấn một, Trâm một và Anh một. Trâm thì lấy tiền riêng chạy ra phố mua ba thẻ nhang và sáu cây đèn bạch lạp . Trâm và Anh lại bảo nhau sáng sớm trước khi đi bẻ mấy cành hoa phượng để đem cắm trên bàn thờ cụ . Hai cô dặn Tuấn đến đi với hai cô, và đi bộ, đi thật sớm, lúc hừng đông, trước khi mặt trời mọc . Lúc bấy giờ hầu hết phụ nữ ở Trung kỳ và Bắc kỳ đều chưa biết đi xe đạp . Ở Saigon và lục tỉnh cũng chỉ có một số rất ít chị em mới tập đi xe máy đầm . Học trò gái đi học toàn đi bộ, mặc dù nhà trọ ở xa trường .

Tuấn còn chạy đi rủ các bạn khác . Giữa đường gặp Quỳnh, Quỳnh hỏi thật khẻ :

- Mày rủ được mấy đứa rồi ?

Tuấn cũng trả lời rất khẻ :

- Được 20 đứa ...Còn mày ?

- Tao rủ được 35 thằng lớp Đệ Nhất niên . Mày có cho bọn học trò con gái biết không ?

- Có . Trâm và Anh . Anh xé cánh tay áo dài đen làm cho tao cái băng tang .

- Mày sướng quá vậy . Tao chưa có băng tang . Mày trở lại con Anh, biểu nó làm cho tao một cái được không ?

Tuấn gãi đầu :

- Được . Để tao bảo nó cái băng của tao ra làm đôi, mỗi đứa một nửa .

Theo “ chương trình “ -- tạm gọi là chương trình, vì sự thực không có chương trình, và chính “ban tổ chức “ cũng không có . Chỉ có anh Trọng và 9 đứa với nhau sơ sài rồi mạnh ai nấy đi cố động riêng . Theo sự dặn dò với nhau thì lễ truy-điệu phải làm ngay lúc mặt trời mới mọc .

Bảo nhau rằng làm lễ truy điệu trên núi Xuân Quang nhưng sự thật Tuấn không biết làm chỗ nào, vì núi Xuân Quang ở phía Bắc trường học Qui-nhơn là một dãy núi dài . Các trò chỉ biết là đi dọc theo con đường lớn lên miệt nhà quê, rồi đến đấy gặp nhau sẽ liệu .

Tuấn đi với Trâm và Anh, từ lúc gà mới gáy vào khoảng 5 giờ . Thành phố hầy còn ngủ thim thíp . Các anh cu ly kéo xe cũng còn ở nhà ngủ, chưa có một bóng anh nào lảng vảng ở ngoài đường . Trâm và Anh hơi sợ, vì sắp sửa dự vào một việc nguy hiểm . Hai cô học trò lớp Nhất mới 15 tuổi đã biết gì đâu, tuy là hăng hái, do trò Tuấn xúi giục rủ rê . Hai cô tóc kẹp, đội nón Huế, chân mang quốc, vẫn chưa biết là lén lút như thế này đến dự lễ truy điệu cụ Phan chu Trinh ở một nơi kín đáo trên núi sẽ có hậu quả như thế nào ? Nhưng Trâm và Anh đều hoàn toàn tin tưởng nơi Tuấn, cho nên Tuấn đi giữa, hai cô đi hai bên, kề sát vào nhau như người anh cả 16 tuổi đi với hai cô em gái 15 tuổi, vừa đi vừa thăm thì trò chuyện .

- Anh Tuấn ơi, tụi mình làm lễ đề tang cho cụ Phan chu Trinh, lỡ ông Đìa-

réc-tơ biết, ông có đuổi không anh ?

- Không lẽ đuổi cả trường à ?

- Nhưng chắc gì bữa nay có cả trường đi lễ ?

- Không có cả trường thì cũng có một nửa . Nội đêm hồi hôm, một mình tôi đi rử được 30 đũa . Không lẽ còn mấy anh kia không rử được ba trăm đũa sao ?

- Các ông giáo có dự không anh ?

- Ai mà dám cho ông biết

- Lỡ thứ Hai vô học các ông biết thì sao ?

- Nếu có chuyện gì, thì tôi với mấy anh kia chịu .

- Không, nói thế chứ các anh bị cái gì, thì tụi em cũng bênh các anh .

Câu chuyện thăm thì đến đây, xem chừng như nghẹn nơi cổ rồi . Tuấn và Trâm, Anh, đều làm thình, không ai nói gì nữa .

Đến đầu làng Xuân Quang đã thấy anh Trọng, Quỳnh, Tố, và 5, 6 trò khác tụ họp nơi chân núi đá . Mấy người này đi xe máy đã đến trước . Anh Trọng và hai trò đi vào một nhà tranh gần núi . Không biết họ nói cách nào mà họ mượn được một cái bàn cũ kỹ, khiêng ra đặt ngay trên bãi cỏ xanh . Mặt trời đã rạng đông, và lần lượt học trò kéo tới, hầu hết là đi xe máy, chờ nhau mỗi xe hai ba trò . Cũng có nhiều trò đi bộ . Tuấn lảng xãng với Quỳnh, Hảo và anh Trọng, sắp đặt cho anh em dựng xe máy vào các tảng đá, và kê dọn bàn thờ . Đầu tiên, trò Quỳnh lấy tấm ảnh cụ Phan Chu Trinh, cắt trong quyển sách "Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa " của cụ Phan, do một người ở Saigon đem ra bán mấy hôm trước . Tấm ảnh đẹp, gương mặt cụ Phan thật là oai nghiêm . Anh Trọng trở vào túp lều tranh ban nãy, mượn được chiếc bài vị cúng thần thổ địa . Anh em mừng quá, cười rộ lên . Tuấn và Quỳnh xúm lại lấy cơm nguội trét dán ảnh cụ Phan Chu Trinh lên trên bài vị .Bắt đầu có ảnh cụ Phan đặt trên bàn thờ anh em đã thấy rạo rức trong lòng, và nét mặt người nào người nấy tự nhiên buồn rầu, cảm động . Không ai dám cười giỡn .

Trâm và Anh đưa ra bó hoa phượng . Tuấn chạy vào nhà anh dân quê kia mượn được chiếc bình mẻ đem ra, để cắm hoa . Các bạn khác cũng vào núi bẻ rất nhiều hoa rừng đặt phủ kín bàn thờ .

Nến và hương thấp thật nhiều, chung quanh ảnh cụ Phan khói bay nghi ngút . Anh Trọng lớn hơn hết, có vẻ người anh cả thật sự, bảo anh em đứng sắp hàng cho có trật tự . Tuấn và Quỳnh đi sắp đặt chỗ, để Trâm và Anh đứng gần bàn thờ, còn học trò trai, cả thầy gần một trăm người mặc toàn áo trắng dài, đứng sắp hàng hai bên .

Mặt trời vừa mọc, chói rực trên mặt biển Qui-nhơn, chiếu những tia vàng trên sườn núi . Gió thổi hiu hiu mát rượi . Cảnh vật chung quanh hoàn toàn yên tĩnh . Chẳng có một người dự vào, trừ hai vợ chồng dân quê và mấy đứa con tò mò đứng ngó nơi sân nhà . Anh Trọng đứng trước bàn thờ, Tuấn một bên, Quỳnh một bên . Thấy anh Trọng quì xuống . Tuấn và Quỳnh cũng bắt chước quỳ . Anh Trọng móc trong túi ra một tờ giấy để đọc . Đó là bài văn tế cụ Phan Chu Trinh mà anh soạn lúc nào không ai biết, Tuấn cũng không biết . Giọng anh run run với những câu như :

“...Thưa cụ, chúng con là học trò khờ dại, nhưng nghe tin cụ mất ở Nam kỳ, chúng con cũng đau đớn vô cùng . Chúng con thương khóc cái chết một bậc anh hùng của quốc dân An nam, một bậc đại chí sĩ đã nêu gương ái quốc cho thanh niên chúng con . Trong lúc đồng bào khắp nơi đều khóc cụ, chúng con tụ họp nơi đây với chút lòng thành, một nén hương, một ngọn nến, chúng con xin vong linh cụ chứng giám cho ...”

Anh Trọng đọc chưa hết đã gục đầu xuống khóc . Tuấn và Quỳnh cũng khóc . Rồi tất cả học trò đều khóc .

Lần lượt anh em đến trước bàn thờ cụ, cung kính quỳ xuống lạy . Trâm và Anh khóc nhiều hơn cả . Xong rồi anh Trọng nói :

-Tôi có đem theo đây một vuông vải trắng-đầm đen và cái kéo . Cô Trâm và cô Anh cắt giùm ra làm băng tang cho anh em đeo . Ai có rồi thì lấy ra đeo, để tang cho cụ .

Buổi lễ truy điệu cụ Phan chu Trinh rất giản dị và trọng thể, đã cử hành được hoàn toàn mỹ mãn. Xong kẻ rủ nhau đi chơi núi, một tốp đi về đường Lò Bò, một tốp đi bằng đồng cát, còn vài chục trò đi theo đường quan lộ . Trâm và Anh rủ Tuấn cùng về, đi bộ . Nhưng gần đến phố, sợ thiên hạ thấy trai gái đi chung với nhau, Tuấn từ biệt Trâm và Anh, và băng qua đồng cát, phía sau trường .

Sáng hôm sau, thứ Hai, vào trường học, một số độ chừng sáu bảy chục trò còn đeo băng đen trên cánh tay . Mấy trò khác cất băng ở nhà không dám đeo đến trường .

9 giờ, học trò lớp Tuấn đang ngồi nghe Ông giáo sư An nam giảng Vật lý học, thì anh cai trường xuống, cầm một tấm giấy nhỏ đưa ông giáo sư . Ông trở nhìn giấy, nét mặt nghiêm khắc, gọi :

-Tuấn !, Quỳnh !, Thu !, Hảo ! A la Direction !

Bốn trò tái mặt, đứng dậy ra đi . Cả lớp đều tỏ vẻ lo sợ .

Đến văn phòng, ông Tổng Giám thị đưa bốn người vào gặp ông Đìa-réc-tơ.

Tụi này cúi đầu chào . Ông Daydier, với nét mặt hằm hằm hỏi Tuấn :

-Mày để tang cho ai đấy ?

Trò Tuấn ấp úng trả lời :

-Dạ ...thưa... tôi để tang cho Ông nội tôi .

Ông Daydier trợn mắt :

-Ông nội mày đã chết hai chục năm rồi, bây giờ mày mới để tang hả ?

Tức thì ông Daydier đánh vào má Tuấn một tát tay . Tuấn nghe một tiếng “Pâng !” kinh khủng ! Tuấn xiêng liêng, muốn té xỉu luôn .

Rồi ông quay lại trò Quỳnh :

-Còn mày ?

Quỳnh chưa trả lời, cũng bị ông tát một tát kinh hồn . Hảo, Thu đều bị như thế . Xong, ông đuổi bốn đứa về lớp, không nói thêm một câu .

Bốn đứa lặng lẽ đi về lớp thì giữa hành lang gặp người cai trường và ba anh nữa ở lớp Đệ Tam niên xuống văn phòng . Tuấn chỉ cho anh Trọng cái vết tát tay còn đỏ bừng trên má trò, và khẻ bảo :

- 36 ngón nể !

Trông nét mặt anh Trọng y người tù sắp sửa lên máy chém .

Học trò xầm xì hỏi nhau :

- Không biết đứa nào méo với ông Đốc ? Nếu không có thằng chó nào làm “ rấp bo “ cho ông, thì làm sao ông gọi đúng tên tất cả mấy đứa bầy đầu.

Người tức giận nhất là anh Trọng . Anh này từ trước đến giờ vẫn hiu hiu tự đắc là người có cái xác cao lớn nhất trong trường, học Đệ Tam niên cũng lại là lớp cao nhất, với đôi kính cận thị ra vẻ đạo mạo tiên sinh, thế mà bây

giờ bị ông Đòa đánh ba bạt tay nổ đom đóm, làm anh mất hết thể diện với lũ học trò em út . Đây là anh nghĩ thế, nhưng sự thật thì học trò cả trường đều thương anh, chớ có đứa nào khinh khi hay chế nhạo anh đâu .

Nói cho đúng, tất cả mấy trò bị ông Đốc Daydier đánh tát tay đều không có oán giận ông Đốc, vì học trò thời bấy giờ vẫn còn theo lễ giáo ngày xưa, kính trọng thầy, và sợ thầy, không dám hỗn xược, không dám phản đối ...

Mình sùng bái cụ Phan Chu Trinh, thì lòng mình cứ sùng bái cụ, nhưng không phải vì thế mà mình oán thù ông Đốc trường, mặc dầu bị ông đánh chảy máu răng . Anh Trọng lý luận rằng mình làm lễ truy điệu và để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh là một việc hãy còn làm lén lút riêng trong đám học trò, chứ đồng bào trong thành phố có ai dám đề xướng ra lễ truy điệu đâu? Đến cả thầy Đổng sĩ Bình cũng chỉ lập bàn thờ riêng trong nhà để thờ cụ và khóc lạy cụ một mình .

Nhưng anh Trọng cũng như mấy trò kia tức giận là tức giận cái thằng bạn chó má nào đã đi mét với ông Đốc vụ lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh? Anh Trọng, trò Quỳnh, trò Tuấn, trò Hào, trò Thu đều nghi cho trò Thức và trò Trâm . Nghi cho trò Thức ở Đệ Tam niên vì thường nhật trò này được ông Đòa thương nhất . Nghi trò Trâm vì trò này giỏi toán nhất lớp Đệ Nhị niên, thường được ông giáo sư toán là Gabriel cưng nhất, Gabriel là ông giáo đã chửi Tuấn một câu :” An-na-mít là giống người bản thủ, giống mọi rợ ” .

Hôm lễ truy điệu, Thức và Trâm đều không có đi dự lễ . Đây chỉ là điều nghi ngờ, có thể là nghi oan cho hai người bạn vô tội, nhưng từ hôm đó cả trường đều ghét Thức và Trâm .

Cho đến các em lớp nhỏ ở lớp Tư lớp Năm, cũng chỉ trở hai người kai mà nói xàm xì với nhau :” Hai cái anh lớn đó vậy mà làm điếm chỉ cho ông Đốc, mầy ơi “.

Buổi sáng, mấy trò đeo băng đen trên mũ và nơi cánh tay đã bị Ông đòa tát tay cho trò nào trò nấy xiết liếng, thì buổi chiều không còn trò nào dám đeo băng đen nữa . Tội nghiệp cho trò Lý ở lớp Đệ Nhất niên để tang thật sự cho mẹ đã hơn một năm, từ hôm đó đi học cũng không dám đeo băng tang cho mẹ nữa .

Thái độ mấy ông giáo sư An nam, đối với cái tang cụ Phan Chu Trinh, thì

hoàn toàn lãnh đạm, cũng như hầu hết các thầy thông, thầy phán làm việc ở các tòa và các sở nhà nước . Đại đa số dân chúng trong thành phố đều sung bái cụ Phan Chu Trinh và cụ Phan Bội Châu, nhưng họ sợ tù tội, không dám thổ lộ công khai . Sau khi nghe vụ học trò làm lễ truy điệu cụ Phan Tây Hồ ở trên núi Xuân Quang, nhiều người chủ tiệm buôn trách móc : "Sao mấy trò không cho tui biết với, để tui gửi nhang đèn bánh trái lên cúng Cụ? " . Đại khái dư luận dân chúng trong thành phố đều hoan nghênh vụ học trò làm lễ truy điệu cụ Phan, mặc dầu sự hoan nghênh ấy đã muộn . Trò Tuấn cắt cái băng tang trong va li để làm kỷ niệm, mãi 10 năm sau vẫn còn .

Trong lúc ở Qui-nhơn, học trò tự động làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh lén lút ở trên núi, thì ở nhiều nơi khác lễ truy điệu được tổ chức công khai, như ở Saigon, Đà Nẵng, Hà Nội . Đặc biệt ở Saigon là nơi cụ Phan Chu Trinh chết, đám tang của cụ đã thành ra Quốc Táng của người An nam, trước cặp mắt thù ghét của người Pháp .

Cụ Phan mệnh chung tại một căn nhà đường Lagrandière (đường Gia Long bây giờ) và đám tang của cụ do một Ủy ban tổ chức gồm những nhân vật trí thức có tên tuổi, được dân chúng tín nhiệm. Hầu hết những nhân vật ấy, Trạng sư, Kỹ sư, Giáo sư, Ký giả, lúc bình nhật đều có thành tích hoạt động chính trị công khai, vì Saigon là nhượng địa của Pháp theo chế độ tự do của Pháp . Tuy thế, thanh niên và nam sinh và nữ sinh các học đường, chỉ tham gia một phần nào thôi, dưới sự dẫn dắt của người lớn. Ở đây, mọi việc đều có các giới trí thức lo liệu, thanh niên không có tự động tổ chức như ở các tỉnh Trung kỳ và ở Bắc kỳ .

Lớp trẻ hăng hái hoạt động cách mạng ở Saigon trong lúc này như Nguyễn An Ninh, Trương Cao Động, Phan Văn Hùm, Diệp Văn Kỳ, v.v...và vài năm sau có Vũ Đình Duy, Cao Văn Chánh ...Tuy nói là thanh niên nhưng đã đều xấp xỉ hoặc trên 30 tuổi, và hầu hết là những trí thức đã thi đỗ Tú tài, Cử nhân ở các đại học Pháp . Các lớp trẻ gọi là học trò từ Trung học trở xuống hầu còn là những con chiên hiền lành, ngoan ngoãn, chưa có ý thức rõ rệt về cách mạng, hay là theo đúng danh từ thông dụng lúc bấy giờ, là "quốc sự" . Năm 1925-26, hai chữ "cách mạng " chưa được phổ biến trong

đại chúng .

Ở Trung kỳ, lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh được tổ chức công khai ở Tourane, nay gọi là Đà Nẵng . Thành phố này cũng là nhượng địa của Pháp, theo chế độ đặc biệt của Pháp, được phần tự do hơn . Ủy ban tổ chức ở đây do một nhóm nhân sĩ Nho học và Tây học, phần nhiều là bạn đồng chí của Cụ Phan tây Hồ, quê quán ở Quảng Nam .

Nam nữ học sinh đại diện hai trường Quốc học và Đồng Khánh ở tận Huế đi xe lửa vào Tourane để dự lễ, vì chính ở Huế, kinh đô của nhà Vua, lễ truy điệu bị cấm .

Ai cũng biết rằng cụ Phan Chu Trinh là kẻ thù số 1 của Vua Khải Định, hay là nói ngược lại, vua Khải Định là kẻ thù số 1 của nhà cách mạng Phan Chu Trinh . Khải Định đã chết (tháng 11-1925), trước cụ Phan mấy tháng (tháng 3-1926), nhưng cái chết của Khải Định, ngoài đám tang theo nghi lễ rầm rộ của triều đình Huế, không được dân chúng, và thanh niên thương tiếc và chú ý đến .

Cụ Sào Nam Phan Bội Châu đã được về an-trí ở Huế nhưng cụ chỉ đánh giây thép và gửi câu đối vào Saigon để phúng điếu cụ Phan Tây Hồ, chứ cụ không được tòa Khâm sứ Huế cho phép vào Saigon đưa đám cụ . Cụ Phan Bội Châu cũng không được vào Tourane để chủ lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, tuy nhượng địa Pháp chỉ cách kinh đô Huế 100 cây số .

Ban tổ chức truy điệu cụ Phan Tây Hồ ở Tourane lại còn quyên được một số tiền của các đồng chí địa phương để xây cất một nhà thờ cụ Phan ở đường Verdun .

Ở Hà nội, lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh được tổ chức tại Đền Hai Bà Trưng, ở ngoại ô thành phố khoảng cuối đường Armand Rousseau, thuộc làng Đồng Nhân . Ủy ban tổ chức Hà nội cũng gồm các nhân sĩ cách mạng, đồng chí của cụ Tây Hồ như cụ Nghè Ngô Đức Kế, cụ Cử Dương Bá Trạc . Một số sinh viên Đại học ở trường Cao Đẳng Đông Dương (Université Indochinoise) và Học sinh trường Lycée du Protectorat (trường Bưởi -- Trường Bưởi, trung học Pháp việt tự động đến tham gia buổi lễ .

Ban tổ chức lễ Truy điệu cụ Phan Chu Trinh tại đền Hai Bà Trưng lúc đầu hơi thắc mắc vì không biết nên đặt bàn thờ cụ Phan ở chỗ nào . Bàn thờ

giữa đền thì đã có hai pho tượng cao lớn của Hai Bà, tượng gỗ, nhưng chạm trổ thật đẹp, bà chị mặc áo vàng chít khăn vàng, bà em mặc áo đỏ chít khăn đỏ, rất là oai vệ . Chẳng lẽ đặt bàn thờ cụ Phan Chu Trinh trước pho tượng Hai Bà?

Sát bên hông Đền, có chùa thờ Phật . Chẳng lẽ đặt bàn thờ cụ Phan trong điện thờ Phật ? Sau cùng do đề nghị của đám sinh viên Cao đẳng và Học sinh trường Bưởi, bàn thờ cụ Phan được đặt vào vách tường phía bên trái bàn thờ Hai Bà . Thành ra hôm lễ Truy điệu cụ Phan Chu Trinh, ban tổ chức Hà nội phải làm lễ tế luôn Hai chị em Bà Trưng .

Sau lễ truy điệu, bàn thờ cụ Phan được để luôn đấy . Nhưng vài năm sau, mỗi năm đến ngày lễ tế Hai Bà, mấy Hương chức làng Đồng Nhân sợ ở tù, chỉ cúng lạy Hai Bà mà không dám cúng lạy cụ Phan . Bàn thờ cụ Phan ở bên cạnh không được chút nhang khói . Hai pho tượng hai vị Nữ Anh Hùng, cầm kiếm đứng oai nghiêm trên bàn thờ, chứng giám bọn con dân cung kính quỳ lạy Hai Bà, còn cụ Phan Tây Hồ trong chiếc ảnh lồng kiếng, với mái tóc chải bông, hai chòm râu mép giống như Napoléon III, với cái nơ đen xinh đẹp thắt nơi cổ áo sơ mi, ngời trố mắt nhìn im lặng ... Một tấm vải đỏ phủ lên trên khung ảnh, đã bị bụi dính mốc meo, không ai lau chùi .

Nhưng đến ngày giỗ Cụ, có một số người trai trẻ đến cho ông Từ vài ba đồng bạc, để nhờ ông mở cửa Đền (cửa hông) cho họ vào cúng nhà chí sĩ Việt Nam mà đồng bào hầu như đã quên lãng . Mấy người này lặng lẽ thắp một nén hương, đốt vài ngọn nến, rồi thay phiên nhau quỳ xụp xuống lạy . Mười lăm phút sau, họ ra về lặng lẽ như khi họ đến . Họ là những người trẻ tuổi vô danh, không đại diện cho ai cả . Nhưng họ là những chàng trai của đất Việt, không bao giờ quên ơn bậc chí sĩ bất khuất đã đạo tạo tinh thần bất khuất cho họ . Họ là những người con, cụ là người cha của thế hệ.

Vào khoảng nửa tháng sau lễ Truy điệu cụ Phan Chu Trinh, ở Qui Nhơn học trò bàn tán xôn xao về việc mấy ông Giáo sư An Nam bỗng dưng hăng hái tập ca cải lương . Thật là một điều mới lạ . Mấy ông Đốc (Đốc học, lúc bấy giờ chưa gọi là Giáo sư) thuộc vào giới thượng lưu trí thức trong thành phố, từ trước đến giờ vẫn có một nếp sống trưởng giả, đêm nào cũng tụ họp nhau lại để cờ bạc, xổ tam hường hoặc đánh tổ tôm, tài bàn, sao bây giờ các

ông lại tự nhiên rủ nhau đi học ca cải lương ? Mỗi đêm bắt đầu vào khoảng 7 giờ người ta thấy quý ông Đốc tụ họp tại nhà một Thầy Trợ Giáo (nay gọi là giáo viên) để học đàn và học ca những bản Hành vân, Lưu thủy, Tứ đại oán, Nam ai, Nam bình v.v...của một tuồng cải lương tựa là "Gia Long phục quốc ". Hăng hái nhất trong việc này lại chính là ông Đốc Tr. giáo sư Lý Hóa, một ông giáo nghiêm khắc nhất và được học trò sợ nhất . Thật không có gì buồn cười bằng một ông Đốc dữ tợn khét tiếng ở trường, lại tập đóng vai đũa ở trong tuồng cải lương, nhưng vẫn mặc đồ Tây sang trọng, đeo cà vạt, tay cầm cái chổi cau mà hát theo điệu "Khổng Minh tọa lâu “.

Sáng dậy sớm quét nhà

Quét nhà gánh nước nấu cơm

Ra cái thân ở mướn

Phải cái nghe lời thầy

Miễn cho người yêu chuộng thì thôi

Miễn cho người yêu chuộng thì thôi

Mấy tối liên tiếp, Tuấn cứ đến nhà thầy trợ Liễn, đứng thập thò ngoài cửa để xem ông Đốc Tr. tập đóng vai đũa ở và ca bài cải lương trên kia . Trò không nhin cười được liền cười rồ lên và bị ông Đốc Tr. chộ mặt . Sáng hôm sau vào lớp, đến giờ Vật Lý học. Trả lời vấp một chữ là Tuấn bị ông Tr. cho "zéro "liền và đuổi xuống chỗ .

Dần dần một tháng sau học trò cả trường mới biết rằng theo lệnh Triều đình và tòa Khâm Sứ Huế, lễ Tết mừng Năm tháng 5 âm lịch năm ấy sẽ bị bãi bỏ và thay thế bằng Lễ Quốc Khánh ngày 2 tháng 5 An Nam là ngày vua Gia Long đã toàn thắng Tây Sơn, lên ngôi Hoàng Đế và sáng lập triều Nguyễn . Đó là Lễ Quốc Khánh đầu tiên của nước An nam và được cử hành rất long trọng ở hai xứ Trung Kỳ và Bắc Kỳ . Xin nhớ rằng lễ Quốc Khánh chính thức ở toàn cõi Đông Dương dưới quyền đô hộ của Pháp là "Lễ Chánh Trung "14 tháng 7 dương lịch mà thường dân vẫn gọi là Lễ "Cách tốt ruy dê ".

Lần đầu tiên nước An Nam được phép tổ chức ngày lễ Quốc Khánh mừng 2 tháng 5 Âm lịch cũng gọi là ngày lễ "Gia Long Phục quốc". Nghe đồn rằng

Quan Công Sứ của Pháp đã giao phó công việc tổ chức cho các ông Đốc An nam ở trường, cho nên mấy ông này sốt sắng lo ngày đêm làm sao cho ngày lễ được long trọng để được Quan Sứ khen . Theo chương trình thì có hai cuộc vui lớn nhất trong đêm mồng 1 tháng 5 ; học trò rước đèn, và các ông Đốc (giáo sư) cùng các thầy trợ giáo ca cải lương . Tuồng cải lương do một anh soạn tuồng chuyên môn tên là anh Tám, vừa dàn cảnh vừa điều khiển các diễn viên toàn là mấy ông Đốc và mấy Thầy .

Đúng 7 giờ tối, toàn thể học trò trường Nhà Nước, đều phải tụ họp đông đủ tại sân Công quán (nhà Hội của các quan An nam) và được giao cho mỗi trò một cây đèn bánh ú . Tất cả đều sắp hàng tư trước cổng ngõ ra đại lộ . Đúng 8 giờ, đám rước đèn bắt đầu khởi hành . Hai người Lính Tập (Lính khố xanh) thổi kèn, đi trước một toán lính tập 12 người sắp hàng hai, mặc lễ phục trắng, vai mang súng cầm lưỡi lê . Rồi đến học trò cầm đèn . Toàn thể học trò được lệnh của ông Địch-réc-tơ phải tham dự đông đảo cuộc rước đèn . Trò Tuấn và một nhóm độ vài ba chục học trò đã định với nhau là lên ở ngoài để coi, nhất định trốn việc cầm đèn . Không dè số đèn thì dư mà số học trò thì thiếu . Thấy thế ông Đốc T. chạy đi kiểm lữ học trò lưỡi biếng, lén lút lẫn trong đám đông dân chúng đi coi . Trò Tuấn núp sau lưng một người đàn ông, bị ông Đốc Tr. trông thấy, đánh một tát tay, rồi ông bắt cầm một cây đèn bánh ú đứng sắp hàng vào đám rước . Tất cả các trò lưỡi biếng trốn tránh đều lần lượt bị chộ mặt hết và cũng bị đánh bạt tay như Tuấn .

Đi tiên phong đám rước đèn của học trò, trước cả lính kèn, là một trò cầm cờ Pháo, lá cờ thật lớn, mới tinh, ba màu xanh trắng đỏ nổi bật lên rực rỡ dưới ánh đèn và ánh đuốc của mấy người lính cận vệ đi hai bên .

Tuy là ngày "lễ Quốc Khánh An nam "nhưng không có chướng cờ An nam (nền vàng với một rêu xanh trắng đỏ ở góc phía trái), mà chỉ có mỗi một lá cờ Pháo rộng lớn bay phất phới trên hàng đầu đám rước . Dĩ nhiên hai bên hàng phố của người An nam và người Tàu đều treo cờ Pháo . Đám rước đèn đi từ Công quán ngang qua đường phố chính, thẳng xuống Tòa Sứ, cách xa gần hai cây số . Có thể đoán chừng rằng 4000 dân chúng trong thành phố đều có mặt ở đây . Họ đứng chen chúc hai bên lề đường để xem đám rước đèn và trầm trồ khen ngợi . Tất cả đều nô nức, hân hoan, cả học

trò, giáo sư trợ giáo, thầy thông, thầy phán, binh lính, cai đội, và dân chúng, đàn bà, đàn ông, con trai, con gái .

Chỉ có hai người không đi dự cuộc vui công cộng ấy . Thầy Đồng sĩ Bình, Thông phán tòa Sứ, người Huế và ông Đốc Bính, giáo sư Quốc văn, người Bắc . Họ không thèm đi .

Nhà ông Đốc Bính ở ngay trước Công quán, nơi khởi điểm của tất cả các cuộc vui chơi náo nhiệt .

Tất cả các nhà cùng dãy, đến vài chục căn, đều mở cửa, treo cờ tam tài, người đứng đông đảo hân hoan, xem quan cảnh tượng bừng của dạ hội "Quốc Khánh ", Tuấn để ý thấy duy có mỗi căn nhà của ông Đốc Bính là đóng cửa kín mít mà không treo cờ .

Thầy phán Đồng sĩ Bình thì đem ấy năm nhà làm thơ "cách mạng "và thắp đèn hương trên bàn thờ cụ Phan Chu Trinh . Ngay chiều hôm ấy, ba bốn đứa học trò rủ Tuấn đến thăm thầy . Thầy bảo, với nét mặt hăm hăm, giận dữ :

- Vua Gia Long là một kẻ bán nước . Hắn đem Tây về lấy nước An nam . Hắn rước voi về dày mỡ . Tây họ khôn, họ thấy cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh về tuyên truyền cách mạng, họ sợ quỳnh cho nên họ bày đặt ra cái lễ Quốc Khánh An nam để vỗ về dân An nam, để lừa gạt dân An nam, và để tăng uy tín cho giòng Vua Triều Nguyễn . Các anh em học trò có hiểu không ?

Sự thật thì học trò đâu có hiểu sâu xa như vậy . Tuấn cũng như tất cả thanh niên đồng lứa, hầy còn khờ dại, tuy đầu óc đã được tiêm nhiễm tư tưởng cách mạng của hai cụ Phan, nhưng đâu có sáng suốt nghĩ ra những chuyện quốc sự thâm thúy như thế .Nghe thầy Đồng sĩ Bình giảng giải, một số bạn bè của Tuấn và Tuấn mới hiểu rõ ý nghĩa mỉa mai chua chát của lễ Quốc Khánh An nam . Nhưng hiểu là một việc, mà cầm đèn bính ú đi trong đám rước là một việc khác . Chưa chi mấy trò trốn tránh đã bị mỗi trò một tát tai rồi đó, thấy không ?

Bị bắt buộc đi rước đèn và bị lôi cuốn trong đám đông người liên hoan nồng nhiệt, mấy đứa bạn của Tuấn và Tuấn không thể tách ra ngoài được và cũng phải chường mặt ra như muôn người .

Đám rước đến trước cổng tòa Sứ thì Tuấn thấy trong Tòa đèn sáng trưng

hơn mọi đêm, và tất cả các quan Tây đều có mặt chung quanh quan Công Sứ . Có cả ông Địa-réc-tơ và các giáo sư người Pháp, với những nét mặt hân hoan và nụ cười hãnh diện . Học trò cầm đèn, sắp ngay hàng thẳng lối tiến vào Tòa Sứ, cờ Pháp rộng lớn bay phất phơ trên hàng đầu . Rồi theo lệnh của ông Đốc Tr. hướng dẫn và đã tập dượt mấy đêm trước, đám học trò cầm đèn bánh ú chia ra hàng ngũ đứng sắp thành hai chữ Q.K . Cũng theo huấn lệnh đã dặn trước, ông Đốc Tr. thổi một tiếng còi síp lê, thì toàn thể học trò hô lên mấy tiếng Tây :

- Vive la France ! Vive L'Annam ! (Pháp quốc vạn tuế ! An Nam vạn tuế !) .

Vài chục ông Tây bà Đầm đứng chễm chệ trên bao lơn tòa Sứ nhìn xuống vỗ tay . Ba ông quan An nam, quan Tổng Đốc, quan Bố chính, quan Lĩnh binh, đeo thẻ ngà tòn-ten trước ngực, đứng né một bên quan Tây, cũng gật đầu cười, vỗ tay. Nét mặt ông nào cũng tươi vui hoan hỉ .

Xong rồi, theo tiếng síp lê của ông Đốc Tr. đám rước đèn sắp hàng ngũ lại như cũ, kéo ra về, đi vòng ra dọc theo bờ biển, dưới rặng thùy dương, đến xóm Lò bò, quẹo vô thành phố, đi thẳng lên trường, và giải tán ngay trước cổng trường, cách Công quán chừng hai trăm thước .

Đến đây, không còn ai bắt buộc nữa, tha hồ tụi học trò cầm đèn múa nhảy lung tung, cười ầm ĩ như quỷ phá nhà chay . Mấy đứa bạn của Tuấn và Tuấn hè nhau đập phá nát tan mấy cái đèn bánh ú có sơn hai chữ Quốc Khánh trên mỗi cây đèn . Bọn này còn chạy đi dập những cây đèn trong tay các trò khác để đập nát và đốt cháy hết trên mấy năm mả đá trước cổng trường . Trò Quỳnh hăng hái nhất, la lớn lên : “Đốt cháy hết đi, tụi bây ! “ Trò Tuấn cũng la lên :” Rước voi dày mỡ ! Rước voi dày mỡ ! Đốt ! Đốt ! “Trò Trân là người được ông Đốc Tr. lựa chọn vằm cờ tam tài của Pháp đi tiên phong, sợ cháy cờ, lật đặt vác cờ chạy một mạch về công quán .

Tất cả cũng kéo về công quán để còn xem hát cải lương .

Rạp hát cải lương được dựng ngay trước công quán, để cho dân chúng được đến coi đông đảo và không trả tiền .

Giấy ghé danh dự của khan đài để dành cho quan Sứ và bà Đầm, quan Phó Sứ, bà đầm phó Sứ, ông Địa-réc-tơ (goá vợ và sói đầu) N. Có cả ông Cố

đạo nhà thờ Thiên chúa, quan Giám binh, một vài ông Tây bự khác và Quan Tổng Đốc Bình định .

Hàng ghế thứ hai để cho các quan Tây và các bà đầm khác . Tội nghiệp cho hai ông quan An nam là quan Bố chính và quan Lãnh binh, oai vệ với chiếc thẻ ngà tòn ten trước ngực lại bị sắp ngồi nơi hàng ghế thứ ba, chung với ông quan Một, Tẩy Xếp Ngục (nhà lao), mấy ông Tây nhỏ, sau lưng cả mấy ông giáo sư Pháp ...

Trò Tuấn quen tánh tò mò con nít, tuy không có phận sự gì trong rạp hát cải lương, nhưng cũng len lỏi cho được vào hậu trường sân khấu để coi ...Trò thấy ông Đốc Tr. cùng mấy ông khác, mấy thầy Thông, thầy Phán, và vài anh học trò lớn ở lớp Đệ Tam niên sửa soạn y phục cải lương và phấn son, áo mào hia, không kém gì các đào kép thật của một gánh hát cải lương . Không có cô nào bà nào chịu đóng tuồng, nên trò Hoàng ở Đệ Nhị niên phải cải trang giả làm con gái để đóng vai Công chúa .Theo chương trình viết bằng đủ thứ mực màu, trên một tờ giấy croquis lớn, một nửa Pháp ngữ, một nửa Quốc ngữ, dán trước cổng Công quán, thì tuồng cải lương bắt đầu mở màn lúc 9 giờ . Đáng lẽ phải hát sớm hơn, nhưng theo lời ông Đốc Tr. nói thì phải đợi các quan Tây ăn bữa tối thường lệ lúc 8 giờ, đến 9 giờ các quan mới đi coi hát được .

Khán đài đã chật ních công chúng An Nam từ lúc 8 giờ ngay sau khi coi rước đèn về . Công chúng được hân hạnh ngồi khán đài toàn là các Thầy . Dân thành phố và học trò thì đứng chung quanh, vì sân Công quán thật rộng chứa vài ngàn người .

Đám đông người chật ép ấy đang nô nức đợi chờ, nói cười ầm ĩ, thì có ba tiếng chuông dóng lên, báo tin quan Sứ và bà Đầm đến. Ông Đốc Tr. khăn đen áo dài, trịnh trọng chạy ra đón rước, mời quan Tây và bà Đầm vào ngồi hai ghế danh dự .Toàn thể khán giả đều đứng dậy chào .

Các quan kế tiếp đến đông đủ . Trên sân khấu cải lương màn chưa mở . Hai giòng chữ lớn cắt trên giấy kim nhũ rực rỡ màu vàng và dán trên tấm màn đỏ, nổi bật lên như sau đây :

Tuồng cải lương Gia Long Phục Quốc mừng lễ Quốc – Khánh An nam

Khi các quan Tây an tọa, một hồi chuông vang dậy rồi tấm màn từ từ được

ven ra . Trên sân khấu, toàn thể quý ông quý thầy, y phục như đào kép cải lương, và độ hai chục đứa học trò đứng sắp hàng hai bên, đồng thanh ca lên bài hát sau đây :

- Âu – Á xum vầy

Mừng nay Âu – Á xum vầy :

Pháp Nam liên lạc một dây vững bền

Sức nhớ truyền Sử Ký

Trước trăm năm từng bị gian nan

Vua, tôi, lao khổ muôn vàn

Nhân dân đồ thán giang san tiêu điều .

Đức Thế tổ (vua Gia Long) trăm chiều chóng chỏi,

Giốc một lòng đánh đuổi cường hung

Xiết bao kể nỗi khốn cùng

Thế nguy tận lực hải hùng lắm phen

Lòng trời khéo xui nên gặp gỡ :

Bạn Lang sa (Pháp) giúp đỡ mọi đàng

Một tay khôi phục Nam bang :

Tam kỳ thống nhất rõ ràng anh quân

Trên Mẫu quốc trăm phần mền phục

Ngoài lân bang cùng nức tiếng khen

Cơ đồ gầy dựng đã nên

Bình thành công đức lưu truyền muôn năm

Thầy Đại Pháp nhất tâm khai hóa

Đạo làm dân tiến bước theo sau,

Non nước một bầu

Mừng nay non nước một bầu ,

Mùng 2 tháng Ngọ (tháng Năm) cùng nhau nhớ ngày .

(Theo tài liệu của một bạn đọc giả, Phạm văn Vinh, có nhã ý gửi cho chúng tôi, thì năm 1925, lúc ông học lớp Nhất ở trường Tiểu Học Sơn Tây, Bắc kỳ, học trò cũng bị bắt buộc học thuộc lòng bài hát trên đây để hát trong ngày lễ Quốc Khánh mùng 2 tháng 5 Ất Sửu (1925) . Bài hát này được gởi đi các trường Trung kỳ và Bắc kỳ, trong dịp lễ Quốc Khánh lần

đầu tiên)

Sau bài hát là đến tuồng cải lương . Trò Tuấn không thích coi tuồng, chỉ quanh quẩn nơi hậu trường để xem mấy ông, mấy thầy thay đổi áo quần đào kép và vẽ mặt vẽ mày như hát bội.

Tuấn không dám chơi lâu, vào khoảng 11 giờ đã vội vàng chạy về vì nhà trọ của cậu ở hơi xa, phải đi ngang qua cây vông Ma Đầm, nơi đây có một con ma Đầm mà ai cũng sợ . Lại có một con ma nhỏ ở ngọn cây đa gốc vườn toà Sứ, gần đây Con Ma Đầm thì Tuấn chưa gặp lần nào, nhưng theo lời tất cả học trò và dân chúng trong xóm thì nó ghê lắm . Nhiều người quả quyết đã gặp nó và đã bị nó chụp, sợ chạy hết hơi !

Cây vông đứng ngay trên lề đường . Tục truyền rằng hồi xưa có một cô Đầm chết chìm trên sông gần đó . Cô biến ra ma, cứ đêm tối trời, hễ có ai đi ngang qua đây thì cô hiện ra y hệt như một cô Đầm thật trẻ, đẹp lắm và đưa tay ra chào :

- Bonjour !

Đặng Văn Chí, một học trò lớp Độ Tam Niên, quả quyết rằng có lần anh đã gặp con ma Đầm bắt tay anh và “ Bonjour “, đến khi anh ngó lại kỹ thì cái mặt trắng phết, mà không có mắt . Con ma Đầm níu anh, anh hoảng hốt chạy té đái trong quần .

Con ma chó thì ở trên ngọn cây đa gốc thành Toà Sứ . Bên cây đa có cái miếu thờ một viên Tướng quân Tây Sơn hồi trước . Vị tướng Tây-Sơn bị quân Nguyễn Ánh giết tại đây trong một trận đánh xáp lá cà giữa hai quân đội Chúa Nguyễn và Tây-Sơn . Không hiểu sao có nhiều xác chết mà chỉ xác vị Tướng này là linh thiêng, và hóa ra ma . Lại là ma chó . Những đêm tối trời, người yếu bóng vía đi ngang qua đây thường thấy một cái đầu chó từ trên ngọn cây đa rớt xuống đất, rồi lần lượt một khúc mình, hai cẳng trước, hai cẳng sau và sau cùng là cái đuôi . Những mảnh rời ấy tự nhiên chắp lại thành ra con chó đen, đứng sủa vang lên và vồ lấy người ta . Ai bị nó “ cắn “ là chết ngay .

Trò Tuấn chưa chính mắt trông thấy con ma Chó và con ma Đầm lần nào . Nhưng mỗi khi đi qua hai nơi ấy, là trò nhắm mắt cầm đầu cầm cổ chạy một mạch, chạy khỏi vài trăm thước mới dám đứng lại, quay lại ngó lại

đăng sau xem có Ma đuổi theo không .

Tuấn nghĩ rằng, nếu gặp phải Ma, thì trò thích gặp con ma Đầm trẻ đẹp hơn là con ma Chó .

Một đêm, vào khoảng tám giờ, Tuấn đi chơi lang thang một mình dọc đường bờ sông thật vắng vẻ . Bỗng Tuấn trông thấy nơi góc cột đèn hơi đá (đèn thắp đá carbure) một tấm giấy nằm trên cỏ, với một cục đá nhỏ đè lên . Nghĩ chắc tấm giấy này không phải là ma, Tuấn tò mò lượm lên xem . Tờ giấy lớn bằng một trang vở học trò, in đồng sường

(thạch) mấy câu viết tay bằng mực tím như sau :

Hỡi Đồng Bào,

Bọn đế quốc Pháp đem xiềng xích nô lệ tròng lên đầu dân An nam, để dễ bóc lột . Chúng thu thuế thân của người An nam để đem tiền về Pháp, trong khi quốc dân đồng bào không đủ áo mặc cơm ăn . Chúng ta phải tranh đấu đừng nộp thuế và cương quyết dành cho được cơm áo, tự do . Đả đảo đế quốc Pháp bóc lột !

Tân Việt Cách Mạng Đảng .

Tuấn chưa hiểu gì hết, nhưng lo sợ . Không phải lo sợ vì truyền đơn chống Pháp, mà lo sợ vì đang đứng trước một bí mật ghê gớm. Tuấn suy nghĩ : Ai để truyền đơn nguy hiểm này ở chỗ này ? Có ai đang rình Tuấn trong bóng tối chung quanh không ? Nếu mình lượm, có sao không ? Mình bỏ trong túi đem về nhà có được không ? Có ai trông thấy không ? Có ai bắt mình không ?

Tuấn thắc mắc, do dự một lúc, nhìn quanh quẩn không thấy bóng người, rồi cúi xuống đặt tờ truyền đơn vào chỗ cũ, lấy hòn đá đè lên y như lúc nãy . Xong Tuấn vội vàng đi nhanh . Nhưng Tuấn không an tâm, đầu óc cứ lẫn lộn những câu hỏi : Ai để tờ truyền đơn ở góc đèn ? Họ để đấy từ hồi nào mà lại đè hòn đá lên cẩn thận như thế ? Mình lượm coi như thế có sao không ? Có ai theo dõi mình không ?

Tuấn liếc mắt nhìn kỹ lại một lần nữa trong các bóng tối chung quanh, không thấy một bóng người . Tuấn có cảm giác như đang đi trong một thế giới bí mật rùng rợn . Tuấn ráng đọc lại trong trí nhớ mấy câu trên tờ truyền đơn, nhưng vì lúc xem vội vàng nên Tuấn quên mất một vài đoạn . Tuấn cố

nhớ lại mà vẫn không nhớ hết được . Tức mình, Tuấn quay trở lại để xem tờ truyền đơn . Nhìn cột đèn bằng sắt sơn đen đứng sừng sững bên lề đường, trên ngọn cột có một cái đèn đá lồng kính, tỏa xuống đường một vùng ánh sáng mờ mờ nhạt, giữa cảnh đêm hôm hoang vắng . Tuấn còn trông thấy tờ truyền đơn phất phơ trong gió . Tuấn mang quốc, nhưng bước rất khễ, đến gần cúi xuống lấy nhanh tờ giấy in mực tím mờ mờ, đưa ra ánh đèn xem lại thật kỹ một lần để nhớ cho hết từng chữ . Xong, Tuấn để tấm giấy lại chỗ cũ, đèn cụt đá lên rồi đi thẳng .

Đọc đường, Tuấn đọc thầm lại, và lần này Tuấn không quên một chữ, nhớ không sót một dấu phết . Tuấn định đến nhà Anh và Trâm cho hai cô bạn gái này biết . Hai cô đang học bài, ngồi trên ghế tràng kỷ . Giữa bàn chong một cây đèn “ măng xông “ lớn, ánh sáng xanh dịu .

Thấy Tuấn vào, Anh nở nụ cười duyên, Trâm đang tra tự điển cũng ngước mắt lên ngó Tuấn với lời chào thân ái . Trông thấy nét mặt của Tuấn hơi khác, Anh hỏi :

- Hôm nay anh Tuấn sao buồn vậy, anh Tuấn ?

Trâm và Anh chờ Tuấn trả lời . Nhưng Tuấn trông thấy một ông “ Nhà quê “ ngồi đối diện với hai cô bạn, đang xem hai cô học . Tuấn không biết ai, cũng lễ phép cúi đầu :

- Chào bác .

Anh cười bảo :

- Chú của em đấy .

Tuấn vô tình chào lại :

- Chào chú .

Sự ngớ ngẩn của Tuấn khiến cho Anh và Trâm, cả ông “ Nhà quê “ cười xòa . Anh giới thiệu tiếp :

- Chú của em làm lý trưởng ở làng, hôm nay ra Kho Bạc để nộp thuế .

Tuấn sực nhớ mấy lời trong tờ truyền đơn, liền hỏi ông lý trưởng :

- Thưa chú, chú đi nộp thuế thân, phải không ?

Ông lý-trưởng cười :

- Thuế thân, chớ còn thuế gì nữa .

- Thưa chú, hôm nay làng nào cũng phải ra Kho Bạc nộp thuế thân sao ?

- Ừ, đến mùa thuế các làng phải thu thuế đem ra nộp cho sở Kho Bạc Nhà nước .

Anh giới thiệu với ông lý-trưởng :

- Thưa chú, đây là anh Tuấn, học lớp Đệ Nhị Niên đó . Anh thường tới đây chơi để chỉ tụi con làm bài luận Quốc văn và Pháp văn . Anh làm thơ hay lắm, chú à .

Ông lý-trưởng gật đầu cười :

- Cậu làm thơ hay thì làm thử một bài đọc nghe chơi .

Tuấn tủm tỉm cười, bảo Anh đưa mượn cây bút chì và xin một tờ giấy trắng .

Tuấn lui cui viết, một tay làm bộ che lại không cho Anh và Trâm xem . Viết xong, bỏ bút chì xuống . Tuấn còn hơi do dự chưa muốn đưa tờ giấy ra .

Anh cười :

- Anh làm bài thơ gì mà mau thế ? Cho em xem !

Tuấn vẫn cứ do dự nắm tờ giấy trong tay .

Trâm cười :

- Anh không cho thì tụi em giựt lấy xem đại .

Mọi khi ngồi chơi với Anh và Trâm, Tuấn vui vẻ và tự nhiên lắm, sao hôm nay Tuấn có nét mặt sượng sùng, coi bộ sợ sệt ...Nhưng rồi Tuấn cười đưa tấm giấy vừa chép xong cho Anh . Anh và Trâm xúm nhau xem :

Hỡi đồng bào

Bọn đế quốc Pháp đem xiềng xích nô lệ tròng lên đầu dân An nam, để bóc lột . Chúng thu thuế thân của người dân An nam, để đem tiền về Pháp, trong khi Quốc Dân đồng bào không đủ áo mặc cơm ăn . Chúng ta phải tranh đấu đừng nộp thuế cho Đế Quốc và cương quyết dành cho được cơm áo, tự do . Đả đảo Đế Quốc Pháp bóc lột .

Tân Việt Cách Mạng Đảng .

Anh và Trâm hoảng hốt, cứng họng nói không ra lời . Ông lý-trưởng cười bảo :

- Bài thơ ra sao, đưa chú coi thử, con !

Anh ngó Tuấn, không dám đưa, Tuấn bảo :

- Nếu Anh và Trâm thấy bài Thơ coi được, thì đưa chú Xã coi chơi . Nếu

thấy dở, thì xé đi .

Anh hiểu ý, liền đưa “ bài thơ “ cho chú Xã . Ông Xã mới đọc mấy câu đầu đã chố mắt ngó Anh . Anh cười :

- Thì Chú Xã cứ coi hết đi . Hay lắm mà !

Ông Xã bây giờ không yên lòng, tay cầm tờ giấy mà cứ run lên, ông vừa trở mắt xem, vừa lắc đầu lia lịa . Ông mới đọc được nửa tờ đã hoảng hồn bỏ giấy xuống, miệng lẩm bẩm :

- Các trò nói bá láp ...bá xàm ... Nhà nước bỏ tù chết cha !

Anh vẫn cười :

- Chú đọc hết đi !

- Thôi mầy ! Tao không dám đọc hết đâu . Nhà nước bắt được thì ở nhà lao, chết ông cố nội ! Tao hổng dám đọc nữa đâu .

Sự thật thì Trâm và Anh cũng lạnh cả xương sống, nhưng vì tình bạn thân yêu nhau từ lâu, mỗi hành động hay ngôn ngữ gì của trò Tuấn đều được hai cô bạn tán thành và nghe theo triệt để, dù biết là nguy hiểm, nhưng Tuấn điềm tĩnh nói :

- Không phải tôi đặt ra “ Bài Thơ “ấy đâu .

Trâm cười :

- Chứ anh học ở đâu mà viết như thuộc lòng vậy ?

- Ở ngoài cột đèn bờ sông . Không biết bàn tay bí mật nào đã viết bài đó bằng mực tím, in đông sương trên một tờ giấy, rồi để tờ giấy ở gốc cột đèn, lấy cục đá đè lên cho khỏi bị gió lùa . Lúc nãy tôi đi hóng mát trên bờ sông trông thấy và lấy xem .

Ai nấy đều im lặng, sợ sệt . Tuấn đã vô tình tạo ra một không khí bí mật ghê gớm bao trùm cả gian nhà vắng lặng . Bốn người đều nín thinh . Nhưng Tuấn buồn bã nói tiếp :

- Tây qua đây đè đầu đè cổ dân An nam . Cho nên cụ Phan Chu Trinh và cụ Phan Bội Châu mới làm cách mạng . Cụ Phan Tây Hồ đã qua đời thì còn cụ Phan Sào Nam . Tụi mình là thanh niên, con trai con gái đều là thanh niên, con của Tổ Quốc, cũng phải làm sao chứ ? Dân An Nam bị xiềng xích gông cùm, bị Tây hiếp đáp cho đến đổi mình để tang cho cụ Tây Hồ mà cũng bị đánh đập tàn nhẫn . Mỗi năm dân mình còn phải nộp thuế thân cho họ nữa

là nghĩa lý gì ?

Tuấn rưng rưng nước mắt, nói tiếp :

- Trâm và Anh có thấy không ? Ông Gabriel, Giáo sư Toán của tôi, chửi dân An Nam là mọi rợ, là giống dân bẩn thỉu, sao ông dám chửi dân An nam mình là mọi rợ, bẩn thỉu ?

Tuấn khóc thực sự, đưa tay áo lên chùi nước mắt . Anh vội vàng lấy khăn mu soa đưa Tuấn . Anh và Trâm cũng bị rung cảm bởi những lời của Tuấn, ngòì cúi mặt xuống bàn, buồn bã .

Ông Xã quần điếu thuốc quẹt lửa châm hút rồi bảo :

- Nhà nước Đại Pháp văn minh, dạy bảo ta, ta phải tôn kính . Trò có học mà trò nói như vậy, nghe sao được ?

Anh bèn ngược mắt lên ngó Ông Xã, với vẻ mặt giận dữ :

- Xí ! Chú sợ Tây, chớ tụi này không sợ đâu .

Tuấn tiếp lời :

- Nếu chú Xã nộp thuế không đủ, thiếu vài chục bạc xem ông Sứ có bỏ tù chú không ?

Ông Xã cười :

- Nộp thuế thì phải nộp đủ chứ ! Tôi làm lý-trưởng ba năm nay, năm nào tới mùa thuế cũng nộp đủ, không thiếu một xu . Các quan Tây chưa quở tôi lần nào .

Tuấn hỏi :

- Dân trong làng chú, những người nghèo, làm không đủ ăn lấy tiền đâu nộp thuế ?

- Đứa nào không có tiền nộp thuế thì phải bán nhà bán cửa mà nộp . Bồn phận làm dân thì phải ...

Anh ngắt lời :

- Hèn chi hồi chiều chú nói trong làng mình có anh Thập Ba không có tiền nộp thuế, chú hăm trình quan Huyện bỏ tù, anh Thập Ba sợ quýnh, phải bán miếng đất hương hoá cho chú . Chú làm như thế là ác đức .

Ông Xã cười :

- Mà y là con gái, biết gì . Tao làm Xã, lệnh quan trên đưa xuống sao thì tao làm như thế . Dân nó nghèo thì kệ cha nó, mình làm việc cho quan . Trên

dân có quan, trên quan có Vua . Các trò đi học sao không biết câu của Đức Thánh ngài dạy là Quân-Sư-Phụ . Có vua rồi mới có thầy rồi mới đến cha . Nước ta có Thầy Đại Pháp, còn vua là Đức Hoàng Thượng . Còn dân đen là đồ tôi tớ, kể chi .

Trò Tuấn cãi lại :

- Chú Xã có coi quyển sách đăng bài diễn thuyết của cụ Phan Chu Trinh ở Saigon không ? Cụ Phan nói : Thầy Mạnh Tử dạy rằng dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh . Dân là quý, rồi mới đến nước nhà, còn Vua thì đáng khinh .

Ông Xã lắc đầu :

- Phan Chu Trinh là kẻ loạn thần nói tầm bậy mà ai nghe ?

Trâm từ nãy giờ làm thinh, bây giờ cất tiếng thỏ thẻ :

- Tụi con tôn cụ Phan Chu Trinh là bậc anh hùng ái quốc . Cụ nói cái gì là tụi con nghe hết .

Anh tiếp lời Trâm :

- Cụ là một bậc đại Chí Sĩ, Cụ chết cả nước để tang, chú thấy không ?

Ông Xã trợn mắt hỏi Anh .

- Mà cũng để tang cho hăn à ?

- Ba đưa con đều để tang cho cụ.

- Mà muốn ở tù hả ?

- Ở tù thì sợ gì .

Ông Xã quay lại ngó Tuấn :

- Trò này xúi con Anh để tang cho Phan Chu Trinh phải không ?

Anh vội trả lời :

- Không phải anh Tuấn xúi . Tụi con ba đưa đồng lòng để tang cho cụ đấy .

Ông Xã tức giận chửi Anh :

- Mẹ ...Cha ...mày, đồ con gái bất hiếu ! Phan Chu Trinh là ông nội mày hay sao mà mày để tang cho hăn ?

Anh và Trâm nét mặt hầm hầm ngó ông Xã . Anh chống trả lại :

- Sao chú dám gọi cụ Phan bằng hăn ? Chú nịnh bọn Quan lại quen rồi, Chú dám mở miệng kích bác nhà Chí Sĩ An Nam phải không ?

Anh tức quá nói không được nữa, gục đầu xuống bàn khóc . Trâm cũng

khóc nước nở, Tuấn tức lắm . Nhưng không biết làm sao, vì Ông Xã là chú ruột của Anh, Tuấn không dám nói câu gì xúc phạm, đành làm thinh . Tuấn nhét vào tay Anh chiếc khăn mù soa của Anh trao Tuấn lúc nãy để lau nước mắt, rồi bảo :

- Anh, Trâm, tụi mình ra ngoài hè ngồi chơi cho mát chút đi . Ở trong nhà nực quá .

Tuấn đi ra . Anh và Trâm đứng dậy đi theo . Đứng ngoài sân, Tuấn khẽ bảo :

- Thôi, Anh và Trâm đừng cãi với ông nữa, rồi sinh chuyện .

Anh cũng nói khẽ :

- Em ghét ông quá .

Anh sực nhớ tờ giấy do Tuấn viết lúc nãy, khẽ bảo :

- Chết cha ! Tờ giấy anh viết lúc nãy còn để trong bàn

Anh chạy vào nhà, lấy tờ giấy . Ông Xã chụp lại và hăm dọa :

- Đưa tờ giấy đó cho tao . Ngày mai tao đem lên trình Quan Sứ .

Ông Xã giành giật với Anh, Anh la lên :

- Anh Tuấn ơi ! anh Tuấn !

Tuấn chạy vào, liền nhảy lại cắn tay ông Xã, ông Xã đau quá phải buông tay Anh ra lập tức . Trâm cũng chạy vào một lượt với Tuấn, liền chụp tờ giấy bỏ vào miệng nhai và nuốt luôn . Tuấn sợ ông Xã đánh Anh, liền nắm tay Anh và tay Trâm chạy ra sân .

Nhưng ông Xã ngồi bóp cái tay đau lắm bầm một mình :

- Mấy đứa học trò nầy dữ quá !

Đường phố khuya vắng teo, không một bóng người . Tuấn rủ Anh và Trâm đi dạo mát ngoài bờ sông . Hai cô học trò lớp Nhất vui vẻ nhận lời đi chơi với người bạn trai của họ .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 32

1926

- *Đồng sĩ Bình bị bắt ,đày đi Ban mê Thuật*
- *Thanh niên các mạng chống Pháp đều bị bắt*
- *Phong trào cách mạng tràn lan khắp các học đường*

Một buổi tối trò Tuấn đang ngồi làm bài ở nhà thì trò Quỳnh đến , mặt tái mét , bảo thăm Tuấn :

- *Mày có nghe tin thầy Đồng sĩ Bình bị bắt không ?*

Tuấn ngơ ngác lắc đầu :

- *Tao không nghe gì hết . Thầy bị bắt hồi nào ? Thật không ?*
- *Ba ngày nay rồi . Nghe nói thầy đã bị giải đi ở tù nhà lao Ban mê Thuật .*
- *Ai nói với mày thế ?*
- *Một thầy làm sở Mật Thám , ở trọ nhà thằng Quý trên Lò Vôi . Thầy nói với thằng Quý nói lại với tao , mới lúc nãy đây . Tao đến cho mày mày biết tin . Mày coi có những bài thơ và tờ báo nào của Thầy Đồng sĩ Bình cho mày thì phải đốt đi , nghe không ?*
- *Tao có mấy tờ báo “ Tiếng Dân “ở Huế , mấy tờ L’ Écho Annamite ở Saigon và 1 tờ*

L’ Argus Indochinois ở Hanoi.

- *Mày cất ở đâu , lấy đốt đi ! Hay gửi nơi khác cho chắc chắn .*
- Tao giấu dưới chiếc chiếu chỗ giường tao nằm . Rệp nó làm ổ đầy ở trong , tao không dám lấy ra .*

Trò Quỳnh ngó trước ngó sau , trong nhà không có ai lẫn quần ở đây , liền chỉ cái bếp đang cháy , (bà chủ nhà đang nấu cháo đậu xanh) và bảo thăm Tuấn :

- *Mau mau lấy mấy tờ báo đó bỏ vô bếp đốt liền đi bây giờ , nếu mày không muốn đi ở tù Ban mê Thuật .*
- *Mà tại sao thầy Bình bị bắt đi ở tù ?*
- *Nghe nói mật thám khám nhà thầy , bắt được truyền đơn của “ Tân Việt*

Cách Mạng Đảng “ in bằng đồng sương với mấy bài thơ cách mạng .

Nói xong Quỳnh lật đật đi ra ngay .

Tuấn ngồi im lặng một phút cũng sợ ...sợ, lo... lo..., liền đứng dậy đi cuốn chiếc chiếu trên giường nằm , lấy ra tất cả chín mười tờ báo đem bỏ vô bếp. Cả đồng báo vừa cháy thiêu hết ra tro thì O Vui , em gái của thầy Bửu Vinh chủ nhà , từ trên nhà mang quốc lộ kẹp đi xuống bếp để xem chừng nồi cháo đậu xanh . O Vui , một thiếu nữ Huế trẻ đẹp độ 20 tuổi , ngồi chỗ bếp lửa quay lại hỏi trò Tuấn :

- Cậu Tuấn có đốt cái chi trong ni mà có mùi rệp khét dữ rứa ?

Tuấn làm bộ ngạc nhiên , bắt chước giọng Huế của O Vui , trả lời :

- Tôi có đốt chi mô .

O Vui cứ hỏi mãi :

- Chớ rằng có mùi rệp khét dữ ri ?

- Mô ?

O Vui cười ngất vì giọng khôi hài của Tuấn , nhưng lúc lên nhà trên , cô à bép xép học lại với chị dâu là cô Thông Vinh . Cô này lại mét với chồng là thầy Bửu Vinh đang đánh tổ tôm trên gác với mấy thầy nào đó . Trò Tuấn lắng nghe được , sợ quá vội vàng xếp sách vở , tắt đèn , lên đi ra đường không dám ở nhà .

Sợ nhớ vụ thầy Đồng sĩ Bình bị bắt , Tuấn chạy đến nhà trọ của Trâm và Anh .

Tuấn bảo thầm hai cô bạn lớp Nhất :

- Mấy bài thơ cách mạng Trâm và Anh chép từ trước đến giờ để đâu ?

Anh hỏi :

- Chi vậy anh ?

- Đốt hết đi .

Trâm hỏi :

- Sao phải đốt hả anh ?

- Thầy Đồng sĩ Bình bị bắt ba bốn hôm rồi , đã bị đưa đi ở tù trên Ban Mê Thuột . Họ có khám nhà thầy , tìm được một đồng báo và mấy bài thơ cách mạng . Có cả truyền đơn của Tân Việt Cách Mạng Đảng . Chỉ có thế mà thầy bị bắt . Tội mình đạo nọ có để tang cho cụ Phan chu Trinh chắc mật

thám cũng để ý . Sợ họ đến khám nhà bắt tử thì nguy . Đốt hết các bài thơ cách mạng đi thì hơn .

Anh khẽ cười :

- Đốt thì đốt , tội mình thuộc lòng hết mấy bài thơ đó rồi cóc cần gì anh hí ?

- Ủ , Anh và Trâm còn cất tờ báo cách mạng nào ở trong rương không ?

- Có mấy tờ Việt Nam Hồn và tờ báo Tiếng Dân tội em coi xong đã trả lại anh lâu rồi . Ở đây tội em không còn giữ lại tờ nào . Anh đốt hết chưa ?

- Rồi .

- Tội nghiệp thầy Đồng sĩ Bình ! Ở tù , chắc chết quá ...

Anh , Trâm và Tuấn ngồi cúi đầu làm thinh . Một lúc lâu . Tuấn đưa ngón tay chỉ cây bút vào quyển vở của Anh và lấy bàn tay làm dấu hiệu muốn viết ... Anh lặng lẽ đưa bút chì và vở cho Tuấn . Tuấn nghĩ một lúc nữa rồi viết :

XUÂN MỘNG

Dấu ta là gái hay là trai

Ái quốc lòng ta quyết chẳng phai

Nô lệ lẽ nào nô lệ mãi ?

Sơn-Hà chung gánh nhẹ hai vai .

T.A.T

Tuấn trao bài thơ ấy cho Anh và Trâm coi . Trâm coi xong lấy bút chì gạch hai cái ngang và một dấu hỏi sau chữ T.A.T và ngó Tuấn . Tuấn cười làm thinh , đứng dậy nói :

- Thôi mình về học bài ... Bonne nuit , mes amies !

Tuấn đã biến ra ngoài đường . Còn lại nơi bàn Trâm và Anh nhìn nhau mỉm cười . Trâm khẽ hỏi :

- Ảnh ký T.A.T là gì nhỉ ?

Anh tùm tùm cười , bèn lên , lấy bút chì viết :

- T = Tuấn , A = Anh , T = Trâm .

Hai cô gái mắc cỡ cười khúc khích với nhau và đọc lại bài thơ để cho nhớ , rồi Anh xé tờ giấy chép thơ trong quyển tập . Trâm mở bóng đèn manchon để Anh đốt bài thơ , không dám giữ bút tích lại .

Một tháng sau , bà mẹ già và đứa em trai nhỏ của thầy Đồng sĩ Bình là

Đồng sĩ Hứa vào Qui-nhơn định đi Ban Mê Thuật để thăm thầy . Được tin ấy một nhóm học trò các lớp lớn , từ Đệ Tam đến Đệ Nhất niên , do anh Trọng đề xướng , bảo lén với nhau hùn được một số bạc khá nhiều để gửi giúp thầy ở nơi lao tù . Riêng Tuấn và Trâm , Anh , chung tiền để may gửi cho thầy 2 áo cụt và 1 chiếc quần bằng vải ta . Tuấn chép bài thơ "Mộng Xuân " trên kia bằng mực tím , và cũng ký tên T.A.T trên một mảnh giấy trắng , bảo Anh xếp lại thật nhỏ nhét trong áo ở vạt trước rồi khâu lại , để lỡ lính gác lao có xét cũng không thấy được . Tuấn bảo :

- Mình muốn gửi lén bài thơ đó cho thầy Bình bằng cách bí mật này , mà không biết thầy sẽ thấy bài đó không ? Chỉ sợ thầy không để ý chỗ lai áo này .

Trâm bảo :

- Chừng nào thầy giặt áo , thì mực tím nhòe ra , thầy sẽ biết chứ .

Anh bảo :

- Nhưng sợ thầy nhúng nước rồi vò áo , vô tình vò nát luôn cả bài thơ , thầy chỉ thấy dấu vết mực tím thôi .

Ba người học trò ngồi suy nghĩ một lúc . Rồi Trâm bảo Tuấn :

- Nè anh à , hay là mình chép lại bài thơ trên mảnh giấy dày hơn , thứ giấy carreaux ? Thầy Bình mặc áo sẽ thấy riêng chỗ đó cộm lên và sẽ biết ngay .

Anh cũng bảo :

- Ủ phải đấy . Nếu thí dụ thầy không để ý đi nữa , thì đến khi thầy giặt áo , sẽ thấy vết mực tím ở chỗ lai áo , thầy sẽ hiểu . Thầy sẽ tháo chỗ đó ra , và sẽ còn đọc được bài thơ vì giấy dày không bị vò nát vụn như giấy mỏng .

Phải không anh ?

- Ủ , đúng đấy ...Hay là riêng chỗ đó mình may bằng chỉ đen vậy , để cho thầy chú ý ?

- Nhưng nếu may bằng chỉ đen thì sợ lúc bà già đưa áo quần vào , lính gác nhà Lao xét kỹ sẽ để ý và sẽ khám phá ra mưu mô của mình , phải không anh ?

- Cũng có lý ... Thôi theo cái ý của Trâm , viết trên giấy carreaux là được . Trâm , Anh và Tuấn tùm tùm cười . Nụ cười bí mật lý thú chỉ riêng có ba người này hiểu thôi , khi họ trao bộ áo quần bằng vải ra cho mẹ thầy Đồng

sĩ Bình để nhờ bà già đưa lại cho thầy ở Lao Ban Mê Thuột .

Hai tháng sau , trò Tuấn được bức thư đóng dấu nhà giây thếp Ban Mê Thuột cũng viết bằng mực tím , gửi ngay đến địa chỉ nhà trường . Tuấn hồi hộp mở thư ra xem . Thư như sau đây :

XUÂN MỘNG

Hai cô bạn gái một chàng trai
Nét đậm ân tình mực khó phai
Khát Nước cổ khô thềm thấy Nước
Mong người chung sức đỡ đôi vai .

ĐỒ SĨ

Tuấn mừng quýnh , tối chạy đến đưa cho Trâm và Anh xem bài thơ . Thoạt tiên hai cô học trò không hiểu . Trò Tuấn bảo :

- Bài thơ này họa lại đúng ba vần của bài thơ tụi mình đã nhét trong lai áo cho thầy Đồng sĩ Bình và mượn cả đề thơ giấc mộng mùa Xuân ...
 - Sao thầy hiểu được là “ hai cô bạn gái một chàng trai “ ?
 - Lúc thầy còn ở đây , tôi thường nói chuyện Trâm và Anh cho thầy nghe , thầy biết ba đứa mình là bạn thân với nhau . Bây giờ xem chữ T.A. T chắc thầy đã đoán ra được . Tôi đổ Trâm và Anh tại sao thầy ký Đồ Sĩ ?
 - Em chịu thua .
 - Em cũng chịu thua .
 - Nghĩ một chút xíu thì thấy liền .
 - Đồ Sĩ là Đồng sĩ Bình , phải không anh ?
 - Trâm đoán giỏi quá .
 - Em cũng hiểu rồi . Đồ là viết tắt chữ Đồng , Sĩ là Sĩ .
 - Ủ có gì khó đâu .
 - Thế là thầy đã lấy được bài thơ của tụi mình nhét trong lai áo !Ồ thích quá , anh hỉ ! Thích quá hỉ !
 - Tụi em không ngờ bài thơ đó lọt được tới tay thầy ! Vui ghê !
 - Bài thơ thầy trả lời vừa để cảm ơn tụi mình , vừa nói thầy đau khổ vì Khát Nước ...nghĩa là Mất Nước ...và mong cho tụi mình ngày sao lớn lên phải chung sức nhau mà gánh nước ...nghĩa là phải lo gánh việc Nước đó !
- Trâm và Anh không biết tỏ nỗi mừng hào hứng và nồng nhiệt bằng cách

nào hơn là lấy 5 xu chạy đi mua kẹo thèo lèo và chè hột sen về ăn khao với Tuấn .

Đêm ấy , Anh và Trâm bắt Tuấn ở lại suốt đêm để chỉ cho hai cô cách làm thơ Đường Luật bát cú và tứ tuyệt theo những bài Tuấn đã học trong quyển “ Quốc văn trích điểm “ sách giáo khoa dạy Quốc văn ở các lớp trên .

Cùng một lúc thầy Đồng sĩ Bình bị bắt ở Qui-nhơn và bị đày đi Ban Mê THuột thì một số đồng trí thức cách mạng khắp ba kỳ Trung-Nam-Bắc , hầu hết là lớp thanh niên đàn anh cùng lứa với thầy Bình , cũng bị bắt và lưu đày đi khắp nơi : Côn Lôn (Nam Kỳ) , Lao Bảo , Ban Mê THuột (Trung Kỳ) , Sơn La (Bắc Kỳ) . Ba lao xá sau đây đều ở nơi rừng thiêng nước độc , với đảo Côn Lôn là bốn địa ngục trần gian ghê gớm nhất , đặc biệt để giam tù chính trị , mà lúc bấy giờ gọi là “ Tù Quốc Sự “ . Ngay tiếng Pháp cũng chỉ riêng bốn nơi ấy là Bagnes không gọi là Prisons, và những người bị tù ở đây là bagnards, một danh từ ghê tởm , bỉ ổi , đúng lý ra là để cho bọn du côn cướp của giết người .

Giòng họ nhà vua ở Huế cũng có một người theo phong trào cách mạng . Chàng vào Saigon viết báo đả-kích chế độ quân chủ , về Trung Kỳ thì đi tuyên truyền tư tưởng dân chủ . Tên chàng là Bửu-Đình . Bị bắt một lượt với Đồng sĩ Bình , bị người Pháp trao trả cho Hoàng-phái (giòng họ Vua) , Bửu –Đình không những bị Nam-triều kết án lưu đày , mà còn bị Tôn nhân phủ (Hội đồng Hoàng gia) truất quyền mang họ Vua (họ Bửu) , bắt phải tay thế bằng họ Tạ : Tạ Đình , theo tên họ của Tạ ôn Đình . Anh ruột của Tuấn ở tỉnh nhà là Trần Anh Tuấn , Phán Sự Toà Sứ cũng bị bắt đày đi Ban Mê Thuột , vì bí mật liên kết với các thanh niên hoạt động chống Pháp .

Được tin , trò Tuấn khóc nước mắt , bỏ ăn, bỏ học cả tuần lễ , căm hờn người Pháp hơn bao giờ hết . Vụ nặc bớ này xảy ra khắp nước nhằm mục đích bỏ tù hết những phần tử trí thức chống Pháp , tưởng như thế là không còn ai chống Pháp nữa . Nhưng hậu quả trái ngược lại không ngờ : nó càng làm sôi nổi lòng công phẫn của đám nam nữ thanh niên học sinh mà đại đa số đều cảm phục và triu mến các bậc trí thức đàn anh do ảnh hưởng còn sâu đậm của hai nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh . Hai cụ là hai bậc Thủy Tổ Cách Mạng của thế hệ 1925.

Những người làm “ quốc sự “ chống Pháp và chống Vua An nam đều bị đày đi đến nơi ngục thất nguy hiểm đã kể trên hoặc bị gông cùm tại các lao tình, bị tra tấn đánh đập tàn nhẫn do lũ “ Thanh Tra Mật Thám “ An Nam . Hầu hết là những trí thức trung lưu, tuổi từ 20 đến 30, họ thuộc về các thành phần dưới đây :

Một số là Thông Phán các Toà Sứ và các sở Nhà Nước Bảo Hộ. Họ là những công chức giúp việc cho Hành Chánh Pháp đặc lực nhất .

Đồng sĩ Bình ở Trung kỳ, Ký Con ở Bắc Kỳ, là những nhân vật điển hình cho lớp người này .

Các thầy Trợ giáo (nay là giáo sư Trung học) đã đỗ Diplôme d' Etudes Primaires Supérieures Franco Indigènes (Cao đẳng Tiểu học Pháp Việt), hoặc học lực tương đương . Số này rất đông, và là những phần tử ưu tú nhất trong giáo giới An nam lúc bấy giờ . Một vài nhân vật điển hình như : Đào Duy Anh, Tôn Quang Phiệt (Trung Kỳ), nhà văn Lan Khai, Nhượng Tống (Bắc Kỳ), Lê Văn Huấn (Nam Kỳ) v.v...

Một thiểu số ,--tối thiểu --sinh viên Trường Cao Đẳng Đại Học Đông Dương, Hà Nội, là nơi đào tạo các lớp gọi là Thượng lưu trí thức : y sĩ, đốc học, cử nhân Luật, cao đẳng Thương Mãi, v.v..., như : Nguyễn Thái Học, Hồ Văn Mịch, Đặng Thái Mai, v.v...

Những thanh niên trí thức làm những nghề nghiệp tự do, phần nhiều là giáo sư tư thực, viết báo, viết văn, như Vũ Đình Duy (Hà Nội), Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm (Saigon), Bửu Đình (Huế) .

Sau cùng hết là nam nữ học sinh các trường Collèges (Trung Học Pháp Việt) ở Hà nội, Nam Định, Vinh, Huế, Qui Nhơn, Saigon, Cần Thơ .

Các thành phần học sinh ưu tú từ 16 đến 20 đều tập trung ở trường Trung Học Hà nội, gọi là Trường Bưởi ; -- (ở làng Bưởi) – danh từ chính thức là Collège du Protectorat

(Trường Trung Học bảo hộ), và hai trường Trung Học Nam Định, Hải Phòng . Hầu hết những thanh niên cách mạng Bắc Kỳ sẽ hoạt động hăng hái nhất sau này đều ở ba học đường ấy mà ra .

Ở Trung Kỳ, Trường Collège de Vinh, là nơi tập trung các thanh niên học

sinh ưu tú nhất của ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh . Đây là một ở cách mạng theo truyền thống của Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc mà lúc bấy giờ chưa ai biết là cộng sản .

Trường Collège Quốc Học Huế, và đứng cặp kè ngay một bên, nhưng yêu kiều duyên dáng hơn, là Trường Nữ Trung học Collège Đồng Khánh, là hai lò hun đúc các lớp thanh niên nam nữ học sinh hăng hái nhất ở Trung Kỳ -- có thể nói là ở khắp ba kỳ . Học sinh ở đó hầu hết là quê quán ở Thanh, Nghệ, Tĩnh, và Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi .

Ở trường Collège de Qui Nhon, thì 80% học sinh quê quán ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định .

Ở Trung Kỳ có một câu truyền khẩu rất thông thường gồm 4 “ Nam Nghĩa Nghệ Tĩnh “ chữ, không biết do ai đặt ra từ hồi nào, nhưng thường xuyên được nhắc nhở trong các câu chuyện thời sự cách mạng, để chứng minh rằng bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hà Tĩnh, là bốn nơi mà dân chúng có tinh thần cách mạng cao nhất, mạnh nhất, mà chánh quyền Bảo Hộ Pháp cũng như Triều Đình Huế lo ngại nhất .

Thanh niên học sinh, cả nam lẫn nữ, ở bốn tỉnh ấy cũng là kỳ khôi và “ ba gai “ không đâu bằng . Các biến cố gọi là “ quốc sự “ ở Trung Kỳ trong thời gian 1925 – 1932 đều được học sinh ba trường Collèges Huế, Vinh, Qui Nhon, nhiệt liệt ủng hộ, và chính họ cũng tự động gây ra những phong trào bãi khóa vô cùng sôi nổi mà mà tôi sẽ thuật trong các chương sau .

Học sinh Saigon thì chịu ảnh hưởng trực tiếp của các nhóm cách mạng Nguyễn An Ninh và Tạ thu Thâu . Nhưng họ hoạt động yếu ớt, rụt rè với sự hướng dẫn bí mật của các đảng viên cách mạng, rất tiếc là rời rạc và thiếu tổ chức .

Các nhóm chính trị “ cấp tiến “ ở Saigon chú trọng về tổ chức lao động nhiều hơn, trong lúc vài đảng phái trưởng giả hay tiểu tư sản lại thiên hẳn về các giới trí thức trung lưu, và thượng lưu . Thanh niên học sinh không phải bị bỏ rơi, nhưng không được lãnh đạo thường xuyên và thiếu tổ chức chặt chẽ. Họ không có các động cơ thúc đẩy hăng hái như học sinh ở các Collèges Bắc Kỳ và Trung Kỳ .

Phong trào bắt bớ và lưu đày các nhà cách mạng đàn anh xây ra khắp ba kỳ Trung, Nam, Bắc, đã gây ra một lòng căm phẫn ngấm ngấm trong giới học sinh Trung học của Niên Khóa 1926-27 . Sự bảo nhau góp tiền may quần áo, mua các đồ vật dụng để gởi lén lút giúp các thanh niên đàn anh bị xiềng xích gông cùm trong các lao xá, chính là sự biểu lộ kín đáo lòng công phẫn của học sinh toàn quốc .

Học trò làm gì có dư tiền, thế mà ai nấy cũng tự ý sốt sắng nhịn quà bánh, hà tiện từng cắc, từng xu, để góp vào cuộc lạc quyên được số tiền khá lớn . Ở Qui Nhơn, học trò góp được 100 đồng (năm 1926) trao cho mẹ của thầy Đồng sĩ Bình ở Huế vào ghé Qui Nhơn để đi Ban mê Thuật thăm con . Tuấn, Trâm , Anh có dự cuộc “ hội họp “ của một nhóm đại diện học sinh với mẹ thầy Bình tại nhà anh Phạm Đào Nguyên, thư ký kế toán hàng Descours et Cabaud của Pháp, ở ngay Công quán Qui Nhơn . Anh này, người Bình Định, có thể là tiêu biểu cho hạng thanh niên tư chức, giúp việc cho Pháp, có lương tháng khá giả để sống cuộc đời đầy đủ và an nhàn, nhưng cũng có “ đầu óc “.

Các tư tưởng ái quốc nồng nhiệt của anh và cảm tình đặc biệt của anh đối với cách mạng, thường được thổ lộ ra nhiều lần trong nhiều trường hợp nguy hiểm .

Nhờ sự giúp việc tận tụy của anh với người chủ Pháp, nhờ sự giao thiệp rộng rãi của anh về nghề nghiệp với rất nhiều người Pháp khác ở thành phố, và cũng nhờ tính điềm đạm, bình tĩnh khôn ngoan của anh mà các cuộc họp họp bí mật ở ngay trong nhà anh, không hề bị Mật Thám Tây để ý dò xét . Muốn được kín đáo hơn, hai cô nữ sinh Trâm và Anh được chỉ định ngồi trước hè nhà ngoài với cô em gái của anh Nguyên . Ba cô gái vừa ăn bập vừa nói chuyện cười ầm ĩ, rất là vui vẻ ngây thơ, trong lúc có họp kín ở nhà sau .

Hơn 11 giờ đêm bọn Tuấn mới lần lượt ra về trong lúc thành phố đã ngủ hết . Hai trò con gái mắc cỡ không dám về (thời bấy giờ con gái đứng đắn đâu có dám đi chơi khuya như thế) phần thì sợ ma, vì thành phố chưa có đèn điện, lại có nhiều chỗ vắng vẻ tối tăm và nhiều khoảng đất trống đầy những mả mồ .

Tuấn cũng không thể đưa hai cô bạn thân về nhà, sợ rằng lỡ có ai gặp, họ sẽ nghi ngờ và đồn bậy bạ . Hai cô sẽ mang tiếng thì sao ? Cả thành phố ai còn lạ gì mặt mũi cái cậu học trò nổi tiếng là nghịch ngợm kia và không ai là không biết hai trò con gái thủy mì ở lớp Nhất . Và lại ban ngày, trai và gái không dám đi chung với nhau nữa là ban đêm .

Sau cùng, tụi bạn phải nhờ mẹ thầy Bình và cô em gái của anh Nguyễn đưa Trâm và Anh về ở xóm Bờ Sông . Tuấn mang đôi guốc cùn lẹo-đẹo theo sau, làm “ gạc đờ co “ .

Khi bà cụ và cô em gái của anh Nguyễn đưa Trâm và Anh về đến nhà rồi, thì cả bà già lẫn cô gái đều sợ ma không dám trở về Công quán . Trò Tuấn phải đi hộ tống hai người trở lại nhà .

Anh Nguyễn bảo Tuấn ở lại ngủ với anh . Anh pha cà phê của Tây cho uống . Nhưng trò Tuấn mới nằm xuống giường chưa nóng lưng đã lóp ngóp bò dậy, bảo anh Nguyễn mở cửa để cho trò đi về :

- 12 giờ khuya còn đi về à ?
- Đi về ! Tuấn chỉ bảo thế .

Ra đường, Tuấn lê đôi guốc cùn đến xóm Bờ Sông đi ngang qua trước cổng nhà trọ của Trâm và Anh . Hai cô nữ sinh còn thức, ngồi trên sân dưới ánh trăng sáng dịu, ngó ra ngoài cổng . Trông thấy Tuấn đi ngang qua, Trâm và Anh chạy ra ,khẽ gọi :

- Anh Tuấn !

Tuấn quay lại, Trâm bảo :

- Tụi em thức đợi anh, biết thế nào anh cũng trở lại .

Anh bảo :

- Đi vào sân ngồi dưới ánh trăng nói chuyện chơi anh Tuấn .
- Trâm và Anh chưa đi ngủ à ?
- Sao đêm nay tụi em không buồn ngủ . Anh buồn ngủ chưa ?
- Chưa .
- Đi vô sân nói chuyện chơi, anh .

Tuấn khẽ bảo :

- Tụi mình đi vô nhà, đóng kín cửa lại .

Trâm và Anh cười hồn nhiên, lật đật chạy vào nhà với Tuấn . Ánh trăng rọi

xuyên qua các song cửa, như lọc những tia sáng lờ mờ xanh dịu . Trâm đóng cửa giữa . Tuấn bảo Anh đóng luôn cả hai bên . Trong nhà tối đen, không có gì nữa cả . Giả sử lúc bấy giờ có ai đứng bên ngoài nhìn xem, họ cũng khó được biết cậu học trò con trai và hai cô bạn gái nói chuyện gì trong căn nhà tối đen ấy ?

Tuấn nói rất khẽ :

- Anh thắp đèn dầu hỏa lên . Đừng thắp đèn măng-sông (manchon) sáng lắm .

Anh và Trâm đi sờ soạng tìm hộp quẹt “ Bến Thủy “ . Đó là loại hộp quẹt duy nhất của một hãng Tây chế tạo ở Bến Thủy, gần thành phố Vinh, được thông dụng khắp xứ Trung Kỳ lúc bấy giờ . Hai phút sau, một ngọn lửa vàng khè cháy trên đỉnh một chiếc đèn gọi là đèn Huê Kỳ .

Trâm và Anh cứ tùm tùm cười, không nói gì cả . Hai cô chưa biết Tuấn định làm gì .

Tuấn khẽ kếp ghế ngồi ngay trước ngọn đèn, thò tay dưới lớp áo dài trắng của Tuấn đang mặc, rút trong lưng quần ra : hai tờ báo . Anh và Trâm thoát tiên rất kinh ngạc và sợ hãi nhưng rồi trở lại vui mừng, kéo ghế ngồi hai bên Tuấn, sát ngay vào cạnh Tuấn . Ba cái đầu xanh ngậy thơ âu yếm kề vào nhau dưới ánh đèn, trở mắt xem chung tờ báo :

Việt Nam Hồn

Cơ quan của Đảng Việt Nam Độc Lập ở Paris

Chủ Nhiệm : Nguyễn thế Truyền

Và tờ báo Tây :

L' Argus Indochinois

Organe de combat l'injustice et l'oppression .

(Cơ quan chiến đấu chống bất công và áp chế

Directeur-gérant : Amédée Clémenti (Chủ nhiệm, Quản lý : Amédée Clémenti)

14 Bd Doudart-de-Lagré Hanoi

và giòng chữ lớn đăng hết cả bề ngang trên trang nhất :

Le Parti de L' Indépendance Annamite (Đảng An nam Độc Lập)

Anh nét mặt hớn hở, hỏi thăm Tuấn :

- Anh được hai tờ này hồi nào vậy, anh ?

- Lúc này . Sau khi nhóm ở nhà anh Phạm Đào Nguyên . Chính anh Nguyên trao tôi hai tờ báo này . Tôi cũng chưa xem .

Trâm mừng rỡ lấy tay chỉ một câu in nét đậm ba cột trên tờ Việt Nam Hồn và reo thầm lên :

- Bài này hay quá, anh ơi ... Ồ thích quá, anh !

Tuấn gấp tờ L' Argus Indochinois lại để xem tờ Việt Nam Hồn trước .

Vai sát vai, ba đầu xanh kề nhau trù mẫn, cúi xuống tờ báo in toàn chữ đỏ trên giấy trắng . Hai cặp mắt huyền lánh lánh, mê nhìn theo ngón tay của Tuấn chỉ từng giòng từng chữ bài thơ sau đây trong lúc miệng của Tuấn đọc rất khẽ, chỉ đủ cho ba người nghe với nhau :

Cảnh Tỉnh

Hãy thức dậy, hỡi người say ngủ,

Chuông Tự Do rền ngũ đại châu

Xôn xao khắp cả hoàn cầu

Sao ta cứ chịu vùi đầu giấc mê ?

Chân ta cứ kéo lê xiềng xích ?

Cổ ta mang nặng chịch gông cùm ?

Nào ta trôi dạt vẫy vùng,

Sao cho xứng đáng con Rồng cháu Tiên .

.....

Đọc hết tờ báo Việt Nam Hồn, Tuấn và Trâm, Anh, đều rạo rức vui sướng vì những bài kịch liệt chửi Tây, hô hào cách mạng, đả đảo chế độ thuộc địa, đòi Độc Lập Tự Do . Trời ơi ! Sao ở bên Tây, người An nam mình viết báo chửi Tây sướng quá vậy hi ! Tuấn nhảy nhồm lên . Tuấn reo cười thoải mái . Tuấn đi qua đi lại . Tuấn đứng một chỗ không yên . Tuấn ngồi xuống .

Tuấn điên mất rồi ! Hai trang báo in toàn chữ đỏ như làm phừng lên những ngọn lửa huyền diệu trong lòng cậu học trò 16 tuổi, mà trái tim bỗng dưng sùng sục sôi lên .

Trâm và Anh thì ngồi yên lặng dưới ánh đèn, cúi đầu xuống chép trong quyển vở những đoạn văn và những bài thơ mà hai cô nữ sinh 14 và 15 tuổi đang say sưa trích trong "Việt Nam Hồn " Tên tờ báo đúng làm sao ! Đêm

nay thật như có Hồn Thiêng của Nước Mẹ Việt Nam nhập vào ba linh hồn ngây thơ của ba đứa trẻ, khiến chúng rạo rức lên, say mê lên, hăng hái lên, cười lên, reo lên ! ...

Trâm và Anh ngồi chép mấy bài thơ trong Việt Nam Hồn, và những giọt nước mắt êm đềm lặng lẽ từ trên hai cặp mắt huyền mơ diễm lệ rơi từ từ xuống hai trang giấy, đọng trên những vằn thơ, nhòa ra nét mực . Thơ của Việt Nam Hồn có thần lực gì mà một đứa con trai khờ khạo, và hai cô gái mảnh khảnh nhu mì, đang bị rung cảm mãnh liệt đến trào ra những ngấn lệ ? Họ khẽ hỏi nhau : ông Nguyễn Thế Truyền là ai vậy ? Các nhà ái quốc cách mạng khác làm thơ và viết trong tờ Việt Nam Hồn là ai ? Ba trò còn nhỏ tuổi quá, làm sao biết được ! Nhưng Tuấn nghĩ rằng các ông có ngờ đâu những tư tưởng cách mạng Tự Do, Độc Lập in trên hai trang báo nhàu nát của các ông từ bên Tây gởi lén về, đã lọt vào ba mái tóc xanh khấn khít bên ngọn đèn leo lét, trong một thành phố nhỏ ở Trung Kỳ . Đối với Tuấn cũng như với Trâm, Anh, tên Nguyễn Thế Truyền là một thần tượng, như Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu vậy .

Đến khi đọc qua tờ báo tây L' Argus Indochinois, Tuấn kinh ngạc vô cùng . Đây cũng là tờ báo cách mạng nhưng viết bằng chữ Tây, xuất bản tại Hà nội, mà chủ nhiệm kiêm chủ bút là người Tây, ông Amédée Clémenti . Trâm hỏi Tuấn :

- Tây mà sao cũng viết báo chữ Tây, hả anh ?

Tuấn không trả lời được . Tuấn đã biết gì đâu việc làm báo và làm “ quốc sự “ . Thấy thế chỉ biết thế thôi, L' Argus Indochinois in trên giấy xanh, bốn trang rộng lớn đăng toàn những bài đả kích kịch liệt chế độ thuộc địa (le régime colonial) -- danh từ thường dùng nhất trong tờ báo này và rất hăng hái bênh vực người An nam được tự do, nước An nam được độc lập . Trên đầu tờ báo này bên cạnh tên báo, có vẽ một con chim Minh Trĩ

(L' Argus) với hai chữ la-tinh : unguibus et rostro (dùng mỏ và móng) .

Ý hẳn ông Amédée Clémenti mượn con Minh Trĩ làm tượng trưng cho cuộc tranh đấu cách mạng của ông để bênh vực quyền lợi của dân tộc An nam và nước An nam . Cuộc tranh đấu dai dẳng dùng mỏ để cắn, dùng móng chân để đá, nghĩa là quyết liệt, không bao giờ nhượng bộ .

Có điều Tuấn và hai cô bạn học trò lớp Nhất cứ thắc mắc mãi là sao lại có một ông Tây ở Hà nội viết báo chữ Tây còn hơn An nam nữa ?

Những bài báo L' Argus Indochinois ở Hà nội và các bài trong Việt Nam Hồn ở Paris đã gieo thẳng vào óc của Tuấn cũng như Trâm, Anh, một tinh thần cách mạng mãnh liệt hơn bao giờ hết .

Sau khi họ xem xong hai tờ báo không sót một câu một chữ, và chép hết những bài văn bài thơ cảm động nhất thì trời đã sáng . Hai cô học trò vội vàng tìm chỗ kín đáo để dấu cất những giai phẩm văn chương cách mạng ấy.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 33

1926

- *Nghĩ Hè , học sinh góp tiền , nhờ giáo sư đem ra Huế tặng cụ Phan bội Châu .*

- *Một bà vợ Thành Thái bị Vua chém sứt mất vú .*

Với mặt trời đã mọc lên cao trên mặt biển , chiếu ánh sáng ấm áp trên thành phố , đời sống rộn rịp lại tiếp tục như mọi ngày , không có gì thay đổi .

Ông Cò Tây với bộ râu cá trê , và một người lính “ phú lít “ An nam cỡi xe máy đi chậm chậm trên con đường lớn , mắt tròn xoe ngó hai bên hàng phố . Nhiều người đi đường cất nón hoặc dờ mũ chào . Sáng nay là Chủ Nhật , trò Tuấn đi về nhà , lê đôi guốc cùn kêu lẹp lẹp ...lẹp lẹp ..., vừa đi vừa huýt gió . Trò dẫu hai tờ báo trong lưng quần , dưới lớp áo trắng dài quá đầu gối độ 10 phân . Ông Cò râu cá trê xoe tròn hai con mắt nhìn trò . Trò làm bộ cười và chào bằng tiếng Tây :

- *Bonjour Monsieur le Commissaire de police ! (Chào ông Cò)*

Ông Tây gật đầu cười :

- *Bonjour , jeune home ! (chào cậu bé !)*

Tuấn mang lén hai tờ báo về nhà trọ , định xem lại một lần nữa rồi đem đến cho trò Quỳnhm trò Tố xem .

Mùa hè 1925, học trò trường Qui-Nhơn xôn xao vì một cái tin đã gây ra nhiều tai tiếng cho một ông Đốc (Giáo sư An nam) chung quanh một số tiền đóng góp gửi ra tặng cụ Phan Bội Châu ở Huế . Vụ góp tiền không hiểu do ai đề xướng ra , nhưng một tháng trước ngày nghỉ Hè , học trò các lớp lớn , nghĩa là Đệ Nhất , Đệ Nhị , Đệ Tam niên , bảo nhau đem tiền đến góp tại nhà ông đốc Bính , người Bắc Kỳ .

Ông này , như đã có nhắc đến nhiều lần ở mấy chương trước , vì có đầu óc cách mạng và đã nhiều lần tuyên truyền tư tưởng ái quốc trong đám học trò , nên rất được học trò tín cẩn và kính phục hơn hết các ông đốc khác . Học trò các lớp lớn cho rằng sự đóng góp tiền để giúp thầy Đồng sĩ Bình bị tù ở

ngục thất Ban Mê THuật và để gởi tặng cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự , Huế , đều là một bốn phận mà học trò phải hăng hái làm tròn .

Ai cũng biết rằng cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự là do tiền của đồng bào nuôi , tiền của những người ở khắp các tầng lớp xã hội , từ Bắc chí Nam , ai có tính yêu nước và có lòng sùng bái bậc anh hùng chí sĩ đều tự động gởi đến tặng cụ . Việc ấy dĩ nhiên , vì cụ Phan Bội Châu làm cách mạng ở hải ngoại về , làm gì có tiền .

Tuấn có nói việc ấy cho Trâm và Anh nghe , hai cô bạn lớp Nhất cũng tán thành :” Phải chớ ! Cụ làm cách mạng cho ai ! Cho Quốc Dân đồng bào , (những danh từ này thường đúng nhất lúc bấy giờ) . Cụ là bậc cha già của Quốc Dân phải có bốn phận phụng dưỡng cụ “ .

Nghe nói đồng bào ở tỉnh nào cũng có gởi tiền về tặng cụ . Thành phố Qui-Nhơn cũng đã có nhiều người góp tiền đem ra Huế tặng tận tay cụ , vì không dám gởi mằng đa , sợ các quan Tây hay được sẽ bỏ tù .

Về phần trường Qui-Nhơn thì học trò biết rằng đến kỳ nghỉ hè có ông Đốc Bính về thăm quê nhà ở Bắc kỳ , sẽ Huế thăm cụ Phan . Đó là cơ hội rất tốt để học trò góp tiền nhờ ông Đốc trao tận tay cụ . Bọn học trò con nhà giàu thì sẵn tiền , còn tụi nhà nghèo lo nghĩ ngày đêm không biết làm cách nào có tiền để tặng cụ Phan ? Tuy là người nào tùy tiện góp riêng người đó , chứ không phải góp chung và không ai bắt buộc ai cả , nhưng trò nào không có tiền thật là đau khổ , lương tâm cắn rứt , tự coi như là chính mình trốn tránh bốn phận đối với “ Quốc Dân Đồng Bào “ !

Còn 7 ngày nữa , thì đến nghỉ Hè , mà trò Tuấn không có một xu trong túi , mằng đa ở nhà cha mẹ gửi cho trước đó nửa tháng , trò đã lấy trả tiền cơm , và các món nợ vặt vãnh còn dư được một vài đồng trò mua kẹo thèo lèo đãi Trâm và Anh , hai cô bạn lớp Nhất cuối niên khóa đã thi đỗ “ri-me “ . Chợt đến vụ góp tiền tặng cụ Phan Bội Châu , Tuấn không còn một đồng xu . Tuấn nằm khóc thút thít một mình .

Bảy ngày liên tiếp , Tuấn tự lấy làm hổ thẹn , biết có dám bước chân đến nhà hai cô bạn Trâm , Anh . Chờ mãi Tuấn không được , hai cô đến nhà trọ tìm Tuấn , nhưng Tuấn lánh mặt .

Đến ngày phát phần thưởng cuối niên khóa , trò Tuấn vui mừng được lãnh

thường 3 quyển sách mới thật đẹp . Tan buổi , Tuấn ôm sách đi gạ bán cho mấy thằng bạn nhà giàu . Trong số đó có thằng Nguyễn văn X. , con nhà bá hộ nhưng học kém , không được phần thưởng , Tuấn đến gạ nó :

- Tao bán cho mày ba quyển sách này có đóng dấu của ông Đì-a-réc-tơ tặng thưởng . Mày đem về khoe với cha mẹ mày là chính sách phần thưởng của mày , chắc ởng bả mừng lắm và cưng mày lắm .

Con nhà bá hộ nghe bùi tai , bằng lòng lập tức . Tuấn theo giá sách đòi 10 đồng bạc , thằng bạn lấy trao Tuấn đủ số , không mặc cả . Tuấn mừng quýnh , chạy đến nhà ông Đốc Bính , góp 9 đồng vào số tiền tặng cụ Phan Bội Châu . Còn dư 1 đồng , Tuấn mua kẹo thèo lèo đãi Trâm và Anh . Hai cô cũng đã góp mỗi cô 4 đồng nhờ Tuấn trao lại ông Đốc Bính .

Sau kỳ nghỉ Hè , xảy ra chuyện tai tiếng rùm beng cả thành phố . Thầy trợ giáo lớp Ba cũng có đi Huế thăm cụ Phan . Khi trở về Qui-nhơn , thầy mét với học trò rằng ra Huế ông Đốc Bính đã ăn xén bớt một nửa số tiền của học trò đóng góp , chỉ trao tặng cụ Phan một nửa số thôi . Mặc dầu Tuấn và đa số học trò không tin hành động bất lương ấy của ông Đốc Bính , nhưng một số khác vẫn tin và nhất là mấy ông Đốc và mấy thầy Trợ giáo không có cảm tình với ông Đốc Bính .

Việc thứ hai là một thằng bạn xỏ-lá ở cùng làng với con nhà bá hộ , và cũng không được phần thưởng , đã mét với ông bá hộ là thằng con ông đã mua lại sách thưởng của thằng Tuấn . Ông bá hộ nghe lời trò kia , liền đề con xuống đánh một trận nên thân . Gần ngày tựu trường , trò Nguyễn văn X. trả ba quyển sách lại cho Tuấn và đòi lại số tiền 10 đồng ...Tuấn phải bán sách cho đứa khác mới có tiền trả lại cho nó .

1924-1927, ba năm ...Biết bao nhiêu là thay đổi trong đầu óc người thanh niên Việt Nam ! Cũng như đại đa số , có thể nói là hầu hết thanh niên học sinh Trung kỳ , Bắc kỳ và Nam kỳ , Tuấn năm 1927 đã khác hẳn Tuấn 1924.

Chàng trai nước Việt 1927 không còn vô tư , ngớ ngẩn , khờ khạo , như chàng trai 1924. Hẳn không còn say mê điệu quốc ca La Marseillaise của Pháp nữa . Hẳn đã ghét lá cờ tam tài xanh-trắng-đỏ . Hẳn đã hết sợ ông Tây bà Đầm , và đã tức giận Tây là kẻ lấy quyền thế , ỷ văn minh , ỷ mạnh , dày

xéo trên đất nước An nam , bóc lột dân An nam , khinh khi nòi giống An nam .

Tuy vậy , tâm hồn các bạn trẻ này hãy còn chất phác , ngây thơ chưa hiểu biết gì nhiều về chính trị trong nước cũng như chưa có ý thức rõ rệt về vai trò của thanh niên đối với chế độ thuộc địa . Đại khái là thù Tây , ghét Tây ! Nhưng vẫn thích học và thích nói tiếng Tây , viết chữ Tây . Ghét chế độ quân chủ , nhưng lại vẫn tôn sùng các ông Vua ghét Tây và đã chống lại Tây . Những vị Hoàng đế như Hàm Nghi , Thành Thái , Duy Tân đều được bọn học trò và toàn thể thanh niên chiêm ngưỡng . Những chuyện gì dính líu đến các vị Vua ấy đều được kể cho nhau nghe , và ai nấy đều tin , nhất là những chuyện hoang đường để chứng minh rằng các vua ấy là minh quân , quả có cái mạng “Đế vương của Trời ban cho để cứu nước An nam “.

Một ông tú tài Nho học kể cho Tuấn nghe rằng vua Tự Đức đi tiêu , ẽ ra cục c. .. vuông , chứ không phải cục tròn như người phạm tục . Tuấn tin ngay và vội vàng đi kể lại cho nhiều người nghe . Học trò đưa nào cũng tin . Nhiều thầy Trợ giáo cũng tin . Dân chúng thành phố thì ai cũng tin cả . Tất cả đều tin . Chẳng ai cần biết rằng lính vua Tự Đức đánh Tây ở cửa Hàng , ở Hà Nội , ở Lục Tỉnh trận nào trận nấy đều thua liểng xiểng , rốt cuộc để Tây lấy mất cả nước An nam . Nhưng điều đó không quan hệ. Chỉ một việc đánh Tây , cũng đã là một hành động minh quân rồi , có mạng Đế vương , đáng “ vì thiên tử “.

Tuấn khoái đem câu chuyện cục c...vuông của vua Tự Đức đi nói cùng cả cho mọi người nghe . Ai cũng cười xòa lên cho đến anh “ cu li “ xe kéo và chú thợ nề cũng biết và trầm trồ kính phục vua Tự Đức .

Một hôm , ở trường , trong giờ ra chơi , ông giáo sư Pháp văn , tên là Arago, tính ưa khôi hài và thích chọc trò Tuấn , vừa cười vừa hỏi Tuấn :

-Có phải ông Vua An nam ẽ cục c..vuông không Tuấn ?

Tuấn hết sức ngạc nhiên , không dè các ông giáo sư Pháp cũng nghe chuyện đó , và Tuấn tự thấy hơi lỗ bịch đối với người Pháp , nên Tuấn trả lời :

- Ai bảo với ông thế ? Những ông vua nước Pháp hồi trước như Louis XIV , có ẽ cục c.. vuông không ?

Ông giáo sư cười hà hà , cú nhẹ trên đầu Tuấn một cái .

Đại khái có một chuyện lạ nữa mà ai cũng tin , là chuyện Vua Thành Thái ra thăm núi Ngũ Hành Sơn ở Đà Nẵng . Nơi đây , trong một động núi có hai cái vú đá thiên nhiên rất đẹp , giống hệt như đôi vú vun vén đầy đặn của đàn bà . Nguồn nước trong veo từ đôi vú ấy chảy ra thường xuyên từng giọt , nhỏ xuống hai chậu đá cũng thiên nhiên đặt ngay dưới vú . Các vị tu sĩ ở Ngũ Hành Sơn thay phiên nhau ra múc nước thiêng ấy đem vào cúng Phật . Bỗng một hôm đức Vua Thành Thái ngự du ra xem thắng cảnh , trông thấy đôi “vú thần “đẹp quá . Ngài tinh nghịch đưa tay ra bóp một cái , tự nhiên vú tịt ngòi không chảy nữa . Mãi cho đến sau này , cái vú ấy vẫn cứ câm luôn . Chỉ còn một cái tiếp tục thường xuyên chảy nước là cái vú vô duyên không có vinh hạnh được bàn tay đế vương rờ bóp . Lúc mới nghe , Tuấn cho câu chuyện ấy là hoang đường , phi lý , nhưng mấy cậu học trò quê ở Quảng Nam , đều quả quyết là chuyện thật 100 phần 100 . Hầu hết , những bạn này đều nói có đi xem núi Ngũ Hành Sơn và xác nhận sự kiện lịch sử ấy . Việc Vua Thành Thái bóp vú đá ở Ngũ Hành Sơn cũng được truyền tụng khắp cả thành phố , và cũng do đám học sinh Đệ Nhất , Đệ Nhị , và Đệ Tam niên loan ra .

Một hôm anh Phạm Đào Nguyên , thư ký hãng Descours et Cabaud, mét riêng cho trò Tuấn biết rằng người vợ An nam hiện tại của ông Tây Delorme, ở cạnh nhà thờ Thiên chúa , trước kia chính là một trong những bà vợ của Vua Thành Thái , và bà này hiện chỉ có một cái vú độc nhất ở bên trái , vì cái vú bên phải đã bị Vua Thành Thái cầm gươm chém đứt , Phạm Đào Nguyên nói và cười , nhưng quả quyết là đúng sự thật . Thấy Tuấn lắc đầu không tin , thầy thư ký hãng Descours et Cabaud bảo Tuấn :
- Nếu anh không tin , cứ việc đến hỏi thẳng bà Delorme , Bà sẽ nói chuyện cho nghe .

Tuấn cho là một chuyện khôi hài , nhưng nó vẫn bị ám ảnh kinh khủng bởi cái vú “ lịch sử “ của bà vợ Tây mà Phạm Đào Nguyên quả quyết bảo trước kia là vợ của Vua Thành Thái . Óc tưởng tượng của tuổi thanh niên , và thêm vào đấy cái tính tò mò học hỏi sẵn có của Tuấn , bị căng thẳng đến tột độ , khiến Tuấn cả đêm không sao ngủ được . Đến khi ngủ mê , Tuấn chiêm

bao thấy cái vú của bà vợ Tây bị Vua Thành Thái cầm gươm chém một nhát phun cả máu ra . Tuấn ú ớ hét lên một tiếng kinh khủng rồi giật mình thức giấc . Cả nhà trọ đều hoảng hốt thức dậy hết . Họ thắp đèn lên và hỏi Tuấn . Cậu học trò ướt đẫm mồ hôi đầm nhiên kể lại :

- Tui thấy bà Delorme có hai cái vú thiệt đẹp , bị vua Thành Thái cầm gươm chém một cái đứt ra chảy đẫm cả máu me . Tui sợ quá hồn vía bay đâu mất !

Cả nhà đều cười xòa mà chế nhạo trò Tuấn là mê đôi vú của bà mẹ Tây. Mặc cỡ , nhưng muốn biết rõ sự thật , sáng Chủ Nhật , mặc áo dài trắng của học trò , đội mũ trắng , lê đôi guốc cùn đến nhà bà Dolerme. Ông Tây chồng bà đi Saigon , bà đang dạo vườn bắt sâu cho mấy khóm hoa . Cái cổng bằng gỗ mở một cánh . Tuấn đi qua đi lại hai ba vòng , mắt cứ lăm lét ngó vào vườn hoa nhưng không dám vào . May thay bà vợ Tây dừng lại nhìn trò Tuấn rồi mỉm cười nói bằng tiếng Huế :

- Cậu kia đi mô rứa ? Ngó chi rứa ? Muốn xin bông hỉ ?

Tuấn cười :

- Dạ, bông gì đẹp quá , bà cho tui một cành được không ?

- Được , vô trong ni tui cho .

Thế là Tuấn vào . Đôi mắt tò mò của Tuấn cứ ngó ngay lên bộ ngực bà , vun vèn đầy đặn cả đôi dưới lớp sơ mi mỏng bằng hàng ngoại quốc . Bà trạc độ 40 tuổi , rất đẹp . Tuấn hồi đó 16 tuổi thôi . Bà cười rất tự nhiên hỏi :

- Răng cậu cứ nhìn cái ngực của tui dữ rứa ?

Tuấn bẽn-lẽn hỏi :

- Thưa bà,phải hồi trước bà là vợ vua Thành Thái không ?

- Phải , trước tê tui là cung phi của đức ngài Thành Thái .

- Tui nghe họ đồn là nhà Vua chặt mất một cái vú của Bà , có đúng không Bà ?

- Đúng như , như rứa đó .

Xong , bà vui vẻ cởi nút áo ra ,phanh một nửa chiếc áo sơ mi để hở một nửa ngực cho Tuấn xem . Bà chỉ cái chỗ vú bên phải :

- Cái ni này .

Tuấn thấy không có cái vú ở chỗ đó nữa , da ngực bằng phẳng chỉ còn một vết sẹo lớn mà thôi . Vú bên trái còn nguyên vẹn thì bà vẫn cầm nữa áo che kín , không cho Tuấn xem . Vã lại , trò Tuấn đâu có đòi xem cái vú còn nguyên vẹn . Xong , bà cự Cung Phi cài khuy áo lại . Tuấn hỏi :

- Sao Vua Thành Thái lại chém cái vú của bà chi rứa ?

- Tại ri nè . Ngài lo việc đánh Tây . Cho nên sáng mô Ngài cũng bắt Cung Phi Cung Nữ ra vườn tập trận . Ngài ra lệnh trồng chuối chung quanh vườn , cứ cách một khoảng trồng một cây chuối . Ngài truyền Cung phi cưỡi ngựa , cầm gươm , rồi phi ngựa chạy ngang qua giây chuối . Ngài Ngự ngồi ghế truyền lệnh chém cây mô thì phải chém cây nớ . Tại con ngựa của tui nó sợ quá , đến gần chỗ Ngài ngồi là nó nhảy vồ lên , làm tui cũng thiếu điều bổ xuống đất , tui đưa gươm ra chém cây chuối mà không trúng . Ngài Ngự nổi giận liền chạy tới đưa gươm chém vô người tui một phát lại trúng cái ngực , đứt cái vú .Tui bổ xuống đất , máu chảy ra lai láng mà tui không dám kêu .Rồi tui chết giắc luôn . Sau đó nhờ dán thuốc dán lâu ngày cũng khỏi , bây giờ thành sẹo như rứa đó .

Tuấn đứng nghe choáng váng cả mặt mày , muốn té xỉu luôn bên bồn hoa của bà Cự Cung phi ...Bà bẻ cho Tuấn một cành hoa , bảo Tuấn vô nhà chơi , bà cho coi nhiều đồ Tây đẹp lắm . Nhưng Tuấn mắc cỡ , cất mũ chào bà rồi chạy biến ra đường .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 34

1926

- Phong trào học trò mặc Âu Phục bằng vải nội hoá.
- Phản ứng của các giáo sư Pháp.
- Phản ứng của giới thủ-cựu An-nam.

Một buổi sáng thứ Hai , trống đánh tự trường được một lúc , thì ông “Điền” (học trò gọi tắt ông Điền-réc-tơ Deydier) và các giáo sư Pháp, Nam đều hết sức ngạc nhiên thấy đa số học trò các lớp lớn từ Đệ Nhất niên lên Đệ Tứ niên , đi học đều mặc âu phục . Ông Điền và các giáo sư đều gọi đó là “ một cuộc cách mạng “ ! Vì lần đầu tiên học sinh Qui-nhơn , và cùng một lúc cả học sinh toàn quốc , đi học mặc đồ Tây !

Trước đó , từ Bắc chí Nam , học trò chỉ mặc áo dài An nam , và mang guốc , hoặc đi chun không . Học trò Bắc kỳ mặc áo the thâm hoặc áo vải quuyến trắng . Học trò Trung kỳ mặc áo trắng đầm đen , và quần vải quuyến trắng . Học trò Nam kỳ mặc đồ bà ba trắng , chỉ có con nhà giàu sang mới mặc đồ Tây , mang giày tây . Ở Trung kỳ và Bắc kỳ , học trò mặc đồ Tây là việc hy hữu , dù là con nhà giàu hay con nhà quan .

Bỗng dưng , sau vụ Phan Bội Châu , Phan Chu Trinh 1925-1926 , học sinh Trung học cả ba Kỳ đều bảo nhau mặc đồ Tây hết , và đồ Tây may bằng vải nội hóa .

Khởi điểm phong trào đi học mặc đồ Tây là học sinh Quốc Học Huế . Còn cuộc vận động may đồ Tây bằng vải nội hóa lại là do học sinh trường Qui-nhơn . Nói cho đúng với sự kiện lịch sử và xã hội , thì hai phong trào kia đều do ảnh hưởng đời sống “Âu hóa “ đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ ở Saigon trước tiên , từ ngày cụ Phan Chu Trinh bị Tây bắt ở Thượng Hải đưa về Hà nội . Do cuộc tuyên truyền miệng , vì hầu hết những phong trào toàn quốc lúc bấy giờ đều do khẩu truyền mà ra , chứ không phải do nơi cổ động trên báo chí An nam . Suốt cả thời kỳ cách mạng tiền chiến , báo chí đều chỉ đóng vai trò thụ động . Hoặc họ phê bình đả phá các phong trào ái

quốc theo mệnh lệnh của Tây . Chưa bao giờ trong thời kỳ sôi nổi 1925-1927 , báo chí An nam đóng vai tiên phong hay chủ động , dẫn dắt quần chúng . La Cloche Félée của Nguyễn An Ninh , và La Jeune Indochine của Vũ Đình Duy ở Saigon , Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế , L'Argus Indochinois của Amédée Clémenti ở Hà nội , là những cơ quan tranh đấu độc lập , của những nhà trí thức cách mạng An nam và Tây .

Phong trào học trò đi học mặc đồ Tây bằng vải nội hóa , năm 1927, cũng không phải do báo chí cách mạng phát động . Trái lại , có nhiều tờ báo lại còn làm thơ con cóc và đem những triết lý đạo đức vụn ra mà chế nhạo nữa là khác . Mặc kệ, bọn học trò bảo nhau : Tây họ thấy tội mình mặc áo quần An nam , họ khinh mình là nhà quê , họ chửi mình là “ sale race “ (nòi giống như bẩn) , thì từ nay tội mình mặc đồ Tây đi học để có ý như khiêu khích .

Hôm ấy , trò Quỳnh , trò Hảo , trò Thu , trò Tuấn , trò Ứng , ngồi bàn chuyện tại nhà thầy Phạm đào Nguyên về vấn đề mặc đồ Tây , do mấy anh Quốc Học ở Huế vô đề xướng hôm trước . Lần đầu , trò Hảo còn e ngại :

- Tội mình mặc đồ Tây , sợ ông Đìa với các ông giáo sư cho tội mình là vô lễ , hay làm phách thì sao ?

Trò Thu chuyên môn giọng cười hài hước :

- Mõa mặc đồ Tây mà mõa cứ học thuộc bài , khỏi ăn hột vịt là mõa “ mắng phú “ . Mấy ông giáo sư mặc đồ Tây có làm phách và vô lễ với ông Đìa không ?

Quỳnh :

- Tao chỉ sợ xin tiền may đồ Tây , cha tao hông cho .

Tuấn :

- Tao thì tao năn nỉ anh thợ may cho tao may chịu , rồi nghỉ hè vô sẽ trả tiền .

Hảo cười hì hì :

- Nghỉ hè vô , mà bán bộ đồ Tây đó để trả tiền cho thợ may hả ?

- Nghỉ hè về quê , tao diện đồ Tây , đeo cờ-ra-oách cho oai thì cha mẹ tao khoái mắt , nhứt định là cho tao tiền .

Hảo :

- Ông già bà già tao thì dễ lắm . Ông mặc đồ Tây , thì ông cũng thích tao mặc đồ Tây cho giống ông . Nhưng tao sợ tụi mình mặc đồ Tây đi học thì ông Đìa cấm , không cho mặc .

Nghĩ đến trường hợp có thể ông Đìa cấm học trò đi học mặc đồ Tây , trò nào cũng ái ngại . Nhưng Tuấn bảo :

- Tao thì tao hổng sợ ông Đìa cấm . Cấm là vô lý . Tao chỉ sợ lão Gabriel càng ghét tao và suốt năm cứ cho tao ăn trứng vịt . Nhưng tao đếch cần !

- Mày có lão Arago với lão Antomachi thương mày . Hễ giờ Toán , Gabriel cho mày zéro thì qua giờ Luận Pháp văn ông Antomachi cho mày 9 sur 10 . Ông Arago cho mày Lecture cũng 9 sur 10 . Cái này bù qua cái kia .

- Ủ , vậy cho nên tao đâu có sợ lão Gabriel !

Rốt cuộc rồi ai cũng tán thành mặc đồ Tây đi học . Nếu xảy ra chuyện gì , sẽ liệu sau . Nhưng Tuấn đề nghị may bằng vải nội hóa , đừng thềm may vải tây . Cãi nhau một hồi lâu rồi tất cả chịu may bằng vải nội hóa Quảng Nam . Vải dệt ở Qui-nhơn và Quảng Ngãi không đẹp bằng dệt ở Quảng Nam, mấy anh thợ may bảo thế .

Phong trào vận động may đồ Tây được tuyên truyền miệng khắp giới học sinh các lớp Trung học . Học sinh Tiểu học còn nhỏ tuổi , hầu hết các bậc phụ huynh các em không cho mặc đồ Tây . Thế là nửa tháng sau , hai phần ba số học trò lớn đều có mỗi trò một bộ đồ Âu phục bằng vải nội hóa . Họ gọi là là “ Nhứt bộ “ vì trò nào cũng chỉ kiếm tiền may được một bộ mà thôi . Còn một phần ba , tụi nhát gan nhất , sợ mặc đồ Tây sẽ bị ông Đìa phạt và giáo sư ghét , thì nhất định tiếp tục áo dài đen , quần trắng , mang guốc .

Sáng thứ Hai ấy , Tuấn dậy thật sớm , tắm rửa sạch sẽ để làm lễ khánh thành bộ đồ tây đầu tiên của trò . Sau khi chải tóc rẽ trois quarts thật bảnh bao , Tuấn trịnh trọng mặc sơ mi trắng tinh , chiếc sơ mi mới may duy nhất và cẩn thận cài từng nút xa cừ . Thắt cà-ra-óach , thì đã nhờ anh thợ may bày cho , và Tuấn đã tập mãi ngày Chủ Nhật để thắt cho đẹp và cho ngay thẳng giữa cổ .

Xong , không mặc quần đùi vì Tuấn ghét mặc quần đùi , cứ ở trường như thế Tuấn lấy nhẹ nhẹ cái quần tây , xỏ nhẹ nhẹ vào hai ống chân , sợ nó mất

plis . Hai tay cầm hai bên lưng quần . Tuấn cúi xuống ngó từ dưới ngó lên xem có ngay thẳng không , rồi mới cài nút . Thắt dây lưng vải , vì hồi đó chưa có tiệm nào bán thắt lưng da (Anh thợ may dùm cái thắt lưng vải , Tuấn phải trả thêm hai đồng bạc) . Tuấn tròn vô nhẹ nhẹ cái áo veste ... Theo thời trang đời bấy giờ mặc đồ Tây phải mặc complet đủ bộ quần và áo , chứ không ai mặc sơ mi trần . Học trò cũng mặc “đồ lớn “ như người lớn vậy . Đến việc mang giày , mà không có vớ . Vì mua vớ tốn tiền thêm , và chủ tiệm không bán chịu . Chỉ có anh thợ may là bằng lòng may chịu mà thôi . Dĩ nhiên là trò Tuấn may chịu cả cái cà-la-oách giá tiền thêm hai đồng nữa , vì chưa có tiệm nào bán cà-la-oách cả .

Xong đâu vào đấy trò Tuấn ngắm nghía trong tủ kiếng của ông chủ nhà , tự thấy ngượng ngừng mắc cỡ , muốn cời ra xếp cất trở vào va li . Người đầu tiên trông thấy Tuấn mặc đồ Tây là cô con gái ông chủ nhà , 14 tuổi , học lớp Nhì . Cô Công Tôn Nữ Thị Linh khen :” Anh Tuấn mặc đồ tây đẹp quá ! “ và cứ đứng đó trầm trầm khen mãi . Cô còn chạy xuống bếp gọi :” Mẹ ơi , lên coi anh Tuấn mặc đồ tây đẹp quá , nè Mẹ ! “ Tuấn mắc cỡ , hoảng hồn , chạy vô buồng trốn mất , không dám thò đầu ra ...

Thấy Tuấn lần đầu tiên mặc đồ Tây bẽn lễn , bà chủ nhà và cô con gái cười rồ lên rồi đi tránh xuống bếp . Đợi một lúc lâu , trong nhà lặng lẽ , Tuấn mới khẽ cửa buồng và chạy phóng ra ngoài đường . Tuấn rất khổ sở , còn phải ráng chịu ái cực hình bị hai bên hàng phố dòm ngó cậu . Phần nhiều dân thành phố tùm tùm cười và trầm trầm khen ngợi thấy các cậu mặc bộ quần áo tây đi học , như hầu hết học trò lớn trường Qui-nhơn sáng hôm ấy . Các ông giáo sư Pháp nhìn sự thay đổi đồng phục đột ngột ấy với cặp mắt tò mò đầy cảm tình . Nhưng đa số các ông Đốc , và giáo sư An nam , thì , trái lại , hình như không tán thành . Vài ông , như ông đốc Th . dạy môn Luân Lý , ông đốc V. dạy Quốc văn , còn có vẻ ác cảm rõ rệt . Ngay trong giờ Luân Lý buổi chiều ở lớp Đệ Tam niên , ông Th. giảng về “ Le respect de soi “ (sự tự trọng) đã nói bằng giọng mỉa mai :” Thí dụ như người học trò còn đi học mà bắt chước mặc y phục như người lớn , cũng mang giày tây , mặc quần áo tây , chỉ tỏ ra thiếu sự tự trọng , và chỉ đáng khinh khi “ . Toàn thể học trò trong lớp đều hiểu rằng ông giáo sư mượn bài học luân lý

để công kích những trò mặc đồ Tây , mang giày Tây -- nghĩa là gần hết cả lớp , trừ năm ba đứa mà thôi , những đứa nhút nhát còn mang guốc , mặc áo dài đen .

Ông đốc Tr. , giáo sư Lý hoá , không nói gì , nhưng hôm ấy ông cho điểm gặt gao hơn thường lệ . Trò Tuấn được gọi lên bảng trả bài . Trò thuộc bài vanh vách , trả lời không vấp một câu một chữ , đáng lẽ như mọi khi trò được 9 điểm , hôm ấy chỉ được ông cho 6 điểm mà thôi . Tuấn đoán chừng tại vì ông ghét bộ đồ tây của Tuấn nên ông trừ mất 3 điểm . Tất cả các trò mặc đồ tây được gọi lên trả bài đều bị sụt điểm như thế .

Trái lại , trò Trân , lên bảng trả lời ấp úng , lại được ông giáo sư cho 8 điểm -- chắc chắn tại vì trò vẫn bảo thủ cái áo dài “ trắng đêm “ đen , và đi chân không .

Đại khái phản ứng của một số giáo sư An nam là thế trong lúc chính họ vẫn mặc âu phục , may bằng vải serge bleu marine, hoặc bằng các tissus khác , toàn vải của Tây .

Giáo sư Pháp có những nhận xét công bằng và hợp lý hơn . Chính ông Gabriel , giáo sư Kỹ hà học , là người khó chịu nhất , hay quạu nhất , thực dân hạng nặng , mà vẫn tỏ ý tán thành học trò mặc đồ Tây .

Ông ghét trò Tuấn hơn ai hết , lúc nào cũng gườm gườm gọi Tuấn lên bảng để hỏi những câu bắt bí về Géometrie plane , để rồi thưởng cho trò những con zéro liên tiếp trong các giờ toán . Thế mà hôm đầu tiên Tuấn mặc đồ Tây đi học , ông khen Tuấn một câu : "Hôm nay mày mặc đồ âu phục , coi cái mặt mày dễ thương hơn “. Ông chỉ hỏi Tuấn sơ sài về một định lý , rồi cho Tuấn 8 điểm .

Nhưng quan trọng hơn cả là những nhận xét của ông Đìa-réc-tơ Henri Deydier. Ông không phản đối sự học trò mặc âu phục đi học , nhưng theo một thông cáo bí mật của Toà Khâm Sứ Huế gửi cho ông Công Sứ Qui Nhơn và chuyển đạt qua ông Đìa thì sự học trò mặc Âu phục đồng loạt như thế là một cuộc biểu tình có tính cách chính trị . Ông Đìa đưa ra những lý do sau đây :

-Không phải riêng học trò Qui Nhơn mà đây là một phong trào chung ở tất cả các Trung học Bắc kỳ , Trung kỳ , Nam kỳ .

- Cuộc “ biểu tình bằng Âu phục “ này xảy ra ngay sau những cuộc xin ân xá Phan Bội Châu và truy điệu Phan Chu Trinh .

- Học trò mặc Âu phục toàn bằng vải nội hóa .

Tuy nhiên những nhận xét của Chính Quyền Thuộc Địa Đông Dương về cuộc “ cách mạng quần áo “ , danh từ chính thức thông dụng là “ revolution vestimentaire “ của học trò Trung học toàn quốc , không có hậu quả gì về thực tế . Ông Đìà có cho gọi mấy trò ở các lớp lớn Đệ Tứ và Đệ Tam niên hỏi :” Tại sao tự nhiên cả trường rủ nhau mặc đồ Tây ? “ tất cả đều trả lời :” tại vì mặc Âu phục rất tiện lợi “ ngoài ra không có mục đích gì về quốc sự cả “ . Ông Đìà có hỏi trò Tuấn :

- Tại sao mày không may đồ Tây bằng vải Tây mà lại may bằng vải An nam ?

Tuấn trả lời :

- Thưa ông Đốc , tại vì vải An nam rẻ tiền hơn . Tụi tui nghèo , đâu có tiền may vải tây .

Mặc dầu ông Đìà tỏ vẻ hoài nghi nhưng không rầy la , không hăm dọa , không cấm , như nhiều trò đã lo sợ lúc đầu . Rồi từ đấy , các trò mặc Âu phục tiếp tục mặc âu phục mãi , còn các trò nhút nhát dần dần cũng bắt chước theo . Qua năm 1927. sau kỳ nghỉ Hè , toàn thể học trò Trung học trong nước đều mặc Âu phục , trong lúc đi học cũng như đi chơi .

Ở thành phố , các giới đồng bào phản ứng khác nhau .

Đa số tán thành , nhất là giới nhà buôn , công chức và phụ nữ , các cô gái , đều nhiệt liệt hoan nghênh , khen “ mấy anh học trò mặc đồ tây coi đẹp quá “ .

Trò Tuấn mấy ngày đầu còn hơi mắc cỡ , nhưng sau đó trò thích chí cứ mặc đồ Tây suốt ngày . Cho đến lúc đi ngủ mới cởi thay . Chủ nhật và chiều thứ Năm được nghỉ. Tuấn với vài ba thằng bạn diện đồ Tây nội hóa , nhất bộ , đi chơi rong khắp phố . Được mấy cô gái đứng trong cửa sổ nhìn ra , các trò khoái lắm . Hai cô bạn Trâm và Anh vừa thi đậu “ xec-ti-phi-ca “ có làm một bài thơ bát cú tặng Tuấn như sau đây :

Anh mặc đồ tây , coi bảnh trai

Cổ đeo cà-vạt , chân mang giầy ,

Văn minh thế giới đều khai hóa
Học thức An Nam cũng hữu tài
Kinh sử văn chương không kém bạn
Tinh thần vật chất có thua ai ?
Mong anh giữ trọn tình yêu Nước ,
Hồ thi tang bồng thỏa chí trai .
Phạm thị Trâm - Nguyễn thị Ngọc-Anh
(Lớp Nhất , Collège Qui-Nhơn - 12-6-1926)

Trò Tuấn xem thơ , cảm động , có họa lại như sau :
Nhìn gương hổ thẹn kẻ làm trai ,
Đầu đội mũ tây , gót nện giầy
Đèn sách mỗi ngày lo luyện chí
Văn minh bốn bể rắng đua tài
Gái trai Hồng Lạc cùng chung sức
Con cháu Tiên Rồng há kém ai
Quần áo đổi thay , lòng chẳng đổi
Bao giờ quên được phận làm trai !

Trần Tuấn

(Đệ Nhị Niên , Collège Qui-Nhơn - 13-6-1926)

Hai bài thơ học trò còn vụng về nhưng có một số người truyền nhau chép và đọc đang lúc phong trào mặc đồ Tây thịnh hành .

Nhân kỳ thi “ xéc-ti-phi-ca” qui tụ tại Qui-nhơn tất cả học sinh tiểu học toàn tỉnh (Phù Cát , Phù Mỹ , Bình Định , Bồng Sơn) có rất đông các nhà Nho , các ông Tú , ông Cử , đem con đi thi , thành phố Qui-Nhơn rộn rịp lạ thường . Hai bài thơ trên kia cũng đến tai các phụ huynh học sinh Tiểu học . Một ông Tú , tên là Tú Tuyển , ở Gò-Bồi , có họa lại như sau đây :

Đã được danh gì , các cậu trai ?
Cũng chường Tây phục , cũng mang giầy ?
Văn minh Đại Pháp cao vô lượng ,
Y phục An Nam khéo đọ tài !
Cà vạt mũ tây coi có vẻ
Xôi kinh nếp sử chữa bằng ai ,

Đua nhau ăn diện làm chi rứa ?

Chỉ khéo trò cười , các cậu trai !

Tú Tài Trần Tuyên .

Bài thơ này khiến cho một số đông học trò dĩ nhiên phần uất . Trò Quỳnh chạy đến nhà trò Tuấn , đọc cho Tuấn nghe , rồi đọc luôn cả bài của Quỳnh đáp lại (Phan Quỳnh và Trần Tuấn là hai trò có tiếng giỏi Quốc Văn trong lớp) . Quỳnh đã thức nửa đêm bỏ bài học Sử Ký , để họa bài thơ của Ông Tú Tuyên :

Đến trường mang guốc thẹn chân trai

Theo bước văn minh nện gót giầy

Hán tự cùn mòn , quăng vứt xó

Pháp văn mới mẻ chạy đua tài .

Quỳnh cười đắc chí , ngó Tuấn :

- Mà coi tao ngạo ông Tú nhà Nho đó như chiếc guốc cùn !

Xong Quỳnh đọc tiếp :

Há giòng giống mọi , không hơn nó ?

Phải áo quần tây chẳng kém ai !

Nô lệ cựu trào sao giữ mãi ?

Tương lai hoài bão mấy thằng trai !

Phan Quỳnh

(Đệ Nhị Niên , Collège Qui-Nhơn)

Phan Quỳnh tính rất nóng nảy . Đọc xong bài của mình , Quỳnh hỏi Tuấn :

- Được không , mà ?

- Hay lắm rồi mà ời ! Nhưng liệu mà ngạo ông rồi mà có dám đến đọc cho ông nghe không ?

- Tao sợ gì ! Nhưng mà cũng phải làm một bài trả lời ông , rồi hai đứa mình đến đọc cho ông nghe.

- Tao đã làm rồi . Chính là bài của tao đầu tiên họa lại bài của Trâm và Anh , rồi ông Tú họa theo đó chứ .

Phan Quỳnh nổi quạu liền :

- Mà họa bài của con Trâm con Anh tụi nó vuốt ve mà thì được , còn ông Tú Tuyên họa lại mắng vào mặt mà , mà làm thinh không trả lời , ốt dột

quá !

- Thì đã có bài của mày trả lời cho ông rồi , không đủ sao ?

- Nhưng tao muốn có thêm một bài của mày nữa . Mày làm liền đây cho tao coi . Rồi tụi mình đem ngay sáng nay lên cho ông Tú , chứ tao nghe nói trưa nay ông về Gò Bồi đấy . Không trả lời được ông , tao tức lắm . Phải có hai đứa mình trả lời cho ông cứng họng .

Trò Tuấn bần khoản hết sức ...Phần thì O-Vui em gái ông chủ nhà , đang nấu chè hột sen ở bếp , mùi thơm bay lên ngào ngạt , Tuấn chỉ ngửi mùi thơm ấy mà không muốn làm thơ ...Nhưng Quỳnh cứ giục mãi , Tuấn bảo :

- Thôi mày đi ra bờ biển chơi một lát , rồi trở lại đây .

- Tao trở lại , mày phải làm xong bài thơ hí ?

- Mày phải đi lâu lâu mới được . Bây giờ là 8 giờ , 12 giờ mày hãy trở lại .

- Ủ , 11 giờ tao trở lại .

Phan Quỳnh đi xong, Tuấn leo lên cái gác xếp , không ai ở , nằm sắp xuống chiếu để viết . 11 giờ , Quỳnh trở lại Tuấn mới được 6 câu , đọc cho Quỳnh nghe :

Há phải danh gì , một lũ trai ,

Vì mang âu phục , phải mang giày ,

Văn minh rứt rở ông thầy Pháp ,

Hủ lậu co ro bác Tú Tài ,

Nhục trước ông cha thua kém họ

Mong sau con cháu kịp bằng ai .

- Được đấy , còn hai câu nữa , làm luôn đi .

- Mày đi ra chơi ngoài chợ một lát , để một mình tao mới làm được.

Nhưng Quỳnh ra cửa còn đứng đấy , thì Tuấn gọi :

- Rồi rồi , Quỳnh ơi , vô đây !

Tuấn đọc nốt hai câu chót :

Nước nhà nô lệ không mong tiến

Mai mĩa làm chi mấy đứa trai ?

12 giờ trưa , Quỳnh và Tuấn đến nhà thầy Phạm Đào Nguyên , nơi trọ của ông tú tài Trần Tuyên : Ông đang ngồi ghế tràng kỷ , rung đùi ngâm bài thơ của ông ra vẻ khoái trá lắm . Quỳnh tiến tới , lễ phép chào rồi trao tận tay

ông hai bài thơ họa của hai đứa học trò ...Tuấn sợ ông Tú , đứng ở ngoài không dám vào , ông Tú đọc xong , chỉ đưa tay vuốt râu cười.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt

CHƯƠNG 35

1927

Phong trào Học sinh toàn quốc bãi khóa chống Tây .

Lễ Pâques (Phục Sinh) năm 1927 đánh dấu một giai đoạn quyết liệt nhất trong đời sống của toàn thể sinh viên học sinh An Nam từ Bắc chí Nam . Lần đầu tiên , một phong trào vận động bãi khóa khởi xướng từ Trường Cao Đẳng Hà Nội và Trường Trung Học Bảo Hộ (trường Bưởi) đã lan tràn khắp cả các Trường Trung Học trong nước : Hải Phòng , Nam Định , Vinh , Huế , Qui Nhơn, Saigon , Mỹ Tho , Cần Thơ .

Tôi nói : Vận Động Bãi Khóa , vì học sinh lợi dụng 7 ngày nghỉ lễ Pâques để vận động ráo riết trong các giới học sinh , đưa các nguyện vọng lên Nha Học Chính để rồi nếu nguyện vọng không được thỏa mãn , sẽ không đi học sau khi hết lễ Pâques .

Và cuộc bãi khóa toàn quốc đã bắt đầu thật sự , như đã dự định , gây ra lần đầu tiên từ khi người Pháp đô hộ , một phong trào học sinh bãi khóa sôi nổi lớn lao từ Bắc chí Nam .

Tuy cuộc bãi khóa không có mục đích chính trị , nhưng thực ra là do phong trào chính trị mà thành , để tỏ cho nước Pháp và cả thế giới biết rằng toàn thể sinh viên và học sinh An Nam chống lại chánh sách giáo dục của chính phủ thuộc địa , và chống lại một nhóm giáo sư Pháp đã miệt thị người An Nam .

Sau buổi học chiều Thứ Bảy 16-7-1927 (Hồi đó chưa có lệ nghỉ chiều Thứ Bảy theo "semaine anglaise ") , và bắt đầu nghỉ lễ Pâques 7 ngày , trò Tuấn cắp sách vở ra về như những ngày thường . Xong bữa cơm tối , trò sửa soạn ra bờ biển bắt còng chơi với mấy đứa bạn cùng ở nhà trọ , bỗng có trò Quỳnh đến bảo thầm :

- Có mấy anh ở trường Quốc Học Huế , vào kiểm tụi mình .

Tuấn ngạc nhiên hỏi :

- Có chuyện chi vậy , hi ?

- Mày đi với tao lên nhà thầy Phạm Đào Nguyên , sẽ biết .

Tôi đã nói nhà Phạm Đào Nguyên , thư ký hãng buôn Pháp Descours et Cabaud, một bạn trẻ , là nơi tụ họp bí mật của bọn học trò làm "quốc sự "ở Qui-nhơn . Nơi đây có 4 điều rất tiện lợi :

1. nhà thầy Nguyên có một căn nhà sau thật kín đáo , nhóm họp ở đây không ai biết .
2. thầy có nấu cơm tháng cho mấy đũa học trò , cho nên học trò thường ra vào luôn , không ai để ý .
3. thầy không làm cách mạng , nhưng lại thích những chuyện cách mạng và rất vui lòng để cho tụi học trò làm cách mạng ở nhà thầy .
4. thầy được chủ Tây trong thành phố tin cậy hoàn toàn , cho là một người An-nam-mít đứng đắn , ngoan ngoãn , dễ thương .

Tuấn đi theo Quỳnh đến nhà thầy Phạm Đào Nguyên vào lúc 7 giờ tối . Thầy đang nằm trên ghế xích đu ngoài hè . Tuấn và Quỳnh chào , thầy gật đầu cười làm dấu hiệu bảo đi vào nhà trong .

Ba anh học trò lạ , ở trường Quốc Học Huế , mới vào hồi chiều , đã ngồi nơi bàn với mấy cậu học trò Qui-nhơn : Hảo (lớp Đệ Tam niên) , Tổ (Đệ Tam niên) và 3 anh (Đệ Tứ niên) , với Quỳnh , Tuấn (Đệ Tam niên) là tất cả 10 người . Ba cậu Quốc Học (cũng Đệ Tứ và Đệ Tam niên) , thay phiên nhau nói cho 7 cậu Qui-nhơn nghe vì sao học trò toàn quốc phải bãi khóa để chứng tỏ rằng thanh niên An Nam năm 1927 , đã giác ngộ rồi , đã biết nêu cao tinh thần ái quốc , không chịu để cho Tây hà hiếp , khinh miệt dưới chế độ thuộc địa , và nhất là để thắt chặt tinh thần đoàn kết của thanh niên nam nữ học sinh cả ba kỳ Trung , Nam , Bắc , trong cuộc Tổng Bãi Khóa nhân dịp lễ Pâques 1927.

Cuộc trao đổi ý kiến giữa ba phái viên Quốc Học Huế và 7 đại diện học sinh Qui-nhơn , rất nồng nhiệt và thân ái . Tất cả đều đồng tâm nhất trí , cương quyết thắt chặt tình đoàn kết của học sinh toàn quốc .

Quỳnh , một đại diện hăng hái nhất của Collège Qui Nhơn , với nét mặt gân guốc , giọng nói cứng rắn và mạnh dạn , bảo :

- Các anh cứ tin nơi tụi tui . Ở Huế , các anh các chị được gần gũi cụ Phan Bội Châu , được nhờ sự hướng dẫn của Cụ , còn tụi tui ở đây vì xa xôi , đơn độc càng thấy đau khổ hơn , càng bị áp chế hơn . Một viên giáo sư

Pháp là Gabriel , dầy Toán , cứ chửi " nòi giống An nam là mọi rợ , nước An nam là dã man " Tụi tui tức lắm , nhưng cứ ngậm câm mà nuốt hận , chưa biết làm cách nào để trả thù . Lần này thì tụi tui phải quyết liệt hưởng ứng phong trào bãi khóa ở đây cho đến thắng lợi mới thôi .

Quỳnh quay sang hỏi Tuấn :

- Mà nghĩ sao , Tuấn ? Mà có ý kiến gì , nói đi .

Tuấn cười :

- Tao cũng nghĩ như mày . Tao còn muốn chờ đến khuya , rình lão Gabriel đi đánh bạc ở cercle về , mình nấp ở gốc cây phi-lao và ném đá granit vào đầu lão cho bể đầu lão , thì tao mới khoái . Còn bây giờ tính làm grève, thì làm ! Sợ cóc gì !

Hảo, Tố, và ba anh Đệ Tứ niên đều hoàn toàn tán thành tham gia cuộc bãi khóa toàn quốc và còn muốn làm hăng hái hơn ở Saigon và Hà nội nữa . Ba anh Quốc Học Huế cười :

- Dân Trung kỳ tụi mình không bao giờ chịu kém Bắc kỳ và Nam kỳ . Lần này mấy anh ở Cao đẳng Hà nội khởi xướng ra trước , thì tụi mình nhất định hưởng ứng theo và cương quyết không bỏ rơi nửa chừng . Làm thì phải làm cho đến nơi đến chốn . Bị tù cũng không cần .

Toàn thể đều hăng hái reo lên :

- Tù thì tù chứ , sợ gì !

Một anh Đệ Tứ niên Qui-nhơn bảo :

- Tụi mình đâu phải đồ vá áo túi cơm . Tụi mình đi học đâu phải để sau ra làm quan cho Tây . Học là để giúp dân giúp nước chớ . Học để đem tài năng ra phụng sự Đồng Bào Tổ Quốc , cho xứng đáng là thanh niên nước Việt chứ . Bây giờ anh chị em ở Hà nội , Huế , Saigon , các nơi đều làm grève, hổng lẽ tụi Qui Nhơn cứ cắp sách đi học sao ? Nhất định làm " reo " ! Hoan nghênh làm " reo " !

Cuộc hội họp bí mật rất là ồn ào trong căn phòng kín bên cạnh nhà bếp của thầy Phạm Đào Nguyên . Mãi đến 1 giờ sáng cuộc hội họp bí mật mới xong , bảy học sinh Qui-nhơn đều tiễn ba phái viên học sinh Quốc học ra bến xe đò để ba anh này còn đi Saigon , cổ động các trường trong Nam .

5giờ sáng ba anh lên xe đò " Bạch Hồ " đi rồi , tụi Qui-nhơn kéo nhau ra bãi

biển ngời hóng gió , và thăm thì bàn luận về cách tổ chức cuộc Bãi Khóa , bắt đầu ngay từ ngày hôm ấy .

Tất cả đều đồng ý theo kế hoạch sau đây :

Ba anh Đệ Tứ Niên : thảo bản yêu-sách bằng Pháp văn để gửi lên ông Đìà-réc-tơ.

Tối họp tại nhà trò Hảo để coi lại bản yêu-sách , thêm bớt .

Bản yêu sách đòi bốn điều :

- Thêm trong chương trình Trung học mỗi tuần một giờ Sử Ký An Nam (trước , Sử Việt chỉ có một giờ , Sử Pháp hai giờ. Nay xin hai giờ Sử Việt , một giờ Sử Pháp).
- Đuổi ông giáo sư Gabriel , thay thế giáo sư khác biết kính trọng Dân Tộc An Nam.
- Mở thêm các lớp Trung học
- Cho phép một phái đoàn học sinh Qui-Nhơn ra Huế thăm Cụ Phan Bội Châu .

Tuấn không chịu để điều bốn :

- Trong túi mình những đứa nào xin được tiền cha mẹ thì cứ đi . Hoạc kêu anh em góp tiền lại cho năm , sáu đứa đại diện rồi sẵn dịp nghỉ hè sắp tới đây , cứ việc mua giấy xe đò đi Huế thăm cụ chớ cần gì phải xin phép ông Đìà-réc-tơ ?

Điều khoản bốn này được bàn cãi rất gắt gao và rất lâu . Rốt cuộc được bỏ , và giữ nguyên vẹn ba điều khoản trên .

Bản yêu sách bằng Pháp văn của học trò trường Qui Nhơn , sau khi cùng nhau sửa chữa thêm bớt , còn lại đúng nguyên văn như sau :

A Monsieur le Chef du service de l'Enseignement en Annam , Huế,

Sous couvert de Monsieur le Directeur de collège de Qui Nhơn .

Nous , soussignés, Elèves de Collège Primaire Supérieur de Qui Nhơn, avons l'honneur de vous adresser respectueusement la présente requête, tendant à obtenir les faveurs suivantes :

- Augmenter une heure d'Histoire d'Annam par semaine , et supprimer une heure d' Histoire de France, dans les programmes des cours primaires*

supérieurs.

- Remplacer immédiatement M. Gabriel , Professeur de Mathématiques par un autre professeur qui n'insulte pas le peuple d' Annam .

- Ouvrir de nouvelles classes Primaires-Supérieures au Collège de Qui Nhơn .

Nous espérons que notre requête sera prise en considération pendant les vacances de Pâques . Dans le cas contraire, nous regrettons de vous informer que nous serions obligés de nous mettre en grève afin d'obtenir satisfaction.

Veillez agréer, Monsieur le Chef de service de l'Enseignement, l'expression de notre humble reconnaissance.

Les élèves de Collège Primaire Supérieur de Qui Nhơn .

Cái đơn viết hăng như thế , nhưng không trò nào ký tên cả . Toàn thể đồng ý ký chung là " Học sinh trường Cao đẳng Tiểu Học Qui-Nhơn "

Thế là bắt đầu ngày lễ Pâques , nhóm Đệ Tam Niên Quỳnh, Tuấn , Hào , Tố , được giao phó cho công việc đi tuyên truyền bãi khóa trong giờ học sinh , còn nhóm Đệ Tứ Niên thì họp tại nhà thầy Phạm Đào Nguyên là nơi tập trung tin tức và liên lạc với các Trường Phủ-Huyện . Học sinh ở rải rác các nhà trong thành phố và các xóm ngoại ô . Hào và Tố đi từng nhà , rủ từng người đến họp một nơi vắng vẻ nào đó , hoặc là nhà một phụ huynh học sinh có thiện cảm với phong trào bãi khóa hoặc ra bãi biển , hoặc lên sườn núi . Đến đây đã có Quỳnh và Tuấn , được trao phó trách nhiệm diễn thuyết hô hào bãi khóa .

Một buổi chiều Tuấn phải đi cổ động một nhóm học trò Đệ Nhất Niên gần năm mươi người họp trên một gò đất trống ở bìa núi Xuân Quang . Tụi này nhát lắm , đa số sợ ở tù . Tuấn phải cổ động cho họ hưởng ứng phong trào bãi khóa , cho họ phấn khởi , hăng hái đừng rụt rè do dự nữa .

Trời nắng chang chang như lửa đốt . Trên gò chỉ có và cây cao , bóng mát không đủ che cho một số đông gần 50 thiếu niên . Tuấn không đội mũ , cứ để đầu trần như thế mà ngồi " diễn thuyết " trong đám học trò mồ hôi ướt nhẹp cả áo . Tuấn bị nhiều câu hỏi rắc rối mà Tuấn tìm cách trả lời cho xuôi tai , nhưng đến khi có một câu hỏi : " Bãi khóa , lỡ bị bắt bỏ tù thì sao, anh ?

" Tuấn phải trả lời : " Học sinh toàn nước An nam bãi khóa , chứ không riêng gì ở trường mình . Toàn thể học sinh trường Qui Nhơn Bãi khóa , chứ không riêng gì một hai lớp . Không lẽ cả nước ở tù sao ? " Sau cùng , hầu hết học trò đồng thanh bãi khóa , trừ một cậu : " Tui thì tui cứ đi học như thường . Tui ở nhà thì cha tui đánh tui chết " . Tức thì có mấy người bạn của cậu xùng xộ : "Mày đi học thì tui tao đánh mày chết ! " . Cậu kia ngồi im .

Công cuộc vận động bãi khóa hồi 1927 kể ra thật là gay go . Vì là lần đầu tiên trong Lịch sử , học sinh An nam bãi khóa chống lại Chính phủ thuộc địa Pháp . Tuy nói là phong trào toàn quốc , nhưng chỉ có một thiểu số bảy tám học trò ở lớp Đệ Tam, Đệ Tứ niên biết mà thôi . Đó là các trò lớn được liên lạc với phong trào ở Huế , còn toàn thể học sinh các lớp Tiểu học và Đệ Nhất Đệ Nhị Trung học thì có biết rõ gì đâu . Do đó, cuộc vận động bãi khóa thường gặp nhiều trở lực , nhất là trong đám phụ huynh học sinh ở ngay thành phố .

Buổi chiều , Tuấn bị giải nắng trên gò núi , lúc về bị cơn mưa to . Tuấn nóng lạnh nằm trùm mền . Đồng hồ điểm 8 giờ , Quỳnh đội nón , mang tờ (loại áo mưa chằm bằng lá tờ) đến . Thấy trong nhà có đông người , Quỳnh đứng ngoài hè không dám vào . Tuấn tung chăn chạy ra . Quỳnh bảo :” Có một đám học trò Phù Cát , Phù Mỹ gần 100 đứa ở nhà thẳng Thọ trên Lò Vôi . Chúng nó vô đây để thi primaire , hai đứa mình phải tới đó để diễn thuyết cổ động “ Tuấn hỏi :” Có phụ huynh không ? “ Có , Tuấn ngán có phụ huynh , vì thế nào cũng bị mấy ông bắt bẻ chuyện này ,chuyện nọ.

Nhưng Quỳnh bảo : " Tụi mình diễn thuyết luôn cả cho mấy ông phụ huynh nghe , chứ sợ gì ? " Tuấn ngại , phần thì trời mưa dầm dề , mỗi lúc mỗi to , nhưng Quỳnh cứ giục Tuấn đi . Tuấn mượn chiếc áo tờ và cái nón của chị ở nhà trọ , rồi ra đi với Quỳnh . Trong đêm mưa tầm tã , giữa một thành phố vắng tanh vắng teo , hai cậu học trò vừa bước đi vội vàng , vừa thầm thì với nhau . Quỳnh căn dặn Tuấn :

- Vô đó mày đừng sợ , nghe không ! Mày nói trước , tao nói sau .
- Mày biểu tao nói gì bây giờ trước 100 thẳng học trò lạ , với cha mẹ của tụi nó ? Nhứt là nếu gặp mấy ông Tú nhà nhỏ , họ xố Khổng Tử , Mạnh Tử ra ,

thì tụi mình cứng họng .

- Lo gì , mầy ! Họ xố ông Khổng ông Mạnh , thì mình cũng xố ra J.J Rousseau , Voltaire, xem họ có ngán không ?

- Thôi, mày nói trước tao nói sau , tao mới chịu . Chứ cái tánh tao sợ , tao hay nói cà lăm .

- Thì mày đừng sợ . Việc gì mà sợ ?

- Tao nói cho mày biết trước , hể tao cà lăm nói không xuôi thì tao bỏ chạy hỉ ? Mầy ở lại làm sao thì làm , hỉ ?

Hai đứa nói chuyện vừa đi trong cái ngõ hẻm quanh co , hai bên hàng xóm chó sủa vang lên . Qua hai cái lò vôi , mùi vôi khét nghẹt . Tuấn bị nghẹt mũi .

Tuấn bảo Quỳnh :

- Chết cha rồi mày ơi , tao bị nghẹt mũi , chút nữa làm sao tao nói ?

Quỳnh cười hăng hắc :

- Mày nói bằng miệng , chứ nói bằng mũi sao mầy ?

Queo mấy đường hẻm nữa thì đến căn nhà của tụi học trò Phù Mỹ, Phù Cát . Tuấn đứng lại , vạch hàng rào dòm vô thấy đông nghẹt những người và tiếng ồn ào . Giữa nhà treo ngọn đèn " măng sông " sáng rực . Tuấn do dự chưa dám vào nhưng Quỳnh nắm tay lôi đi . Vì đã được báo trước , nên tụi học trò đang chờ đợi và xôn xao . Quỳnh và Tuấn bẽn lẽn bước vô . Đi ngoài đường , Quỳnh nói bạo dạn bao nhiêu thì tới đây Quỳnh lại sợ bấy nhiêu . Trên hai chiếc ghế tràng kỷ kê hai bên một cái bàn , có năm sáu ông cụ Nho đang ngồi ăn trà , hút thuốc . Quỳnh và Tuấn bỏ nón và áo tới ngoài hè , đứng đĩnh bước tới và lễ phép cúi đầu chào . Một ông cụ thung dung bảo :

- Mời hai cậu ngồi chơi .

Trên một trăm học trò ngồi chật hai căn nhà lớn , ngong ngóng chờ xem hai anh Đệ Tam Niên sắp sửa nói gì .

Trong mấy ngày lễ Pâques vận động bãi khóa , các giới học sinh đã đồn với nhau về

"tài diễn thuyết " của hai anh Đệ Tam Niên , nên lần này đám học trò Phù Mỹ , Phù Cát tiếp đón hai cậu với những cảm tình đặc biệt đã sẵn có .

Nhưng mấy ông phụ huynh nhà Nho coi bộ không bằng lòng , cho rằng : Bãi khóa là muốn làm loạn chống lại Nhà Nước . Tuấn ngồi làm thinh , vì Tuấn có thói quen mỗi khi ai cãi với Tuấn , Tuấn để cho họ nói hết , dù họ công kích kịch liệt đến đâu Tuấn cũng bình tĩnh và im lặng ngồi nghe . Xong rồi Tuấn mới trả lời một lần , đả phá hết những lập luận của đối thủ . Quỳnh thì trái lại , rất nóng nảy , và cãi một lúc thì thế nào cũng đổ quạu . Mở đầu , Quỳnh kể những lý do tại sao có cuộc vận động bãi khóa toàn quốc . Quỳnh công kích người Pháp, theo những lý luận của những tờ báo cách mạng đã đọc được lén lút từ khi có phong trào ái quốc nổi dậy trong nước . Sau vụ án Phan Bội Châu và bài diễn thuyết của cụ Phan Chu Trinh . Để chặn các ông phụ huynh nhà Nho bắt bẻ , Quỳnh khôn khéo đưa ra những danh ngôn của các triết học Pháp thế kỷ XVIII, chủ trương Nhân Quyền , Dân Quyền như Diderot, JJ. Rousseau, Voltaire, và các nhà văn cách mạng Pháp thế kỷ XIX . Cậu học trò Đệ Tam Niên đã loè được các cụ nhà Nho bằng những câu tiếng Pháp mà các cụ nghe choáng váng , không hiểu gì cả và không dám cãi . Các cậu học trò primaire thì phục Quỳnh như một nhà hùng biện thông thái nhất trên đời .

Nhưng Phan Quỳnh nói xong , không ngờ bị ông Xã mặt rỗ , có bộ râu cá trê và có một cái thẹo lớn trên trán , hỏi :

- Các cậu xúi học trò bãi khóa , vậy tui xin hỏi tại sao các cậu không lên thẳng cụ Sứ , biểu Cụ đóng luôn cửa trường có hơn không ? Cần chi bãi khóa để ở tù , hỉ ?

Rồi ông Xã vuốt râu cười đắc chí . Mấy ông phụ huynh cũng cười và một học sinh cười theo . Quỳnh nói nhỏ với Tuấn : " Trả lời đi mày " .

Tuấn đã chờ đợi những phút gay cấn ấy , biết trước thế nào cũng có , và cũng đã sẵn sàng câu trả lời , rút kinh nghiệm trong lúc đi vận động mấy ngày trước , đã bị nhiều người hỏi câu đó .

Tuấn vẫn ngồi nơi bộ ván kê ngoài hè , trước mặt cử tọa đông đủ . Tuấn nhoén một nụ cười điềm nhiên , và chậm rãi nói :

- Dạ thưa Bác , nếu ở tù thì anh em chúng tôi xin tình nguyện ở tù thay cho 600 học trò trường Qui Nhơn và 2000 học trò Phủ Huyện . Chúng tôi , 8 đứa , đã sẵn sàng chịu tất cả trách nhiệm . Và lại , không có lý toàn thể học

trò đều bị bắt ở tù hay sao ? Nhà tù đâu cho đủ để chứa ba ngàn học trò trai và gái ? Máy vạn sĩ tử ở khắp xứ Annam , ở khắp các trường Bắc kỳ , Trung , Nam kỳ , đồng bãi khóa một lượt , không có lý riêng học trò tỉnh Bình Định và Qui Nhơn lại lui cui đi học? Bình Định là một tỉnh lớn, học trò Bình Định đâu có hèn như vậy? Toàn thể học trò Bình Định và Qui Nhơn bãi khóa, không có lý riêng học trò hai huyện Phù Mỹ, Phù Cát là không tham gia bãi khóa? Học trò Phù Mỹ, Phù Cát đâu có hèn như vậy?

Nhưng tại sao bãi khóa? Dạ thưa vì có một ông giáo Tây cứ chửi nòi giống ông cha mình là mọi rợ, là bán thiu, là ngu ngốc. Thí dụ có một người nào chửi ông bà cha mẹ ta là mọi rợ là ngu ngốc, thử hỏi các Bác các Chú có chịu được không? Huống hồ chúng tôi là đám con cháu! Bị chửi như thế chúng tôi tức lắm, nếu cúi đầu làm thình để nghe chửi mãi thì chúng tôi là lũ con bất hiếu, cho nên học trò bãi khóa là để xin nhà nước Đại pháp đuổi ông Tây đó đi. Có vậy thôi, thì không lý nhà nước Đại Pháp bỏ tù bọn học trò An Nam có hiếu với ông bà cha mẹ hay sao?

Các cụ nhà nho nghe đến việc hiếu nghĩa thì đồng lòng hơn là việc chính trị, cho nên sau khi Tuấn nói một hồi lâu, các cụ cũng đồng ý về nguyên tắc bãi khóa “để xin Nhà Nước Đại Pháp đổi người thầy giáo Tây thường chửi ông cha người An Nam là mọi rợ, ngu ngốc”.

Sự thật, như các bạn đã biết, cuộc bãi khóa năm 1927 của học sinh toàn quốc, là có mục đích chính trị hơn là luân lý. Đề tài luân lý chỉ dùng để thuyết phục các nhà Nho, và các phụ huynh học sinh mà thôi.

Quỳnh và Tuấn ra về giữa lúc trời còn đổ mưa như nước lũ. Hai đứa mang áo hơi ướt đi đứng đĩnh nói chuyện và cười, phê bình mấy ông “Khổng Tử viết...”.

Đi khỏi lò vôi, Quỳnh và Tuấn nghe có tiếng ai chạy thùi thùi phía sau, rồi kế tiếp một bóng trắng xô mạnh Quỳnh và Tuấn ra hai bên để nó vượt tới, và biến mất, Quỳnh và Tuấn sợ đặng người, khẻ bảo nhau: “Ma! Ma!” Hai đứa cầm đầu chạy một mạch ra đường cái quan rồi mạnh đứa nào đứa nấy chạy tuốt về nhà.

Hôm sau, cuộc vận động cho phong trào bãi khóa tiếp tục.

Sau mấy ngày đêm liên tiếp đi từng nhóm, từng nhà học sinh, để cổ động

lén lút cho cuộc bãi khóa thực hiện ngay sau ngày lễ Pâques, Quỳnh, Hảo, Tố, Tuấn hết sức kinh ngạc gặp mặt bốn vị Đốc học (giáo sư) An Nam tại nhà thầy Phạm Đào Nguyên một buổi sáng, vào lúc 9 giờ.

Bọn học trò đánh bao nhiêu dấu hỏi về sự hiện diện bất ngờ của ông Đốc Th., ông đốc Tr. và ông đốc Bính. Bốn ông cùng đến đây một lúc với mục đích gì? Các trò đoán ngay là vụ vận động bãi khóa đã bị tố giác lên ông Đòa-réc-tơ Henry Deydier và có lẽ ông sai bốn ông giáo sư Annam đi ngăn cản cuộc bãi khóa.

Đúng thế. Nhưng ai tố giác?

Ban vận động bãi khóa nhất định nghi cho trò Th. (Đệ tứ niên) và trò Tr. (Đệ tam niên). Hai con chiên ghê của nhà trường. Nhưng chuyện ấy được gát một bên, vì các trò cương quyết đeo đuổi cuộc hoạt động bãi khóa cho đến cùng. Một là vì đã cam kết với anh em Quốc học Huế, hưởng ứng cuộc bãi khóa Toàn quốc, hai là vì cuộc vận động ở Qui-nhơn cũng đã có hiệu quả: toàn thể các lớp đều nhất luật nghe theo lời hiệu triệu bí mật của “mấy anh lớn”. Bây giờ phải làm cách nào để đối phó với bốn ông Đốc An nam đã tuân mệnh lệnh của ông Đòa để đi phá hoại cuộc bãi khóa?

Bốn ông ngồi đạo mạo nơi bàn khách giữa nhà. Học trò lễ phép pha trà mời các ông và nghe các ông khuyến dụ. Dĩ nhiên, luận điệu của các ông rất là yếu ớt, không đứng vững, bởi không ngoài những lời dọa dẫm bị bắt, bị đuổi, bị ghi tên vào sổ đen, bị tù tội, nhất là bị gán cho một danh từ bằng Pháp ngữ rất nguy hiểm ở thời bấy giờ

“mauvais esprit” (đầu óc xấu xa). Trò nào bị hai chữ “mauvais esprit” ghi vào học bạ, thì chắc chắn là sẽ bị Mật Thám chú ý và theo dõi.

Bốn ông Đốc dùng bốn luận điệu khác nhau. Ông Đốc Th. Giáo sư Luân lý, khuyên học trò chăm học để vui lòng mẹ cha, đừng làm tầm bậy mà gây họa cho cả Phụ Huynh và Gia Đình. Ông bảo: “Con dại cái mang, lời tục ngữ đã nói thế. Các trò làm việc phi pháp thì cha mẹ sẽ bị tù tội.”

Ông Đốc Tr. giáo sư Lý-hoá, bảo các trò đến lớp Đệ Tam, Đệ Tứ Niên, chỉ còn vài tháng nữa, hoặc một năm nữa là đi thi, đỗ bằng diplôme rồi ra đi làm việc Nhà Nước. Bây giờ bãi khóa, có phải uổng cái công đèn sách mấy năm không?

Ông Đốc Bính “ nhà ái quốc “ , thì khuyên :” Các anh nên ôn hòa , đừng nóng nảy làm bậy mà sau ăn năn không kịp “.

Còn ông Đốc V. , giáo sư Quốc văn , thì trở hết tài hùng biện để đe dọa học trò “Các cậu còn nhỏ tuổi , đầu óc chưa suy nghĩ cao xa , cho nên hay bồng bột , nghe lời xúi dục , làm việc ngu xuẩn , để rồi mang họa vào thân . Các cậu hãy liệu hồn , nếu không nghe lời chúng tôi , mà gây ra cuộc bãi khóa , thì Quan Sứ sẽ bỏ tù hết , và đóng cửa trường “ .

Bốn ông Đốc An nam khùng bố tinh thần học sinh cả một buổi sáng , đến 11 giờ các ông ra về . Sự can thiệp của các ông đã gây hoang mang lo sợ trong đầu óc của đa số học sinh . Ban vận động bãi khóa phải tăng gia việc tuyên truyền chống lại , để cuộc Bãi khóa nhất định phải được thực hiện theo trào lưu Quốc gia , vì dù muốn dù không nó cũng đã có một mục tiêu chính trị Toàn Quốc mà lớp học sinh lớn đã có ý thức rõ rệt .

Còn hai ngày nữa , ngày thứ Bảy và Chủ Nhật , thì hết nghỉ lễ Pâques . Ban Vận Động phải hoạt động ráo riết để làm sao ngày thứ Hai là ngày tựu trường , đừng có một học sinh nào đi học .

Sáng Thứ Bảy có yết thị dán ở cổng trường , do ông Đìa-réc-tơ ký tên và đóng dấu đỏ . Yết thị bằng tiếng Pháp đánh máy trên một tờ giấy pelure mỏng đại ý nói :

“Ông Hiệu trưởng thông cáo cho toàn thể học sinh nhớ rằng ngày tựu trường sau lễ Pâques là thứ Hai 11-4-1927, đúng 8 giờ sáng như thường lệ . Trò nào không đi học sẽ bị đuổi .”

Ban vận động hồi hộp lo ngại nếu sáng thứ Hai đa số học sinh đi học thì ... cuộc Bãi khóa sẽ coi như bị thất bại thê thảm . Vì thế, ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật , Ban Vận động phải tức tốc tăng cường : thay vì 8 người lúc đầu , thêm hai người ở hai lớp Đệ Tam và Đệ Tứ Niên . Cuộc vận động đã đến lúc sôi nổi nhất , tuy vẫn giữ được âm thầm , lén lút , không có lúc nào công khai . Trời lại cứ mưa gió liên miên , các cậu học trò phải mang áo toại và đội nón lá suốt ngày chia nhau chạy các xóm và các nhà có học sinh cư ngụ , để hô hào căn dặn giữ vững lập trường . Đây là cả một âm mưu khá ...nguy hiểm vì trong việc hô hào khuyến khích các anh em đã tán thành , còn có những lời hăm dọa các phần tử nhu nhược , lừng khừng .

Mấy ngày mấy đêm ấy , Tuấn chỉ về thoáng qua nhà trọ 5, 10 phút để ăn cơm , rồi chạy đến các nhà bạn bè để bàn tán công chuyện .

Thế rồi ngày “đại sự “ đã đến ...

Theo thường lệ . 7 giờ rưỡi sáng , trống trường đánh ba hồi ba tiếng . Riêng sáng này , tiếng trống thật to , đánh thật chậm vang khắp cả thành phố .

Quỳnh , Tố , Hào , Tuấn v.v...rủ nhau đến các ngã ba , ngã tư , gần trường để xem xét tình hình . Mọi khi đến giờ này , học trò đã rải rác đi học , từ các ngã đường kéo đến từng đàn , từng lũ , trò chuyện vui đùa , nói la ầm ĩ . Hôm nay , trời lại hết mưa , sáng chói , nắng chói trên động đá chung quanh , Quỳnh và Tuấn đến ngã sau cái miếu cây đa , gần nhà ông Đốc Deydier. Tố , Hào đứng thập thò nơi góc tường bếp sau nhà buôn Huê kiều Hiệp-Lợi , ngó thẳng đến cổng trường . Các trò khác đứng nơi ngã đường lên Xuân Quang .

Trống đánh đã được 15 phút mà chỉ có vài bọn học trò con nít lớp Năm , lớp Tư , đi học . Nhưng các em vẫn rụt rè sợ sệt , đến gần trường thấy vắng quá , không dám đi nữa , Chúng bảo nhau ngồi bên lề đường , và bên các ngôi mà đá có ý chờ đợi . Rải rác đó đây có độ bốn năm học trò khác cũng toàn các lớp Tiểu học từ 7 đến 10 tuổi . Học trò lớp Nhì Nhất và các lớp lớn đều không đến .

Cuộc Bãi khóa đã thành công .

Cổng trường mở rộng , nhưng sân trường vắng tanh không có bóng học trò . Trước hè Văn phòng Hiệu trưởng , tề tưng đông đủ các giáo sư Pháp và An nam . Hào và Tố đứng sau nhà Hiệp Lợi , trông thấy rõ bộ mặt các ông lộ vẻ băn khoăn lo ngại . Mấy ông giáo sư Pháp đứng trò chuyện với vài giáo sư An nam rất là xôn xao .

Đúng 8 giờ , như thường lệ , ba tiếng trống đánh vào lớp , nhưng hôm nay không có học trò ...

Cuộc Bãi khóa đã thực hiện được 100% . Mấy cậu cầm đầu khoái lắm . Về nhà các cậu reo mừng nhảy múa , tha hồ cười to nói lớn , được bạn bè mền phục . Nhưng sự thật trong lòng cậu nào cũng áy náy lo ngại không biết rồi đây tình hình sẽ biến chuyển như thế nào . Đây là cuộc Bãi khóa lần đầu tiên , có tính cách bùng nổ , hơi liều lĩnh , vì ngoại trừ sự liên lạc quá xa

xôi với hai trường Quốc Học và Đồng Khánh ở Huế , tại thành phố địa phương không có một hậu thuẫn nào hay một sự giúp đỡ của ai cả .

Dư luận thành phố rất phân vân , vì đây là lần đầu tiên học trò công khai chống đối lại Nhà Nước . Trong dân chúng một số ít người tán thành cuộc bãi khóa , nhưng chỉ tán thành suông , không triệt để ủng hộ . Còn đại đa số đều cho rằng tụi học trò làm chuyện bậy bạ , và họ chờ xem Nhà Nước sẽ trừng phạt cách nào.

Học trò cũng xông xáo đợi chờ .

8 giờ , trống đánh vào lớp trong phong cảnh học đường vắng teo , thì 8 giờ 30 , bốn ông Đốc An nam cùng đi một lượt đến nhà thầy Phạm Đào Nguyên . Ông đốc Th. Và ông Đỗ V. giáo sư Luân lý và Quốc Văn , ngồi chễm chệ trong hai chiếc xe kéo . Ông đốc Tr. giáo sư Lý Hoá thì cỡi chiếc xe máy thường nhật của ông . Ông đốc B. vẫn đứng đĩnh , đi bộ như thói quen hàng ngày .

Học trò biết ngay đây là bốn sứ giả của Ông Đồi-réc-tơ.

Tại nhà thầy Phạm Đào Nguyên có học trò ra vào thường xuyên , nhưng mấy cậu cầm đầu cuộc bãi khóa thì sáng nay không có . Họ đi tản mạn các nơi để xem xét tình hình và nhất là để phòng hờ ngăn cản những học trò đi học . Bốn ông Đốc đều có vẻ mặt hơi ngượng ngùng và tức giận . Ngồi một lúc , thấy xung quanh mình chỉ có mấy đứa học trò con nít , ông đốc Th. hỏi :

- Tụi Quỳnh , Tuấn , Tố ở đâu ?

Mấy trò lễ phép trả lời :

- Dạ, thưa ông , mấy anh đó không có đến đây .

Ông đốc V. bảo :

- Đi gọi tụi nó tới ngay . Nói có các ông Đốc ngồi chờ ở đây .

Mấy em học trò sợ sệt , tuân lệnh chạy đi kiếm tụi Quỳnh , Hào , Tuấn ...

Tố nơi mấy nhà quen .

Được tin bọn này kéo nhau đến nhà thầy Nguyên , với ý định tùy cơ ứng biến . Bốn ông Đốc An nam thay phiên nhau mà thuyết phục các trò , lấy tình thầy trò mà khuyên bảo . Các ông rầy la giận dữ , nhưng vẫn dõ dành ngon ngọt , mục đích cuối cùng là khuyên học trò chấm dứt cuộc bãi khóa ,

và chiều nay nên đi học đông đủ . Các điều học trò yêu cầu , thì ông Sứ và ông Đìa-réc-tơ sẽ cứu xét sau .

Các ông Đốc đảm bảo với học trò rằng nếu chiều nay toàn thể học sinh đi học lại, thì sẽ không có sự trừng phạt nào cả . Ông Deydier sẽ khoan dung tha thứ hết .

Trong số 12 trò tham gia chỉ huy cuộc bãi khóa , 8 trò trốn tránh không dám đến nhà thầy Nguyên khi nghe tin các ông Đốc An nam đến đây . Chỉ có Quỳnh , Tuấn , Hảo và một anh Đệ Tứ Niên là nhất định đi thử xem ra sao . Thấy thái độ của bốn ông Đốc đều hòa nhã , và lời lẽ dịu ngọt , cả bốn cậu đại diện đều có vẻ sẵn sàng nghe lời thầy , tuy vẫn hăng hái giữ lập trường ái-quốc theo luận điệu của anh chị em học sinh Quốc học và Đồng Khánh ở Huế .

Bốn ông Đốc cố gắng thuyết phục bốn cậu học trò cầm đầu cuộc bãi khóa của toàn thể học sinh cả một buổi sáng . Riêng ông Đốc Bính đã được sự tín nhiệm và mến phục nhiều nhất của học trò , gọi riêng Quỳnh và Tuấn ra hè, bảo với giọng thân mật nhỏ nhẹ , bằng tiếng Pháp , đại khái :” Các anh bãi khóa một buổi thế cũng là đủ rồi . Đối với nhà cai trị Pháp và giáo sư Pháp , thế cũng đã cho họ thấy rằng học sinh An nam đã tỉnh ngộ nhiều rồi ...Chiều nay các anh nên bảo nhau đi đến trường , tiếp tục học như không có xảy ra việc gì cả . Nếu có điều chi nguy hại đến các anh , thì tôi sẽ can thiệp cho , tôi sẽ bảo đảm cho ...”

Cuộc điều đình giữa bốn giáo sư đặc phái viên của ông Đốc học Deydier, và bốn cậu học trò đại diện cho học sinh bãi khóa , kéo dài cho đến 11 giờ trưa , suốt 3 tiếng đồng hồ . Rốt cuộc học trò phải nhượng bộ , vì dù sao , học trò không có hậu thuẫn trong các giới , và sĩ số không đông đảo như hai trường Quốc Học và Đồng Khánh , Huế .

Những người ở Huế về cho biết phong trào bãi khóa ở Huế mạnh lắm vì anh chị em ở Đố-Đô dựa vào uy tín của cụ Phan Bội Châu , và của một số giáo sư An nam triệt để ủng hộ Phong trào . Cuộc bãi khóa ở Huế rất sôi nổi , ồn ào , làm náo động cả Kinh đô , chứ không phải lặng lẽ đơn độc như ở Qui nhơn .

Phong trào bãi khóa ở Vinh , tỉnh lỵ Nghệ An , cũng sôi nổi lắm . Nghe nói

ở đây đa số phụ huynh học sinh khuyến khích cuộc bãi khóa .

Ở Hà nội , phong trào bãi khóa ở trường Bưởi và trường Cao Đẳng Đại Học cũng làm xôn xao dư luận không ít , nhờ có các nhà cách mạng , lớp lão thành như cụ Nghè Ngô Đức Kế , cụ Cử Dương Bá Trạc, lớp thanh niên như Nhượng Tống , Hồ văn Mịch đều cố võ triệt để ủng hộ học sinh bãi khóa .

Trái lại , ở Saigon và Cần Thơ , số học sinh đông hơn ở Huế và Hà nội , nhưng một vài trường đề xướng bãi khóa không được đa số hưởng ứng và phong trào không có tiếng vang .

Phải nhìn nhận rằng cuộc vận động bãi khóa ở Huế là mạnh hơn cả , và có kết quả nhiều hơn . Chính trong những dịp bãi khóa này mà học sinh các nơi đầu tiên nghe tên thầy Trợ giáo Đào Duy Anh và cô Như Mân . Đôi bạn trẻ này rất hăng hái và Như Mân cầm đầu cuộc bãi khóa ở trường nữ học Đồng Khánh đã khiến cho giới An nam và cả Bảo Hộ đều tán phục . Do cuộc bãi khóa , hai người bạn trẻ quen biết nhau rồi yêu nhau . Đào Duy Anh đã từ bỏ nghề gõ đầu trẻ để nghiên cứu các sách về Sử Học , và viết bài trong báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng mới mở . Sau đó ít lâu , Đào duy Anh và Như Mân thành hôn, và loại sách “ Quan Hải Tùng Thư “ ra đời , được dân chúng , và nhất là trí thức, học sinh , nhiệt liệt hoan nghênh .

Cuộc bãi khóa trường Qui nhơn chỉ thành công được một nửa , nhưng ảnh hưởng của nó rất sâu rộng , và không ai chối cãi rằng phong trào ái quốc và cách mạng ở thành phố lớn này chính là do bọn học sinh ở đây gây ra đầu tiên , từ vụ vận động ân xá cụ Phan Bội Châu , vụ để tang cụ Phan Chu Trinh cho đến vụ bãi khóa 1927.

Cuộc bãi khóa chấm dứt ngay buổi trưa ngày thứ Hai 11-4 và mấy trò cầm đầu Quỳnh . Tuấn , Hào , Tố v.v...lại phải chạy đi từng nhà , từng xóm , để kêu gọi học trò buổi chiều đi học .

2 giờ chiều , ba hồi trống đánh tự trường như thường lệ . Cả thành phố đều vui vẻ thất từng đàn học sinh lũ lượt kéo nhau đi học như mỗi ngày , không có triệu chứng gì khác cả . Một anh thợ cúp tóc , vắng khách , ngồi trong tiệm ngó ra cười và hỏi to mấy cậu đi ngang qua trước tiệm anh :

- Sao , hết bãi khóa rồi hi ?

Bọn học trò gật đầu cười :

- Ông Đốc năn nỉ hết hơi , tụi tui mới chịu đi học chớ dễ gì !

Đó chỉ là một câu nói dõc cho vui , chứ sự thật cậu nào cũng lo ngại , đợi đến trường mới biết được thái độ của ông Deydier ...

Vào cổng trường , Tuấn thấy ông Đìa-réc-tơ và đông đủ các ông giáo sư Tây và An nam , cả ông Tổng giám thị (surveillant général) , ông Đốc Gi , đứng trước hè văn phòng hiệu trưởng , lặng lẽ dòm ngó học trò lần lượt đến trường . Tuấn hơi bẽn lễn , rụt rè , dờ mũ chào các ông trong lúc đi ngang qua , và liếc thấy ông Deydier gật đầu chào lại . Vài ông giáo sư Pháp mỉm cười hóm hình , ông giáo sư Toán Gabriel ngó trăn trăn với nét mặt giận dữ . Mấy ông giáo sư khác làm nghiêm .

Câu chuyện xôn xao khi học trò đến đã đông đủ ở préau (gian nhà trống để học trò chơi trong giờ nghỉ học) , không phải là sợ sẽ có sự trừng phạt , mà là bàn tán về hai tên “điềm chỉ “ đã tố cáo bí mật với ông directeur về cuộc vận động bãi khóa . Hai trò ấy chiều nay lại không đi học : Th. ở lớp Đệ Tứ Niên và Tr. ở lớp Đệ Tam Niên , hai trò giỏi toán nhất ở hai lớp .

Hai giờ rưỡi , ba tiếng trống đánh vô lớp . Ai nấy đều hồi hộp ... chờ đợi trận tấn công chửi mắng của Ông Deydier và các giáo sư .

Nhưng lạ thay , chẳng có chuyện gì xảy ra cả . Giáo sư dạy học như thường lệ . Ở lớp Đệ Tam Niên của Tuấn , giờ đầu là môn Hóa-Học của ông Đốc Trường , một ông giáo sư nghiêm khắc nhất . Ông Trường vào lớp , đến bàn ngồi , dờ sổ điềm ra , điềm nhiên gọi :

- Đinh tấn Hường !

Đây là một cậu nghịch ngợm nhất , chuyên môn đập vỡ những chai acide và những ống thủy tinh của phòng thí nghiệm Lý Hóa . Hường đứng dậy , lên bảng đen trả bài . Hường thuộc bài lầu lầu , chiều ấy hãnh diện được ông Đốc cho 8 điềm (trên 10) . Hường tùm tùm cười xuống bàn . Kế đến một trò khác được gọi lên ... rồi vài trò nữa , rồi ông đốc dạy bài mới .

Hết giờ, một tiếng trống đánh , đổi thầy . Ông Gabriel giáo sư Kỹ hà học bước vào . Mặt ông đỏ hơn mọi khi . Nhưng ông cũng chẳng làm gì khác hơn là gọi vài trò lên bảng đen trả bài , như thường lệ . Chính ông là một cái

đích của cuộc bãi khóa . Học trò bãi khóa tố cáo ông chửi người An nam là mọi rợ , “ An-na-mít “ là giống dân “ bản thù “ và yêu cầu Nhà Nước đổi ông giáo sư khác . Nhưng Nhà Nước không đổi ông , học trò bãi khóa đã đi học , ông vẫn đi dạy , như không có chuyện gì xảy ra . Riêng Tuấn đã bị ông ghét nhất từ trước (vì dở Toán nhất) , lần này Tuấn tin chắc sẽ bị ông trả thù . Nhưng ông vẫn thản nhiên . Có lẽ ông khinh Tuấn , cho là trẻ con , không làm gì được ông ! Cũng có lẽ ông xấu hổ , làm ngơ chuyện bãi khóa , cho êm . Hoặ giả ông gượng làm lành để gây cảm tình với học trò An-na-mít , và không muốn gây sự với chúng nó . Nhiều trò đoán chừng rằng ông Gabriel bị ông Đốc trường Henri Deydier rầy la , nên ông không dám trả thù , và cũng không dám chửi mắng người An-na-mít như trước nữa .

Tình hình nhà trường yên ổn , trái hẳn với những lo ngại và dự đoán của học sinh .

Nhưng nửa tháng sau , Tuấn nhận được thư của cha (lúc bấy giờ ông phán Tuấn , anh ruột của Tuấn em , đã bị tù vì hoạt động chống Pháp , như thầy Đồng Sĩ Bình) . Thư của ông thân sinh viết cho Tuấn như sau đây .

Con,

Sao con nghe lời người ta xúi giục bãi khóa chi vậy ? Quan Đốc Học viết thư về trách cha mẹ không dạy bảo con ...

Quan Đốc học biểu cha phải đánh con 100 roi khi con về nghỉ Hè , để từ nay con đừng làm chuyện bậy bạ nữa . Cha mẹ lo cho con ăn học , mong sau này con thi đỗ , đề công thành danh toại thì cha mẹ vui mừng . Sao con không biết thương cha mẹ , vô trong trường làm việc phi pháp , nếu như Nhà Nước bắt bỏ tù con thì khổ cho cha mẹ biết bao . Mẹ con nghe cha đọc bức thư của Quan Đốc học , thì mẹ con khóc lóc và giục cha phải vô Qui Nhơn mau mau đi xin Quan đốc tha tội cho con . Chắc là tháng sau cha phải vô , cha sẽ đem một quả đường bông , một quả gạo nếp , hai chai mật ong và hai miếng quế Thanh quý giá , để kính Quan đốc học , và xin cho con khỏi bị đuổi .

Mẹ con lo lắm vì mẹ con đi chợ nghe bá Phán Đông cho biết là Quan đốc học Qui Nhơn có viết thư cho quan Sứ ở đây nói về mấy đứa học trò quê tỉnh mình xúi học trò Qui Nhơn bãi khóa, sẽ bị đuổi hết . Mẹ con buồn lắm ,

ngày đêm cứ thúc giục cha phải đem lễ lộc vô lo lót quan Đốc . Vậy chắc là tháng sau , cha khỏe mạnh sẽ vô Qui Nhơn , chớ tháng này bị đau yếu , chưa đi được đâu .

Cha gọi lời thăm con , cha khuyên răn con cố lo học hành , đừng làm chuyện chi sai phép , thì cha buồn rầu .

Thơ bất tận ngôn

Ký Tên .

Tuấn xem thư cha , lòng cảm xúc , đau khổ . Trưa , cậu học trò ở trường về không ăn cơm , thui thủi đi ra bãi biển một mình , ngồi khóc nước mắt .

Đã qua , sự hăng hái bùng bột của một cậu học trò ! Bây giờ là sự hối hận đau khổ của một đứa con bị cha mẹ rầy la , thấy cha mẹ buồn rầu lo nghĩ . Nhưng biết làm sao được ? Cùng một lúc , Quỳnh và Tố , người đồng tình với Tuấn , cũng cho biết là có nhận thư của cha mẹ la mắng về vụ bãi khóa ...Ông Đốc học cũng có viết thư về cho cha mẹ Quỳnh và Tố , bảo phải đánh đòn khi hai trò về quê nghỉ hè .

Thì ra, hầu hết phụ huynh học sinh bốn lớp lớn đều được thư báo cáo và khiển trách của ông Địa-réc-tơ . Mấy kẻ khởi xướng phong trào đều nhận tội với cha mẹ , điều đó đã đành . Chỉ oan ức cho đa số nghe theo lời bạn bè mà bãi khóa , bây giờ cũng chịu hậu quả chua cay . Có điều đáng khen là các cậu này bị mắng oan , nhưng không hề thù hận tội khởi xướng , và gặp nhau , trao đổi cho nhau xem thư của cha mẹ , chỉ cười khúc khích với nhau , như đã cùng nhau thông cảm trong cơn nguy biến .

Tuy nhiên , ngoài mặt các trò cố giữ vẻ điềm tĩnh , không sợ sệt , Ông Đốc và các giáo sư Pháp Nam cũng không tỏ ra triệu chứng gì khác thường , không khí học đường hai tháng sau buổi bãi khóa vẫn yên tĩnh , không chút xao động . Nhưng trong lòng các học sinh -- nhất là mấy cậu thủ phạm cuộc bãi khóa -- đều áy náy không yên.

Ngày cuối niên khóa 30-6-1927 bỗng dưng có một chuyện xôn xao kinh hãi : 12 cậu khởi xướng hăng hái nhất cuộc bãi khóa , bị gọi từng người lên văn phòng ông Đốc học . Quỳnh và Tuấn bị gọi lên trước tiên . Ông Tổng giám thị đưa cho coi biên bản của Conseil de Discipline (Hội Đồng Kỷ Luật) quyết định đuổi các trò . Tuấn được hai ông giáo sư Pháp và một giáo sư

An nam bệnh vực xin cho ở lại , nhưng những ông khác nhất thiết đòi đuổi ra khỏi trường . Mặc dù kỳ thi lục cá nguyệt , Tuấn được điểm tốt và được sắp hạng 6 trên 40 học trò , Quỳnh được sắp hạng 5 , Tố thứ 12 , nhưng cả ba đều bị ghi vào học bạ :” Mauvais esprit. Renvoyé de l’ école par le Conseil de Discipline, pour avoir formenté la grève scolaire en Avril 1924) (Đầu óc xấu . Bị đuổi khỏi học đường do quyết định của Hội Đồng Kỷ Luật , vì đã khởi xướng cuộc bãi khóa tháng tư năm 1927) .

Chữ ký của ông Đốc học Henri Deydier bên cạnh con dấu xanh tròn to tướng nằm dưới trang chót quyển học bạ không khác nào vòng xích sắt trói chặt tương lai của đời học sinh , khó vẫy vùng ra được .

Đêm ấy , Tuấn về nhà bỏ ăn , đi lang thang ra bãi bể , chàng ngồi dưới gốc cây phi lao , nghe gió rì rào trên cành cây và sóng biển ào ạt vào bờ , như vang dội triền miên của tiếng lòng nước nở...

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 36

1927

- Thanh niên học sinh bãi khoá bị đuổi khỏi các trường nhà nước phải phiêu lưu đi kiếm việc làm tạm.
- Làm đâu rồi cũng bị chủ Tây đuổi vì "đầu óc xấu"
- Con gái Bình Định dạy võ.

Tuấn nằm trên bãi cát đến nửa đêm , không muốn về nhà trọ . Ngó lên vòm trời đầy đặc những ngôi sao . Tuấn mơ màng suy nghĩ đến ngày mai , không tìm được lối thoát cho tuổi thơ còn ngu dại . Chưa nghĩ đến tương lai xa vời , chỉ lo đến niên khóa sắp tới , Tuấn sẽ học đâu được nữa vì còn một năm Đệ Tứ niên mới hết khóa Trung học ? Lẽ nào một chàng trai 17 tuổi đành phải từ biệt mái trường , với chút học thức dở dang , đi phiêu lưu vô định ?

Cha của Tuấn có vào trước đó nửa tháng , đem theo nhiều lễ vật để kính quan Đốc học , lo lót cho con , Tuấn đã xin cha đừng đến ông Đốc , vì Tuấn đã biết trước ông Đốc không ăn hối lộ và Tuấn quả quyết với cha rằng Tuấn sẽ không bị đuổi . Tuấn nói thật với cha tin tưởng rằng Tuấn học khá , sẽ được lên lớp . Cha Tuấn tin con , vui vẻ trở về tỉnh nhà . Không ngờ sự thể hôm nay đã ra như thế !

Tuấn buồn quá , đi trên bãi biển , dưới ánh trăng mờ , mãi đến Gành Ráng , nơi đây Tuấn tìm một tảng đá bằng phẳng , Tuấn nằm xuống ngủ quên lúc nào không biết .

Tuấn thức tỉnh dậy vừa lúc mặt trời đang ló lên ngoài khơi , một mảnh tròn to lớn , đỏ tươi , long lanh trên mặt biển . Chung quanh , những tia nắng tỏa ra thành hình rẽ quạt , chiếu khắp bốn phương . Tuấn ngồi dậy , ngắm say mê cảnh vũ trụ huy hoàng , quên rằng mình là đứa học trò đã bị đuổi khỏi trường , vì cuộc bãi khóa .

Chiều trở về thành phố , Tuấn đến thẳng nhà Quỳnh , mới biết hầu hết bạn

bè ở các tỉnh xa đã mua vé xe về quê từ lúc sáng sớm . Tuấn do dự không muốn về , sợ cha mẹ buồn .

Cậu học trò bị đuổi không dám đi chơi ngoài phố , Cậu muốn đến nhà trọ hai cô bạn Trâm và Anh nhưng mắc cỡ không dám đến . Cậu lại vừa bị bà chủ nhà cũng rầy la về vụ bãi khóa . Ồ, sốt cả ruột ...Bãi khóa ...Bãi khóa ...ai cũng mắng nhiếc cậu về vụ bãi khóa ...!

Nhưng ai đó biết đâu rằng cậu làm , cậu chịu , nào có ăn thua gì đến ai , mà ai cũng hành hạ cái tinh thần cậu vì hai chữ bãi khóa ...đã cũ rích từ hai tháng qua !

Tuấn nằm co trên ván , ngoài chái sau , trùm chiếc chiếu để đừng ai thấy cậu khóc . Tuấn tức mà khóc , giận mà khóc , buồn cho thân phận mà khóc , chứ thực ra không phải khóc vì bị đuổi sau vụ bãi khóa .

Thình lình có tiếng O-Vui , em gái ông chủ nhà , đến khẽ đập bàn tay trên chiếu , gọi :

- Cậu Tuấn , có cô Trâm , cô Anh tới kiểm cậu kìa .

Tuấn lau khô nước mắt , hất chiếu ra , ngồi dậy . Trâm và Anh bẽn lễn đứng ngoài hè , không dám vô nhà .

Tuấn vui mừng được gặp hai người bạn gái , nhưng nét mặt hôm nay sượng sùng , mất cả tự nhiên . Tuấn hỏi :

- Trâm và Anh chưa về Phù Cát sao ?

- Tụi em tính sáng mai mới về .Tưởng anh đã về Quảng Ngãi rồi chứ .

Tuấn ngượng nghịu lắc đầu :

- Không muốn về đâu hết .

- Sao vậy anh ?

- Bị đuổi . Về tỉnh , họ cười chết . Cha mẹ rầy la làm sao ?

- Cần gì , anh ! Đuổi trường này thì anh đi Huế học trường Pellerin của các ông Cố đạo cũng được vậy .

- Trâm và Anh vừa thi đỗ , Nghĩ Hè xong có tính ra Huế thi vào Đồng Khánh không ?

Anh lắc đầu , buồn :

- Em muốn đi Huế nhưng mà nhà em nghèo , cha mẹ em chỉ cho đi học đỗ Primaire rồi xin làm Trợ giáo đi dạy học ở trong tỉnh , cho gần nhà .

- Còn Trâm ?

- Em cũng vậy

Tuấn càng thêm buồn , lắc đầu khẽ bảo :

- Tôi cũng ...lo kiếm việc làm đỡ đầu đó một thời gian , không thềm đi Huế

.

- Anh là con trai , cứ đi học nữa đi ! Còn lo cho tương lai , và thực hiện lý tưởng chứ .

- Nếu Trâm và Anh đi ra học Đồng Khánh , thì tui cũng ráng xin cha mẹ tôi cho đi Huế, học Pellerin...Trâm và Anh không đi tôi cũng không muốn đi . Ra ngoài ấy xa lắc , nhớ nhà nhớ bạn , học gì nổi .

Ba người bạn trẻ làm thình , cúi mặt xuống đất , suy nghĩ . Bàn tay của Anh mân mê chiếc nón lá . Trâm bảo :

- Chiều anh lại nhà tụi em được không ?

Tuấn gật đầu :

- Ủ, chiều tôi đến

Tuấn nở nụ cười gượng :

- Bữa nay khỏi làm rédaction ...

Anh cũng mỉm cười rất dễ thương :

- Làm thơ chơi hỉ !

Chiều Tuấn đến nhà trọ hai cô bạn . Anh và Trâm đang chờ , tóc bỏ xõa hai bên vai . Hình như Trâm và Anh vừa mới tắm , hay gội đầu . Cả hai đều mặc áo cụt trắng quần đen (nữ sinh đứng đắn thời bấy giờ không bao giờ mặc quần trắng ban ngày) . Hai cô bạn mời Tuấn ăn bánh tráng nướng với đường phối , rồi Anh đưa Tuấn xem một bài thơ :

- Tụi em dạo này rảnh , tập làm thơ nhiều hơn trước nhưng đọc lên thấy kỳ cục quá , không hay ho gì hết , anh Tuấn sửa dùm tụi em đi .

Bài thơ : Khuyên bạn

Khen ai khó nhọc đã thành công

Dẫu bị chi chi cũng vững lòng

Để lại học đường gương tuấn tú

Rồi đây xa cách , kẻ chờ mong ...

Trâm cười :

- Anh coi , hai đứa làm cả buổi mới được bốn câu đó

Anh tiếp lời :

- Dở ẹc , anh sửa lại cho hay đi .

Tuấn :

- Để vậy tự nhiên hơn . Sửa chi nữa . Tôi họa lại chơi , hi ?

Trâm :

- Dạ, anh họa đi .

Tuấn loay hoay một lúc lâu mới được bốn câu họa vắn , trao cho Anh .

Trâm và Anh chụm đầu lại đọc :

Bãi khóa hô hào đã mất công

Qui Nhơn cách biệt thật đau lòng

Trường xưa , bạn cũ tìm đâu nữa ,

Một bóng từ nay ...hai nhớ mong .

Trâm và Anh cười rĩ rượi rồi lấy bút chép lại cả hai bài thơ , mỗi người trên mỗi quyển tập riêng , trong đó chép lại nhiều thơ hay trong quyển Quốc văn trích điểm .

Trâm bảo :

- Anh làm một bài nữa đi , bài bát cú , rồi tối nay tụi em thức họa lại .

Tuấn lắc đầu :

- Lo buồn đủ thứ làm không ra thơ đâu .

Anh :

- Kệ mà , cứ làm đi , anh đừng buồn.

Tuấn chán ngán lắm , nhưng muốn làm vui lòng Trâm và Anh . Tuấn bảo hai cô bạn đi ra sân chơi , để Tuấn ở một mình trong nhà , ráng sức làm thử xem , có được không.

Tuấn ngồi viết , sửa , bỏ , viết lại , xóa bỏ , rồi lại viết . Mãi thật lâu , hơn một tiếng đồng hồ , mới nguệch ngoạc xong 8 câu , đem ra sân trao cho Trâm và Anh . Hai cô nữ sinh đang tưới nước cho mấy cây cau , và mấy bụi hồng , vôi vàng bỏ đôi thùng nước , ngồi trên đòn gánh đọc :

Từ nay cách biệt mái trường ơi !

Ta sẽ phiêu lưu một góc trời

Nước mắt , thương nòi , lòng uất ức

*Tình xa , nhớ bạn , giọt châu rơi
Văng đôi hình bóng trong non nước
Ngại chiếc buồm đơn giữa biển khơi
Chép mấy vần thơ làm kỷ niệm
Trăm năm còn nhớ chuyện xa xôi !*

Tuấn làm xong xem đi xem lại , muốn đổi vài chữ , sửa một vài câu , nhưng rồi rút cuộc , cứ để vậy trao cho Trâm và Anh .

Hai cô bạn , thoát tiên mừng rỡ đọc to lên , nhưng đến câu thứ ba và câu thứ tư , Trâm tự nhiên ứa nước mắt rồi cả hai không đọc nữa . Hai người vừa xem nốt những câu sau vừa cắn một chéo áo vào môi , nín khóc . Tuấn chàng trai thơ mộng lúc nào hăng hái kêu gọi bãi khóa , bây giờ ngồi gục xuống bàn , khóc thút thít một mình .

Trâm và Anh đứng dậy đi ra giếng , ngồi bên gốc cây khế sùm sê lí ti những chùm hoa nửa tím nửa trắng , rụng lấm tấm trên sân . Hai cô khóc âm ỨC . Anh gát cằm trên đầu gối cúi mặt xuống , Trâm dựa vào gốc khế , cầm chéo áo đưa lên cắn trên miệng , một cánh tay chùi nước mắt .

Tuấn ra về , ghé lại gần hai người :

- Thôi , ngày mai Trâm và Anh nên ra về sớm , tôi chúc Trâm và Anh lên đường bình yên , về Phù Cát vui vẻ , hỉ .

Anh ngước mắt nhìn lâu vào Tuấn , không nói được , cả hai cùng ngượng .

Anh khẽ bảo :

- Sáng sớm mai , 5 giờ , anh ra bến đưa tụi em lên xe ?

Tuấn gật đầu :

- Vâng , 5 giờ hỉ ?

- Dạ , 5 giờ xe chạy .

Tuấn gật đầu một lần nữa , rồi bước nhanh ra đường.

Tuấn ở lại thành phố , không dám về nghỉ hè ở quê nhà , cậu sợ bị cha mẹ đánh đòn . Vì cậu đã bị đuổi sau cuộc chủ trương bãi khóa . Lần đầu tiên chàng thiếu niên nước Việt biết tình cảnh nước nhà bị một cường quốc Tây phương đô hộ .

Tuấn là một thiếu niên đa cảm , cũng như đa số thiếu niên Việt Nam thời bấy giờ , đã chịu những ảnh hưởng trái ngược , một phần thì được thấm

nhuần khá sâu đậm Văn Chương Học Thuật Pháp , nhưng phần khác lại được sách báo cách mạng lén lút của các bậc chí sĩ Việt Nam nung đúc tinh thần ái quốc , cách mạng chống Pháp , khiến cho tư tưởng thanh thiếu niên của thế hệ 1925 luôn luôn bị dày vò xâu xé bởi hai ảnh hưởng chống chọi ấy .

Ai đời một học sinh trung học , ở các lớp Đệ Tam , Đệ Tứ Niên , đọc say mê các kịch bằng thơ Alexandrius của Corneille, Racine , lại bắt chước làm thơ Pháp theo kiểu đó để hô hào các lớp học sinh bãi khóa , hoặc để ủng hộ cuộc bãi khóa của các trường khác . Thí dụ như dưới đây là mấy câu thơ Alexandrius Pháp của trò Tuấn , cố võ anh em học sinh trường Quốc học Huế :

En avant mes amis ! Bravo les plus hauts coeurs !

Aimez sans faiblesse nos communes douleurs !

Sachons nous conduire en héros, en fils de braves !

Soyons des enfants fiers , mais pas de vils esclaves !

.....

Đó là những câu thơ tập tễnh của một " thi sĩ cỏ " áp dụng những niêm luật Alexanderius mà cậu vừa học trong trường , và bây giờ mò mẫm cách diễn tả những ý nghĩ say sưa nhiệt cuồng của tuổi trẻ .

Tưởng ghét người Pháp thì ghét cả tiếng Pháp mới hợp lý : hoặc là yêu văn chương học thuật Pháp thì thân thiết với người Pháp , nhưng thực tế không phải vậy . Trừ những kẻ có sẵn óc nô lệ quen nịnh hót Tây , cho đến cái gì của Tây họ cũng khen ngợi cả , tôn thờ Tây như bậc thầy , bậc thánh , ngoài ra , đại đa số thanh thiếu niên lãng mạn 1925, đa sầu đa cảm , đều chịu sự trái ngược lạ lùng của hai phong độ trí thức chống chọi nhau : thích học chữ Tây , thích nói tiếng Tây , mà lại ghét Tây , thù oán Tây đã đem ách nô lệ tròng vào đầu cổ dân An nam .

Đó là tâm lý chung của thế hệ thanh niên tây học của Nguyễn Thái Học , Đặng Thái Mai , Phan Thanh , Võ Nguyên Giáp , Nguyễn An Ninh , Tạ Thu Thâu ...

Trò Tuấn 16 tuổi , học sinh Trung học , cũng bị hai ảnh hưởng trái ngược chi phối các hoạt động văn hóa và chính trị mà Tuấn chỉ là một thiếu niên

tập sự , vụng về nhưng hăng hái .

Trong hai tháng đầu của mùa nghỉ hè (nghỉ hè 3 tháng) Tuấn không ôn lại bài vở như các trò không bị đuổi . Tuấn thường ra bãi biển ngồi ôn lại những tư tưởng cách mạng : Việt Nam vong quốc , dân nô lệ , người dân mất nước như đứa con mất mẹ , xiềng xích áp bức ngục tù ...

Tuấn tự cho mình là một người dân mất nước , và ngồi khóc sụt sùi thê thảm như một người con mất mẹ.

Năm 1925-1927 những danh từ , thành ngữ cách mạng trên kia hãy còn quá mới mẻ , còn chứa đựng men nồng của nhiệt huyết , có đủ mãnh lực để làm say sưa xúc động những tâm hồn trai trẻ còn đang trong trắng . Dù bị học đường đuổi vì tội chủ trương bãi khóa hay còn được tiếp tục học , thanh thiếu niên học sinh 1925-1927 đều phần đông có tâm hồn vừa lãng mạn theo kiểu Alfred de Musset, Lamartine (O Temps, suspend son vol ! ...) vừa cách mạng theo truyền thống Phan Chu Trinh , Phan Bội Châu .

Những trò bị đuổi sau cuộc bãi khóa , như Quỳnh , Tố v.v...đều tiếp tục đi học “ trường Thầy Dòng Pellerin” ở Huế , để thi diplôme. Riêng Tuấn còn do dự , không dám về nhà thăm cha mẹ , và để xin tiền đi học ở Huế , vì sự thật nhà Tuấn nghèo từ khi anh Tuấn làm thông phán Tòa Sứ đã bị bắt ở tù ở Ban Mê Thuột . Ngẫu nhiên Tuấn đến thăm ông chủ nhà trọ của vài người bạn đồng lớp , ông này cho biết hãng nấu rượu ở An Thái, Bình Định , cần dùng một thư ký , học lực Đệ Nhị hoặc Đệ Tam Niên . Thầy hỏi Tuấn muốn đi làm không ? Sẵn trong lúc buồn vì bị nhà trường đuổi , chưa biết làm gì , vì lần đầu tiên thấy có một chỗ làm có lương tháng 100 đồng ,Tuấn nhận lời ngay . Chiều hôm đó , thầy Dậu dẫn Tuấn vào giới thiệu với ông Bouillon, người Pháp , giám đốc hãng Société des Distilleries de l'Indochine (Công ty nấu rượu Đông Dương) .

Thầy Dậu , không dám nói với ông Bouillon là Tuấn vừa bị đuổi vì tội bãi khóa , thấy chỉ nói qua loa rằng Tuấn nhà nghèo không thích tiếp tục đi học nữa nên xin đi làm .

Hôm sau Tuấn được ông Rocca , phó giám đốc cùng thầy Dậu đưa Tuấn đi xe hơi của hãng lên An Thái , một chi nhánh của hãng , do một người Hoa kiều làm quản lý , Tuấn thỏa mãn được giúp việc thư ký cho " chú" quản lý

Huê kiều tại một nơi hương thôn có con sông lớn .

Tuấn mới có 17 tuổi .

Chiều hôm ấy , chú quản lý Diệp-Thành đưa Tuấn sang chào ông Tây Thương Chánh tên là Rossignol. Tuấn rất ngỡ ngàng khi ông Tây và bà Đầm tiếp Tuấn và chú Diệp Thành tại phòng khách . Đứa con trai duy nhất của gia đình người Pháp này tên là Louis , 4 tuổi , được giới thiệu với Tuấn . Nó đưa bàn tay nhỏ bé ra bắt tay Tuấn với một câu tiếng Pháp :

- Bonjour monsieur le cratère (chào ông miệng núi lửa) .

Chữ secrétaire (thư ký) bị cậu bé Pháp mới tập nói bập bẹ thành ra cratère , ai cũng phì cười , nhưng Tuấn không cười .

Từ hôm ấy , Trần Tuấn , cậu học trò Đệ Tam Niên bị đuổi vì cầm đầu cuộc bãi khóa , đành bỏ học đi làm cậu thư ký quèn cho một chi nhánh hãng rượu của Pháp ở thôn quê , dưới quyền quản lý người Tàu , với lương tháng 100 đồng , ăn và ở ngay trong hãng .

Đêm ấy , Tuấn nằm trên chiếc giường kê ngoài hè nhà quản lý , Tuấn thao thức suốt đêm , nghĩ ngợi và khóc liên miên .

Lần đầu tiên chàng trai tuấn tú của nước Việt , 17 tuổi , đã phải thôi học để đi làm thư ký , kiếm tiền nuôi thân . Nhưng Tuấn cho rằng đây chỉ là một giai đoạn tạm thời, Tuấn nuôi hoài vọng dành dụm tiền bạc để một vài năm sau sẽ ra Hà nội hoặc vào Saigon , tiếp tục học .

Chú quản lý Diệp Thành là người Tàu Hải Nam , còn trẻ độ 30 tuổi , không thạo tiếng Pháp , mà chú nói được bập bẹ năm ba câu theo kiểu tiếng bồi . Vì vậy chú rất mến Tuấn , và mỗi khi có việc phải qua tiếp xúc với ông Tây Thương Chánh , Tuấn đi theo để làm thông ngôn .

Công việc của Tuấn là mỗi buổi sáng ngồi bàn giấy bán rượu , thu tiền và viết biên lai trao cho người mua .

Có những buổi sáng , giao việc bán rượu cho một người khác , Tuấn ra ngồi sau chiếc cân lớn để mua gạo . Từng đoàn người thôn quê , đàn ông , đàn bà , thiếu niên , thiếu nữ , ở trong làng và các làng kế cận , gánh gạo đến hãng để bán . Người bán đặt bao gạo lên bàn cân , Tuấn ghi số cân trên một mảnh giấy trao cho người bán cầm giấy ấy vào trong phòng kế cận để lấy tiền .

Buổi chiều , Tuấn làm sổ sách . Tối Tuấn dạy chữ Pháp cho chú quản lý huê kiều .

Tuấn sống cuộc đời khắc khổ , noi theo gương các bậc hiền triết mà Tuấn đã đọc tiểu sử và nghiên cứu sự nghiệp trong các sách Pháp . Tự nguyện rằng cuộc đời mình còn phải làm một công việc gì cho xứng đáng với thân nam nhi, không được hoang phí tuổi trẻ trong cuộc chơi bời phù phiếm , Tuấn quyết tâm dùng thì giờ ở hăng rượu An Thái

(người Pháp viết là An tay) , để tu tâm dưỡng tính , cố giữ được tư cách một thanh niên học thức , đứng đắn.

Một hôm Tuấn mượn người thợ hớt tóc cạo trọc đầu Tuấn , như một ông thầy chùa . Việc ấy làm xôn xao dư luận An Thái .

Chú Hoa Kiều quản lý, và ông Tây Thương Chánh Rossignol ngạc nhiên hỏi Tuấn nguyên nhân gì khiến Tuấn cạo trọc đầu . Tuấn chỉ tủm tỉm cười đáp : “ cạo cho mát “ .

Và từ đấy , dân làng An Thái cũng như nhân viên và lao động hăng Rượu gọi Tuấn là

" Thầy Ký Trọc " .

Trong khi Tuấn làm " Thầy Ký " ở hăng rượu An Thái , Tuấn được chút ít tiền lương , món tiền đầu tiên do tự sức chàng làm ra . Chàng nghĩ rằng tuy là món tiền nhỏ mọn , nhưng nó rất quý báu đối với chàng , chàng phải xài nó vào một việc gì xứng đáng với giá đồng lương . Chàng liền xin phép xuống Bưu Điện Bình Định , mua ba bưu phiếu gửi mua :

- 1 năm báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế .
- 1 năm báo La Jeune Indochine của ông Vũ Đình Duy ở Saigon .
- 1 năm báo L' Argus Indochinois , của ông Amédée Clémenti ở Hà nội .

Cả ba tờ báo đều là báo cách mạng . Có điều rất tiện cho Tuấn , là cậu ăn ở luôn trong nhà người Khách trú quản lý hăng rượu , và tối nào cũng dạy Pháp văn cho người chủ ấy . Vì thế , người chủ không tính tiền cơm , và mọi sự chi phí linh tinh đều do chủ cung cấp cho cả . Trung thành với lý tưởng của đời sống mà chàng thơ sinh đã tự vạch ra lúc còn đi học ở Qui Nhơn , tiêu nhiệm tư tưởng ái quốc , chàng may hai bộ quần áo bằng vải nội hóa . Sự chàng cạo trọc , mặc kệ người chung quanh gọi chàng là " thầy

ký trọc " , tỏ rằng chàng không thiết gì đến sự phục sức bên ngoài, mặc đầu chàng mới 17, 18 tuổi .

Ngoài những công việc của hãng rượu , chàng đọc say mê các tờ báo cách mạng mà lần đầu tiên chàng mua dài hạn với số tiền do tự chàng làm ra .

Người chung quanh lại cho chàng biết rằng làng An Thái ở gần làng Kiên Mỹ là quê hương của ba anh em Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ , Nguyễn Lữ . Một chút hoài niệm lịch sử ấy càng nung đúc chí hướng của chàng trai nước Việt sinh trưởng 150 năm sau nhà anh hùng Tây Sơn .

Chiều chiều Tuấn ra ngồi bên bờ sông An Thái , phóng tầm mắt về dãy núi An Khê , rồi quay vào hướng Nam , quay ra hướng Bắc . Tâm hồn ngây thơ khờ dại của chàng thanh niên bị đuổi khỏi học đường vì vụ bãi khóa chống Tây , rung động xiết bao cảm xúc .

Một buổi tối nóng nực , Tuấn tắm bên giếng như thường lệ . Nhưng lần này Tuấn nghe bên nhà ông Tây Thương chánh tiếng nói nheo nhéo của bà bếp chửi đồng qua :

- Cái dân dơ bẩn như chó !

Tuấn hết sức ngạc nhiên . Bà bếp của ông tây Rossignol chửi ai thế ? Không lẽ chửi Tuấn là dơ bẩn trong lúc Tuấn đang tắm ? Tuấn lặng lẽ chờ bà bếp nói gì nữa , Tuấn thả gàu xuống mức nước lên tắm . Vừa dội xong gàu nước , lại nghe tiếng bà bếp :

- Ai tắm đó ?

- Tôi

- Chứ không biết Quan cấm tắm ở chỗ giếng đó ?

- Không ... Tại sao cấm ?

Quả thật Tuấn không hề có nghe lệnh cấm tắm ở nơi giếng này . Và lại ông tây thương chánh lấy quyền gì cấm ?

Tuấn đang thắc mắc về câu chuyện khó hiểu , bỗng có tiếng của ông Rossignol nói lớn :

- Tôi cấm đấy . Vì giếng này dùng để lấy nước uống . Tắm ở đây là đồ biết bao vi trùng và bẩn thỉu xuống nước giếng .

Tuấn thấy câu chuyện vô lý và Tuấn thật không ngờ . Từ trước đến giờ người ta vẫn tắm ở đây có sao đâu . Đây là cái giếng duy nhất của hãng

rượu , và Tuấn đứng tắm ở ngoài xa theo đúng phép vệ sinh .

Nhưng Tuấn không trả lời ông Rossignol , và không hiểu tại sao dạo này ông Tây thương chính thường kiếm chuyện “ cà khịa “ với mình ?

Sáng hôm sau , trong lúc Tuấn đang ngồi làm việc trong phòng giấy , ông Rossignol bước vào với nét mặt hằm hằm , ông gây chuyện với Tuấn :

- Tôi cho anh biết rằng anh là một thằng An-na-mít bán thiu và vô lễ . Tôi hôm qua anh cãi với tôi ở nơi giếng nước hả ? Tôi đã cấm anh tắm nơi đấy , anh biết chưa ?

Tuấn lễ phép hỏi lại :

- Thưa ông , tại sao ông cấm như thế ?

- Tại sao hả ? Tại vì cái giếng đó sản xuất ra nước uống chứ không phải nước tắm . Tôi không cho phép anh tắm nơi đó , và cấm cả những người An-na-mít bán thiu của anh .

Tuấn nổi giận :

- Người An-na-mít không bán thiu như ông nói . Ông không có quyền chửi người An-na-mít .

Ông Tây thương chính liền xõ một thôi hồi lâu :

- À , tôi biết mà ! anh là một thằng đầu óc xấu xa. Anh đọc những tờ báo bán thiu như L'Argus Indochinois , mà chủ nhiệm là một người dân Pháp ghiền thuốc phiện , tôi biết nó lắm , là một thằng khốn nạn bị con vợ Annamít bỏ bùa mê . Tờ báo Tiếng Dân , tôi cũng biết , chủ nhiệm nó là một lão nhà quê dốt nát và tướng cướp, bị xử án đày ra Côn lôn . Còn thằng Vũ Đình Duy , chủ tờ báo La Jeune Indochine , là một thằng An na mít là những kẻ vong ân bội nghĩa . Học chữ Tây , học văn minh của Tây , rồi chửi lại Tây ... Quả thật là một giống người hèn hạ !

Tuấn không thể nhịn được nữa :

- Tôi xin lỗi ông , nhưng ông chính là một người hèn hạ ! Khốn nạn !

Ông Rossignol đang cầm cây can trong tay , liền đưa can lên toan đập vào đầu Tuấn . Tuấn né đầu qua một bên , rồi chụp luôn cái can của ông Tây . Hai người dẫn co nhau làm đổ cả lọ mực trên bàn .

Ông Tây giựt lại được cây can rồi hục hặc bỏ ra về .

Ba ngày sau , hai ông giám đốc và phó giám đốc Công ty rượu ở Qui Nhơn

, Bouillon và Rocca, lên thăm hãng An Thái . Tuấn đoán biết có chuyện không lành . Quả nhiên Bouillon gọi Tuấn vào phòng giấy quản lý , bảo :

- Tôi trả lương cho anh và anh đi ra khỏi chỗ này tức khắc .

Tuấn do dự một chút rồi hỏi lại :

- Thưa ông , tại sao vậy ?

- Không tại sao cả . Tôi đuổi anh ra khỏi hãng của tôi .

- Nhưng ít nhất ông cũng cho tôi biết lý do chứ .

- Lý do : anh là một thằng An-na-mít bán thiu .

Tuấn liền trả đũa lại :

- Chính ông mới là một người Tây bán thiu .

Ông Bouillon đánh Tuấn một tát tay , Tuấn nhỏ người nhưng cũng mạnh , thoi vào ngực ông một thoi rồi bỏ đi ra ngoài . Chàng từ giã luôn hãng rượu An Thái .

Trưa hôm ấy , cả làng An Thái và nhân viên lao công trong hãng đều xôn xao thì thầm với nhau : “ Chu choa ! Thầy Ký Trọc oánh lộn với ông Tây chủ công xi , thầy bị đuổi rồi .”

Tuấn đi đò qua sông An Thái để sang phố Chợ . Đò mới qua được nửa con sông thì có tiếng gọi vọng lại trên bến cũ . Tuấn quay lại thấy An , một thiếu nữ xinh đẹp mà chàng quen biết chưa được hai tháng . An là một bạn đồng chí do Tuấn huấn luyện về văn thơ và tư tưởng cách mạng . An khóc nức nở , tay cầm chiếc khăn vẩy Tuấn lia lịa :

- Anh Tuấn ! Qua bên đó chờ em !

Tuấn cũng định chờ . Nhưng chỉ có một con đò . An phải đợi đò trở lại bến mới sang sông được , trong khi ấy người tài xế chiếc xe cam nhông của hãng rượu đã được lệnh chở Tuấn đi ngay về Qui Nhơn , đừng để ở lại An Thái một phút nào .

Ngồi trên chiếc xe gập gềnh chạy kẻo cà kẻo kẹt trên con đường gồ ghề chật hẹp , Tuấn tức giận ông tây thương chính Henri Rossignol và ông tây chủ hãng rượu André Bouillon . Phải công bằng nhìn nhận rằng ông phó giám đốc Rocca dễ thương hơn .

Trước khi Tuấn vĩnh biệt hãng rượu , ông Rocca lấy trong túi ra cho Tuấn 50 đồng và bảo :” Anh thông minh , nên tiếp tục đi học nữa , đừng đi làm

thư ký quèn , uống thì giờ . Tôi biểu anh tiền lộ phí ! “ Tuấn ứa nước mắt cảm ơn ông tây Rocca .

Tuấn lại bản khoản nhớ An . Trần thị An , người đẹp An Thái võ nghệ giỏi . Chính nàng đã dạy cho Tuấn học những bài võ Bình Định đầu tiên . Tuấn nhớ lại những đêm sáng trăng , trước sân nàng , trong lúc mọi người hàng xóm đã đóng cửa ngủ , An mặc áo cụt , quần đen , tóc bới , dạy cho Tuấn những ngón võ lợi hại của xứ An Thái . Làng này trai gái đều giỏi võ . Có lần nàng kể chuyện một cô em bạn dì vì giỏi võ mà bị tù .

Lộc mới có 18 tuổi , nhưng xác cao lớn , đầy đà . Thân sinh Lộc là một Võ sư danh tiếng cả Bình Định . Môn đệ của ông nhiều lắm , từ các làng xa đến học . Nhưng biết Lộc có tính nóng và hung hăng . Ông cụ không bao giờ dạy võ cho con gái của ông , và những đêm ông dạy cho môn đệ , ông cấm Lộc không được xem . Ông nhốt cô con gái nghịch ngợm trong nhà . Nhưng đứng sau song cửa sổ gian nhà tối om, Lộc chăm chú ngó bọn con trai học võ ngoài sân . Đêm nào cô cũng lén cha , đứng sau song cửa sổ , học võ nghệ bằng mắt và bằng trí nhớ . Ông cụ không hay biết gì cả . Một đêm ông cụ có khách , một ông Chánh tổng cỡi ngựa đến chơi , đàm đạo uống rượu rồi ở lại nghỉ . Con ngựa ô của ông đẹp lắm , nhất trong chuồng ngựa sau nhà .

Nửa đêm , hai ông già ngủ say , cô Lộc lén ra chuồng ngựa , cô mở cửa chuồng , dắt ngựa ra rồi nhẩy lên lưng ngựa , quất ngựa phi ra cổng . Cổng đã cài then , cô không cần mở , cứ ngồi trên lưng ngựa và bay vượt qua cổng . Cô cưỡi ngựa chạy chơi tận làng xa , mãi sáng mới về . Cổng vẫn còn cài then . Cô và ngựa bay qua .

Cha cô và ông khách dậy sớm , ngồi uống trà trên ghế tràng kỷ , đều kinh ngạc chứng kiến kỳ công võ nghệ của cô . Dem ngựa vào chuồng xong , cô trở ra lạy cha và khách 3 lạy để xin lỗi rồi ung dung xuống bếp .

Một đêm , có chàng võ sĩ ở phương xa đến xem môn đệ của Thầy dượng võ . Hãn phách lối , thách hết 5 cậu học trò của ông ra thử tài với hãn . Lần lượt cả năm cậu đều bị đánh liểng xiểng . Ông thầy tức mình , mắc cỡ , chỉ ngồi uống rượu . Nhất định cứu danh dự của cha và của cả trường , cô Lộc từ trong bếp ra, bảo gả kia :

- Chú lại đây thử với tôi .

Hắn cười ngạo mạn :

- Tôi không nỡ chạm ngọc thể của Nữ nhi .

Lộc tiến tới cho vào mặt gã đàn ông vô giáo dục khinh nàng là nữ nhi . Gã kia trả miếng . Thế là hai người hăng máu trở hết tài nghệ giữa Vũ trường , dưới ánh trăng sáng tỏ . Một lát sau gã kia bị “ nữ nữ “ đá cho lăn nhào . Nàng đã trả được cái hận cho cha và cho cả năm môn đệ .

Tiếng cô Lộc từ đấy vang khắp cả cứ Bình Định . Một hôm , vào buổi trưa mùa hè , cha cô đi vắng . Gió mát , Lộc lim dim trong chiếc võng treo ngoài vườn giữa hai cây mít . Một người lính tập (lính khố xanh) từ ngoài cổng bước vào . Cô trông thấy lên tiếng hỏi :

- Chú là ai , đi đâu đó ?

Người lính lạ , cười :

- Cô không biết tui sao , cô Hai ? Tui là lính Tập của Nhà Nước , được phép về thăm nhà hai bữa , sẵn đi ngang qua đây ghé thăm cô Hai đó mà !

- Xin lỗi chú lính Tập , cha tui đi vắng , chỉ có một mình tui ở nhà , không có ai tiếp chú .

- Thì cô tiếp tui không được sao ?

- Tui là con gái không được phép tiếp người lạ .

Chú lính tập tiến đến gần võng , cười chột nhẽ chọc htiếu nữ :

- Nghe thiên hạ đồn cô Hai võ giỏi lắm , đến coi cô giỏi cách nào ! Tui xin phép cô Hai cho tui bóp vú cô một cái , hỉ ?

Vừa nói chú lính vừa dùng võ thuật chụp vào ngực Lộc. liền bị Lộc đá một đá té nhào xuống đất . Hắn nằm trợn mắt dẫy dựa mấy cái rồi chết nghèo luôn .

Cô Lộc bị tù , vì một ngón võ sái nhưn .

Tuấn ngồi trong xe bị dẫn lên dẫn xuống nhớ lại câu chuyện của Lộc do cô An kể lại cho chàng nghe một đêm trời không trăng Tuấn vừa học xong một ngón bí hiểm . Trong xe cũng có một thiếu nữ buôn bán ở chợ An Thái xin quá giang xuống Qui Nhơn mua hàng . Cô ngồi đối diện với Tuấn , Tuấn nghĩ thầm :

- Biết đâu cô gái đẹp này cũng là môn đệ của cô Lộc ?

Chàng tủm tủm cười một mình , nhớ chuyện người lính tập gặp giờ xui xẻo đã làm hỗn với bộ ngực hấp dẫn của nàng .

Cô gái đẹp hỏi Tuấn :

- Sao thầy kỳ cười em ?

Tuấn sờ tay lên cằm ..., nhoén một nụ cười hiền lành :

- Tôi cười người lính tập chứ không phải cười cô .

Cô gái dịu dàng đáp :

- Em không phải là chị Lộc .

Câu trả lời bí hiểm đó đủ cho Tuấn biết giai nhân không then với uy danh gái An Thái .

Về Qui Nhơn , Tuấn vào trọ tạm nhà thầy Phạm Đào Nguyên . Kể chuyện bị sa thải cho Nguyên nghe , thầy ký hăng Descours et Cabaud cười :

- Đi học bị nhà trường đuổi , đi làm bị hãng đuổi . Tôi ráng sống lâu để coi đời anh ra sao !

Tuấn nằm suy nghĩ suốt đêm . Chàng muốn đi Hà nội , tiếp tục học thi Tú tài , nhưng không có tiền . Muốn vô Saigon để nhập vào đảng Nguyễn An Ninh , nhưng tiền cũng không có . Chàng thấy con đường tiến thủ bị nghẽn , mà máu nóng cứ sùng sục trong tim , chỉ muốn lồng lên như con ngựa hăng máu .

Ba hôm nằm nhà thầy Phạm Đào Nguyên đã không làm gì , lại buổi tối nghe Phạm Đào Nguyên nói nhỏ cho nghe : Ngoài Hà nội có một đảng tên là “ Việt Nam Quốc Dân Đảng “ đang hoạt động mạnh . Anh nên đi Hà nội

.

Cũng đêm ấy , đi lang thang ngoài bờ sông , Tuấn gặp một thầy trợ giáo quen thân, tên là Phạm Cự Hải , người Quảng Nam .

Thầy Hải nhét vào Tuấn một tờ truyền đơn in bằng đồng sương , ký tên “Đông Dương Cộng Sản Đảng “ . Thầy hỏi Tuấn :

- Tuấn học lớp Nhì hay lớp Nhất ?

Tuấn không hiểu , ngơ ngác hỏi thầy Hải :

- Tôi sắp học thi tú tài , sao thầy hỏi lạ vậy ?

Thầy Hải cười :

- Lớp Nhì là Cours Moyen . Lớp Nhất là cours superieur. Anh hiểu không ?

- Không hiểu thầy muốn nói bóng cái gì ?

- Cours Moyen viết tắt là C.M. là cách mạng . Cours Supérieur, viết tắt là C.S. là cộng sản .

Tuấn cười :

- Tôi là C.M.

Thầy trợ giáo Phạm Cự Hải cười :

- Anh học giỏi , anh thông minh , anh phải lên Cours Supérieur(C.S) chứ !
Một thanh niên như anh lẽ nào còn trình độ C.M. ?

Tuấn ngây thơ đáp :

- Cộng sản hay Cách mạng cũng đều lo cho quốc gia độc lập và dân tộc tự do . Tôi không hiểu sao lại chia ra Cộng sản , Cách mạng Quốc gia , làm chi vậy ?

Thầy trợ giáo Hải kéo Tuấn ra bãi biển ngòi . Thầy thuyết một hồi lâu về chủ nghĩa Cộng sản . Tuấn thấy rõ ý định của thầy muốn kéo Tuấn vào tình bộ Cộng sản mà thầy đang muốn thành lập ở Qui Nhơn . Nhưng Tuấn lắc đầu :

- Tôi thích Cách mạng quốc gia hơn là cộng sản ...

Tuy nhiên thầy trợ giáo Phạm Cự Hải và Tuấn từ giã nhau lúc 9 giờ tối trước nhà Dây thép Qui-nhơn với lời hứa hẹn sẽ gặp nhau nữa .

Mãi đến năm 1945 (18 năm sau) , Tuấn mới gặp lại thầy trợ Hải . Trên đường vào Saigon ghé lại Nha Trang , cuối tháng 8 – 1945 , giữa một thành phố rực rỡ cờ đỏ sao vàng . Tuấn được một người bạn cho biết danh sách Ủy ban Kháng Chiến Khánh Hòa mới thành lập ở Nha Trang . Chủ tịch Ủy Ban là Phạm Cự Hải .

Trụ sở Ủy ban đặt nơi tòa Công Sứ cũ của Tây . Tuấn đến xin gặp chủ tịch . Phạm cự Hải rất niềm nở bắt tay Tuấn .

Sau vài ba câu chuyện hàn huyên , Phạm Cự Hải nhắc lại câu chuyện gặp gỡ trên bãi biển Qui-Nhơn năm 1924 và cười hỏi :

- Nay chắc anh đã lên C.S. ?

Tuấn điềm nhiên cười đáp :

- Không . Tôi vẫn trung thành với C.M.

Sau cuộc nói chuyện với thầy trợ Hải trên bãi biển Qui-Nhơn , Tuấn tự cảm

thấy rõ rệt không khí cách mạng đang bao trùm trí óc non nớt của Tuấn .

Đêm ấy , Tuấn hỏi Phạm Đào Nguyên :

- Tôi muốn đi Huế , để yết kiến cụ Phan Bội Châu . Được không anh ?

Nguyên sốt sắng trả lời :

- Ủ , đi thì đi ... Nhưng rồi phải làm gì chớ đi chơi không vậy sao ? Và nhớ : đi thăm cụ Phan coi chừng Mật Thám nhé !

- Ra Huế rồi sẽ liệu .

- Anh phải tiếp tục học nữa mới được . Hay là ra Huế xin vào trường Thầy Dòng ?

- Trường Thầy Dòng là trường gì ? Dạy đi thi gì ?

- Trường Thầy Dòng ở Huế tức là trường Pellerin của một ông Cố đạo . Họ dạy thi Diplôme.

- À , phải rồi . Tụi thằng Quỳnh , thằng Tố , cũng bị đuổi ở Qui- Nhơn , đều ra học ở Pellerin , Huế . Tôi muốn ra Huế theo tụi nó.

Nguyên cười hỏi :

- Tiền ?

- Ra Huế , tôi sẽ viết thư về nhà xin tiền cha mẹ tôi .

- Thế sao không về thẳng tỉnh nhà , thăm hai bác rồi xin tiền luôn thế ?

- Tôi sợ cha mẹ tôi đánh . Còn một năm nữa thi Diplôme mà bãi khóa bị đuổi , cha mẹ tôi tức giận lắm . Tôi đi làm thư ký hãng rượu An Thái , đã bị cha tôi viết thư vô rầy dữ . Mẹ tôi buồn rầu khóc lủi .

- Thôi thì tôi giúp anh 200 đồng để anh đi Huế . Mà ra Huế phải đi học , chớ không được đi chơi nghe không ? Chơi hết tiền , tôi không gửi mandat nữa đâu đấy , nghe không ?

- Ủ .

Sáng hôm sau , Phạm Đào Nguyên dậy thật sớm , lúc 5 giờ , một mình đun nước pha hai ly cà phê sữa và nướng một chiếc bánh mì . Xong thầy gọi Tuấn dậy , ăn điểm tâm với Tuấn và lo sửa soạn đầy đủ cho Tuấn ra đi . Trong lúc Tuấn rửa mặt , nghe tiếng gà hàng xóm gáy giữa im lặng của thành phố còn say ngủ, Tuấn lo ngại cuộc hành trình sắp khởi diễn, không biết số kiếp mình sẽ phiêu bạt đến đây ? Tiếng gà gáy như tiếng kèn của định mệnh , chàng ra đi tranh đấu với đời , đơn độc , bơ vơ , sức trai trẻ còn

non yếu , chàng sẽ thắng những thử thách nguy nan , hay sẽ quy giữa đường ?

Tiếng Phạm Đào Nguyên gọi :

- Mau lên, anh Tuấn , sắp tới giờ xe chạy rồi .

Tuấn vẫn để đầu trọc mặc lẹ bộ đồ Tây nội hóa , xỏ đôi giày Tây rẻ tiền , rồi xách chiếc va li đan bằng tre chỉ cài với một then ngang , không có ổ khóa .

Phạm Đào Nguyên đứng nhìn bộ tịch nửa quê nửa thành thị của Tuấn , và nhoèn một nụ cười :

- Xong chưa ? Đi ! ... Cả tương lai của anh bắt đầu từ giờ phút này ...Sáng nay tôi tiễn anh ra bến xe mà không biết anh sẽ đi về đâu ? Nhưng tôi tin anh là người có chí , tôi chúc anh kiên nhẫn, còn thành bại sau này là chuyện của trời !

Tuấn làm thinh vì không biết nói gì . Tim chàng đập mạnh khi đến bến xe . Trước khi bước lên xe , chàng bịn rịn xiết chặt tay bạn và lẩm bẫm một câu mà chắc Nguyên không nghe rõ :

- Cảm ơn anh Phạm Đào Nguyên ...Cảm ơn anh nhiều lắm .

Xe rồ máy đã lâu bắt đầu chạy chậm chậm để queo ra đường lớn . Thầy Phạm Đào Nguyên còn đứng nhìn theo , vẫy tay từ biệt , Tuấn gục đầu xuống thành xe , lặng lẽ khóc .

Xe ra khỏi thành phố , Tuấn lại nghe tiếng gà gáy trời dậy sau dãy nhà tranh lụp xụp bên chân núi .

Từ Qui Nhơn ra Tourane (Đà Nẵng) đường thuộc địa số 1 (Route Coloniale No. 1) hãy còn gồ ghề , chưa tráng nhựa , phải xuống xe ba lần để qua đò : bến Bồng Sơn tại Phủ Bồng Sơn , Bình Định , bến Trà Khúc , cách tỉnh lỵ Quảng Nam 1 cây số , và Bến Ván , phủ Tam Kỳ , Quảng Nam. Vì chiếc xà lan (chaland) nhỏ và hẹp , nên phải để cho xe qua trước , hành khách chờ đi chuyển sau . Cũng may là thời bấy giờ ít có xe chạy , nên hành khách khỏi phải đợi lâu . Nhưng đứng trên bờ nhìn chiếc xe nặng trĩu đậu trong chiếc xà lan nghiêng qua nghiêng lại trên dòng sông rộng , hành khách cứ lo ngại ...Nó chòng chành quá , lỡ nó đổ hoặc chìm xuống sông thì mất hết cả hành lý của mình chất trên mui xe .

Hành khách sang bên kia sông lên bờ gặp một bác Lính Khố Xanh tay cầm cây roi mây , đứng chặn lại hỏi :” thẻ thuế thân “ . Mỗi người đàn ông An nam thời bấy giờ 18 tuổi trở lên đều phải có luôn luôn trong mình hai cái bùa hộ mệnh : thẻ căn cước và thẻ thuế thân . Thẻ sau này là một biên lai bằng bìa màu ghi số tiền mình phải nộp “ thuế bốn thân “ trong năm . Mỗi năm có một thẻ thuế thân , thay cho thẻ năm trước , có đóng con triện bằng mực đen và chữ ký của Lý trưởng trong làng . Đa số những ông xã chưa học quốc ngữ , đều ký tên bằng chữ Hán , Tuấn mới có 17 tuổi , chưa có thẻ thuế thân nhưng căn cước phải có .

Tuấn thấy có một ông hành khách đang năn nỉ bác Lính Tập một cách khúm núm rất lễ phép . Tò mò , Tuấn đến gần xem , ông hành khách đã rúi ro bỏ mất thẻ thuế thân , nên bị bác Lính Tập đòi bắt giam trong đồn . Nhưng ông hành khách móc túi lấy một đồng bạc cầm hai tay khúm núm “ kính “ bác Lính , để xin bác rộng lượng tha tội cho . Bác Lính Tập bỏ đồng bạc trong túi áo , rồi đòi thêm một đồng nữa . Người hành khách cũng phải chịu thì bác Lính Tập mới tha cho đi .

Từ Qui-Nhơn ra Tourane phải đi xe hơi mất 2 ngày . Ngủ lại ở Quảng Ngãi một đêm . Lần đầu tiên chàng trai 17 tuổi được đi xa 2 ngày đêm liên tiếp như thế . Tuấn cố thu vào trong con người tất cả những phong cảnh , nhân vật , mà chàng trông thấy dọc đường . Nhưng đêm ở Quảng Ngãi , Tuấn không dám đi dạo phố , sợ gặp những người quen , và nhất là sợ gặp Ông Thân Sinh của chàng . Tuấn có mặc cảm của một đứa học trò bị đuổi , mặc cỡ không dám gặp lại những bạn bè cũ hoặc những người quen thuộc ở tỉnh . Tuấn có cảm tưởng chuyến đi Huế lần đầu tiên này là một cuộc lẩn trốn lén lút như người mạo hiểm trong một cuộc hành trình bí mật .

Đêm ấy , nằm trong phòng ngủ của khách sạn Công ty do hãng xe đò dành riêng cho hành khách đi xe của hãng , Tuấn lắng tai nghe trong phòng kế cận tiếng khóc ầm ức rất là thê thảm của một người đàn ông . Tuấn nôn nao cảm động , muốn biết người hành khách đó là ai vậy , và tại sao họ khóc liên miên như vậy , không lúc nào ngớt ? Tuấn lóp ngóp bò dậy , khẽ bước chân không ra đứng nơi cửa buồng của chàng . Tuấn lắng tai nhưng không nghe được gì cả , ngoài tiếng khóc thút thít , lúc nức nở , lúc rên rỉ , như kẻ

đau khổ đang bị một tai nạn gì bí ai thảm thiết lắm . Một lúc lâu Tuấn thấy cửa phòng mở , và một người đàn ông chạc 35, 40 tuổi từ trong bước ra . Tuấn để ý đến đôi mắt của ông tràn đầy những ngấn lệ .

Ông mặc đồ Tây , không biết từ đâu đến , nhưng có lẽ xuống xe lúc 6 giờ chiều . Bây giờ đã 10 giờ khuya ông vẫn chưa thay đồ ngủ . Ông đi ra sân sau một lúc trở vào , Tuấn đánh bạo hỏi :

- Thưa ông , sao ông khóc dữ vậy ? Ông có điều chi đau khổ lắm phải không ?

Người hành khách lạ lại òa lên khóc , vừa ấm ức trả lời :

- Tôi làm instituteur (Trợ Giáo Trung Tiểu Học) ở Tourane , hôm qua được dây thép của Mẫu thân tôi ở Nha Trang ...báo tin ...ông Thân tôi chết tại quê nhà ...Tôi buồn lắm cậu à ...Tôi thương Song Thân tôi lắm ...Tôi mất ông Thân tôi ...tức là tôi mất tất cả ...(ông lại khóc lớn) .

- Thưa thầy , Bác năm nay bao nhiêu tuổi ?

- Ông thân tôi ..thọ 78 tuổi ...

- Thưa thầy , Bác đau bệnh gì ?

- Thân phụ tôi ...khoẻ mạnh , ổng chết vì bịnh già ...

Bây giờ tôi về ...để tang ...và lo an táng ...Thân phụ tôi .

Thấy Tuấn cũng rưng rưng nước mắt , và gương mặt ngây thơ , ông hỏi :

- Cậu ở đâu ?

- Thưa thầy , tôi là cựu học sinh Collège Qui Nhơn .

- Cậu đi đâu đây ?

- Tôi đi Huế , tiếp tục học thi Diplôme.

- Cậu tên gì ?

- Dạ, Tuấn .

- Cậu còn song thân không ?

- Dạ, thưa thầy còn .

- Cậu có phước quá ...cậu phải thương yêu song thân như trong sách luân lý đã dạy ...Mình là con trai được cha mẹ sinh ra nuôi dưỡng cho khôn lớn , phải có hiếu với cha mẹ , phải kính cha mẹ , thương cha mẹ ...cha mẹ mình mất tức là mình mất tất cả ...

Vừa nói vừa khóc...thầy trợ giáo lại khóc òa lên khiến Tuấn bùi ngùi

không cầm được giọt lệ.

Có lẽ tại vì biết Tuấn là học trò collègue(trung học) , nên tự nhiên thầy trợ giáo sẵn dịp thuyết cho Tuấn một bài học luân lý gia đình bằng tiếng Pháp :
- Souvenez-vous que vous avez rencontré un soir un instituteur qui pleurait la mort de son père... Vous voyez. Je ne suis plus jeune comme vous, mais devant le deuil cruel qui me frappe, je pleure comme un enfant...Parce que je suis toujours l'enfant de mon père...un père que j'aime, que j'adore, que je chéris le plus au monde...

(Cậu nên nhớ rằng một đêm cậu có gặp một thầy trợ giáo đang khóc vì cha chết . Cậu thấy không , tôi đâu còn trẻ như cậu , nhưng trước cái tang tàn bạo đang dày vò tôi , tôi vẫn là đứa con của thân phụ tôi , một đấng từ phụ mà tôi yêu tôi kính , mà tôi quý hơn hết trên đời) .

Nói xong thầy trợ giáo đứng đĩnh bước vào phòng của thầy . Tuấn nhìn theo cái băng tang bằng crêpe đen , dày và to mà thầy đeo trên cánh tay phải ...

Là một thanh niên của thế hệ 1927 sống trong một xã hội còn thối rữa đạo Khổng , Tuấn rất khâm phục thầy giáo, tự nguyện rằng mình sẽ là một đứa con có hiếu như thầy và sẽ nhớ mãi những lời thầy khuyên bảo về đạo làm con . Cả đêm Tuấn không ngủ được cứ nghe tiếng thầy trợ giáo ở phòng kế cận thút thít khóc cha và Tuấn cứ lập đi lập lại nhiều lần mấy câu tiếng Pháp của thầy :” Souvenez-vous que vous avez rencontré un soir un instituteur qui pleurait la mort de son père...”

Tuấn nhớ lại có lần Tuấn trông thấy dán trên vách tường nhà một người bạn có theo đạo Thiên Chúa một bức ảnh màu của bà Maria ngược lên Trời đôi mắt đầm lệ , và ở dưới bức ảnh có chứa một câu in nét đậm :” Souviens-toi que ta Mère a pleuré “ (con hãy nhớ rằng Mẹ con đã khóc)

Nào là của đạo Khổng , nào là của đạo Phật , đạo Thiên Chúa , những câu danh ngôn về đạo đức , luân lý , đầy những nước mắt đã thâm nhập vào tâm hồn còn ngây thơ của Tuấn , ngay lúc Tuấn đang còn chập chững phiêu lưu vào trường đời .

Sau này, cuộc đời của Tuấn sẽ thay đổi rất nhiều , xã hội Việt Nam cũng không còn phong độ thanh cao khương kiện nữa , nhưng Tuấn vẫn không

quên câu chuyện của thầy trợ giáo khóc cha , và mấy lời thầy chỉ bảo cho chàng bằng tiếng Pháp ở một quán trọ trên bước đường phiêu lãng .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 37

1927

- Nhà tranh ba gian của cụ Phan Bội Châu ở Huế.
- Cụ Huỳnh Thúc Kháng và Báo Tiếng Dân.
- Phong trào " Nam Nữ bình quyền " của Bà Đạm Phương ở Huế , và Nữ Sĩ Huỳnh Thị Bảo Hoà ở Tourane.

Lần đầu tiên đến Tourane, Tuấn trông thấy một nhà ga và một đoàn xe lửa . Trước mặt cậu học sinh 17 tuổi , thật là một vật đồ sộ và phi thường . Đứng ngoài một hàng rào xi măng ngăn cách đường phố với đường rầy xe lửa . Tuấn nhìn trân trân những chiếc va-gông nối dài gần một trăm thước , đậu trên đường rầy với chiếc đầu máy ghê gớm với hai con mắt lớn bằng kính , vàng khè , và một ống khói đen ngòm , to và thấp , đang phùn phụt nhả khói .

Tuấn sung sướng nghĩ rằng sáng sớm ngày mai , Tuấn sẽ được đi trên đoàn xe lửa này , ra đến Huế . Cũng như đêm trước , đêm nay Tuấn không ngủ được , chỉ mơ tưởng đến chuyến tàu hỏa đi Huế , hoặc nhớ lại câu tiếng Pháp của thầy Trợ giáo khóc cha .

Sáng sớm hôm sau , mua vé tàu hỏa xong . Tuấn bắt chước mấy người hành khách cất kỹ tấm vé trong túi áo Tây và lấy một cái kim băng ghim túi áo lại , sợ lỡ rớt tấm vé đến khi ông Tây soát vé không có , sẽ bị ở tù .

Tuấn theo sau mấy ông hành khách , xách chiếc va li tre ra bến xe lửa . Nhưng Tuấn chưa muốn bước lên toa tàu trước khi đứng ngoài xem cho tường tận các chiếc va-gông . Tuấn đang đứng ngó đầu máy , thì một bác lính khố xanh bước đến bảo Tuấn :

- Trò đứng gần , điện nó hút cậu vô máy , chết cha !

Tuấn vội vàng đứng ra xa . Sự thực , lần đầu tiên trông thấy tàu lửa , Tuấn cũng hơi sờ sợ . Tuy ở trường đã học về Vật Lý , và đã hiểu qua loa về nguyên tắc máy chuyển động nhờ hơi nước , nhưng Khoa học là một chuyện , còn tâm lý của trẻ con sợ sệt trước một vật to tướng phi thường ,

máy móc chẳng chịt , gồm ghê , lại là một chuyện khác .

Đứng bên đoàn tàu dài 200 thước , với đầu máy kếp xù đang phun khói , Tuấn cảm thấy mình bé quá , thấp quá , tầm thường quá . Đi dọc theo đoàn tàu để xem qua một lượt , Tuấn để ý trên toa hạng nhất và hạng nhì chỉ toàn là ông Tây bà Đầm , và cả trẻ con Tây . Không có một người An nam mít nào ở hai toa này . Toa hạng ba , cũng có vài ông Tây và các ông An nam sang trọng giàu có . Tuấn đứng xem có ông Tây Thương Chính ôm cặp bước vào hạng ba . Một ông quan An nam đeo bài ngà “ Tri Huyện “ tòn ten trước ngực , đang ngồi chễm chệ trên chiếc ghế dài bọc da , vôi vàng đứng dậy chấp hai tay :

- Chào Quan Lớn .

Ông Tây Thương Chính gật đầu rồi đi thẳng qua toa hạng nhì . Người lính hầu của Quan Huyện đang đứng chực ở cửa toa thứ tư. Quan Huyện khệ nệ bước ra , hỏi bằng giọng Huế :

- Thăng Ba mô rồi ?

Người lính kính cẩn đáp :

- Dạ , bẩm quan lớn ...

- Đem bình điều thuốc trà cho tao hút , mi !

- Dạ.

Người lính lệ (lính hầu các quan) , rất lanh lẹ bưng bình điều sang toa hạng ba , cúi xuống nhét cục thuốc vào miệng điều rồi đánh một que diêm châm lửa cho quan huyện hút . Xong người lính lệ lại bưng cái điều xuống đứng chờ cửa hạng tư .

Tuấn xách va-li tre bước lên toa hạng tư . Vì cửa chật và đồ hành lý của hành khách chồng chất ngay đấy Tuấn phải nhảy qua đồng hành lý , vô tình để chiếc va li đựng phải chum chú lính lệ .

Chú này trợn mắt mắng Tuấn :

- Trò này không coi trước coi sau gì hết .

- Tại chỗ cửa chật quá , chớ phải tại tôi đâu .

- Chật cậ cũng phải tránh tôi chứ .

- Thôi mà lỡ một chút , cứ kiếm chuyện hoài .

Người lính tập nổi giận quát Tuấn :

- Màý không biết tao là ai à ?

Tuấn không cãi lầy lôi thôi , làm thình bực qua đống hành lý để kiểm chỗ ngồi .

Đối với chàng trai Việt Nam năm 1927, Huế là một thần tượng bao trùm bao nhiêu huyền bí , thiêng liêng ...Những danh từ “Đất Thần Kinh “ , “Đế Đô “ , “ Kinh Đô “ , v.v... có một sức hấp dẫn phi thường làm xúc động mãnh liệt trí tưởng tượng của những kẻ ở tỉnh và ở thôn quê .

Ai được đi Huế một lần , được dịp viếng đất Thần Kinh , được trông thấy Đế Đô , là một hãnh diện lớn lao vô cùng . Những kẻ chưa được thấy Huế, hằng mơ tưởng đấy là kinh thành , là nơi Vua ở , những cung điện nguy nga , những lầu đài tráng lệ , những nàng Công Chúa đẹp như tiên đi thướt tha trong vườn Thượng Uyển ...Xem trong sách diễn tả , hoặc nghe người ta nói rất nhiều về những thắng cảnh của Đế Đô : cầu Trường Tiền , cầu Bạch Hổ , cửa Thượng Tứ , chợ Đông Ba , hồ Tĩnh Tâm , cửa Gia Hội , dòng Hương giang , núi Ngự Bình ...Ồ, toàn là những phong cảnh trí thơ mộng làm sao ! Lại thêm vào đấy những tên lầu đài rất ...lịch sự : Điện Cần Chánh , điện Văn Minh , Tam Toà , Lục Bộ.. tòa Khâm Sứ , đồn Mang Cá , đền Nam Giao , chùa Thiên Mụ , chùa Diệu Đế , và lăng tẩm các Vua ... cung điện của ông Hoàng bà Chúa .

Tóm lại , Huế , nơi Đế Đô , thiêng liêng , oai vệ , không giống một nơi nào phàm tục trong xứ , và cuộc sống của người Huế , những người ưu tiên được ở đất Thần Kinh không giống như các tỉnh Trung Nam , Bắc , Saigon , Hà nội có rộng lớn , xinh đẹp bao nhiêu đi nữa cũng chỉ là những đô thị thường dân , duy chỉ có Huế là Kinh Đô của các vị Hoàng đế .

Nhưng chàng trai 17 tuổi lần đầu tiên được đi hỏa xa sung sướng được sắp sửa đặt chân lên đất Đế Đô , và tha hồ được ngắm những cảnh thần tiên thơ mộng của núi Ngự sông Hương .

Ngồi trên xe lửa Tuấn tưởng tượng đến Huế ẽ được xem sông Hương nên thơ như thế nào , núi Ngự oai linh như thế nào và cả đất thần kinh của Vua Chúa có sắc thái đặc biệt như thế nào .

Và nhất là Huế lại có túp nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự.

Nghĩ đến tất cả những kỳ thú trên Tuấn thấy rạo rức trong lòng . Trái tim

của Tuấn đập rộn rịp như tiếng xe lửa chạy rầm rộ trên đường rầy . Tuấn nóng lòng chờ đến Huế, mà xem chừng như chuyến xe lửa cũng cố chạy vùn vụt cho mau đến Huế.

Đoàn xe đến ga lúc 8 giờ tối . Chữ Huế nét đậm và to lớn , ghi bằng mực đen trên mặt tiền nhà ga .

Tuấn xách chiếc va li tre của chàng theo sau những hành khách xuống Huế . Chàng để ý thấy hầu hết những hành khách đều có người nhà hoặc bạn hữu chờ nơi sân ga và rộn rịp vui mừng , kẻ đón người đưa . Tuấn đi thui thui một mình tìm nhà trọ của một người bạn ở xóm ga, theo địa chỉ đã có . Tuấn để ý thấy trên đường Jules Ferry từ trước sân ga đa số người đàn ông ớn tuổi đều mặc đồ An nam áo dài đen quần trắng , đầu bit khăn hay đội mũ , chân mang giày Hạ , hay đi guốc . Phần đông bạn trẻ mặc đồ Tây . Tuấn cũng mặc âu phục may bằng vải nội hóa Quảng Nam , nhưng hình như không mấy ai để ý . Hơn nữa , Tuấn vui mừng nhận thấy những chàng thanh niên Huế trông dáng điệu có vẻ học sinh như Tuấn , cũng mặc đồ Tây bằng vải nội hóa . Tuấn vừa đi vừa nghĩ rằng : thì ra phong trào mặc âu phục bằng vải nội hóa quả thật đã lan tràn khắp cả học đường , ở Huế cũng như ở Qui Nhơn . Đó là một nhận xét đầu tiên lúc Tuấn bước chân trên đường phố kinh đô .

Tuấn ở trọ nhà Quỳnh bạn học cũ ở Qui Nhơn , người cùng Tuấn đã gây ra cuộc bãi khóa ở Qui Nhơn một năm trước , và cũng bị đuổi như Tuấn . Quỳnh bây giờ học lớp Đệ Tứ Niên tư thực Pellerin của các vị Cố Đạo Huế . Quỳnh vẫn mặc bộ đồ tây may ở Qui Nhơn .

Bây giờ sáng hôm sau , nhân ngày chủ nhật , Tuấn nhờ Quỳnh đưa Tuấn đến thăm cụ Phan Bội Châu , Quỳnh bảo :

- Nhà cụ Phan ở Bến Ngự gần đây . Hai đứa mình đến thăm cụ thế nào cũng có mật thám theo dõi , rình mò . Mày dám đến không ?

Tuấn hỏi :

- Vậy chớ tụi mày ở Huế thường ngày không đến thăm cụ sao ?

- Thịnh thoảng mới đến mà tụi tao phải rủ nhau đi một lượt bốn năm đưa để cho lính mã tà và bọn điếm chỉ ít nghi ngờ . Mày muốn tao rủ thêm vài ba thằng bạn nữa đi với tụi mình cho vui không ?

- Thôi không cần , hai đứa mình đi đến thăm cụ , chớ có làm gì mà sợ .
Đi một đoạn đường ngắn lên một dốc khá cao , đường đất đỏ nhiều bụi
chưa tráng nhựa - Quỳnh chỉ một nếp nhà ở ngay cuối đường :

-Nhà cụ Phan đấy .

Tuấn trông thấy trước hết một chiếc cổng sơ sài bằng hai trụ gỗ , trên đóng
ngang một tấm bảng để một dòng chữ đen :

Nhà đọc sách Phan Bội Châu .

Chiếc cổng dựng ngay giữa một hàng rào cây , và luôn luôn mở rộng .
Không do dự, Quỳnh và Tuấn bước vào , đi rón rén , giữ lễ phép , qua một
sân hẹp rồi bước lên thềm nhà tô xi măng . Nhà có ba gian rộng rãi , để
trống . Tuấn hồi hộp tưởng sắp sửa được trông thấy cụ Phan . Nhưng cảnh
nhà thanh vắng , không một tiếng động . Tuấn và Quỳnh đứng yên trên
thềm , đợi xem có ai ra thì xin yết kiến Cụ .

Một lát , một em bé học trò độ 7 tuổi , đầu cạo trọc chừa một chòm tóc ở
giữa , từ ngoài chạy vào , nét mặt ngây thơ , nói với hai cậu học trò , bằng
giọng Nghệ An :

- Cụ bán gạo ở ngoài nớ .

Bé chỉ một gian hàng gạo rất sơ sài ở góc sân , một cái chòi thì đúng hơn ,
lợp bằng tranh . Một cụ già mặc áo dài màu nâu , đang đứng bán vài lon
gạo cho các chị nhà nghèo . Em bé chạy ra thưa với cụ một vài lời gì đó .
Cụ cười giao thúng cho bé trông nom , và chống ba toong đi thủng thỉnh
vào nhà . Tim Tuấn đập mạnh . Tuấn được chiêm ngưỡng lần đầu tiên nhà
Chí sĩ Phan Bội Châu , với một chòm râu phong phú , mắt đeo kính trắng ,
vòm trán cao vút tận đỉnh đầu . Cụ bước đi thư thả , tay mặt chống ba toon
- cây ba toong của toàn quyền Varenne tặng cụ -- tay trái hơi cong , bàn tay
lấp dười tà áo nâu dài .

Cụ mặc quần trắng bằng vải nội hóa , mang đôi dép da . Trông cụ không
khác nào một vị Tiên lão da mặt hồng hào , đang bước thung dung ở dưới
bóng cây . Cụ bước lên thềm ngó hai cậu học trò . Tuấn và Quỳnh chấp hai
tay trước ngực , cúi đầu chào cung kính . Cụ cười rất tự nhiên , rất hiền
lành , đưa tay chỉ gian nhà giữa :

- Mời hai cậu vào .

Tuấn và Quỳnh đợi cụ Phan vào trước , và theo sau cụ . Sau khi mời ngồi , cụ hỏi :

- Hai cậu học ở trường Quốc Học ?

Tuấn đáp :

- Dạ thưa Cụ , con ở xa mới tới Huế lần đầu tiên , đến hầu thăm Cụ . Thấy Cụ được khỏe mạnh con rất mừng .

Cụ hỏi Quỳnh :

- Còn cậu nì ?

- Thưa cụ , con học trường Pellerin .

Cụ còn hỏi han nhiều câu về việc học và gia đình của hai cậu học trò , rồi cụ nghiêm trang dạy bảo nhiều lời giáo huấn , về lòng yêu nước yêu dân . Cụ gọi người nhà lấy ra hai quyển sách mỏng do cụ soạn , nhan đề Nam Quốc Dân tu tri và Nữ Quốc Dân tu tri . Cụ trao cho hai đứa hai quyển và bảo :

- Các anh chị Nam Nữ Quốc Dân nên xem hai quyển sách nhỏ này để trở thành người Quốc Gia .

Sau một lúc nói chuyện lâu trên một tiếng đồng hồ , cụ thấy ngoài chòi gạo của cụ có đông đồng bào lao động đến mua gạo , cụ xin lỗi đứng dậy :

- Hai cậu ở đây chơi , một lát tôi vào .Tôi ra bán gạo , kéo bà con cô bác chờ lâu .

Cụ Phan Bội Châu chống ba toong đi ra sân , Tuấn và Quỳnh thừa dịp , đi xem qua ba gian nhà của cụ. Một em bé hướng dẫn , bảo :

-Ba gian nhà là tượng trưng Nam Trung Bắc , cùng nhau như anh em một nhà .

Gian bên trái là phòng tắm của cụ , gian bên phải gọi là “ phòng đọc sách “ , Tuấn để ý rất kỹ hai bức tranh bằng mực đen do một bạn Nam học sinh trường Quốc học vẽ một chậu nước trong đó có bơi vài con cá . Dưới tranh , đề “ Cá chậu “ . Một bức tranh khác do một chị nữ sinh Đồng Khánh vẽ , đề là “ Chim lồng “ .

Ra ngoài sân , nơi góc bên phải , Tuấn thấy một ngôi miếu nho nhỏ , thờ một Nữ đồng chí của cụ .

Kinh thành Huế chia ra ba khu nhà rõ rệt . Bên tả ngạn sông Hương là

Thành Nội , với các Cung Điện nhà Vua , với Tam Tòa , Lục Bộ, tất cả ở phía trong mấy lớp thành cao . Ngoài thành là các phố buôn bán và chợ Đông Ba . Bên kia cầu Gia Hội phần nhiều là dinh thự và nhà cửa của các quan .

Bên hữu ngạn sông Hương , nổi bằng một chiếc cầu sắt khá rộng tên là cầu Trường Tiền là khu Bảo Hộ Pháp với tòa Khâm Sứ và các cơ quan hành chánh của Pháp .

Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu , ở xóm Bến Ngự , ngoài châu thành , nơi đây phần đông các nhà đều vào hạng trung lưu và bình dân . Nhà cụ Phan Bội Châu có thể gọi là tượng trưng cho tinh thần anh dũng của dân tộc , cho truyền thống bất khuất của nhân dân Việt Nam , mặc dù bị kềm hãm trong hoàn cảnh “ cá chậu , chim lồng “.

Nhà cụ lợp bằng tranh , ở giữa một xóm nhà tranh , và cao ráo khoáng đãng , tiền của đồng bào toàn quốc khắp ba kỳ , tự động đóng góp , chứng tỏ lòng nhiệt thành chiêm ngưỡng của đồng bào sùng bái cụ .

Có điều rất lạ , là không có một tờ báo nào ở Hà Nội , Huế, Saigon hô hào lạc quyền công khai , mà chỉ có truyền miệng với nhau người này bảo người kia , thế mà mọi người đều tự thấy có bốn phận gần như thiêng liêng , phải đóng góp một chút tiền với đồng bào , để gửi đi Huế tặng nhà Chiến sĩ cách mạng đã hy sinh tất cả vì Dân vì Nước.

Các nhà ái quốc ở Huế thu góp các số tiền ấy , để cất lên cho Cụ một ngôi nhà ba gian , sắm cho Cụ một chiếc thuyền nan để cụ có nơi nghỉ mát trên sông Hương và một số vốn , để cụ uống rượu , ngâm thơ , vừa cùng một chú tiểu đồng đi Thuận An buôn gạo về bán .

Cụ sống cuộc đời thanh bạch và nhàn hạ , chỉ giao du với các bạn đồng chí già , và cũng rất mến bạn trẻ , lao động , trí thức , sinh viên , học sinh ở Huế và khắp Bắc Trung Nam . Mọi người đều tôn sùng Cụ như một thần tượng chói lọi uy danh . Ba tiếng “ Phan Bội Châu “ và cả ba tiếng biệt hiệu Phan Sào Nam , gợi lên trong trí óc thanh niên hình dáng rất đáng tôn kính của một cụ già có vòm trán cao , đôi mắt sáng ngời , chòm râu tiên lão , gần như một vị thần sống của Lịch Sử Việt Nam ở đương kim thời đại .

Thế hệ thanh niên của Tuấn rất hãnh diện được một vị thần sống như thế để

sùng bái, để thờ . Cho nên những bạn bè của Tuấn và Tuấn đều triệt để tuân theo những lời giáo huấn của cụ , say mê đọc các thi văn của cụ , coi những bài những sách của cụ viết ra như những lời châu ngọc .

Đến Huế ngày đầu tiên , Tuấn đến thăm cụ Phan Bội Châu , và sau khi đã được chiêm ngưỡng dung nhan của cụ , được vinh dự hầu chuyện trên ba tiếng đồng hồ với cụ , được cụ hỏi han khuyên bảo , Tuấn được hoàn toàn thỏa mãn .

Suốt mấy ngày đi thăm các thắng cảnh ở Huế , Tuấn vẫn không rời khỏi hình ảnh cao siêu lẫm liệt của cụ Phan Bội Châu . Sông Hương núi Ngự , cầu Bạch Hổ hồ Tĩnh Tâm , điện Hòn Chén , các lăng tẩm của các vị Hoàng đế quá cố đều chỉ là những cảnh đẹp nên thơ , tuy là hùng tráng , vĩ đại như không thể nào thanh cao tráng lệ bằng túp lều ba gian của cụ Phan ở Bến Ngự .

Tuấn muốn trở lại nhiều lần để được hầu chuyện cụ Phan , nhưng Quỳnh và Tổ bảo :

- Mày đến đây thường sẽ bị bọn Mật thám và lính mã tà để ý theo dõi có ngày ở tù đấy .

Tuấn ngại không dám đến nữa , nhưng mỗi buổi chiều mát thường rủ vài ba đứa lên Bến Ngự , đi ngang qua trước cổng nhà cụ để nhìn vào .

Nhớ hôm đầu tiên đến viếng cụ , cụ bảo :

- Người Tây không mở nhiều trường để dạy dỗ con dân nước Nam cho nên quốc dân còn thất học nhiều quá . Như thế bảo nước ta tiến bộ văn minh sao cho kịp với các quốc gia trên thế giới ?

Do ý kiến ấy , về nhà trọ , tối Tuấn thử viết một bài luận thuyết nha đề là :” Ở Trung Kỳ , nên cưỡng bách giáo dục “ . Trong bài Tuấn đòi hỏi người Pháp bảo hộ phải mở rộng nền giáo dục cho toàn thể quốc dân , cho tất cả mọi người An nam đều phải được đi học . Tuấn đổi một chữ trong câu của chính trị gia Pháp :” Après le pain, l’instruction est le premier besoin de people “ mà viết lại :” Sau cơm áo , giáo dục là nhu cầu thứ nhất của dân “ . Viết rồi sửa đi sửa lại bốn tiếng đồng hồ mới xong . Tuấn đưa cho mấy đứa bạn ở cùng nhà trọ xem . Đứa nào cũng khuyến khích Tuấn , và bảo Tuấn chép lại sạch sẽ để sáng hôm sau đem đến toà báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh

Thúc Kháng , thử coi có được đăng không .

Sáng hôm sau , Tuấn đi với bốn thằng bạn đến toà báo Tiếng Dân , ở đường Đông Ba . Trước khi đến đây , Tuấn tưởng tượng tòa báo đồ sộ , oai nghiêm , có lính gác , có kẻ châu người chực , cũng như Toà Sứ , Toà Án vậy .

Nhưng khi đến nơi , Tuấn ngạc nhiên , vì là lần đầu tiên Tuấn mới thấy một “ Toà Báo “.

Toà báo Tiếng Dân là một căn phố chật giống như các căn phố cùng một giãy ở trên lề đường Đông Ba , ngó xuống sông Đông Ba , một con sông đào , chi nhánh của sông Hương .

Đây là một căn phố hai tầng trên gác có một cửa sổ mở rộng , tầng dưới có một cửa lớn , chật hẹp , phía trên có treo một tấm bảng kẻ chữ in :

TIẾNG DÂN

Hai bên có hai chữ nho : Dân Thanh (nghĩa là TIẾNG DÂN)

Và một dòng ở trên “ Huỳnh Thúc Kháng Công Ty “

Tuấn sợ , không dám vào . Nhưng mấy đứa bạn cũng chẳng đứa nào dám vào . Năm đứa đi lại trước cửa Toà báo vài ba lần , thằng này xúi thằng kia , rồi cùng cả năm đứa đều vào . Tưởng là gặp ngay cụ Huỳnh Thúc Kháng , chủ nhiệm kiêm chủ bút , nhưng năm cậu học trò thấy một ông mặc y phục An nam , áo dài đen , còn trẻ . Trên tường có tấm bảng đề : Ty Quản Lý . Năm trò không hiểu ty Quản Lý là gì , nhưng Quỳnh cầm bài của Tuấn , đưa bản thảo cho ông ngồi ở đấy . Ông kia lấy xem qua rồi hỏi :

- Bài của cậu muốn gửi đăng báo phải không à ?

Quỳnh chỉ vào mặt Tuấn :

- Dạ, thưa ông , bài của anh này viết , chứ không phải của tôi .

Ông quản lý gật đầu :

- Được , để tôi đưa lên gác cho cụ Huỳnh coi , nếu cụ bảo đăng được thì mới đăng , còn không thì bỏ . Các cậu không được đòi lại bản thảo nghe .

- Dạ.

Quỳnh lạnh lợi nhất trong đám , chấp hai tay chào :

- Xin chào ông .

Mấy đứa khác cũng bắt chước chào ông “quản lý “ như thế rồi kéo nhau ra .
Tuấn chào cuối cùng và lo chạy ra trước .

Đi đường năm cậu học trò bàn tán , không biết cụ Huỳnh Thúc Kháng sẽ cho đăng bài đó hay là cụ bỏ vào sọt rác ? Tuấn hồi hộp suốt ngày đó , ăn không được , và cũng không làm được gì cả . Đi đâu , ngồi đâu , nằm đâu , Tuấn cũng suy nghĩ vẩn vơ , nửa lo sợ , nửa hy vọng . Lo sợ là nếu bài đó sẽ bị cụ Huỳnh bỏ vào sọt rác , thì Tuấn sẽ mắc cỡ với mấy đứa bạn , hai là nếu đăng được thì sợ mật thám tây sẽ theo dõi .

Tuấn viết hơi hăng , công kích người Pháp ở Annam bắt dân nộp thuế mà không chịu mở nhiều trường học để mở mang giáo dục cho dân . Nhưng hy vọng rằng cụ Huỳnh coi bài đó , nếu có câu nào viết hăng quá , cụ sẽ bỏ đi ... Ồ , nếu bài của Tuấn được đăng nhỉ ! Đó sẽ là bài đầu tiên của Tuấn được hân hạnh đăng trên mặt báo mà lại là báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng . Có lẽ hay lắm thì được đăng trong mục “Độc Giả Diễn Đàn “ là cùng . Tuấn tưởng tượng nếu được đăng thì người bạn đã giúp Tuấn ở Qui Nhơn , là anh Phạm Đào Nguyên sẽ được đọc và sẽ viết thư khen Tuấn . Và mấy người ở tỉnh nhà cũng sẽ đọc bài đó , thật là một vinh dự lớn lao vô cùng đối với cậu học sinh 17 tuổi lần đầu tiên tập viết báo .

Mấy đêm liên tiếp hồi hộp không ngủ .

Nhất là đêm thứ năm sau đấy , Quỳnh bảo Tuấn :

- Chiều mai thứ sáu , là ngày Tiếng Dân phát hành . Nếu bài của mày được đăng thì may ra được đăng trong mục “độc giả diễn đàn “ trong số đó . Nếu không thì nó cũng sẽ hân hạnh được cụ Huỳnh xé chùi đấy !

Các bạn của Tuấn nửa đùa nửa thật , nhưng chính Tuấn cũng áy náy lo bài của mình không được cụ Huỳnh chấp nhận .

Bốn giờ chiều thứ sáu , Tuấn đi ra phố một mình đón mua tờ Tiếng Dân . Đây là tờ báo duy nhất ở Huế thời bấy giờ , mỗi tuần xuất bản hai lần. Uy tín của nó rất lớn , do uy tín cá nhân của cụ Huỳnh Thúc Kháng , một đại Nho , một chí sĩ cách mạng đã bị đày đi Côn Lôn cùng một lượt với cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh , và đã hồi hương sau khi mãn hạn tù .

Uy tín của tờ Tiếng Dân không những riêng ở Đế Đô Huế , mà vang lừng

khắp trong nước , và là tờ báo đầu tiên được phổ biến sâu rộng từ thành thị đến thôn quê . Riêng ở Trung Kỳ , mỗi làng có vài nhà Nho gọi là “ Tân Nho “ – danh từ dùng để phân biệt với những “ Hủ Nho “ – Tân Nho là những ông Tú , ông Cử , hoặc các thanh niên Nho học có óc “ mới “ , khuynh hướng về văn minh tiến bộ . Họ đều là những người có đóng cổ phần trong Công Ty Huỳnh Thúc Kháng và được biểu Báo Tiếng Dân , hoặc có đóng tiền mua năm Báo Tiếng Dân .

Tuy hầu hết các giới trí thức “ có đầu óc quốc gia “ ở khắp nước và riêng ở Huế đều mua báo Tiếng Dân , nơi đây họ thích đọc nhất những bài xã thuyết của cụ Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng , và những bài của cụ Sào Nam Phan Bội Châu , nhưng hình như cũng có một số đông người không chịu bỏ tiền ra mua (giá mỗi số 5 xu) và chỉ mượn đọc . Có lẽ để tránh cái nạn mượn báo về xem báo cộp , cụ Huỳnh Thúc Kháng đã dùng một biện pháp đặc biệt . Những số báo phát hành ở ngay thành phố Huế , giao cho vài chú em ôm báo đi bán dạo , đều được gấp 6 theo chiều ngang rồi gấp đôi theo chiều dọc , và dán một giấy trắng bịt hai đầu , có dấu xanh của Toà Báo đóng một nửa trên rẻo giấy , một nửa trên mặt báo .

Như thế, tờ báo bị dán lại , chỉ những người nào trả tiền mua báo , mới xé rẻo giấy kia ra và mở tờ báo ra xem . Biện pháp này tránh được những độc giả xem báo cộp vì mọi khi rẻo giấy bị xé ra rồi , người lãnh báo bán dạo trả lại nhà báo không nhận .

Tuấn trao 5 đồng xu cho đứa bé bán báo dạo và lấy một tờ . Đó là tờ Tiếng Dân số 100 . Hồi hộp vội vàng , Tuấn xé rẻo giấy có con dấu của ty quản lý tờ báo , và mở ra xem . Tuấn rất đỗi ngạc nhiên và mừng thấy ngay nơi mục xã thuyết ở trang nhất , bài của Tuấn với cái đầu đề in chữ đậm sấp đầy hai cột :” Ở Trung Kỳ nên cường bách giáo dục “ , Tuấn ngó liên xuống cuối bài , thấy rõ ràng tên của mình , và một bên có giòng chữ “ còn nữa “ .Tuấn mừng rỡ , không kịp đọc , lật đật cầm tờ báo chạy về nhà . Tụi bạn đi học trường Pellerin chưa về . Tuấn nằm dài xuống bộ ván ngực trải nguyên tờ báo ra trước mặt và xem bài của mình . Tuấn vô cùng thích thú đọc lại những câu văn chính mình đã viết , nhà báo không thêm bớt một chữ . Những câu văn mình đã nguệch ngoạc bằng mực tím trên trang giấy

học trò , bây giờ thành chữ in , đậm đà và sắc sảo trên trang giấy báo Tiếng Dân ! Tuấn vô cùng sung sướng cảm động vì đây là bài báo đầu tiên của mình .

Cũng y nguyên những câu văn đó , mà lúc còn viết tay trước khi đem đến toà báo , không thấy hay , không thấy đẹp , không thấy thâm thúy bằng khi đã in trong mục xã thuyết hai cột báo Tiếng Dân .

Tuấn đọc đi đọc lại từng đoạn , cả bài , xem lại đầu đề in hai giòng chữ đậm , rồi ngó lại cái tên ký của mình cũng in bằng chữ lớn . Tuấn mỉm cười thỏa mãn , nằm ngửa trên bộ ván bóng mượt , mát lạnh , để tờ báo Tiếng Dân trên ngực , nhắm mắt tưởng tượng tất cả sự sung sướng lần đầu tiên có một bài của mình được đăng trên mặt báo , lại là tờ báo có uy tín nhất của Trung Kỳ , của cả xứ An nam tờ báo của cụ Huỳnh Thúc Kháng .

Bài của Tuấn được đăng trong mục xã thuyết , là nơi dành riêng cho cụ Huỳnh Thúc Kháng mà thôi . Tuấn không ngờ bài của Tuấn được đăng thành hai kỳ , kỳ này trong tờ báo số 100 , kỳ sau trong số 101 . Tuấn lại tưởng tượng vài hôm nữa số báo Tiếng Dân này sẽ được gửi đi khắp nơi trong nước và tất cả những người quen Tuấn ở Qui Nhơn Quảng Ngãi v.v... sẽ đọc bài của Tuấn . Phạm Đào Nguyên sẽ đọc bài ngay sau khi cầm tờ báo ở sở về .

Và cha của Tuấn , mẹ của Tuấn ở Quảng Ngãi , các thầy giáo của Tuấn , sẽ ngạc nhiên thấy nơi mục xã thuyết của tờ báo cụ Huỳnh một bài của Tuấn ký tên Tuấn .

Tuấn đang thưởng thức một mình sự khoái chí mênh mông không kể xiết , thì các đứa bạn đi học đã về , Quỳnh thấy tờ báo Tiếng Dân nằm trên ngực Tuấn , cất tiếng hỏi Tuấn :

- Báo mới đó phải không Tuấn ?
- Ừ.
- Có đăng bài của mày không ?
- Có .
- Đâu ?

Quỳnh vội lấy tờ báo tìm mục “Độc giả Diễn đàn “ nhưng Tuấn hãnh diện bảo :

- Ngay ở mục xã thuyết.

Quỳnh ngồi xuống ván gỗ , đọc một mạch hết bài báo , trong lúc ba đứa bạn khác đều chụm đầu vào xem bài báo của Tuấn . Đọc xong , Quỳnh cười vui vẻ :

- Sướng quá hì ! Tuấn mày viết báo được rồi đấy . Được đăng trên Tiếng Dân , lại đăng ngay nơi mục xã thuyết của cụ Huỳnh , vinh dự nào bằng .

Xong rồi mấy đứa bạn xúi Tuấn đến toà báo “ xin tiền nhuận bút “.

Tuấn không muốn đi :

- Tao không dám đến cụ Huỳnh để xin tiền nhuận bút . Miễn cụ đăng cho được là khoái rồi .

Quỳnh bảo :

- Cụ đăng là một chuyện , mà mình lấy tiền nhuận bút là một chuyện chớ .

- Nhưng bài đăng đã hết đâu. “ Còn nữa “ mà !

- Vậy đợi xem kỳ số 101 đăng hết bài của mày , thì đến xin cụ trả tiền nhuận bút . Lấy tiền về ăn chè hột sen , mày phải đãi mỗi đứa tao một chén , chớ tội gì không lấy , mà !

Số 101 ra , Tuấn cũng vội vàng mua một số xem . Bài của Tuấn vẫn giữ nguyên đầu đề , với hai chữ “ tiếp theo “ và kỳ này đăng hết , dài hai cột xã thuyết và cũng ký tên của Tuấn .

Gặp lúc túng tiền , chưa có trò nào nhận “ mandat” của gia đình gửi cho , bốn đứa bạn nhất định xúi Tuấn đến toà báo Tiếng Dân . Tuấn cùng đi , nhưng đến toà báo Tuấn đứng lấp ló ở ngoài , không dám vào . Quỳnh và ba đứa bạn đánh liều bước vào toà báo .

Tuấn đứng ngoài cửa ngó vào thấy bốn đứa bạn nói gì với ông quản lý tên là Trần đình Phiên .

Một lúc khá lâu , hình như ông Phiên đi lên gác thưa với cụ Huỳnh Thúc Kháng , rồi trở xuống một cầu thang chật hẹp , kế phòng quản lý , ông hỏi :

- Tuấn là ai ?

Quỳnh vội chạy ra cửa gọi Tuấn vào . Nhưng Tuấn mắc cỡ và nhút nhát, khẽ bảo Quỳnh :

- Mày cứ lấy tiền đi . Tao không vào đâu .

Một lát sau , bốn đứa bạn đi ra . Quỳnh cười bảo :

- Tao phải ký cái biên lai nhận dùm mây đó .

- Cũng được chứ sao .

Quỳnh đếm bạc trao lại cho Tuấn 4 đồng , và bảo :

- Ông Trần Đình Phiên nói cụ Huỳnh Thúc Kháng khen bài mây viết hay và biểu trả tiền nhuận bút bấy nhiêu đó .

Tuấn vui mừng quá chừng , nở mũi cười hí hờn , 4 đồng bạc ! Ô chu choa ! Sao nhiều quá vậy ? Tuấn ước độ 4, 5 giác thôi { 1 giác (tiếng Trung) , một cắc (tiếng Nam) , một hào (tiếng bắc) } chớ , ngờ đâu được 4 đồng , món tiền to như thế ! Sẵn dịp đi ngang qua phố Đông Ba , Quỳnh mượn hai xu để mua một quyển vở , ba đứa bạn kia cũng mượn tiền mua viết chì , mực v.v...Tuấn còn 3 đồng 4 giác .

Tối hôm đó cơm xong , nghe thấy cô hàng bán chè hột sen rao trước cổng , mấy đứa bạn chạy ra gọi .Tuấn vui vẻ đãi mỗi đứa hai chén chè hột sen , mỗi chén một xu .

Nghe nhiều đứa bạn bảo cho biết ở Hà nội , thanh niên sinh viên tham gia các cuộc hoạt động “ Hội Kín” rất đông . Tuấn muốn đi Hà nội . Chàng viết thư ra hỏi ý kiến một người bạn học cũ ở Qui Nhơn bây giờ học trường Thăng Long , Hà nội , và ở trọ nhà một công chức ở đường Général Bichot .

Trong khi chờ thư trả lời , Tuấn đi thăm các thắng cảnh Đế Đô, và xem tình hình sinh hoạt ở đây , với mấy đứa bạn học trường Pellerin . Nhóm học sinh này đưa Tuấn đến thăm Nữ công học hội do bà Đạm Phương điều khiển .

Đạm Phương nữ sử là một vị phụ nữ quý phái tiếng tăm lừng lẫy ở Huế . Bà rất thông giỏi chữ Hán và thường viết bài bằng Quốc Ngữ , và Hán Ngữ đăng trong Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh ở Hà nội . Bà là vợ góa của một vị cựu thượng thư Triều đình Huế , giòng họ thế phiệt Nguyễn Khoa . Bà là mẹ của nhà văn trẻ tuổi Hải Triều , cậu con trai quý tộc này lại chịu ảnh hưởng học thuyết mác-xít , và có khuynh hướng đệ tứ quốc tế . Bà , thì trái lại , vẫn là một môn đồ trung thành của Khổng giáo , nhưng vẫn theo trào lưu mới . Bà rất tôn sùng cụ Phan Bội Châu , và tâm niệm tư tưởng ái quốc của cụ . Bà rất được giới nữ trợ giáo và nữ sinh trường Trung

học Đồng Khánh khâm phục lắm . Biệt thự cổ kính của bà là nơi gặp gỡ của các giới nữ lưu “ tân tiến “ cả nam giới trí thức của đất thần kinh .

Do theo lời hô hào trong quyển “ Nữ quốc dân tu tri “ của cụ Phan Bội Châu , bà có đứng ra lập “ Nữ công học hội “ để dạy các thiếu nữ ở Đố Đô về các môn nữ công , và dạy cả khoa luân lý “ tứ đức tam tòng “ của Khổng giáo . Bà có mời cụ Phan Bội Châu đến khánh thành Hội trong một buổi lễ rất giản dị nhưng rất long trọng với sự hiện diện của hầu hết các giới thượng lưu trí thức và nữ sinh Huế .

Tuấn thắc mắc mãi về hai chữ “ nữ sử “ kèm theo tên Đạm Phương của bà , Tuấn hỏi một vị giáo sư giỏi chữ Hán , vị ấy giảng nghĩa “ nữ sử “ là chức vị của một quan phụ nữ trong Triều đình , chuyên lo về các nghi lễ của Hoàng Hậu .

Bà cũng viết trong Phụ Nữ Tân Văn tuần báo nổi tiếng ở Saigon và đôi khi trong báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh. Đạm Phương nữ sử có viết một cuốn sách về giáo dục phụ nữ , được các giới nữ lưu Huế hoan nghênh lắm.

Nhân tiện nói về báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng , là tờ báo “ cách mạng “

(nhưng chủ trương rất ôn hòa) của các giới Lão Nho và thanh niên cách mạng ở Trung Kỳ , ở Huế lúc bấy giờ còn có hai tờ báo khác : tờ Thần Kinh tạp chí , của giới quan lại , và tờ Phụ Nữ tân tiến của bà Lê Thanh Tường , vợ ông bí thư của quan Khâm Sứ Trung Kỳ , Yves Châtel. Tờ phụ nữ tân tiến trình bày và khuôn khổ cũng na ná như tờ Phụ nữ Tân Văn ở Saigon , nhưng bán không chạy . Ngay ở Huế cũng chỉ các bà mệnh phụ và một số phụ nữ trí thức mua mà thôi .

Bà Lê Thanh Tường , người Nam Kỳ , cũng là một nữ sĩ hay làm thơ Đường Luật có danh tiếng ở Huế thời bấy giờ . Sẵn nói đến nữ giới ở Trung Kỳ , Tuấn còn nghe phương danh một nữ sĩ rất có danh tiếng ở Tourane . Tên bà là bà Vương Khả Lãm , tác giả một bộ tiểu thuyết khá hấp dẫn , nhan đề là “ Tây Phương Mỹ Nhân “ thuật chuyện có thật của một cô Đầm ở Pháp theo chồng An nam về sống cuộc đời thôn quê trong một làng tỉnh Quảng Nam . Người đàn bà đẹp Tây phương ấy rất sung sướng với người chồng An nam quê mùa , nghèo khổ , mặc dầu bà bị các quan Tây ở

Tourane hăm dọa và xúi dục bà bỏ thẳng chồng An-na-mít vì danh dự và lòng kiêu căng của người Pháp .

Theo gương Đạm Phương nữ sử , bà Vương Khả Lâm cũng có mở một hội nữ công tại thành phố Tourane , và cũng có mời cụ Phan Bội Châu ở Huế vào khánh thành . Lễ khánh thành này vì sự có mặt của nhà chí sĩ Bến Ngự và do sự tuyên truyền rầm rộ của bà hội trưởng và các hội viên toàn là các cô gái tân thời , là một biến cố rất long trọng và xôn xao náo nhiệt .

Bà Vương Khả Lâm là người tân tiến nhất ở Tourane thời bấy giờ . Bà rất hăng hái chủ trương “ Nam nữ bình quyền “ do cụ Phan Bội Châu đề xướng theo phong trào Âu Mỹ . Bà là người phụ nữ An nam đầu tiên ở Tourane đi xe máy đầm . Bị dư luận dân chúng xâm xì bàn tán quá bà phải để chiếc xe máy đầm của bà cho ông chồng ngày hai buổi cỡi đi đến sở , và cỡi về . Phu quân là ông Vương Khả Lâm làm tham tá nhà Douane (thương chánh) Tourane. Sau này , vì quá tân tiến , giao du rộng , bà hút thuốc phiện và trở thành người ghiền.

Những buổi tối nóng bức , người ta thấy bà nằm bên bàn đèn tự tiêm thuốc phiện lấy và quan tham , chồng bà , cầm chiếc quạt ngồi cạnh quạt cho bà mát . Bà ghiền nặng lắm , có khi nằm hút đến 12 giờ khuya , và ông chồng cũng còn ngồi quạt hầu bà cho đến khi bà dẹp bàn đèn đi ngủ . Bà sẵn sàng tuyên bố với mọi người rằng bà cụ thể hoá học thuyết “ nam nữ bình quyền” .

Về nữ giới , phái trẻ tuổi nhất lúc bấy giờ , có hai cô trợ giáo mới tốt nghiệp bằng Thành Chung (diplôme d'Études primaires-supérieures franco-indigène) cựu nữ sinh trường Trung học Đồng Khánh : cô Trần thị Như-Mân và cô Nguyễn thị Du . Hai cô này đều có công lớn trong vụ bãi khóa năm 1927 ở Huế . Sau đỗ tốt nghiệp xong , cô trợ giáo Như-Mân kết hôn với thầy trợ giáo Đào Duy Anh , ông này đã xin nghỉ dạy để làm trợ bút (nay gọi là ký giả) báo Tiếng Dân . Ông Đào Duy Anh và cô Như Mân , hợp tác dịch các sách về chính trị , kinh tế và tự xuất bản , thành lập “ Quan Hải Tùng Thư” . Các sách của Quan Hải tùng thư hồi đó được các giới trí thức và thanh niên học sinh rất hoan nghênh , và bán rất chạy .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 38

1927

- Hà Nội "Kinh đô trí thức" của Đông Dương.
- Phong trào đi du học Hà Nội .
- 2 bài thơ cam kết của đôi bạn trẻ cùng chí hướng .
- Một Quan Huyện làm thơ ca ngợi chiếc xe lửa trên đường Hỏa – xa tốc hành Saigon-Hà Nội .
- Lần đầu tiên đến Hà Nội .
- Xe kéo Hà Nội

Hà Nội ! Thăng Long !

Đối với Tuấn , chàng thư sinh 17 tuổi , quê quán ở một làng hẻo lánh , nhỏ bé , ở miền núi Trung Kỳ , đi Hà Nội là một việc trước kia không bao giờ chàng dám nghĩ đến .

Dù sao Huế cũng còn gần gũi hơn , Huế mới chỉ là Đế Đô của nhà Nguyễn , Huế hãy còn là một thủ đô của xứ Trung Kỳ mà thôi . Chứ Hà Nội ! Ồ ! Hà Nội , tên cũ là Thăng Long , đó là cái gì khác xa Huế , lớn hơn Huế , xưa hơn Huế , đồ sộ hơn Huế . Đó là kinh đô của Lịch sử ! Đi Hà Nội , tức là đi về cái nguồn gốc của Lịch sử !

Cổ cội hơn Huế , mà tân tiến hơn Huế . Huế chỉ có ông Khâm Sứ , ông vua An Nam , Hà Nội có ông Toàn Quyền , có thành cũ Thăng Long , có trường Cao Đẳng Đông Dương , có cầu Doumer, có Hồ Hoàn Kiếm , có đền Bà Trưng , có tượng Paul Bert ! Tất cả bốn nghìn năm lịch sử “ An-nam-quốc “ đều có mặt ở Hà Nội , Thăng Long .

Tuấn , chàng trai nước Việt ở thế hệ giao thừa , mới 17 tuổi đã bị đuổi khỏi học đường quá sớm , đã phải tạm biệt thôn quê và tỉnh nhà để đi tìm hoài bão tương lai . Chàng trở mắt nhìn xã hội An-nam với tất cả tâm hồn ngây thơ mơ mộng , lại ngơ ngác trước những cái mới mẻ lạ kỳ , tò mò tìm hiểu bao nhiêu điều cần học hỏi . Tuấn đã thấy thật nhiều ở Huế , nhưng Huế chật hẹp quá , Tuấn mới ở đây một tuần lễ đã cảm nghĩ rằng mình đã biết

gần hết Huế rồi .

Bây giờ lên đường đi Hà Nội , lòng Tuấn hồi hộp vô cùng . Tuấn rất buồn vì mình không phải con nhà giàu . Sinh trưởng trong một gia đình lao động , cha làm thợ mộc , mẹ không có buôn bán gì , được người anh học giỏi làm việc cho Tây - Trần Anh Tuấn , Phán Sự Tòa Sứ , thì lại bị bắt bỏ tù ! Anh bị bắt cùng một lúc với thầy Đồng sĩ Bình , phán sự tòa sứ Qui Nhơn về tội “ tạo yêu thơ yêu ngôn “ . Theo bản án của triều đình Huế , tội tạo yêu thơ yêu ngôn nghĩa là sáng tạo ra văn chương và ngôn ngữ phi pháp , chống chính phủ .

Hôm ông Phán Tuấn bị bắt và đưa đi Ban-mê-thuật thì Tuấn không hay biết gì cả vì Tuấn đang học ở Qui Nhơn . Kỳ nghỉ hè về nhà , Tuấn nghe cha mẹ và hàng xóm kể lại , mới biết rằng ông Phán Tuấn có chân trong một hội kín gọi là “ Thanh niên cách mạng đảng “ và có góp tiền “ mua súng để đánh Tây “ . Tuy bề ngoài làm việc ở Tòa Sứ rất chăm chỉ , đối với người Pháp ông rất lịch sự , nhã nhặn , nhưng không ai ngờ ông Phán Tuấn lại là một đồng chí hăng hái nhất của một đảng cách mạng . Ông hoạt động bí mật trong tỉnh nhà đã hai ba năm rồi mà không ai biết cả , trừ những đảng viên .

Nghe các thầy thông thầy kỹ thuật lại , hôm có lính Tập vây nhà và bắt thầy phán Tuấn , rồi dẫn đến quan Công Sứ Pháp, ông này hết sức ngạc nhiên hỏi Tuấn là người cộng sự đắc lực nhất và quý nhất của ông :

- Tại sao anh vào đảng chống Pháp ?

Thầy Phán Tuấn đáp :

- Thưa ông Sứ , tôi chỉ làm bốn phận của một người dân vong quốc .

- Nhưng anh biết rằng người Pháp đem văn minh qua cho người An nam ?

- Người Pháp làm bốn phận của họ . Chúng tôi làm bốn phận của chúng tôi

.

- Anh nghĩ sao khi chính tôi đây đã đối xử rất tốt đối với anh và đồng bào của anh ?

- Vâng , ông nói đúng và tôi xin cảm ơn ông. Nhưng tôi làm cách mạng không phải chống cá nhân của ông , mà chống nước Pháp , chống chế độ thực dân của Pháp .

Ông Sứ làm tỉnh . Một lúc, ông bắt tay phán Tuấn trước khi truyền lệnh đem giam Tuấn vào lao :

- Dù sao , anh cũng là một người có chí khí (Quand même, vous êtes un brave !)

Khi các quan An nam đem phán Tuấn ra xử theo luật Gia Long , tội của Tuấn là “ tạo yêu thơ yêu ngôn “ (tạo ra thơ văn và lời nói phi pháp) và kết án khổ sai chung thân . Ông Công sứ Pháp phản đối , đề nghị giảm xuống còn 9 năm tù , đày lên Ban-mê-thuật .

Lúc xét nhà phán Tuấn , lính có bắt được một tập thơ do ông phán Tuấn làm , nhan đề là “ Văn thơ nước mắt “ , trong đó có nhiều bài đả kích các quan và vua An Nam . Tập thơ này , chính Tuấn-anh cũng có đưa cho Tuấn-em xem . và Tuấn-em có chép riêng trong một quyển sổ con mấy bài như sau đây:

Quan đi lộng

Khéo trò võng lộng , khéo trò quan !
Chẳng biết hổ người , chẳng ngỡ ngang !
Mất nước muôn dân còn oán hận ,
Làm thân tôi mọi cũng nghênh ngang !

Làm vua thua bù nhìn

Biết nhục không , vua ? Vua hỏi vua !
Bù nhìn còn biết giữ bờ đê
Ngai vàng chẳng hổ thân nô lệ ,
“ Hoàng đế An nam “ khéo vẽ bù !

Khuyên cậu học trò

Trò ơi ! ôm sách đi đâu ?
Học bài toán đố , học câu vọc-bờ
Ngày nay tuổi cậu còn khờ ,
Miếng cơm manh áo còn nhờ mẹ cha ,
Mai sau khôn lớn , đẩy đà

Làm trai phải nhớ Nước Nhà , mang ơn .
Hai vai gánh vác giang sơn
Bẻ dây xiềng xích , thoát cơn tôi đòi .
Khí thiêng nung đúc giống nòi
Rồng Thiêng muôn thuở muôn đời tự do !

14-7 (cách-tốt-duy-tê)

Cách-tốt-duy-dê, đã tới đây
Là ngày Quốc Khánh của ông Tây
Tỉnh thành loe loét cờ ba sắc
Áo mào vênh vang khi một bày
Đại Pháp câu mời , vui thích hỉ !
An nam liếm cháo , tức cười thay !
Làng quê kẻ chợ đi xem hội , Cờ bạc, rượu chè , lăm kẻ say !

Khóc cụ Phan Chu Trinh

Ôi cụ Tây Hồ , ới cụ ơi !
Nước nhà đau đớn , cụ buông xuôi !
Gông cùm nô lệ , dân còn oán
Quân chủ chuyên quyền , hận chữa nguôi !
Đất nổi phong ba , trời thảm lụy
Dân không cha mẹ , Nước mờ coi !
Hương lòng một nén , thơ năm vắn ,
Khóc cụ Tây Hồ , giận lệ rơi !

Gởi Tuấn-em

Nhấn nhủ em trai , óc đại non
Đôi lời mực thước , nhớ chằm ngôn
Học làm nô lệ , thà đừng học
Khôn việc Nước Nhà , ấy mới khôn
Cam khổ không sờn , noi lý tưởng
Thanh bần cố giữ , vẹn tâm hồn

Công danh sự nghiệp do mình tạo
Khí khái anh hùng , để tiếng thơm .

TRẦN-ANH-TUẤN

(Văn thơ nước mắt)

1924-1926

Nhất là bài thơ sau đây , như bản chúc thư của người anh ruột yêu quý , mỗi lần nhớ đến là Tuấn buồn và lo .

Buồn , vì Tuấn đã không làm được việc gì cho có tiền để phụng dưỡng mẹ cha , mà lại còn muốn trốn gia đình để đi Huế , đi Hà Nội thì thật là một đứa con bất hiếu , một đứa em không nhớ lời khuyên dạy của anh . Tuấn biết vậy , nhưng làm sao được khi tính phiêu lưu mạo hiểm , chí khao khát học hỏi , và lý tưởng cách mạng đã được nung đúc từ ba năm qua , như đa số học sinh thời bấy giờ , tất cả những yếu tố ấy mạnh hơn Tuấn , thúc đẩy Tuấn đi tìm một lẽ sống thích hợp cho tâm hồn của chàng trai đang say sưa với thời buổi mới .

Tuấn lại lo vì Tuấn không biết rồi đây tương lai của Tuấn sẽ như thế nào ? Có thể giữ được không những ý nguyện thầm kín của Tuấn , theo lời dạy bảo của anh ? Làm sao cho trở thành một Đất Nước , với Giống Nòi ? Làm sao cho tâm hồn giữ được thanh cao , cho đạt được lý tưởng của đời sống khí khái anh hùng mặc dầu sẽ chịu nhiều cam khổ ?

Tuấn cảm thấy mình hãy còn bé quá , khờ dại quá . Anh cả của Tuấn , cột trụ của gia đình , bây giờ đã đi ở tù tại nhà lao Ban-mê-thuột chính vì lý tưởng cách mạng . Tuấn là con trai duy nhất còn lại với cha mẹ , thì đã bị nhà trường đuổi vì quá hăng say trong cuộc bãi khóa vừa rồi , từ nay làm sao tiếp tục học được nữa ? Đành rằng anh cả nhắn nhủ :” Học làm nô lệ thà đừng học “ , Tuấn cũng quyết định sẽ không bao giờ làm nô lệ , nhưng Tuấn cần phải học giỏi để có căn bản văn hóa vững chắc mới thực hiện được lý tưởng của đời Tuấn , mới đạt được sự nghiệp tương lai .

Tuấn trần trọc suốt đêm trước giờ ra ga xe lửa để đi Hà Nội , cứ nhớ lại mấy bài thơ của anh cả , từng chữ như những lời khuyên răn , mà cũng là những lời tâm huyết , vừa cảnh cáo , vừa khuyến khích ...vừa đề phòng ... Tâm sự của Tuấn đêm nay là tâm sự của một chàng trai của Đất Nước ,

đang bơ vơ , ái ngại , lo sợ trên đường đời vô định .

Hầu hết những chàng trai nước Việt , cùng lứa tuổi của Tuấn , trong thời gian 1926-1927 cho đến 1931-1932 , tuy hoàn toàn mỗi người mỗi khác , nhưng tâm sự lo lắng cho tương lai , cho đất nước , đều như thế cả .

Bởi đó là thế hệ trai trẻ đang chịu ảnh hưởng sâu đậm của trào lưu cách mạng do hai nhà chí sĩ họ Phan đã gây ra , và do lớp trí thức đàn anh noi theo gương hai cụ , tiếp tục đề cao tinh thần cách mạng trong các giới sĩ phu ...

Tuấn chỉ đủ tiền mua vé xe lửa từ Huế ra Hà Nội còn dư trong túi được vài chục tờ giấy bạc 1 đồng , do vài đứa bạn gom góp cho thêm , mỗi đứa cho mười giác , hoặc hơn nữa .

Chiếc xe lửa cũ kỹ , dơ bẩn từ ngoài đến trong , kéo gần hai chục cái toa , cái gòn

(wagon) , thành một đoàn dài đậ sừng sững từ đầu đến cuối sân ga , cao như một bức thành màu nâu , bẩn thỉu .

Lần đầu tiên được đi Hà Nội mà đi trên chiếc tàu hỏa ghê tởm như thế kia , Tuấn không được vui lắm, Tuấn mua vé hạng tư , ngồi trong một toa đầy nghẹt hàng hoá , hành khách chen lấn nhau , đủ hạng người . Tuấn chỉ có một chiếc va li nhỏ bằng mây rất đơn giản , trong đó sắp xếp mấy bộ quần áo tây và An nam , toàn đồ cũ và năm bảy quyển sách Pháp , Tuấn đút va li dưới gầm ghế ngay chỗ Tuấn ngồi để dễ canh chừng , sợ thất lạc . Mấy đứa bạn của Tuấn có mua cho Tuấn để ăn dọc đường : một trái bưởi Huế , một khúc bánh mì và một gói kẹo thèo lèo để ăn tạm với bánh mì .

Nên nhớ rằng ở Huế và cả miền Trung vào khoảng đó (1926-1927) bánh mì vẫn chưa được thông dụng trong dân chúng An nam . Nó thuộc về các món ăn của Tây , và phần nhiều những người ở giới thân cận với Tây mới thỉnh thoảng dùng đến . Còn quần chúng An nam chỉ thích ăn các món bánh truyền thống như bánh bèo và bánh hời . Bánh mì là một thứ bánh lạ , người An nam ăn một vài lần cho biết thế thôi , chớ không ham chuộng lắm , cho nên nó không được bình dân , và các tiệm ăn An nam ít có bán . Mấy đứa bạn của Tuấn muốn cho Tuấn được món ăn đặc biệt trên xe lửa đi Hà Nội , đã phải đến nói riêng với anh bồi của nhà hàng Morin là nhà hàng độc

nhất của Pháp ở Huế để nhờ anh mua dùm một khúc bánh mì chính hiệu của Tây . Vì hình như bánh mì bán ra cho người An nam thì có pha bột khoai mì .

Anh bồi của nhà hàng Morin có lòng tốt , nhờ quen với một cậu học trò , bán cho mấy đứa bạn của Tuấn một chiếc bánh mì lớn bằng trái bắp với giá tiền 5 xu (bằng 50 đồng bạc ngày nay) . Quỳnh hãnh diện trao chiếc “ bánh mì Morin “ cho Tuấn với mấy lời trịnh trọng sau đây :

- Nè, chiếc bánh mì Morin , mầy cất kỹ trong vali để dành ăn trên tàu hỏa . Trên tàu có bánh mì để bán cho Tây chớ không có đủ để bán cho An nam đâu .

Tuấn nghe lời , cất kỹ khúc bánh mì bằng trái bắp trong va li quần áo . Bánh mì để ăn với ...kẹo thèo lèo cũng do mấy đứa bạn mua cho .

Một việc không ngờ cho Tuấn là lúc tàu huýt còi sắp sửa chạy , Tuấn đứng thò đầu ra cửa ngoắc tay từ giã tụi bạn thì Quỳnh chồm lên nhét vào tay Tuấn một miếng giấy , với nụ cười cảm động :

- Để tàu chạy rồi hãy coi !

Tàu chạy xong ra khỏi ga Huế . Tuấn mở giấy ra xem , thì là một bài thơ của Quỳnh :

Tiến Bạn Trần Tuấn

Tiến bạn ra đi , dạ thần thờ

Chút tình ghi lại mấy vần thơ

Học đường , nhắc bạn đừng xao lãng ,

Chí khí làm trai chớ bỏ ngơ

Tổ quốc đang mong bầy tuổi trẻ

Thân tâm phải nhả những dây tơ

Mấy lời tâm nguyện tôi cùng bạn

Non nước ngày mai ...há hững hờ ?

Tuấn xem lại bài thơ của Quỳnh hai ba lần và đã thuộc lòng .Từ đó , trên ghế dài của toa xe lửa phần thì bị lắc qua lắc lại với tiếng động rầm rầm của những bánh xe lăn trên đường sắt , phần bị ép chặt cứng giữa một bà lão ngồi ngủ gục luôn chạm mạnh đầu bà vào đầu chàng , và một ông cụ nhà nho miệng nhai trầu và hút thuốc không ngớt , chốc chốc rung đùi như cảm

hứng một mình , Tuấn cũng nghĩ ra được một bài thơ để họa lại bài tiền bạn của Quỳnh .

Mãi khi tàu hỏa ra khỏi Quảng Trị , khỏi ga Đồng Hới , Tuấn mới nghiên ngẫm xong bài thơ họa , nhưng vẫn âm thầm trong trí óc , không chép ra được vì không có giấy , không có bút , trong lúc xe lửa chạy vùn vụt , rầm rầm , nhức đầu , ù tai , mũi Tuấn hít đầy than và khói .

Thơ của Tuấn họa như sau đây :

Gởi bạn Phan Quỳnh

Xa quê , lạ cảnh , óc bơ thờ
Thăm thẳm đường đời , ngại tuổi thơ
Văn học trau dồi tuy cố gắng
Non sông tử nhục khó làm ngơ
Gọi hồn , chiếc hạc bay tung cánh ,
Vương kiếp con tằm nhả phím tơ .
Đất rộng trời cao duyên cát bụi .
Biết đâu thân thể chỉ mong hờ !

Lúc ra Hà Nội , chép lại bài thơ gửi vào Huế cho Phan Quỳnh , Tuấn chứa ở dưới bài thơ :

Câu đầu làm lúc tàu băng qua cầu Bạch Hổ , Huế . Câu cuối làm xong sau khi tàu ra khỏi ga Đồng Hới .

Tuấn , 28 Septembre 1928

Chàng thiếu niên tự cho là thích thú , đọc thắm lại bài thơ của Quỳnh và bài họa của chàng . Ngâm mãi trong miệng một lát , chàng tùm tùm cười một mình và quên những người ngồi chung quanh , chàng ngâm lớn lên hai câu mà chàng khoái nhất :

Gọi hồn , chiếc hạc bay tung cánh
Vương kiếp con tằm nhả phím tơ .

Ông cụ nhà nho ngồi sát cạnh , ngó chàng :

- Cậu ngâm thơ của ai đấy ?

Tuấn giựt mình , như sự tỉnh giấc mộng , lễ phép đáp :

- Dạ , thưa cụ , con ngâm hai câu thơ của thầy con dạy ở trường .

- À, tôi cũng làm thơ . Buồn ngủ quá . Làm thơ để khỏi ngủ gà ngủ gật như

người ta. Thơ tôi là thơ Đường luật , bát cú , cậu có nghe không ? Thơ tôi thì xuất sắc lắm . Tôi đọc cậu nghe nhé !

- Dạ.

Ông cụ nói tiếng Quảng Bình , hơi khó nghe một tí đối với Tuấn chưa quen nghe . Nhờ được cái là ông cụ khoái chí , rung đùi , ngâm đi ngâm lại hai ba lần nên Tuấn nghe rõ và nhớ được hết . Đây là bài thơ của cụ :

Chiếc Tàu Hỏa

Khen thầy Đại Pháp thật văn minh

Tàu hỏa bày ra , ai cũng kinh

Sức mạnh âm âm ghê máy móc

Chạy nhanh vùn vụt , tựa cung tên !

Ăn mây , nuốt gió , tung trời đất ,

Trèo núi , băng sông , vượt thác ghềnh .

Huýt tiếng còi vang , rung vũ trụ ,

Đến ga, kẻ xuống có người lên !

Rất tiếc là ông cụ không cho biết tôn danh , và Tuấn không dám hỏi . Nhờ nói chuyện một lúc , cụ mới cho cậu thiếu niên biết cụ làm Tri-huyện ở Do Linh . Tuấn không thuộc địa dư , không nhớ Huyện Do Linh ở tỉnh nào , nhưng Tuấn không dám hỏi nhiều , chỉ thích ngồi nghe. Cụ nói chuyện vui vui . Cụ giảng nghĩa bài thơ của Cụ , từng câu từng chữ cho cậu thiếu niên nghe , để cậu thưởng thức thi vị của bài thơ mà cụ cho là xuất sắc , là kiệt tác trong loại thơ Đường luật bát cú .

Tuấn hơi ngạc nhiên là ông cụ nhà nho làm đến chức quan Tri huyện thì đáng lẽ cụ mua vé hạng ba , hoặc hạng nhì , sao cụ lại mua vé hạng tư ! Có lẽ quan Huyện muốn tiết kiệm tiền , vì thời bấy giờ lương quan Huyện An nam không hơn lương một ông quan Phán đầu tòa .

Quan Huyện là nhà nho học , nhưng cũng biết tiếng Tây , nói được tiếng Tây tuy không đúng văn phạm lắm . Quan hỏi chàng thiếu niên một câu tiếng Tây :

- Vous savez pourquoi je parle le Francais comme les Francais, mais je chique toujours du betel aussi ?

Tuấn thấy câu tiếng Pháp của quan không được Tây lắm , nhưng miễn

chàng hiểu nghĩa :” Anh biết tại sao tôi nói tiếng Pháp như người Pháp , nhưng tôi vẫn ăn trầu ?” .

Tuấn cũng trả lời bằng tiếng Pháp :

- Non

- Parce que le bétel c'est le quốc hồn quốc túy des Annamites.

Tuấn không nhin cười được nữa , vì cụ nói “ trầu là quốc hồn quốc túy của người An nam “ . Có lẽ vì cụ không biết dịch bốn chữ “ quốc hồn quốc túy “ ra tiếng Pháp như thế nào , nên cụ để nguyên tiếng Việt trong câu tiếng Pháp của cụ . Cụ còn nói thêm , vẫn nói tiếng Pháp , đại ý : người An nam phải giữ quốc hồn quốc túy của mình , không nên bắt chước người Tây hết , như mặc áo dài , bịt khăn đóng , ăn trầu v.v... là những cái hay cái đẹp mà không nên bỏ ...

Nhờ câu chuyện vui vui với quan Huyện Do Linh mà Tuấn không buồn ngủ và quên nỗi mệt nhọc trên tàu . Hình như quan cũng thấy Tuấn ngoan ngoãn , nên quan ưa nói chuyện . Ngồi một mình trên tàu không ai nói chuyện với ai , buồn chịu sao nổi ? Nhưng nói mãi cũng chán , và Quan Huyện nói nhiều lắm , chắc cũng thấm mệt . Quan thiu thiu ngủ , gục đầu vào thành xe ...

Tuấn ra hành lang đứng xem phong cảnh ...

Tuấn hồi hộp vô cùng . Trái tim của Tuấn rung động mạnh , giống như chuyến tàu chuyển đi vùn vụt trong đêm khuya . Tuấn lo nghĩ lan man về cuộc viễn du cũng như cuộc đời vô mục đích mà không biết ngày mai sẽ ra thế nào ? Tuấn còn nhỏ , đường còn xa , năm tháng còn dài thăm thẳm , rồi đây Tuấn ra Hà Nội sẽ làm được gì ? Sẽ đạt được gì ?

Lơ lửng giữa một xã hội nửa cựu , nửa tân , tuổi của Tuấn chưa un đúc được cái cũ , chưa thấm nhuần được cái mới , Tuấn tự cảm thấy bơ vơ lạc lõng không ai chỉ dẫn . Hầu hết những chàng trai đất Việt đồng lứa với Tuấn , của thế hệ 1925-1932, đều phân vân nơi ngã ba đường của Lịch sử . Ghét Tây mà sợ Tây , mà phải học chữ Tây , đọc sách Tây . Một số thi đậu ra làm việc cho Tây để kiếm tiền nuôi mình , nuôi vợ con , giúp cha mẹ để đền ơn sanh thành , báo đáp công ơn dưỡng dục , ôm chữ hiếu để thờ mẹ kính cha , lấy chữ an thường thủ phận để bảo vệ đời mình .

Còn một số khác vẫn âm thầm óan hận , kết bạn kết bè , lê la những bước sống phiêu lưu ở ngoài rìa xã hội . Họ là thanh niên trí thức , học rộng biết nhiều . Ngoài những sách vở của nhà trường, họ còn tìm hiểu thêm trong các ngưỡng cửa của trí óc , mở rộng nhãn tuyến của học vấn vô biên , của tư tưởng bao la , của kiến văn vô tận . Tuấn thèm thuồng đời sống tự do bay nhảy của hạng trẻ tài hoa tuấn tú ấy . Nhưng làm sao đây ? Tuấn sợ rằng mình bé nhỏ quá . Mình vô tài ? Mình bất lực ? Mình không có khả năng gì quán xuyến hơn người ? Nên rời ghế học đường , Tuấn đi phiêu lưu nơi “ nghìn năm văn vật” mà lòng ái ngại , trí lan man , chưa có gì ổn định cả .

Tàu hỏa đã qua nhiều ga , đã ghé nhiều tỉnh , nhiều thành phố mà Tuấn đã học thuộc lòng trong sách địa dư của nhà trường : Quảng Trị, Quảng Bình , Hà Tĩnh , Nghệ An , Vinh , Thanh Hóa , Ninh Bình , Nam Định ...

Người ta cho biết 6 giờ chiều tàu sẽ đến Hà Nội . Khởi ga Văn Điển là ga gần Hà Nội , Tuấn đã thấy những trụ “ giây thép gió “ cao ngồng lồ nhổ tận nơi xa . “ Hà Nội đấy ! Giây thép gió Bạch Mai đấy ! “ . Một ông cụ người Bắc trả lời cho Tuấn , khi Tuấn hỏi cụ .

Trên tàu, hành khách nhộn nhịp , sửa soạn hành lý , khởi phải dọn dẹp gì cả , nhưng chàng cũng lo sợ , lỡ trong lúc lộn xộn xuống tàu , ai xách chiếc va li của chàng thì nguy... Chàng xách va li đứng nơi cửa sổ , nhìn phong cảnh đất Bắc , gần đến ngoại ô Thăng Long .

Tàu vùn vụt chạy ngang qua một cánh đồng , rồi bắt đầu chậm chậm , rú lên một hồi còi thánh thót ...Một ao sen trắng ...một ao sen hồng ...rồi một dãy phố ...một dãy phố ...Tàu chậm chậm ...chậm chậm ...nhả khói ...phịch...phịch...phịch...như một người thở hổn hển sau khi đã chạy hết một đường trường xa lắc xa lơ , hết hơi , mệt đứ đừ , vừa đến đích .

Đối với Tuấn , thiếu niên 17 tuổi, quê ở một tỉnh nhỏ miền Trung , ga Hà Nội to lớn “ ghê hồn “ , kiến trúc đồ sộ hơn ga Huế , mặt văn minh hùng vĩ hơn . Ga Hà Nội làm cho Tuấn sợ , Tuấn thấy mình bé bỏng quá .

Chàng xách va li đứng yên trên bến tàu một lát để ghi vào trí nhớ những giây phút đầu tiên chàng để chân trên đất Thăng Long .

Rồi chàng len lỏi theo sóng người hành khách tay xách , tay cầm , chảy ào ạt ra cửa "sortie".

Ồ Hà Nội ! Hà Nội ! Giấc mộng say mê của chàng trai phiêu lãng đã hiện ra trong thực tế rồi đây ! Hà Nội rồi đây !

Tuấn đứng đình bước xuống mấy bậc thềm xi-măng của nền hè ga cao rộng . Xuống đến sân , chàng gọi chiếc xe kéo , hỏi người phu xe một câu ngắn gọn :

- Bác ơi bác , bác biết đường Général Bichot không ?

Người phu xe nhanh miệng đáp :

- Phố nào lại chả biết . Mời cậu lên xe , tôi đưa cậu đến nơi ngay .

Tuấn mừng quá , xách va li lên ngồi trên chiếc xe kéo không khác gì xe kéo ở Huế hay ở Quảng Ngãi , Qui Nhơn . Nhưng bác “cu li “ Bắc kỳ lanh lợi hơn và có vẻ sốt sắng hơn . Xe chạy qua mấy đường phố rộng thênh thang , và chạy mãi ...Tuấn hỏi :

- Bác ơi , đường Général Bichot tới chưa ?

- Đường gì cơ ?

- Général Bichot .

- Ở đây có phố Ni-Sô , tiếng An nam tức nà phố Quán Sứ ấy , chứ nàm gì có phố Bi-Sô .

Tuấn rất ngạc nhiên . Đúng theo địa chỉ trong thư người bạn , thì anh ấy ở Général Bichot , mà sao bác phu xe bảo không có . Bác ấy kéo đến đường Richaud (phố Quán Sứ) hỏi số nhà 27 thì không đúng . Tuấn bắt đầu phân vân lo sợ . Nhưng bác phu xe vẫn bình tĩnh , điềm nhiên bảo cậu khách trẻ tuổi ở quê xa :

- Cậu đừng có no ...Tôi đưa cậu đến phố gì Sô ấy , chả việc gì mà no !

Tuấn cố hiểu lời nói của bác phu xe mà lần đầu tiên chàng nghe nói tiếng “ L” thành ra “ N” . Ngồi trên xe , Tuấn vẫn không yên lòng . Chàng suy nghĩ mãi làm sao cái bác “cu li xe kéo“ này không biết đường Général Bichot ở đâu mà cứ bảo chàng đừng lo , thế nào bác ấy cũng đưa chàng đến nơi đến chốn ?

Bác “cu li xe “ chạy ba hồi bảy chập , loanh quanh các đường trong thành phố , rồi rớt cuộc , đến một ngã tư đại lộ , bác đặt gọng xe xuống lề đường , để Tuấn ngồi đấy . Bác chạy đến chỗ có hai ông “đội xếp “đứng gác đường , nói gì với họ . Một ông đội xếp tiến đến gần Tuấn :

- Cậu tìm phố nào ?

- Dạ thưa ông , đường Général Bichot .

Ông đội xếp trở mắt nạt bác cu li :

- Bichot , tức là phố Cửa Đông , không biết à ?

Bác cu li khúm núm trả lời :

- Vâng , thưa thầy con biết ạ .

- Biết sao còn hỏi vợ vãn ?

Ông đội xếp bỏ đi . Bác cu li kéo Tuấn đến một đại lộ ngắn nhưng rộng lớn . Tuấn ngó lên tấm bảng xanh đề chữ trắng tên đường đóng trên lưng chừng một cột đèn điện nơi góc phố : “ Avenue Général Bichot “ . Tuấn mừng quýnh , tìm số nhà 27 . Đúng là nhà trọ của anh bạn của Tuấn . Tuấn hỏi phải trả bao nhiêu tiền xe , người bạn nói ngay :

- Từ ga xe hỏa về đây đúng tariff 3 xu .

Bác cu li không bằng lòng :

- Sao nài 3 xu ? Tôi đưa cậu ấy đi chơi mát xuống tận mãi dưới Chợ Hôm , nên đến Yên Phụ rồi về đây , mà 3 xu nà thế nào ?

Bạn Tuấn cãi nhau với bác ấy một lúc khá lâu , dĩ nhiên là bác cu li cãi bướng và dùng rất nhiều lời thô tục . Trẻ con hàng xóm, cả người lớn nữa , bu đến thật đông để nghe câu chuyện . Rốt cuộc bạn của Tuấn lấy trả cho bác ấy năm hào . Bác vứt tiền xuống đất quát lên :

- Chạy khắp 36 phố Hà Nội mà bố thí cho người ta dăm hào ?

Tuấn sực nhớ có đọc trong tác phẩm của một văn hào Pháp chuyện một người Ba Tư tới Paris. Tuấn , cậu học trò ở tỉnh , lần đầu tiên đến Hà Nội , tay xách chiếc va li mây của nhà quê , đứng ngơ ngác trước đám đông người , y như chàng Ba Tư đến kinh đô Paris vậy ...

Sau cùng người bạn phải trả cho bác cu li xe một đồng bạc y như lời bác ấy đòi .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 39

Hà Nội - 1927

- Lỗ đạn đại bác " Souvenir de 1882 " trên thành Cửa Bắc.
- Các thắng cảnh. Hà-Nội so sánh tổng quát với Saigon
- Nhà cụ Ngô Đức Kế ở Bạch Mai. Đám táng cụ Ngô Đức Kế.
- Sinh viên , học sinh. Báo chí.
- Toà soạn báo L Argus Indochinois, báo cách mạng của người Pháp chống thực dân Pháp , hô hào An Nam độc lập.
- Đảng Độc Lập An Nam

Tuấn quyết định để một tuần lễ , hoặc mười ngày, đi xem cho hết tất cả Hà Nội về tất cả mọi mặt , nhất là về phương diện lịch sử , phong tục , xã hội , văn hóa.

Tuấn nhờ một người bạn đồng hương , ở Hà Nội đã lâu học trường Cao đẳng Sư phạm , hướng dẫn Tuấn đi chơi khắp các phố phường nơi “nghìn năm văn vật “. Tuấn tự hứa sẽ tiếp tục lo học sau khi biết qua bộ mặt của kinh đô Thăng Long.

Một di tích làm cho Tuấn chú ý hơn cả ở đại lộ Carnot dọc theo bức thành Hà Nội cũ , kế cận Cửa Bắc đã bị bịt kín lại , có một lỗ thủng khá sâu và trên độ 5 tấc đường kính , ở phía trên có một tấm biển đồng đóng vào thành , chạm mấy chữ Pháp :

Souvenir de 1882

Vết lũng lớn bên trái cửa thành là do đạn đại bác của Pháp từ chiếc thuyền đậu trên sông Nhị Hà bắn vào thành lúc 5 giờ sáng ngày 8-3-1882, trước khi đổ bộ chiếm thành . Vua Tự Đức phải ký hòa ước chịu để cho Pháp đô hộ toàn lãnh thổ “An Nam“ sau khi thất thủ Hà Nội, Tổng Đốc Hoàng Diệu thắt cổ tự tử trong thành ngay sáng hôm đó .

Người Pháp giữ y nguyên Cửa Bắc và vết đại bác trên thành để làm kỷ niệm cuộc chiến thắng và đô hộ của họ . Phía dưới lỗ đại bác có gắn tấm đồng : **SOUVENIR DE 1882**

Tuấn hỏi người bạn :

- Nếu tôi nhớ không lầm thì năm 1882 , hải quân Pháp của đại tá Henri Rivière đậu ngoài sông Hồng Hà bắn đại bác vào thành Cửa Bắc trong lúc quân Pháp đổ bộ lên chiếm Hà Nội . Tổng đốc Hoàng Diệu thấy thành Hà Nội bị thất thủ liền treo cổ tự tử , có lẽ người Pháp đóng tấm biển đồng nơi đây là để kỷ niệm một viên đạn của Pháp đã làm thủng thành Cửa Bắc , và do đó mà thành Hà Nội bị thất thủ , và vua Tự Đức phải ký hiệp ước nhìn nhận nước Pháp bảo hộ xứ Bắc kỳ. Tấm biển bằng đồng đó , theo cảm nghĩ của Tuấn , là một cái nhục lớn cho nước Việt Nam và cho dân Việt Nam. Tuấn không hiểu sao cho đến năm 1927 người Pháp vẫn còn để y nguyên kỷ niệm ấy trên thành Cửa Bắc ? Tại sao các báo và các nhà trí thức An nam ở Hà Nội không có lên tiếng yêu cầu viên Toàn Quyền Pháp cho gỡ tấm biển ấy đi ?

Có lẽ người Hà Nội thường qua lại trên đại lộ Carnot (tục gọi là phố Cửa Bắc) trông thấy tấm biển đồng kia đã quen mắt rồi nên không còn cảm thấy chút sỉ nhục nào nữa chẳng?

Tuấn ngắm tượng Paul Bert ở vườn hoa ở cạnh tòa Đốc lý , tên Bờ Hồ , tượng “ Bà Đầm Xoè “ ở vườn hoa Cửa Nam , cũng như đài kỷ niệm trận vong chiến sĩ Pháp ở vườn hoa Puginier, chỉ thấy có mỹ thuật mà không thấy có gì là kêu gọi Quốc hận và Quốc sỉ như hai giòng chữ vẫn tạc khắc trên tấm biển đồng Cửa Bắc .

Phong cảnh thiên nhiên ở Hà Nội theo người bạn cho Tuấn biết thì nghìn năm không thay đổi . Chung quanh Bờ Hồ có vài chục cây dương liễu , từ trước đến giờ vẫn buông rủ những “ màn tơ “ thơ mộng . Tháp Bút , cầu Thê Húc , đền Ngọc Sơn , vẫn là nơi gặp gỡ của những khách thừa lương , mà phần đông dĩ nhiên là những bạn trẻ .

Buổi chiều , từ khoảng 5-6 giờ , trên một khoảng đất trống trên Bờ Hồ sau ga “ tàu điện “ (tramway) , và đầu phố Cầu Gỗ , người ta bày la liệt những bàn vuông nhỏ nhỏ để bán kem và kẹo dứa cho khách nhàn du. Bọn trẻ con chơi trên các bãi cỏ gần đấy thường hát một bài hát khôi hài , theo điệu một bài hát Tây rất được phổ biến trong dân gian hồi đó :

[Mình ơi có đi Bờ Hồ](#)

Cùng nhau chén kẹo kem dừa
Xin mình (là mình) đừng từ chối
Túi ta có mười đồng xanh
Cứ đi là đi mình nhé !
Nếu cô mình muốn sắm cái chi
Áo vàng , ô tây , bút tất phính , giày cườm , ô dầm !

Tuy là bài hát của học sinh và trẻ em nhưng Tuấn vẫn thường nghe sinh viên vui mồm hát chơi luôn và cả người lớn nữa .

Cũng trên đường Francis Garnier dọc theo Bờ Hồ , gần hiệu sách Nam Kỳ , có một tiệm kem , rất đông khách , nơi hẹn hò của những đôi trai gái có chút ít tiền xốc-xếch trong túi . Đây là hiệu kem đầu tiên bài trí “ vui vẻ trẻ trung “ và cũng là tiệm kem độc nhất của cả thành phố Hà Nội .

Khác hơn Sài Gòn, Hà Nội có vẻ một thành phố văn hóa nhiều hơn , và không có những tiệm ăn ở khắp các ngã tư đường như ở Saigon. Cả Hà Nội chỉ có vài tiệm ăn sang trọng của Hoa Kiều ở phố Hàng Buồm , phố Hàng Long , bán toàn các món ăn Tàu . Tuấn chưa có lần nào bước chân vào đây vì lẽ không có tiền . Rải rác có những hàng phở ở các phố gần chợ , như phố Chợ Hôm , Ô Chợ Dừa v.v...

Ở Ô Chợ Dừa , có một tiệm con con chuyên bán thịt chó . Ở phố Hàng Cân có vài tiệm bán chả cá . Phố Hàng Nén có một tiệm phở đông khách nhất , là tiệm Nghi Xuân , đặc biệt có phở tái sách .

Sở dĩ Hà Nội có rất ít tiệm ăn vì người Hà Nội ít thích đi ăn tiệm . Cơm khách , tiệc tùng , đều đãi ở gia đình . Các món quà vặt , ngoài các bữa ăn , đều mua của các gánh hàng rong , nhiều nhất là phở , mỗi tô 3 xu .

Sau khi Tuấn đến Hà Nội một vài hôm , Tuấn bảo một người bạn :

- Tôi muốn đi thăm cụ Ngô Đức Kế . Anh biết địa chỉ của cụ không ?

Bạn Tuấn biết , nhưng chưa đến thăm cụ lần nào , chỉ nghe danh cụ là bạn thân của cụ Phan Bội Châu , Phan Chu Trinh , Huỳnh Thúc Kháng . Cụ có ở tù ở Côn Lôn với cụ Huỳnh , và sau khi được phóng thích về Hà Nội cụ mở tờ tạp chí Hữu Thanh .

Bạn Tuấn dắt Tuấn đi ngã tư Bạch Mai . Lên tàu điện từ đầu Bờ Hồ , mua

mỗi vé 1 xu , Tuấn được bạn chỉ cho dọc đường đại lộ Francis-Garnier, Đồng Khánh , Dốc Hàng Gà , Route de Huế (chợ Hôm) Ô-cầu đèn rồi thẳng xuống ngã tư Trung Hiền , Bạch Mai , nơi cuối đường tàu điện . Nơi đây có nhà cụ Nghè Ngô Đức Kế . Hai cậu học trò quê mùa thấy nhà Cụ đóng kín , đứng mãi một lúc ngoài hè , không dám gọi cửa .

Một lúc , một thiếu nữ đi chợ về , hỏi :

- Hai cậu tìm ai ?

Tuấn đáp :

- Thưa cô , chúng tôi từ Trung kỳ ra Hà Nội học , muốn đến viếng cụ Nghè Ngô .

Thiếu nữ mặc y phục Bắc , đầu quấn vành khăn nhung đen , bỏ thòng xuống một đuôi tóc ngắn sau ót , áo cổ thấp , vạt dài đến quá đầu gối . Dĩ nhiên hai cậu học trò cũng mặc quần áo “ An nam “ như hầu hết học sinh lúc bấy giờ . Thiếu nữ mở cửa :

- Mời hai cậu vào .

Nhà dưới trống trơn , không có người . Đi thẳng ra sau , cô đưa hai cậu học trò bước cầu thang lên gác . Vào cửa , cô bảo hai cậu ngồi ghế . Đây là một chiếc bàn khách với bốn chiếc ghế . Trên tường treo bốn bức ảnh lồng kính : hai cụ Phan , cụ Huỳnh và cụ Ngô .

Hai cậu học trò nghe tiếng một ông già ho sù sụ ở phía sau bức bình phong . Cô thiếu nữ vào đẩy một lát rồi trở ra khẽ bảo :

- Cụ tôi mệt , phải nằm nghỉ trên ghế xích đu , phía sau bình phong , mời hai cậu vào .

Tuấn và bạn Tuấn đi guốc nhè nhẹ , rón rén vào . Trông thấy một cụ già ốm yếu ngồi trên ghế xích đu bằng mây và đang ho , hai cậu cúi đầu chào :

- Lạy cụ ạ .

Cụ Ngô Đức Kế nói tiếng Nghệ An , rất yếu ớt :

-Mời hai cậu ngồi .

Có sẵn hai chiếc ghế kê sát tường .

Tuấn lễ phép :

-Thưa cụ , trước khi ra Hà Nội con có đến toà báo Tiếng Dân thăm cụ Huỳnh Thúc Kháng . Cụ Huỳnh có trao con một bức thư để đưa lại cụ .

Tuấn lấy trong túi áo ra một phong thư có tên và địa chỉ báo Tiếng Dân in nơi góc trên , trao cụ Ngô . Cụ mở ra xem rồi nói :

- Cụ Huỳnh nhờ tôi viết bài cho báo Tiếng Dân , nhưng cụ không biết là đạo này tôi yếu lắm , viết lách gì được đâu .

Xong cụ Ngô hỏi han việc học hành của hai cậu khách trẻ tuổi , và có đôi lời khuyên bảo :

- Các cậu học theo tây học , nhưng nên nhớ rằng ta chỉ học theo cái hay của họ , mà đừng học theo cái dở. Học mà không trọng đạo đức và tinh thần ái quốc , như cái bọn Phạm Quỳnh , thì thà đừng học ...

Nói bấy nhiêu đó , xem chừng cụ đã mệt , nên cụ không nói nữa . Cụ cúi đầu xuống ho một hồi lâu , trông rất đáng thương .

Hai cậu học trò kính cẩn cáo biệt , sau khi để lại địa chỉ cho cụ theo lời cụ bảo . Không ngờ hai hôm sau , cô thiếu nữ là cháu gọi cụ bằng bác , đến nhà hai cậu để tin cho biết cụ Ngô Đức Kế vừa từ trần . Đám táng sẽ cử hành ngay chiều hôm đó theo lệnh của Sở Mật Thám bắt buộc .

Tuấn và bạn Tuấn vô cùng xúc động , liền nhờ bà chủ nhà trọ đi mua gấp dùm cho mấy thước vải trắng , hai cậu lấy một que tre lớn chấm vô bình mực viết trên vải mấy chữ :

” Khóc cụ Ngô Tập Xuyên “. Tập Xuyên là bút hiệu của cụ .

Phơi nắng vài giờ đã khô , hai cậu học trò cuộn tấm vải rồi đi Bạch Mai để kịp phúng điếu và đưa đám cụ . Theo cô cháu cụ cho biết thì sở Mật thám Pháp bắt buộc đám táng cụ phải cử hành lúc 5 giờ chiều hôm đó (cụ chết lúc 5 giờ sáng) nhưng lúc 3 giờ chiều hai cậu học trò đến nhà cụ thì được biết là đám táng đã đi lúc 2 giờ . Vì Mật thám đã trở lại lúc 12 giờ trưa , bắt buộc phải đổi thời khắc biểu , không cho phép cử hành lúc 5 giờ , sợ dân chúng đi đưa cụ đông đảo . Nghe bà u già nói lại thì đám táng của cụ Ngô chỉ có nhân viên mật thám đi đưa mà thôi , còn tất cả bạn bè thân thuộc đều không được phép đi theo quan tài cụ . Ba vòng hoa cườm được đem theo . Còn tất cả các vòng hoa tươi , và đôi liễn, trướng , đều phải để lại nhà .

Hai cậu học trò thất vọng và tức tối , chỉ được vào lạy bốn lạy trước bàn thờ của cụ rồi ra về .

Tuấn nghe các cụ đi phúng điếu nói với nhau rằng Mật Thám Pháp bắt

buộc gia đình cụ Ngô Đức Kế phải tổ chức tang cụ vội vàng , lúc 2 giờ thay vì 5 giờ như đã báo trước, là vì họ rút kinh nghiệm ở đám tang của cụ Lương Ngọc Can , cũng là một bậc lão nho cách mạng trữ danh ở Bắc Hà , cùng một lớp với các cụ Phan Bội Châu , Nguyễn Thượng Hiền , Ngô Đức Kế . Một nhà lãnh đạo của Đông Kinh Nghĩa Thục , bị kết án lập “ hội kín “ mục đích phá rối cuộc trị an của nhà nước bảo hộ , cụ cử Lương Ngọc Can cũng bị tù đầy, và mãn hạn tù về ở căn phố của cụ , bán tư lự phố Hàng Đào (rue de la Soie). Vì cụ là một bậc lão nho cách mạng đã nổi tiếng , lại là một nhà nho uyên bác , một danh nhân có cốt cách quân tử , rất được dân chúng Hà thành kính phục , cho nên hôm cụ mệnh chung , cả thành phố Hà Nội đều xôn xao xúc động . Trong không khí cách mạng còn đang sôi nổi lúc bấy giờ , đám tang của cụ Lương Ngọc Can tự nhiên thành ra một đám tang lớn nhất nước , có cả hàng vạn người tham dự , nhất là sinh viên trường Cao đẳng Đông Dương (Đại học Hà Nội) và học sinh trường Trung Học Bảo Hộ , tục gọi là trường Bưởi (collège du Protectorat) , trường Trung học Pháp-Việt duy nhất của Hà Nội thời bấy giờ .

Tuy không được vĩ đại như đám tang của cụ Phan Chu Trinh ở Saigon mấy năm về trước , nhưng cụ Lương Ngọc Can cũng được đám tang cực kỳ long trọng , mà ý nghĩa chính trị và cách mạng là một thách đố đối với chính quyền Pháp , nhất là sở Mật thám Bắc kỳ .

Ai cũng biết rằng đám tang Lương Ngọc Can là một tượng trưng đúng hơn là một sự kiện lịch sử : ban tổ chức gồm những nhà cách mạng lão thành và những sinh viên ái quốc hăng hái nhất của trường Cao đẳng , muốn tỏ cho người Pháp thấy rằng mặc dầu ở dưới quyền cai trị của Bảo hộ Pháp , dân chúng Việt Nam vẫn sùng bái những nhà chí sĩ của họ , những bậc lão nho cách mạng đã bị Pháp kết án tù đầy . Dĩ nhiên là người Pháp căm giận lắm và sở Mật thám Bắc kỳ tìm cách hăm dọa ban tổ chức sau khi đám tang đã xong .

Rút bài học kinh nghiệm đó , họ đã ngăn cản đám tang cụ Nghè Ngô Đức Kế không cho cử hành long trọng . Hơn nữa , họ túc trực ngay tại nhà cụ Ngô và làm xáo trộn hết chương trình các lễ nghi , không kịp để thì giờ cho những người đến phúng điếu . Họ truyền lệnh đem chôn cụ vội vàng , tức

tốc , sau khi lịm xong , vào quan tài , và buộc con cháu cụ làm lễ phục tang nội buổi sáng ấy .

Cho nên lúc 3 giờ chiều , Tuấn đi với ba bạn học sinh quê quán miền Trung đến phúng điệu cụ , thì các cậu ngơ ngác bị một người lính mã tà ngồi gác cửa nhà cụ Nghè Ngô , cho biết đám táng đã đi từ lâu . Ba đưa bạn ở lại đây , còn Tuấn hỏi thăm , người ta chỉ đường , lật đật chạy đến mộ cụ . Tuấn tới trong lúc đã chôn xong . Đi đưa đám, trừ con cháu của cụ độ năm ba người chit khăn trắng và khóc nức nở , chỉ còn toàn là nhân viên sở Mật thám Bắc kỳ , người An nam , mặt mũi người nào cũng dữ tợn , đôi mắt như cú vọ dăm dăm ngó Tuấn . Nhưng Tuấn lì lợm , tự xét rằng mình đi đưa đám ma một ông cụ già , chớ không làm điều gì nên tội , nên cóc sợ .

Thanh niên học sinh thời bấy giờ hiền lành lắm . Chỉ có đám sinh viên Cao đẳng là hăng hái mà thôi . Cả thành phố Hà Nội chỉ có một trường Trung học Bảo Hộ của Nhà Nước và trường Nữ Trung học đường Đồng Khánh . Không kể trường Trung Học Pháp Lycée Albert Sarraut mà đại đa số là học sinh Pháp , còn học sinh An nam toàn là con nhà giàu và con các quan . Ngoài ra chỉ có hai Trung học tư thực An nam : “Thăng Long , Gia Long , và một trường Trung học tư thực Pháp , Lycée Hồng Bàng” .

Còn thì toàn là các trường Tiểu học cả . Phải nói ngay rằng toàn thể các học đường ở Hà Nội cũng như ở các thành phố khác , đều có một kỷ luật rất nghiêm khắc .

Các trường tư cũng thế . Tất cả học trò đều lo chăm chỉ học hành , và luôn luôn giữ gìn hạnh kiểm rất đứng đắn . Phong trào “ cao bồi “ , “ lưu manh “ chưa có . Đa số học sinh hãy còn mặc quốc phục : quần trắng , áo dài đen , mang guốc . Số học sinh mặc âu phục cũng bắt đầu khá đông , nhưng hầu hết là mặc nguyên bộ costume, áo veste , đeo cravate, chớ không bao giờ mặc áo sơ mi trần . Lý do là theo phong tục người Bắc , ra đường phải y phục chỉnh tề . không thể cầu thả được . Cũng vì lý do ấy , các trẻ em thiếu niên 9, 10 tuổi ra phố cũng mặc áo dài . Thiếu nữ không bao giờ được mặc áo cánh , áo cụt , áo “ bà ba “ kiểu Saigon, dù là con nhà lao động nghèo khó .

Trò Tuấn mặc âu phục loại vải rẻ tiền , và tiếp tục học thi tú tài Pháp (

Baccalauréat métropolitain. Gọi tắt là : Bac Métro) . Trò học thêm Anh ngữ trong quyển sách Anh ngữ tự học dạy bằng tiếng Pháp "L' Anglais Sans Maître" hơn 30 bài , của giáo sư Xavier de Bouge. Học trong 6 tháng , chuyên cần mỗi ngày 2 tiếng đồng hồ là có thể viết được thông thạo , đọc được , nói được tiếng Anh .

Ngoài ra, Tuấn được giới thiệu với hiệu sách Nam Đồng thư xã , ở góc phố Hàng Bồ (rue des Paniers) kế rạp chớp bóng Ciné Moderne . Hiệu sách này là một căn phố hẹp chuyên bán sách Quốc ngữ về các loại Lịch sử và Chính trị . Sách mỏng , bìa mỏng đủ các màu và bán rất chạy .

Tuấn mua nơi đây những cuốn sách được dân chúng nhất là những thanh niên học sinh và sinh viên hoan nghênh nhất thời bấy giờ . Sách của Nam Đồng thư xã được phổ biến sâu rộng về các nhân vật của Lịch sử Cách mạng Trung Hoa Quốc Dân Đảng , dịch trong các sách Tàu xuất bản ở Thượng Hải như : Hồng Tú Toàn , Tam Dân chủ nghĩa , Tôn Trung Sơn , Trình Dục Tú , Hồng Hiên đế chế , Ấm băng của Lương Khải Siêu , Mã Chiếm Sơn ; Tưởng Giới Thạch , Lịch sử Hoàng Hoa Cương v.v...

Nhiều câu thơ Tàu , dịch ra thơ Việt . Có tính chất cách mạng , được thanh niên An nam học thuộc lòng , như bốn câu thơ in trên bìa Trình Dục Tú :

Chàng như mây mùa Thu ,

Thiếp như khói trong lò

Cao thấp tuy có khác ,

Một thả cùng tuyệt vời .

Có thể nói rằng thanh niên của thế hệ 1927 rất ham đọc những sách của nhà xuất bản Nam đồng thư xã , và hầu hết đều tâm niệm tư tưởng chính trị và cách mạng của Trung Hoa Quốc Dân Đảng .

Song song với việc học tiếp tục chương trình “ tú tài Tây “, Tuấn tìm đọc vồn vập lấy , như khao khát thèm thuồng , các sách của Nam Đồng thư xã , Hà Nội , chuyên về chính trị và cách mạng do lớp trí thức đàn anh viết , hoặc dịch ra . Đồng thời , các sách của Quan Hải Tùng Thư ở Huế , và của Nữ Lưu thư quán ở Gò Công (Nam kỳ) , đều được các thanh niên học sinh , như Tuấn , dùng lam sách để đầu giường .

Ba loại sách khác hẳn nhau về nội dung cũng như hình thức , nhưng tự

trung vẫn đào tạo cho thanh niên một tinh thần cách mạng , và bồi dưỡng lòng ái quốc hăng say .

Loại sách Nam Đồng Thư xã của Nhượng Tống phần nhiều là dịch thuật theo các sách cách mạng của Trung hoa dân quốc . Sách Quan Hải tùng thư của Đào Duy Anh và Trần thị Như Mân chuyển dịch , hoặc biên soạn sơ lược, về đại cương các vấn đề phổ thông , về chính trị kinh tế , lịch sử , theo các tác giả Tây phương .

Loại sách này , có lợi ích cho sự giáo hóa chánh trị , được các học sinh Trung Kỳ và Bắc Kỳ hoan nghênh nhiều hơn. Trái lại , sách của Nữ Lưu thư quán ở Gò Công mỗi tháng xuất bản hai quyển , bìa vàng in chữ đỏ , do cô Phan thị Bạch Vân và một nhóm chủ trương , được bán ở Nam Kỳ chạy hơn ở Trung và Bắc . Đây là loại sách mỏng khuôn khổ một tờ giấy báo gấp thành 32 trang , và hoàn toàn sáng tác về những đề tài chính trị và cách mạng . Ngoài ba loại sách kể trên , thanh niên học sinh còn ham đọc các báo chính trị như :

- L'Argus Indochinois (Pháp văn) do ông Amédée Clémenti xuất bản ở Hà Nội .
- Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế .
- La Cloche Fêlée (Pháp văn) của Nguyễn An Ninh ở Saigon.

Đó là ba tờ báo nổi danh nhất và được giới thanh niên học sinh “ có đầu óc “ và một số sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội ham thích nhất.

Nhưng lần đầu tiên , Tuấn bị một thất vọng chua-chát trong lúc tuổi trẻ còn những nhận xét trong trắng , ngây thơ . Vốn là độc giả trung thành từ lâu của tờ báo L' Argus Indochinois , từ lúc còn là một cậu học trò lớp Đệ Tam Niên ở “ Collège de Qui Nhơn “ Tuấn bây giờ học ở Hà Nội , tìm đến toà báo L'Argus Indochinois ở số nhà 12 đường Doudart-de-Lagrée , người Việt gọi là phố Hàm Long . Chàng đến đây có hai mục đích : để trả tiền mua tiếp tục 1 năm báo , và để được “ yết kiến “ ông chủ nhiệm Amédée Clémenti mà chàng vẫn tôn kính và khâm phục những bài báo hăng hái đòi độc lập cho nước An nam , và kịch liệt công kích chính sách thuộc địa Pháp ở Đông Dương .

Sở Mật Thám Pháp ở Hà Nội ghét ông ấy lắm . Đáng phục hơn nữa vì ông

là người Pháp , mà ông viết bài chửi Pháp và bênh vực người An nam còn mạnh hơn người An nam nữa .

Tuấn đến nơi cổng số 12 đường Doudard de Lagrée thấy cổng cài then , đóng chặt . Nếu không có tấm bảng bắt ngang qua hai trụ ngõ , thì Tuấn không thể biết đó là toà báo . Trên bảng được ghi bằng những nét đậm mấy giòng chữ sau đây :

L'Argus Indochinois

Journal de combat contre l'injustice et l'oppression.

Directeur : Amédée Clémenti.

(Minh Trĩ Đông Dương , tờ báo chống bất công và áp bức)

Trên trụ cổng bên phải , lại còn có đóng chặt một tấm bảng quảng cáo như sau đây :

L'argus Indochinois est un journal d'opposition, car il crie : Vive l'Indochine !

(Minh Trĩ Đông Dương là một tờ báo đối lập , vì nó kêu lên : Đông Dương vạn tuế !)

Tuấn bấm chuông điện . Một lúc lâu , một u già đủng đỉnh ra mở cổng . Tuấn vào sân . U già bảo : “ Muốn gặp ông chủ thì cậu cứ đi lên gác . Đi vòng ngã sau có cầu thang “ .

Tuấn hơi lo lo ... Ai mà chả lo khi tìm đến “ yết kiến “ ông chủ nhiệm một tờ báo lớn , lại là tờ báo cách mạng , của một ông Tây mà trí thức toàn quốc ai cũng kính phục ?

Tuấn rón rén bước lên cầu thang , mong đừng có ai nghe tiếng bước của chàng . Chàng gõ cửa phòng đang được khép kín . Có tiếng đàn bà từ trong nói vọng ra:

- Entrez ! (mời vào)

Tuấn khẽ mở cánh cửa ra , thấy một ông Tây đang nằm hút thuốc phiện và một người đàn bà An nam trẻ đẹp ngồi bên cạnh . Tuấn hết sức ngạc nhiên , và bờ ngõ chưa biết là ai , nhưng cũng lễ phép cúi đầu chào . Người đàn bà An nam nhã nhặn đáp lễ rồi hỏi bằng tiếng Pháp - một tiếng Pháp rất lưu loát , giọng nói rất hay , tuy là giọng Bắc :

- Anh đến có mục đích gì ?

Tuấn cũng trả lời bằng tiếng Pháp . Và từ đây câu chuyện toàn bằng tiếng Pháp giữa ông Tây , người đàn bà An nam kia và Tuấn :

- Thưa bà , tôi đến mua tiếp một năm báo (Tuấn móc túi lấy tiền đưa cho bà)

- À ra thế ?

Bà nhận tiền và nói tiếp :

- Để tôi sẽ viết biên lai ngay bây giờ cho anh . Anh chờ một phút.

Ông Tây nằm cạnh bàn đèn thuốc phiện , ngó Tuấn :

- Độc giả trung thành mua báo L'Argus Indochinois và trả tiền song phẳng như anh , thật là hiếm lắm . Có khi chúng tôi gửi liên tiếp ba lá thư nhắc nhở , họ mới chịu mua bưu phiếu gửi cho chúng tôi .

Người đàn bà An nam tiếp lời :

- Vì thế nên chồng tôi chán lắm, nhiều khi muốn giải nghệ. Làm báo ở Đông Dương là một nghề rất bạc bẽo . Cũng may là có tôi ở đây để lên giây tinh thần cho nhà tôi (Đúng câu của bà : Heureusement que je suis là pour remonter le moral de mon mari.)

Trong lúc ông chồng Pháp tiếp tục hút thuốc phiện , bà vợ An nam trẻ đẹp đứng dậy , lại bàn ngồi viết . Xong bà trao cho Tuấn một tấm biên lai nhận tiền mua báo 12 tháng , với tên ký rất đẹp :” Mme Amédée Clémenti “ .

Bấy giờ Tuấn mới biết chắc rằng ông Tây nghiện á-phiện đích là Amédée Clémenti , và người đàn bà An nam nói tiếng Tây giỏi kia là vợ chính thức của ông .

Tuấn rất phục bà vợ , nhưng rất thất vọng về ông chồng . Một nhà báo Pháp cự phách , thần tượng cả một thế hệ thanh niên cách mạng An nam, lại là một dân nghiện thuốc phiện đáng khinh .

Từ thuở bé , Tuấn đã ghê tởm những người nghiện thuốc phiện . Nguyên nhân là ở ngay trong làng của Tuấn có một người chú họ làm nghề buôn quế , thường đi tỉnh này tỉnh nọ , mà Tuấn rất ghét và luôn luôn xa lánh vì người ấy nghiện thuốc phiện lại còn đau bệnh “tim la“ . Mỗi lần về quê nghỉ hè . Tuấn đi dạo chơi trong xóm , hễ trông thấy “ông nghiện “ấy chỗ nào là Tuấn tránh đi chỗ khác . Cho nên Tuấn có thành kiến thực là ngây thơ rằng chỉ hạng người bần tiện , những kẻ ăn chơi , đĩ điếm , bọn thất học mới

ghiền thuốc phiện .

Không ngờ ông chủ nhiệm L'Argus Indochinois , một nhà cách mạng Pháp , tranh đấu không ngừng cho nền độc lập của Việt Nam , một người mà Tuấn rất kính phục , tôn sùng mỗi khi đọc những bài xã luận đanh thép trên tờ báo Pháp-văn của ông , người ấy , hôm nay chính mắt Tuấn trông thấy , lại là một tên ghiền thuốc phiện như người chú đau tim-la ở nhà quê .

Ôi, Tuấn thất vọng xiết bao !

Dĩ nhiên là cảm tình của Tuấn đối với ông Amédée Clémenti bị sút đi nhiều , và Tuấn cứ thắc mắc về cá nhân của nhà báo cách mạng ấy . Trẻ tuổi và ngây thơ , Tuấn cứ tưởng rằng một người làm cách mạng , có những tư tưởng siêu việt tất nhiên là một người hoàn toàn đáng kính đáng quý , một vĩ nhân siêu quần bạt chúng .

Tuy nhiên Tuấn vẫn tiếp tục đọc tờ báo L' Argus Indochinois . Nhờ đó mà Tuấn hấp thụ được rất nhiều tư tưởng mạnh mẽ , trong sạch , cao siêu , về chính trị , về cuộc tranh đấu chống bất công và áp bức , chống chủ nghĩa thực dân . Tuấn quý tờ báo đó cho đến nỗi mỗi tuần nhận được nó , vào lúc 8 giờ sáng mỗi ngày thứ tư , do người phát thư Chà Và của nhà Bưu điện đưa đến tận nhà là Tuấn bỏ buổi học , nằm nhà đọc ghiền ngấm cho hết bốn trang báo lớn . Cái đặc điểm của báo L' Argus Indochinois là in trên giấy satiné xanh , trong lúc tất cả các tờ báo khác đều in trên giấy trắng .

Mỗi năm xuất bản một lần , và số nào cũng đăng toàn những bài cách mạng chửi Tây kịch liệt , công kích chính sách thực dân Pháp thậm tệ , và luôn luôn hăng hái hô hào cho An nam độc lập . Có một số báo đăng kín cả 8 cột trang nhất một bài dài của ông Amédée Clémenti, nhan đề là “ Le Parti de l'Indépendance Annamite” (đảng Độc Lập An nam) . Trong bài ấy , ông chủ nhiệm kiêm chủ bút người Pháp đưa ra đề nghị thành lập một chính phủ Độc Lập An nam với những nhân vật sau đây :

- Tổng Thống : Phan Bội Châu

- Thủ tướng : Huỳnh Thúc Kháng

- Và các bộ trưởng : Dương bá Trạc , Nguyễn Thế Truyền , Nguyễn An Ninh , Phan Văn Trường v.v...

Toàn là những nhà cách mạng Việt Nam , danh tiếng nhất lúc bấy giờ .

Bài báo đó , làm xôn xao dư luận các giới trí thức và sinh viên cả Tây lẫn Nam , không những ở Hà Nội , mà cả ở Huế và Saigon . Sau đó , xảy ra hai vụ khiến báo L' Argus Indochinois càng quyết liệt đã kích phủ Toàn Quyền , phủ Thống Sứ và ty Mật Thám Bắc Kỳ .

Vụ thứ nhất là đêm thứ bảy tuần đó có người lên đến dán trên cổng tòa báo một tờ “cảnh cáo “ của một bọn người vô danh tự xưng là “ nhóm người ái quốc “ hãm giết Amédée Clémenti .

Ông chủ nhiệm báo L' Argus Indochinois , làm bản kềm tờ “ cảnh cáo ấy “ đăng lên báo , và nhất quyết rằng tác giả mạo danh “ một nhóm người ái quốc “ không ai khác hơn là viên Chánh Mật Thám Bắc Kỳ với sự đồng lõa của Phủ Toàn Quyền và Phủ Thống Sứ .

Vụ thứ hai , là một buổi sáng thứ bảy , ông Amédée Clémenti được tin đêm hôm trước người chef typo (cai ê-kíp thợ sắp chữ) của báo L'Argus Indochinois bị mẹ mình dụ dỗ đem đi mất tích . Ông Clémenti loan tin ấy trên báo của ông , và cũng quả quyết rằng

“tên mẹ mình “ấy không ai xa lạ hơn là Chánh Mật Thám Bắc kỳ .

Nên nói thêm rằng lúc bấy giờ Hà Nội đang xôn xao về phong trào “ mẹ mình” . Mẹ mình là những con mẹ đàn bà bình dân , đi lang thang các phố và dùng một thứ bùa ngải bí mật gì đó làm mê những người đi đường , khiến những người này đi theo họ . Đó là một hình thức bắt cóc bằng bùa ngải. Thường thường mẹ mình hay bắt người lao động đem bán cho các “ Hội Đồn Điền Cao Su và Hàm Mỏ “ Pháp để các Hội này chở họ qua Tân Thế Giới dùng làm nhân công rẻ tiền .

Nguyên nhân phong trào mẹ mình, theo dư luận các giới cách mạng An nam là người Pháp mộ phu đồn điền khó khăn lắm , vì bị đi làm phu đồn điền (các đồn điền cao su của Pháp ở Nam Kỳ) , không khác nào bị đi đày khổ sai chung thân vậy. Đó chỉ là một luồng dư luận ở Bắc Kỳ . Thịnh thoảng mẹ mình cũng bắt trẻ con đem đi bán ở nơi xa . Nhưng chưa ai nghe mẹ mình bắt đàn bà con gái .

Phong trào mẹ mình chỉ sôi nổi một dạo , rồi dần dần biến biến mất vì một số “mẹ mình “đã bị “ lính mã tà “ , tức là lính mật thám theo dõi , bắt được quả tang , và bị tù.

Đặc biệt về vụ anh cai thợ sấp chữ của báo L' Argus Indochinois , thì dư luận cho rằng anh ta bị lính mật thám bắt , rồi phao tin là bị mẹ mình . Có lẽ anh bị mật thám bắc cóc để điều tra về tờ báo L' Argus Indochinois và ông Amédée Clementi .

Nhưng tờ báo này vẫn tiếp tục ra đều đều mỗi tuần , không bị lôi thôi hay thiệt hại gì cả .

Tuấn để dành báo L' Argus Indochinois trọn bộ , không mất một tờ . Vẫn để các bạn bè truyền tay nhau xem , nhưng rồi Tuấn cũng cố đòi lại cho kỳ được , để giữ đủ số . Nghỉ hè , Tuấn dồn hết mấy chồng báo ấy vào va li đem về quê , giấu kín trong cái rương lớn của gia đình , rương này mẹ của Tuấn dùng để cất những vật được coi như quý giá : tiền bạc , đồ đồng, đồ vàng, quần áo đắt tiền v...v...

Tuấn yên chí rằng cất mấy chồng báo L' Argus Indochinois cũ trong cái rương rộng lớn và đóng kín này , thì chắc chắn không bao giờ mất được , để ngày sau , khi Tuấn lớn lên , sẽ coi lại và sẽ dùng làm tài liệu lịch sử .

Ba năm sau , Tuấn đang học ở Hà Nội , được giấy thép trong nhà gửi ra báo tin cha của chàng qua đời . Tuấn vội vàng về quê . Đến nhà thì gặp ngay lúc người ta đang liệm xác cha . Mẹ chàng vô tình đã lấy tất cả chồng báo L'Argus trong rương , trên 200 tờ , đưa hết cho mấy người dân làng dùng lót trong quan tài và đem hai bên để cha chàng được nằm “ chặc chẽ ấm cúng “ trong hòm .

Trông thấy thế , Tuấn không dám phản đối . Nhưng , trong lúc chàng đau đớn khóc cha , gục đầu trên nắp quan tài , chàng khóc luôn cả 200 tờ báo quý của chàng sẽ bị chôn vùi với cha và sẽ mục nát thành ra đất bụi .

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 40

1927 - 1930

- Thế hệ Nguyễn-Thái-Học.
- Sách báo cách mạng của Việt Nam Quốc Dân Đảng.
- 9-2-1929, chiều 30 Tết, tiếng súng lục nổ ở đường Chợ-Hôm, giết chết Tây René Bazin
- Léon-Sanh ở toà báo L Ami du Peuple Indochinois.
- V.N.Q.D.Đ. khởi-nghĩa.

Thế hệ sinh viên và học sinh Việt-Nam từ ngày cụ Phan Bội Châu về nước, năm 1925, đến ngày khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, năm 1930, có thể gọi là thế hệ Nguyễn Thái Học. Mặc dù Tuấn hãy còn là một cậu học sinh quê mùa ngây ngô, nhưng chàng đã bắt đầu lớn lên trong thế hệ đó nên đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của các trào lưu ái quốc đang ngấm ngấm xáo trộn các tầng lớp tuổi trẻ, hoặc đã vùng dậy, đã bùng lên, trong các lớp đàn anh.

Tuy đa số học sinh, sinh viên chăm lo học hành, chỉ cốt thi đậu ra “làm việc Nhà Nước“, lánh xa các phong trào cách mạng, hầu hết là bí mật, nhưng những phần tử thanh niên được tiêm nhiễm tư tưởng ái quốc đã biết kết hợp lại với nhau mặc dù không tổ chức và thiếu người dẫn dắt. Mạnh nhất và sâu đậm nhất là ảnh hưởng của văn hóa và lịch sử. Hầu hết lớp thanh niên Trung Học ấy đều nghiên ngấm say sưa các triết học Pháp của thế kỷ XVIII, J.J Rousseau, Montesquieu, Voltaire mà các nhà cách mạng lão thành Việt Nam thường nhắc đi nhắc lại hằng trăm nghìn lần bằng những danh từ phiên âm theo Hán Tự : Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cư.

Thanh niên học sinh cũng ưa học lịch sử cách mạng Pháp từ 1789 đến triều đại Napoléon, mà họ say mê những giai thoại hấp dẫn nhất : cuộc đánh ngục Bastille, các cuộc biểu tình của dân chúng Paris, xử tử vua Louis XVI và hoàng hậu Marie Antoinette, các trận chiến thắng vẻ vang của Bonaparte, v.v...

Thanh niên học sinh của thế hệ Nguyễn Thái Học còn ham đọc lịch sử cuộc chiến đấu giành độc lập của nhân dân Hoa Kỳ. cũng như tiểu sử của George Washington, lịch sử cuộc cách mạng Trung Hoa 1911 do Tôn Dật Tiên cầm đầu, các tác phẩm của nhà học giả cách mạng Lương Khải Siêu, nhất là quyển : “Ấm băng “lịch sử nước Nhật từ đời vua Minh Trị đến chiến tranh Nhật –Nga 1904-1905, và cuộc chiến thắng vẻ vang của Nhật tại eo biển Tsushima.

Ngoài ra, các loại sách mỏng, bán với giá bình dân, bằng quốc ngữ, của Nam Đồng Thư Xã, Hà Nội, của Nữ Lưu thư quán, Gò Công, của Quan Hải Tùng Thư, Huế, các báo cách mạng tích cực bằng Pháp văn ở Saigon, do những thanh niên trí thức cách mạng chủ trương, lừng lẫy tiếng tăm, như La Jeune Indochine, của Vũ Đình Duy, La Cloche Fêlée của Nguyễn An Ninh, L’ Echo Annamite của Nguyễn Phan Long, La Lutte của Tạ Thu Thâu, cả tờ La Tribune Indochinoise của Bùi Quang Chiêu, chủ tịch “đảng Lập Hiến Đông Dương “. , và sau nữa là tờ L’ Argus Indochinois của Amédée Clémenti, ở Hà Nội, đã tạo ra một không khí sôi nổi trong các giới trí thức thượng lưu và trung lưu, nhất là giới thanh niên trí thức cách mạng ở hai đô thị lớn ở Hà Nội và Saigon, hai thủ đô hành chính và chính trị của Đông Dương.

Bỗng nhiên, giữa không khí náo nhiệt ấy, nổ lên một tiếng súng lục càng làm cho tình hình xao động thêm lộn. Tiếng súng nổ chiều ngày 30 Tết, tức là ngày 9-2-1929, tại Route de Huế, (phố chợ Hôm) ở ngoại ô Hà Nội, cùng một lúc với vài tràng pháo tất niên lẻ tẻ trong thành phố.

Ngay tối hôm đó, trong đêm Giao thừa Xuân Kỷ Tị, Tuấn nghe vài bạn thăm thì cho biết dư luận đồn rằng hình như kẻ bắn mấy phát súng lục hồi 5 giờ 30 chiều ở phố chợ Hôm là một chàng thanh niên độ 18, 19 tuổi, khá đẹp trai, và nạn nhân đã chết tại chỗ là một người Pháp tên là René Bazin, có người vợ An nam đẹp lắm. Dư luận cho rằng đây chỉ là “cuộc án mạng vì tình “và có lẽ vì dành nhau cô “me tây “kia mà chàng thanh niên An nam bắn chết ông Tây Bazin. Chàng thanh niên có lẽ con nhà giàu và “vào dân Tây “cho nên mới có súng lục.

Nhưng Tết xong, một tháng sau, lại có dư luận trong giới sinh viên, học

sinh đồn rằng, thủ phạm đã bị Mật thám bắt, là một học sinh An nam của trường Trung Học Pháp

(Lycée Albert Sarraut) đã đỗ tú tài 1, tên là Léon Sanh. Nạn nhân, René Bazin, là chủ sở mộ phu đồn điền, nhà ở phố chợ Hôm, ngay nơi xảy ra án mạng bằng súng lục.

Hắn là một tên thực dân Pháp bị nhiều người An nam thù ghét vì hắn chuyên môn bóc lột những dân nghèo ở thôn quê Bắc kỳ, lừa gạt bắt họ ký giao kèo đi làm các đồn điền tư-bản ở “Tân thế giới “bằng một giá tiền rẻ mạt. Sự thực, không phải đi Tân Thế Giới, mà là Tân Đảo, Nouvelle Calédonie một đảo lớn của Úc châu, và thuộc địa Pháp.

Sau đó vài tháng, Tuấn được biết rõ hơn một tin rất quan trọng : Léon Sanh là con trai cụ Cả Mộc, một bậc nữ lưu trí thức có danh tiếng ở Hà thành, hội trưởng một hội Dưỡng nhi ở phố Sinh Từ, và vụ ám sát René Bazin có dính líu với Việt Nam Quốc Dân Đảng, của anh Nguyễn Thái Học.

Lúc bấy giờ giới học sinh Hà Nội “có đầu óc cách mạng “ thường gọi Nguyễn Thái Học bằng anh, vì anh là sinh viên Cao đẳng Thương Mại. Anh đã 27 tuổi, Việt Nam Quốc Dân Đảng hãy còn là một đảng bí mật.

Léon Sanh bị giam mấy tháng rồi được trả tự do vì không có một bằng chứng cụ thể nào tỏ rằng anh là thủ phạm. Sau đó anh ta vào làm ký giả ở một nhật báo Pháp, L’Ami du Peuple Indochinois của ông Tây Michel.

Mặc dầu Léon Sanh được sở Mật thám trả tự do, vụ Léon Sanh vẫn tiếp tục gây xúc động mãnh liệt trong giới sinh viên học sinh.

Tuấn có đến tòa báo L’Ami du Peuple Indochinois để hỏi thăm Léon Sanh. Tuấn muốn biết mặt người bạn thanh niên ấy và hỏi về các chi tiết tong vụ anh ta bị bắt, bị giam như thế nào. Nhưng Tuấn không gặp anh ta.

Không khí Hà Nội sau vụ ám sát Bazin, rất là nghẹt thở. Bộ mặt của thành phố ban ngày vẫn hoạt động như thường lệ, nhưng ban đêm có vẻ lạng lẽ bí mật.

Suốt cả năm 1929, dân Hà Nội đã có cảm giác rằng có một biến cố gì trầm trọng sắp sửa xảy ra.

Đồng thời, Chánh phủ thuộc địa Đông Dương (gồm 5 xứ : Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai lao, Cao miên), bị các báo Pháp ngữ của các thanh niên

cách mạng Saigon tấn công và đã kích hăng hơn lúc nào hết.

Hà Nội thì lặng lẽ. Báo chí An nam ở Hà Nội không sôi động như Saigon, nhưng có những hăm dọa ngấm ngấm và trầm trọng, nguy hiểm hơn đối với chính quyền thuộc địa.

Cái Tết năm Canh Ngọ (1930) vẫn từng bừng vui vẻ trên khắp lãnh thổ Việt Nam như mọi năm. Phong trào cách mạng sôi nổi do vụ án cụ Phan Bội Châu, tại Hà Nội, các cuộc diễn thuyết của cụ Phan Chu Trinh ở Saigon, và sau đó, cái chết và đám tang của cụ, chỉ còn lại một dư luận yếu ớt trong lòng người dân nước Việt. Tuy vài ba tờ báo cách mạng ở Saigon vẫn tiếp tục tung ra những luận điệu hăng say, gây hấn đối với chính quyền Pháp ở Đông Dương, nhưng thật ra chỉ có ảnh hưởng phần nào trong một vài giới trí thức trung lưu và vài giới học sinh Trung học mà thôi. Còn đại đa số đồng bào từ Bắc chí Nam, đều thờ ơ, hưởng thụ cảnh thanh bình mà bề ngoài vẫn có vẻ “quốc thái dân an “. Không khí chính trị đã trở lại hầu như êm dịu.

Ngay ở Hà Nội, dân chúng “ăn Tết “năm Canh Ngọ với đủ những nghi lễ và tập tục cổ truyền hân hoan, ẩm cúng, hỷ lạc trong những tràng pháo rộn rã khắp mấy ngày xuân.

Phần đông, có thể nói là gần hết, học sinh ở các tỉnh Bắc kỳ, cũng như ở Trung kỳ và Nam kỳ ra trọ học ở Hà Nội, đều theo thường lệ trở về ăn Tết ở quê nhà. Đáng lẽ Tuấn cũng đã về miền Trung, nhưng đặc biệt năm nay Tuấn và một ít bạn sinh viên đồng chí ở lại ăn Tết ở Hà-thành. Nhóm học sinh này không phải cố tình ở lại để hưởng cái hương vị mấy ngày xuân của đất Bắc, nhưng vì họ đã biết tin bí mật sắp có “đại sự “ở toàn lãnh thổ Bắc kỳ trong dịp Tết Canh Ngọ.

Cho nên lòng Tuấn nôn nao, cùng với các bạn chờ đón những tin ghê gớm trong mấy ngày tân niên ở Hà Nội. Đã có liên lạc với anh Hồ Văn Mịch, sinh viên Cao đẳng Thương Mại, bạn thân của anh Nguyễn Thái Học, và cũng là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, phụ trách về tuyên truyền và thanh niên học sinh, nhóm “Học sinh cách mạng “của Tuấn thường Xuyên trong một không khí hồi hộp chờ đợi.

Tuấn năm ấy mới 18 tuổi và các đứa bạn “bí mật “của Tuấn cũng chưa ai

quá 20. Lần đầu tiên tham gia vào vài ba việc mạo hiểm ghê sợ, tuy không quan trọng, nhóm học sinh này, nói đúng ra, chỉ có hăng say với lý tưởng cách mạng mà thôi, chứ chưa có một chút kinh nghiệm nào cả, và cũng chưa được huấn luyện đầy đủ trong vai trò đảng viên “hội kín”.

Phần nhiều những gì Tuấn biết với nhóm bạn ấy đều là những tin không chắc chắn, và sự kiện xảy ra sau đó thường không đúng với sự chờ mong trong hồi hộp lo âu.

Chiều 30 tháng Chạp, có tin đúng ngày Mồng Một Tết sẽ có cuộc khởi nghĩa ngay ở thành phố Hà Nội, nhưng rốt cuộc không có gì cả. Có điều Tuấn và mấy người bạn ở trên căn gác nhà trọ đường Général Bichot, để ý thấy lần đầu tiên vài tốp lính Tây cưỡi ngựa đi tuần phòng các phố Cửa Đông, Bichot Henri d’Orléans, hàng Da, hàng Cót, v.v... Nhưng đêm Giao Thừa chỉ có tiếng pháo nổ khắp nơi ... Tuấn lạnh người, tưởng như tiếng súng.

Sáng Mồng Một thành phố vắng cho đến 9 giờ mới thấy lác đác những nhóm người y phục ngày Tết, nét mặt tươi cười, hoặc trịnh trọng đi “chúc mừng năm mới” các nhà thân thuộc Tuấn không thấy lính Tây cưỡi ngựa đi tuần phòng các phố nữa.

Thế rồi 3 ngày Tết trôi qua ... chỉ còn lại những xác pháo ngập vỉa hè.

Bỗng ùng một cái, như tiếng sét đánh, sáng ngày 11 tháng Giêng, tin truyền khắp Hà Nội rằng lúc khuya (đêm 9-2-1930) quân của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã đánh Yên Bái, Phú Thọ, Lâm Thao, cũng khởi nghĩa đêm ấy. Người chỉ huy là anh Nguyễn Khắc Nhu. Lại có tin là anh Phó Đức Chính. Tuấn chạy đến người bạn học Cao đẳng Y Khoa, ở căn lầu 77C đường Maréchal Pétain, gần bờ sông. Anh này mỉm cười kéo Tuấn nằm xuống chiếc chiếu trên sàn gác. Đôi bạn trẻ đồng chí nói thì thầm cả buổi sáng.

Thành phố Hà Nội hình như vẫn rộn rịp theo nhịp sống hàng ngày, tổng quát không có gì thay đổi, nhưng lính Tây và lính tập đi tuần phòng đông hơn mọi khi. Từ ngày ấy, bộ mặt Hà Nội đã khác thường, đâu đâu dân chúng cũng xầm xì bàn tán về vụ khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Quân của VNQDĐ tiếp tục đánh nhiều nơi, cuộc Tổng Khởi Nghĩa đã nổ bùng ở

từng khu.

Nguyễn Khắc Nhu đánh Yên Bái, Lâm Thao, Nguyễn Thái Học đánh Bắc Ninh, Đập Cầu, Hải Dương. Vũ Văn Giáp (tức Vũ Hồng Khanh) đánh Kiến An. Nhiều nơi khác như Hưng Hóa, Sơn Tây, cũng đã nổ súng.

Dân chúng lúc bấy giờ không dám gọi công khai là “khởi nghĩa “mà gọi là “nổi loạn “. Tuy cuộc dấy binh của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã nổ bùng ra khắp Bắc Kỳ, các báo Hà Nội vẫn đăng tin sơ sài của Phủ Toàn Quyền Pháp gọi là “đảng kín nổi loạn một vài nơi “. Dân chúng đọc báo bàn tán thì thầm, không dám có một phản ứng công khai nào cả.

Trong các gia đình, câu chuyện “Việt Nam Quốc Dân Đảng “nổi loạn, và các tin đồn phần nhiều là bất lợi cho cách mạng, đều được “bảo kê” lẫn nhau, và chỉ trong vòng thân mật mà thôi. Những biện pháp đề phòng của quân Pháp bắt đầu thật là ráo riết. Dân chúng bàng hoàng kinh hãi.

Sau đó, có nhiều tin truyền khẩu rằng cuộc khởi nghĩa thất bại vì một đảng viên, là đội Dương, Phạm Thành Dương phản bội, đã tố cáo cho sở Mật thám Pháp biết trước tất cả chương trình khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Dân chúng lại nghe đồn rằng sở dĩ có cuộc thất bại là vì lệnh ở trung ương đảng bộ truyền ra không được tuân theo nhất trí về ngày giờ. Chỗ thì muốn đánh trước, chỗ thì đánh sau. Quyết định lần đầu tiên là khởi binh ngày Mồng Một Tết An nam (30.2.1930) và do Vũ Văn Giáp gọi là giáo Giáp tức Vũ Hồng Khanh, phát động ở Kiến An nhưng bị Mật thám biết, nên đảng dời ngày 12 tháng Giêng (10-2-1930). Nhưng Nguyễn Khắc Nhu không chịu ngày ấy và đã tự động khởi nghĩa trước một ngày, tức là ngày 9.2.1930. Anh hạ lệnh giết hết các sĩ quan Pháp hồi 1 giờ đêm hôm ấy. Nhưng rồi anh bị đạn và chết vài giờ sau.

Hà Nội khởi cuộc tấn công sau Yên Bái và Lâm Thao, nhưng đã làm cho nhiều đảng viên thất vọng. Vì thực ra, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội không được chuẩn bị sẵn sàng. Thành phố vẫn hoạt động yên tĩnh như không có gì. Có thể nói là cuộc cách mạng đã bị chết ngay trong trứng, tại thủ đô Bắc Kỳ. Trái lại, ở huyện Vĩnh Bảo nghĩa quân của VNQDDĐ đã đánh lớn và gây được tiếng rộ cũng như ở Yên Bái, tuy rằng cuộc khởi nghĩa trễ hơn

5 hôm sau Yên Bái (14.2.1930).

Bấy giờ dân Hà Nội mới thật là xôn xao. Cái tên của Nguyễn Thái Học mới bắt đầu được nói đến ở khắp nơi, khắp các tầng lớp đồng bào, với một lòng chiêm ngưỡng sâu xa, như một vị anh hùng của lịch sử. Nhưng 8 giờ sáng ngày 20.2.1930 có tin đồn Nguyễn Thái Học và ông Sư Trạch, một đồng chí, vừa bị bắt ở trên đường Cổ Vịt, gần đồn Chi Ngãi, tỉnh Hải dương.

Nghe tin ấy, Tuấn và nhóm sinh viên học sinh”Hội Kín “nhao nhao lo sợ, và đau khổ vô cùng. Giả vờ nóng lạnh, Tuấn nằm trên lầu đường Général Bichot, trùm chăn kín mít, âm thầm khóc một mình. Tuấn thấy cả một sự đổ vỡ kinh hoàng, với cảm giác gần như Lịch sử Việt Nam bị đứt đoạn nơi đây, không còn kế tiếp nữa.

Trưa, một đứa bạn đồng chí của Tuấn hớt hơ hớt hải đến đến hỏi thăm Tuấn :

- Anh ốm hả ?

- Ừ.

- Tụi mình nên đi ẩn núp một dạo ở nhà chị Hồng trên Bưởi.

- Anh đi trước đi. Chiều tôi mới đi được.

Trưa, Tuấn chỉ giả vờ nóng lạnh, không ngờ đến chiều sau khi người bạn đi rồi, Tuấn bị nóng lạnh thiệt. CƠn sốt rét hành hạ cậu học sinh 18 tuổi lên gần 40 độ, Tuấn nằm run cầm cập, mê man bất tỉnh. Một người bạn cùng ở gác trọ nghe Tuấn trong cơn mê hoảng nói lảm nhảm những câu “dễ sợ “: ”Anh Học bị bắt rồi...ai cũng bị bắt hết ...Hết rồi ...chắc Tây nó giết ...”

8 giờ tối, có người bạn đến lôi cổ Tuấn ra ngồi xe cyclo đạp, lên đường Quan Thánh để đón tàu điện đi Bưởi. Nhưng Tuấn muốn đi một vòng trong thành phố để xem tình hình, mặc dầu còn nóng liên miên và chỉ xúc dầu khuynh diệp. Đường phố vắng teo, tuy không có giới nghiêm, không có lính canh gác. Hình như thiên hạ bảo nhau ở nhà, ít ai dám ra đường. Duy có các phố Hàng Đào, Hàng Gai, Hàng Bông và quanh bờ hồ phía cầu Gõ và đền Ngọc Sơn là có người, qua lại, dạo mát hoặc mua bán, nhưng không rộn rịp như thường lệ, trái lại có vẻ trầm lặng, bí mật, nặng nề, như có một hiểm họa gì bay lượn trong không khí.

Đồng bào trong thành phố đều có bộ mặt sợ sệt. Nhưng có điều thật lạ, là

chỉ có “lính mã tà“ , “lính kín“ của sở mật thám là đi rảo khắp nơi đông đảo, và lẫn lộn trong đám quần chúng, chứ tuyệt nhiên không thấy có biện pháp quân sự nào cả. Nghe nói toàn thể binh sĩ bị cấm trại, thế thôi !

Khuya và khoảng 1 giờ, có một chiếc xe tank cũ kỹ, kiểu 1918, đi rầm rầm chậm chậm qua các đường phố Cửa Đông, Bichot, hàng Cót, nhà Hỏa, Boulevard Carnot, rồi trở về thành Cửa Bắc. Ngoài ra, khắp nơi đều yên tĩnh. Ở phố Huế, chợ Hôm cũng vắng người.

Tuấn đi thui thủi một mình khắp các phố phường Hà Nội, tuy trong người chàng hãy còn sốt. Chàng dòm ngó chung quanh, dưới ánh các trụ đèn điện chỉ có bóng cây, bóng lá rung rinh trong gió buốt. Trời đầu xuân, nhưng còn bao phủ mây đen, sương mù buông rủ trên thành phố một màn tang tễ lạnh.

Rét thấu xương, nhưng may lạ, Tuấn không bị thương hàn. Chàng chỉ nghe mạch máu chảy phùng phùng hai bên màng tang, tai kêu ù ù, môi khô, tay chân bủn rủn. Chàng vừa bước thong thả trở về gác trọ, vừa khóc âm thầm. Nước mắt chắt rờn rờn trên đôi má lạnh...

Chàng nhớ lại hình dáng gầy còm của anh Hồ Văn Mịch bị bắt trong lúc mang bệnh ho lao, nằm nhà thương Phủ Doãn, đã chết trong một đêm rét mướt. Chàng nhớ đến cái tin sét đánh về anh Nguyễn Thái Học đã bị bắt ở Hải Dương và anh Viên bị bắt trên gác trọ Gia Lâm ...

Tuấn gần như tuyệt vọng.

Tuấn nghe được nhiều chuyện đồn đãi về đời sống của cặp tình nhân Nguyễn Thái Học và Nguyễn Thị Giang. Có một câu chuyện mà Tuấn nghe vài đồng chí trong “Hội Kín“ kể lại, muốn biết chắc là đúng với sự thật hay không, thì chỉ có hỏi anh Nguyễn Thái Học, hoặc chị Giang, nhưng không làm sao gặp được hai người ấy. Dù sao, giai đoạn sau đây, cũng là truyền khẩu rất rộng rãi trong đám thanh niên sinh viên Hà Nội, vào khoảng 1930-32.

Cô Nguyễn thị Giang - nữ sinh - mới 18 tuổi lúc bắt đầu quen biết Nguyễn Thái Học, sinh viên trường Cao Đẳng Thương Mại, và đã là Đảng Trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng còn ở trong thời kỳ bí mật tổ chức và tuyên truyền. Giang yêu Học, mặc dầu chàng đã có vợ để ở quê nhà. Giang yêu

Học, chính vì lý tưởng cách mạng, cho nên sau khi được chàng chấp thuận vào đảng. Giang quyết chí hy sinh đời nàng cho hai mối tình thiêng liêng : Tổ Quốc và Người Yêu. Một hôm, hai người họp kín, chàng bảo nàng :”Đảng chúng ta cần có sự tham gia của binh lính để sau này tính việc khởi nghĩa mới thành công. Nếu anh truyền lệnh cho em phải làm thế nào để quyến rũ được một viên Quân, hoặc một viên Đội Nhất, Đội Nhì, có nhiều uy tín nhất trong đám Lính Khố Xanh Yên Bái, để họ gia nhập vào đảng ta, và họ sẽ lôi kéo toàn thể hoặc đại đội số binh sĩ gia nhập vào Đảng, thì em sẽ thi hành được nhiệm vụ ấy không ? “

Nguyễn thị Giang không do dự, trả lời :”Anh là Đảng trưởng. Anh ra lệnh là em xin tuân theo ngay. Nguyễn Thái Học nghiêm nghị nét mặt bảo :”Thế thì anh lấy tư cách đảng trưởng, giao phó cho em công tác sau đây, bất cứ bằng cách nào, dù phải hy sinh cả tính mệnh, cả thể xác, để quyến rũ được đồn lính Khố Xanh Yên Bái, gia nhập vào đảng ta. Anh kỳ hẹn cho em là một thời gian 3 tháng để thành công nhiệm vụ quan trọng ấy. Suốt thời gian công tác, em không được liên lạc với anh, bất cứ ở nơi nào “.

Cô nữ sinh Nguyễn thị Giang mỉm cười, nhưng cương quyết :”Em xin tuân lệnh “.

Bấy giờ là mùa đông. Ở Yên Bái cũng như ở Hà Nội và các tỉnh ở miền Bắc, mùa Đông trời rét lắm và ban đêm thường có các chị hàng rong bán mía lùi, một loại mía được chặt ra từng khúc dài độ hai gang tay, và lùi trong than lửa. Hoặc cũng có kẻ bán mía luộc. Hai món quà mía ấy ăn vừa ngọt vừa ấm miệng, cho nên người lớn trẻ con, đều thích. Mỗi khúc mía luộc hay mía lùi chỉ bán 1 xu.

Cô nữ sinh Nguyễn thị Giang bắt đầu bỏ học để làm nghề bán rong ban đêm với một gánh hàng đặc biệt. Một bên là một thùng thiết đựng đầy mía luộc đặt trên một chiếc lò thay chấy âm ỉ vừa đủ giữ nhiệt độ cho nước nấu mía đừng sôi quá. Một bên là một nồi than đỏ hực để cô hàng lùi những khúc mía tươi. Mỗi khi có người mua, cô lùi khúc mía vào than hồng, trở qua trở lại khúc mía độ năm lần là “mía chín “. Cô trao mía cho khách hàng, và lấy 1 xu bỏ vào một hộp “bích quy “cũ, kết tiền của cô.

Cô Giang chuyên môn ngồi bán hàng, nơi một gốc cây cao, cách cổng đồn

lính Khố Xanh vài ba chục thước. Cứ 7 giờ tối là đã có cô ngồi đấy, với “gánh mía “đặc biệt của cô. Hình như cô có bỏ một nắm hoa bưởi trong thùng nước mía, cho nên mía luộc của cô vừa ngọt vừa nóng, lại vừa thơm. Toàn thể sĩ quan, hạ sĩ quan, và binh sĩ đồn lính Khố Xanh Yên Bái đều ăn mía và mía luộc của cô Giang.

Nhiều người đã nghiện, trong số đó có một thầy Đội Nhất đã hoàn toàn say mê hương vị của cô Giang và chắc chắn đã say mê cả cô Giang, vì nhan sắc của cô hàng mía, hơn cả các thiếu nữ ở tỉnh này không ai so sánh kịp.

Dần dà những lóng mía thơm, những lóng mía ngọt, cho đến hết thấy mọi người với một nụ cười duyên dáng, với một ánh mắt ấm áp vương vấn sầu mơ. Cô bắt đầu tuyên truyền khéo léo, kín đáo những tư tưởng cách mạng cho mọi người. Đặc biệt là thầy Đội Nhất được cô huấn luyện ráo riết hơn cả, và không quá một tháng, thầy Đội đã trở thành một đồng chí hăng say nhất của cô, trong số các binh sĩ Khố Xanh.

Dần dần cô hàng mía đã lôi kéo được toàn thể đồn lính vào Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Ba tháng sau, đúng kỳ hạn đã chỉ định của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, và là người yêu của cô, nữ sinh Nguyễn thị Giang giới thiệu với thành viên Đội Nhất : “Thưa Anh, đây là một đồng chí mới của chúng ta đại diện một số lớn đồng chí gồm 350 người của đồn lính Khố Xanh Yên Bái “.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 41

1930

Sau cuộc khởi nghĩa thất bại của Nguyễn Thái Học.

- Tinh thần dân chúng Hà Nội.
- Đoạn đầu đài Yên Bái
- Nguyễn Thị Giang
- Dư luận báo chí ở Huế và Saigon-Hà Nội, "cuộc âm mưu của im lặng".

Sau cuộc khởi nghĩa thất bại của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở vài ba tỉnh Bắc Kỳ, dân chúng Hà Nội lo sợ khi biết tin viên Toàn Quyền René Robin cho lệnh hai chiếc phi cơ Moranebay đi thả bom xuống làng Cổ Am chẳng còn một nóc nhà.

Một gia đình đang ăn giỗ, có đông người làng đến dự, nghe tiếng phi cơ bay rà trên các mái nhà tranh, tò mò chạy ra sân ngược cổ lên trời xem. Hai viên phi công tưởng đó là "loạn quân" đang tụ họp, liền thả bom và bắn súng liên thanh, giết chết không còn một mạng.

Đây là một cuộc tàn sát đầu tiên bằng máy bay, mặc dầu lúc bấy giờ quân đội Pháp ở Đông Dương chỉ có vài chiếc máy bay cũ kỹ kiểu 1918 mà thôi. Nạn nhân không phải là "quân phiến loạn" mà là những nông dân vô tội, có cả ông già, đàn bà, trẻ nít.

Tàn quân VNQDĐ đã chạy trốn vào rừng núi, tìm đường sang Tàu, về ngã Lào Kay, Lạng Sơn. Các báo Hà Nội đăng tin, nhưng không dám phê bình vụ tàn sát dã man kinh khủng trên kia, trừ một tờ báo L'Argus Indochinois là có viết bài mạt sát viên toàn quyền René Robin thậm tệ. Vài tờ báo cách mạng ở Saigon cũng nổi lên đả kích kịch liệt vụ tàn sát làng Cổ Am bằng phi cơ.

Sau vụ này, Tuấn được nghe truyền tụng trong khắp các phố phường Hà Nội, một bài sấm mà người ta cho là rất linh ứng của Trạng Trình, Tuấn chép lại bài sấm để học thuộc lòng :

[Kìa kìa gió thổi lá rung cây](#)

Rung Bắc, rung Nam, rung tới Tây
Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cổ thụ sạch am mây
Lâm giang nổi sóng mù thao cát
Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy
Một ngựa một yên ai sùng bái
Nhấn con nhà Vĩnh bảo cho hay

(Trạng Trình NGUYỄN BÌNH KHIÊM)

Theo các cụ đồ Nho giảng dạy, thì trong bài sấm này, Trạng Trình ám chỉ rõ ràng cuộc khởi nghĩa của VNQDD ở Kiến An, Lâm thao, Hưng Hóa, Yên Bái và cuộc dội bom xuống làng Cổ Am. hai chữ Vĩnh Bảo là nói về Hoàng Gia Mô, cháu nội của Hoàng Cao Khải, làm tri huyện ở Vĩnh Bảo (tỉnh Hải Dương) bị quân VNQDD giết. Tuần nhận thấy câu thơ thứ bảy bị chữ thứ sáu thất niêm, đáng lẽ phải là một chữ vần trắc, theo luật Đường Thi, nhưng các cụ cho rằng đây là một lời Sấm, không cần phải niêm luật. Trừ một nhận xét nho nhỏ ấy về kỹ thuật thơ Đường, Tuần cũng như toàn thể sinh viên học sinh, giáo sư, và các tầng lớp dân chúng Bắc Kỳ, cả Trung và Nam kỳ, đều thán phục bài Sấm thần kỳ linh nghiệm của một bậc “Đại Thánh “ Việt Nam.

Ở Saigon, tờ báo đầu tiên dám đăng bài Sấm của Trạng Trình và giảng nghĩa rõ ràng là tuần báo “ Phụ Nữ Tân Văn “ của bà Nguyễn Đức Nhuận, mà chủ bút là ông Phan Khôi.

Vụ khởi nghĩa Việt Nam Quốc Dân Đảng bị đưa ra xử tại Hội Đồng Đền Hình ở toà án Hà Nội. Dân chúng không được vào xem. Lính canh gác cẩn mật chung quanh Nhà Hỏa Lò (danh từ thông dụng chỉ nhà lao Hà Nội) và toà án trên đại lộ Carreau.

Phải nói đúng sự thật rằng, trừ các giới cách mạng nằm trong bí mật là đặc biệt theo dõi vụ án này, còn ngoài ra, công chúng, cả thượng lưu, hạ lưu, cho đến các giới đồng bào bình dân, lao công, đều gần như lơ là, không xông xáo, xúc động.

Lý do, có lẽ một là vì Việt Nam Quốc Dân Đảng chỉ hoạt động thầm lén trong một phạm vi quá nhỏ hẹp, quảng đại quần chúng chưa biết tới, hai là

cuộc khởi nghĩa bùng ra quá sớm chưa được chuẩn bị đầy đủ các yếu tố tuyên truyền và tâm lý để sách động quần chúng. Cho nên cái tin VNQDD nổi dậy đánh Yên Bái, Kiến An, Lâm Thao, hầu như không có ảnh hưởng sâu rộng ở Hà Nội là nơi trú đóng trung ương đảng bộ VNQDD mà lại là nơi tương đối yên tĩnh nhất. Các tỉnh khác như Nam Định, Hải Phòng, Thái Bình, Phủ Lý, Hà Đông, Sơn Tây, Vĩnh Yên và các tỉnh ở thượng du Bắc kỳ hầu như hoàn toàn yên ổn, không mấy ai biết tới.

Mặt khác, sở Mật thám Đông Dương tìm cách không cho tiếng vang của cuộc khởi nghĩa lan rộng ra. Các báo ở Hà Nội đều hầu hết tuân theo mệnh lệnh của Mật thám Đông Dương và của phủ Thống sứ Bắc kỳ. Trên các tờ “ Hà thành ngọc báo, “ Đông Báo “, “ Trung Bắc Tân văn “, “ Thực nghiệp dân báo “, người ta chỉ đọc được những cái tin vắn tắt, đúng 2 cột, hoặc 1 cột mà không có hình ảnh. Ngay tờ “ Tiếng Dân “ của cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế, cũng không khai thác biến cố cực kỳ quan trọng ấy.

Những gì Tuấn biết được về vụ khởi nghĩa đều do tin tức truyền miệng của nhóm sinh viên, học sinh của Đảng, một nhóm thiểu số mà sự tuyên truyền cách mạng thường gặp phải sự lãnh đạm sợ sệt rất đáng chán nản của giới sinh viên học sinh chỉ chăm lo học hành thi cử.

Tin anh Nguyễn thái Học, Đảng trưởng và 12 Đồng chí ở các cấp lãnh đạo, bị toà xử tử, là một tiếng sét đánh vào tai những cậu học sinh và sinh viên của Đảng, tuy ai cũng đoán trước cái định mệnh kinh hoàng đau đớn ấy.

Lúc đầu nghe nói sẽ xử bắn trong sân nhà Hỏa Lò, nhưng ngay hôm sau đã có tin 13 nhà cách mạng QDD sẽ bị lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. Làm sao đi xem được. Tuấn và mấy bạn học sinh, sinh viên đồng chí đều thiết tha mong muốn được chứng kiến cảnh tượng bi hùng duy nhất ấy, được chính mắt đọc trang Lịch Sử Việt Nam vẻ vang ấy.

Nhưng làm thế nào ? Một tin bí mật và chắc chắn cho Tuấn biết rằng ngày quyết 13 vị Liệt Sĩ VNQDD, sẽ là ngày 17.6.1930 tại Yên Bái.

Phải nói rõ rằng nhóm học sinh VNQDD, đã được tổ chức riêng biệt thành một lực lượng trừ bị, theo chiến thuật của anh Hồ Văn Mịch, vì hình như Trung Ương Đảng Bộ còn ngại sự trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm của lớp

thanh niên làm cách mạng tập sự, và không trao cho lớp này những công tác bí mật quan trọng.

Học sinh của Đảng chỉ biết nhau bằng bí danh, và tổ chức chưa được chặt chẽ, chưa có hệ thống, và thật sự chỉ mới bắt đầu hoạt động hăng hái thì Đảng đã bị tan vỡ do cuộc khởi nghĩa đột ngột ở Yên Bái. Hồ Văn Mịch là linh hồn của tổ chức học sinh cách mạng của VNQDD và được nhóm trẻ của Tuấn coi như người anh cả. Mịch bị bắt, và nhờ bị bệnh ho lao nên được nằm nhà thương Phủ Doãn. Và không bị tra tấn nhiều. Và lại anh có rất nhiều can đảm, không hề tiết lộ một bí mật nào của đảng. Đó là một điều may mắn cho nhóm học sinh cách mạng không có một người nào bị tình nghi, và mật thám không biết một tí gì về tổ chức học sinh của Đảng.

Tuấn và hai người bạn thân tín nhất rủ nhau đi Yên Bái ngày 15 tháng 6, hai ngày trước hôm Nguyễn Thái Học và 12 liệt sĩ Quốc Dân Đảng lên đoạn đầu đài. Để tránh mọi sự nghi ngờ, ba chàng thanh niên đi bằng xe đò, chứ không đi xe lửa.

Đến Yên Bái đã gần khuya, Tuấn và hai người bạn lặng lẽ đi đến nhà một cô bạn gái, con một công chức làm tham tá ở Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, ở gần chợ. Đến đây, công việc đầu tiên của tụi trò Tuấn là nghe ngóng dư luận ... Mặc dầu nhà cầm quyền dấu kín, dân chúng tại tỉnh lỵ Yên Bái cũng đã thì thầm với nhau rằng “ những người Quốc Dân Đảng sẽ bị hành hình lúc 6 giờ sáng hôm sau. Nhưng số người tử tội thì không ai biết rõ. Kẻ bảo là 12 người, kẻ bảo 15 người. Có kẻ làm ra vẻ thông thạo quả quyết chỉ có 9 người tòng phạm thôi, còn hai người “ chủ mưu “, là Nguyễn Thái Học và Ký Con thì đã bị chém trong nhà Hỏa Lò ở Hà Nội ngay sau phiên toà. Toàn là những lời đồn đại trái ngược, những tin tức nhiều khi mâu thuẫn mà ai loan truyền ra cũng đảm bảo tin của mình là chính thức và đúng hơn cả.

Đêm nay Tuấn và hai đứa bạn không ngủ được và không lúc nào thấy buồn ngủ. Ba cậu học sinh nằm trên bộ ván, trùm trong một chiếc khăn bông. Họ nói thầm thì với nhau những điều thầm thì với nhau những điều ước đoán theo những câu chuyện nghe lỏm và những lời đồn đãi ngoài phố.

Yên Bái đêm ấy có cảnh tượng như một thành phố chết. Những ngọn đèn

điện thừa thốt và lờ mờ đổ xuống đường những vũng ánh sáng leo lét hoang vu. Không một bóng người qua lại. Không có giới nghiêm, không thiết quân luật, nhưng dân chúng lặng lẽ ở nhà, không dám ra đường. Mới tám giờ tối, hầu hết các nhà và các tiệm buôn lớn của Hoa kiều đều đóng cửa kín mít. Năm ba nhà hàng lớn của Hoa kiều cũng để cửa hé thôi.

Bốn giờ sáng, trời còn mù mịt, thành phố Yên Bái như tê lạnh dưới một vòm sương dày đặc, trắng lều bều ...

Ba cậu học sinh khê mở cửa ra đi, cố tình đi sớm một giờ để xem tận mắt tất cả những gì xảy ra trước giờ hành quyết, tất cả cảnh tượng bi đát và oai hùng mà Tuấn và hai người bạn sẽ được chứng kiến trong một tiếng đồng hồ. Không được lại gần chỗ chiếc máy chém đứng lù lù, bí mật, nghênh ngang giữa khu đất trống. Tuấn dòm dăm dăm cái vật ghê tởm màu xám xám phủ lên một lớp sương đêm làm tăng thêm màu láng bóng hãi hùng ghê rợn.

Năm giờ hai mươi phút, một toán lính “ Khố Xanh “ do một viên giám binh Pháp dẫn đầu, và lính “ Khố Đỏ “ dưới quyền chỉ huy của một trung úy Pháp lần lượt kéo đến, sắp hàng một, bao vây pháp trường. Công chúng hiếu kỳ kéo đến xem đông độ một trăm người, bị đuổi ra xa. Nhiều người chạy đi tìm chỗ đứng xem cho rõ. Tuấn và hai đứa bạn cũng bị lính đuổi đi, nhưng rồi cả ba cậu học trò vẫn tìm được một chỗ tạm nấp trong bóng tối nhưng ở đây được trông thấy tường tận.

Sau này, có vài quyển sách và bài báo chép rằng chị Nguyễn thị Giang, người vợ đồng chí của Nguyễn Thái Học, có đứng trong đám đông người để nhìn thấy mặt của đảng trưởng một lần cuối cùng. Nhưng Tuấn quả quyết rằng chị Nguyễn thị Giang không có đứng trong đám đông người, buổi sáng tinh sương mà nhà chí sĩ trẻ tuổi vĩnh biệt cuộc đời để bước vào lịch sử. Người ta không thấy chị Giang đâu cả. Sự thực, chị đã cải trang thành một người đàn ông, và đứng nép bên một gốc cây, chỉ 10 phút thôi, từ lúc chiếc xe sơn đen của nhà lao Yên Bái đưa anh Nguyễn Thái Học ra pháp trường cho đến lúc anh không còn nữa.

Nguyễn Thái Học bước lên đoạn đầu đài có hơi khác Nguyễn Thái Học lúc hoạt động cách mạng. Lần này đầu anh bị cạo trọc, đôi mắt anh sâu hóm

như hai cái lỗ thắm. Má anh cóp và người anh gãy đi nhiều. Anh không ngó ai cả, dậm dậm bước rất mau lên bàn máy chém, hai tay bị trói còng ra sau lưng. Anh đứng trên bục sắt đen ngòm, la lên với một giọng run run mà những kẻ tò mò được chứng kiến đứng ngoài vòng lính, ít người được nghe rõ. Sương còn buông xuống nhiều, Tuấn cố lắng tai nghe tiếng anh “ Việt Nam vạn ...vạn ...tuế. Hai tiếng “ Việt Nam “ và tiếng “ tuế” sau cùng thì hét lớn lên, còn hai tiếng “ vạn ...vạn “ rất nhỏ, chỉ nghe thoáng như hơi thở cuối cùng. Lưỡi dao sắc bén rơi mạnh xuống cổ anh, kêu một tiếng “phập“. Đầu anh rơi xuống một chiếc thùng mạt cửa kê ở dưới bàn máy chém.

Chính trong phút đó, chị Nguyễn thị Giang dưới lớp áo đàn ông, chòm chiếc pardessus đen, biến đi đâu mất.

Tuấn và hai đứa bạn hình như bị nghẹn cổ, không thở được Tuấn lấy khăn tay lau sương và nước mắt chảy ướt đầm trên đôi má tái mét rồi nhắm mắt đứng yên, không nhúc nhích, như một pho tượng, và không trông thấy gì nữa. Tuấn không thấy ngừng người khác lần lượt chết sau anh Học, 6 giờ 20 phút, là xong. Tuấn và hai đứa bạn đi thật nhanh ra bến xe đò về Hà Nội. Ít lâu sau hôm xử tử anh Nguyễn thái Học, Tuấn được tin chị Nguyễn thị Giang tự tử bằng súng lục ở ngay làng quê của người yêu.

Hai biến cố ấy làm đảo lộn tinh thần của đám thanh niên học sinh có theo dõi và tham gia chút ít hoạt động của VNQDĐ. Dư luận dân chúng Bắc Kỳ rất xôn xao, nhất là ở Hà Nội. Nhưng người ta chỉ bàn tán thầm thì với nhau trong gia đình chớ không dám nói lớn. Các báo Việt ở Hà Nội chỉ làm nhiệm vụ thông tin hoàn toàn khách quan. Không có một tờ báo nào viết ca ngợi các liệt sĩ VNQDĐ hoặc tỏ tình trong lúc viết tin tức, hay bình luận thời cuộc. Thịnh thoảng một đôi tờ báo có đăng một bài thơ của một cụ nhà nho, nói về Nguyễn Thái Học và Nguyễn thị Giang, nhưng đại ý cũng chỉ tỏ lòng thương hại, hay trách móc, chứ không có bài nào tán dương hay khâm phục việc làm VNQDĐ và Nguyễn Thái Học, lãnh tụ của đảng.

Ở Trung Kỳ có hai luồng dư luận trái ngược nhau : đa số trong giới quan lại của triều đình Huế, dĩ nhiên là mạt sát Nguyễn Thái Học và VNQDĐ, lại còn cười chế nhạo là “ trẻ lòng non dạ “, “ châu chấu đá voi “. Giới thanh

niên trí thức và trung học thì rất cảm phục lòng ái quốc hăng say và hy sinh cao cả của Nguyễn Thái Học và Nguyễn thị Giang. Hầu hết dân chúng miền trung chỉ nghe tin tức qua báo “ Tiếng Dân “ của cụ Huỳnh Thúc Kháng, nhưng chính cơ quan tranh đấu độc nhất ở Trung kỳ, do nhà cách mạng nổi danh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, vẫn hết sức dè dặt không hăng say mấy.

Duy có Saigon, cả báo Tây lẫn báo Việt đều nói đến nhiều nhất. Nhưng ở đây dư luận báo chí và dân chúng chia làm 3 phe : một phe gồm toàn các báo thực dân Pháp và một số báo Việt của các nhà tư bản, điền chủ, đốc phủ sứ, công kích việc “phiến loạn“ của VNQDD. Một phu trung lập như báo Phụ Nữ Tân Văn, do Phan Khôi làm chủ bút, thì chỉ nhận xét vụ VNQDD theo bài Sấm của Trạng Trình. Tờ tuần báo Phụ nữ tân văn cho rằng biến cố VNQDD chỉ là một sự kiện tiền định của Lịch Sử, là không khen không chê.

Trái lại, có một số báo chính trị bằng Pháp văn của những người thanh niên trí thức, thì nhiệt liệt tán thưởng cuộc Khởi Nghĩa của VNQDD.

Giới học sinh Hà Nội, phần đông ở hai tư thực lớn nhất, Thăng Long (của người Việt), Gia Long (của người Pháp) và trường (trung học bảo hộ) của Nhà Nước, xôn xao khá nhiều trong một tháng đầu. Nhưng rồi người ta thấy thấy có nhiều tội học sinh làm dọ thám, chuyên môn đi nghe ngóng các câu chuyện thì thầm của bạn bè hoặc thường đi xe đạp rảo qua các nhà trọ của học sinh, hay vờ vĩnh đến nhà bạn chơi để lục soát sách vở vì thế mà dần dần có một cuộc “âm mưu của im lặng” theo chữ Pháp thông dụng lúc bấy giờ trong trường hợp đó “ une conspiracy du silence”.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
Chương 42

1930

- Tuần báo Phụ Nữ Tân văn, Saigon bán ra Hà nội.
- Ảnh hưởng của các báo tranh đấu cách mạng ở Saigon bằng Pháp Văn đối với sinh viên, học sinh Hà Nội (La Lutte, La Cloche Felée, L Echo Annamite...)

Nhà trọ của Tuấn ở 77C đường Maréchal Pétain có đến 7 trò, hầu hết là học trường Thăng Long, Gia Long, hoặc trung học Pháp Lycée Albert Sarraut, cũng thường có vài đứa bạn đến chơi, và thừa lúc anh em vô ý, lục soát các sách vở và bàn học để kiếm tài liệu “ quốc sự “.

Một lần, đúng ngày 24 tháng 3 dương lịch, Tuấn và các bạn tổ chức ở trên gác một buổi lễ kỷ niệm cụ Phan Chu Trinh tạ thế. Các cậu đặt một chiếc bàn thờ tạm, treo bức chân dung của cụ, có đèn hương, hoa quả, bày biện đầy đủ trên bàn. Bảy anh em học sinh và sinh viên cùng ở trọ trong nhà, đều hăng hái và thành kính làm lễ. Tuấn đọc một bài diếu văn kể lại tiểu sử và sự nghiệp cách mạng của cụ và cổ vũ anh em nên soi gương ái quốc của cụ, nguyện sau này sẽ đem học vấn và tài năng của mình để phụng sự quốc gia. Xong bài diếu văn, anh em lần lượt từng người ra lạy trước bàn thờ nghi ngút trầm hương. Buổi lễ đơn giản, nhưng rất cảm động. Anh em ai cũng bùi ngùi, có người lạy rồi lạy nữa, ba bốn lần.

Thình lình, một cậu học trò, chỉ quen sơ với Tuấn, cũng như các sinh viên học sinh khác trong nhà, cũng quê quán ở Trung kỳ đi xe đạp đến, và lật đặt leo cầu thang lên gác. Hắn bắt gặp cả một đám học sinh, sinh viên đang đứng im lặng trước bàn thờ có treo ảnh cụ Phan Chu Trinh, còn khói hương trầm, cặp nến trắng còn đang cháy liu liu. Hắn cười, hỏi Tuấn :

- Tụi các anh làm gì thế ?

Hắn dăm dăm nhìn ảnh cụ Phan, rồi nhún vai, bảo :

- À, hôm nay là 24 Mars, ngày giỗ cụ Phan Chu Trinh ...Thế mà tôi quên mất chứ ! Tụi các anh nhớ giỏi nhỉ !

Nói xong, nó ngoay nguẩy chạy xuống cầu thang, và ra cửa lên xe đạp phóng một mạch về phía bờ hồ.

Tụi trò Tuấn vội vàng dọn cất chiếc bàn, tắt đèn, tắt hương, sau khi lạy cụ Phan một lần nữa.

Trò Trần Kiên Mỹ tức giận nói to :

- Thăng khốn nạn, quê ở Quảng Nam, bạn đồng hương mà đi làm chó săn.

Trò Long bảo bằng tiếng Pháp :

- C'est un mouton dangereux (một thằng do thám -nghĩa bóng- nguy hiểm).

Tuấn không nói gì chỉ lấy tấm hình đem gói vào tờ giấy dầu dưới miếng ngói ở mái nhà bếp.

Tất cả đều hồi hộp lấy bài vở ra học, và chờ mật thám đến xét nhà, không có ai sợ trốn đi. Nhưng chờ mãi không thấy mật thám tới. Tuấn đứng trong cửa sổ, ngó xuống đường Maréchal Pétain, chỉ thấy thằng khốn nạn đạp xe lượn qua lượn lại nhiều lần trước nhà.

Lần cuối cùng, vào khoảng 12 giờ trưa, hăn ghé vào. Tuấn không muốn cho hăn lên gác, vì có mấy đứa bạn, nhất là Long Lycée (thường gọi là Long Toét) hăm đánh hăn "vỡ mặt ".

Tuấn xuống dưới nhà, gặp hăn sắp sửa lên cầu thang. Tuấn nắm tay hăn giữ lại :

- Mi lên trên đó thế nào cũng bị mấy người đập chết. Mi ở đây với tao. Tại rằng lúc này mi có thái độ lạ rứa ? Tao hỏi thiệt mi, mi làm mouton cho mật thám Tây, phải không ?

Hăn run sợ, bảo :

- Không có. Ai bảo với anh thế ?

- Tao bảo. Vì thái độ của mi chứng tỏ rằng mi là một agent de recherche, một thằng điếm chỉ cho Tây. Tụi tao làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh chứ có gì bí mật đâu mà tụi bay đi rình ? Mi cũng là dân Quảng Nam, rằng mi đi làm chuyện tồi bại rứa ? Mi không sợ tụi bạn đồng hương của mi đập mi nát óc à ?

Hăn cười giả lả :

- Anh đừng nghi oan cho tui chứ. Tôi đâu có làm agent de sureté cho Tây. Lúc này tôi đến là định hỏi anh có được mandat ở nhà gửi ra chưa, nếu có thì cho tui mượn tạm 5 đồng để trả tiền trọ. Nhưng tôi thấy các anh bận việc, tôi đi về, thế thôi. Tôi thề với các anh rằng tôi không làm điếm chỉ cho Tây đâu.

Tuấn bảo :

- Mi cần tiền thiệt không ?

- Thiệt. Tui định đến mượn anh 5 đồng.

- 5 đồng đây, mầy rút đi.

Tuấn lấy 5 đồng đưa cho thằng khốn nạn, nó cảm ơn rồi ra đi.

Tuấn theo dõi dư luận của một số báo chí Pháp ngữ ở Hà Nội (L'Echo Annamite, La Tribune Indochinois, La Jeune Indochine) công kích kịch liệt viên toàn quyền René Robin về vụ y ra lệnh cho máy bay ném bom làng Cổ Am, nơi mà bị tình nghi dung dưỡng tàn quân Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Ở Hà Nội không có tiệm sách nào bán báo Saigon, Tuấn cùng với một nhóm bạn thân toàn là sinh viên học sinh nghèo, góp tiền gửi vô Saigon mua năm các tờ báo cách mạng của người “ Annam “ hầu hết là viết bằng chữ Pháp, như tờ La Lutte của Tạ Thu Thâu (đệ tứ quốc tế), La Jeune Indochine của Vũ Đình Duy (Phục Quốc hội), La Tribune Indochinois của Bùi Quang Chiêu (thủ lãnh đảng Lập Hiến Đông Dương). L'Écho Annamite của Nguyễn Phan Long (đảng Lập Hiến Đông Dương), Parti constitutionnaliste Indochinois v.v...

Điều đó không có gì lạ đối với tình thế lúc bấy giờ. Vì báo viết bằng Pháp Ngữ, dù là của người An nam do người An nam làm chủ nhiệm, cũng được theo chế độ tự do của báo chí Pháp. Còn báo chí Annam dù là xuất bản ở Saigon và Nam kỳ, là thuộc địa Pháp, cũng phải theo một chế độ riêng, bị hạn chế và bị chính quyền thuộc địa bóp chẹt.

Cho nên những tờ báo cách mạng ở Hà Nội (rất ít) ở Huế (không có) đặc biệt nhiều nhất ở Saigon, đều viết bằng tiếng Pháp, và theo qui chế báo chí Pháp quốc cộng hòa : tự do báo chí, tự do ngôn luận, y như các báo ở bên Pháp vậy.

Vụ đưa lên đoạn đầu dài mười ba nhà liệt sĩ VNQDD ở Yên Bái cũng như

vụ toàn quyền Robin cho phi cơ ném bom làng Cổ Am, đã gây cho các báo cách mạng Pháp ngữ ở Hà Nội và Saigon một luồng dư luận vô cùng phần nộ. Các báo ấy công kích kịch liệt sự trả thù vô nhân đạo của “ bọn thực dân “ cầm dùi cui” (des colonialistes à la trique) theo danh từ rất thông dụng thời bấy giờ.

Đọc những tờ báo đó, những người trí thức, và đám sinh viên học sinh “ có đầu óc cách mạng” đều khoái vô cùng. Nhưng không phải là ai cũng đọc. Đại đa số đồng bào không biết, hoặc không thông thạo tiếng Pháp không đọc được, đó là lẽ dĩ nhiên và điều thiệt thòi rất lớn. Nhưng ngay trong đám trí thức và công chức, mà học lực từ bằng diplôme (thành chung) trở lên nghĩa là đã đọc và nói được tiếng Pháp lưu loát lắm cũng chỉ có số rất ít, trong một trăm người hoạ may có 1 người, đọc các tờ báo cách mạng bằng Pháp ngữ hoặc nếu có đọc cũng chỉ đọc lén mà thôi. Vì họ sợ “ quan Tây, quan thầy Pháp lang Sa “. Nhà Nước Đại Pháp để ý đến họ, hoặc bắt bớ, giam cầm, tù đày khổ sở.

Một tuần báo Việt Ngữ bán chạy nhất lúc bấy giờ và có uy tín nhất, không những riêng ở Saigon, Lục tỉnh mà cả Trung kỳ, Bắc kỳ nữa (như ở Hà Nội có rất nhiều gia đình mua cả năm) là tờ Phụ Nữ Tân Văn của một bà triệu phú người Nam, có cửa hàng tơ lụa lớn nhất ở Saigon, tên là bà Nguyễn Đức Nhuận và chủ bút là ông Phan Khôi. Ngoài bìa in màu, có hình vẽ ba thiếu phụ Nam, Trung, Bắc, đầu tóc riêng biệt theo mỗi địa phương, nhưng ngồi sát nhau ra chiều chị em thân ái lắm. Dưới hình có ghi hai câu thơ đầy ý nghĩa :

Phấn son tô điểm sơn hà

Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam

Tuần thuộc lòng hai câu châm ngôn bằng thơ ấy, mỗi tuần đúng vào sáng thứ Hai là chàng nhận được tập báo ấy do một người bạn gái ở Saigon gửi tặng. Hai câu châm ngôn rất mới mẻ và rất hấp dẫn kia tỏ rõ lập trường ái quốc của tờ tuần báo duyên dáng độc nhất của Nam Kỳ. Ông chủ bút Phan Khôi là một tay văn học cừ khôi nhất ở Saigon lúc bấy giờ. Thế mà tuần báo ấy không hề có một bài nào phản đối việc toàn quyền Robin cho máy bay ném bom dã man xuống làng Cổ Am.

Để nêu gương ái quốc của mình, và để cổ võ lòng ái quốc của người An nam, tờ Phụ Nữ tân văn chỉ làm được hai việc có thể gọi là vĩ đại nhất lúc bấy giờ. Một, là báo ấy mở cuộc thi “ Danh Nhân Việt Nam “. Nhà báo chọn một danh sách không quá 25 người, tức là “ 25 danh nhân “ trong lịch sử Việt Nam, không theo thứ tự nào cả. Mỗi tuần, nhà báo đăng tiểu sử và sự nghiệp của một người, đại khái như : Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Bình Trọng, Quang Trung, Trưng Trắc, Phan Thanh Giản, v.v...

Xong rồi nhà báo nhờ độc giả sắp hạng, căn cứ trên sự nghiệp của mỗi vị danh nhân, để ai trên ai dưới, thành một bản danh sách dự thi. Những bản danh sách nào gần giống nhau nhất sẽ được coi như trúng giải.

Cuộc thi Danh nhân Lịch Sử ấy không có kết quả tốt đẹp, vì sự lựa chọn của độc giả rất là lộn xộn, phiền phức, không theo tiêu chuẩn nào cả.

Việc làm thứ Hai có tính cách “ái quốc “ của Tuần Báo Phụ nữ tân văn là mở cuộc lạc quyên giúp bốn học sinh nghèo du học sang Âu châu.

Số tiền lạc quyên không có mấy nhưng tiền của ông bà Nguyễn Đức Nhuận bỏ ra lập bốn học bổng thì cũng khá nhiều. Có rất nhiều học sinh dự thi. Ban chấm thi cho một bài thơ Việt Nam để thi giảng giải và bình luận. Bài thơ có năm vắn như sau đây :

Lò, Mò, Lo, Cho, Trò.

Kết quả có 4 thí sinh đậu, và buổi tiệc tiễn bốn cậu lên tàu thủy để qua Pháp rất là long trọng. Theo thể lệ học bổng cậu nào thành tài và sẽ có công việc làm, sẽ phải đóng góp mỗi tháng một số tiền để thành học bổng cho người lớp sau. Nhưng sau đó, các trò học đại học Pháp, cưới vợ đầm, và chẳng có một cậu nào tôn trọng thể lệ học bổng, theo lời cam đoan danh dự trong buổi tiệc tiễn đưa trước khi xuống tàu.

Học bổng của báo Phụ Nữ tân văn chỉ được một lần đó thôi và không có điều kiện tiếp tục hằng năm. Tờ phụ nữ tân văn cũng phát hành trong một thời gian vài năm rồi đình bản, sau khi ông Phan Khôi nghỉ việc.

Ở Hà Nội, sau vụ VNQDĐ, tình hình trở lại yên ổn. Nhóm sinh viên học sinh đã có hoạt động ít nhiều trong hội kín Quốc Dân Đảng, tiếp tục học thi tú tài hoặc vào các ngành khác.

Đời sống bề ngoài hoàn toàn yên tĩnh, cũng như ở Trung và Nam Kỳ.

Người ta bắt đầu quên lần vụ khởi biến VNQDD và ở thành thị cũng như thôn quê, nhiều nơi dân chúng không hề nghe nói đến cái tên Nguyễn Thái Học.

Người ta lo “ làm ăn “ để có tiền nộp thuế cho Tây.

Sau một thời gian, im hơi lặng tiếng, hình như một vài uỷ ban trung ương đảng bộ bắt đầu tái lập để hoạt động trở lại, nhưng một cách hết sức dè dặt và hầy còn rời rạc.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 43

1930

- Một cuộc du lịch qua các tỉnh Trung kỳ, vô Saigon, để xem xét tình hình.
- Tinh thần cầu an của thượng lưu, trung lưu " An nam "
- Một xu-hướng Tân V.N.Q.D.Đ.

Một buổi tối thứ bảy, một người bạn đồng chí rất thân đến nhà trọ rủ Tuấn đi Bờ Hồ chơi. Hai người ngồi trên ghế đá trống dưới gốc cây phượng. Người bạn hỏi Tuấn :

- Anh có quen với ai ở Saigon không ?

Tuấn nghĩ một lúc rồi bảo :

- Có một người bạn học cùng lớp ở Qui Nhơn, hiện giờ làm công chức sở Bưu Điện Saigon. Có một bạn nữa, người đồng hương, hiện làm trợ bút một tờ nhật báo lớn.

- Anh vô Saigon tiếp xúc với hai người đó được không ? Thử đặt một cơ sở kỳ bộ thanh niên VNQDD ở Saigon, trong giới trẻ cách mạng rồi anh trở Hà Nội liền.

- Đi Saigon thì được. Nhưng còn tiếp xúc với hai người bạn đó sẽ có kết quả gì hay không, tôi không dám chắc. Người bạn làm Bưu Điện, thì lúc còn học ở Qui Nhơn, đã tỏ ra là một trong những đứa nhát gan nhất và sợ tây nhất. Còn cái anh trợ bút báo Công Luận thì họa may ...Trong vụ lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, hẳn cũng khá hăng hái ...Nhưng hiện giờ mình không thể bảo đảm gì cả. Đã mấy năm rồi mình không gặp hẳn.

- Không hề gì. Anh cứ đi Saigon một chuyến xem. Thử tiếp xúc, và dò dẫm tình hình, rồi sẽ liệu.

- Hôm nào đi ?

- Hôm nào cũng được, tùy anh.

- Để tôi sắp đặt công việc học hành của tôi xem sao đã. Thời khóa biểu của tôi tháng này nặng lắm. Nhưng tôi có thể đi một tuần lễ..

Hôm sau, người bạn của Tuấn đến trao Tuấn 200 đồng (200 đồng hồi 1930 giá trị bằng 20.000 đồng năm 1970) và hai người thì thào trò chuyện rất lâu. Rồi một buổi chiều, vào lúc 5 giờ, Tuấn xách chiếc va li nhỏ ra ga xe lửa mua vé tàu suốt Hà Nội – Saigon.

Tàu suốt cũng gọi là Tàu Tốc Hành (train-express) chạy đúng hai ngày hai đêm, chỉ ghé những thành phố lớn, 7 giờ tối ngày sau tàu đến ga Saigon.

Tuấn xuống một khách sạn gần ga, đường Amiral Roze (nay là đường Trương Công Định). Đưa giấy căn cước cho người bồi khách sạn ghi vô sổ, rồi chàng đi tắm.

Trở lại phòng thay đồ đạc xong, Tuấn ra đi, ghé ăn qua loa trong một tiệm cơm “ các chú “ nơi góc đường, rồi đi bách bộ xem cảnh tượng thành phố ban đêm.

Saigon rộn rịp hơn Hà Nội nhiều. Thoạt tiên, Tuấn để ý đến hai điểm khác nhau giữa hai thủ đô : Saigon có quá nhiều tiệm, ăn, tiệm café, xe mì, hầu hết là của các chú và tiệm nào cũng đông đặc khách hàng. Ngoài ra còn có hàng quà vật của phụ nữ bình dân ngồi bán đầy các lề đường.

Dân chúng ngồi ăn ngoài đường đông đảo và vui vẻ tự nhiên. Trái lại, ở Hà Nội, những tiệm ăn rất hiếm, các hàng quà vật rất ít. Cả phố hàng Long trước ga chỉ có một tiệm ăn lớn của Hoa Kiều, Nam Kinh Từu Lâu. Phố hàng Bông, hàng Gai dài từ chợ của Nam xuống đến chợ Cầu Gỗ, và phố lâu Gỗ xuống đến bờ sông, không có một tiệm ăn nào cả.

Trước kia, năm 1928, có tiệm ăn : Việt Nam ở phố hàng Bông, do Việt Nam Quốc Dân Đảng mở ra làm nơi kinh tài bí mật của đảng, nhưng sau khi bị bắt và đóng cửa luôn Phố Hàng Da, Hàng Cót, Nhà Hồn cũng thế. Phố Hàng Đào, từ Bờ Hồ lên đến chợ Đồng Xuân, qua phố hàng Giấy, lên phố hàng Đậu, hàng Than cũng chẳng có một tiệm ăn. Chỉ có phố Hàng Cân có vài tiệm bán chả cá, phố hàng Nón, có độc nhất một tiệm phở Nghi Xuân. Trừ phố hàng Buồm mà đa số cửa hàng là của Hoa kiều, có hai ba từu lâu lớn, còn hầu hết các phố phường Hà Nội đều vắng bóng tiệm ăn, tiệm rượu, tiệm café. Thịnh thoảng có một vài quán quán cơm bình dân ở ngoại ô.

Theo Tuấn, có lẽ vì người Hà Nội thích ăn cơm trong gia đình, và không ưa

đi tiệm. Chỉ khổ cho những người từ các nơi đến Hà Nội phải ở khách sạn, tìm được chỗ ăn là cả một vấn đề. Có lẽ tại vì phong tục ngoài Bắc là tránh những nơi “ tửu điểm trà đình “ cho nên trừ những trường hợp đặc biệt, còn thì không có cảnh tượng ngoài phố như Saigon.

Hà Nội thời Tiền chiến, là kinh đô cổ kính, nơi “nghìn năm văn vật đất Thăng Long” hãy còn giữ hầu hết những nét truyền thống của Nho phong.

Saigon khác hẳn, dù là Saigon lúc Tuấn từ Hà Nội vào, ngỡ ngác giữa cảnh rộn rịp đêm ngày như tự cảm thấy mình thất lạc vào một thành phố hoàn toàn xa lạ.

Quen nếp sống thường ngày ở Hà Nội, Tuấn đến Saigon và đi xem phố xá cũng mặc áo veste và đeo cravate, Tuấn cảm thấy khó chịu ngay vì chung quanh mình công chúng toàn mặc áo bà-ba hoặc sơ mi trần. Cho đến các cô thiếu nữ 19, 20 tuổi đi ngoài phố cũng mặc áo bà-ba, khác hẳn với Hà Nội. Tất cả đều ngó Tuấn với cặp mắt tò mò. Tuấn ngỡ ngác ngỡ ngàng như một người ở tỉnh lần đầu tiên bước chân lên đô thị Saigon.

Sáng hôm sau, để thiên hạ khỏi để ý đến mình, Tuấn mặc sơ mi trần, không đeo cravate, ra đường gọi xe kéo xuống nhà Giấy thép, có vẻ tự nhiên như một người dân Saigon.

Đến Bưu điện hỏi thầy N. người ta chỉ qua phòng “ colis postaux” (bưu kiện) ở bên hông. Tuấn sang phòng này, may mắn trông thấy ngay N. người bạn học cũ ở Qui-Nhơn. Đầu tiên, N. bỡ ngỡ hỏi :

- Ủa, Tuấn đi đâu đây ?

Tuấn bảo khẽ, sợ người ngoài nghe :

- Mình ở Hà Nội mới vô hôm qua, muốn gặp N. nói chuyện chơi.

N. cười gượng :

- Ủ, nhưng bây giờ mùa đang bận việc. Để chiều nay được hông ?

- Được

- Toa vô Saigon ở trọ nhà ai ?

- Ở khách sạn Hồng Hoa, đường AmiraL Roze.

- Vậy thì chiều nay cơm nước xong, độ 8 giờ mùa chờ toa trước cửa ga xe lửa. Nhớ hi ! Rồi bọn mình đi ra hóng gió ở Pointe des blagueurs, tha hồ nói chuyện. Nhớ hi !

- Pointe des blagueurs ở đâu ?

- Chỗ cột cờ Thủ Ngữ ngoài bờ sông.

Đúng 8 giờ tối, Tuấn kêu xe kéo ra bờ sông tìm đến chỗ Pointe des blagueurs (bây giờ là tiệm ăn Ngân Đình của Hoa kiều), Tây và Đầm ăn uống đông nghẹt. N. dắt Tuấn đi dọc theo bờ sông. Sau những câu chuyện hàn-huyên, Tuấn kể lại cho N. nghe về cuộc khởi nghĩa thất bại của VNQDD. Tuấn dò ý của người bạn cũ, thấy anh ta có vẻ rất khâm phục Nguyễn Thái Học và các đồng chí của Học trong VNQDD. Anh nói hăng lắm, khác hẳn lúc còn là học sinh ở Qui Nhơn. N. ca tụng Nguyễn Thái Học và Nguyễn thị Giang, hai nhà anh hùng “ xứng đôi vừa lứa “ đã đi vào trong lịch sử.

Tuấn khắp khởi mừng thầm, hỏi N. :

- Thí dụ bây giờ có một chi nhánh VNQDD ở Saigon đây anh có tham dự không ?

N. trở mắt ngó Tuấn :

- Không ! Moả làm vậy, họ bỏ tù mỗm thấy mẹ !

Tuấn cười :

- Vậy sao anh vừa khen Nguyễn Thái Học với Nguyễn thị Giang quá vậy ?

- Mỗm khen họ nhưng mỗm không làm như họ được, vì mỗm còn phải lo giữ cái nồi gạo của mỗm chớ.

Tuấn cười :

- Nếu vậy thì thôi.

Để N. khỏi nghi ngờ về nhiệm vụ bí mật của Tuấn, chàng nói tiếp :

- Mỗm hỏi đùa toa cho vui đấy thôi, chớ tụi mình còn con nít quá, làm gì được đại sự như Nguyễn Thái Học !

Không hy vọng thuyết phục được người bạn công chức chỉ yêu nước bằng lỗ miệng. Tuấn đi tìm người bạn thứ hai, trợ bút tờ báo “ Công Luận “, tức là L’Opinion bằng Pháp ngữ, là của một công ty người Pháp, và dĩ nhiên là một tờ báo triệt để thân Pháp.

Người bạn học cũ của Tuấn là trợ bút ở báo này chắc là phải theo đường lối của chủ, nghĩa là của Pháp, không thích hợp với chủ nghĩa quốc gia của người Việt Nam. Tuấn biết như thế nên rất thận trọng trong câu chuyện tiếp

xúc với người bạn cũ.

Thời bấy giờ các nhật báo ở Saigon phát hành vào khoảng 9 giờ đêm để bán đến sớm hôm sau, và toà soạn làm việc từ 5 giờ chiều, báo lên khuôn lúc 7, 8 giờ tối.

8 giờ, Tuấn gặp người bạn tại trước cửa toà soạn. Anh bạn trợ bút dắt Tuấn đi ăn “ bánh đập “ ở góc đường Frère Louis và uống xá xí. Đường Frère Louis nay đổi tên là đường Võ Tánh, và tiệm bánh đập ở trên một khoảng đất trống khá rộng nay là chợ Thái Bình. Đây là tiệm bánh đập có tiếng nhất ở Saigon thời bấy giờ, lúc nào cũng đông khách, người tới lui tấp nập. Loại bánh đập này là món ăn bình dân rất được dân chúng Saigon ham thích trước đây 30 năm, không hiểu vì sao ngày nay biến mất, không còn thấy ai bán nữa.

Tuấn và anh em trợ bút (nay gọi là ký giả) báo Công Luận, ngồi riêng một bàn nhỏ ở góc sân gần trong bóng tối. Vừa ăn, vừa nói chuyện về “quốc sự”. Một đề tài bị người Pháp cấm ngặt thời bấy giờ, nên phải nói chuyện thì thầm lén lút, giữa đám đông người.

Câu chuyện kéo dài đến 10 giờ đêm, nhưng anh trợ bút báo “ Công Luận “ xem chừng không hăng hái chút nào đối với công việc dự định tổ chức một kỳ bộ Thanh niên VNQDD Ở Saigon. Anh ta nói thì hùng hồ lắm, nhưng lại nhát gan, không dám tham gia một cuộc phiêu lưu cách mạng nguy hiểm. Cuối cùng, anh ta định giới thiệu cho Tuấn một giáo sư bạn thân của anh, cũng là một người có “đầu óc “.

Tuấn gặp ông giáo sư, người Nghệ An, trước dạy trường collège de Vinh, bị đuổi vì tham gia các cuộc bãi khóa của học sinh năm 1927. Ông trốn vào Saigon, dạy tư tại “ Trường tư thực Phan Bá Lân “ và có tiếng là một tay “ quốc sự “ hăng hái nhất. Nhưng ông đã có chân trong một “ hội kín “ gọi là “ Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội “. Ông công kích VNQDD, cho rằng QDD, “ làm việc hồ đồ “, thiếu kỷ luật và tổ chức không chặt chẽ “. Thay vì hưởng ứng kế hoạch thiết lập Kỳ bộ Thanh niên VNQDD của Tuấn ông giáo sư lại muốn lôi kéo Tuấn về thành lập Kỳ bộ Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tại thủ đô Bắc kỳ.

Tuấn từ chối và nhất định trung thành với VNQDD. Nhân dịp viếng thăm

Saigon, Tuấn được hân hạnh quen biết thêm một vài bạn trẻ ở “ Hội Kín Nguyễn An Ninh” và “ Tân Việt Cách Mạng đảng “, hai Hội cách mạng mới thành lập.

Nhưng đời sống quá rộn rịp của “ Kinh đô Ánh Sáng “ không thích hợp với Tuấn chút nào cả. Mới ở được 5 hôm, một buổi tối Tuấn đi chơi về khách sạn, gặp anh bồi phòng ngồi trên chiếc ghế đầu trước cửa vào. Anh bồi phòng cho Tuấn rõ có tên lính mã tà mượn phòng ở đối diện với phòng số 9 của Tuấn, và thừa lúc Tuấn đi vắng hăng lên mở cửa phòng của Tuấn. Hăng có chìa khóa mở được phòng của Tuấn và lục soát đồ đạc của Tuấn để trong phòng. Đồ đạc của Tuấn thì có chi ! Một chiếc va li cũ kỹ đựng vài bộ quần áo Tây và An nam. Ngoài ra Tuấn có đem theo một mớ tiểu thuyết Pháp ngữ và Anh ngữ để đọc trong lúc rảnh, và một quyển tự điển Larousse, một quyển tự điển Anh mới mua ở Saigon.

Tuấn không một chút lo ngại, và còn mong người lính mã tà khám xét thiệt kỹ phòng ngủ của chàng để thấy rõ rằng chàng không có gì khả nghi, và chàng là nột người hoàn toàn lương thiện. Nhưng chiều hôm sau, Tuấn hết sức ngạc nhiên nhận được giấy gọi đến Sở Mật Thám Pháp ở Saigon.

Tại đây một viên thanh tra Pháp xem căn cước của Tuấn rồi hỏi :

- Cậu là sinh viên ở Hà Nội, cậu vô Saigon có việc chi ?

Tuấn trả lời liền :

- Tôi vô Saigon để tìm việc làm.

- Ở Saigon không có việc làm cho cậu. Tốt hơn là cậu nên trở về Hà Nội.

- Tôi cũng định ở Saigon vài ba hôm nữa rồi trở về Hà Nội.

Viên thanh tra Mật thám Pháp ngó thẳng vào mắt Tuấn và truyền lệnh :

- Không, cậu phải mua vé xe lửa về Hà Nội ngay 7 giờ tối hôm nay.

- Thưa ông, tại sao tôi phải đi tối nay ?

- Không tại sao cả. Nếu cậu còn ở lại Saigon đêm nay, tôi sẽ cho lính mã tà đến bắt cậu.

Tuấn không có đồng hồ. Ngó lên vách tường, đồng hồ của phòng giấy mật thám đã 5 giờ 30, Tuấn chỉ còn 2 giờ để sửa soạn hành lý và mua vé về Hà Nội. Tuấn đi ăn cơm ở tiệm các chú, ra đến ga chỉ còn 5 phút. Tuấn vội vã mua vé và xách va li, len lỏi đám đông hành khách ra bến tàu.

Một tên lính mã tà đứng soát giấy căn cước ngay tại chỗ cửa. Sợ trễ tàu, không muốn cho hắn xét giấy, Tuấn xách va li đi thẳng. Người lính mã tà gọi Tuấn lại, và chạy theo Tuấn vừa gọi :

- Ê ! Cậu kia !

Tuấn chỉ kịp bước lên tàu trong lúc Tàu suốt Saigon-Hà Nội hụ lên một tiếng chát tai và từ từ lăn trên đường sắt. Nghiêng đầu ra cửa sổ hạng tư ngó xuống bến, Tuấn còn thấy tên lính mã tà đứng hẳn học chỉ ngón tay lên Tuấn, miệng chửi thề :

- Đ. mẹ mày !

Trên đường về Hà Nội, Tuấn có ghé lại vài thành phố quen thuộc ở Trung Kỳ : Nha Trang, Qui Nhơn, Tourane, Huế.

Mỗi nơi Tuấn chỉ ở hai hôm, hoặc ba hôm, và tìm lại các bạn cũ để dò hỏi về tình hình địa phương. Hầu hết các bạn cũ của Tuấn, cùng học trước kia ở Quảng Ngãi, Qui Nhơn, những cậu học trò tinh nghịch, phá phách nhất, bây giờ đã trở thành những thầy Thông, thầy Phán, thầy Ký, thầy Trợ Giáo – những công chức Nhà Nước, oai vệ trong bộ Quốc phục, khăn đen áo dài, hoặc đàn hoàng trong bộ âu phục theo thời trang.

Mới xa cách ba năm (1927-1930), mà không khí đã đổi khác rất nhiều. Phong độ học trò không còn nữa trên nét mặt của những người bạn cũ. Tuấn rất ngạc nhiên là chính những bạn hăng hái nhất trong cuộc bãi khóa năm 1927 và các cuộc hoạt động quốc sự, một khi đã từ giã ngưỡng cửa học đường, đã trở thành những người công chức hiền lành ngoan ngoãn nhất. Gặp lại Tuấn, họ rất niềm nở vui vẻ, mời Tuấn về nhà dùng cơm với họ, ở chơi với họ một vài buổi, sẵn đón hỏi han rất thành thật hăng hái về Việt Nam Quốc Dân Đảng và cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái, về Nguyễn Thái Học, Nguyễn thị Giang v.v...

Với một chút hãnh diện rất tự nhiên của kẻ đã được may mắn chứng kiến vài biến cố quan trọng của Lịch Sử hiện đại ngay trên đất ngàn năm văn vật, ở Thăng Long huyền bí xa xưa. Tuấn thuật lại cho người bạn cũ nghe vài ba chi tiết đặc biệt về các hoạt động của VNQDD trong giới trí thức và sinh viên học sinh ở Hà Thành. Các bạn Tuấn nghe hồi hộp say mê, gần như bị kích thích mạnh bởi những chuyện mạo hiểm ly kỳ, dũng cảm của

tuổi trẻ hăng say vì lý tưởng.

Nhưng đêm đã khuya, khi Tuấn bắt đầu đưa ý kiến nên tham gia trực tiếp vào những hoạt động cụ thể nhằm mục đích phụng sự Cách Mạng ở ngay địa phương, thì các người bạn, kiểm cách từ chối. Họ sợ công việc sẽ đổ bể, họ sẽ bị giam cầm tù tội, sẽ mất “ nôi gạo “, và sợ liên lụy đến cha mẹ, vợ con.

Sự thật Tuấn rất thông cảm với thái độ hoàn toàn thụ động của các công chức ăn lương của Nhà Nước Bảo Hộ, nên không dám hoạt động chống Nhà Nước Bảo Hộ. Họ không thể bạt mạng như hồi còn là học sinh. Bây giờ mỗi người là chủ một gia đình, có bốn phận và trách nhiệm đối với vợ con, nhiều khi với cả cha mẹ, anh em nữa, vì đa số công chức Việt Nam thuở ấy làm việc để nuôi cả một gia đình đông đảo, tuy tiền lương không được dồi dào rộng rãi.

Vấn đề lương bổng liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của giới trung lưu. Trách nhiệm vật chất của người công chức đối với gia đình bên nội, bên ngoại là những trở ngại rất lớn cho lớp người trai trẻ có lý tưởng quốc gia, có chân tâm ái quốc, có chí hướng phụng sự cách mạng và tranh đấu cho độc lập tự do.

Hầu hết những bạn cũ có tâm huyết, đồng chí hướng với Tuấn lúc ở nhà trường đã từng mơ tưởng những giấc mộng phiêu lưu mạo hiểm, muốn noi gương các bậc anh hùng trong Lịch sử, nuôi chí hồ-thĩ tang bồng, đều bị kẹt vào những hoàn cảnh thực tế và nhu cầu cần thiết của gia đình. Sau khi thi đỗ mảnh bằng Thành Chung, những thầy Thông, thầy Ký, các bạn ấy hưởng ứng sốt sắng và nhiệt thành khuyến khích, ủng hộ, nhưng chỉ trong tinh thần mà thôi.

Học đường đã đào tạo những cậu học sinh sinh viên tuấn tú, với một căn bản trí thức khá đầy đủ, vững vàng. Tổ quốc đã rèn đúc thành những chàng trai có chí khí, có hoài bão, nhưng khi người bạn trẻ từ giã mái trường, thì gia đình lại đòi chàng về để phụng sự cho đời sống của gia đình trước đã.

Tuấn, vô tư nhận thấy rằng chính tình trạng “ cầu an “ của giới thượng lưu và trung lưu của xã hội An nam trước đây là nguyên nhân sự phát triển chậm chạp và khó khăn của các đảng Cách Mạng Quốc gia, mà đầu tiên là

Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Trái lại, nhờ cuộc đi Saigon và lúc trở về ghé thăm mấy thành phố lớn của Trung Kỳ, Tuấn rất ngạc nhiên thu lượm những tài liệu bí mật chứng tỏ rằng Đảng Cộng Sản Đông Dương (Đông Dương Cộng Sản Đảng) đã bành trướng mau lẹ hơn và sâu rộng hơn trong giới đồng bào bình dân. Những cán bộ tuyên truyền Cộng sản đã chạm phải thái độ cầu an của các cấp Trung lưu, nên họ chỉ hoạt động mạnh trong các giới Công Nông mà thôi.

Nếu Cộng sản thành công hơn các đảng phái Quốc gia, chính là nhờ sự ủng hộ cuồng nhiệt của một số tín đồ trung kiên trong hai giới sau.

Về Hà Nội, Tuấn tường thuật rõ ràng cuộc du lịch vô Saigon và qua các tỉnh Trung kỳ cho các thanh niên đồng chí nghe. Tuấn kết luận như sau đây :

- Phải cải tổ chương trình hành động của VNQDD, làm cho thích hợp không những với hoàn cảnh của các giới thượng lưu và trung lưu, mà còn với giai cấp Công Nông nữa. **PHẢI GẮT GAO TRANH DÀNH ẢNH HƯỞNG** VỚI Đông Dương Cộng Sản đảng, vì chắc chắn sau này VNQDD sẽ phải đương đầu với Đông Dương Cộng Sản đảng, **VÌ HAI HỆ THỐNG LÝ TƯỞNG CHỐI NHAU TRÊN KHẮP CÁC PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, ĐẠO ĐỨC, LUÂN LÝ, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI.**

Sự thất bại đau đớn của VNQDD do cuộc khởi nghĩa quá sớm mà chưa kịp chuẩn bị kỹ càng về mặt tuyên truyền chánh trị cũng như kỹ thuật cách mạng, là bài học kinh nghiệm cho các hoạt động kế tiếp sau này.

Nếu cần, nên giao hết cho thanh niên trí thức, sinh viên cao đẳng và cao đẳng tiểu học, nhiệm vụ cải tổ hệ thống tuyên huấn của Đảng.

Nhưng ý kiến của Tuấn đưa ra không được chấp nhận. Một số người mới của VNQDD phần nhiều ở trong giáo giới thủ cựu, những người có thiện chí nhưng vẫn theo mực thước cũ, không quan niệm được một sự cải tổ cấp tiến, và nguy hại hơn nữa là họ có mặc cảm tự ái và tự tôn đối với tuổi trẻ của thế hệ đang lên.

Xem thành phần của nhóm người mới, Tuấn không thấy một người nào có thể so sánh được, dù chỉ được 5 phần 10, với Nguyễn Thái Học. Không có ai vừa cứng rắn vừa sáng suốt như Ký Con. Nói thật ra không sợ méch lòng, trong nhóm người đứng ra tiếp tục tranh đấu cho lý tưởng VNQDD

sau khi anh Học chết, cho đến 1939, không có ai xứng đáng làm một lãnh tụ, một chân chính lãnh tụ.

Anh em sinh viên học sinh, thanh niên trí thức, không tin nhiệm nơi những người này nữa. Họ phân tán, sáp nhập vào những đảng khác, nhất là vào nhóm Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội có khuynh hướng cộng sản. Và cũng bắt đầu từ đây Cộng sản hoạt động mạnh hơn trước nhiều, còn VNQDD thì bị chìm dần cho đến thời Nhật thuộc mới phát động mạnh trở lại. Nhưng VNQDD về sau sẽ bị một số người lợi dụng và chia rẽ hàng ngũ, không còn phong độ Cách mạng thuần túy của Nguyễn Thái Học và Ký Con.

Ngay từ 1931, sau cuộc Khởi nghĩa thất bại, cũng như một số thanh niên trí thức, văn sĩ, sinh viên cao đẳng, học sinh trường Bưởi, Tuấn không muốn để ai lợi dụng lòng yêu nước thuần túy của mình.

Tuấn nhận thấy rất rõ rằng hoạt động chính trị được phát triển chừng nào thì đảng phái chính trị lợi dụng chừng nấy. Những người lợi dụng là những anh hùng cá nhân bất tài bất lực, chuyên dùng thủ đoạn vặt để tranh dành nhau làm lãnh tụ, gây uy tín và quyền lợi cá nhân trên lưng các đồng chí.

Đó là nhận xét chung của một số thanh niên trí thức đã tha thiết say sưa với lý tưởng VNQDD, nhưng đã thất vọng nhiều với lớp người lãnh tụ mới, sau 1930.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 44

1931

- Phong trào chấn-hưng Phật Giáo
- Ở Saigon
- Ở Huế
- Ở Hà-nội
- Châm ngôn " Phi cao đẳng bất thành phu phụ " của giới " tiểu thư lãng-mạn" Hà-thành.

Một hậu quả không ngờ của sự giác ngộ về chính trị, và tinh thần ái quốc phấn khởi của các giới chức Việt Nam, từ khi hai cụ Phan về nước và sau cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, là phong trào "Chấn hưng Phật giáo," bộc phát ở Saigon năm 1931.

Theo dõi các biến chuyển trong đời sống xã hội của Dân Tộc, Tuấn tìm hiểu đến tận gốc nguyên nhân cụ thể của các phong trào mới. Từ khi người Pháp đô hộ Việt Nam ta gần một thế kỷ, đạo Thiên Chúa đã gây được một thế lực khá rộng rãi và bành trướng khá mạnh. Đồng thời đạo Phật bị hạn chế nghiêm khắc, bị khinh rẻ bởi triều đình Huế và bởi các quan An nam tô tử trung thành của Nhà Nước Bảo Hộ.

Nhưng từ năm 1920, ở Trung Hoa Dân Quốc đã nổi lên phong trào "bài ngoại" chống văn minh tây phương, do đó chống cả Thiên Chúa Giáo. Một cuộc vận động chấn hưng Phật giáo được cổ xúy khắp nước Tàu, khởi điểm từ Nam Kinh, do các nhà trí thức đề xướng. Cuộc vận động ấy tràn qua Việt Nam được một số các nhà lão Nho hưởng ứng. Nhưng uy quyền của Pháp đang mạnh, thế lực Thiên Chúa Giáo mà thực dân Pháp coi như Công Giáo, được che chở, kính nể, đang bành trướng khắp nơi, nên các cuộc vận động chấn hưng Phật Giáo ở Việt Nam bắt nguồn từ Trung Hoa Dân Quốc năm 1920 đều bị ngăn trở và cấm đoán.

Phải đợi đến mười một năm sau, các trào lưu cách mạng làm xáo động tinh thần ái quốc của các giới trí thức ngấm ngấm đã kích các hình thức văn

minh Pháp, lấy câu “ bảo vệ Quốc hồn Quốc Tuý “ làm châm ngôn cách mạng, đạo Phật mới gặp cơ hội thuận tiện để vùng dậy, bắt đầu từ Saigon, nhượng địa của Pháp.

Ngày Tuấn vào Saigon lần thứ nhất, cuối năm 1930, phong trào chấn hưng Phật Giáo đã được cổ động khá rầm rộ trên các mặt báo Saigon. Theo phong trào này, Tuấn thân hành đến chùa Linh Sơn, đường Douaumont (nay đổi tên là đường Cô Giang) là trụ sở của “ Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học Hội “, Tuấn được gặp vị trụ trì ở đây, Hòa Thượng Lê Khánh Hòa, vị Sư ái quốc, chủ trương chấn hưng Phật Giáo, và hội trưởng N.K.N.C.P.H.H.

Tuấn được Hòa thượng biếu một mớ Kinh Phật mới in xong. Hầu hết các nhân viên của Hội Phật Học này đều là cư sĩ, trí thức thượng lưu nam nữ, như đệ nhất Phó Hội Trưởng Commis Chấn.

Phong trào Chấn hưng Phật Giáo ở Saigon được truyền bá ra Trung Kỳ rất mau chóng, và ngay năm sau, 1932, một Hội Phật Học được thành lập Huế, gọi bằng tiếng Pháp là : "Société d' Encouragement à l' étude de la Religion Bouddhique en Annam“, viết tắt là S.E.E.R.B.A.

Tuấn không hiểu sao người ta lại đặt cho Hội một cái tên Pháp dài dòng như vậy : “ Hội Khuyến học Phật Giáo Trung Kỳ “. Tại sao không rút ngắn lại thành hội Phật Học Trung Kỳ chẳng hạn, vừa giản dị vừa đầy đủ ý nghĩa hơn.

Tuấn tò mò hỏi một vài người bạn làm Tham Tá ở toà Khâm thì họ giải thích rằng : Nhà Nước Bảo Hộ sợ có những người lợi dụng danh từ “ Hội Phật Học “ quá rộng nghĩa để phát triển mạnh mẽ phong trào Phật Giáo, cho nên bắt buộc những người sáng lập Hội rút hẹp phạm vi hoạt động. Mục đích của Hội chỉ là “Khuyến Học“ Phật giáo mà thôi.

Vì thế, cho nên hội S.E.E.R.B.A. chỉ được coi như là một hội khuyến học đặt dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của Chính quyền, theo những luật pháp bó buộc của chánh thể Bảo Hộ. Tất cả mọi hoạt động của Hội, dù là có tính cách hoàn toàn tôn giáo đều bị hạn chế trong khuôn khổ học Đạo, và riêng trong lĩnh vực Trung Kỳ mà thôi.

Tuy vậy, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam kỳ và Trung kỳ vẫn ngấm

ngầm truyền bá ra đất Bắc. Năm 1934, một số trí thức Phật tử có tinh thần bài Pháp và chống Thiên Chúa giáo, đứng ra lập một hội Phật Giáo Bắc Kỳ và tôn Sư Cụ Vĩnh Nghiêm ở Bắc Giang làm Pháp chủ. Hội quán của Hội được đặt tại chùa Quán Sứ, đường Richaud, Hà Nội. Hội lại mở một nhà in và nhà xuất bản.

Tạp chí Đuốc Tuệ của Hội được khá đông tín đồ hoan nghênh.

Hội Khuyến Học Phật Giáo Trung Kỳ cũng xuất bản tại Huế một tạp chí Phật Học lấy tên là Viên Âm.

Tuần học ở Hà Nội, nhận thấy rằng các phong trào Chấn Hưng Phật Giáo không được bành trướng mạnh, một phần vì bị luật pháp của Nhà Nước Bảo Hộ hạn chế, một phần vì chính các Hội kia không có đủ phương tiện phát triển. Ngân quỹ rất nghèo nàn với tiền cúng dường của số ít hội viên giàu.

Song song với phong trào Chấn Hưng Phật Giáo năm 1931 ở Saigon, một “ Thông Thiên Hội “ cũng được thành lập do một nhóm người chủ trương, ở đường Vassoigne, Tân Định. Tạp chí Niết Bàn của nhóm ấy phát hành cũng được giới tín đồ Phật giáo hoan nghênh.

Phong trào chấn Hưng Phật Giáo bùng nổ trong những năm 1931,1932, 1933, 1934, xét kỹ ra thì chỉ thích hợp với những lớp trí thức từ 40 tuổi trở lên và có tinh thần chống Pháp tiêu cực, nhất là ngấm ngấm chống ảnh hưởng và uy quyền của Thiên Chúa Giáo, lúc bấy giờ được Chánh Phủ Bảo hộ rất kiên nhẫn. Đồng thời các nhà Sư chủ trương phong trào ấy cũng có tinh thần ái quốc kín đáo, khéo che đậy dưới một cuộc hoạt động tôn giáo hoàn toàn vì Đạo Pháp.

Những nhân vật nổi bật của Phong Trào Chấn Hưng Phật giáo là Sư Cụ Lê Khánh Hòa, trụ trì chùa Linh Sơn, Saigon và ông Commis Chấn. Hội trưởng và đệ nhất phó Hội trưởng Hội “Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học Hội “ – sau đổi là “Linh Sơn Nghiên Cứu Phật Học Hội “ – Hòa thượng Thích Mật Thể và ông Lê Đình Thám, Y-sĩ Đông Dương (médecin Indochinois) ở bệnh viện Trung ương Huế, Hội trưởng Hội S.E.E.R.B.A (Trung Kỳ Phật Giáo Khuyến Học Hội) và ở Hà Nội là ông Nguyễn Văn Vĩnh và Sư Tổ Vĩnh Nghiêm.

Về sau, Chính phủ Bảo hộ muốn kiểm soát phong trào Phật Giáo Bắc kỳ, đã tìm cách đưa ông Nguyễn Năng Quốc, tổng đốc hưu trí, vào làm Hội trưởng Hội Phật Giáo Bắc kỳ.

Tuấn, chàng trai trưởng thành trong thế hệ Nguyễn Thái Học, đầu óc bị kích thích quá mạnh, và tinh thần tò mò quá độ, chuyện gì cũng muốn biết, muốn xem, muốn học hỏi, nhân đi Saigon để tính lập một Kỳ bộ Thanh Niên Việt Nam Quốc Dân Đảng nhưng không thành, đã tìm hiểu về các đảng cách mạng khác, và đồng thời cũng ghé thăm chùa Linh Sơn.

Đi ngang Trung Kỳ, chàng ghé thăm Huế và viếng thăm chùa Từ Đàm, chùa Bảo Quốc, chùa Linh Mục, và gặp ông Lê Đình Thám.

Về Hà Nội, chàng tìm hiểu những hoạt động của Hội Phật Giáo Bắc kỳ ở chùa Quán Sứ.

Chàng nhận xét hai điều :

- Một là thanh niên không tham gia vào các phong trào này. Thấy trên bàn của chàng những tạp chí Đuốc Tuệ (Hà Nội), Viên Âm (Huế), Niết Bàn của Hội Thông Thiên học Saigon, và các sách Phật của Hội Nam Kỳ. Nghiên cứu Phật học, nhiều bạn của chàng chế nhạo chàng là “ gàn “. “ 21, 22 tuổi mà muốn đi tu “ ...

Vả lại, đối với đa số thanh niên không nghiên cứu đến Phật giáo, những tạp chí trên quả thật là khó hiểu. Chúng thuộc về các loại sách mà giới sinh viên học sinh thời bấy giờ gọi là “sách nhồi sọ” (bourrage de crâne). Chỉ có những kẻ ương ương, gàn gàn thích những triết lý vắn vơ, mới đọc những sách báo nhồi sọ ấy.

Tuấn bị một số đồng bạn bè liệt và hạng “ cụ non “ bắt hủ.

Những ngày Rằm. Mồng Một hoặc những ngày Vía Phật, Tuấn đến chùa Quán Sứ chỉ thấy toàn là các cụ, các ông, các bà, với vẻ mặt thành kính, tin tưởng. Thịnh thoảng mới có một cô thiếu nữ đi theo các bà cụ, nhưng để bưng các quả đèn hương, oản, chuối, để cúng nhà Chùa. Trên điện thờ, tượng Phật ngồi điềm nhiên, lạng lẽ, mắt nhắm như không muốn thấy cảnh tín ngưỡng nhộn nhịp chung quanh.

Các nhà Sư cũng vậy, không niềm nở sốt sắng, ông nào cũng có vẻ trầm ngâm, đạo mạo, như tách hẳn ra ngoài vòng thế tục.

- Hai, là Phật giáo như một thế giới riêng biệt, huyền mơ trong sương khói, không trực tiếp liên quan gì đến Đời Người. Phong trào Chấn Hưng Phật Giáo có lẽ vì thế mà không được bành trướng sâu rộng trong xã hội.

Tuấn suy nghĩ về tình hình tổng quát của Nước Nhà, nhận thấy rằng sau một cuộc chiến tranh, hay một biến cố rung rợn khủng khiếp như cuộc khởi nghĩa đày máu lửa của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở các tỉnh Bắc kỳ (người Pháp Albert de Pourville có viết một quyển sách nói về đêm khởi nghĩa ở Yên Bái, nhan đề là “ La nuit rouge de Yên Bái) và cuộc xử chém Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí, lòng người dân Việt Nam đâm ra chán nản, tự nhiên quay về tìm Đạo Từ Bi, Hỷ Xả để được yên tĩnh trong tâm hồn.

Những người đến chùa lạy Phật, không có quan niệm chen đua với đời, nên phong trào Chấn Hưng Phật Giáo chỉ có đôi chút nôn nao trong khung cảnh lặng lẽ của Nhà Chùa, ít có tiếng vang xao động ngoài trần thế.

Phái thanh niên, cả nam lẫn nữ, ở Bắc kỳ cũng như ở Trung và Nam kỳ, không những đã không tha thiết tham gia vào công cuộc trùng hưng Phật học, mà trái lại họ còn hòa theo các phong trào lãng mạn vừa chớm nở, sau 1931.

Tuấn cũng theo sát những biến cố gây ra phong trào này. Nói đúng hơn, đây là một cuộc phục hưng của phong trào lãng mạn (renaissance du courant romantique de 1925).

1925, Tuấn còn học ở Qui Nhơn, mới 13 tuổi chưa biết gì, hãy còn là một cậu học trò quê mùa, ngớ ngẩn, thì ở Hà Nội, trường Cao đẳng Đông Dương (Université Indochinois) - Đại học “ lô can “ – đang đào tạo một lớp sinh viên Tây học hoàn toàn theo ảnh hưởng văn học Pháp.

Một trong đám sinh viên trẻ tuổi ở lớp Sư Phạm, là Hoàng Ngọc Phách, có viết một quyển tiểu thuyết nhan đề là “ Tố Tâm “. Đó là quyển tiểu thuyết lãng mạn đầu tiên, do nhà sách Nam Kỳ ở Bờ Hồ, xuất bản.

Trong lúc các sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội được trọng vọng và phong trào các cô

“tiểu thơ “ khuê các chỉ ham lấy chồng Cao đẳng được lan tràn trong giới Nữ Lưu (Phi Cao đẳng bất thành phu phụ) thì tiểu thuyết Tố Tâm ra đời,

vừa đúng lúc để đưa phong trào ấy lên đến tuyệt đỉnh.

Tác giả Song An Hoàng Ngọc Phách, sinh viên Cao đẳng Sư phạm, trở thành thần tượng của tất cả các cô gái Hà Nội, Tố Tâm thành quyển truyện đầu giường của toàn thể thanh niên nam nữ vào lứa tuổi từ 18,19 đến 30. Tố Tâm được bạn trẻ thế hệ 1925 hoan nghênh nhiệt liệt, chính vì nó là quyển truyện ái tình, trong đó diễn tả tình yêu của một sinh viên Cao đẳng, với một “ tiểu thư “ khuê các, tượng trưng cho những tình yêu lãng mạn trường giả thời bấy giờ.

Phong trào tiền lãng mạn (mouvement pré-romantique) của Tố Tâm còn dư âm đến những năm 1926-1930 thì bỗng dừng ngưng hẳn lại vì cuộc khởi nghĩa đẫm máu của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở các tỉnh Bắc Kỳ, và nhất là vụ 13 liệt sĩ QĐĐ bị lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, tháng 6.1930.

Ngưng chỉ ngưng được 2 năm, thời gian Phật giáo muốn nổi lên dưới hình thức “ chấn hưng và khuyến học “ của các nhà tu sĩ lão thành nặng lòng vì nước muốn bảo tồn một truyền thống quý báu của Dân Tộc.

Lớp thanh niên trí thức lứa tuổi của Tuấn, chỉ theo dõi với nhiều thiện cảm phong trào Phật Giáo, như một phong trào có khuynh hướng bảo vệ “ Quốc Hồn Quốc Tuý “. Nhưng họ không sốt sắng hưởng ứng những hoạt động tiêu cực mà tuổi trẻ cho rằng có tính cách yếm thế, có lý tưởng quá mờ mịt cao xa.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 45

1931

- Hoàng Tích-Chu và " Le Retour de France "
- Phong trào " Tiểu thư đi bộ "
- Hai tiệm khiêu vũ đầu tiên mở ra ở Hà Nội.
- Phản ứng của báo chí và dân chúng.
- " Tiểu Thư Tân Thời " và các bài danh ca của ca sĩ Pháp Tino Rossi.
- Hội Ái Tino, phố hàng Bún.

Giữa lúc đó, vài phần tử thanh niên trí thức du học ở Pháp về khoảng năm 1930 nhưng có những lý tưởng khác nhau, đã biến đổi nếp sống thâm lặng, còn đầy cổ điển của Hà Nội, thành một không khí lãng mạn hoàn toàn mới hẳn.

Tuấn tìm cách tiếp xúc với những phần tử ấy, cốt để hiểu họ. Một phần vì tính tò mò của Tuấn, muốn học hỏi những mới lạ của những người đáng tuổi anh mình đi du học từ Pháp mới về, một phần vì những phong trào do họ gây ra đã làm sôi nổi dư luận của người Hà Nội. Những thanh niên du học ở Pháp mới về, được gọi chung bằng một danh từ "Retour de France ".

Một buổi sáng mùa hè, một tờ tuần báo mới ra đời, một lối trình bày độc đáo, khác hẳn tất cả các báo xuất bản từ trước ở Hà Nội, Huế, Saigon, và được giới sinh viên, học sinh hoan nghênh nhiệt liệt. Đó là tờ Đông Tây mà chủ nhiệm kiêm chủ bút là Hoàng Tích Chu. Vừa trông thấy tờ Đông Tây, manchette in đỏ tươi, treo bán sau tủ kiếng tiệm sách Nam Kỳ ở Bồ Hồ Hoàn Kiếm, Tuấn vội vàng mua ngay một tờ (lúc bấy giờ ở Hà Nội không có các sạp báo trên lề đường. Các tuần báo được treo sau tủ kiếng các tiệm sách và bán trong tiệm. Báo hằng ngày, chỉ có ba bốn tờ, được tụi con nít ôm đi bán rong).

Tờ Đông Tây không những khác biệt các tuần báo trong xứ bằng cách trình bày các mục, mà khác cả ở lối viết văn. Ấn loát tinh vi, tiến bộ hơn nhiều.

Văn viết rất gọn gàng, câu văn ngắn chứ đừng đầy đủ ý nghĩa, không dài lê thê như trong các sách báo hiện hành.

Tuấn say mê đọc những đoạn văn như sau đây trong một số báo Đông Tây, của Hoàng Tích Chu :

“Đông Tây không gặp nhau “ Rudyard Kipling nói đúng, nhưng không đúng hẳn. Đông trọng về tinh thần, Tây quá trọng về vật chất. Nhưng Đông Tây đã gặp nhau. Tinh thần vật chất hòa hợp. Triệu chứng loài người tiến bộ ...”

Đó, một mẫu văn của Hoàng Tích Chu. Ít khi một câu dài quá một dòng. Những ý tưởng cô đọng trong những chấm và phết. Tuấn có đến thăm Hoàng Tích Chu một buổi sáng tại toà soạn báo Đông Tây, với tư cách một độc giả trẻ tuổi có nhiều cảm tình. Cảm tình vì trong lúc hầu hết thanh niên trí thức An nam đi du học bên Pháp đều học làm bác sĩ, trạng sư, kỹ sư, thì Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn, bạn của anh, ở Paris mấy năm học nghề nhà in và viết báo. Đỗ Văn về một lượt với anh và cùng anh hợp tác mở tờ Đông Tây để thi thố kỹ thuật mới về ấn loát và văn nghệ.

Hoàng Tích Chu là một nghệ sĩ tài hoa, phong nhã. Rất tiếc đời anh quá ngắn ngủi. Thời gian làm Chủ bút báo Đông Tây, anh không giàu, nhưng anh được tình yêu trung thành cảm động của một Kỹ Nữ ở Khâm Thiên, lừng danh khắp Bắc kỳ và Trung kỳ : cô Đốc Sao.

Cô Đốc Sao, xưa kia, là một ả đào có giọng hát trong như ngọc, gương mặt đẹp như tiên, nụ cười “ nghiêng nước nghiêng thành “ đã làm sụp đổ biết bao nhiêu gia tài của khách làng chơi sang trọng. Những công tử, công tôn từ các nơi tìm đến, những Quan lớn từ Huế và những Đốc Phủ Sứ từ Saigon Lục tỉnh ra, say mê giọng hát và nụ cười của cô, có khi ăn đêm nằm dề ở nhà cô cả tháng. Nhưng không bao giờ cô ban cho ân huệ tối hậu như họ thèm thường van lơn. Ấy thế mà cô yêu Hoàng Tích Chu, một văn sĩ nghèo, một nhà báo kiết. Và cô say mê anh, xin làm vợ anh, lo tươm tất cho đời sống của anh, cho cả tờ báo của anh.

Một hôm Tết, Tuấn nhận được thiệp của cô Đốc Sao :

Madame Hoàng Tích Chu.

Chữ “ Madame “đó khiến cho Tuấn vô cùng cảm động. Khi anh Hoàng

Tích Chu đã qua đời, danh thiếp của cô Đốc Sao đổi lại :

Mme Veuve Hoàng Tích Chu

(Bà quả phụ Hoàng Tích Chu) và một băng tang trên góc.

Hoàng tích Chu là người đã tạo ra phong trào lãng mạn Văn nghệ I -1930-1932, rồi sau đó mới kế tiếp nhóm Phong Hóa của Nguyễn Tường Tam và các nhóm Thi Văn sĩ lãng mạn từ 1932 trở về sau.

Đồng thời, một nhóm khác gây được phong trào lãng mạn trong giới thể thao phụ nữ, và tổ chức rầm rộ một cuộc phụ nữ đi bộ từ Hà Nội xuống Hải Phòng.

Một số trên mười cô, phần đông là nữ sinh “ tân thời “ hưởng ứng phong trào và được các hội thể thao các tỉnh ở dọc đường đón tiếp long trọng mỗi khi đoàn bộ hành đi tới một thành phố nào. Từ Hà Nội đến Hải Phòng đường dài 100 cây số. Để chứng tỏ rằng các cô thuộc về thế hệ thiếu nữ tân tiến và đính chánh danh từ “ phái yếu “, mặc dầu các cô chân yếu tay mềm các cô quyết định đi bộ hết con đường thiên lý ấy. Nhưng các cô đi mất ba ngày mới đến đích.

Vài ba cô bỏ cuộc ở dọc đường, vì đi không nổi nữa. Các cô khác đến Hải Phòng đều mệt lả, phải trở về Hà Nội bằng xe lửa.

Phong trào này được dân chúng và nhất là giới thanh niên cả nam lẫn nữ theo dõi với một nụ cười chế nhạo. Người ta đặt ra danh từ “ tiểu thư đi bộ “ rất được thông dụng với ý nghĩa khôi hài. Một giáo sư Thiên Chúa Giáo, rất giỏi về tiếng La Mã và Hy Lạp, nhưng phải tính hơi gàn gàn, Pétrus Lê Công Đắc, có viết ra một hài kịch nhan đề là “ Tiểu thư đi bộ “, suýt bị mấy cô đón đánh ngoài phố.

Dư luận chung của đồng bào các giới thì chê cười rằng : "có lẽ mấy cô tiểu thư kia, con nhà quyền quý, ít có dịp đi bộ cho nên mới cho rằng việc đi bộ là mới lạ, và cố động rùm beng, chứ chị em thôn nữ đi bộ hằng ngày từ xưa đến nay có cần có gì phong trào tân tiến lãng mạn đó đâu."

Cuộc “ tiểu thư đi bộ “ chỉ gây được một tiếng cười mỉa mai chứ không có ảnh hưởng gì đến đời sống của các cô gái được gọi là “ tiểu thư tân thời “.

Tuần theo sát các phong trào của thời đại, nhận xét rằng danh từ “ tiểu thư “ có ý nghĩa rõ rệt là chỉ có các thiếu nữ con nhà trâm anh thế phiệt, phần

nhiều là con các quan, hoặc con nhà giàu, mới tham gia các phong trào lãng mạn mới nảy nở, chỉ sốt sắng theo các cải cách về y phục (kiểu áo mới, giày cao gót v.v...). Hầu hết con gái bình dân và trung lưu đều bảo thủ nề nếp nho phong cổ cụ.

Đồng thời ở Khâm Thiên, ngoại ô Hà Nội, Tuấn thấy mở ra hai tiệm khiêu vũ đầu tiên, hai thanh niên du học ở Pháp mới về. Một tiệm do người em cô Đốc Sao làm chủ, tên là Vũ Đình Hải, và một tiệm do một chàng có cái tên “ lãng mạn “ là Jean Dod Khang. Những vũ nữ đầu tiên của hai tiệm này phần nhiều là các cô ả đào.

Hai tiệm “ nhảy đầm “ vừa mở ra, lôi kéo được một số công chức làm thông phán ở Phủ Toàn Quyền, phủ Thống Sứ, hoặc ở các công sở khác, phần nhiều là những ông ăn lương cao, và chưa có vợ. Giới giáo sư và sinh viên chưa muốn đến các nơi này, trừ những người du học ở Pháp về.

Các báo mở ra một trận bút chiến khá sôi nổi chung quanh đề tài :” Người An nam có nên khiêu vũ không ?”. Một số dư luận đông đảo đều kịch liệt công kích môn nhảy đầm. Trái lại, có những bài rất tán thành khiêu vũ, và tác giả đã viện ra những lý do về nghệ thuật, coi đó là môn giải trí tao nhã của văn minh Tây phương.

Đại đa số sinh viên, học sinh, đều công kích khiêu vũ. Nhưng dần dần chính nhiều cậu sinh viên đã công kích háng hái nhất lại bị lôi cuốn mau nhất bởi cái mà trước kia họ cho là đồi phong bại tục.

Tuấn là một trong số sinh viên “ muốn tập “ nhảy đầm thử xem sao, và Tuấn đã thường đi nhảy những bản Tango, Fox-trot, Valse, cùng vài người bạn, trong những tối chủ nhật.

Phong trào khiêu vũ bị công kích mỗi ngày một kịch liệt, nhưng nó vẫn lan tràn mỗi ngày mỗi mạnh trong giới thanh niên trưởng thành từ 21, 22 tuổi đến 40 tuổi.

Tuấn nhận thấy rằng trong vài năm đầu, vũ nữ toàn là những cô ả đào hoặc những cô gái làng chơi. Giới nữ sinh dù là phái tiêu thư tân thời, vẫn còn tránh xa các vũ trường. Thành kiến khiêu vũ là bất lương, là đồi phong bại tục vẫn còn ăn sâu trong quan niệm của phụ nữ Hà Nội thời bấy giờ.

Tuy nhiên, để bù lại, các cô đã bắt đầu say mê “ nhạc cải cách “ danh từ rất

thông dụng để chỉ về tân nhạc, theo điệu những bài hát Tây. Tài tử ca sĩ Pháp được các giới thanh niên nam nữ, nhất là nữ, mê say lúc bấy giờ là Tino Rossi.

Khắp các thành phố Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, và sau đó tràn lan vào Huế, Saigon, Mỹ Tho, Cần Thơ, ở các thành phố lớn số đông các cô “ tiểu thư tân thời “, các bài hát của Tino Rossi được phổ biến rất nhanh. Ở Hà Nội, đi đường nào Tuấn cũng nghe các cô hát : "J'ai deux amours, mon pays et Paris - Je t'aimerai toujours – C'est à Capri que je l'ai rencontrée, v.v..."

Một hôm, Tuấn được một cô bạn học cùng lớp đưa đến một căn gác trọ ở Rue des Vermicelles, nơi tụ họp của “ Hội Ái Tino“, gồm toàn các nữ sinh viên yêu Tino Rossi, thờ Tino như một thần tượng. Các cô nhóm họp mỗi tuần một lần, tối chủ nhật, để hát những bản của Tino Rossi, dưới một bức ảnh của Tino đẹp trai rọi lớn và lồng kính đóng khung vàng.

Tuấn được các cô cho biết rằng “Hội Ái Tino “ không nhận hội viên đàn ông con trai, vì các cô chỉ “ thờ “ người đàn ông duy nhất là thần tượng của họ.

Số hội viên của Hội Ái Tino không quá 20 người. Tuấn được giới thiệu đến đây là một trường hợp đặc biệt, nhưng không nhận vào Club (thường các cô gọi bằng tiếng Pháp là Anh Việt Pháp là : Club Ái Tino). Và lại, Tuấn không thích hát và cũng không phải là một “ admirateur “ của Toni Rossi.

Quyển tiểu thuyết Tố Tâm của Song An Hoàng Ngọc Phách đã mất thời gian tính và đã bị các phong trào lãng mạn mới vượt qua. Tiểu thuyết ái-tình lãng mạn bán chạy nhất trong thời kỳ 1930-1932, là quyển Tuyết Hồng Lệ Sử dịch của Tàu, và quyển Mồ Cô Phượng. Ngày nay, ít ai có nhớ tên tác giả.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 46

1932

- Một vụ ngoại tình làm sôi nổi dư luận Hà nội đến cực điểm.
- Phụ nữ Huế chống phong trào lãng mạn của phụ nữ Hà nội.
- Hội kín cách mạng nảy nở ở Trung kỳ.
- Cộng sản nổi dậy lần đầu tiên ở Nghệ An và Quảng Ngãi.
- Lính " lê dương " của Tây từ Hà nội vào, tiêu diệt phong trào Cộng sản.
- Khác biệt giữa Cộng sản Trung kỳ, Cộng sản Bắc kỳ và Nam kỳ.

Tuấn có một người bạn thân quê ở Quảng Nam, anh Phan Thanh, nguyên là Trợ giáo, dạy tại trường Thăng Long ở góc phố Hàng Cót (rue Takou) và phố Cửa Bắc (boulevard Carnot). Một trường cao đẳng Tiểu học dạy thi “diplôme d'études primaires supérieures (trung học đệ nhất cấp) lớn nhất ở Hà Nội. Phan Thanh giới thiệu Tuấn vào dạy trường này. Tuấn dạy mỗi tuần 2 giờ Pháp văn ở lớp đệ nhị niên, vài giờ ở đệ nhất niên.

Tuấn mặc bộ đồ tây xấu xí bằng vải nội hóa, bị học trò chế nhạo là “ thầy giáo quê mùa “.Tuấn lại có thói hút thuốc Mélia nhiều quá, nên bị học trò đặt cho cái tên riêng là Monsieur Mélia. Nhưng từ hôm chàng giảng cho học trò bài "Le petit Gavroche" trích trong bộ "Les Misérables" của Victor Hugo, học trò hết chế nhạo Tuấn và trái lại thương Tuấn lắm.

Dân chúng Hà Nội lúc bấy giờ đang bàn tán xôn xao về vụ ông phán sở Bưu điện ngoại tình với một bà giáo sư, vợ của một ông phán cùng sở, bạn thân của ông. Những chuyện “ bạn và vợ “ không phải là hiếm ở xã hội An nam bất cứ ở thời đại nào, nhưng vụ “ Th.Kh.Th “ sở dĩ gây ra dư luận vô cùng sôi nổi không riêng ở Hà Nội, mà cả xứ Bắc kỳ, là vì bộ ba này là những nhân vật cao cấp trong hành chánh, mà người đàn bà ngoại tình lại rất có tiếng trong giới trí thức nữ lưu. Người chồng bắt được đôi gian phu dâm phụ trong một tòa nhà ở miền duyên hải. Do đó, vụ tai tiếng nổ bùng ra, làm rùm beng, gây vang dội khắp các giới trong xã hội.

Ngay trước cửa trường Thăng Long, có một nhà cho thuê xe đấm ma, chủ nhân tên là Louis Chúc (ông này thời Việt Minh đổi tên là Lưu Chúc). Muốn lợi dụng cơ hội để quảng cáo cho cơ sở của ông, Louis Chúc bèn tổ chức một cuộc dàn cảnh để đả kích vụ ngoại tình “ bạn và vợ “ kia. Đề tài của cuộc biểu diễn là “ voi dày ngựa xé “, mà ông chủ cho thuê xe đấm ma thực hiện bằng cách buộc nơi bốn chân ngựa và voi của ông cái hình nộm đôi gian phu dâm phụ. Voi và ngựa bước đi là hai hình nộm đó bị xé ra tới bời. Dân chúng các đường phố đổ ra xem cảnh “voi dày ngựa xé “ của Louis Chúc, bêu xấu đôi gian phu dâm phụ của giới trí thức Hà thành. Học trò lớp Pháp văn đệ nhị niên của Tuấn xin Tuấn cho làm một bài luận về đề tài thời sự hấp dẫn đó. Một dịp để đấm học sinh 16, 17 tuổi đua nhau mặt sát vụ đồi phong bại tục và đề cao tinh thần đạo đức Á đông.

Bên cạnh đám thanh niên trí thức “ retour de France “ gây ra phong trào lãng mạn 1932 được giới tiểu thư tân thời huà theo hăng hái, có một nhóm khác gồm mấy chàng trai trẻ có óc khôi hài, tìm cách chế nhạo và mỉa mai lớp phụ nữ gọi là “ tân tiến “ kia, và những kẻ đàn ông lợi dụng phong trào. Họ đặt ra một câu lạc bộ “ những người ghét đàn bà “ mà họ gọi bằng tiếng Pháp là

“club des misogynes “ và xuất bản một tờ tuần báo bằng Pháp văn in bằng mực tím, khác hẳn các tuần báo khác về phương diện kỹ thuật, trình bày cũng như nội dung.

Một trong đám thanh niên “ nghịch ngợm “ này cũng vừa du học ở Pháp về, có mở một tiệm sản xuất mũ theo phương pháp Âu tây. Chàng ký tên là Ch.Mau's, mà Tuấn nghe nhiều người nói tên thật là Chu Mậu. Tuấn đọc tờ báo "Les Misogynes" cảm thấy thích thú vì lời văn trào phúng theo lối Pháp khá hấp dẫn. Nhưng tờ báo chỉ ra được một vài số rồi chết, có lẽ vì không được đa số bạn trẻ hoan nghênh.

Tuấn theo dõi các phong trào lãng mạn bành trướng ở Hà Nội trong lãnh vực văn nghệ, báo chí, thể thao, phụ nữ, phong tục, hầu hết đều do đám thanh niên trí thức du học ở Pháp về đề xướng, Tuấn có nhiều cơ hội làm quen với các bậc đàn anh này, và tìm hiểu họ. Nhưng chàng cảm thấy giữa họ và thanh niên trí thức trong nước, kể cả sinh viên trường Cao đẳng Đại

học Đông dương ở Hà Nội, vẫn có một cách biệt sâu rộng khó dung hòa với nhau.

Trí thức trong nước dù có học cao học giỏi đến đâu chẳng nữa, dù hấp thụ rất nhiều văn minh Âu Tây, vẫn giữ vẹn nề nếp nho phong của dòng giống Việt Nam. Trái lại, số đông trí thức du học ở Pháp về thường có mặc cảm tự tôn, hãnh diện rằng họ đã sống bên Pháp, nguồn gốc của cái văn minh mà người An nam ở “ bốn xứ “ đang tìm tòi học hỏi. Họ vẫn tỏ vẻ khinh trí thức ở nhà, cho đến đổi một trong số bạn trẻ "Retour de France", Nguyễn Mạnh Tường, Tiến sĩ Văn chương Pháp, viết trên một tờ báo Pháp văn ở Hà Nội đã gọi đám thanh niên trí thức An nam là “ primaires “ (tiểu học) và đã gây ra một cuộc bút chiến khá kịch liệt giữa Nguyễn Tiến Lãng với một thanh niên trí thức Hà Nội.

Phong trào lãng mạn bộc phát từ 1932 tại Hà Nội không được bành trướng ở Trung Kỳ.

Khác với Hà Nội, các cô con gái nhà quý tộc ở Huế đông hơn nhiều, và đa số xuất thân từ trường Nữ Trung Học Đồng Khánh, nhưng vẫn giữ tinh thần giáo dục Á đông. Họ không thích hòa theo các phong trào “ tiểu thư tân thời “ của lớp gái mới Hà Nội. Nhiều bài thơ Đường luật, hoặc Cổ phong, đăng trong báo Tiếng Dân của Cụ Huỳnh Thúc Kháng, mĩa mai các “ cô tân thời rờm “, phản ảnh trạng thái tinh thần cổ kính ấy.

Sự hiện diện của cụ Phan Bội Châu, “ông già Bến Ngự “ mà ảnh hưởng tinh thần hãy còn sâu rộng trong xã hội đế đô, còn bảo đảm cho đạo đức Việt Nam. Tuy cụ không còn hoạt động gì được nữa, nhưng cụ vẫn được toàn thể dân chúng, kể cả giới quan lại trong Triều đình An nam, coi như một thần tượng còn sống mà mọi người, nhất là giới trí thức tân cũng như cựu, đều tôn sùng.

Vì vậy, các phong trào lãng mạn ở Bắc kỳ, không xâm nhập được ở Huế và các thành phố lớn như Vinh, Tourane, QuiNhon, Nha Trang.

Nếu thỉnh thoảng có một số gái mới y phục và hành động lối lãng, thì đó là thuộc giới ít học, hoặc gái làng chơi mà thôi. Sự cách biệt giới phụ nữ trí thức và loại gái tân thời rờm rất là rõ rệt.

Trái lại phong trào “ hội kín “, tức là các hoạt động cách mạng bí mật

chống Pháp, lại bành trướng ở Trung kỳ, từ 1930 mạnh hơn lúc nào hết.

Phong trào này chia ra làm hai loại có tính cách khác nhau hẳn.

Loại tiểu tư sản (petite buergeoise) gồm đa số các thầy trợ giáo, tức là giáo sư đệ nhất và đệ nhị cấp, và thông phán (công chức các công sở Bảo hộ). Những phần tử này có tinh thần quốc gia thuần túy, thường gia nhập vào đảng Tân Việt, hoặc Việt Nam Phục Quốc Hội, nhưng hoạt động dè dặt.

Trái lại, loại bình dân, gồm đa số phú nông và điền chủ, nhất là bốn tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, hoạt động lại cuồng nhiệt theo đảng Cộng Sản Đông Dương.

Năm 1930, cộng sản nổi dậy đầu tiên tại phủ Đô Lương (Nghệ An) và các phủ huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), thành một cuộc nổi loạn đầy máu và lửa vô cùng khủng khiếp. Ở Quảng Ngãi, người cầm đầu vụ này là Nguyễn Nghiêm, người anh con ông bác của Tuấn.

Thoạt tiên nghe tin này, Tuấn hết sức ngạc nhiên. Tuy học ở Hà Nội, Tuấn không có dịp gần gũi người anh họ, nhưng biết anh từ thuở thiếu thời, và thỉnh thoảng trong thời kỳ đi học xa Tuấn được về nghỉ hè một vài tháng ở quê nhà vẫn thường gặp Nguyễn Nghiêm.

Chàng tuyệt nhiên không ngờ người anh họ nhà quê đó lại là một tay cộng sản, hơn nữa, là người cầm đầu cuộc nổi loạn cộng sản Quảng Ngãi năm 1930.

Nguyễn Nghiêm là con trai độc nhất, tuy là con thứ mười của ông Nguyễn Tuyên, Tú tài Hán học ở làng Tân Hội, huyện Đức phổ, Quảng Ngãi. Ông tú đã bị 5 năm tù ở Côn Lôn sau phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi. Mãn hạn tù, ông về làng dạy học và làm nghề đông y.

Sau khi ông qua đời, Nguyễn Nghiêm làm nghề thuốc tập sự, nối nghiệp cha. Anh vào trạc 30 tuổi, người mảnh khảnh, hiền lành và ít nói. Anh hoàn toàn là một chàng trai ở thôn quê, biết chữ Hán qua loa như những chàng trai khác ở trong làng.

Theo lối phân chia giai cấp của cộng sản thì anh thuộc về thành phần đại điền chủ, giàu ruộng đất nhất trong làng, vì anh thừa kế hai gia tài hương hỏa của ông nội và của cha.

Tuấn không biết Nguyễn Nghiêm theo cộng sản từ bao giờ. Chàng chỉ nhớ rằng năm 1929 ở Hà Nội về quê nghỉ hè, chàng được gặp Nguyễn Nghiêm một lần khiến chàng vô cùng ngạc nhiên. Nghe Tuấn ở Hà Nội về, Nghiêm đến thăm, và đưa Tuấn xem hai quyển sách bằng chữ Pháp :

”De L’ impérialisme” của Boukharin, và “Le Marxisme et le problème national” của Staline.

Nghiêm không hiểu tiếng Pháp, nhờ Tuấn dịch dùm ra chữ quốc ngữ. Sau khi đã xem hết hai quyển sách trong hai ngày, Tuấn từ chối việc dịch, vì chỉ nghỉ ở quê nhà được có 15 ngày, không có thì giờ. Nhưng Tuấn ngạc nhiên thấy Nghiêm có hai quyển sách cộng sản bằng Pháp văn. Ngoài ra, Nghiêm không hề nói chuyện gì về Chủ Nghĩa Cộng Sản mà anh cho là một hình thức của Chủ Nghĩa Quốc Gia. !

Cuộc hoạt động bí mật của Cộng sản trong toàn tỉnh Quảng Ngãi, đặt biệt trong giai cấp tư sản nông thôn, đã thành công. Và đây là một điều rất lạ, hầu hết những đảng viên sốt sắng tham gia vào đảng Cộng sản Quảng Ngãi, đều là các điền chủ, các địa chủ khá giả trong thôn quê. Dĩ nhiên, thiếu số nhà đại phú, đại thương gia hoặc quan lại đều không tham gia vào đảng, nhưng chính những kẻ gọi là “ bần cố nông “ nghĩa là những người cày thuê gặt mướn, nhưng nông dân không có ruộng đất, lại cũng đứng ngoài phong trào cộng sản. Hoặc họ chỉ ủng hộ suông mà thôi, chứ không đóng vai trò trọng yếu trong các cuộc hoạt động của đảng. Đây là Tuấn nhận xét khách quan về tính chất mâu thuẫn của cộng sản Quảng Ngãi năm 1932, lúc mới phát khởi phong trào.

Một đêm không trăng, mùa Hè 1930, vào khoảng giữa canh một, cộng sản nổi dậy khắp các phủ, huyện tỉnh Quảng Ngãi. Ở huyện Đức Phổ, cuộc khởi loạn bùng dậy ở làng Tân Hội, quê của Nguyễn Nghiêm, vào lúc 8 giờ đêm. Cộng sản tụ họp hàng ngàn người tại một gò đất cao và đốt đuốc sáng rực cả một góc làng, nổi trống và mõ inh ỏi.

Họ bắt giết, chặt đầu bằng dao và rựa, những người làm việc “ cho Tây “, trong số đó có một Phó Tổng, một người lính “ phú lít “ - cảnh sát – đã về hưu trí, và một người nữa trong làng. Mấy người này chạy trốn ra ruộng, bị cộng sản đuổi bắt được và chặt làm ba khúc. Xong, họ kéo nhau đi xuống

Huyện. Đường quan lộ từ làng Tân Hội xuống huyện lỵ Đức Phổ dài đến 10 cây số, họ cầm đuốc đi bộ, ào ạt một đoàn dài, đi lộn xộn không có trật tự, la hét om sòm.

Một cây cờ đỏ búa liềm của Nga Sô đi tiên phong. Trong đoàn có cả một số đàn bà con gái, tất cả đều cắt tóc cụt và mặc áo quần bà ba đen. Vợ Nguyễn Nghiêm, chỉ huy đám phụ nữ. Họ khiêng theo những thùng nước chè tươi, để giải khát, và mang đủ thứ khí giới của nông dân : dao, rựa, mác, và những cây củi, cây đòn xóc. Qua mỗi làng, mỗi xã, đều có những đoàn người khác gia nhập vào, khi đến huyện lỵ thì số cộng sản nổi loạn lên đến 4 ngàn người. Họ hò hét, diễn thuyết, xúi dục dân chúng theo họ, ùa vào đốt huyện đường, và lùng bắt ông Huyện. Nhưng ông này đã trốn thoát.

Ở các phủ huyện khác cũng đều có xảy ra cuộc biến loạn y như ở huyện Đức Phổ, do Nguyễn Nghiêm cầm đầu.

Nhưng cộng sản chỉ làm chủ tình hình được một đêm đầu đó thôi. Mấy hôm sau, người Pháp đem lính Lê dương (Légionnaires) mà phần đông là người Malgaches và Sénégalais chiếm đóng các phủ huyện và nhiều làng.

Tại làng Tân Hội, sau vụ biến loạn cộng sản, lính về đóng ngay tại nhà ông Nguyễn Hiền, một vị Thượng thư đang nhậm chức ở Triều Đình Huế. Người anh ruột của ông này, ông Chủ Cát, một cụ già 70 tuổi, đã thoát khỏi nạn cộng sản, nhờ ông đã trốn được kịp thời dưới bờ suối trước nhà ông trong đêm biến loạn.

Cuộc đàn áp bắt đầu. Nguyễn Nghiêm trốn tại nhà một đảng viên cộng sản, bị bắt và bị xử tử hình trên bờ sông Trà Khúc. Hầu hết các đảng viên cộng sản bị đưa đi các nhà lao Ban Mê Thuột và Lao Bảo.

Ở Tân Hội, số cộng sản bị bắt lên đến hai phần ba dân số. Nhiều nhà bị đốt. Mấy tháng sau, Tuấn ở Hà Nội về thăm nhà và xem xét tình hình, còn thấy lác đác đó đây những cột cháy đen thui đứng chơ vơ trên những nền nhà hoang phế, bị thiêu huỷ tan tành. Nơi đây, trước kia, là những nhà cao cửa rộng của những ông Hương, ông xã, đã vô tình theo cộng sản.

Tất cả các nhà trong mỗi xóm đều bị rào bít chung quanh chỉ còn chừa một lối đi duy nhất trong xóm. Những chòi canh cao độ 10 thước, được dựng lên trước các đình và các cổng làng. Tất cả dân làng còn sót lại đều phải đi

canh gác ban đêm.

Một tiểu đội lính Lê dương được đưa từ Hà Nội vào, đóng tại huyện Mộ Đức, cách làng Tân Hội 5 cây số. Viên quan Ba Pháp đóng bản doanh tại trường Sơ Đẳng Tiểu Học, gần huyện. Quan Ba Pháp cần giao thiệp với các hương lý các làng đến báo cáo tin tức hàng ngày, nhưng ông không nói được tiếng An nam và không có thông ngôn. Ông phải nhờ viên Tri Huyện sở tại nhưng ông Huyện lại không biết tiếng Tây. Viên quan Ba liền làm giấy xin đổi viên Tri Huyện, và đề cử thầy Trợ giáo hiệu trưởng trường tiểu học lên làm Tri Huyện. Thầy Trợ giáo đó lại là thầy học cũ của Tuấn. Hôm Tuấn ở Hà Nội về thăm nhà, ghé qua Huyện để vấn an thầy, lính không cho Tuấn vào. Tuấn lấy giấy viết mấy giòng :” Tuấn, học trò cũ của thầy, nhân dịp ở Hà Nội về thăm nhà, xin được hân hạnh vào thăm thầy “.

Tuấn chờ ngoài cổng. Mười lăm phút sau, người lính ra bảo Tuấn :

- Quan lớn bận việc, không tiếp cậu được.

Tuấn mỉm cười, lặng lẽ quay ra đi.

Thầy Trợ giáo được viên Quan Ba Pháp chỉ huy đồn lính Lê dương, cho lên làm Tri Huyện, để làm thông ngôn cho ông luôn thể, nghiêm nhiên trở thành một vị Quan lớn oai quyền hống hách. Cả Huyện đều khiếp sợ quan. Nhưng, sau đó, loạn cộng sản đã được dẹp yên, đoàn lính Lê dương được rút về Hà Nội và quan Ba cũng từ giã đất Mộ Đức, thì Quan Huyện thông ngôn của ông cũng bị cách chức luôn. Hình như quan lớn cũng không được trở về làm Trợ giáo nữa. Nhiều làng xã được tin, đều làm heo ăn mừng.

Bọn lính Lê dương ra đi, để lại tại huyện Mộ Đức một số khá đông trẻ con lai, và một số

“me Tây “. Những thiếu phụ này lần lượt ãm con đi Saigon để “ làm ăn “, vì bị dân chúng ở Huyện khinh bỉ, rẻ rúng.

Đồng thời ở Quảng Ngãi và Nghệ An, Hà Tĩnh, cộng sản cũng nổi loạn lần đầu ở Nam kỳ tại một địa điểm không mấy quan trọng và cũng có cuộc tàn sát đẫm máu như ở Trung kỳ. Tuấn theo dõi biến cố với những nhận xét hoàn toàn khách quan về tính chất của cuộc nổi loạn cộng sản.

Ở Nam Nghĩ, Nghệ Tĩnh (bốn tỉnh Trung kỳ được nổi tiếng là có tư tưởng cách mạng xao động nhất), cộng sản tuyên truyền được trong vài giới tiểu

tư sản nông thôn, mà trái lại lớp gọi là “bần cố nông” thì không trực tiếp tham gia, hoặc nếu có thì cũng miễn cưỡng mà thôi, không đóng vai chủ động. Hầu hết những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn cộng sản Trung kỳ đều là địa chủ, điền chủ và họ phát cờ đỏ búa liềm hung hăng nồng nhiệt hơn ai hết. Nhưng đến khi đề cập đến vấn đề chia ruộng đất cho đám dân vô sản thì họ lại ít hăng hái nhất và còn phản đối quyết liệt nữa.

Ở Nam kỳ, trái lại, đa số đảng viên cộng sản là nông dân và thợ thuyền, tuy rằng những thủ lĩnh của họ thuộc vào hàng ngũ trí thức tiểu tư sản.

Nhưng, khác với Trung kỳ, ở Nam kỳ ngay từ lúc xuất hiện phong trào Cộng Sản Đông Dương, đã có sự chia rẽ của hai nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ quốc tế. Theo sự hiểu biết của Tuấn xem chừng mấy anh “trotskytes” – đệ tứ - như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, được uy tín và cảm tình của các giới, cả lao động lẫn trí thức, nhiều hơn nhóm “Stalinines” - đệ tam - của Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai.

Tất cả mấy anh này đều là sinh viên Đại Học “Retour de France” - ở Pháp về, và họ hoạt động công khai ở ngay Saigon nhờ sự che chở của Luật Pháp Cộng Hòa. Nam kỳ là một thuộc địa, thuộc hẳn về Pháp rồi, cho nên được sống một chế độ chánh trị theo luật pháp như công dân Pháp vậy.

Tuấn tìm thấy đó là nguyên nhân cách biệt của hai phong trào cộng sản ở Trung kỳ và Nam kỳ, tuy họ cùng chung một mục tiêu đấu tranh. Tuấn tự hỏi phải chăng đó là một hoàn cảnh ngẫu nhiên của Lịch sử, hay là một chiến thuật chủ trương bởi những lãnh tụ Cộng sản Đông Dương mà trụ sở đặt ở bên Tàu ?

Trung kỳ đặt dưới chế độ Bảo hộ, hoàn toàn theo luật pháp “An nam”. Bộ Luật Gia Long và Luật Hồng Đức của nhà Lê – cho nên không được quyền tự do ngôn luận, tự do lập đảng, và phải hoạt động bí mật. Lãnh tụ Cộng sản ở Trung kỳ không phải là trí thức “Retour de France”, được đào tạo ở Pháp và Nga, mà chỉ là vài ba cựu Nho sĩ ở địa phương được hấp thụ học thuyết Mác-xít và ý thức hệ cộng sản qua những sách dịch của cộng sản Tàu, bằng Hán tự.

Tuấn có được dịp gặp tại Saigon và nói chuyện khá lâu với anh Trốt kít Trần Văn Thạch, và anh Dương Bạch Mai, Đệ tam Quốc tế, một người ở

trong một tiệm ăn đường Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn), một người ở trong hội quán A.J.A.C (Amicale des Journalistes Annamites de Cochinchine - Hội Ái Hữu các nhà báo An nam ở Nam kỳ) , đường Lagrandière (đường Gia Long). Câu chuyện trao đổi riêng biệt với mỗi người kéo dài đến vài tiếng đồng hồ. So sánh hai lãnh tụ Cộng sản ở Nam kỳ với Nguyễn Nghiêm, lãnh tụ cộng sản ở Trung kỳ, thật khác nhau một trời một vực.

Nguyễn Nghiêm tuy hăng say nhưng quê mùa chất phác, hiểu chủ nghĩa cộng sản quốc tế qua các sách tuyên truyền bằng Hán tự của cộng sản Trung hoa, và chỉ nhắm mắt tuân theo mệnh lệnh của thượng cấp mà thôi. Anh đã không hiểu được rõ rệt ý nghĩa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, mà anh, một đại điền chủ, đứng ra lãnh đạo ở tỉnh nhà, với một số đồng đồng chí vài ngàn người toàn là ở giai cấp tư sản và địa chủ, phú nông.

Tuấn nhận xét rằng có lẽ Đảng Cộng Sản Đông Dương chủ trương đường lối đấu tranh khác nhau ở mỗi "xứ ", tùy theo trình độ chính trị của mỗi địa phương. Cho nên cuộc nổi loạn của Cộng sản Trung kỳ (Quảng Ngãi, Nghệ Tĩnh) trong thời kỳ 1930 -1932 không có thành phần vô sản, bần cố nông.

Ở Bắc kỳ, trong thời gian ấy cộng sản chưa hoạt động. Một nhóm đảng viên lãnh đạo, hầu hết là trí thức trung lưu như Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu, Trần Huy Liệu (anh này nguyên là Việt Nam Quốc Dân Đảng, rời bỏ hàng ngũ quốc gia để gia nhập cộng sản) chỉ hoạt động trong lãnh vực tuyên truyền mà thôi. Võ Nguyên Giáp vừa đỗ tú tài toàn phần Pháp và ghi tên vào Cao đẳng Luật khoa năm thứ nhất. Đồng thời, anh dạy môn Sử ký tại trường Trung Học Thăng Long. Đặng Xuân Khu đỗ bằng Thành Chung và tham gia vào Hội Truyền Bá Quốc Ngữ mà hội trưởng là ông Nguyễn Văn Tối, phó giám đốc trường Viễn Đông Bác Cổ, Hà Nội. Trần Huy Liệu viết báo.

Ở Bắc kỳ cũng như ở Trung kỳ, Cộng sản Đệ tam thuần nhất không có Đệ Tứ. Mãi đến năm 1936 họ mới có vài ba tờ tuần báo làm cơ quan tuyên truyền công khai. Và cùng lúc đó, người ta mới thấy xuất hiện ra một nhóm Trốt-kít nhưng không quan trọng bằng nhóm Đệ Tứ ở Saigon.

Tuấn được tiếp xúc với đám thanh niên lãnh tụ cộng sản ở Saigon, Quảng

Ngãi, Quảng Nam, Hà Nội, đặc biệt rất quen thân với nhóm Cộng sản Hà Nội. Nhưng nặng về tinh thần quốc gia, chàng không chấp nhận lý thuyết mác-xít và hoàn toàn không tán thành những hoạt động của phái cộng sản.

Dù sao, sau cuộc khởi nghĩa thất bại của Việt Nam Quốc Dân Đảng, cộng sản hoặc bí mật như ở Bắc kỳ, hoặc công khai như Nam kỳ, vẫn tỏ ra những dấu hiệu hoạt động hăng hái hơn cả đảng phái Quốc gia.

Nhưng phong trào Đông Dương Cộng Sản chỉ nổi bùng lên ở Trung và Nam kỳ trong hai năm 1932-33 rồi bị đàn áp gắt gao không còn hoạt động công khai được nữa.

Đảng viên cộng sản bị bắt rất nhiều ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, và bị đày đi Côn Lôn, Ban Mê thuật, Lao Bảo.

Trong thời kỳ này xuất hiện ra cái “ một “ của người Cộng sản viết chữ F thay Ph (thực dân Fáp, fản đối, fê bình) và DZ thay vì D (tự dzo, dzân chủ ...) bằng cách nhấn mạnh chữ d thật nặng, như chữ z của Pháp.

Ngoài ra, quảng đại quần chúng ở thành thị cũng như ở thôn quê, khắp ba kỳ Trung Nam Bắc, rất thờ ơ với những vấn đề “quốc sự“ mà ngày nay chúng ta gọi là “vấn đề chính trị “.

Nguyễn Vỹ
Tuấn, chàng trai đất Việt
CHƯƠNG 47

1932

- Tuần báo " Phong Hoá " chế nhạo ông nhà quê " Lý Toét ".
- Người Pháp đưa Bảo Đại (du học ở Paris) hồi hương về làm vua ở Huế , tạo ra mầm mống " lãng mạn chính trị ".
- Hai phong trào Tân tiểu tư sản và phong kiến lãng mạn (néo-bourgoise et Feodalité-romantique) đi song hàng để tiêu diệt các khuynh hướng cách mạng.

Sinh viên Cao đẳng Hà Nội và học sinh Trung học có đầu óc Quốc gia ở cả ba kỳ đều chán nản vì các phong trào “ cách mạng “ bị liên tiếp thất bại. Không còn gì làm phấn khởi tinh thần thanh niên nữa. Trừ một thiểu số vẫn giữ vững lý tưởng ái quốc của mình, còn hầu hết lớp trẻ lớn lên sau thế hệ Nguyễn Thái Học và Nguyễn An Ninh, đều đổ xô vào các phong trào lãng mạn do lớp thanh niên trí thức “ Retour de France “đề xướng trong các lãnh vực xã hội.

Hai biến cố sôi nổi nhất vừa xảy ra trong lúc này : tờ tuần báo “ Phong Hóa “ của một Cử nhân Khoa học ở Pháp mới về tên là Nguyễn Tường Tam, xuất bản ở Hà Nội, và Bảo Đại đổ Tú tài Pháp ở Paris cũng vừa về Huế để làm Vua, lên ngôi nhà Nguyễn, kế vị phụ hoàng Khải Định.

Tôn chỉ đầu tiên của tuần báo “ Phong Hóa “ là đả kích những gì cũ kỹ của xã hội Việt Nam, và chủ trương một đời sống trường giả mới, thích hợp với phong trào lãng mạn của thời đại.

Cái khôn khéo tùy thời của Nguyễn Tường Tam, chủ nhiệm báo Phong Hóa, là biết lợi dụng đúng lúc sự chán nản của tinh thần thanh niên và dân chúng sau các vụ “ Hội Kín”, liên tiếp thất bại, gây ra máu lửa hãi hùng và tang tóc, của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Cộng sản nổi dậy, để phát hành tờ báo Phong Hóa, chuyên về hài hước, cốt làm cho độc giả cười, thành một trò vui nhộn.

Nhưng ông còn lại dùng giọng cười trào phúng đó để đả kích cái phong hóa cũ kỹ của xã hội Việt Nam. Do đó ông đặt ra hai nhân vật lỗ bịch mà ông gọi tên là “ Lý Toét “ và "Xã Xệ “ để tượng trưng cho tất cả những gì hủ lậu, “quê mùa“ ngơ ngẩn, của người An nam trước cái văn minh tân tiến của Pháp.

Ngay từ những số đầu, tờ báo Phong Hoá đã bán chạy như tôm tươi, chính là nhờ những tranh vẽ Lý Toét đầy cả mấy trang báo, và những mục khôi hài chêu cười nhân vật điển hình ấy. Lý Toét là nguyên nhân chính của tờ Phong Hoá.

Tuấn là một độc giả siêng năng của tờ báo ấy. Dù trong túi không còn tiền, Tuấn cũng mượn người này người nọ để mua cho được tờ báo phát hành mỗi tuần một lần. Nhưng Tuấn nhận xét khách quan thấy phản ứng của độc giả báo Phong Hoá chia làm hai loại. Các giới trí thức bảo thủ và cách mạng cực đoan đều không tán thành cái chủ trương người Việt Nam công khai kích bác và mỉa mai chế nhạo người Việt Nam trong lúc người Pháp đã khinh rẻ người An nam mình nhiều quá rồi. Họ gọi người An-nam bằng một danh từ xuyên tạc đếu giả “nhaque” (nhắc cờ), do chữ nhà quê không bỏ dấu. Nhà văn và nhà báo có trách nhiệm giáo hoá dân chúng, đưa dân chúng lên con đường văn minh, tiến bộ, chứ không có quyền châm biếm, chêu cười những phong tục cổ truyền của dân tộc. Người ta kết án cái chủ trương của báo Phong Hoá ở điểm đó.

Nhưng phản ứng thứ hai, của thanh niên và các giới bình dân thì có tính cách tiêu cực, dễ dãi hơn. Họ chỉ biết vỗ tay cười, cười vô ý thức, như khi họ xem một chú hề làm trò cười trước khán giả.

Báo Phong Hoá trong mấy tháng đầu đều đã gây ra hai luồng dư luận như thế trong dân chúng. Nhưng nói tổng quát về kỹ thuật làm báo, thì Nguyễn Tường Tam và bộ biên tập của ông đã đạt được kết quả rất khả quan.

Tờ Phong Hóa lúc đầu in lem luốc, sơ sài trên 4 trang, sau đó một năm đã sáng sủa hơn nhiều và tăng lên số trang.

Nguyễn Tường Tam với bút hiệu Nhất Linh, hồi đó chưa thành lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn, và thật sự báo Phong Hoá chưa có tham vọng đó. Mục đích của Phong Hoá chỉ là

“cải cách phong hoá Việt Nam “.

Mãi một thời gian sau, khi số độc giả đã đông đảo, các nhà văn trong toà soạn đã sản xuất một vài tiểu thuyết được hoan nghênh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn mới ra đời và xoay chiều hướng về Văn Nghệ. Những trận cười vui nhộn chung quanh Lý Toét, Xã Xệ nhạt dần, người ta bắt đầu chán ngấy lối cười vô ý thức đó, thì các tiểu thuyết của Khải Hưng bắt đầu lôi kéo được một số đông độc giả. Người ta khao khát một lối sống tình cảm lãng mạn phóng đạt hơn để thoát khỏi những khắc khe của thành kiến.

Đồng thời báo Phong Hoá làm cả công việc “ lancer “ các “mốt“ áo tân thời cho phụ nữ. Một chàng thợ may tên là Cát Tường vẽ trong Phong Hóa mỗi tuần một kiểu áo mới, rất được các cô “ tiểu thư tân thời “ hưởng ứng.

Phong trào áo “ Lemur “ được các cô vũ nữ hoan nghênh trước nhất. “ Le Mur “ là do chữ “ Tường “ dịch ra tiếng Pháp (tiếng Pháp Le Mur là bức tường). Các kiểu áo Lemur được báo Phong Hóa phổ biến rầm rộ đúng theo chủ trương của nhóm Nguyễn Tường Tam đả kích và chê cười cái cũ, đưa ra cái mới theo trào lưu văn minh Pháp.

Trên phương diện chính trị, chính phủ thuộc địa Pháp, và thực dân Pháp ở An nam nhìn các hoạt động rộn rịp của Nguyễn Tường Tam và nhóm Phong Hoá, với cặp mắt đầy thiện cảm. Vì sau những vụ bùng nổ đẫm máu của Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học, ở Bắc kỳ và Đông Dương Cộng Sản Đảng của Nguyễn Ái Quốc ở Trung Kỳ, chính phủ thực dân Pháp rất bằng lòng thấy đa số thành phần trí thức, thanh niên thiếu nữ An nam chạy theo các phong trào lãng mạn của nhóm Nguyễn Tường Tam và các mốt áo quần mới do nhóm Phong Hoá cổ động.

Nhạo báng người An-nam-mít lỗ bịch tên là Lý Toét, Xã Xệ, vừa gây ra trận cười vui nhộn khắp các tầng lớp dân chúng, vừa để quên các biến cố cách mạng vừa xảy ra, và thờ ơ lãnh đạm của tất cả các vấn đề “ quốc sự “, đó là rất hợp với chánh sách thực dân Pháp thời bấy giờ.

Đồng thời, người Pháp vội vàng cho Bảo Đại hồi hương, để cho phong trào thanh niên lãng mạn được cụ thể hoá một cách từng bừng náo động hơn, hấp dẫn hơn.

Lúc vua Khải Định chết năm 1925, thì Bảo Đại mới có 12 tuổi, được kế vị

lên ngôi hoàng đế. Nhưng viện lễ Bảo Đại còn nhỏ tuổi nên chính phủ Nam triều được Pháp ủy nhiệm cho một “ Hội Đồng Phụ Chánh “ (conseil de régence) dưới quyền của Nguyễn Hữu Bài, Phụ chánh đại thần, và Tôn Thất Hân, chủ tịch Tôn Nhân Phủ.

Bảo Đại được chính phủ thuộc địa cho đi du học bên Pháp từ hồi 8 tuổi, năm 1925 về để tang cho vua cha, rồi lại được trở qua Pháp tiếp tục việc học.

Năm 1932, vua Bảo Đại, 19 tuổi, vừa thi đỗ tú tài liền được người Pháp cho về Huế để cầm quyền cai trị. Về phương diện lịch sử thì như thế. Tuy nhiên những kẻ theo dõi sát tình hình biến chuyển trong nước, thì nhận thấy sự hồi hương của vị vua hào phóng ấy có một tác dụng chính trị khôn khéo và sâu rộng hơn.

Tuấn còn nhớ rõ năm 1921, Tuấn còn học lớp Ba trường “ Ecole de Plein-Exercice de Quang Ngai “, một buổi chiều toàn thể học trò phải đứng sấp hàng hai bên đường từ Cửa Tây đến cổng Toà Sứ, để phát cờ (cờ Pháp) cho Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy, một cậu bé 8 tuổi. Vào khoảng 4 giờ, một đoàn xe citroen 5 chiếc, đen bóng, từ Huế vào (chắc có ghé Tourane) định nghỉ đêm ở Toà Sứ Quảng Ngãi để sáng hôm sau tiếp tục cuộc hành trình vào Saigon, đáp tàu thủy qua Pháp du học.

Tuấn thấy rõ cậu bé Hoàng Tử ngồi trong chiếc xe thứ hai, và theo lệnh thầy giáo, học trò phải phát cờ khi đoàn xe qua.

Chiều tối, sau buổi học, Tuấn lúc đó 10 tuổi, còn đứng lảng vảng trước cổng Toà Sứ, dòm thấy cậu bé Hoàng tử mặc áo gấm thêu, đứng trên bao lơn, rờn cười với một vị triều thần. Ngoài y phục hào nhoáng của con Vua, cậu bé Hoàng tử không có gì đặc biệt hơn các cậu học trò thường. Tuấn hỏi thầy Trợ giáo được thầy cho biết “ Hoàng tử “ mới học đến chương trình lớp Ba. Tuấn tự an ủi con Vua không giỏi gì hơn mình.

Năm 1932, Tuấn đã thi đỗ Tú tài ở Hà Nội, xem báo Pháp thấy hình của Bảo Đại đăng nơi trang nhất, khuôn khổ 24x18. Lần này Bảo Đại vừa thi đỗ tú tài ở Paris, hồi hương về Huế để cai trị dân. Tuấn biết rằng tuy Bảo Đại mang danh hiệu “Đại Nam Hoàng Đế “, và các báo Pháp - Việt ở Hà Nội đăng bài đề cao nhà vua trẻ ấy (19 tuổi).

Nhưng Bảo Đại chỉ làm vua ở Trung kỳ mà thôi. Nam kỳ đã bị vua Tự Đức ký hiệp ước nhường hẳn cho Pháp làm thuộc địa, “ Cochinchine Francaise “, không còn dính líu mảy may gì với Triều đình Huế.

Còn Bắc kỳ, tuy rằng theo hiệp ước 1884, vẫn là đất của triều Nguyễn, chính thức vẫn gọi là “ Protectorat du Tonkin “ như Trung kỳ, nhưng về thực tế, từ lâu rồi, đã hoàn toàn đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của người Pháp. Tuần đã nhận thấy điều cách biệt đó ngay ở danh từ chỉ vị thủ hiến Pháp ở Trung kỳ, Résident supérieur en Annam, là Khâm sứ, mà vị Thủ hiến Bắc kỳ, Résident supérieur du Tonkin lại là Thống sứ.

Trước kia, đại diện ở Bắc kỳ là một vị Kinh lược như Kinh lược Hoàng Cao Khải. Nhưng từ ngày Khải Định chết, chức vụ Kinh lược An nam cũng bị người Pháp chiếm đoạt và giao cho Thống sứ Bắc kỳ, chức vị Thống sứ Đại thần, cũng như ở Trung kỳ là Khâm sứ Đại thần vậy. Theo sự thay đổi ấy, trái với hiệp ước 1884, tất cả các quan An nam ở Bắc kỳ, Tổng đốc, Tuần vũ v.v...đều trực thuộc uy quyền của “ Cự Thống Sứ “ Pháp, chớ không còn tùy thuộc về Triều đình Huế và Hoàng đế An nam nữa.

Năm 1932, chính phủ thuộc địa theo đề nghị của viên Toàn quyền Pasquier, cho Bảo Đại hồi hương, với dụng ý để vị “ hoàng đế “ trẻ tuổi và dễ sai khiến ấy đóng một vai trò chính trị, mà mục đích là phản ứng lại những hoạt động chống Pháp của các “ Hội Kín “ cách mạng ở trong nước, và gây phong trào lãng mạn sùng kính một “ thần tượng mới “ ở Pháp về.

Giới thanh niên có tư tưởng quốc gia cách mạng, Tuần đều nhận thấy rõ những cuộc vận động giả tạo của chính sách thực dân Pháp. Nếu đòn chính trị tâm lý ấy thành công được đôi phần mong manh trong các giới quan lại và thanh niên lãng mạn, thì trái lại nó không có chút ảnh hưởng nào đối với giới trí thức cách mạng, và quảng đại quần chúng.

Nói một cách khác, Bảo Đại đã đóng rất đúng một vai trò “ Hoàng tử đẹp giai “ ở Tây mới về. Một thần tượng hợp thời nhất của các cô tiểu thư Hà Nội mặc áo “ Lemur “ của báo Phong Hoá, cũng như các cô gái phong kiến của núi Ngự, sông Hương, và của đám thanh niên quan lại và trác táng, sẵn tiền sẵn địa vị, chỉ lo hưởng thụ ăn chơi.

Trái lại, vai trò lịch sử trên trường Chính trị của “Đại Nam Hoàng đế “ con

nuôi của người Pháp, trông thấy ngớ ngẩn làm sao, vô duyên vô vị làm sao !

Bảo Đại về nước lên ngôi Hoàng đế chưa được bao lâu thì Phủ Toàn Quyền Đông Dương dàn cảnh một cuộc “ ngự du Bắc hà “ rất tưng bừng náo nhiệt. Để đón tiếp “ Hoàng Thượng “, Phủ Toàn Quyền Bắc kỳ bắt buộc tất cả dân chúng Hà Nội phải treo cờ “ An Nam “ trước cửa nhà suốt trong tuần lễ mà “ Hoàng đế Bảo Đại “ viếng kinh đô xứ Bắc.

Cờ An nam là gì ? Dân chúng Hà thành từ trước đến giờ chỉ treo cờ tam tài của Pháp, có thấy bóng dáng lá cờ An nam bao giờ đâu ? Bỗng dưng toà Đốc lý Hà Nội ra lệnh dân chúng hãy may gấp rút lá cờ mới để đón mừng Hoàng đế Bảo Đại : hai sọc đỏ, ba sọc vàng.

Dân chúng gọi luôn là “ Cờ Bảo Đại “ ...

Thủ đô Hà Nội thật là rộn rịp ngay từ hôm đầu tiên Bảo Đại đi chuyển xe lửa tốc hành từ Huế ra. Tuần và hai người bạn ở Cao đẳng Luật khoa đi xe máy khắp ba mươi sáu phố phường để xem bộ mặt Hà Nội đổi mới. Cờ Bảo Đại mới may, bay phất phới trước cửa nhà, rực rỡ màu vàng màu đỏ.

Riêng ở Hội quán Khai Trí Tiến Đức, thường được gọi bằng tiếng Pháp là AFIMA (Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites) càng rộn rịp hơn cả. Hội quán được tạm dùng làm nơi hành cung để các Quan An nam cai trị ở khắp các tỉnh Bắc kỳ sẽ tề tựu đông đủ nơi đây để làm lễ bái triều hoan nghênh Hoàng Thượng.

Tuần được mục kích các lễ phong kiến kiểu cách ấy đầy màu sắc rực rỡ và nhạc bát âm. Bảo Đại, đẹp trai với thân hình thể thao, mập mạp, gương mặt tròn và duyên dáng, rất hào hoa phong nhã, với y phục Hoàng đế : chiếc áo gấm dài thêu rồng, quần lụa trắng, giày dùa thêu rồng đỏ, và chiếc khăn vàng chit trên đầu, đã làm cho các cô tiểu thư tân thời Hà Nội say mê mơ ước, và các cậu trai lãng mạn thèm thường.

Người ta biết rằng Bảo Đại là một ông vua “ Bù nhìn “ do người Pháp đào tạo ra, và hoàn toàn hấp thụ văn minh Pháp, nhưng thân hình trai trẻ, mập mạp và lộng lẫy của ông vua mới ấy vẫn gây được cảm tình của một số thanh niên. Số ấy tin tưởng rằng biết đâu ông sẽ là một ông vua tiến bộ, sẽ thực hành một chánh sách thân dân, tân tiến, hợp thời, hơn các vị hoàng đế

tiền triều.

Hôm ông đi thăm thành phố, ghé vào nhiều tiệm buôn lớn của người An nam ở các hàng Bông, hàng Gai, hàng Đào, hàng Da, hàng Bạc, hàng Nón, v.v...dân chúng bu lại xem đông nghẹt, để chiêm ngưỡng long nhan. Bảo Đại mỉm cười thoải mái.

Nguyễn Văn Vĩnh không ưa Bảo Đại mà cũng đã phải viết trong báo L'Annam Nouveau, của ông : “ J' ai vu dans les tribunes des jeunes Hanoiennes se pâmer d' extase...” (tôi đã thấy trên khán đài những cô gái Hà Nội mê đắm đuối ...) Bảo Đại đến dự cuộc đua ngựa long trọng ở Trường Đua.

Có thể nói một cách rất khách quan rằng Hà Nội đã sống một tuần lễ Hoa đăng tương bừng hoan hỉ trong dịp Bảo Đại “ ngự du “ thủ đô Thăng Long tân thời. Nhưng các phần tử thanh niên trí thức cách mạng thì rất thờ ơ lãnh đạm, nếu không nói là khinh rẻ, coi Bảo Đại chỉ là một món đồ chơi của người Pháp ở Đông Dương.

Cuộc “ Bắc tuần “ của Bảo Đại tuy được phủ Toàn Quyền tổ chức rền rang tại Hà Nội, nhưng ngoài phong độ khá hấp dẫn của một Hoàng tử trẻ tuổi và đẹp trai đối với một số thanh niên và thiếu nữ lãng mạn, Bảo Đại không gây được một ảnh hưởng chính trị sâu rộng nào trong quảng đại quần chúng cũng như trong các giới trí thức ở Bắc kỳ. Người ta thấy rõ rệt một cuộc dàn cảnh của người Pháp, và ai cũng biết rằng Bảo Đại là một thiếu niên được người Pháp đào tạo và che chở, hoàn toàn theo Pháp, chứ không được là một vị vua ái quốc như các Hoàng đế Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân.

Phủ Toàn Quyền đưa Bảo Đại ra trình diện với dân chúng Hà Nội với mục đích gây lại phong trào tôn quân, phục hưng ý thức quân chủ đã bị chánh sách bảo hộ xoá mờ từ lâu.

Phạm Quỳnh, Học giả nổi tiếng, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Nam phong, được triệu vào Kinh (kinh đô Nam triều) làm Đồng lý văn phòng cho Bảo Đại. Ông là một người thân Pháp, và bảo hoàng phong kiến. Ông viết Pháp văn cũng như Hán văn và Việt văn. Dù là bạn hay là thù của ông, ai cũng phải công nhận ông có công lớn trong việc bồi đắp nền văn hóa

Việt Nam trong khoảng 15 năm đầu thế kỷ, từ 1915 đến 1930.

Nhưng trên lập trường chính trị, ông đã tỏ ra quá trung thành với “ Nhà Nước Đại Pháp “. Ông đã đem ngòi bút văn hoa của ông phụng sự chính sách thực dân chống lại các phong trào ái quốc. Ông là một nhà trí thức thông thái, một nhân tài hiếm có (mặc dầu ông là một người tự học - autodidacte – không có một bằng cấp đại học nào cả), nhưng các nhà cách mạng lão thành cũng như thanh niên, của phái Nho học cũng như Tây học, đều coi ông như là một kẻ tô tở của người Pháp không hơn không kém.

Bảo Đại không phải vì phục nhân tài mà triệu Phạm Quỳnh về Huế, làm “Đồng Lý Đại thần “. Phạm Quỳnh không hẳn là người của Bảo Đại. Ông là người của Toàn Quyền Pierre Pasquier và của Khâm Sứ Yves Châtel. Người Pháp rút kinh nghiệm ở Hai vị Hoàng đế trẻ tuổi Hàm Nghi và Duy Tân, sợ rằng Bảo Đại sẽ có thể chịu ảnh hưởng thâm kín của các đảng phái cách mạng đang hoạt động lén lút khắp Bắc kỳ và Trung kỳ, và ngay ở trong đám quan lại của Triều đình Huế. Bộ thuộc địa Pháp ở Paris cũng như Phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội và toà Khâm sứ của Huế không tin tưởng hoàn toàn nơi vị vua 19 tuổi ấy, chưa trưởng thành về chính trị và thiếu kinh nghiệm trong nghệ thuật trị quốc, dù đây chỉ là một nghệ thuật “ tài tử “ (amateur).

Cho nên bên cạnh Bảo Đại, người Pháp muốn để một kẻ thân tín của họ, và kẻ ấy không thể ai hơn là Phạm Quỳnh. Tin đồn Phạm Quỳnh sẽ về Huế làm quan, giới trí thức Hà Nội và Huế biết đã lâu rồi. Có hai luồng dư luận đều không tốt cho nhà học giả của Nam Phong tạp chí. Đám quan lại đã có dòng dõi mấy đời làm quan ở Triều đình Huế, vì ganh ghét, chê Phạm Quỳnh là một kẻ “bạch đình“ được “ Nhà nước Bảo Hộ “ cân nhắc lên ngang hàng với họ, và chắc chắn là sẽ còn lên cao hơn họ nữa. Trong đám này, có Ngô Đình Diệm, con của cựu thần Ngô Đình Khả, và đương thời làm Tuần Vũ Phan Thiết, vừa được Bảo Đại triệu về Kinh làm Thượng Thư. Tư tưởng chống đối Phạm Quỳnh của gia đình họ Ngô chính là mầm mống sự chống đối Bảo Đại.

Luồng dư luận thứ hai cũng không có thiện cảm với nhà học giả Nam phong, là ở trong các giới trí thức và cách mạng. Con người tài ba lỗi lạc,

mà họ gọi là Kiến Trắng tiên sinh, có phong độ nho nhã của một triết gia Đông phương, luôn luôn khăn đen áo dài, giầy escarpin, và đôi kiếng trắng chằm chằm trên đôi mắt nhỏ đầy tinh ranh và kiêu ngạo, con người ấy đã dùng văn học làm bàn đạp để nhảy lên hoạn trường, làm “tay sai“ cho chế độ thuộc địa.

Sự thật, Phạm Quỳnh không đếm xỉa gì đến thái độ chống đối của phe quan lại ganh ghét nhỏ mọn, và Ngô Đình Diệm đã phải từ chức Thượng Thư vì tự thấy mình không đủ uy tín và thế lực để đương đầu với địch thủ họ Phạm.

Nhưng trước dư luận chê cười của giới trí thức độc lập, và khinh rẻ của giới cách mạng, Phạm Quỳnh đã đưa ra một quan điểm chính trị để tự bào chữa cho lập trường của mình. Trong “ France – Indochine “, một tờ nhật báo của Pháp ở Hà Nội, Phạm Quỳnh có viết một loạt bài bằng Pháp văn để trình bày chương trình “tranh đấu“ chính trị của ông.

Tuấn có đọc hết những bài báo ấy, và cả những bài của các đối thủ đăng trong báo khác chống lại quan điểm của Phạm Quỳnh. Quan điểm ấy có thể tóm tắt như sau :

- Cần phải trở lại Hiệp ước 1884, và thi hành đúng đắn những điều khoản của hiệp ước ấy. Nghĩa là phải trao trả lại Trung Kỳ và Bắc kỳ cho Hoàng đế An nam, và chính phủ Nam triều. Nước Pháp chỉ đóng vai trò bảo hộ mà thôi, không nên xâm phạm đến chủ quyền của Hoàng đế.

Trong một bài báo, Phạm Quỳnh có kết luận bằng một câu :” Ce que les Annamites demandent, c’ est une Patrie à servir (Cái mà người An nam đòi hỏi, là một Tổ quốc để phụng sự). Cái “ tổ quốc “đó, theo ý của Phạm Quỳnh, là một xứ An nam kết hợp lại Trung kỳ và Bắc kỳ, đặt dưới quyền hành thực tế và đầy đủ của Đại Nam Hoàng Đế Bảo Đại với tất cả những yếu tố của một vương quốc lập hiến (Monarchie constitutionnelle) , đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp quốc cộng hòa.

Phê bình loạt bài của Phạm Quỳnh trong France – Indochine với một nhóm bạn hữu, Tuấn bảo :” Với giọng nói văn hoa và tha thiết, lại muốn tỏ ra có trí óc tinh ranh, Phạm Quỳnh chìa tay ra xin người Pháp bố thí cho một “ Tổ quốc để phụng sự “. Nhưng vì ông phụng sự quá trung thành với người

Pháp nên ông đã quên rằng người “ An nam “ đã có một tổ quốc mà người Pháp đã cướp mất. Bây giờ chỉ phải làm cách mạng, người An nam mới thu hồi được Tổ quốc của mình, chứ không phải đi ăn mày tổ quốc theo kiểu Phạm Quỳnh. ”

Vả lại, lập trường của Phạm Quỳnh cũng không được người Pháp tán thành, Phủ Toàn Quyền đặt Phạm Quỳnh bên cạnh Bảo Đại, chính là để kèm vị vua non nớt ấy chứ đâu phải để ông làm xáo trộn cái “ trật tự “ mà người Pháp đã sắp đặt đường lối thực dân của họ.

Phạm Quỳnh - với sự hợp tác tài chánh của Phạm Lệ Bông, nhà buôn pháo ở phố hàng Nón, và hội trưởng hội Dân biểu Bắc kỳ - mở ra tại Hà Nội một tuần báo Pháp văn nhan đề là “ La Patrie Annamite “ (Tổ Quốc An nam), mà chủ bút là Tôn Thất Bình, người rể của Phạm Quỳnh, một trong những sáng lập viên trường trung học Thăng Long ...

Phong trào Bảo Đại hoàn toàn do người Pháp tạo ra, được sôi nổi một thời gian hai ba năm sau khi vị “ hoàng tử đẹp giai “ ở Pháp về lên ngôi Hoàng đế, nhưng rồi dần dần bị chìm trong sự lãnh đạm của toàn dân vì danh hiệu “ông vua bù nhìn “ mà các phe cách mạng đã gán cho ông.

Sự ông lấy vợ, tôn lên ngôi Hoàng hậu nước Nam, cô Henriette Nguyễn Hữu Hào, một bạn gái của ông cùng du học ở Paris, con một đại điền chủ ở Nam kỳ, vẫn không tăng uy tín của ông một chút nào. Bởi lẽ, Nam Phương Hoàng Hậu (danh hiệu này do Phạm Quỳnh đặt ra) là một cô gái đầm (có quốc tịch Pháp) lại dòng dõi đạo Thiên Chúa, mà nghiêm nhiên được suy tôn lên bậc “mẫu nghi thiên hạ“, khiến cho dư luận của đại đa số dân chúng theo Phật giáo và Khổng giáo chỉ trích gắt gao.

Các báo ở Saigon và Hà Nội lại bắt tin rằng, trước khi nhận lời cầu hôn của Bảo Đại, cô Henriette Hào có đưa ra một điều quan trọng, là một khi cô được lên ngôi Hoàng hậu, cô phải được quyền tham gia việc nước, giúp Hoàng đế trị dân, chứ cô không chịu đóng vai trò Hoàng hậu trong cung cấm chỉ có chức vị mà không có quyền hành.

Các báo không có nói là Bảo Đại có chấp nhận “điều kiện “ đó hay không, vì chính Bảo Đại cũng chưa biết mình có quyền hành gì trong việc trị quốc, nhưng dư luận dân chúng rất xôn xao, nhất là trong các thôn quê và các

giới quan lại bảo thủ. Họ xầm xì với nhau :” Nếu một cô gái dân Tây và theo đạo Thiên Chúa lên làm Hoàng hậu, mà đòi nắm quyền trị quốc, thì vận nước An nam sẽ như thế nào ?”

Nhưng đó chẳng qua là dư luận thầm kín, lén lút, và sự đòi hỏi chính trị của cô gái Nam kỳ cũng chỉ là một điểm danh dự mà cô nêu ra để làm quà cho “ quốc dân An nam “ đó thôi, chứ không có chi là quan trọng, thực tế cả.

Vì sau khi cô Henriette Nguyễn Hữu Hòa được tôn lên ngôi Hoàng hậu An nam, điện Thái Hòa ở Huế đô vẫn chỉ có một ngai vàng độc nhất của hoàng đế, và theo phép nước, Nam Phương Hoàng Hậu không được một chỗ ngồi bên cạnh chiếc ngai của Nguyễn triều.

Dân chúng biết rằng vì khác tôn giáo, cô Henriette Nguyễn Hữu Hòa muốn thành hôn với Bảo Đại đã phải xin phép đức Giáo Hoàng ở La Mã, và cố nhiên điều đó không khó gì. Giáo hoàng Pierre XI đã ban cho cô cái đặc ân ấy. Nhưng đồng thời, có tin do triều đình Huế loan ra để dân chúng khỏi thắc mắc, là con trai của Bảo Đại và Nam Phương, hoàng tử An nam sẽ không được theo đạo Thiên Chúa, để đúng với thủ tục nghi lễ đối với các vị tiên đế Nguyễn triều.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 48

1932-1933

- Các đảng cách mạng ở Saigon phát động mạnh hơn ở Bắc và Trung.
- Các báo loan tin Nguyễn Ái Quốc chết ở Hồng Kông.
- Hà Nội và Huế : Cộng sản hoạt động ngầm, V.N.Q.D.Đ hoàn toàn im lặng.
- Bửu Đình, người Hoàng tộc làm cách mạng, bị Hội Đồng Tôn Nhân Phủ bắt đổi tên họ là Tạ Đình.

Trong lúc ở Trung kỳ và Bắc kỳ, phong trào Bảo Đại bắt đầu lắng xuống, Phủ Toàn Quyền Hà Nội cũng như tòa Khâm Sứ Huế không làm gì hơn để tăng uy tín của ông vua, thì các Hội Kín Cách Mạng vẫn âm thầm hoạt động : Thanh Niên Cách Mạng đồng chí Hội (gọi tắt là thanh niên), Tân Việt Cách Mạng Đảng (gọi tắt là Tân Việt), và Đông Dương Cộng sản Đảng. Một số đảng viên Thanh niên Cách Mạng đồng chí hội lại tách ra lập riêng một đảng có khuynh hướng cộng sản, lấy tên là An Nam Cộng Sản Đảng.

Một số đảng viên của Tân Việt, trong đó có Võ Nguyên Giáp và Đặng Thái Mai, cũng tách riêng ra, lập một đảng gọi là “Đông Dương Cộng Sản Liên Hiệp “. Ba đảng cộng sản trên đây đều theo chủ nghĩa Mác Lê (Marx-Lénine), nhưng khác nhau trong các chi tiết tổ chức, và chống chọi nhau, không hợp tác với nhau trên đường lối đấu tranh.

Vả lại, An nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản Liên Hiệp chỉ hoạt động ở Trung kỳ. Đông Dương cộng sản đảng có kỳ bộ ở Trung Nam Bắc, nhưng hoạt động mạnh nhất ở Trung kỳ. Chính Đông dương cộng sản đảng đã tổ chức hai phong trào nổi loạn riêng biệt : Đồ Lương (Nghệ An) năm 1931, và Quảng Ngãi – 1932.

Theo dư luận của các đảng quốc gia chống cộng, căn cứ trên một vài tin tức

của một số đồng chí bên Tàu về, thì hai cuộc khởi loạn trên kia “ Soviet Nghệ An “ và “Soviet Quảng Ngãi “đều do lệnh của Nguyễn Ái Quốc, là người chỉ huy Đông Dương cộng sản đảng mà tổng hành dinh được đặt bí mật ở Trung Hoa.

Một số bạn bè trong giới thanh niên sinh viên Hà Nội có rủ Tuấn vào đảng Cộng sản Đông Dương, lúc bấy giờ vẫn được gọi bằng tiếng Pháp là Parti Communiste de L’ Indochinois. Tuấn do dự chưa nhận lời vì thấy chủ trương Mác Lê không thích hợp với lý tưởng thuần túy quốc gia của Tuấn. Kế đó, Tuấn có dịp nghỉ hè về miền Trung, một hôm ghé chơi ở Qui Nhơn lại gặp một bạn cũ rủ Tuấn vào “ An nam cộng sản đảng “ (Parti Communiste Annamite). Tuấn ngạc nhiên và tìm hiểu sự bất đồng quan điểm giữa hai đảng cộng sản, và sự xuất hiện mới nhất của một đảng cộng sản thứ ba là Đông Dương Cộng Sản Liên Hiệp, mà người bạn cho biết là Tổng bộ chỉ huy ở bên Xiêm (Thái Lan).

Trước những mâu thuẫn đó, Tuấn từ chối khéo và hứa chỉ hợp tác trên một vài điểm chung có tính cách tranh đấu cho quốc gia dân tộc mà thôi. Tuấn cương quyết không gia nhập một đảng cộng sản nào riêng rẽ ở Trung, Nam, Bắc.

Cuộc nổi dậy của cộng sản Quảng Ngãi, nhất là đêm máu lửa hãi hùng ở Đức Phổ, Mộ Đức, năm 1932, do anh Nguyễn Nghiêm cầm đầu, khiến cho Tuấn suy nghĩ nhiều, và càng củng cố lập trường quốc gia thuần túy của chàng, tránh những hành động đấu tranh giai cấp của cộng sản.

Cuối năm 1933, Tuấn đọc mấy tờ báo Pháp và An nam xuất bản ở Saigon và Hà Nội, thấy ở trang 4, trong một cột chữ nhỏ, một tin vắn tắt đại khái như sau đây :

Nguyễn Ái Quốc đã chết tại Hồng Kông vì bệnh lao

"Tin người Anh cho biết vừa rồi Nguyễn Ái Quốc, kẻ phiến loạn cách mạng An nam (agitateur révolutionnaire annamite) bị chết vì bệnh lao phổi trong ngục thất ở Hồng Kông. “

Cái tin ngắn chỉ có mấy dòng chữ nhỏ như thế, đăng ở cuối trang tư như một tin vặt không mấy quan trọng, nhưng đã gieo vào đầu óc của tất cả những người An nam làm cách mạng hồi đó, Quốc gia cũng như Cộng sản,

sự tin chắc rằng cái tin kia là thật.

Đối với thanh niên sinh viên như Tuấn trong trí óc nảy ra ý nghĩ thực thà rằng Nguyễn Ái Quốc đã thuộc về thế hệ tiền bối như các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu thì sự chết về tuổi già là lẽ thường. Huống chi cụ Nguyễn Ái Quốc lại bị bệnh lao phổi, cụ chết vì bệnh đó cũng là lẽ tất nhiên.

Nói đúng ra, thời bấy giờ ở An nam ít có ai biết rằng Nguyễn Ái Quốc là cộng sản. Cái tên “Ái Quốc “ của cụ để cho các lớp người thanh niên yêu nước tưởng rằng cụ là một nhà cách mạng quốc gia lão thành, ở hải ngoại lâu năm như các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh vậy thôi.

Cái tin Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi ở Hồng Kông đã làm xôn xao các giới cách mạng một thời gian rồi cũng chìm trong quên lãng. Dần dần không ai nói đến Nguyễn Ái Quốc nữa.

Mãi đến tháng 8 năm 1945, nghĩa là 12 năm sau, cũng như tất cả những người Việt Nam trong nước và hải ngoại, Tuấn nghe thấy lần đầu tiên cái tên Hồ Chí Minh và dư luận trong giới cách mạng quả quyết rằng “ Hồ Chí Minh “ chính là Nguyễn Ái Quốc. Tuấn hoàn toàn ngạc nhiên !

Vài năm sau đó, Tuấn được đọc ba bốn quyển sách ngoại quốc :

- Le VietMinh của Bernard Fall (Paris)
- Cinq hommes et la France của Jean Lacouture (Paris)
- From colonialism to communism (New York) của Hoàng Văn Chí.
- Le Mystérieux Hồ Chí Minh (Paris) của Hồ Văn Tạo.

mới biết rõ sự thật.

Sau khi Tưởng Giới Thạch tuyệt giao với Nga, năm 1927, Nguyễn Ái Quốc, nhân viên sứ quán Nga, theo lãnh sự Nga là Borodine phải từ già Trung quốc trở về Moscou, để Hồ Tùng Mậu (tức là cố Mậu, T.S 40 “ xến xáng “, bị giam ở trại an trí Trà Khê (Phú Yên) từ năm 1940 đến năm 1945) ở lại thay thế làm Tổng Bí Thư Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc được lệnh trở lại (từ Nga) Hồng Kông tiếp tục hoạt động, nhưng bị người Anh bắt bỏ tù ngày 6 tháng 6 năm 1931. Bắt rồi được tha, Nguyễn Ái Quốc lên đi Singapore, nơi đây ông lại bị người Anh bắt lần thứ hai, đưa về Hồng Kông, vào bệnh viện vì bệnh lao

phối.

Cuối năm 1933, Nguyễn Ái Quốc bỗng dưng biến mất. Nhà cầm quyền Anh ở Hồng Kông không hề cho biết Nguyễn Ái Quốc mất tích trong trường hợp nào. Có lẽ ông thoát ngục trốn đi chăng ?

Dù sao họ cũng đã loan tin rằng Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao ở ngục thất Hồng Kông. Tờ báo Daily Worker, của đảng Cộng Sản Anh ở Luân Đôn, cũng đăng tin xác nhận rằng Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ Cộng sản An nam, bị bệnh lao phổi đã từ trần trong ngục thất Anh ở Hồng Kông.

Đồng thời bộ Thuộc địa Pháp ở Paris và Phủ Toàn Quyền Đông Dương ở Hà Nội cũng nhận được tin ấy. Trong hồ sơ của Nguyễn Ái Quốc tại sở Mật Thám Pháp cũng có ghi rằng Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi ở Hồng Kông năm 1933.

Sự thật, chỉ có một đôi người quan trọng của Komintern(cơ quan đầu não của cộng sản Đệ Tam – Nga), là biết Nguyễn Ái Quốc ở đâu và làm gì trong thời gian từ 1933 thoát ngục Hồng Kông, đến năm 1941, năm mà ông lại xuất hiện đột ngột ở Moscou.

Ngoài ra, chính những đảng cộng sản ở Moscou và ở khắp thế giới, và toàn thể đảng viên cộng sản An nam đều tin rằng Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao ở ngục thất ở Hồng Kông, như nhà cầm quyền Anh đã tuyên bố, và báo Daily Worker của đảng cộng sản Anh ở Luân Đôn đã đăng tin xác nhận.

Theo các tài liệu chính xác mới được tiết lộ sau này, thì Staline rất bất bình Nguyễn Ái Quốc vì ông chủ trương cuộc nổi loạn quá sớm của cộng sản Nghệ An năm 1931, và Quảng Ngãi năm 1932, gây thất bại lớn lao cho đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kỳ phôi thai.

Do đó, năm 1933, Nguyễn Ái Quốc đang ở Hồng Kông được lệnh của Staline triệu về Moscou và bí mật bị đày đến miền Đông Sibérie. Mãi đến mùa xuân năm 1941, Nguyễn Ái Quốc mới được Staline gọi về Moscou và được lệnh cùng đi với Nguyễn Khánh Toàn sang gặp Yenan, nơi đây Mao Trạch Đông giúp Nguyễn Ái Quốc những phương tiện trở về biên giới Hoa - Việt, lập mặt trận Việt-Minh với các phần tử cách mạng ở Trung Quốc.

Lần đầu tiên, năm 1941, xuất hiện nơi đây tên “ Hồ Chí Minh “, vì Nguyễn

Ái Quốc vẫn còn dấu bí mật lai lịch và tên tuổi thật của ông. Mãi đến năm 1958, vài tờ báo của chính phủ Hà Nội mới được phép chính thức đăng rõ ràng Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc.

Tạp chí tranh ảnh “ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa “ do Thông tấn xã Việt cộng phát hành, số tháng 8 năm 1960, đăng ảnh Nguyễn Ái Quốc với câu đề phía dưới “Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) lúc 30 tuổi đang hoạt động ở ngoại quốc. “

Nhưng năm 1933, Tuần đọc báo Hà Nội và Saigon, cứ yên trí rằng Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi ở Hồng Kông. Chính một số đồng lãnh tụ cộng sản ở Hà Nội lúc bấy giờ là Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Trần Huy Liệu, cũng đều tin chắc như vậy.

Các phong trào hội kín chỉ còn hoạt động bí mật và đa số thuộc về thành phần trí thức, hoặc gọi là trí thức. Ở Saigon, vài đảng hoạt động công khai theo chế độ công hòa Pháp, vì Nam kỳ là đất Pháp, người Nam kỳ là dân Pháp. Nhưng không nên lẫn lộn : ở đây người Pháp vẫn đặt ra sự ngăn cách giữa hai hạng người dân Nam kỳ thuộc Pháp.

Dân Pháp (Sujets francais) không được hưởng đầy đủ quyền lợi tinh thần và vật chất như “ dân nhập tịch Pháp “ (sujets naturalisés francais). Những người này cần phải có địa vị và thích nghi xã hội khá cao mới được chính quyền Pháp chấp nhận ngang hàng với người Pháp như ngừng công dân Pháp, cùng theo dòng dõi của họ, được hưởng những quyền lợi ưu tiên như họ. Dĩ nhiên trước pháp luật, họ mất hẳn quốc tịch “ An nam “. Họ không còn là người An nam nữa.

Trái lại, “ dân Pháp “ (sujets francais), là tất cả những người dân Nam kỳ, sinh trưởng trên đất Nam kỳ, được hưởng đôi chút luật lệ tự do của Pháp - (citoyen francais) – trên nhiều phương diện, Nhưng họ không được hưởng những quyền lợi ưu tiên đặc biệt của người nhập tịch Pháp.

Ở Trung kỳ và Bắc kỳ, chỉ có một số rất ít, có thể nói là rất hiếm, người An nam nhập tịch Pháp. Những người này cũng được hưởng quy chế công dân Pháp (statut de citoyenneté francaise), như những người có quốc tịch Pháp ở Nam kỳ.

Ngoài ra, tất cả người dân Trung kỳ và Bắc kỳ đều là “ thần dân của Hoàng

đế An nam – sujets de sa Majesté l' Empereur d' Annam, - và phải theo chế độ bảo hộ và pháp luật Nam triều, luật Hồng Đức của nhà Lê và luật Gia Long của nhà Nguyễn.

Nhưng theo danh từ thông dụng nhất, thì người Pháp gọi người Trung kỳ là Annamites de Centre, người Bắc kỳ là Annamites de Nord hay là Tonkinois, người Nam kỳ là Cochinchinois hay là Annamites de Cochinchine.

Hậu quả của chế độ cách biệt ấy, là những kẻ “ phạm tội “ ở Trung -Bắc kỳ đều bị xử theo luật Nam triều. Sau đây là hai thí dụ rõ rệt nhất lấy trong trăm nghìn thí dụ.

Một người dân Trung kỳ, vừa là người trong “Hoàng tộc “ tên là Bửu Đình, vào Saigon viết báo đối lập chống chính phủ Bảo hộ, vào khoảng năm 1925-26-27, và bị trục xuất về Trung kỳ. Toà án Nam triều chiếu theo luật Gia Long xử ông 9 năm tù khổ sai, đày đi Côn lôn, và đổi họ “ Bửu “ thành ra họ “ Tạ “. Bửu Đình bị xóa tên trong sổ Hoàng tộc, đổi ra thành Tạ Đình, một kẻ bạch đình thuộc về hàng “ bá tánh “.

Một người khác quê ở Huế, Đồng sĩ Bình, nguyên làm Phán sự tòa sứ Qui Nhơn, có làm một bài thơ chữ Hán dán trên mộ bia của cụ Mai Xuân Thưởng, một nhà kháng chiến chống Pháp ở Bình Định. Bài thơ ấy có những câu hăng hái chống Pháp, bị toà án Nam triều xử về tội “ tạo yêu thư, yêu ngôn “, và bị 9 năm tù khổ sai, lưu đày đi Ban Mê Thuột. Một tội như thế nếu thủ phạm là người Nam kỳ, dân Tây, được xử tại toà án Pháp thì chỉ bị 6 tháng tù treo là quá lắm. Có thể được trắng án cũng nên.

Sự cách biệt của hai quy chế tư pháp là nguyên nhân do các đảng phái chính trị được hoạt động công khai và các báo chí đối lập được xuất bản tự do ở Saigon, và Nam kỳ, "terres francaises “, trong lúc ở Trung kỳ và Bắc kỳ tất cả các đảng phái đều là “ hội kín “, hoạt động lén lút trong bóng tối. Các báo đối lập cũng không được xuất bản tự do.

Tuy nhiên ở Saigon, dưới chế độ tự do của Pháp, chỉ có hai khuynh hướng chính trị đáng kể mà thôi.

Một là đảng Lập Hiến Đông Dương (parti constitutionnaliste Indochinois) gồm toàn những địa chủ, điền chủ có nhiều ruộng đất ở các tỉnh Nam kỳ,

các nhà kỹ nghệ, các công chức cao cấp “ trí thức thượng lưu, đốc phủ sứ v.v... ” hầu hết là có quốc tịch Pháp. Ngoài Bùi Quang Chiêu, Kỹ sư Cầu cống là chủ tịch, và Nguyễn Phan Long, nghị viên và nhà báo, đảng Lập Hiến còn có những đảng viên danh tiếng như Nguyễn Phú Khai, Trương Văn Bền, Lê Quang Liêm, tự Bảy,v.v...

Tờ báo của họ là La Tribune Indigène sau đổi lại là La Tribune Indochinois. Nguyễn Phan Long còn làm chủ nhiệm tờ L' Echo Annamite, từ sau năm 1945 được đổi lại là L' Echo du Vietnam.

Chương trình hoạt động của đảng Lập Hiến chỉ nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất giới tư bản Nam kỳ.

Hai, là nhóm Cộng sản Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc tế, tranh đấu cho giới thợ thuyền.

Hai nhóm cộng sản này là đôi anh em thù địch lẫn nhau, thường chống nhau quyết liệt trên các báo ngôn luận của họ. Họ tố cáo lẫn nhau là tay sai của đế quốc, và trong các cuộc tranh luận Hội đồng thành phố, họ bút chiến và đấu khẩu rất kịch liệt, gây ra không khí vô cùng sôi nổi. Giới thợ thuyền thấy bên nào nói hay, nói khéo là họ theo.

Ngoài ra, “ Hội kín Nguyễn An Ninh “ là một phong trào tuy cũng khuynh hướng về thợ thuyền và nông dân, nhưng có tính chất quốc gia hơn là quốc tế. Một phong trào cách mạng địa phương mà cả Đệ Tam lẫn Đệ Tứ quốc tế đều cố tìm cách khai thác và thu phục để lợi riêng cho họ. Tờ báo của Nguyễn An Ninh là La Cloche Fêlée mà sáng lập viên là một người Pháp tên là Dejean de la Batie, và quản lý là một người Pháp gốc Nga.

Từ khi Nguyễn An Ninh bị tù, hội kín của ông bị tan rã. Hội kín Nguyễn An Ninh cũng như đảng Lập Hiến Đông Dương đều hoạt động riêng biệt trong giới hạn Nam kỳ của Pháp và hoàn toàn bị cấm ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tất cả các hoạt động chính trị ở Saigon đều náo nhiệt hơn ở Hà Nội và Huế, vì thủ đô Nam kỳ được hưởng chế độ tự do hơn, nhưng chỉ ở trên bề mặt mà thôi. Như những đợt sóng xao động trên mặt biển, không có sóng thần vùng dậy ở bề sâu.

Thình thoảng có những trận bão lớn làm cho biển động, nhưng không có “

lames de fond “. Quảng đại quần chúng không được tổ chức mạnh mẽ, cho nên sau những ngày sôi nổi, rầm rộ, hầu như giả tạo, do một vài nhóm trí thức tiểu tư sản gây ra mà không có sự hưởng ứng nồng nhiệt của các tầng lớp nhân dân, người ta thường thấy không khí nguội dần và tẻ ngắt.

Vì thế nên người Bắc kỳ và Trung kỳ thường phê bình người Nam kỳ là “ lửa rơm “.

Cho đến năm 1945, thành kiến đó vẫn còn.

Ở Trung kỳ và Bắc kỳ, thì là “ lửa than “, nhưng không có cơ hội cháy bùng lên, cho nên cứ âm ỉ dưới lớp tro nóng. Phải công nhận rằng sau năm 1945, không khí đã đổi hẳn, ở "Nam bộ “ cũng như ở “ Trung bộ “ và “ Bắc bộ “.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 49

- Thực lực của quân đội thuộc địa Pháp chiếm đóng ba xứ Bắc Trung Nam.
- Cuộc diễn binh ngày 14-7-1939.
- Trong lúc đó, lực lượng quân sự của người Pháp ở Đông Dương như thế nào ?

Lúc Tuấn còn là một cậu “ lắc léo mè dòng lô “ ở trường tỉnh, mà “ Nhà nước Bảo Hộ “ gọi là “ Ecole Franco Indigène “ (trường Pháp - bốn xứ), thì Tuấn thấy trong tỉnh chỉ có một đồn lính Khố Xanh, tiếng Pháp gọi là La Garde Indigène, dịch đúng nghĩa là Lính Bốn xứ. Đây là toàn là lính An nam đặt dưới quyền một viên chỉ huy Pháp, L' Inspecteur de la Garde Indigène (quan Giám Binh). Những người lính Bốn xứ ấy cũng thường được gọi là “ les miliciens “, mà không biết ai dịch ra thành danh từ chính thức rất vô nghĩa, là “ Lính Tập “. Danh từ "Lính tập" lại rất thông dụng trong dân gian hơn là “ Lính Khố Xanh “.

Nhận thấy rằng trong tỉnh chỉ có ba hạng lính, lính “ Phú lít “ (Police, cảnh sát), lính Lệ (lính của các quan An nam), lính Khố Xanh, mà hai hạng lính trên khỏi phải tập luyện gì cả. Tuấn nghĩ rằng có lẽ vì chỉ riêng có lính Khố xanh của Tây khi mới vào làm lính là phải tập đi, tập bước, tập nhảy, tập bắn, nên người ta gọi là Lính Tập chăng ?

Tuấn đã chứng kiến việc mộ lính Khố xanh như thế nào ở Trung Bắc Kỳ.

Thí dụ mỗi làng nhận được giấy của Phủ, Huyện gửi về truyền lệnh phải tuyển chọn 2 người nông dân để đưa ra tỉnh làm lính Tập. Thường ông xã kiếm hai người tình nguyện trong đám dân nghèo không có ruộng đất, nhưng khoẻ mạnh.

Sự lựa chọn không khó khăn lắm vì đám dân nghèo khá đông. Hoặc có những gia đình khá giả nhưng đông con trai, thì một người tình nguyện ra lính Tập, vì tính phiêu lưu, vì có tham vọng làm thầy Cai, thầy Đội, hoặc vì một lý do nào khác.

Có những thanh niên tuần tú đã học giỏi chữ Nho, thuộc lầu kinh sử, nhưng vác lều chông đi thi mấy lần đều rớt, hoặc những chàng thất vọng vì tình duyên, hay uất hận vì gia đình, họ tình nguyện đi lính tập với tin tưởng sẽ được nhiều an ủi. An ủi nhờ công danh, quyền uy, chức tước, tuy là làm lính Tập cho nhà nước Bảo Hộ, nhưng vẫn được hưởng địa vị và phẩm hàm của triều đình An nam ban cho.

Từ một chú lính trơn lên được lon Quyền (lon vàng bằng một ngón tay), rồi lên chức :

- Cai nhì (lon vàng bằng hai ngón tay)
- Cai nhứt (lon vàng bằng hai ngón tay, kèm theo một rẻo) được hưởng hàm Chánh cửu phẩm của Triều đình.
- Đội Nhì (lon bạc bằng một ngón tay) được hàm Tùng Bát phẩm của triều đình.
- Đội Nhứt (lon bằng bằng hai ngón tay) được hàm Chánh Bát phẩm.
- Quản (hai lon bạc) được hàm Tùng Thất Phẩm.

Một người cậu của Tuấn, họ Bùi, chữ Nho khá, chữ Quốc Ngữ thạo, con thứ mười của một gia đình Phú Nông, tình nguyện đi lính tập để lập công danh. Hôm đầu tiên ra tỉnh, cậu mặc áo dài đen, quần vải trắng, đầu bới tóc, đúng như con nhà Nho giáo, theo nề nếp Nho phong. Nhưng vào đồn, cậu được lãnh bộ áo quần kaki của lính Tập, hớt tóc và bắt đầu tập bước với các tân binh khác dưới sự huấn luyện hùng hồ oai vệ, của một thầy Cai :

- Ấc, đơ ! ... Ấc, đơ ! ... Ấc, đơ ! ... (Một, hai ! ...)
- Ất-xoong...Han tờ ! (Coi chừng ...đứng lại !)
- A oách ! ...oách ! (quay bên phải) !
- Rơ pô (Nghỉ)
- Ga-ra-vu ! (nghiêm)
- Ăn-na-văng ...mạc ! ... (bước tới)
- Ấc, đơ ! Ấc, đơ ! Ấc, đơ ! ...

Một năm sau, cậu lính Tập Bùi được đóng lon Quyền. Hai năm sau được đóng lon Cai Nhì, và được gọi là thầy Cai Nhì ...Rồi lên thầy Cai Nhứt ... Bị phạm tội thiếu kỷ luật, bị xuống lon Cai Nhì. Hai năm sau mới được lên lại lon Cai Nhứt.

Về làng, thầy Cai Bùi được “ăn trên ngồi trước “ và được gọi là “ thầy Cửu “, Cửu phẩm của Triều Đình.

Toàn tỉnh chỉ có ba bốn đồn lính Tập đóng những nơi hiểm yếu mà thôi. Nhiều Phủ, nhiều Huyện, không có đồn lính Tập, nghĩa là không có lính, trừ năm bảy chú lính Lệ, của Phủ, Huyện, để hầu hạ ông quan An nam. Lính này không có tập luyện, không có súng, không có khí giới gì cả. Thịnh thoảng chú ra chợ, tay cầm một chiếc roi tre hay roi mây, để bắt nạt mấy chị bán hàng và mấy anh “culi” xe kéo.

Theo lời ông ngoại của Tuấn kể lại cho Tuấn nghe, thời kỳ Nguyễn Thân đi đánh giặc Phan Đình Phùng, ông ngoại của Tuấn lúc bấy giờ là một nông dân vào hạng trung lưu, bị tuyển mộ vào đoàn quân của Nguyễn Thân. Đây là một cơ binh riêng biệt của Triều đình An nam, lính mặc áo kẹp nẹp đỏ, bên cạnh đội Lính tập chính quy của Nhà Nước Bảo Hộ Phú Lang Sa.

Lính khố xanh của Bảo hộ bị Nghĩa quân cách mạng của Phan Đình Phùng và Cao Thắng bắn chết khá nhiều trong nhiều trận oanh liệt.

Lúc Tuấn ra Huế, ở Huế một tháng, Tuấn thấy một đồn lính Khố Xanh ở đường Jules Ferry (nay là đường Lê Lợi) gần trường nữ trung học Đồng Khánh.

Một đồn lính Tây, dân chúng gọi là lính Sơn đá (do chữ Soldat của Pháp = lính), đóng ở Mang Cá, để đề phòng những cuộc khởi nghĩa ở Huế, hơn là để bảo vệ Kinh đô.

Ngoài ra, trong Thành Nội, vua An nam “Đại Nam Hoàng Đế “ có riêng một đội lính Khố Vàng, để hầu vua.

Dưới thời Khải Định, triều đình An nam có 6 Bộ (Lục Bộ) : Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Học, Bộ Hình, Bộ Công, Bộ Binh. Nhưng các bộ ấy không có nhiệm vụ nào thực tế, hay quan trọng. Như Bộ Công (công chánh) chỉ lo gìn giữ những con đường trong Thành Nội cho sạch cỏ. Còn quan Thượng Thư Bộ Binh, Binh Bộ Đại Thần, thì chỉ huy lính Khố Vàng mà phận sự là khiêng kiệu, cầm cờ cầm quạt, che lọng cho Vua khi Vua đi tế Trời Đất trên Đài Nam Giao.

Sau khi Khải Định chết (động từ dành riêng cho Vua là “ băng hà “), viên Khâm Sứ Huế, thủ hiến của Nhà Nước Bảo Hộ, bỏ hẳn Bộ Công và Bộ

Binh.

Quan Binh Bộ Thượng Thư cuối cùng của triều Nguyễn, một cụ già đáng kính, có chòm râu bạc phất phơ hiền lành và nho nhã, không hề biết số lính của Triều đình là mấy chục hay mấy trăm người.

Bảo Đại về lên ngôi, “ cải tổ nội các”, cũng bỏ luôn bộ Binh, và đổi danh từ cho vài Bộ khác :

- Bộ Giáo dục thay vì Bộ Học.
- Bộ Tư Pháp (Hình)
- Bộ Nghi Lễ (Lễ).

Ở Hà Nội, Tuấn để ý đến đồn lính Khố Xanh (ở Bắc kỳ không gọi là Lính Tập, chỉ gọi lính Khố Xanh), ở đường Đồng Khánh.

Ngoài ra còn nhiều đồn lính Khố Đỏ mà người Pháp gọi là Tirailleurs Tonkinois ở Hà Nội, Đập cầu, Tống (Sơn Tây), Lạng Sơn.

Lính này theo một quy chế khác hẳn lính Khố Xanh.

Ngoài hai hạng lính Bốn xứ ấy mà cấp bậc chỉ đến chức Quản (Adjutant) là hết, và đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan Pháp cũng ở cấp bậc nhỏ, quân đội chính quy Pháp ở Đông Dương gồm có Lục quân thuộc địa (Infanterie Coloniale) và “ Lê Dương “ (Légion Étrangère). Binh chủng này gồm đa số là người của các thuộc địa Phi châu của Pháp, nhiều nhất và nổi tiếng dữ nhất là người Sénégalais (quê ở Sénégal), Marocains (quê ở Maroc), Malgaches (quê ở Madagascar) và bọn phiêu lưu ngoại quốc Đức, Áo, Tiệp v.v...

Chính phủ thuộc địa dùng các đạo quân này để đánh dẹp các phong trào khởi nghĩa quốc gia, hoặc các cuộc nổi loạn của cộng sản.

Về vũ khí, có thể nói là chẳng có gì đáng kể. Hầu hết là các khí giới kiểu cũ đã dùng trong trận Thế chiến 1914-1918 còn ứ đọng lại, đem phân phối cho lính thuộc địa ở Đông Dương. Thông dụng nhất là loại súng Mousquetons, được gọi là “ súng trường “, và một số ít súng liên thanh kiểu cũ. Súng đại bác, có thể nói là rất hiếm. Một vài khẩu 75 đã xưa mà hỏa lực chỉ mạnh hơn chút ít loại súng “ thần công “ của các vua An nam thời Tự Đức. Xe tăng được 5, 7 cái loại 1918. Tàu bay lỗi thời kiểu Morane và Potez độ vài chục chiếc với một động cơ, không bao giờ dám chở đi xa các vị thượng

cấp, Toàn quyền, Khâm sứ, Thống đốc, hoặc Hoàng đế, Thượng thư. Các vị này đi đâu dù là từ Saigon ra Hà Nội cũng chỉ đi bằng xe lửa mà thôi.

Tuấn có đi xem cuộc diễn binh lớn nhất ở Hà Nội, nhân dịp lễ Quốc khánh của Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1939. Lúc này chiến tranh sắp bùng nổ ở Âu châu, do những lời hăm dọa thường xuyên của Hitler. Ở Đông Á, Nhật Bản cũng lăm le dòm ngó thuộc địa Đông Dương của Pháp.

Có lẽ vì tình thế khẩn trương, nên chính phủ thuộc địa nhân ngày “Quốc Khánh “

14-7-1939, muốn tổ chức một cuộc diễn binh vĩ đại, để phô trương lực lượng quân sự của Pháp ở Hà Nội trước mắt người dân bốn xứ.

Cuộc diễn binh đặc biệt này được cử hành long trọng trên Quai Clémenceau (đường Bờ Sông) dưới quyền chủ tọa tối cao của đại tướng Catroux. Toàn quyền Đông dương. Dân chúng xem rất đông, đứng chật cả bờ đê sông Hồng Hà, theo một khoảng dài trên một kí lô mét và trên lề đường Clémenceau và đường Thống chế Pétain.

Sau cuộc nghi lễ quân sự, cuộc diễn hành bắt đầu lúc 9 giờ. Theo tiếng nhạc hùng tráng của đội quân Lê dương, các đơn vị binh chủng sắp hai hàng đồng dục qua trước khán đài danh dự. Nhưng quân số rất ít, tổng cộng cả lính Khố Xanh, Khố Đỏ, Lục quân thuộc địa, Lê dương, Thiếu sinh quân không quá 1000 người.

Đội quân cơ giới không quá 5 chiếc xe thiết giáp nhỏ, và 4 xe tăn (người Bắc gọi là tàu bò) cũ kỹ mà hai cái vừa bò ì ạch đến trước khán đài thì bị panne, nằm chình ình giữa đại lộ. Năm chiếc tàu bay Morane một động cơ, cánh dài hình chữ nhật, sắp thành chữ V bay chậm chậm trên trời xanh, được một vòng rồi biến mất về phía phi trường Gia Lâm.

Xem xong cuộc diễn binh, dân chúng ra về, mỗi người phê bình mỗi cách, nhưng tựu trung không ai có cảm giác hào hứng lắm.

Nói về hiệu quả tâm lý, thì cuộc biểu diễn của quân đội thuộc địa Pháp ở Hà Nội ngày 14-7-1939 là một thất bại lớn trái với dự tính của nhà cầm quyền Pháp.

Năm giờ chiều, Tuấn trở lại đường Bờ Sông, thấy hai chiếc “ tàu bò “ hỏng máy còn nằm vạ nơi đó, do hai người lính Pháp hì hục sửa mãi chưa xong.

Hai tháng sau, ngày 3-9 -1939, Thế giới Chiến tranh bùng nổ ở Âu châu.

Hà Nội cũng như tất cả thành phố Đông dương, bị đặt vào tình trạng báo động. Dự luận tổng quát của dân chúng là biết trước rằng ở Âu châu Pháp đánh với Đức thì Pháp chắc sẽ thua. Ở Á Đông, nếu Pháp chống lại Nhật thì thế nào Pháp cũng sẽ bị bẹp. Dân chúng không tin tưởng nơi lực lượng quân sự Pháp ở thuộc địa này.

Với một lực lượng quân sự có thể gọi là yếu ớt và sơ sài như thế, tại sao người Pháp nắm vững được thuộc địa của họ và đàn áp được tất cả phong trào chính trị, các mưu toan khởi nghĩa của các đảng phái quốc gia ở Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, và các cuộc nổi loạn cộng sản ở một vài địa phương Trung kỳ và Nam kỳ ?

Chúng ta tìm hiểu nguyên nhân ở chương sau.

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 50

1933-34-35

- Thực lực và khuyết điểm của các đảng cách mạng Bắc Trung Nam.

Nghiên cứu về tình hình riêng của mỗi “xứ”, và tình hình chung của toàn thể lãnh thổ Việt Nam, Tuấn nhận thấy rõ rệt sự kiện say đây, là thiếu hẳn đoàn kết giữa các đảng phái quốc gia hoạt động cách mạng.

Tất cả các đảng phái đều tranh đấu cho những mục tiêu chung :

- Độc lập của Tổ quốc.
- Chủ quyền của quốc gia.
- Tự do của dân tộc.

Tất cả các chương trình hoạt động của đảng phái, trừ đảng cộng sản - đều dựa trên ba yếu tố đó làm căn bản. Đó là nhu cầu của thực trạng một dân tộc vong quốc từ cuối thế kỷ trước mà chưa có một vị anh hùng, chí sĩ nào thực hiện được suốt 50 năm dưới quyền thống trị Pháp. Thay vì một đảng cách mạng duy nhất, tổ chức trên bình diện rộng rãi có sự tham gia hăng hái và trung thành của đại đa số nhân dân ở khắp các tầng lớp xã hội, thay vì một lực lượng tranh đấu đoàn kết được các phần tử ái quốc của ba Kỳ, các đảng phái thành lập dưới hình thức “hội kín” lại thích hoạt động riêng rẽ với một số hội viên hiếm hoi, tuyển mộ trong vòng bạn hữu, quen thuộc, chứ không lan rộng được ra quảng đại quần chúng.

Một vài “lãnh tụ” làm cách mạng theo lối tài tử nhiều hơn là chiến sĩ chân chính. Họ nói rất hùng hồn nhưng hành động không có phương pháp thực tế.

BẬY nhất là họ có nhiều tự ái, có tác phong anh hùng cá nhân, không chịu chấp nhận những lời phê bình đứng đắn của các đồng chí, hội viên.

Do đó mà “Hội kín” nào hay “Đảng” nào cũng chỉ sống được một thời gian ngắn, dần dần bị các hội viên bỏ rơi, chỉ còn lại vài ba anh “lãnh tụ” hoạt động trong phạm vi lý thuyết suông mà thôi. Sự kết hợp long trọng của

một vài đảng cũng chỉ có trong lý thuyết, vì thực tế rất trống trải nghèo nàn. Tuấn có đưa một vài anh bạn xem quyển “ Le Réveil de l'Asie “ của René Grousset, xuất bản ở Paris năm 1925.

Bạn xem xong, trả sách, Tuấn bảo :

- Nếu Việt Nam ta có một Đảng Cách Mạng duy nhất như đảng Swaraj (parti de Congrès) của Ấn Độ, và một lãnh tụ duy nhất có đầy đủ uy tín đối với quốc nội và quốc ngoại như Mahatma Gandhi, hoặc đảng Warfd của Ai Cập, hoặc đảng Jeunes Turcs của Thổ Nhĩ Kỳ dưới quyền lãnh đạo cương quyết và sáng suốt của Mustapha Kemal, thì người Pháp phải kiêng nể dân tộc ta.

Nếu các “Đảng phái “ của chúng ta hợp nhất lại thành một đảng duy nhất mà tầm hoạt động được lan rộng khắp 3 kỳ đặt dưới quyền lãnh đạo của một Phan Bội Châu, hay một Nguyễn Thế Truyền, thì cách mạng Việt Nam mới có thể tranh đấu công khai và đi đến thành công được.

Nhưng đám bạn trẻ của Tuấn và Tuấn nhận thấy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, và hợp nhất đảng phái quốc gia không thể nào thực hiện được, vì óc “ lãnh tụ “, “ anh hùng cá nhân “ đầy lòng tự ái của mấy người anh làm “ cách mạng tài tử “, là một trở ngại lớn lao không thể nào đã phá được.

Đó là một định mệnh vô cùng tai hại cho ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam.

Phải đợi đến 1945, nhờ hoàn cảnh thuận tiện cả trên lãnh vực quốc gia và quốc tế. Việt Minh (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh) lên nắm chính quyền mới thực hiện được cuộc tranh đấu toàn diện, trên toàn thể lãnh thổ quốc gia.

Nhưng ngay trong hệ thống tổ chức của Việt Minh, các đảng phái quốc gia cũng không hợp nhất nhau lại thành một khối, không đoàn kết lại thành lực lượng, để cho cộng sản lợi dụng và tiêu diệt dần dần các hình thức cách mạng dân tộc, và các lãnh tụ quốc gia phải trốn hết qua Tàu.

Vài ba năm sau họ trở về qui thuận dưới bóng cờ Bảo Đại.

Nhưng đó là chuyện khác.

Trở lại tình trạng chính trị của nước An nam trong những năm 1933-34-35.

Như chúng ta đã biết, lực lượng quân sự của chánh phủ thuộc địa Pháp lúc

bấy giờ ở đây rất sơ sài yếu ớt, không đáng kể. Nhưng sở dĩ người Pháp vẫn nắm vững được tình hình, chính trị vì lực lượng chính trị và quân sự của nhân dân Việt Nam là con số không.

Trở về những năm 1933-34-35, có thể nói rằng không có hoạt động chính trị nào đáng kể từ Bắc đến Nam, và dân tộc Việt Nam sống rất “ yên ổn “. Sau những đêm máu lửa hãi hùng ở Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên (Bắc kỳ) năm 1930 của V.N.Q.D. Đ, và ở Hóc Môn, Cai Lậy (Nam kỳ), Quảng Ngãi, Nghệ An, Hà Tĩnh (Trung kỳ) năm 1932-33 của cộng sản, toàn cõi Đông Dương sống trở lại phong cảnh thanh bình mà thực dân hãnh diện gọi là “ La paix francaise “ (thái bình của Pháp ban cho).

Tuy nhiên dân chúng vẫn không quên được vài hình ảnh ghê tởm nhất của những năm tao loạn vừa qua. Như việc dân chúng Nam kỳ đồn rằng Đốc Phủ Tâm ở Cai Lậy mỗi khi bắt được các dân biểu tình Cộng sản, thì ông sai lính lấy sắt nhọn nung lửa cho thật đỏ, dùi thành lỗ giữa những bàn tay của phiến loạn, rồi lấy giầy kẽm xỏ vào, cột thành từng chùm bốn năm người, chở ghe ra xô tròn xuống sông.

Như chuyện lính Lê dương đốt nhà và hiếp dâm các thôn nữ ở Quảng Ngãi, Nghệ An, như chuyện viên Toàn quyền René Robin cho hai chiếc phi cơ đến ném bom xuống làng Cổ Am ở Bắc kỳ, giết chết toàn dân lành, ông già bà cả, trẻ con để trả thù cuộc khởi nghĩa của VNQDD.

Ngoài mấy chuyện rùng rợn dã man như thế mà dân chúng truyền khẩu cho nhau, cuộc sống hàng ngày rất là yên tĩnh, không có biến cố nào xao động nữa.

Hội chợ Hà Nội được tổ chức ba năm một lần, tại Khu Hội Chợ rộng rãi, huy hoàng với sự tham dự đông đảo của các tỉnh Trung, Bắc kỳ và ba xứ Nam kỳ, Ai Lao, Cao Mên.

Có cả gian hàng trưng bày rất Mỹ thuật, đầy đủ hàng hoá của các nước láng giềng : Nhật, Xiêm (Thái Lan), Trung Hoa, và nhất là các hãng kỹ nghệ lớn của Pháp. Đây là một dịp để cho các tầng lớp thanh niên thiếu nữ chưng diện bánh bao, nô đùa nhớn nhोर suốt một tháng, đêm nào cũng đông nghẹt. Họ ném lẫn nhau lên tóc những nắm confettis (hoa giấy), quần vào nhau

những giấy serpentines, tặng cho nhau những que kem 1 xu của hãng kem Bờ Hồ.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 51

1933-35

- Văn chương lãng mạn phát triển mạnh.
- Hai nguồn gốc :
 - o Tố-Tâm, ảnh hưởng lãng mạn của văn minh Pháp.
 - o Tuyết Hồng Lệ Sử, ảnh hưởng lãng mạn của văn minh Tàu.
- Thơ mới, do một ông già Quảng Nam và một cô Nữ sinh Saigon cổ động, cả hai đều không phải là thi sĩ.

Năm 1933-34 , phong trào chính trị lắng xuống, thì trái lại, phong trào văn nghệ đột ngột bùng lên, Tiểu thuyết Tố Tâm chịu ảnh hưởng của văn chương lãng mạn Pháp, và tiểu thuyết Tuyết Hồng Lệ Sử, dịch chuyện lãng mạn của Tàu, xuất bản trước đó mấy năm và đã hấp dẫn được một phần lớn công chúng, hãy còn dư âm đẹp và hương vị nồng nàn trong các lớp người của thế hệ 1935.

Văn thơ lãng mạn kế tiếp ra đời, khắp cả Bắc, Trung, Nam, nhưng mạnh nhất ở Bắc. Tuấn được may mắn sống ở Hà Nội, theo dõi sát phong trào qua các báo chí, và các hoạt động văn nghệ ở Hà Nội cũng như ở Huế và Saigon.

Luôn luôn đứng trên phương diện khách quan, nhận xét sự kiện và phân tích biến cố theo thực trạng của nó. Tuấn thấy văn nghệ lãng mạn sôi nổi ở Saigon một lúc đầu, vào khoảng 1932-33, rồi dần dần dịu xuống để trở lại bình thường, hầu như bị buông trôi theo nhịp sống vật chất ô ạt rộn rịp hàng ngày.

Có điều Tuấn ngạc nhiên nhất trong lãnh vực văn nghệ lãng mạn ấy, là phong trào “ thơ mới “ ở Saigon được hăng hái khởi xướng bởi hai người không phải là thi sĩ : một cụ Tú nhà Nho, người Trung kỳ, ông Phan Khôi, chủ bút tờ “ Phụ Nữ Tân Văn“, có ít nhiều Tây học, chỉ thỉnh thoảng, lúc

nào cao hứng, mới làm chơi một bài thơ thuộc loại trào phúng, và một nữ sinh, cô Nguyễn thị Mạnh Mạnh, người Nam kỳ, con gái một ông Huyện hàm về hưu, vừa thi đỗ diplôme ở trường Áo Tím (Collège de Filles Annamites nay đổi tên là trường Gia Long). Cô Mạnh Mạnh không chuyên làm thơ, cô không hề xuất bản một tập thơ nào cả, nhưng cô lại hăng hái viết báo và diễn thuyết cổ xúy Thơ Mới. Không những riêng ở Saigon, cô còn lại đi với ông Huyện Trị, thân phụ của cô, ra Hà Nội để diễn thuyết về “ Thơ Mới “. Hôm cô diễn thuyết ở hội AFIMA, Tuấn bị sốt rét nên không đi nghe được, nhưng bạn của Tuấn đi khá đông, có về thuật lại cho Tuấn rõ ràng cô nói trôi chảy, giọng Saigon nghe là lạ dễ thương. Về nội dung bài diễn thuyết không có gì đặc sắc.

Người ta phê bình nhan sắc của cô nhiều hơn là bài diễn thuyết. Đối với người Hà Nội, cái tên của cô đã là một sự lạ rồi, Nguyễn thị Mạnh Mạnh. Sao lại đặt cái tên dị thường như thế ? Phải chăng cô muốn lấy tên một giống chim ở Nam kỳ, con chim mạnh mạnh, bé nhỏ, có giọng hót líu lo khả ái ?

Tại sao cô không thích để tên thật của cô là Nguyễn thị Kiêm mà đáng lẽ phải viết là Nguyễn thị Kim ? Người cô thấp và mập, mặt tròn vo, đôi mắt cũng tròn và to, trông con người đen nhánh, đầu để búi tóc như hầu hết các thiếu nữ Saigon 1935. Cô Mạnh Mạnh xuất hiện trên nền trời Thơ Mới Việt Nam như một ngôi sao chổi, chỉ thoáng qua rồi biến mất. Cô không để lại một bài thơ nào có giá trị, dù là thơ cũ hay thơ mới.

Phan Khôi, trái lại, là một cụ già nổi tiếng từ lâu trong làng văn, làng báo của ba Kỳ. Cụ thuộc về phái Nho học tân tiến, người tỉnh Quảng Nam, đã đậu Tú tài Hán học, nhưng lại thích mặc Âu phục hơn là áo dài khăn đóng, khác hẳn các ông Tú, ông Cử đồ Nho lúc bấy giờ. Cụ cũng thích nói tiếng Tây vì cụ có tự học Pháp ngữ, và nổi tiếng về khoa lý luận. Cụ vẫn thường tuyên bố với bạn bè rằng cụ thích ve vãn cô Logique Tây phương.

Tuấn được gặp cụ hai ba lần ở Hà Nội, trong toà báo “ Phụ Nữ Thời Đàm “ mà cụ làm chủ bút. Cụ có cho Tuấn xem vài bài thơ của cụ, gọi là “ thơ mới “, toàn một giọng trào phúng. Một lần cụ bảo với Tuấn :” Người ta cứ đổ riệt cho tú Phan Khôi này là đề ra thơ mới. Thiệt là bá láp bá xàm. Tui có

ưa làm thơ bao giờ đâu, thơ cũ cũng không làm huống chi là thơ mới. Để trả lời những anh nói bậy đó, tui tức mình làm vài bài thơ mới chơi, gọi là “thơ mới” mà chính là để ngạo thơ mới đó “.

Tuấn có hỏi lại cụ Tú Phan Khôi :

- Người ta bảo rằng bài “ Tình Già “ của bác đăng trong Phụ nữ Tân văn là thơ mới đấy.

Cụ Tú cười oang oang :

- Mới cái mốc xì ! Bài Tình Già, tui làm theo điệu thơ Cổ phong của Tàu, chứ mới cái gì !

Dù sao, phân tách kỹ, Tuấn thấy rằng phong trào thơ mới cũng đã xuất hiện theo trào lưu tiến triển tự nhiên của văn nghệ.

Năm 1934-35, một lớp thanh niên mới được đào tạo ở các trường trung học và cao đẳng Pháp, hấp thụ nền văn chương tư tưởng Pháp quá nhiều, nên bắt đầu đem ảnh hưởng mới ấy vào văn chương Việt Nam.

Trước đó đã có Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh dùng cú pháp của Tây để diễn tả tư tưởng, nhưng hai nhà văn tiên phong lão thành ấy đã theo thể thức hàn lâm, quá đạo mạo, nghĩa là quá cổ điển.

Hoàng ngọc Phách viết quyển Tố Tâm đã khoáng đạt trẻ trung hơn nhiều, nhưng chỉ trong phạm vi tiểu thuyết lãng mạn mà thôi.

Bộ môn thơ vẫn chưa dứt ra khỏi khuôn khổ cũ kỹ từ nghìn xưa, vẫn quanh quẩn với mấy điệu thơ Đường luật bát cú, tứ tuyệt, hoặc thơ song thất lục bát của mấy cụ nhà Nho.

Đến lớp nhà văn và nhà thơ trẻ của thế hệ 1932-33, lối diễn tả tư tưởng, lối nhận xét sự vật, đã mới hơn nhiều, phóng đạt hơn và có phần sâu sắc hơn. Dĩ nhiên là nó thích hợp hơn với tinh thần phát triển mới của các tầng lớp trí thức và công chúng.

Chính trong hoàn cảnh thay cũ đổi mới đó mà các loại thơ gọi là “ thơ mới “ được xuất hiện một cách mặc nhiên không ai để xứng cả. Đó là hậu quả dĩ nhiên của lịch trình tiến hoá của Văn chương và Tư tưởng loài người, chứ không phải một phát minh mới lạ như Khoa Học.

Trong phạm vi lịch sử nhân văn, Tuấn nhận thấy rằng đồng thời với sự tiến triển theo một ý thức mới của Văn chương An nam, chỉ sớm hơn hoặc

muộn hơn năm sáu năm, ở Nhật Bản và Trung Hoa cũng có phong trào thơ mới, ở Indonésia cũng có phong trào Thơ mới. Chỉ trừ ở Thái Lan, Cao Miên, Lào, tình hình văn nghệ vẫn duy trì như cũ, bị ứ đọng lại vì thiếu điều kiện phát triển. Duy có Phi luật Tân ảnh hưởng của Portugal (Bồ đào Nha), đã in sâu vào tiềm thức dân tộc từ lâu năm hơn, kế tiếp lại chịu ảnh hưởng của Hoa kỳ, nên Văn nghệ Phi luật Tân ở trong tình trạng đặc biệt hơn.

Có thể nói rằng dưới hấp lực của các chuyển động Tây phương, địa lý văn nghệ (la géographie littéraire et artistique) của các xứ ở vùng Đông Nam Á đều ghi nhận một trào lưu cải tiến tự nhiên và không tránh khỏi. Chính trào lưu ấy cũng đã thay đổi ít nhiều bề mặt, đảo lộn ít nhiều bề sâu, của tư tưởng văn nghệ An nam mới ...

Tuần theo sát các phong trào Văn nghệ đang nhóm dậy từ năm 1933-1934 tại Hà Nội.

Dù muốn dù không, Hà Nội cũng là nơi tụ hợp của các văn nghệ sĩ trẻ tuổi của thế hệ say sưa với nhiệm vụ thiêng liêng của họ.

Người Pháp lúc bấy giờ cũng phải nhìn nhận rằng Saigon là kinh đô thương mại (Capitale commerciale), Huế là kinh đô cổ kính của Nam triều (Capitale Impériale), Hà Nội là kinh đô trí thức (Capitale Intellectuelle).

Nói như thế không phải là thời Pháp thuộc, Hà Nội không chú trọng về thương mại, Saigon không có hoạt động về văn hoá. Nhưng ai cũng thấy rõ rằng Saigon là trung tâm điểm rộn rịp nhất của các hoạt động kinh tế và thương mại, các nhà máy lớn của ngoại quốc, các hãng xuất nhập cảng lớn giao dịch khắp các thị trường quan trọng của thế giới. Saigon lại là một nhà máy lúa gạo vô tận để tiếp tế cho cả Trung, Bắc kỳ trong nhiều năm mất mùa hay đói rét. Trái lại, hoạt động văn hóa ở Saigon không được thịnh hành. Nếu có chăng cũng chỉ được coi gần như là một xa xỉ phẩm.

Các văn nghệ sĩ nổi tiếng trong nước không hẹn nhau mà lại gặp gỡ nhau ở Hà Nội nhiều hơn cả. Hầu hết các tác phẩm văn chương được dân chúng toàn quốc từ Bắc vào Nam hoan nghinh nhất, được đọc say mê, và bán chạy nhất bất cứ ở tỉnh nào của Bắc kỳ, Trung kỳ, hay “ Nam kỳ lục tỉnh “ đều xuất bản tại Hà Nội, do các nhà Thơ, nhà Văn tập trung ở Hà Nội.

“ Làng Văn “ Hà Nội – danh từ thông dụng của thời đại, bao gồm các tao nhân mặc khách quê quán ở các tỉnh Bắc kỳ như Tân Đà, Khái Hưng, Lan Khai, Thế Lữ, Lê văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ, Trương Tửu, Phạm Huy Thông, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Nhược Pháp, v.v... và quê quán ở Trung kỳ như Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tường Tam, Xuân Diệu, Phan Khôi v.v...

Chỉ có Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên là ở hẳn Qui Nhơn (Trung kỳ), không có mặt ở Hà Nội trong thời kỳ bộc phát văn nghệ lãng mạn ấy.

Phan Khôi sau khi vào Saigon thử thời vận một thời gian, thấy không được như ý sở nguyện, trở về Huế làm báo “ Sông Hương “ cũng “chẳng nước non“ gì, rốt cuộc cũng lê thân già ra đất Bắc.

Ở đây xem chừng như thích hợp với tinh thần văn nghệ hơn. Tao nhân mặc khách hình như lưu luyến hơn với khí thiêng của sông Nhị núi Nùng.

Nhân nói về vị trí của “ núi Nùng “, Tuấn đã thắc mắc từ lâu, vì không thấy địa danh ấy trong các sách địa dư Việt Nam. Vài bạn làng văn ở Bắc hà đã chỉ cho Tuấn một gò đất cao quá 5 thước ở phía sau chuồng chim trong vườn Bách Thảo, Hà Nội. Thì ra các cụ thi sĩ nhà Nho ở Thăng Long xưa đã gọi ụ đất ấy là núi Nùng để có một đối tượng thơ mộng với sông Nhị, như núi Ngự sông Hương ở Huế đô vậy.

Tuấn nhận thấy Hà Nội có nhiều điều kiện rất thuận lợi cho sự phát triển văn nghệ, loại văn nghệ thuần túy của trí óc, biểu diễn thanh cao của tư tưởng. Thời bấy giờ văn thơ là tiêu biểu cho cái gì cao quý, trong trắng nhất của tinh thần dân tộc.

Năm 1935 chưa có loại văn nghệ vụ lợi và văn nghệ xô thịt, văn nghệ con buôn.

Tuấn đã phân tách văn thơ ở Hà Nội Tiền chiến và nhận thức phong trào tiến hoá của nó từ 1933-34. Cái mà người ta gọi là “ thơ mới “ chỉ là hậu quả không thể tránh được sự xâm nhập của văn thơ Pháp trong giới văn nghệ sĩ thanh niên.

Một nhóm người trẻ, xuất thân từ các trường Pháp – An nam (écoles Franco-Annamites), đã hấp thụ khá nhiều tinh túy của văn nghệ Pháp, nhất là từ thế kỷ XVII mặc nhiên đã được đào tạo một quan niệm mới về suy

tưởng, và một thể thức mới về diễn tả. Cuối thế kỷ XVIII, thi sĩ Pháp André Chénier đã phải chủ trương :” Sur des pensers nouveaux faisons des vers antiques “ (trên những ý tưởng ta hãy làm những thơ xưa). Những thơ xưa tức là thơ Alexandrius của Hy Lạp và La Mã cổ điển.

Qua thế kỷ XIX, nhóm thi sĩ trẻ lãng mạn của Pháp chủ trương thay đổi một vài điểm của hình thức thơ cũ, xê-xích một césure, chấp nhận một enjambement, và chỉ có thế mà cũng gây ra cả một cuộc bút chiến khá sôi nổi trong làng Thơ. Người đề xướng hăng hái nhất là Victor Hugo, thực hiện chút cải cách nhỏ mọn về hình thức đó, cả gan đem lên sân khấu một vở kịch viết bằng lối thơ mới, đã bị các nhà thơ cổ điển huýt còi la hét rầm rầm. Théophile Gautier với chiếc áo sơ mi đỏ chót, đã phải hung hăng đá kích lại để bênh vực cho chủ trương “ táo bạo “ của nhóm mới.

Đầu thế kỷ XX, nhất là sau Đệ Nhất Thế Chiến, lại có nhóm siêu thực của Apollinaire, Aragon, Paul Eluard, phá huỷ tất cả thông lệ, chê bỏ Alexandrius, đặt ra “ thơ tự do “ với lối diễn tả khác hẳn.

Dĩ nhiên lối thơ mới đó cũng đã làm đề tài cho một số người nổi dậy công kích dữ.

Ở Việt Nam, bắt đầu từ 1932, lớp thi sĩ trẻ tuổi ở các trường Cao đẳng tiểu học Pháp – Nam, vừa mới ra đời, đã đăng rải rác trong các báo ở Hà Nội những bài thơ mới bên cạnh những bài thơ cổ điển của những thi sĩ lão thành phái Nho học.

“ Thơ mới “ không bị ràng buộc bởi một quy luật nào nhất định, nhưng theo một xu hướng chung : thoát ly các khuôn khổ và hình thức niêm luật cũ, và theo vần điệu và cú pháp của thơ Tây. Thi phẩm đầu tiên có sắc thái thơ mới rõ rệt nhất là “Vài Nét Đan Thanh“ của Lưu Trọng Lư, ra một lượt với truyện ngắn “Người Sơn Nhân“ của tác giả ấy. do Ngân Sơn tùng thư xuất bản.

Lưu Trọng Lư là người Quảng Bình, đã học đến lớp Đệ Tứ niên cao đẳng tiểu học. Tính tình rất thơ mộng, hơi đãng trí, anh ta không thích học, thường để thì giờ làm thơ. Không chịu những gò bó niêm luật, quá khắc khe của thơ Đường và quá dễ dãi của thơ Lục Bát (một bài thơ Lục Bát có thể trở thành một bài vè), Lưu Trọng Lư sử dụng một hình thức mới mà âm

điệu uyển chuyển giữa hai thể Ca trù Việt Nam và Cổ phong Tàu. Nội dung lãng mạn thì chịu rõ ràng những ảnh hưởng của thơ Tây.

Đọc kỹ năm bảy bài thơ phóng khoáng đầu tiên của Lưu Trọng Lư trong “Vài Nét Đan Thanh”, Tuấn cảm thấy một hình thức thi ca mới, tuy còn hơi rụt rè, nhưng rất thích hợp với tinh thần mới của thế hệ trẻ 1932.

Kể Lưu Trọng Lư, Thế Lữ cũng bắt đầu đăng những bài thơ mới trong tuần báo Phong Hoá.

Đến đây, Tuấn nhận thấy một sự kiện lịch sử giúp rất nhiều vào lịch trình phát huy của thơ mới. Đó là sự tiến triển của tinh thần độc giả song song với sự tiến triển của văn nghệ. Vì nếu có một thế hệ văn sĩ mới, sẵn sàng tiếp nhận những biến đổi thích ứng với thời đại. Lớp độc giả đông đảo này cũng đã được đào tạo trong các trường học Pháp – Nam, và cũng đã chịu ít nhiều ảnh hưởng của Văn nghệ Pháp. Sự hấp thụ văn hoá Pháp là một nhu cầu đương thời không thể nào tránh được, cho nên dù muốn dù không, cả một thế hệ thanh niên mới, trí thức, trung lưu và thượng lưu, sẵn sàng chấp nhận, và hoan nghênh mọi sự đổi mới thích hợp với trình độ tiến hoá của họ trên mọi lãnh vực.

Do tình trạng đó, Tuấn đã thấy trong nhiều gia đình An nam, những ông cụ già và những người của tuổi đàn anh, thích đọc văn thơ cổ điển trong những báo chí thủ cựu loại “Trung Bắc Tân Văn” và “Nam Phong Tạp Chí” ở Hà Nội. Tiếng Dân ở Huế; Công Luận, Tin Diễn, Sài Thành nhật báo ở Saigon.

Trái lại, những người tuổi trẻ có thẩm nhuần tư tưởng văn chương Âu Tây lại thích đọc những báo chí tân tiến do lớp trí thức trẻ chủ trương như “Loa, Tiểu Thuyết thứ bảy, Tiểu Thuyết thứ năm, Phong Hóa ở Hà Nội, hoặc “Trong Khuê Phòng, Mai”, ở Saigon.

Những bài thơ mới được phổ biến rộng rãi trong các cơ quan văn nghệ của lớp trẻ, và rất được lớp này nhiệt liệt hoan nghênh. Thơ cổ điển bắt đầu suy sụp dần.

Nhưng thơ mới không có quy luật rõ rệt “Thơ Mới” chỉ là một danh từ tổng quát bao gồm tất cả những thể loại thơ không theo khuôn khổ cổ điển như Thất ngôn bát cú của Đường luật, hoặc Song Thất lục bát, hoặc Ca trù.

Vì vậy, năm 1934 “ Trường thơ Bạch Nga “ xuất hiện đề xướng một quy luật cho thơ mới.

Tìm đến nguyên nhân chính của sự xuất hiện “ Trường Thơ Bạch Nga “, Tuấn đã nhận thấy, như mọi người, một thống kê chung ở thời kỳ Văn chương bắt đầu phát triển mạnh mẽ nhất ở Việt Nam, là hầu hết văn chương “ An nam “ hồi đó đều chịu ảnh hưởng của văn chương Pháp.

Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong là tiên phong của phong trào mới. Mới từ tinh thần đến thể thức. Mới từ tư tưởng đến cách diễn tả tư tưởng. Tất cả những gì rườm rà, luộm thuộm, cổ kính, theo ảnh hưởng Văn chương Trung Hoa đều bị gạt bỏ dần dần, và được thay thế bằng lối viết rõ rệt, có quy cũ, có văn phạm, của văn chương Pháp. Điều đó không ai phủ nhận được.

Cũng như về hình thức bề ngoài, người An nam của thế hệ mới đã cắt bỏ cái búi tóc cổ truyền để thay vào đó một cái “đầu mới cúp carré “, hoặc chải tóc rẽ “ trios quart “, và bỏ chiếc áo dài thay thế bằng bộ y phục tây phương. Văn chương và tư tưởng của lớp người mới cũng bắt đầu từ bỏ mớ tóc dài lê thê và chiếc áo dài luộm thuộm của Văn chương cổ cựu ...đó đã trở thành một thông lệ mới, dĩ nhiên, của thời đại mới. Những câu văn xuôi rườm rà cổ kính của các cụ nhà Nho và những bài thơ nặng nề, đầy cổ tích Tàu, niêm luật khắc khe, đều bị đào thải dần dần theo luật tiến triển tự nhiên của Tư Tưởng và Văn Nghệ.

Trong lúc thơ mới Việt Nam ra đời, thoát được khuôn khổ cũ, nhưng vẫn còn mò mẫm trong các cuộc thí nghiệm của mỗi nhà thơ, thì thơ Bạch Nga xuất hiện với mục đích rõ rệt là tạo cho thơ mới một nguyên tắc cụ thể về hình thức : dung hoà với cú pháp của Thơ Tây, qui chế của thơ Tây, vừa phản ảnh được tinh thần dân tộc Việt Nam để diễn đạt tư tưởng Việt Nam mới. Khác với André Chénier, trong thơ Pháp đầu thế kỷ XIX.

Thơ Bạch Nga chủ trương :

Sur des pensées nouvelles, faisons des vers nouveaux. (Với những ý tưởng mới, hãy làm những câu thơ mới.)

Bài “ Gửi một thi sĩ của nước tôi “ đăng trong tuần báo văn nghệ Hà Nội năm 1936 làm sáng tỏ chủ trương cải cách ấy. Trương Tửu quen lối dùng

chữ táo bạo, đã gọi thơ Bạch Nga là “ Trường thơ Cách Mạng “, có nghĩa là cách mạng hoá thơ cổ điển Việt Nam.

Nói một cách cụ thể hơn, trước ba thể thơ cổ điển Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và sâu đậm của thơ cổ điển Trung Quốc : Đường Luật (bát cú, ngũ ngôn, tứ tuyệt), Song Thất Lục Bát và Ca trù, không kể lục bát được coi như là thuần túy dân tộc, Thơ Mới ra đời năm 1932 chỉ mới là một thí nghiệm sơ khởi chưa có hình thức xác định rõ ràng.

Công chúng đã công nhận thơ mới, nhưng muốn tìm hiểu thơ mới như thế nào, thì các nhà thơ không trả lời được. Những người quen làm thơ Đường, hoặc Song thất lục bát, lục bát, muốn chuyển hướng qua thơ Mới, nhưng còn thắc mắc do dự, vì không biết theo tiêu chuẩn nào.

Một độc giả yêu thơ có viết thư hỏi Lưu Trọng Lư :” Tôi muốn làm một bài thơ mới, nhưng không biết làm cách nào, theo luật nào, xin ông chỉ dùm cho ...” Lưu Trọng Lư trả lời :” Cứ làm bừa đi, rồi thành ra thơ gì cũng được. Đừng giống như thơ cũ, bỏ niêm luật thơ cũ, tức là thơ mới “.

Một thi sĩ mới ra đời, bút hiệu Thao Thao, có xuất bản một tập thơ, nhan đề là “ Trên Bờ Suối “, toàn là thơ 8 chữ, với một bài tựa quả quyết rằng Thơ Mới là thơ 8 chữ. Thao Thao là một nhà thơ có tài, nhưng rất tiếc làng thơ Hà Nội không ai để ý đến, và tập thơ của Thao Thao bị chìm trong im lặng và quên lãng.

Nói tổng quát, thì Thơ Văn Việt Nam từ 1932 đến 1940, được phát triển mạnh mẽ và dưới một hình thức lãng mạn giống như thế kỷ XIX của Pháp trên nhiều phương diện. Các báo văn nghệ thường mở những mục dịch thơ Pháp, đặc biệt những bài thơ của các thi sĩ lãng mạn thế kỷ XIX.

Bài “ Le Lac “ của Lamartine được các giới văn nghệ đua nhau dịch ra thành thơ lục bát, tứ tuyệt liên ngâm, thơ mới v.v...đã đăng khắp các báo Hà Nội, Huế, Saigon.

Một vài thi sĩ, như Xuân Diệu, lấy nguyên cả những câu thơ lãng mạn Pháp, dịch ra Việt Ngữ làm thành thơ của chính mình. Đoàn Phú Tứ dịch hẳn những bản kịch của Jules Renand, Sacha Guitry, Courteline...thành những bản kịch của ông, xuất bản nhan đề "Những bức thư tình “ không hề xuất xứ, không nói dịch của ai cả.

Nhà văn Roland Dorgelès, ở Paris sang du lịch An nam có viết một tác phẩm nhan đề "Sur la route mandarine " (trên đường cái quan). Các giới trí thức Việt Nam thời bấy giờ đều có đọc quyển ấy, mà văn chương rất là lãng mạn, bóng bẩy, hấp dẫn vô cùng. Nơi trang đầu, tác giả có ghi một câu vắn vắn có 5 chữ :

“ Partir, c’est mourir un peu “

Nhà thơ Xuân Diệu chụp ngay câu thơ đó, đổi chữ “đi “ ra chữ “ yêu “, làm thành câu thơ của mình, không có một chút lương tâm lấy dấu ngoặc gói ghém ý nghĩ đẹp kia trả về cho tác giả của nó (đáng lẽ, theo lương tâm văn nghệ, Xuân Diệu phải chép câu thơ với dấu ngoặc như sau đây : Yêu là “chết trong lòng một ít “để chứng tỏ rằng “ c’est mourir un peu “ không phải là của ông.)

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 52

1936 – 37

- Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập ở Paris, có ảnh hưởng xáo trộn đời sống chánh trị của Việt Nam.
- Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, trong vụ án Trần Huy Liệu có hai vợ.
- Nghị sĩ Cộng sản Pháp Maurice Honel qua An Nam đến Hà Nội.
- Vụ Honel mất bốp ở Đạp Cầu trong khi đi thăm những làng bị nạn lụt.
- Vụ đón tiếp Justin Goddart tại ga Hà Nội.

Xét tổng quát trên bình diện lịch sử và xã hội của Dân Tộc Việt nam từ 1932 đến khởi điểm của Đệ Nhị Thế Chiến, tháng 9 năm 1939, nghĩa là trong thời gian bảy năm trước cuộc đại khủng hoảng thế giới, sự tiến triển của Văn Nghệ Việt Nam, đặc biệt là văn chương và âm nhạc, đã ghi những dấu vết sâu đậm nhất của ảnh hưởng Pháp, về thể thức cũng như về tư tưởng.

Nhưng không một lúc nào tinh thần dân tộc bị truất phế trước hiện tượng hăng say tiếp nạp và canh tân ấy. Mặc dầu có những xáo trộn rõ rệt, do những chuyển hướng mới nghiêng hẳn về văn hoá Âu Tây, tính chất căn bản của Nòi Giống, tinh túy thuần thực của Dân Tộc, vẫn không hề thoái vị trước sức quyến rũ mãnh liệt của các phong trào tân văn nghệ.

Trong Thơ Mới, Văn Xuôi mới, Âm nhạc mới (đương thời gọi là Âm nhạc cải cách). Chính vì được thích hợp với tinh thần dân tộc và đáp đúng nhu cầu văn hoá mới của một xã hội đang tiến triển đến cao độ, mà Thơ mới, Văn xuôi mới, và Âm nhạc cải cách, mặc dầu chứa đựng rất nhiều yếu tố ảnh hưởng của nghệ thuật và văn chương Pháp, và sáng tác bởi các lớp thanh niên trí thức Tây học, vẫn được quảng đại quần chúng Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh.

Nhưng phong trào thơ mới chỉ sôi nổi trong thời gian bộc phát từ 1932 đến 1936. Hầu hết những nhà thơ nổi tiếng đều sáng tác thơ mới trong khoảng

thời gian ngắn này. Đầu năm 1936, tình hình chính trị nội bộ bỗng trở nên căng thẳng ở Pháp. Một chính phủ mệnh danh là Front Populaire (Mặt Trận Bình Dân) lên nắm chính quyền, sau các cuộc biểu tình náo động của dân chúng tại Paris ngày 6 tháng 2, 1936.

Dĩ nhiên, năm xứ Đông Dương, thuộc địa Pháp, đặc biệt nhất là ba xứ Việt Nam : Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến cố rất quan trọng kia.

Chính phủ " Mặt Trận Bình Dân " Pháp áp dụng một chính sách rất khoan hồng đối với các thuộc địa. Do đó, phong trào " Mặt Trận Bình Dân " được thành lập hoạt động công khai ở Hà Nội, Saigon và khắp các tỉnh Nam kỳ, Bắc kỳ.

Ở Huế và các tỉnh Trung kỳ, tuy mặt trận bình dân không bị cấm, nhưng Tòa Khâm Sứ Pháp viện cớ Trung kỳ là lãnh thổ riêng của " Hoàng Đế An nam ", nên hạn chế đến mức tối thiểu các hoạt động công khai của các giới nhân dân.

Ở Hà Nội và Saigon, các phong trào tranh đấu chính trị bị kèm hãm từ sau các vụ khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng và nổi loạn của An nam Cộng Sản Đảng, bây giờ được cơ hội bùng dậy, hăng hái và sôi động hơn bao giờ hết.

Phong trào Văn Nghệ tự nhiên bị chìm xuống. Một số các nhà văn có tinh thần cách mạng, gác câu chuyện văn chương ra một bên, đem hết tâm trí, khả năng, vào các cuộc hoạt động chính trị, nửa công khai, nửa bí mật.

Trương Tửu, nhà phê bình Bạch Nga, nhảy qua nhóm Đệ Tứ Quốc Tế. Mộng Sơn, nhà thơ Bạch Nga, gia nhập vào nhóm " Tiến Bộ khuynh tả. Tờ báo Bạch Nga (Le Cygne), một nửa Việt Ngữ, một nửa Pháp Ngữ, củng cố lập trường cách mạng quốc gia, và bớt hoạt động văn nghệ. Chủ nhiệm của nó viết một loạt bài luận thuyết đả kích kịch liệt chính sách thuộc địa Pháp, kêu gọi Việt Nam Độc Lập và đả đảo chế độ Triều đình Huế. Báo Bạch Nga ra được 6 số thì người chủ nhiệm bị truy tố ra tòa án Pháp ở Hà Nội vì tội

"phá rối cuộc trị an ", và xúc phạm đến chủ quyền Pháp ở Đông Dương, bị 6 tháng tù và 2000 quan tiền phạt.

Lan Khai, nhà văn chuyên về tiểu thuyết đường rừng, gia nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng bí mật hoạt động trở lại. Nhà văn Nguyễn Triệu Luật, cũng tham gia vào VNQDD. Nhà văn Khái Hưng lập ra Việt Nam Dân Chính Đảng, chủ trương thân Nhật, nhưng về sau ông nhảy qua VNQDD của Vũ Hồng Khanh. Nhà thơ Lưu Trọng Lư, trong thời Mặt Trận Bình Dân chưa hoạt động gì, nhưng bắt đầu Đệ Nhị Thế Chiến ông theo nhóm Khái Hưng.

Nhà văn Nguyễn Tường Tam cũng không hoạt động trong thời Mặt Trận Bình Dân, nhưng bắt đầu Đệ Nhị Thế Chiến, gia nhập vào Dân Chính Đảng của Khái Hưng, và 1945 theo Khái Hưng qua VNQDD của Vũ Hồng Khanh.

Vũ Đình Duy, một nhà trí thức cách mạng rất hăng hái, chủ trương tờ báo Pháp ngữ “ La Jeune Indochine” xuất bản tại Saigon, bị tù, rồi về Hà Nội ra tờ " Effort Indochinois " trong thời Mặt Trận Bình Dân, đại diện Bắc kỳ cho đảng Việt Nam Phục Quốc do cụ Cường Để làm chủ tịch ở Nhật bốn.

Trên đây kể đại khái các nhà Văn phục vụ lý tưởng Quốc gia Dân tộc trong thời Mặt Trận Bình Dân Pháp. Bên đảng Cộng Sản An nam lúc bấy giờ đã đổi tên là Đông Dương Cộng Sản Đảng, họ cho ra một tờ báo Pháp ngữ, lấy tên là " Le Travail ", tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản Đệ Tam Quốc Tế. Chủ nhiệm và quản lý : Nguyễn Văn Tiến, Trịnh Văn Phú, là hai người giàu từ trước đến giờ không ai biết tên, đứng ra làm bung xung.

Võ Nguyên Giáp là người viết những bài quan trọng nhất, thì lại dấu tên thật, chỉ ký những bút hiệu lạ, và không mấy khi đến toà soạn. Tờ " Le Travail " cũng bị truy tố ra tòa, Nguyễn Văn Tiến và Trịnh Văn Phú bị tù, báo bị đóng cửa.

Võ Nguyên Giáp lúc bấy giờ mới đậu được một chứng chỉ Cử nhân Luật, trường Cao đẳng Đông Dương ở Hà Nội, và dạy môn Sử ký ở tư thực Thăng Long mà hiệu trưởng là Hoàng Minh Giám, hợp tác về tài chánh với Tôn Thất Bình, con rể của Phạm Quỳnh, người của phe Bảo hoàng.

Đảng Cộng sản còn có hai tờ báo khác, một tờ Pháp ngữ " En Avant ", và một tờ Việt ngữ “ Thời Thế “. Ba người đóng vai trò chính trong hai tờ báo này là Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) và Trần Huy

Liệu.

Đặng Xuân Khu lại là tổng thư ký Hội truyền bá Quốc ngữ mà hội trưởng là nhà học giả Nguyễn Văn Tố, phó giám đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Ecole Francaise d Extrême – Orient).

Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, bề ngoài đeo đuổi mục đích “ chống nạn mù chữ ” nhưng bên trong là cơ quan dùng làm phương tiện hoạt động bí mật của Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Trần Huy Liệu lúc trước viết báo ở Saigon, là người cách mạng quốc gia hăng hái nhất. Sau khi bị tù, và bị trục xuất về Bắc, anh gia nhập vào Đảng Cộng Sản, nhưng vẫn còn giữ phong độ của một nhà cách mạng tiểu tư sản, khác hẳn Đặng Xuân Khu, một đệ tử sùng tín nhất của Staline. Trần Huy Liệu là một đồ đệ của Nho giáo thì đúng hơn vì anh còn rất nhiều thành kiến Nho giáo, cho nên anh thường bị nhóm đồng chí của anh phê bình gắt gao.

Tuấn có nhiều dịp chơi thân với Trần Huy Liệu. Tuy không đồng tư tưởng chính trị - Tuấn không bao giờ chấp nhận được lập trường cộng sản, - nhưng Tuấn vẫn giao du với Liệu về phương diện văn nghệ. Trần Huy Liệu, cán bộ cộng sản, trong thành phần chỉ huy cao cấp, lại cũng là một nhà thơ lãng mạn. Điều đó, Tuấn thật không ngờ, Trần Huy Liệu có đưa cho Tuấn xem vài ba chục bài thơ Đường Luật, hoặc Lục Bát của anh (Trần Huy Liệu không làm Thơ Mới), trong đó có những bài xướng họa tình tứ với một nữ hộ sinh đã lớn tuổi, kiêm nữ thi sĩ. Chị này đã săn sóc cho anh rất tận tình trong khi anh bị tù ở Khám Lớn Saigon, và đã lấy anh sau khi anh mãn hạn tù. Vợ lớn chính thức của Trần Huy Liệu là người Bắc, quê mùa, ít học, chỉ lo buôn bán tần tảo nuôi một bầy con rách rưới, vì thời kỳ đó Trần Huy Liệu rất nghèo.

Tuấn được biết rõ bà vợ lớn của anh, do anh giới thiệu. Anh cũng cho Tuấn biết anh bị đảng kiểm thảo gắt gao về vụ hai vợ, và buộc anh phải từ bỏ bà vợ hai. Trần Huy Liệu phải tuân lệnh của đảng, nhưng anh rất buồn và đau khổ. Kể riêng tâm sự cho Tuấn nghe, anh cố giữ thái độ bình tĩnh nhưng không ngăn được hai dòng lệ trào ra trên đôi mắt lèm-nhèm của anh.

Để xử vụ " hai vợ " của Trần Huy Liệu, Trung Ương đảng bộ đảng Cộng

sản Đông Dương họp phiên đặc biệt trên lầu tờ báo "En Avant " của đảng, nơi góc đường Henri d' Orléans và Hàng Vải Thâm (rue des Etoffes prolongée).

Dự phiên tòa đó, có Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu (lúc bấy giờ chưa có biệt hiệu Trường Chinh) và Khuất Duy Tiến. Trước hôm đó Tuấn có gặp Đặng Xuân Khu ở phố Hàng Cót, và bảo :

- Nếu các anh cho tôi tới xem buổi họp với tư cách là đồng nghiệp của các anh, thì tôi sẽ bào chữa cho anh Liệu.

Đặng Xuân Khu cười, bảo Tuấn :

- Anh bào chữa thế nào, nói cho tôi nghe bây giờ được không ?

- Tại sao các anh cấm anh Liệu có hai vợ ? Chính chị Liệu có phàn nàn gì về vụ chồng chị có vợ hai đâu ?

Khu vỗ vai Tuấn, cười :

- Toa mơ mộng lắm ! Toa thích có hai vợ lắm hả ?

- Không phải thế. Nhưng moa thấy các toa ăn hiệp Trần Huy Liệu, tội nghiệp lữ chứ ! Chính moa biết rõ hai người vợ của Trần Huy Liệu, người nào cũng tốt, và tận tụy với lữ lắm, có hại gì cho hạnh phúc gia đình của lữ đâu ? Chuyện cá nhân của lữ, các cậu can thiệp vào làm chi rứa ? Moa phản đối vụ đó. Sáng mai toa cứ cho thằng Tuấn này tới, nó nhất định sẽ bênh vực cho Trần Huy Liệu.

Đặng Xuân Khu lại cười :

- Tuấn ơi, óc của toa còn phong kiến lắm ...Một vợ không được sao, phải hai vợ ? Moa đây chẳng có vợ con gì cả thì cũng có sao đâu !

Rồi Khu cười, nói sang chuyện khác.

Bảy giờ tối hôm đó, Liệu đến tìm Tuấn tại gác trọ của Tuấn ở phố Hàng Cót. Nét mặt buồn rầu, Liệu trao cho Tuấn một quyển " carnet " nhỏ nhưng khá dày, trong đó chép rất nhiều những bài thơ xướng họa giữa Trần Huy Liệu và người yêu đã trở thành vợ hai mà anh vừa bị đảng bắt buộc phải từ bỏ. Ngoài ra còn một ít thơ lãng mạn của anh bằng Quốc Ngữ hoặc Hoa Ngữ, vì Trần Huy Liệu có một căn bản Nho học khá vững. Anh bảo Tuấn :

- Anh xem mấy bài thơ, rồi cất dùm quyển carnet cho tôi.

Tuấn ái ngại nhìn Trần huy Liệu. Anh ta gượng cười nói tiếp :

- Anh cứ cất đi, hay là xé đốt tùy ý.

Tuấn hiểu ngầm rằng, chắc chắn buổi sáng Trần Huy Liệu đã bị các đồng chí của anh kết án nặng, cho nên một quyển thơ bỏ túi, kỷ niệm cuộc tình duyên êm đẹp của anh với Thu Tâm, anh cũng không dám giữ, phải nhờ Tuấn cất hộ “hoặc xé đốt”.

Tuấn định sẽ tìm chị Thu Tâm để trao kỷ niệm ấy cho chị, vì trong lúc xảy ra vụ án, Thu Tâm đã về ở Thái Bình quê của chị. Nhưng Tuấn chưa kịp làm công việc ấy thì sau đó ít lâu, năm 1940, Tuấn bị bỏ tù lần thứ hai, nhà Tuấn bị hiến binh Nhật khám xét và quyển carnet của Trần Huy Liệu cũng bị Nhật lấy luôn.

Mấy tháng sau vụ "án hai vợ" của Trần Huy Liệu, Tuấn làm chủ bút một tờ tuần báo Phụ Nữ. Liệu làm chủ bút tuần báo Thời Thế, một cơ quan của đảng Cộng sản.

Một hôm, Tuấn nhận được thư của chị Thu Tâm gửi mua báo Phụ Nữ, và dặn đề ngoài "bằng" tên và địa chỉ như sau :

Bà Trần Huy Liệu

Làng.....

Huyện

Tỉnh

Tuấn tủm tủm cười, cho gửi báo theo đúng ý muốn của Thu Tâm.

Hai tháng sau, Trần Huy Liệu đến toà soạn Phụ Nữ, vẽ mặt hớt hã, rút trong túi áo ra một "bằng" báo giống hệt cái bằng báo Phụ Nữ có đề tên và địa chỉ như trên, và đã đóng dấu nhà bưu điện.

Anh khẽ hỏi Tuấn :

- Thu Tâm mua báo của anh hả ?

- Ừ, Chị ấy có gửi thư mua năm, nhưng tôi gửi báo biếu.

- Thu Tâm bảo đề tên như trên bằng này hả ?

- Ừ

- Anh bỏ đi nhé ! Đề tên Thu Tâm, đừng đề Madame Trần Huy Liệu nữa.

Tuấn tò mò hỏi :

- Sao anh có cái bằng này ?

Liệu cười không trả lời, nhưng căn dặn hai ba lần :

- Anh nhớ nhé, bảo tùy phái đừng đề “ Madame Trần Huy Liệu “.

- Vâng.

Xong, Trần Huy Liệu nói sang chuyện khác.

Tuấn còn gặng hỏi :

- Các đồng chí trong nhóm Cộng sản của anh có biết vụ này không ?

Liệu trả lời :

- Biết.

Rồi anh bắt tay cáo biệt :

- Thôi, moa về nhà. Cảm ơn toa nhé. Nhớ hộ chút nhé !

- Được rồi.

Câu chuyện rắc rối đó còn tiếp tục với bức thư của chị Thu Tâm hỏi tại sao có sự thay đổi tên trên băng báo. Tuấn phải viết thư phúc đáp như việc đã xảy ra. Sau đó, Thu Tâm bỏ đi Saigon và Tuấn không có tin tức gì của chị nữa.

Maurice Honel, nghị sĩ Cộng sản trong Quốc Hội Pháp, do đảng Cộng sản Pháp phái qua Đông Dương năm 1936 để tiếp xúc với Cộng sản “ An nam “ được nhóm này đón tiếp rất là niềm nở tại tòa báo En Avant.

Một số đông các nhà văn nhà báo theo khuynh hướng quốc gia cách mạng chống lý thuyết cộng sản, cũng rủ nhau đến xem cuộc đón tiếp.

Khi Honel bước vào cửa tòa báo En Avant, cơ quan của nhóm trí thức cộng sản An nam, ông được nhóm này chào mừng hăng hái bằng bài " Quốc Tế Ca " (l' Internationale) bằng tiếng Pháp mà họ la rùm lên hơn là hát. Vì thật ra họ hát lệch lạc hết, không ăn nhịp với nhau, chỉ nghe ồn ào inh ỏi. Duy có Maurice Honel là hát đúng mà thôi. Tuấn không hát bài L' Internationale vì Tuấn không phải là Cộng sản, nhưng có chép bài đó làm tài liệu nghiên cứu về Đệ Tam Quốc Tế.

Lúc bấy giờ thành phố Đắp Cầu đang bị một trận lụt lớn. Muốn lợi dụng cơ hội để tuyên truyền cho Cộng sản, Maurice Honel có trao cho Đắp Xuân Khu một món tiền để mua mấy chục bao gạo và ông đi với một phái đoàn cộng sản An nam đến Đắp Cầu để tặng tiền và gạo cho dân chúng bị lụt. Trong lúc ông trao các tặng phẩm giữa đám đông người, thì không biết một bàn tay bí mật nào thừa cơ hội thuận tiện rút mất cái bóp của nghị sĩ cộng

sản nơi túi quần sau của ông.

Sáng hôm sau các báo Cộng sản Hà Nội đề cập đến vụ mất bóp ấy, đều đồng thanh nói quyết rằng thủ phạm vụ lấy cắp chính là nhân viên Sở Mật Thám Pháp ở Hà Nội len lỏi trong đám đông. Nghe nói trong bóp của Maurice Honel có nhiều giấy tờ bí mật và quan trọng ngoài một số tiền lớn bằng giấy bạc Đông dương, Honel rất quạu về vụ này và hai hôm sau đi xe lửa vô Saigon để đón tàu về Pháp.

Trước Đệ Nhị Thế Chiến, muốn rảnh tay ở phương Đông để tấn công các nước Đông Minh phương Tây, Hitler ký hiệp ước tương trợ và bất xâm phạm với Staline. Sự hợp tác bất ngờ này gây một dư luận vô cùng ngạc nhiên và sôi nổi ở các nước Tây phương. Một số đảng viên Cộng Sản Pháp công phần cũng nổi lên chống kịch kiệt chánh sách của Staline, và rời bỏ đảng cộng sản, làm sôi nổi cả dư luận thế giới.

Hằng ngày Tuấn đọc báo “ Paris- Soir “ của Pháp để theo dõi tình hình căng thẳng ở Âu châu, thấy trong danh sách các nghị sĩ cộng sản Pháp rút tên ra khỏi Đảng có tên của Maurice Honel. Maurice Honel đi rồi, để lại cho dân chúng Hà Nội nhiều câu chuyện bàn tán khá lý thú về thời gian một tuần lễ ông ở Thủ đô Bắc kỳ.

Nhờ tiếp xúc rộng rãi hàng ngày trong các giới trí thức sinh viên, lao động, và làng Văn, làng Báo, Tuấn học hỏi rất nhiều trong các biến cố đặc biệt này. Khó mà biết được những cảm nghĩ xác thực của anh em bên Đảng Cộng sản, vì thường họ tất dè dặt, khôn khéo, không thành thật trong việc phát biểu ý kiến, nhưng Tuấn có thể biết rõ dư luận tổng quát và khách quan của các phần tử khác trong quần chúng nghĩa là của đại đa số nhân dân.

Dư luận chung nổi bật trên hết, là nếp sống trưởng giả của người đại diện Đảng Cộng Sản Pháp. Theo tuyên truyền của các nhóm Cộng sản An nam, quần chúng lao động, sinh viên, trí thức đã có sẵn thành kiến rằng cộng sản tổ chức đấu tranh vô sản, của khối nghèo đói, nên khẩu hiệu chiến đấu của Cộng Sản Quốc Tế là : Prolétaires de tous les pays, unissez-vous ! (hỡi những người vô sản của tất cả các xứ, các anh hãy kết hợp nhau lại). Bài Quốc Tế Ca “ L’Internationale “ của toàn thể cộng sản thế giới cũng bắt đầu

bằng hai câu sôi động.

Trước khi Honel đến Hà Nội, trong giới lao động có khuynh hướng cộng sản ai cũng đoán chừng rằng “đồng chí “ Honel, Nghị sĩ Quốc hội Pháp, sẽ có một nếp sống rất bình dân, ăn ngủ ở các xóm lao động, và sẽ có những hành vi đề cao “ Lao Động Thần Thánh “ theo danh từ của các báo công sản hay dùng.

Người ta chờ đợi những hành vi đó, và nhất là những bài diễn thuyết hùng hồn, những lời kêu gọi nẩy lửa chống chủ nghĩa đế quốc, chống thực dân Pháp, chống bọn tư bản v.v...mà chính phủ thực dân đế quốc sẽ không dám làm gì ông.

Ông là một đảng viên có uy tín của Cộng sản Pháp, đại diện chính thức của Lao Động Pháp thuộc Đế Tam Quốc Tế, đến Hà Nội để công khai đề cao giới Lao Động, bảo vệ dân nghèo, và để chửi vào mặt bọn thực dân Pháp, bọn đế quốc Pháp, tư bản Pháp, bọn phong kiến An nam, và bắt buộc tội phản động đó phải lo đầy đủ “ cơm áo tự do “ cho vô sản An nam (prolétaires Annamites, theo danh từ thông dụng).

Cho nên cái tin Maurice Honel sắp đến Hà Nội đã gây lên một niềm hy vọng lớn lao, trong các giới gọi là vô sản. Honel được coi như là một vị cứu tinh do đảng Cộng sản Pháp phái sang để giúp đỡ vô sản An nam đấu tranh thắng lợi.

Một hôm Tuấn đang ngồi chơi trong tòa soạn báo En Avant với Đặng Xuân Khu và Trần Huy Liệu, có một anh và một chị bước vào, khúm núm, nói với Trần Huy Liệu :

- Thưa anh, đồng chí Hô-nen sắp sang, chúng em sẽ tham gia đón rước như thế nào, xin anh cho biết trước để chúng em lo sắp đặt ạ.

Trần Huy Liệu hỏi :

- Anh ở đoàn thể nào ?

- Thưa anh, em là Tổng thư ký “ Hội Ái hữu công nhân bồi bếp “. Còn đây là chị Tuyết, thủ quỹ đây ạ.

Trần Huy Liệu bảo :

- Chúng tôi cũng chưa biết nhất định hôm nào đồng chí Honel đến. Sự tổ chức đón rước như thế nào, chúng tôi sẽ loan báo sau.

Sau khi hai người này ra về, Đặng Xuân Khu bảo Tuấn :

- Chắc Arnoux không cho phép đón rước long trọng đâu anh ạ. (Arnoux là tên của viên Chánh Mật Thám Pháp Hà Nội lúc bấy giờ).

Quả nhiên, sau đó Honel đến lúc nào ít người biết đến. Một buổi chiều, Trần Huy Liệu ở toà soạn về, ghé qua nhà Tuấn, bảo:

- 9 giờ sáng mai, đồng chí Maurice Honel sẽ đến thăm chúng tôi ở tòa báo. Anh muốn đến nói chuyện chơi thì đến. Tôi sẽ giới thiệu anh nếu anh muốn.

- Ủ, muốn chứ. Các anh cho tôi nói chuyện với ông ấy độ 10, 15 phút nhé. Chắc ông ấy đâu có thì giờ tiếp chuyện lâu nhỉ ?

- Nhất kiến vi kiến, nói chuyện qua loa để làm quen rồi hôm nào rảnh sẽ gặp lâu hơn. Chúng tôi định tổ chức một cuộc gặp gỡ đông đủ anh em làng Báo trong một tiệc trà đãi ông Honel. Chừng đó tha hồ nói chuyện.

Trần Huy Liệu quên cho Tuấn biết Honel đến Hà Nội lúc nào. Ông ở khách sạn sang nhất của người Pháp, hút thuốc thơm Craven A. Một người bạn của Tuấn làm giáo sư tư thực, có kể chuyện lại cho nhiều người nghe rằng được ông Maurice Honel tiếp tại khách sạn Hôtel de la Gare, anh lấy ra gói thuốc Méliá (giá bán 6 xu) mời ông Nghị sĩ Cộng sản 1 điếu, nhưng Honel đỏ mặt, cười gượng :

- Cám ơn ông, tôi không chịu được mùi thuốc bốn xứ (tabac indigène)

Xong Honel lấy gói thuốc thơm Craven A. mời lại ông giáo sư. Đến phiên ông này từ chối với một nụ cười hóm hỉnh :

- Cám ơn đồng chí, tôi không chịu được mùi thuốc đế quốc.

Biết anh chàng An-na-mít muốn chơi xỏ mình, Maurice Honel trả lời :

- Ở Paris, thợ thuyền An-na-mít cũng hút Craven A.

Những mẫu chuyện như trên được kể ra cho người này người nọ nghe, và làm đầu đề bán tán trong các cuộc nhóm họp của sinh viên lao động, trí thức trong thời gian Maurice Honel ở khách sạn và sau khi ông từ giã Hà Nội vào Saigon.

Nhiều anh chị em thợ thuyền đến khách sạn thăm Honel vào những giờ bất thường, như 7 giờ sáng, 1 giờ trưa, vì các giờ khác đồng chí không có ở nhà. Nhưng thường bị Honel từ chối không tiếp trong giờ giấc ngủ trưa, các

bạn tỏ ý bất mãn.

Một buổi sáng chủ nhật, một nhóm 5 anh thợ máy An nam ở một hãng sửa xe hơi của Pháp, đến khách sạn chờ từ 7 giờ sáng. Gặp anh bồi khách sạn, một người bảo :

- Chúng tôi muốn xin yết kiến đồng chí Hô nen.

Anh bồi đáp :

- Ông Honel còn ngủ, 7 giờ 30 ông mới dậy.

Anh em chờ đến 8 giờ. Anh bồi cho biết ông đang thay quần áo, sắp sửa ra đi. Anh em yêu cầu cho đợi ở phòng khách. Trong đám anh em, có một người nói tiếng Pháp thạo hơn, được chọn làm thông ngôn.

8 giờ 15, Maurice từ trên lầu bước xuống tỏ vẻ ngạc nhiên thấy nhiều người ở phòng khách đang chờ ông mà ông không được báo tin trước. Nhưng ông cũng nhã nhặn tiếp. Anh thông ngôn nói :

- Thưa đồng chí ...

Anh nói bằng tiếng Pháp, nhưng hình như “đồng chí “ Honel không hiểu, nên phái đoàn "An nam “ chỉ thấy ông trở mắt ngó anh “ thông ngôn “, không đáp lại một lời nào cả. Sau cùng, Honel bảo :

- Tôi cảm ơn các bạn đến thăm. Nhưng tôi tiếc rằng tôi có “ rendez- vous “ 8 giờ 30.

Vừa lúc đó, có một anh ở tòa báo “ En Avant “ phái đến để đưa Honel đi đến nơi đã hẹn. Phái đoàn thợ máy xe hơi đành phải ra về, và đi thẳng đến tòa báo phàn nàn về sự đồng chí Honel tiếp anh em một cách lạnh nhạt.

Mặc dầu nhân viên tòa báo giảng giải, anh em vẫn không thông cảm. Do đó và do nhiều chuyện khác mà có dư luận rằng đại diện Đảng Cộng Sản Pháp và Mặt Trận Bình Dân ở Paris có thái độ quan liêu lắm, không có gì là “ bình dân “ theo như người ta tưởng.

Bài quốc tế ca “ L’Internationale “ không có bản dịch ra Việt Ngữ (theo lời Trần Huy Liệu thì bản ấy khó dịch ra tiếng Việt theo đúng những nốt nhạc của bản chính tiếng Pháp). Hôm tiệc trà thiết đãi Honel, chỉ có một số ít đảng viên trí thức hát tạm tạm được bài quốc tế ca với Honel mà thôi, còn đám đông đại diện lao động các giới đều đứng làm thỉnh nghe. Có vài ba anh, trong đó có một người mắt lé, miệng to, biết chút ít tiếng Pháp, nhưng

hát bậy bạ, mà lại giọng hát của anh ta ồ ồ làm át cả các tiếng hát khác, thành thử chẳng ai nghe được gì cả. Honel tỏ vẻ khó chịu và quạu quọ, kiêu căng lắm. Suốt buổi tiệc, không khí gượng gạo, giả dối, mặc dầu Đặng Xuân Khu và Võ Nguyên Giáp luôn luôn cười nói để gây ra đôi chút niềm nở thân mật với đồng chí Pháp.

Vụ mất chiếc bóp của Honel hôm ông đi thăm đồng bào bị nạn lụt ở Đập Cầu càng gây thêm cho Nghị sĩ Cộng Sản Pháp một cảm tưởng rất xấu xa về dân tộc Việt Nam.

Mặc dầu Đặng Xuân Khu quả quyết thủ phạm là một tên mật thám, Honel vẫn nghi cho một tên móc túi (pickpocket) trong đám dân chúng, vì Honel được một số đồng đảng viên cộng sản luôn luôn đi kèm bên cạnh để che chở và giữ an ninh cho ông, mật thám không thể đến gần ông được. Vụ mất bóp của Honel gây ra một dư luận xôn xao vô cùng. Chung qui Honel chỉ mất một số bạc. và một ít giấy tờ quan trọng, còn dân tộc Việt Nam thì mất cả danh dự và uy tín. Trong vụ này “đồng chí “ nghị sĩ Pháp không muốn phân biệt đảng viên cộng sản An nam và người An nam. Chắc ông ấy nghĩ như bọn thực dân rằng “ chúng nó là dân ăn cắp “.

Dĩ nhiên có liền sự phản ứng trên vài tờ báo của các phe Cách mạng Quốc Gia. Những bài này thuật lại vụ Honel bị mất bóp, cho rằng, nếu không phải bọn mật thám Tây lấy thì là một “đồng chí gạc-đờ- co “ của ông nghị sĩ Cộng sản, chớ không thể là một người thường dân được, vì thường dân đâu được đến gần vị đại diện chính thức của Đảng Cộng sản Pháp.

Nhưng Maurice Honel chỉ là phái viên của Đảng Cộng sản Pháp, mà Đảng Cộng sản chỉ là một thành phần của chính phủ Mặt trận Bình dân ở Paris. Trái lại, Justin Goddart, thanh tra Lao động, nhân viên chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp, được phái sang kinh lý Đông Dương, mới thật là một nhân viên chính thức có đầy đủ uy tín hơn. Vì thế nhà cầm quyền Pháp ở thuộc địa phải dành cho ông một cuộc tiếp rước trọng thể. Các tổ chức chính trị và lao động của dân chúng cũng được công khai tham gia cuộc đón tiếp ấy. Mục đích viếng thăm của Justin Goddart là thu thập những nguyện vọng của dân chúng thuộc địa, đặc biệt hơn hết là giới bình dân, thợ thuyền, lao động ...Nói đúng ra, về tổ chức chính trị của dân chúng chỉ có Đảng cộng

sản là hoạt động công khai mà thôi, tuy họ vẫn có thành phần hoạt động bí mật. Còn hầu hết các đảng phái quốc gia đều nằm trong bí mật và để bảo vệ hoàn toàn sự bí mật ấy họ không tham gia một phong trào công khai nào cả, dù phong trào có tính chất cách mạng và được chính quyền thuộc địa cho phép.

Ngay đảng cộng sản được cơ hội bành trướng mạnh mẽ nhưng các tổ chức thợ thuyền của họ cũng được che đậy khéo léo dưới hình thức các “ Hội Ái Hữu “ không làm chính trị, với mục đích tương thân tương trợ trong phạm vi nghề nghiệp mà thôi.

Đại khái như các “Ái Hữu thợ đóng giày dép, Ái Hữu thợ máy xe hơi, Ái Hữu thợ giặt ủi, Ái Hữu bồi bếp v.v...Họ tổ chức đúng theo luật lệ hiện hành : một số người cùng nghề ký vào một là đơn xin nhà cầm quyền cho phép lập “ Hội Ái Hữu “ và cam kết tôn trọng luật pháp của “ Nhà Nước “. Nhưng bên trong thì họ hoạt động bí mật theo Cộng Sản, và phần đông là đảng viên cộng sản.

Đám đông người tham gia cuộc đón tiếp Justin Goddart trước nhà Ga xe lửa Hà Nội gồm hầu hết những anh chị em các “ Hội Ái Hữu “ bình dân. Mỗi hội tham gia chừng 20 người, đứng ngay hàng thẳng lối, với một tấm bảng viết bằng sơn đỏ tên của hội bằng Pháp ngữ :

[Amicale des boys et des cuisiniers](#) (Ái Hữu Bồi Bếp). [Amicale des cordonniers](#) (ái hữu thợ giày) v.v...

Và những tầm biểu ngữ như : [Vive le camarade Justin Goddart](#) (hoan hô đồng chí Justin Goddart) [Vive le Front Populaire](#) (Hoan hô Mặt trận bình dân).

Justin Goddart là người của đảng Xã Hội S.F.I.O của Léon Blum, Thủ tướng Nội Các Mặt trận các mặt trận bình dân, chứ không phải người của Đảng Cộng Sản. Nhưng các khẩu hiệu đón tiếp Goddart được căng lên là của cộng sản :

- Cơm áo, Tự Do
- No ấm, Tự Do.
- A bas le colonialisme à la trique (đả đảo thực dân dùi cui !)

“ Thực dân dùi cui “ là chỉ bọn cảnh sát của thực dân hay cầm dùi cui để

đánh đập và giải tán các người biểu tình.

Justin Goddard từ Paris sang Saigon, rồi từ Saigon, đi xe lửa tốc hành ra Hà Nội. Dĩ nhiên, đại diện của chính phủ Léon Blum đi toa đặc biệt trong chuyến tàu suốt (train direct) Saigon - Hà Nội. Nửa giờ trước khi tàu suốt đến ga, Tuấn và vài người bạn với tư cách nhà báo, đến ga để xem. Viên chánh mật thám Arnoux mặc lễ phục và đeo băng tam sắc (xanh – trắng – đỏ, màu cờ Pháp) quấn vòng nơi thắt lưng, đứng giữa sân ga.

Y đeo nơi hông một chiếc súng lục (revolver) đã cũ, và một chiếc dùi cui bằng cao su sơn trắng. Nét mặt của y đầy vẻ hăm dọa. Cuộc tập trung biểu dương lực lượng thợ thuyền và đưa yêu sách đã được cho phép chính thức, nhưng Arnoux vẫn tỏ nét mặt hầm hầm, quyết ra tay đàn áp nếu thợ thuyền biểu tình làm mất trật tự. Y đã bảo trước cho ban tổ chức cộng sản như thế. Tuấn và hai người bạn sinh viên Cao đẳng Đông Dương ra đến trước sân ga, còn đứng xem bên góc trụ đèn đầu đường Gambetta, liền bị Arnoux chạy tới đuổi đi. Y bảo :

- Các anh không có phận sự gì ở đây, cút đi chỗ khác.

Dĩ nhiên y nói tiếng Pháp. Tuấn trả lời :

- Chúng tôi đến xem các ông đón rước ông Justin Goddard.

- Các anh là ai ?

- Chúng tôi là sinh viên trường Cao đẳng Đông Dương, và cũng là nhà báo.

- Nếu thế thì các anh phải đứng vào hàng ngũ theo trật tự.

- Chúng tôi không có hàng ngũ. Chúng tôi chỉ đi xem với tư cách cá nhân.

Xe lửa tốc hành Saigon - Hà Nội sắp tiến vào ga. Tiếng còi của nó vang lên từ ngã tư Khâm Thiên, khiến mọi người xôn xao.

Arnoux vội vàng chạy đến cửa ga, truyền lệnh cho nhân viên của y, độ ba chục người đang chờ nơi đấy, đi tản mác đến các vị trí tập trung của quần chúng thợ thuyền đông đảo, để kiểm soát những hành động của họ lúc Justin Goddard đến.

Vị đại diện của Chính phủ Mặt Trận Bình Dân Pháp là một ông Tây cao lớn, ước độ 60 tuổi, nét mặt nghiêm nghị. Trái với sự mong muốn của đám bình dân sắp hàng ngũ chỉnh tề để đón tiếp và hoan hô ông, vị đại diện của Chính phủ Mặt trận Bình Dân Pháp, ngồi xe hơi của Phủ Toàn Quyền, đi

ngang qua hàng nghìn thợ thuyền, được họ hoan hô nhiệt liệt, mà ông không bảo ngừng xe, không hỏi han một câu, không nghe những nguyện vọng và yêu sách của họ.

Trong số cán bộ Cộng sản điều khiển đám biểu tình đón tiếp, một cô giáo vừa thi đỗ Tú Tài Pháp, tên là Tâm Kính, cộng sự viên của một tờ báo Pháp ngữ. Tuy người không đẹp nhưng căn bản văn hoá rất vững, tinh thần cách mạng rất mạnh, viết và nói tiếng Pháp rất giỏi, tài hùng biện rất cao, cô được các giới bình dân rất kính phục.

Cô được đề cử đại diện cho toàn thể anh chị em lao động để đón chào ông Justin Goddard và đưa các yêu sách “ cơm no áo ấm “. Nhưng Justin Goddard ngồi trong xe hơi, phớt tình đi ngang qua, không chú ý đến cô thiếu nữ 20 tuổi mạnh dạn tiến đến xe ông. Xe của “đồng chí “ chạy thẳng luôn về Phủ Toàn Quyền.

Một luồng gió thất vọng thổi qua đám biểu tình chào mừng vị đại diện của Nội các Mặt trận Bình dân Pháp, không được ông này ngó ngang đến.

Tuần thấy một cảnh tượng mỉa mai làm sao ! Đám biểu tình đã hăng say chuẩn bị từ một tuần lễ trước cuộc đón tiếp đầy hứa hẹn tốt đẹp. Giờ đây, sau khi chiếc xe của Justin Goddard đi qua rồi, dân chúng liền bị giải tán một cách tàn nhẫn, bởi các nhân viên mật thám và lính “ phú lít “ dưới sự điều khiển của Arnoux và mấy viên Cẩm Tây. Những biểu ngữ “ cơm no áo ấm, tự do “ Vive le Front Populaire, “ Hoan hô đồng chí Justin Goddard đều bị gỡ ra lập tức, xếp lại và nhét trong túi quần của các “đồng chí “ lao động An-na-mít.

Sự viếng thăm của Justin Goddard, đại diện Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp, không có một tiếng vang nào khác.

Hôm ông lên tàu hỏa trở vào Nam kỳ do chuyến tốc hành Hà Nội – Saigon, chỉ có nhà cầm quyền thuộc địa ra tiễn ông tại nhà ga mà thôi.

Cuộc nổi dậy của dân chúng và thợ thuyền Paris ngày 6- 2-1936, kết quả lật đổ một chính phủ bất lực của phe tư bản, và đưa lên chính quyền một Chính Phủ Bình Dân do 3 Đảng lớn cầm đầu. Đảng Xã Hội (Sfio, Section Francaise de L' Internationale Ouvriere) chi nhánh Pháp của Quốc Tế Lao Động. Sự thực toàn là những nhân vật tư bản và tiểu tư sản, như kiểu Léon

Blum – Justin Goddart, Marius Moutet, đảng Cộng sản Pháp (PCF, Parti communiste Francaise) dưới quyền điều khiển và kiểm soát của lãnh tụ Nga, Staline, và đảng Xã hội Cấp tiến (Parti Radical Socialiste) của nhóm Edouard Henriot, nghị sĩ và Thị trưởng Lyon.

Ở Việt Nam, sự nắm chính quyền của Mặt trận Bình dân Pháp năm 1936 đã đem lại cho toàn thể dân chúng thuộc địa một niềm hy vọng lớn lao, ngay lúc đầu tiên. Nhưng về thực tế, không có biến cố nào quan trọng ngoài một vài thay đổi về hình thức không có ảnh hưởng mấy may đến đời sống chính trị và kinh tế của dân thuộc địa.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 53

1937

- Đông Dương Đại Hội

- "Nguyễn Văn Jeannin ", Công Sứ Nghệ An.

- Cuộc " tranh đấu " và đả kích giữa hai phái Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc Tế ở Saigon.

- Huỳnh Văn Phương

Sau khi Mặt Trận Bình Dân Pháp lên nắm chính quyền được vài tháng, một số trí thức và báo chí Saigon phát động một phong trào gọi là Hội Nghị Đông Dương tiếng Pháp là Congrès Indochinois.

Theo chủ trương của nhóm tổ chức thì hội nghị sẽ có sự tham gia của tất cả đại diện của các giới dân chúng Nam, Trung, Bắc và Miên, Lào. Mục đích của hội nghị là mở một "Mặt Trận Bình Dân Đông Dương " (Front Populaire Indochinois), để đòi hỏi nhà cầm quyền Pháp ở thuộc địa phải thực hiện những nguyên tắc dân chủ của Mặt Trận Bình Dân Pháp : tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, phóng thích tù nhân chính trị v.v...

Phong trào được một số báo chí cách mạng ở Saigon khởi xướng, cổ xúy tuyên truyền rất mạnh, và cũng được một số báo chí Hà Nội nhiệt liệt hưởng ứng.

Nhưng ngay lúc đầu, nhà cầm quyền thực dân đã dùng đủ các biện pháp để cản trở sự thực hiện Hội nghị ấy. Họ rất khôn khéo, không công khai cấm đoán, không hăm dọa đàn áp, vì họ sợ phản ứng chống đối của dư luận báo chí và chánh giới ở " Mẫu quốc ", danh từ nịnh bợ do bọn quan lại tôi tớ của Quan Thầy Đại Pháp Lang Sa dịch nghĩa những chữ " Métropole ", " Mère Patrie ".

Nhưng họ vận dụng nhiều thủ đoạn vặt để cho tổ chức " Hội Nghị Đông Dương " thất bại, và trên thực tế Hội nghị đã thất bại chua cay. Hội nghị

nhóm tại Hà Nội, nơi câu lạc bộ thể thao của người Pháp, ở trung tâm khu cư xá của người Pháp. Ngay địa điểm này cũng đã là một sự bất ngờ.

Tuấn có tham gia hội nghị nhưng không có trong ban tổ chức. Tuấn dò hỏi một vài anh trong uỷ ban thì được biết rằng những nơi uỷ ban định nhóm họp, Nhà Hát Tây, Khu Hội Chợ, v.v...đều không được phép của viên Chánh mật thám Arnoux. Y viện lẽ rằng Khu Hội Chợ không có bàn ghế, còn Nhà Hát Tây của thành phố thì ông Đốc Lý Hà Nội không cho mượn. Arnoux đề nghị sẽ mượn dùm Câu lạc bộ thể thao Pháp. Không có địa điểm nào khác, uỷ ban đành phải mượn tạm nơi này vậy.

Hội nghị nhóm họp không quá 50 người, toàn là An nam, Miên và Lào không tới dự. Đại biểu Trung kỳ chỉ có vài ba người đi dự hội với tư cách cá nhân. Phái đoàn đại biểu Saigon khá đông với gần 20 người, phần đông là Nhà Báo. Còn bao nhiêu là người Bắc, hoặc người Nam, cư ngụ ở Hà Nội, và hầu hết là giới nhà Văn, nhà Báo.

Đóng vai trò hoạt động hăng hái nhất là các nhà báo có khuynh hướng mặt trận bình dân.

Tuấn và vài người bạn trẻ khác ở Cao đẳng học đường Đông Dương đứng riêng một nhóm thanh niên cách mạng, với danh hiệu “ Antifascistes indépendents (chống phát xít, và độc lập, không đảng phái).

Hội nghị khai mạc lúc 8 giờ tối ngay trên sân tennis ngoài trời, giữa một đám đông nhân viên mật thám Tây và An nam, đứng rải rác chung quanh sân, dò xét điệu bộ của từng người. Ban tổ chức ngồi dãy ghế chủ tịch đoàn. Sau bài diễn văn khai mạc của ban tổ chức trình bày lý do và mục đích của “ Hội Nghị Đông Dương “, lần lượt bước lên diễn đàn những người ghi tên trước. Mỗi người chỉ được phép nói 15 phút. Người đầu tiên là Nguyễn Văn Chất, đảng viên cộng sản, nói con cà con kê không đâu vào đâu cả.

Trong bài đã viết sẵn, có một đoạn nhắc đến tên nhà kịch sĩ trứ danh của Anh Quốc là Shakespeare. Nhưng vì không có học Anh ngữ và thiếu căn bản văn hoá, thay vì đọc “ Sèk-s-pir “đúng theo tiếng Anh, Chất đọc :”Sakêts-pê-a-rơ “, khiến cho một số đông thính giả cười rộ lên. Không hiểu tại sao người ta cười, anh ta cũng bắt chước cười theo.

Diễn giả thứ nhì là Trương Tửu. Tửu nói chớ không đọc và thao thao bất tuyệt. Quá 15 phút, anh còn nói, mặt dầu bị ban tổ chức rung chuông “tốt lại”. Tửu phớt tỉnh, cứ nói mãi, nói mãi, mỗi lúc mỗi hùng hồn. Thính giả càng vỗ tay nhiệt liệt, Trương Tửu càng hăng, cho đến đổi chính ban tổ chức và chủ tịch đoàn cũng bị thu hút, lôi cuốn, chìm đắm trong những đợt sóng hùng biện ào ạt ngập tràn cử tọa. Ba lần chuông rung, ba lần Trương Tửu vẫn không ngừng nói, cho đến khi anh chàng bước xuống diễn đàn, với một nụ cười bướng bỉnh trên môi, thì toàn thể hội nghị vỗ tay như pháo nổ. Trương Tửu đã nói đến 30 phút, không một miếng giấy trong tay, và không lúc nào ra ngoài đề tài mà anh đã tự lựa chọn: “Tự do ngôn luận và tự do tư tưởng”.

Sau Trương Tửu, đến phiên Amédée Clémenti, một người Pháp có đầu óc cách mạng, chống chánh sách thực dân Pháp ở Đông Dương, và chủ nhiệm tờ tuần báo Pháp thân Việt: "L'Argus Indochinois" ở Hà Nội.

Ông nói bằng tiếng Pháp, và rất hăng say góp lời vào bản cáo trạng gay gắt chống chính sách áp chế của chính phủ thuộc địa đối với các dân tộc Đông Dương. Nhiều diễn giả khác, đại diện của Trung kỳ và Nam kỳ, lần lượt lên diễn đàn. Tất cả đều nhằm vào một đề tài, và một mục phiêu: tấn công chế độ chuộc địa hiện hữu trên phương diện chính trị và báo chí. Mỗi diễn giả đều cố gắng vận dụng hết tài miêng lưỡi của mình nhưng vẫn không tránh khỏi lập đi lập lại các khẩu hiệu mà mọi người đều biết. Bữa tiệc đại hùng biện vô cùng hào hứng được chấm dứt vào lúc 11 giờ đêm, bằng một bản yêu sách (desiderata) gửi lên viên Toàn Quyền Pháp ở Hà Nội, đòi hoàn toàn tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do bầu cử v.v...

“Hội Nghị Đông Dương” được một số báo chí tuyên truyền cổ võ khá rầm rộ từ Hà Nội đến Saigon trong gần nửa tháng, được kết thúc sau nhiều buổi hội họp bề ngoài có vẻ long trọng, sôi nổi, nhưng chấm dứt “thành đuôi cá” như một vài bạn trong hội nghị đã nói theo một thành ngữ Pháp: “Le Congrès est terminé en queue de la poisson”.

“Hội Nghị Đông Dương” danh từ vĩ đại, nhưng không có một trụ sở thường trực. Người ta tự hỏi giả sử viên Toàn Quyền Đông Dương, đại diện tối cao của chính phủ Pháp, muốn trả lời các yêu sách của Hội Nghị, thì

phải gửi văn kiện chính thức cho ai, và gửi đến đâu ?

Nhà cầm quyền thuộc địa thì trên các bài diễn văn thường hay phô trương những danh từ thông dụng trong giai đoạn “ Mặt trận Bình dân “, nào là “ công lý “, “ tiến bộ “, nhân quyền v.v...và tuyên bố rầm rộ một chính sách “ bình dân “ hướng về hạnh phúc, và quyền lợi của quảng đại quần chúng, nào là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giới thợ thuyền, nhưng thực tế càng tàn nhẫn, mỉa mai hơn trước.

Một thí dụ điển hình nhất, là viên Công Sứ Pháp chủ tỉnh Nghệ An, tên là Jeannin, người đảng Xã hội Pháp (SFIO). Chương trình vĩ đại và “ nhân đạo “ của đảng này, là bênh vực quyền lợi của dân chúng, giúp đỡ dân chúng thoát khỏi ách bóc lột áp chế của tư bản đế quốc, v.v...

Từ ngày có phong trào Mặt Trận Bình Dân Pháp, ông Jeannin thường tuyên bố với các dân chúng Nghệ An rằng ông thương yêu người An nam cũng như anh em ruột thịt, và coi Nước An nam cũng như Mẫu Quốc của ông vậy, tuy ông là người Pháp trăm phần trăm. Ông lớn tiếng bảo trước hàng ngàn dân chúng tụ họp ở thành phố Vinh, tỉnh lỵ Nghệ An : “ Thưa các bạn, tên của tôi là Nguyễn –văn – Jeannin, và tôi là người An nam trong tim (Annamite de Coeur) cũng như các bạn vậy “.

Dân chúng vỗ tay hoan hô nhiệt liệt, nhất là các “đồng bào “ở giới trí thức khen ngợi vô cùng tấm lòng yêu nước An nam, thương dân An nam của vị Quan cai trị Pháp bình dân, bình đẳng, huynh đệ. Không khí “thế giới đại đồng “ của Kác-Mác, do các “đồng chí “ cộng sản Pháp thổi phồng lên, thành những quả bong bóng bay qua vòm trời “Ấn-độ-chi-na “đầy màu sắc rực rỡ, làm mờ mắt người “ nhà quê anh em “ở Cửu Long Giang và Hồng Hà.

Dĩ nhiên, không bao lâu những quả bong bóng kia xì hơi xẹp lép, và “ thẳng dân An nam “ sau những đêm liên hoan tưng bừng chào đón phong trào “ Mặt trận Bình Dân “ Pháp, lúc tỉnh dậy sờ vào mũi của Ông Tây Nguyễn – văn – Jeannin.

Chung quy, Mặt Trận Bình Dân Pháp không đem lại một cái gì thật mới mẻ cho toàn thể dân chúng An nam. Theo dõi các báo Pháp xuất bản ở Paris, người ta thấy một chuyển hướng rõ rệt trong chính sách đối nội và đối

ngoại của chính phủ Léon Blum (Mặt trận Bình dân). Nhưng ở Đông dương kể cả Nam kỳ là “ nhượng địa Pháp “, nghĩa là một lãnh thổ do vua Tự Đức đã “ nhường “ hẳn lại cho Pháp rồi, chế độ thuộc địa vẫn không được cải thiện gì bao nhiêu.

Bởi vì, chương trình hoạt động của chính phủ Mặt trận Bình dân dựa trên chương trình dung hòa của ba đảng lớn được liên hiệp lại để nắm chính quyền, là đảng Cộng sản, đảng Xã hội, và đảng Xã hội Cấp tiến, đã đi ngược lại chính nguyên tắc thực dân của đế quốc Pháp. Cho nên ở Pháp, ba đảng Tả phái (Parti de gauche) chiếm đa số trong Quốc Hội, đánh bại được thiểu số Hữu phái (Parti de droite) để thực hiện một cuộc thống nhất chính trị, mặc dầu sự liên kết đó chỉ có tính cách giả tạo và lâm thời.

Còn ở thuộc địa nhất là ở Đông Dương, phe đế quốc thực dân vẫn chiếm thế lực mạnh mẽ và bền chặt ở khắp các guồng máy hành chánh thuộc địa. Chính phủ Tam đảng của Pháp lại không có một chính sách cụ thể bãi bỏ truyền thống thực dân. Trái lại, các nhà cầm quyền Đông dương, trong lúc thi hành những chỉ thị mới của Bộ Thuộc Địa, lừa gạt dân chúng An nam bằng những hành động mị dân, giả vờ công lý, bình đẳng, bình quyền, tự trung vẫn mang nặng sắc thái thực dân chủ nghĩa.

Các quan cai trị cũ của Hành Chánh Dân Sự (Administrations des Services Civils) đeo chiêu bài mới của Mặt Trận Bình Dân, tìm cách gây cảm tình với dân chúng mà trước kia họ rẻ rúng khinh khi, như Yves Chatel, Thống sứ Bắc kỳ Grandjean, Khâm sứ Trung kỳ Jeannin, Công sứ Vinh Eckert, Đốc lý thành phố Hà Nội v.v...

Nhưng đồng thời họ để cho bọn tư bản ketch sù ở thuộc địa công khai đả kích và phá hoại đường lối của Mặt Trận Bình Dân, như bọn Henri de La Chevrotière, chủ nhiệm tờ báo La Dépêche ở Saigon, Henri de Monpezat, chủ nhiệm tờ báo La Volonté Indochinois, ở Hà Nội Ernest Outrey, Đại biểu Đông dương tại Quốc Hội Pháp v.v... Bọn này có hậu thuẫn mạnh mẽ vô cùng, trong giới tài phiệt Pháp ở Đông dương cũng như ở Paris.

Xét về đại cuộc trên chính trường thuộc địa, chính phủ Mặt Trận Bình Dân Pháp (le Gouvernement du Front Populaire) không đem lại sự giải phóng dân tộc dù trên một vài phương diện nào, như dân chúng An nam đã nôn

nao hy vọng.

Tuy nhiên, đối với các đảng phái chính trị, chính phủ Mặt Trận Bình Dân đã tỏ ra khoan hồng và cởi mở hơn. Nhất là đảng Cộng sản Đông dương, trong đó có Võ Nguyên Giáp và Đặng Thái Mai, đã nhập đảng từ năm 1930.

Được nhiều cơ hội thân thiện với vài ba lãnh tụ của Đảng Cộng Sản Đông Dương, và vài cơ hội cộng sự với họ trong một vài công tác chung, Tuấn để ý thấy rõ rệt sự thay đổi chiến thuật của cộng sản An nam đối với thực dân Pháp, và đối với các đảng phái cách mạng quốc gia.

Ai đã đọc lịch sử của Đảng Cộng sản Đệ Tam Quốc Tế và riêng các đảng Cộng sản Nga xô, Pháp, Việt Nam, đều biết rằng “Nga xô vĩ đại “ kiểm soát tất cả các đảng cộng sản khắp thế giới, kể cả các đảng cộng sản “ lô can “ ở các xứ thuộc địa của Tây phương.

Nguyễn Ái Quốc, suốt thời kỳ tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lê trong đám thanh niên An nam xuất dương sang Trung quốc, và hoạt động quy tụ lần đầu tiên, cuối năm 1925, một nhóm “ thanh niên cách mạng đồng chí hội “ tại tỉnh Quảng Đông (phôi thai của Đông Dương Cộng Sản Đảng) với sự cộng tác đặc lực và trung kiên của Hồ Tùng Mậu, người đồng chí An nam của ông - cho đến vụ nổi dậy đẫm máu, nhưng thất bại, của nông dân Nghệ An (nhất là Đô Lương), do cộng sản Nghệ An chỉ huy nhân ngày kỷ niệm lễ Lao động quốc tế 1.5.1930 - suốt thời kỳ 5 năm đầu tiên ấy của lịch sử đảng Cộng sản An nam, Nguyễn Ái Quốc vẫn chịu mệnh lệnh trực tiếp của Moscou (Nga xô), chứ không phải của đảng cộng sản Pháp, mặc dù Annam là thuộc địa của Pháp.

Do sự thất bại của “ Xô Viết Nghệ An “ 1930-1931, và kế tiếp, sự thất bại của cộng sản Quảng Ngãi cũng trong thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc liền bị Staline triệu về Moscou và bị ông này đưa đi Sibérie trong 9 năm, 1932 – 1941.

Mùa xuân năm 1941, giữa Đệ Nhị Thế Chiến, bỗng nhiên Nguyễn Ái Quốc được Staline gọi về Moscou cùng một lúc với Nguyễn Khánh Toàn, lúc bấy giờ là giáo sư Việt ngữ tại Đại học đường Moscou được đảng cộng sản Nga xô cho qua Trung quốc hoạt động dưới mệnh lệnh của Mao Trạch Đông.

Tại đây, Nguyễn Ái Quốc lại đổi tên là Hồ Chí Minh và được giao phó nhiệm vụ tổ chức lại đảng cộng sản Việt Nam dưới quyền kiểm soát của Trung cộng (lúc bấy giờ còn ở Yennan (Diên An)).

Ngày 1.10.1949, Mao Trạch Đông hoàn toàn thắng lợi chiếm hết lãnh thổ Trung hoa và tuyên bố thành lập Nhân Dân Cộng Hòa Trung Quốc, thì lập tức tướng Trung cộng Lo Kwei Po được Mao phái qua Việt-Bắc làm cố vấn chính trị và quân sự cho Hồ Chí Minh.

Sau Hiệp định Genève 20.7.1954, chính phủ Hà Nội vẫn còn theo đường lối chính trị của Trung Cộng và Nga xô. Đến khi hai cường quốc lãnh tụ của cộng sản thế giới bắt đầu bất hòa với nhau, và dần dần trở nên thù địch nhau, thì đảng cộng sản Nhật và chính phủ cộng sản Bắc Hàn theo hãn Trung quốc, rời bỏ Nga xô. Chỉ có Hồ Chí Minh, vì nhu cầu chiến tranh, vẫn không tránh được sự trực thuộc vào Trung cộng, đồng thời cố hết sức vận động duy trì sự bảo trợ tinh thần của Nga xô, viện trợ kinh tế và quân nhu (phi cơ Mig và súng đạn) của Nga cũng như các cố vấn Nga xô và Trung cộng.

Trở lại năm 1936-37, dưới thời Mặt trận Bình dân Pháp, vì Nguyễn Ái Quốc bị Nga xô đưa qua Sibérie, không còn ai là lãnh tụ đảng cộng sản An nam, nên Staline ra lệnh cho đảng cộng sản Pháp mà lãnh tụ là Maurice Thorez phải trực tiếp lãnh đạo Cộng sản An nam. Đảng Cộng sản Pháp phái Maurice Honel qua “ kinh lý “ An nam năm 1936 và tiếp xúc với Cộng sản An nam, chính là để xác nhận trên thực tế sự trực thuộc của đảng cộng sản An nam vào hệ thống lãnh đạo của đảng cộng sản Pháp, theo mệnh lệnh của Nga xô.

Năm 1941, Pháp đã bị quân đội Đức quốc xâm chiếm, Nga xô lo chiến tranh phòng thủ đất nước, Staline mới gọi Nguyễn Ái Quốc ở Sibérie trở về Moscou, và lập tức ngày hôm sau, Nguyễn Ái Quốc được lệnh lên chuyến xe lửa xuyên Tây Bá Lợi Á qua Diên An, tổng hành dinh của Mao Trạch Đông.

Vì sự thay đổi đột ngột quyền lãnh đạo do Nga xô trao cho đảng cộng sản Pháp, dưới thời Mặt Trận Bình dân (1936-1937), mà Pháp lại là một nước thực dân đang đô hộ “ xứ An nam “ nên đảng cộng sản An nam phải theo

mệnh lệnh của đảng cộng sản Pháp mà thay đổi cả chiến lược đấu tranh để hợp với hoàn cảnh lịch sử mới.

Lúc chưa nắm được chính quyền, và hã y còn là một đảng đối lập, thì Maurice Thorez, chủ tịch Đảng cộng sản Pháp và các đồng chí của ông ở Hạ Nghị Viện, Thượng Nghị Viện, trên các cơ quan báo chí của đảng, không nhớ kêu gọi “ giải phóng các dân tộc bị nô lệ dưới chính sách dã man của bè lũ thực dân tư bản Pháp “.

Nhưng khi Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền, trong đó thành phần cộng sản Pháp chiếm đa số, và Maurice Thorez được làm phó Thủ tướng chính phủ, thì đảng cộng sản Pháp không nhắc lại những khẩu hiệu đấu tranh kia nữa ! Các dân tộc thuộc địa chờ mãi chẳng thấy “ giải phóng “đâu cả !

Trái lại, khẩu hiệu đấu tranh chống thực dân Pháp do cộng sản Đệ Tam Quốc Tế vẫn thường nêu ra, bây giờ được đổi lại theo chiến thuật mới như sau :

“ **Cương quyết chống bọn cá mập tư bản da trắng và da vàng bóc lột quần chúng vô sản** “

Những khẩu hiệu :” **Chống đế quốc thực dân Pháp**” trên các cơ quan báo chí cộng sản, và trong các cuộc biểu tình đấu tranh của Lao Động, đều bị xoá bỏ và không được nhắc lại.

Đồng thời ở Saigon, cộng sản Đệ Tứ Quốc tế ở Pháp mới về, quyết tranh đấu chống lại cộng sản Đệ Tam mà Đệ Tứ cho là nô lệ của Nga xô, và tay sai của thực dân tư bản, không còn thực tâm bênh vực giai cấp vô sản An nam. (Lúc bấy giờ đến cả cộng sản cũng dùng danh từ “ An nam “đã quen miệng).

Nhóm cộng sản Đệ Tam lại cũng kết án nhóm cộng sản Đệ Tứ là tay sai của đế quốc, phản bội giai cấp cần lao và vô sản thế giới.

Các giới thợ thuyền Saigon lại thích Đệ Tứ hơn Đệ Tam không phải vì lập trường đấu tranh của Đệ Tứ hợp với quyền lợi của họ hơn, nhưng chỉ vì mấy anh lãnh tụ Đệ Tứ “ nói hay “, nói giỏi “, quyến rũ được các giới bình dân, lao động hơn mấy anh bên Đệ Tam.

Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, là những lãnh tụ Đệ Tứ

Quốc Tế An nam lúc bấy giờ, là những thần tượng thân yêu nhất của một số quần chúng vô sản An nam.

Bên Đệ Tam Quốc Tế cũng có nhiều tay cừ, trong số đáng kể nhất có Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, nhưng Mai và Tạo không duyên dáng, hoạt bát, cởi mở, bằng Tạ Thu Thâu chẳng hạn, cho nên không lôi kéo quần chúng mấy.

Lỗi tuyên truyền của Cộng Sản Đệ Tam (theo mệnh lệnh của Staline) cứng rắn quá, câu nệ quá, cố chấp quá, trong lúc miệng lưỡi của Cộng Sản Đệ Tứ (theo tổ chức mới của Trotsky) thật là khôn ngoan, hoạt bát và lý luận mềm dẻo. Lý thuyết "trotskysme" do các anh hấp thụ được ở Pháp, đem nhập cảng về Saigon, được đem ra mổ xẻ, với tất cả tài hùng biện uyển chuyển, thích hợp với tâm lý dễ dãi và vui vẻ của quần chúng lao động Nam kỳ. Do đó, phe cộng sản Đệ Tứ gặt được nhiều thắng lợi hơn phe cộng sản Đệ Tam.

Một lý do khác, cũng không kém thực tế, khiến cho cộng sản Đệ Tam mất nhiều uy tín đối với quần chúng lao động cũng như trí thức (nói theo danh từ mới của cộng sản : lao động chân tay và lao động trí óc), là sự nắm chánh quyền của Mặt Trận Bình dân Pháp trong đó cộng sản Đệ Tam chiếm ưu thế.

Cộng sản Đệ Tứ không tham gia nên được dịp lớn tiếng đả kích Đệ Tam lúc đứng về phe đối lập thì đòi “ giải phóng các dân tộc bị áp bức “ nay đã lên nắm chánh quyền lại chủ trương nô lệ hóa các dân tộc bị áp bức “ duy trì các thuộc địa, không đá động đến vấn đề giải phóng nữa. Đệ Tứ khôn khéo vịn vào điểm đó để mạt sát Đệ Tam là “ lừa gạt giai cấp vô sản bị trị “, “ bắt tay với đế quốc chủ nghĩa “ để được hưởng quyền lợi, và tiếp tục chính sách thực dân, đàn áp nông dân và thợ thuyền.

Dĩ nhiên, các lãnh tụ Đệ Tam Quốc Tế ở Đông Dương, nói riêng ở ba “ xứ An nam “, hành động theo mệnh lệnh của “ Nga xô vĩ đại “ (dưới quyền độc tài của Staline), không thể nào bào chữa cho trôi chảy chính sách mâu thuẫn của Đảng đối với dân thuộc địa.

Nhóm Đệ Tứ (cơ quan tranh đấu ở Saigon là báo La Lutte, ở đường Lagrandière, Gia Long hiện nay) tiếp tục đả kích Đệ Tam chung quanh

quan điểm trên và tố cáo Mặt Trận Bình dân Pháp là tay sai của thực dân, đế quốc.

Suốt thời gian tranh đấu, hai phe cộng sản, bên nào cũng tự xưng là theo đúng lập trường Mác-Lê (Marxisme-Léninisme). Nhưng trừ các phần tử đã gia nhập vào Đệ Tam, còn đa số thợ thuyền lao động đều theo nhóm Đệ Tứ. Uy tín của Tạ Thu Thâu nổi dậy như cồn.

Trái với Saigon, Hà Nội không có Đệ Tứ Quốc Tế. Thấy vậy, nhân kỳ Hội Nghị Đông Dương, nhóm Đệ Tứ ở Saigon phái một cán bộ nòng cốt ra hoạt động ở Hà Nội. Tên anh này là Huỳnh Văn Phương, tự xưng là sinh viên cao đẳng Luật khoa, nhưng chỉ là “ amateur libre “, thính giả tự do.

Bắt đầu, Huỳnh Văn Phương hợp tác với nhóm Đệ Tam của Võ Nguyên Giáp, làm báo Le Travail, bằng Pháp ngữ. Chỉ một thời gian ngắn, Le Travail bị đình bản. Nhóm Võ Nguyên Giáp ra riêng một tờ báo khác, Le Rassemblement.

Lần này Huỳnh Văn Phương bị bỏ rơi. Tuấn có quen biết Huỳnh Văn Phương trong vài cuộc gặp gỡ về báo chí và các cuộc vận động tranh đấu chống phát xít. Tuấn thấy rằng trong lúc Hà Nội và các tỉnh Bắc kỳ chưa có một người nào của Đệ Tứ Quốc Tế mà Tạ Thu Thâu phái ra một cán bộ như Huỳnh Văn Phương để chơi lại nhóm Đệ Tam, là một điều hơi hên, sơ sót rất quan trọng.

Huỳnh Văn Phương thiếu rất nhiều đức tính của một thuyết lý gia và một chiến sĩ Đệ Tứ Quốc Tế, về tài hùng biện, về học thuyết Các-Mác, Lênin, Staline, Trostky. Anh ta thua xa Đặng Xuân Khu, lý thuyết gia của nhóm Đệ Tam, Hà Nội. Người ta gọi Khu là “ théoricien rouge “ lý thuyết gia đỏ. Về lập luận, Huỳnh Văn Phương kém Võ Nguyên Giáp. Tuấn nghĩ rằng nếu Tạ Thu Thâu ra Hà Nội hoạt động một thời gian, có lẽ Thâu sẽ gây được một phong trào Trotskysme khá mạnh, đủ sức đương đầu với nhóm Đệ Tam. Tạ Thu Thâu lại gửi Huỳnh Văn Phương ra Bắc, một tên “ em út “ chưa có kinh nghiệm tranh đấu, không thể nào xây dựng một cơ sở cho phong trào.

Huỳnh Văn Phương còn trẻ tuổi, rất hăng say, nhưng anh ta không đủ tư

cách và thiếu phương tiện. Anh ta không tạo ra được một tiếng vang nào đáng kể. Một thời gian sau, anh bị chìm trong quên lãng.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 54

1937

- Vụ cô gái Nam kỳ 15 tuổi đi xe máy từ Saigon ra Hà Nội.
- Phong trào phụ nữ đi xe máy mới bắt đầu.
- Một cuộc diễn thuyết ở Huế và Saigon làm xôn xao dư luận của các giới phụ nữ đi xe máy.
- Tại sao Cộng sản An nam và Tư bản Pháp ủng hộ phong trào phụ nữ đi xe máy.

Suốt thời kỳ Mặt Trận Bình Dân, một số tù nhân chính trị được trả tự do. Tù nhân cộng sản cũng được ân xá. Đảng Cộng sản Đông dương khai thác ngay tình hình mới. Tất cả đảng viên ở các lao tù mới ra đều được lệnh trở lại hoạt động ngay. Họ lập các tiểu tổ khắp nơi, và số đảng viên mới lên đến 10.000 người, chưa kể những người có cảm tình với họ, nhưng không vào đảng. Khuất Duy Tiến (thời kỳ Việt Minh nắm chính quyền, anh ta làm Đốc lý thành phố Hải Phòng), Trần Đình Trì (thời Việt Minh làm uỷ viên thanh niên ở Uỷ Ban Kháng Chiến Trung Bộ, Huế), Đào Duy Kỳ (em ruột Đào Duy Anh), đều ở Côn Lôn về dịp này, cả ba người được giao phó làm một tờ báo Việt ngữ, ở đường Henri d' Orléans, tờ “ Tin Tức “.

Công việc đầu tiên của tờ báo này là nhiệt liệt ủng hộ cuộc đi xe máy từ Saigon ra Hà Nội của một cô gái bình dân ở Saigon, mới 15 tuổi, tên là Hồ thị L.

Vụ này gây ra nhiều dư luận xôn xao, từ Nam chí Bắc.

Thật ra, phong trào phụ nữ đi xe máy ở Nam kỳ đã cũ rồi, cũ cũng như chiếc xe “ máy đầm “ lần đầu tiên đã xuất hiện tại Saigon, từ năm 1928 lận. Nhưng năm 1936 – 1937 dưới thời Mặt Trận Bình Dân Pháp, phong trào phụ nữ đi xe máy bỗng dưng vùng dậy ồn ào ở Saigon là do một nguyên nhân không có liên quan gì đến món phụ nữ thể dục hoặc đến đời sống của phụ nữ bình dân.

Từ khi có Mặt Trận Bình Dân, đảng Cộng Sản Đông Dương chủ trương xúc tiến mạnh phong trào thanh niên thể dục, với mục đích ngầm là đào tạo một lớp cán bộ cường tráng sẵn sàng hoạt động trong những công tác hăng hái mạnh bạo. Do đó, phong trào thanh thiếu niên thể dục được phát động ồn ào trong toàn xứ.

Một số nhà buôn lớn của Pháp-Việt-Hoa liên lợi dụng thời cơ, cũng như họ luôn luôn lợi dụng bất cứ một biến cố nào để đầu cơ, hốt bạc.

Hưởng ứng sốt sắng nhất phong trào thể dục mới bùng dậy, một số nhà nhập cảng xe máy và phụ tùng xe máy của người Pháp, cả người An nam ở Saigon, liền tổ chức một cuộc “đua xe máy phụ nữ “ do một nhà tư bản An nam, chủ nhiệm nhật báo Điện Tín ở đường Catinat đứng ra làm trung gian, hô hào cổ xúy, với nhiều giải thưởng lớn.

Tờ Điện Tín là ấn bản quốc ngữ của tờ nhật báo Pháp “ La Dépêche “ của tên thực dân khét tiếng De Lachevrotière.

Tổ chức cuộc đua xe máy phụ nữ, bọn con buôn này không có mục đích nào khác hơn là tạo ra phong trào phụ nữ đi xe máy được bành trướng sâu rộng, để chúng bán được thật nhiều xe máy và đồ phụ tùng xe máy do chúng nhập cảng của Pháp. Đó là món lợi rất lớn về thương mại. Nên nhớ rằng thời kỳ 1936 -1937, chỉ một số phụ nữ trung lưu sử dụng chiếc xe “ máy đầm “ mà thôi. Xe máy đầm là một “mốt mới“ lại đắt tiền. Một số phụ nữ bình dân, lao động thì đi xe máy đàn ông, rẽ tiền hơn, nhưng cũng hãy còn ít lắm. Chính bọn con buôn tổ chức cuộc đua xe máy phụ nữ muốn nhằm vào thành phần lao động trong giới phụ nữ bình dân.

Ở Trung kỳ và Bắc kỳ, phụ nữ bình dân cũng như trung lưu, thượng lưu rất ít đi xe máy. Riêng giới phụ nữ bình dân Hà Nội, nghèo hơn phụ nữ bình dân Nam kỳ, họ có những phương tiện khác mỗi khi cần xê dịch đó đây mà không tốn kém bao nhiêu. Ở Hà Nội, họ đi “tàu điện “ (tramway) từ Bưởi xuống Bồ Hồ, hoặc từ Bồ Hồ lên chợ Đồng Xuân, chỉ trả vài ba xu. Ở nhiều thành phố, trong các gia đình lao động, người chồng đi làm việc bằng xe máy thường đèo thêm người vợ trên “ bọt-ba-ga” (porte-bagage).

Biết rõ những hoàn cảnh đó, các nhà buôn nhập cảng xe máy cố động một cuộc đi xe máy phụ nữ từ Saigon ra Hà Nội, theo đường thuộc địa số 1

(route coloniale No 1), xuyên qua các tỉnh Trung kỳ.

Các đại lý bán xe máy ở các tỉnh đều được chỉ thị đứng ra tổ chức cuộc đón tiếp cực kỳ long trọng cô “ Nữ anh hùng xe máy “ – danh từ do các nhà buôn xe máy phổ biến trong dịp này, - là cô Hồ thị L. một cô gái bình dân Saigon 15 tuổi, nước da ngăm ngăm đen như cô gái Cao Miên, nhan sắc rất tầm thường, và gầy ốm, không có vẻ thể thao nào cả. Trình độ học thức cũng không có gì.

Giới tư bản xe máy đã thuê cô làm công việc “đi xe máy từ Saigon ra Hà Nội “, có tính cách dối trá, bịp bợm, mà chỉ nhằm mục đích cổ động cho mòn hàng của họ mà thôi.

Đồng thời, các báo cộng sản trong Nam, ngoài Bắc, theo chiến thuật của Đảng, cũng đề cao “ nữ anh hùng xe máy Hồ thị L.“ là cốt ý đề cao phụ nữ bình dân, lao động, theo chủ trương “ lao động thần thánh “.

Thành thử, cộng sản và tư bản không hẹn mà gặp nhau trên lập trường khuyến khích phụ nữ đi xe máy, và cả hai đều hăng hái cổ động, hô hào toàn thể đồng bào tham gia cuộc đón tiếp “ nữ anh hùng xe máy Hồ thị L. “ tại những địa phương mà cô ấy đi qua, từ Saigon ra Hà Nội.

Dĩ nhiên nhà cầm quyền Pháp ở ba kỳ cũng sẵn sàng khuyến khích tham gia phong trào, trên phương diện “ thể thao phụ nữ “, hòa hợp với chiến thuật của đảng cộng sản, và quyền lợi tư bản của bọn nhà buôn lớn mà bọn cộng sản gọi là “ cá mập da trắng và da vàng “.

Các nhật báo của bọn tư bản ở Hà Nội và Saigon, được cho tiền để đóng trống đóng chuông cho phong trào được lan rộng khắp xứ. Báo chí cộng sản cũng nhận được mệnh lệnh hô hào cổ xúy cho cuộc tổ chức được thành công.

Tờ báo cộng sản của nhóm Trần Đình Tri, Đào Duy Kỳ, Khuất Duy Tiến phát cờ tiên phong trong việc đón rước “ nữ anh hùng xe máy “.

Cô bé Nam kỳ Hồ thị L. tưởng mình thật sự là bà Trưng, bà Triệu của môn “ xe máy đầm An nam “ trong lúc cô lãnh được số tiền mấy trăm đồng của các nhà nhập cảng xe máy ở Saigon thuê cô đóng vai trò “ liệt nữ “ ấy.

Về thực tế, cô bé Hồ thị L. có “đi xe máy từ Saigon ra Hà Nội “, và được đón rước từng bừng náo nhiệt, nhưng cuộc đi đó là cả một thủ đoạn bỉ ổi

lừa bịp dư luận. Tuy họ rêu rao rằng cô là một thiếu nữ tình nguyện đi xe máy Saigon-Hà Nội (xe máy ĐUA chứ không phải xe máy đầm) và cả một phái đoàn đại diện ban tổ chức đi xe hơi theo sát cô để kiểm soát hành trình của cô, nhưng chính phái đoàn ấy đã âm mưu để cho cô đi xe máy trên những khoảng đường vài chục cây số ngang qua các thành phố mà thôi. Còn toàn thể các đoạn đường trường nguy hiểm trèo đèo vượt núi, và băng qua các cách đồng bát ngát bao la từ Nam chí Bắc, thì cô bé được đi xe hơi của Phái Đoàn.

Gần đến Hà Nội, các báo công sản và tư bản ở thủ đô Bắc kỳ hô hào rất đông thanh niên nam nữ đi xe máy đến Văn Điển, một cứ điểm ở ngoại ô Hà Nội, để đón rước “ anh hùng xe máy “ Hồ thị L.

Dĩ nhiên là ra khỏi thành phố Nam Định 10 cây số, cô ả lên xe hơi của phái đoàn tổ chức cho đến còn cách Văn Điển 10 cây số thì cô lên xe máy. Từ đó, phái đoàn thanh niên xe máy Hà Nội tháp tùng cô về đến thủ đô, còn cách không bao xa.

Biết rõ mảnh lối gian trá và lừa gạt dư luận một cách rất trắng trợn, của cuộc đi xe máy Saigon-Hà Nội của cô Hồ thị L. và thủ đoạn con buôn của các hãng nhập cảng xe máy ở Saigon, của nhóm cộng sản Đông dương, Tuấn là người đầu tiên và gần như duy nhất đã viết báo kịch liệt phản đối vụ đi xe máy của cô L. và phong trào phụ nữ đua xe máy do bọn con buôn ở Saigon tổ chức, với nhật báo Điện Tín.

Trên một tờ báo Phụ nữ ở Hà Nội, Tuấn viết một bài dài ngỏ ý không nên khuyến khích một cô bé 15 tuổi đi xe máy (lại là loại xe đua của đàn ông) trên một con đường dài hơn 1700 kí lô mét, đầy núi đèo hiểm trở. Ngay như bên nam giới, từ trước tới giờ có ai dám tổ chức một cuộc đi xe máy trên quốc lộ số 1 từ Saigon ra Hà Nội, qua những đèo cao và nguy hiểm nổi tiếng ở Miền Trung như Đèo Cả, đèo Cù Mông, đèo Đại Lãnh, đèo Rù Rì, đèo Hải Vân v.v... Tuấn phản đối việc người ta lợi dụng danh từ phụ nữ thể dục, và xử dụng tấm thân gầy ốm và mảnh khảnh của một cô gái nghèo 15 tuổi để đạt những mục tiêu thương mại, hoặc chính trị, đảng phái.

Nhưng, lý luận của Tuấn vẫn bị các bọn người vô lương tâm kia đả kích kịch liệt. Chính Trần Huy Liệu, bạn của Tuấn, cũng khuyên Tuấn đừng

chống lại phong trào phong trào phụ nữ đua xe máy, và đừng phê bình vụ "nữ anh hùng xe máy" Hồ thị L.

Nhân một cuộc đi Huế để thăm cụ Phan Bội Châu và đi Saigon để tiếp xúc với một vài bạn đồng chí cách mạng quốc gia bị các nhóm cộng sản đê tam và đê tứ lấn át, trở thành hoàn toàn thụ động, Tuấn được một nhóm anh em mời diễn thuyết tại Hội quán Quảng Trị Huế, tại câu lạc bộ Qui Nhơn và tại hội quán S.A.M.I.P.I.C Saigon, về đề tài

“Phụ Nữ “. Ba cuộc diễn thuyết này đã gây ra những luồng dư luận sôi nổi suốt một tháng ở ba nơi đô thị ấy.

Với tư cách là chủ bút một tuần báo Phụ Nữ, một tờ báo được nhiều cảm tình của các giới văn nghệ và thanh niên phụ nữ, Tuấn phản đối cuộc đua xe máy phụ nữ đang được cổ động ở Saigon, và cuộc đua xe máy của một cô gái 15 tuổi từ Saigon ra Hà Nội, cả hai cuộc đều do một nhóm nhà buôn xe máy Pháp và An nam ở Saigon tổ chức.

Buổi diễn thuyết ở Huế do một ông tên là Đào Đăng Vỹ, Hội trưởng hội Quảng Trị chủ tọa, ông này hình như đã quen biết Tuấn từ lúc ông còn học trường Luật tại Hà Nội, và cũng là ký giả, trợ bút như Tuấn, trong tờ báo Pháp ngữ “ La Patrie Annamite “ của Tôn Thất Bình, rể Phạm Quỳnh.

Cuộc diễn thuyết bắt đầu 8 giờ tối thứ bảy. Thính giả đông nghẹt, ngồi chật ních trong cử tọa lần đầu tiên có bà Đạm Phương đến dự. Bà là một nữ sĩ danh tiếng nhất của Đế Đô, một nữ học giả đã đứng tuổi giỏi cả Hán văn và Quốc văn, tác giả vài quyển sách có giá trị. Bà viết trong tạp chí Nam Phong và đăng thơ trong báo Tiếng Dân, ký tên là Đạm Phương nữ-sử. Lúc bấy giờ bà là Hội trưởng “ Nữ công học hội “ Huế.

Đa số thính giả phụ nữ, gồm những nữ lưu trí thức ở Thần Kinh, là những phần tử tân tiến, không tán thành ý kiến của Tuấn về vấn đề phụ nữ đua xe máy. Họ cho rằng con gái đua xe máy như thế mới là tiến bộ.

Giữa lúc câu chuyện của Tuấn đang hăng say, (Tuấn ứng khẩu chứ không viết sẵn bài diễn thuyết) một vài thiếu nữ đứng dậy phản đối ý kiến của Tuấn. Tuấn bình tĩnh yêu cầu cho chàng nói hết xong rồi ai muốn chắt vấn đề chàng sẽ xin trả lời. Nhưng hai cô yêu cầu Tuấn trả lời ngay. Ông chủ tọa Đào Đăng Vỹ phải can thiệp :

- Xin lỗi các cô, đây là Hội Quảng Trị mời diễn giả đến nói chuyện. Nếu các cô không đồng quan điểm với diễn giả, thì xin hôm khác sẽ tổ chức một buổi hội thảo chống lại (une conference contradictoire). Hôm nay xin đừng ngắt lời diễn giả.

Buổi diễn thuyết của Tuấn kéo dài hơn một tiếng đồng hồ được cử tọa vỗ tay nhiều lần. Sau đó, nhiều người bạn cho biết một số các cô ở Hội Nữ công Huế có ý định tổ chức một buổi diễn thuyết chống lại ý kiến của Tuấn riêng về vấn đề phụ nữ đua xe máy. Tuấn chờ mãi ba hôm không thấy gì. Sau nghe các bạn nói lại rằng, bà Đạm Phương, Hội trưởng nữ công không tán thành việc hội đứng ra tổ chức một buổi diễn thuyết chống lại.

Dư luận đế đô Huế rất xôn xao sau cuộc nói chuyện của Tuấn. Bài tường thuật trong báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng đã phản ảnh dư luận ấy. Suốt tháng trời sau khi Tuấn đã đi rồi, dân chúng Thần Kinh còn bàn tán sôi nổi chung quanh câu chuyện “ phụ nữ Huế có nên hay không nên tổ chức những cuộc đua xe máy như ở Saigon ? “.

Dĩ nhiên là có hai phe chống đối nhau.

Buổi diễn thuyết của Tuấn tại hội quán S.A.M.I.P.I.C. Saigon, lại càng gây dư luận xôn xao hơn nữa, điều đó thật Tuấn không ngờ.

Tuấn không hiểu tên hội bằng tiếng Pháp viết tắt S.A.M.I.P.I.C nghĩa là gì, vì danh từ dài quá, gồm đến 7 chữ, Tuấn có hỏi nhiều người bạn ở Saigon, không ai trả lời suông sẻ. Nhưng ai cũng biết rằng đó là một hội văn hoá của những nhà thượng lưu trí thức Annam ở Nam kỳ, tôn chỉ và các mục phiêu hoạt động đều giống như hội Quảng Trị ở Huế và hội A.F.I.M.A (Khai Trí Tiến Đức) Hà Nội (Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites). Hội trưởng lúc bấy giờ tên là Nguyễn Khắc Nương, giám đốc nhà in Nguyễn Khắc, một nghiệp chủ có danh tiếng ở Nam kỳ.

Tuấn vô Saigon, trọ tại tư thực Victor Hugo, đường hẻm Farinolle, nơi đây có người bạn thân của Tuấn ở Trung kỳ vô dạy học tên là Trần Quốc Bửu.

Buổi diễn thuyết ở SAMIPIC đã do Tuấn ấn định trước bằng điện tín, đúng 9 giờ tối thứ bảy trong tuần. Ông hội trưởng cũng đã đánh giầy thép cho Tuấn lúc bấy giờ còn ở Huế, để xác nhận ngày giờ nói trên. Diễn giả sẽ

được nói tự do, theo chế độ tự do ngôn luận dưới thời Pháp lúc đó, ở Nam kỳ cũng như ở Huế và Hà Nội, không bị bắt buộc phải soạn bài đưa kiểm duyệt trước.

Vì bận ghé Quảng Ngãi, Qui Nhơn, nên Tuấn đến Saigon hơi trễ, chỉ 12 tiếng đồng hồ trước giờ đã ấn định và do hội trưởng SAMIPIC đã thông báo cha các nhật báo Saigon.

Xuống ga xe lửa Saigon lúc 7 giờ sáng, Tuấn gọi một chiếc xe “ kéo “ chạy đến trường Victor Hugo ở cuối dãy nhà đường Farinolle, bên hông vườn “ Bờ Rô “. Người kéo xe đòi 1 tiền xu (Xe kéo là loại xe cyclo đạp hiện nay, nhưng gọng dài, và do một người kéo, gọi là “ cu li xe “. Xe kéo tiếng Pháp gọi là “ pousse – pousse “)

1 xu là 5 đồng tiền điều, 1 tiền xu là 10 đồng tiền điều, tức là 2 xu. Tiền điều là đơn vị tiền tệ nhỏ nhất còn thông dụng trong giới bình dân Nam kỳ lúc bấy giờ. Nhưng dần dần người ta không xài nó nữa, cho đến năm 1939 – 40 thì nó biến hẳn trên thị trường Saigon. Đồng tiền điều là 1 đồng tiền bằng kẽm, bề kính hai phân rưỡi, giữa đục thủng thành hình vuông mỗi bề 6 ly, chung quanh khắc niên hiệu các vị vua An nam, thông dụng nhất là tiền Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định. Bốn chữ Hán khắc chung quanh lỗ vuông như sau đây :

Minh Mạng thông bửu

hoặc

Tự Đức thông bửu

Đồng Khánh thông bửu, v.v...

Tuấn rất ngạc nhiên là năm 1937 kinh đô Saigon của Pháp vẫn còn dùng đồng tiền điều của Vua An nam là loại tiền mà Tuấn chỉ thấy lưu hành riêng ở Trung kỳ mà thôi. Giá trị của nó là : 1 đồng tiền điều bằng 5 đồng bạc 1970.

Vừa đến nơi, Trần Quốc Bửu mừng rỡ nắm tay Tuấn và chỉ cho Tuấn xem một tin ngắn đăng trong báo Công Luận nơi trang nhất, báo cáo cho công chúng biết 9 giờ tối hôm đó “ông Trần Tuấn, chủ bút báo Phụ nữ Hà Nội, sẽ diễn thuyết tại hội quán SAMIPIC. đại lộ Galléni, Saigon về đề tài “ Phụ Nữ Hà Nội - Huế - Saigon“.

Bửu hỏi Tuấn :

- Anh đã soạn sẵn bài diễn thuyết rồi chứ ? Dài không ?

Tuấn bảo :

- Tôi chỉ ghi đại khái trên miếng giấy nhỏ những điểm cần phải nói mà thôi.

Bửu la hoảng lên :

- Ối chớ chớ không được đâu. Tối nay người ta đi nghe đông lắm, anh phải viết sẵn bài để đọc, chứ anh nói lính quỳnh lạc đề, họ sẽ bỏ về hết thì nguy lắm đạ ! Ở Saigon không phải như ở Huế hay Qui Nhơn đâu.

Bửu lập tức dắt Tuấn lên một phòng riêng trên gác, đưa cho Tuấn một xấp giấy và bút mực, bảo Tuấn phải viết lẹ, để Bửu nhờ người đánh máy cho rõ ràng.

Vừa ngay lúc đó, có một người đi xe hơi đến đưa Tuấn phong thư của ông Bút Trà, chủ nhiệm nhật báo “ Sài thành “, hỏi xin Tuấn một bản sao bài diễn thuyết để thợ sắp trước, và lên khuôn cho kịp 10 giờ tối báo phát hành ở Saigon để có ngay bài diễn thuyết của Tuấn đọc lúc 9 giờ.

Tuấn rút được một bài học quý giá về nghề làm báo thông tin ở Saigon : sốt sắng, nhanh chóng, hoạt động lanh lợi, và biết khai thác kịp thời bất cứ một diễn biến nào mới xảy ra để cố gắng hiển những “ tin tức sốt dẻo “ cho đọc giả. Chứ không phải làm báo phong lưu, bề bộn, trường giả, như các ông nhà báo ở Hà Nội. Tuấn chưa biết trả lời cách nào thì Trần Quốc Bửu nhanh miệng hứa ầu với người nhà báo Sài thành :

- Còn đang đánh máy. Độ 5 giờ chiều ông trở lại.

- Dạ, 5 giờ có chắc không ông ?

- Chắc mà !

Người nhà báo của ông Bút Trà vừa ra khỏi cửa thì Bửu nắm tay đẩy Tuấn vào phòng riêng, vừa cười bảo :

- Anh thấy chưa ? Nhà báo cũng tưởng anh đã có sẵn bài diễn thuyết trong túi áo, nên chưa chi họ đã đến xin trước một bản sao. Tôi còn sợ vài nhà báo khác chốc nữa sẽ đến hỏi.

Quả nhiên 1 giờ chiều, báo Công Luận cũng đến hỏi bài diễn văn. Lần thứ nhất diễn thuyết ở Saigon, tại một hội quán rộng lớn, trước một số thính giả mà Trần Quốc Bửu đoán biết là “ sẽ đông nhất đối với các cuộc diễn thuyết

ở SAMIPIC từ trước đến nay “, Tuấn bắt đầu lo ngại, và theo lời khuyên bảo sốt sắng của người bạn ở Saigon lâu năm, Tuấn đi viết bài ...

Trong căn phòng đóng kín cửa, Tuấn viết gần 59 trang giấy cho kịp 5 giờ chiều trao cho hai tờ báo Công Luận và Sài Thành.

Tuấn nghèo, từ Hà Nội vào chỉ mang theo “ nhất bộ “ đồ Tây mà Tuấn có. Trần Quốc Bửu thấy áo quần Tây của Tuấn chật và cũ quá, đã vàng úa lại đứt hết nút, bảo Tuấn phải thay đồ khác.

- Tôi chỉ có một đồ tây này thôi, Tuấn bảo.

Bửu chạy đi mượn một bộ âu phục bằng tussor của một giáo sư bạn của anh, đem về bảo Tuấn mặc thử. Cái nơ của Tuấn đeo cũng phai màu, Bửu đi mượn về cho Tuấn một cravate mới :

- Tôi diễn thuyết ở Huế và Qui Nhơn. Theo tôi biết, thì hội SAMIPIC có gửi giấy mời rất nhiều nhà trí thức nam nữ ở Saigon đến dự thính cuộc diễn thuyết của anh. Anh phải ăn mặc đàng hoàng không chơi lối “ bohémien” như ở Hà Nội hay Huế được.

Tuấn cười :

- Ở Huế, họ mời quan cách cho. Mà tôi có nghe ai phê bình y phục của tôi đâu.

- Họ không phê bình trước mặt anh, nhưng làm sao tránh khỏi bị họ chỉ trích sau lưng ?

- Dù sao, họ biết mình là nhà văn nghèo, họ cũng tha thứ.

- Anh còn ngây thơ quá, Trần Quốc Bửu lắc đầu cười.

Trần Quốc Bửu nhất định bắt Tuấn phải mặc bộ đồ tussor mà anh đã đi mượn về, và đeo cravate xanh có chấm trắng. Giày của Tuấn mới há miệng sơ sơ, Bửu cũng lấy một đôi giày của anh bảo Tuấn mang “Đôi giày kia để mang đi dạo phố chơi “.

9 giờ diễn thuyết, 9 giờ kém 20 Tuấn với Bửu cùng đi. Tuấn không muốn đến sớm quá, vì sợ ông hội trưởng sẽ giới thiệu mình với người này người nọ, điều mà Tuấn không thích, Tuấn bảo với Bửu.

- Anh đưa tôi đến SAMIPIC làm sao vừa đúng 9 giờ. Và tôi nói trước để anh biết, hễ diễn thuyết xong là tôi chuẩn lập tức. Dù bị ai kéo níu, tôi cũng không ở lại thêm một phút nào. Tôi sẽ ra về sớm hơn bất cứ thính giả nào.

- Tại sao vậy ? Bửu ngạc nhiên hỏi.
- Tại vì tôi không muốn ai trông thấy mặt mũi diễn giả sau khi cuộc diễn thuyết chấm dứt. Chuẩn ra khỏi cổng, là tôi nhảy lên xe kéo chạy thẳng về nhà. Tôi sẽ chờ anh ở trường, nghen ! Tôi nói trước để anh đừng tìm kiếm tôi, mất công nhé.
- Nếu buổi diễn thuyết thành công, được thính giả vỗ tay nhiều lần, thì anh phải ở nán lại 5, 10 phút theo phép lịch sự để tiếp xúc với những người khen tặng anh và muốn làm quen với anh chứ.
- Vỗ tay hay không vỗ tay, khi tôi nói hết rồi là tôi trốn.
- Anh nói vậy, chứ ông hội trường sẽ giữ anh lại, để ...
- Tôi sẽ trốn luôn ông hội trường.

Bửu lấy 1 tiền xu mua hai vé tại ga xe điện Cuniac (Xe điện : tramway. Loại xe chuyển động bằng hơi điện và chạy trên đường rầy. Chỉ Saigon và Hà Nội có. Hà Nội gọi là tàu điện. Phải mua vé trước tại ga.

Ga xe điện Cuniac, hiện nay là bến xe buýt trước Bồn Binh và chợ Bến thành) đến ga Pétrus-Ký. Hội quán SAMIPIC là một ngôi nhà đồ sộ ở xế ga Pétrus-Ký, đại lộ Galliéni, nay là Trần Hưng Đạo. Hội sở SAMIPIC năm 1955 đã bị trưng dụng làm Tổng hành dinh quân đội Việt Nam Cộng Hòa, sau là Tổng hành dinh quân lực Đồng Minh.

Lên xe điện đông quá, Tuấn và Bửu phải chen lấn. Trần Quốc Bửu khẽ nói thầm bên tai Tuấn :

- Tôi để ý hầu hết đám đông người đều mua vé đi ga Pétrus-Ký. Chắc họ sẽ là thính giả của anh đó.

Xuống ga Pétrus-Ký, đi bộ chừng 50 thước đến trước cổng một biệt thự đồ sộ hai tầng, ngự tọa trên một nền cao, mặt tiền trông rất oai nghi. Trước là một sân rộng đưa lên cửa chính bằng hai con đường dốc, bên hữu và bên tả, chạy sau một lan can hình bán nguyệt.

Đứng trước cổng nhìn lên tầng hai, Tuấn thấy đèn điện sáng trưng trong phòng (có lẽ là phòng diễn thuyết) và lô nhô người đứng đông nghẹt che kín hết các cửa sổ mở rộng. Mặt tiền tầng hai được kết hoa lá, thêm vẻ long trọng bất ngờ.

Trần Quốc Bửu nhe hai hàm răng cười :

- Đông quá anh ơi ! Thất bại thì thôi ...độn thổ đa !

Tuấn bây giờ mới cảm thấy hồi hộp, lo ngại thật sự. Hai người đi lên cửa, bước đủng đỉnh sau một đám đông đến dự thính, đàn ông, đàn bà, con gái, con trai, tất cả y phụ chỉnh tề. Mấy bà mấy cô thì nước hoa thơm ngát, nụ cười tươi nở trên các khuôn mặt phấn son lộng lẫy, nhan sắc diễm kiều.

Ông hội trưởng Nguyễn Khắc Nương đã đứng chờ ở cửa. Vừa trông thấy Tuấn, ông nắm tay kéo vào phòng khách kế cận. Với giọng nói miền Nam, chân thành cảm động, ông khẽ bảo :

- Tôi thấy 9 giờ rồi mà ông bạn chưa tới, tôi lo quá. Chờ ơi, bữa nay thính giả sao mà đông nghẹt, không còn chỗ, họ phải đứng chật ních hết chung quanh. Có nhiều quan khách. Phía nữ lưu cũng thiệt là đông. Ông bạn gắng nói cho hay, chớ lần đầu tiên ở SAMIPIC chưa có diễn thuyết nào thính giả tới lung như vậy ! Ông muốn tôi giới thiệu cách sao ? Bữa Nguyễn Tiến Lãng diễn thuyết, ít nhau hè.

- Tùy ông hội trưởng, giới thiệu sao cũng được.

- Không được. Ông cho tôi biết qua loa tiểu sử của ông để tôi nhớ. Tôi biết ít lắm.

- Ông giới thiệu sao cũng được.

- Tôi nói như vậy được không ?

Ông kể Tuấn là tác giả quyển truyện bằng Pháp văn ...và các quyển văn thơ, trợ bút các tờ báo Pháp ngữ, Việt ngữ ...và hiện là chủ bút tờ tuần báo Phụ Nữ văn chương xã hội, v.v...và v.v...

- Đúng không ông ?

- Dạ đúng.

- Thôi, mời ông dờ, chớ để cử tọa chờ lâu quá ...9 giờ 15 phút, trễ lắm rồi đó.

Tuấn bẽn lẽn, và khiêm tốn theo sau ông hội trưởng. Tuấn vừa bước vào phòng, đã nghe một tràng sấm vỗ tay trong nửa phút đồng hồ. Tuấn khẽ cuối đầu chào đáp lễ.

Mặc dầu điềm tĩnh thế mấy chẳng nữa, cũng khó mà giữ nổi hồi hộp lo ngại, trước một cử tọa vài ba ngàn người, người đứng chật ních cả một giảng đường rộng lớn. Với không khí long trọng, hoa lá trang trí mặt tiền,

đèn sáng trưng trong phòng diễn thuyết, thêm vào những khuôn mặt bệ vệ của quan khách, nhất là phái nữ lưu tân tiến, ngòai san sát ở mấy dãy ghế danh dự phía trước, đối diện ngay Tuấn.

Diễn giả mới 24 tuổi, ở tận ngoài Hà Nội xa lắc xa lơ vừa tới Saigon lúc 7 giờ sáng coi bộ áy náy, bẽn lẽn, lần đầu tiên tiếp xúc với cả Saigon trí thức văn nghệ, thanh niên, công tư chức, nghiệp chủ. Trong số chắc chắn có những “ công tử Bạc Liêu “ mà tiếng tăm bay tận đến cả Trung kỳ và Bắc kỳ.

Hình như tên tuổi của Tuấn trên các sách và báo của Tuấn đã xuất bản, và đề tài diễn thuyết “ Phụ Nữ Hà Nội, Huế, Saigon “ đã lôi cuốn những đám đông người đến đây, vì theo lời Trần Quốc Bửu, và cả ông hội trưởng Nguyễn Khắc Nương, thì từ trước đến giờ ở Saigon chưa có cuộc diễn thuyết nào hấp dẫn được số thính giả đông đảo như thế.

Ông hội trưởng đã đứng tuổi, người nhỏ, thấp, phải cố nói thật lớn những lời giới thiệu :

- Ông Trần Tuấn là tác giả những quyển sách có giá trị như...

Đến đây ông luống cuống thế nào bèn quay sang hỏi Tuấn, để cầu cứu :

- Những quyển gì ? Tự nhiên tôi quên mất ...

Tuấn mỉm cười đáp :

- Tôi cũng không nhớ.

Thính giả cười rồ lên dậy cả phòng. Ông hội trưởng nhanh trí, nói tiếp :

- ... Ông là tác giả những quyển sách có giá trị mà quý ông, quý bà, quý cô ở đây đều biết, khỏi cần tôi giới thiệu

Tuấn phớt tỉnh, nhìn những nụ cười khoan hồng nở trên môi những người ngòai nghe ông hội trưởng khả ái của hội SAMIPIC.

Xong mấy câu giới thiệu khá dài, khá lâu, ông nhường lời cho diễn giả.

Lúc bấy giờ chưa có microphone (máy vi âm). Trên bàn diễn giả có một bình hoa (5 cành sen trắng nở thơm phức), một carafe bằng thủy tinh đựng đầy nước lã trong veo, và một cái ly lớn. Tuấn bắt đầu nói nhỏ quá, vì run sợ.

Một người đứng tít ở cửa sổ cuối phòng, lên tiếng :

- Xin nói lớn, ở xa không nghe được gì hết.

Bỗng nhiên bật lên một ánh sáng magnesium sáng rực của một nhiếp ảnh viên nhứt báo, chói ngay vào mắt diễn giả. Tuấn phải im lặng một phút để giữ vững tinh thần, rồi cố lấy giọng nói thật to cho vừa với thính giác của mọi người.

Micro mới xuất hiện ở Việt Nam trong các hội trường của chính phủ từ năm 1948.

Trước đó, thật đáng thương hại cho những kẻ phải nói trước một công chúng đông đảo và thương hại cả cho công chúng ấy. Diễn giả, hoặc thuyết trình viên, phải vận dụng hết gân cốt để nói thật lớn, thật to, thì mọi người mới nghe được, nhất là cử tọa quá đông và giảng đường quá rộng. Công chúng phải chịu khó lắng nghe và hết sức chăm chú mới nghe được trọn vẹn.

Thường xảy ra trường hợp một thính giả số mũi, nổi cơn ho sù sụ, là toàn thể cử tọa bắt buộc nghe tiếng ho có khi dài hàng tràng, thường làm cho diễn giả bị cụt hứng luôn.

Tuấn đã được dự nhiều buổi diễn thuyết ở Hà Nội của các bậc trí thức An nam và Pháp. Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhiệm Trung Bắc Tân Văn, diễn thuyết về Truyện Kiều ở Hội Quán Hội Trí Tri, phố hàng Quạt. Giọng nói tự nhiên của nhà văn to con ấy đã ồ ồ rồi, Tuấn đứng với một đám đông ở ngoài sân hội quán cũng nghe rõ từng tiếng.

Trái lại, Phạm Quỳnh, chủ nhiệm tạp chí Nam Phong, diễn thuyết tại giảng đường (amphitheatre) trường Cao đẳng Đông dương, phố Bobillot, về “ Le paysan tonkinois à travers le parler populaire “. Giọng của ông nhỏ nhẹ, ra vẻ nhà triết học nho gia. Tuấn ngồi trong đám sinh viên Cao đẳng, hết sức lắng tai để nghe mà câu được câu mất, thật bức mình. Những đứa bạn của Tuấn ngồi cùng một dãy ghế cũng bị tình trạng chung ấy.

Giáo sư Bernard, thạc sĩ văn chương. Viện trưởng Cao đẳng Học đường, diễn thuyết về nhà văn Emile Zola. Ông la hét, gào, thiếu điều bẽ bực trần của giảng đường, sinh viên và quan khách nghe đã ! Cử tọa vỗ tay đôm đốp không biết bao nhiêu lần.

Trái lại, ông De Lagarde, giám đốc nhà Bưu điện Bắc kỳ, diễn thuyết về “ La Caodaisme “ tại cinéma Majestic, đại lộ Đồng Khánh, Tuấn tìm chỗ

ngồi gần các dãy ghế đầu để được nghe rõ, nhưng vẫn không nghe được gì hết, vì diễn giả nói nhỏ quá, không cố gắng đáp đúng thính giác của cử tọa. Đây là đại khái những cuộc diễn thuyết thích thú mà Tuấn đã đi nghe ở Hà Nội lúc bấy giờ chưa có micro.

Lần này được dịp nói chuyện với công chúng trí thức ở Saigon tại hội quán SAMIPIC, Tuấn rút kinh nghiệm của các tiền bối, và cố gắng lấy hết gân cốt để nói thật to.

Thế mà sau khi diễn thuyết, về nhà Trần Quốc Bửu còn chê là “ anh nói hơi nhỏ nhiều người không nghe rõ “. Thành thật mà nói, hôm ấy Tuấn đã bắt buộc hòng làm việc quá sức, những gân cổ của Tuấn đã căng thẳng hết mức để cho câu chuyện “ Phụ nữ Hà Nội, Huế, Saigon “được trôi chảy êm xuôi vào lỗ tai của các người đẹp xứ Đồng Nai. ”

Buổi nói chuyện được hoàn toàn mỹ mãn. Thính giả vỗ tay rất nhiều lần. Tuấn tùm tùm cười thấy nét mặt của mọi người đều vui tươi khoan khoái. Tuấn kết luận :

- “ Thừa quý bà, quý cô, quý ông, trước khi từ giã quý vị, tôi xin gửi một lời cảm tạ chân thành đến mỗi người trong quý vị. Tôi xin thú thật, lúc khởi sự nói chuyện, tôi đã lo ...

mất trang 316-317...

-Tôi đã nói trước với anh rằng nói xong là tôi trốn mà.

Bửu cho biết trong dãy ghế danh dự dành cho phụ nữ, có hai chị em Lê thị Ẩn, và đông đủ các bà Giáo, cô Giáo. Ngày hôm sau, dân chúng Saigon, Chợ lớn bàn tán không ngớt về bài diễn thuyết của Trần Tuấn phản đối cuộc đua xe máy phụ nữ do báo Điện Tín tổ chức. Để tránh cuộc bút chiến vô ích với các báo cộng sản và cuộc va chạm nặng nề cũng không ích gì với bọn nhập cảng xe máy ở Saigon, trong bài diễn thuyết Tuấn không đá động gì đến những động cơ chính trị và thương mại đã thúc đẩy các báo của phe tư bản tổ chức cuộc đua vụ lợi kia, và các báo Đệ Tam quốc tế hăng hái cổ vũ cho cuộc đua. Tuấn chỉ nói đến những tai hại của một cuộc đua xe máy đối với sức khoẻ của phụ nữ. Nhất là Tuấn phản đối cuộc đi xe máy của cô gái 15 tuổi, Hồ thị L., thân hình ốm yếu, trên đường thuộc địa nguy hiểm từ Saigon ra Hà Nội dài 17000 cây số.

Thực ra chỉ có báo Điện Tín của ông Lê trung C. mà chủ bút là ông Bùi Thế Mỹ, là viết nhiều bài gay gắt đả kích Tuấn, đại khái bài “ chó sủa mặc chó, đoàn lạc đà cứ đi “ trong đó Tuấn bị chửi rủa rất nặng nề. Báo Điện Tín vẫn tiếp tục hô hào giới phụ nữ tham gia đông đảo cuộc thi đua do báo ấy tổ chức từ một tháng trước.

Ngoài ra, các báo khác như “ Sài thành “, Đuốc Nhà Nam, Công Luận, Tân Tiến, kể cả các nhật báo Pháp, L’Opinion, La Dépêche, Le Populaire, v.v... đều giữ thái độ khách quan với đôi phần cảm tình xã giao đối với Tuấn, không hấn binh vực chủ trương của Tuấn, nhưng không ủng hộ lập trường của báo Điện Tín.

Trái lại, các báo ấy thường đăng những mục và tranh khôi hài để chế riếu báo Điện Tín và ban tổ chức chung quanh cuộc thi đua xe máy phụ nữ. Một vài ý kiến của độc giả các báo thấy rõ mục đích vụ lợi của ban tổ chức, đã công khai tán thành lập trường của Tuấn.

Báo Điện Tín liên tục mỗi ngày công kích Tuấn, và để dành một phần lớn nơi trang nhất để cổ động cuộc thi đua xe máy với rất nhiều giải thưởng lớn. Cuộc đua sẽ khởi hành sáng chủ nhật tuần tới, tại trước nhà Thờ Đức Bà. Tuấn không trả lời một bài nào, nhưng kết quả cuộc bút chiến đờn phương vô cùng ác liệt của báo Điện Tín, là đến ngày khởi hành đoàn thi đua xe máy phụ nữ, trên hai mươi cô hầu hết là nữ sinh đã bỏ cuộc trong số 63 cô đã ghi tên tham gia. Các bạn ở trường Victor Hugo, nơi trọ của Tuấn, có đi xem về thuật lại cho Tuấn nghe rằng công chúng đến coi khá đông, và đến phút chót, khi khởi hành lại có 6 cô bỏ cuộc do sự khuyên can của bạn bè.

Một hội Ái hữu các nhà báo Nam kỳ (AJAC – Amicale des Journalistes Annamites de Cochinchine), mà hội trưởng tên là Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm báo Đuốc nhà Nam có tổ chức một buổi tiệc thân mật để đãi Tuấn với tư cách là các báo Saigon đối với một đồng nghiệp Hà Nội vào thăm thủ đô Nam kỳ.

Giấy mời có nói rõ là sẽ dùng rượu khai vị (apéritif) tại hội quán AJAC nơi góc đường La Grandière (bây giờ là Gia Long), và Aviateur Garros (Thủ Khoa Huân). Sau apéritif sẽ dùng cơm tại nhà hàng Mékong, đường

Espagne (Lê thánh Tôn).

Nhà hàng này hiện giờ là một tiệm vàng. Tuấn vui mừng nhưng hơi ngỡ được gặp đông đủ các đồng nghiệp Saigon, và được ông hội trưởng giới thiệu từng người.

Trong số đó Tuấn có chú ý nhiều nhất đến các bạn Trần Văn Thạch (chủ bút báo La Lutte), cộng sản đệ tứ, Tạ Thu Thâu (cộng sản đệ tứ), Phan Văn Hùm (đệ tứ), Lê Trung Cang (Điện Tín), cô Anna Lê Trung Cang (con gái ông chủ nhiệm báo Điện Tín), và Lê Văn Thử (La Lutte), Thúc Tề (Công Luận), Jean Baptiste Đồng (Sài thành), v.v...

Báo cộng sản Đệ Tam không dự buổi tiệc. Đang chuyện trò vui vẻ thì ông Lê Trung Cang đưa vào một thiếu nữ độ 15 tuổi, người mảnh khảnh, yếu ớt, nước da ngăm ngăm đen như người Cao Miên và mặc áo sơ mi, quần short (kiểu quần tây cụt trên, đầu gối tóc frisés. Tất cả các nhà báo đều ngạc nhiên trong lúc ông Lê Trung Cang giới thiệu cô ấy với Tuấn :

- Đây là cô em Hồ thị L.

Rồi ông cười to nói to hơn, có vẻ đặc chí :

- Cô sẽ là nữ anh hùng xe máy An nam ...Tôi mong rằng nữ anh hùng Hồ thị L. sẽ được bạn đồng nghiệp Trần Tuấn đón tiếp niềm nở tại Hà Nội cũng như bữa nay tôi được hân hạnh tiếp bạn đồng nghiệp tại hội quán AJAC vậy đó.

Một nhà báo la lớn :

- Ê, xin đính chính đa ! Bữa nay là hội AJAC của các nhà báo Nam kỳ đón tiếp bạn đồng nghiệp Trần Tuấn, chứ không phải riêng của cha nội đa !

Tuấn nhã nhận bắt tay cô bé Hồ thị L. với một nụ cười xã giao, Trần Văn Thạch ngồi cạnh Tuấn, chỉ một ghế trống mời cô L. ngồi. Cô ngồi xong nói ngay với Tuấn, bằng một giọng ngây thơ :

- Mặc dầu ông công kích cái sự em đi xe máy ra Hà Nội, em cũng quyết định đi ra ngoài, để gây phong trào phụ nữ thể thao.

Tuấn nhã nhận nghe và hỏi :

- Cô ốm yếu quá mà đi xe máy trên một đoạn đường dài trên 17000 cây số, trải qua bao nhiêu núi đèo hiểm trở, tôi phục lòng can đảm của cô.

- Em sẽ vượt qua hết, nhờ sự khuyến khích của papa Cang.

- Tui chúc cô thành công.

Apéritif kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Không khí rất thân mật vui vẻ giữa các bạn đồng nghiệp. Xong, kéo nhau qua nhà hàng Mékong.

Ông chủ nhiệm báo Điện Tín có nhã ý biểu cô “ nữ anh hùng xe máy An nam “đi với Tuấn, và đến nhà hàng, cô cũng ngồi bên cạnh Tuấn để “ tenir-compagnie “ theo dụng ý gì riêng của ông Lê Trung Cang, Tuấn không hiểu được.

Thấy Tuấn không thích nói chuyện nhiều với L. (nói chuyện gì bây giờ với cô gái 15 tuổi mới học đến lớp ba bậc tiểu học ?), ông Trần Văn Thạch và các bạn đồng nghiệp ngồi cùng bàn trao đổi với Tuấn những câu chuyện hào hứng về chính trị và văn chương. Bỗng giữa buổi tiệc, ông chủ nhiệm báo Điện Tín, ngồi nơi bàn kế cận, nói to lên :

- Tôi xin lỗi bạn đồng nghiệp Trần Tuấn, chủ bút báo phụ nữ Hà Nội, tại làm sao mà bạn công kích phụ nữ đi xe máy như vậy ?

Tuấn đáp :

- Xin lỗi quý đồng nghiệp, tôi không công kích phụ nữ đi xe máy. Tôi chỉ phản đối cuộc thi đua xe máy của phụ nữ, và tôi cũng không tán thành việc phụ nữ đi xe máy từ Saigon ra Hà Nội.

Ông Lê Trung Cang nói tiếp :

- Nước Đại Pháp là bực thầy của dân An nam, mà thầy của chúng ta còn để cho các bà đầm, cô đầm đi xe máy, lẽ nào chúng ta đây lại không noi gương của bậc thầy hay sao chứ ? Ha, ha, ha !

Ông cười dòn tan. Nhưng Phan Văn Hùm ngồi đối diện với Tuấn, bảo :

- Anh Cang say rượu rồi đa !

- Tôi không say rượu ...Không ! Tôi không say đâu !

Rồi ông Cang cứ một giọng lè nhè nói mãi. Ông Bùi Thế Mỹ chủ bút báo Điện Tín, và cô Anna Cang, thì lại ngồi ăn lặng lẽ, Tuấn cũng không nói gì. Từ lúc apéritif ở hội quán AJAC đến suốt buổi tiệc ở nhà hàng Mékong, Tuấn để ý đến một bạn đồng nghiệp trẻ mà ông hội trưởng Nguyễn Văn Sâm giới thiệu là ...Trí.

Anh này luôn luôn đi đôi với Thúc Tề, trợ bút báo Công Luận. Đôi mắt anh lúc nào cũng có vẻ lơ đãng, mặt to, đầu lớn, lằm lằm lì lì, ít nói chuyện.

Xong buổi tiệc, ở nhà hàng Mékong ra, sau khi cảm ơn tất cả các bạn, Tuấn đi lang thang trên lề đường Espagne, bỗng Thúc Tề từ phía sau tiến đến, vỗ vai Tuấn và giới thiệu người bạn bất ly thân của anh :

- Xin giới thiệu với anh đây là anh Hàn Mặc Tử, thi sĩ Qui Nhơn.

Tuấn vồn vã bắt tay :

- Rất hân hạnh được biết anh. Ở Hà Nội, tôi vẫn thích đọc thơ anh đăng trong nguyệt san “ Trong Khuê Phòng “ở Saigon.

Hàn Mặc Tử cười hiền lành :

- Tôi cũng theo dõi những hoạt động văn nghệ của anh trong các báo Hà Nội. Thơ của anh có giọng thành thật dễ cảm và dễ thương lắm.

Hàn Mặc Tử chỉ một căn gác ở dãy nhà lâu lụp xụp bên lề đường Espagne :

- Gác trọ của chúng tôi đó. Mời anh lên chơi.

(Hiện giờ căn nhà này là một tiệm giày khá lớn, đối diện với vách tường sau của dinh Gia Long -1966)

- Vâng.

Thúc Tề và Hàn Mặc Tử đưa Tuấn vào căn nhà dưới tối lò mờ, và rất sơ sài, nơi đây có vài người thợ đóng giày đang làm việc. Vào căn giữa, leo lên một cầu thang gỗ đã mục nát nhiều chỗ, chỉ vừa một người leo. Vào cửa là một căn gác chật hẹp, thấp, bài trí rất bừa bãi, với ba bốn ghế bố, và hai chiếc bàn, vài cái tủ, tất cả đều cũ kỹ, nghèo nàn, lộn xộn lẫn lộn sách, báo, đèn nguyệt, đèn mandoline, áo quần, mền mùng, chén tách bình trà ... Phía trước là hai cửa sổ thấp, ngó xuống một mái tôn chĩa nghiêng ra đường phố. Trong lúc Thúc Tề lẳng xẳng đi pha nước trà nhưng bình đã cạn, và xách bình chạy xuống nhà dưới. Hàn Mặc Tử lấy một bài thơ mới làm ra đọc cho Tuấn nghe. Giọng đọc thơ của Hàn Mặc Tử run run yếu ớt. Tuấn để ý thấy da mặt, hai tai, và bàn tay của “ thi sĩ Qui Nhơn “ hình như bị lát, xần xùi, mốc mốc.

Tuấn khen bài thơ hay thấm thía lắm, Hàn Mặc Tử vớt tờ giấy chép thơ lên trên bàn, lấy cái tách úp lên để khỏi bị bay ra gió, rồi khẽ hỏi Tuấn :

- Sao có những bài thơ anh không làm nốt ? Hình như anh mới làm có một đoạn ...

Tuấn mỉm cười :

- Lúc đi chơi bỏ đó, thông thả sẽ làm tiếp đoạn sau.

Hàn mặc Tử cười chất phác :

- Anh thích đi chơi lắm hả ?

- Ờ, đi lang thang chỗ này chỗ nọ một mình, thú lắm. Chừng nào hết tiền và mỗi chân lại về nhà viết ...viết ...

- Bộ anh giàu lắm hả ?

- Nghèo chết cha, chứ giàu gì ! Chừng nào ngứa chân muốn đi, thì mấy cô bạn gái với mấy thằng bạn trai ở Hà Nội cho chút ít tiền đủ mua vé xe và ăn xài chút đỉnh dọc đường. Đi đâu cũng có bạn, lo gì. Cũng may là tụi bạn biết thương mình.

- Nếu tôi không có bệnh, tôi cũng thích đi lang thang đây đó như anh.

Thúc Tề xách lên, thay vì bình trà, một chai bia ...Nhưng chỉ có mình Thúc Tề uống, vì Tuấn không uống được rượu, kể cả rượu bia. Tuấn bảo :

- Tuần rồi, ở Qui Nhơn, tôi có gặp Chế Lan Viên.

- Vậy hả. vui không ?

- Vui ghê ! 8 giờ 30, tôi phải có mặt ở Câu lạc bộ, để diễn thuyết, mà giờ đó tôi còn ngồi trên bãi biển với Chế Lan Viên. Tôi không có đồng hồ. Chế Lan Viên cũng không, thành ra ...Với lại, anh nghĩ coi : đêm sáng trăng trên bãi biển, đẹp quá mà ở Hà Nội đâu có cảnh đó !

- Rồi mấy giờ anh mới diễn thuyết ?

- Hai đứa đến câu lạc bộ thì mới biết là 9 giờ 15. Cũng may là trong ban tổ chức có mấy người bạn học cũ và giáo sư cũ của mình ở collège Qui Nhơn, nên họ không bắt lỗi. Thính giả cũng xí xoá, không oán trách gì. Chế Lan Viên, tôi tưởng người Chàm, con cháu Chế Bồng Nga, nhưng nó bảo với tôi là không phải.

- Nó lấy tên đó để người ta chú ý đến, chớ nó là dân Bình Định.

- Thơ nó hay chán, không đủ để người ta để ý đến hay sao, cần gì phải lấy tên Chàm ? Tôi vẫn không tin mặc dầu hẳn ta quả quyết là con Tiên cháu Rồng. Tôi đoán ít nhất nó cũng có lai máu Chàm trong huyết quản.

Tuần từ giã Hàn Mặc Tử và Thúc Tề để về nhà sửa soạn đi dự buổi tập kịch của Claude Bourrin.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 55

1937

- Phong trào “áo Lemur “ ở Hà Nội đang thịnh hành từ Bắc chí Nam
- “Đoàn Kịch Bắc Kỳ “ của Claude Bourrin , ở đường Pellerin
- Đạo Cao Đài Tây Ninh .
- Phong trào cầu cơ ở Saigon và Bàn Ma (Bàn ba chân) ở Hà Nội
- Phạm Công Tắc .
- Hai tín đồ Cao đài Pháp : Abadie, Delagardo.

1932- Hà Nội : Phong trào phụ nữ đi bộ được gọi là “ phong trào tiểu thư đi bộ “.

1936 – Saigon: “ phong trào phụ nữ đi xe máy “.

Cả hai đều bùng nổ được một vài tháng , làm sôi nổi sự luận , rồi bỗng dưng nguội lạnh . Ngọn lửa rơm đã tắt , chỉ còn lại một đống tro tàn , tan biến trong cuộc sống gió bụi hằng ngày , không ai nhắc đến.

Chúng kiến cả bề mặt và bề trái của hai cuộc vận động ấy . Tuấn nghĩ rằng nếu một ngày nào đó nổi lên phong trào phụ nữ lái xe camion chở hàng hoá , hoặc phụ nữ lái xe ô tô buýt chở hành khách , hoặc phụ nữ lái máy bay đi từ Hà Nội , Saigon qua Hong Kong , Tokyo, Manilla , New York , Paris , London v.v...thì chừng đó Tuấn mới hãnh diện cho phụ nữ thật gọi là tân tiến của Việt Nam .

Nhưng xét kỹ lại , Tuấn cho rằng “ bệnh ấu trĩ của tân thời “ không thể nào tránh được đối với một xã hội vừa mới trong tình trạng cố cựu bước qua giai đoạn tân tiến , do sự tiếp xúc với những yếu tố của một văn minh hoàn toàn mới lạ .

Nhất là trong lúc một xã hội bị gọi là “ chậm tiến “ (danh từ của thực dân thường dùng là “ arriéré”) , chưa chuẩn bị đầy đủ để đón nhận các hình thức mới của nếp sống của tư tưởng , của quan niệm về nhân sinh , tập tục ,

Lénine cũng đã gọi “ la maladie infantile du communisme “ (bệnh ấu trĩ của chủ nghĩa cộng sản), những hăng hái quá trớn , sai lầm , của cộng sản ở giai đoạn sơ khởi , chưa chuẩn bị đầy đủ , thiếu kinh nghiệm và ngoan cố

Xã hội Việt Nam trong khoảng 20 năm giữa đệ nhất và đệ nhị thế chiến (1919 – 1939) cũng ở trong tình trạng ấu trĩ của “ bệnh tân thời “ . Nó muốn vươn mình theo kịp tiến bộ Tây phương , nhưng không đủ phương tiện , yếu tố , cho nên chỉ chuyển động quanh quẩn trong khung khổ mong manh , của một xu hướng tân thời chưa có căn bản vững vàng , chưa có phương hướng nhất định .

Những phong trào “ tiểu thư đi bộ “ , “ phụ nữ đua xe máy “ , “ khiêu vũ “ , “áo Lemur “ , v.v...đều là những biểu dương của chứng bệnh ấu trĩ đó , mà phụ nữ "Annam “ đã mắc phải trước nhất .

Các cô ả đào Khâm Thiên , Ngã Tư Sở , và các cô vũ nữ ở Rex , Fantasia , là những cô gái đầu tiên mặc áo “ Lemur “ đi phất phơ những buổi chiều lãng mạn trên bờ Hồ Hoàn Kiếm , đã gây ra phong trào ấy , và sau đó từ một số đông các cô nữ sinh Hà Nội cho đến các con sen , chị ở , ở các tỉnh đều đua nhau mặc áo “ Lemur”.

Áo Lemur được thịnh hành nhất ở Hà Nội , và các tỉnh Bắc kỳ vài ba tỉnh Trung kỳ . Ở Saigon và các tỉnh Nam kỳ các nhà may áo phụ nữ đã chế ra vài kiểu áo giản dị hơn , thích hợp với xứ nóng .

Biết mục đích cuộc Nam du của Tuấn là quan sát tình hình văn hoá , xã hội, chính trị của Saigon Lục tỉnh , một người bạn đưa Tuấn đến dự một buổi tập dượt của “đoàn kịch Bắc kỳ “ do một kịch gia Pháp chuyên môn tên là Claude Bourrin, sáng lập và điều khiển . Do sự giới thiệu trước của người bạn ấy , Claude Bourrin có gởi giấy mời Tuấn đến xem , lúc 6 giờ chiều chủ nhật , tại sân khấu của đoàn , ở đường Pellerin . Đoàn kịch được biết nhiều hơn bằng danh hiệu Pháp ngữ , Groupe théâtral Tonkinois, gồm độ 10 nam nữ kịch sĩ , trẻ tuổi , toàn người Bắc kỳ nhưng có gia đình ở Saigon

Tuấn rất cảm động được chủ nhân , Claude Bourrin đón tiếp niềm nở và cho biết buổi tập dượt đặc biệt hôm nay là cốt để cho Tuấn xem , và mong

Tuấn cho biết cảm nghĩ sau khi xem xong .

Hôm ấy , đoàn diễn 4 hài kịch ngắn "Saynètes" bằng tiếng Việt : “ Biển Lặn “ - “ Nửa “ - “ Ông Cò “ - “ Thợ Cúp Tóc “ – đúng hai tiếng đồng hồ , mỗi hài kịch dài 30 phút .

Tuấn công nhận rằng toàn thể kịch sĩ , cả nam lẫn nữ , đều có tài và đã thành công rất mỹ mãn , tuy họ không có nhiều thì giờ tập dượt , theo lời họ cho Tuấn biết .

Kịch do ông Claude Bourrin soạn bằng tiếng Pháp và được dịch và diễn bằng tiếng Việt . Cách bài trí trên sân khấu đơn giản lắm, nhưng sự sắp xếp bối cảnh của mỗi vở kịch rất mau lẹ và có nghệ thuật điêu luyện , không hề bừa bãi hay luộm thuộm . Cả bốn vở kịch đều có ý nghĩa hài hước rất sâu sắc , và các diễn viên đã biết làm nổi bật lên những đoạn khôi hài khiến thính giả không thể nhịn cười được rất nhiều lần trong suốt buổi trình diễn .

Tuấn bắt tay khen tặng nồng nhiệt ông Claude Bourrin và tất cả các kịch sĩ tài hoa , trẻ trung của ông . Lúc ra về , một nữ diễn viên , cô Tâm Hồng , tỏ ý muốn mời Tuấn đi ăn “ bánh đập “ để thưởng thức một món ăn đặc biệt Saigon mà cô biết ở Hà Nội không có. Chỗ bán bánh đập ở một khoảng đất trống , bàn ghế kê la liệt ngoài trời , ở cuối đường Frères Louis (nay là Võ Tánh) , giáp đường Cây Me (nay là Nguyễn Trãi) và gần đồn Ô Ma của nhà binh Pháp (nay là khu Ủy Hội Quốc Tế) . Chung quanh là bờ bụi hoang vắng , đèn điện chỉ lư thưa vài ngọn , rải rác có vài túp nhà lá thấp đèn dầu . Chỗ bán bánh đập trứ danh đó , vì theo lời cô Tâm Hồng , là chỗ bán bánh đập duy nhất ở Saigon , cũng là nơi hẹn hò của “ trai thanh gái lịch “ của “ Hòn Ngọc Viễn Đông “ trong những đêm oi ả .

Lần đầu tiên , Tuấn ngơ ngác nghe cô Tâm Hồng gọi hai chai xá xí . Ở Hà Nội Tuấn chưa hề nghe thấy loại nước ngọt có cái tên kỳ dị đó .

Chín năm sau , năm 1945, Tuấn ở tù ra , đi xe lửa vô Saigon thăm lại kinh đô Nam kỳ , Tuấn trở lại quán bánh đập thì ngạc nhiên thấy khu đất hoang 9 năm trước , nay đã biến thành một cái gọi là chợ Thái bình . Quán bánh đập ngon lành đã biến đâu mất , Tuấn đi tìm khắp Saigon - Chợ Lớn , không còn thấy một quán bánh đập nào nữa cả . Tuấn ghé vào một tiệm

Huê kiều trong chợ , gọi một chai ...xá xí .

Sau này , Tuấn tìm hiểu , mới biết cái danh từ “xá xí “ rất “ Ba Tàu “đó lại chính là danh từ Pháp “ Salsepareille" do người Tàu Chợ Lớn phiên âm ra . Tâm Hồng là một nữ nghệ sĩ có danh tiếng thời bấy giờ ở đất Saigon . Cô có căn bản văn hoá , nói tiếng Pháp thạo , viết văn Việt bóng bẩy, và hiểu rõ đời sống văn nghệ ở thủ đô . Cô cho Tuấn biết rõ rằng công chúng Nam kỳ , kể cả giới trí thức thượng lưu và trung lưu , chỉ mê coi cải lương , chứ không thích coi kịch “Đoàn Kịch Bắc Kỳ “ của Claude Bourrin là đoàn kịch duy nhất ở Saigon , diễn kịch theo lối "Saynètes" của Pháp rất hay , nhưng không được công chúng thưởng thức mấy .

Mỗi lần trình diễn , đăng quảng cáo trong các báo liên tiếp mấy số mà khán giả mua vé đến xem không quá vài trăm người .

Các rạp cải lương , trái lại , đông nghẹt người ta , đàn ông , đàn bà , con nít , và những đào cải lương như cô Năm Phi , cô Phùng Há , kếp Năm Châu , đều được nổi tiếng như cồn . Ngoài ra có một số thích xem hát bội , khán giả ciné, thì đa số là tây , đầm , và đám học sinh và thanh niên trí thức An nam .

Kịch là một môn văn nghệ do người Pháp nhập tịch vào , bị người An nam cho là “ lạt lẽo “ , “ trơ trẽn “ , “ vô duyên “ , không hấp dẫn bằng cải lương , hát chèo Triều Châu , và hát bội Cầu Muối .

Riêng về chủ nhân đoàn kịch Bắc kỳ , điều khiển với tất cả một lòng tận tụy hăng say vì nghệ thuật . Claude Bourrin thì Tuấn đã nghe tên ông trong lúc đọc các nhật báo Pháp ở Saigon và Hà Nội . Ông là một kịch gia chuyên môn , đã nổi tiếng ở Paris, nơi ông đã có nhiều vở kịch được trình diễn trên sân khấu Opéra “ .

Suốt thời gian ông ở Saigon , làm một công chức sở Thương Chánh Pháp , ông vẫn có thì giờ để trình diễn các vở kịch của ông tại nhà Hát Tây (nay là Quốc hội) và rất được khán giả Pháp và ngoại quốc nhiệt liệt hoan nghênh . Ở Hà Nội , Hải Phòng , ông cũng được thành công rực rỡ .

Bị thất bại với “Đoàn Kịch Bắc Kỳ “, mà theo lời cô Tâm Hồng , ông đã bỏ vào đấy biết bao là tiền bạc và thì giờ , ông đành phải giải tán , với lòng thất vọng chua chát thấy rằng người An nam chưa biết thưởng thức nghệ

thuật của môn Kịch .

Anh chị em kịch sĩ xin phép ông cho họ giữ lại danh hiệu Đoàn , và họ tự động đi diễn Kịch rộng rãi trong dân chúng. Nhưng rất tiếc họ vẫn không đạt được mục đích tốt đẹp ấy .

Tại Hà Nội , Nam Định , Hải Phòng , mặc dầu có sự ủng hộ triệt để của báo chí , và số khán giả có phần đông hơn ở Saigon gấp ba lần , nhưng họ vẫn không gặt được kết quả khả quan về tài chánh . Không đủ tiền sở hụi , và khán giả phần nhiều là trí thức có Tây học , chỉ đông đảo trong hai đêm đầu .

Trong thời gian đó và tiếp tục về sau , ban Kịch Vi Huyền Đắc ở Hải Phòng , ban Kịch Tinh Hoa của Thế Lữ và Đoàn Phú Tứ ở Hà Nội , cũng không “ được lâu trong sự lãnh đạm của công chúng .

Dù sao , Tuấn cũng thấy rằng Claude Bourrin và đoàn Kịch Bắc kỳ của ông gồm toàn nghệ sĩ bốn xứ , và đóng vai trò tiên phong rất xứng đáng về môn thoại kịch trong Văn học sử Việt Nam cận đại .

Tuấn có quen với ông Abadie, làm lục sự (greffier), tại Toà Án Hà Nội, một người Pháp theo đạo Cao Đài. Sự quen biết này có một nguyên do không ngờ.

Năm 1936, Tuấn có làm chủ nhiệm kiêm chủ bút một tờ tuần báo Pháp ngữ, chuyên về chính trị, xã hội và văn hoá. Trong hai số liên tiếp, Tuấn có viết một bài xã thuyết dài tám cột trang nhất, công kích chế độ thuộc địa của Pháp ở Đông Dương, và kêu gọi dẹp bỏ triều đình Huế. Theo thể lệ báo chí Pháp hồi đó được “ tự do ngôn luận “.

Tờ báo không bị kiểm duyệt, không bị đóng cửa, mọi công đàn đều được tự do phát biểu ý kiến của mình. Nhưng Tuấn bị triều đình Huế và phủ Thống sứ Bắc kỳ truy tố ra toà án Pháp tại Hà Nội về tội “ xúc phạm đến an ninh quốc gia, và chủ quyền người Pháp ở Đông dương (atteinte à la sécurité nationale, et à la souveraineté française en Indochine) chiếu theo đạo luật báo chí Pháp tháng Juillet 1889.

Tuấn không có tiền thuê luật sư. Ông Abadie phụ trách về hồ sơ của Tuấn, và có cảm tình riêng với Tuấn, một chàng trai hăng hái vì tuổi trẻ nhưng không có hành động nguy hiểm nên có giới thiệu Tuấn đến luật sư Lambert,

một người bạn của ông, ở trước cổng Hội Chợ, đường Gambetta, nhưng xem qua bài báo bị truy tố, luật sư bảo Tuấn :

- Tôi rất tiếc không thể bênh vực cho anh trước toà án, mặc dầu có sự gởi gắm tử tế của ông Abadie bởi vì ...tốt hơn hết là tôi sửa soạn va li để lên đường về Marseille !

Ý của luật sư Lambert bảo rằng ông không thể bênh vực một tờ báo có tính cách chống Pháp và có khuynh hướng đòi đuổi Pháp ra khỏi Đông dương. Bênh vực cho Tuấn thì tốt hơn là ông xách va li về Pháp cho rồi.

Tuấn đem câu chuyện của luật sư Lambert nói lại cho ông Abadie rõ. Ông này có ý muốn cứu Tuấn khỏi tù tội, khê bảo Tuấn :

- Tôi khuyên anh tốt hơn là đi vắng Hà Nội trong thời gian có phiên toà xử anh. Toà sẽ xử khiếm diện. Nhưng anh sẽ trở về kịp ngày để chống án sang Pháp. Tôi sẽ tìm cách tạo ra một Vice de forme, để toà án huỷ bỏ bản án của toà Hà Nội, và bắt xử lại. Từ đây đến đó anh sẽ có thì giờ vận động, vì thủ tục Toà Phá Án còn kéo dài lâu lắm.

Nghe lời ông Albadie. Tuấn chuẩn bị đi Saigon một tuần lễ trước ngày có phiên toà. Nhân tiện ông Albadie viết thư giới thiệu Tuấn với ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Quyền Giáo Tông Đạo Cao Đài ở Thánh thất Tây Ninh. Tuấn không hiểu do trường hợp nào một người Pháp chính thống như ông lục sự Albadie lại theo đạo Cao Đài ? Tuấn không hỏi ông, vì lễ độ, nhưng Tuấn cứ thắc mắc về vấn đề đó.

Đạo Cao Đài có gì lạ ? Có gì hấp dẫn đến nỗi một người trí thức Pháp phải bỏ đạo Thiên Chúa để theo đạo Cao Đài ?

Trước đó ít lâu, giới trí thức Hà Nội đã bàn tán rất nhiều về đạo Cao Đài. Nhưng thực ra không ai hiểu rõ, chỉ biết qua loa là một Tôn giáo mới xuất hiện ở Nam kỳ, thờ cả Phật, Chúa, Lão Tử, Trạng Trình và Victor Hugo. Chưa ai biết tường tận về giáo lý Cao Đài, và nhất là hai chữ Cao Đài. Một số anh em đồng chí cách mạng rỉ tai cho Tuấn biết rằng đạo Cao Đài, do hai chữ C. Đ. tức là Cường Để, chính là một đảng cách mạng bí mật của nhà chí sĩ Cường Để sáng lập ra trá hình dưới thể thức một Tôn giáo để đánh lừa sự dòm ngó của người Pháp và của Deuxième Bureau (Đệ Nhị phòng của Mật vụ vậy).

Do sự tiết lộ ấy, Tuấn càng tò mò, muốn biết tất cả sự thật về đạo Cao Đài. Đồng thời, phong trào “ bàn ba chân “. từ Saigon lan truyền ra Hà Nội, đã làm sôi nổi dư luận các giới đồng bào Bắc Hà một thời gian khá lâu. Tuấn có tham gia nhiều cuộc “ gọi hồn ma “ về nói chuyện bằng những tiếng gõ trên “ bàn ba chân “.

Tại nhà Cung, một bạn học cùng lớp Anh ngữ với Tuấn, người anh cả của Cung, làm thông phán Phủ Thống Sứ, có thuê đóng một chiếc bàn tròn ba chân, toàn bằng gỗ, không có một cái đinh hay một miếng sắt nào dính vào. Thường mỗi buổi tối, anh ấy có tổ chức những cuộc “ gọi hồn ma “ về nói chuyện trên mặt bàn.

Trong tháng thí nghiệm đầu tiên, tối nào Tuấn cũng đến dự với một số ít bạn bè được chọn lọc, không quá 6 người cả nam lẫn nữ. Những giải trí này rất là hấp dẫn, khiến cho cử tọa luôn luôn hồi hộp băn khoăn, trước một hiện tượng huyền bí mà Khoa Học của Thế kỷ XX chưa khám phá ra được. Bắt đầu người anh cả của Cung thắp nhang khấn vái vài ba câu bông lông, không căn cứ vào một bài thần chú hoặc một bài Kinh kệ nào cả, vì bọn thanh niên trí thức thời bấy giờ đều là “ tự do tư tưởng (libres penseurs). Cử tọa ngồi chung quanh chiếc bàn tròn không trải nệm và không để một vật gì trên bàn cả. Vì lúc bấy giờ phong trào người An nam nói tiếng Pháp đã thành một thói quen rất thịnh hành, nên thỉnh thoảng ông thông phán hỏi “ hồn ma “ bằng câu tiếng Tây :

- Esprit, es-tu là ? (Hồn ma có về đó không ?)

Bỗng dưng có tiếng gõ trên mặt bàn ! Ai nấy đều mỉm cười, một nụ cười thích thú nửa tin nửa ngờ, nhưng không phải là không hồi hộp, sợ hãi, vì mình có cảm giác lạnh lạnh xương sống rằng mình đang tiếp xúc với một Hồn Ma đích xác, không biết từ đâu hiện về, không thấy hình bóng, nhưng nghe rõ ràng tiếng gõ “ cóc ...cóc “ trên bàn gỗ.

Tiếng gõ chứng nhận rằng “ Hồn Ma “ đã hiện về. Cuộc đàm thoại bắt đầu, nhờ tự mẫu morse làm chuẩn ngữ (đã đề sẵn trước mặt mỗi người một tấm giấy ghi tự mẫu morse để theo dõi dễ dàng câu chuyện) và một bản morse đặt ngay giữa bàn để riêng cho hồn Ma.

Thường thường hồn Ma trả lời rất đúng những câu hỏi của cử tọa. Thí dụ,

một người hỏi, anh Trần Niên, người Nghệ An :

- Ông cụ thân sinh của tôi tên là gì ?

Hồn Ma trả lời :

- Trần Văn Soạn.

- Ông cụ mất lúc mấy tuổi ?

- 72

- Hiện giờ vong linh ông cụ tôi ở thế giới nào ?

- Đã đầu thai. Không biết rõ.

Tên và tuổi ông cụ thân sinh bạn Trần Niên, sinh và tử ở Nghệ An, toàn thể cử tọa không ai biết. Nhưng Hồn Ma biết rõ và nói không sai. Nhiều việc khác nữa. Hồn Ma nói đúng cả.

Có điều khiến Tuấn, cũng như tất cả cử tọa 6 người, vô cùng kinh ngạc là câu chuyện giữa Vũ Văn Thành, sinh viên Cao đẳng Y khoa, và một Vong Linh.

Thành : "tên tôi là Vũ Văn Thành, 22 tuổi, sinh viên Cao đẳng Y khoa Hà Nội, muốn tìm được nói chuyện với “ Vong hồn cô Lê thị Cẩm Thuý, chết ngày 17.10.1934, hưởng thọ 19 tuổi. "

Chờ một lúc lâu, độ 15 phút. Hồn ma hiện về :

- Em, vị hôn thê của anh đây.

Rất cảm động, Thành run run một lúc mới hỏi tiếp :

Thành : "Em còn nhớ anh ư ?"

Hồn : "Không bao giờ quên."

Thành : "Tại sao đang yêu nhau mà em đột ngột vĩnh biệt anh như thế ?"

Hồn : "Tại em vô phúc. Phải trả nợ một tiền kiếp nhiều tội lỗi. Anh biết, em bị bệnh đau tim, chết vì bệnh ..."

Thành : "Hiện giờ em cư trú nơi nào ?"

Hồn : "Hư không ...An lạc."

Thành : "Hư không ...an lạc là ở đâu ?"

Hồn không trả lời và biến mất luôn.

Nguyễn Thái Học có hiện hồn về sau lời khẩn nguyện của Cung, nhưng anh chỉ nói hai câu. Hồn : "Việt Nam ta không may ...còn nhiều tai họa ...giết Tây ...giết Tàu ...giết nhau ..." Rồi làm thinh luôn.

Một đêm Trung thu trăng sáng đẹp, ông thông phán đề nghị đem bàn ba chân đặt ngoài bao lơn trên gác sau, có cúng bánh trung thu, bánh dẻo và nước trà ướp sen. Quanh bao lơn, treo đèn lồng Nhật bốn, và đặt nhiều chậu hoa cúc, hoa huệ, phong lan.

Đêm ấy ngoại lệ, cử tọa được mời dự gấp đôi, 12 người, toàn bạn trẻ trí thức. Bạn bè vẫn thích tính hào hoa phong nhã của ông Phán Phủ Thống Sứ, tình nhân của một nàng công chúa kiều diễm, cháu nội vua Thành Thái. Ông đã lái xe hơi suốt đêm vào Huế, bắt cóc cô đem về tổ uyên ương bí mật của ông ở phố Tientsin.

Đêm ấy Công chúa khẩn nguyện mời một ông Tiến sĩ về làm thơ. Khoảng 1 giờ khuya. Tiên ông hiện về tự xưng là Huyền Không Đạo Nhân.

Tuấn có chép tám câu thơ lạ lùng của Tiên ông như sau đây :

Thiên thanh ai hỏi tâm là thanh

U khí bao vây bốn góc thành

Mây gió trùng trùng un khói lửa.

Máu xương lớp lớp dậy đao binh

Lên nguồn xuống bể dư niên lụy

Ngược bắc xuôi nam bán dạ hành

Thu âm lục bồi truy mã lộ

Sơn hà lưu lệ bất tàn canh !

Thấy bài thơ có bao hàm nhiều ý nghĩa ly kỳ mà lúc bấy giờ, Trung thu năm 1936, toàn thể cử tọa đều hoang mang, không hiểu rõ dụng ý quá huyền ảo, Tuấn hỏi :

- Xin ngài cho chúng tôi biết Huyền Không đạo nhân, tên họ thật là chi, hiện ở Cung Trời nào ?

Hồn chỉ lập lại :

- Huyền Không Đạo nhân

Cô giáo Loan hỏi :

- Bài thơ huyền bí quá, chúng con không hiểu nghĩa, xin Tiên ông giảng cho

- Bất.

Hồn tiên chỉ đáp vồn vện một tiếng “ bất”, không thêm một lời, rồi thăng

luôn.

Mãi gần hai chục năm sau, Tuấn mới hiểu đại khái ý nghĩa tám câu thơ của Huyền Không đạo nhân. Chắc bạn đọc cũng hiểu.

Phong trào “hồn ma” được thịnh hành khắp Hà Nội, trong các giới trí thức, nhưng sau đó ít lâu, không hiểu vì nguyên nhân nào phủ Thống sứ Pháp ra nghị định cấm tiệt các cuộc giải trí “hồn ma”. Nhiều người cho rằng lối cầu cơ “giáng bút” của đạo Cao Đài cũng giống như Bàn Ma, và cùng một tính cách huyền bí cao siêu. Tuấn nóng lòng muốn vào tận “Toà Thánh Tây Ninh” nơi phát sinh của đạo Cao Đài, để tìm hiểu sự thật và học hỏi thêm về Khoa Học Huyền Bí, mặc dầu Tuấn cứ thắc mắc: có phải thật là một Khoa Học hay không?

Một chàng trai mới có 27 tuổi,, hãy còn ngây thơ, mộc mạc, từ Hà Nội vào Saigon, lần đầu tiên lên miền rừng núi Tây Ninh, đến một nơi “huyền bí xa xăm” gọi là Thánh Thất Cao Đài, nơi đây theo như chàng chỉ được nghe đồn là thờ “thần Một Mắt” và thường xuyên tiếp xúc với các vị Tiên, Thánh trên Trời, chàng trai ấy không thể không hồi hộp, băn khoăn ...

Tuấn tự cho rằng cuộc “phiêu lưu” này mà chàng liều lĩnh đi một mình, là một đại sự trong đời chàng. Nhưng chàng rất hăng hái vì thích hợp với bản tính của chàng ưa đi chu du đây đó, lang bạt kỳ hồ ...

Ngủ dậy thất sớm, chàng xách cặp-táp ra bến xe đò Lục tỉnh, ngay bên hông cửa Đông chợ Bến Thành, mua vé đi Tây Ninh. Dọc đường dài gần 100 kí lô mét, Tuấn để ý không có gì khác biệt các phong cảnh miền Trung, chỉ thỉnh thoảng có một vài loại cây lạ, như cây thốt nốt, cây xoài riêng, và hai bên đường, là đồng lúa mênh mông, ít có núi, gò, như ở hai miền Trung, Bắc.

Đến tỉnh lỵ Tây Ninh vào khoảng 9 giờ sáng, chàng điềm nhiên hỏi một anh xe ngựa, một loại xe ngựa đặc biệt ở miền Nam, gọi là xe thổ mộ, người Pháp gọi là xe hộp quẹt

(boîte d’allumettes) hay là tắc-ca-tắc (tac-à-tac).

- Đi Thánh Thất Cao Đài bao nhiêu, chú?

- 6 cây.

Đường đi không xa, chỉ khoảng 5, 6 cây số. Phong cảnh đã hơi khác. Đã

thấy một vài đỉnh núi xanh mờ xa xa ... Chú đánh xe bảo :

- Núi Điện Bà đó ! Linh lắm !

Người dân Tây Ninh đầu tiên đã cho Tuấn nghe một vài chuyện thần linh ở đất huyền bí này rồi . Xe đỗ ngay trước một cổng lớn và rộng, nhưng đóng lại, chỉ để lối đi bên hông . Phía trên có đề hai giòng chữ lớn bằng tiếng Việt và tiếng Pháp :

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

3è Aministie de Dieu en Orient

Tuấn nghĩ mãi không rõ ý nghĩa của hai chữ " tam kỳ" chắc chắn là không phải ba Kỳ : Nam, Trung, Bắc, vì có câu chữ Pháp chứa ở dưới : 3è Aministie, nhưng 3è Aministie là thế nào ? Nếu đừng có câu chữ Pháp thì Tuấn có thể đoán chừng ý nghĩa rằng : Cao Đài là một đạo lớn phổ độ cho toàn thể nhân dân Nam Trung Bắc . Tuấn lại nhận thấy rằng câu chữ Pháp chứa ở dưới không phải là dịch đúng câu Việt ngữ ở trên vì nghĩa của nó là "Ấn xá lần thứ ba của thượng đế ở Đông phương" khác với câu tiếng Việt xa lắc xa lơ .

Chỉ có hai câu đề trên cổng cao lớn đó mà Tuấn cứ thắc mắc hoài, đứng tần ngần suy nghĩ mãi, chưa muốn vào trong . Đã vậy, hai câu đối hai bên bằng chữ Nho lại càng khiến cho Tuấn hoang mang : không có ngụ ý gì là huyền bí ảo mộng thần tiên như Tuấn đã tưởng tượng . Trái lại, hai câu đối đề cập đến " dân quyền" và bao hàm tư tưởng ái quốc, tự do, dân chủ ...Đọc đi đọc lại câu đối chữ Nho .

Tuấn suy nghĩ : hay là dư luận của một số đồng chí cách mạng quốc gia ở Hà Nội bảo rằng Cao Đài là một tổ chức chính trị có liên hệ đến Đức Kỳ ngoại Hầu Cường Để ...cũng đúng một phần nào chăng !

Với tất cả những thắc mắc ấy, Tuấn xách cặp táp đi cửa hông, bước chân vào khu vực của Tòa Thánh Cao Đài .

Hai bên cổng Chánh môn của Thánh Thất, hai câu đối :

Cao thượng chí tôn đại đạo hoà bình dân chủ mục .

Đài tiền sùng bái Nam Kỳ cộng hưởng tự do quyền .

Hai câu đối trên đã tiết lộ phần nào chí hướng chính trị của Cao Đài giáo chăng ?

Một văn phòng liên lạc ở ngay bên hông, Tuấn vào . Thấy một thiếu phụ mặc toàn đồ trắng theo một kiểu riêng biệt của tín đồ Cao Đài, Tuấn trao bức thư giới thiệu của ông Abadie, gửi Đức hộ Pháp Phạm Công Tắc . Ông Abadie biên ngoài bao thư bằng Pháp văn :

Sa Sainteté Phạm Công Tắc

Saint Siège Tây Ninh

Thấy thiếu phụ hơi do dự, Tuấn bảo :

- Thưa cô, ông Abadie, người gửi thư này, là tín đồ Cao Đài giáo, và là người Pháp, làm chánh lục sự toà án Hà Nội . Nhon tôi có dịp đi Saigon, muốn đến thăm Toà Thánh, ông viết thư giới thiệu tôi cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc . Vậy xin cô làm ơn chuyển thư lên ngài .

Bây giờ tín nữ Cao Đài mới niềm nở hỏi han :

- Xin lỗi thầy là ai ? Quý danh là chi, để tôi trình lên Đức Thầy .

- Dạ tôi là Trần Tuấn .

Tín nữ tỏ vẻ sững sốt, nở một nụ cười :

- Ông là ông Trần Tuấn, chủ bút báo Phụ Nữ đó phải hôn ?

Tuấn lễ phép mỉm cười, nghiêng đầu :

- Dạ

Tín nữ Cao Đài rất dịu dàng bảo :

- Dạ, xin mời ông Trần Tuấn đi với tôi tới Giáo tông đường, có đức Thầy ở đó .

Tuấn đi theo cô . Tò mò, Tuấn khẽ hỏi :

- Xin lỗi cô, Đức Thầy là ai ?

Tín nữ duyên dáng đáp :

- Đức Thầy là Đức Hộ Pháp đó .

Tuấn thấy con đường rộng thênh thang bằng phẳng từ cổng Toà Thánh chạy thẳng băng vô tận, không biết tới đâu ! Có tấm bảng cắm bên cạnh đường ghi : **“Đại lộ Hòa Bình”**

Bên trái là một toà nhà đang xây cất, một kiểu đặc biệt, không giống các kiến trúc chùa, đền, thông thường . Tín nữ cho biết đó là Chánh điện thờ Đức Cao Đài, chưa xong . Bên phải, giữa một khu đất trống, cỏ mọc um tùm đã dựng lên một pho tượng có lẽ bằng plâtre ? Một con ngựa kim trắng

toát, hai chũn trước đưa lên như sắp phi . Tượng này cũng làm dở dang hình như phải có một người trên lưng ngựa nhưng chưa làm xong .

Dọc hai bên đại lộ Hòa Bình có rải rác ba bốn ngôi nhà ngói, kiến trúc thông thường, trước cổng mỗi nhà đều có tấm bảng để chữ : " Hiệp Thiên Đài, Nữ Phối Sư, v.v..." Tuấn chưa quen với những danh từ hoàn toàn mới lạ này nên không nhớ kỹ .

Đi chừng 100 thước thì tín nữ đưa Tuấn vào một ngôi nhà cách đại lộ chừng 20 mét, bề ngoài trông như một biệt thự thấp (không có lầu) nhưng rộng rãi, mát mẻ. Kiến trúc và bài trí không có gì đặc sắc . Ngôi nhà ngói trưỡng giả khả ái, vuông vức, tọa lạc giữa một khu vườn nhỏ xinh xinh, trồng nhiều cây măng cầu đã có trái, và năm bảy bụi bông trang, bông ngâu, bông bụt .

Bước lên thềm, tín nữ bỏ guốc, đi chũn không vào phòng khách, nơi đây đã có bốn năm ông mặc toàn áo dài trắng của Chức sắc Cao Đài, đang chuyện trò. Tín nữ lễ phép tiến đến một ông ngồi giữa, cúi mình, hai tay cung kính trao bức thư và nói rất khẽ . Tuấn rảnh rang quan sát hình dung của ông đó, mà Tuấn đoán chừng là chính Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc . Độ 40-46 tuổi, người nhỏ, nét mặt gân guốc, nhưng đôi mắt sáng . Tuấn đặc biệt để ý đôi mắt sáng quắc trên khuôn mặt gầy còm ấy . Ông mặc một bộ y phục trắng cũng cài một dọc nút ở giữa, như áo của mấy ông kia, chỉ khác một điểm là ông có một rêu lụa vàng quấn ngang bụng, thả hai tua dài xuống đến nửa ống chân .

Vừa xem xong bức thư, ông vội vàng đứng dậy, cười rất tươi (hơi móm) bước nhanh ra bắt tay Tuấn:

- C'est donc vous, monsieur Trần Tuấn ?

Tuấn đáp với một nụ cười lễ phép :

- Lui-même, Excellence .

Ông cười ha hả, vỗ vai Tuấn tỏ tình sơ giao thân mật, nói sang bằng tiếng An nam !

- Được gặp ông bạn đây, hân hạnh lắm . Tôi có đọc tờ báo La Patrie Annamite, Văn Học Tạp Chí, Phụ Nữ, và phục lối văn của ông lắm . Tôi cũng có theo dõi bài diễn thuyết của ông bữa tối thứ bảy ở hội quán

SAMIPIC . Tôi hoan nghênh lắm.

Nắm tay Tuấn, Đức Hộ Pháp quay sang nói với mấy vị chức sắc :

- Ông Trần Tuấn, chủ bút báo Phụ nữ, bạn của đạo hữu Abadie ở Hà Nội, vào viếng thăm Thánh Thất đây .

Quay lại giới thiệu với Tuấn :

- ...Đây là chư vị chức sắc cao cấp trong Đạo ...

Rồi ông giới thiệu riêng cá nhân và chức tước của từng vị . Tuấn lễ phép bắt tay mỗi vị .

Đức Hộ Pháp mời ngồi xong, Tuấn hỏi :

- Thưa Đức Hộ Pháp, tôi có ý định nghiên cứu kỹ càng đạo Cao Đài, mà ở Hà Nội, Huế, và đa số đồng bào Bắc kỳ và Trung kỳ chưa được hiểu rõ lắm .

Đức Hộ Pháp vui vẻ cắt ngang Tuấn :

- Trong thư của đạo hữu Abadie có nói . Ông bạn cứ ở trong Tòa Thánh đây bao lâu cũng được . Ông bạn sẽ có nhiều dịp chứng kiến và tham dự các cuộc lễ, các buổi cầu Cơ giáng Bút, nghe các vị Thánh, Tiên hiện về làm thơ bí và truyền bá giáo lý. Tôi sẽ biểu thầy Hiến, bí thư của tôi, đưa các tài liệu về bốn Đạo để ông coi ... của đạo hữu Gabriel Gordon ở bên Pháp nữa

...

Ông chợt nói qua tiếng Pháp :

- Vous savez, notre religion a recu un accueil des plus sympathiques à l' étranger, surtout en Prague. Nous avons même un noyau Caodaïste français à Paris !

Với một nụ cười hãnh diện rất chính đáng, vị giáo chủ Cao Đài nối tiếp, (Tuấn thấy đôi mắt của ông sáng rực lên) :

- Bữa trước, bà Henriette Chandet, nữ trợ bút nhật báo L' Intransigeant, đi theo ông Tổng Trưởng Thuộc Địa Paul Reynaud qua thăm Đông Dương, chắc ông biết, có tới đây ở 3 ngày và có chứng kiến một cuộc cầu cơ giáng bút . Bà được nói chuyện với Victor Hugo, cho nên bà tin lắm .

Câu chuyện đầu tiên của ông Phạm Công Tắc đánh đúng vào thị hiếu của Tuấn. Thâm ý của Tuấn đến Tòa Thánh Cao Đài chính là chờ "cầu cơ giáng bút " đó . Tuấn muốn chứng kiến một buổi cầu cơ chính thức, thật sự, có

đảm bảo, có hàng triệu người tin tưởng .

Mấy lời khai mào của ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, là một tia sáng huyền ảo chiếu vào suy tư của Tuấn, với bao nhiêu màu sắc nhiệm mầu .

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc gọi anh bí thư :

- Hiên, em đưa ông bạn Trần Tuấn về ở căn nhà Missions Etrangères (Truyền Giáo Quốc Ngoại) và lo đầy đủ tiện nghi cho ông, nghe em .

- Dạ .

- Ông bạn sẽ dùng cơm với tôi . Hay là ông bạn muốn dùng cơm riêng một mình, tùy ý . Mais il prendra le petit déjeuner avec moi . (Nhưng ông ấy sẽ dùng điểm tâm buổi sáng với tôi)

- Dạ.

Quay lại tôi, ông bảo :

- Ở đây, ăn chay trường, ông bạn ạ . Ông dùng chay được hôn ?

- Dạ, được lắm . Tôi sẽ sống ở đây đúng theo kỷ luật nội bộ của Toà Thánh, như tất cả các tín đồ . Đức Hộ Pháp tử tế quá ...

Câu nói xã giao của Tuấn kết thúc vui vẻ buổi gặp gỡ đầu tiên với vị Giáo chủ của “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” .

Tuấn tạm biệt mọi người và theo anh Hiên đến ở căn nhà rộng rãi, rất mát, của văn phòng” Truyền Giáo Quốc Ngoại “, ngoài cổng có tấm bảng đề” Missions Etrangères”

Ngày tối hôn đó, vào khoảng 9 giờ, anh Hiên bí thư của ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, đến biệt thất của” Missions Etrangères” cho Tuấn biết rằng Đức Hộ Pháp mời Tuấn đến chánh diện dự kiến một buổi lễ long trọng . Hiên, một bạn trẻ rất dễ thương, và thật sốt sắng, lại bảo :

- Dạ, có sẵn xe ngựa đón ông trước ngõ .

Tuấn vui vẻ bảo :

- Anh gọi tôi bằng anh, nghen ! Đừng gọi bằng “ông” . Tôi cùng lứa tuổi với anh mà !

Hiên cười :

- Dạ, ...mời ...anh ra đi .

Tuấn leo lên xe thổ mộ ngồi cạnh Hiên . Hiên tự cầm cương ngựa, có nhã ý cho Tuấn biết :

- Chiếc xe này Đức Hộ Pháp để riêng cho ...anh xử dụng để đi xem chỗ này chỗ nọ, trong Toà Thánh và các nơi quanh vùng . Tôi được biệt phái hướng dẫn...anh trong thời gian anh ở Toà Thánh .

Tuấn bảo :

- Đức Hộ Pháp thật tử tế quá... À, anh Hiến nhưn tiện, anh có thể cho tôi biết trong buổi lễ đêm nay có " Cơ bút" không ?

- Dạ không .

Tuấn không muốn để Hiến thấy nét mặt thất vọng của mình, chỉ hỏi tiếp :

- Lúc chiều, Đức Hộ Pháp có cho tôi biết bà Henriette Chandet, đặc phái viên của nhật báo L Intransigeant ở Paris đi với phái đoàn ông Bộ trưởng Thuộc địa Paul Reynaud qua Đông dương, có đến viếng Toà Thánh và tham dự một cuộc cầu cơ, nghe nói có thi sĩ Victor Hugo hiện hồn về nói chuyện với bà ấy, có phải không anh ?

- Dạ, có bà Chandet do ông Nguyễn Phan Long ở Saigon đưa lên đây .

Tuấn ngạc nhiên :

- Ủa, Ông Nguyễn Phan Long, Chủ bút báo La Tribune Indochinois đó hả ?

- Dạ .

- Ông cũng là tín đồ Đạo Cao Đài à ?

- Dạ ...C'est un fervent Caodaiste.

Tuấn không ngờ Hiến cũng xen một câu tiếng Tây vào đó . Câu chuyện dở dang đến đây thì Hiến đã gò cương ngựa, ngừng xe thổ mộ trước một căn nhà đông nghẹt người ta, đèn thấp sáng trưng . Đây là Thánh Thất tạm thời, vì Chính Điện chính thức, tức là chánh điện hiện nay ở Toà Thánh Tây Ninh lúc bấy giờ còn đang xây cất, chưa xong . Nhà thờ tạm này thật là dài, bài trí với nhiều màu sắc, rực rỡ một vẻ đẹp độc đáo, không giống như trong các Chùa hay các nhà thờ Thiên Chúa . Một căn nhà trống, rộng thênh thang không có ghế . Tất cả các tín đồ đều khoanh tay đứng yên, một bên nam, một bên nữ, độ vài trăm người, và số thiện nam tín nữ, thanh niên, nhi đồng, còn đứng ngoài không biết trăm ngàn nào mà kể . Chung quanh thánh thất đông nghẹt tín đồ tụ họp để chờ đại lễ .

Tuấn mặc cỡ quá, vì chỉ có mỗi một mình Tuấn đeo cà vạt với bộ đồ tây không hợp thời, lọt vào lệ loi giữa đám đông người Cao Đài mặc toàn áo

dài trắng, đàn ông cũng như đàn bà . Các vị chức sắc thì mặc lễ phục đủ màu, áo dài xanh, đỏ, vàng, may theo một kiểu đặc biệt, có thắt lưng buộc ngoài và thả tua dài xuống bên hông . Mọi người đều chờ Đức Hộ Pháp .

Đáng lẽ, theo chỉ thị của ông Hộ Pháp, Hiền phải đưa Tuấn đến biệt thự của ông để cùng đi với ông đến Thánh Thất một lượt . Nhưng Tuấn không thích thế, và đã yêu cầu Hiền cho Tuấn đến thẳng Thánh Thất để được tự do lẩn lộn trong đám đông tín đồ, để nghe ngóng chuyện trò và quan sát cho thỏa thích . Hiền đánh xe trở lại Giáo Tông Đường để tin cho Đức Hộ Pháp rõ .

Không đầy 15 phút sau, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đến nơi . Toàn thể tín đồ đều cung kính khoanh tay cúi đầu né ra hai bên, trong lúc Đức Hộ Pháp tiến vào Chánh Điện .

Tuấn để ý ông mặc lễ phục không giống như buổi sáng, lúc tiếp Tuấn. Bây giờ ông đội một chiếc mũ cánh sen na ná như mũ của một vị Hoà thượng, và y phục thì gần giống như pho tượng Hộ Pháp ở Chùa, trông dữ tợn và không thích hợp với nét mặt hiền lành của ông . Tuấn ngơ ngác nhìn ông trong lễ phục kỳ dị ấy, với cảm tưởng mình đang lạc vào một thế giới huyền bí mơ hồ, nửa thiệt nửa hư ...

Tận trong tím cùng gian nhà thờ rộng mênh mông huyền ảo và ngự trên cao vót, Một Con Mắt mở lớn, vẽ giữa một khối hình cầu vĩ đại như một chiếc lồng đèn bự ít nhất cũng năm thước đường kính . Phải chăng Con Mắt Thần, tượng trưng đấng Cao Đài, vị Thiên Liêng Tối Cao bao trùm cả vũ trụ, dòm ngó cả vũ trụ và ...ta bà thế giới ?

Ngay dưới hình cầu (hình như rỗng ruột và đan bằng tre, phất bằng giấy trắng), có ba bàn thờ kê sát nhau nhưng cao thấp ba bậc. Trên bàn cao nhất có để tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Khổng Tử Phu Tử, và Đức Lão Tử, ông này cầm cây phất trần nơi tay, có chòm râu bạc dễ thương vô cùng. Bàn thứ hai thấp hơn, có tượng Đức Chúa Jésus Christ, và các tượng khác mà Tuấn không nhận ra, và cũng chưa dám hỏi ai. Bàn thứ ba, thấp hơn cả, là nơi đặt các đồ thờ : lư trầm bình nhang, bốn cây đèn nến đỏ, hai lọ cắm hoa sen và hoa huệ.

Trật tự sắp xếp hàng lối của các vị Chức-sắc nam nữ tùy theo sắc phục. Nghi thức hành lễ vô cùng huyền ảo đối với cặp mắt tò mò và không hết

kinh ngạc của chàng trai phiêu lãng, lần đầu tiên rơi vào một Thiên Đàng tưởng tượng như của Dante, nơi đây quy tụ đông đủ các Phật, Thánh, Tiên, các Chúa và các Bồ Tát Đông phương, Tây phương, dưới con Mắt Độc Nhãn mở to của Thượng Đế. Thất là một cảnh tượng vượt quá những gì Tuấn đã học hỏi từ trước đến nay qua các sử sách. Một thế giới hoàn toàn mới lạ, có lẽ mới lạ cả đối với những vị Thần Thánh trên kia. Các vị đã chết trong những thời buổi cách biệt tại những địa điểm khác xa, và bây giờ cùng nhau nhất loạt phục sinh lại trong một góc rừng âm u huyền bí của Việt Nam. Chìa khoá của Huyền Bí có lẽ là nơi con Mắt. Con Mắt của Đại Lực, Đại Bi, Đại Trí của Tối Thượng, Tối Cường, Con Mắt Độc Nhãn trên Quả Cầu, xuất hiện ra giữa một đám mây, như con Mắt tuyệt đỉnh của Lương Tri vũ trụ.

Buổi lễ chấm dứt bằng một bài hát đồng thanh của một đoàn thiếu nhi mặc đồng phục, và nhịp theo tiếng gõ đều đều của hai miếng gỗ mà mỗi thiếu nhi cầm trong tay. Tuấn nghe qua nhớ được mấy câu đầu :

Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp
Lòng nường nhang khói tiếp truyền xa
Mười phương lư ngọc bay xa
Tính thành cầu nguyện tiên gia chứng lòng
Xin Thần Thánh rủ dong cõi hạc
Xuống phàm trần vội gác xe tiên
Ngày nay đệ tử chúng nguyên
Chín tầng trời đất xin truyền chiếu tri.

Lễ cử hành lâu hơn một tiếng đồng hồ, rất nghiêm chỉnh có trật tự hoàn toàn trong không khí vô cùng oai nghi tôn kính.

Tuấn khẽ hỏi Hiền :

- Đêm nào có Cầu cơ giáng bút ?
- Tôi mới nghe nói có lẽ đêm nay, một chút nữa ... Nhưng đây là cuộc cầu cơ riêng của một tang quyến được Đức Hộ Pháp cho phép, chứ không phải cơ bút chính thức do Toà Thánh tổ chức.
- Cầu cơ riêng là sao ?
- Một chị đó, cha chết mấy năm nay, muốn cầu cơ gọi hồn Cha về để hỏi

thăm.

Hiển chỉ cho Tuấn thấy rõ dụng cụ cơ bút, mà Hiển gọi bằng tiếng Tây là Corbeille-à-bec. Khác hẳn cái “ cơ” mà Tuấn đã thấy thông dụng ở Hà Nội, đây là một dụng cụ độc đáo do các vị tiền phong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Cao Đài) đã chế tạo từ lúc ban đầu. Nó giống như một ống giác hơi lớn (ventouse), úp xuống, đan bằng tre và bồi giấy kín mít chung quanh, rỗng ruột. Nơi miệng ống, có cột chặt một cây dài theo chiều ngang. Giữa cây, ngay nơi trung tâm của miệng ống có đóng theo chiều dọc một cái que ngắn và nhọn, giống như cái đinh 5 phân bằng gỗ hay bằng tre, mà người Cao Đài gọi bằng tiếng Pháp là cái bec. Mỗi khi cầu cơ (trong Nam gọi là Cơ Bút), phải có hai người ngồi đồng, Cao Đài gọi là Médioms (đồng tử), ngồi đối diện hai bên cây cơ, mỗi người nắm một đầu.

Người ta đặt giữa hai người ngồi đồng và ngay dưới cái cơ, một mâm rộng lớn, đựng một lớp cát trắng, thật nhuyễn. Mỗi khi Hồn Ma hiện về (ma đây là nói chung tất cả những kẻ khuất mặt, khuất mày, kể cả Tiên, Thánh, v.v...) nhập một lượt vào hai người ngồi đồng, thì tay họ bắt đầu chuyển động cùng một lúc, và truyền từ thông lực (Fluide magnétique) của họ vào Cơ, chiếc cơ rung động và cái mỏ kim viết chữ trên mâm cát, theo chiều của hai bàn tay Médioms hướng dẫn.

Đây, tất cả hệ thống cơ bút huyền bí của Đạo Cao Đài. Theo lời Hiển nói với Tuấn thì cơ bút có thể viết chữ Việt, chữ Pháp, chữ Hán tùy theo trình độ ngữ học của Hồn Ma nhập về. Muốn chứng tỏ sự thật không lừa bịp, không gian dối của cơ bút, theo lời Hiển nói, người ta chọn Médioms trong số những người ít học, miễn biết viết là được. Những lời giáo huấn của đấng Cao Đài truyền dạy cho các đệ tử, ý nghĩa thâm cao, hoặc những bài thơ bằng Quốc ngữ, Pháp ngữ, Hoa ngữ, do các Hồn Ma nhập về viết trên mâm cát, qua từ lực (fluide magnétique) của hai bàn tay mediums, đều không thể nào do chính hai người ít học này âm mưu đặt ra được.

Hiển có cho Tuấn xem một quyển tài liệu, đã in thành sách gồm nhiều bài thơ Quốc ngữ bằng thể song thất lục bát của Hương hồn bà Đoàn thị Điểm, nhiều bài thơ Alexandrius của Vong linh Thi hào Pháp Victor Hugo tuyên truyền giáo lý Cao Đài, và mấy bài thơ Đường của Lý Thái Bạch cũng cùng

một tác dụng phổ biến tinh thần của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Có điều Tuấn rất thắc mắc, là thơ Việt của Đoàn thị Điểm, thơ Pháp của Victor Hugo, cũng như thơ Đường của Lý Thái Bạch, được truyền bá bằng cơ bút ở Tòa Thánh Cao Đài, thật kém giá trị thua xa lắc xa lơ các Thi phẩm của ba bậc Thi Bá đó lúc họ còn lê la kiếp sống đầy nghiệp chướng trên trần gian ô trọc. Đâu còn giọng thiết não ruột của Chinh Phụ Ngâm, hùng dũng của La Légende des Siècles, đau đớn hận sâu của Villequier, và buồn man mác của Tống Biệt.

Tuấn có thành thật trình bày cảm tưởng ấy với ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, thì ông cười bảo :

- Dẫu sao, mon cher, người phàm trần như lũ mình đâu có làm nổi những bài thơ cơ bút như vậy.

Tuấn ao ước được chứng kiến gần gũi và tường tận một cuộc cầu cơ, hay là " giáng bút" , " cơ bút" theo lối thông thường ở Thánh Thất Cao Đài . Nhưng đêm đầu tiên không được tham dự, Tuấn không được thỏa mãn vì tín đồ ngồi xem chung quanh đông quá, kín mít cả mấy vòng, Tuấn không muốn làm rộn nên đứng ngoài không nghe thấy gì được nhiều . Mấy người thuật lại rằng chị quả phụ cầu cơ gọi hồn chồng về, vong linh người chồng " giáng cơ bút" hỏi han chuyện gia đình và cho chị rõ anh được tiêu thăng về Tây phương cực lạc thế giới của Phật A Di Đà .

Thế là bao nhiêu thắc mắc về bí ẩn cầu cơ, Tuấn mang từ Hà Nội vào vẫn chưa được giải quyết rành rẽ. Trái lại, câu chuyện giáng bút trên đây chỉ chồng chất thêm thắc mắc của Tuấn . Tuấn nhất định sẽ thừa một cơ hội thuận tiện để yêu cầu Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tổ chức một cuộc cầu cơ thân mật và hạn chế với sự tham dự của một số ít, độ 5, 7 người trí thức trong Tòa Thánh mà thôi . Có như vậy, cuộc giáng cơ bút mới có giá trị chân chính, và được sự bảo đảm của Đức Hộ Pháp và các chức sắc cấp cấp đáng tin cậy của Tòa Thánh .

Tìm hiểu đạo Cao Đài, chính là tìm hiểu bí ẩn của Cầu Cơ, vì đạo Cao Đài đã tự đặt ra cái chiêu bài bằng Pháp ngữ là " Bouddhisme rénové, spiritisme annamite, Religion nouvelle en Eurasie "

Nghĩa là :

“ Phật giáo canh tân, thông linh học An nam, Tôn giáo mới ở Âu – Á ” .

Không ai chối cãi rằng Chiêu Hồn, hay là Cầu Cơ Giáng Bút, hay là Thông linh học, là yếu tố chính của đạo Cao Đài . Và lại, đạo Cao Đài phát nguyên từ Cơ Bút, Đức Cao Đài do Cơ bút mà lập Đạo .

Vì Cơ bút linh nghiệm, nên đạo Cao Đài mới phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng đến đổi trong vòng 10 năm, từ 1927 là lúc Khai Đạo cho đến 1937, lúc Tuần viếng Toà Thánh Tây Ninh, toàn thể Nam kỳ đã có gần một triệu tín đồ, ở Trung, Bắc kỳ có gần 7000 . Riêng ở Hà Nội có gần 4000 . Ở Nam Vang, Cao Miên có 40.000 tín đồ, Miên và Hoa kiều .

Tuần có hỏi đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc về ý nghĩa chữ "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ " và " 3è Annistie de Dieu en Orient" được ông giảng giải như sau :

- Thượng Đế giáng trần để phổ độ nhân loại kỳ thứ 1 do sự hiện thân của đức Phật Cồ Đàm (Gautama), tức là Đức Thích Ca Mâu Ni, kỳ thứ hai do sự giáng thế của đức Jésus Christ. Lần này là kỳ thứ ba (tam kỳ) do Đấng Thầy Linh thiêng của chúng ta (notre Maitre Divin), tức là Đức Cao Đài . Cả ba kỳ đều xảy ra ở Đông Dương . Nhưng đức Cao Đài không hiện thân như hai kỳ trước, mà ngài lập Đại Đạo do sự truyền cảm của Cơ bút .

Tuần hỏi đức Hộ Pháp :

- Kêu là Đại Đạo, bởi vì Đạo Cao Đài bao gồm cả tam giáo : Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo, chia làm Ngũ chi đạo đạo (5 ngành) .

1. Nhơn đạo : đạo Khổng Tử
2. Thần đạo : Quan Thánh Đế Quân
3. Thánh đạo : Đạo Thiên Chúa (Cơ Đốc)
4. Tiên đạo : đạo Lão Tử
5. Phật đạo : đạo Thích Ca

Theo lời đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, thì hôm 13-1-1927 trước sự chứng kiến của một số nhà chức trách Pháp Tiên, ông Lý Thái Bạch, nhà thi hào đời Đường, có tuân lệnh đấng Cao Đài giáng bút về truyền nguyên tắc Ngũ chi Đại Đạo như trên .

- Thừa ý nghĩa của Con Mắt vẽ trên quả cầu là sao ?

- Đó là Thiên Lương . L Oeil Divin . Con Mắt tượng trưng lương tâm con

người và lương năng vũ trụ . Quả cầu là tượng trưng vũ trụ .

Trong buổi lễ đầu tiên, Tuấn chú ý đến một vài chi tiết sau đây của nghi lễ Cao Đài :

Tín đồ cũng đọc như bên Phật giáo :

“ Nam mô Phật . Nam mô Pháp . Nam mô Tăng .”

rồi tiếp theo :

“ Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma-ha-tát

Nam mô Quan Thế Âm bồ tát ma-ha-tát

Nam mô Lý Thái Bạch tiên trưởng .

Nam mô Hiệp thiên Đại đế Quan Thánh đế quân .

Nam mô chư Phật chư Tiên, chư Thánh, chư Thần ! ”

Hỏi về ý nghĩa ba màu áo khác nhau của các vị chức sắc Cao Đài, Đức Hộ Pháp trả lời cho Tuấn :

- Màu vàng : tượng trưng cho Phật

- Màu đỏ : đạo Khổng

- Màu xanh : đạo Lão .

Những chức sắc thuộc về ngành đạo Phật đều có tên đệm chữ Thái, và mặc áo màu vàng tượng trưng Đạo đức .

Những chức sắc thuộc về ngành đạo Khổng đều có tên đệm chữ Ngọc, và mặc áo màu đỏ, tượng trưng Uy quyền .

Những chức sắc thuộc về ngành đạo Lão, đều có tên đệm chữ Thường và mặc áo màu xanh da trời, tượng trưng Thanh cao, Hoà bình .

Trên các vị chức sắc có Đức Hộ Pháp, là chủ tọa Hiệp thiên đài, đức Giáo tông, là chủ tọa Cửu trùng đài . Đức Hộ Pháp có đeo một huy hiệu trên mũ, gồm ba vật tượng trưng linh bát (Phật), bộ Kinh Xuân Thu (Khổng), Phất Trần (Lão) .

Anh Hiễn, thư ký Toà thánh, đưa Tuấn đến bàn thờ chỉ cho Tuấn những chi tiết sau đây :

- Theo Bạch Ngọc Kinh (Niết Bàn), Ngôi Cao Đài ở hướng Bắc, mặt trời mọc bên trái, mặt trời lặn bên phải . Cho nên, trên bàn thờ, con Mắt (Thiên lương) luôn luôn ở hướng Bắc, bên trái là Dương, bên phải là Âm .

Giữa bàn thờ, đặt cả đèn con, thắp luôn ngày đêm gọi là Thái Cực Đăng,

tượng trưng Ánh Sáng của Thượng Đế soi khắp vũ trụ . Đến giờ niệm kinh thắp hai đèn cầy lớn, đèn bên trái tiêu biểu mặt trời (dương) phải thắp trước . Đèn bên phải tiêu biểu mặt trăng (âm) thắp sau . Hai ngọn đèn cầy gọi là Lưỡng nghi quang . Mỗi lần cúng và niệm Kinh, phải đốt năm nén hương tiêu biểu : Giải hương, Đỉnh hương, Huệ hương, Tri kiến hương, Giải thoát hương . Một tách nước lạnh, tiêu biểu dương thủy, phải đặt bên phải . Hai tách nước trà trộn vào nhau thành nước âm dương, để làm phép cho tín đồ, hoặc chữa bệnh cho những bệnh nhân cầu nguyện Đấng Thiêng Liêng .

Bình bông (dương) đặt bên trái Linh Nhãn, Cổ quả (trái cây : âm, đặt bên phải) . Bông cúng rồi để khô, nấu thành nước trị bệnh rất có linh nghiệm nếu bệnh nhân tin tưởng vào sức màu nhiệm của Thượng Đế .

Cũng theo lời anh Hiễn, bài Thánh ca dâng lên Đấng Cao Đài, là do các vị cố tăng ở Hàn Sơn Tự trong thành Cô Tô Trung Quốc, cách đây 1200 năm về giáng cơ bút đọc cho .

Bên trái bàn thờ Đức Cao Đài, có đặt bàn thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, là bên dành riêng cho tín đồ nữ phái trong lúc làm lễ . Bên phải là bàn thờ Quan Thánh Đế Quân, dành riêng cho tín đồ nam phái .

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có tặng cho Tuấn một tấm ảnh chụp đồ nghi lễ chánh thức giống hệt tượng Hộ Pháp thờ trong các chùa .

Nhưng ngày thường, Ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc mặc bộ đồ giản dị hơn nhiều, và tân tiến hơn .

Tuấn không được hoàn toàn thỏa mãn trong ước vọng được chứng kiến tận mắt một buổi Cơ bút chính thức tại Tòa Thánh Cao Đài . Nhưng Tuấn xác nhận một sự kiện thực tế là một phong trào tôn giáo mới phát động đã được hàng triệu người hưởng ứng, tất nhiên là phải có một vài đặc điểm nào đó kích thích lòng người, hoặc thích hợp với tâm tư, ý niệm của một khối quần chúng vĩ đại như thế .

Dù chúng ta có tin hay không tin, có chấp nhận hay hoài nghi lý thuyết của tín ngưỡng mới ấy, sự xuất hiện và bành trướng ào ạt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở Tây Ninh cũng là một biến cố quan trọng, có ý nghĩa trong Lịch sử dân tộc, bắt nguồn từ miền Nam . Song song với các cuộc tranh đấu

hoặc công khai, bán công khai, hoặc ngấm ngấm của các đảng phái chính trị chống thực dân đế quốc Pháp, đạo Cao Đài tuy được sơn phết dưới một lớp màu sắc tôn giáo, vẫn được các giới trí thức thượng lưu và trung lưu coi như che dấu một khuynh hướng cách mạng lẫn với huyền bí, có tính chất đặc biệt Á đông.

Tuấn cảm thấy vô cùng thích thú, một hôm sau bữa cơm chay chiều với ông Phạm Công Tắc, trong lúc dùng trái cây tráng miệng, Tuấn gợi chuyện quốc sự, được ông Hộ Pháp, lãnh tụ Cao Đài tin cậy nói nhỏ cho Tuấn nghe :

- Từ ngày ông Phan Chu Trinh từ nước Pháp về diễn thuyết ở Saigon, và ông Phan Bội Châu ở Tàu về cư ngụ tại Huế, quốc dân An nam đặt nhiều tin tưởng nơi các bậc chí sĩ làm cách mạng ở hải ngoại . Hiện giờ, còn Đức Kỳ ngoại hầu Cường Để, rể của vua Nhật bốn, và chính là cháu ba đời dòng dõi vua Gia Long, đang ở Tokyo. Ngài là tất cả hy vọng phục quốc của quốc dân ta bây giờ .

Đối với Tuấn, câu nói của ông Phạm Công Tắc chẳng phải là một tiết lộ đặc biệt gì cho lắm, nhưng là một xác nhận đầy ý nghĩa về một vài dư luận mà Tuấn đã nghe được của giới cách mạng Hà Nội . Sự xác nhận không ngờ ấy khiến Tuấn có rất nhiều cảm tình với đạo Cao Đài trên bình diện cách mạng hơn là tôn giáo . Tuấn quan niệm rằng một vài chống đối xao động giữa các môn phái Cao Đài Tây Ninh, Bến Tre, Cầu Kho, giữa các ông Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Tường, Nguyễn Phan Long, v.v...chỉ là những tranh chấp nội bộ không có ảnh hưởng đến hệ thống trung ương .

Về Hà Nội, với một mớ tài liệu đầy đủ và tranh ảnh sặc sỡ màu sắc của Toà Thánh Tây Ninh, Tuấn viết trong một tuần báo Pháp ngữ và Quốc ngữ một loạt bài đề là : "Le vrai visage du Caodaisme", Tuấn trình bày cho công chúng nhất là ở Bắc kỳ và Trung kỳ biết rõ tất cả những gì Tuấn đã mục kích và tìm hiểu về giáo lý và nghi lễ của tôn giáo mới . Nhiều đoạn bài này đã được trích đăng trong quyển " Histoire de Caodaisme " của Gabriel Gordon, một nhà triết học Pháp theo đạo Cao Đài và đại diện Cao Đài giáo ở Âu châu . (Histoire de Caodaisme, Bouddhisme rénové, spiritisme annamite, religion nouvelle en Eurasie, par Gabriel Gordon, Juin 1948. Ed.

Devry, 20 rue de la Trémoille. Paris.)

Dĩ nhiên, Tuấn chỉ nói đến trạng thái tôn giáo mà thôi, không tiết lộ khuynh hướng chính trị . Trong quyển ấy, trang 126,127,128, Gabriel Gordon có kết luận về bài của Tuấn :

(dịch) :

“ Hàng ngàn vạn tín đồ Cao Đài đâu phải toàn là những kẻ mê tín dị đoan, một số rất đông những người theo đạo mới ở Nam kỳ, ở Pháp, là những nhà trí thức uyên bác, những giáo sư, luật sư, văn sĩ, ký giả, dân biểu quốc hội . Không phải là không có lý do chính đáng mà đạo Cao Đài đã khiến cho cả thế giới đã bàn tán xôn xao về đạo ấy, mà nhiều tạp chí nổi danh ở Paris, London, Lisbonne, Varsovie, cả ở Roma và Buenos-Ayres, hai kinh đô của Thiên Chúa giáo ở Âu châu và Nam Mỹ, đã khởi sự nghiên cứu về tín điều và giáo lý Cao Đài .

“ Tiên giả thiên điều tra này đã được đặc ân lục lợi trong văn khố của Toà Thánh Tây Ninh, và đã được đọc những bức thư những tài liệu quý báu, những đơn xin quy y gửi đến đức Hộ Pháp do những nhân vật ngoại quốc ở nhiều thủ đô Âu châu và Mỹ châu . Cho đến cả nước Nhật Bản, là một xứ rất hãnh diện về Võ sĩ đạo, cũng đã gửi đến Toà Thánh Tây Ninh một phái đoàn học giả để nghiên cứu và tìm hiểu xem Cao Đài là đạo giáo mới lạ như thế nào mà đã làm xôn xao dư luận quốc tế ...”

Tuấn về Hà Nội, vội vàng tìm đến ông Lục sự Abadie tại văn phòng của ông ở toà án, để biết Toà đã xử tội viết báo của Tuấn như thế nào .

Trông thấy Tuấn, ông Abadie vui cười, khẽ bảo :

- Toà xử vắng mặt anh : 6 tháng tù và 3000 quan tiền phạt . Bây giờ anh ký giấy chống án qua toà Phá án Paris .

Tuấn không hiểu gì cả, hỏi ông Lục sự :

- Tại sao vậy ? Tôi có quyền chống án sang Paris sao ?

- Đây là một phương pháp để kéo dài vụ này, chứ sớm muộn gì rồi anh cũng sẽ bị án . Nhưng tòa Phá án Paris sẽ bác bản án của toà Hà Nội vì khuyết điểm hình thức (vice de forme) . Còn lâu lắm toà Phá án Paris mới gửi trả hồ sơ về đây . Từ nay tới đó, anh còn rộng thời giờ bay nhảy ...

Nói xong ông Abadie đưa ra sổ sách và giấy tờ gì đó, bảo Tuấn ký tên . Tin

cậy hoàn toàn nơi ông Abadie, (chỉ vì cảm tình riêng của ông đối với Tuấn), không cần tìm hiểu thêm . Tuấn cầm bút ký đại, và cảm ơn ông Lục sư .

Tuấn trao cho ông bức thư của ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc nhờ Tuấn chuyển lại . Ông tìn đồ Cao Đài Pháp vui mừng xem thư của ông “ pape “ (đức Giáo Hoàng), danh từ này của người Pháp thời bấy giờ tặng cho vị lãnh tụ Cao Đài giáo (Le Pape Caodaiste) .

Rồi ông cho Tuấn biết tuần tới ông sẽ diễn thuyết về đạo Cao Đài tại rạp chớp bóng Majestic, đại lộ Đồng Khánh . Ông trao cho Tuấn một thiệp mời, 5 giờ chiều thứ Bảy .

Tuấn có đi dự buổi diễn thuyết . Majestic là một rạp chớp bóng mới mở, lớn nhất và sang nhất ở Hà Nội lúc bấy giờ .Phòng thật rộng có thể chứa được một nghìn khán giả . Một số dự thính khá đông Tây và Đầm ngồi chật hết các dãy ghế đầu . Chỉ có vài người “ An nam “ nào đó, thuộc về hạng quan lại, ngồi với họ . Còn tất cả “ An-nam-mít “ trí thức lẫn học sinh, sinh viên, đều ngồi các dãy ghế sau .

Lúc bấy giờ chưa có máy vi âm (microphone) . Ông Abadie phải nói lớn, ông cố nói thật to nhưng vẫn khó nghe cho những người “An nam “ ngồi xa

Bắt đầu ông Cao Đài Abadie thuyết trình về lịch sử và giáo lý đạo Cao Đài dài hết nửa tiếng đồng hồ . Xong ông giới thiệu với thính giả một người Pháp, bạn đồng đạo của ông, tên là De Lagarde Chủ sự nha Bưu Điện Vientiane, Lào, hôm ấy có mặt ở Hà Nội . Ông Abadie, kể chuyện về ông De Lagarde, như sau đây :

"Ông De Lagarde trước kia không theo đạo nào hết . Ông là một người “ tin tưởng tự do “ un libre penseur. Ông làm chủ sự sở Bưu Điện ở thủ đô xứ Lào đã mấy năm, và có vợ người Nam kỳ quê ở Cần Thơ . Một hôm chủ nhật, ông đi săn bắn trong rừng sâu, bị một bầy voi rừng đuổi, ông liệu bề không bắn được và không dám chống cự, bèn ù té chạy . Vì kinh hoàng, và sồn sác sao đó, ông bị vấp ngã vào một bụi gai cào chảy máu mặt mày . Do tai nạn bất thần đó, ông De Lagarde bị thương nặng nơi hai con mắt .

Về Vientiane, mấy vị bác sĩ chữa không khỏi . Ông bị đui luôn . Người vợ

Nam kỳ của ông, đưa ông đi các nhà thương lớn ở Hà Nội và Saigon, được các bác sĩ danh tiếng săn sóc, nhưng bệnh không lành . Ông tốn hết biết bao nhiêu tiền bạc nhưng đành chịu tật mù . Ông lại phải nghỉ việc, chức vị của ông bị một người khác thay thế .

Bỗng dưng một hôm nghe lời mấy người bạn đàn bà khuyên bảo, bà vợ Nam kỳ của ông De Lagarde đưa ông đi Tây Ninh đến Toà Thánh Cao Đài . Người ta đồn rằng nơi đây, nếu bệnh nhân thành tâm cầu cơ, sẽ có Tiên giáng bút về cho thuốc chữa bệnh gì cũng lành .

Trong lúc tuyệt vọng về y khoa tây phương, Ông Tây De Lagarde đành nghe theo lời người vợ An nam và thành tâm nguyện rằng nếu có vị Tiên hay vị Thánh nào giáng cơ bút chữa khỏi bệnh của ông, ông sẽ theo đạo Cao Đài liền, và sẽ hy sinh suốt đời ông cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ .

Buổi cầu cơ được tổ chức tại Toà Thánh Tây Ninh, một đêm rằm . Vợ chồng ông De Lagarde đều thành tâm cầu nguyện và chính ông cũng theo đúng các nghi lễ cúng dường các Phật Thánh Tiên của Cao Đài giáo . Ông phải ăn chay, giữ gìn thân thể và tâm hồn trong sạch suốt ba ngày đêm trước buổi cầu cơ . Thế rồi trong không khí trang nghiêm tĩnh mịch của đêm khuya trước điện Huyền Linh, ông De Lagarde ngồi vào đàn cơ, không nói tên tuổi, nhưng giáng bút cho ông một bài thơ bằng tiếng Việt trong đó chỉ bảo ông lấy một ít tro nhang hoà vào ly nước lạnh đang cúng trên Điện Thờ mà xoa vào đôi mắt . Xoa như thế thường xuyên ba ngày đêm, sẽ thấy lại ánh sáng . Ông Tây De Lagarde làm đúng như lời Tiên dặn . Ngày thứ nhất, ngày thứ hai, ngày thứ ba . Sáng ngày thứ tư, bà vợ Nam kỳ xoa cho ông giọt nước màu nhiệm cuối cùng còn ở đáy ly . Bỗng tự nhiên cặp mắt của ông Tây dần dần hé mở ...lim dim như người mới ngủ dậy ...rồi mở hẳn . Ông De Lagarde mừng quýnh, đang nằm trên giường, liền ngồi vùng dậy reo cười lớn lên :

- Tôi đã tìm lại được nhãn quan của tôi rồi ! Tôi đã thấy lại được rồi !

Và thật thế, ông De Lagarde đã hết đui . Và ông đã trở thành một tín đồ Cao Đài nhiệt thành nhất trong đám một triệu tín đồ của Tôn Giáo mới .

Ông Abadie nói xong đến đây rồi nói tiếp :

Thưa quý Bà, quý Ông, tôi xin mời ông De Lagarde lên đây để xác nhận

câu chuyện tôi vừa kể .

Ông mỉm cười đưa bàn tay ngoắc một người trong đám cử tọa Pháp . Người này vui vẻ và hãnh diện, từ ghế ghế ngồi tiên lên diễn đàn . Cả phòng đều im lặng, đăm đăm nhìn ông De Lagarde không cao lắm, mảnh khảnh, đôi mắt sáng, nhã nhặn chào khán giả với một nụ cười :

-Thưa quý Bà, quý Ông, tôi là De Lagarde, chủ sự của Bưu Điện Vientiane, tôi xin xác nhận câu chuyện của bạn tôi, ông Abadie, vừa nói là hoàn toàn đúng dự thật ...

Cả phòng vỗ tay hoan hô ông . Ông nói tiếp :

- Và lại trong đám cử tọa sang trọng này, có nhiều bạn thân của tôi, nhất là trong ngành Bưu Điện Đông dương, đã biết tai nạn xảy ra cho tôi trước đây 3 năm, và đã làm cho tôi phải nghỉ viết vì đôi mắt bị mù hoàn toàn . Bây giờ tôi được trở lại làm việc trong ngành Bưu Điện vì cặp mắt tôi hết mù nhờ ơn của vị Tiên Cao đài đã cứu chữa bằng một ít tro nhang hoa với nước thánh .

Tiếng vỗ tay lại nổi dậy vang cả phòng Majestic, và cuộc diễn thuyết chấm dứt . Tây Đầm bu lại hỏi han ông De Lagarde, nhất là các mục đầm có vẻ tin tưởng hơn ai hết thầy .

Sau đó, Tuấn thường gặp ông De Lagarde tại Thánh thất Cao đài Hà Nội, một căn nhà ngói ở một đường phố khu Chợ Hôm (gần Route de Hue) . Ông Abadie cũng thường đến đây hành lễ . Chỉ hai ông đó là tín đồ Pháp của đạo Cao Đài mới bành trướng ở thủ đô Bắc kỳ không lâu .

Về trường hợp De Lagarde, Tuấn cho rằng đó là một hiện tượng đặc biệt hy hữu . Cũng như chính Tuấn đã chứng kiến những cuộc Cầu cơ nghiêm trang trong đó có một vị Tiên Ông xưng danh là Hư Không, hay Huyền Mặc Đạo Nhân giáng cơ bút làm những bài thơ Đường luật rất hay và ý nghĩa thâm trầm thanh thoát . Những chuyện Tiên Thánh, Phật, thỉnh thoảng xuất hiện trong cơ, bút báo trước một biến cố thời sự quan trọng, hoặc cho thuốc chữa bệnh, đều không phải là hoàn toàn bịa đặt . Nhưng trí óc phàm tục của chúng ta không thể nào giảng dạy được .

Nguyễn Vũ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 56

1938

- Lưu Trọng Lư và Võ Nguyên Giáp
- Vợ Võ Nguyên Giáp .
- Đặng Thái Mai và đứa con gái 9 tuổi .

Cùng lứa tuổi trẻ hăng say hoạt động về văn nghệ và cách mạng, Tuấn tiếp tục thường xuyên hằng ngày với hầu hết các nhân vật của hai giới trên, các bạn đồng nghiệp, đồng chí ở Hà Nội . Xao động nhất là từ thời mặt trận bình dân Pháp (1936 – 1938) .

Trong một chương trước tôi đã nói khá nhiều về khoảng từ tháng 2 – 1936, Mặt trận Bình dân (Front Populaire) lên nắm chính quyền ở Paris và những ảnh hưởng trực tiếp ở An nam, đến tháng 7 – 1937. Võ Nguyên Giáp, sinh viên Cao Đẳng Luật Khoa, Hà Nội, vừa thi đỗ chứng chỉ 2, cấp bằng cử nhân Luật, tháng 6 năm 1937.

Nhưng năm sau 1938, anh lại thi rớt bằng Luật Pháp hành chánh . Số đông sinh viên Luật Hà Nội thi đậu chứng chỉ Cử Nhân Luật liền học một năm về "Droit administrative

(Hành Chánh Luật), thi đậu cấp bằng này được bổ ra làm Tri Huyện, theo Hành chánh Nam triều, hoặc "commis" làm tại Phủ Toàn Quyền hoặc các Toà Thống Sứ, Khâm Sứ, Thống Đốc, nếu phục vụ cho chính quyền thuộc địa.

Võ Nguyên Giáp lúc bấy giờ có ước vọng làm commis, nhưng thi rớt nên bỏ học luôn, và tiếp tục làm giáo sư Sứ Địa trường Trung Học Thăng Long . Đây là một Trung học tư thục lớn ở một đường hẻm cạnh nhà thờ Tin Lành, và cách gác trọ của Võ Nguyên Giáp ở đường Henri d' Orleans độ vài trăm bước .

Tuấn thường đến nơi gác trọ này, nói chuyện với Giáp và vợ Giáp, một cựu

nữ sinh trường Đồng Khánh, Huế, người mập, không đẹp, đôi mắt to . Giáp có một tủ sách gồm phần nhiều các sách cộng sản bằng Pháp văn, và cho Tuấn mượn lần lượt hết quyển này đến quyển khác : "De l'impérialisms " của Boukharine. "Manifeste de Parti communiste française" của Thorez . "Maladie infantile de communisme" của Lénine, v.v...

Từ đây, Tuấn bắt đầu làm quen với chủ nghĩa cộng sản đệ tam quốc tế, và được dịp học hỏi rất nhiều về chủ trương của cộng sản . Tuấn đọc gần hết tủ sách của Giáp, độ 100 quyển, và các báo và tạp chí cộng sản từ Paris gửi sang : " L Humanité Cocur, Vaillant, Regards, Clarté, v.v...

Một hôm, Tuấn đem trả Giáp cuốn sách cuối cùng trong thư viện của anh . Vợ anh mời Tuấn ở lại ăn cơm trưa . Đến lúc ăn chuối tráng miệng, Giáp hỏi Tuấn :

- Anh là người bạn đầu tiên đã chịu khó đọc hết các sách trong tủ sách của tôi, nói về chủ nghĩa cộng sản . Chắc nay anh đã hiểu rõ chủ nghĩa cộng sản ...

- Vâng, và lần đầu tiên tính ham học hỏi của tôi được hoàn toàn thỏa mãn . Tôi đã tìm được nơi nhà anh chị đầy đủ sách cộng sản để nghiên cứu thật kỹ về chủ nghĩa ấy . Cám ơn anh chị nhiều lắm .

Giáp mỉm cười hỏi :

- Anh nghĩ sao về chủ nghĩa cộng sản theo như anh đã nghiên cứu, anh có thể cho tui tui biết được không?

- Được chứ .Tôi nghĩ rằng chủ nghĩa cộng sản không thích hợp với dân tộc Việt Nam .

Trước kia chưa đọc các sách báo ấy, tôi còn nhiều thắc mắc, nhưng vẫn có chút ít tình cảm với học thuyết Mác – Lê, vì anh chị cũng biết là tôi thuộc về thành phần vô sản . Nhưng từ khi đã đọc và nghiên cứu kỹ các sách về cộng sản chủ nghĩa thì tôi thất vọng hoàn toàn. Tôi có ý thức rõ rệt rằng chủ nghĩa cộng sản, nếu áp dụng ở Việt Nam, chắc chắn sẽ làm sụp đổ hết các nền tảng luân lý gia đình, xã hội, quốc gia của dân tộc VN, cho đến cá nhân của con người cũng sẽ không còn nữa .

Giáp tủm tỉm cười, không nói gì, nhưng chị Giáp hỏi :

- Anh có nhận thấy xã hội tư bản đầy rẫy bất công không đã ?

- Thấy rõ lắm chứ, chị . Nhưng muốn san bằng những bất công đó, và tạo ra một xã hội tự do, công bằng, nhân đạo, một thế giới đại đồng, phải một cuộc cách mạng khác cơ, chứ không thể là cuộc cách mạng vô sản được . Cuộc cách mạng vô sản, theo chủ trương của Mác Lê, chỉ đập đổ một bất công để tạo ra một bất công khác, đập đổ một đế quốc để tạo ra một đế quốc khác . Và sau cùng, là phá bỏ xiềng xích nô lệ này để cột vào xiềng xích nô lệ khác . Như thế đâu phải là cách mạng ?

Võ Nguyên Giáp bảo :

- Chính cái révolution prolétarienne (cách mạng vô sản) tạo ra một giai cấp bình đẳng cho tất cả mọi tầng lớp, một thế giới đại đồng cho tất cả nhân loại, trong đó, như anh đã đọc trong quyển Le Capital của Karl Marx và La Dictateur du Proletariat của Lénine, chế độ đế quốc tư bản bị đập đổ bởi những mâu thuẫn nội bộ của nó, và cách mạng thợ thuyền sẽ thắng lợi .

Tuấn hỏi lại :

- Lénine không căn cứ vào sự kiện thực tế của con người để xác định rằng chế độ tư bản sẽ tự nó sụp đổ vì những mâu thuẫn nội bộ của nó, và cách mạng vô sản sẽ thắng lợi . Giả sử cách mạng vô sản sẽ thắng lợi thì xã hội của con người sẽ ra sao ? Huống chi, suốt thời Lénine nắm quyền, cuộc cách mạng Lénine làm nổ bùng lên ở Nga, vẫn đi từ thất bại này đến thất bại khác, đâu có thắng lợi ?

Chứng cứ là Lénine đã phải áp dụng tân chính sách kinh tế N.E.P, sau trận đói 1921, trận nội chiến do nông dân dấy lên và cuộc nổi loạn của hải quân Kronstadt, tháng 3 năm 1921. Lénine chán nản, đã bỏ hoạt động cách mạng từ năm 1922, đến năm 1924 Lénine chết mà không loé lên một tia hy vọng thắng lợi nào của chủ nghĩa cộng sản . Đến khi Staline lên cầm quyền, phải dùng đến khủng bố, tù đày, đàn áp giết chóc hàng triệu người mới duy trì được chế độ gọi là "vô sản" . Như vậy thì cuộc cách mạng "bôn sơ vích" đã thực hiện ở Nga đến nay đã gần một phần tư thế kỷ rồi, vẫn chưa thắng lợi . Nó chỉ được kéo dài nhờ chính sách sắt máu của Staline mà thôi, và chính nó đã bị chia rẽ trầm trọng bằng sự thành lập Đế Tư Quốc Tế của Trotsky.

Võ Nguyên Giáp, hai tai đỏ bừng, nhưng nét mặt bình tĩnh, ngắt lời Tuấn :

- Trong quyển L' État et la Révolution, Lénine đã nói rõ rằng chính phủ vô sản cần phải giết hết giai cấp tư sản để đi đến thắng lợi, nhưng đó chỉ là một chính sách giai đoạn, vì Lénine chủ trương thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa Mác-Lê là thế giới cộng sản sẽ không còn giai cấp, cũng không còn quốc gia (ni classe, ni état) . Còn Trotsky, thì anh xem các sách cũng đã biết rõ, hẳn chỉ là một kẻ phản bội un rénégat, một loại Kautsky, Kerinsky.

Vợ Giáp cười :

- Anh Tuấn, anh là thi sĩ, anh chỉ có thể là một thi sĩ thôi .

Võ Nguyên Giáp cũng cười :

- Anh chàng mơ mộng bất trị ! Nếu tôi nắm chính quyền, tôi sẽ bắn anh chết, rồi sẽ dựng cho anh một cái tượng như người Hy Lạp thời Thượng cổ .

Tuấn cười :

- Rất tiếc, tôi không được là một đệ tử của Homère (Homère, thi sĩ Hy Lạp, thế kỷ IX trước J.C), nhưng tôi cũng không phải là đệ tử của Platon (Platon, một triết gia Hy Lạp 428 – 342 trước J.C . Trong quyển La République, Platon có một chủ trương biện chứng pháp tư tưởng) .

Chị Giáp thường ở nhà, ít đi đâu với chồng . Võ Nguyên Giáp thường đi chung với Đặng Thái Mai, cặp này là đôi bạn thân, vừa là đôi bạn đồng chí, đã kết nghĩa "huynh đệ ", coi như hai anh em ruột . Đặng Thái Mai, giáo sư, cũng dạy trường Thăng Long, có một đứa con gái lúc bấy giờ 8 tuổi, chỉ ham đọc tiểu thuyết kiếm hiệp, loại tiểu thuyết 32 trang, không có bìa bán 3 xu, dịch các truyện kiếm hiệp Tàu, đại khái như "Bạch Y thần nữ ", "Người Nhạn Trắng ". "Nga Mi hiệp sĩ ", v.v...Mỗi tuần ra một xấp kế tiếp cho đến khi trợn bộ .

Dân chúng thường gọi là "tiểu thuyết ba xu" với ngụ ý chê là loại tiểu thuyết rẻ tiền, không có giá trị văn chương, và giới trí thức không đọc .

Một buổi chiều, Tuấn đang đi lang thang phố Hàng Cót, gặp Võ Nguyên Giáp và Đặng Thái Mai từ trên đi xuống . Mai nắm tay đứa con gái 8 tuổi .

Bắt tay xong, Giáp hỏi :

- Chàng mơ mộng đi đâu đây ?

Tuấn cười :

- Đến thẳng bạn ở Hàng Than, mượn vài đồng bạc .

Giáp nhón một nụ cười chế nhạo, khá dễ thương :

- Thi sĩ mà cũng cần đến tiền bạc à ?

- Nếu không mượn được tiền, tối nay phải nhịn đói .

Giáp và Mai cười xòa, Mai bảo :

- Đói thì đói, mặc kệ, đừng thèm đi mượn tiền . Tụi tôi cũng đang đói đây, nay mới 28 tây, mà túi đã hết sạch tiền rồi, đi chơi cho hết đói .

Võ Nguyên Giáp nắm tay Tuấn :

- Đi chơi với tụi tôi, hết đói .

Tuấn đưa tay lên gãi sau ót vài cái, rồi cũng đi chơi với hai chàng kia, quên luôn vụ đi mượn tiền . Đến trước hiệu sách Thu Tâm gần trường Nữ tiểu học Brieux, hiệu trưởng trường này là bà Trịnh Thục Oanh, nổi tiếng Hà thành là một "nữ lưu tân tiến" nhất, tình nhân của viên Thống Sứ Yves Châtel, và lại là vợ của một luật sư họ Bùi. Bà này đã sang Paris sửa lại lỗ mũi cao cho giống mũi Đâm, tốn hết 2000 đồng, theo thời giá năm 1937. Nhưng ở Pháp về, mũi của bà chỉ cao thêm một vài millimètres, chứ không thể nào giống mũi của nữ thần Vénus được .

Tuấn và cặp "anh em" Giáp, Mai đang bàn về chuyện bà Trịnh Thục Oanh thì đứa con gái của Đặng Thái Mai đòi cha cho nó vào tiệm sách Thu Tâm mua mấy xấp "tiểu thuyết ba xu ", Mai bảo nó :

- Đầu tháng hãy mua, com . Hôm nay cậu hết tiền rồi .

- Cậu vào mua chịu cho con .

- Họ có bán chịu không ?

- Có .

Đặng Thái Mai dắt con gái vào nói cô chủ tiệm bán cho nó mấy xấp "Bạch y thần nữ "v.v...tiếp theo . Tuấn hơi ngạc nhiên, hỏi Đặng Thái Mai :

- Cháu còn nhỏ quá, mà anh cho cháu đọc loại chuyện kiếm hiệp à ?

Mai gãi đầu, với một nụ cười triết lý :

- Cứ cho nó đọc, để sau này lớn lên nó sẽ làm một "thiếu lâm hiệp nữ "chứ sao !

Võ Nguyên Giáp nói thêm vào :

- Triệu Ấu cũng là một tay kiếm hiệp đại tài thuở xưa .

Dĩ nhiên, con gái của Đặng Thái Mai gọi vợ chồng Võ Nguyên Giáp bằng "bác ", bác trai bác gái, và được chị Giáp cho kẹo bánh hoài mỗi lần cháu bé được cha dắt đến nhà bác Giáp .

Sau khi Đại Chiến Âu châu bùng nổ, chị Giáp bị chính phủ thuộc địa ở Hà Nội bắt giam vào "nhà pha hỏa lò", bị đánh đập dã man, rồi chết trong ngục, năm 1944 . Năm 1946, Võ Nguyên Giáp, tổng tư lệnh quân đội Việt Minh, lúc bấy giờ 35 tuổi, lấy con gái Đặng Thái Mai làm vợ . Nó mới 16 tuổi . Người bạn kết nghĩa của Giáp trở thành cha vợ của Giáp .

Tuấn nhớ lại một buổi chiều chủ nhật từ làng Bưởi đi tàu điện về Hà Nội, qua khỏi các lò giấy bản độ một khoảng thì Tuấn trông thấy Lưu Trọng Lư, Võ Nguyên Giáp, vợ Võ Nguyên Giáp, (người vợ trước), Đặng Thái Mai và đứa con gái 8 tuổi của anh này, cùng đi trên đường nhựa hướng về Hà Nội . Ba người bạn đàn ông đi trước, chị Giáp đi sau, thân mật nắm tay con gái anh Mai, như hai mẹ con.

Tàu điện vừa ngừng gần cổng Trường Bảo Hộ (Lycée du Protectorat) thì đám này cũng vừa đến gần đấy, Lưu Trọng Lư đưa tay ngoắc Tuấn, gọi Tuấn xuống . Võ Nguyên Giáp và Đặng Thái Mai cũng nở một nụ cười đồng ý muốn Tuấn xuống nhập bọn với đám này để đi bộ một quãng đường cho vui . Và lại, từ đây về Hà Nội cũng không bao xa gì. Đã bắt đầu đến đường Quan Thánh (route de Grand Bouddha) và bên trái đã thấy ló dạng mặt nước Hồ Tây gợn sóng, và gió chiều phảng phất hương sen .

Trong đám 6 người này, 3 người là cộng sản chính cống, Giáp và Mai là hai lãnh tụ, vợ Giáp là một cán bộ cao cấp . Tuấn thì triết để trung thành với lý tưởng thuần túy quốc gia, chống phát xít và không đảng phái . Lư thì đã có khuynh hướng thân Nhật, tin tưởng nơi Cường Để và Nhật hoàng sẽ giải phóng cho xứ sở "An nam ", còn con bé 8 tuổi của anh Mai thì chỉ mê kiếm hiệp và thích võ thiếu lâm ...Tuy nhóm này mang nặng trong đầu óc những sắc thái chính trị khác nhau, cách biệt nhau nhiều, nhưng cuộc đi bộ chiều chủ nhật vẫn vui vẻ, êm đẹp và có chiều thân mật nhau nữa .

Tự nhiên, Lưu Trọng Lư quay lại hỏi "cô bé kiếm hiệp "(các bạn của Đặng Thái Mai vẫn gọi đùa con gái của anh như thế) :

- Sau này mi dùng võ Thiếu Lâm để đánh Tây, đánh Nhật hay đánh Nga ?

Mi trả lời hay thì tao thưởng cho mi một đồng bạc .

Con bé đáp liền :

- Con đánh cả Tây, cả Nhật, cả Nga .

Tất cả đều cười rồ lên . Chị Giáp cười nhiều hơn hết, Tuấn bảo :

- Con nhỏ trả lời câu đó được lắm à ! Mi đồng chí với tao rồi đấy .

Nhưng Lưu Trọng Lư gạn hỏi nó :

- Sao mi đánh Nhật ?

Nó cười, không trả lời .

Võ Nguyên Giáp hỏi nó :

- Con đánh Nga nữa, hả con ?

Con bé cũng cười . Nghĩ ngợi một phút, nó trả lời :

- Hễ nước nào đánh nước An nam, con sẽ đánh nước đó .

Tuấn khoái, reo lên :

- Bravo, cô bé kiếm hiệp !

Vợ Võ Nguyên Giáp nói đỡ một câu trả lời Tuấn :

- Nó sẽ là một nữ chiến sĩ cộng sản, anh sẽ bravo nó nhiều hơn .

Lưu Trọng Lư ngắt lời :

- Cộng sản chi con này .

Đặng Thái Mai bảo :

Anh đừng tưởng . Nó sùng bái Staline lắm đây . Bác Võ Nguyên Giáp của cháu nói cháu sẽ là Rosa Luxemburg thứ hai (Rosa Luxemburg, nữ chiến sĩ cộng sản Đức, rất nổi danh trong cuộc cách mạng tháng 10 . Chết tại Berlin năm 1919) .

Tuấn cười :

- Rosa Luxemburg sao lại đòi đánh Nga ?

Con bé ngây thơ hỏi cha :

- Cậu ơi cậu, Rosa Luxemburg có giỏi võ thiếu lâm không cậu ?

Võ Nguyên Giáp trả lời :

- Một chiến sĩ cộng sản không cần phải giỏi võ thiếu lâm, cháu ạ .

Lưu Trọng Lư cho rằng nhét vào đầu óc đứa bé 8 tuổi những danh từ bao quát khó khăn như thế chẳng ích gì . Anh chàng chỉ muốn nói chuyện bông đùa cho vui :

- Mi đòi đánh cả Nhật hoàng Hiro-Hito, thì mi láo thật .

Con bé cười :

- Bác hứa bác thưởng cho con một đồng bạc cơ mà ?

- Nhưng mi trả lời như rứa, tao không thưởng một cắc, một xu .

- Bác không thưởng thì thôi .

- Mi dám hứa với tao là mi đừng đánh Nhật Hoàng, thì tao thưởng .

Con bé cười, suy nghĩ một chốc rồi trả lời Lưu Trọng Lư :

- Thế thì bác có dám hứa với con là Nhật bốn không đánh nước An nam không ?

Lư cười ngặt nghẽo rồi bảo :

- Cái cô bé kiếm hiệp này rõ thật là rắc rối, à...rắc rối nhĩ ...

Nó trả đũa liền :

- Tại bác rắc rối đấy chứ .

Tuấn rất chịu những câu trả lời đanh thép của con bé .

Chàng đưa tay xoa đầu nó, và nói Võ Nguyên Giáp, chàng bảo :

- Con nhỏ này sau có thể là Trưng Trắc, Triệu Ẩu, chứ không thể là Rosa Luxemburg đâu, anh ơi!

Giáp chỉ mỉm cười, Giáp có một lối cười trầm ngâm, bí mật, cũng dễ thương .

.....

Lưu Trọng Lư ơi, còn nhớ buổi chiều chủ nhật ấy không?

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 57

1937-38-39

- Tình hình chính trị tổng quát
- Các đảng phái cách mạng hoạt động trong bóng tối.
- Đặng Xuân Khu nhảy vô Hội Truyền Bá Quốc Ngữ của ông Nguyễn Văn Tố, Võ Nguyên Giáp, Đào Duy Anh .
- Phật giáo

Tình hình chính trị, xã hội, văn hóa, kinh tế của Việt Nam từ 1937 đến 1939, hình như ứ đọng lại . Sau cuộc sụp đổ của chính phủ Léon Blum (đảng S.F.I.O), Mặt trận Bình dân Pháp hoàn toàn tan vỡ . Các nhà cai trị cao cấp Đông dương, do Mặt trận Bình dân Pháp đặt để, cũng dần dần trở cờ một cách nhẹ nhàng, êm thấm, không có gì xáo trộn lắm .

Nhưng người ta có cảm tưởng là ở trời Âu không khí ngột ngạt như sắp sửa có một trận giông tố trầm trọng sắp nổ bùng . Ở Việt Nam vẫn nhìn thấy thỉnh thoảng những làn chớp ngoằn ngoèo xẹt ra nơi chân trời mờ mịt mây đen ...

Tình hình châu Âu bắt đầu căng thẳng vì chính sách quyết liệt của Hitler, tân quốc trưởng Đức, lãnh tụ đảng Quốc xã (Nazi) . Dồn dập ba biến cố lớn làm rung động thế giới : Mặt trận Bình dân Pháp sụp đổ, quân đội Hitler chiếm đóng hạ Rhénanie, bất chấp hoà ước Versailles và mặt trận Antikomintern ra đời (chống cộng sản đệ tam thế giới và Staline), do Hitler chủ xướng, Mussoloni phụ hoạ (độc tài phát xít Ý) và Nhật bốn hùa theo .

Trái lại, tình hình chính trị ở Việt Nam dần dần lắng dịu trong không khí ngột ngạt . Đảng cộng sản Đông dương rút vào trong bóng tối, hoạt động bí mật, hoàn toàn trở lại vị trí của một hội kín, bị mật thám Pháp dòm ngó hăm dọa .

Ở Hà Nội, nhóm Đệ Tứ rất thiểu số của Huỳnh Văn Phương không còn tỏ

dấu hiệu sinh tồn nữa . Phương biến đi đâu mất . Nhiều anh em cho rằng Trương Tửu là Đệ Tứ, nhóm báo “ Tiến Bộ “ của Nguyễn Uyển Diễm cũng là Đệ Tứ . Nhưng Tuấn biết rõ các nhóm lẻ tẻ này, chỉ có cảm tình với Đệ Tứ ghét Đệ Tam, nhưng có tư tưởng xã hội lơ mờ, chưa dứt khoát . Cho nên họ sống riêng rẽ, không liên kết với nhau . Trương Tửu cho bọn

“Tiến Bộ “ của Uyển Diễm là “ hủ nho “ vì bọn này học chủ nghĩa cộng sản qua các sách Tàu và hiểu biết thô sơ, tạp nhạp về lý thuyết mà thôi . Bùi Ngọc Ái thì quốc gia “ Ultra “ rất ghét Đệ Tam .

Trương Tửu ở trong thời kỳ ham mê nghiên cứu, thích làm nhà “ học giả “ hơn là nhà cách mạng chính trị . Anh ta đọc Karl Marx, Lénine cũng hào hứng như đọc Nietzsche, Freud, Bergson và Nguyễn Du .

Các đảng chính trị khác như Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội, Việt Nam Phục Quốc hội ở Saigon, Tân Việt đảng ở Huế, không rục rịch từ lâu . Tất cả đều âm thầm ngay thời Mặt trận Bình dân. Đảng viên hầu hết là trí thức tiêu tư sản, đa số ở trong giới giáo học, trợ giáo, công chức văn nghệ, như Đào Duy Anh (Huế), Lan Khai (Hà Nội), Nguyễn Văn Sâm (Saigon) v.v... Tinh thần cách mạng của quảng đại quần chúng hãy còn rụt rè, yếu ớt .

Ảnh hưởng thực dân Pháp còn sâu đậm trong dân chúng .

Học sinh Nam Trung Bắc cũng như sinh viên Cao đẳng Hà Nội tiếp tục chăm lo học hành, không tham gia chính trị nữa . Thời kỳ bãi khóa để kêu gọi ân xá cụ Phan Bội Châu đã qua lâu rồi “Ông Già Bến Ngự “ nằm trong chiếc thuyền nan lơ lửng trên sông Hương, khóc mây, khóc gió . Nghèo hết người giúp đỡ, cụ với tên đầy tớ tên là Lãng, chèo ghe đi Cửa Thuận An, mỗi tháng mấy lần buôn gạo về bán ở ngay cái chòi lá nơi góc vườn nhà cụ, bên hông chùa Từ Đàm .

Tuấn từ Hà Nội đi Saigon có ghé Huế vào đây thăm cụ . Hàng xóm đến mua gạo của cụ, kể một lon người hai lon, toàn là dân nghèo . Cụ kiếm lời mỗi lon một, hai xu .

Thình thoảng cụ có làm một vài bài thơ khí khái, viết một vài câu chuyện đạo đức, như

“Dây và Dao “ đăng trong báo Tiếng Dân . Cụ Huỳnh Thúc Kháng tặng cụ

chút tiền nhuận bút đủ cho cụ hút thuốc lào .

Một cuộc ẩu đả xuýt xảy ra tại tòa soạn báo Tương Lai của Nguyễn Trọng Luật, phố Hàng Da, một buổi chiều thứ Bảy . Nhà văn Lan Khai đi với Tuấn đến chơi tại tòa báo này, gặp một người bạn của Chắt, là Kính, đang ngồi hút thuốc lào với Nguyễn Triệu Luật . Kính cũng là cộng sản và thường đi đôi với Chắt . Câu chuyện chính trị quốc tế một lúc chuyển về chính trị Việt Nam . Thừa dịp, Lan Khai rất điềm nhiên bảo Kính :

- Các cậu đ... phải là dân Annam !

Kính nổi quạu :

- Dân An nam thì nước mẹ gì ?

Nghe câu đó, Tuấn nổi nóng lên, nhưng làm thinh . Lan Khai nói tiếp :

- Thế là cậu chửi Nước Mẹ của cậu rồi đấy ! Cậu là dân vô tổ quốc rồi còn chó gì .

Kính tự biết mình hớ, nhưng vẫn ngoan cố, đả kích chủ nghĩa quốc gia, đề cao cộng sản và Staline . Câu chuyện dần dần đến Phan Bội Châu, Tuấn bảo :

- Thăng nào viết bài phỉ báng cụ Phan Bội Châu thăng đó tôi mà gặp nó, tôi đánh nó bể mặt .

Kính cười gằn, khiêu khích :

- Thăng này viết đây, thưa anh ạ .

Tuấn không thèm trả lời, vớ ngay điều thuốc lào ở trên bàn (điều cày, bằng tre) ném vào mặt Kính . Kính né sang một bên, chiếc điều cày bay đùng vào thành ghế, dội lại Kính, làm đổ cả điều vào áo chàng.

Kính đứng dậy, nháy chồm vào Tuấn, định đánh Tuấn . Nguyễn Triệu Luật vội vàng ôm chầm lấy Kính trong lúc Lan Khai làm bia đỡ Tuấn . Cuộc xô xát trầm trọng khởi xảy ra, nhưng hai bên còn đang hung hăng .

Vũ Trọng Phụng từ ngoài cửa bước vào, điềm nhiên :

- Đứa nào có tiền, cho tao 3 xu trả tiền xe ?

Nguyễn Triệu Luật nắm hai vai áo Kính, dẫn mạnh y ngồi xuống ghế :

- Mà ngồi yên, nhúc nhích tao đánh bỏ xừ .

Luật móc trong túi áo ra 3 xu đưa Phụng để trả anh phu xe kéo .

Lan Khai đột ngột cười rộ lên một tiếng, và buông Tuấn ra, thuật chuyện lại

cho Vũ Trọng Phụng nghe . Phụng bảo Kính :

- Các cậu muốn phê bình cụ Phan Bội Châu về lý thuyết chính trị, thì cứ phê bình . Nhưng các cậu mặt sát cụ, gọi cụ là “ Phán Bội “ Châu, thì quá lắm . Tuần nó cáo sườn về bài đó đã một tuần nay chứ không phải mới hôm nay đâu . Thôi, Luật, toa lấy cái ống điếu khác cho mỗi thằng hút một điếu, huề cả làng !

Đặng Xuân Khu nhảy vô Hội “ Truyền Bá Quốc Ngữ “ mà hội trưởng là ông Nguyễn Văn Tố, nhà học giả thuần túy Việt Nam, luôn luôn mặc áo dài trắng, chít khăn đen, che dù . Đặng Xuân Khu hoạt động mạnh trong khu vực Hà Nội, với tư cách giáo viên .

Tuổi 30, thấp như Trương Tửu, khuôn mặt na ná giống Võ Nguyên Giáp nhất là lúc anh cười . Khu chưa đỗ bằng Thành Chung . Giáp tiếp tục dạy trường Thăng Long với Đặng Thái Mai, Hoàng Minh Giám . Trần Huy Liệu viết báo lảng nhãng kiếm tiền nuôi cả một gia đình đông đúc, nghèo “ sát ván “ ở phố Hàng Than, gồm một bà vợ “ nhà quê “ buôn thúng bán mẹt ở chợ Đồng Xuân, và một bầy con 7,8 đứa, mũi dài lòng thòng, áo quần rách rưới . Thường gặp Tuấn, Liệu than phiền tình cảnh gia đình của anh, mà “ đảng “ chả giúp được gì cả.

Các đảng quốc gia vẫn chìm trong bóng tối hoàn toàn . Nhược điểm của các phái Cách Mạng Quốc Gia là không có hậu thuẫn của quảng đại quần chúng . Một phần lớn thợ thuyền, bình dân lao công các giới, hoặc đã nghe theo lời tuyên truyền của cộng sản, làm đảng viên, hoặc cảm tình viên . Đa số thợ thuyền thích an phận thủ thường, không tham gia phong trào . Các đảng cách mạng quốc gia chỉ tìm đồng chí trong các giới trí thức tiểu tư sản, hoặc công tư chức trung lưu, nhưng rất ít . Và các giới này nhút nhát, sợ liên lụy, tù tội . Cuộc khởi nghĩa thất bại của Nguyễn Thái Học năm 1929-1930, và cuộc xử tử 13 đồng chí VNQDĐ ở Yên Bái có ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần nhút nhát, cầu an của các lớp thượng lưu và trung lưu Bắc Trung Nam.

Sinh viên Cao đẳng Đông dương thì không thành vấn đề . Lớp kế tiếp bây giờ hoàn toàn thụ động, chỉ lo cầu danh, đua nhau học thi, để ra làm “ Tham Tá “, “ Y sĩ Đông dương “, “ Đốc học “, Tri huyện, v.v... để phục vụ

Bảo hộ và Nam triều . Trừ một vài phần tử cách mạng thận trọng hoạt động ngoài phạm vi học đường, còn thì toàn thể xã hội trí thức, cũng như bình dân đều thích sống an bài, thụ hưởng, ân huệ của sự hiện diện của người Pháp ở Đông Dương mà đại đa số còn theo nịnh bợ .

Tình hình tổng quát của báo chí và văn nghệ cũng trầm lắng, nhưng vẫn theo dõi sát những biến chuyển khá sôi động ở Tây Âu . Một số người Pháp có tinh thần chống thực dân Pháp, và đã tỏ ra thân An nam một cách khá khải đáng khen, bây giờ cũng chấm dứt, hoặc giảm bớt những hành động báo chí của họ .

Amédée Clémenti, chủ nhiệm L'Argus Indochinois, một tờ báo hoàn toàn chống thực dân Pháp, đã đình bản tờ báo của ông . Sau khi thất bại việc đi tìm mỏ vàng ở Savannakhet với nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh, chủ báo L'Annam nouveau và ông Vĩnh chết trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm này, Clémenti thất vọng trở về Thái Bình sống nơi quê vợ, với người vợ “An nam “ của ông, một nữ giáo sư rất giỏi tiếng Pháp và cũng là một cộng sự viên rất đặc lực của ông .

Thỉnh thoảng Tuấn gặp Clémenti ở Hà Nội, người thấp, gầy, nghiện thuốc phiện, nhưng cặp mắt sáng quắt với nụ cười luôn luôn mỉa mai . Một hôm, thấy ông lết bộ trước chợ Hàng Da, Tuấn chưa kịp chào, ông đã nhanh bước đến bắt tay Tuấn :

- Ủa, anh ở nhà pha ra bao giờ ?
- Ra lâu rồi .
- Coi chừng, sẽ trở vào nhà pha nữa nhé .

Tuấn nhún vai :

- Bất cần, còn anh ? Đạo này con chim L 'Argus không hồi sinh từ đống tro tàn của nó nữa à ? (theo thần thoại Tây phương, L' Argus là con chim Minh trĩ, bị đốt chết thành tro vẫn tái hiện từ đống tro ấy và sống lại)

Với một khoát tay thất vọng, ông bảo :

- Để nó chết yên tĩnh . Nó sống đã khá nhiều rồi .
- Bây giờ anh ở đâu ?
- Tôi cày ruộng ở quê vợ tôi .

Tuấn cười :

- Được mùa không ?
- Lúa nhiều, nhưng thuế cũng nhiều . Còn anh, sống được chứ ?
- Luôn luôn không có xu dính túi .
- Sao anh không về quê tạm một thời gian ?
- Tôi còn trẻ, còn thích sống phiêu lưu .

Clémenti tóc đã bạc, gần 50 tuổi, vỗ vai Tuấn và mỉm cười :

- Thôi chào anh, thi sĩ ! Anh cứ đi con đường của anh . (Allez, adieu, poète ! Faites votre chemin !)

Tuấn nhớ mãi câu vĩnh biệt và nụ cười chán đời của ông Tây già . Từ hôm đó, Tuấn không gặp ông Cựu chủ nhiệm báo L' Argus Indochinois nữa . Sau Tuấn nghe nói ông bị giết ở Thái Bình, năm 1945, với người vợ của ông . Được tin, Tuấn buồn ghê . Tuấn phần uất không hiểu vì sao Amédée Clémenti bị giết ? Tuy là người Pháp, nhưng suốt một đời làm báo của ông, ông đã hy sinh tất cả để chống chánh sách đế quốc thực dân Pháp, chống áp chế, nô lệ, bất công, triệt để bênh vực các cuộc vận động độc lập của người Việt nam cách mạng . Yêu Nước, Việt Nam là quê hương của vợ ông, ông là người bênh vực hăng hái nhất và can đảm nhất cho Nguyễn Thái Học, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Nguyễn Ái Quốc .

Một tờ báo khác, nguyệt san, tập Revue Franco – Annamite (Pháp Việt tạp chí) của ông Ernest Babut cũng đình bản . Ông này là người đảng Xã Hội S.F.I.O. Pháp , đồng chí với Marius Moutet, Léon Blum, v.v... nhưng ông vừa chống thực dân Pháp vừa lãnh tiền trợ cấp hàng tháng của Phủ Toàn Quyền (chính phủ thuộc địa của thực dân) .

Ông đã gây được thiện cảm một phần nào của các giới cách mạng Việt Nam, nhưng họ vẫn dè dặt đối với ông . Các nhà ái quốc cách mạng chân chính đều biết rằng từ Léon Blum, Moutet, đến Babut, đảng Xã hội Pháp vẫn luôn luôn đi hàng hai, vừa bắt tay Cộng sản vừa bắt tay Tư bản, vừa ủng hộ đế quốc thực dân vừa ủng hộ dân chúng thuộc địa .

Chính sách điển hình của Đảng Xã hội Pháp được chứng minh rõ rệt nhất khi Hồ Chí Minh nắm chính quyền ở Hà Nội và Marius Moutet làm Tổng trưởng Pháp quốc Hải ngoại (thuộc địa) ở Paris - Một mặt Moutet ký tạm

ước Modus-Vivendi cho Việt Nam độc lập trong Liên Hiệp . Pháp vẫn còn bám lấy Liên Hiệp Pháp cho kỳ được, theo diễn văn Brazzaville của De Gaulle tháng 3-1945. Một mặt chủ trương đánh Hồ Chí Minh và chiếm lại Hà Nội (19-12-1946) .

Ông già Ernest Babut thường nói với Tuấn, và Tuấn không bao giờ quên được câu này :

- Nước An nam là một nước nhỏ và yếu, lại có hai người láng giềng to và mạnh : Trung Hoa và Nhật Bản. Vậy giữa Trung Hoa và Pháp, các anh hãy chọn người Pháp . Nếu người An nam đuổi người Pháp ra khỏi xứ này, thì hai mươi bốn giờ sau, làn sóng Tàu, hay là làn sóng Nhật, sẽ tràn ngập An nam, và các anh sẽ bị chết chìm hết rồi .

Đó là lời của một đảng viên có uy tín nhất của đảng Xã Hội Pháp ở Đông Dương . Tuấn hỏi lại ông Babut :

- Nếu vậy thì theo ông, không bao giờ nước An nam được độc lập ?

Ông Babut gật đầu hai ba cái :

- Si si ...Có chứ, có chứ, nhưng có là khi nào nước An nam sẽ có đủ điều kiện độc lập với sự giúp đỡ của Pháp . Vì các anh hãy coi chừng, kẻo các anh sẽ làm mồi hoặc là cho phát xít Nhật, Tàu, hoặc cho cộng sản Nga .

Tuấn không công khai phản đối ông Babut, nhưng trong thâm tâm cho là đó là chủ trương của thực dân. Tại tòa báo Franco Annamite, Tuấn cũng thường tiếp xúc với Vũ Ngọc Phan . Vũ Ngọc Phan là rể của ông Sở Cường Lê Dư . Ông này lùn và mập, sói đầu, quê ở Quảng Nam . Thời phong trào Đông du, ông có sang Nhật bản theo cụ Phan Bội Châu làm cách mạng . Nhưng ông lén trở về Hà Nội đầu hàng Pháp, và được phủ Toàn Quyền Pháp cho giúp việc trong viện Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Francaise d' Extreme- Orient) .

Vũ Ngọc Phan, đỗ tú tài xong, người ốm yếu, mảnh khảnh, được ông bố vợ Lê Dư giới thiệu vào làm thư ký tòa soạn Pháp - Việt tạp chí . Ông Babut giao cho Vũ Ngọc Phan phụ trách trang Việt ngữ .

Vũ ngọc Phan không thích chính trị, và tuyệt nhiên không có tham gia một phong trào cách mạng nào cả . Anh chuyên môn dịch một vài tác phẩm ngoại ngữ : Anna Karénine, Manon Lescaut, v.v... Anh cũng viết mục “

phê bình “ văn học, do nơi đây mà Tuấn quen biết Vũ Ngọc Phan . Anh có người vợ khá đẹp, con gái ông Lê Dư, thỉnh thoảng làm vài bài thơ cổ điển nhưng ít đăng báo . Có lần Tuấn hỏi :

- Sao chị không xuất bản tập thơ của chị ?

Chị trả lời với một nụ cười hồn nhiên :

- Tôi làm thơ amateur (thơ lối tài tử) chơi cho vui, chớ đâu phải thi sĩ như các anh .

Thơ chị giống như món nữ trang của chị, óng ánh, duyên dáng, dễ thương, độ năm ba bài chớ không nhiều .

Vũ Ngọc Phan có người em trai, Vũ Minh Thiều, di cư vào Saigon năm 1954. Vũ Minh Thiều cũng mảnh khảnh, có gương mặt na ná giống Vũ Ngọc Phan, và cũng như Phan, Thiều sở trường về dịch sách và truyện ngoại quốc bằng Pháp văn .

Tháng 12 năm 1947, Tuấn rất ngạc nhiên gặp ông Ernest Babut tại Đà Lạt, ông đã 80 tuổi . Ông kể lại tỉ mỉ cho Tuấn nghe ông ở với ông Hồ Chí Minh tại phủ Chủ tịch (Phủ Thống Sứ cũ) năm 1946, và bị lính của Sainteny bắt ông như thế nào lúc ông trốn dưới hầm ... Ông thuật lại cho Tuấn nghe :

- Hôm 19-12-1946, quân lính của Sainteny kéo tới chiếm phủ Chủ tịch Hà Nội, nhưng Hồ Chí Minh đã lén đi Thái Nguyên rồi . Hồ Chí Minh bảo tôi đi với ông, nhưng tôi đã 80 tuổi rồi, không có sức đi được nữa nên tôi ở lại . Tôi vẫn ở trong Phủ Chủ tịch cho đến 8 giờ tối . Súng bắn rất quá, Việt Minh và quân Pháp còn đang đánh nhau quanh Hồ Hoàn Kiếm và Phủ Chủ tịch . Khi lính Pháp vào trong Phủ thì chúng bắt tôi dưới hầm trú ẩn . Chúng toan giết tôi, nhưng tôi xưng tên tôi là Ernest Babut và bảo chúng là tôi muốn gặp ông Sainteny . Họ còng tay tôi, dắt tôi đến Ủy viên phủ đặt ở sở Radium đường Richaud, gần chùa Quán Sứ . Sainteny giam tôi trong một căn phòng và hôm sau họ đưa tôi đi máy bay nhà binh vào Saigon . Nơi đây họ hỏi tôi muốn hồi hương Pháp quốc hay muốn ở lại Việt Nam . Tôi tình nguyện ở lại Việt Nam . Can uỷ Bollact cho tôi lên ở Đà Lạt để dưỡng lão .

Ông Babut có mời Tuấn đến nơi ông ở . Đây là một biệt thự rộng và sang, do Cao uỷ phủ cấp cho ông . Cao uỷ phủ lại còn tiếp tục trợ cấp cho ông

một số tiền hàng tháng, bằng ngân phiếu . Ông già “ Xã Hội “ Pháp, chống thực dân đế quốc Pháp, mà vẫn tiếp tục lãnh tiền lương của chính phủ thực dân đòi thợ!

Tuấn không hỏi chi tiết về sự giao thiệp giữa ông và Cao uỷ Pháp ở Việt Nam, nhưng sự ông lãnh lương hưu trí của Pháp trong khi ông không phải là công chức, chỉ chứng tỏ tất cả sự giả dối của đảng “ Xã hội “ Pháp S.F.I.O. đối với cuộc tranh đấu của các dân tộc bị thực dân đô hộ .

Trở lại tình hình Hà Nội năm 1938 – 39, một năm trước khi Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ . Tuấn đã sống trong không khí chính trị căng thẳng mà Hành chánh Thuộc địa Pháp cố tìm cách làm cho êm dịu, để nắm vững dân chúng .

Ở Trung kỳ, Toà Khâm Sứ Pháp ở Bắc Kỳ, vừa nâng niu chiều chuộng vị Hoàng đế trẻ tuổi và ham chơi, vừa tăng cường biện pháp bao vây kín đáo, để tránh mọi sự tuyên truyền và áp lực của mọi phần tử cách mạng quốc gia . Người đóng vai trò quan hệ nhất trong chính sách ru ngủ của thực dân Pháp đối với Bắc Kỳ, trong giai đoạn tiền chiến này là Phạm Quỳnh . Để được theo dõi sát cạnh Bắc Kỳ, viên Khâm sứ Huế đã khuyến bảo vị quốc vương bù nhìn đưa Phạm Quỳnh, từ chức vị Thượng thư bộ Giáo dục, bộ Lại, lên địa vị tối cao : Ngự Tiễn Văn phòng của Hoàng đế .

Thật ra, đối với Phạm Quỳnh cũng như với tòa Khâm sứ, với Bắc Kỳ, lực lượng cách mạng, cộng sản hay quốc gia, ở Trung kỳ và Bắc kỳ đều không đáng kể . Hầu hết các phần tử có thành tích đấu tranh cộng sản từ 1930 (Xô viết Đông Dương, Nghệ An, và Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi) đều bị bắt, bị tù ở các lao tỉnh, hoặc bị lưu đày đi Côn Lôn (Côn Đảo), và Ban Mê Thuột, Lào Bảo, ba ngục thất ghê gớm nhất, nổi tiếng là rùng rợn dã man nhất .

Các nhà Cách mạng quốc gia thì một số đã ngã theo Cộng sản Đệ Tam, một số nghiêng về Cộng sản Đệ tứ, chẳng còn lại được bao nhiêu. Hầu hết đã vô Saigon, hoặc ở Hà Nội, tiếp tục hoạt động, tương đối dễ dàng hơn ở Trung kỳ.

Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai, đều là người miền Trung, ở Hà Tĩnh, Quảng Bình, nguyên là đảng viên Đảng Tân Việt, (quốc gia) chỉ mới nhảy

qua cộng sản từ 1932 – 33, còn lại Đào Duy Anh với vợ là Trần thị Như Mân, và Tạ Quang Bửu, cả ba đều là Trợ giáo với bằng cấp Thành Chung . “ Cao đẳng Tiểu Học Pháp - Việt (primaire Supérieur Franco-Annamite) . Đào Duy Anh cũng là cựu trợ bút báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng, Tạ Quang Bửu chính là người sẽ ký vào hiệp định Genève 1954 với danh nghĩa đại diện Bộ quốc phòng Việt Minh, tuy lúc bấy giờ Bửu không phải là đảng viên cộng sản .

Tình hình tổng quát ở Ba kỳ Trung Nam Bắc rất yên tĩnh . Guồng máy hành chánh chạy đều đều, không có gì trục trặc . Sự hợp tác của Nam triều với Bảo hộ rất hoàn toàn, sự trung thành và phục tùng của quan An nam và các lớp trưởng giả phong kiến “Thượng Lưu Trí thức “đối với Nhà nước Bảo Hộ rất tích cực . Cho đến Làng, Xã, cũng triệt để tuân theo trật tự đã an bài khắp nơi .

Không ai đếm xỉa tới “ Thăng Dân “ . Thuế má vẫn phải đóng đầy đủ cho Nhà nước, không ai dám yêu sách điều gì . Đến mùa thuế, thường là mùa Hè, trống đánh thu thuế treo trước nhà ông Lý trưởng, thúc dục dân làng mau mau đến nộp thuế . Nhà ông Lý trưởng tập nập kẻ ra người vào, đóng “ thuế thân “, ngoài các thứ thuế ruộng đất và hoa lợi . Thuế thân - impôt personnel – là thuế cá nhân mà mỗi người dân phải đóng đồng đều, bất luận giàu nghèo, chức vị .

Những kẻ cùng đinh phải bán những gì có chút ít giá trị trong gia đình mới có tiền để đóng thuế thân . Cũng có những kẻ “ trốn xâu lậu thuế “ với sự đồng lõa của Lý trưởng do lòng nhân đạo thương xót những kẻ vô sản mà trong làng ai cũng biết . Các ông “thầy chùa “ cũng khỏi đóng thuế .

Chùa chiền không đóng đảo “ Phật tử “ như ngày nay . Nói tổng quát, trừ số ít người theo đạo Thiên Chúa còn tất cả đều tôn kính Phật, nhưng không phải là tín đồ chân chính . Họ thờ đức Phật như họ thờ đức Khổng Tử, đức Quan Công, một vị Thần, hay là một Thánh Mẫu nào đó, không phân biệt rõ ràng, không thấu hiểu giáo lý.

Họ coi Phật như những vị Thánh Thần, những bậc linh thiêng, che chở cho họ, hoặc có thể trừng phạt họ, tùy theo trường hợp và hành vi của mỗi người . Ngay số đông người trí thức, ở các giới thượng lưu, trung lưu có

xem sách Phật, Kinh Phật, cũng hiểu Phật giáo một cách khái quát, sơ sài, nhiều khi sai lầm nữa .

Mặc dầu trong mấy năm Tiền chiến, nhất là từ 1930 trở về sau, phong trào “ Chấn hưng Phật giáo “ được thịnh hành một phần nào, nhờ một số người trí thức hợp tác với một số Hoà thượng có uy tín, cố sự lập ra các hội Phật học, nhưng các hoạt động Phật giáo vẫn không được tiến triển mạnh .

Lúc bấy giờ cũng chưa có các chức vị Thượng Tọa, Đại Đức, Học Tăng, v.v... Dân chúng gọi các vị Sư bằng những danh từ bình dân hơn, như Sư Chú, Sư Bác, Sư Ông, Sư Cụ .

Danh từ Hoà thượng được xưng với các Sư Cụ mà thôi .

Ở Nam kỳ sự xưng hô cũng không khác mấy . Ở các chùa chỉ có Thầy trụ trì, và các chú tiểu (chú Đạo, chú Diệu) . Hầu hết các bậc tăng ni đều sống theo tôn chỉ và giáo lý, luật pháp, giới pháp của Phật . Đời sống của các Thầy rất giản dị, chơn chính, đúng theo giới luật của Phật . Họ không bao giờ sắm xe hơi, không bao giờ giao du thân mật với đàn bà con gái, không giao thiệp với các nhà quyền quý, không ham của cải .

Thỉnh thoảng, có một vị nào không tôn trọng giới luật nhà Phật và có những hành động trái với Đạo giáo, như Sư Muồng ở Nam kỳ, thì dư luận dân chúng sôi nổi, náo động và triệt để kết án giả danh “ thầy chùa “ làm việc tồi bại . Danh từ “ Sư Hồ Mang “ được áp dụng ngay đối với vị Hoà thượng nào không xứng đáng với đức vị tu hành . Nhờ vậy Phật giáo tuy không bành trướng mạnh mẽ, nhưng vẫn giữ được uy tín tôn nghiêm đối với toàn thể dân chúng .

Hạng Sư sân si, dối trá, kiêu căng, phách lối, trụy lạc, ham giao du thân mật với đàn bà con gái, ham đi xe hơi, ham ăn ngon, ở sang, tha thiết với đời, lơ là kinh kệ, đều chưa xuất hiện trong thời Chánh Pháp của Ánh Đạo Vàng .

Vì nhận thấy đạo Phật thời Tiền chiến rất tốt đẹp, rất cao quý, Tuân mới tìm hiểu giáo lý của đạo Phật, nghiên cứu kinh sách Phật, và theo đạo Phật .

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 58

1939

- 03/09/39 Đệ Nhị thế chiến bùng nổ ở Âu châu.
- Chiến tranh Hoa Nhật mở rộng ở Trung Hoa lục địa.
- Đêm tập “ phòng thủ thụ động” đầu tiên ở Hà Nội.
- Tình hình báo chí và dân chúng ở Hà Nội, Huế, Saigon.
- Quân đội thuộc địa Pháp ở Saigon, Hà Nội, Huế tập trận ráo riết.

Các giới cách mạng Việt Nam cũng như toàn thể dân chúng không lưu ý nhiều đến cuộc chiến tranh giữa Nhật Bản và Trung Hoa dân quốc, bắt đầu từ vụ Lữ Cầu Kiêu. Ai cũng thấy rõ rằng Nhật Bản kiếm cớ để xâm chiếm tỉnh Mãn châu. Nuốt xong Mãn châu, họ lập thành Mãn châu quốc (Mandchokoo) và đặt một Hoàng thân bù nhìn, dòng họ Mãn thanh tên là Henri Pouyi lên ngôi, lấy niên hiệu là Phổ Nghi hoàng đế. Mãn châu quốc trở thành một thuộc địa trá hình của Nhật Bản.

Các giới cách mạng Việt Nam chỉ cười cái trò hề đó thôi, chứ không quan tâm đến lắm. Dư luận dân chúng Việt Nam cũng không xôn xao : một biển cổ xây ra ở tận biên giới phương Bắc của nước Tàu rộng lớn, đồ sộ, nhưng yếu hèn vì nạn tham nhũng sâu mọt đục khoét trong xương tuỷ của đất nước “ Con Trời “.

Quân đội Nhật Hoàng đánh lần vào miền nam, chiếm Thượng Hải, Nam Kinh, hạ xong Nam kinh, Nhật lập ra tại đây một chính phủ Trung Hoa thứ hai với Uông Tinh Vệ (Wang-Tching –Wei) làm Tổng thống để chống lại chính phủ Tưởng Giới Thạch (Chang kei Shek). Họ Tưởng phải dời đô lên Trùng Khánh (Tchung King).

Chuyện bên Tàu, người “ An nam “ lúc bấy giờ coi như “ chuyện Ba Tàu “ – chinoiserie – và không những không lo ngại riêng cho xứ sở mình, mà còn chờ đợi xem ngày giờ nào toàn thể Trung Quốc sẽ lọt hết vào tay Nhật Bản. Đa số đều khing rẻ, hoặc thương hại nước Tàu, rất ít người bênh vực

Tướng Giới Thạch. Tất cả đều nể hoặc sợ Nhật Bản, kể cả người Pháp đang làm chúa tể ở Đông dương. Kinh Tàu, sợ Nhật, tin tưởng nơi Pháp, đó là tâm lý chung của đại đa số người “ An nam “ từ Bắc tới Nam, nhất là giới thượng lưu và trung lưu, trong mấy năm 1937, 38, 39, trước khi Đệ Nhị chiến tranh Thế giới bùng nổ ở Âu châu.

Đứng trên lập trường cách mạng, các giới chính trị “ An nam “ chia làm hai phe :

phe “chống phát xít “ và phe “ thân Nhật “, lúc bấy giờ thường gọi bằng tiếng Pháp là

“Anti-fascistes” và “pro-japonais “. Ngoài ra còn phe thứ ba là “ chống phát xít và chống cộng sản “.

Phe chống phát xít hầu hết là đảng viên cộng sản Đệ Tam và Đệ Tứ quốc tế, từ Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu đến Huỳnh Văn Phương ở Hà Nội. Từ Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai đến Tạ Thu Thâu ở Saigon.

Đa số đảng viên Tân Việt ở Huế, Đào Duy Anh, Tạ Quang Bửu, cũng chống phát xít hăng hái. Ở Huế, còn có Hải Triều, con trai của bà Đạm Phương, cũng là một tay lý thuyết gia chống phát xít dữ dội.

Do những khuynh hướng cách biệt nhau đó mà phe chống phát xít có nhiều mâu thuẫn trầm trọng ở nội bộ.

Cộng sản Đệ Tam ý lại và “lực lượng vô sản thế giới “ chống phát xít và giải phóng dân tộc bị trị dưới quyền lãnh đạo của Staline. Cộng sản Đệ Tứ cũng ý vào “ lực lượng thợ thuyền cách mạng thế giới “ chống phát xít, giải phóng dân tộc bị áp bức, dưới quyền lãnh đạo của Trotsky.

Ngoài ra, lập trường chống phát xít của đảng Tân Việt (miền Trung) không được rõ rệt lắm, đứng lửng chừng không ngã hẳn về bên nào.

Phe thân Nhật thì tin tưởng tích cực vào thế lực đang bành trướng của Nhật Bản ở Đông Nam Á. Phe này nương dựa vào các đảng Việt Nam Phục Quốc ở Quảng Tây, Quảng Đông và hy vọng Nhật Bản sẽ giải phóng Việt Nam khỏi ách đô hộ Pháp.

Những người chủ trương thân Nhật của phe này là nhà học giả Trần Trọng Kim, nhà báo cách mạng Vũ Đình Duy, nhà văn Nguyễn Tường Tam ở Hà Nội, Tuần Vũ Ngô Đình Diệm và giám mục Ngô Đình Thục ở Huế, Nhà

báo Nguyễn Văn Sâm, giáo sư Hồ Văn Ngà ở Saigon.

Có điều đáng lưu ý là lực lượng thân Nhật ở Bắc kỳ rất yếu, ở Trung kỳ thì bình thường thôi, nhưng lại rất mạnh ở Nam kỳ. Nơi đây ảnh hưởng của Hoà Hảo đang lên, của Cao Đài đang bành trướng, thu hút một số rất đông đảo quần chúng nông thôn (Hoà Hảo) và tư sản trung lưu thành thị (Cao Đài) nhất là miền Hậu giang và Tiền giang gọi là

“Lục Tỉnh “. Khuynh hướng chính trị thứ ba gồm đa số thanh niên trí thức có tư tưởng quốc gia thuần túy và mãnh liệt “ chống phát xít, chống thực dân và chống cộng sản “. Phe này gồm một số cựu đảng viên VNQDD và Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, một số đông sinh viên Cao đẳng, nhà văn, nhà báo.

Tuấn thuộc về thành phần này nhưng dưới chiêu bài “ chống phát xít và không đảng phái (anti – fasciste independent).

Bắt đầu từ 1938, ở Âu châu, Hitler tỏ ý định cương quyết xâm chiếm hải cảng Dantzig, và Ba Lan, Tiệp Khắc. Toàn thể Âu châu và thế giới xôn xao náo động. Ở xứ An nam nhỏ bé, thuộc địa của Pháp, các đảng phái cách mạng cũng bắt đầu rục rịch hoạt động bí mật, hăng hái, để tuỳ cơ ứng biến. Tình thế Âu châu rất bất bành. Riêng nước Pháp ở tầm mức liên hệ trực tiếp vào chính sách bành trướng của Hitler, cho nên ở Đông dương (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao, Cao Miên), riêng ở ba xứ “ An nam “ tình hình cũng trở nên ngột ngạt như chờ đợi một cơn giông tố sắp sửa nổ bùng ở vòm trời Đông dương, mà không ai có thể dự đoán được hậu quả sẽ như thế nào.

Tuấn, sau khi bị 6 tháng tù vì một loạt bài báo chống thực dân và chống triều đình Huế, Tuấn lại viết sách chống chính sách bành trướng xâm lăng của Nhật Bản. Bạn bè của Tuấn lo sợ tác phẩm chính trị này sẽ đem lại cho Tuấn một số phận nguy hiểm. Nhưng Tuấn bảo :

- Đại chiến sắp bùng nổ khắp cả thế giới. Rồi đây tất cả chúng ta chẳng riêng ai, sẽ phải chịu một số phận nguy hiểm không thể lường trước được, không thể tránh được. Người ta sẽ thấy cái gì người ta sẽ thấy. Chúng ta là “ dân An nam “ chúng ta dù muốn dù không, cũng sẽ sống chết trên đất An nam này, không biết trước được là dưới bàn tay của kẻ thù nào. Chúng ta

không làm gì hồ thẹn với nòi giống “ An nam “ là được.

Với tư tưởng đó, Tuấn hồi hộp chờ đợi những chuyện gì sắp đến trong cơn giông đang đe dọa bùng nổ khắp vũ trụ loài người ...

Tháng 9/1939. Những tia chớp sáng loè dưới trời Tây Âu ...

1939, Hà Nội cũng như Saigon, và toàn cõi Á Đông sống trong cơn sốt rét. Máy truyền thanh (radio) chưa được thông dụng. Chỉ một số ít người Pháp ưu tiên mới mua được, và phải có giấy phép đặc biệt của Phủ Toàn Quyền Pháp mới được mua. Và lại giá rất đắt mà không phải nhà giàu sang nào cũng sắm được. Nó bị sắp vào loại hàng hoá “quốc cấm “.

Dân chúng chưa bao giờ nghe tới danh từ radio, hay máy truyền thanh, chứ đừng nói là trông thấy cái máy ấy ! Tất cả tin tức về tình hình sôi nổi ở Âu châu đều do các tờ Nhật báo loan ra, theo thông cáo của sở IPP “ Information Propagande-Presse” (Thông tin, Tuyên truyền, Báo chí) của phủ toàn quyền Pháp.

Hằng ngày Tuấn và một nhóm thiếu số bạn đồng chí sinh viên và văn nghệ hùn tiền lại để mua hai tờ nhật báo “ Quốc ngữ “ : Đông Pháp, Trung Bắc Tân Văn, hai tờ nhật báo Pháp ngữ ở Hà Nội : La volonté indochinoise, France-Indochine, và hai tờ nhật báo ở Paris : L’Intransigeant, Paris-Soir.

Báo Pháp mỗi tuần gửi qua một lần, thành ra mỗi tuần phải mua mỗi thứ một bó 6 tờ. Ngoài ra, Tuấn còn mua thêm tờ tuần báo rất nhiều tranh ảnh của Pháp, nổi tiếng nhất lúc bấy giờ là tờ Match de la Vie. Từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, Match de la Vie được đổi tên thành Paris- Match. Tuấn thích xem tờ Match de la Vie mặc dầu giá rất đắt, vì nó là tập báo duy nhất đăng rõ ràng và rất nhiều hình ảnh sốt dẻo mỗi tuần về các biến cố sôi nổi của Tiền Chiến Tây Âu, nhất là về Hitler, Staline, Churchill, Mussoloni, Chamberlain, Daladier, v.v...

Nhờ các loại bài đó, các bạn của Tuấn và Tuấn được theo dõi hằng ngày các âm mưu xảo quyệt của Hitler cương quyết gây hận thù máu lửa ở Âu châu, với sự đồng lõa của Staline trong giai đoạn đầu của chiến tranh.

Thế rồi chuyện phải đến đã đến. Các báo “ quốc ngữ “ xuất bản ở Hà Nội ngày 4/9/1939 đều đăng tin bằng tí lớn 8 cột trang nhất :

- 3/9 : Pháp tuyên chiến với Đức.

- Đồng thời các báo Pháp ngữ ở Hà Nội cũng đăng tin 8 cột :

- Le 3/9, à 0 heure, La France déclare la guerre à l'Allemagne.

Chiến tranh mà người Pháp lo sợ, và người An nam đợi chờ như một tai họa cho nước Pháp nhiều hơn là cho nước An nam, chiến tranh mà tất cả mọi người đều bàn tán xôn xao từ mấy tuần lễ, đã bùng nổ thật sự.

Cùng một lúc với tin nầy lửa đó, các báo đều đăng những thông cáo quan trọng của toà Đốc lý thành phố Hà Nội (Tiếng bình dân Saigon quen gọi là toà Xã Tây của thời Pháp thuộc, dưới thời Bảo Đại gọi là toà Đô Sảnh, thời Ngô Đình Diệm gọi là toà Đô Chánh).

- Tất cả các đèn trong nhà và ngoài phố đều phải bao phủ bằng vải đen để che đậy ánh sáng (phòng phi cơ địch).

- Đào hầm trú ẩn trong thành phố, theo hình chữ chi.

- Dân chúng tập “ phòng thủ thụ động “ (còi hụ, dân chúng phải chạy núp xuống hầm).

- Tập nghe còi hụ như thế nào là cói báo động.

- Toàn thể Đông dương (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao, Cao Miên) bị đặt trong tình trạng chiến tranh, v.v...

Hàng nghìn bích chương in bằng chữ lớn và đậm nhắc lại các chỉ thị trên do toà Đốc lý Hà Nội dán khắp các vách tường thành phố, thu hút một số đông đảo dân chúng tụ lại xem thông cáo và bàn tán rất xôn xao, náo động. Cả Hà Nội chỉ nói về chiến tranh đã bộc phát ở Pháp và gián tiếp ảnh hưởng đến Đông dương.

Tuấn và các bạn của Tuấn sống những giờ phút hồi hộp vô cùng. Họ tìm gặp nhau luôn để bàn về chiến tranh Pháp Đức.

Đêm hôm ấy là đêm đầu tiên, mở màn cho Thế giới Đại chiến Thứ Hai, Hà Nội lập

“phòng thủ thụ động “ cũng lần đầu tiên.

Dân chúng đã được chuẩn bị trước. Tất cả các ngọn đèn điện (chưa có đèn nê-ông), đều bị che kín bằng vải đen, hoặc giấy bìa đen. Chỉ để một tia sáng thu nhỏ lại và chiếu thẳng xuống, thành những vũng tròn ánh sáng lơ mờ, trong nhà cũng như ngoài đường.

Cảnh tượng khác thường ấy gây cho Tuấn một cảm tưởng mới lạ, băn khoăn, ly kỳ, như nó báo hiệu sự khán tận một thế giới, và sự khởi thủy một thế giới khác, đầy bí mật rùng rợn. Đời sống bình thường hằng ngày đã có triệu chứng sắp biến đổi. Ai cũng chờ đợi những cái gì kinh ngạc có thể xảy ra không biết lúc nào, không biết bao lâu, nhưng chắc chắn là sẽ có...

Dân chúng ra hết ngoài lề đường. Khác như mọi đêm, các phố lớn ở trung tâm Hà Nội đông nghẹt những người hiếu kỳ đi xem cảnh phố phường chập chờn nửa tối nửa sáng ...

Đi với một người bạn thân, họa sĩ Nguyệt Hồ, Tuấn bảo :

- Tự nhiên mình nhớ câu thơ trong Le Cid : *cet clair-obscur qui tombe des étoiles...*

(Ánh sáng mờ mịt ấy từ trên sao rơi xuống ...)

Nhưng đây lại là :

Cet clair-obscur qui tombe sous les voiles (Ánh sáng mờ mịt ấy từ dưới màn đen rơi xuống ...)

Vào khoảng 7 giờ hơn, còi báo động rú lên vang dội cả thành phố. Ai cũng biết rằng đây là cuộc tập dượt đầu tiên về phòng thủ thụ động, chứ không phải báo động thực, nhưng khi tất cả các ngọn đèn trong nhà và ngoài đường đều tắt hết, Hà Nội chìm đột ngột trong đêm đen hoàn toàn, thì không ai bảo ai, tất cả các cửa đều lần lượt đóng kín mít ...

Điều này không có trong thông báo của toà Đốc lý, nhưng sau khi còi báo động rú lên, dân chúng tự động đóng cửa cài then cẩn thận. Nhiều người ngây thơ đã lo sợ rằng có lẽ máy bay lạ sắp bay đến thả bom Hà Nội chẳng ? Nhiều người khác biết rằng đây là tập phòng thủ, nhưng họ sợ bọn trộm cướp thừa lúc thành phố tối đen tối thui không có một chút ánh sáng nào, sẽ lén vào nhà để cướp đồ đạc.

Đám đông người vẫn đi dạo chơi ngoài đường để xem quang cảnh thành phố lúc báo động ban đêm. Tuấn và Nguyệt Hồ đi thong dong trên phố hàng Bạc. Tuấn đang hút một điếu thuốc, nhưng đến ngã ba phố Ma Mây (Cờ Đen, rue des Pavillons Noirs), một viên cảnh Pháp (danh từ rất thông dụng trong dân chúng Bắc kỳ, phiên âm tắt tiếng Pháp Commissaire de Police mà trong Nam kỳ gọi là ông Cò. Ngoài Bắc còn một danh từ bình

dân khác là ông Đội Xếp. Ty cảnh sát được gọi là Sở Cấm. Miền Trung gọi là Bác Phú Lít - Post de Police. Ở Saigon và Nam kỳ chỉ nói tắt một tiếng Bót. Từ hồi độc lập gọi bót cảnh sát.), sừng sộ bắt phải tắt điều thuốc. Tuấn hỏi tại sao, viên đội xếp gắt lên :

-Tại sao hả ? Anh không biết rằng báo động ban đêm tắt cả các ánh sáng đều bị cấm ?

-Tôi không tin rằng một điều thuốc cháy là một ánh sáng mà một phi công từ trên trời dòm xuống có thể trông thấy được.

- Đừng có nhiều chuyện. Nếu không tuân lệnh, tôi bắt giam anh vào bót ngay bây giờ.

Tuấn phải vứt điều thuốc.

Nguyệt Hồ nắm tay kéo Tuấn đi, không muốn cãi nhau với viên cấm nữa. Nguyệt Hồ bảo sau khi đã đi xa mấy bước :

- Thăng cha cấm rõ lẫn thần !

Tuấn bảo :

- Kể ra thì hẳn lắm cấm thật. Nhưng xét kỹ thì hẳn có lý lẽ của hẳn. Hẳn được chỉ định phụ trách kiểm soát khu Hàng Bạc, và chắc chắn đã được lệnh cấm tắt cả các ánh sáng trong thời gian báo động. Hẳn áp dụng chỉ thị đó một cách mù quáng, và cho rằng một điều thuốc ngậm trên môi cũng là một ánh sáng.

- Một thằng đội xếp Tây mà ngu ngốc thế !

- Nếu nó thông minh thì nó đã không là đội xếp.

Hà Nội chìm trong đêm thắm suốt hai tiếng đồng hồ. Hai chiếc máy bay Morane kiểu 1914 bay chậm chậm thật cao trên vòm trời đen nghịt, tiếng kêu rầm rầm với hai chấm xanh đỏ nơi hai đầu cánh.

Đến 9 giờ, một hồi còi hụ chấm dứt cuộc phòng thủ. Nhưng thành phố Hà Nội vẫn im lìm không có tiếng động, như đã ngủ yên. Hà Nội không muốn biết bộ mặt ghê rợn của tử thần bắt đầu đe dọa số phận của nó.

Tuấn và họa sĩ Nguyệt Hồ ngồi dưới góc một cây dương liễu đang âm thầm buông những giọt sương khuya xuống bờ hồ Hoàn Kiếm. Đôi bạn trao đổi những cảm tưởng của họ và đêm đầu tiên tập sự chiến tranh tối tân nơi “ ngàn năm văn vật đất Thăng Long “.

Chiến tranh thật sự chưa đến Hà Nội, cũng như toàn cõi Đông dương và Đông Nam Á. Ở đây, người ta chỉ nghe tiếng dội xa xăm của nó mà thôi. Nhưng tiếng dội tràn lan sâu rộng khắp các tầng lớp dân chúng cũng như trong các giới gọi là thượng lưu. Giới này hầu hết là dân Pháp, nói nịnh Pháp thì đúng hơn, gồm những quan lại của Nam triều và Bảo Hộ, những nhà kỹ nghệ, hoặc nhà buôn lớn được hưởng ân huệ của chính phủ thuộc địa, hoặc của Triều đình Huế. Ở Saigon và lục tỉnh, giới thượng lưu thân Pháp gồm đa số những Đốc phủ sứ, “Bác vật”, đại điền chủ, kỹ nghệ gia, bác sỹ, kỹ sư, còm-mi (commis), v.v...hầu hết là dân Pháp, theo quốc tịch Pháp, lấy tên Pháp, Paul, Henri, Louis, Marguerite...và sống theo tập tục Pháp.

Dĩ nhiên, giới thượng lưu An nam này cũng như giới Pháp thuộc địa, đều tỏ ra rất lạc quan với tin chiến tranh ở “mẫu quốc”. Họ tin tưởng rằng thế nào nước Pháp cũng sẽ thắng nước Đức., như hồi Đệ Nhất Thế Chiến 1914 – 1918. Trong các buổi tiệc của chính phủ hoặc tư nhân, kể cả các tiệc cưới, tiệc mừng trong các gia đình “thượng lưu” mà có người Pháp tham dự, treo cờ Pháp và đọc “đít cua” bằng tiếng Pháp, những câu mạt sát nước Đức và đề cao hoan hô Pháp :” Vive la France ! (Đại Pháp vạn tuế !) được đón nhận bằng những tràng pháo tay nồng nhiệt của quan khách An nam, là một cảnh tượng rất thường thấy, thường nghe, ở Hà Nội cũng như ở Huế, Saigon, và khắp các tỉnh ở toàn thể ba xứ Annamites.

Thật là một hiện tượng đầy ý nghĩa quái gở, chứng tỏ tâm địa của giai cấp khá đông đảo “thượng lưu trưởng giả An nam” mà người Pháp gọi là “la haute Bourgeoisie Annamite” tận tụy trung thành với “mẫu quốc” (la Mère Patrie) và tỏ ra thành thật tin tưởng vào sự thắng trận của nước Pháp, trong lúc chính những người Pháp ở Đông dương lại dè dặt hơn, và có phần lo lắng, sợ hãi là khác.

Để được chứng kiến tận mắt cái tình trạng mới do chiến tranh Âu châu tạo ra ở xứ mình, Tuấn xách va li lên ga xe lửa mua vé đi một vòng Trung kỳ và Nam kỳ. Chàng xuống Huế ở 3 hôm, rồi đi Saigon ở 1 tuần lễ. Từ đấy, chàng đi Cần Thơ, Tây Ninh, Cap Saint Jacques (Vũng Tàu).

Một điều đáng chú ý, là tuy nước An nam đã bị người Pháp chia xẻ ra

thành ba “ kỳ “ đặt dưới ba thể chế hành chánh riêng biệt, nhưng từ Hà Nội vô Saigon, từ Quảng Ngãi Qui Nhơn đến Tây Ninh, Vũng Tàu, dân trí và dân tình của người An nam khắp nơi đều không thay đổi mấy. Đa số giới “ thượng lưu trưởng giả “ Hà Nội, Huế, Saigon đều nịnh bợ Tây một giọng như nhau. Giới trung lưu thì ở đâu họ cũng dè dặt, nhận xét thời cuộc một cách khách quan hơn và bình tĩnh hơn.

Giá sử Pháp thắng trận, giới trung lưu cũng chẳng lợi lộc gì. Người Pháp vẫn cai trị xứ An nam, người An nam chẳng hưởng được ân huệ gì của chiến thắng Pháp.

Còn giả sử Pháp bại trận, thì theo ý nghĩ của họ, họ cũng chẳng có gì thương tiếc, buồn lo. Dân An nam không có cảm tình riêng gì với Tây. Có thể Nhật Bản sẽ đánh đuổi Tây chẳng, vì Nhật Bản ở gần Đông dương, và lại là đồng minh của Đức.

Nhưng nếu Nhật qua đây thì chẳng qua là một cuộc thay đổi chủ nhà mà thôi. Đối với dân An nam, sự đổi chủ không có thiệt hại gì cho An nam cả. Đó là quan niệm chung của đại đa số người trong các giới trung lưu vô tư ở Saigon, Huế, Hà Nội và các tỉnh.

Quảng đại quần chúng, bình dân, tiểu thương, nông dân, sĩ phu, ở Nam kỳ cũng như ở Trung, Bắc kỳ đều đoán rằng Pháp sẽ thua trận, và mong muốn Pháp thua. Họ không bênh vực Đức, không có cảm tình với Hitler, nhưng cũng không có gì oán hận dân tộc Đức. Họ muốn cho Pháp thua, tại vì họ không ưa Pháp đó thôi.

Vả lại, tâm lý chung của quần chúng An nam là thích những người hùng, bất luận người hùng của xứ nào. Đọc tiểu sử của Hitler đăng trong các báo, họ phục anh thợ sơn làm nghề quét vôi, hồi chiến tranh 1914 – 1918 chỉ là một chú đội Bộ binh, thế mà bây giờ trở nên lãnh tụ được sùng bái của một nước Đức hùng cường. Y khắc ra khói, nói ra lửa, làm cho cả Âu châu phải rung động, cho Pháp sợ hoảng hồn phải chạy qua Munich để điều đình và nhượng bộ !

Đại đa số dân chúng An nam, ở thành thị cũng như thôn quê, chỉ đọc báo và theo dõi cuộc chiến chánh trị sôi động ở Âu châu, đều phục tài Hitler, cho y là một tay anh hùng lừng lẫy của Âu châu, có thể đánh ngã quy nước

Pháp, đề bẹp cộng hòa Pháp dưới huy hiệu chữ Vạn "ngược" của y.

Tâm lý bình dân che đậy sự ước mong được thấy cuộc trả thù gián tiếp đối với người Pháp là kẻ đã ý thể hiếp đáp dân An nam mình.

Đó là ý nghĩ thầm kín của đại đa số người thường dân An nam ở Cần Thơ, Tây Ninh, Vũng Tàu cũng như ở Saigon, Huế, Nha Trang, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Yên Bái ... Lạng Sơn, trong cuộc đi tiếp xúc tìm hiểu của Tuấn với đồng bào khắp nơi.

Tuy nhiên, bề ngoài, không khí vẫn bình thường, không bị ảnh hưởng mấy vì Chiến tranh Pháp Đức và Âu châu trong những ngày đầu tháng 9-1939.

Trừ một vài cuộc “ tập phòng thủ thụ động “ (*exercice de défense passive*) để lấy lệ vậy thôi, không sốt sắng mấy, gần như một trò giải trí của chiến tranh, và lệnh đào hầm trú ẩn mà dân chúng tuân theo một cách lơ là, đời sống thực tế hằng ngày không thay đổi bao nhiêu.

Ban đêm, đèn chiến tranh bọc bằng vải đen như vải tang ở trong nhà và ngoài phố, tạo ra không khí u ám nặng nề. Nhưng chỉ vài tuần lễ đầu ai nấy cũng âm thầm chờ đợi, rồi dần dần, từ ngày 10 tháng 9 trở về sau, bóng đen phủ vải đen trở thành một yếu tố quen thuộc trong gia đình cũng như ngoài phố. Nó không còn là một đề tài để dân chúng bàn tán xôn xao như mấy đêm đầu. Việc buôn bán không thay đổi hình thức, không bị hạn chế, không có chợ đen, không có đầu cơ tích trữ.

Pháp luật, và nhất là kỷ luật xã hội, được triệt để tôn trọng, như bất cứ lúc nào.

Chính phủ thuộc địa Pháp có mộ thêm lính An nam để tăng gia quân số ở Đông dương và gửi qua Pháp. Nhưng người ta chỉ kêu gọi những người tình nguyện. Dân An nam, ngay cả ở Saigon và lục tỉnh là “đất của Pháp “ không bị cưỡng bách tòng quân. Chế độ quân dịch chưa có, không có tổng động viên trong một lĩnh vực nào cả. Thanh niên học sinh vẫn tiếp tục đi học như thường lệ, và ngoan ngoãn, vô tư lự. Dĩ nhiên không hề có bóng dáng cao bồi, du đãng, đọt sóng mới, tóc dài, quần túm, v.v...

Thuần phong mỹ tục và luân lý gia đình xã hội, được tự người An nam giữ gìn lấy. Người Pháp không bắt buộc, cũng không khuyến khích, nói tóm lại là không can thiệp vào nếp sống truyền thống riêng của dân tộc “An-na-mít

“.

Chiến tranh còn ở tận bên Tây phương, chưa làm xáo trộn đời sống hằng ngày của dân chúng.

Bắt đầu Chiến tranh Thế giới, Hà Nội chỉ có ba bốn tờ nhật báo quốc ngữ kỳ cựu không bao giờ thay đổi hình thức hay nội dung, và tất cả đều giữ nguyên vẹn thái độ thân Pháp cố hữu của họ. Đông Pháp, Trung Bắc Tân Văn, cả hai đều thuộc về nhóm trí thức bảo thủ Bắc kỳ, và được lưu hành sâu rộng trong quần chúng.

Ngoài ra còn có tờ báo mới : Nam Cường của Phạm Lê Bông, nhà làm pháo triệu phú, Viện trưởng viện Dân biểu Bắc kỳ, nổi tiếng là một sườn cột của phe “ Bảo Hoàng “ (quân chủ, tích cực tâng bốc Bảo Đại) và đồ đệ của “ son Excellence “, Phạm Quỳnh, Ngự tiền văn phòng của hoàng đế An nam ở Huế. Tờ Nam Cường in để biểu hơn là bán, vì không ai mua.

Nhóm “ Trí thức mới “ của Bác sĩ Luyện cũng vừa cho ra tờ nhật báo Tin Mới, quy tụ một số nhà báo trẻ tuổi có tư tưởng chống Pháp, nhưng ôn hoà. Tờ báo này bán chạy nhất vì có tính cách tiến bộ hơn, và chú trọng khá nhiều về chính trị và xã hội. Ngoài ra, có những tuần báo hoàn toàn ăn nghề : Tao Đàn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy (của nhóm Vũ Trọng Phụng, TCHYA, Vũ Bằng, Nguyễn Trọng Luật, Nguyễn Công Hoan, v.v...) Ích Hữu (Lê Văn Trương, Trương Tửu), Tiểu thuyết Thứ Năm (Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư, Xuân Huy, Nguyễn Vũ, Lê Chi, Loa (Lan Khai, Côn Sinh v.v...), Việt Nữ (Mộng Sơn, Thanh Tú), Ngày Nay (Nhất Linh, Khái Hưng), Tương Lai (Nguyễn Triệu Luật, Vũ Trọng Phụng).

Các báo cộng sản đều bị đóng cửa, và đa số đảng viên đã bị bắt.

Các báo Việt ngữ cách mạng cũng bị đóng cửa, và các nhà cách mạng quốc gia bị mật thám theo dõi.

Các báo Pháp ngữ của người Pháp có chủ trương cách mạng (L'Argus Indochinois, L'Ami du Peuple), hoặc của người An nam cách mạng (Le Peuple của Đặng Thái Mai, Võ Nguyên Giáp). Le Cygne (Nguyễn Vũ, Trương Tửu) cũng đã bị đưa ra tòa và bị đóng cửa.

Nhật báo Pháp ngữ của người Pháp, có 3 tờ báo bán chạy nhất. La Volonté Indochinois

của Henri de Montpezat, France Indochine của Thiếu tá hưu trí J. Foroponf, L' Avenir du Tonkin của Massais, L' Avenir của luật sư Tavernir. Tờ L' Indépendance Tonkinois (của một bà Đầm) bị đóng cửa.

Ngoài ra, có một tờ tuần báo L' Indochine của De Saumont, hài hước, chuyên môn công kích các nhà cầm quyền thuộc địa Pháp bằng lối khôi hài, được một số độc giả thanh niên trí thức hoan nghênh.

Thiên Chúa giáo có tờ Nhật báo Trung Hoa ở góc đường Borgnes Desbordes và đường Nhà Chung, không được phổ biến mấy, và có tính chất hoàn toàn tôn giáo.

Phật giáo có nguyệt san Đuốc Tuệ, xuất bản tại chùa Quán Sứ, đường Richard do Hoà thượng Tố Liên, và cựu Tổng đốc Nguyễn Năng Quốc.

Phủ Toàn Quyền Pháp cũng cho xuất bản một tuần báo dưới hình thức tạp san in tranh ảnh chính trị và văn nghệ L' Indochine (Đông dương). Về chính trị, dĩ nhiên nó là cơ quan tuyên truyền chính sách thực dân Pháp. Nhưng về văn học và khảo cứu, có nhiều bài có giá trị.

Hải Phòng cũng có hai tờ báo Pháp ngữ của người Pháp, chuyên về chính trị và kinh tế : Le Courrier d' Hải Phòng và L' Eveil économique của Coucherausset.

Huế, Đế Đô Trung kỳ, chỉ có hai tờ báo, cả hai đều do phái Bảo Hoàng chủ trương suy tôn Bảo Đại và Nam Phương Hoàng hậu: Tràng An (việt ngữ của Bùi Huy Tín, chủ nhân và nhà sách), La Gazette de Huế (pháp ngữ do Nguyễn Tiến Lãng viết văn Pháp, Phủ Doãn Thừa Thiên và rể Phạm Quỳnh, làm chủ bút). Phạm Văn Ký, một thi sĩ làm thơ Pháp, khá nổi danh với thi phẩm Une Voix sur la Voie xuất bản ở Saigon, được gọi về công tác trong văn nghệ.

Hai tờ báo trên đây, chỉ có giới trí thức ở Huế đọc mà thôi, không được lưu hành nhiều ở các tỉnh.

Saigòn - Nhựt báo (tiếng bình dân thông dụng gọi là nhựt trình) ở Thủ Đô Nam kỳ hồi đầu Chiến tranh thế giới cũng hầu hết là những tờ báo xuất bản đã lâu năm, và chia làm hai loại :

- Loại do tư bản Pháp xuất vốn ra làm, với sự cộng tác của những người tư bản và trường giả An nam, như Điện Tín, Công Luận (hai ấn bản quốc ngữ

của hai nhật báo Pháp La Dépêche và L'Opinion) Từ "La Dépêche" và tờ Điện Tín (của Henri de la Chevrotière, một thực dân khét tiếng ở Nam kỳ) là hai tờ báo rất chạy ở Saigon và Lục Tỉnh.

- Loại thứ hai của tư bản An nam, cũng có tính cách hoàn toàn thương mại : Sài Thành (của Bút trà Nguyễn Đức Nhuận) hoặc của đảng phái chính trị như Đốc Nhà Nam (của Nguyễn Văn Sâm), L'Echo Annamite (của Nguyễn Phan Long) v.v...

Báo cộng sản (La Lutte) của nhóm Đệ Tứ Quốc Tế (Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch) và báo của nhóm Đệ Tam (Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo), vẫn còn hoạt động hồi đầu tháng 9/1939.

Các báo cách mạng quốc gia có xu hướng hơi quá khích một chút đều lần lượt bị đóng cửa hết.

Về Văn Nghệ, còn tờ tuần báo Mai (của Đào Trinh Nhất) có đôi chút ảnh hưởng với một số văn nghệ trẻ Nam kỳ.

Đó là tình trạng báo chí tổng quát của ba xứ An-na-mít khi Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ ở Âu châu.

Dưới lớp vỏ bề ngoài, chính trị, xã hội, văn hoá, nảy nở thịnh vượng trong khuôn khổ đô hộ của chế độ thực dân Pháp, như tôi đã phác hoạ trên, dân tộc An nam vẫn còn say chìm trong giấc ngủ mê man của thế kỷ.

Việt Nam chưa tỉnh dậy. Hồn thiêng của đất nước Tiên Rồng như còn phảng phất đâu đâu trong các đền đài của Lịch sử.

Sức đè nén thực tế, nhiều khi vô hình, nhưng luôn luôn hiện hữu, quyế liệt của thực dân dùi cui (colonialisme à la trique) mà kẻ cầm quyền Pháp và bọn tôi tớ vô liêm sỉ của họ gọi tâng bốc là “ Thái Bình Pháp “ – La Paix Francaise, hầu như được coi là một định luật và được đa số thụ động chấp nhận như một sự kiện mặc nhiên của Lịch sử.

Nói đúng, thì nhiệt khí cách mạng đã phun ra từng lúc, từng hồi, như một hỏa diệm sơn còn sôi ngậm trong lòng đất, tiếng gầm thét thỉnh thoảng đã vang lên, chuyển động bốn phương trời như một căm thù triền miên từ vạn cổ nhưng thời tiết chính trị vẫn còn trong sáng, dân tâm chưa sôi động, dân tình còn xao lãng, lan man.

Vả lại, tiếng súng ở biên thùỵ Pháp - Đức cũng còn im lìm. Chiến tranh

khởi phát bằng sự lạng lẽ bất thường ở tiền tuyến. Hai bên địch thủ chĩa súng gờm nhau, nhưng chưa khai hỏa.

Các báo Anh, Pháp, Mỹ và chung cả thế giới bắt đầu bình luận liên miên về “ chiến tranh quái gở “ - une drôle de guerre, mà một bên là Đức, một bên là Pháp và Anh, đều án binh bất động, Mỹ còn đứng vòng ngoài, Nga vờ nắm tay đồng lõa với Đức và đang âm thầm chuẩn bị.

Hitler vừa hùng hổ kéo quân xâm chiếm Dantzig, rồi lần lượt Ba Lan, Tiệp Khắc, Autriche (Áo).

Thế giới có cảm tưởng như con cọp vừa ăn no nê mấy con mồi, nằm lim dim ngủ, chờ bụng đói sẽ vùng dậy băng rừng.

Cả Âu châu đều hồi hộp đợi chờ. ở Đông dương cũng vậy.

Trong lúc tình hình chiến tranh ở Tây phương bỗng dưng trầm lặng, các báo Pháp ở Paris không có tin tức chiến sự nào “ giựt gân “ để loan truyền, thi đua nhau viết bài đề cao quân đội Pháp và đại tướng Gamelin, Tổng tư lệnh tối cao Quân đội Pháp và Đồng minh.

Đại đa số, có thể nói là hầu hết giới trí thức An nam cả giới trí thức cách mạng, đều vồn vã đọc báo Pháp và đều tin tưởng vào những lời tuyên truyền kia, vì thực ra mình có biết gì về giá trị và những bí mật của quân đội Pháp và vị Thống tướng của họ đâu.

Mình nghĩ rằng, để đương đầu với một nước Đại Đức (Grand Riche Allemand) dưới quyền lãnh đạo của nhà độc tài ghê gớm Adolf Hitler đã gây ra sóng gió ở Trung Âu và đã làm cho cả thế giới kinh hãi, thì tất nhiên nước Pháp và Đồng minh là nước Anh (Mỹ còn đứng ngoài vòng chiến) đã phải chuẩn bị sẵn sàng với lực lượng hùng dũng, mạnh hơn hoặc ít nhất cũng tương đương với quân lực Hitler.

Quân Anh đã đổ bộ lên đất Pháp, đóng dọc theo biên giới Pháp, Bỉ, để sẵn sàng bảo vệ hai nước Bỉ và Hoà Lan với sự yêu cầu của hai vương quốc này, mặc dầu cả hai đã chính thức tuyên bố trung lập, nghĩa là không tham chiến.

Chiến lũy Maginot (tên Bộ trưởng Chiến tranh Pháp chủ trương đắp chiến lũy này) dọc theo bờ sông Rhin, được tăng cường với một lực lượng hùng hậu bằng pháo binh, bộ binh, và xe thiết giáp. Nhưng quân lính nơi đây đã

bắt đầu buồn chán vì “ La drôle de la guerre “ (chiến tranh quái gở) chưa thật sự bùng nổ, Pháp Đức đã tuyên chiến từ ba tháng rồi mà Đức vẫn chưa khởi sự tấn công.

Bên kia sông Rhin, quân đội Nazi (quốc xã Đức) đã bài binh bố trận, các họng súng đại bác đã chĩa qua bên này, nhưng chưa một lần nào khạc đạn. Quân lính Pháp chờ mãi ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, vẫn không thấy quân Đức tấn công. Không có việc gì làm, quân đội Pháp phòng trú dọc suốt chiến lũy Magnot được nhàn rỗi chỉ đánh cờ, biểu diễn văn nghệ, viết thư cho người yêu và cho gia đình. Nhiều người lại cao hứng làm thơ, viết văn gửi về đăng trong các báo chí ở Paris.

Một vài nhà báo Pháp lạc quan đến nỗi cho rằng Hitler chỉ hăm dọa suông chứ không dám tấn công trước cuộc bài bố lực lượng hùng hổ của quân đội Pháp, và ước đoán rằng có thể chiến tranh sẽ “ chấm dứt trước khi khởi sự “. Chính phủ Pháp Daladier vẫn tiếp tục phô trương “ sức mạnh vĩ đại của quân đội Pháp sẵn sàng tiêu diệt kẻ thù “. Các nhà chính trị nổi tiếng của Pháp thường tuyên bố rằng lần này nước Pháp nhận lãnh trách nhiệm thanh toán lần chót vấn đề bành trướng đế quốc Đức hăm dọa hoà bình thế giới, và quả quyết rằng chiến tranh này là “ Chiến tranh cuối cùng của những Chiến tranh “ theo danh từ mới thường phổ biến trên các báo Paris.

Hành chánh thuộc địa Pháp ở Đông dương (mà các nhật báo An nam nịnh Tây thường gọi là Đông Pháp, Indochine Francaise cũng làm phát ngôn viên của chính phủ Paris, và các nhật báo An nam ở Saigon, Huế, Hà Nội, hằng ngày phổ biến những bản diễn văn hoặc những lời tuyên bố hùng hồn rất lạc quan, rất kiêu hãnh của các chính khách Pháp ở Paris, của vị Toàn quyền và các Thủ hiến Pháp ở Đông dương.

Phải nhìn nhận sự thật này, là lối tuyên truyền của thực dân Pháp đề cao sức mạnh của họ, cương quyết và khéo léo đến nỗi quảng đại quần chúng An nam từ Nam đến Bắc, đều tin tưởng nơi sức mạnh của Pháp, và hành chánh thuộc địa dựa vào tin tưởng ấy mà duy trì rất dễ dàng chế độ đô hộ Pháp ở năm xứ Đông dương.

Sự kiện thực tế ấy cũng đè nặng trong trí óc của những người cách mạng An nam và các đảng cách mạng kể cả đảng cộng sản An nam, vẫn tiếp tục

hoạt động lén lút, chưa dám công khai, vì không một lãnh tụ nào tin tưởng vào sự thành công dễ dàng và mau chóng của công việc mạo hiểm của mình. Ảnh hưởng thâm đậm của Pháp hãy còn mãnh liệt trên khắp các tầng lớp nhân dân thuộc địa.

Tuấn theo dõi sát tình hình chiến cuộc Pháp Đức ở Tây Âu , Nhật Tàu ở Đông Dương, và cuộc diện Đông dương tuy bề ngoài trầm lặng, nhưng không phải không ngấm ngấm sôi động bên trong.

Một vài biện pháp thông thường, tuy đối với dân An nam hãy còn mới lạ như phòng thủ thụ động, đào hầm trú ẩn, bọc đèn chiến tranh bằng vải đen, như đã nói ở trên, ngoài ra không có thay đổi lớn lao, rõ rệt hơn.

Sau phong trào xôn xao của vài tuần lễ đầu, từ khi Pháp tuyên chiến ngày 3/9, đời sống hằng ngày của dân chúng trở lại bình thản, giống như tình hình chiến cuộc bất động ở tiền tuyến Pháp vậy.

Riêng Tuấn để ý thấy từ tuần lễ thứ ba, những chuyến tàu điện (tramway) trên đường Hà Nội - Hà Đông , khởi chạy từ 3 giờ sáng (thường nhật chỉ bắt đầu chạy lúc 5 giờ) và chở toàn lính khố đỏ An nam (tirailleurs Annamites) của “Đệ Nhất sư đoàn bộ binh thuộc địa (1er légiment de l’ Infanterie coloniale) gọi tắt là R.I.C do sĩ quan Pháp chỉ huy.

Tuấn đoán chừng họ đi tập trận, nhưng không biết tập ở địa điểm nào, và muốn xem họ tập trận như thế nào. Tò mò, Tuấn tìm đến nhà một người đội khố đỏ Bắc kỳ quen biết đã lâu (gọi là “ khối đỏ “ danh từ đặc biệt An nam, không dịch đúng theo danh từ Pháp “ tirailleur “ chỉ binh chủng bộ binh thuộc địa, đóng một khố vải đỏ nơi lưng quần, và quần chân đỏ, khác với lính khố xanh (lính tập), và lính khố vàng riêng biệt của vua An nam ở Huế.). Ông này cho Tuấn biết là cuộc tập trận dọc theo đường Hà Đông, phía trên làng Mộc Nhân khoảng 5 cây số, từ 3 giờ 40 sáng đến 4 giờ 50 sáng.

Có khi tập nơi làng Bưởi hoặc làng Bạch Mai. Ông đội thuật lại cho Tuấn nghe nhiều chi tiết khá hấp dẫn của một cuộc tập trận, trong đó sư đoàn bộ binh chia thành hai phe địch thủ, tranh nhau chiếm một địa điểm đã chỉ định trước. Xe tăng không tham gia tập trận vì xe tăng và xe thiết giáp hầu hết là cũ kỹ, đồ thừa thải của Pháp từ Đệ Nhất thế chiến còn lại, bố thí cho

quân viễn chinh ở Đông dương, dùng để biểu diễn trong các cuộc diễn binh hơn là để đi chiến đấu. Phi cơ cũng không tham gia các cuộc tập trận, cổ điển và rất thô sơ ấy, vì lẽ phi trường Gia Lâm, duy nhất của Hà Nội, chỉ có số phi cơ dự trữ không quá 12 chiếc, và hơn một nửa là Morane kiểu 1921 và Petez cũ sửa chữa lại.

Lắm lúc Tuấn suy nghĩ : quân lực của Pháp ở Đông dương rất yếu ớt, và tổ chức rất sơ sài như thế mà Pháp đè đầu đè cổ được trên một xứ An nam cả ba kỳ dân số trên 25 triệu người, thì cũng lạ thật ! Đành rằng họ còn có một đội quân “ Lê dương “ - Légion Etrangère gồm dân thuộc địa Phi châu, và nhiều nhất là Malgaches, Marocains, Sénégalais.

Dân chúng An nam gọi bọn này bằng một danh từ chung là “ lính Tây đen “, không phân biệt chủng tộc nào cả, hoặc “ lính lê dương “.

Bọn này thật là dữ tợn, và thực tế gồm toàn dân du đảng trộm cướp giết người, thường tội, bỏ trốn quê hương xin nhập tịch vào đội quân lê dương Pháp.

Theo Tuấn dò hỏi thì ngoài những lính Bắc Phi châu, đội quân Lê dương còn có người Đức, Áo, Tiệp Khắc, Y pha Nho và Thụy sĩ.

Đông hơn nhất là người Đức và Tiệp Khắc. Mặc dầu họ là những kẻ vong bản, bỏ quốc tịch của họ, trốn qua Pháp xin làm lính Lê dương, và trình độ văn hoá rất thấp kém, nhiều chú dốt đặc, nhưng họ vẫn có mặc cảm tự tôn, mặc cảm Tây phương, đối với dân tộc An nam.

Tuy nhiên hầu hết chúng có vợ An nam và chú nào cũng bị người vợ bản xứ đè đầu đè cổ hiếp đáp, nhiều khi đánh đập tàn nhẫn nếu người “ me tây “ bắt gặp chúng đi chơi điếm, hoặc đem tiền lương về không đủ số, hoặc không vui vẻ tuân theo một mệnh lệnh của “ chérie “.

Một chú lê dương Đức, 27 tuổi, nói tâm sự cùng với Tuấn rằng nếu hãn đàn áp những người cách mạng An nam một cách vô cùng dã man trong một cuộc khủng bố ở Nghệ An chỉ là để trả thù lại những lúc hãn bị người vợ An nam khủng bố hãn còn dã man hơn thế nữa mà hãn cũng ráng chịu.

Sự trả thù ấy hãn cũng không dám nói cho vợ hãn biết. Tên Lê dương này đã thi đỗ tú tài, đã học Đại học Filburg (Đức) nhưng lỡ hiếp dâm một cô bạn gái, bị cô này kiện ra toà, nên y trốn sang Alsace (Pháp) xin nhập Pháp

tịch và đăng vào đạo lính lê dương, được đổi qua đồn trú tại Marakech (Maroc) rồi qua Hà Nội. Chính hẳn sau này chơi thân với Tuấn và lén lút cho Tuấn nhiều tin tức bí mật về các cuộc dự định của quân đội Pháp ở Đông dương chống nhật, và chống cách mạng An nam.

Đồng thời Tuấn đã liên lạc được với một người bạn quen từ lâu, lúc bấy giờ làm sĩ quan ở Binh đoàn Khố Đỏ (compagnie des Tirailleurs Annamites) tên là Nguyễn Ngọc Lễ, anh là một thanh niên quê quán miền Trung, tuy làm lính cho Pháp nhưng tinh thần nòi giống rất cao, có khí phách cách mạng, vẫn nuôi hoài bão quốc gia độc lập.

Sau này, năm 1948, Nguyễn ngọc Lễ làm đại tá chỉ huy trưởng Vệ binh đoàn ở Huế, rồi làm Tổng giám đốc công an được vài ba năm dưới thời Ngô Đình Diệm, sau trở về quân đội cộng hòa, thiếu tướng Nguyễn Ngọc Lễ tham gia hăng hái cuộc đảo chính chống Diệm vào năm 1963, và được lên cấp trung tướng.

Tuấn thường xuyên liên lạc với anh đội khố đỏ Nguyễn Ngọc Lễ từ tháng 10 năm 1939, sau một cuộc họp bí mật ở một gian nhà của nữ đồng chí ở Nam Đồng, gần nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Trong buổi họp, ngoài cô bạn đồng chí, Tuấn và Nguyễn Ngọc Lễ, còn có hai sinh viên trường Cao đẳng Y khoa, và một nhà văn.

Mục đích của nhóm này là kết nạp một số đồng chí có lý tưởng quốc gia thuần túy, không nương dựa một thế lực ngoại bang nào cả. Năm 1939, các giới trí thức Việt Nam bị chia rẽ rặt thành 5 khuynh hướng :

- Một số thân Pháp tin tưởng Pháp sẽ thắng trận,
 - một số theo mệnh lệnh Đệ Tam quốc tế của Nga xô ở Moscow (cộng sản đệ tam) hoặc Đệ Tứ quốc tế ở Paris, tuy là Trotsky ở Mexique (cộng sản đệ tứ),
 - một số thân Nhật bản, và
 - một số trung thành với chủ trương VNQDDĐ của Nguyễn Thái Học, nhưng có phần dựa vào Quốc dân đảng (Koo-Minh Tang) của Tưởng Giới Thạch.
- Trong lúc đó, một nhóm thanh niên trí thức thuần túy quốc gia âm thầm lập tại Hà Nội một mặt trận Antifascistes Indépendants, gọi tắt là AFI (độc lập chống phát xít), chủ trương tích cực tranh đấu cho quốc gia Việt Nam độc

lập, mà chống Pháp, chống Nhật, chống cộng sản (cả đệ tam lẫn đệ tứ) và khi độc lập được rồi sẽ liên kết với tất cả các khối quốc gia trên thế giới, trên chủ quyền quốc gia bình đẳng.

Anh đội khổ đờ Nguyễn Ngọc Lễ rất hoan nghênh chủ trương ấy, vì anh cũng chống Pháp, chống Nhật, chống cộng sản. Rất hăng hái, nhưng nhóm này hoạt động rất khó khăn, gặp rất nhiều trở ngại ngay trong giới cách mạng Việt Nam.

Trên lĩnh vực văn nghệ, Tuấn biết Khái Hưng và Nguyễn Tường Tam đang thành lập đảng Việt Nam Dân Chính có khuynh hướng thân Nhật rõ ràng. Nguyễn Triệu Luật và Lan Khai, rất thân với Nhưộng Tống và triệt để theo đường lối cách mạng VNQĐĐ của giai đoạn 1930, đường lối mà Tuấn cho rằng có tính chất phong kiến, lỗi thời, không kết nạp được quảng đại quần chúng, nghĩa là không tranh thủ kịp với bọn cộng sản trên phương diện tuyên truyền và tranh đấu chống đế quốc thực dân và phát xít.

Các ông cụ của Đông Kinh Nghĩa Thục hầu hết là nhà nho, như Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc, còn rất nhiều hoài niệm về Nhật bản, và đang liên lạc mật thiết với nhóm của Trần Trung Lập, con nuôi của cụ Cường Để, ở Quảng Đông.

Cộng sản, thì ai cũng biết, nhóm Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai, Trần Huy Liệu, Đặng Xuân Khu.

Tất cả các đảng trên hoạt động tuyên truyền hăng hái, tuy ngấm ngấm, trong các giới công chức, tư chức, giáo chức và thương mại kỹ nghệ. Chỉ có cộng sản là đi sâu vào các giới bình dân lao động mà thôi.

Nhóm thanh niên quốc gia thuần túy, độc lập chống phát xít của Tuấn gặp toàn là chống đối. Danh từ phát xít lúc bấy giờ riêng ở Việt Nam bao gồm chủ nghĩa đế quốc Pháp và Nhật. Nhóm AFI của Tuấn ghép cả vào đó chủ nghĩa đế quốc cộng sản Đệ tam và Đệ tứ.

Do đó mà “ liên đoàn các nhà văn chống phát xít “ – Ligue des Ecrivains Antifascistes do Tuấn lập ra với sự tham gia trong giờ đầu tiên của Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai và Jean Lang (cộng hoà độc lập, chủ nhiệm báo La Jeune République, trụ sở ở sát cạnh toà báo L’ Annam Nouveau của Lê Thăng (luật sư, có vợ đầm, có chân trong hội Tam Điểm, Franc

Maconnerie, và kế vị Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút báo L' Annam Nouveau. Hiện nay ở Saigon). - bị tan rã ngay sau 2 tháng hoạt động suông. Giáp không đồng ý về danh từ “ phát xít “ của Tuấn và các đồng chí trong nhóm “độc lập chống phát xít “. Trong một cuộc thảo luận, Tuấn có nói :” Ai cũng biết rằng danh từ “ fascite” phát xuất từ Tây Âu lần đầu tiên từ khi Mussolini lên nắm chánh quyền ở La Mã, và áp dụng chế độ độc tài phát xít. Sau đó, người ta gọi chung các chế độ độc tài, Đức quốc xã của Hitler và quân phiệt Nhật của Tojo, bằng danh từ phát xít.

Ở Việt Nam, danh từ phát xít được ám chỉ cả đế quốc thực dân Pháp cũng như đế quốc Nhật.

Hai anh Đặng Thái Mai và Võ Nguyên Giáp gia nhập “ liên đoàn các nhà văn chống phát xít “ với chủ đích lôi kéo liên đoàn này vào đảng cộng sản, nhưng khi gặp sự cương quyết nhận định ý nghĩa chống luôn cả phát xít Nga xô, do các bạn của nhóm AFI chủ trương, hai anh ấy rút lui.

Đối với các đảng phái quốc gia thân Nhật, Tuấn và các bạn đồng chí cũng gặp sự chống đối quyết liệt như thế.

Một buổi tối, sau một cuộc nhóm họp chung của các phần tử còn lại với nhau sau khi Mặt trận bình dân đổ vỡ, Nguyễn Tường Tam cùng Tuấn ra về một lúc, cùng đi một đường, dọc bờ hồ Hoàn Kiếm. Tam hỏi Tuấn bằng giọng khôi hài :

- Người Nhật làm gì hại anh mà anh chống Nhật ?

Tuấn cười trả lời :

- Thế thì người Nhật làm gì cho anh mà anh thân Nhật.

Câu chuyện đấu khẩu nửa thật nửa đùa kéo dài cho đến đầu đường xe điện đi Thái Hà ấp. Nhưng lập trường chính trị và cách mạng của Tuấn vẫn cương quyết bảo vệ tính chất thuần túy quốc gia, mặc dầu các phong trào thân Nhật, thân Pháp, đang đồng thời phát triển ngấm ngấm, và đả kích nhau sôi nổi trong các giới trí thức Hà thành bị chia rẽ vì lập trường chính trị.

Việc Staline ký hiệp ước “ bất xâm lăng “ của Hitler lại là một dịp để Tuấn đả kích chính sách cộng sản, và Tuấn hăm hở nói với Võ Nguyên Giáp và Trần Huy Liệu rằng Staline phản bội các đảng cộng sản thế giới.

Sau đó một tháng, đảng cộng sản Pháp cũng bị lung lay trong nội bộ, và một số đảng viên thuần thành đã chính thức ly khai đảng để chống lại chính sách phản bội của Staline và cộng sản Nga Xô. Trong số đảng viên cộng sản ly khai này, có nghị sĩ cộng sản Maurice Honel, người đã được cộng sản Pháp phái qua An nam năm 1917, để tiếp xúc với cộng sản An nam, và đã được Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của anh tiếp đón vô cùng long trọng.

Lời tuyên bố ly khai của 32 nghị sĩ cộng sản, trong đó có Maurice Honel, đã được đăng trong các báo Pháp : “ Paris Soir “ , L’Intransigeant, Match de la Vie “ v.v...

Tuần cũng hiểu rằng Staline ký “ hiệp ước bất xâm lăng “ ... traité de non-agression - với Hitler là để có thì giờ chuẩn bị đương đầu với nhà độc tài Nazi, chứ thực tâm Staline vẫn coi Hitler là “ một tên đồ tể ghê gớm, một tên khát máu “, nhưng Staline cũng chẳng đạo đức gì hơn. Hiệp ước bất xâm phạm ký kết ở Moscow giữa Ribbentrop ngoại trưởng của Hitler và Molotov, ngoại trưởng của Staline, chỉ là một thủ đoạn chính trị mà cả hai đều có thâm ý lợi dụng trong một giai đoạn để chuẩn bị sẵn sàng một cuộc tàn sát tiêu diệt trong tương lai gần gũi đó thôi.

Năm 1939, mấy anh cộng sản An nam ở Hà Nội cũng đưa cái lý luận đó ra để bênh vực chính sách “ tài tình siêu việt “ của Staline, mà họ gọi bằng tiếng Pháp là “ la politique géniale de Staline “.

Nhưng Tuần nhất định chống cãi rằng cái chính sách ấy nếu có lợi riêng cho Nga xô trong giai đoạn chưa chuẩn bị đầy đủ để đương đầu với Hitler, thì, trái lại, nó là một đòn nham hiểm, cho Hitler được rảnh tay ở phía Đông, để dồn lực lượng vào cuộc tấn công bao tổ các nước Tây phương.

Thâm ý của Staline là để Hitler tiêu diệt các đế quốc Tây Âu (Pháp, Anh, Hoà Lan, v.v...) tạo cơ hội cho cộng sản Tây Âu nổi dậy, rồi Staline sẽ đánh bại Hitler, với sự hợp lực của cộng sản Tây Âu thành ba bốn mặt trận cộng sản bao vây Đức quốc xã như một gọng kềm vĩ đại.

Hitler thì tính rảnh tay ở phía Đông để tiêu diệt Pháp, Hoà Lan, Bỉ, Anh rồi quay lại đập Nga xô. Nhưng cả Hitler lẫn Staline đều không ngờ đến sức kháng cự quyết liệt và kinh khủng của Anh, và sau đó đến sự can thiệp của

Mỹ.

Cho nên, sau khi ký hiệp ước “ thân thiện “ với Nga xô. Hitler tạm yên trí ở phía Đông, dồn hết quân lực mở cuộc tấn công chớp nhoáng về phía Tây, các bác Đức gọi là Blizkrieg đánh lấy Luxembourg, Bỉ, Hoà Lan, Pháp, không đầy 20 ngày.

Đồng thời Suède, Norvège, Danemark cũng bị quân Quốc xã chiếm đóng. Quân đội Hitler tràn ngập luôn cả vào các nước Nam Âu sát vùng Caucase của Nga.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 59

1940

- Tin Paris bị quân đội Hitler chiếm đóng làm xôn xao dư luận dân chúng Việt Nam.
- De Gaulle Toàn quyền Catroux.
- Hà Nội báo động.
- Hải Phòng bị Nhật ném bom lần đầu tiên.
- Dân chúng Hà Nội tản cư về các vùng quê.
- Lạng Sơn bị Nhật chiếm. Việt Nam Phục Quốc Quân.
- Phi cơ và quân đội Nhật ào ạt đến Hà Nội.
- Những câu sấm Trạng Trình.

Ở Hà Nội, tin chiến tuyến Maginot bị đổ vỡ, và Paris bị thất thủ, gây một không khí xúc động mãnh liệt bất ngờ, so với trận Đệ Nhất Thế Chiến giữa Đức và Pháp kéo dài 4 năm từ 1914 đến 1918. Người ta đều tin tưởng rằng trận Đệ Nhị Thế Chiến này dù Đức mạnh đến đâu chẳng nữa, Pháp cũng chống cự được 3,4 năm, với sự giúp đỡ của đồng minh.

Ai ngờ đâu quân đội Hitler tràn ngập đất Pháp với một lực lượng kinh hoàng như sấm sét chà nghiền các chiến trường Pháp như một con quái vật khổng lồ dẫm lên một bầy người tí hon. Tất cả đều chết bẹp, hoặc còn sống sót thì chạy tán loạn không kịp thở.

Cả một đoàn quân Đồng minh Anh cũng vội vàng chạy ra hải cảng Dunkerque, bỏ lại nước Pháp trơ vơ, rối loạn, khiếp đảm, làm mồi cho quân Đức.

Hà Nội xôn xao với những tin chiến trận bất ngờ ấy. Các giới cách mạng “An nam” cũng vô cùng kinh ngạc. Chẳng có một đảng phái quốc gia nào, và cả đảng cộng sản, chuẩn bị sẵn sàng để chờ đón biến cố phi thường ấy, hầu như là phi lý ...

Đó là vào giữa tháng 5 năm 1940...

Tin tức bên Pháp vẫn qua đều đều và dồn dập mỗi ngày nhiều biến cố mới, hầu hết là bi đát và trái ngược nhau, chứng tỏ một tình trạng chính trị vô cùng hỗn loạn. Nội các Paul Reynaud cố tiếp tục chiến tranh mặc dầu ngày 10-6-1940, Paris đã bị quân đội của Hitler chiếm đóng mà không tốn một viên đạn.

Paris đã được tuyên bố là thành phố bỏ ngõ. Quân đội Pháp đã tản cư vội vã và lộn xộn. Trong cuộc “ chạy giặc “ vĩ đại của những đợt sóng dân chúng hoàn toàn rối loạn từ các tỉnh miền Bắc ào ạt tiến xuống các vùng quê miền Tây và miền Nam, làm nghẽn tất cả các con đường.

Tổng thống Lebrun, và nội các Paul Reynaud cũng hấp tấp tản cư về Orléans rồi chạy xuống Bordeaux, hải cảng cuối cùng của miền Tây Nam, trên bờ Đại tây dương. Nơi đây chính phủ Thượng và Hạ viện Pháp chia làm hai phe : một theo Paul Reynaud quyết tản cư qua thuộc địa Algérie ở Bắc Phi châu và tiếp tục chiến đấu, một phe theo Thống chế Pétain và Đại tướng Weygand xin đầu hàng và đơn phương đình chiến với Đức, nghĩa là phản bội lại Đồng minh Anh quốc. Vì áp lực quân sự quá mạnh, lực lượng quân đội Pháp hoàn toàn bị tan rã, nên phe đầu hàng thắng thế. Thống chế Pétain, vị anh hùng thắng ở Verdun hồi Đệ Nhất Thế chiến đứng ra lập một chính phủ đầu hàng ở Vichy. Pierre Laval làm thủ tướng chủ trương triệt để hợp tác với Đức và nhận mệnh lệnh của Hitler.

Đại tá De Gaulle vừa mới được Paul Reynaud làm cho Thứ trưởng Bộ Chiến tranh hồi tháng 5-1940, và được thăng cấp bậc Thiếu tướng, từ Bordeaux đã trốn bay qua Luân đôn để thành lập một chính phủ lưu vong. Ngày 18 tháng 6 ông kêu gọi người Pháp tiếp tục chiến đấu với sự bảo trợ của Churchill và chính phủ Anh hoàng của George V.

Nhóm De Gaulle lúc bấy giờ mới có độ năm bảy người thôi.

Đông dương vẫn còn nguyên vẹn là Đông Pháp, thuộc địa của Pháp. Lời kêu gọi của De Gaulle đọc trong đài B.B.C ở Luân Đôn vẫn được loan truyền ở Saigon, Huế, Hà Nội, cũng như ở Phnom-Penh (thủ đô Cao Miên) à Luang Prabang, Vientiane (Lào).

Nhưng đồng thời dân chúng An nam cũng được nghe lời hiệu triệu của

Thống chế Pétain, bây giờ gọi là Quốc trưởng Quốc gia Pháp (Chef de l'État Français) vì chế độ cộng hoà đã bị bãi bỏ. Pétain kêu gọi các thuộc địa Pháp “ hãy trung thành chính phủ hợp pháp của Thống chế ở Vichy “ và đừng nghe lời tên “ phản quốc De Gaulle “. Ông này mệnh danh là “ lãnh tụ nước Pháp tự do “ (chef de la France Libre) đã bị chính phủ Vichy kết án tử hình khiếm diện.

Tất cả những tin tức trái ngược và hỗn độn ấy khiến cho dân chúng An nam vô cùng thắc mắc, và bàn tán rất xôn xao. Các giới cách mạng và chính trị ở Hà Nội, Saigon, đã bắt đầu rục rịch theo dõi sát tình hình biến chuyển ở Pháp hằng ngày, hằng giờ, để ...tùy cơ ứng biến.

Có một điều mà Tuấn đặc biệt chú ý, là tình hình chính phủ và quân sự của Pháp quốc đã bị phá sản như thế rồi, mà giới quan lại và trường giả An nam vẫn còn trung thành với “ mẫu quốc “ của họ.

Ở Hà Nội cũng như ở Huế và Saigon, những lớp người đã được ân huệ của Pháp, riêng ở Nam kỳ hầu hết là những kẻ đã nhập tịch dân Pháp, như một số đông Thượng thư, Tổng đốc Tuần phủ, đại kỹ nghệ gia ở bắc kỳ và Trung kỳ, những Đốc phủ sứ và “ Bác vật “, bác sĩ, kỹ sư, commis, “đội đồng, đại diện chủ ở Nam kỳ, đều công khai bày tỏ “ lòng tri ân và luyến ái, tận tụy trung thành không nao núng “ của họ đối với “ Nước Đại Pháp Bảo Hộ “, “ Mẫu Quốc “ của họ, " leur attachement inébranlable à la Mère-Patrie “.

Nhưng “ Mère Patrie “ nào ? Vì “ mẫu quốc “ đã bị chia làm hai phe, công khai đả kích lẫn nhau, thù địch lẫn nhau, chửi nhau là phản quốc. Dĩ nhiên, trong những ngày đầu tiên của tháng 6 và tháng 7 cho đến tháng 9, tháng 10 năm 1940, những người Pháp cai trị ở Đông dương đều khuynh hướng theo chính phủ kháng chiến của De Gaulle.

Lý do rất dễ hiểu, vì lòng ái quốc của lớp người Pháp ấy cũng có một phần, nhưng phần lớn là lòng tự ái của họ đối với các dân tộc thuộc địa ở Đông dương, nhất là đối với dân An nam. Tự ái vì họ đã bị quân Đức đánh bại, xứ họ đang bị quân Đức chiếm đóng một nửa (miền Bắc) gồm cả thủ đô Paris, còn một nửa miền Nam Thống chế Pétain, vị anh hùng của họ đã oanh liệt hồi nào giờ lại làm quốc trưởng bù nhìn được Hitler cho đóng đô

ở thành phố Vichy bé nhỏ. Thật là một nhục nhã, cho nên vị chúa tể của họ là đại tướng Catroux, Toàn quyền Đông dương, đã công khai theo phe De Gaulle để chứng tỏ cho dân chúng An nam và Miên, Lào thấy rằng họ chưa thật sự chiến bại.

“ Nước Pháp đã thua một trận giặc, chứ không phải thua giặc “ như lời hiệu triệu của De Gaulle ngày 18-6-1940 :” La France a perdu une bataille, elle n’a pas perdu la guerre “.

Các giới An nam thân Pháp thì nhất định theo chiều hướng của Hành chính Pháp ở thuộc địa. Viên toàn quyền và các viên Khâm sứ (Trung kỳ) Thống sứ (Bắc kỳ), Thống đốc (Nam kỳ) chủ trương như thế nào, họ cũng vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Họ vẫn hoàn toàn tin tưởng nơi nước Pháp, bất cứ là cái nước Pháp nào.

Các giới cách mạng An nam nặt đầu hội họp bí mật ngày đêm để thảo luận và theo dõi sát tình hình Pháp, Đức, và Âu châu. Đông Nam Á còn yên ổn (trừ cuộc chiến tranh thường xuyên giữa Nhật và Trung Hoa).

Những đề tài thảo luận sôi nổi nhất là thái độ của Nhật đối với Đông dương sẽ như thế nào ?

Ở Hà Nội lúc bấy giờ có hai nhóm chống Nhật, và ba nhóm thân Nhật.

Chống Nhật là đảng Cộng sản và nhóm AFI của Tuấn (Antifascistes Indépendants) - chống Phát xít Độc lập. Nhóm này gồm có Nguyễn Ngọc Lễ, nữ đồng chí Khuê Lưu, Tuấn, hai sinh viên Y-khoa, và Thọ, một sinh viên trường Luật.

(Khuê Lưu sau bị quân Pháp bắn chết ở Việt Trì). Nhóm Chống Phát xít Độc lập đi tuyên truyền ở Hà Nội, Hải Phòng, bị các nhóm thân Nhật đả kích kịch liệt. Căn cứ trên tình hình chiến sự ở Âu châu, nhóm của Tuấn nhận xét rằng Nhật và Pháp sẽ đánh nhau trên lãnh thổ Việt Nam. Tuấn có viết sách chống Nhật, tiết lộ Kế hoạch Tanaka mà đám quân phiệt Nhật đang áp dụng, chủ trương bành trướng thế lực Nhật ở toàn thể Đông Nam Á, xâm chiếm An nam, Cao Miên, Lào, làm căn cứ để tràn qua Xiêm, Miến Điện và Ấn Độ, đồng thời chiếm Tân Gia Ba để chặn đường của Anh, Pháp, Hòa Lan. Nhưng nhóm Tuấn lại nghĩ rằng bọn đế quốc thực dân Âu châu sẽ kêu gọi Mỹ về phe Đồng minh với họ để diệt Nhật.

Nhóm Tuấn tin rằng thế nào Pháp và Nhật cũng sẽ đánh nhau vì Nhật ở trong “ trục thép “ (axe d’acier) Berlin – Rome, Tokyo, đồng minh với Đức và Ý. Bọn Pháp ở Đông dương theo phe De Gaulle tức là chống Nhật, thì dĩ nhiên Nhật sẽ đánh Đông dương và Anh, Mỹ sẽ đổ bộ ở đây. Dân chúng Việt Nam sẽ thừa cơ hội duy nhất đó để nổi dậy đòi Đồng minh Anh - Mỹ bắt buộc Pháp phải trao trả độc lập cho mình, theo nguyên tắc “ 14 điểm của tổng thống Wilson hồi 18-19 xác nhận :” quyền dân tộc tự quyết (le droit des peuples de disposer d’eux-mêmes).

Nhóm AFI của Tuấn lấy câu này làm khẩu hiệu tranh đấu với các nước đồng minh. Nhóm này đi hoạt động hoàn toàn bí mật, đợi khi nào Anh Mỹ đổ bộ ở Việt Nam, nhóm sẽ công khai ra mặt đòi độc lập.

Đêm trung thu năm 1940, anh đội khổ đờ Nguyễn Ngọc Lễ vừa ăn bánh trung thu tại nhà nữ đồng chí Khuê Lưu, vừa xầm xì cho Tuấn và các đồng chí biết tin Nhật chuẩn bị đổ bộ Hải Phòng, nội trong tháng 8.

Người Pháp biết nhưng sẽ không dám làm gì để đối phó. Người Pháp ở Đông dương tuy bề ngoài ra vẻ hiu hiu tự đắc để lừa bịp bịt mắt dân chúng, và tuyên bố phòng thủ Đông dương rất kiên cố, chống mọi cuộc xâm lăng bất cứ từ đâu đến, nhưng kỳ thực họ vẫn gờm Nhật bản, và lo sợ Nhật gây hấn.

Cái tin sốt dẻo của Nguyễn Ngọc Lễ, hình như cũng có nhiều người biết, nhất là trong quân đội Pháp, nên từ ngày hôm sau tin ấy được loan truyền rỉ tai khắp cả Hà Nội và Hải Phòng. Cùng một lúc, viên Đốc lý thành phố Hà Nội ra lệnh bắt dân chúng gấp rút sửa sang lại các hầm trú ẩn lâu ngày để cỏ mọc trùm lum, nước đọng dơ bẩn, và đào thêm nhiều hầm mới.

Tiếng đồn xôn xao khắp thành phố, tuy chưa thấy dấu hiệu gì chứng tỏ người Nhật sắp hành động gây chiến. Đi đâu cũng nghe dân chúng xầm xì bàn tán sắp có đánh nhau ở Hải Phòng.

Ông Ba Ngừ, một ông đồ Nho ở Phố Hàng Bạc, gặp Tuấn, khẻ bảo :” Tôi chả lo ! Các cụ xưa đã bảo : Thăng Long bất chiến tự nhiên thành. Tuy nhiên không khí Hà Nội đã thay đổi một không khí hồi hộp, nặng nề, lo âu. Nhiều gia đình đã tính việc tản cư tạm về quê, để nghe ngóng xem sau.

Sáng ngày 19/9, Tuấn mua vé xe lửa đi Hải Phòng để dò xét tình hình. Gặp

mấy người bạn thân. Tuấn hỏi, họ cười bảo :” Tin đồn, dân chúng ở đây đã biết cả, nhưng chả thấy gì “. Hải cảng không có phòng thủ, gần như một thành phố bỏ ngõ. Dân chúng làm công việc hằng ngày chẳng có gì xôn xao.

Trở về Hà Nội, Tuấn nghe tin hai người Triều tiên có tiệm bán nhân sâm ở phố Hàng Đầy gần chợ cửa Nam, tự nhiên bị nhà chức trách Pháp bắt. Nhà buôn Nhật DainamKoosi ở phố hàng Nón tự nhiên đóng cửa. Nghe thiên hạ đồn rằng mấy người Nhật đã bỏ trốn đi cả.

Đó là những triệu chứng bắt đầu tiết lộ một biến cố trầm trọng sắp xảy ra.

Đùng một cái, 7 giờ sáng ngày 23/9/1940, Hà Nội có báo động. Lần này là báo thật sự, vì toà Đốc lý không cho biết trước. Toàn thể dân chúng nhao nhao chạy xuống các hầm nấp. Hai chiếc máy bay Pháp bay vù vù trên vòm trời Hà Nội, nhưng bay thật cao.

Thế rồi, không biết do ai truyền tin mà người này bảo người cho người kia biết là Nhật đang ném bom Hải Phòng. Hà Nội báo động vì có thể máy bay Nhật sẽ đến ném bom Hà Nội trong chốc lát. Dân chúng Hà Nội lần này hoảng hốt thật sự. Thiến hạ nhốn nháo cả lên. Con nít bị lôi kéo xuống hầm, la khóc om sòm.

Buổi sáng hôm ấy, 23 tháng 9 năm 1940. Tuấn dậy thật sớm, đi lang thang trên phố Hàng Bọt, quãng đường này từ Ô Chợ Dừa (Khâm thiên) đến ngã ba đường Duvillier (phố Hàng Đầy) dọc bên hông Văn Miếu (đền thờ Khổng Tử) đến phố Sinh Từ.

6 giờ, mặt trời chưa mọc. Khí trời mát mẻ, một làn gió hiu hiu thổi phất phơ trên ngọn cỏ lá cây. Thành phố Hà Nội còn đang ngủ. Bỗng tiếng còi báo động rú lên. Lúc đầu còn nho nhỏ rồi to dần, to dần, vang dội 36 phố phường như một tiếng mê sảng, thét lên trong ác mộng. Nghe rùng rợn làm sao !

Trong giây phút, tất cả kinh thành Hà Nội đều tỉnh dậy, hoảng hốt, đổ xô xuống các hầm trú ẩn, chạy tán loạn trên các ngã đường.

Tin rằng máy bay Nhật chắc là không ném bom làm chi xuống Miếu Đức Khổng Tử, Tuấn trèo ngay trên bức thành sau, bức thành đầy rêu với vôi gạch ngày xưa đã đổ nát nhiều, ngồi chờ xem và nghe ngóng. Một mình

ngồi cheo leo trên đỉnh thành. Tuần ngó xuống các hầm chữ chi đào chẳng chịt trên các đám đất hoang gần Miếu. đông nghẹt những người trú ẩn. Một cặp vợ chồng trưởng giả ở Phố Hàng Đẫy, vợ choàng chiếc áo ngủ chưa kịp cài nút, quần ống thấp ống cao, chồng mặc quần đùi, khoác áo pyjama bằng vải sọc, nắm tay nhau chạy hớt hơ hớt hải lên phố Hàng Bột. Vấp vào đồng đá xám của lục lộ đổ bên lề đường, bà vợ té xuống đá, ông chồng vội ôm xốc lấy bà, chạy khắp khẽng xuống cái hầm gần đấy. Những người đứng chật ních dưới hầm, nước mưa đọng lâu ngày lên đến đầu gối, tuy họ đang lo sợ ném bom, nhưng vẫn không nhin cười được, tất cả đều cười rồ lên khi thấy ông chồng lính quỳnh té luôn với bà vợ ngay trên miệng hầm. Hai ông bà ôm nhau chặt cứng, cả hai đều nằm sấp mặt xuống cỏ, không dám ngó lên. Hai chiếc máy bay màu xám, đang vờn trên trời, tiếng kêu vù vù làm rung động cả không gian.

Họ tưởng máy bay Nhật từ Hải Phòng bay lên và sắp ném bom, nhưng ngó kỹ thấy bóng dáng quen thuộc của hai chiếc Morane thám thính cũ-xì của Pháp, có lẽ để trấn tĩnh dân thành phố hơn là để phòng thủ, hay sẵn sàng nghênh chiến. Ngồi điềm nhiên trên tường miếu Khổng Tử, Tuần thoáng nghĩ rằng, nếu máy bay Nhật bay đến đây thì chắc là hai chiếc Morane kia phải vội vàng rút mất, chớ đừng hòng nghênh chiến.

Máy bay chiến đấu của Pháp ở phi trường Gia Lâm có một chiếc Potez cũ, làm gì mà không thấy bay lên phòng thủ thủ đô ? Hay chúng đã bay trốn đi từ khuya rồi ?

Còi báo động đã im tiếng từ lâu. Mặt trời đã mọc, rọi ánh nắng trên một thành phố im lìm gần như nín thở. Tuần có cảm tưởng trái tim Hà Nội đang đập mạnh trong cơn mê sảng trầm trọng, lo sợ Tử thần sắp bay đến bằng những chiếc cách đen ngòm và ghê rợn. Dân chúng dồn xuống các hầm trú ẩn, sợ hãi cho đến nỗi trẻ con khóc họ cũng bịt miệng chúng lại, một cái mũ cái khăn có màu xanh đỏ loè loẹt họ cũng cất dấu đi.

Một tiếng đồng hồ, lâu dằng dặc. Hồi còi lại rú lên ...chấm dứt báo động. Dân chúng từ các hầm trú ẩn đọng nước lóp ngóp trèo lên, chạy nhanh về nhà.

Tuần xuống phố Sinh Từ, gặp một người bạn họa sĩ Nguyệt Hồ, người Nam

Định. Gầy như cái que, ngực lép xẹp, mang đôi giày há mồm. Nguyệt Hồ cười mừng hỏi Tuấn :

- Ở đâu ra đây, cậu ?

Tuấn hất hàm về phía Văn Miếu :

- Ở sau bếp nhà cụ Khổng, còn cậu ?

- Tớ nấp trong sân Hội Dục Anh của cụ cả Khiêm.

Rồi nghiêm nét mặt, Nguyệt Hồ bảo nhỏ :

- Hải Phòng bị ném hai quả bom, chắc cậu biết tin rồi chứ gì ?

- Mình cũng vừa nghe tin đây. Hình như không có ai chết. Tụi Nhật chỉ ném bom xuống bờ biển để hăm dọa thôi.

- Láo ! Có người chết lu bù. Nghe nói một quả rơi xuống phố Od'handal...

Đây không phải là tin tức của đài Phát Thanh, vì lúc bấy giờ Hà Nội chưa có Đài Phát Thanh loan truyền tin tức, và cũng chẳng nhà nào có radio. Tất cả tin tức biết được cấp thời đều do một số người được ưu thế nghe lỏm nhờ làm việc trong Phủ Toàn quyền, trong các giới cao cấp Hành chánh Bảo hộ hoặc trong các trại lính Tây.

Vì thế nên tin đồn rất nhiều, nhưng nhiều khi trái ngược nhau, do những người vô tình hay cố ý loan truyền thất thiệt hoặc do các giới bồi bếp của Tây không hiểu rõ tiếng Pháp nên loan tin sai lầm.

Chỉ một giờ sau khi hết báo động là cả thành phố đều biết tin Hải Phòng bị ném bom. Nguyệt Hồ và Tuấn đi dọc theo phố Sinh Từ xuống chợ cửa Nam gặp một người bạn. Có vẻ bí mật, người bạn không ai khác hơn là Lê Văn Trương, cho biết Quân đội Nhật hoàng đang đánh Lạng Sơn.

Tuấn hỏi Trương :

- Cậu lấy tin ở đâu thế ? Có thật không ? Hay là gián điệp cho Nhật đấy ?

Trương trở mặt la :

- Tao nói dối mà, tao làm con chó ! Chúng nó đang đánh nhau âm âm ở biên giới. Giờ chúng tao đang nói với chúng mày đấy không khéo Lạng Sơn mất mẹ nó rồi còn gì !

Vội vàng từ gã Lê Văn Trương và Nguyệt Hồ, Tuấn chạy một mạch về nhà Minh Phương, ngõ Văn Tân. Đây là nhà xuất bản các sách báo của Tuấn.

Đến đây Tuấn được biết rằng ông Minh Phương đã đưa mẹ, vợ và con “ về

quê lánh nạn “. Phong trào “ về quê lánh nạn “đang được thịnh hành ở Hà Nội từ một tuần lễ đầu có chuyện rục rịch đánh nhau giữa Nhật và Pháp ở Bắc Kỳ. Chỉ còn anh bếp ở lại giữ nhà. Lúc Tuấn đến, anh bếp từ dưới hầm trú ẩn ở trong sân vừa chui ra, hỏi Tuấn :

- Hết báo động rồi sao, cậu Tuấn ?
- Hết từ nãy giờ. Chú không nghe à ?
- Sợ thấy mờ, còn nghe cái khí khô gì đâu !
- Ông Minh Phương đâu ?
- Ông ấy đem mẹ nó cả gia đình về lánh nạn rồi còn chớ gì.
- Ông ấy đi lúc nào ? Chiều hôm qua chưa đi mà ?
- Còn mỗi một mình chú ở lại giữ nhà thôi à ?
- Thế mới cực bỏ mẹ.
- Cực cái gì ?
- Chứ cậu nghĩ xem : Hai ông bà lo đi về quê lánh nạn, bỏ tôi ở lại giữ nhà, nhờ bom ném xuống sập nhà thì làm thế nào ? Tôi phải dọn cất các đồ đạc trong nhà, chả dám đi đâu cả !
- Không sao đâu, đừng lo.
- Cậu ở đâu ?
- Tôi vẫn ở phố Mã Mây.
- Thôi cậu dọn về ở đây với tôi cho vui, né ? Tôi thổi cơm cho cậu ăn. Ở đây đánh cờ tướng chơi.

Tuấn cười :

- Giặc giã đến nơi, ở đó mà đánh cờ tướng !
- Nghĩ cho kỹ thì Nhật họ đánh Tây, chứ ăn thua gì An nam, phải không cậu ? Tây phải phòng thủ Hà Nội.
- Đất này là đất An nam chứ đất Tây à ? Nhật nó đánh Hà Nội, thì nó làm thịt chúng mình ! Còn Tây thì Nhật quét hết xuống hồ Hoàn Kiếm, thầy kệ chúng nó chứ.
- Ồ Thăng Long bất chiến tự nhiên thành, mà cậu !
- Nếu thế thì chú còn sợ cái quái gì ?
- Sợ máy bay Nhật ném bom thôi. Hôm nào Hà Nội bị ném bom thì tôi cũng chuồn về quê lánh nạn. Còn cậu ?

- Tôi chả đi đâu cả.

Tiếng còi báo động lại rú lên rùng rợn.

- Thấy mẹ !

Chú bếp vừa kêu hoảng lên như thế vừa chui vội xuống hầm. Trong nháy mắt chú biến mất tiêu. Tuấn do dự thấy chiếc thang dựng nơi vách tường, Tuấn leo tuốt lên sân thượng để xem dân thành phố chạy đi trú ẩn lần nữa.

Khi nào máy bay Nhật đến, mình sẽ nằm sấp xuống sàn sân thượng để nghe ngóng và ngóc đầu xem nó ném ở chỗ nào, và ném bom cách nào

Tuấn quyết không chạy trốn và ở tại chỗ để quan sát tường tận những giờ phút bắt đầu biến chuyển của Lịch Sử.

Thăng Long, 10 giờ sáng ngày 23/9/1940.

Tin Hải Phòng bị Nhật ném bom vừa được xác nhận, toàn thể dân chúng lo sợ quân đội Nhật Hoàng đổ bộ lên Hải Phòng, chiến tranh sẽ xảy ra giữa quân Nhật và quân Pháp. Dư luận của người An nam rất phân vân, vì ít người biết rõ thực lực của Nhật và cả của Pháp ở Bắc kỳ. Nếu Nhật đổ bộ và chiếm Hải Phòng, thì họ sẽ lần lượt theo đường xe lửa kéo lên đánh chiếm Hải Dương, Bắc Ninh, rồi tới Hà Nội. Thế nào rồi Hà Nội cũng bị ném bom, và chắc chắn chiến tranh sẽ ác liệt, Bắc kỳ sắp biến thành bãi chiến trường.

Nói đúng ra thì đại đa số người An nam không lo sợ cho xứ sở và cho thân mình. Bàn tán với nhau về chiến cuộc đang bùng nổ, họ chỉ than thở bằng một câu tục ngữ :” trâu bò húc nhau , ruồi muỗi chết “. Họ có cảm tưởng rõ rệt là nếu Tây thua trận, thì Nhật sẽ chiếm cứ Hà Nội, Bắc kỳ, và người An nam sẽ mặc nhiên phải thay chủ cũ, để làm nô lệ cho chủ mới. Thế thôi !.

Ý tưởng rất giản dị ấy thay thế cho tinh thần chiến đấu hầu như đã mất mát khá nhiều, nơi đa số dân An nam sau nửa thế kỷ thế kỷ chịu đựng cuộc đô hộ của Pháp. Dân chúng có khuynh hướng cầu an vì cái mặc cảm yếu hèn của một thói quen làm nô lệ, cho nên họ tự coi mình như “ ruồi muỗi “, trong cuộc xô xát giữa “ trâu bò “. Chính vì tâm trạng bạc nhược đó mà các đảng phái cách mạng thường gặp nhiều khó khăn trong việc chiêu mộ đồng chí, do sự lãnh đạm sợ sệt của số đông quần chúng.

Vả lại, nếu chiến tranh bùng nổ ở Đông dương, thì chỉ có Nhật với Pháp

đánh nhau. Chứ An nam có gì đâu để đánh ? Một khí giới tự vệ cũng không có, thì biết đánh đập ai ?

Nhưng rồi ai nấy đều ngạc nhiên nghe tin tình Lạng Sơn ở biên giới Trung Hoa bị quân Nhật vừa đánh chiếm hôm trước, thì hôm sau họ giao trả lại cho Tây.

Cái tin sét đánh ấy khiến mọi người đều ngỡ ngàng, chẳng hiểu sao cả, Hà Nội nhận được tin từ biên giới loan về cho biết Nhật đã đánh lấy Lạng sơn với một Đạo quân Cách mạng của Cường Để. Quân Pháp chết rất nhiều. Còn Nhật đã bay phát phớ tại tỉnh thành Lạng Sơn.

Đám thân Nhật của Vũ Đình Duy, chủ nhiệm báo Effort Indochinois, và Nguyễn Tường Tam được cơ hội tuyên truyền công khai ở Hà Nội. Duy hãnh diện bảo Tuấn :

- Anh thấy không, Tuấn ? Việt nam mình đã thắng Pháp rồi đấy.

Tuấn hỏi :

- Việt Nam thắng hay Nhật thắng ?

- Nhật chỉ giúp ta. Chính Quân đội Việt Nam Phục Quốc ở Quảng Tây đã chiếm được thành phố Lạng Sơn.

- Nếu thế thì đáng khen Phục Quốc quân. Nhưng sao lại có tin là quân Nhật đã giao trả Lạng Sơn lại cho Pháp, và một nhóm Việt Nam Phục Quốc Quân do người con nuôi của Cường Để chỉ huy, theo quân Nhật vào Lạng Sơn đã bị Nhật bỏ rơi và bị quân Pháp đánh đuổi tới bờ và giết hại rất nhiều.

Tuấn tìm đến hỏi Duy thì Duy đã đi mất, Tuấn tìm đến Nguyễn Tường Tam, Tam cũng biến đi đường nào, không ai biết tăm hơi ở đâu.

Tình hình Hà Nội trở lại yên tĩnh, không còn báo động nữa, và Hải Phòng cũng bình yên vô sự. Chiến tranh “ quái gở “ chỉ kéo dài có 24 tiếng đồng hồ. Đồng thời, tất cả các nhật báo Đông Pháp, Tin Mới, Trung Bắc, đều đăng những dòng chữ lớn, 8 cột, loan tin :” Trung tướng Ninshihara đã đến Hà Nội viếng thăm Đại tướng Catroux, Toàn quyền Đông dương.

Tối hôm đó, anh đội khố đỏ Nguyễn Ngọc Lễ cho Tuấn và các đồng chí trong nhóm biết :” Trung tướng Nishihara cầm đầu một phái đoàn Nhật bốn đã đến ở dinh Toàn quyền để thương thuyết về vụ Quân đội Nhật hoàng sắp

chính thức được qua chiếm đóng Hà Nội.

Theo những tin tức của anh đội khổ đờ đã nghe ngóng trong trại lính của anh thì người Nhật đòi người Pháp phải để cho Nhật được quyền kiểm soát đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Vân Nam. Vì người Nhật nghi người Pháp đã dùng hai đường xe lửa này để tiếp tế khí giới cho Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh.

Nhưng đó chỉ là một cái cớ để Nhật qua chiếm Bắc kỳ mà khỏi phải chiến tranh với Pháp. Cuộc ném bom ở Hải Phòng, và trận đánh chiếm Lạng Sơn chỉ có mục đích làm áp lực Toàn quyền Catroux phải chấp nhận những yêu sách của Nhật.

Trước sức mạnh hùng hổ của quân đội Nhật hoàng, tướng Catroux đã phải buộc lòng nhượng bộ, và phái đoàn Nishihara được tiếp đón trọng thể tại Phủ Toàn quyền.

Những yêu sách quân sự của Nhật đã được thỏa mãn, Nhật liền trả tỉnh thành Lạng Sơn lại cho Pháp, và bỏ rơi nhóm Phục Quốc Quân Việt Nam của Cường Để. Nhóm này không quá 300 người, bị quân Pháp tái chiếm Lạng Sơn, đánh giết tơi tả, còn sống sót một số ít tàn quân phải trốn tránh trong rừng núi Quảng Tây, Quảng Đông.

Tại Hà Nội, những người An nam thân Nhật trở lại tiếp tục hoạt động ráo riết. Rất nhiều tin đồn được loan truyền trong dân chúng về việc tướng Nhật Nishihara đến Phủ Toàn quyền. Người ta đồn rằng phái đoàn Nhật gồm nhiều người An nam cách mạng ở Nhật lâu ngày, nói tiếng Nhật rất thạo, lắt tên Nhật và mặc quân phục Nhật.

Trong buổi tiệc do Đại tướng Catroux, Toàn quyền Đông dương thiết đãi phái đoàn Nhật, một viên Sĩ quan cao cấp Nhật không ngần ngại cho Catroux biết ông là người Việt Nam, và y hỏi Catroux tại sao dám áp chế và bạc đãi người An nam ?

Viên Toàn quyền trả lời bướng bỉnh sao đó, thì liền bị người An nam cãi trang làm Sĩ quan Nhật kia đánh hai bạt tai nảy lửa. Toàn quyền Catroux đành câm miệng, chịu đòn, không dám hó hé.

Những chuyện đồn đãi như thế rất nhiều, tuy là bịa đặt nhưng vẫn được dân chúng tin là có thật. Rồi ít xít ra nhiều, những “ giai thoại ly kỳ quái gở tràn

ngập khắp dư luận thành phố Hà Nội, cho đến đôi tụi trẻ nít cũng biết và đi đâu cũng nghe bàn tán chung quanh những mẩu chuyện “ Nhật Bản “ được thêm bớt khác nhau “.

Người ta còn tiết lộ cả tên họ và quê quán của những vị “ anh hùng “ An nam dưới chiêu bài Sĩ quan cao cấp Nhật Bản ấy nữa.

Thật ra những tin đồn có quá nhiều người An nam mặc quân phục đeo lon Sĩ quan cao cấp Nhật trong phái đoàn của tướng Nishihara đến Hà Nội đều là những tin thất thiệt.

Đó là những tin do các đảng phái An nam thân Nhật phao truyền ra để gây uy tín cho chính họ đối với đồng bào và đối với các đảng phái khác. Xem danh sách phái đoàn Nhật của Nishihara (Mission Japonaise) đăng trong các báo người ta chỉ thấy toàn những tên Nhật, không có danh tánh “ An nam “ nào. Giả sử họ dấu tên thật của họ dưới một tên Nhật, thì họ đâu còn là người “ An nam “ nữa ? Và đây đâu phải là một điều hãnh diện cho họ, hay là cho Quê Hương của họ ?

Một lối tuyên truyền khác cũng do các phần tử thân Nhật phổ biến trong dân chúng, là các câu “ sấm “ mà họ gán đại cho Trạng Trình.

Người Nhật đến Hà Nội một tháng thì người ta thấy nơi đầu cầu sông Cái (cầu Doumer) ở phía Gia Lâm có một anh mù ngồi kéo đàn cò và hát giọng sa-mạc những câu sấm để xin tiền khách qua đường đứng lại nghe anh. Đại khái anh hát những câu sau đây :

Bao giờ cua cái đổi càng,
Thì giống da vàng đùm bọc lẫn nhau,
Những loài da trắng mắt thau ,
Bồng con bế vợ dắt nhau ra về.

Một hôm Tuấn sang cầu Gia Lâm nghe anh ta hát. Trong đám đông thánh giá, có một cụ già hỏi :

- Cua cái đổi càng là nghĩa thế nào, hả anh ?

Anh ca sĩ mù giảng giải với giọng nói của người Thái Bình :

- Con cua cái nó có hai cái càng không đều nhau, càng bên phải thì lớn, càng bên trái thì nhỏ. Đạo này nó nài đổi càng, bên phải thì nhỏ, bên trái thì lớn.

- Sao anh biết ?
- Cự không tin thì Cự ra chợ, đến hàng bán cua mà xem có phải rằng nà cái càng bên trái thì nạy nà nớ không ?
- À thế hả ?
- Thế mới thật nà đúng mấy câu Sấm Trạng Trình.
- À thế ra câu hát ấy là Sấm Trạng Trình đấy à ? Anh thuộc nhiều sấm Trạng Trình thế cơ ?
- Sấm của cụ Trạng Trình thì tôi thuộc nắm nòng. Chẳng thế mà tôi thấy như cái câu ấy nà rất đúng mấy thời sự.
- Đúng với thời sự như thế nào ?

- Này nhé : Bao giờ cua cái đối càng, nà cụ đã tiên tri rằng đến ngày nay nà cua cái đối càng, thì giống da vàng đùm bọc lấy nhau. Giống da vàng thì người An nam mấy người Nhật nà cùng giống da vàng, phải đùm bọc mấy nhau ...che chở năn nhau. Còn những người da trắng mắt thau nà ...ai ? Người có học nà hiểu giống người nào nà da trắng mắt thau. Tôi chưa nói Cự cũng biết nà ai chứ ? Chúng nó sẽ bằng con bế vợ dắt nhau ra về. Nghĩa nà chúng sẽ bị giống da vàng đuổi về, chúng phải bằng bế vợ con mà đi về bên xứ. Đấy, câu sấm này nhìn ứng như thế. Cự Trạng Trình tiên tri nà không có sai bao giờ.

Người ta lại được nghe một câu “ sấm Trạng Trình” này nữa cũng do anh mù ở đầu cầu Gia Lâm hát ra :

**Bao giờ thẳng Bảo ra thau,
Thầy Tăng xách gói mau mau ra về**
Anh mù giảng cho thính giả nghe :
-Thẳng Bảo ...nà....nà...

Không nói tiếp anh mò bàn tay tong chiếc mũ nỉ “ hàng phở “ mà anh để ngửa ra trước chỗ ngồi để khách từ tâm vứt đây cho anh những đồng hai hào, một hào, một xu, và tiền “ Bảo Đại “, loại tiền này bằng thau, mà dân chúng thường gọi là tiền “ chinh “ (6 đồng chinh Bảo Đại là 1 xu) nhỏ bằng nửa đồng tiền Khải Định. Anh mù nhặt một đồng chinh Bảo Đại trong chiếc mũ đựng tiền bố thí của khách, đưa cao lên và giảng tiếp :

- Bao giờ thẳng Bảo ra thau, nà Bảo Đại phát hành ra đồng tiền thau này,

thì...Thầy Tăng ...nói nài ra là ...thằng Tây xách gói mau mau ra về. Đấy, cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã biết trước việc Bảo Đại phát hành ra tiền chình bằng thau, và thằng tây lo xách gói ra về. Tức nà câu thâm ninh ứng vào thời thế bấy giờ ...

Những câu “ sấm “ như thế mà mấy người An nam thân Nhật bịa đặt ra và lợi dụng uy tín của cụ Trạng Trình để gán cho cụ, đều có mục đích tuyên truyền cho Nhật cho các đảng phái thân Nhật, tay sai của Nhật như Vũ Đình Duy, Nguyễn Tường Tam, v.v...và bọn “ Nhật bốn xứ “ mà người Pháp gọi là à Japs locaux.

Nói đúng ra, thì người Nhật đã làm cho những bọn người tay sai thất vọng nhiều trong mấy lúc đầu. Họ tưởng Nhật đổ bộ lên Hải Phòng, sẽ chiếm các tỉnh, rồi lên chiếm kinh đô Hà Nội. Họ tưởng rằng Nhật ném bom Hải Phòng và đánh chiếm tỉnh lỵ Lạng Sơn là mở màn cho cuộc chiếm đóng toàn thể lãnh thổ An nam, và giải phóng cho dân tộc An nam.

Họ thật không ngờ Trung tướng Nishihara, trưởng phái đoàn Nhật Bốn, qua tiếp xúc với phủ Toàn quyền Pháp ở Hà Nội là chỉ có nhiệm vụ ký một bản hiệp ước cho Quân Đội Nhật hoàng, có quyền kiểm soát đường xe lửa Hà nội – Vân Nam để ngăn ngừa đồng minh Anh Mỹ sử dụng đường xe lửa ấy để tiếp tế khí giới cho chính phủ Tưởng Giới Thạch xuyên qua Vân Nam phủ.

Toàn quyền Catroux ký thỏa hiệp ấy xong, là người Nhật trả liền tỉnh Lạng Sơn lại cho Pháp, bỏ rơi cả bộ đội “ Việt Nam Phục Quốc Quân “ của Trần Trung Lập (con nuôi của Cường Để), bộ đội này đã cùng đi theo bộ đội Nhật của tướng Matsui vào đánh chiếm Lạng Sơn ngày 3/9/1940 cùng một ngày với vụ Nhật ném bom 25 kí xuống Hải Phòng.

Sau khi được trở lại Lạng Sơn do quân Nhật trao trả, quân đội Pháp truy kích V.N Phục Quốc Quân, và đánh tan tành. Một đoàn chạy về phía Mông Cáy rút qua Quảng Đông, một đoàn khác bị quân Pháp tiêu diệt ngay trong rừng.

Sự phản bội của quân Nhật ở Lạng Sơn đã khiến phe đảng thân Nhật ở Hà Nội vô cùng tức giận, và họ không thể trả lời cách nào suông sẽ cho những người hỏi họ lý do sự phản bội của người Nhật.

Một chiến sĩ Phục Quốc Quân bị người Pháp bắt giam ở nhà lao Lạng Sơn có viết một cuốn hồi ký bằng chữ li ti rất nhỏ trên giấy hút thuốc, và nhét dấu trong lai quần. Tập Hồi ký nhỏ cho đến nổi mấy lần anh bị lính Pháp giải qua các cửa ngục, từ Lạng Sơn về Hà Nội, mà lính khám xét trong mình anh rất kỹ vẫn không bắt gặp.

Tuấn được chính tác giả cho xem “ quyển “ hồi ký chiến sự hy hữu đó trong xà lim mật thám ở Hà Nội, lúc Tuấn bị bắt giam trong đó.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 60

1940 – 1941

- Quân đội Nhật đóng tại Hà Nội, Hải Phòng, rồi chiếm lần vào Huế, Đà Nẵng, Cam Ranh, Saigon.
- Thái độ của họ đối với dân chúng An nam .
- Xiêm la đổi tên là Thái Lan và Đồng Minh với Nhật .
- Thái Lan tuyên chiến với Pháp
- Ở Cao Miên
- Mỹ tuyên chiến với Nhật .
- Những hoạt động chống Nhật và thân Nhật .

Tháng 9 năm 1940, Quân đội Nhật hoàng chỉ đến đóng ở Hà Nội và Hải Phòng và các tỉnh có đường xe lửa qua Trung Hoa, để “ kiểm soát “ các chuyến xe lửa không được chở khí giới qua các biên giới Tàu . Họ được quyền xử dụng ba sân bay ở Gia Lâm (Hà Nội), Lào Cay và Phủ Lạng Thương .

Lính Nhật mới chân ướt chân ráo đến Hà Nội để chứng tỏ một mặc cảm tự kiêu, tự đại, gây ra một thành kiến tàn bạo cho dân chúng “ An nam “ khiếp sợ . Thí dụ như tiếng đồn sâu rộng trong dân gian rằng khi người Nhật bắt được một kẻ trộm, kẻ cắp, thì họ sẽ chặt đứt 5 ngón tay của tội nhân . Người nào chống đối họ, họ chém đầu liền .

Cả những người Pháp ở Hà Nội cũng lo sợ ...Một bà đầm gặp người lính Nhật ngoài phố, không chào hănh, hoặc nhìn hănh với cặp mắt khinh khinh, là bị hănh xấn tới đánh một tát tai nẩy lửa liền, và chửi toại bời . Nghe nói một ông quan Toà Pháp bị một tên lính Nhật đánh ngay trước cổng Toà, cũng vì nguyên nhân ấy . Chánh quyền Pháp bất lực, can thiệp không hiệu quả, đành đăng báo khuyến dân chúng Pháp, Nam “đổi xử nhĩ nhận và thân thiện với quân đội Nhật hoàng “ (Les soldats du Mikado) .

Lính Nhật tổng số đóng ở Bắc kỳ là 6000 người, không được cảm tình của

dân chúng, cả tụi con nít ngây thơ và hiếu kỳ thường bu theo họ để làm quen . Phần đông lính Nhật có điệu bộ cứng rắn, nghiêm nghị, khiến thường dân không dám tiếp xúc với họ . Đa số đeo kính trắng, ra vẻ người trí thức, và hầu hết sĩ quan, hạ sĩ quan đều đeo gươm, cái vỏ gươm bằng gỗ dài lòng thông, mà họ kéo kêu lạch cạch trên đường phố .

Một năm sau, ngày 27-7-1941, một hiệp ước mới ký kết giữa Pháp và Nhật để cho quân đội Nhật hoàng vào đóng ở Huế, Đà Nẵng, Cam Ranh, và cuối cùng vào Saigon và các tỉnh Nam kỳ . Tất cả vào khoảng 35.000 người .

Nước Xiêm (Siam) ký hiệp ước đồng minh với Nhật, và đổi tên là Thái Lan, (Thailand) được Nhật xúi dục tuyên chiến với chính phủ thuộc địa Pháp ở Đông dương, để đòi lại hai tỉnh Battambang và Siemréap của Cao Miên, sát biên giới Xiêm . Thái Lan bảo là đất nguyên thủy của họ .

Lính khố đỏ An nam ở Hà Nội do bộ chỉ huy Pháp đưa đi xe lửa tốc hành vào Saigon để lên Cao Miên đánh giặc Xiêm .

Tuấn xen lẫn trong đám đông dân chúng Hà Nội đi xem cuộc huy động ồn ào náo nhiệt đó tại phố Sanh từ và nhà ga lớn ở Hà Nội, lúc 7 giờ tối một đêm Hè . Tuấn hỏi một anh lính :

- Đánh giặc Xiêm thì có lính Cao Miên và lính Tây . Sao các anh cũng đi đánh ?

Người lính khố đỏ “ An nam “ thản nhiên đáp :

- Chúng tôi là lính, quan trên sai đi đâu thì đi đó, chứ biết thế nào mà nói .

Một thầy đội quen biết với Tuấn cũng trả lời y như thế .

Tuấn hỏi :

- Theo anh, thì tụi Xiêm sẽ thắng, hay là Đông dương sẽ thắng ?

Ông đội khố đỏ cười :

- Có lính An nam mình dự trận, thì Xiêm làm sao thắng nổi ?

Chiến tranh bắt đầu tháng 11-1940, chỉ kéo dài không quá 2 tuần lễ . Lính khố đỏ An nam chiếm đóng biên giới Cao Miên . Lính Xiêm không dám tấn công . Một trận thủy chiến xảy ra trên vịnh Thái Lan . 3 tàu chiến Xiêm bị Hải Quân Pháp đánh đắm . Thái Lan tổn thất nặng nề và hoàn toàn bại trận . Nhưng Nhật Bản nhảy vào can thiệp, ép buộc Pháp phải nhượng bộ Thái Lan. Rốt cuộc, Thái Lan thua mà thắng !

Đêm 22-11-1940, lợi dụng chiến cuộc đang bùng nổ giữa Pháp thuộc địa và Xiêm, Kỳ bộ Nam kỳ của Đảng Cộng Sản Đông Dương nổi dậy lập “Chánh phủ nhân dân chủ cộng hòa Đông Dương”, và tổng khởi nghĩa ở Hốc Môn, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu ... Toàn quyền Decoux ra lệnh đàn áp ác liệt bằng máy bay ném bom, y như Toàn quyền Robin hồi 1930 ở Cổ Am tàn sát VNQDD, 15 ngày sau, phong trào cộng sản ở Đồng Tháp Mười và các tỉnh ở Nam Kỳ bị dập tắt, đánh đập, và đày đi Côn Lôn . Ở Hà Nội, các lãnh tụ Cộng sản tìm cách thoát ly ra vùng biên giới Tàu để tiếp tục hoạt động .

Đồng thời, Việt Nam Phục Quốc Hội của Kỳ ngoại hầu Cường Để đang hoạt động mạnh ở vùng Lạng Sơn, sau sự vụ phản bội của Trung Tá Nhật Sato .

Nghe tin Quân đội của V.N. Phục Quốc Hội phải bỏ Lạng Sơn mà chạy trốn qua Tàu, bị quân Pháp đuổi theo sát hại khá nhiều (10-1940), thanh niên cách mạng Việt Nam ở Hà Nội phần uất vô cùng .

Những người đã thù ghét Nhật lại càng chống Nhật quyết liệt hơn . Một số sinh viên, học sinh, thanh niên trí thức chống Nhật bèn chủ trương xúc tiến phong trào “ Quốc gia chống Nhật Pháp “ . Tuấn hăng hái gia nhập vào nhóm trẻ này . Một tờ truyền đơn được phân phát bí mật, “ Nhật phản bội Việt Nam Phục Quốc Quân từ Quảng Tây đã đánh chiếm được Lạng Sơn, cùng với đạo quân Quảng Đông của Nhật, và đang tăng cường lực lượng để biến Lạng Sơn thành căn cứ Quân Đội Việt Nam Cách mạng . Tại sao Tướng Nishihara lại qua Hà Nội thỏa thuận với Pháp, giao trả lại Lạng Sơn cho Pháp ?

Tại sao ? Dân tộc Việt Nam phần uất vì Nhật bốn đã phản bội Việt Nam, và đồng lõa với thực dân Pháp để đàn áp Việt Nam ! “

Một trong những người hăng hái phát truyền đơn này trong giới Quân lính An nam ở Hà Nội, là viên đội khố đỏ Nguyễn Ngọc Lễ, sau làm Trung Tướng Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà ở Saigon năm 1963.

Tuần đêm nào cũng đến với các bạn đồng chí, hoặc đi các tỉnh miền Bắc để quan sát tận mắt, không mấy khi về nhà .

Phe thân Nhật, trong nhóm “ Dân Chính Đảng “ của Khải Hưng và Nguyễn

Tường Tam hoạt động ráo riết . Nhưng đảng viên của họ cũng không đông đảo mấy . Một hôm, Tuấn hỏi Khái Hưng về cụ Lạng Sơn . Chủ tịch ban chấp hành Trung ương Dân Chính đảng cười gượng, trả lời :

- Làm sao chúng ta biết được bí mật quân sự của họ . Biết đâu là một chiến lược cao, có lợi cho chính sách khôn khéo của Nhật hoàng ?

Tuấn lại hỏi liền :

- Phản bội đồng minh, là khôn khéo thế nào ?

Sự thật, Dân Chính đảng không thu hút đa số thanh niên trí thức cách mạng . Họ chỉ tuyên truyền lôi kéo được một vài phần tử trưởng giả xu thời ở Hà Nội mà thôi . Cho nên sau đó, năm 1945, Nguyễn Tường Tam và Khái Hưng phải bỏ rơi Dân Chính đảng, mà nhảy vào Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh . Lúc bấy giờ người Nhật đã bại trận và Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đang lên chân .

Ngày 8-12-1941, Mỹ chính thức tuyên chiến với Nhật . Nhưng ngoài những phần tử hoạt động Cách mạng, đời sống dân chúng An nam ở khắp ba Kỳ rất là yên tĩnh . Người ta theo dõi các chiến thắng của Nhật ở Pearl Harbor, HongKong, Manila, Singapore. Nhiều người phục, nhưng không mấy ai tin tưởng cuộc chiến thắng sẽ lâu dài .

Trừ những đồng bào theo đạo Cao Đài ở Trung Kỳ và Nam Kỳ tin tưởng rằng Kỳ Ngoại Hầu Cường Đế (rể của Nhật hoàng) sẽ là vị Cứu quốc tương lai của Việt Nam, còn thì đại đa số dân chúng vẫn cách biệt quân đội Mikado và giữ thái độ trung lập gần như hoài nghi, đối với Nhật bản .

Đời sống vật chất của dân chúng trong hai năm 1940 và 1941 có phần khổ cực hơn trước chiến tranh, do sự chiến đóng của 35000 quân nhân Nhật mà chính quyền Pháp ở Đông dương phải lo tiếp tế đầy đủ lương thực . Lính Nhật ăn khắc khổ và không biết ăn ngon, nhưng họ ăn dữ tợn, ăn gấp hai người mình .

Con gái An nam lấy Nhật cũng không có nhiều, trừ một thiểu số - rất ít - bọn gái điếm, hoặc gái nhảy . Có lẽ một số phụ nữ Việt Nam thường hay ăn hiếp những người đàn ông hiền lành, mà lại ngán người tàn bạo, nhất là người Nhật .

Với những Quân Nhân và Sĩ Quan Nhật, bộ tịch hung dữ luôn luôn đeo

gương dài lê thê bên cạnh mình, con gái An nam khiếp sợ, không dám làm thân .

Cho nên sau 1945, Nhật về xứ, số con nít An nam lai Nhật không có bao nhiêu.

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 61

1942 - 1943

- Kampétai

- Khái Hưng – Nguyễn Tường Tam – Vũ Đình Duy – Trần Trọng Kim – Dương Bá Trạc .

- Hai chủ quyền Nhật – Pháp .

- Phong trào “ Thanh Niên Thế Dục Thế Thao ” của Ducoroy.

- Decoux

- Cái bọt xà-bông .

Tuấn và một số bạn của Tuấn đều bị Kempétai (Hiến binh Nhật) bắt vì tư tưởng chống Nhật , do một tên tình báo Nhật chỉ dẫn .

Trụ sở Kampétai là một cơ sở của hãng dầu Shell bị quân đội Nhật Hoàng trưng dụng , ở góc hồ Bấy Mẫu , gần ngôi chùa Sư Nữ , phía sau khu hội chợ Hà Nội , trên đường Halais nối dài đầu đường Khâm Thiên quanh co xuống đường Chợ Hôm .

Bên trong sở Kampétai , có một phòng giam bí bùng kín mít , không có cửa . Tù nhân bị đưa vào đó phải bò bốn chân chui qua cái lỗ vuông mỗi bề độ 4 tấc , rộng bằng một cái chuồng chó . Phía mặt tiền , đóng một dục song gỗ vuông để lọt vào đôi chút ánh sáng lờ mờ . Nơi hành lang trước chuồng tù , một tên lính Nhật mang kiến trắng , đeo gươm, tay cầm roi cá đuối . Trông gương mặt hăn còn trẻ , vào khoảng 21, 22 tuổi , có vẻ thông minh , nhưng hăn rất dữ . Một thằng tù nào không ngồi yên trong chuồng , là bị hăn thò roi qua song gỗ , quất trót trót lên đầu .

Tuấn và ba người bạn đồng chí của Tuấn bị nhốt trong đó , mỗi đứa bị đặt ngồi mỗi góc . Người thứ tư , có một nét mặt như người Triều Tiên , ngồi trong góc cuối cùng .

Trên trần , treo một ngọn đèn điện 25 watts bọc vải đen theo biện pháp chiến tranh hồi đó .

Mỗi bữa ăn trưa và tối , một người lính Nhật đem đẩy vào cồng chuồng một mâm gỗ đựng bốn bát cơm có sẵn đồ ăn , mỗi người lấy một bát và một cái muỗng . Tuấn chẳng biết là thức ăn gì , nhưng nuốt vào sặc mùi dầu, ăn hôi rình . Phải ăn cho kỳ hết . Tuấn bỏ mớ một lần nửa bát , bị thằng lính Nhật ở ngoài thò roi vào quất trên đầu ba roi rỉ máu . Tuấn mửa hết cả ra chiếu . Bị giam trong chuồng chó 15 hôm . Tuấn bị dẫn ba lần lên lầu hai , vào một phòng riêng để Nhật lấy khẩu cung .

Một sĩ quan Nhật đeo trên cánh tay một băng trắng viết chữ đỏ bằng Hán tự “ Hiến Binh Đội Trưởng “ , có một người An nam làm thông ngôn . Tên thông ngôn cũng mặc quân phục Nhật , tuy hẳn là dân sự . Người thời bấy giờ có đặt một danh từ riêng để chỉ bọn thông ngôn và tình báo cho Nhật là “ Jap-lô canh “ . Tiếng ấy thông dụng đến cả giới bình dân An nam , vì bọn làm mật vụ cho Nhật , và làm tình báo viên , lúc bấy giờ rất đông . Hầu hết là bọn thất nghiệp , trí thức dở mùa , xu thời , đón gió .

Người điềm chỉ cho Kampétai bắt Tuấn là một cậu “ văn sĩ ba xu “ viết truyện kiếm hiệp cho một vài nhà buôn chuyên môn xuất bản loại chuyện đó , bán mỗi cuốn 3 xu .

Sau ba lần lấy khẩu cung , Tuấn thoát chết nhờ đêm Ba mươi Tết tối trời (Tết năm Nhâm Ngọ ,1942) , trong một trường hợp phi thường , và trốn được ra ngoài . Nhưng ngay sáng hôm đó , Tuấn bị bắt lại trước đền Trấn Quốc , trên bờ Hồ Tây , đến nhà thờ “Đức Thánh Đồng Đen “ .

Lần này , Tuấn bị Mật thám Pháp bắt và bị đày đi an trí tại một nơi rừng thiêng nước độc của dân thiểu số Radhé thuộc huyện Củng Sơn , tỉnh Phú Yên , Trung kỳ .

Nơi nhà giam này , Tuấn gặp nhiều người tù khác , quê quán Thanh Hoá đến Phan Rang , và thuộc nhiều đảng phái khác nhau : Cộng sản độ 70 người , trong số đó có Hà Huy Giáp , Bùi Công Trừng , Hồ Tùng Mậu , Lưu Quý Kỳ , Trần Công Khanh , Trần Đình Tri v.v...

Đảng Ngô Đình Diệm (Không phải Việt Nam Phục Quốc Hội của Cường Để , tuy rằng Ngô Đình Diệm là đại diện của Cường Để ở Trung Kỳ cũng như Vũ Đình Duy ở Bắc kỳ và Trần Văn An ở Nam Kỳ) , 4 hay 5 người , trong đó có Lương Duy Ủy , Võ Như Nguyệt , Linh mục Hiền (thường gọi

là Cha Hiền , bạn của Cha Ngô Đình Thục) .

Cao Đài độ vài chục người có Trần Văn Chí , Trần Duy hầu hết là lãnh tụ Cao Đài ở Quảng Nam , Quảng Ngãi .

Trong thời gian Tuấn bị bắt lần thứ hai , và bị giam ở Ty Mật thám Hà Nội , người Nhật đã chiếm đóng toàn cõi Đông dương , từ Bắc kỳ vào Nam kỳ , qua Ai lao , Cao Miên . Đối với Pháp mà theo Hiệp Định Robin-Tojo ký ở Tokyo, Nhật vẫn tôn trọng chủ quyền Pháp ở Đông dương , và quân đội của Nhật hoàng chỉ là thượng khách , được chính quyền thuộc địa Pháp rất kính nể , ít nhất cũng ở ngoài mặt .

Nhưng trên thực tế thì quân đội Nhật vẫn tự coi như là chủ nhân ông , và họ lấn áp dần dần chủ quyền người Pháp ở An nam trên nhiều phương diện , nhất là về quân sự , tuyên truyền và kinh tế .

Tuy bị giam ở Lao Mật thám Hà Nội , trước khi đi an trí , nhưng Tuấn cũng như 100 anh chị em khác bị câu lưu nơi đây , thỉnh thoảng được lén lút coi vài tờ nhất báo ở Hà Nội , nhất là hai tờ Đông Pháp và Tin Mới do một vài người lính có cảm tình hoặc người thợ nề , thợ mộc , đút dấu cho .

Tuấn say mê theo dõi những tiến triển của Chiến Tranh Nhật-Mỹ ở Thái Bình Dương , và Đức, Ý, Anh , Pháp ở Tây Âu . Nhờ xem lén các báo , Tuấn cũng dò biết được tình hình tổng quát trong nước về mọi sinh hoạt hàng ngày .

Có triệu chứng kỳ lạ , là số người Việt Nam thân Nhật , và theo Nhật , không nhiều .

Đại đa số thanh niên trí thức , sinh viên , học sinh , không vồn vã với người Nhật , mặc dầu Nhật đang oanh liệt vì chiến thắng khắp nơi .

Những bậc trí thức đàn anh đáng kính như Trần Trọng Kim , Dương Bá Trạc , những bạn làng văn , làng báo có uy tín như Vũ Đình Duy , Khái Hưng , Nguyễn Tường Tam, đã hoàn toàn đi hẳn với Nhật . Người ta được biết rằng Trần Trọng Kim và cựu Cử nhân Hán học Dương Bá Trạc đã được người Nhật lén đưa vào Nam Kỳ ở nhà hàng Dainan Koosi của nhà đại thương gia kiêm gián điệp Mathushita ở Saigon , và từ đây hai ông được đưa qua Singapore với Trần Văn Ân .

Nhiều anh em nhà văn đồn rằng họ đã thấy tận mắt , Vũ Đình Duy và

Nguyễn Tường Tam mặc quân phục Nhật đeo lon sĩ quan Nhật , mang gươm , đeo kính trắng , ngồi trong xe hơi Nhật , chạy qua một vai đường phố lớn ở Hà Nội , nhất là phố Hàng Đẫy , nơi đây có Tổng Hành Dinh Quân Đội Nhật Hoàng .

Nhưng “ DÂN CHÍNH ĐẢNG “ thân Nhật của Khải Hưng và Nguyễn Tường Tam không quy tụ được giới thanh niên trí thức và không tuyển mộ được bao nhiêu đảng viên .

Giới trí thức và trẻ ở Hà Nội , cũng như ở Huế và Saigòn , đều dè dặt đứng ngoài , không hăng hái tán thành chủ trương “Đại Đông Á “ của Nhật , mặc dầu Nhật tuyên truyền rầm rộ và công khai trước những con mắt lo sợ của người Pháp ở Đông dương .

Dân chúng thì hoàn toàn thờ ơ , lo làm lụng , ăn chơi , như thể không cần biết cuộc chiến tranh như thế nào , và tương lai sẽ ra sao . Các lớp thanh niên Nam Nữ học sinh Bắc kỳ , Trung kỳ và Nam Kỳ đều bị thu hút vào phong trào Thể dục và Thể thao của Toàn quyền Phó Đô Đốc Hải quân Jean Decoux .

Tuấn rất ngạc nhiên nhận xét sự kiện sau đây :

Trong những năm 1942-43-44, bên Tây Âu , lãnh thổ Pháp bị quân đội Hitler chiếm đóng hơn một nửa , chỉ còn một nửa ở miền Nam để cho chính phủ bù nhìn Pierre Laval và của Thống chế Pétain cai trị dưới quyền kiểm soát của Đức , bên Đông Nam Á thì quân đội Nhật hoàng làm bá chủ thật sự trên đất Việt Nam , chỉ để cho chính quyền bảo hộ Pháp một vài “ chủ quyền “ mong manh trên nguyên tắc , thế mà người Pháp vẫn dùng đủ các mảnh lời lôi kéo được dân An nam , và cả thế hệ thanh thiếu niên An nam về phía họ .

Họ dùng cái thần chú “ Thống chế Pétain “ với ba tiêu đề “ CẦN LAO – GIA ĐÌNH - TỔ QUỐC “ (Travail – Famille – Patrie) , để mê hoặc đầu óc và đầu độc tim gan của một dân tộc 25 triệu người , kể cả thế hệ thanh niên tràn đầy nhựa sống .

Tuấn không hiểu được hiện tượng phi lý đó .

Nhưng , hai tay bị xiềng trong khóa sắt , Tuấn bước vô lao tù , mắt vẫn nhìn

thẳng phía trước với lòng tin tưởng rằng hiện tượng phi lý đó sẽ tan như bọt xà-bông .

Nguyễn Vỹ

Tuấn, chàng trai đất Việt

Sửa chánh tả: ThanhVien

CHƯƠNG 62

1944 – 1945

- Hai tờ nhật báo Saigòn trong nhà tù .
- Chiếc máy bay bí mật .
- Tình hình biến chuyển
- Giải phóng .
- 9/3/1945 : Chấm dứt cuộc đô hộ Pháp .
- Việt Nam “Độc Lập “ của Nhật Bản .
- Bom nguyên tử Mỹ .
- Nhật đầu hàng .

Trại giam tù cách đồn lính Khố xanh (Garde Indochinois) 100 thước , do một viên đồn trưởng Pháp chỉ huy . Hẳn là một sĩ quan già có đánh giặc ở Syrie-Liban hồi Đệ Nhất Thế Chiến , và sang Việt Nam được làm “ Giám binh Lính Khố Xanh “ từ lâu năm .

Cũng như đa số người Pháp theo chính sách tùy thời ở Đông dương lúc bấy giờ , viên Đồn trưởng này suy tôn Thống chế Pétain là anh hùng cứu quốc của nước Pháp , và chửi bới De Gaulle là “ phản quốc “, và phe Đồng Minh Anh-Mỹ là kẻ thù tàn bạo của nhân dân Pháp .

Trong trại giam , trừ một thiểu số Cao Đài và đảng Ngô Đình Diệm , còn thì tất cả tù nhân khác đều chống Nhật , và tin tưởng chắc chắn rằng phe Đồng minh sẽ thắng trận . Nhưng toàn thể tù nhân đều chống Pháp , và coi Thống chế Pétain chỉ là một nhân vật bù nhìn , làm tay sai cho Hitler, không hơn không kém .

Tuy nhiên , muốn đời sống trong lao tù được yên ổn , muốn tránh mọi sự đàn áp và sát hại của viên Đồn trưởng Pháp và của 150 lính Khố xanh Rhadés triệt để trung thành với y, toàn thể tù nhân đã bảo với nhau cứ giả cớ “ngoan ngoãn“ ngoài mặt , đừng biểu lộ một chút gì chống lại chính

sách của Tây ở Đông dương . Trái lại mỗi khi viên Đồn trưởng hay lính hỏi , thì bất cứ người tù nhân nào cũng tán thành ngoan ngoãn Thống chế Pétain ...Nói cho qua chuyện , để Tây đừng để ý kiểm chuyện làm hại tù . Hậu quả bất ngờ của chủ trương đối trá đó , là viên Đồn trưởng già cho phép tù nhân được đọc hai tờ báo Saigon mỗi ngày : tờ báo Pháp La Dépêche và tờ Điện Tín . Chính y gởi mua dài hạn hai tờ báo ấy ở Saigon do ngân sách của nhà tù đài thọ .

Nhờ hai tờ nhật báo , tù nhân được theo dõi hằng ngày những tin tức khá đầy đủ và khá sốt dẻo về chiến cuộc thế giới , cũng như về tình hình sinh hoạt chung trong nước .

Ở mặt trận Tây phương , Quân Đội Đồng Minh Anh-Mỹ đã đổ bộ trên đất Pháp nơi hai bờ biển Normandie và Provence, và đang ào ạt tiến sâu vào nội địa , sắp vượt qua sông Rhin và dãy núi Alpes. Ở mặt trận Trung Âu , Nga cũng đang chọc thông các phòng tuyến Đức và tiến vào Ba Lan ...

Ở mặt trận Thái Bình Dương , quân Mỹ của Mac Arthur đã thắng trận ở Corregidor, biển San Hô , đảo Saipan , và đổ bộ lên đất Phi-Luật-Tân .

Những tin chiến thắng sấm sét của phe Đồng Minh mỗi ngày dồn dập , phe phát-xít Đức – Ý - Nhật mỗi ngày thất bại thê thảm , làm phấn khởi tinh thần của tù nhân hy vọng chắc chắn vào ngày giải phóng không còn xa lắm nữa .

Ngoài những tin chiến tranh , Tuấn còn đọc hết những tin lật vật hàng ngày , cho đến những quảng cáo , những dòng rao vặt , để tìm hiểu tất cả những khía cạnh sinh hoạt của đồng bào về mọi phương diện .

Một buổi chiều , vào khoảng 6 giờ , một lúc sau khi mặt trời lặn , tù nhân còn đang chơi ngoài sân , thì một chiếc máy bay Mỹ , U.S Air Force , bỗng từ hướng đông vụt bay qua , tiếng động cơ rầm rầm , sát trên nóc đồn lính Khố Xanh và trên trại giam . Tuấn vừa ngược đầu ngó lên thì phi cơ đã biến mất về phía rừng Cheo Reo , ở hướng Tây .

Chiếc phi cơ bí mật gây xúc động cho cả tù lẫn lính Rhadés , còn viên Đồn trưởng Pháp thì ngơ ngác lo sợ . Y định báo tin cấp tốc cho Công sứ Pháp ở Sông Cầu biết . Nhưng suy nghĩ một đêm , sáng hôm sau , y hỏi ý kiến một số tù nhân .

Theo Tuấn , thì có lẽ chiếc phi cơ Mỹ từ Thái Bình Dương bay vào để thả dù tiếp tế khí giới cho những nhóm người kháng chiến Đồng Minh bí mật hoạt động biên giới Việt- Miên – Lào .

Giới Pháp và Cách mạng “ An nam “đều biết rằng vào giữa năm 1944, Đại tướng Pháp Mordant , nguyên Tổng tư lệnh Quân đội Pháp ở Đông dương (đã xin từ chức) , và Trung tướng Aymé, Phó tư lệnh lên thay thế Mordant , đang âm mưu tổ chức “ Lực lượng kháng chiến chống Nhật “ bí mật ở các vùng rừng núi Bắc kỳ , Nam Trung kỳ và Nam kỳ , ở biên giới Việt Miên Lào .

Theo lệnh của De Gaulle , Đô Đốc Toàn quyền Decoux được bí mật loan báo về phong trào kháng chiến , nhưng bắt buộc phải làm ngơ . Và lại , tình hình chính trị của nước Pháp đã biến chuyển . De Gaulle đã vào Paris nhờ Quân đội Đồng minh giải phóng , và lập “ Chính phủ lâm thời Cộng Hoà Pháp “ giữa sự hoan hô cuồng nhiệt của dân chúng .

Quân đội Hitler bại trận đã bị đánh bật ra khỏi lãnh thổ Pháp . Thống chế Pétain bị quân đội Đức bắt cóc đem qua Đức lập chính phủ bù nhìn lưu vong . Ông già khốn đốn đã mất hết uy tín đối với nhân dân Pháp , chỉ còn như một món đồ chơi bị gãy nát , vô dụng , trong tay của tay lãnh tụ Nazi khát máu điên cuồng .

Chính phủ Vichy không còn nữa . Chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông dương cũng mặc nhiên thay đổi chiều hướng , và dù muốn dù không cũng phải tự bắt buộc nhìn nhận De Gaulle , lãnh tụ của nước Pháp vừa giải phóng .

Viên đồn trưởng trại giam , cũng thay đổi lập trường tức khắc . Hắn ra lệnh cho lính Rhadés và tù nhân phải hạ bệ những bức ảnh của Pétain , và treo ảnh De Gaulle lên thay thế . Thích thú nhất là nghe hắn trở giọng hoan hô De Gaulle , nhiệt liệt ca tụng “ vị cứu quốc chân chính “ của nước Pháp , và không nhắc đến tên Thống chế Pétain nữa . Trên thực tế , sự thay đổi lập trường đó không khó khăn gì , vì màu cờ ba sắc của Pháp và bài quốc thiều La Marseillaise vẫn giữ nguyên vẹn .

Đồng thời viên đồn trưởng cũng vui mừng báo tin cho tù nhân biết y đã nhận được công văn của Toà Khâm Sứ Huế ra lệnh thả tự do cho một số tù

nhân . Tuy nhiên , sự phóng thích sẽ thực hiện từng đợt , cách nhau vài ba tháng .

Đợt đầu có 20 người nô nức ra về . Toàn thể tù nhân sắp hàng trước nhà tù , hát bài

“Ce n’est qu’un au revoir “ để tiễn biệt những người bạn đồng lao may mắn được ân xá trước tiên .

Đợt thứ hai có 15 người , cũng ra đi với nghi lễ thân mật và cảm động ấy .

Còn lại 70 người , Tuấn sốt ruột lắm vì viên đồn trưởng cho biết những người có hồ sơ nặng nhất sẽ bị ở lại cho đến ngày Chiến Tranh chấm dứt ở Đông Dương .

Đến chừng nào ? Tuấn còn bị giam giữ với 70 người ở lại .

Mãi ba tháng sau , viên đồn trưởng mới được lệnh phóng thích đợt ba , trả tự do cho 25 người . Tuấn vui mừng nhảy nhót khi thấy tên mình trong danh sách hồi hương .

Về đến tỉnh nhà đầu tháng 2-1945, Tuấn còn bị lính của sở Mật thám Pháp và của Công Sứ Pháp ở địa phương cho được về làng quê quán , nhưng bị quản thúc ở đấy cho đến hết chiến tranh . Muốn đi đâu phải xin phép ông ...Lý trưởng .

Cũng may, Lý trưởng là người bà con trong họ , Tuấn đi chơi thong thả , tự do , khắp các làng , các tổng , huyện , và ở cả tỉnh thành .

Tuấn vô cùng ngạc nhiên nhận thấy , trong các cuộc tiếp xúc thân mật với đủ hạng người trong các giới đồng bào , đa số dân chúng như còn tin tưởng rằng nước Pháp đã nhờ Đồng minh giúp cho thắng trận chắc sẽ còn ở lại Đông dương , như sau thời Đệ Nhất Thế Chiến 1914-1918.

Đến cả những phần tử cách mạng quốc gia , và cộng sản cũng có ý nghĩ lo ngại như thế . Hầu hết dân chúng đều tin rằng Nhật sẽ bại trận. Đồng minh sẽ đổ bộ ở Trung , Bắc , Nam kỳ , và Nhật sẽ đầu hàng .

Đã mấy tháng rồi , không quân Đồng minh đã làm chủ vòm trời An nam , và phi cơ Mỹ gọi là “ pháo đài bay B-19 “ và Liberators từ Thái Bình Dương cứ bay vào ném bom mỗi buổi sáng , mỗi buổi chiều , khắp các ga xe lửa lớn , và các nơi trong tỉnh có Nhật chiếm đóng rồi bay trở ra biển , mà không hề có phản ứng của cao xạ phòng không Nhật .

Hằng ngày đọc các báo thông tin ở Saigòn và Hà Nội cũng thấy tình hình Nam Bắc kỳ không khác gì ở Trung kỳ . Phong trào “ Thanh niên và Thể dục “ của Đại tá Ducoroy do Toàn quyền Decoux phát động từ năm 1941, vẫn tiếp tục bành trướng khắp cõi Đông dương .

Tuần đã chứng kiến một cuộc luân phiên rước đuốc từ Hà Nội vào Saigon . Bốn thanh niên lực sĩ An nam chạy ngang qua tỉnh nhà , trên đường ái quan hồi tám giờ tối tháng 2-1945 , giữa một đám thanh niên và dân chúng đứng hai bên đường hoan hô và cổ vũ .

Học sinh nam nữ các trường vẫn chăm chỉ đi học . Tình hình thương mại ở các thành thị vẫn được ổn định , mặc dầu nhiều hàng hóa bị khan hiếm , do chiến tranh gây ra , và nhất là do sự chiếm đóng của trên 35.000 binh sĩ Nhật trên lãnh thổ Việt Nam .

Ở hương thôn , đâu đâu cũng yên tĩnh . Nhiều nhà có cảm tưởng rằng tuy bị Nhật uy hiếp , chính quyền Pháp ở Đông dương vẫn được củng cố mỗi ngày mỗi mạnh và sẽ có thể tiếp tục “ bảo hộ “ xứ An nam lâu dài sau khi “Đồng minh Anh -Mỹ “đánh bại quân Nhật , buộc Nhật phải xếp giáp đầu hàng .

Bỗng nhiên , 8 giờ tối ngày 9-3-1945 tiếng súng nổ ầm ầm ở ngay tỉnh lỵ . Dân chúng không hiểu gì cả , chỉ thấy lính Nhật đột ngột di chuyển rầm rộ trong thành phố , và đánh các đồn lính Khố xanh , Khố đỏ , và lính Lê dương của Pháp .

Sau vài tiếng đồng hồ , tiếng súng im bặt . Lính Nhật reo cười náo động , la hét om xòm . Bấy giờ dân chúng An nam mới biết rằng Nhật đã đánh Pháp , và làm chủ tất cả các đồn lính . Pháp đã thua cuộc , nhiều lính Pháp chết .

Tất cả người Pháp , từ viên Công sứ , viên Giám binh, viên Chánh mật thám đến người Pháp cuối cùng đều đã bị Nhật bắt giam hết , hồi 11 giờ đêm .

Chính quyền Pháp ở An nam hơn nửa thế kỷ bỗng dưng không còn nữa .

Sáng hôm sau , dân chúng An nam được người Nhật cho hay nước An Nam đã Độc Lập .

Mấy hôm sau , Tuần đọc bản “ tuyên bố “ sau đây được dán khắp nơi , in

vừa ráo mực :

“ Xét tình hình thế giới , và tình hình riêng của Á Đông , chánh phủ Việt Nam tuyên bố chính thức rằng , bắt đầu từ ngay hôm nay hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp đã được hủy bỏ , và nước Việt Nam sẽ tự sức dùng những phương tiện riêng , để phát triển cho xứng đáng với địa vị một quốc gia độc lập , và sẽ theo đường lối trong bản tuyên ngôn chung của Đông Nam Á , và gia nhập vào trật tự chung của Đại Đông Á . “

Chính phủ Việt Nam tin tưởng ở Nhật bản , và cương quyết hợp tác với nước Nhật để đạt mục đích trên .

Khâm Thử

Huế , ngày 27 tháng Giêng , Bảo Đại năm thứ 20 (11-3 -1945)

Bảo Đại .

Dưới ký tên toàn thể Cơ Mật Viện gồm 6 vị Thượng Thư đứng đầu là Thượng Thư Bộ Lại : Phạm Quỳnh .

Ở Hà Nội , Huế , Saigòn , và một vài thành phố lớn , do sự sách động của nhóm thân Nhật và tay sai của Nhật (Hà Nội có nhóm Nguyễn Văn Cầm , Saigòn có bà Song Thu , Trần Quang Vinh v.v....)) một số người xuống đường biểu tình rầm rộ để “ tri ân quân đội Nhật hoàng “ . Ngoài ra, quảng đại quần chúng Trung , Nam Bắc đều tỏ vẻ thờ ơ lạnh nhạt với phong trào “độc lập “ do Kampétai và Quân đội Nhật gây ra.

Ở các hương thôn , lý trưởng được lệnh tổ chức dân chúng mừng ngày độc lập , tại đình làng .

Tuần nhận được giấy của Lý trưởng mời đến tham gia lễ Độc Lập lúc 9 giờ sáng ngày 17 tháng 3 năm 1945. Cửa đình mở rộng , trước sân đình có cờ , chuông , trống , như ngày cúng Thần . Hội đồng xã chỉ lựa thưa có mấy ông

.

Dân chúng chẳng ai đến cả , chỉ trừ một số chức việc có phận sự trong làng

.

Đến giờ , chuông trống nổi dậy , hương xã làm lễ tế Thần . Lý trưởng đọc lời “ tuyên cáo Độc Lập . Y như một bài văn tế . Xong , chiêng trống tiếp tục và buổi lễ chấm dứt không đầy 30 phút . Không một tiếng vỗ tay . Không một lời hoan hô . Các ông làng xã , khăn đen áo dài khệ nệ như

trong các đám cúng thần theo nghi lễ cổ truyền , lạng lẽ đóng cửa đình ra về sau khi dọn dẹp .

Tuần mượn chiếc xe máy của người em trong làng , cời chạy khắp các làng tổng kế cận , và các huyện sở , để xem xét tình hình dân chúng . Đâu đâu cũng thản nhiên , không có một cuộc biểu tình nào của đồng bào mừng lễ Độc Lập . Dò hỏi dư luận chung của các giới nhân dân , đều được họ cho rằng , đây chỉ là lễ Độc Lập giả hiệu của Nhật bốn . Đồng bào không mấy hoan nghênh vì chưa phải là “độc lập “ thật sự .

Ngày 19-3-1945, theo lời khuyên của Yokoyama , Đại sứ Nhật ở Huế , Bảo Đại giải tán Nội Các của Phạm Quỳnh .

Mãi một tháng sau , ngày 19-4-1945, Nội Các Trần Trọng Kim mới thành lập xong , với những thành phần hoàn toàn mới :

Thủ Tướng : Trần Trọng Kim

- Tổng trưởng Nội Vụ : BS. Trần Đình Nam

- Ngoại Giao : LS. Trần Văn Chương

- Giáo dục : GS. Hoàng Xuân Hãn .

- Tư Pháp : LS. Trịnh Đình Thảo

- Tài Chánh : LS . Vũ Văn Hiền .

- Kinh Tế : BS. Hồ Tá Khánh .

- Tiếp Tế : BS. Nguyễn Hữu Thi

- Công Chánh : KS. Lưu Văn Lang

- Y Tế : BS. Vũ Ngọc Anh

- Thanh Niên : LS. Phan Anh .

Hai ông Kinh tế và Công chánh được mời , đã nhận lời miệng , nhưng rút cuộc không tham gia . Bảo Đại được chính thức tôn lên ngôi “ Hoàng Đế “ Việt Nam . Lần đầu tiên từ ngày Tây đô hộ , danh từ “ Việt Nam “ được chính thức công dụng , và danh từ

“Annam “ được bãi bỏ .

Việt Nam được thống nhất trên nguyên tắc , và Tuần Vũ Phan Kế Toại được cử làm Khâm Sai Bắc kỳ , nhà báo Nguyễn Văn Sâm ở Saigòn làm Khâm sai Nam kỳ . Cả hai đều về Huế nhận lãnh sắc ấn của Bảo Đại .

Tuy nhiên , trên thực tế hành chánh , thì người Nhật vẫn đặt Minoda ở

Saigon làm Thống Soái Nam kỳ , thay thế vị Thống soái Pháp , Yokoyama ở Huế làm Khâm sứ Trung kỳ thay thế Khâm sứ Pháp , Tsukoyamoto ở Hà Nội làm Thống Sứ Bắc kỳ , thay thế Thống sứ Pháp , kiêm hiệu chức Toàn Quyền Đông Dương .

Nhiều đảng phái mới cũng bắt đầu xuất hiện và hoạt động mạnh mẽ công khai dưới sự che chở của Nhật .

Ở Hà Nội , đảng phái Đại Việt Quốc Xã thu hút đa số phần tử cách mạng quốc gia .

Ở Saigon , có hai đảng Phục Quốc và Việt Nam Quốc Gia Độc Lập (Trần Quang Vinh , Hồ Văn Ngà v.v...) Ở Huế , đảng Tân Việt Nam . Các đảng này đều ủng hộ Nội Các Trần Trọng Kim , và được Nhật khuyến khích .

Ở tù về , Tuấn chưa muốn ra hoạt động trong tình thế rộn rịp và chập giựt đó , dưới bóng cờ Mặt Trời và cờ chữ Ly . Và lại , Tuấn được viên Lý trưởng cho biết tin mật rằng người Nhật còn đang theo dõi Tuấn , và Tuấn nên đề phòng .

Vì lẽ , Tuấn ít khi ở nhà , và ban ngày chàng cũng đã chuẩn bị nhiều nơi và những phương tiện để thoát ly nếu có biến cố xảy ra .

Tuấn được gặp hai người bạn cách mạng ở đồng tỉnh , nhưng ở cách xa làng của Tuấn . Một người trước kia là chủ bút một tờ báo lớn ở Saigòn , và theo nhóm Đệ Tứ Quốc Tế của Tạ Thu Thâu .

Sau ngày 9-3-1945, nghe tin Tuấn ở tù về , một đêm anh ta xuất hiện dưới mái nhà tranh của Tuấn ẩn nấp , và đề nghị Tuấn tham gia “ Mặt Trận Phản Đế “ . Suốt một đêm bàn luận ráo riết về các khía cạnh vấn đề , đến hừng đông , hai người ăn cháo gà , rồi từ giã nhau vui vẻ . Nhưng Tuấn đã cương quyết từ chối vào “ Mặt Trận “ vì nó là một biến thể của Đệ Tứ Quốc Tế .

Về sau này , Tuấn ở Saigon nghe tin Tạ Thu Thâu bị Việt Minh ám sát ở Quảng Ngãi , hồi tháng 9- 1945, chính là lúc anh đi trên đường đến nhà người bạn đồng chí của “ Mặt Trận Phản Đế “ ở Thi-Phổ cùng làng với Phạm Văn Đồng .

Một đêm khác , cũng sau khi có Nội Các Trần Trọng Kim , Tuấn được tiếp xúc với Võ Tòng , nhà cách mạng ở Xiêm về . Nhà anh này ở cùng Huyện cùng Tổng với Tuấn , nhưng cách xa làng Tuấn đến vài chục cây số , đi

loanh quanh theo các hương lộ , Anh này lại muốn rủ Tuấn tham gia vào “ Mặt Trận Việt Minh “ . Mặt trận này , tuy còn ở trong vòng bí mật hoàn toàn , nhưng đã được tuyên truyền kín đáo và mạnh mẽ khắp các thôn quê trong tỉnh . Mặc dầu có cảm tình sâu đậm với nhau vì lý tưởng cách mạng , Tuấn vẫn từ chối tham gia vào Mặt Trận V.M., Võ Tòng bảo :

- Lúc này cần phải đoàn kết chống thực dân .

- Đồng ý về điểm đoàn kết chống thực dân , nhưng tôi quyết giữ vững lập trường quốc gia độc lập .

Gà gáy sáng , hai người già từ nhau , sau một đêm thảo luận cặn kẽ , và không gặp lại nữa .

Ở Saigon , Tuấn được tin Võ Tòng làm Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Huyện rồi Tỉnh , dưới thời Việt Minh năm 1945-1946, rồi sau đó chết không biết vì lý do gì . (Sau này Tuấn được tin anh bị Việt Minh giết) .

Mỹ tiếp tục ném bom khắp các căn cứ Nhật ở Việt Nam từ Bắc vô Nam . Tháng 4 , tháng 5 -1945, Saigon bị những trận bom Mỹ kinh khủng nhất , do những chiếc “ Liberators “ ketch xù trút xuống ào ạt nhiều nơi trong thành phố .

Phi cơ Mỹ làm bá chủ trên không phận Việt Nam . Sức phản ứng của Không quân và Phòng không Nhật hầu như càng ngày càng kiệt quệ .

Bỗng ngày 2 tháng 8 -195, vào khoảng 5 giờ chiều , một chiếc máy bay từ hướng Bắc trực chỉ vào Nam , bay ngang qua các làng dọc theo dãy Trường Sơn , bay khá thấp và ...rải truyền đơn .

Đồng bào thôn quê xôn xao , chạy khắp nơi tìm lượm những truyền đơn ấy . Tuấn cũng hồi hộp , không làm sao tìm xem được truyền đơn gì , vì máy bay rải quá ít , chỉ thấy lưa thưa vài chục tờ bị gió đưa phất phơ bay lạc vào rừng .

Mãi đến 7, 8 giờ tối , nhiều người ở khắp nơi các làng xa xôi trong huyện , chạy đến nhà Tuấn cầm truyền đơn của họ lượm được rất khó khăn , đưa hỏi Tuấn :

- Thầy Sáu , đọc coi truyền đơn gì đây nè ?

Trên một mảnh giấy trắng lớn bằng bàn tay , in hai thứ chữ , một bằng Anh ngữ , một mặt là Nhật ngữ .

Anh ngữ viết đại khái : "Nhân dân Việt Nam hãy chuẩn bị : Nội trong tuần này Đồng minh sẽ đổ bộ để giải phóng nước Việt Nam . Quân đội Nippon hãy đầu hàng sớm ngày nào , sẽ bớt chết chóc sớm ngày đó . Không đầu hàng , các anh sẽ bị tiêu diệt hết " .

Truyền đơn không có ký tên , nhưng ai cũng hiểu rõ là của "Đồng Minh " và chiếc phi cơ " pháo đài bay B19 " bay khá thấp để rải truyền đơn , mang phù hiệu U.S Air Force .

6-8-1945.

Tin thành phố Hiroshima của Nhật bị một thứ bom mới vô cùng khủng khiếp làm tiêu tan hết , lại do chính một vài người lính Nhật loan truyền .
Mấy hôm sau , đọc các báo nói đại khái rằng loại bom đó tên là " Bom Nguyên Tử " .

Ngày 19-8-1945, được tin Nhật đầu hàng vô điều kiện , Tuấn không hành lý , hai tay không , với 100 đồng bạc trong túi , lên xe lửa vô Saigòn

HẾT

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Nguồn: Mây4phương

Được bạn: Thất Sơn Anh Hùng đưa lên

vào ngày: 25 tháng 1 năm 2004